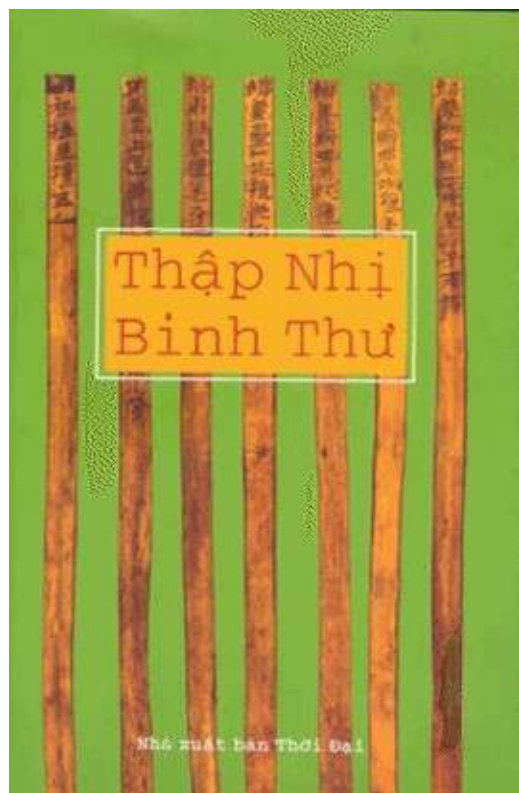




Thập Nhị
Bình Thư

Ebook được làm với mục đích chia sẻ phi lợi nhuận và giúp bạn đọc có thêm nhiều điều kiện, phương thức tiếp cận với kiến thức. Bản quyền ebook thuộc về Missfly82 (missfly2@gmail.com) và nhóm chuyển thể ebook ở TVE. Việc chuyển thể ebook không nằm trong thỏa thuận với tác giả, dịch giả cũng như nhà xuất bản. Mọi thắc mắc liên quan tới vấn đề tác quyền sẽ không được giải đáp.

Chân thành cảm ơn nhóm chuyển thể ebook đã tham gia và hoàn thành dự án.



LỜI NGƯỜI SOẠN SÁCH

Lịch sử nhân loại luôn gắn liền với lịch sử của những cuộc chiến tranh. Dẫu một nước lớn như Trung Hoa hay một nước nhỏ như Việt Nam cũng không thể tránh khỏi quy luật một xâu chuỗi của những cuộc chiến tranh nối liền nhau tưởng như không dứt. Từ xuất phát đó, việc nâng nghệ thuật chiến tranh, nghệ thuật chiến thắng lên thành Lí thuyết, thành học thuật là một nhu cầu cấp thiết của những người làm tướng . Trong cuộc chiến , ai nắm vững nghệ thuật chiến tranh sẽ có nhiều cơ hội chiến thắng hơn nếu là kẻ mạnh và có nhiều cơ hội để tránh thất bại hơn nếu là kẻ yếu. Mà đã yếu nhưng lại tránh khỏi thất bại thì cũng đáng gọi là thắng rồi...

Binh thư đã ra đời như thế. Ta có thể tìm thấy trong binh thư cổ những bí aalen của phép dụng binh thuở ấy. Từ cách triệt lương phá đường đến đoạt thành chiếm đất. Từ cách trị quân tới cách cứ tướng . Từ những mưu chước đánh vào long tướng địch cho tới mẹo làm tan nhuệ khí địch quân. Kể cả những “ bí pháp” ngắm xem tượng trời , xem những “ điềm” lành và dữ vẫn là nỗi băn khoăn của bao nhiêu người làm tướng . Nhưng binh thư không chỉ đơn giản ở mức ấy. Còn rất nhiều điều ẩn chứa bên trong những trang sách đã được đúc rút qua bao nhiêu đời...

I. SƠ LƯỢC VỀ 12 BỘ BINH THƯ:

12 bộ binh thư được chúng tôi tập hợp và giới thiệu ở đây lần lượt là:

LỤC THAO

TAM LƯỢC

TỬ MÃ BINH PHÁP

TÔN TỬ BINH PHÁP

NGÔ TỬ BINH PHÁP

UẤT LIỄU TỬ BINH PHÁP

TỔ THƯ HOÀNG THẠCH CÔNG

BINH PHÁP KHỔNG MINH

ĐƯỜNG THÁI TÔNG – LÝ VỆ CÔNG VẤN ĐỐI LÝ TĨNH

BINH THƯ YẾU LƯỢC

HỒ TRƯỞNG KHU CƠ

BINH THƯ YẾU LƯỢC

HỊCH TƯỚNG SĨ

Trong số 12 bộ binh thư được chúng tôi tập hợp và giới thiệu có 9 bộ của Trung Hoa , 3 bộ của Việt Nam . Lí do có sự lựa chọn đó rất đơn giản : Binh pháp Trung Hoa cổ vốn nổi tiếng là những bộ binh pháp được đúc kết rất chặt chẽ và nâng thành Lí thuyết chiến tranh . Các bậc anh hùng dân tộc của Việt Nam đều nắm rất vững binh pháp Trung Hoa mới có thể đánh thắng được những đạo quân phương Bắc hùng mạnh với những viên tướng lâu thông binh pháp. Nhưng không chỉ tiếp thu , người Đại Việt suốt bao nhiêu năm đã sáng tạo nên một Lí luận riêng , một nghệ thuật chiến tranh riêng , chỉ có những dân tộc nhỏ nhưng quật cường mới có. Chỉ trên đất Việt này ta mới hiểu thế nào là : **“Lấy đại nghĩa để thắng hung tàn , Lấy chí nhân để thay cường bạo”** (Nguyễn Trãi). Chúng tôi sưu tập và giới thiệu cả những tinh hoa binh pháp Trung Hoa và Việt Nam để độc giả của một dân tộc nhỏ bé đã chiến đấu và chiến thắng trước những Lí thuyết chiến tranh tưởng như không thể nào sai nổi.

1. Về binh pháp Trung Hoa :

Lục thao và **Tam lược** là 2 pho binh thư vào hàng cổ nhất với danh nghĩa là của Thái Công Khương Tử Nha – vị Thừa tướng làm nên sự nghiệp 800 năm của nhà Chu. Tuy nhiên , nhiều nhà nghiên cứu vẫn nghi ngờ vào giá trị thực của 2 bộ sách này, trong đó có những dấu hỏi về vị tác giả nửa thực nửa hư mà người ta biết chủ yếu qua huyền thoại và pho tiểu thuyết Phong Thần viết dưới triều Minh . Sự nghi ngờ cũng vậy với bộ **Tổ thư** thường được đi kèm như phụ lục của **Lục thao** và **Tam lược** với tác giả lại là một vị tiên. Ông tiên Hoàng Thạch Công này, theo tương truyền , là người đã tu chỉnh binh pháp của Khương Thái Công và trao cho Trương Lương .Với bộ **Tổ thư** đó (cũng theo tương truyền) Lưu Hầu Trương Tử Phòng đã làm nên sự nghiệp 400 năm của nhà Hán . Vì vậy, xét về giá trị , 4 bộ binh thư quan trọng nhất phải là binh pháp **Tôn Tử**, **Ngô Tử** (vẫn được gọi là binh pháp Tôn Ngô),**Tư Mã** , và phần nào là **Đường Thái Tông – Lí Vệ Công vấn đối**. Những vị tác giả của các bộ sách này tỏ rõ sự hiện hữu của mình trong lịch sử và hơn nữa, những điều họ viết đi sâu vào thực tế chứ không viễn vông và mở hồ. Tôn Tử là tướng nước Ngô, Ngô Tử là tướng nước Ngụy và nước Sở, Tư Mã Điền Nhược Tử là tướng nước Tề. Cả ba người đều góp công dựng nên những nghiệp bá cho vua nước mình giữa thời đại đông Chu đầy loạn lạc.**Đường Thái Tông – Lí Vệ Công vấn đối** được coi là của Vệ Công Lí Tĩnh – một mưu thần mà kế sách cũng vào loại lừng danh . Ngược lại , một nhân vật lịch sử hết sức quan trọng là Võ Hầu Gia Cát Lượng đã bị thần thánh hóa qua tác phẩm Tam Quốc diễn nghĩa nên dường như những gì vẫn được coi là trước tác của ông lại mang đầy vẻ thần bí của một đạo sĩ. Giá như trong này chúng ta gặp sơ đồ của “ trâu gỗ, ngựa máy” thì cũng không có gì đáng ngạc nhiên lắm . Cho nên ngoài 4 pho binh thư chính đã nói ở trên , các pho còn lại đều có vẻ do hậu sinh trước tác. Dù vậy , cả 9 pho binh pháp đó đều vẫn có những giá trị thực sự không thể chối bỏ. Do đó , chúng tôi vẫn tập hợp lại toàn bộ các pho binh thư và vẫn để nguyên tên tác giả như bao đời nay đã thế.

2. Về binh pháp Việt Nam :

Pho **Binh thư yếu lược** hiện nay đến tay người tập hợp chỉ có 2 bản chính : một bản đầy những “ bí pháp” mơ hồ như một cuốn sách dạy chiêm bốc, một bản đầy những ví dụ sau đó cả vài trăm năm ! Đã thế , trải qua mấy phen binh lửa, mấy phen giặc Minh đốt sách , thật khó để biết rằng **liệu Binh thư yếu lược** thực có còn không chứ đừng nói đến sự phân biệt xem đâu là bản “ chính” .Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn là một vị anh hùng dân tộc , nhưng hậu thế cũng đã thần thánh hóa ông thành một “ Đức Thánh Trần “ mang nhiều màu sắc tín ngưỡng tôn giáo. Nếu nhìn theo khía cạnh ấy, về một mặt nào đó , dường như có nhiều “ bí pháp “ lại còn có vẻ “ đáng tin” hơn. Bởi dù sao phía sau một chương ngắn về các “ bí pháp” đó , các chương sau có vẻ đúng là bộ binh thư với đủ phép mộ binh , chọn tướng...Trong khi đó, bản **Binh thư yếu lược** sau này lại dẫn ra những ví dụ mà chỉ người tiếp theo vài thế kỉ mới biết đến.Thậm chí, ngay trong bản **Binh thư yếu lược** này, ta còn bắt gặp khá nhiều đoạn trích dẫn từ **Hổ tướng khu cơ**.Chắc chắn bản này không là bản chính mà đã qua một bàn tay tu chỉnh của hậu thế nếu không nói là một trước tác của hậu thế hẳn hoi (mà phải là dưới thời Nguyễn vì như thế thì mới có được cả những ví dụ phép dụng binh của nhà Tây Sơn). Dẫu vậy, chúng tôi vẫn tập hợp cả 2 bản **Binh thư yếu lược** và tạm để tên Hưng Đạo Vương gắn với bản thứ nhất mà để trống tên tác giả ở bản thứ hai.Dù gì thì gì , đã quả quyết bản thứ hi do hậu thế tu chỉnh thì không đặt tên Hưng Đạo Vương ở ngôi tác giả thì phải nhẽ hơn...

Hổ tướng khu cơ gắn liền với tên một vị tướng tài ba trong cuộc Trịnh Nguyễn phân tranh : Lộc Khê Hầu Đào Duy Từ . Có lẽ tác phẩm Hổ tướng khu cơ mà chúng tôi tập hợp tại đây đúng là của Đào Duy Từ vì mấy lẽ : Thứ nhất , thời ông sống khá gần với chúng ta. Thứ hai, ông là một công thần của Nguyễn triều, triều đại cuối cùng của phong kiến Việt Nam nên tác phẩm của ông sẽ không còn bị “vướng” phải một cuộc hủy sách nào nữa. Thứ ba, văn bản **Hổ tướng khu cơ** thiên về thực hành quân sự như một sự đúc rút từ thực tế chứ không phải là lí thuyết đơn thuần. Như thế , nếu không phải đích là một vị võ tướng than trải trăm trận tự tổng kết kinh nghiệm thì e khó mà ngẫu tạo

cho nổi. Cho nên, văn bản **Hổ trướng khu cơ** là có nhiều chứng cứ đáng tin cậy để ghi nhận đúng là trước tác của Lộc Khê Hầu Đào Duy Từ.

II. BINH PHÁP VÀ GIÁ TRỊ TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY :

Lí luận và nghệ thuật quân sự tới nay chắc chắn đã khác đi nhiều. Không ít những gì được ghi trong binh pháp chỉ còn mang ý nghĩa lịch sử như một dữ liệu về quá khứ. Nhưng vẫn còn một loại những chân lí của binh pháp cổ mà tới nay còn nguyên giá trị. Có những câu rút ra từ binh pháp đã dần dần đi vào ngôn ngữ thông thường : Tiên phát chế nhân, tiên hạ thủ vi cường. Tam thập lục kế, cầu vi thượng sách, Phân khách vi chủ...như một dạng “câu cửa miệng”. Có những điều mà các nhà cầm quân thuở xưa viết ra vẫn đúng cho đến giờ và còn đúng mãi đến đời sau này. Chẳng phải Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn vẫn thường nói về một đạo quân cha con, về sự “ vua tôi đồng long, an hem hòa mục, cả nước đầu sức” đó sao? Chẳng phải trong “ngũ sự” (5 điều) của việc binh thi Tôn tử xếp điều thứ nhất chính là **đạo nghĩa đó sao? Chẳng phải Lộc Khê Hầu Đào Duy Từ gọi trong 8 điều cốt yếu của người làm tướng thì chí thành là chủ đó sao? Những điều ấy đáng được gọi là bất hủ.**

Thời nay, binh pháp không chỉ còn mang một ý nghĩa thuần túy quân sự nữa. Binh pháp đã lặng lẽ hòa vào đời sống thành một nghệ thuật đối xử nhân thế, thành nghệ thuật sống , nghệ thuật của người lãnh đạo và của người thừa hành . Vì thế, sẽ rất không thừa , nếu không nói là rất bổ ích khi suy nghĩ và nghiên cứu lại những tinh hoa của binh pháp cổ đại. Như thế mới đáng gọi là “ phát huy vốn cổ” . Người làm tướng , làm lãnh đạo đọc binh pháp để hiểu thêm về phép trị quốc, trụ quân thuở trước, hiểu thêm về “ đạo làm tướng” . Người thừa hành đọc để hiểu về bốn phận trách nhiệm cũng như cách tự rèn luyện và phấn đấu vươn lên . Thế mới không phụ tâm huyết của người xưa...

III. VÀI LỜI CUỐI :

Chúng tôi chẳng phải nhà nghiên cứu quân sự, cũng chẳng phải người làm tướng. Duy có một sự may mắn là thu thập được khá đầy đủ tinh hoa binh pháp

của người xưa. Trộm nghĩ , nếu cứ khư khư giữ cho riêng mình , e không khỏi lỗi đạo với cổ nhân. Các bản dịch đều đã được thực hiện trên dưới năm chục năm nghĩa là các dịch giả giờ chắc cũng đã người còn , người mất. Vì thế, chúng tôi tập hợp bản thảo mà luôn canh cánh một nỗi : việc liên hệ với các dịch giả không sao thực hiện được. Nhưng vẫn đành vội vã mà làm việc bởi nếu chậm trễ , bản thảo thất lạc chắc khó còn có tìm được nữa. Lại may khi gặp dịp được nhiều người khuyến khích , mới tập hợp cả thành một “ Bộ binh thư tinh tuyển” để an hem , bạn bè có được chút tài liệu tham khảo. Hơn nữa , cũng muốn qua dịp này giới thiệu cùng người đọc cái hưng khí ngất trời trong từng câu từng chữ của binh pháp xưa. Phải nói rằng, giá trị văn học cũng là một phần quan trọng bên cạnh giá trị tư liệu nghiên cứu. Trong mỗi trang sách, ta sẽ như được gặp lại một vị Khương Thái Công buông cần ở sông Vị đến tuổi 80 mới đăng đàn nhận tiết việt “ phù châu diệt Trụ” , một vị tiên Hoàng Thạch Công năm lần bảy lượt thử thách long kiên nhẫn trước khi trao sách cho Trương Tử Phòng, hay là Gia Cát Khổng Minh nằm ở lều tranh chờ chân chúa để “ Long Trung quyết kế, thiên hạ chia ba” . Hay ta chợt rùng mình mà nghĩ lại những lời sang sảng mà vị Quốc Công Tiết Chế Trần Hưng Đạo trả lời khi vua Trần ướm hỏi. “ Nếu bệ hạ muốn hang , xin hãy chém đầu thần trước đã!” .Chao ôi, những vị ấy, dầu đã khuất vào cây cỏ, mây nước nhưng sử xanh vẫn lưu truyền danh thơm muôn thuở. Đến tận bây giờ , hậu thế vẫn còn nhắc đến các vị với một điều mà mọi người làm tướng đều mong mỏi: “ **Ngồi trong màn trướng mà quyết được việc ngoài trăm dặm**”.

Đầu thiên niên kỉ mới , đọc lại người xưa rồi trông lại hôm nay, hẳn là một việc nên làm. Trông cuốn sách dày dặn, đường hoàng nghiêm chỉnh; kẻ tập hợp cũng cảm thấy yên dạ phần nào. Ngần ấy năm, lần mò, gom góp, giờ chắc đã tới phen thỏa nguyện...

Cuối năm Tân Tỵ.

LƯU SƠN MINH

Mục lục

THÁI CÔNG BÌNH PHÁP
THÁI CÔNG KHƯƠNG TỬ NHA
LỤC THAO

QUYÊN I

VĂN THAO

Thiên thứ nhất

VĂN SƯ

Văn Vương sắp đi săn.

Sử Biên gieo quẻ bói rằng: “Đại vương săn ở đất Vị Dương thì sẽ được việc lớn. Không phải được rồng, lân, cọp, gấu, mà là điếm được bậc công hầu Trời cho xuống giúp Đại vương để lập sự nghiệp, hưng thịnh như thời Tam Vương vậy”.

Văn Vương nói: "Điềm này tốt đến thế?"

Sử Biên tâu: "Xưa Thái tổ của thần là sử Trù chiêm quẻ cho vua Vũ gặp Cao Dao cũng được điềm này”.

Văn Vương bèn nghỉ ngơi ăn chay ba ngày rồi xa giá đến miền Vị Dương, chợt thấy Thái Công đang ngồi dưới túp lều tranh câu cá.

Văn Vương đến úy lạo và hỏi: "Người thích câu cá lắm ư?"

Thái Công đáp: "Thần nghe nói quân tử thích thỏa chí của mình, tiên nhân thích được việc của mình. Nay thần ngồi câu ở đây cũng giống như vậy, chứ không hẳn là vui thích” .

Văn Vương hỏi: "Sao gọi là giống như thế?"

Thái Công đáp: "Câu cá có ba điều cân nhắc":

- Tùy quyền mà ban bổng lộc
- Tùy quyền mà khiến người chết
- Tùy quyền mà định tước quan

Câu cá để đạt được nguyện vọng của mình thì ý nghĩa sâu sắc có thể “làm nên việc lớn”

Văn Vương nói: "Xin cho nghe về cái ý nghĩa ấy".

Thái Công đáp: "Nguồn sâu nên nước chảy, nước chảy là cái Lí sinh ra cá. Rễ sâu nên cây lớn, cây lớn là cái Lí sinh ra quả. Quân tử cùng chí hướng nên hợp nhau, hợp nhau là cái Lí sinh ra sự việc.

Đổi đáp bằng ngôn ngữ là cái bề ngoài của tính cách, còn câu nói chí tình là lẽ tận cùng của sự việc. Nay thần nói chí tình không hề kiêng nể, Đại vương có lấy làm trái ý chăng?”

Văn Vương nói: "Người có lòng nhân ái mới chịu nghe điều can gián, không ghét lời nói chí tình. Vậy những lời nói ấy là chi?”

Thái Công đáp: “Dây bé mồi nhỏ thì cá nhỏ ăn. Dây vừa mồi thơm thì cá hạng trung ăn. Cá ăn mồi nên phải mắc câu, người hưởng lộc nên phải theo vua.

Vậy câu cá bằng mồi thì cá sẽ bị bắt, giữ người bằng bổng lộc thì người sẽ làm hết mình, chiếm nước bằng nhà thì nước sẽ bị chiếm, chiếm thiên hạ bằng nước thì thiên hạ sẽ đi theo.

Ôi, miên man, dằng dặc, cảnh hợp ấy ắt phải tan rã. Tối tăm mờ mịt sẽ phải rời xa ánh sáng. Huyền diệu thay!

Cái đức của thánh nhân có thể chinh phục được thiên hạ, há chẳng đủ cho mình vui sao? Những điều lo nghĩ của thánh nhân là tùy theo địa vị của mỗi người mà thu phục họ".

Văn Vương hỏi: "Thiên hạ không phải của một người, thiên hạ là của cả thiên hạ. Chung quyền lợi với thiên hạ thì được thiên hạ, chiếm quyền lợi của thiên hạ thì mất thiên hạ.

Trời có thời, đất có của, cùng hưởng với người là "nhân". "Nhân" ở đâu, thì thiên hạ theo về đấy.

Tha chết cho người, giải cái khó của người cứu người lúc hoạn nạn, giúp người khi khốn đốn là đức. Đức ở đâu, thiên hạ theo về đấy.

Cùng lo, cùng vui, cùng thương, cùng ghét với mọi người là nghĩa. Nghĩa ở đâu thiên hạ theo về đấy.

Con người vốn tham sống sợ chết, thích đức và lợi, làm cho người được sống được lợi là đạo. Đạo ở đâu, thiên hạ theo về đấy".

Văn Vương bái tạ và nói: "Thật là đúng thay, làm sao ta dám cãi mệnh trời!".

Bèn mời ông cùng ngự xe trở về, phong Thái Công làm Quốc sư.

Thiên thứ hai

DOANH HƯ

Văn Vương hỏi Thái Công: "Thiên hạ mệnh mông sao có lúc đầy lúc vơi, khi yên khi loạn? Vì vua hiền, ngu không giống nhau, hay vì thiên thời biến hóa tự nhiên sinh ra vậy?"

Thái Công đáp: "Vua ngu thì nước nguy dân loạn, vua hiền thì dân trị nước yên. Nên họa phúc là ở vua, chứ không phải ở thiên thời"

Văn Vương nói: "Xin được nghe về bậc hiền quân thuở trước".

Thái Công đáp: "Xưa vua Nghiêu trị vì thiên hạ, thời đó gọi người là bậc hiền quân" (vua hiền)

Văn Vương hỏi: "Chính trị thời đó ra sao?"

Thái Công đáp: "Khi vua Nghiêu trị vì thiên hạ, không trang sức vàng bạc châu báu, không mặc đồ gấm vóc xa hoa, không nhìn vật lạ kì, không quý đồ tốt đẹp, không nghe nhạc phóng đảng, không trang hoàng cung viện, không chạm trổ kèo cột, không cắt cỏ trong vườn.

Dùng áo bông để mặc khi trời rét, lấy áo vải để che thân, lấy gạo xấu làm cơm, lấy rau hoặc làm canh.

Không bày chuyện bắt dân sưu dịch để thiệt hại mùa màng dân chúng. Dốc hết tâm trí vào công việc giáo hóa nhân dân.

Quan nào trung chính thi hành pháp luật thì nâng cao ngôi vị, liêm khiết thương dân thì cho bổng lộc nhiều. Ai nhân từ hiếu để thì kính yêu, có công trông trọt thì khích lệ, đạo đức hiền thực thì treo biển nêu danh nơi cổng làng.

Giữ lòng công bình chính trực, dùng pháp luật ngăn cấm điều gian dối. Người mình ghét mà có công thì vẫn thưởng, người mình yêu mà có tội thì vẫn phạt.

Nuôi dưỡng những người già yếu, góa bụa đơn cô, giúp đỡ các gia đình bị tai ương chết chóc.

Lễ vật dâng dâng thì lấy rất nhẹ, thuế má sưu dịch thì cần rất ít, nên muôn dân giàu có vui vẻ, không có cảnh đói rét điêu linh. Trăm họ thờ vua như mặt trời, mặt trăng, thương vua như cha mẹ vậy".

Văn Vương nói: "Vĩ đại thay! Cái đức của bậc hiền quân".

Thiên thứ ba

QUỐC VỤ

Văn Vương hỏi Thái Công: "Xin cho nghe về việc lớn để trị nước".

Thái Công đáp: "Chỉ cần thương dân".

Văn Vương hỏi: "Thương dân như thế nào?"

Thái Công đáp: "Làm lợi mà đừng hại, giúp nên mà đừng phá. Để sống mà đừng giết, ban cho đừng chiếm đoạt. Để vui đừng gây khổ, khiến họ mừng mà không giận".

Văn Vương nói: "Xin giải thích lí do".

Thái Công đáp: "Dân không mất việc là lợi, trồng trọt không lỡ mùa là nên. Giảm bớt hình phạt là sống, thu thuế nhẹ là cho. Ít xây cất đền đài là vui, quan lại thanh liêm không sách nhiễu dân là mừng.

Dân bị mất việc là hại, trồng trọt lỡ mùa là hư. Không tội mà phạt là giết, thu thuế nặng là đoạt. Xây nhiều đền đài khiến dân mỗi mệt là khổ. Quan lại tham ô sách nhiễu dân lành là giận.

Nên người trị nước chăm sóc dân như cha mẹ thương con, như anh thương em, thấy dân đói rét thì lo, thấy dân khổ nhọc thì buồn, thưởng phạt như chính mình phải chịu, thu thuế như chính mình phải đóng. Đây là đạo thương dân".

Thiên thứ bốn

ĐẠI LỄ

Văn Vương hỏi Thái Công: "Lễ nghi của đạo vua tôi như thế nào?"

Thái Công đáp: "Trên phải soi xét, dưới phải thâm trầm, soi xét mà không xa dân, thâm trầm mà không giấu giếm. Trên phải chu toàn, dưới phải yên định. Chu toàn là trời, yên định là đất. Có trời có đất thì thành đại lễ".

Văn Vương hỏi: "Làm chủ như thế nào?"

Thái Công đáp: "Khoan thai mà điềm tĩnh, ôn hòa nhưng thẳng thắn. Định trước mọi việc, cho mà không tranh, khiêm nhường bình dị, lấy sự công bằng mà xử thế".

Văn Vương hỏi: "Chủ phải nghe như thế nào?"

Thái Công đáp: "Đừng nghe xằng mà hứa, đừng thấy trái mà chống. Hứa sẽ không giữ được, chống sẽ gặp bế tắc. Núi cao trông lên không thấy được ngọn, vực sâu nhìn xuống không lường được đáy. Cái đức của bậc thánh minh là công chính, trầm tĩnh vô cùng".

Văn Vương hỏi: "Chủ phải sáng suốt như thế nào?"

Thái Công đáp: "Mắt quý ở chỗ sáng, tai quý ở chỗ rõ, lòng quý ở chỗ biết. Lấy mắt của thiên hạ mà xem thì không có gì là không nhìn thấy. Lấy tai của thiên hạ mà nghe, thì không có gì là không nghe thấy. Lấy lòng của thiên hạ

mà nghĩ thì không có gì là không biết. Họp dân lại mà làm thì sáng suốt, không gì có thể che lấp được”.

Thiên thứ năm
MINH TRUYỀN

Văn Vương nằm trên giường bệnh, cho mời Thái Công Vọng và Thái Tử Phát đến bên mình mà nói: “Than ôi! Trời sắp bỏ ta. Xã tắc nhà Châu sẽ thuộc về con. Nay ta muốn Quốc sư nói về đạo cả để minh truyền cho con cháu về sau”.

Thái Công nói: "Đại vương muốn hỏi điều chi?"

Văn Vương nói: "Xin nghe về đạo của tiên thánh do đâu mà ngưng trệ, do đâu mà hưng khởi".

Thái Công đáp: "Thấy người lành mà khinh, thời cơ đến mà nghi, biết sự trái mà làm, là ba điều khiến cho đạo phải ngưng.

Còn nhu mà tĩnh, cung mà kính, mạnh mà mềm, nhịn mà cứng, là bốn điều khiến cho đạo được hưng khởi.

Nên nhân nghĩa thẳng dục vọng thì thịnh, dục vọng thẳng nhân nghĩa thì mất, kính thẳng khinh thì tốt, khinh thẳng kính thì bị diệt".

Thiên thứ sáu
LỤC THỦ

Văn Vương hỏi Thái Công: "Vua là chủ của dân, thế mà cũng có khi mất là vì sao?"

Thái Công đáp: “Vì không thận trọng trong việc giao phó, làm vua có sáu điều phải giữ và ba điều quý” .

Văn Vương hỏi: “Sáu điều phải giữ là gì?”

Thái Công đáp: "Một là nhân, hai là nghĩa, ba là trung, bốn là tín, năm là dũng, sáu là mưu. Đây là sáu điều phải giữ".

Văn Vương hỏi: "Làm thế nào chọn được người có sáu điều này?"

Thái Công đáp: "Giàu có mà không phạm pháp, được quý trọng mà không kiêu căng, giao việc mà không thay lòng, sử dụng mà không phải đề phòng, lâm nguy mà không sợ hãi, xử lí công việc mà không lúng túng.

Giàu sang mà không phạm pháp là nhân, cao quý mà không kiêu căng là nghĩa, được giao phó mà không đổi lòng là trung, được dùng mà không đề

phòng là tín, lâm nguy mà không sợ hãi là dũng, xử lí công việc mà không lúng túng là mưu.

Làm vua không có ba điều quý thì mất quyền uy”.

Văn Vương nói: "Xin hỏi về ba điều quý ấy".

Thái Công đáp: "Đại nông, đại công, đại thương là ba điều quý. Nhà nông canh tác trong làng thì lúa gạo đủ ăn. Người thợ hành nghề trong làng thì dụng cụ đủ dùng. Thương gia buôn bán trong làng thì hàng hóa đủ tiêu dùng. Ba điều quý này đặt yên ở mỗi nơi thì dân không lo nghĩ, không loạn trong làng, không loạn trong họ, quan không giàu hơn vua, đô thị không to hơn nước.

Sáu điều giữ được lâu dài thì vua mạnh. Ba điều quý được vuông tròn thì nước yên".

Thiên thứ bảy

THỦ THỔ

Văn Vương hỏi Thái Công: "Việc giữ đất đai như thế nào?".

Thái Công đáp: "Không xa người thân, không khinh người lành, an ủi kẻ giúp việc cho mình, chế ngự lân bang ở bốn mặt.

Không mượn người nhiếp chính. Mượn người nhiếp chính sẽ mất quyền hành. Không đào hang mà đắp gò. Không bỏ gốc mà chừa ngọn.

Mặt trời lên đỉnh đầu thì đất phải nắng, cầm đao phải cắt, cầm rìu phải chặt. Đứng bóng mà không nắng thì trái thời. Cầm dao mà không cắt thì bỏ lỡ dịp bén. Cầm rìu mà không chặt thì giặc sẽ đến nơi.

Nước chảy lâu ngày thì sẽ thành sông. Một đốm lửa nhỏ không dập ắt sẽ bốc lên cao. Hai nhánh cây không phạt thì sau phải dùng đến búa to.

Nên làm vua phải lo việc giàu thịnh. Không giàu thì không có gì để làm việc nhân. Không thịnh thì không lấy gì để kết tình thân thiện. Xa người thân thì hại. Mất dân lành thì hỏng.

Không mượn nhân tài, vũ khí của người. Mượn nhân tài vũ khí của người thì sẽ bị hại, không giữ tròn quyền cai trị của mình".

Văn Vương hỏi: "Thế nào là nhân nghĩa?".

Thái Công đáp: "Kính mến dân lành, kết hợp người thân. Kính mến dân lành thì hòa thuận. Kết hợp người thân thì vui vẻ. Đây là đầu mối của nhân nghĩa.

Đừng để người khác cướp uy vua, dựa vào sự sáng suốt, thuận với lẽ thường. Người theo thì lấy đức mà dùng, kẻ nghịch thì lấy thế mà diệt.

Không đa nghi thì thiên hạ mới hòa phục".

Thiên thứ tám

THỦ QUỐC

Văn Vương hỏi Thái Công: "Việc giữ nước như thế nào?".

Thái Công đáp: "Xin Đại vương sống thanh tịnh rồi thần sẽ nói về lẽ bất dịch của trời đất, sự sinh biến của bốn mùa, đạo của bậc thánh nhân và cơ tình của dân gian".

Vua bèn ăn chay, thanh tịnh bảy ngày, hướng về hướng Bắc lạy hai lạy rồi hỏi.

Thái Công nói: "Trời sinh ra bốn mùa, đất sinh ra vạn vật, trong thiên hạ có dân, bậc thánh nhân phải chăm nom dẫn dắt.

Nên mùa Xuân là mùa sinh nở, vạn vật tốt tươi. Mùa Hạ là mùa tăng trưởng, vạn vật lớn mạnh. Mùa Thu là mùa ngưng tụ, vạn vật đầy đủ. Mùa Đông là mùa ẩn tàng, vạn vật yên tĩnh.

Đầy đủ thì ẩn tàng, ẩn tàng rồi lại phát ra không biết đâu là đầu, không biết đâu là đuôi. Thánh nhân so sánh để tìm ra lẽ bất dịch của trời đất.

Nên phải dùng âm mà phát, dùng dương mà hội. Khởi xướng trước trong thiên hạ rồi mới làm, làm khác với lẽ thường để hòa hợp. Không tiến mà tranh, không lui mà nhường. Giữ được như thế thì nước nhà có thể vinh quang, như trời đất".

Thiên thứ chín

THƯỢNG HIỀN

Văn Vương hỏi Thái Công: "Làm vua phải nâng cái gì? hạ cái gì? lấy cái gì? bỏ cái gì? cấm cái gì? ngăn cái gì?".

Thái Công đáp: "Làm vua phải nâng người hiền, hạ kẻ dữ, lấy sự thành tín, bỏ điều gian xảo, cấm chuyện bạo tàn, ngăn việc xa hoa. Nên làm vua có sáu điều hư và bảy điều hại".

Văn Vương hỏi: "Xin nghe về lẽ ấy".

Thái Công đáp: "Sáu điều hư là:

1/ Bề tôi cất lâu đài thủy tạ to lớn, đàn hát vui chơi phương hại đến đức độ của vua.

2/ Dân không lo trồng trọt, vui thú chơi bời, phạm điều luật cấm, không nghe quan dạy, phương hại đến phong hóa của vua.

3/ Bề tôi cấu bè kết đảng, che lấp người hiền trí, ngăn trở sự sáng suốt của chúa, phương hại đến quyền hành của vua.

4/ Kẻ sĩ có ý chống đối, nhờ tiết tháo thanh cao mà có uy thế, ngoài thì kết giao với chư hầu, không tôn trọng chúa, phương hại đến uy danh của vua.

5/ Bề tôi khinh rẻ tước ngôi, làm điều xấu xa gây khó khăn cho thượng cấp, phương hại đến công lao của bậc công thần.

6/ Những tông phái mạnh chiếm đoạt quyền hành, áp bức người nghèo yếu, phương hại đến nghề nghiệp của dân.

Bảy điều hại là :

1/ Những kẻ không trí lược quyền mưu mà được trọng thưởng tước cao nên hùng hổ coi thường, cậy vào sự rủi may. Vua phải cẩn thận, không nên cho làm tướng.

2/ Những kẻ có tiếng mà không có tài, ra vào dị nghị, phô bày điều xấu, che giấu việc hay, khéo lui khéo tiến. Vua phải cẩn thận, không nên bàn mưu.

3/ Những kẻ hình dáng ra vẻ chất phác, ăn mặc giản dị, đối đáp như không cầu danh, nói năng có vẻ không cầu lợi, là người giả dối. Vua phải cẩn thận, không nên gần gũi.

4/ Những kẻ đai mũ khác người, mặc đồ kì dị, hay nghe biện bác, bàn luận cao xa, ở nơi vắng vẻ, cho mình là tốt, che bai thế tục, là người gian xảo. Vua phải cẩn thận, không nên sùng ái.

5/ Những kẻ dèm pha, nịnh nọt để cầu quan tước, tham lam vô độ, coi thường cái chết, thấy lợi thì làm, không nghĩ đại sự, đặt điều hư thực, nói trước mặt vua. Vua phải cẩn thận, không nên tin dùng.

6/ Những kẻ hành nghề chạm trổ đồ gang sắt, tuy khéo léo đẹp đẽ nhưng có hại cho việc nhà nông. Vua phải cấm đoán.

7/ Những kẻ có thuật dị kì giả dối, đồng bóng tà đạo, nói điều không tốt, mê hoặc dân lành. Vua phải ngăn cấm.

Cho nên, dân không cố gắng thì không phải là dân của ta. Kẻ sĩ không thành tín thì không phải là kẻ sĩ của ta. Quan không trung trực thì không phải là quan của ta. Tướng quốc mà không biết làm cho nước giàu quân mạnh, điều hòa âm

dương để làm yên lòng vua, sửa sai quần thần, dùng người tài danh, khiến cho muôn dân vui vẻ, thì không phải là tướng quốc của ta.

Đạo làm vua như đầu rồng, ngự trên cao để nhìn xa, quan sát kỹ để nghe rõ, chỉ rõ lộ trình như trời cao không thể đến, như vực sâu không thể đo.

Cho nên điều đáng giận mà không giận thì gian thần lộng hành, đáng giết mà không giết thì giặc lớn nổi lên, quân đội mà không tăng cường thì nước địch sẽ mạnh hơn”.

Văn Vương nói: "Thật là hay lắm".

Thiên thứ mười

CỬ HIỀN

Văn Vương hỏi Thái Công: "Vua lo cử người hiền mà không nên việc gì cả, khiến đời càng thêm loạn đến nỗi bị nguy vong là vì sao?"

Thái Công đáp: "Cử người hiền mà không dùng thì chỉ có tiếng là cử hiền mà không thực sự dùng hiền".

Văn Vương hỏi: "Lỗi đó tại ai?"

Thái Công đáp: "Lỗi đó là vì vua chỉ thích dùng người theo lời khen ở đời, nên không được người hiền chân chính".

Văn Vương hỏi: "Tại sao vậy?"

Thái Công đáp: "Vua thấy người đời khen thì cho là người hiền, thấy người đời chê thì cho là không hiền. Nên người nhiều phe đảng ủng hộ thì có thể tiến thân, người ít phe đảng ủng hộ thì phải lui về. Do đó mà bọn gian tà liên kết để che giấu người hiền.

Vì thế trung thần vô tội mà bị chết, gian thần nhờ hư danh mà được tước vị, nên đời càng loạn, thì nước không tránh khỏi cảnh nguy vong".

Văn Vương hỏi: "Cử người hiền như thế nào?"

Thái Công đáp: "Phân định chức vụ tướng quân và tướng quốc rồi chọn người hiền ra làm quan bằng cách thi tuyển danh tài, tài phải xứng với danh, danh xứng với tài thì mới đúng là cử người hiền".

Thiên thứ mười một

THƯỜNG PHẠT

Văn Vương hỏi Thái Công: "Thường cốt để khen, phạt cốt để ngăn. Nay trăm muốn thưởng một người để khuyên trăm người, phạt một người để răn dân chúng thì phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Thường quý ở chữ tín, phạt quý ở chữ đúng. Thường cho đúng công, phạt cho đúng tội, để cho mọi người nghe thấy, thì những người không nghe thấy không khỏi không khâm phục".

Lòng thành còn thấu đến trời đất, thông đến thần linh, huống hồ là đối với con người".

Thiên thứ mười hai

BINH ĐẠO

Võ Vương hỏi Thái Công: "Đạo dùng binh như thế nào?".

Thái Công đáp: "Phàm đạo dùng binh, không gì hơn một. Năm vững được một, thì có thể từ đó tung hoành.

Một lấy đạo làm gốc, lấy thân biến hóa làm ngọn, tùy thời cơ mà sử dụng, tùy thời thế mà thể hiện, do vua mà hình thành. Nên bậc thánh vương gọi việc binh là việc hệ trọng bất đắc dĩ mới dùng đến.

Nay vua Thương (Chỉ Trụ Vương: Vua cuối cùng của nhà Thương, bị Vũ Vương diệt) chỉ biết còn mà không biết mất, chỉ biết vui mà không biết họa, còn hay không còn ở chỗ biết lo mất. Vui hay không vui ở chỗ biết lo họa. Nay vua đã lo đến tận nguồn hà tất phải lo đến lòng nước chảy" .

Võ Vương hỏi: "Hai quân gặp nhau, đối phương không thể đến, bên ta không thể đi, đôi bên canh phòng chặt chẽ, không ai dám ra quân trước. Ta muốn đột kích nhưng không nắm được lợi thế thì phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Ngoài loạn mà trong chính, giả dối mà thật no, trong rõ mà ngoài dốt. Lúc hợp lúc rời, khi thu khi tan. Mưu kế kín đáo, quân cơ bí mật. Đắp cao thành lũy, ba quân yên lặng như tờ, địch không biết ta phòng bị ra sao. Muốn đánh phía Đông thì vào phía Tây".

Võ Vương hỏi: "Địch biết tình hình ta, thông hiểu mưu của ta thì làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Thuật dùng binh thắng địch là bí mật theo dõi quân cơ của địch, nhanh nhẹn nắm lấy lợi thế rồi bất ngờ tấn công mau lẹ".

QUYÊN II

VỖ THAO

Thiên thứ nhất

PHÁT KHẢI

Văn Vương ở đất Phong, mời Thái Công đến mà nói rằng: "Than ôi, vua Thương tàn ác vô cùng, giết hại người vô tội. Khanh có cách gì để giúp đỡ dân đang đau khổ chăng?"

Thái Công đáp: "Vua nên sửa đức để người hiền cảm phục, ban ân để dân thấy đạo trời.

Không có tai ương thì không thể khởi xướng đạo trời. Không có tai họa thì không thể toan tính đạo người.

Phải thấy thiên tai và nhân họa thì mới mưu được việc lớn. Phải thấy được phải trái thì mới biết được lòng người. Phải thấy bên ngoài và bên trong thì mới rõ được ý người, phải thấy chỗ sơ hở và chỗ thân thì mới hiểu được tính người.

Bây giờ theo đạo mà làm, đạo sẽ được thi hành, theo cửa mà vào, cửa sẽ được mở cho vào. Đặt ra việc lễ, lễ nghi sẽ thành. Đấu tranh bằng sức mạnh, sức mạnh sẽ chiến thắng.

Toàn thắng mà không phải đánh nhau, không cần lập đại binh, cảm thông đến quỷ thần. Huyền diệu thay!

Đối với người, cùng bị bệnh thì cứu nhau, cùng bị thương thì dựa vào nhau, cùng bị ghét thì giúp nhau, cùng thích thì hợp nhau. Nên không cần giáp binh mà vẫn thắng. Không cần xung đột, mà vẫn tiến công, không cần hào lũy mà vẫn cố thủ.

Người có trí lớn không cần đến trí, có mưu cao không cần đến mưu, có dũng khí không cần đến dũng, có lợi to không cần đến lợi.

Làm lợi cho thiên hạ thì thiên hạ chào đón, làm hại cho thiên hạ thì thiên hạ chối từ. Thiên hạ không phải của một người, thiên hạ là của cả thiên hạ. Chiếm lấy thiên hạ như việc săn thú, mà mọi người đều tin rằng mình sẽ được chia

phần thịt, cũng như ngồi chung thuyền mà sang sông, qua được thì cũng có lối đi, mà thất bại thì cùng bị hại, nên tất cả đều chờ đón mà không chối từ.

Không lấy của dân là chiếm được dân, không lấy của nước là chiếm được nước, không lấy của thiên hạ là chiếm được thiên hạ.

Không lấy của dân thì dân làm lợi cho mình, không lấy của nước thì nước làm lợi cho mình. Không lấy của thiên hạ thì thiên hạ làm lợi cho mình.

Cho nên đạo hay ở chỗ không thể thấy, sự hay ở chỗ không thể nghe, thẳng hay ở chỗ không thể biết. Huyền diệu thay!

Chim cắt sắp bắt mồi thì ngưng bay thu cánh, thú dữ sắp vồ thì nép mình cụp tai, thánh nhân sắp hành động thì có vẻ dại khờ.

Nay ở nước Thương, dân chúng ngờ vực lẫn nhau, tinh thần hoang mang, đời sống khổ cực vô cùng. Đây là cái điềm mất nước.

Ta nhìn thấy ngoài đồng cỏ nhiều hơn lúa, dân chúng thì gian nhiều hơn ngay, quan lại thì tham tàn bạo ngược, bất chấp cả luật pháp trên dưới đều không giác ngộ. Đây là lúc mất nước.

Đại minh phát ra thì muôn vật đều sáng. Đại nghĩa phát ra thì muôn vật đều lợi. Đại binh phát ra thì muôn vật đều phục tùng.

Vĩ đại thay! cái đức của thánh nhân! chỉ nghe chỉ thấy cũng đủ vui lòng".

Thiên thứ hai

VĂN KHẢI

Văn Vương hỏi Thái Công: "Thánh nhân phải giữ điều gì?"

Thái Công đáp: "Phải lo nghĩ, xót xa, quan tâm đến vạn vật. Xót xa lo nghĩ, quan tâm thì vạn vật sẽ hết lòng vì mình. Chính sách ban ra, ai cũng biết. Thời cơ đưa đến, ai cũng biết lúc đổi thay. Thánh nhân giữ điều này mà cảm hoá vạn vật.

Phàm cái gì đến chỗ cùng tận thì trở lại lúc ban đầu. Muốn tốt nhàn thì khéo léo mà cầu mong. Cầu mong mà được thì không thể không giữ lấy, đã giữ lấy thì không thể không hành động, đã hành động thì" không nên khoe mình.

Trời đất không khoe mình nên tồn tại lâu dài. Thánh nhân không khoe mình nên tên tuổi rạng rỡ.

Xưa Thánh nhân tập hợp người lại thành nhà, tập hợp nhà lại thành nước, hợp nước lại thành thiên hạ, phong hầu cho người hiền, lập thành vạn quốc, gọi là đại kì.

Đặt ra chính sách, dạy dỗ, dựa theo phong tục của dân, sửa điều trái thành ngay, thay hình đổi dạng muôn nước đều thông, khắp nơi đều vui vẻ, mọi người đều thương vua, gọi là đại thịnh.

Ôi, Thánh nhân lo ổn định, hiền nhân lo chinh đốn, kẻ ngu không thể chinh nên tranh chấp với người trên, nên có nhiều hình phạt, hình phạt nhiều thì dân lo lắng, dân lo lắng nên lưu vong khắp nơi, trên dưới sống không yên, cứ thế kéo dài đời này sang đời kia, gọi là đại thất.

Người trong thiên hạ ví như dòng nước chảy, hễ ngăn thì dừng, mở thì chảy, yên thì trong.

Thần diệu thay! Thánh nhân thấy cái khởi đầu thì biết được sự kết thúc".

Văn Vương hỏi: "Làm sao yên?"

Thái Công đáp: "Trời có hình tượng của trời, dân có đời sống bình thường, cùng dân chung sống thì thiên hạ yên. Xưa bậc minh quân noi theo đó mà cảm hóa dân, dân được cảm hóa thì tuân theo chính sách, nên làm nên sự nghiệp, giàu có. Đây là cái đức của thánh nhân".

Văn Vương nói: "Lời nói của người rất hợp với lòng ta vậy. Ta sẽ đem ngày ghi nhớ không quên để dùng làm đạo".

Thiên thứ ba

VĂN PHẠT

Văn Vương hỏi Thái Công: "Văn phạt là thế nào?".

Thái Công đáp: "Văn phạt có mười hai điều:

1/ Tùy sở thích của người mà chiều theo ý họ, họ sẽ sinh lòng kiêu hãnh, sẽ hay gây sự, ta nhân dịp đó mà trừ đi.

2/ Thân thiện với người họ yêu quý để chia xẻ uy quyền, một người mà hài lòng thì nội bộ ắt suy, trong triều không có trung thần thì xã tắc phải nguy.

3/ Mua chuộc những người thân cận để gây cảm tình. Thân ở trong mà lòng ở ngoài thì nước sẽ bị hại.

4/ Cho họ hưởng lạc để làm tan ý chí, biếu nhiều châu ngọc, hiến dâng gái đẹp để mua vui, nói năng khiêm nhường thuận với lẽ phải thì họ sẽ không tranh, gian kế ấy sẽ thành.

5/ Đối với trung thần không được hối lộ, vờ lưu giữ họ, khiến cấp trên không nghi họ mà thay ngay kẻ khác. Ta đối với họ thành thật, thân mật và tin tưởng. Vua sẽ triệu họ về mà nghiêm trị. Khi đó ta có thể mưu việc lấy nước.

6/ Mua chuộc bên trong, li gián bên ngoài, khiến cho quan giỏi giúp bên ngoài, địch đánh vào trong thì họ không tránh khỏi mất nước.

7/ Muốn nắm được lòng người thì phải biểu xén thật nhiều, thu phục những người thân cận trung tín với vua, chỉ ra cái lợi khiến họ lơ là công việc mà gây nên sự suy yếu trong nước.

8/ Hối lộ đồ quý báu rồi nhân đó cùng mưu tính công việc. Mưu có lợi thì họ phải tín, gọi là trung thân (đã thân lại thêm thân), thân nhiều thì ta có thể dùng. Ở trong nước mà lòng hướng ngoại thì nước sẽ đại bại.

9/ Tôn cho họ một danh vị mà không hại đến bản thân họ. Biểu dương thế lực cho họ tin tưởng mà sinh lòng tôn kính. Trước hết làm cho họ được vinh quang, vờ coi họ như thánh thần thì có thể lấy được nước.

10/ Hạ mình cho họ tin để biết rõ tình hình, tùy theo ý họ mà ứng biến, như cùng chung sống với nhau, lúc đã được lòng họ thì từ từ mà thu phục dân chúng, chờ khi thời cơ đến thì là lúc Trời diệt họ.

11/ Dùng đạo để che lấp. Từ quan đến dân không ai là không thích giàu sang phú quý, ghét sự chết chóc và tội lỗi. Ta tỏ ra cao quý rồi lén đem báu vật thu phục hào kiệt. Bên trong chất chứa nhiều mà ngoài thì ra vẻ thiếu thốn. Ngầm kết nạp tư sĩ để tính kế bàn mưu, thu dụng dũng sĩ để nâng cao uy thế. Giàu sang sung túc thì vây cánh càng đông, đồ đảng càng nhiều. Đây là bưng bít. Có nước mà bị bưng bít thì làm sao gọi là có nước?

12/ Nuôi dưỡng loạn thần để mê hoặc vua, hiến nhạc dâm, gái đẹp để quyến rũ vua, nhường chó tốt ngựa hay để giải khuây, cho quyền thế lớn để dụ dỗ. Khi đã kiểm soát được trên thì cùng thiên hạ mưu đồ việc lớn.

Đây đủ mười hai điều này thì việc binh sẽ thành. Đây là trên xem trời, dưới xem đất, điều kiện xuất hiện thì có thể đánh chiếm".

Thiên thứ bốn

THUẬN KHẢI

Văn Vương hỏi Thái Công: "Làm thế nào để trị thiên hạ".

Thái Công đáp: "Lượng phải bao trùm thiên hạ rồi sau mới chứa được thiên hạ. Tín phải bao trùm thiên hạ rồi sau mới buộc được thiên hạ. Nhân phải bao trùm thiên hạ rồi sau mới giữ được thiên hạ. Quyền phải bao trùm thiên hạ rồi sau mới không mất thiên hạ. Làm mà không nghi thì vận trời không thể rời, thời thế không thể thay đổi.

Sáu điều này có đầy đủ thì mới cai trị được thiên hạ.

Cho nên có lợi cho thiên hạ thì thiên hạ chào đón, có hại cho thiên hạ thì thiên hạ chối từ.

Cho thiên hạ sống thì thiên hạ ghi ân. Giết hại thiên hạ thì thiên hạ làm giặc.

Soi thấu thiên hạ thì thiên hạ cảm thông. Đưa thiên hạ đến chỗ cùng cực thì thiên hạ oán thù.

Làm cho thiên hạ yên thì thiên hạ tin cậy. Làm cho thiên hạ nguy thì thiên hạ hại mình.

Thiên hạ không phải của một người, nhưng người có "ĐẠO" thì sẽ nắm được thiên hạ".

Thiên thứ năm

TAM NGHI

Võ Vương hỏi Thái Công: "Trẫm muốn lập nên nghiệp lớn, nhưng có ba điều nghi ngại: sợ sức mình không thể đánh nước mạnh, không li gián được người thân, không phân chia được dân chúng. Vậy phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Phải mưu tính cẩn thận và dùng nhiều tiền của.

Muốn đánh nước mạnh, phải dưỡng họ cho mạnh, giúp họ khuếch trương. Mạnh quá phải gãy, trương quá phải khuyết.

Dùng nước mạnh đánh nước mạnh. Dùng người thân li gián người thân.

Dùng dân chúng phân chia dân chúng.

Phàm đạo dùng mưu, quy ở điểm chu đáo. Tùy sự mà định, lấy lợi mà xử thì họ sẽ sinh lòng tranh chấp.

Muốn chia rẽ nội bộ họ thì tùy theo sở thích của họ mà làm cho người họ yêu quý, cho điều họ muốn, vạch rõ điều lợi, rồi nhân đó mà làm họ chia rẽ nhau. Họ thấy lợi thì vui, nhưng đừng cho họ thỏa mãn. Khi gây được hiềm nghi thì dừng lại.

Về phép tấn công, trước phải che mắt địch rồi mới đánh vào chỗ mạnh. Diệt điểm lớn của địch, tránh làm hại cho dân.

Dùng sắc quyến họ mê, dùng lợi như họ ăn, dùng hương vị quyến rũ họ, dùng ca nhạc giúp vui. Đã xa người thân ắt phải xa dân.

Đừng cho họ biết mưu kế, cũng đừng để họ biết ý định của mình, ngầm giúp dân để thu phục nhân tâm thì có thể thành công.

Ban ân cho dân thì đừng tiếc của. Dân như trâu, ngựa, phải chăm nom nuôi nấng, nghe và thương mến họ.

Lấy lòng mở mang trí tuệ, dùng trí tìm của, lấy của thu dân, dùng dân đón người hiền.

Đón được người hiền thì làm vua thiên hạ".

QUYỂN III

LONG THAO

Thiên thứ nhất

VƯƠNG DỤC

Võ Vương hỏi Thái Công: "Vua mang quân đi đánh phải có tay chân vây cánh để tạo nên uy thần, muốn vậy thì phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Phàm cất quân đi đánh, thì dùng tướng làm mệnh. Mệnh cốt ở chỗ thông suốt, chứ không theo một phép nhất định. Tùy theo khả năng mà giao phó nhiệm vụ, tận dụng sở trường của từng người, lấy sự tùy cơ ứng biến làm nguyên tắc.

Nên tướng có 72 người làm tay chân vây cánh, ứng theo số trời định để nghiên cứu phương pháp, hiểu rõ nguyên lí, đủ tài hay thuật lạ, thì mọi việc đều xong cả".

Võ Vương nói: "Xin hỏi về từng mục".

Thái Công đáp: "Tâm của một người, chuyên về mưu lược, đối phó cấp thời, diệt trừ biến loạn, nắm trọn mưu kế để bảo toàn tính mạng của dân.

Mưu sĩ 5 người, lo sự an nguy, tính việc chưa xảy đến, xem xét đức hạnh tài năng, thưởng phạt nghiêm minh, bổ nhiệm quan tước, quyết đoán sự hiềm nghi, định việc nên hay dừng.

Thiên văn 3 người, chuyên xem tinh tú, khí hậu dự đoán ngày giờ, quan sát sự linh ứng, kiểm chứng thiên tai chuyện lạ, biết rõ lòng người và thời cơ tiến lui.

Địa lợi 3 người, lo việc tiến dừng của ba quân, tình thế lợi hại, tin tức gần xa, dễ hay khó, sông núi cách trở ra sao, để không mất địa lợi.

Binh pháp 9 người, nghiên cứu những điểm khác nhau, hành động thành hay bại, huấn luyện ba quân, chỉ ra những điều sai của binh pháp.

Thông lương 4 người, lo việc ăn uống, tích trữ lương thực, chuyển vận ngũ cốc, khiến ba quân không bị thiếu thốn.

Phần uy 4 người, chuyên chọn người tài đức, nghiên cứu binh lược, đánh như gió thổi, sấm vang, khiến địch không biết đến từ đâu.

Phục cổ kì 3 người lo việc dùng cờ trống, làm sáng tai mắt ba quân, mạo chứng thu ẩn tén, giả hiệu lệnh đối phương, đi lại trong đêm tối xuất nhập như thần:

Cố vấn 4 người, đảm nhiệm công tác nặng nề, sửa hào đắp lũy, phòng ngự địch quân.

Thông tài 3 người, chuyên tìm chỗ sơ sót, sửa chữa lỗi lầm, tiếp đãi tân khách, bàn bạc chuyện trò giải quyết việc rắc rối.

Quyền sĩ 3 người, chuyên làm điều quý quyết, đặt chuyện dị kì, biến trá vô song, không ai biết được.

Nhĩ mục 7 người, đi lại nghe ngóng tin tức, quan sát biến động, xem xét công việc bốn phương và tình hình trong quân ngũ.

Trảo nha 5 người, chuyên nâng cao uy vũ khích lệ ba quân, khiến họ hăng hái không ngại xông pha chốn hiểm nguy.

Vũ dực 4 người, chuyên tuyên truyền danh tiếng, kinh động bốn cõi, làm nao núng lòng địch.

Du sĩ 8 người, chờ dịp có âm mưu gian biến móc nối cảm tình, xét ý hướng địch để làm gián điệp.

Thuật sĩ 2 người, lợi dụng quỷ thần làm điều giả dối để mê hoặc lòng dân.

Phương sĩ 2 người, rành về thuốc men, trị lành bệnh và thương tích.

Pháp toán 2 người, lo việc kế toán trong ba quân, xuất nhập vật dụng, doanh trại, lương thực, tiền của".

Thiên thứ hai

LUẬN TƯỚNG

Võ Vương hỏi Thái Công: "Phép luận tướng như thế nào?"

Thái Công đáp: "Tướng có năm điều hay và mười điều lợi".

Võ Vương hỏi: "Xin hỏi về từng mục".

Thái Công đáp: "Năm điều hay là dũng ,trí ,nhân ,tín ,trung. Dũng thì không thể xâm phạm. Trí thì không thể rối loạn. Nhân thì hay thương người. Tín thì không dối trá. Trung thì không ở hai lòng.

Mười điều lợi là :

Dũng mà coi thường cái chết. Gấp mà trong lòng vội vã. Tham mà ham lời. Nhân mà không nỡ giết người. Trí mà nhút nhát. Tín mà hay tin người. Liêm mà không thương người. Trí mà chậm chạp. Cương mà chỉ theo ý mình. Nhu mà hay nghe người.

Dũng mà coi thường cái chết thì bị hại. Tham mà ham lợi thì sơ suất. Nhân mà không nỡ giết người thì sinh phiền nhiễu. Trí mà nhút nhát thì bị khốn đốn. Tín mà hay tin người thì bị lừa gạt. Liêm mà không thương người thì bị khinh nhờn. Trí mà chậm chạp thì bị đánh úp. Cương mà chỉ theo ý mình thì thành tai hại. Nhu mà hay nghe người thì bị chèn ép.

Nên việc binh là việc trọng đại, là đạo mất còn của một nước. Mệnh ở trong tay của người tướng nên tướng là người phò tá nước nhà mà xưa kia các bậc tiên vương vốn rất coi trọng. Khi phong người làm tướng không thể không xét kỹ.

Cho nên thường nói rằng, binh không thắng hai lần, cũng không thua hai lần, không mất nước thì cũng bị mất tướng tàn quân”.

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

Thiên thứ ba

TUYỂN TƯỚNG

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi vua cử binh, muốn tuyển chọn anh hùng, làm sao phân biệt tài cao thấp của kẻ sĩ?".

Thái Công đáp: "Diện mạo kẻ sĩ thường không giống với suy nghĩ bên trong”.

- Có người nghiêm mà không hiền.
- Có người hiền mà trộm cắp.
- Có người cung kính bề ngoài mà trong lòng khinh người.
- Có người tỏ ra liêm khiết mà không thật thà.
- Có người chung thủy mà bất nghĩa.
- Có người nồng hậu mà không thành tâm.
- Có người giỏi mưu mà không quả quyết.
- Có người quả cảm mà không tài năng.
- Có người thật thà mà không tin được.
- Có người hốt hoảng mà trung trực.
- Có người quý quyết mà làm nên công.

- Có người ngoài dạn mà trong nhát.
- Có người trang nghiêm mà dễ dãi.
- Có người quát tháo mà bình tĩnh.
- Có người hình dáng xấu xa, nhưng khi ra ngoài thì ngang dọc vẫy vùng, không có gì mà không làm được. Thiên hạ khinh thường mà thánh nhân quý trọng. Người thường không thể biết nếu không là bậc cao minh thì không nhìn thấy điều này. Đây là diện mạo kẻ sĩ, không giống với suy nghĩ bên trong.

Võ Vương hỏi: "Làm sao mà biết được?"

Thái Công đáp: "Có tám cách để biết"

- Một là dùng lời mà hỏi để xem xét cách ăn nói.
- Hai là cố tình trách móc để xem sự đổi thay.
- Ba là cho biết âm mưu để xem lòng thành thật.
- Bốn là thăm hỏi rõ ràng để xem đức độ.
- Năm là sai khiến bằng tiền để xem tính thanh liêm.
- Sáu là thử sắc đẹp để xem sự tinh khiết.
- Bảy là cho biết khó khăn để xem lòng can đảm.
- Tám là chuốc rượu cho say để xem thái độ.

Thử bằng tám cách này thì phân biệt được kẻ ngu người hiền".

Thiên thứ bốn

LẬP TƯỚNG

Võ Vương hỏi Thái Công: "Đạo lập tướng như thế nào?"

Thái Công đáp: "Khi đất nước lâm nguy thì vua rời khỏi chính điện, mời vị tướng vào mà dụ rằng "Xã tắc yên nguy, đều do nơi tướng quân. Nay cỏ nước Mỗ không thuần phục, mong tướng quân đem binh đối phó".

Khi tướng đã nhận mệnh, vua sai quan Thái sư xem xét thiên văn, ăn chay ba hôm nơi Thái miếu, nghiên cứu linh quy, chọn ngày tốt để trao búa rìu.

Vua vào trong miếu, đứng ở cửa bắc, cầm lưỡi búa trao cho tướng mà nói rằng "Từ nay trở đi, mọi việc trên đời đều do tướng quân định đoạt.

Rồi cầm cán trao lưỡi búa cho vị tướng mà nói rằng: "Từ nay trở đi từ mặt đất đến vực thăm đều do tướng quân chế ngự. Thấy địch yếu thì tiến, địch mạnh thì dừng, không vì quân đông mà khinh địch, chớ vì nhận mệnh mà phải chết. Đừng cho mình cao quý mà khinh người, không độc đoán mà phản bội

lòng dân, cũng không nên cho lời của mình là đúng. Quân chưa ngồi thì không ngồi, quân chưa ăn thì không ăn, cùng chung cảnh ấm no đói rét, như thế thì sĩ tốt sẽ chiến đấu quên mình”.

Tướng nhận mệnh xong bái tạ ân vua mà đáp rằng: "Thần nghe nói, nước không thể trị từ bên ngoài, quân không thể trị từ bên trong. Kẻ có hai lòng không thể thờ vua, người nhụt chí không thể đánh giặc. Nay thần đã chịu mệnh vua, nắm trọn quyền uy lãnh đạo, thần không dám tham sống trở về, xin vua hạ lệnh cho thần, nếu vua không cho phép, thì thần không dám làm tướng".

Vua nhận lời, tướng bèn cáo biệt ra đi. Mọi việc trong quân ngũ đều không theo lệnh vua, mà tuân theo lệnh tướng. Gặp địch chỉ quyết chiến, chứ không có hai lòng.

Như vậy thì trên không có trời, dưới không có đất, trước không có địch, sau không có vua. Nên bậc tài trí mới có công giúp vua, người vũ dũng mới gắng sức dẹp giặc. Khí thế cao vút tận mây xanh, tiến nhanh như ngựa phi nước đại, quân chưa giao chiến mà địch đã đầu hàng.

Ngoài thì chiến thắng địch, trong lập được công to, quan được thăng cấp, quân được ban thưởng, trăm họ vui mừng, không còn gặp cảnh tai ương. Do đó mà bốn mùa mưa thuận gió hòa, ngũ cốc phong phú, xã tắc yên vui".

Võ Vương nói: "Thật là hay lắm”.

Thiên thứ năm

TƯỚNG UY

Võ Vương hỏi Thái Công: "Tướng lấy gì làm uy, lấy gì làm sáng, lấy gì làm rắn mà lệnh được thi hành?".

Thái Công đáp: "Tướng lấy việc diệt lớn làm uy, thưởng nhỏ làm sáng, hình phạt làm rắn mà lệnh được thi hành.

Nên giết một người mà ba quân run sợ thì phải giết. Thưởng một người mà vạn người đều vui thì nên thưởng. Việc giết quý ở chỗ không kể người cấp to, việc thưởng quý ở chỗ kể cả người cấp nhỏ. Giết đến quan đang có địa vị cao quý là phạt đến cấp cao nhất. Thưởng đến kẻ chăn trâu tắm ngựa là thưởng đến tận kẻ dưới.

Phạt đến kẻ trên cùng, thưởng đến tận kẻ dưới là những việc làm tăng thêm uy quyền của người tướng vậy".

Thiên thứ sáu

LỆ QUÂN

Võ Vương hỏi Thái Công: "Trẫm muốn khiến cho ba quân, lúc công thành thì tranh nhau lên, khi dã chiến thì tranh nhau tiến, nghe chiêng khua mà giận, nghe trống đánh mà mừng thì phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Tướng có ba điều cần biết".

Võ Vương hỏi: "Xin hỏi từng mục".

Thái Công đáp: "Tướng mà mùa hè không cần quạt, mùa đông không mặc áo lông cừu, gặp mưa không che lọng, gọi là Lễ Tướng. Làm tướng mà thần không giữ lễ, thì không biết được sự nóng rét của sĩ tốt.

Ra chốn hiểm trở, vào nơi sinh lầy, tướng phải đi trước, gọi là Lực Tướng. Làm tướng mà bản thân không lao lực thì không biết được sự cực khổ của sĩ tốt.

Quân đã yên nghỉ, tướng mới vào nhà. Cơm đều chín cả, tướng mới đến ăn. Quân không đốt lửa, tướng cũng không đốt. Gọi là Chỉ dục Tướng. Làm Tướng mà không ném qua cánh cực khổ thì không biết được sự đói lo của sĩ tốt.

Tướng cùng sĩ tốt chung cảnh nóng rét, cực khổ, đói no thì khi nghe trống đánh ba quân đều mừng, nghe chiêng khua ba quân đều giận, gặp thành cao hào sâu, tên bay đá ném vẫn tranh nhau lên, đao kiếm giáp nhau, vẫn tranh nhau tiến, không phải là họ thích bị thương vong, mà vì tướng biết đến cảnh ấm no đói rét, hiểu rõ sự lao khổ của họ".

Thiên thứ bảy

ÂM PHÙ

Võ Vương hỏi Thái Công: "Đem quân vào sâu đất chư hầu, nếu trong ba quân chợt có việc hoãn gấp có thể có lợi, có thể có hại. Vua với tướng muốn thông báo nhau từ gần đến xa, tiếp ứng nhau từ trong ra ngoài, cung cấp nhu cầu cho ba quân thì phải làm thế nào?".

Thái Công đáp: "Vua và tướng có thứ âm phù: (ám hiệu)

- Thứ đại thắng dài 1 thước
- Thứ giết quân bắt tướng dài 9 tấc
- Thứ chiếm đất hạ thành dài 8 tấc

- Thứ báo tin đuổi địch dài 7 tấc
- Thứ răn quân kiên thủ dài 6 tấc.
- Thứ xin lương thêm binh dài 5 tấc.
- Thứ quân thua tướng mất dài 4 tấc.
- Thứ bất lợi, chết quân dài 3 tấc.

Những người nhận lệnh thi hành âm phù cần phải thận trọng, nếu việc trong âm binh bị tiết lộ thì người nghe kẻ nói đều bị giết.

Vua và tướng dùng tám thứ âm phù này để bí mật thông báo tin tức với nhau chứ không dùng lời nói câu văn.

Đây là một thuật để trong ngoài hiểu nhau, nên dù địch có thánh trí cũng không thể biết được".

Võ Vương: "Thật là hay vậy".

Thiên thứ tám

ÂM THƯ

Võ Vương hỏi Thái Công: "Đem quân vào sâu đất chư hầu, vua và tướng muốn họp quân lại để hành sự, biến hóa vô cùng, hay mưu tính việc lợi trong khi địch bất trắc, như thế công việc rất nhiều mà âm phù không diễn tả được, đôi bên lại xa cách, không thể dùng lời nói thông tin với nhau, thì phải làm thế nào?".

Thái Công đáp: "Khi có chuyện mất hay toan tính việc lớn thì nên dùng thư mà không dùng phù. Vua viết thư cho tướng, tướng viết thư hỏi vua. Thư từ đều dùng cách hợp nhất phân chia, ba người phát đưa mà chỉ một người biết, nghĩa là lấy ý trong thư chia làm ba phần, giao cho ba người mang đi, nên không ai rõ được sự tình. Như thế gọi là âm thư, dù địch có thánh trí cũng không thể biết được".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

Thiên thứ chín

QUÂN THỂ

Võ Vương hỏi Thái Công: "Phép công phạt như thế nào?"

Thái Công đáp: "Phải nhân sự biến động của địch giữa hai trận đánh mà phát ra thế kị chính vô tận.

Cho nên việc đến không cần bàn, dùng binh không cần bàn nhiều vì ít có thời gian, binh đã dùng thì hình dáng không thể thấy nó, chợt đi chợt đến, không ai chế ngự được. Đó mới là biết cách dùng binh.

Phàm việc binh hãy nghe thì bàn bạc, thấy thì mưu đồ, biết liệu chỗ khó khăn, phân biện việc nguy hiểm. Nên người thiện chiến không chờ tiến lúc dàn quân, kẻ khéo trị đã biết diệt trừ khi họa chưa xảy đến.

Người giỏi thắng địch, thắng từ lúc vô hình, khi ra trận không được giao chiến. Cho nên tranh thắng nơi trận mạc không phải là tướng giỏi, phòng bị khi đã mất không phải là bậc thánh, dạy dỗ như mọi người không phải là bậc thánh, trị giống như mọi người không phải là bậc quốc sư, tài nghệ như mọi người không phải là bậc quốc công.

Không gì lớn hơn là việc đã hoàn thành. Không gì khéo hơn là bình tĩnh hành động, không gì hay hơn là bất ngờ. Mưu không gì tốt hơn là kín đáo. Người thắng trước là kẻ đã thấy chỗ yếu của địch rồi mới đánh, nên chỉ làm một nửa mà hiệu suất gấp bội.

Thánh nhân xem sự biến động của trời đất mà biết được giềng mối, xét đạo âm dương mà tùy thế tùy thời. Trời đất đầy vơi là lẽ thường, vạn vật sống chết là do hình tượng của trời đất, nên chưa thấy hình dạng mà đánh thì dù đông vẫn thua.

Người thiện chiến, sẵn có tinh thần bất khuất, thấy thắng thì khởi binh, không thắng thì dừng, nên mới nói rằng không sợ hãi mà cũng không do dự. Trong phép dùng binh, do dự là một điều tai hại nhất. Tai vạ trong ba quân, không có gì hơn là hồ nghi.

Người thiện chiến, thấy lợi không thể mất, gặp thời không hồ nghi, vì để mất lợi thì sau phải gánh lấy tai ương.

Nên người có trí, tùy thời mà không bỏ lợi. Kẻ khéo tính, cương quyết mà không phân vân, như sấm không kịp che tai, chớp nhanh không kịp nhắm mắt, đi mau như sợ hãi, dùng binh như điên cuồng, ai ngăn thì phải vỡ, ai gần thì phải chết, không ai có thể chống cự.

Phàm tướng không nói mà giữ được là thần, không nhìn mà thấy được là minh (sáng). Nên biết đạo thần minh thì trong rừng không có giặc hoành hành, trước mắt không có nước đối lập".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

Thiên thứ mười

KÌ BINH

Võ Vương hỏi Thái Công: "Điều quan trọng trong phép dùng binh như thế nào?"

Thái Công đáp: "Xưa kia, những người thiện chiến không phải đánh ở trên trời, cũng không phải đánh ở dưới đất, mọi việc thành bại đều do "thế" mà ra. Được thế thì thịnh, thất thế thì mất.

Thường giữa hai trận đánh, ta dàn quân cời giáp cho sĩ tốt nghỉ ngơi, thi hành kế hoạch của trận đánh.

Đóng nơi cây cỏ rậm rạp để có chỗ ẩn nấp, nơi hang sâu hiểm trở để ngăn xe chống kị binh, nơi núi rừng quan ải để dùng ít đánh nhiều, nơi ao đầm âm u để che giấu hình dáng, nơi đồng trống quang đãng để dùng sức tranh hùng.

Nhanh như tên bay, đạn bắn để phá chỗ tinh vi của địch, bày mưu ẩn núp, đem binh dẫn dụ để phá quân, bắt tướng. Chia tư xẻ năm để phá thế vuông tròn. Khiến địch sợ hãi để dùng một đánh mười. Thừa lúc địch mệt để lấy mười đánh trăm.

Dùng kỹ thuật để vượt sông ngòi. Nỏ cứng giáo dài để đánh thủy chiến. Do thám quan ải, đột nhập nhanh chóng để chiếm ấp hạ thành. Đánh trông âm ỉ để dùng kế lạ. Mưa to gió lớn để đánh trước chặn sau. Giả làm sứ địch để chặn đường tải lương, giả mạo hiệu lệnh, ăn mặc như địch để phòng khi chạy trốn.

Lấy nghĩa mà đánh để khích quân thẳng địch. Thăng chức trọng thưởng để khiến quân tuân hành. Nghiêm hình trọng phạt để răn quân lười biếng. Khi vui khi giận, lúc lấy lúc cho, khi văn khi võ, lúc nhanh lúc chậm để điều hòa ba quân trị người dưới tướng.

Ở nơi cao rộng để tiện việc phòng thủ, giữa chốn hiểm nguy để dễ bề cùng cố, rừng núi rậm rạp để che dấu sự đi lại, lũy cao hào sâu lương đầy để cầm cự lâu dài.

Cho nên không biết mưu kế tấn công thì không thể nói là vô địch, không biết cách phân chia thay đổi thì không thể nói là li kì, không giỏi cách trị loạn thì không thể nói là ứng biến.

Nên mới nói rằng: "Tướng không có nhân thì ba quân không thân, tướng không có dũng thì ba quân không tinh nhuệ, tướng không có trí thì ba quân

nghe, tướng không sáng suốt thì ba quân nghiêng ngửa, tướng không tinh vi thì ba quân lơ là, tướng không hay rắn dạy thì ba quân không phòng bị, tướng không cương quyết thì ba quân bê trễ.

Cho nên tướng là tư lệnh của ba quân, có thể khiến ba quân yên, có thể khiến ba quân loạn. Tướng giỏi thì quân cường nước thịnh, tướng không giỏi thì quân suy nước mất".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

Thiên thứ mười một

NGŨ ÂM

Võ Vương hỏi Thái Công: "Nghe âm thanh luật quản (nhạc cụ chế bằng ống trúc để làm tiêu chuẩn cho các âm thanh) có thể biết được tin tức của ba quân, có quyết định sự thắng bại hay không?"

Thái Công đáp: "Câu hỏi của vua thật là sâu sắc. Luật quản có mười hai thứ, căn bản là ngũ âm: cung, thương, giác, chủy, vũ. Đây là những âm thanh chính, muôn đời không thay đổi, là chỗ thần diệu của ngũ hành mà cũng là lẽ thường của đạo.

Nhờ ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, ta có thể biết được địch và dùng cái hay của mỗi loại để tấn công họ.

Ngày xưa, Tam Hoàng, lấy sự khiêm nhường mà trị sự cứng cõi, chưa có chữ nghĩa, chỉ dùng ngũ hành. Ngũ hành là đạo tự nhiên của trời đất, chia thành lục giáp thần diệu vô cùng.

Phương pháp áp dụng là nhân lúc trời trong sáng không mây mù mưa gió, nửa đêm đem quân đột nhập thành lũy địch, cách hơn chín trăm bước, tay cầm luật quản, gào thét bên tai địch, trong âm thanh kinh động xen lẫn tiếng quản nghe rất nhỏ.

Tiếng trống âm giác (mộc) thì dùng bạch hổ (kim), trống âm thủy (hỏa) thì dùng huyền vũ (thủy), trống âm thương (kim) thì dùng chu tước (hỏa), trống âm vũ (thủy) thì dùng câu trần (thổ). Tiếng quân chấm dứt không trống âm nào là cung (thô) thì dùng thanh long (mộc), đây là âm hiệu ngũ hành giúp cho chiến thắng, là cơ sở của sự thành bại".

Võ Vương nói: "Hay lắm"

Thái Công tiếp: "Khi nghe âm thanh khác lạ thì phải dò xét bên ngoài"

Võ Vương hỏi: "Làm sao mà biết?"

Thái Công đáp: "Trong khi địch kinh động thì ta để ý nghe. Nghe tiếng trống là giặc, thấy lửa sáng là chủ, nghe tiếng kim khí là thương, nghe tiếng reo hò là vũ, im lặng không có tiếng động là cung. Đây là âm hiệu của thanh sắc".

Thiên thứ mười hai

BINH TRUNG

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi chưa đánh nhau, ta muốn biết trước sự mạnh yếu của địch, thấy trước cái điềm thắng bại thì phải làm thế nào?".

Thái Công đáp: "Cái điềm thắng bại, có thể nhìn thấy ở tinh thần. Người tướng sáng suốt biết xem xét, thì cái bại thuộc về người khác.

Cẩn thận là do sự ra vào tiến lui của địch, xem xét động tĩnh, lời nói tốt xấu do binh sĩ địch tiết lộ.

Nếu ba quân vui vẻ, sĩ tốt tôn trọng pháp luật, tuân theo lệnh tướng, lấy việc phá địch để cùng vui, lấy lòng dũng mãnh để phô tài, lấy uy vũ để kính nhau, thì đấy là điềm mạnh.

Nếu ba quân hay sợ hãi. Sĩ tốt không một lòng lấy địch mạnh dọa nhau, đem điều bất lợi bảo nhau, kháo nhau không hết chuyện xấu, mọi người bàn tán nghi hoặc lẫn nhau, không theo pháp luật, không trọng tướng mình, thì đấy là điềm yếu.

Nếu ba quân tề chỉnh, trận thế vững vàng, thành cao hào sâu, lại được lợi khi mưa to gió lớn, ba quân chỉ chờ ra phía trước, tiếng chiêng vang rất thanh, tiếng trống kêu rất to, thì đấy là được sự giúp đỡ của thần linh, là điềm thắng lớn.

Nếu ra trận không vững vàng, cờ xí rối loạn quần lấy nhau, không lợi khi mưa to gió lớn, sĩ tốt kinh hãi, khí thế bị mất, ngựa chiến sợ chạy, xe bị gãy trục, tiếng chiêng thấp đục, tiếng trống khàn như bị thấm nước, thì đấy là điềm thua to.

Phàm đánh thành vây ấp mà trông thấy khí sắc trong thành như tro tàn thì thành ấy có thể đánh được, khí trong thành bốc về hướng Bắc thì thành ấy có thể lấy được. Bốc về hướng Tây thì thành ấy phải đầu hàng. Bốc về hướng Nam thì thành ấy không thể chiếm được. Bốc về hướng Đông thì thành ấy không thể đánh được. Bốc rồi lại bay vào là chủ tướng chạy trốn. Bốc lên rồi che trên quân ta thì quân ta mắc bệnh. Bốc lên cao mãi không dứt là phải chiến đấu lâu dài.

Khi đánh thành vây áp quá một tuần mà không mưa không sấm, thì phải bỏ đi ngay, vì trong thành đã có người trợ giúp.

Đây là điềm để biết trước có thể đánh được thì mới đánh, không thể đánh được thì thôi".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

Thiên thứ mười ba

NÔNG KHÍ

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi thiên hạ yên ổn trong nước vô sự, ta không cần tu bổ chiến cụ, không cần lo việc phòng thủ có được chăng?".

Thái Công đáp: "Những công cụ tấn công hay phòng thủ đều do công việc của con người.

Việc cấy cấy gây trở ngại cho ngựa đi. Xe cộ, ngựa, trâu là dinh dưỡng, thuần, mộc. Dụng cụ cấy bừa là binh khí, mâu, kích. Dù, nón, áo tơi là binh giáp che thân. Cuốc, mai, búa, cưa, chày, cối là vật dụng đánh thành. Trâu, bò, ngựa để vận tải lương thực. Chó, gà để canh phòng kẻ địch. Đàn bà dệt vải để làm cờ xí. Đàn ông san đất là đánh thành.

Mùa xuân sạch cỏ gai là đánh kị binh, mùa hè làm cỏ ngoài đồng là đánh quân bộ, mùa thu gặt lúa là dự trữ lương thực, mùa đông chất đầy kho chứa là để phòng thủ vững chắc.

Tổ chức hàng ngũ ở ruộng vườn là tín hiệu gắn bó. Trong làng có viên chức, trong quan có hàng tướng soái. Quanh làng có tường rào ngăn cách là phân chia đội ngũ. Thu thóc, lấy cỏ, làm kho chứa. Xuân thu hai mùa sửa sang thành quách, tu chỉnh mương rạch để đắp chiến lũy.

Cho nên vật dụng dùng vào việc binh là đều ở công việc của con người. Biết chọn những công việc đó là người giỏi trị nước, nên phải khéo dùng các loại gia súc, khai khẩn đất đai, ổn định nhà cửa, đàn ông làm ruộng, đàn bà dệt vải. Đây là đạo khiến cho nước giàu quân mạnh".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

QUYỂN IV

HỒ THAO

Thiên thứ nhất

QUÂN DỤNG

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi vua điều binh, các vật dụng trong ba quân, chiến cụ quân khí ít hay nhiều, có theo khuôn phép không?".

Thái Công đáp: "Câu hỏi của vua thật là lớn. Các loại chiến cụ quân khí đều có kích thước và số lượng riêng. Đây là cái uy lớn của nhà vua". Võ Vương nói: "Xin được nghe về điều này".

Thái Công đáp: "Phàm chỉ huy đại binh, tướng và giáp sĩ hàng vạn người, theo phép phải dùng:

- Xe võ xung to 36 cỗ, quân giỏi nỏ cứng mâu kích yểm hộ hai bên, mỗi xe có 24 người đẩy. Dùng bánh xe tám thước, trên xe đặt cờ trống, binh pháp gọi là chấn hải, để phá trận kiên cố, đánh quân địch mạnh.

- Xe võ dục to 72 chiếc, quân giỏi nỏ cứng mâu kích yểm hộ hai bên, dùng bánh xe 5 thước, cột nỏ vào xe, để phá trận kiên cố, đánh quân địch mạnh.

- Xe đề dục nhỏ 140 chiếc, cột nỏ vào xe dùng bánh xe hươu, để phá trận kiên cố, đánh quân địch mạnh.

- Xe đại hoàng tham liên 36 cỗ, quân giỏi nỏ cứng mâu kích yểm hộ hai bên, sử dụng phi phù và điện ảnh. Phi phù là loại tên cán đỏ cánh trắng, đầu bằng đồng. Điện ảnh là loại tên cánh xanh cánh đỏ, đầu bằng sắt. Ban ngày dùng lụa đỏ dài 6 thước, rộng 6 tấc làm dấu hiệu sao băng, để phá trận kiên cố, đánh quân bộ và kỵ binh.

- Xe xung kích to 36 cỗ, chở ra võ sĩ cảm tử, có thể xông pha ngang dọc, đánh xe quân nhu và kỵ binh, còn gọi là điện xa. Binh pháp

gọi là điện kích để phá trận kiên cố, đánh bộ binh, kỵ binh tấn công ban đêm.

- Xe mâu kích nhẹ 160 chiếc, mỗi xe có 3 võ sĩ cầm tử. Binh pháp gọi là đình kích, để phá trận kiên cố, đánh bộ binh và kỵ binh.

- Gậy sắt đầu vuông nặng 12 cân, chuôi dài 5 thước trở lên, 1.200 cây, gọi là thiên bồi.

- Rìu to lưỡi dài 8 tấc, nặng 8 cân chuôi dài 5 thước trở lên. 1.200 cây, còn gọi là thiên việt.

- Búa sắt đầu vuông nặng 8 cân, chuôi dài 5 thước, 1200 cây, còn gọi là thiên chùy, để đánh bộ binh và kỵ binh.

- Phi câu dài 8 tấc, câu mang dài 4 tấc, chuôi dài 6 thước trở lên, 1.200 cây để khi phòng thủ phóng vào quân giặc.

- Xe xung kích gỗ rộng 2 trượng, 120 chiếc còn gọi là hành mã, đi trên đất bằng, để bộ binh đánh quân xa và kỵ binh.

- Xe úi gai góc, 2 thước 5 tấc, 120 chiếc để đánh bộ binh và kỵ binh.

- Muốn đuổi giặc thua chạy, dùng xe đoàn xung mâu kích 120 chiếc, xưa Hoàng đế đã dùng để đánh bại Sy-Vưu và quân bộ binh, kỵ binh.

Muốn đuổi giặc thua chạy, nơi ngõ đường mòn đặt chông sắt lưỡi nhọn 4 tấc, rộng 8 tấc, dài 6 thước trở lên, 1.200 cây, để đánh bộ binh và kỵ binh.

Phòng giặc thành linh kéo đến khiêu chiến trước khi trời tối, đặt lưỡi dao, chông 2 mũi và gai nhọn hình ngôi sao, rải rác khắp mặt đất, cách nhau 2 tấc, 12.000 cái.

Nơi đồng cỏ trống trải: đặt mâu ngắn cán vuông bằng sắt, 1200 cây, và mâu dài cán sắt cao 1 thước 5 tấc, để đánh bộ binh, kỵ binh.

Muốn đuổi giặc thua chạy thì ở nơi đường mòn ngõ hẹp đặt thiết giới phong tỏa 120 bộ, để đánh bộ binh, kỵ binh.

Muốn đuổi giặc thua chạy chống giữ cửa thành, dùng xe mâu kích nhỏ 12 chiếc, cột nổ trên xe.

Khi ba quân phòng thủ, dùng phen tre nối thành 1 bộ, rộng 1 trượng 5 thước, cao 8 thước, 120 bộ.

Xe chống đao kiếm rộng 1 trượng 5 thước, cao 8 thước, 520 bộ.

Phi kiều 1 bộ để vượt hào sâu, rộng 1 trượng 5 thước, dài 2 trượng trở lên, dùng ròng rã 8 bộ, cột dây kéo lên.

Phi giang 8 bộ, để vượt sông rộng 1 trượng, 5 thước, dài 2 trượng trở lên, cột dây kéo lên.

Thiên phu 32 chiếc trong vòng ngoài tròn, đường kính 4 thước trở lên, để nối liền với nhau.

Đặt phi giang lên thiên phù để vượt qua bể cả gọi là thiên hoàng hay là thiên hương (thuyền).

Đóng quân nơi rừng núi thì kết phen che dinh, xung quanh có cọc sắt dài 2 trượng trở lên, 1.200 cây.

Dây to 4 tấc, dài 4 trượng trở lên, 600 sợi

Dây vừa 2 tấc, dài 4 trượng trở lên, 200 sợi

Dây nhỏ dài 2 trượng trở lên, 1.200 sợi.

Trời mưa dùng ván đập xe rộng 4 thước, dài 4 trượng trở lên, mỗi xe dùng bằng cọc sắt.

Rìu to để chặt cây, nặng 8 cân, chuôi dài ba thước trở lên, 300 cây.

Kích bọc lụa đỏ lưỡi rộng 6 tấc, chuôi dài năm thước trở lên, 300 cây.

Đồng trục dài 5 thước trở lên, 300 cây.

Cào sắt chuôi dài 7 thước trở lên, 300 cây.

Chĩa sắt chuôi dài 7 thước trở lên, 300 cây

Chĩa sắt 2 ngành chuôi dài 7 thước trở lên, 300 cây. Liềm to phát cỏ, chuôi dài 7 thước trở lên 300 cây

Đấu to nặng 8 cân, chuôi dài 6 thước, 300 cây.

Cọc sắt dài 3 thước trở lên, 300 cây

Búa to nặng 5 cân, chuôi dài 2 thước trở lên 120 cây

Giáp sĩ 10.000 người. Nỏ cứng 6.000 chiếc. Kích thuẫn 2.000 bộ

Mâu thuẫn 2.000 bộ

Thợ giỏi để sửa chiến cụ, mài binh khí, 300 người.

Đây là số lượng lớn về quân dụng để dùng vào việc binh”.

Võ Vương nói: "Đúng thay".

Thiên thứ hai

TAM TRẬN

Võ Vương hỏi Thái Công: "Phàm dùng binh bày thiên trận, địa trận, nhân trận như thế nào?"

Thái Công đáp: "Mặt trời, mặt trăng, sao đẩu sao tiêu, một bên trái, một bên phải, một đằng trước, một đằng sau, gọi là thiên trận.

Gò, đồng, sông, suối cũng có lợi về đằng trước đằng sau, bên trái, bên phải gọi là địa trận.

Dùng xe, dùng ngựa, dùng văn, dùng võ gọi là nhân trận".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

Thiên thứ ba

TẬT CHIẾN

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi địch vây ta, cắt đứt phía trước, phía sau, chặn đường vận chuyển lương thực của ta thì phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Đấy là quân ta bị nguy khốn. Dùng binh nhanh bạo thì thắng, chậm trễ thì thua. Trong tình trạng này, phải áp dụng tử võ xung trận. Dùng chiến xa và kị binh dũng cảm gây rối trong hàng ngũ địch, rồi thừa cơ đánh thật nhanh thì có thể tự do tung hoành".

Võ Vương hỏi: "Khi thoát khỏi vòng vây, ta muốn nhân dịp đó mà đánh thẳng địch thì phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Quân bên trái đánh nhanh về phía trái, quân bên phải đánh nhanh về bên phải, không tranh giành đường đi với địch. Quân ở giữa thì thay đổi khi trước khi sau. Như thế, binh địch tuy đông, nhưng tướng có thể bỏ chạy".

Thiên thứ bốn

TẬT XUẤT

Võ Vương hỏi Thái Công: "Đem quân vào sâu đất chư hầu, bị địch bao vây bốn mặt, chặn đường rút lui cắt đứt đường vận chuyển lương thực của ta. Quân địch đã đông, lương thực lại nhiều, ta rơi vào hoàn cảnh nguy hiểm mà muốn thoát ra thì phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Cách để thoát ra là lấy khí giới làm quý, chiến đấu anh dũng làm đầu, biết rõ điểm yếu của địch và những chỗ không có người thì có thể thoát được.

Tướng sĩ cầm cờ đen, mang khí giới, ngâm hàm mai, chờ đêm đến đem hết sức.

Tướng sĩ can đảm dàn hàng ngang đi đầu, mở đường cho quân tiến lên. Quân giỏi nỗ cứng làm phục binh đi sau, quân yếu va xa kị đi giữa. Dàn trận xong rồi thông thả mà đi, cẩn thận đề phòng, không nên sợ hãi, cho xe võ xung đi trước và sau để chống cự, xe võ dực phòng vệ hai mặt phải, qua trái.

Nếu quân địch phát giác, thì tướng sĩ can đảm đánh nhanh về trước, quân yếu và xa kị theo sau, quân giỏi nỗ cứng mai phục một nơi để theo dõi, chờ địch đuổi đến thì nổi trônng đốt lửa, đánh mạnh sau lưng như ở dưới đất chui lên: từ trên trời rơi xuống, ba quân chiến đấu mạnh mẽ thì địch không có thể chống lại ta".

Võ Vương nói: "Phía trước có sông to, hào rộng hố sâu, ta muốn vượt qua mà không chuẩn bị thuyền bè. Quân địch đóng đồn ngăn trước chặn sau, các nơi hiểm yếu đều có quân thường xuyên canh giới. Quân xa kị đón đánh phía trước, quân cảm tử đuổi đánh phía sau thì làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Nơi sông to, hào rộng, hố sâu quân địch thường không lưu ý phòng thủ, hoặc có phòng thủ thì quân cũng ít.

Gặp trường hợp này thì dùng thuyền để vượt qua, quân sĩ khỏe mạnh và tài giỏi, dưới sự chỉ huy của ta, cảm tử xông vào trận địch.

Trước phải đốt hết quân dụng, kể đến thiêu hủy lương thực, rồi nói rõ cho sĩ tốt biết nếu đánh mạnh thì sống, không đánh mạnh thì chết.

Khi ra khỏi thì ra lệnh cho quân phía sau nổi lửa canh phòng, ở những nơi có cây cỏ gò mô hiểm trở, quân xa kị đích ắt không dám đuổi theo quá xa. Vì có lửa làm dấu, nên ra lệnh cho quân chạy đến chỗ có lửa thì dừng, gọi là tư võ xung trận. Như thế, ba quân đều chiến đấu mạnh mẽ, không gì có thể ngăn cản được".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

Thiên thứ năm

QUÂN LƯỢC

Võ Vương hỏi Thái Công: "Đem quân vào sâu đất chư hầu, gặp khe sâu suối lớn, dòng nước hiểm trở, ba quân chưa qua hết thì có mưa to, dòng nước chảy xiết, phía sau không liên lạc được với phía trước. Ta không chuẩn bị thuyền bè,

dưới nước cũng không có cây cối có thể giúp mình sang sông. Ta muốn vượt sông thì làm thế nào?".

Thái Công đáp: "Khi đem quân đi tác chiến mà tướng không tính trước, khí giới không đầy đủ, huấn luyện không tinh tường, binh sĩ không thuần phục, như thế không phải là quân của bậc vua chúa.

Khi ba quân lâm chiến ai cũng phải biết sử dụng các loại khí giới. Đánh thành, vây ấp thì có xe để đánh thành. Trước khi xung kích, muốn nhìn rõ trong thành thì phải có thang cao. Ba quân đi hay dừng thì phải có xe võ xung phòng thủ trước sau.

Gặp đường cùng ngõ hẹp thì phải có quân giỏi, nỏ cứng bảo vệ hai bên đường. Xây cất dinh lũy thì có lưới sắt phen tre, cỏ gai ngăn cản ngựa, ban ngày lên thang cao nhìn xa, dựng cờ ngũ sắc, ban đêm thả hàng vạn ngọn đèn, đánh trống khua chiêng thổi kèn, vượt hào sâu thì có phi kiêu, bừa, cuốc. Qua sông to thì có thuyền. Đi ngược dòng nước thì có cầu nổi. Ba quân có đầy đủ dụng cụ thì chủ tướng không còn lo gì nữa".

Thiên thứ sáu

LÂM CẢNH

Võ Vương hỏi Thái Công: "Ta với địch đánh nhau ở biên cương, địch có thể đến chỗ ta, ta có thể đến nơi địch, hai bên đều dàn trận kiên cố, không ai dám đốc binh trước. Ta muốn tiến công địch, địch cũng có thể tiến công ta, thì phải làm sao?".

Thái Công đáp: "Chia quân ra ba nơi. Lệnh cho tiền quân đào hào đắp lũy mà không ra, trương cờ xí đánh trống trận mà phòng ngự.

Lệnh cho hậu quân tích trữ lương thực, không để địch biết ý định của ta. Rồi sai quân tinh nhuệ len lỏi trà trộn vào trong dự địch, đánh lúc họ không để ý, tiến công khi họ không phòng bị, địch không biết tình hình ta, nên không chống lại được".

Võ Vương hỏi: "Địch biết tình hình ta, rõ mưu kế ta, thám thính được sự việc của ta, đem quân tinh nhuệ mai phục nơi rậm rạp hiểm trở, đánh vào chỗ yếu của ta, thì phải làm thế nào?".

Thái Công đáp: "Lệnh cho tiền quân ban ngày ra khiêu chiến làm cho địch mỏi mệt. Cho quân già yếu cầm cây, đánh trống, hò reo qua lại ở hai bên,

không quá trăm bước.

Tướng địch sẽ phải mệt, quân địch sẽ phải sợ hãi, như thế địch sẽ không dám đến chỗ ta, co ta có thể qua bên địch mà không bị ngăn cản, hoặc kích bên trong hoặc kích bên ngoài, ba quân đánh úp thật nhanh thì địch phải thua”.

Thiên thứ bảy

ĐỘNG TĨNH

Võ Vương hỏi Thái Công: "Đem quân vào sâu đất chư hầu, chạm trán với địch, hai bên đang ghìm nhau, mạnh yếu đều ngang nhau, chưa ai dám đánh trước.

Ta muốn làm cho tướng địch sợ hãi, sĩ tốt của nó lo âu khi đi trận khí thế không vững vàng, phía sau chỉ muốn chạy, phía trước nhìn về phía sau, ta thừa cơ đánh trống reo hò, khiến địch bỏ chạy thì phải làm thế nào?".

Thái Công đáp: "Như thế thì ta đem quân đánh địch mười dặm, mai phục hai bên sườn, cho quân xa kỵ vượt qua hai phía trước và sau quân địch chừng trăm dặm, dùng nhiều cờ xí và chiêng trống.

Khi đánh nhau thì nổi trống reo hò, tướng địch phải kinh hoàng, quân địch sợ hãi, không cứu được nhau, người sang kẻ hèn không đợi nhau thì địch phải thua".

Văn Vương hỏi: "Nếu địa thế địch khiến ta không thể mai phục hai bên, quân xa kỵ không thể vượt qua hai phía trước sau, địch biết ý ta nên đề phòng trước. Quân ta hoang mang tướng tá sợ hãi, không đánh thắng địch thì làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Câu hỏi của vua thật là tế nhị. Như thế thì trước khi giao chiến năm ngày, cho quân xích hầu thám thính tin tức địch, để biết rõ nơi họ sẽ đến, rồi dàn quân phục kích đợi chờ, rồi dụ địch vào tử địa.

Ta tránh giao chiến với địch, đưa cờ xí ra xa hàng ngũ lỏng lẻo, địch ắt đuổi theo, ta bèn chống cự, đánh nhau một trận rồi bỏ chạy không ngớt khu chiêng, chạy được ba dặm thì quay lại, khi ấy phục binh nổi lên, hoặc vây hãm hai bên sườn, hoặc công kích hai phía trước và sau, ba quân đánh áp sát thật nhanh thì địch phải chạy".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

Thiên thứ tám

KIM CỔ

Võ Vương hỏi Thái Công: "Đem quân vào sâu đất chư hầu, chạm trán với địch, gặp thời tiết quá lạnh, quá nóng, mưa dầm hết ngày này sang ngày khác. Hào lũy đều hư, cửa ải không phòng thủ, quân xích hầu biếng nhác, sĩ tốt không cảnh giới. Ban đêm địch đến ba quân không đề phòng, trên dưới rối loạn thì phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Phàm trong ba quân, phải cảnh giác thật nghiêm ngặt, biếng nhác thì thua.

Ra lệnh cho quân trên thành, mọi người đều phải cầm cờ xí, dùng dấu hiệu để truyền lệnh mà không dùng lời nói. Tất cả đều hướng về bên ngoài, ba ngàn người lập thành một đồn, nhắc nhở nhau mỗi người phải giữ gìn cẩn thận chỗ của mình.

Nếu quân địch đến, thấy ta cảnh giới, thì cũng phải bỏ về, đã mệt sức lại nhụt chí, bấy giờ ta cho quân tinh nhuệ đuổi theo mà đánh".

Võ Vương hỏi: "Nếu địch biết ta đuổi theo mà phục binh tinh nhuệ, giả thua chạy qua chỗ phục kích rồi quay lại, hoặc đánh phía trước, hoặc đánh phía sau, hoặc đánh thành của ta. Ba quân sợ hãi rối loạn, mất cả trật tự bỏ chỗ của mình, thì làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Chia quân làm ba đội mà đuổi theo, đừng vượt qua chỗ phục binh của họ. Khi ba đội cùng đến, hoặc đánh hai phía trước sau; hoặc hãm hai bên sườn, hiệu lệnh rõ ràng, đánh nhanh đánh trước thì địch phải thua".

Thiên thứ chín

TUYỆT ĐẠO

Võ Vương hỏi Thái Công: "Đem quân vào sâu đất chư hầu, cầm cự với địch, địch chặn đường vận tải lương thực của ta, lại vượt qua hai phía trước và sau của ta.

Nếu ta đánh thì không thắng, mà thủ thì không giữ được lâu, vậy phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Khi đi sâu vào đất địch, phải xét tình thế đất đai tìm chỗ tiện lợi, dựa vào núi rừng hiểm trở, có thể suối nước, cây cối mà củng cố, phòng thủ cẩn thận các nơi quan trọng, lại phải biết lợi thế của thành ấp gò mả.

Như thế thì quân ta vững vàng, địch không thể chặn đường vận tải, lương thực cũng không thể vượt qua hai phía trước và sau của ta.

Võ Vương hỏi: "Ba quân qua đồi cao đầm rộng hay chỗ đất bằng phẳng, quân ta bị thất lạc, đột nhiên giao chiến với địch, nếu đánh thì không thắng, mà thủ thì không vững. Địch bố trí hai bên sườn và vượt qua hai mặt trước và sau của ta khiến cho ba quân kinh sợ thì làm thế nào?".

Thái Công đáp: "Phàm phép cầm binh, cách địch hai trăm dặm phải cho quân xích hầu đi trước để biết rõ địa thế bất lợi của địch, rồi đem xe vò xung làm thành lũy mà tiến lên.

Đặt hai cánh viện binh phía sau, cánh xa trăm dặm, cánh gần năm chục dặm, nếu có chuyện khẩn cấp thì trước sau có thể cứu nhau.

Ba quân luôn luôn phòng bị vững chắc thì không bị tổn thất".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

Thiên thứ mười

LƯỢC ĐỊA

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi đánh thắng, tiến sâu vào chiếm đất địch gặp thành lớn không hạ được, lại có một đạo quân đặc biệt của địch đóng nơi hiểm yếu chống lại ta.

Ta muốn đánh thành vây ấp, chỉ e quân địch bất chợt kéo đến, trong ngoài liên kết vây đánh ta, khiến ba quân rối loạn, trên dưới sợ hãi, thì phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Phàm khi công thành xây ấp thì cho quân xa kị đóng đồn ở xa để cảnh giới và ngăn trở sự liên lạc giữa bên trong và bên ngoài. Nên bên trong hết lương bên ngoài không thể đưa vào, người trong thành sợ hãi thì tướng địch phải đầu hàng.

Võ Vương hỏi: "Nếu bên trong hết lương, bên ngoài không thể đưa vào, địch lén giao ước với nhau, mưu kế bí mật, ban đêm đưa quân cầm tử ra quyết chiến, quân xa kị tinh nhuệ xông thẳng vào trong trận ta, hoặc đánh từ ngoài vào không cho sĩ tốt hoang mang, ba quân tán loạn, thì làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Như thế thì chia quân làm ba phần, xem kỹ địa hình mà chiến đấu, dò xét nơi trụ quân và thành lũy địch, nhân đó bố trí để như địch, để phòng căn mật không để sơ hở.

Quân địch sợ hãi, nếu không chạy vào rừng núi thì chạy về ấp lớn. Cho toán quân địch đi rồi, đem quân xa kị vượt lên đón phía trước dừng để họ trốn thoát.

Người trong thành tưởng là toán quân đi trước đã tìm được lối thoát, ắt cho quân giỏi ra theo, chỉ để lại binh sĩ già yếu. Khi ấy ta đem quân xa kị đuổi theo thật xa, khiến địch không dám ra nữa, nhưng tránh giao chiến với địch, mà chỉ bao vây phòng thủ bên ngoài để chặn đường vận lương của địch.

Không đốt đồ vật, không phá nhà cửa, không dẫn cây cối, không giết kẻ đầu hàng, không hại người bị bắt. Chỉ thị điều nhân nghĩa, ban ân đức sâu rộng, lệnh cho quân dân địch biết là tội chỉ do một người, như thế thì thiên hạ sẽ yên phục".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

Thiên thứ mười một

HÒA CHIẾN

Võ Vương hỏi Thái Công: "Đem quân vào sâu đất chư hầu, gặp nơi cỏ rậm um tùm bao phủ quân ta bốn phía, đi vài trăm dặm thì người ngựa mệt mỏi phải nghỉ ngơi.

Địch thừa lúc trời nắng gió to, đốt lửa ở đầu gió, lại cho quân giỏi và xa kị phục sau lưng ta khiến ba quân sợ hãi, bỏ chạy tán loạn, thì phải làm thế nào?"

Thái Công đáp : "Như thế thì dùng thang mây và lầu cao để nhìn xa hai bên phải trái, quan sát hai phía trước và sau, thấy lửa cháy thì lập tức đốt phía trước cho cháy rộng ra và đốt luôn phía sau ta.

Nếu địch đến phía trước thì dẫn quân lui theo chỗ đất đen. Nếu địch đến phía sau, thấy lửa cháy ắt chạy trở về. Ta cứ tìm chỗ đất đen mà đóng, cho quân giỏi nổ súng bảo vệ hai bên phải trái và đất hai phía trước sau thì địch không thể hại ta được.

Võ Vương hỏi: "Địch đốt hai bên phải trái của ta, lại đốt cả hai phía trước sau, khói mù che lấp quân ta, đại binh địch cũng tìm chỗ đất đen mà đến thì làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Như thế thì áp dụng tử võ xung trận, cùng xông ra bốn mặt, cho quân giỏi nổ súng bảo vệ hai bên phải trái, theo cách này thì không thắng nhưng cũng không thua".

Thiên thứ mười hai

LUỸ HƯ

Võ Vương hỏi Thái Công: "Làm thế nào mà biết được sự hư hay thực, việc đi hay đến trong thành lũy địch".

Thái Công đáp: "Làm tướng phải trên rõ đạo trời, dưới rành địa lí giữa thông nhân sự, lên chỗ cao trông xuống để quan sát sự biến động của địch, nhìn thành lũy thì biết thực hay hư, xem sĩ tốt thì biết đi hay đến".

Võ Vương hỏi: "Làm sao mà biết?"

Thái Công đáp: "Nghe không có tiếng trống, tiếng chiêng, trông lên thành thấy nhiều chim bay lượn mà không sợ hãi, không thấy có hung khí, thì biết địch giả đặt người gỗ.

Địch bỏ đi không xa, chưa ổn định quân thế mà quay trở lại, là họ dùng binh quá vội vàng. Vội vàng thì trước sau không theo thứ tự, mất thứ tự thì ra trận phải loạn.

Như vậy, ta mau đem quân tấn công, lấy ít đánh nhiều cũng thắng địch".

QUYÊN V

BÁO THAO

Thiên thứ nhất

LÂM CHIẾN

Võ Vương hỏi Thái Công: “Khi dẫn quân tiến sâu vào đất chư hầu gặp phải rừng rậm, ta và địch chia rừng ra chống giữ nhau. Ta làm thế nào để thủ thì kiên cố” mà đánh thì chắc thắng?”

Thái Công đáp: "Cho ba quân của ta lập thành một đội, xung kích, chỗ nào tiện lợi thì đóng quân cung nỏ bên ngoài kích thuận ở bên trong. Chặt cây cỏ cho thật trống, để tiện đường đánh giặc của ta.

Chỗ cao cắm cờ xí, nhắc nhở binh sĩ cẩn thận không để cho địch biết rõ tình hình của phép đánh giặc trong rừng thì phải cho quân sử dụng mâu kích xếp thành hàng ngũ, chỗ rừng thưa cho kỵ binh yểm trợ, chiến xa đặt ở hàng trước, thấy tiện lợi thì đánh, thấy không có lợi thì dừng.

Ở cánh rừng hiểm trở ắt phải bố trí một đội xung kích để phòng ngừa mặt trước mặt sau, quân ta phải đánh nhanh, quân địch tuy đông nhưng tướng địch ắt sẽ bỏ chạy, ta cho binh sĩ luân phiên vừa đánh vừa nghỉ. Mọi người phải đi theo đội ngũ của mình, ấy là phép đánh giặc trong rừng".

Thiên thứ hai

ĐỘT CHIẾN

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi quân địch tiến sâu vào nước ta xâm chiếm đất đai ta, lừa bắt trâu và ngựa của ta, quân địch lại đến bao vây dưới chân thành ta, quân sĩ ta kinh hãi, nhân dân ta vì tiếc của cải nên bị địch bắt sống, như vậy làm thế nào để phòng thủ thì kiên cố mà đánh thì chắc thắng?"

Thái Công đáp: "Trường hợp này phải dùng đột binh, vì trâu ngựa không được ăn, binh sĩ hết lương thực. Nên phải đánh nhanh ở mặt trước, rồi ra lệnh cho các ập xa xôi chọn quân sĩ tinh nhuệ đánh nhanh ở mặt sau, rồi tổ chức

đánh địch ban đêm, quân ta tinh nhanh, địch tuy đông, tướng địch cũng có thể bị ta bắt sống".

Văn Vương hỏi: "Địch quân chia ra ba bốn mặt hoặc tiến đánh chiếm đất đai ta, hoặc dùng quân bắt trâu ngựa ta, đại quân của địch chưa đến đầy đủ mà cho những cánh quân ô hợp bao vây chân thành ta, khiến cho ba quân ta sợ hãi, như vậy phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Ta phải quan sát cẩn thận, khi quân địch đến đầy đủ thì phải chuẩn bị chu đáo mà chờ địch đến. Cách thành 4 dặm cho xây chiến lũy, chiêng trống cờ xí đều bày ở trên lũy, các đội khác đặt làm phục binh. Trên chiến lũy có đặt nhiều nỏ mạnh, cứ trăm bộ lại có một cửa đột kích, trước mỗi cửa đều có kị binh và chiến xa.

Các chiến sĩ tinh nhuệ, có sức mạnh và gan dạ mai phục một nơi. Nếu quân địch kéo đến cho khinh binh ra giao chiến rồi giả thua bỏ chạy, khi ấy ở trên thành treo cờ xí, đánh chiêng trống làm như cố thủ, quân địch cho rằng quân ta thủ thành nên bao vây, lúc đó phục binh của ta xông ra đánh ở giữa, hoặc đánh ở bên ngoài, quân ta đánh nhanh, đằng trước, hoặc đằng sau.

Quân địch dù có liều lĩnh cũng không hề chống cự nổi, kẻ nhát gan cũng không kịp bỏ chạy.

Đó gọi là đột chiếm, quân địch tuy đông, tướng địch ắt sẽ bỏ chạy".

Võ Vương nói: "Hay lắm"

Thiên thứ ba

ĐỊCH CƯỜNG

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi dẫn quân tiến sâu vào đất chư hầu, quân ta và quân địch đương đầu nhau, địch đông ta ít, địch mạnh ta yếu. Nếu đem quân địch kéo đến hoặc đánh bên trái, hoặc đánh bên phải, quan ta náo động, như vậy phải làm sao để đánh thì thắng mà thủ thì vững chắc?"

Thái Công đáp: "Đó là quân địch uy hiếp quân ta, có lợi cho việc đánh chứ không có lợi cho việc phòng thủ. Ta phải chọn lựa binh sĩ có tài, biết sử dụng nỏ mạnh, chiến xa và cưỡi ngựa, ra quân bên trái và bên phải, rồi đánh nhanh ở đằng trước và đánh gấp ở đằng sau, hoặc đánh ở bên ngoài, hoặc đánh ở bên trong. Như vậy binh sĩ địch ắt phải rối loạn, tướng địch ắt phải sợ hãi".

Võ Vương hỏi: "Quân địch án ngữ ở phía trước ta, đánh gấp ở phía sau ta, cắt đứt đường tiến quân của cánh quân tinh nhuệ ta, chặn đứng binh sĩ tài ba

của ta, khiến quân ở trong và ngoài của ta không thể liên lạc với nhau, quân ta bị rối loạn, tan tác và bỏ chạy. Binh sĩ không có tinh thần chiến đấu, tướng suý và quan quân không quyết tâm chống giữ, như vậy phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Câu hỏi của vua sáng suốt lắm! Vậy ta phải ra hiệu lệnh cho rõ ràng. Dùng những người dũng cảm tinh nhuệ và dám mạo hiểm, một người cầm đuốc, hai người đánh trống, như vậy ta sẽ biết được chỗ ở của địch. Lúc ấy ta đánh vào bên ngoài hoặc bên trong, rồi ra ám hiệu cho tắt lửa và ngừng đánh trống. Trong và ngoài hợp lực đánh thật nhanh, quân địch ắt phải thua.

Võ Vương nói: "Hay lắm".

Thiên thứ bốn

ĐỊCH VŨ

(Đánh quân địch mạnh bạo)

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi dẫn quân tiến sâu vào đất chư hầu bất thần gặp quân địch đông và mạnh, chúng dùng chiến xa và kị binh bao vây bên trái và bên phải ta, quân ta đều sợ hãi bỏ chạy không thể ngăn cản được, như vậy phải làm sao?"

Thái Công đáp: "Như vậy gọi là bại binh rồi, phải khéo léo thì có thể thắng, nếu không khéo thì sẽ bị tiêu diệt".

Văn Vương hỏi: "Phải làm như thế nào?"

Thái Công đáp: "Ta phải bố trí lính tinh nhuệ, nỏ mạnh, chiến xa và kị binh ở bên trái và bên phải trước, sau cách nhau ba dặm. Khi quân địch đuổi ta thì cho chiến xa và kị binh xông ra đánh bên trái và bên phải. Làm như vậy quân địch ắt phải náo loạn, và quân bỏ chạy của ta cũng sẽ dừng lại.

Võ Vương hỏi: "Khi quân địch đương đầu với chiến xa và kị binh của ta, địch đông ta ít địch mạnh ta yếu, quân địch hàng ngũ chỉnh tề có trật tự và tinh nhuệ, quân ta không dám chống lại địch, như vậy phải làm sao?"

Thái Công đáp: "Ta chọn binh sĩ tinh nhuệ dùng nỏ mạnh, mai phục bên trái và bên phải, chiến xa và kị binh đóng yên một chỗ, đợi đến khi quân địch đi qua chỗ phục binh của ta, cung nỏ bên trái và bên phải cùng lúc bắn ra. Lúc ấy chiến xa kị binh và tinh binh tiến đánh thật nhanh hoặc đánh đằng trước địch hoặc đánh đằng sau địch.

Quân địch tuy đông nhưng tướng địch ắt bỏ chạy.
Võ Vương khen rằng: "Hay lắm".

Thiên thứ năm

ĐIỀU VÂN SƠN BINH

Võ Vương hỏi Thái Công: “Khi dẫn quân tiến sâu vào đất chư hầu gặp phải núi đá cao vọi vọi mà không có cỏ cây, bốn bề đều đương đầu với địch, ba quân ta sợ hãi, binh sĩ ta hoang mang, như vậy phải làm thế nào để thử thì vững chắc mà đánh thì sẽ thắng?”

Thái Công đáp: “Khi đóng quân ở trên núi cao thì sẽ bị địch uy hiếp bao vây, khi đã chọn núi để đóng quân thì phải bày điều vân trận. Theo cách thức bày trận, trận điều vân thì phía dương và phía âm (Phía âm là phía không có ánh nắng rọi tới còn phía dương là phía có ánh nắng rọi tới) cũng phải phòng bị hoặc đóng quân ở phía âm hoặc đóng quân ở phía dương. Nếu đóng quân ở phía dương thì lo phòng bị ở phía âm, nếu đóng quân ở phía âm thì lo phòng bị ở phía dương. Nếu đóng quân ở phía bên trái thì lo phòng bị ở phía bên phải, nếu đóng quân ở phía bên phải thì lo phòng bị ở phía bên trái. Như vậy quân địch chỉ có thể đánh phá ở phía bên ngoài của cánh quân phòng thủ mà thôi. Những con đường ăn thông đến hang động phải dùng chiến xa ngăn chặn. Cờ xí cắm ở trên cao nhắc nhở binh sĩ cẩn thận không để cho quân địch biết rõ tình hình của ta.

Như vậy gọi là xây thành ở trên núi. Khi hàng ngũ đã đang hoảng binh sĩ đã bày xong trận, pháp lệnh đã được thi hành, quân giả và quân chính quy đã được thiết lập. Tất cả đều lập đội xung kích ở bên ngoài núi. Chỗ đóng quân phải chia chiến xa và kị binh ra bày điều vân trận rồi thúc quân đánh thật nhanh. Như vậy quân địch tuy đông, tướng địch có thể bị bắt sống.

Thiên thứ sáu

ĐIỀU VÂN TRẠCH BINH

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi dẫn binh tiến sâu vào đất chư hầu: ta và địch gặp nhau tại con sông, địch giàu có mà chưa đông, ta nghèo nàn mà binh ít. Ta muốn vượt sông đánh địch mà không thể tiến, muốn cầm cự lâu ngày mà không đủ lương thực. Chỗ ta đóng quân là nơi nước mặn đồng chua bốn bề không có làng mạc, lại không có cỏ cây. Quân ta tìm không ra lương thực, trâu và ngựa của ta không có rơm cỏ để ăn. Như vậy phải làm sao?"

Thái Công đáp: “Ba quân ta không phòng bị, trâu ngựa không có thức ăn, binh sĩ không có lương thực, như vậy phải tìm cách đánh lừa địch để bỏ đi ngay, và phải đặt phục binh ở đằng sau”.

Võ Vương hỏi: "Ta không đánh lừa được địch mà binh sĩ ta lại hoang mang, địch đánh phía trước và phía sau ta. Ba quân ta tán loạn thua chạy. Như vậy phải làm sao?"

Thái Công đáp: "Ta tìm lối thoát là chính, dựa theo tình hình địch mà sử dụng một cách khéo léo".

Võ Vương hỏi: "Quân địch biết rằng ta có đặt phục binh. Nên đại quân của chúng không dám vượt sông mà chỉ cho những toán nhỏ qua sông. Quân ta thấy vậy rất lấy làm sợ hãi. Như vậy phải làm sao?"

Thái Công đáp: “Nếu như vậy ta phải chia ra làm nhiều toán xung kích, chọn chỗ tiện lợi mà đóng quân. Đợi những toán quân nhỏ của địch sang đến bên này bờ sông thì ta cho phục binh đánh nhanh ở phía sau. Nỏ mạnh ở bên trái và bên phải cùng lúc bắn ra. Chiến xa và kị binh lập thành trận điều vân lo phòng bị ở trước và ở sau. Quân ta đánh thật nhanh, quân địch thấy quân ta tiến đánh ắt hợp đại binh lại để vượt sông. Khi đó ta cho phục binh đánh nhanh ở phía sau, chiến xa và kị binh tiến đánh bên trái và bên phải. Quân địch tuy đông, tướng của địch cũng sẽ bỏ chạy. Điểm quan trọng của việc dùng binh là trong khi lâm chiến với địch phải suy nghĩ mà đặt xung trận và coi chỗ nào tiện lợi thì đóng quân rồi sau mới chia kị binh ra thành lập điều vân trận. Đó là điều đặc biệt của việc dùng binh. Gọi là điều vân tức là điều tan vân hợp (chim bay tản ra và mây tụ hợp lại)".

Võ Vương khen: "Hay lắm".

Thiên thứ bảy THIẾU CHÚNG

Võ vương hỏi Thái Công rằng: "Ta muốn dùng binh ít mà đánh binh đông, dùng binh yếu đánh binh mạnh, như vậy phải làm sao?"

Thái Công nói: "Muốn dùng binh ít để đánh binh đông thì phải đợi khi chiều tối cho binh mai phục ở chỗ cỏ cây rậm rạp và đoạn đường hiểm yếu mà đánh địch. Còn muốn dùng binh yếu đánh binh mạnh thì phải được sự trợ giúp của nước lớn đối với các nước láng giềng".

Võ Vương hỏi: "Chỗ ta đóng quân không có cỏ cây rậm rạp lại không có những quãng đường hiểm yếu. Địch không đến vào buổi chiều, ta lại không được sự giúp đỡ của nước lớn và các nước láng giềng. Như vậy phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Ta dùng nghệ thuật đánh lừa để dụ dỗ chúng, làm cho tướng của địch phải nghi ngờ. Ta đi đường cong khiến cho địch phải đi qua chỗ cỏ cây rậm rạp. Ta đi đường xa, khiến địch phải gặp ta vào buổi chiều. Đánh vào lúc địch chưa kịp vượt sông. Hậu quân của địch chưa kịp xuất quân, thì ta cho phục binh đánh nhanh ở bên trái và bên phải.

Chiến xa và kỵ binh quấy nhiễu mặt trước và mặt sau của địch. Quân địch tuy đông, tướng địch cũng phải bỏ chạy. Sau đó ta phải giao hảo với nước lớn, nhún nhường đối với binh sĩ các nước láng giềng, dùng của cải dụ dỗ họ. Dùng lời lẽ khiêm nhường đối với họ, làm như vậy ta sẽ được nước lớn và các nước láng giềng trợ giúp".

Võ Vương khen rằng: "Hay lắm".

Thiên thứ tám

PHÂN HIỂM

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi dẫn quân tiến sâu vào đất chư hầu, gặp địch tại nơi hiểm trở, bên trái của ta là núi, bên phải là sông. Bên phải của địch là núi, bên trái là sông. Địch và ta chia vùng hiểm trở mà chống cự nhau, phải làm thế thủ thì vững chắc mà đánh thì sẽ thắng?"

Thái Công nói rằng: "Đóng quân bên tả núi thì phòng bị bên hữu núi, đóng quân bên hữu núi thì phòng bị bên tả núi. Chỗ hiểm trở có sông lớn không có thuyền thì dùng cầu nổi (thiên hoàng) để binh ta sang sông, xong phải mở rộng đường đất để tiện cho chiến đấu, đặt xe vũ xung ở trước và sau, nổ mạnh bày ở hai bên, ra lệnh giữ kỹ các tuyến đường dùng xe vũ xung chặn các cửa hang, cắm cờ xí ở trên cao, như vậy gọi là xây thành bằng xe. Theo phép đánh giặc thì ở chỗ hiểm yếu phải đặt xe vũ xung ở phía trước và cỗ xe đại lỗ dùng để yểm trợ. Binh sĩ tinh nhuệ và nổ mạnh ở hai bên trái và phải có 3.000 người để đóng đồn và bày xung trận. Chỗ tiện lợi thì đóng quân. Tả quân ở bên trái, Hữu quân ở bên phải, Trung quân ở giữa, cùng lúc tiến đánh, đánh xong trở về đồn, thay phiên nhau vừa đánh vừa nghỉ, đánh đến khi nào thắng mới thôi".

Võ Vương khen rằng: "Hay lắm"

QUYỂN VI

KHUYẾN THAO

Thiên thứ nhất

PHÂN BINH

Võ Vương hỏi Thái Công: "Các vua cầm ba quân đóng ở nhiều nơi, nếu muốn tập hợp quân lại để tuyên thệ và thưởng phạt thì phải làm cách nào?"

Thái Công đáp rằng: Phạm phép dùng binh trong ba quân thì: Đại tướng phải định trước chiến địa và ngày giao chiến rồi mới chuyển hịch thư đến các tướng lĩnh hẹn thời hạn đánh thành vây ấp. Thông báo cho các nơi biết rõ ngày đánh trận, ấn định thời giờ cụ thể. Sau đó, đại tướng cho lệnh đóng doanh trại, quét dọn sạch sẽ rồi đứng trước viên môn (Ngày xưa bậc vua chúa đi tuần ở ngoài khi nghỉ chỉ để xe xung quanh làm hàng rào, chỉ để một lối ra vào hai bên để xe dốc xuống, càng xe chỉ lên trên để làm dấu hiệu nên gọi là viên càng xe môn) chờ đợi các tướng lĩnh đến để theo dõi việc thực hiện giờ giấc của họ. Người đến trước giờ đã định thì khen thưởng, kẻ đến sau giờ ấn định thì xử chém. Như thế ba quân ở gần, xa đều khẩn trương đến dự, cùng nhau sống mái với quân thù".

Thiên thứ hai

VŨ PHONG

Võ Vương hỏi Thái Công: "Phạm việc dùng binh, điều cốt yếu là phải có vũ xa, kiêu kị, tuyển chọn từng trận mà đánh, thấy có thể đánh được thì đánh. Vậy thế nào là có thể đánh được?"

Thái Công đáp: "Phàm muốn đánh thì nên xem xét rõ ràng 14 biến động của địch. Thấy rõ được việc biến thì đánh ngay, như thế địch sẽ thất bại".

Võ Vương nói: "Có thể cho nghe 14 biến động đó chăng?"

Thái Công đáp:

- "1) Mới tụ tập thì có thể đánh
- 2) Người và ngựa chưa ăn thì có thể đánh
- 3) Thiên thời bất thuận thì có thể đánh

- 4) Chưa nắm vững địa hình thì có thể đánh
- 5) Bỏ chạy thì có thể đánh
- 6) Không phòng bị thì có thể đánh
- 7) Mọi mệt thì có thể đánh
- 8) Tướng lìa xa sĩ tốt thì có thể đánh
- 9) Vừa vượt qua đoạn đường dài thì có đánh
- 10) Đang vượt sông thì có thể đánh
- 11) Đang bối rối thì có thể đánh
- 12) Đang đi trên đường hẹp có thể đánh, ngăn trở khó khăn thì có thể đánh
- 13) Đang rối loạn thì có thể đánh
- 14) Lòng dạ hoang mang thì có thể đánh".

Thiên thứ ba

LUYỆN SĨ

Võ Vương hỏi Thái Công: "Huấn luyện quân lính như thế nào?".

Thái Công đáp: "Trong quân ngũ có hạng người dũng cảm, mạnh khỏe không sợ chết và vui vẻ khi bị thương, xếp hạng người này vào một tốt (Một tốt gồm 100 người) gọi là lính dám chém giết.

Có hạng người nhuệ khí cường tráng, dũng mãnh, xông xáo, xếp hạng người này thành một tốt gọi là lính phá trận.

Có hạng người múa kiếm dài tuyệt vời, sử dụng kiếm như múa, xếp hạng người này vào một tốt, gọi là lính anh dũng tinh nhuệ.

Có hạng người sức lực to lớn, bền bỉ chống cự địch liên tục, có sức mạnh phá vỡ chuông trống, hủy diệt cờ xí địch, xếp hạng người này thành một tốt, gọi là lính dũng mãnh.

Có hạng người vượt nổi chỗ cao, chạy được đường xa, nhẹ chân chạy giỏi, xếp hạng người này thành một tốt, gọi là lính nhanh như chớp.

Có hạng người khi vương thần thất thế, quyết khôi phục để lập công, khôi phục giang sơn, xếp hạng người này thành một tốt, gọi là lính quyết chiến đấu đến cùng.

Có hạng người là con em của các vị tướng tử trận, nên quyết trả thù cho vị tướng đó, xếp hạng người này lại một tốt, gọi là lính cảm tử.

Có hạng người chỉ sống nương tựa và bị đày đoạ bởi kẻ khác, nên muốn nhập ngũ để nêu cao thanh danh, hạng người này xếp thành một tốt, gọi là lính khích lệ.

Có hạng người bần cùng quần bách, nên phần nộ nguyện gia nhập quân ngũ để toại lòng hả dạ, xếp hạng người này thành một tốt, gọi là lính bất tử.

Có hạng người phạm tội, nhưng đã hết hạn, giờ gia nhập quân ngũ để rửa sạch nỗi nhục, xếp hạng người này thành một tốt, gọi là lính may mắn được tuyển dụng.

Có hạng người có tài nghệ hơn người, có khả năng gánh vác đồ đạc nặng nề đi xa, hợp hạng người này thành một tốt, gọi là lính sẵn sàng chờ lệnh.

Sự sắp xếp và tập luyện các hạng quân này không thể không xét kĩ.

Thiên thứ bốn

GIÁO CHIẾN

Võ Vương hỏi Thái Công: "Hợp đông đủ ba quân, nếu muốn sĩ tốt thao luyện về đạo giáo chiến thì phải làm thế nào?".

Thái Công đáp: "Phàm thống lĩnh ba quân có hiệu lệnh của trống chiêng khiến quân sĩ chỉnh tề. Vị tướng phải nói cho quân sĩ quán triệt ba điều lệnh về thao diễn, ăn ở và phép biến đổi của cờ xí.

Phương pháp dạy chiến đấu là: Một người học đánh thành thạo thì dạy cho mười người, mười người học thành thạo rồi thì dạy cho trăm người, trăm người học nên thì dạy cho ngàn người. Ngàn người học nên thì dạy cho vạn người. Vạn người nên thì dạy cho ba quân. Phép đại chiến khi học thành thạo thì tập hợp thành triệu người, nên có thể trở thành đại binh lập uy trong thiên hạ".

Võ Vương nói: "Thực là hay vậy"

Thiên thứ năm

QUÂN BINH

Võ Vương hỏi Thái Công: "Lấy xe đánh với quân bộ thì một xe đương đầu nổi với mấy quân bộ, mấy quân bộ đương đầu nổi với một xe, lấy quân kỵ đánh với xe, thì một xe đương đầu với mấy kỵ, mấy kỵ đương đầu nổi với một xe?"

Thái Công đáp rằng: "Xe là vây cánh của quân. Xe dùng để đánh phá những trận địa kiên cố của địch và dùng làm phương tiện lúc thua chạy. Kỵ dùng để dò xét tình hình, tiếp viện cho quân bại trận, cắt đứt đường tải lương của quân

giặc. Cho nên nếu xe và kị chưa giao chiến với địch thì một xe không thể đương đầu được với một quân bộ. Tuy nhiên nếu quân đông lập thành trận địa thì ở địa thế dễ dàng một xe sẽ đánh được 80 quân bộ, 80 quân bộ sẽ đánh được một xe. Một kị sẽ đánh được 8 quân bộ, 8 quân bộ đánh được một kị. Một xe đánh được 10 kị, 10 kị đánh được 1 xe. Nếu ở địa thế hiểm trở, thì một xe địch được 40 quân bộ, 40 quân bộ địch được một xe. Một kị địch được 4 quân bộ, 4 quân bộ địch được một kị. Một xe địch được 6 kị, 6 kị địch được 1 xe, xe và kị là binh khí mạnh trong quân đội. 10 xe có thể đánh bại ngàn người, trăm xe đánh bại vạn người, 10 kị đánh bại trăm người, trăm kị đánh bại ngàn người. Đó là con số rất lớn".

Võ Vương hỏi: "Số lượng sĩ quan chỉ huy xe, kị và cách bày trận phải như thế nào?"

Thái Công nói: "Số sĩ quan chỉ huy xe thì cứ 5 xe đặt một trưởng trông coi, 10 xe đặt 1 lại, 50 xe đặt một suất, 100 xe đặt một Tướng. Cách đánh bằng xe nơi thế đất dễ dàng thì cứ 5 xe xếp thành một hàng ngang, dài 40 bộ, khoảng cách giữa hai xe là 10 bộ, khoảng cách hai đội là 60 bộ. Đánh ở địa thế hiểm trở thì xe phải di chuyển theo đường xa. Cứ 10 xe lập thành 1 tụ, 20 xe lập thành một đồn, trước sau cách xa 20 bộ, hai bên tả hữu cách nhau 20 bộ, khoảng cách hai đội là 36 bộ, cứ 5 xe đặt một Tướng trông coi, ngang dọc cách nhau 2 dặm, khi di chuyển cần giữ nguyên vị trí. Về số lượng sĩ quan trông coi kị thì 5 kị đặt 1 trưởng, 10 kị đặt một lại, trăm kị đặt một suất, 200 kị đặt một Tướng trông coi. Cách đánh ở thế đất dễ dàng thì 5 kị xếp thành một hàng trước sau cách khoảng 10 bộ, hai bên tả hữu cách nhau 4 bộ, hai đội cách nhau khoảng 50 bộ, cách đánh ở địa thế hiểm trở thì trước sau cách khoảng 10 bộ, tả hữu cách 2 bộ, khoảng cách 2 đội 25 bộ, 30 kị lập thành một đồn, 60 kị lập thành một bối, 10 kị đặt một lại trông coi, ngang dọc cũng cách xa 100 bộ, khi di chuyển đều phải giữ nguyên vị trí".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

Thiên thứ sáu

VÕ XA SĨ

Võ Vương hỏi Thái Công: "Việc tuyển xa sĩ phải làm sao?"

Thái Công đáp: "Phép tuyển xa sĩ thì nên chọn người dưới 40 tuổi trở xuống, cao từ thước rưỡi trở lên, chạy nhanh có thể đuổi kịp loài ngựa, đồng thời có

thể di chuyển nhanh chóng tới trước, sau, phải, trái, trên cao, dưới thấp và xoay vòng hay quần đợc cờ xí trong người, có thể giương nổi loại nỏ nặng 8 thạch bắn tới trước, sau, trái, phải, mọi mặt đều tiện cho việc thực hành, đợc gọi là "lĩnh võ xa". Hạng người này không thể không hậu đãi".

Thiên thứ bảy

VÕ KỊ SĨ

Võ Vương hỏi Thái Công: "Việc tuyển kị sĩ phải làm như thế nào?".

Thái Công đáp: "Cách tuyển kị sĩ là chọn người dưới 40 tuổi cao từ 7 thước 50 trở lên, thân thể tráng kiện, nhanh nhẹn hơn người. Có khả năng cưỡi ngựa bắn nỏ đi các mặt tiền, hậu, tả, hữu và xoay vòng, tiến thoái vượt qua hào rạch: leo trèo đồi núi, mạo hiểm xông vào vùng hiểm trở, ngăn đợc đầm rạch lớn, điều khiển đợc kẻ địch mạnh, nhiễu loạn đợc đám đông. Loại người này đợc gọi là "kị sĩ" không thể không hậu đãi".

Thiên thứ tám

CHIẾN XA

Võ Vương hỏi Thái Công: "Phép đánh bằng chiến xa như thế nào?".

Thái Công đáp: "Quân bộ phải biết trước biến động, xe phải biết trước địa hình, kị phải biết trước đường xa lạ. Phạm tử địa của xe thì có mười và thắng địa của xe chỉ có tám mà thôi".

Võ Vương hỏi: "Mười điều tử địa là gì?"

Thái Công đáp:

- 1) Đi đợc mà không về đợc là tử địa của xe
- 2) Vượt đợc đất hiểm trở, lẩn đợc địch mà đi xa là kiệt địa của xe.
- 3) Tiến dễ dàng, sau hiểm trở là khốn địa của xe.
- 4) Bị rơi vào vùng hiểm trở khó mà thoát ra ngoài là tuyệt địa của xe.
- 5) Lúc xe lọt vào đầm trạch, bùn đất dính đầy xe là lao địa của xe.
- 6) Bên trái hiểm trở, bên phải dễ dàng, phía trên có gò đồng mà xe phải leo dốc là nghịch địa của xe.
- 7) Lúc xe đi qua bãi ruộng cỏ mênh mông, phải vượt qua các đầm, ao sâu kín là thất địa của xe.
- 8) Xe ít đường di chuyển dễ dàng lại không đợc đầu nổi với quân bộ là bại địa của xe.

9) Phía sau có hào lạch, bên trái có sông sâu, bên phải có đồi núi cao là hoại địa của xe

10) Xe di chuyển gặp lúc mưa dầm dề ngày đêm, mà luôn phải di chuyển, đường sá ngập lụt, vỡ lở, đằng trước không thể tiến, đằng sau không giải tỏa được, đó là hãm địa của xe.

Mười điều trên là tư địa của xe. Nếu tướng vụng về thường bị bắt, tướng sáng suốt sẽ tránh khỏi”.

Võ Vương hỏi: “Tám điều thắng của xe thì thế nào?”

Thái Công đáp:

1) Phía trước phía sau trận địa địch chưa ổn định thì phải tiến công ngay.

2) Cờ xí rối loạn, người và ngựa xáo trộn thì tiến công ngay

3) Sĩ tốt chạy tán loạn, ở cả phía trước, sau, phải, trái thì phải tiến công ngay.

4) Trận địa không kiên cố, sĩ tốt hai mặt trước sau dựa dẫm lẫn nhau thì tiến công ngay.

5) Quân địch đi đến đằng trước thì ngờ vực, đến đằng sau thì hoảng hốt thì tiến công ngay.

6) Ba quân sợ hãi, buộc lòng nổi dậy một cách bất đắc dĩ thì tiến công ngay

7) Đánh ở địa thế dễ dàng mà trời tối, không giải vây được thì tiến công ngay.

8) Quân di chuyển đường xa, nên về muộn, trời tối mới cắm trại, quân lính hoang mang thì tiến công ngay.

Tám điều trên là đất thắng của xe. Vị tướng thông suốt mười điều hại, tám điều thắng thì dù địch có dùng hàng ngàn xe, hàng vạn kỵ bao vây tiến công thì trong vạn trận đánh, vị tướng đó cũng sẽ chiến thắng”.

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy”.

Thiên thứ chín

THIÊN KỶ

Võ Vương hỏi Thái Công: "Phép đánh bằng chiến kị như thế nào?" .

Thái Công đáp: "Đánh bằng chiến kị thì có mười lúc thắng, chín lúc bại".

Võ Vương hỏi: "Mười lúc thắng ra sao?"

Thái Công đáp:

1) Lúc địch mới đến, thế trận chưa định hẳn, hai cánh quân tiền và hậu chưa hỗ trợ nhau được, ta đánh phá các chiến kị phía trước, đồng thời đánh hãm hai mặt tả hữu thì địch sẽ chạy ngay.

2) Lúc địch dàn trận đã chỉnh tề, kiên cố, sĩ tốt quyết đấu đến cùng, thì quân kị của ta phải sát cánh bên nhau, hoặc đuổi đi, hoặc đuổi lại, hành động nhanh như gió, mạnh như sấm sét, ngày cũng như đêm, thay cờ xí, đổi y phục thì quân ta ắt sẽ thắng.

3) Lúc địch bố trí trận địa chưa kiên cố, sĩ tốt chưa muốn đánh thì ta lấn hai mặt tiền, hậu của chúng, đón hai mặt tả hữu mà đánh, địch sẽ hoảng sợ.

4) Lúc chiêu về quân địch muốn về nghỉ ngơi, quân lính hoang mang, ta kẹp sát hai bên hông của chúng tiến đánh nhanh mặt sau, lấn chiếm cửa thành lũy khiến địch không có lối vào, địch ắt sẽ bại ngay.

5) Lúc địch không có địa thế hiểm trở để phòng thủ kiên cố thì quân ta xâm nhập đuổi đánh chúng, cắt đứt đường tiếp tế lương thực thì quân địch sẽ bị đói.

6) Lúc ta đóng ở địa thế bằng phẳng dễ dàng, bốn mặt trông thấy địch, ta dùng xa kị để đánh phá, địch sẽ rối loạn ngay.

7) Lúc địch tháo chạy, sĩ tốt tán loạn, ta xuất binh và đánh kẹp hai bên hông chúng, hoặc chặn hai mặt tiền hậu, thì sẽ bắt được tướng địch

8) Lúc chiêu xế địch trở về, quân chúng đông nên rối loạn, ra lệnh cho 10 kị của ta lập thành đội, trăm kị hợp thành đồn, 5 xe lập thành một tụ, 10 xe hợp thành một quần, cắm cờ xí nhiều nơi, hoặc cắt đứt liên lạc giữa hai mặt tiền, hậu của chúng thì sẽ bắt sống được tướng địch.

Đó là mười lúc thắng của quân kỵ".

Võ Vương hỏi: "Chín điều bại như thế nào?"

Thái Công đáp:

1) Phàm đánh phá địch bằng quân kị mà không thể phá trận, địch sẽ vờ thua chạy rồi dùng xa kị phản kích mặt sau của ta. Đó là bại địa của quân kị.

2) Lúc đuổi theo quân địch qua vùng hiểm trở, truy kích liên tục. Địch sẽ phục ở hai bên hông ta, đồng thời cắt đứt mặt sau của ta. Đó là vi địa của quân kị.

3) Lúc có đường đi mà không lối về, không có ngõ ra, gọi là bị vây hãm vào gầm trời, dồn vào tử huyệt. Đó là tử địa của quân kị.

4) Lối vào thì hẹp, lối ra thì xa, địch yếu cũng có thể đánh được ta mạnh, địch ít cũng có thể đánh được ta đông. Đó là mặt địa của quân kị.

5) Lúc vào nơi khe núi lớn, hang sâu rừng cây um tùm. Đó là kiệt địa của quân kị.

6) Hai bên tả hữu có nước, mặt trước gò lớn, mặt sau núi cao, khi đánh nhau với địch quân ta ở giữa hai dòng nước, địch ở bên ngoài và trong. Đó là gian địa của quân địch.

7) Địch cắt đứt đường tải lương của ta, đi mà không về được. Đó là khốn địa của quân kị.

8) Khi tiến vào nơi nước đục, đầm ao, tiến thoái lưỡng nan. Đó là hoạn địa của quân kị.

9) Bên tả có mương sâu, bên hữu có đồi núi cao thấp đều như bình địa, tiến thoái đều làm mồi cho địch. Đó là hãm địa của quân kị.

Chín điều trên là tử địa của quân kị, tướng sáng suốt thì có thể thoát khỏi. Tướng u muội thì sẽ bị thảm bại vậy".

Thiên thứ mười

CHIẾN BỘ

Võ Vương hỏi Thái Công: "Nguyên tắc đánh nhau giữa bộ binh và xa kị như thế nào?"

Thái Công đáp: "Nếu bộ binh và xa kị đánh nhau thì bộ binh phải dựa vào gò đồng hiểm trở, dùng binh khí dài, cung nỏ mạnh đi trước, binh khí ngắn, cung nỏ yếu đi sau, lúc tiến lúc dừng. Xa kị của địch tuy đông, nhưng khi đến đã gặp trận tuyến kiên cố và đánh nhanh ở phía sau có quân tài giỏi và cung nỏ mạnh sẵn sàng chống trả".

Võ Vương hỏi: "Ta không có gò đồng, cũng không có địa thế hiểm trở, khi địch kéo nhiều quân đến, xa kị đánh kẹp hai bên hông ta, đón đánh hai mặt tiền và hậu của ta, quân ta khiếp sợ, thua chạy tán loạn thì phải làm sao?"

Thái Công đáp rằng: "Ra lệnh cho sĩ tốt ta đóng hàng rào gỗ, chông gai, đặt đội trâu ngựa đánh xông trận bốn mặt. Khi thấy xa kị địch sắp đến thì cho quân chôn chông gai, quóc đất thành hố sâu và rộng khoảng 5 thước (gọi là lồng) vòng qua sau, rồi cho người cầm hàng rào gỗ chặn xe địch để làm lữ. Nếu xe

chúng chia làm hai, theo mặt trước và mặt sau ta mà lập đồn thì quân tài giỏi và cung nỏ mạnh của ta sẵn sàng trấn thủ hai bên hông, tả và hữu. Sau đó ra lệnh cho quân ta đánh nhanh, đánh liên tục không ngừng".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

THÁI CÔNG BÌNH PHÁP
THÁI CÔNG KHƯƠNG TỬ NHA
TAM LƯỢC

THƯỢNG LƯỢC

Phép làm chủ tướng cốt là phải nắm lấy lòng dạ các bậc anh hùng, thường bổng lộc cho kẻ có công, truyền bá được chí hướng của mình cho mọi người.

Cho nên: Nếu cùng ưa thích với mọi người thì chẳng có việc gì là không thành.

Nếu cùng oán ghét với mọi người thì chẳng có cái gì không thể phá đổ.

Trị được nước, yên được nhà là được lòng người.

Làm cho nước mất nhà tan là mất lòng người.

Đối với hạng người hàm dưỡng chí khí trong lòng, ta đều nguyện cho họ được toại chí.

Sách *Quân Sấm*⁽¹⁾ nói rằng:

Mềm trị được cứng, yếu trị được mạnh.

Kẻ mềm là có đức, kẻ cứng là giặc cướp.

Kẻ yếu là kẻ mà người ta giúp đỡ.

Kẻ mạnh là kẻ mà người ta đánh phá.

Mềm cũng có chỗ xây dựng được, cứng cũng có chỗ mà ta cấp thêm cho.

Yếu cũng có chỗ dùng được, mạnh cũng có chỗ gia thêm vào.

Kiên bốn điều ấy mà chế biến cho thích nghi.

Đầu đuôi chưa thấy thì người ta chẳng có thể biết. Trời đất và thần linh cùng với vạn vật mà đời đời, biến động vô thường. Nên phải theo địch mà chuyển hóa, chẳng theo việc trước (chẳng noi theo việc đã qua), phải vận động mà thùy theo cơ hội.

Cho nên việc bình trị có thể mưu đồ vô giới hạn, giúp nên thiên uy, sửa trị tám cõi được tốt lành, định yên chín rợ được mật nhiệm, mưu tính như thế là thầy của bậc Đế Vương.

Cho nên mới nói rằng:

Chẳng có ai mà không tham mạnh, ít có ai mà giữ được điều nhỏ nhặt.

Ví bằng giữ được điều nhỏ nhặt, thì có thể bảo toàn được sinh dân.

Thánh nhân giữ điều nhỏ nhặt ấy để đối ứng với việc đời và cơ trời.

Buông điều nhỏ nhặt ấy ra thì đầy bốn biển.
Thâu tóm nó lại thì không đầy một chén.
Chứa trữ nó mà không cần nhà cửa,
Gìn giữ nó mà không cần thành quách.
Dầu nó trong lòng mà nước địch phải hang phục.

Sách *Quân Sấm* nói rằng:

Mềm được, cứng được thì nước nhà càng sang láng.

Yếu được, mạnh được thì nước nhà càng rục rờ.

Mềm yếu, yếu mãi thì nước nhà ắt bị cắt xén.

Cứng mãi, mạnh mãi thì nước nhà ắt bị mất.

Cái đạo trị nước là nhờ cậy vào người hiền và dân chúng, tin người hiền như lòng dạ, sai khiến người dân như tay chân thì chính sách sẽ không thiếu sót, nếu sự thích nghi giống như tay chân và thân thể nối liền nhau, các khớp xương giúp nhau thì đạo trời lưu hành tự nhiên và sự xảo diệu xảy ra thường xuyên.

Điều cốt yếu của việc binh và việc nước là xét lòng dạ của dân chúng để thi hành trăm việc.

Ai nguy khốn thì làm cho họ yên ổn;

Ai lo sợ thì làm cho họ vui vẻ;

Ai phản bội thì làm cho họ quay về;

Ai bị tội oan thì làm cho họ thỏa nguyện;

Ai kêu nài thì nên xét;

Kẻ thấp nên quý;

Kẻ mạnh nên ức chế;

Ai chống đối thì giết đi.

(Đó là 8 phép trị dân)

Ai tham thì cho họ đầy đủ;

Ai có điều them muốn thì dùng họ;

Ai sợ hãi thì che dấu họ;

Ai có mưu kế thì ở gần họ;

Ai dèm pha thì lật đổ họ;

Ai nói xấu thì trả điều xấu về họ;

Ai phản phúc thì bỏ đi;

Ai ngang ngược thì kiềm tỏa lại;
Ai tự mãn thì làm tổn hại họ;
Ai thuận theo thì vờ họ lại;
Ai về hang ta thì giải thoát họ.

(Đó là 12 phép trị tướng)

Được chỗ vững thì giữ;
Được chỗ hiểm thì ngăn chặn;
Được chỗ khó thì đóng đồn;
Được thành thì cắt cho tướng giữ;
Được đất thì phân chia cho người ở;
Được của thì chia dùng.

(Đó là 6 điều xử trí khi thắng trận)

Địch hoạt động thì ta dò xét chúng;
Địch ở gần thì ta phòng bị;
Địch mạnh thì ta hạ chúng xuống;
Địch an nhàn thì ta phá rối chúng;
Địch xâm phạm thì ta chờ đợi;
Địch hung dữ thì ta bủa vây chúng;
Địch trái đạo thì ta lấy điều nghĩa mà thuyết phục chúng;
Địch hòa mục thì dẫn dắt chúng;
Lúc thuận lợi, ta kiềm tỏa chúng;
Nhân được thế, ta phá chúng;
Phóng lời nói qua trách lỗi chúng;
Bủa bốn mặt lưới mà vây chúng.

(Đó là 8 cách đối phó với giặc)

Được đừng cắt,
Ở đừng giữ,
Đánh thành đừng chiếm lâu,
Lập nên rồi chớ lấy dùng,
Làm ra ắt là do ta,
Giữ gìn là do kẻ sĩ,
Như thế biết được đâu là điều lợi,
Họ làm chư hầu,

Ta làm Thiên tử,
Khiến thành trì tự giữ gìn,
Khiến đất đai tự chiếm đóng.

(Đó là 4 phép chính trị)

Người đời có thể thờ cúng tổ tiên mà ít người có thể nhún nhường đối với kẻ dưới. Thờ cúng tổ tiên để gần gũi họ hàng, nhún nhường đối với kẻ dưới để làm vua.

Nhún nhường đối với kẻ dưới là chớ cướp đoạt thì giờ cày cấy trồng dâu nuôi tằm của họ, thu thuế ít thì sẽ không thiếu tiền của, ít việc đao địch⁽²⁾ khiến cho dân khỏi nhọc nhằn, ắt là nước giàu, nhà nhà vui vẻ, rồi sau chọn lựa sĩ phu để coi sóc, chăn dắt dân chúng.

Nhưng người được gọi là kẻ sĩ chính là các bậc anh hùng vậy. Cho nên có nói: lôi kéo hết anh hùng thì nước địch phải khốn cùng.

Anh hùng là bậc lương đồng của nước, thứ dân là nền gốc ấy của nước. Dùng được các bậc lương đồng ấy và tóm thâu cái gốc ấy thì chính sách được thi hành mà không ai oán than.

Điều cốt yếu của phép dùng binh là chú trọng vào lễ nghi và cấp bổng lộc thật nhiều. Lễ nghi mà trọng hậu ắt là các bậc trí thức phải đến, bổng lộc mà nhiều ắt là các nghĩa sĩ phải coi nhẹ cái chết.

Cho nên cấp bổng lộc cho hiền sĩ thì đừng tiếc của, ban thưởng cho kẻ có công thì đừng để chậm trễ, ắt là kẻ dưới tay sẽ thi đua với nhau, nước địch phải suy vi.

Về phép dùng người, muốn suy tôn người thì dùng tước vị, muốn chu cấp giúp đỡ người cho người thì dùng tiền của, ắt là kẻ sĩ sẽ tự đến với mình; tiếp đãi người thì dùng lễ nghi, khích lệ người thì lấy điều nghĩa, ắt là kẻ sĩ phải liều chết.

Tướng sùý ắt phải cùng sĩ tốt nếm vị ngon chất bổ như nhau, chia sẻ an nguy với nhau, như thế sức cự địch càng tăng thêm nhiều, nhờ đó việc binh toàn thắng và việc cự địch được đầy nhân do.

Ngày xưa khi bậc tướng giỏi dùng binh, có ai dâng bầu rượu “lao” liền sai xém xuống sông để cùng sĩ tốt uống chung một dòng nước ấy. Một bầu rượu “lao” không thể làm cho nước sông có mùi vị rượu thế mà sĩ tốt trong ba quân nhớ cách đối xử ấy bèn quyết chết, coi cái mùi vị ấy như đã tới mình vậy.

Sách *Quân Sấm* nói rằng:

Giếng của quân chưa đào xong, tướng không được kêu khát;

Màn của quân chưa giăng, tướng không được kêu mệt;

Bếp lửa của quân chưa thổi nấu, tướng không được kêu đói;

Mùa đông không được mặc áo dạ, mùa hè không được phẩy quạt, trời mưa không được trương lọng, đó gọi là lễ nghi của bậc tướng sùỵ.

Cùng sĩ tốt hưởng an ổn, cùng sĩ tốt chịu nguy khốn, cho nên sĩ tốt phải gắn bó với chủ tướng mà chẳng xa lìa, có thể sử dụng luôn luôn mà chẳng tỏ ra mệt mỏi, đó là lấy ân huệ chứa sẵn mà lo liệu để cho sĩ tốt sẵn sàng hợp nhất.

Cho nên nói rằng: Chứa ân huệ không nhàm chán thì có thể lấy một người mà sử dụng được muôn người.

Sách *Quân Sấm* nói rằng:

Tướng được uy quyền nhờ ở hiệu lệnh;

Đánh được toàn thắng nhờ ở quân chính;

Sĩ tốt khinh chiến (không sợ hãi việc chiến đấu) nhờ vâng mệnh trên.

Cho nên bậc tướng sùỵ không rút lui mệnh lệnh đã ban xuống, thi hành việc thưởng phạt đúng đắn như trời đất, nhờ thế có thể sai khiến người được, và sĩ tốt vâng mệnh trên có thể vượt biên cảnh.

Cầm quân, giữ thế là việc của tướng sùỵ, sắp đặt mưu lược để thắng trận, đánh bại quân địch là việc của sĩ tốt.

Cho nên loạn tướng chẳng nên cho cầm quân, họ chỉ huy mà chẳng có thể khiến được quân chinh phạt. Đánh thành mà chẳng hạ được thành, mưu đồ đánh ấp mà chẳng lấy được ấp, hai việc làm chẳng thành công ắt là sĩ tốt mỗi mệt; sĩ tốt mà mỗi mệt thì tướng ắt bị cô thế, sĩ tốt sẽ vi bội lệnh trên.

Dùng để giữ ắt không vững chắc, dùng để đánh ắt phải thua chạy, đó là binh già yếu. Binh mà già yếu, ắt là uy vũ của tướng không thì hành được, tướng mà không có uy vũ ắt là sĩ tốt sẽ coi nhẹ hình pháp; sĩ tốt mà coi nhẹ hình pháp ắt là quân sẽ mất hàng ngũ; quân mà mất hàng ngũ ắt là sĩ tốt sẽ bỏ trốn; sĩ tốt mà bỏ trốn ắt là địch sẽ thừa cơ lợi dụng; địch mà thừa cơ lợi dụng ắt là quân đội sẽ tan vỡ.

Sách *Quân Sấm* nói rằng: *Tướng giỏi thống suất quân đội thì suy bụng mình ra để trị người, phân phát ân huệ cho kẻ dưới, làm cho sức chiến đấu của quân sĩ mỗi ngày một tấn tới, đánh giặc như gió bão, phá thành như nước vỡ*

bờ, cho nên quân địch chỉ có thể giương mắt nhìn mà chẳng có thể đương đầu với ta được, chỉ có thể đầu hàng mà chẳng có thể thắng ta được, tướng súy tự dẫn thân tiến trước người, cho nên binh ấy là binh mạnh bạo trong thiên hạ.

Sách Quân Sấm nói rằng:

Quân lấy thưởng làm phép ngoài, lấy phạt làm phép trong.
Thưởng phạt sang suốt thì uy vũ của tướng súy được thi hành.
Được quan lại có tài đức thì sĩ tốt sẽ phục tòng.
Biết dùng hiền sĩ thì nước địch phải sợ.

Sách Quân Sấm nói rằng:

Hiền sĩ có thái độ thích hợp thì trước mặt không còn địch thủ.
Cho nên kẻ sĩ có thể hạ mình mà chẳng có thể kiêu căng.
Tướng súy có thể tỏ ra an vui mà chẳng có thể tỏ ra lo buồn.
Mưu kế nên nghiên cứu sâu xa kỹ càng, mà chẳng có thể trì nghi.
Kẻ sĩ kiêu căng ắt là người dưới không thuận.
Tướng súy lo buồn ắt là trong ngoài không tin cậy nhau.
Mưu kế mà trì nghi ắt là nước địch phấn khởi, thừa cơ công phạt nước ta gây ra cảnh loạn lạc.

Tướng súy tượng trưng cho vận mệnh nước nhà.

Tướng súy thường sắp đặt để được thắng thế thì nước nhà được yên định.

Sách Quấn Sấm nói rằng:

Tướng súy nên thường thanh, thường tĩnh,
Thường bình thản, thường chính tề,
Thường nghe can gián, thường nghe xử kiện,
Thường thâm nạp nhân tài, thường lượm lật lời hay lẽ phải.
Thường tìm hiểu phong tục trong nước, thường vẽ hình thế núi sông,
Thường nêu rõ hiểm nạn, thường sắp đặt các việc quyền biến trong quân đội.

Cho nên có nói:

Mưu trí của các bậc nhân hiền,
Điều lo tính của các bậc Thánh minh,
Lời nói của kẻ gánh củi,
Lời nói tại lăng miếu (triều đình),
Các việc hưng suy,

Là điều tướng súy nên nghe.

Tướng súy thường trông nom kẻ sĩ như khát nước ắt là chịu theo sách lược.

Tướng suy không nghe lời can gián, ắt là anh hùng sẽ li tán.

Không theo sách lược ắt là mưu sĩ sẽ bội phản.

Coi thiện ác như nhau ắt là công thần chán nản.

Tự chuyên ắt là người dưới sẽ đổ lỗi bề trên.

Tự khoe ắt là kẻ dưới ít muốn lập công.

Tin lời dèm pha ắt là lòng người li tán.

Tham của ắt là không cấm đoán được việc gian tham.

Mãi mê việc thô thiếp ắt là sĩ tốt sinh ra dâm dăng.

Tướng súy có một điều lỗi kể trên ắt là quân sĩ không phục; có hai điều lỗi kể trên ắt là quân sĩ mất kỉ luật; có ba điều lỗi kể trên ắt nước nhà sẽ gặp tai họa.

Sách *Quân Sấm* nói rằng:

Mưu kế của tướng súy cần giữ mật nhem.

Sĩ tốt cần phải chuyên nhất.

Đánh phá quân địch cần phải mau chóng.

Mưu kế của tướng súy được giữ bí mật ắt là manh tâm của kẻ gian tà phải chịu bể tắc.

Sĩ tốt chuyên nhất ắt là lòng quân đoàn kết.

Đánh phá quân địch mau chóng ắt là địch không kịp sắp đặt sự phòng bị.

Quân đội có đủ ba điều kiện ấy thì kế hoạch khởi bị địch chiếm đoạt.

Mưu kế của tướng súy tiết lộ ra ắt là quân đội mất ưu thế.

Bên ngoài dòm ngó vào bên trong được, ắt là tai họa không thể ngăn ngừa được.

Của cải vào dinh trại ắt là bọn gian tà tụ hội.

Tướng súy có ba điều lỗi kể trên thì quân đội phải bại trận.

Tướng không lo tính ắt là mưu sĩ sẽ bỏ đi.

Tướng không dung cảm ắt là sĩ tốt nhát sợ.

Tướng hành động bừa bãi ắt là không được quân sĩ tôn trọng.

Tướng hay giận lây qua người khác ắt là tất cả quân sĩ kinh hãi.

Sách *Quân Sấm* nói rằng:

Sự lo toan và lòng dung cảm là việc trọng đại của tướng súy.

Hành động và thịnh nộ là việc thường dùng của tướng sớ.

Bốn điều ấy là quy giới rõ ràng của tướng sớ.

Sách *Quân Sãm nói rằng*:

Quân đội không có tiền của thì kẻ sĩ không đến.

Quân đội không tưởng thưởng thì kẻ sĩ không lại.

Sách *Quân Sãm nói rằng*:

Mỗi thõm thả xuống ắt có cá chết.

Thưởng lớn ban xuống ắt có dũng phu liều mình.

Cho nên ai dùng lễ nghi thì kẻ sĩ theo về.

Ai tưởng thưởng công lao thì kẻ sĩ chịu chết cho kẻ ấy.

Chiêu nạp người theo về với mình, trọng đãi người chịu chết cho mình, ắt là điều ước mong sẽ toại nguyện.

Cho nên đã dùng lễ nghi (để mời về) rồi sau lại hối tiếc thì kẻ sĩ không lại.

Đã thưởng mà sau lại hối tiếc thì kẻ sĩ khó sử dụng.

Dùng lễ nghi và tưởng thưởng mãi không thôi thì kẻ sĩ sẽ tranh nhau chịu chết cho mình.

Sách *Quân Sãm nói rằng*:

Nước nào muốn dấy binh thì cốt yếu trước hết là phải thi ân.

Nước nào muốn đánh dẹp thì cốt yếu trước hết là phải nuôi dân.

Lấy ít mà thắng được nhiều là nhờ thi ân.

Lấy yếu mà thắng được mạnh là nhờ lòng dân.

Cho nên tướng giỏi nuôi nghĩa sĩ, chẳng khác gì nuôi thân thể của chính mình, do đó có thể khiến cho ba quân một lòng một dạ với mình, ắt là sự thắng lợi được hoàn toàn.

Sách *Quân Sãm nói rằng*:

Điều cốt yếu của phép dùng binh.

Ắt là trước hết phải quan sát tình hình quân địch.

Thăm dò kho lẫm chứa lúa gạo và binh khí của địch.

Tính toán phỏng chừng số lương thực của địch.

Đoán biết các chỗ mạnh yếu của địch.

Xem xét tượng trời và thế đất.

Tìm những chỗ sơ hở của địch.

Cho nên nước nào không có nạn chiến tranh mà lại tiếp vận lương thực thì đó là do sự thiếu thốn, còn nếu dân có sắc mặt xanh xao như màu rau củ thì phải hiểu là dân chúng đã khốn cùng lắm rồi.

Chở lương từ ngàn dặm tới, quân sĩ có sắc đỏ, kiếm củi hái rau (hay là cắt cỏ) trước rồi mới thổi nấu sau, thì đó là những dấu hiệu cho biết rằng quân đội không no đủ.

Vận lương từ một trăm dặm tới mà không đủ ăn một năm, từ hai trăm dặm tới mà không đủ ăn hai năm, từ ba trăm dặm tới mà không đủ ăn ba năm, như thế là trong nước đã thiếu thốn.

Nước mà thiếu thốn thì dân nghèo, dân mà nghèo thì trên dưới không thân mật với nhau, địch đánh bên ngoài, dân trộm cắp bên trong, như thế chắc là phải đổ vỡ.

Sách *Quân Sấm* nói rằng:

Trên mà hành động bạo ngược thì dưới sẽ chống đối gấp,
Thuế nặng thu nhiều, hình phạt tăng thêm mãi,
Dân sẽ bị tàn hại, nổi lên làm giặc cướp, ấy là mất nước.

Sách *Quân Sấm* nói rằng:

Trong bụng tham lam, ngoài mặt làm ra vẻ liêm khiết,
Giả là người tốt để lấy danh tiếng,
Trộm của công mà làm ơn cho người,
Nịnh bợ bề trên, cư xử bừa bãi với kẻ dưới,
Trang sức thân thể, dung nhan làm ra vẻ nghiêm chỉnh,
Để đoạt lấy chức quan cao,
Ấy là mối đầu sinh ra sự gian tà.

Sách *Quân Sấm* nói rằng:

Quan lại kết bè đảng,
Tất cả chỉ tiến dâng những kẻ thân thích,
Chiêu nạp và bảo cử những kẻ gian tà, cong vạy,
Kiềm chế các bậc nhân hiền,
Bỏ việc công làm việc tư,
Cùng chức vị mà chê bai nhau, ấy là nguồn gốc của mối loạn.

Sách *Quân Sấm* nói rằng:

Những tong phái mạnh tụ tập kẻ gian tà,

Kẻ chẳng có chức vị gì cũng được quý trọng,
Có uy quyền đến nỗi chẳng có gì mà không lay chuyển được
Những bọn đua nịnh câu kết với nhau,
Gieo đức thi ơn,
Chiếm đoạt luôn cả chức vị và quyền hành,
Xâm chiếm và khinh rẻ quyền lợi của dân đen,
Trong nước ồn ào huyên náo,
Các quan che dấu chẳng nói ra,
Ấy là gốc rễ của sự loạn lạc.

Sách *Quân Sấm* nói rằng:

Đời đời làm việc gian tà,
Xâm nhập tới chốn huyện đường,
Tới lui đều mưu cầu điều tiện lợi riêng cho mình,
Đặt ra những lời văn ngoắt ngoéo, đùa giỡn châm biếm,
Để làm nguy hại tới uy tín của nhà vua.

Đó là kẻ gian trong nước.

Sách *Quân Sấm* nói rằng:

Quan lại thì nhiều mà dân chúng thì ít,
Trên dưới đều ngang nhau, không ai hơn ai,
Kẻ mạnh, người yếu làm hại lẫn nhau,
Chẳng ai tuân theo lời ngăn cấm.
Điều tệ hại ấy lan dần đến bậc quân tử,
Thì nước phải chịu thiệt hại.

Sách *Quân Sấm* nói rằng:

Mến người thiện mà không tiến cử họ,
Ghét người ác mà không phế bỏ họ,
Che dấu người hiền,
Người ngu ngốc thì được chức vị,
Như thế nước nhà phải chịu thiệt hại.

Sách *Quân Sấm* nói rằng:

Cành và lá to mạnh,
Cũng như nhà Chu chiếm được uy thế (Nghĩa là ngọn mạnh gốc yếu).
Hạng ty tiện lẫn lượt bậc tôn quý,

Phe đảng ấy càng lâu càng lớn dần,
Mà bề trên không nở phể bỏ,
Thì nước nhà phải chịu bại vong.
Sách Quân Sấm nói rằng:
Nịnh thần ở trên,
Trong khắp quân đội đều có tranh tụng,
Tự tạo uy quyền cho mình,
Hành động trái ngược với quyền lợi của dân chúng,
Chẳng biết tới lui,
Thâu dụng và dung nạp các người tay chân một cách cầu thả.
Tự ý dành các chức vụ,
Bày việc để khoe công,
Phỉ bang các bậc thịnh đức,
Thường bày chuyện vu oan cho người khác,
Không cần phân biệt người thiện kẻ ác,
Xem mọi người đều giống như mình,
Ngăn chặn sự thi hành các việc,
Ra mệnh lệnh chẳng thông,
Bày ra chính sách hà khắc,
Bãi bỏ các thông lệ cũ và bày ra các việc khác thường,
Nhà vua mà dùng người nịnh,
Ắt là phải chịu họa ương
Sách Quân Sấm nói rằng:

Bọn gian hùng cùng tôn xưng lẫn nhau,
Che lấp các việc sang suốt của nhà vua,
Tiếng khen, lời che cùng nổi lên,
Ngăn chặn sự nghe thấy của nhà vua,
Tất cả đều hành động theo lòng tư dục của mình,
Khiến cho nhà vua phải mất các trung thần.

Cho nên: nhà vua phải tìm hiểu những lời nói quái dị mới thấy rõ mầm mống;

Nhà vua thỉnh cầu các bậc nho hiền thì bọn gian hùng phải rời bỏ;
Nhà vua bổ nhiệm các bậc tuổi tác thì mọi việc đều giải quyết xong;

Nhà vua thỉnh cầu các bậc ẩn sĩ tại các chốn hang, động thì kẻ sĩ ấy mới thực có tài đức;

Mưu kế dùng tới kẻ gánh củi thì công nghiệp mới phơi bày ra.

Chẳng mất lòng người, đức mới tràn đầy.

(1) Sách ghi chép những kinh nghiệm về quân sự.

(2) Dao dịch: Việc công mà dân bắt buộc phải làm cho Nhà nước chớ lẫn lẫn với “giao dịch” có nghĩa là đổi chác.

TRUNG LƯỢC

Đời Tam Hoàng chẳng dạy bằng lời nói mà sự giáo hóa được lưu hành khắp bốn biển, cho nên trong thiên hạ không nơi nào dám nhận công nghiệp về phần mình.

Đời Ngũ Đế theo thể tượng trên Trời mà lập phép tắc dưới Đất, có nói, có truyền lệnh mà thiên hạ được thái bình.

Vua tôi nhường công cho nhau nên sự giáo hóa lưu hành bốn biển, trăm họ chẳng có thể biết được lí do ấy.

Cho nên sai khiến bề tôi mà không dùng lễ và thưởng cho kẻ có công, điều ấy đẹp mà không có hại⁽¹⁾.

Bậc vua chúa dùng đạo để trị người, hàng phục tâm chí của người, đặt ra quy củ, phòng bị chỗ suy yếu, bốn biển cùng về với mình, chẳng bỏ vương chức, tuy có đủ giáp binh nhưng chẳng gặp nạn chiến tranh.

Vua chẳng nghi bề tôi, bề tôi chẳng nghi chúa.

Nước đã bình định xong, chúa được an lòng, bề tôi vì nghĩa mà lui thì cũng được đẹp mà không có hại.

Bậc bá chủ dùng quyền để trị kẻ sĩ, dùng đức tin để giữ kẻ sĩ, dùng phần thưởng để sai khiến kẻ sĩ. Đức tin mà suy giảm thì kẻ sĩ sẽ xa dần, phần thưởng mà thiếu sót thì kẻ sĩ không theo mệnh trên.

Sách Quân Thế nói rằng:

Khi xuất quân và khi đi đường, tướng sùyn được tự chuyên quyền.

Nếu nhà vua ở bên trong mà định đoạt việc tiến thoái của quân đội thì tướng sùyn khó mà thành công.

Sách Quân Thế nói rằng:

Phải biết sử dụng kẻ trí, kẻ dũng, kẻ tham, kẻ ngu.

Kẻ trí thích lập công.

Kẻ dũng thích thi hành cái của mình.

Kẻ tham mong được lợi.

Kẻ ngu không nghĩ đến cái chết.

Nhân theo chí khí và tình ý của người mà dùng họ, đó là sự quyền biến vi diệu của quân đội.

Sách Quân Thế nói rằng:

Chớ cho kẻ biện sĩ luận bàn về điều hay của quân địch, vì họ sẽ làm cho quân chúng hoang mang.

Chớ cho kẻ nhân giữ tiền của, vì họ thường bố thí nhiều cho kẻ dưới.

Sách Quân Thế nói rằng:

Cấm hạng thầy đồng tử, thầy bói không được bói toán cho các lại sĩ đến hỏi việc lành dữ về quân đội.

Sách Quân Thế nói rằng:

Muốn sử dụng nghĩa sĩ thì đừng dùng tiền của, cho nên kẻ có nghĩa chẳng vì kẻ bất nhân mà chết, kẻ có trí chẳng vì kẻ ngu tối mà lập mưu kế.

Bậc vua chúa không thể không có đức, nếu không đức thì bề tôi sẽ làm phản; bậc vua chúa không thể không có uy, nếu không có uy thì nước yếu, còn nếu có nhiều uy thì tự mình sẽ gặp nguy hiểm.

Cho nên Thánh vương trị thế, tùy theo thời thịnh suy mà quyền biến, đo lường sự được mất mà đặt ra phép tắc. Cho nên chư hầu thì có hai sư, phương bá thì có ba sư, Thiên tử thì có sáu sư.

Gặp đời loạn thì bọn phản nghịch sinh ra mà ân huệ của vua thì hết, ắt là có sự thề ước cùng nhau đánh dẹp.

Đức mà bằng nhau, thế mà ngang nhau thì không lấy gì mà khuynh đảo nhau, bèn nắm lấy lòng dạ của hạng anh hùng, cùng yêu cùng ghét với họ, rồi sau này dùng quyền biến thêm vào.

Cho nên nếu không có mưu kế, sách lược thì không lấy gì mà giải quyết sự ngờ vực; nếu không có mưu kế quỷ quyết, lạ lung thì không lấy gì mà phá tan dẹp giặc; nếu không có kế hoạch kín đáo thì không thể thành công.

Thánh nhân theo thể tượng của trời, hiền nhân lập phép tắc dưới đất, bậc trí gia thì học theo xưa, vì thế cho nên ba sách lược được đặt ra cho đời suy.

Thượng lược bày ra lẽ thưởng, phân biệt kẻ gian hùng, sắp đặt cuộc thành bại.

Trung lược so sánh đức hạnh hơn thua, xử đoán việc quyền biến.

Hạ lược trình bày việc đạo đức, xét việc an nguy, phê phán kẻ giặc, người hiền.

Cho nên bậc nhân chúa, hiểu rõ thượng lược ắt có thể bổ nhiệm người hiền, bắt giữ kẻ địch; hiểu rõ trung lược thì có thể ngự trị được tướng tá, thống lĩnh quần chúng; hiểu rõ hạ lược thì có thể biết nguồn gốc của thịnh suy, xử yên việc kì cương trong nước.

Bề tôi hiểu rõ trung lược ắt có thể làm trọn vẹn được công vụ, bảo toàn thân mình.

Khi con chim bay cao đã chết thì cung tốt phải cất giấu đi, nước địch đã diệt xong thì mưu thần phải mất. Mất đây chẳng phải là mất cái thân (chết), mà là đoạt cái uy, bỏ cái quyền, phong cho làm quan tại triều, cho ở địa vị cao nhất để làm sáng tỏ công nghiệp, cho ở trung châu, quản trị đất đai tốt lành để nhà trở nên giàu có, cho hưởng sắc đẹp, của quý để được vui lòng.

Nhóm đệ tử tay chân một lần đã tụ hợp thì không thể phút chốc mà chia lìa, uy quyền một lần đã nắm giữ thì không thể phút chốc mà rời bỏ được.

Lúc lui quân, giải ngũ là bước còn mất, cho nên phải dùng địa vị để làm họ suy yếu, dùng đất đai, để đoạt uy quyền của họ, đó là sách lược của bậc bá chủ.

Cho nên việc làm của bậc bá chủ, luận tóm tắt lại là bảo tồn xã tắc, vây bọc anh hùng, đó là cái thế bày ra ở Trung lược cho nên chủ chốt của cái thế là sự bí yếu như vậy đó

(1) Đối với kẻ có công, không dùng lễ và thưởng. Như thế chỉ cho họ chức vụ và quyền hành.

HẠ LỢC

Người có thể giúp thiên hạ trong cơn nguy biến ắt có thể giữ gìn sự bình yên cho thiên hạ; người trừ được điều lo cho thiên hạ, ắt có thể đem điều vui cho thiên hạ; người cứu được thiên hạ khỏi tai họa ắt có thể thu được điều phước về cho thiên hạ.

Cho nên ân huệ xuống tới dân chúng, thì người hiền theo về, ân huệ xuống tới côn trùng thì thánh nhân theo về.

Hiền nhân theo về thì nước mạnh, thánh nhân theo về ắt là sáu cõi⁽¹⁾ được dùng trọn vẹn.

Muốn cầu hiền nhân thì dùng đức, muốn tìm mời tới bậc thánh nhân thì dùng đạo.

Người hiền mà bỏ đi thì nước suy vi,

Thánh nhân mà bỏ đi thì nước sẽ gặp cảnh ngang trái (lộn xộn không yên ổn).

Sự suy vi sẽ dẫn tới cảnh nguy biến,

Sự lộn xộn sẽ dẫn tới cảnh mất nước.

Chính sách của người hiền là hàng phục người bằng hình thể (thấy được).

Chính sách của thành nhân hàng phục người bằng đạo tâm (không thấy được).

Hàng phục bằng hình thể để mưu đồ việc đầu,

Hàng phục bằng đạo tâm để giữ gìn việc cuối.

Hàng phục hình thể thì dùng lễ, hàng phục tâm can thì dùng nhạc⁽²⁾.

Cái mà gọi là nhạc, chẳng phải là vàng, đá, tơ, trúc, mà là cái:

- Làm cho người an vui về nhà cửa;
- Làm cho người an vui về họ hàng;
- Làm cho người an vui về nghề nghiệp;
- Làm cho người an vui về đô ấp;
- Làm cho người an vui về phép nước;
- Làm cho người an vui về đạo đức.

Như thế bậc vua chúa bèn đặt ra nhạc để tiết chế lòng người, khiến cho khỏi mất sự điều hòa.

Cho nên bậc vua chúa có đức dùng nhạc để làm người vui, còn bậc vua chúa không có đức dùng nhạc để thân vui.

Làm người vui thì được lâu mà nước được vững bền, còn làm thân vui thì chẳng được bao lâu mà nước sẽ mất.

Bỏ việc gần mà lo việc xa thì lao nhọc chẳng thành công.

Bỏ việc xa mà lo việc gần thì nhàn rồi mà chóng hết (không thành công lâu dài).

Thi hành chính sách nhàn rồi thông thả thì có nhiều tội trung.

Thi hành chính sách lao nhọc thì có nhiều dân oán.

Cho nên có nói:

Chỉ lo về đất rộng, thì đất sẽ bỏ hoang.

Chỉ lo về đức rộng, thì nước sẽ cường thịnh.

Thường có sẵn, thì cái có ấy được bảo đảm.

Tham lam cái có của người thì chóng hủy hoại.

Chính sách tàn hại cho đời phiền lụy và lo buồn.

Sự tạo tác quá mức mà cố gắng miễn cưỡng làm cho thành công, ắt phải thất bại.

Bỏ lỗi cho mình mà đi dạy người là nghịch lí.

Sửa mình cho ngay thẳng mà cảm hóa người là thuận lí.

Việc thuận là cốt yếu của sự yên trị.

Đạo, đức, nhân, nghĩa, lễ năm cái ấy thuộc về một thể chung.

Đạo là đường lối mà ta bước theo,

Đức là cái mà người ta được nơi mình,

Nhân là cái mà người ta ưa gần,

Nghĩa là cái người ta nên làm,

Lễ là cái thể thức hành động của người ta,

Những điều ấy rất cần thiết, không thể không có một điều mà được.

Cho nên sớm dậy tối ngủ, đó là phép tắc của lễ nghi.

Đẹp giặc báo thù là phán quyết của điều nghĩa,

Lòng trắc ẩn là sự phát biểu của điều nhân,

Được cho mình, được cho người, là đường lối thực hiện của cái đức.

Sai khiến người một cách đồng đều không sai lạc, đó là sự biến hóa của đạo.
Việc sai khiến phát ra từ vua xuống tới bề tôi gọi là mệnh.
Viết trên thẻ tre hay lụa thì gọi là lệnh.
Vâng chịu mà thi hành thì gọi là chính.
Mệnh mà mất thì lệnh không thi hành được.
Lệnh mà không thi hành thì chính sách không lập nên được,
Chính sách không lập được thì đạo không thông,
Đạo mà không thông thì gian thần thắng thế,
Gian thần thắng thế thì uy quyền của chúa bị tổn thương.
Từ ngàn dặm đến đón người hiền, con đường ấy thật là xa.
Còn đi tới người ngu, thì con đường ấy gần,
Vì thế bậc vua sáng suốt bỏ gần mà lấy xa, cho nên vua giúp bậc thượng
nhân hoàn thành công nghiệp mà kẻ dưới cùng sẽ hết lòng làm việc.
Bỏ một người thiện thì số người thiện sẽ giảm,
Thưởng một người ác, thì các người ác sẽ chạy đến,
Người thiện mà được che chở giúp đỡ, người ác mà bị trừ giết đi thì nước
nhà được bình yên và các người thiện sẽ đến,
Quần chúng mà nghi ngờ thì không bình định được nước.
Quần chúng mà lầm lạc thì không cai trị được dân,
Làm cho kẻ nghi ngờ được yên lòng, dắt người lầm lạc trở về đường chính.
Thì nước bèn trở nên yên ổn.
Một lệnh mà thi hành trái ngược thì trăm lệnh đều thất bại
Một điều ác mà thi hành thì trăm điều ác sẽ kết thành.
Cho nên việc thiện thi hành vào đám dân lành, việc ác tăng vào đám dân
hung dữ thì lệnh được thi hành mà chẳng có oán hận.
Dùng oán để trị oán, điều ấy gọi là nghịch trời,
Lấy thù trị thù tai họa xảy tới không cứu vãn được.
Trị dân thì khiến cho bình yên, muốn được bình yên thì phải thanh tĩnh, ắt là
dân được vừa lòng mà thiên hạ được yên lành.
Kẻ xúc phạm bề trên mà được tôn trọng, kẻ tham lam bị lộ mà được giàu
có, dầu có thánh vương cũng không thể trị yên.
Kẻ xúc phạm bề trên mà được trừ giết đi, kẻ tham lam bị lộ mà được câu
thúc lại, ắt là sự giáo hóa được lưu hành, mà bọn ác sẽ tự tiêu diệt.

Đối với kẻ sĩ thanh bạch,
Không thể dùng tước lộc mà mời về được;
Đối với kẻ sĩ tiết nghĩa,
Không thể dùng uy quyền và hình pháp hiếp bách.

Cho nên việc vua sáng suốt đi mời bậc hiền tài, ắt phải xét lí do mới có thể mời họ đến được.

Muốn mời kẻ sĩ thanh bạch thì trước hết phải tu chỉnh lễ nghi.

Muốn mời kẻ sĩ tiết nghĩa thì trước hết phải tu dưỡng đạo đức, rồi sau mới có thể đi đón mời, như thế danh dự được bảo toàn.

Bậc thánh nhân quân tử.
Hiểu rõ nguồn gốc thịnh suy,
Thông suốt mối thành bại,
Xét cơ trời trị loạn,
Biết được vận tiết đi về.

Tuy khốn cùng không bao giờ nhận chức vị trong một đám dân mất nước,
Tuy nghèo hèn không bao giờ ăn lúa của một nước loạn.

Kẻ giấu danh giữ đạo chờ thời cơ tới mà hành động, ắt là được địa vị quan đại thần tối cao, giữ đức hợp với mình ắt lập được công nghiệp vĩ đại, cho nên nhờ đó nền đạo đức được thanh cao mà danh tiếng vang hừng tới đời sau.

Bậc thánh cháu dùng binh chẳng phải vui thích, mà vì muốn trừ bạo dẹp loạn.

Lấy việc nghĩa để trừ việc bất nghĩa, cũng giống như mở cửa thông sông ngòi để tưới mát lửa đuốc⁽³⁾ nhằm lúc bất ngờ mà xử cái vật đã muốn nghiêng đổ, thì sự thắng thế ấy ắt phải có vậy. Nếu chỉ thung dung điềm đạm mà chẳng chịu tiến hành thì sẽ làm tổn thương nặng nề tới người và vật vậy.

Việc binh là việc chẳng lành, đạo trời ghét nó, chỉ dùng nó vì cực chẳng đã mà thôi thì mới hợp đạo trời.

Người ta ở trong đạo cũng như cá trong nước, được nước thì sống mất nước thì chết. Cho nên bậc quân tử thường sợ sệt mà chẳng dám lìa đạo.

Hào kiệt mà nắm lấy chức vị thì cái uy của nước trở nên hèn yếu.

Quyền cho sống cho chết mà ở trong tay các hào kiệt thì cái thế của nước phải mất.

Các hào kiệt cúi đầu thì nước mới bền vững lâu dài,

Quyền cho sống cho chết ở trong tay vua thì nước mới yên định.
Đồ dùng của bốn hạng dân (sĩ, nông, công, thương) mà thiếu hụt thì nước không có của để dành,
Đồ dùng của bốn hạng dân mà đầy đủ thì nước sẽ an vui.
Hiền thần mà ở trong triều thì gian thần phải trục xuất.
Gian thần mà ở trong triều thì hiền thần phải chết.
Việc phân chia trong ngoài mà thi hành không dùng phép thì tai họa loạn lạc sẽ lưu truyền trong đời.
Bậc đại thần mà ngờ chúa thì bọn gian sẽ tụ tập,
Bề tôi mà giành chức vụ tôn quý của vua, thì trên dưới hôn ám, nhà vua mà làm công việc của bề tôi thì trên dưới mất vị thứ.
Làm tổn hại người hiền thì tai vạ lưu truyền tới ba đời,
Che giấu người hiền thì thân phải chịu tai họa,
Ghen ghét người hiền thì danh vị không được bảo toàn,
Cất nhắc người hiền thì phúc lưu truyền cho con cháu.
Cho nên bậc quân tử gấp lo việc cất nhắc người hiền nên công danh tốt đẹp lại càng rực rỡ thêm.
Lợi một phần mà hại trăm phần thì dân rời bỏ thành quách đang ở.
Lợi một phần mà hại muôn phần thì dân trong nước lo tính việc phân tán.
Bỏ một mà lợi trăm thì người người cảm mến ân huệ mà theo về,
Bỏ một mà lợi vạn thì nền chính trị sẽ không rối loạn.

-
- (1) Lục hợp (là trời, đất, đông, tây, nam, bắc).
 - (2) Nhạc ở đây có nghĩa rộng là sự điều hòa, thanh tĩn.
 - (3) Dùng phương tiện lớn để làm việc nhỏ thì thành công quá dễ dàng.

TƯ MÃ BINH PHÁP

TƯ MÃ ĐIỀN NHƯNG TƯ

QUYÊN THƯỢNG

Thứ nhất: Lấy điều nhân làm gốc

Thời xưa, người ta lấy điều nhân làm gốc, dùng điều nghĩa để sửa trị, đó gọi là chính pháp. Chính pháp thi hành không được vừa ý thì phải dùng phép biến quyền, mà phép biến quyền thì chỉ phát xuất từ chiến tranh, chứ không phát xuất từ người bình thường vô sự.

Bởi thế nên:

- Giết người mà yên được lòng vì việc giết ấy nên làm;
- Đánh nước người mà thương dân người thì việc ấy nên làm;
- Dùng chiến tranh để ngăn ngừa chiến tranh, thì chiến tranh ấy là việc nên làm.

Cho nên:

- Đức nhân hiện ra ở sự thân thiết;
- Đức nghĩa hiện ra ở lời dạy dỗ;
- Đức trí hiện ra ở cậy mình;
- Đức dũng hiện ra ở thân xác;
- Đức tín hiện ra ở sự tin thực;

Bên trong thi hành được lòng nhân ái để mà giữ nước; bên ngoài bày tỏ được uy vũ để mà chiến đấu.

Phép đánh giặc là:

- Chớ làm trái thời, chớ nhắm vào lúc dân chúng bệnh hoạn, khốn khổ, để tỏ lòng thương dân mình;
- Chớ gây thêm tang tóc, chớ dựa vào điều hung bạo, để tỏ lòng thương dân người;
- Chớ đẩy binh mùa đông và mùa hè để tỏ lòng gồm thương dân mình và dân người;

Cho nên nước tuy lớn mà ham thích chiến tranh thì sẽ mất; thiên hạ tuy an ổn mà không lo phòng bị chiến tranh thì sẽ gặp nguy nạn. Khi thiên hạ đã bình yên, Thiên tử vui vẻ bày ra săn bắn vào mùa xuân và mùa thu, còn chư hầu thì

mùa xuân chấn chỉnh quân lữ, mùa thu sửa trị việc binh, để không quên việc chiến đấu.

Người xưa chạy theo đuổi giặc không quá trăm bước, giăng cờ không quá ba xá(1), đó là để làm sáng tỏ đức lễ;

Không bức bách quân địch yếu ớt mà lại thương xót những kẻ mang thương tích, bệnh tật, đó là để làm sáng tỏ đức nhân;

Thành thực bày tỏ và cố động cho mọi người biết, đó là để làm sáng tỏ đức tín;

Tranh điều phải chứ không tranh điều lợi đó là để làm sáng tỏ đức nghĩa;

Lại có thể cởi áo ra, đó là để làm sáng tỏ đức dũng(2);

Biết đầu biết đuôi, đó là để làm sáng tỏ đức trí.

Tùy thời mà thi hành sáu đức nói trên, dùng việc làm để giáo huấn cho họp cách, đó là phép lập kỉ cương cho nhân dân là chính pháp của thời xưa.

Phép chính trị của các vua xưa là thuận theo đạo trời để lập khuôn phép trên mặt đất, trông nom đức hạnh của dân chúng để tu chính danh nghĩa và sắp đặt công việc, lập nước chia chức, tùy theo phẩm tước mà ban bổng lộc, làm cho chư hầu vui vẻ nhớ ơn, nước ngoài đến quy quy phục, ngục tù bỏ không, quân binh nghỉ việc, đó là phép chính trị của bậc thánh đức.

Dưới đó là các bậc vua hiền bày ra lễ nhạc, pháp độ, rồi đặt năm loại hình pháp(3), dấy giáp binh để đánh dẹp kẻ bất nghĩa, tuần thú để nhóm các vua chư hầu, tìm xét những kẻ chẳng đồng lòng, trong đó có kẻ khinh bỏ mệnh trên, làm loạn luân thường, trái đức, nghịch thời trời, rồi tuyên dương những vua có công trạng, cáo khắp chư hầu, vạch rõ những kẻ có tội, rồi cáo lên Hoàng Thiên Thượng Đế, trời, trăng, sao, cầu khẩn Hậu Thổ(4) và liệt vị thần linh trong bốn biển, núi sông làng miếu, bèn làm lễ tế các vua trước rồi sau quan Trùng Tế(5) trung binh của các nước chư hầu mà nói rằng:

Nước mỡ làm việc trái đạo, để đánh nước ấy vào năm mỡ tháng mỡ ngày mỡ, quân đội các nước chư hầu phải đến nước mỡ hội với binh Thiên Tử để thi hành hình pháp chính đáng.

(1) Xá là quãng đường mà quân sĩ đi được trong một đêm tức là 30 dặm

(2) Cởi áo ra để đánh nhau

(3) Ngũ hình: Theo sách Truyện ngũ hình là: 1) Mặc: thích chữ vào mặt rồi bôi mực vào; 2) Nhi: cắt mũ; 3)Phí: chặt chân; 4) Cung: khi phạm tội gian dân, trái bị cắt dái, gái bị giam vào cung; 5) Đại tịch: tội chết

(4) Thần đất.

(5) Chức quan đời nhà Chu, đứng đầu Lục Khanh, về sau gọi là tể tướng

Quan Trùng Tế cùng trăm quan ban lệnh cho các vua chư hầu nói rằng:

Khi vào đất kẻ có tội:

- Chớ xúc phạm thần linh;
- Chớ săn bắn;
- Chớ phá hủy thành lũy, đê điều, đường sá, hào rạch, cầu cống, v.v...
- Chớ đốt nhà cửa;
- Chớ phá cây cối, rừng rú...;
- Chớ lấy súc vật, thóc lúa, khí cụ...;
- Thấy già trẻ chịu theo mình thì chớ gây thiệt hại cho họ;
- Tuy gặp những kẻ trai tráng, nếu họ không chống cự thì chớ đánh giết họ;
- Khi đánh nhau, nếu gây thương tích cho họ thì chữa thuốc cho họ rồi cho họ trở về;

- Sau khi trừ giết kẻ có tội, vua cùng các chư hầu bèn sửa sang nước ấy, cất nhắc kẻ hiền tài, dùng các người sáng suốt, lập lại chức vị chư hầu cho được chính đáng.

Bậc vương bá trị yên các nước chư hầu nhờ sáu phép sau này:

- 1- Dùng đất đai để sắp hình thế cho chư hầu;
- 2- Dùng chính lệnh để trị yên chư hầu;
- 3- Dùng lễ tín để thân chư hầu;
- 4- Dùng tài sức để thuyết phục chư hầu;
- 5- Dùng mưu sĩ để ràng buộc chư hầu;
- 6- Dùng binh bách để hàng phục chư hầu.

Cùng chia sẻ hoạn nạn và lợi lộc để hợp chư hầu;

Nhóm chư hầu để ban bố lệnh chín lệnh cấm sau này:

1- Nếu có những ai ức hiếp người yếu đuối, xâm phạm kẻ cô quả thì trị tội họ;

2- Nếu có những ai cướp bóc, lấy trộm của người hiền, làm thiệt hại tới dân chúng thì trừ giết họ;

3- Nếu có những ai hung bạo bên trong, xâm lăng bên ngoài thì bắt giết họ để tế đàn;

4- Nếu có những ai bỏ hoang ruộng đất, làm nhân dân li tán thì tước đất phong của họ;

5- Nếu có ai cậy mình vững chắc không chịu tòng phục bề trên thì đánh chiếm đất của họ;

6- Nếu có những ai cướp giết thân nhân thì sửa lỗi họ;

7- Nếu có những ai đuổi giết vua thì tàn sát họ;

8- Nếu có những ai trái lệnh trên, phá hoại chính trị thì ngăn chặn họ;

9- Nếu có những ai làm rối loạn trong và ngoài, hành động như cầm thú thì giết sạch họ.

Thứ hai: Nghĩa vụ của Thiên Tử

Nghĩa vụ của Thiên Tử là luôn luôn nhận theo những luật thiên nhiên của trời đất và noi gương các thánh hiền đời trước; nghĩa vụ của sĩ phu và thường dân là phụng dưỡng cha mẹ và sửa mình theo ý của người trên.

Cho nên tuy có vua sáng, sĩ phu chưa được răn dạy trước thì chưa có thể đem ra dùng được.

Ngày xưa muốn dạy dân thì phải lập ra trật tự kẻ sang người hèn, việc thường và sự mạng đặc biệt chẳng lẫn nhau, đức và nghĩa chẳng vượt nhau, tài và nghề chẳng che giấu nhau, dạn và mạnh chẳng xâm phạm nhau, cho nên sức ngang nhau mà ý hòa nhau.

Ngày xưa những kẻ được dung túng trong triều đình thì không được đưa vào quân lữ, những kẻ được dung túng trong quân lữ thì không được đưa vào triều đình cho nên đức và nghĩa không vượt nhau.

Bề trên quý trọng kẻ sĩ không khoe công, kẻ sĩ không khoe công là vật báu của bề trên. Nếu không khoe công thì chẳng tham cầu, không tham cầu thì chẳng tranh giành; việc nghe thấy của triều đình ắt là đúng thực tình, việc nghe thấy của quân lữ ắt là thích nghi, nhờ đó mà tài nghề chẳng che giấu nhau.

Sĩ tốt tuân mệnh thì được bề trên tưởng thưởng, sĩ tốt trái mệnh thì bị bề trên trừ giết, nhờ đó mà dạn và mạnh chẳng xâm phạm nhau.

Dạy dân tới nơi tới chốn rồi sau tuyển chọn cẩn thận để mà sai khiến.

Việc tu chỉnh thi hành cùng cực thì trăm quan đủ dùng, việc giáo hóa sáng suốt hết mực thì người dân trở nên tốt lành, việc tập quen rồi thì sẽ thành phong tục của dân chúng; đó là việc giáo hóa đã tới nơi tới chốn.

Ngày xưa, người ta đuổi giặc thì không đi quá xa, giảng cời thì không đủ số; không xa nên khó khêu chọc địch, không đủ số nên khó vây hãm địch. Coi lễ nghi làm chỗ vững chắc của mình, lấy điều nhân làm hơn, sau khi đã hơn rồi, việc giáo hóa lại có thể phục hưng, đó là điều mà quân tử rất quý trọng.

Có triều nhà Ngu răn dạy chốn triều đình muốn cho dân chúng vui lòng tuân mệnh của mình; đời Hạ Hậu thề ước giữa chốn quân lữ, muốn cho dân chúng thực hiện trước những điều lo liệu của mình; đời nhà Ân thề ước ngoài cửa trại quân muốn dân chúng có ý thức rõ rệt trước khi làm việc; tướng đời nhà Chu cầm treo dao kiếm mà thề ước để nhân dân bền chí(1).

Đời Hạ Hậu lo tu chỉnh đạo đức, cũng chưa dùng tới gươm giáo của quân binh, cho nên quân binh không hỗn tạp. Nhà Ân chuộng nghĩa, lúc đầu cũng có dùng tới gươm giáo của quân binh. Nhà Chu chuộng võ lực nên dùng hết mức gươm giáo của quân binh.

Nhà Hạ ban thưởng tại triều đình bởi quý người lành. Nhà Ân giết tại chợ, để kẻ chẳng lành phải khiếp uy. Nhà Chu thưởng ở triều, giết ở chợ để khuyến khích người quân tử và khiến cho kẻ tiểu nhân phải sợ hãi. Đời Tam Vương(2) rức rờ, đạo đức cùng là một.

Binh không hỗn tạp thì không tiện lợi. Trường binh dùng để bảo vệ, đoàn binh dùng để giữ gìn(3). Võ khí có tầm quá xa thì khó xâm phạm, võ khí có tầm quá gần thì không tới đích. Binh quá nhẹ thì bén nhọn, bén nhọn thì dễ lạn. Binh quá nặng thì chậm chạp, chậm chạp thì không cứu được xe cộ.

Đời Hạ Hậu nói rằng: Trước hết phải sửa câu xa cho ngay thẳng(4)

(1) Ngu là quốc hiệu của Trung Hoa dưới đời vua Thuấn. Hạ là quốc hiệu của Trung Hoa dưới đời vua Võ. Hậu là họ của Hậu Nghệ cướp ngôi nhà Hạ. Vua Thành Thang dứt nhà Hạ, lập ra nhà Thương truyền ngôi đến mười đời Bàn Canh nhà Ân. Vua Chu là Võ Vương dứt nhà Ân mà giành thiên hạ

(3) Trường binh dùng cung, nỏ, súng, hỏa tiễn... đoàn binh kỳ: gươm, đao, giáo, mác

(4) Câu xa: loại xe phá thành

Đời Ân nói rằng: Trước hết phải sửa dần xa để chạy cho nhanh(1). Đời Chu nói rằng: Trước hết phải sửa xe nguyên nhưng(2) cho tốt.

Đời Hạ Hậu, cờ có màu đen như dầu, đó là chỗ cầm nắm của Người; đời Ân, cờ có màu trắng, đó là nghĩa của Trời; đời Chu, cờ có, màu vàng, đó là đạo của Đất

-Về chương hiệu, đời Hạ Hậu dùng mặt trời và mặt trăng vì chuộng sáng suốt; đời Ân dùng con cọp vì chuộng uy dũng; đời Chu chuộng con rồng vì chuộng văn học.

Nhiều quân, chuộng uy dũng ắt là dân chúng bỏ rơi, còn nếu ít uy dũng thì dân chúng sẽ mất thắng lợi.

Người trên sai khiến dân không theo chính nghĩa, dùng trăm họ không theo đúng khuôn phép, dùng tài nghệ không thu được ích lợi, dùng trâu ngựa không đúng việc, còn quan lại thì xâm phạm dân chúng, đó gọi là nhiều uy, nhiều uy thì dân chúng bỏ rơi.

Người trên không tôn trọng người có đức hạnh mà dùng kẻ đối trá gian tà, không tôn trọng người có đạo nghĩa mà dùng kẻ manh dạn, không quý người tuân mệnh trên mà quý kẻ trái mệnh, không quý người làm lành mà quý kẻ làm dữ, lẩn lớt quan lại, đó gọi là thiếu uy, thiếu uy thì dân chúng không thắng lợi.

Việc quân lữ phải lấy điều thư thả làm chủ chốt, nếu thư thả thì dân đủ sức. Tuy rằng gặp lúc giao chiến, so gươm, nhưng đi bộ chẳng bao giờ phải chạy, đi xe chẳng cần giục ngựa sai, đuổi theo hay thua chạy mà chẳng bỏ hàng ngũ. Nhờ đó quân lữ kiên cố mà không rối loạn, hàng ngũ không mất trật tự, người ngựa không kiệt sức, mau chậm chẳng vượt qua mệnh lệnh dạy răn.

Ngày xưa, những kẻ được dung túng ở triều đình thì không được đưa vào quân đội, những kẻ được dung túng trong quân đội thì không được vào triều đình. Những kẻ được dung túng trong quân đội mà được vào triều đình thì đức hạnh của dân chúng sẽ bị bỏ phế. Những kẻ được dung túng ở triều đình mà được vào quân đội thì quân dân trở nên yếu đuối.

Bởi thế trong nước ngôn ngữ văn nhã và ôn hoà, tại triều đình các quan tỏ ra cung kính và nhường nhịn, sửa mình để tiếp đãi người; không được mời thì không tới, không được hỏi thì không nói, khó tiến dễ lùi.

Trong quân lữ thì kháng chiến mà giữ vững, trong hàng ngũ thì tiến lên mà lòng quả cảm, khi mang giáp trụ không còn vái lạy, khi ngồi binh xa không giữ nghi thức, đứng gác trên thành chẳng chạy tháo lui, gặp việc nguy nan chẳng tỏ yếu hèn.

Cho nên lễ là hình thức bên ngoài, phép là giềng mối bên trong, văn và võ là những kẻ phò tá bên phải và bên trái vậy.

Ngày xưa, vua hiền làm sáng đức của dân, dạy dân làm lành hết mức, cho nên không bỏ đức, không chọn dân (1), không thưởng ai mà chẳng phạt ai. Đời Ngu không thưởng, không phạt mà dân chúng đều dùng được là nhờ đức lớn.

Đời Hạ thưởng mà không phạt là nhờ dạy dân tới nơi tới chốn. Đời Ân phạt mà không thưởng là nhờ uy lớn. Đời Chu đều dùng thưởng và phạt, đó là vì đạo đức suy giảm.

Thưởng chẳng để trễ thời, vì muốn dân chúng chóng thu hoạch lợi ích của việc lành. Phạt ngay chẳng dè ngày, vì muốn dân mau thấy điều hại của việc dữ.

Kẻ có công lớn không được thưởng thì trên và dưới đều chẳng khoe tài(2). Người trên không khoe tài ắt là không kiêu căng. Kẻ dưới chẳng khoe tài ắt là không tranh giành ngôi thứ. Trên và dưới chẳng khoe tài, như thế đức thoái thượng thật là hết mức vậy.

Thua lớn mà không bị tội chết, trên dưới đều quy lỗi về mình. Trên nếu quy lỗi về mình, ắt là hối lỗi. Dưới nếu quy lỗi về mình ắt là tránh lỗi về sau. Trên dưới giành phần xấu về mình, như thế đức thoái nhượng thật là tốt mức vậy.

Ngày xưa đóng binh ba năm chẳng dấy, đó là vì thấy dân mệt nhọc. Trên và dưới thù đáp với nhau, như thế thực là thuận hòa hết mức. Khi thỏa lòng thì ca hát, đó là vui mừng. Nằm dài tại chốn linh đài (đài xem thiên văn) báo đáp công lao của dân chúng, đó là nghỉ ngơi.

(1) Không chia hạng cao thấp

(2) Phạt thiện: khoe tài, khoe công, khoe điều hay giỏi, tốt lành của mình.

QUYÊN TRUNG

Thứ ba: định tước vị

Muốn chiến đấu, phải định tước vị, nêu rõ công và tội; thu nạp các kẻ du thuyết, ban bố lời răn dạy, thăm hỏi dân chúng của mình, tìm mời nhân tài của mình, bấy giờ mới lo tính các vấn đề quan trọng, giải quyết các việc hiềm nghi, dưỡng sức, tìm tòi các điều hay ho khéo léo, lợi dụng sự khích động nhân tâm

Muốn chiến đấu, phải củng cố tinh thần của dân chúng, quan sát điều lợi, dẹp trừ mối loạn, tới hoặc nghỉ đều theo đường chính, xây dựng liên sĩ, ước định pháp luật, xét phạt các tội nhỏ, rồi giết những kẻ phạm tội nhỏ hơn là những kẻ phạm tội lớn, bấy giờ sẽ thuận theo trời, làm tăng thêm tài sản, làm đẹp lòng dân chúng, sử dụng các lợi thế của đất đai, nâng đỡ quân binh, đó là năm điều lo liệu.

Thuận trời thì theo thời;

Làm tăng thêm tài sản thì lợi dụng tài sản của địch;

Làm đẹp lòng dân chúng thì làm cho họ thuận theo mình;

Sử dụng lợi thế của đất đai thì đóng giữ các nơi hiểm trở;

Nâng đỡ quân binh thì giúp họ chống đỡ cung tên, giữ họ khỏi bị thù mưu, che chở họ khỏi bị quá khích

Năm binh ⁽¹⁾ có năm việc nên làm:

Trường binh che chở đoàn binh;

Đoàn binh cứu giúp trường binh;

Thay nhau mà đánh thì được lâu dài;

Cùng đánh một lần thì mạnh mẽ;

Thấy các việc ngang nhau, đó gọi là làm chủ cả hai, hãy gắng theo cho kịp, xem địch mà cử động

Lòng của các tướng là lòng của ta; lòng của dân chúng là lòng của ta

Ngựa, trâu, xe, binh, an nhàn, no đủ, đó là sức mạnh

(1) Dùng năm thứ binh khí là: Mâu, kích, việt(búa), thuẫn(mộc), cung tên

Điều cốt yếu của sự răn dạy là dự liệu, điều cốt yếu của sự chiến đấu là tiết độ.

Tướng quân là thân thể, lính tráng là tay chân, hàng ngũ là ngón cái.

Đánh nhau là dùng mưu trí, chọi nhau là dùng sự mạnh dạn, bày trận là sắp đặt khéo léo.

Ta dùng cái gì ta muốn, ta làm điều gì có thể làm; trái lại nếu địch có điều gì mà ta không muốn, hoặc làm được điều gì mà ta không thể làm thì ta phải phá bỏ những điều ấy.

Muốn chiến đấu, phải được thời trời, phải có tài sản, phải thực khéo giỏi.

Ngày giờ chẳng sai lệch, bói được quẻ tốt và hành động kín nhem, đó là được thời trời.

Dân chúng có đủ, nhờ có đủ mà làm điều tốt lành, đó là có tài sản.

Người được tập luyện, trận bày sắc bén, sắp đặt các việc hết mức để dự bị, đó gọi là khéo léo.

Người ráng làm tròn nhiệm vụ, đó gọi là làm cho người vui. Đại quân đa vững chắc(1), nhiều lực đã phức tạp, xử sự thì biết kén chọn, sửa trị, gặp việc thì biết ứng biến, đó gọi là biết dự liệu sẵn sàng.

Xe có nhẹ nhàng, lính bộ nhanh nhẹn, cung tên vững chắc để chống địch, đó gọi là đại quân (quân mạnh).

Kín đáo, lặng lẽ, bên trong ngầm chứa sức mạnh, đó gọi là chiến trận vững bền.

Nhân đó mà tiến thoái dễ dàng tùy ý, đó gọi là nhiều sức.

Cấp trên thông thả tập luyện quân sĩ, đó gọi là bày trận phức tạp.

Đã có người chịu nhận chức phận, đó gọi là quen việc.

Nhàn do phân biệt công việc đó gọi là kén chọn, sửa trị, cất nhắc dân chúng.

Tùy theo đất đai, tùy theo địch tình mà khiến bày trận để chiến đấu, giữ gìn, tới lui, ngừng nghỉ, trước sau sắp bày xe, lính, do đó gọi là tham chiến.

Không phục, không tin, không hòa, giải đãi, nghi ngờ, chán nản, sợ sệt, chống cự người ở trên, bỏ bê công việc, buông thả, suy sụp, chậm chạp, đó gọi là tai họa của chiến tranh.

(1) Ở đây chữ đi được dịch theo nghĩa xưa "đã" để phù hợp với ý nghĩa của những câu tiếp theo (xin độc giả tiếp tục xem ở sau)

Kiêu căng, sợ sệt, ồn ào, an vui, lo lắng, hối tiếc đó gọi là hư hỏng.

Lớn nhỏ, cứng mềm, xen lẫn nhiều ít với nhau tất cả hai thứ đó gọi là phép quyền biến trong khi chiến đấu.

Khi chiến đấu, phải xét xa xem gần, lợi dụng thời cơ và của cải, tin người sang, ngờ kẻ ác, dùng binh hợp nghĩa làm việc hợp thời, khiến cho người tuy thương nhau mà lo đối địch, tuy yên tĩnh mà đề phòng rối loạn, tuy nhàn hạ mà lo nguy biến, gặp cảnh gian nan mà không hề quên dân chúng.

Khi ra trận lấy sự tin cậy làm ân huệ; trong quân lữ dụng võ công để mở rộng; khi giao chiến lấy sự mau lẹ làm thành quả. Điều cốt yếu tại triều là sự hòa hợp, trong quân lữ là pháp lệnh, khi giao chiến là sự giết địch. Điều cần thấy rõ tại triều là sự tốt lành, trong quân lữ là phương lược, khi giao chiến là sự đúng đắn.

Trong triều, đi thì thưa thớt, đánh thì dày kín, dùng binh thì đủ loại. Về người thì phải dạy cho sâu; giữ bình tĩnh để trị yên; uy tín lợi ở chỗ phân minh. Cùng giữ đạo nghĩa với nhau thì mọi người đều gắng sức; lo liệu nhiều việc được thành công thì mọi người từng phục; người người thường ngay thẳng từng phục sau mới trị yên được. Sự vật đã phân minh thì mắt bèn sáng suốt, lo liệu công việc đã yên ổn thì lòng trở nên mạnh mẽ. Tới lui không nghi ngờ(1), thấy địch thì không còn nghe mưu kế nữa(2), phải đánh chúng mà không chờ hỏi tên chúng(3), không chờ đối cờ.

Việc tốt lành thì được lâu dài; theo xưa thì phải thề hẹn; làm việc phân minh thì lòng người mạnh mẽ; dẹp điều ác là điều tốt lành.

Phép dẹp điều ác là:

Một là nêu đạo nghĩa, lấy sự tin thực và sức mạnh để đem đạo nghĩa đến nơi đến chốn, làm cho hình thể của một cõi thiên hạ trở thành nền gốc vững vàng, người người chẳng ai mà không đẹp lòng, đó gọi là dùng hết thầy mọi người.

Một là biết dùng quyền mưu khi gặp biến, gây dựng được đầy đủ, giành lấy điều tốt lành, ta ở bên ngoài mà sai khiến từ bên trong.

- Một là người;
- Hai là ngay thẳng (thứ tự; kỉ luật);

(1) Biết kỹ thì không còn nghi ngờ.

(2) Đã chuẩn bị các mưu kế từ trước nên gặp địch thì có thể hành động ngay.

(3) Đã biết rõ địch từ trước

- Ba là lời dạy

- Bốn là khéo léo (tay nghề)

- Năm là lửa

- Sáu là nước

- Bảy là binh nhu (đồ dùng của quân lính)

Đó là việc binh.

Vinh, lợi, thẹn, chết đó là bốn điều phải giữ gìn. Giữ sức chứa uy chẳng qua đối ý. Phàm theo phép ấy, chỉ nghĩ điều nhân thì được kẻ thân, được điều nhân thì thiếu uy tín, khi thất bại thì thiệt hại thân mình. Người người phải ngay thẳng, lời lời phải như lửa đốt.

Phép đánh giặc là sau khi đã tạo thành khí thế, nhân đã bày ra kỉ luật, ta bèn dùng sắc mạo để dẫn dụ, dùng lời nói để khuyên bảo, nhân họ sợ sệt mà răn đe họ, nhân họ ham muốn mà buộc họ làm việc, xông tới quân địch mà giành đất, dùng chức tước để sai khiến, đó gọi là phép đánh giặc.

Phàm hình thức của đời sống con người là do sự cầu mong của mọi người. Thử xét những ai lập hạnh hành động theo danh nghĩa thì họ đều làm điều lành. Nếu hạnh ấy không thực hành thì ta phải tự mình trực tiếp giúp đỡ họ. Nếu hạnh ấy thực hành được thì ta nhân đó khiến họ đừng quên ba giếng mỗi (Vua Tôi, Cha Con, Vợ Chồng), nhờ đó vạch rõ nghi thức của đời sống con người, đó là phép tắc.

Phép trừ loạn là:

Thứ nhất: Tỏ ra nhân ái;

Thứ hai: Tỏ ra tín thực;

Thứ ba: Tỏ ra ngay thẳng;

Thứ tư: Tỏ ra chuyên nhất;

Thứ năm: Theo chính nghĩa;

Thứ sáu: Dùng quyền biến;

Thứ bảy: Giữ tôn nghiêm.

Cách đặt phép tắc là:

Thứ nhất: Dung nạp người;

Thứ hai: Đặt ra pháp luật;

Thứ ba: Xây dựng

Thứ tư: Làm việc mau mắn;

Thứ năm: Chế ngự việc ăn ở, sinh nhai

Thứ sáu:

Thứ bảy: Các quan về hưu không được sống xa hoa.

Quân binh áp dụng pháp luật cho chính mình thì gọi là chuyên, cùng kẻ dưới (dân chúng) sợ pháp luật thì gọi là pháp.

Quân binh không nên nghe theo việc nhỏ, khi đánh không nên tham lợi nhỏ, mỗi ngày đều thành công, làm nên được việc vi diệu, đó gọi là đạo (dạy).

Hễ đánh giặc chỉ dùng chính pháp mà không dùng phù pháp thì việc chuyên nhất. Có những kẻ không phục tùng thì ta áp dụng pháp luật đối với họ, có những kẻ không tin cậy nhau thì ta hợp nhất họ lại. Nếu có kẻ lười biếng thì bắt họ hành động; nếu có kẻ nghi ngờ thì ta biến cải họ; nếu nhân dân không tin thực đối với người bề trên thì ta phải đối xử sao cho không còn như thế nữa, đó là phép chính trị của người xưa.

QUYÊN HẠ

Thứ tư: Sắp đặt ngôi thứ cho được nghiêm chỉnh

Theo phép chiến đấu thì:

- Ngôi thứ phải nghiêm chỉnh;
- Chính trị phải vững vàng;
- Sức lực phải dồi dào;
- Khí vận phải nhàn hạ;
- Lòng người phải hợp nhất

Phép chiến đấu là:

- So sánh đạo nghĩa của hai phe;
- Lập tốt ngũ;
- Định hàng lối;
- Chinh đốn giềng mối;
- Xét danh thực.

Đang đứng, đi tới thì phải khom lưng, đang ngồi tiên lên thì phải quỳ gối.

Sợ sệt thì phải giữ gìn nghiêm ngặt; gặp nguy hiểm thì phải ngồi xuống.

Ở xa thấy thì không sợ; ở gần đứng nhìn thì không tan rã.

Dưới ngôi, sĩ tốt ở hai bên phải và trái cỡi giáp ngồi xuống mà thề; hay thông thả mà làm lễ tuyên thệ. Nhà vua đón nhận áo giáp (của lính họ), lường xem nặng nhẹ thế nào, thúc ngựa, khua giáp. Nếu sợ sệt cũng phải quỳ gối kín đáo; nếu ngồi hoặc khom lưng ắt phải lết bằng đầu gối và thông thả tuyên thệ.

Nếu đánh trống để ra lệnh nên tới, thì đánh chiêng để ra lệnh dừng lại. Nếu lòng ngậm cơm khô mà thề (?), đang ngồi thì lết bằng đầu gối mà đẩy nhau tới. Bắt giết, cấm quay lưng, đánh trống reo hò để xua quân tới trước. Nếu chúng sợ quá thì chớ nên giết. Dùng sắc mặt và lấy việc làm để tỏ cho chúng biết tâm ý của mình, tuân tự mà xem xét công việc của chúng.

Giữa ba quân phải chia ngày để răn dạy chúng phải luôn luôn ngăn cấm chúng (làm bậy), không thể chia bớt bổng lộc hay lương thực của chúng, để mà những kẻ nghi hoặc chịu học theo ta, và phục tùng ta.

Khi đánh giặc, nên giữ sức lực để làm lâu dài, dùng khí thế để đánh thắng; nên giữ gìn vững chắc để được lâu dài, dùng sự nguy hiểm để đánh thắng; nên giữ lòng mình vững bền, giữ khí lực mới mẻ để đánh thắng; nên giữ giáp trụ cho bền chắc, dùng khí giới để đánh thắng(1).

Chiến xa lấy sự kín đáo làm kiên cố; lính bộ lấy sự ngòi giữ làm vững chắc; giáp trụ lấy sự nặng nề làm bền bỉ; binh lấy sự nhẹ nhàng làm ưu thế. Kẻ hiếu thắng luôn luôn tỏ ý chống cự, kẻ sợ sệt luôn luôn tỏ vẻ sợ hãi. Hai tâm lí đã ăn hợp với nhau thì hai điều lợi hại như một, công việc của hai bên đều tỏ ra có quyền biến.

Khi đánh giặc, lấy nhẹ làm nhẹ ắt nguy, lấy nặng làm nặng thì không công, lấy nhẹ làm nặng ắt bại, lấy nặng làm nhẹ thì đánh. Cho nên đánh giặc phải cân nhắc nặng nhẹ, khi ở nhà thì cẩn thận về giáp binh, khi đi đường thì sắp đặt hàng ngũ thành trận thế, khi đánh thì cẩn thận về sự tới lui, ngừng nghỉ.

Khi đánh giặc, thận trọng thì được sung túc, điều khiển thì được tuân theo; trên mệt nhọc là nhẹ, trên nhàn hạ là nặng; giục trống là nhẹ, thư thả điểm trống là nặng; theo cái lớn là nhẹ, theo cái đẹp là nặng.

Ngựa xe bền bỉ giáp trụ khí giới bén nhọn thì nhẹ đổi thành nặng; trên đồng đều thì không thu hoạch được gì, trên chuyên quyền thì chết nhiều, trên thiếu kinh nghiệm thì dưới nghi ngờ nhiều, trên chết thì không thắng.

Người ta chết vì thương, chết vì giận, chết vì uy, chết vì nghĩa, chết vì lợi.

(1) Chữ binh ở đây có nghĩa là khí giới

Theo phép đánh giặc, phải khuyên dạy người khinh chết, dẫn dắt chết theo lẽ chính.

Khi đánh giặc, phải thừa thắng, thừa bại, phải tùy theo trời, phải tùy theo người.

Khi đánh giặc:

Lời răn dạy ba quân không được quá ba ngày;

Lời cảnh cáo một người lính không được quá một phần ngày.

Lời ngăn cấm một người không được quá mỗi hơi thở.

Làm điều lành lớn thì dùng gốc, thấp hơn thì dùng ngọn, năm mưu lược, giữ vi diệu, dùng gốc hay dùng ngọn tùy theo phép cơ quyền trong chiến trận.

Khi thắng chỉ một người trong ba quân là thắng.

Sự kích động có nhiều cách phát cơ, đập thùng xe, vó ngựa, lính hò reo, khoa động khí giới, lắc đầu giậm chân, tất cả kích động một lược.

Khi đánh đã vững vàng thì cho dùng cách nặng nề chậm chạp, đã vào sâu thì chớ để hết.

Hết thì nguy hiểm.

Khi đánh không phải trận khó, mà khó sai người bày trận; nhưng sai người bày trận chưa khó bằng sai người biết dùng trận thế; không phải biết được là khó mà làm được là khó.

Người ở mỗi địa phương có bản tính mỗi khác, bản tính khác thường của mỗi châu đem ra khuyên dạy có thể đổi thành phong tục; phong tục khác thường của mỗi châu đem ra khuyên dạy có thể hóa thành thông tục.

Khi mà số lượng nhiều ít không chế thắng được điều tốt xấu, khí giới không tỏ ra vững chắc, ngựa không tỏ ra tốt mạnh, sĩ tốt không tự nhóm họp đông đúc thì chưa có thể nói tới việc thu hoạch thắng lợi.

Nếu đánh thắng, phải cùng sĩ tốt phân biệt các việc hay dở, tốt xấu. Nếu tướng sùỵ tái chiến thì phải bày ra thưởng nhiều phạt nặng. Nếu chỉ huy mà không thắng trận được thì phải quy lỗi về mình. Nếu tái chiến để rửa hận thì phải thề trước, không theo đường lối cũ, dù hơn hay thua cũng không trở lui, đó là phép tắc đúng đắn.

Người dân vì điều nhân mà cứu, vì điều nghĩa mà đánh; nhờ trí quyết đoán, vì dũng cảm mà đấu, vì tín thực mà chuyên tâm, vì lợi mà gắng sức, vì muốn lập công mà quyết thắng.

Cho nên người có lòng nhân thì làm việc trung nghĩa. Làm được việc gọi là có trí; kham được việc lớn là dũng cảm; chịu đựng lâu dài là tin thực.

Nhường nhịn để giữ hòa mục giữa người và người, để phù hợp với khác; tự ta khỏi bắt chước người khác, ta phải tranh làm điều lành để đẹp lòng người, để người người đều ráng sức thi đua.

Trong cuộc tranh chiến:

Nên đánh cái yếu yếu, tránh cái yếu mạnh;

Nên đánh cái mệt mỏi, tránh cái nhàn hạ tốt lành;

Nên đánh cái sợ lớn, tránh cái sợ nhỏ;

Đó là phép đánh giặc từ xưa.

Thứ năm: sử dụng quân chúng (quân sĩ)

Theo phép tranh chiến, thì dùng ít người để được bền, dùng nhiều người để trị yên.

Dùng ít thì lợi về chỗ khéo léo, dùng nhiều thì lợi về chỗ đúng đắn

Dùng nhiều để tới rồi ở lại, dùng ít để tới rồi lui.

Có nhiều binh thì giao chiến, có ít binh thì vây bọc xa xa để mà phá hoại, quấy rối.

Nếu phân binh ra để thay phiên nhau mà đánh thì ta chỉ đánh một ít binh địch để đợi địch đem nhiều binh tới: nếu chúng nghi ngờ rằng ta ít quân thì chúng sẽ cậy đông mà đuổi đánh ta; nếu chúng tham lợi thì ta đẹp cờ xí, đón đường mà đánh lại chúng. Nếu địch đông binh ắt là đem nhiều binh tới để bị ta vây bọc. Nếu địch ít binh hoặc sợ sệt ắt là chúng trốn tránh, ta hãy mở vòng vây cho chúng chạy.

Khi đánh giặc, nên quay lưng về phía đầu gió, dựa lưng vào chỗ cao, cánh phải dựa vào nơi cao, cánh trái dựa vào chỗ hiểm trở, vượt qua các nơi lau cỏ sinh lầy, đem hết quân đội đóng vòng quanh chỗ đất mu rùa.

Khi đánh giặc, nên sắp đặt để xem việc làm của địch, xét địch tình để mình cử động; khi đợi chờ thì đi tuần phòng nhưng phải lặng lẽ, chờ xem địch hành động, nếu địch tấn công ta thì ta dùng binh để dò xét chúng.

Khi đánh giặc, ta dùng nhiều binh rồi dùng ít binh để xem binh biến hóa như thế nào: cho tiến binh rồi lui binh để xem binh vững chắc như thế nào; lúc nguy khốn, xem binh sợ sệt như thế nào; khi yên tĩnh xem binh biếng nhác khinh suất như thế nào; khi rối loạn xem binh hồ nghi như thế nào; khi bị đánh úp xem binh giữ trật tự như thế nào?

Đánh địch đang lúc chúng hồ nghi, lấy sĩ tốt của chúng thêm vào quân đội của ta, nâng đỡ những kẻ khuất phục ta: noi theo phép tắc của chúng. Nhân địch không trốn tránh ta, ta ngăn chặn mưu đồ của chúng, phá hỏng mọi dự tính của chúng, phải biết thừa dịp chúng lo sợ mà hành động.

Khi địch chạy trốn ta nên đuổi theo chúng luôn luôn mà chớ ngừng nghỉ, nhưng nếu địch dừng lại giữa đường thì ta phải đề phòng.

Khi gần địch, đều phải tìm đường tiến lên, muốn trở lui thì phải tính đường về.

Đánh trước thì xấu, đánh sau thì phải chịu sợ hãi; nghỉ ngơi thì sinh biếng nhác, không nghỉ ngơi cũng xấu, nghỉ ngơi quá lâu cũng sẽ sở sệt trở lại.

Gửi thư từ để kết thân hay tuyệt giao, đó gọi là lo tính đến cùng cực (dứt lo nghĩ); chọn binh tốt hay xấu, đó gọi là làm người thêm mạnh; bỏ hay dùng, cho ăn hay bắt nhện, đó gọi là dò ý người: đó là phép chính trị của thời xưa.

TÔN TỬ BINH PHÁP

Binh pháp Tôn Tử

Kế Sách

Tác Chiến

Mưu Công

Hình

Thế

Hư Thực

Quân Tranh

Cửu Biến

Hành Quân

Địa Hình

Cửu Địa

Hỏa Công

Dùng Gián Điệp

Nghiên cứu binh pháp Tôn Tử

Tam thập lục kế

Phương pháp 4 làm chủ

Các loại địa hình chiến đấu

Tôn Vũ đã cầm quân bao nhiêu lần

Phụ lục

THIÊN 01: KẾ SÁCH

Tôn tử nói:

Chiến tranh là đại sự của quốc gia, quan hệ tới việc sống chết của nhân dân, sự mất

còn của nhà nước, không thể không khảo sát nghiên cứu cho thật kỹ. Cho nên, phải

dựa vào năm mặt sau đây mà phân tích, nghiên cứu, so sánh các điều kiện tốt xấu giữa

hai bên đối địch, để tìm hiểu tình thế thắng bại trong chiến tranh:

1.-Một là Đạo.

2.-Hai là Thiên.

3.-Ba là Địa.

4.-Bốn là Tướng.

5.-Năm là Pháp.

Đạo là chỉ việc chính trị, đạo nghĩa, phải làm cho nguyện vọng của dân chúng và vua

nhất trí với nhau, đồng tâm đồng đức. Có như vậy, trong chiến tranh mới có thể bảo

nhân dân vì vua mà chết, vì vua mà sống, không sợ hiểm nguy. Thiên là thiên thời,

nói về ngày đêm, trời râm trời nắng, trời lạnh trời nóng, tức tình trạng về khí hậu thời

tiết. Địa là địa lợi, nói về đường sá xa gần, địa thế hiểm yếu hay bằng phẳng, khu vực

tác chiến rộng hẹp, địa hình phải chăng có lợi cho tiến công, phòng thủ, tiến tới, thối

lui. Tướng là tướng soái, tức nói về tài trí, uy tín, lòng nhân ái, lòng can đảm, sự uy

nghiêm của người tướng. Pháp là pháp chế, nói về tình trạng tổ chức, biên chế, sự quy

định về hiệu lệnh chỉ huy, sự phân chia chức quyền của tướng tá, sự cung ứng vật tư

cho quân đội và chế độ quản lý... Tình huống về năm mặt nói trên, người tướng soái

không thể không biết. Chỉ khi nào hiểu rõ và nắm chặt được những tình huống đó thì

mới có thể giành được sự thắng lợi. Không thật sự hiểu rõ và nắm chắc được thì

không thể đắc thắng. Cho nên phải từ bảy mặt sau mà tính toán, so sánh những điều

kiện đôi bên giữa địch và ta để tìm hiểu tình thế thắng bại trong chiến tranh. Tức là

phải xem xét:

1. Vua bên nào có nền chính trị được lòng dân hơn?
2. Tướng soái bên nào có tài năng hơn?
3. Thiên thời địa lợi bên nào tốt hơn?
4. Pháp lệnh bên nào được quán triệt hơn?
5. Thực lực quân đội bên nào mạnh hơn?
6. Binh sỹ bên nào được huấn luyện thành thực hơn?
7. Thưởng phạt bên nào nghiêm minh hơn?

Căn cứ vào những điều đó, ta có thể tính toán mà biết trước được ai thắng ai thua. Nếu chịu nghe mưu kế của ta, để cho ta chỉ huy tác chiến thì chiến tranh có thể thắng lợi, ta sẽ ở lại; Nếu không chịu nghe mưu kế của ta, cho dù có dùng ta để chỉ huy tác chiến, chiến tranh tất nhiên bị thất bại, ta sẽ rời đi (*nguyên tác "Tướng thịnh ngã kế, dụng chi tất thắng, lưu chi; tướng bất thịnh ngã kế, dụng chi tất bại, khứ chi"*) Nếu kế sách có lợi và được chấp thuận, còn phải tìm cách tạo ra tình thế có lợi để làm điều kiện phụ trợ bên ngoài cho việc tiến hành chiến tranh. Thế, tức là căn cứ vào tình huống phải chăng có lợi để mà có hành động tương ứng. Dùng binh đánh giặc là hành động đối trá (*nguyên tác "Binh giả, quý đạo giả"* là câu cửa miệng rất nổi tiếng của các vị trí tướng). Thông thường, nếu có thể tấn công thì giả như không thể tấn công,

muốn đánh như giả như không muốn đánh, muốn hành động ở gần nhưng giả như muốn hành động ở xa, muốn hành động ở xa nhưng lại giả như muốn hành động ở gần. Lấy lợi mà dụ kẻ tham, chiến thắng kẻ loạn, phòng bị kẻ có thực lực, tránh kẻ thù mạnh, khiêu khích kẻ hay giận dữ. Địch khinh thường thì làm chúng thêm kiêu, địch nhàn hạ thì làm chúng vất vả, địch đoàn kết thì làm chúng ly tán. Tấn công kẻ thù lúc chúng không phòng bị, hành động khi chúng không ngờ tới (nguyên tác "Công kỳ vô bị, xuất kỳ bất ý"). Tất cả những điều nói trên đều là sự khôn khéo để thủ thắng của nhà quân sự, nhưng lại không thể quy định trước một cách máy móc. Phàm trước khi khai chiến, đoán được thắng là do tính toán đầy đủ. Trước khi khai chiến mà đoán không thắng là do tính toán không chu đáo. Tính nhiều hơn tính ít, huống hồ không tính toán gì. Quan sát đủ các mặt đó, ai thắng ai bại có thể đoán trước được.

THIÊN 02 TÁC CHIẾN

Tôn Tử nói:

Nguyên tắc chung khi dụng binh tác chiến là khi phải huy động chiến xa nghìn chiếc, xe tải nặng nghìn chiếc, quân đội mười vạn, vận lương đi xa nghìn dặm, thì tình huống đó, chi phí ở tiền phương và hậu phương, chi phí đãi khách khứa sứ thần, bảo dưỡng và bổ sung tiêu phí nghìn vàng thì mới có thể cho mười vạn quân xuất chinh được. Dùng một đạo quân khổng lồ như thế để tác chiến thì đòi hỏi phải thắng nhanh. Nếu kéo dài thời gian, quân đội sẽ mệt mỏi, nhuệ khí sẽ suy giảm; tấn công thành trì sẽ hao hết sức chiến đấu, quân đội tác chiến ở ngoài lâu có thể làm nền tài chính của quốc gia gặp khó khăn. Nếu quân đội mỏi mệt, nhuệ khí suy giảm thì lúc đó cho dù là người tài giỏi sáng suốt đến đâu cũng không thể cứu vãn tình thế được. Cho nên dùng binh đánh giặc, chỉ nghe nói trong tốc thắng có những thiếu sót vụng về chứ không bao giờ có việc kéo dài mà lợi cho quốc gia cả. Cho nên người không hiểu biết chỗ hại khi dụng binh thì không thể hiểu được chỗ lợi trong dụng binh. người giỏi dụng binh, lính mần ngũ không gọi lại, lương thực không vận tải quá 3 lần, quân nhu lấy tại nước mình, lương thực giải quyết tại nước địch. Được vậy thì lương thảo cấp dưỡng cho quân đội sẽ được thoả mãn. Sở dĩ quốc gia phải nghèo vì dụng binh là do vận tải lương thực đi quá xa. Vận tải lương thực xa, bá tánh sẽ nghèo. Chung quanh nơi quân đội tập kết, vật giá sẽ cao vọt bất thường. Vật giá cao vọt sẽ làm cho tiền tài của bách tính khô kiệt. Tiền tài khô kiệt tất phải gấp rút thu thêm thuế. Sức mạnh tiêu hao hết, tiền tài khô kiệt, trong nước khắp đồng quê nhà nhà đều trống rỗng. Bách tính thì tiền tài 10 phần hao bảy, quốc gia thì xe hồng ngựa mỗi mười phần hết sáu. Cho nên, tướng soái giỏi lấy lương thực ở nước địch. Ăn 1 chung gạo ở nước địch bằng 20 chung gạo ở nước nhà. Dùng 1 thạch cỏ ở nước địch bằng 20 thạch cỏ ở nước nhà.

Muốn quân hăng hái giết địch phải làm quân biết hận địch. Cướp của địch mà thưởng cho quân nhà. Đánh bằng xe, cướp được hơn 10 cái thì thưởng cho

người đầu tiên cướp được. Bỏ cờ xe địch, cắm cờ quân nhà mà dùng chung với xe nhà. Đãi tù binh tử tế thì thắng địch mà làm quân nhà thêm mạnh. Thế nên dụng binh cốt thắng, không cốt kéo dài. Tướng soái giỏi dụng binh là thần hộ mệnh của dân, là người giữ sự an nguy cho quốc gia.

THIÊN 03 MƯU CÔNG

Tôn Tử nói:

Đại phàm cái phép dụng binh, làm cho cả nước địch khuất phục trọn vẹn là thượng sách, đánh nó là kém hơn. Làm cho toàn quân địch chịu khuất phục là thượng sách, đánh nó là kém hơn. Làm nguyên lữ quân địch khuất phục là thượng sách, đánh nó là kém hơn. Làm nguyên một tốt địch khuất phục là thượng sách, đánh nó là kém hơn. làm nguyên một ngũ địch khuất phục là thượng sách, đánh nó là kém hơn. Thế nên bách chiến bách thắng cũng chưa phải cách sáng suốt trong sự sáng suốt. Không cần đánh mà làm kẻ địch khuất phục mới gọi là sáng suốt nhất trong sự sáng suốt. Cho nên thượng sách trong việc dùng binh là lấy mưu lược để thắng địch, kế đó là thắng địch bằng ngoại giao, kế nữa là dùng binh thắng địch, hạ sách là tấn công thành trì. Đánh thành là biện pháp bất đắc dĩ, chế tạo chiến xa, vũ khí phải mất 3 tháng mới hoàn thành, chuẩn bị binh mã lại mất 3 tháng nữa. Tướng sốt ruột xua quân đánh thành, thương vong 3 phần mất 1 mà vẫn chưa hạ được. Đó chính là cái hại của việc đánh thành. Cho nên người giỏi dụng binh, thắng địch mà không phải giao chiến, đoạt thành mà không cần tấn công, phá quốc mà không cần đánh lâu, nhất địch phải dùng mưu lược toàn thắng mà thủ thắng trong thiên hạ, quân không mỏi mệt mà vẫn giành được thắng lợi hoàn toàn.

Phép dụng binh, gấp mười lần địch thì bao vây, gấp năm lần địch thì tấn công, gấp đôi thì chia ra mà đánh, bằng địch thì phải đánh khéo, kém địch thì rút, tránh giao tranh với địch. Binh yếu mà đánh thắng tất bị bắt làm tù binh. Tướng soái là trợ thủ của quốc gia, trợ thủ tốt thì nước cường thịnh, kém thì nước suy yếu. Vua có thể gây bất lợi cho việc quân trong 3 trường hợp: không biết quân không thể tiến mà bắt tiến, không biết quân không thể thoái mà bắt thoái, đó là trói buộc quân đội. không biết việc quân mà can dự vào khiến tướng sĩ hoang mang khó hiểu. không biết mưu kế dụng binh mà can dự vào khiến tướng sĩ băn khoăn nghi ngờ. Quân hoang mang nghi ngờ thì các nước chư hầu thừa cơ tấn công. Đó là tự làm rối mình khiến địch thắng.

Cho nên có năm điều có thể thắng: Biết có khả năng đánh hay không có khả năng đánh, có thể thắng, biết dựa vào binh lực nhiều ít mà đánh, có thể thắng, quân tướng đồng lòng có thể thắng, lấy quân có chuẩn bị đánh quân không chuẩn bị có thể thắng, tướng giỏi mà vua không can thiệp vào có thể thắng. Đây là 5 điều có thể đoán trước được thắng lợi. Cho nên có thể nói: Biết địch biết ta, trăm trận không bại, biết ta mà không biết địch trận thắng trận bại, không biết địch không biết ta, trận nào cũng bại. (nguyên văn: *Tri bỉ tri kỷ giả, bách chiến bất đãi, bất tri bỉ nhi tri kỷ, nhất thắng nhất phụ, bất tri bỉ bất tri kỷ, mỗi chiến tất đãi.*)

THIÊN 04 HÌNH

Tôn Tử nói:

Trước kia người giỏi dụng binh đánh giặc, trước tiên phải không để bại, sau mới đánh bại kẻ địch. không để bại là do mình, giành chiến thắng là tại địch. Thế nên người giỏi dụng binh có thể làm kẻ địch không thắng được mình, nhưng không chắc làm kẻ địch bị ta đánh thắng. Cho nên nói thắng lợi có thể dự kiến nhưng không nhất thiết đòi hỏi được (*tối nghĩa quá: "thắng khả tri, i nhi bất khả vi"*) không thể thắng được thì thủ, có thể thắng được thì công. Thủ là do chưa đủ điều kiện, công là khi điều kiện có thừa.

Người giỏi thủ ém quân tại các loại địa hình, người giỏi công phát huy mọi thế mạnh, thế nên bảo toàn được lực lượng mà vẫn toàn thắng ("*thiện thủ giả, tàng ư cửu địa chi hạ, thiện công giả, động ư cửu thiên chi thượng*"). Dự đoán chiến thắng mà không hơn nhiều người thì chưa gọi là giỏi trong những người giỏi, thắng 1 trận mà thiên hạ gọi là giỏi thì cũng chưa gọi là giỏi trong những người giỏi.. Cũng như nhắc một cọng lông thì không kể là khoẻ, nhìn thấy nhật nguyệt không kể là mắt tinh, nghe được sấm sét không kể là tai thính. Thời xưa, người giỏi dụng binh thường đánh bại kẻ địch dễ thắng nên việc giành được chiến thắng ấy không được tiếng là trí dũng. Chiến thắng của họ là không có gì phải nghi ngờ vì nó dựa trên cơ sở tất thắng kẻ địch đã lâm vào thế thất bại. Cho nên người giỏi dụng binh bao giờ cũng đặt mình vào thế bất bại mà cũng không bỏ qua cơ hội nào để thắng địch. Vì vậy, đội quân chiến thắng bao giờ cũng tạo điều kiện để thắng, sau mới giao tranh, đội quân chiến bại thường giao tranh tranh trước, sau mới tìm chiến thắng bằng sự cầu may. Người giỏi dụng binh có thể từ các mặt tu sửa cái lẽ không thể thắng để nắm được quyền quyết định sự thắng bại. Phép dụng binh là: Thứ nhất là "độ", thứ hai là "lượng", thứ 3 là "số", thứ 4 là "xứng", thứ 5 là "thắng". Tính thế sinh độ, độ sinh lượng, lượng sinh số, số sinh xứng, xứng sinh thắng. Thắng binh dùng "dật" đánh "thù", bại binh dùng "thù" chống "dật". Người chiến thắng là người có quân lực hùng mạnh, chỉ huy tác chiến dùng binh như tháo nước đổ

từ trên trời xuống vậy, cái này gọi là Hình của binh lực quân sự. Nguyên văn "Thắng giả chi chiến dân dã, nhược quyết tích thủy ư thiên nhãn chi kê giả, hình dã.

THIÊN 05 THỂ

Tôn Tử nói:

Phàm điều khiển quân, bất kể nhiều hay ít đều là việc tổ chức biên chế quân đội, chỉ huy quân nhiều hay ít là vấn đề hiệu lệnh. Thống lĩnh toàn quân gặp địch tấn công mà không bị bại trận, ấy là nhờ vào thuật biến hóa kỳ ảo khi dùng binh là chính. Dùng binh công địch được thể như lấy đá chọi trứng, ấy là nhờ biết vận dụng chính xác tránh thực chọi hư.

- Phàm việc tác chiến, dùng chính binh đối địch, kỳ binh thủ thắng. Tướng giỏi dùng binh sẽ biết biến hóa tác chiến như trời đất không bao giờ cùng đường, sông biển không bao giờ cạn nước. Như mặt trăng mặt trời, lặn rồi lại mọc; như bốn mùa thay đổi, qua rồi lại đến. Âm nhạc cũng không quá 5 thanh âm, nhưng biến hóa khôn lường, nghe sao cho hết được; sắc màu cũng chỉ có 5 màu, nhưng biến hóa nhìn sao cho tận; vị bất quá cũng chỉ có 5 vị, như biến hóa nếm sao cho đủ. Chiến thuật cũng chỉ có kỳ và chính, nhưng biến hóa của kỳ và chính là vô cùng vô tận. Kỳ chính chuyển hóa lẫn nhau như vòng tròn không có khởi điểm cũng không có kết thúc, ai có thể biết được?

- Nước lũ chảy xiết cuốn trôi cả đá gạch, đó là nhờ thế nước lũ. Chim ưng vỗ môi chỉ 1 cú có thể xé nát con mồi, đó là dựa vào thế tiết nhanh như chớp nhoáng. Người chỉ huy giỏi là người biết tạo nên thế hiểm hay tiết chớp nhoáng. Thế hiểm như cung đã giương hết mức, tiết chớp nhoáng như lấy nỏ phóng tên, nhanh vô cùng.

- Trong khi tác chiến, người ngựa rối loạn mà không để đội hình rối loạn. Hỗn loạn mù mịt mà vẫn đâu ra đấy, duy trì được thế, tiết thì không bị bại. - Ta có tổ chức chặt chẽ thì khiến địch hỗn loạn, ta có lòng dũng cảm thì khiến địch khiếp sợ, ta có binh lực lớn thì khiến địch suy yếu. Chặt chẽ hay hỗn loạn là do ở tổ chức biên chế, dũng cảm hay khiếp sợ là do ưu thế tạo nên, lớn mạnh hay suy yếu là do thực lực đối sách thể hiện ra. Tướng giỏi là biết cách điều khiển quân địch, nguy trang để dụ địch khiến kẻ địch di động theo ý mình, dùng lợi

nhỏ dụ kẻ địch, địch ắt đến để chiếm. Dùng cách đó mà khiến quân địch đến nạp mạng.

- Người giỏi tác chiến là biết tạo ra tình thế có lợi chứ không trách thuộc cấp, biết chọn lựa và sử dụng nhân tài để tạo nên lợi thế. Người giỏi tác chiến tạo ra thế giống như lăn gỗ đá, gỗ đá ở chỗ bằng thì nằm im, ở chỗ nghiêng dốc thì dịch chuyển, vuông thì dừng, tròn thì lăn. Bởi vậy mà người giỏi chỉ huy tác chiến cũng như lăn hòn đá tròn từ trên núi cao vạn trượng xuống chân núi vậy. Thế tạo ra chính là như vậy.

THIÊN 06 HU' THỰC

Tôn Tử viết:

- Phàm đến chiến địa trước địch là chiếm được thế chủ động an nhàn, đến chiến địa sau ứng chiến với địch là lâm vào thế mệt mỏi. Vì thế, người chỉ huy tác chiến giỏi là người có thể điều khiển quân địch chứ không thể theo sự điều khiển của quân địch.

- Khiến quân địch đến nơi ta làm chủ trước là kết quả của việc dùng lợi nhỏ nhử địch. Khiến địch không thể đến nơi nó muốn, ấy là do ta ngăn cản được nó. Do thế, địch đang nghỉ ngơi, ta phải làm cho nó mệt mỏi, địch đầy đủ lương thảo, ta phải làm cho chúng đói khát, địch đóng trại yên ổn, ta phải làm cho chúng di chuyển, đó là vì nơi ta tấn công, địch ắt phải đến ứng cứu. Quân ta đi được nghìn dặm mà không mệt mỏi là do ta đến những nơi không bị địch ngăn trở, ta đánh mà chắc thắng là do ta tấn công vào nơi địch không cách gì phòng thủ, ta phòng thủ vững chắc do ta biết trước nơi sẽ bị địch tấn công.

- Người giỏi tiến công là người có thể làm cho địch không biết nơi mà phòng thủ, người giỏi phòng thủ là người có thể làm cho địch không biết phải tiến công vào nơi nào. Vi diệu, vi diệu đến mức vô hình. Thần kỳ, thần kỳ đến mức vô thanh. Vì thế mà ta có thể nắm vận mạng của quân địch trong tay. Ta tiến công mà địch không can nổi vì ta như tiến vào chỗ không người, ta thoái lui mà địch không đuổi theo vì ta hành động nhanh lẹ, địch không đuổi kịp. Bởi thế, ta muốn đánh thì dù địch có lũy cao hào sâu cũng phải ứng chiến với ta vì ta đánh vào nơi địch buộc phải ứng cứu, ta không muốn đánh thì vạch đất mà phòng thủ, địch cũng không thể đến đánh ta vì ta làm cho chúng phải đổi hướng tiến công.

- Ta khiến địch để lộ thực lực mà ta thì vô hình thì ta có thể tập trung binh lực, còn địch thì phân tán lực lượng. Ta tập trung binh lực ở một nơi mà địch phân tán lực lượng ở mười chốn, tức là ta dùng mười đánh một (he he ... địch không chột cũng ... chết vì bị hội đồng), như thế quân ta đông quân địch ít, lợi thế hẳn cho ta. Dùng nhiều đánh ít, tương quan lực lượng ta với địch rõ ràng là

mình thắng. Nơi ta muốn tiến công, địch chẳng thể nào biết, không thể biết ắt địch phải bố trí phòng thủ nhiều nơi, đã phòng bị nhiều nơi thì quân số bị phân bố ắt nơi ta cần tiến công sẽ có ít quân địch. Địch giữ được “mặt tiền” thì mặt sau mỏng yếu, giữ được bên trái thì bên phải yếu mỏng. Binh lực mỏng là vì phòng bị khắp nơi, binh lực dồi dào là nhờ buộc địch phải phòng bị khắp chỗ.

- Vì thế, biết trước chiến địa và thời gian giao tranh thì dù xa ngàn dặm cũng có thể giao phong với địch. Không biết sẽ đánh ở đâu và vào lúc nào thì cánh trái không thể tiếp ứng cánh phải, cánh phải không thể ứng tiếp cánh trái, mặt tiền không thể ứng cứu với mặt hậu, mặt hậu không thể ứng cứu mặt tiền, huống hồ xa ngoài ngàn dặm, gần trong vài dặm thì thế nào? Theo ý ta, vượt người về số quân đâu có ích chi cho ta trong việc thắng bại, thắng lợi có thể do ta tạo thành. Quân địch tuy đông, có thể làm cho chúng không thể đấu với ta được.

- Phải bày mưu lập kế, phân tích kế hoạch tác chiến của quân địch, khiêu khích địch để nắm tình hình và phương cách hành quân của địch, trinh sát xem chỗ nào có lợi, chỗ nào bất lợi, đánh thử xem binh lực của địch mạnh yếu thực hư thế nào. Ta nguy trang thật khéo khiến địch không tìm ra tung tích thì dù gián điệp có vào sâu trong đội hình cũng không biết rõ được quân ta, kẻ địch khôn ngoan mấy cũng chẳng biết cách đối phó với quân ta. Căn cứ vào sự thay đổi tình hình của địch mà vận dụng linh hoạt chiến thuật, dù có bày sẵn thắng lợi trước mắt chúng cũng không nhận ra sự ảo diệu của nó. Người ngoài chỉ biết ta dùng phương kế thắng địch chứ không biết ta đã vận dụng phương kế đó thế nào. Vì vậy, chiến tiễn lần sau không lặp lại phương thức đã dùng trong lần trước mà phải thích ứng với tình hình mới, biến hóa vô cùng vô hình.

- Cách dùng binh cũng như dòng chảy của nước vậy, quy tắc vận hành của nước là từ chỗ cao đổ xuống thấp. Thắng lợi trên chiến trường là do ta biết tránh chỗ cứng, chỗ thực của quân địch mà đánh vào chỗ mềm, chỗ hư của địch. Nước tùy địa hình cao thấp mà định được hướng chảy, tác chiến căn cứ vào tình hình của địch mà quyết định cách đánh. Dụng binh tác chiến không có hình thế cố định, không có phương thức nhất định. Dựa vào biến đổi của địch mà chiến thắng thì gọi là dụng binh như thần. Ngũ hành tương sinh tương khắc, không có hành nào luôn thắng, bốn mùa nối tiếp nhau thay đổi, không có

mùa nào cố định mãi, bóng mặt trời lúc dài lúc ngắn, vành trăng có khi tròn khi khuyết.

THIÊN 07 QUÂN TRANH

Tôn Tử viết:

- Phàm dụng binh chi pháp ...ý quên ... phép dùng binh thường, tướng soái nhận lệnh vua, trưng tập dân chúng, tổ chức quân đội, sau mới bày trận đối địch. Trong quá trình đó, khó nhất là quân tranh, nghĩa là giành lấy lợi thế. Cái khó nhất của việc này là phải biến đường vòng thành đường thẳng, biến bất lợi thành có lợi. Tuy đi đường vòng nhưng lấy cái lợi nhỏ dụ địch thì mới có thể xuất phát sau mà tới được trước yếu địa cần tranh, thế là hiểu được phương pháp biến cong thành thẳng.

- Quân tranh vừa có cái lợi, vừa có nguy hiểm. Nếu đem toàn quân có trang bị nặng nề đi tranh thì không thể đạt được dự định, nếu bỏ lại trang bị nặng thì trang bị nặng sẽ tổn thất. Vì thế, cuốn giáp tiến gấp, ngày đêm không nghỉ để đi trăm dặm tranh lợi thì tướng lĩnh ba quân có thể bị bắt, lính khỏe tới trước, yếu tới sau. Cuối cùng chỉ có một phần mười binh lực đến trước. Đi năm mươi dặm tranh lợi, tướng lĩnh tiền quân sẽ bị chặn, chỉ có một nửa binh lực tới trước. Đi ba mươi dặm tranh lợi, chỉ có hai phần ba binh lực tới trước. Quân đội không có trang bị nặng ắt thua, không có lương thảo ắt chết, không có vật tư ắt khó sống.

- Chưa biết ý đồ chiến lược của các chư hầu, không thể tính việc kết giao; chưa thông địa hình sông núi, đầm hồ, không thể hành quân; không dùng người dẫn đường không thể chiếm địa lợi. Dùng binh đánh trận phải dựa vào biến hóa gian trá mới mong thành công, phải căn cứ vào chỗ có lợi hay không mà hành động, tùy sự phân tán hay tập trung binh lực mà thay đổi chiến thuật. Quân đội hành động thần tốc thì nhanh như gió cuốn, hành động chậm rãi thì lừng khừng như rừng rậm, khi tấn công thì như lửa cháy, khi phòng thủ thì như núi đá, khi ẩn mình thì như bóng tối, khi xung phong thì như sấm sét. Chiếm được làng xã phải phân binh đoạt lấy, mở rộng lãnh thổ, phải phân binh trấn giữ; cân nhắc lợi hại được mất rồi mới tùy cơ hành động. Trước hết, phải rõ

phương pháp biến công thành thắng để giành thắng lợi, ấy là nguyên tắc hành quân.

- Quân Chính viết: “Ngôn bất tương văn, cố vi kim cổ, thị bất tương kiến, cố vi tinh kỳ” có nghĩa là “khi tác chiến mà dùng lời nói chỉ huy e quân nghe không được, phải cần đến chiêng trống; dùng động tác e quân không nhìn thấy, phải cần đến cờ lệnh. Chiêng trống, cờ lệnh dùng để thống nhất hành động của toàn quân. Toàn quân đã hành động nhất nhất thì người lính dũng cảm không thể tiến một mình, người lính nhút nhát cũng không thể lùi một mình, đó là phương pháp chỉ huy toàn thể đội hình tác chiến”.

- Đối với quân địch, có thể làm tan nhuệ khí của chúng; đối với tướng địch, có thể làm dao động quyết tâm của họ. Sĩ khí của quân đội lúc mới giao chiến thì hăng hái, sau một thời gian dần dần suy giảm, cuối cùng tiêu tan. Người giỏi dùng binh phải tránh nhuệ khí hăng hái của địch cho đến khi nhuệ khí đó của chúng bị tiêu tan giảm sút thì đánh, đó là cách nắm chắc sĩ khí quân đội. Lấy sự nghiêm chỉnh của quân ta đối phó với sự hỗn loạn của quân địch, lấy sự bình tĩnh của quân ta đối phó với sự hoang mang của quân địch, đó là cách nắm chắc tâm lý quân đội. Lấy gần chờ xa, lấy nhàn chờ mệt (dĩ dật đãi lao), lấy no chờ đói, đó là cách nắm chắc sức chiến đấu của quân đội. Không đi chặn đánh quân địch đang có hàng ngũ chỉnh tề, không đánh kẻ địch có thể trậ và lực lượng hùng mạnh, đó là cách nắm vững biến hóa chuyển động.

- Nguyên tắc dùng binh là: địch chiếm núi cao thì không đánh lên, địch dựa vào gò đồng thì không nên đánh chính diện, địch vờ thua chạy thì không nên đuổi theo, quân địch tinh nhuệ thì chưa nên đánh vội, địch cho quân ta như mời thì mặc kệ chúng, địch rút về nước thì không nên chặn đường, bao vây quân địch nên chừa một lối thoát cho chúng, địch cùng khốn thì không nên quá bức bách chúng. Phép dùng binh là như thế.

THIÊN 08 CỬU BIÊN

Tôn Tử nói:

- Phàm dụng binh chi pháp, chủ tướng nhận lệnh của vua, tập hợp quân đội, quân nhu (giáo, khí, lương, tiền, ...), khi xuất chinh ở “phi địa” (đất xấu) thì không dựng trại, ở “cù địa” (đất có đường lớn thông suốt) phải kết giao với nước láng giềng, ở “tuyệt địa” không được nấn ná, ở “vi địa” (đất bị vây) thì phải tính kế, ở “tử địa” phải liều chết quyết chiến. Có những đường không nên đi, có những loại địch không nên đánh, có những thành không nên công, có những vùng không nên giành, có những lệnh vua không nên nghe. Tướng lĩnh tinh thông những ứng biến trên mới là người biết cách dùng binh. Không tinh thông những ứng biến ấy, dù có nắm được địa hình cũng không thể giành được địa lợi. Chỉ huy quân đội mà không biết dùng những ứng biến ấy thì dù biết nắm điều lợi cũng không thể phát huy được toàn bộ tác dụng của quân đội.

- Tướng lĩnh thông minh suy tính tất phải cân nhắc hai phương diện lợi hại. Khi gặp tình hình bất lợi, phải tìm cho được điều lợi mới thành được đại sự. Gặp tình hình thuận lợi, phải cố thấy rõ những yếu tố bất lợi mới kịp thời giải trừ được tai biến. - Muốn khuất phục chư hầu, phải đánh vào chỗ nguy hại của họ ; muốn điều khiển chư hầu, phải buộc họ làm những việc họ không thể không làm ; muốn ép họ vào thế bị động, phải dùng lợi mà dẫn dụ họ.

- Nguyên tắc dùng binh là : không chờ địch đến đánh ta, mà phải tập trung vào việc sắp sẵn kế sách đối phó ; không đợi địch tấn công ta, mà phải trông vào thành lũy của ta vững chắc, địch không thể hạ được.

- Làm tướng có 5 điểm nguy hiểm : liều chết khinh suất có thể bị giết, tham sống sợ chết có thể bị bắt, nóng giận hồ đồ có thể mắc mưu, liêm khiết tự trọng không chịu được nhục nhã, thương dân có thể lo buồn bất an. Phạm 5 sai lầm đó thì tai họa khó lường cho việc dùng binh. Quân bị diệt, tướng bị giết đều do 5 điểm nguy hiểm ấy mà ra, không thể không suy xét kỹ.

THIÊN 09 HÀNH QUÂN

Tôn Tử viết:

- Khi hành quân và dựng trại ở những dạng địa hình khác nhau, khi phán đoán tình hình quân địch, phải chú ý : ở vùng núi, phải dựa vào vùng sơn cốc có nước và cỏ, hạ trại tại chỗ cao, hướng về ánh sáng. Nếu địch chiếm được chỗ cao thì không đánh lên. Khi vượt sông, nên hạ trại xa bờ. Nếu địch vượt sông đánh ta, ta không nên giao chiến với địch ở dưới sông, chờ địch sang sông được phân nửa mới đánh thì được lợi. Nếu muốn quyết chiến với địch, nên bày trận sát bờ sông. Hạ trại bên bờ sông cũng phải chiếm chỗ cao, đón ánh sáng, không được theo hướng ngược dòng sông công địch. Nếu gặp vùng đầm lầy nước mặn, phải ở gần nơi có nước và cỏ, lưng dựa vào lùm cây. Nếu gặp vùng đồng bằng, phải chiếm nơi rộng rãi, bên phải có gò cao, phía trước mặt thấp, phía sau lưng cao. Nhờ lợi thế của 4 cách xử trí đó mà Hoàng Đế đã thắng 4 vị vua khác.

- Phàm hạ trại nên ở nơi cao ráo tránh ẩm thấp, ở nơi sáng tránh chỗ tối tăm, ở nơi gần cỏ và nước có đường vận chuyển quân nhu tiện lợi, tướng sĩ không bị nhiễm bệnh, đó là đảm bảo cho chiến thắng. Hành quân ở vùng nhiều gò đồng, đê điều, tất phải chiếm phần cao ráo sáng sủa, chủ yếu dựa vào phía bên phải. Cái lợi của cách dùng binh này là được lợi thế địa hình hỗ trợ.

- Phần thượng lưu mưa lớn tất nước sông sẽ dâng lên, nhất định không được vượt sông, phải chờ khi nước rút.

- Hành quân qua những vùng như “Thiên giản” là khe suối hiểm trở, “Thiên tinh” là nơi vách cao vây bọc, “Thiên lao” là nơi 3 mặt bị vây vào dễ ra khó, “Thiên hãm” là nơi đất thấp lầy lội khó vận động, “Thiên khích” là nơi hẻm núi khe hở. Khi gặp 5 loại địa hình đó tất phải gấp rút chuyển đi, không nên đến gần, để cho địch ở gần nơi đó, ta nên hướng mặt về phía địa hình ấy mà cho địch xoay lưng vào đó.

- Hành quân qua những nơi mà hai bên sườn có nhiều chỗ hiểm trở, ao hồ đầm lầy, lau sậy um tùm, cây cối rậm rạp tất phải thận trọng dò xét vì đó là

những nơi địch dễ có thể mai phục.

- Địch đã đến gần mà vẫn yên tĩnh là chúng đã chiếm được địa hình hiểm yếu thuận lợi. Địch ở xa mà đến khiêu chiến là chúng muốn dẫn dụ ta tiến lên. Địch đóng quân ở nơi bằng phẳng là đã chiếm được địa hình lợi thế. Cây cối rung động là địch đang lặng lẽ tiến gần. Trong cỏ có nhiều chướng ngại vật là địch cố ý bày nghi trận, chim xáo xác bay lên là bên dưới có phục binh. Thú kinh hãi bỏ chạy là địch kéo quân đến đánh úp. Bụi bốc cao mà nhọn là chiến xa địch tới, bụi bay thấp mà tản rộng là địch kéo bộ binh đến. Bụi bay tản mát là địch chia quân đi kiểm củi. Bụi bay ít mà lúc có lúc không là địch đang dựng trại. Sứ giả nói năng khiêm nhượng mà địch lại tăng cường là đang chuẩn bị tiến công. Sứ giả nói cứng lại giả tiến lên là địch đang chuẩn bị lui. Chiến xa hạng nhẹ chạy ra hai bên sườn là địch đang bày thế trận. Địch chưa thua đã vội cầu hòa là đang có âm mưu. Địch gấp bày trận là đã định kỳ hạn tấn công. Địch nửa tiến nửa lui là đang muốn dụ ta. Quân lính chống binh khí làm thế đứng dựa vào là đang ... đói bụng. Quân địch đi lấy nước mà uống trước mới đem về là địch đang khát. Địch thấy lợi mà không tiến lên tranh đoạt là đang mệt mỏi. Chim chóc đậu trên doanh trại địch là trại đang bỏ trống. Đang đem địch hốt hoảng gọi nhau là biểu hiện hoảng sợ. Quân lính trong trại nhiều loạn là tướng địch không có uy nghiêm. Cờ xí ngã nghiêng là đội ngũ địch đã rối loạn. Quan quân dễ nổi nóng là toàn quân đã mệt mỏi. Dùng cả lương thực cho ngựa ăn, giết ngựa lấy thịt, thu dọn dụng cụ nấu ăn, lính không về trại là địch đã khốn cùng, liều chết phá vòng vây. Quân lính thì thầm bàn tán là tướng địch không được lòng quân. Liên tiếp khao thưởng quân sĩ là địch không có biện pháp hành động, liên tiếp trừng phạt hạ cấp là quân địch đang quân bách. Thoạt đầu hung hãn, sau lại sợ sệt cấp dưới là tướng địch quá dốt, trí lực quá kém. Phái sứ đến tặng quà (hối lộ) và nói năng mềm mỏng là địch muốn đình chiến. Địch giận dữ kéo quân bày trận đối diện với quân ta mà đã lâu lại không tiến không lui thì ta nên cẩn trọng xem xét vì sợ địch đang có mưu kế.

- Đánh trận không cốt lấy quân đông, không nên khinh địch tiến liều mà phải tập trung lực lượng, phán đoán tình hình, tranh thủ sự tin nhiệm và ủng hộ của hạ cấp là được. Kẻ không biết nhìn xa trông rộng lại khinh địch ắt hẳn bị địch bắt.

- Chưa có ân đức đã vội ra uy trừng phạt thì quân sĩ không phục. Quân sĩ không phục thì khó có thể sai khiến được. Đã có ân đức với quân sĩ mà không áp dụng kỷ luật quân pháp thì cũng không thể sai khiến được họ. Vì thế mà phải mềm mỏng, độ lượng để quân sĩ đồng lòng, dùng quân pháp nghiêm minh để quân sĩ nhất nhất tề chỉnh thì mới có thể khiến quân sĩ kinh sợ và phục tùng. Uy lệnh có nghiêm thì quân sĩ mới quen phục tùng. Thời bình mà mệnh lệnh được nghiêm chỉnh chấp hành thì đó là tướng đã phục được lòng quân, trên dưới đều được hòa thuận hợp nhất.

THIÊN 10 ĐỊA HÌNH

Tôn Tử viết:

- Địa hình có 6 loại gồm: thông, quải, chi, ái, hiểm, viễn.
- “Thông” là ta có thể đi, địch có thể đến. Địa hình này ai chiếm trước được chỗ cao, bảo đảm đường vận chuyển lương thực thông suốt mà tác chiến thì đắc lợi.
- “Quải” là nơi tiến đến thì dễ và trở lui thì khó. Địa hình này nếu địch không phòng thì ta có thể bất ngờ tấn công thì đắc thắng, nếu địch có phòng ta đem quân đến đánh mà không thắng thì khó có thể rút về, rất bất lợi.
- “Chi” là nơi ta tiến đến bất lợi, địch tiến đến cũng bất lợi. Địa hình này thì địch dù có đem lợi dụ ta cũng chớ nên xuất kích, nên giả thua rút đi, dụ địch tiến ra nửa chừng hãy đem quân trở lại công kích thì ta đắc lợi.
- “Ái” là nơi chật hẹp, ở địa hình ta nên tìm ách chiếm trước mà chờ địch đến. Nếu địch chiếm trước ta mà dùng nhiều quân giữ cửa thì ta không nên đánh, còn nếu địch không nhiều binh phòng thì ta có thể tiến đánh.
- “Hiểm” là nơi hiểm trở. Ở địa hình này nếu ta chiếm trước địch thì nên đóng ở chỗ cao, dễ quan sát để chờ địch tới, nếu địch chiếm trước thì ta nên lui quân, chớ tiến đánh.
- “Viễn” là nơi xa rộng. Ở địa hình này tình trạng thế lực đôi bên ngang nhau thì không tiện khiêu chiến, nếu miễn cưỡng đánh thì bất lợi.
- Sáu điều nói trên là nguyên tắc lợi dụng địa hình, tướng lĩnh có trọng trách không thể không suy xét kỹ.
- Việc binh có sáu tình huống tất bại là tẩu, trì, hãm, băng, loạn, bắc. Không phải do tai họa trời đất mà là sai lầm của tướng lĩnh gây ra.
- ”Tẩu” là địa thế như nhau mà chỉ huy nhu nhược, không quyết đoán.
- ”Trí” là binh sĩ hăng hái mà chỉ huy nhu nhược, tất nhiên kém sức chiến đấu.
- ”Băng” là chỉ huy nổi giận mà binh sĩ không phục, gặp phục địch cứ tự ý xuất chiến, chủ tướng lại không hiểu năng lực của binh sĩ, ắt sẽ bại như núi lở.

- "Loạn" là tướng lĩnh nhu nhược, không uy nghiêm, huấn luyện không có bài bản, quan hệ trên dưới không ra thể thống gì, bày trận lộn xộn, tự mình làm rối quân đội của mình.

- "Bắc" là tướng lĩnh không biết phán đoán chính xác tình hình địch, lấy ít đánh nhiều, lấy yếu đánh mạnh, tác chiến lại không có lực lượng mũi nhọn, cầm chắc thất bại.

- Sáu tình huống ấy là nguyên nhân dẫn đến thất bại, tướng lĩnh có trọng trách không thể không suy xét kỹ.

- Địa hình là điều kiện hỗ trợ cho việc dùng binh. Phán đoán tình hình, giành lấy thắng lợi, khảo sát địa hình lợi hại, tính toán xa gần, đó là phương pháp mà một tướng lĩnh tài giỏi phải nắm vững. Nắm vững phương pháp rồi mới chỉ huy tác chiến thì chắc thắng, không nắm vững phương pháp đã lo chỉ huy tác chiến thì tất bại.

- Sau khi phân tích quy luật, thấy đánh được chắc thắng, dù chúa bảo không đánh vẫn phải kiên trì đánh. Thấy đánh ắt thua, dù chúa bảo nhất định phải đánh cũng có thể không đánh. Tiến không cầu danh thắng, lui không sợ phạm lệnh, chỉ cốt bảo vệ lợi ích của nhân dân và quốc gia, tướng lĩnh thế mới thực sự là người quý của đất nước. - Đối xử với sĩ tốt như con em, họ sẽ cùng ta xông pha vào những nơi hung hiểm, coi sĩ tốt như con yêu quý, họ sẽ cùng sống chết bên ta.

- Hậu đãi quân sĩ mà không sử dụng, nuông chiều quân sĩ mà không giáo huấn, phạm pháp mà không phạt thì họ khác nào những đứa con hư, chẳng thể dẫn đi chinh chiến được.

- Chỉ biết quân mình có thể đánh mà không hiểu có thể đánh địch được hay không thì mới có nửa phần thắng. Biết có thể đánh được địch mà không hiểu quân mình có đánh nổi không cũng chỉ mới có nửa phần thắng. biết kẻ địch có thể đánh bại được, biết quân ta có thể đánh nổi mà không hiểu địa hình bất lợi cho việc tác chiến thì thắng lợi cũng mới nắm được một nửa.

- Người biết dùng binh thì hành động quyết không mê muội, sử dụng chiến thuật biến hóa khôn lường. Thế mới nói: biết địch biết ta, thắng mà không nguy; nắm vững thiên thời địa lợi sẽ giành được thắng lợi hoàn toàn.

THIÊN 11 CỬU ĐỊA

Tôn Tử nói rằng:

Trong binh pháp có chín thế đất khác nhau:

- Thế đất ly tán;*
- Thế đất dễ lui (vào cạn);*
- Thế đất tranh giành;*
- Thế đất giao thông;*
- Thế đất ngã tư;*
- Thế đất khó lui(vào sâu)*
- Thế đất khó đi lại;*
- Thế đất vây bọc;*
- Thế đất chết kẹt;*

Chư hầu tự đánh trên đất mình, đó là thế đất ly tán. Vào đất người chưa được sâu, đó là thế đất vào cạn hay dễ lui; Ta chiếm được thì lợi cho ta, địch chiếm được thì lợi cho địch, đó là thế đất tranh giành. Ta đi lại dễ dàng, địch đi lại cũng dễ dàng, đó là thế đất giao thông. Đất tiếp giáp với ba nước chư hầu, ai đến trước thì giao kết được với dân chúng trong thiên hạ, đó là thế đất ngã tư. Đi sâu vào đất nước của người, đã vượt qua nhiều thành ấp của địch, đó là thế đất vào sâu hay khó lui. Ở những vùng núi rừng hiểm trở, có nhiều đầm lầy, các đường xá đi lại rất khó khăn, đó là thế đất khó đi lại; Lối vào thì chật hẹp, lối ra thì quanh co, binh địch ít có thể đánh được binh ta nhiều, đó là thế đất vây bọc; Đánh gấp thì còn sống, không dám đánh gấp thì phải thua chết, đó là thế đất chết kẹt.

Bởi thế cho nên:

Ở đất ly tán thì không nên đánh đường hoàng.

Ở đất vào cạn (dễ lui) thì chớ dùng binh.

Ở đất tranh giành thì chớ tấn công.

Ở đất giao thông thì chớ đóng binh ngăn đường.

Ở đất ngã tư, thì nên kết giao với các nước chư hầu.

Ở đất vào sâu (khó lui) thì nên cướp đoạt.

Ở đất khó đi lại thì nên bỏ đi nơi khác.

Ở đất vây bọc thì nên dùng mưu.

Ở đất chết kẹt thì nên liều đánh.

Ngày xưa kẻ giỏi dùng binh có thể khiến cho quân địch trước sau mất liên lạc, binh nhiều và ít không thể cậy nhờ nhau, người sang và kẻ hèn không thể cứu nhau người trên và kẻ dưới không thể giúp nhau, sĩ tốt ly tán mà không thể tập trung được, binh tụ hợp mà không thể chinh tề kẻ dùng binh thấy có lợi thì dấy không có lợi thì dừng. Nếu quân địch kéo đến đông đảo và chinh tề thì ta phải làm thế nào? Trước hết hãy đoạt hết chỗ thiết yếu của chúng, như thế ắt chúng phải nghe theo ta. Việc binh cốt yếu phải mau lẹ, thừa dịp địch không kịp xoay trở, ta đi theo những đường lối mà chúng không ngờ tới để đánh vào những chỗ mà chúng không phòng bị. Binh giữ vai khách ở nước người, tiến vào sâu thì được chuyên nhất, chủ nhân không thể khắc trị nổi. Ta chiếm đoạt những đồng ruộng phì nhiêu để nuôi sống ba quân; ta bồi dưỡng sĩ tốt đừng bắt họ làm lưng vất vả, để dồn chứa khí lực cho họ, khi động dùng thì dùng mưu kế lạ khiến cho kẻ địch không thể lường được. Ta ném binh vào chỗ không thể tháo lui nên binh ta dẫu chết cũng không trốn chạy thế mà không lẽ chịu chết mà không được gì sao bởi thế nên sĩ tốt hết lòng chiến đấu. Binh sĩ bị vây hãm quá mức ắt không còn lo lắng sợ hãi nữa, không có chỗ chạy nên phải vững chí, tiến vào sâu nên không bị trói buộc cực chẳng đã phải đánh vậy. Cho nên binh ấy không cần phải căn dặn gì mà vẫn giữ gìn, không cầu mong mà được lòng sĩ tốt, không cần ước thúc mà thương yêu bề trên không cần nói mà đã tin cậy. Cấm bàn điềm gỡ, trừ khử nghi ngờ thì binh ấy đến chết cũng không thay lòng. Sĩ tốt ta không thừa tiền của không phải họ ghét tiền của, họ không tiếc tính mạng không phải họ ghét sống lâu. Ngày ra lệnh sĩ tốt kẻ thì ngồi khóc nước mắt chảy ướt áo, kẻ thì nằm khóc lệ tràn ướt má. Ném binh ấy và chỗ không chạy được thì họ sẽ dũng cảm như Chuyên Chư và Tào Quệ. Binh biết dùng sẽ như con suất nhiên. Suất nhiên là giống rắn ở Thường Sơn. Đánh vào đầu thì đuôi quật lại đâm, đánh vào đuôi thì đầu quay lại cắn, đánh vào mình thì đầu đuôi đều quặp vào giữa.

Có thể dùng binh như con suất nhiên được không? Có thể. Người ở nước Ngô và người ở nước Việt tuy ghét nhau nhưng khi ngồi chung một thuyền để

qua sông gặp phải sóng gió, thì cùng cứu nhau như tay trái và tay mặt vậy. Trói chân ngựa chôn bánh xe đều chưa đủ tin rằng đứng yên một chỗ. Làm sao cho mọi người cùng một lúc trở nên bạo dạn như một người, như thế mới đúng là phép cầm binh. Ba quân cứng hay mềm mạnh hay yếu, đều có thể dùng được cả, đó là nhờ địa thế vậy. Cho nên kẻ giỏi dùng binh, sai sử ba quân giống như dẫn dắt một người thành thử họ cực chẳng đã phải tuân theo vậy.

Khi mưu đồ việc gì bậc tướng sùý phải lạng lẽ để được sâu kín, phải ngay thẳng chính tề để được trị được yên, phải bịt tay che mắt sĩ tốt khiến cho họ chẳng biết được ý mình, phải đổi công việc thay mưu kế khiến cho sĩ tốt không hiểu được việc mình, phải dời chỗ ở dẫn binh đi quanh kẹo, khiến cho sĩ tốt không lường được kế mình. Tướng sĩ dẫn binh đi lâm trận cũng như leo lên cao rồi vớt thang đi; dẫn quân đi sâu và đất chử hầu, đốt thuyền đập nồi để phát động tâm cơ của sĩ tốt, giống như là xua một bầy dê xua qua thì qua xua lại thì tìm lại, chẳng biết là đi đâu; ném ba quân, ném vào nơi hiểm yếu đó là công việc của tướng sùý. Cách ứng biến của chín thế đất, điều lợi hại sự co duỗi, lẽ thường của nhân tình, đó là những điều mà tướng sùý không thể không xét kỹ.

Theo phép đem quân giữ vai khách ở nước người thì:

- Vào sâu ắt được chuyên nhất;
- Vào cạn ắt phải ly tán;
- Ra khỏi nước mình, vượt biên giới để đóng quân đó là đất cách tuyệt;
- Giao thông được bốn nước đó là đất ngã tư;
- Đã vào sâu rồi đoạ là đất khó lui;
- Mới vào cạn đó là đất dễ lui;
- Mặt sau hiểm trở không lui được, mặt trước có đèo ải khó qua, đó là ở đất vây bọc;
- Không có lối thoát đó là ở đất chết kẹt;

Bởi thế cho nên:

- Ở đất ly tán ta thống nhất ý chí của ba quân;
- Ở đất dễ lui ta cho ba quân đi liền nhau vì đó đồn chấn giữ liền nhau;
- Ở đất tranh giành ta đem quân đánh vào lưng địch;
- Ở đất giao thông ta giữ gìn cẩn thận;
- Ở đất ngã tư, ta củng cố tình giao hảo với các nước chử hầu;

- Ở đất vào sâu (khó lui) ta lo chu cấp đều đặn lương thực cho quân sĩ;
- Ở đất chết kẹt ta cho sĩ tốt biết rằng không thể sống còn;
- Ở đất vây bọc ta cho bí chỗ hở;
- Ở đất khó đi lại ta đi qua khỏi cho gấp rút.

Cho nên tình trạng việc binh phải như sau:

- Bị vây thì phải chống cự.
- Cực chẳng đã nên phải đánh.
- Bị địch bức bách quá nên phải tuân lệnh tướng súp.
- Không biết được mưu kế của chư hầu thì không tính trước việc kết giao.
- Không biết hình thế núi rừng, đầm lầy hiểm trở như thế nào thì không thể

hành

quân.

- Không dùng kẻ hướng đạo thì không thể lấy địa lợi.

Trong những điều đấy không biết một thì không đáng gọi là binh của bậc bá vương. Binh của bậc bá vương hễ đánh nước lớn nào thì khiến cho binh của họ không thể tụ hợp được, uy hiếp địch đến nỗi các nước khác không dám đến kết giao với địch. Bởi thế cho nên không cần tranh giành việc kết giao với thiên hạ, không cần bồi đắp quyền thế của mình đối với thiên hạ, chệch tin cậy thực lực riêng của mình để uy hiếp địch quốc nên có thể đánh lây thành của họ. Nên ban thưởng đặc biệt ra ngoài phép ban thưởng, nên ra những mệnh lệnh đặc biệt ra ngoài thông lệ, thì có thể sử dụng ba quân như sai khiến một người. Bày công việc ra để sai khiến mà chớ nói trước cho biết, bày điều lợi để sai khiến mà chớ cho thấy điều hại. Ném binh vào đất mất rồi mới còn, để binh bị vây hãm ở đất chết rồi sau mới cho sống. Để cho binh thấy sự nguy hại đe dọa rồi sau ta mới làm chủ sự thắng bại được. Phép dùng binh là giả vờ thuận theo ý địch, dồn binh đánh vào một hướng, từ ngàn dặm để giết tướng địch, đó gọi là khéo nên làm nên việc.

Ngày quyết định dấy binh hãy đóng chặt các nơi quan ải, hủy bỏ phù tiết không thông sứ với địch quốc, trước phải tính toán cẩn thận chốn miếu đường để sắp đặt công việc cho được chu đáo. Thấy địch sơ hở chỗ nào thì vội len vào. Muốn đánh chiếm chỗ thiết yếu nào thì phải giấu kín ý định của ta, phải tùy theo địch tình mà sắp đặt kế hoạch chiến đấu. Lúc mới đầu binh phải như gái

tơ, chờ địch hé cửa thì xông vào như thỏ chạy chốn khiến địch không kịp
chống cự.

THIÊN 12 HOẢ CÔNG

Tôn Tử nói:

Có năm cách đánh bằng lửa:

-Thứ nhất là đốt dinh trại để giết người;

-Thứ hai là đốt lương thảo tích trữ;

-Thứ ba là đốt xe cộ;

-Thứ tư là kho lương;

-Thứ năm là đốt đội ngũ để làm giặc rối loạn.

Muốn dùng hoả công, phải có nhân duyên, các hoả khí phải cụ bị sẵn sàng. Muốn phóng hoả phải chờ thời tiết, muốn châm lửa phải chọn ngày. Thời tiết thuận lợi là khi trời nắng ráo. Ngày thuận lợi là ngày mà mặt trăng ở lại trong các sao Cơ, Bích, Dực, Chân. Những ngày mặt trăng ở lại trong các sao ấy là những ngày nổi gió.

Khi dùng hoả công, phải biết ứng biến tùy theo năm trường hợp phóng hoả:

-Lửa cháy ở bên trong thì gấp tiếp ứng ở bên ngoài;

-Lửa cháy rồi nhưng binh địch vẫn yên lặng, hãy chờ xem mà chớ vội đánh;

-Khi lửa cháy to, vào được thì vào, không vào được thì thôi;

- Lửa đã cháy được ở ngoài, thì không cần nội ứng, lựa dịp thuận lợi mà đánh vào.

-Lửa cháy ở trên luồng gió thì chớ ở dưới luồng gió đánh lên.

-Ban ngày có gió nhiều, thì ban đêm không có gió.

Nhà binh phải biết năm trường hợp phát hỏa ấy và phải tính toán ngày giờ, phương hướng để mà giữ gìn. Dùng lửa để trợ giúp vào sự tấn công thì sáng sủa dễ thấy, dùng nước để trợ giúp vào sự tấn công thì được mạnh thế hơn. Nước có thể dung để ngăn chặn, chớ không thể dùng để chiếm đoạt. Đánh thì thắng, giành thì lấy được, mà không tưởng thưởng công lao của sĩ tốt, đó là một điều nguy hại, như thế chỉ ở lại đất địch tiêu phí tiền một cách vô ích. Cho nên Vua sáng phải lo tính điều ấy, tướng tài phải sắp đặt việc ấy. Không thấy lợi thì đừng dấy binh, không nguy khốn thì đừng đánh. Nhà vua không nên vì giận

giữ mà dấy binh, tướng không nên vì oán hờn mà gây chiến. thấy có ích lợi cho nước nhà thì dấy binh, không thấy ích lợi thì thôi. Đã giận có thể mừng trở lại, đã hờn có thể vui trở lại; nước mất rồi thì khó lấy lại người chết rồi thì không thể sống lại. Cho nên vua sáng phải cẩn thận về việc ấy, tướng tài phải cảnh giác về điều ấy, đó là phép yêu nước, giữ binh được vẹn toàn.

THIÊN 13 DÙNG GIÁN ĐIỆP

Tôn Tử nói:

Phàm dấy binh mười vạn, đi xa ngàn dặm, tính chung các phí tổn của trăm họ, sự cung phụng của các nhà công. mỗi ngày lên tới ngàn lạng vàng; trong ngoài phải náo động, nhân dân chịu vất vả vì việc phu dịch ở dọc đường, bỏ bê công việc làm ăn, lên tới bảy mươi vạn nhà. Kéo dài đến nhiều năm để tranh thắng lợi trong một ngày, mà lại không dám ban tước lộc, không dám thưởng trăm lạng vàng để dùng gián điệp, đến nỗi không biết tình hình quân địch, đó là hạng người hết sức bất nhân: người ấy chẳng đáng làm chủ tướng của mọi người, chẳng đáng làm tôi phò chúa, không thể làm chủ được sự thắng lợi vậy! Cho nên các bậc vua sáng tướng tài, sở dĩ dấy binh thắng địch, thành công hơn người, đó là nhờ biết trước vậy. Biết trước đây, không phải nhờ quỷ thần mách bảo, không phải nhờ so sánh các việc tương tự mà tìm biết được, phải nhờ người mà biết được tình hình của quân địch.

Dùng gián điệp thì có năm loại:

-*Nhân gián(hương gián)*

-*Tử gián*

-*Nội gián;*

-*Sinh gián*

-*Phản gián.*

Khi năm hạng gián điệp ấy cùng khởi sự, không ai biết được các đường lối dò xét hiểm hóc của họ như thế mới là thần bí, đáng gọi là vật báu của vua loài người vậy. Nhân gián, là nhân lấy người làng bên nước địch để dùng làm gián điệp. Nội gián là nhân lấy quan lại của địch để dùng làm gián điệp. Phản gián là nhân lấy gián điệp của địch để dùng làm gián điệp cho mình. Tử gián là ta phô trương các vật trả giá ngoài, báo cho gián điệp của ta biết để truyền tin cho địch; Sinh gián là hạng gián điệp trở về được để báo cáo tình hình.

Trong ba quân, xét chung những người thân thiết với tướng suý thì không ai thân thiết cho bằng gián điệp, xét chung những kẻ được thưởng thì không ai

được thưởng nhiều cho bằng gián điệp, xét chung các việc bí mật thì không việc nào bí mật cho bằng gián điệp. Không phải là bậc thánh trí thì không dùng được gián điệp, không phải là bậc nhân nghĩa thì không sai khiến được gián điệp, không tinh vi khéo léo thì không biết được thực tình nhờ gián điệp

Vi diệu thay! Vi diệu thay! Không có việc gì mà không dùng gián điệp.

Gián điệp của địch chưa do thám ta xong mà ta nghe biết trước rồi, thì gián điệp của địch và kẻ cáo giác cho ta biết đều phải giết chết. Khi muốn đánh quân nào, đều phải biết rõ người tướng trấn giữ, các người thân tín của người tướng, người tiếp khách, người gác cửa, người giữ nhà (quản gia), tên họ của từng người, đều phải kiểm gián điệp của ta tìm tòi mà biết cho đủ. Tìm cho ra gián điệp mà địch sai tới do thám ta, lấy điều lợi mà dụ dỗ họ, dẫn dắt họ, cho họ ăn ở: như thế có thể dùng họ làm phản gián cho ta được. Nhờ họ làm phản gián mà ta biết tình hình của nước địch, do đó kiểm được hương gián và nội gián bên nước địch để mà lợi dụng.

Nhân sự phản gián mà biết địch hình, cho nên khiến tử gián bày đặt việc đối trá để đến cáo giác với quân địch. Nhân sự phản gián mà biết địch tình, cho nên có thể sai phái sinh gián đi về đúng kì hạn.

Năm việc gián điệp nói trên, nhà vua phải biết đủ.

Biết đủ là nhờ ở phản gián, cho nên phản gián không thể không hậu đãi. Ngày xưa khi nhà Ân khởi nghĩa thì ông Y Doãn ở bên đất nhà Hạ để dò xét; khi nhà Chu khởi nghĩa thì ông Lã Vọng ở bên đất nhà Ân dò xét. Chỉ bậc vua sáng, tướng tài mới có thể dùng bậc Thượng Trí làm gián điệp nên đều thành công lớn. Đó là điều cốt yếu của việc binh bị, ba quân nhờ cậy vào đó mà hành động.

CÁC LOẠI ĐỊA HÌNH CHIẾN ĐẤU

Nghiên cứu về binh pháp Tôn Tử

Tản địa - Khu vực xảy ra tác chiến trong nội địa của bản quốc, được gọi bằng tản địa.

Tại sao gọi là tản địa? Tào Tháo bảo: Vì quân sĩ quyến luyến quê hương, đường xá tương đối gần, con người dễ tan tác mất mát. Tôn Vũ cho rằng "tản địa thì đừng đánh". Hà có gì tản địa lại đừng đánh? Kẻ địch dám xâm phạm, chứng tỏ chúng có ưu thế, quân phòng thủ ở vào cái thế tương đối yếu cho nên tránh việc vội vàng tác chiến, chỉ nên dùng phương cách phòng thủ, tiêu diệt dần sinh lực địch, đợi thời cơ có lợi sẽ quyết chiến với kẻ thù. Do vậy, Tôn Vũ lại nhấn mạnh: quân sĩ đóng nơi tản địa, điều quan trọng là họ phải có ý chí chiến đấu thống nhất, lòng người son sắt. "Không tác chiến" không có nghĩa không đánh. Ý nói không dùng thế công mà chủ yếu dùng phương cách phòng thủ.

Khinh địa - Khu vực tác chiến tung thâm gần đất nước của kẻ thù được gọi bằng khinh địa. Tiến vào đất nước của kẻ thù chưa sâu, tương đối gần đất nước mình, đường giao thông của tuyến sau không dài, dễ vận chuyển lương thực và vũ khí. Nhưng đã tiến sâu vào nội địa của kẻ thù, khó tránh khỏi sự chống trả của đối phương, cho nên quân sĩ đóng ở vùng khinh địa phải bảo vệ chặt trận địa của bên mình. Tôn Vũ bảo: "Khinh địa thì không ngừng hoạt động". Phạm quân đội đã tiến vào đất nước của kẻ thù thì nhất thiết phải dựa vào ưu thế quân sự của mình mà đánh vào mặt yếu của đối phương. Thành ra, lúc mới tác chiến phải chủ động phát huy ưu thế tấn công, không được án binh bất động. Phải ra sức tiến sâu vào đất nước của đối phương, tiêu diệt kẻ thù trước khi chúng nghĩ ra cách phòng thủ mới nhằm đạt được mục đích chiến đấu.

Tranh địa - Là khu vực quan trọng về chính trị, kinh tế và quân sự. Tôn Vũ nhận định, bên nào có được tranh địa thì bên đó có lợi thế. Thành ra tranh địa là mục tiêu tranh giành của đôi bên. Tác chiến trong vùng tranh địa phải chú ý mấy phương diện sau đây:

- Một là: vùng đất quan trọng nhưng trống vắng. Sự tranh chấp của đôi bên (về nó) chưa phân thắng bại. Mấu chốt của sự thắng bại lúc này là ở cự ly gần xa của đôi bên đối với vùng đất đó, tình trạng đường giao thông qua lại ở đây và dụng cụ làm đường của bộ đội. Trước tình hình ấy, bộ đội trước hết nên nhanh chóng hành quân tới con đường mà kẻ địch sẽ ngăn chặn đường tiến quân của đối phương nhằm bảo đảm cho bộ đội chủ lực chiếm lĩnh được địa hình.

- Hai là: kẻ địch đã chiếm được vùng đất đó, nhưng chưa ở thế vững vàng. Nếu bên ta lúc này có ưu thế về binh lực, nên lập tức dùng phương pháp tấn công. (Ngày nay gọi là đánh vào nơi địch tạm trú quân, chưa ổn định)

- Ba là, kẻ địch đã chiếm được vùng đất đó và có đông quân cố thủ. Trong trường hợp này, không nên công khai tấn công. Có thể điều một ít lực lượng tinh nhuệ, gấp rút đánh thọc vào sau lưng địch, tiến sâu vào hậu phương của chúng, phá hoại đường giao thông, quấy rối kẻ thù.

- Bốn là, bên ta đã chiếm được vùng đất quan trọng đó, nhưng kẻ địch có ưu thế tuyệt đối về binh lực và vũ khí, bên ta khó giữ nổi thì đành bỏ mặc vùng đất đó cho kẻ địch chiếm giữ, thừa cơ phân tán binh lực của chúng.

Giao địa - Vùng đất nằm ở giao điểm của hai trục đường ngang dọc. Ở vùng đất này, quân ta có thể đi qua, kẻ địch cũng có thể lại đến. Tôn Vũ nhận định: "Giao địa thì vô tuyệt". Về hàm nghĩa của câu này, sách "Mười nhà chú thích Tôn Tử" đều có những cách giải thích khác nhau. Chữ "tuyệt" ở đây nên hiểu là đoạn tuyệt, tựa như lời nói đầu về vấn đề hành quân mà người chỉ huy phải ghi nhớ. Bởi là tụ điểm giao thông, dễ bị kẻ địch cắt đứt. Cho nên, Tôn Vũ mới nhắc nhở "bên ta phải cẩn thận bảo vệ nó", nhấn mạnh khi tác chiến ở vùng đất này, quân đội phải tăng cường việc phòng thủ.

Cù địa - Khu vực ranh giới giữa nhiều nước với hệ thống giao thông phát triển. Với khu vực này, một nước nào tấn công, thường thường ảnh hưởng đến các quốc gia khác. Hoặc giả, có thể lợi dụng được quốc gia khác. Bởi vậy phải tìm cách tranh thủ các quốc gia khác, tăng cường thực lực bên mình. Tôn Vũ nêu bật công việc kết thân với các chư hầu, không phải chỉ tiến hành khi chiến tranh nguy cấp. Điều chủ yếu là phải có chính sách láng giềng hữu hảo lúc thời bình, bang giao gắn bó.

Trọng địa - Khu vực nằm sâu trong nội địa của kẻ thù, rời xa thành phố và ấp trại của bên ta, được gọi bằng trọng địa. Tôn Vũ quan niệm: trong việc tác chiến, "trọng địa thì giành lấy", "trọng địa giúp bên ta vận chuyển đều đặn lương thực" (thiên cứu địa). Quân đội tiến sâu vào khu tung thâm của địch, đường giao thông giữa hậu phương và mặt trận kéo dài ra, còn luôn bị kẻ thù đánh phá, thường xảy ra tình trạng giao thông gián đoạn. Thành thử có một số vật tư chiến tranh, nhất là lương thực, cần phải cướp tại chỗ để bảo đảm cho cuộc sống của quân đội ta, là hiện tượng bình thường.

Tỵ địa - Khu vực núi non hiểm trở và ao hồ được gọi là tỵ địa. Đặc điểm của tỵ địa là đi lại khó khăn. Vì thế nhắc nhở "tỵ địa thì bước qua", nghĩa là quân sĩ khi tác chiến ở khu vực này cần nhanh chóng xa rời nó, không nên ở lại lâu.

Vi địa - Đường tiến chật hẹp, đường thoái xa xăm, khu vực tác chiến này được gọi là vi địa. Tôn Vũ cảnh báo: "vi địa thì phải tìm mưu kế"; Quân đội hoạt động trong khu vực vi địa phải nghĩ ra mưu kế để vừa có thể tiến, vừa có thể thoái, đồng thời còn phải đánh lừa kẻ địch, chờ lúc chúng chênh mảng, đột nhiên tấn công. Tôn Vũ còn bảo: "Với vi địa, bên ta cần đóng cửa phòng thủ" (thiên cứu địa). Câu này ý chỉ trong trường hợp bên ta bị bao vây, cần chủ động lấp cửa phòng thủ, nhằm tránh việc kẻ thù dùng mẹo "ba vây một đóng" để làm lung lay quyết tâm cố thủ trận địa của tướng sĩ. Ngược lại khi kẻ thù vướng, mắc trong vòng vây nên dùng mưu lược, thực hiện chiến thuật tấn công bằng tâm lý, vận dụng các phương cách làm tan rã đội ngũ, gọi hàng và công phá, nhằm thực hiện mục đích của việc chiến đấu.

Tử địa - Khu vực không có lối thoát gọi là tử địa. Tác chiến trong khu vực tử địa nếu tham sống sợ chết thì bỏ mạng là cái chắc. Chiến đấu dũng cảm sẽ được tồn tại. Do đó, ở trong vùng "tử địa", phải ra sức chiến đấu, trong cái chết mưu cầu sự sống. Khi quân sĩ rơi vào vùng tử địa, tướng lĩnh phải thể hiện trước ba quân lòng cảm tử, khiến toàn thể quân sĩ quyết giành lấy sự sống trong vùng tử địa. Việc tìm phương cách tác chiến thích hợp với địa hình là nguyên tắc tác chiến cơ bản của bộ binh. Thời xưa chưa có các quân chủng hiện đại như không quân và hải quân. Mọi cuộc chiến tranh đều diễn ra trên mặt đất, dầu là trong chiến tranh hiện đại, không quân và hải quân cũng phải nghĩ đến sự ảnh hưởng của cơ cấu lực quân đối với mình. Vì vậy, việc tìm

phương cách tác chiến thích hợp với địa hình vẫn là điều cực kỳ quan trọng đối với chiến tranh hiện đại.

Phụ Lục

Thắng chiến kế gồm có:

- 1-Man thiên quá hải (dối trời qua biển)
- 2-Vi Ngụy cứu Triệu (vây Ngụy cứu Triệu)
- 3-Tá đao sát nhân (mượn dao giết người)
- 4-Dĩ dật đãi lao (lấy nhàn đãi mệt)
- 5-Tấn hỏa đả cướp (nhân cháy nhà đánh cướp)
- 6-Thanh ngôn kích tây (nói thẳng là đánh phía tây)

Địch chiến kế gồm có:

- 1-Vô trung sinh hữu (trong không sinh có)
- 2-Ám độ Trần Thương (lén đi qua Trần Thương - ghi chú người đọc: nay ở tỉnh

Thiểm Tây)

- 3-Cách ngân quan hỏa (cách bờ xem lửa)
- 4-Lý đại đào cương (mận chết thay đào)
- 5-Thuận thủ khiên dương (thuận tay bắt dê)
- 6-... đây thiếu một kế

Công chiến kế gồm có:

- 1-Đả thảo kinh xà (đánh cỏ động rắn)
- 2-Tả thi hoàn hồn (mượn xác trả hồn)
- 3-Điệu hổ ly sơn (bắt hổ lừa núi)
- 4-Dục cầm cố túng (muốn bắt thì thả)
- 5-Phao chuyên dẫn ngọc (ném gạch đưa ngọc đến)
- 6-Cầm tặc cầm vương (bắt giặc bắt vua)

Hỗn chiến kế gồm có:

- 1-Phú để trừu tân (rủ củi dưới đáy nồi)
- 2-Hỗn thủy mô ngư (đục nước mò cá)
- 3-Kim thiên thoát xác (ve vàng lột xác)
- 4-Quan môn trúc tặc (đóng cửa bắt giặc)
- 5-Viễn giao cận công (xa thì chơi, gần thì đánh)
- 6-Giả đạo phạt Quắc (mượn đường đánh Quắc)

Tịch chiến kế gồm có:

- 1-Du lương hoán trụ (trộm rường thay cột)
- 2-Chỉ tang mạ hoè (chỉ cây dâu mắng cây hoè)
- 3-Giả si bất điên (giả ngu không điên)
- 4-Thượng ốc trùu thê (lên nhà rút thang)
- 5-Thụ thượng khai hoa (trên cây hoa nở)
- 6-Phản khách vi chủ (đổi khách làm chủ)

Bại chiến kế gồm có:

- 1-Mỹ nhân kế
- 2-Không thành kế
- 3-Phản gián kế
- 4-Khổ nhục kế
- 5-Liên hoàn kế
- 6-Tẩu vi thượng.

Đó là 36 kế của người Trung Hoa.

PHƯƠNG PHÁP 4 LÀM CHỦ

Nghiên cứu về binh pháp Tôn Tử

Tôn Vũ (Tôn Tử) cho rằng, sự tốt xấu về nhân tố tinh thần, sự mạnh yếu về tình trạng thể lực, cái ưu cái khuyết trong việc bố trí trận địa chiếm một vị trí quan trọng trong vấn đề tác chiến. Do vậy ông nêu lên phương pháp “bốn làm chủ”: “Làm chủ chí khí, làm chủ nhân tâm, làm chủ nhân lực và làm chủ sự biến đổi”. Ông phát biểu trong “Thiên quân tranh”: “Ban ngày thì chí khí sắc sảo, ban đêm thì chí khí cùn nhụt, chập tối thì chí khí trở về, đó là làm chủ chí khí; đối xử với rối loạn bằng sự làm chủ, đối xử với ồn ào bằng yên tĩnh, đó là làm chủ nhân tâm; đối xử với cái xa bằng cái gần, đối xử với cái đói bằng cái no, đó là làm chủ nhân lực; không cầu được cờ chính thống, chớ đánh vào trận địa một cách đường hoàng”, đó là làm chủ sự biến đổi. Phương pháp “Bốn làm chủ” được Tôn Vũ nêu lên như sau:

Làm chủ chí khí:

Thời xưa, tác chiến gắn liền với việc đánh nhau trực tiếp, sự thắng bại của chiến tranh với dũng khí của quân sĩ có mối quan hệ cực kỳ mật thiết. Sĩ khí và ý chí chiến đấu là nhân tố hàng đầu của sức chiến đấu. Sĩ khí dâng cao thì dễ dành thắng lợi, sĩ khí sa sút thì thường dẫn đến thất bại.

Làm chủ nhân tâm:

Ý nói trước trận đánh và trong trận đánh, tướng soái không được dao động hoặc dễ dàng thay đổi quyết tâm chiến đấu như đã tuyên thệ. Chữ “Tâm” ở đây người thời trước gọi bằng “bản tâm”, “tâm mưu”, mặc dầu nội dung của nó bao gồm các phương diện khí chất tinh thần và tu dưỡng tư tưởng, nhưng hạt nhân là lòng quyết tâm chiến đấu của tướng soái. Xung quanh vấn đề lòng quyết tâm chiến đấu của người chỉ huy, Tôn Tử nói trong “Thiên quân tranh”: “Tướng có thể dành lòng người”. Ông còn bảo: “Đối xử với rối loạn bằng việc làm chủ, đối xử với sự ồn ào bằng sự yên tĩnh, đó là làm chủ nhân tâm”. Điều này nói lên cuộc đấu tranh giữa lòng quyết tâm chiến đấu của bên ta với lòng “lung lay” hay cái “vững tâm”, “Đoạn tâm” trong quyết tâm chiến đấu của đối

phương. Về “vững tâm” một nhà học giả họ Hà chú thích: “Không có vị tướng nào lại muốn đơn độc một mình, chỉ dựa vào sự tinh tế khôn ngoan của một cá nhân, mà muốn liên kết với hàng vạn con người, để đối phó với kẻ địch như hổ, báo. Cái lợi cái hại đan xen, cái thắng cái bại lẫn lộn, người tài trí phải biến, trù liệu trong tâm trí, không phóng đại sự việc, phải ngăn nắp được thế sao chẳng đáng gọi là ứng biến khôn cùng, xử sự rạch ròi?”. Đó là nói về tầm quan trọng của “vững tâm”. Đỗ Mục phát biểu: “Tư Mã Pháp nói: Bản chất phải vững vàng, biết được kẻ địch sẽ có cách đối phó, bản tâm ổn định, nhưng còn phải biết điều khiến nó, làm cho thế ổn định càng trở nên chắc chắn, đừng bận tâm đến sự nhiễu loạn, đừng vì cái lợi trước mắt. Đợi chừng nào kẻ địch rối loạn, ồ ã thì xuất quân tấn công”. Đây là nói về yêu cầu của “vững tâm”. Trương Dự bảo: “Lấy trường trị đối xử với rối loạn, lấy cái tĩnh lặng đối xử với cái ồn ào, lấy cái bình tâm đối xử với cái nôn nóng, lấy sự nhẫn nại đối xử với giận dữ, đó là nói về phương pháp của “vững tâm”. Về “đoạn tâm”, Lý Chuyên nói: “Bực tức dẫn đến phẫn nộ, càn quấy dẫn đến rối loạn, nhỏ nhen đi đến kiêu căng, ngăn cách dẫn đến xa lạ”. Đó là nói về các phương pháp “đoạn tâm”.

Làm chủ nhân lực:

Ý chỉ việc tiêu hao và làm mỏi mệt sức chiến đấu của kẻ thù. Tôn Vũ nêu lên phương pháp “làm chủ nhân lực” trong “Thiên quân tranh”: “Đối xử với cái xa bằng cái gần, đối xử với cái mệt nhọc bằng cái thư nhàn, đối xử với cái đói bằng cái no”. Ông cho rằng lúc tác chiến phải nuôi dưỡng bằng cái tinh nhuệ, có thể mới có khả năng giành thắng lợi. Tôn Vũ còn bảo: “Giao chiến với kẻ địch sau cuộc hành quân đường dài, điều đó làm hao tổn binh lực, vì binh sĩ đã chịu nhiều cơ cực trên đường đi, sinh lực mệt mỏi dẫn đến cạn kiệt, tất nhiên dẫn đến tình trạng hao binh tổn tướng.

Làm chủ sự biến đổi:

Cơ mưu quân sự biến đổi khôn lường, khi đã nắm được quyền chủ động trên chiến trường, vẫn không thể xem nhẹ vai trò của chiến thuật “làm chủ sự biến đổi”, cái gọi là làm chủ sự biến đổi ấy là nắm vững phương pháp biến hóa cơ động. Điều mà Tôn Vũ đề cập trong “Thiên quân tranh”: “Không cầu được cờ chính thống, chớ đánh vào trận địa một cách đường hoàng” chính là ứng biến. “Cờ chính thống”, “trận địa đường hoàng” là chỉ tình thế quân đội khi có khí

thịnh vượng, quân dung nghiêm chỉnh, thực lực hùng hậu và có sự chuẩn bị, đầy đủ về mặt tư tưởng, loại kẻ thù này, vừa mạnh vừa có sự chuẩn bị, tất nhiên là khó đánh, lúc này phải gác lại ý định tác chiến với bọn chúng. Cần sử dụng nhiều thủ pháp của chiến thuật làm chủ ý chí, làm chủ nhân tâm, làm chủ nhân lực... biến đổi chúng theo tình hình của địch, hoặc công phá hay cố thủ, hoặc tiến hay thoái, hoặc chính quy hay kỳ lạ, nhằm giành thắng lợi.

TAM THẬP LỤC KẾ

Nghiên cứu về binh pháp Tôn Tử

1. Dương đông kích tây (Đánh lạc hướng đối phương)

Kế "Dương đông kích tây" là reo hò giả vờ như thật sự đánh vào phía đông, nhưng chủ yếu lại đánh vào phía tây. Trong tất cả mọi vấn đề của xã hội, từ chiến trường, thương trường, chính trường cho đến tình trường; nếu muốn điều này nhưng lại giả làm điều kia, nói điều này mà làm điều nọ, ấy là "Dương đông kích tây" vậy. Kế này mờ ảo vô song. Nó rất khó biết, khó đoán, bị đánh bất ngờ. Kế này nhằm chuyển mục tiêu để lừa dối đối phương, khiến cho địch sơ ý, lừa lúc bất ý tấn công kẻ không chuẩn bị.

Có nhiều cách thức để thực hiện kế này, như:

- Tạo tin đồn. - Làm rối tai rối mắt địch.
- Buộc đối phương lo nhiều mặt.
- Mê hoặc ý chí của địch. - Nghi binh.
- Làm phân tán lực lượng đối phương.
- Làm yếu lực lượng đối phương, lực lượng phòng vệ địch.

Nguyên tắc của "Dương đông kích tây" là bí mật và chủ động. Bị động coi như phải chịu sự khống chế của địch. Điều kỵ khi dùng kế "Dương đông kích tây" là để lộ cơ. Lộ cơ là mất hết khả năng phòng bị, chuẩn bị. Dù là trên chiến trường, thương trường hay chính trường cũng đều phải giữ bí mật và nắm được thế chủ động.

2. Điệu hổ ly sơn (Dụ hổ ra khỏi rừng)

Kế "Điệu hổ ly sơn" là nhử, dụ hay khuấy động làm cho con hổ ra khỏi rừng. Kế "Điệu hổ ly sơn" có hai lối: Một là nhử hổ ra khỏi rừng để dễ dàng giết hổ. Hai là đuổi hổ đi để dễ bắt giết những loại hồ ly vẫn dựa oai hổ mà hoành hành.

3. Nhất tiễn hạ song điêu (Một mũi tên hạ hai con chim)

Kế "Nhất tiễn song điêu" là dùng một mũi tên bắn chết hai con chim. Ý của mưu kế này là dùng sức lực tối thiểu để đạt đến hiệu quả tối đa.

4. Minh tri cố muội (Biết rõ mà làm như không biết)

Kế "Minh tri cố muội" là biết thật rõ chuyện đấy, nhưng làm ra vẻ không biết gì. Với người xưa, đây là một triết lý xử thế rất cao, mục đích lại ẩn trốn tất cả những tiếng thị phi nghi hoặc, nhưng theo nghĩa mưu kế, nó là một thái độ thâm sâu. Cái đức của người quân tử không thể không cho thiên hạ biết, nhưng cái mưu kế của trượng phu không thể không giấu thiên hạ. Tóm lại, biết rất nhiều mà tỏ ra không biết một là kế "Minh tri cố muội" vậy.

5. Du long chuyển phượng (Biển rồng thành phượng)

Kế "Du long chuyển phượng" là biến cái này thành cái kia, bên trong là hình rồng đó, nhưng làm cho nó trở thành phượng. Cái kế này rất phổ biến, trong dân gian ta gọi là "Treo đầu dê, bán thịt chó".

6. Mỹ nhân kế (Kế dùng gái đẹp)

"Mỹ nhân kế" là dùng gái đẹp để làm xoay chuyển, thay đổi tình thế mà những cái khác không thể thực hiện được. Giai nhân từ ngàn xưa đến nay bao giờ cũng là đề tài chính. Tuy là phái yếu, không thể vác gươm đao mà đánh giặc, nhưng các nàng có thể thắng được bằng đôi mắt biếc và nụ cười xinh đẹp. Có những bức thành kiên cố cả mười vạn quân không hạ nổi, nhưng nó có thể bị sụp đổ bởi ánh mắt mỹ nhân. Sức mạnh của mỹ nhân đặc biệt là có ảnh hưởng đối với người anh hùng, người có quyền thế.

7. Sấn hỏa đả kiếp (Theo lửa mà hành động)

Kế "Sấn hỏa đả kiếp" là lợi dụng lúc loạn để thao túng, lúc tình hình rối ren mà sắp xếp theo ý muốn. Có hai loại "Sấn hỏa đả kiếp": Một là theo lửa để mà đánh cướp. Hai là chính ta phóng hỏa mà đánh cướp. Theo lửa tức là thừa lúc người ở trong cơn nguy biến mà ta quấy hỗn loạn thêm. Phóng hỏa tức là chính ta gây ra sự hỗn loạn mà thực hiện theo ý muốn của ta. Theo lửa hay phóng hỏa cùng đi chung vào một mục đích là đánh địch và đoạt của địch để tạo cơ hội cho ta.

Theo lửa thì dựa vào thời cơ sẵn có. Phóng hỏa thì tự ta tạo ra thời cơ. Không thể phê phán theo lửa hay phóng hỏa, cái nào hay, cái nào dở, cái nào tốt, cái nào xấu, vì cả hai giống như một sự biến ảo giữa không khí và nước. Trong sử sách, người ta thấy tay phóng hỏa giỏi là Trương Nghi. Một mình Trương Nghi đã phá tan thế hợp tung bằng cách dối Tề, lừa Triệu, dọa Ngụy, thuyết Yên, bịp Sở. Trương Nghi thật là con người có cái lưỡi bằng lửa thiêu

đốt cả sáu nước, dựng thành cơ nghiệp thống nhất cho nhà Tần. Khổng Minh tuy là một nhà chính trị lỗi lạc tài tình, nhưng cái thế của ông ngay từ đầu chỉ là cái thế phải theo lửa để gây vốn: Lưu Bị bị Tào Tháo đánh chạy đến cùng đường, Khổng Minh đành tính kế nương nhờ Tôn Quyền rồi ăn theo cuộc chiến tranh Nam - Bắc, ăn theo trận Xích Bích để cướp Kinh Châu. "Sấn hỏa đả kiếp" đòi hỏi một khả năng hành động mau lẹ như con ó bắt mồi.

8. Vô trung sinh hữu (Không có mà làm thành có)

Kế "Vô trung sinh hữu" là từ không mà tạo thành có. Thiên hạ không loạn, trật tự không rối thì làm gì có anh hào xuất lộ! Bởi lẽ đó, những anh hào thường được gọi là kẻ "chọc trời khuấy nước". Mục đích của khuấy nước là làm rối beng sự việc lên để dễ bề thao túng. Thủ đoạn của khuấy nước là gây tiếng tăm, tung tiếng đồn, gây xáo trộn rồi dựa vào đó mà thủ lợi. Kế "Vô trung sinh hữu" hình dung là tu hú đẻ nhờ, tổ thì chim khác làm, nhưng con tu hú cứ đến đặt trứng của nó vào đó, rồi lại nhờ loài chim khác ấp trứng luôn, khi trứng nở thành chim, tu hú con bay về với bầy tu hú.

9. Tiên phát chế nhân (Ra tay trước để chế phục đối phương)

"Tiên phát chế nhân" là ra tay trước để dành chiếm ưu thế, để đoạt lợi, để bắt lấy sự chiến thắng. Kế "Tiên phát chế nhân" là không nói quá xa, viễn vông, mà phải nhìn vào thực tế gần nhất.

Các vụ xảy ra trong lịch sử như: Lý Thế Dân tại Huyền Vũ Môn, Võ Tắc Thiên phế lập Lữ Lãng Vương, Ung Chính cướp Bảo Tòa, Từ Hi độc sát Quang Tự, Gia Cát Lượng lấy đất Quang Trung... Tất cả đều là áp dụng thủ đoạn "chớp nhoáng" không cho địch kịp trở tay, không cho dư luận phản ứng kịp. Vẫn có câu "Tiên hạ thủ vi cường" là vậy.

10. Đả thảo kinh xà (Đập cỏ làm cho rắn sợ)

Kế "Đả thảo kinh xà" là đập vào cỏ, làm động cho rắn sợ.

11. Tá đao sát nhân (Mượn đao để giết người)

Kế "Tá đao sát nhân" là mượn đao để giết người, mượn tay người khác để giết kẻ thù của mình. Ngạn ngữ Trung Quốc có câu: "Sát nhân bất kiến huyết, kiến huyết phi anh hùng". (Giết người không thấy máu, thấy máu không anh hùng).

Trên đời dĩ nhiên chưa có kẻ nào chỉ giết người mà thành anh hùng, nhưng cũng hiếm có tay anh hùng nào không giết người. Điểm khác nhau không ở có

hay không, mà ở chỗ thông minh hay ngu xuẩn. Tào Tháo mượn Lưu Biểu giết Nễ Hành, mượn lòng quân giết Dương Tu rồi lại được làm cái việc mèò già khóc chuột, thật đáng kể là một tay thông minh, gian hùng.

12. Di thể giá họa (Dùng vật gì để vu khống người ta)

Kế "Di thể giá họa" là đem xác chết hay đồ vật gì bỏ vào nhà người khác để giá họa. Kế này thường được dùng bởi khối óc quỷ quyệt thông minh, tự mình không ra mặt mà làm cho đối phương bị hại. Như vậy gọi là "giết người không thấy máu".

13. Khích tướng kế (Kế chọc giận tướng giặc)

"Khích tướng kế" là kế chọc giận tướng giặc, làm tướng giặc nổi giận. Nổi giận sẽ mất sáng suốt, thiếu suy nghĩ, không tự chủ được con người mình. Mạnh Tử nói: "Nhất nộ nhi an thiên hạ". Trong đời có nhiều sự việc được thành tựu bằng một cơn giận và cũng có nhiều việc thất bại bởi một cơn giận. Bởi vậy cái kế khích tướng cũng là một trong những diệu kế, nếu đạt ra thì kiến thiên hạ, cùng thì mang họa vào thân. Khích tướng còn là khơi dậy cái hùng khí của người khác để người ấy làm việc cho ta. Đối tượng tốt nhất của kế khích tướng là những người có tính tình bạo tháo hay sẵn sàng phản nộ. Tuân Tử bảo rằng: "Lời nói khéo êm như lụa, lời nói ác nhọn như giáo mác". Thuyết là tiến dẫn lời nói, cái nghĩa căn bản của thuyết làm cho người ta nghe theo. Hiệu quả của thuyết rất lớn. Bởi thế mới có câu: "Thiên hạ tĩnh, nhất ngôn sử chi động. Thiên hạ động, nhất ngôn sử chi tĩnh". (Thiên hạ đang yên lặng, một lời nói làm náo loạn. Thiên hạ đang náo loạn, một lời nói làm lắng dịu). Căn bản mưu thuật của thuyết, theo Tuân Tử có bốn điều: Cơ, dừng, trí, biến.

- Cơ: Là xem thời độ thế, nhân lợi thuận tiện.
- Dừng: Là quyết đoán nói những điều không ai dám nói.
- Trí: Là biết rõ sự tình, tâm lý, giải quyết được thắc mắc, chế phục được người.

- Biến: Là biến hóa, trong các trường hợp bất trắc.

Mục đích của thuyết có năm điều:

- Làm cho người hiểu rõ.
- Làm cho người tin tưởng.
- Làm cho người đồng tình.

- Làm cho người phục.
- Làm cho người theo.

Đạt được năm mục đích trên thì kể như nắm chắc phần thắng trong tay.

14. Man thiên quá hải (Lợi dụng sương mù để lẩn trốn)

Kế "Man thiên quá hải" là lợi dụng lúc trời sương mù mà lẩn trốn, vượt qua hay hành động ngay trong lúc sương mù. Man thiên, trời u ám không phải hoàn cảnh hoàn toàn bất lợi như một quẻ trong Dịch lý đã nói. Man thiên, không thể ngồi đợi nó tới như sương mù do thời tiết thiên nhiên, mà phải tạo ra nó. Kế "Man thiên" đem áp dụng thực hiện được cả hai mặt: tiêu cực lẫn tích cực. Tích cực là đem ánh sáng đến cho một tình thế mờ mịt. Tiêu cực là lẩn tránh một tai họa, là lợi dụng cơ hội sơ hở của địch để thoát bí. Ở trận Xích Bích, Khổng Minh đã giải quyết vấn đề thiếu tên bắn cho các cung thủ bằng cách lấy mười chiếc thuyền lớn chất đầy rơm, đợi lúc trời sương mù, âm thầm đến trại Tào Tháo nổi trống la hét làm như tấn công. Tào sọ nguy kế, không dám xông ra, chỉ bắn tên như mưa vào các thuyền rơm. Bằng một đêm đánh trống reo hò, không chết một người, Khổng Minh đã lấy được của Tào Tháo cả trăm ngàn mũi tên.

15. Âm độ trần sương (Đi con đường mà không ai nghĩ đến)

Kế "Âm độ trần sương" là bí mật đưa quân qua con đường mà không ai nghĩ rằng ta sẽ đi qua. Kế này áp dụng giữa lúc hai bên đang đấu tranh, chiến đấu với nhau. Mỗi bên đều ra sức giấu mục tiêu thật của mình rồi đưa ra mục tiêu giả mà lừa đối phương. Đây là công việc rất phức tạp, có một quá trình khúc triết. Như "Tôn Tử Binh Pháp" viết: "Việc binh là trá ngụy, có thể mà làm ra vẻ không có thể, dùng đẩy mà tỏ ra không dùng, gần giả làm như xa, xa giả làm như gần. Lấy lợi mà dụ, gây rối mà đuổi, thấy khỏe thì tránh. Đầu tiên là làm mọi cách giảm nhược lực đối phương, sau rồi mới tiến hành dự định. Muốn dụng kế này phải là người có tầm nhìn xa hiểu rộng và một khối óc tuyệt vời.

16. Phản khách vi chủ (Đổi vị khách thành vị chủ)

Kế "Phản khách vi chủ" là đổi địa vị khách thành địa vị chủ.

"Phản khách vi chủ" là trong đấu tranh đang ở vào thế bị động nên phải tìm kế hoạch đến chủ động, khách vốn là địa vị bị chi phối, mọi việc đều do chủ đặt định sắp xếp. "Phản khách vi chủ" là nguyên tắc thường dùng trong đấu

tranh. Có chủ động mới khống chế được cục diện. Không có chủ động, không thể thắng lợi.

17. Kim thiên thoát xác (Ve sầu vàng lột xác)

"Kim thiên thoát xác" là con ve sầu vàng lột xác.

Kế này dùng cho lúc nguy cấp, tính chuyện nguy trang một hình tượng để lừa dối, che mắt đối phương, đặng đào tẩu chờ một cơ hội khác. Kế "Kim thiên thoát xác" có một phạm vi rất rộng rãi và phổ biến, bất cứ ai ở hoàn cảnh nào cũng có thể sử dụng được.

18. Không thành kế (Kế bỏ trống cửa thành)

"Không thành kế" là kế bỏ thành trống, thành bỏ ngỏ.

Kế này có hai loại:

- Một là lúc tình thế cực khẩn cấp, nguy hiểm như treo trên sợi tóc, buộc phải dùng nghi binh để lừa dối đối phương mà dựa vào đó để trốn thoát.

- Hai là rút lui với đầy đủ kế hoạch dự cho địch quân xâm nhập rồi mới bao vây tiêu diệt.

"Không thành kế" thực ra là một cách tạo nghi âm cho đối phương, mục đích là không cho đối phương sớm có một quyết định.

19. Cầm tặc cầm vương (Dẹp giặc phải bắt tướng giặc)

"Cầm tặc cầm vương" là dẹp giặc phải bắt chúa giặc.

Phương pháp bắt chúa giặc thật thiên biến vạn hóa, không cứ bằng sức mạnh hay bằng trí khôn. Các kế khác như "Điều hổ ly sơn", "Mỹ nhân kế" hay "Man thiên quá hải" đều có thể dùng cho kế "Cầm tặc cầm vương". Để đối phó với một nhân vật anh hùng, thì dù một quả đạn mà giết hay dùng mỹ nhân kế mà nhử thì cũng như nhau. Nhưng đa số âm mưu cầm vương được hiệu quả bằng kích thích anh hùng và mỹ nhân kế. "Tự cố anh hùng đa hiếu sắc" là vậy. Việt Vương thua trận rồi, mà chỉ dùng một nàng Tây Thi đã đủ giam cầm Phù Sai. Lý Viên muốn đoạt quyền của Xuân Thân Quân, nên đã cho cô em là Lý Yên sang làm tì thiếp. Đó là những cách gián tiếp để cầm vương.

20. Ban trư ngật hổ (Giả làm con heo để ăn thịt con hổ)

Kế "Ban trư ngật hổ" là giả làm con heo để ăn thịt con hổ.

Lão Tử nói: "Người cực khôn khéo mà làm ra vụng về", cũng như câu "đại trí nhược ngu". Người đi săn thường học tiếng heo kêu rồi tự giả làm heo để nhử con hổ. Đối với kẻ thù, ta hãy giả ngu như một con heo, trên bề mặt cái gì

cũng thuận chịu, lúc nào cũng cười, lúc nào cũng cung kính để cho địch mất hết nghi âm. Chờ thời cơ chín, tìm thấy chỗ nhược của kẻ thù mà đập đòn sấm sét.

- Dùng việc không gì quan trọng bằng bí mật.
- Hành động không gì quan trọng bằng thừa lúc bất ý.
- Dò xét không gì quan trọng bằng làm cho địch không hay biết.
- Bên ngoài ra vẻ loạn mà bên trong rất có cơ ngũ.
- Tỏ ra đói mệt nhưng thật là no khỏe.
- Làm ra ngu xuẩn nhưng rất tinh tường.

Những câu trên đây chính là căn bản lý luận của kế "Ban trư ngật hổ" vậy.

21. Quá kiêu trù bản (Qua cầu rồi phá cầu)

"Quá kiêu trù bản" là qua cầu rồi thì phá cầu, ý nói một người sau khi đã thành công, muốn hưởng thụ một mình nên giết hại hoặc xa lánh những người bạn đã đồng lao cộng khổ với mình. Kế "Quá kiêu trù bản" thường trái ngược với kế "Ban chư ngật hổ". Qua cầu cất nhịp là lúc đặc thời đặc thế đem thuộc hạ ra mà khai đạo. Còn giả tiếng heo là kế áp dụng giữa lúc ở vào thế kẹt. Đứng trên lập trường đạo lý thì cất nhịp cầu là một hành động vong ân bội nghĩa. Lưu Bang nổi danh là người qua cầu cất nhịp lớn nhất trong lịch sử. Lúc Lưu Bang hàn vi còn đi ăn cắp gà, thoi thì Bang nói đủ các điều ngon ngọt dễ nghe để tỵ chúng lập đảng. Đến khi nên cơ nghiệp rồi, lo việc củng cố quyền thế, Lưu Bang chẳng ngại gì hết, đổi lại thái độ, nghi ghét triều thần. Người thứ nhất mà Lưu Bang lời chém là Hàn Tín, rồi đến Bành Việt, Anh Bố, bỏ tù Tiêu Hà, Trần Hi, Phàn Khoái. Trương Lương thấy họa chẳng chóng thì chày cũng đến với mình, nên bỏ trốn lên rừng học đạo tu tiên.

22. Liên hoàn kế (Kế móc nối nhau)

"Liên hoàn kế" là nối liền với nhau thành một dây xích.

"Liên hoàn kế" còn là vận dụng một quyền thuật để tạo phản ứng dây chuyền cho đối phương hoặc gây thành phản ứng nhiều mặt. Mỹ nhân kế là vũ khí phổ biến nhất cần thiết cho việc dùng "Liên hoàn kế". Vì người đẹp ví như nước, anh hùng ví như bùn, nước làm cho bùn nhão ra. Từ ngàn xưa, đa số anh hùng đã vì thương hoa tiếc ngọc nên bỏ lãng nhiệm vụ. Tuy vậy, vẫn phải phân biệt "Mỹ nhân kế" với "Liên hoàn kế". Liên hoàn kế là một hình ảnh của thực tiễn, bất cứ việc gì xảy ra cũng gây thành phản ứng dây chuyền. Việc xảy ra

hôm nay cũng không tự dưng mọc ra, nó phải là kết quả dây chuyền từ những sự việc trước.

23. Dĩ dật đãi lao (Lấy khỏe để đối phó với mệt)

Kế "Dĩ dật đãi lao" là lấy sự thanh thản để đối phó với hấp tấp, nhọc nhằn; dưỡng sức mà đợi kẻ phí sức.

Kế này viết ở trong thiên "Quân Tranh" của bộ "Tôn Tử Binh Pháp": "Lấy gần đợi xa, lấy nhàn đợi mệt" nghĩa là trên chiến thuật phải tìm nắm trước địa vị chủ động để ứng phó với mọi tấn công của địch. Cũng có ý nói nên chuẩn bị chu đáo, dễ dàng lấy cái thế bình tĩnh xem xét tình hình biến hóa mà quyết định chiến lược, chiến thuật. Đợi địch mỏi mệt, tảo chiết bớt nhuệ khí rồi mới thừa cơ xuất kích.

Tôn Tử gọi thế là: "Ẩn sâu dưới chín tầng đất, hành động trên chín tầng trời".

Sử dụng sách lược này đòi hỏi thái độ tuyệt đối trầm tĩnh ứng biến, đo được ý kẻ thù, hoàn cảnh kẻ thù, thực lực kẻ thù. Nếu thời cơ chưa chín thì đứng yên như trái núi. Khi cơ hội vừa tới thì lập tức lấp sông, chuyển bể. Tư Mã Ý ngăn Gia Cát Lượng ở Kỳ Sơn. Chu Du phóng hỏa tại Xích Bích. Tào Tháo đại phá Viên Thiệu nơi Quan Độ. Tả Huyền đuổi Bồ Kiên ở Phi Thủy. Tất cả đều lấy ít đánh nhiều, thế kém vượt thế khỏe. Tất cả đều là kết quả sử dụng tài tình sách lược "Dĩ dật đãi lao".

24. Chỉ tang mạ hòe (Chỉ vào gốc dâu mà mắng cây hòe)

"Chỉ tang mạ hòe" là chỉ vào gốc dâu mà mắng cây hòe. Ý nói vì không tiện mắng thẳng mặt nên mượn một sự kiện khác để tỏ thái độ.

25. Lạc tình hạ thạch (Ném đá vào người dưới giếng)

"Lạc tình hạ thạch" là ném đá vào đầu kẻ đã rơi xuống giếng. Rơi xuống giếng lại còn ném đá vào đầu nạn nhân. Nếu đứng trên quan điểm đạo đức Khổng - Mạnh thì phải là hành động không chính nhân quân tử, nhưng nếu coi là một mưu kế thì hành động này lại là một hành động sáng suốt. Căn bản triết lý của "Lạc tình hạ thạch" là chi phối được thì mới chiếm đoạt được, và nhân từ với kẻ thù tức là tàn nhẫn với chính ta. Lưu Bị lúc nào hé miệng cũng nói những điều nhân từ, lúc nào cũng chảy nước mắt, nhưng ông lại là người cũng giỏi thủ đoạn "Lạc tình hạ thạch" nhất. Chẳng vậy mà khi Lã Bố vốn là người làm nhiều ân huệ đối với Lưu Bị, nào việc bắn kích ở Viên Môn, nào việc cho

Lưu Bị nương tựa ở căn cứ mình... Đến lúc Lã Bố bị bắt sau khi thất trận Từ Châu, Tào Tháo trong lòng còn đôi chút thương mến muốn dụ dỗ Lã Bố, Lưu Bị ngại Tào Tháo có thêm một mãnh tướng nữa nên đã ghé tai Tào Tháo mà nhắc khéo: “Ông không nhớ chuyện Đinh Nguyên và Đổng Trác hay sao?” (Đinh Nguyên và Đổng Trác đều nhận Lã Bố làm con nuôi, nhưng đều bị chết vì tay Lã Bố. Lưu Bị đã không kể đến ơn nghĩa, lại còn đưa đòn độc "Lạc tinh hạ thạch" hạ Lã Bố. Như vậy, Lã Bố làm sao khỏi chết!

26. Hư trương thanh thế (Thối phòng thanh thế)

"Hư trương thanh thế" là thối phòng thanh thế để cho người ta chóa mắt, nể sợ.

Đời Tam Quốc, Tào Tháo tiến xuống Giang Định, rầm rộ cả trăm vạn hùng quân. Tháo định dùng ưu thế tuyệt đối để buộc Tôn Quyền phải hàng phục. Nhưng Khổng Minh trông thấy âm mưu này nên chỉ ba vạn quân với một số mưu kế và trận gió đông đã đánh bại quân Tào. Khi sử dụng kế này, trước hết phải xem mục đích và giá trị của nó thế nào đã, rồi mới định cỡ to nhỏ.

27. Phủ để trừu tân (Bớt lửa dưới nồi)

Kế "Phủ để trừu tân" là bớt lửa dưới nồi, ý nghĩa là giải quyết trên căn bản một vấn đề, chủ ý không cho nó phát ra (bớt lửa cho nước khỏi trào). Khi có một việc đã bùng nổ ra rồi thì tìm cách làm cho nó dịu đi, không để nó tiếp tục ác liệt. Chỗ diệu dụng kế "Phủ để trừu tân" là không nghe thấy tiếng, không nhìn thấy hình, vô cùng như trời đất, khó hiểu như âm dương, khiến cho kẻ thù rơi vào kế của mình mà họ không biết. Không kể tình trường, chiến trường hay thương trường, kế "Phủ để trừu tân" lúc nào cũng là kế rất âm độc, lớn mang hiệu quả lớn, nhỏ có hiệu quả nhỏ. Ở tình trường, anh chàng kém về thường o bế song thân hoặc anh em của đào, hơn là tấn công chính nàng! Ở chiến trường, kế "Phủ để trừu tân" lại càng dày đặc, giăng mắc như mạng nhện.

28. Sát kê hách hầu (Giết gà cho khỉ sợ)

"Sát kê hách hầu" nghĩa đen là giết con gà cho con khỉ sợ.

Theo truyền thuyết dân gian, con khỉ rất sợ trông thấy máu, cho nên khi người ta muốn dạy khỉ, trước hết họ giết một con gà, bắt con khỉ nhìn thấy đồng máu bê bết rồi mới bắt đầu giáo hóa. Lúc bắt khỉ cũng thế, người ta vịn cổ con gà cho nó kêu lên những tiếng ghê rợn, khiến cho khỉ bủn rủn chân tay

thì đến bắt. "Sát kê hách hầu" có tác dụng lớn, làm cho các vụ mới nở ra trong trứng nước bị rơi vào cảnh bối rối, sợ sệt.

29. Phản gián kế (Dùng kẻ của đối phương để quật lại)

"Phản gián kế" là dùng người của đối phương lừa dối đối phương, dùng kế địch lừa địch.

Tôn Tử nói: "Biết mình là biết thực lực và nhiệm vụ của mình. Biết người là biết thực lực và ý đồ của địch. Biết mình thì tương đối dễ hơn biết người. Cho nên muốn biết người thì phải dùng gián điệp".

30. Lý đại đào cương (Đưa cây lý chết thay cây đào)

"Lý đại đào cương" là đưa cây lý chết thay cho cây đào.

Người lớn làm họa, bắt người bé chịu tội thay. Có rất nhiều kẻ tác gian phạm tội lại bắt người khác thế thân.

31. Thuận thủ khiên dương (Thuận tay dắt con dê về)

"Thuận thủ khiên dương" theo nghĩa đen là thuận tay dắt con dê về. Sự việc trên đời, thiên biến vạn hóa rất kỳ diệu. Phải biết nắm lấy bất cứ cơ hội nào vụt hiện đến trước mắt, đó là những thâm hoạch, những cái lợi bất ngờ.

32. Dục cầm cố tung (Muốn bắt mà lại thả ra)

"Dục cầm cố tung" theo nghĩa đen là muốn bắt cho nên thả ra.

Muốn thực hành kế này, phải có một nhãn quan sâu rộng, một tấm lòng nhân nại vô song. Những kẻ cấp công cận lợi không bao giờ có đủ tài trí để thi hành nó. Kế "Dục cầm cố tung" không thi hành theo cái nghĩa đen của nó. Kế này nói lên sự mềm dẻo cho mọi chính sách, thứ nhất là chính sách thu phục lòng người, giữ người.

33. Khổ nhục kế (Hành hạ thân xác mình để người ta tin)

"Khổ nhục kế" là hành hạ mình, rồi đem cái thân xác bị hành hạ ấy để làm bằng chứng mà tiếp cận với địch để hoàn thành một âm mưu nào đó.

34. Phao bác dẫn ngọc (Ném hòn ngói để thu về hòn ngọc)

"Phao bác dẫn ngọc" nghĩa đen là ném hòn ngói để thu về hòn ngọc. Tức là dùng tiểu vật để đoạt một đại vật, như người đi câu vạ. Dân gian thường nói "thả con tép bắt con tôm" cũng là kế này.

35. Tá thi hoàn hồn (Mượn xác để hồn về)

"Tá thi hoàn hồn" nghĩa là mượn xác để hồn về. Ý kế này chỉ rằng: Sau khi đã thất bại, buộc phải lợi dụng một lực lượng nào đó để khởi lên thi hành trở

lại chủ trương của mình. Tuy nhiên, dùng kế này rất dễ đi vào con đường nguy hiểm, nếu sơ xuất thì tử như rước voi về giày má tổ. Nếu mượn xác mà mượn ầu thì chẳng khác gì vác xác chết về nhà.

36. Tẩu kế (Chạy, lùì, thoát thân)

"Tẩu kế" nghĩa là chạy, lùì, thoát thân.

Tại sao kế sau chót cổ nhân lại đặt là "kế chạy"? Lại có câu: "Tam thập lục kế, tẩu vi thượng sách". (Ba mươi sáu chước, chạy là hơn hết!) Bởi vậy kế này liên quan nhiều đến sự thành bại của một công việc lớn. Bất luận là đánh nhau bằng văn hay bằng võ, không ai là có thể thắng hoàn. Trong quá trình chiến đấu bao gồm nhiều kiểu thắng, nhiều kiểu bại, lúc ẩn lúc hiện, trong chớp mắt dồn dập cả trăm ngàn biến chuyển. Nếu không ứng phó mau lẹ để tránh những cảnh bất lợi, để nắm mau lợi thế mà tiến tới thắng lợi, thì không phải là nhân tài. Chạy có nhiều phương thức. Bỏ giáp, bỏ vũ khí mà chạy, bỏ đường nhỏ mà chạy tới đường lớn, bỏ đường bộ mà chạy sang đường thủy... Các phương thức tuy không giống nhau nhưng cùng hướng chung đến mục đích là tránh tai họa để bảo đảm an toàn, để bảo toàn lực lượng.

"Tẩu kế" không phải là chạy dài. Chạy chỉ là một giải pháp để mà sẽ quay lại. Tinh hoa của kế chạy là giành thời gian, bảo tồn sức khỏe, lực lượng. Rút chạy đến một vị trí mới, cho tư thế vững mạnh hơn, tập trung nỗ lực và củng cố tinh thần, chọn một cơ hội thuận tiện để quật lại, ấy mới thực là "Tẩu kế". Sau hết phải lo đến điểm nguy của kế chạy: Khi chạy, sẽ mất tinh thần, sự việc hoàn toàn lỏng lẻo, mất sự tin tưởng ở xung quanh. Nếu không giải quyết cho chính xác những vấn đề trên thì "tẩu" không còn là một kế hoạch nữa, mà là một sự tan rã vậy!

TÔN VŨ ĐÃ CẦM QUÂN BAO NHIÊU LẦN?

Nghiên cứu về binh pháp Tôn Tử

Tôn Tử binh pháp đã nổi tiếng trên thế giới từ khá lâu rồi. Đến nay nó được dịch ra 29 loại ngôn ngữ, các ấn phẩm bổ sung mở rộng lên tới hơn 700 bản. Thế kỷ 18, cuốn Tôn Tử Binh Pháp được truyền nhập vào châu Âu, ngay lập tức gây ra náo động đối với giới quân sự phương Tây. Nhà lý luận quân sự nổi tiếng người Anh, người đặt nền móng lý luận "đại chiến lược" Lydern Hatill không chỉ tự mình dịch toàn bộ nguyên bản cuốn Tôn Tử Binh Pháp ra tiếng Anh mà ông còn viết thêm một quyển "Luận chiến lược" để dẫn giải và tường thuật lại. Hatill cho biết, trong tác phẩm quân sự của ông, giải nghĩa rất nhiều quan điểm tìm thấy qua nguyên bản cuốn Tôn Tử Binh Pháp từ hơn 2500 năm trước.

Trong bộ sử ký của mình, Tư Mã Thiên có viết về tài năng quân sự của Tôn Vũ (Tôn Tử) như sau: *"Tôn Vũ phía tây đại phá nước Sở mạnh, phía Đông dẹp yên Tề, Tần uy danh lừng lẫy khắp chư hầu, làm tướng như thế thật khó ai so bì". Quả thật trong 30 năm sự nghiệp quân sự của mình, Tôn Vũ đã lập nhiều chiến công hiển hách và luôn xứng đáng với những lời tôn vinh trong sử sách. Tuy nhiên có một vấn đề luôn gây ra sự tranh cãi kịch liệt từ trước đến nay đó là: rốt cuộc Tôn Vũ đã thân chinh chỉ huy bao nhiêu trận đánh. Vừa qua giới nghiên cứu lịch sử cổ đại Trung Quốc khi đã nghiên cứu, đối chiếu, tổng hợp, so sánh từ các sử liệu như: "Ngô việt Xuân Thu", "Việt sắc thư", "Tả truyện", "Sử ký" đã đưa ra kết luận: Trong sự nghiệp quân dịch của mình, Tôn Vũ chỉ trực tiếp chỉ huy 5 trận đánh và chính 5 trận chiến "đế đời" này đã góp phần đưa tên tuổi của ông bất hủ cùng thời gian.*

- Lần chỉ huy thứ nhất: Xảy ra vào tháng 12 năm 512 trước công nguyên, khi đó Ngô Vương là Hạp Lư ra lệnh cho Tôn Vũ chỉ huy quân tiêu diệt 2 nước nhỏ là Chung Ngô và nước Tề. Trong lần cầm quân đầu tiên này, Tôn Vũ đã

xuất sắc hạ gọn 2 nước trên đồng thời thừa thắng chiếm được đất Thục thuộc nước Sở lập công lớn được Ngô Vương ban thưởng.

- Lần chỉ huy thứ hai: Theo lệnh của Hạp Lư, năm 511 trước công nguyên, Tôn Vũ lại thống lĩnh ba quân cùng Ngũ Tử Tư, Bạch Hỷ đi chinh phạt nước Sở bởi lý do "Sở Vương từ chối không chịu trao thanh bảo kiếm Trảm Lô cho Hạp Lư". Dưới quyền chỉ huy của Tôn Vũ quân Ngô đánh hai trận thắng cả hai, chiếm gọn 2 xứ Lục và Tiềm thuộc đất Sở.

- Lần chỉ huy thứ ba: xảy ra vào năm 510 trước công nguyên, lúc này giữa nước Ngô và nước Việt lần đầu tiên xảy ra cuộc chiến tranh quy mô lớn mà sử sách còn ghi lại đó là cuộc "Đại chiến Huê-Lý". Trong cuộc chiến này lần đầu tiên Tôn Vũ đưa ra cách dụng binh "Quý hồ tinh bất quý hồ đa" trong đánh trận do vậy chỉ với 3 vạn quân với phép dụng binh tài tình của Tôn Vũ đã đánh bại 16 vạn quân nước Việt.

- Lần chỉ huy thứ tư: Vào năm 509 trước công nguyên xảy ra cuộc "đại chiến Dự Chương" giữa hai nước Ngô và Sở. Khi đó vua Sở sai con trai là công tử Tử Thương và công tử Tử Phàm dẫn đại quân tiến đánh nước Ngô, nhằm báo thù nổi nhục mất đất năm xưa. Một lần nữa Ngô Vương Hạp Lư lại giao cho Tôn Vũ cầm quân chống giặc. Lần này Tôn Vũ khôn khéo vòng tránh đội quân chủ lực của công tử Thường, dùng lối đánh vu hồi tập kích doanh trại bắt sống công tử Phàm, quân Sở từ thế mạnh, chuyển sang yếu cầm cự chưa đầy một tháng phải rút chạy về nước.

- Lần chỉ huy thứ năm: Vào ngày 18-11-506 trước công nguyên, 2 nước Ngô-Sở một lần nữa xảy ra chiến tranh, sử sách gọi đây là "cuộc chiến Bách Cử". Đây là cuộc chiến lớn nhất trong lịch sử 2 nước. Lần này quân Sở huy động 25 vạn quân tiến đánh nước Ngô, khí thế báo thù rất sôi sục. Theo kế của Tôn Vũ và Ngũ Tử Tư, vua Ngô bí mật liên kết với 2 nước nhỏ là Đường và Thái làm thành liên minh chống Sở. Khi tác chiến, Tôn Vũ triệt để lợi dụng địa hình thuận lợi của 2 nước "đồng minh" để triển khai chiến thuật "Khống chế chính diện", "Tập kích vu hồi mạn sườn" của mình. Sau 5 lần giao chiến với quân Sở, Tôn Vũ đều giành thắng lợi. Cuối cùng 3 vạn quân Ngô đã phá tan 25 vạn quân Sở tiến vào kinh đô nước Sở buộc Sở vương phải tháo chạy. Với 5 trận đánh "đế đời" này, uy danh và tài thao lược quân sự của Tôn Vũ (Tôn Tử) lừng lẫy khắp thiên hạ. Thêm vào đó là bộ "Tôn Tử Binh Pháp" dài 13 thiên

bất hủ của ông đã khiến cho tên tuổi của Tôn Vũ nổi tiếng khắp thế giới cho tới ngày nay.

NGÔ TỬ BINH PHÁP

NGÔ KHỞI

QUYÊN THƯỢNG

THIÊN THỨ NHẤT MƯU ĐỒ VIỆC NƯỚC

Ngô Khởi phục sức theo lối nhà nho^[1] đến yết kiến Ngụy Văn Hầu^[2] để bàn về việc binh .

Văn Hầu nói: Quả nhân^[3] không thích việc quân lữ .

Khởi nói: Hạ thần nhân vì dò xét các việc sâu kín , theo dõi các việc từ xưa đến nay , sao nhà vua lại nói những lời trái với lòng mình? Nay nhà vua suốt bốn mùa đều khiến giết trâu bò để lột da đem thuộc , lấy sơn đỏ phết ở ngoài , vẽ những hình xanh đỏ , dùng những da tê , da voi bóng láng , nếu dùng da ấy để mặc vào mùa đông thì không được ấm , mặc vào mùa hè thì không được mát; Vua khiến đặt rên kích dài hai trượng bốn thước , kích ngắn một trượng hai thước; Vua khiến đặt làm xe lớn bọc da che bít các cửa , bánh và trục rất thô kệch , lấy mắt để xem thì không được đẹp , cưỡi để đi xem ruộng thì không được nhẹ , không biết vua có thể nào dùng những thứ ấy mà được yên lòng chẳng?

Nên làm như thế để chuẩn bị , tới thì đánh , hư thì giữ mà chẳng cần đem dùng những thứ ấy cho đúng mực , điều ấy có thể ví như đem gà con đang ấp để đấu với chồn cáo , đem cho con đang bú để khêu chọc cọt dử , tuy là có lòng chiến đấu nhưng thực là đưa vào chỗ chết vậy!

Ngày xưa vua họ Thừa Tang chỉ lo tư đức mà phế bỏ việc võ bị cho nên nước bị huỷ diệt , vua họ Hữu Hồ cậy đông ưa mạnh nên xã tắc phải táng vong . Nhà vua sáng suốt xét việc ấy , ở bên trong phải lo trau dồi văn đức , bên ngoài lo sửa sang việc võ bị. Sức mạnh ngang với địch mà không tiến được thì đáng gọi là nghĩa dũng! Cho đến khi thấy chết thấy đã cứng đờ mới buồn thương thì không đáng gọi là nhân ái .

Nhân bởi đó , Văn Hầu tự tay mình trải chiếu , phu nhân bưng chén mời Ngô Khởi uống rượu tại miếu đường , lập Khởi làm đại tướng trấn thủ Tây Hà , đánh nhau với chư hầu bảy mươi sáu trận , toàn thắng được sáu mươi tư trận ,

còn dư lại thì hòa nhau , mở rộng đất bốn phía , giành lấy ngàn dặm đất , tất cả đều là công của Khởi cả .

Ngô Tử nói: Ngày xưa các bậc vua chúa mưu đồ việc quốc gia , ắt trước hết phải dạy dỗ trăm họ , gìn giữ muôn dân .

Có bốn mối bất hoà:

- Trong nước không hòa hợp thì đừng ra quân;
- Trong quân không hòa hợp thì đừng bày trận;
- Trong trận không hòa hợp thì đừng tiến đánh;
- Trong khi đánh không hòa hợp thì không thể quyết thắng .

Bởi thế cho nên bậc vua chúa có đạo lí , nếu muốn sử dụng dân chúng , thì trước hết phải hòa hợp lòng dân rồi sau mới làm được việc lớn . Không dám tin cậy vào mưu kế của riêng mình, ắt phải cáo trước với Trời Đất và tổ tiên nơi tổ miếu , xem việc lành dữ bày ra ở mu rùa^[4] coi thêm thời trời^[5] , nếu đều tốt lành cả thì sau mới dấy binh được .

Người dân liền biết nhà vua thương xót mạng sống của họ , buồn tiếc về sự chết chóc của họ , nếu được như thế thì bề trên và người dưới cùng gặp hoạn nạn với nhau thì sĩ tốt sẽ cho rằng tiến tới chỗ chết là vinh , lui về cầu sống là nhục .

Ngô Tử nói:

- Đạo là trở về nguồn gốc;
- Nghĩa là làm việc , lập công;
- Mưu là lừa bỏ điều hại , chạy tới điều lợi .
- Việc trọng yếu là bảo tồn sự nghiệp giữ gìn sự thành công .

Nếu hành động không hợp đạo , xử sự không hợp nghĩa mà cử sự ra về ta đây là to hơn , cao sang , ắt là phải gặp tai hoạ , bởi thế thánh nhân yên dân bằng đạo, trị dân bằng chính nghĩa, sai khiến dân bằng nghi lễ , vỗ về dân bằng nhân ái. Bốn đức tính ấy được trau dồi thì nước nhà hưng thịnh , bị phế bỏ đi thì nước nhà suy vong . Cho nên vua Thanh Thang đánh vua Kiệt mà dân nhà Hạ vui mừng , vua Võ Vương đời Chu đánh vua Trụ mà dân nhà Ân không cho là trái lẽ . Đó là nhờ khởi binh thuận theo Trời và Người nên mới được như thế .

Ngô Tử nói: Phạm chế định việc nước , sửa trị việc quân ắt là phải lấy lễ nghi để dạy dân , lấy nghĩa vụ để khuyến khích dân , khiến cho người dân biết

xấu hổ . Con người ta biết xấu hổ , hễ nhiều làm là đánh , ít làm là giữ ,
Nhưng:

Đánh mà thắng được là dễ;

Giữ mà thắng được là khó;

Cho nên mới nói rằng: Giữa các nước đánh nhau trong thiên hạ:

- Ai thắng năm lần thì gặp tai họa;
- Ai thắng bốn lần thì chịu tệt hại;
- Ai thắng ba lần thì làm bá;
- Ai thắng hai lần thì làm vương;
- Ai thắng một lần thì làm đế .

Thắng nhiều lần mà chiếm được thiên hạ là trường hợp ít có; thắng nhiều lần mà mất thiên hạ là trường hợp thường thấy .

Ngô Tử nói: Phạm việc dấy binh mã có năm cố:

- Thứ nhất là vì tranh danh;
- Thứ hai là vì tranh lợi;
- Thứ ba là vì chứa ác;
- Thứ tư là vì nội loạn;
- Thứ năm là vì đói kém;

Binh lại có năm danh hiệu khác nhau:

- Thứ nhất là nghĩa binh (binh nghĩa hiệp)
- Thứ hai là cường binh (binh mạnh)
- Thứ ba là cương binh (binh cứng)
- Thứ tư là bạo binh (binh hung dữ);
- Thứ năm là nghịch binh (binh trái ngược)
- Ngăn chặn việc bạo ác, cứu nước nhà trong cơn loạn lạc , đó gọi là nghĩa;
- Cậy đông để đánh người gọi là mạnh;
- Nhân cơn giận mà dấy binh gọi là cứng;
- Bỏ lễ nghĩa mà tham lợi lạc gọi là hung dữ;
- Khi nước loạn , người mệt mà dấy binh đánh người , gọi là trái lễ .

Năm loại binh ấy đều có phép khắc phục .

- Nếu gặp nghĩa binh thì lấy lễ nghĩa mà khắc phục họ;
- Nếu gặp cường binh thì lấy sự khiêm cung mà khắc phục họ;
- Nếu gặp cương binh thì lấy sự từ tốn mà khắc phục họ;

- Nếu gặp bạo binh thì dùng cách đánh lừa mà khắc phục họ;
- Nếu gặp nghịch binh thì dùng cơ quyền mà khắc phục họ .

Võ Hầu^[6] hỏi rằng: Xin được nghe về phép trị binh nuôi người , giữ nước .

Khởi đáp rằng: Ngày xưa bậc quân vương sáng suốt ắt phải lo giữ gìn lễ chế giữa vua và tôi , lo trau dồi nghi thức giữa người trên và kẻ dưới , vỗ về trăm họ , gom trị dân chúng , chiếu theo phong tục mà giáo huấn , tìm mời các bậc lương thiện tài năng để phòng bị cho khỏi sai lầm .

Ngày xưa , Tề Hoàn Công chiêu mộ được năm vạn sĩ tốt nên làm bá chủ các chư hầu . Tần Văn Công triệu tập được bốn vạn sĩ tốt mà được thỏa chí . Tần Mậu Công đem ba vạn sĩ tốt ra hãm trận mà khuất phục được các lân bang thù địch . Cho nên làm vua một cường quốc ắt phải nuôi người .

- Nếu có những kẻ can đảm , mạnh mẽ thì gom họ lại thành một tốp^[7] ;
- Nếu có những kẻ hăng hái tiến đánh , cố hết sức để bày tỏ lòng trung dũng thì gom họ lại thành một tốp;
- Nếu có những kẻ có tài trèo cao , vượt xa , lẹ chân chạy giỏi thì gom họ lại thành một tốp;
- Nếu có những tôi tớ cũ của nhà vua bị mất chức , nay muốn lập công với bề trên thì gom họ lại thành một tốp;
- Nếu có những kẻ bỏ thành không giữ , nay muốn rửa vết nhơ ấy thì gom họ lại thành một tốp .

Đó là năm phép để kén chọn quân tính nhuệ . Kiếm được ba ngàn người như thế , ở trong đánh ra có thể phá vỡ vòng vây , ở ngoài đánh vào có thể hạ thành.

Võ Hầu hỏi rằng: Xin được nghe về phép lập trận cho được vững vàng , phép giữ gìn cho được chắc chắn , phép đánh phá cho được thắng lợi .

Khởi đáp rằng: Nhà vua đứng xem thì còn có thể hiểu cách thức được , há chỉ nghe giảng mà hiểu được sao?

Nếu vua đặt người hiền tài ở trên , kẻ ngu xuẩn ở dưới thì có thể bày trận vững vàng;

Nếu nhân dân sống yên ổn với nhà ruộng của họ , thân yêu quan lại coi sóc họ , thì có thể giữ gìn chắc chắn;

Nếu trăm họ cho là vua ta phải lẽ , địch quốc trái lẽ , thì có thể đánh phá thắng lợi .

Thường khi Võ Hầu bàn luận việc nước , mà thấy các quan trọng triều không ai thông thái bằng mình được , thì lúc bãi triều vua tỏ vẻ vui mừng .

Khởi tiến lên nói rằng: Ngày xưa , thường khi vua sở Trang Vương bàn luận việc nước , mà thấy các quan trong triều không ai thông thái bằng mình thì lúc bãi triều Vua tỏ vẻ lo buồn . Thân Công hỏi vua rằng: Vua có vẻ lo buồn , vì sao thế? Vua đáp: Quả nhân nghe rằng đời không bao giờ hết thánh nhân , nước không bao giờ thiếu hiền tài , ai được các bậc ấy làm thầy là người ấy làm Vương , ai được các bậc ấy làm bạn thì ấy làm Bá . Nay quả nhân là người bất tài , mà các quan trong triều không ai hơn được quả nhân , đó là điều nguy hại của nước Sở vậy vào trường hợp Sở Trang Vương lo buồn mà nhà vua lại vui mừng thì hạ thần phải thâm lo sợ vậy!

Nghe nói thế , Võ Hầu bèn có sắc khen

THIÊN THỨ HAI TRỪ LIỆU ĐỐI PHÓ VỚI QUÂN ĐỊCH .

Võ Hầu nói với Ngô Khởi rằng: Nay nước Tần hiệp phía Tây nước ta , nước Sở bịt phía Nam nước ta , nước Triệu ép phía Bắc nước ta , nước Tề tấn phía đông nước ta , nước Yên chặn phía sau nước ta , nước Hàn án ngữ phía trước nước ta , binh sáu nước đem giữ chặt bốn phía , ta bị kẹt vào thế quá bất tiện, biết lo tính làm sao đây?

Khởi đáp rằng: Phép giữ yên nước nhà là trước hết phải lấy sự phòng bị làm quý . Nay vua đã biết phòng bị thì tai họa còn xa xăm chưa thể tới được . Hạ thần xin luận về phong tục , tính tình của người dân sáu nước:

Nước Tề bày trận cẩn thận mà không vững bền;
Nước Tần bày trận rời rạc nhưng biết tự đánh;
Nước Sở bày trận chinh tề nhưng không được lâu;
Nước Yên bày trận giữ thế thủ nhưng không bỏ chạy;
Tam Tấn^[8] bày trận có trật tự nhưng không vận dụng .

Dân Tề tính khí cứng cõi , nước giàu , vua tôi kiêu căng xa xỉ , nhưng việc săn sóc lê dân rất sơ sài , nên chính trị khoan dung nhưng bổng lộc phân chia không đều , một trận mà hai lòng , phía trước cẩn thận mà phía sau khinh suất , cho nên bày trận cẩn thận mà không vững bền . Phép đánh họ ắt là chia quân ra ba phần mà đánh vào hai hông phải và trái , bám sát theo họ thì có thể phá trận của họ được .

Dân Tần tính khí mạnh mẽ , đất đai hiểm trở , nền chính trị nghiêm khắc , sự thưởng phạt đúng đắn , người dân không nhún nhường , ai ai cũng có lòng chiến đấu , cho nên bày trận rời rạc mà mọi người đều biết tự đánh . Phép đánh họ là trước hết phải bày điều lợi để dẫn dụ họ , sĩ tốt tham đoạt lợi nên rời xa tướng súy , thừa dịp họ khinh suất đuổi theo làm cho ba quân rời rạc , và đặt phục binh chờ cơ hội mà đánh úp thì có thể bắt tướng súy của họ được .

Dân Sở tính khí yếu ớt , đất đai rộng rãi , nền chính trị rối loạn , dân chúng mỗi một , cho nên bày trận chỉnh tề nhưng không được lâu dài . Phép đánh họ là ủa vào đánh các đồn trước hết phá tan nhuệ khí của họ . Thành lũy rồi đánh , rồi rút lui thật nhanh , làm cho họ khốn đốn vất vả , chớ nên giao tranh với họ , làm như thế thì có thể đánh bại quân họ được .

Dân Yên tính khí thành thực , cẩn thận , thích sự nghĩa dũng , ít mưu mô dối trá , cho nên cố giữ mà không bỏ chạy . Phép đánh họ là đến sát bức bách họ , đánh phá họ rồi bỏ đi xa , cho quân kỵ chạy vòng ra phía sau họ thật nhanh , làm cho bên địch trên thì nghi ngờ , dưới thì sợ hãi , phải cẩn thận đề phòng chiến xa và quân kỵ của ta , như thế tướng của họ phải né tránh ta và ta có thể chặn bắt được .

Tam Tấn^[9] chính là Trung Quốc, tính tình hòa nhã, nền chính trị bình an, dân chúng đã mệt mỏi vì chiến tranh, đã tập quen việc binh bị, tướng súy bị bạc đãi, bổng lộc ít ỏi, sĩ tốt không có lòng liều chết nên tuy có trật tự mà không sử dụng được . Phép đánh họ là bày trận mà ngăn chặn họ , họ đến thì ta chống cự họ, họ bỏ đi thì ta đuổi theo, cốt làm cho quân đội của họ mệt mỏi, đó là cách đánh.

Thế rồi , trong mỗi đội quân , ắt có những dũng sĩ , đủ sức gánh vác nhẹ nhàng , chân chạy lẹ làng như ngựa rợ Nhung , giật cờ bắt tướng đều có đủ khả năng , nếu được hạng người như thế thì chọn riêng họ ra , thương yêu , quý mến họ , đó gọi là quân mệnh; theo công dụng của họ mà chia ra năm thứ binh: tài giỏi , mạnh mẽ , dẻo dai , mau lẹ , nuôi chí nuốt địch , đều ban thêm cho họ phẩm tước , để họ quyết thắng , hậu đãi cha mẹ , vợ con họ , tướng thường để khuyến khích họ , trừng phạt để uy phục họ , hạng sĩ tốt ấy có thể lập trận vững bền , giữ nước lâu dài . Nếu biết suy xét điều ấy thì sức đánh của quân ta sẽ tăng gấp bội .

Võ Hầu khen là hay .

Ngô Tử nói rằng: Khi trù liệu đối địch , có tám trường hợp nên đánh ngay mà chẳng cần bói toán:

- Thứ nhất là khi gió lớn , trời lạnh gắt , địch thức dậy sớm để dời binh , phá băng vượt nước , không ngại gian nan .

- Thứ hai là đang ngày hè nóng nực , trời trong vắt không mây , quân địch chịu đói khát rong ruổi , cốt để giành giật ở nơi xa;

- Thứ ba là địch quân bị kẹt cứng lâu ngày ở một chỗ , lương thực hết sạch , trăm họ oán giận , nhiều kẻ bàn tán việc hòa phục mà cấp trên không ngăn cấm được .

- Thứ tư là địch quân hết sạch tiền của lương thực , củi có thì ít ỏi , trời thì nhiều mây mưa , muốn đi cướp giật để ăn mà cũng không tìm ra chỗ nào;

- Thứ năm là địch gặp cảnh sĩ tốt không nhiều , đất nước không tiện lợi , người ngựa bị bệnh tật , các nước láng giềng bốn bên không đến giúp;

- Thứ sáu là địch gặp cảnh đường còn xa mà trời đã tối , sĩ tốt vất vả và lo sợ , mệt mỏi và chưa ăn , đang chờ giáp để nghỉ ngơi .

- Thứ bảy là bên địch , tướng tá ăn ở lạt lẽo , nhỏ nhen , lại sĩ khinh suất , lính tráng không vững vàng , ba quân nhiều lần sợ hãi, quân đội không được giúp đỡ .

- Thứ tám là bên địch bày trận chưa hẳn hoi , dựng dinh trại chưa xong , đi ngược triều dốc , qua nơi hiểm trở , nửa ẩn nửa hiện .

Gặp những trường hợp như thế , ta nên đánh chúng mà chớ nghi ngại gì cả . Có sáu trường hợp phải tránh né địch quân mà không cần xem tốt xấu^[10] .

- Thứ nhất là địch có đất đai rộng rãi bao la , nhân dân giàu có , đông đúc;

- Thứ hai là bên địch , người trên biết thương kẻ dưới , ân huệ ban bố đầy rẫy khắp dân chúng;

- Thứ ba là bên địch , sự tưởng thưởng rất tin thực , hình phạt đúng đắn và thi hành đúng lúc;

- Thứ tư là bên địch đánh trận thì thành công , ở nhà thì tề chỉnh , biết sử dụng người hiền năng;

- Thứ năm là địch có quân lính đông đảo , rất tinh tường việc binh pháp;

- Thứ sáu là địch có các lân bang bốn bên trợ giúp , có nước lớn sẵn sàng cứu viện;

Nếu thấy rằng ta không bằng địch về các phương tiện ấy thì nên né tránh mà đừng đánh chúng , đó gọi là “thấy dễ thì tiến , thấy khó thì lui” .

Võ Hầu hỏi rằng: Ta muốn xem tình trạng bên ngoài của địch mà biết được tình hình bên trong , xem cách chúng tiến lên mà biết rằng chúng muốn dừng lại , để quyết định sự hơn thua . Ngài có thể giảng cho ta được nghe không ?

Khởi đáp rằng: Quân địch đến gần , như ra vẻ vô tư lự , cờ xí rối loạn , người ngựa ngược xuôi không ngay ngắn chỉnh tề , nếu gặp trường hợp như thế , một người bên ta có thể đánh mười người bên địch , khiến cho chúng không thể sắp đặt kịp thời đối phó với ta .

Các nước chư hầu chưa tụ hội để giúp nhau , vua tôi của họ chưa hòa hợp , hào lũy chưa chuẩn bị xong , mệnh lệnh chưa được thi hành , ba quân huyên náo . Họ muốn tiến lên mà không được , muốn lui về mà không dám , nếu gặp trường hợp như thế , một số ít quân ta cũng có thể đánh bại số nhiều quân địch , một trăm trận cũng không nguy hại .

Võ Hầu hỏi: Nên đánh địch vào những lúc nào ?

Khởi đáp rằng: Khi dụng binh nên dò xét để biết quân địch mạnh hay yếu vào lúc nào và ở chỗ nào để đánh chúng vào lúc nguy nan;

Quân địch đi từ xa mới tới , hàng lối chưa chỉnh tề: nên đánh chúng!

Quân địch mới bắt đầu ăn chưa sắp đặt sẵn sàng: nên đánh chúng!

Quân địch chạy trốn: nên đánh chúng!

Quân địch đang làm lụng khó nhọc: nên đánh chúng!

Quân địch chưa chiếm được địa lợi: nên đánh chúng!

Quân địch trễ nải , chuẩn bị không kịp ngày giờ: nên đánh chúng!

Quân địch vượt đường dài , mới tới chưa kịp nghỉ ngơi: nên đánh chúng!

Quân địch có cờ xí rối loạn: nên đánh chúng!

Quân địch bị náo động nhiều lần: nên đánh chúng!

Tướng địch rời xa sĩ tốt: nên đánh chúng!

Quân địch có lòng sợ hãi: nên đánh chúng!

Gặp những trường hợp như thế , ta chọn sĩ tốt tinh nhuệ để xông tới rồi chia binh tiếp thêm vào , đánh gấp mà chớ nghi ngại gì cả .

THIÊN THỨ BA

TRỊ BINH

Võ Hầu hỏi rằng: Trong phép dùng binh , cần làm việc gì trước nhất?

Khởi đáp rằng: Trước hết phải biết rõ bốn điều dễ , hai việc lớn , một điều tin thực .

Hỏi: Sao lại gọi như thế?

Đáp: Đó là làm cho đất dễ đi bằng ngựa , ngựa dễ kéo xe , xe dễ chở người , người dễ chiến đấu .

Biết rõ đất dễ , đất khó thì đất dễ đi bằng ngựa;

Cung ứng cỏ rơm kịp thời , thì ngựa dễ kéo xe;

Mỡ và dầu trục xe dư dùng , thì xe dễ chở người;

Gươm giáo bén nhọn , bào giáp bền bỉ , thì người dễ chiến đấu .

Tiến lên thì được thưởng lớn , lui về thì bị phạt nặng;

Thì hành tín thực.

Nếu xét làm được những việc ấy thì có thể làm chủ được sự chiến thắng .

Võ Hầu hỏi rằng: Binh lấy gì làm ưu thắng?

Khởi đáp rằng: Lấy trật tự làm ưu thắng.

Lại hỏi rằng: Có phải nhờ đông đảo không?

Đáp: Nếu pháp lệnh không sáng suốt , thưởng phạt không tín thực , chiêu đánh không đúng , trống đánh không tới , tuy có trăm vạn binh , dùng được ích gì?

Điều gọi là trật tự có nghĩa là ăn ở theo lễ nghi , cử động có uy vũ , tiến tới thì không ai chống cự nổi , lui về thì không ai đuổi kịp , tiến quân đánh đuổi trúng tiết , tả quân hữu quân ứng biến kịp thời theo hiệu lệnh , tuy ở thế kẹt cũng bày trận hăn hoi , tuy tản ra mà cũng còn hàng ngũ.

Cùng hưởng cảnh yên vui với họ , cùng chịu cảnh nguy nan với họ , nên sĩ tốt luôn luôn quây quần theo ta mà không bao giờ li tán , có thể sử dụng mãi mà không bao giờ mỏi mệt , nên quân sĩ vào nơi nào thì thiên hạ không chống cự nổi , đó gọi là binh cha con .

Ngô Tử nói rằng: Theo phép hành quân , chớ nên đi đứng trái tiết , chớ nên ăn uống trái thời , chớ làm kiệt sức người và ngựa , đó là ba điều kiện để sĩ tốt thi hành lệnh trên . Sĩ tốt thi hành lệnh trên , đó là nguồn gốc của sự trị an . Nếu đi đứng không đúng tiết , ăn uống không đúng thời , người ngựa mệt mỏi không được nghỉ ngơi , đó là nguyên nhân làm cho sĩ tốt không thi hành lệnh trên . Lệnh trên bị khinh rẻ thì khi ở yên bình sẽ rối loạn , khi đánh giặc binh sẽ thất bại .

Ngô Tử nói rằng: Khi binh ở chiến trường , đứng vào đất chết , hễ liều chết thì được sống , cầu sống thì phải chết; người tướng giỏi cầm binh cũng giống như ngồi trong thuyền thủng đáy bị nước rỉ vào , hoặc đang nằm ấm trong nhà mà chạy , việc xảy ra thật là cấp bách khiến cho người có trí cũng không kịp mưu tính được gì , kẻ dũng cảm cũng không kịp nổi giận , phải như thế mới có thể ứng địch được . Cho nên có nói rằng: Trong các điều hại của sự dùng binh , sự do dự là nguy hiểm nhất; tai họa của ba quân sinh ra do sự hồ nghi .

Ngô Tử nói rằng: Người ta thường chết ở chỗ mà mình bất lự , thường thất bại ở chỗ bất tiện cho mình . Cho nên trong phép dùng binh , sự răn dạy phải đứng đầu .

- Một người học đánh , dạy lại thành mười người biết đánh;
- Mười người học đánh , dạy lại thành trăm người biết đánh;
- Trăm người học đánh , dạy lại thành ngàn người biết đánh;
- Ngàn người học đánh , dạy lại thành muôn người biết đánh;
- Muôn người học đánh , dạy lại thành ba quân biết đánh;

Lấy ta ở gần chờ đánh địch từ xa tới;

Lấy ta nhàn chờ đánh địch mệt;

Lấy ta no chờ đánh địch đói;

Binh ta đang bày viên trận , ta buộc đổi thành phương trận;

Binh ta đang ngồi , ta buộc đứng dậy đi;

Binh ta đang đi , ta buộc đứng lại;

Binh ta đang đi qua trái , ta buộc đi qua phải;

Binh ta đang quay qua trước , ta buộc đi quay ra sau;

Binh ta đang phân tán , ta buộc tụ hợp lại;

Binh ta đang kết hợp , ta buộc giải tán .

Mỗi việc biến dịch ấy đều phải tập tành cho quen thuộc rồi mới sử dụng binh ấy được , đó là phận sự của tướng sù .

Ngô Tử nói rằng: Theo phép dạy đánh thì:

Người thấp cầm giáo kích;

Người cao cầm cung nỏ;

Người mạnh cầm cờ xí;

Người dạn cầm chiêng trống;

Người yếu làm việc vật vãnh và nấu ăn;

Người trí làm chủ mưu;
Làng xóm nương nhau;
Các đội thập và đội ngũ che chở nhau;
Nghe một tiếng trống thì sắp binh chinh tề;
Nghe hai tiếng trống thì tập trận;
Nghe ba tiếng trống thì đi ăn;
Nghe bốn tiếng trống thì làm việc nghiêm chỉnh;
Nghe năm tiếng trống thì vào hàng;
Nghe trống và chiêng cùng đánh một lần ^{uu} rồi mới đưa cờ lên .
Võ Hầu hỏi rằng: Ba quân đi đúng , há phải có phép tắc sao?

Khởi đáp: Không thể chống với thiên tào (bếp trời) , không thể chống với long đầu (đầu rồng) . Thiên tào là miệng hang lớn , long đầu là đầu núi lớn , ở bên trái có Thanh long , bên phải có Bạch Hổ , trước mặt có Chu tước , sau lưng có Huyền Vũ .

Người ở trên được thể chủ động , người ở dưới phải tuân theo thể bị động .

Lúc sắp đánh , phải xem xét gió thổi theo hướng nào . Nếu gió thổi thuận chiều cho ta , thì ta hô lớn mà đánh theo chiều gió; nếu gió thổi ngược chiều với ta , thì ta lập trận vững bền để chờ đánh địch .

Võ Hầu hỏi rằng: về việc nuôi người và ngựa , phải theo phương pháp nào?

Khởi đáp rằng: về ngựa , phải cho ở chỗ yên ổn , dễ kiếm cỏ , nước , lo liệu việc no đói của chúng cho có chừng mực . về mùa đông thì cho ở chuồng ấm , về mùa hè thì cho ở chuồng mát , cắt bớt lông bờm để cho thông xuống bốn phía , bịt kín mắt và tai để ngựa khỏi sợ hãi , tập cho quen chạy mau , tập cho quen đi đứng đúng phép , người và ngựa phải gần gũi quen thuộc nhau rồi mới sử dụng được . Các dụng cụ về ngựa xe là yên , cương , dầm và hàm khớp , phải lo cho đủ đầy , bền chắc . Thường thường thì ngựa , không trước thì sau , đều bị tổn hại; không tổn hại vì đói thì cũng tổn hại vì no . Trời đã tối mà đường còn xa , thì nhiều khi thà để cho người mệt mà cẩn thận chớ cho ngựa mệt , nhờ đó mà ngựa có dư sức để phòng bị trường hợp địch đánh úp ta . Hiểu rõ việc ấy thì tha hồ dọc ngang giữa thiên hạ .

QUYÊN HẠ

THIÊN THỨ TƯ LUẬN TƯỚNG

Ngô Tử nói rằng: Ai có tài kiêm văn võ thì có thể làm tướng cầm ba quân; ai giỏi gồm được hai thuật cứng mềm thì có thể coi được việc binh .

Người ta luận tướng , thường xét tính dũng cảm của họ , nhưng tính dũng cảm ấy chỉ đáng coi là một phần nhỏ trong toàn thể đức tính của tướng sáy . Người dũng cảm ắt là coi thường sự hợp chiến; coi thường sự hợp chiến mà không biết đâu là lợi ích , chưa phải là điều hay .

Cho nên tướng suy có năm điều thận trọng:

- Thứ nhất là chính lí;
- Thứ hai là chuẩn bị;
- Thứ ba là quả cảm;
- Thứ tư là giới luật;
- Thứ năm là giản ước .
- Biết chính lí thì trị nhiều người cũng giống như trị ít người .
- Biết chuẩn bị thì đi ra cửa cũng giống như đi gặp địch;
- Có lòng quả cảm thì khi gặp địch , không hề cầu sống;
- Biết giữ giới luật thì dù có hơn thua , cũng giống như mới đánh^[12] .
- Có tính giản ước thì pháp lệnh vẫn tắt mà không rắc rối . Nhận mệnh trên rồi thì không từ nan , dẹp địch xong rồi mới nói chuyện trở về, đó là lễ nghi của tướng sáy.

Cho nên từ ngày ra quân , thà chết vinh còn hơn sống nhục .

Ngô Tử nói rằng: Việc binh có bốn binh cơ (bốn việc binh then chốt):

- Thứ nhất là khi cơ;
- Thứ hai là địa cơ;
- Thứ ba là sư cơ;
- Thứ tư là lực cơ;

Các việc sắp đặt to hay nhỏ của ba quân dù đông hơn trăm vạn, cũng đều gom lại để do một người cầm nắm , đó gọi là khi cơ (việc chỉ huy)

- Đường sá chật hẹp , hiểm trở , núi cao chặn đường , mười người trấn giữ thì ngàn người không vượt qua được , đó là địa cơ (việc coi đất);

- Giỏi việc gián điệp , cho khinh binh đi về , làm li tán quân địch , khiến cho vua tôi họ oán nhau , trên dưới đổ lỗi cho nhau , đó gọi là sự cơ (việc gián điệp , tình báo);

- Xe cộ bền bỉ , thuyền bè tiện lợi , sĩ tốt thiện chiến , ngựa voi tập quen đi đứng , chạy nhảy , đó gọi là lực cơ (việc quân nhu và huấn luyện) .

Biết rõ bốn việc ấy thì có thể làm tướng .

Tuy nhiên người tướng phải có đủ uy , đức , nhân , dũng để dẫn dắt người dưới , trị yên ba quân , khiến địch sợ hãi , có tài quyết đoán không để hồ nghi , ban lệnh cho thì kẻ dưới không dám làm trái , đến nơi nào thì giặc không dám chống cự . Được tướng ấy thì nước mạnh , bỏ tướng ấy thì nước mất , đó gọi là tướng giỏi .

Ngô Tử nói rằng:

- Dùng chiêng trống chuông mõ là để tai sợ uy;
- Vấy phát cờ xí là để mắt sợ uy;
- Bầy ra các điều cấm chế , hình phạt là để lòng sợ uy;
- Tiếng làm tai sợ uy , không thể không thanh;
- Sắc làm mắt sợ uy , không thể không sáng;
- Hình phạt làm lòng sợ uy , không thể không nghiêm .

Ba việc ấy không hẳn hoi thì dù có được nước cũng bị địch đánh bại . Cho nên có nói rằng:

- Tướng vấp về phía nào , không thể không đi theo phía ấy;
- Tướng đã chỉ tay , không thể không tiến lên mà chết .

Ngô Tử nói rằng: Khi cần tranh chiến , việc cốt yếu là trước hết phải dò xét tướng lĩnh của quân địch , quan sát tài năng của họ , tùy theo hình thế mà dùng quyền mưu , thì không vất vả mà lập được công .

- Tướng của địch ngu ngốc mà lại tin người thì ta có thể lừa dối họ để dẫn dụ họ;

- Tướng địch tham lam mà không cầu danh thì ta có thể dùng tiền của để hối lộ;

- Tướng địch cử động không thận trọng mà lại thiếu quyền mưu , thì ta có thể làm cho họ vất vả , lâm cảnh nguy khốn.

Bên địch , người trên giàu có mà kiêu căng, kẻ dưới nghèo khó và thất vọng, thì ta li gián họ.

Quân địch tới lui không quyết định, sĩ tốt không biết nương tựa vào đâu, ta có thể làm cho họ rung động mà trốn chạy.

Bên địch, sĩ tốt coi thường tướng sùỵ mà có bụng muốn về , chẹn các nơi để đi , mở thông các nơi khó đi, ta chờ cơ hội mà đánh chiếm;

Quân địch dễ tới , khó lui , như thế chúng có thể tiến tới trước (để đánh ta)

Quân địch khó tới , dễ lui , ta có thể xông tới gần mà đánh chúng;

Địch đóng quân nơi ẩm thấp , nước chảy không thông , gặp khi mưa dầm, thì sẽ bị lụt lội , chìm đắm;

Địch đóng quân nơi hoang vu , cỏ gai rậm rạp , gió thường thổi mạnh , ta có thể dùng lửa để đốt chúng;

Địch ở mãi không đi , tướng sĩ trở biếng , như thế quân địch không phòng bị , ta có thể âm thầm đến đánh úp chúng .

Võ Hầu hỏi rằng: Hai quân đối mặt nhau , không biết tướng địch như thế nào, ta muốn dò xét tướng của họ , phải dùng phương pháp nào?

Khởi đáp rằng: Nếu mệnh lệnh tầm thường mà lại tỏ ra dũng cảm , tướng địch tỏ ra coi thường sĩ tốt tinh nhuệ của ta như thế là địch muốn bỏ chạy chứ không muốn đánh chiếm .

Nếu ta thấy địch đi tới , kẻ ngồi người đứng , chính pháp của họ chỉ cốt để trị yên, họ trốn chạy làm ra vẻ không bằng ta , lại thấy điều lợi mà làm như không hay biết gì , tướng địch như thế đáng gọi là tướng mưu trí, không nên đánh nhau với họ.

Nếu quân địch huyên náo , cờ xí rối loạn , sĩ tốt muốn đi thì đi , muốn dừng thì dừng , binh đội tư do đi ngang đi dọc không có khuôn phép, khi trốn chạy thì lo rằng không kịp , khi thấy lợi thì lo không chiếm được , đó là hạng tướng ngu ngốc , dù có nhiều quân , ta cũng vẫn đánh bại chúng được.

THIÊN THỨ NĂM

ỨNG BIẾN

Võ Hầu hỏi rằng: Xe bèn, người tốt, tướng dạn binh mạnh, bỗng gặp địch bệnh tật mất ngựa, bấy giờ phải làm thế nào ?

Khởi đáp rằng: Theo phép đánh thì ban ngày phát cờ xí để làm hiệu lệnh , ban đêm dùng chiêng , trống , kèn , sáo để làm hiệu lệnh ; phát qua trái thì qua trái , phát qua phải thì qua phải , đánh trống thì tiến tới , đánh chiêng thì dừng lại; kèn thổi một lần thì đi , lần thứ hai thì họp lại; ai trái lệnh thì chém , ba quân phải sợ uy , sĩ tốt phải tuân mệnh , như thế thì ta đánh , quân địch không còn mạnh với ta được , trận địch không còn vững chắc với ta được .

Võ Hầu hỏi rằng: Nếu địch đông , ta ít , phải làm thế nào?

Khởi đáp rằng: ở đất dễ ta tránh địch , ở đất kẹt ta đón chúng . Cho nên nói rằng:

- Lấy một đánh mười , không đâu tốt bằng đất kẹt;
- Lấy mười đánh trăm , không đâu tốt bằng đất hiểm;
- Lấy ngàn đánh muôn , không đâu tốt bằng đất khó .

Nay ta chỉ có ít sĩ tốt nhưng thành linh ta đánh chuông , nổi trống , thì ở nơi đường kẹt dù có đông quân địch đi nữa , chúng cũng không khởi kinh động . Cho nên có nói rằng:

- Dùng quân đông , cần đất dễ;
- Dùng quân ít , cần đất hiểm .

Võ Hầu hỏi rằng: Địch có quân đông , đã mạnh lại dạn , dựa vào nơi hiểm trở , bên phải có núi bên trái có sông , hào sâu thành cao , dùng nỗ mạnh để giữ kỹ , lui về như núi dời , tiến tới như gió mưa , lương thực lại nhiều , ta khó mà cầm cự lâu dài với họ , phải làm thế nào?

Khởi đáp rằng: Việc vua hỏi thật là quan trọng! Trong trường hợp ấy , không thể dùng sức xe ngựa mà dùng mưu kế của thánh nhân . Thường nên dùng ngàn cỗ xe , một vạn quân kỵ , dùng quân đi bộ thêm vào , chia ra thành năm đạo quân , mỗi đạo quân đi một đường . Bởi vì năm đạo quân đi năm đường khác nhau nên quân địch hồ nghi không biết ta sẽ đánh vào nơi nào . Nếu địch giữ kỹ , lo củng cố binh đội , ta phải cho gián điệp đến dò xét cách sắp đặt của họ . Hoặc họ nghe lời ta rút quân mà đi; hoặc họ không nghe lời ta , chém sứ đốt thư , thì chia ra năm đạo mà tiến đánh , đánh thắng thì đừng đuổi theo địch , không thắng thì lui về gấp làm ra vẻ bỏ trốn; nếu địch không nghi ngờ mà yên lòng theo ta để đánh gấp , thì ta cho một đạo quân chặn đầu , một đạo quân chặn đuôi , rồi cho hai đạo quân ngầm tám phân ra hai phía trái và phải đánh

úp vào nơi chúng đóng binh , năm đạo quân^[13] cùng đánh, ắt sẽ được thắng lợi, đó là phép đánh quân mạnh.

Võ Hầu hỏi rằng: Địch đến gần bức bách ta , ta muốn bỏ đi để tránh chúng mà không có đường , quân ta hết sức sợ hãi , bây giờ phải làm thế nào ?

Khởi đáp rằng: Phép đối phó với chúng là: Nếu ta nhiều quân mà chúng ít quân thì ta chia quân ra đánh để dè bẹp chúng; nếu chúng đông quân còn ta ít quân , thì ta theo một hướng nhất định mà đánh chúng , cứ đánh riết đừng cho lơ lửng , như thế dù chúng đông quân cũng phải thua ta .

Võ Hầu hỏi rằng: Nếu gặp địch ở chốn hang , lạch , ở chung quanh rõ nhiều nói hiểm trở , địch nhiều quân còn ta ít quân , phải làm thế nào?

Khởi đáp rằng: ở các chốn gò , đồi , rừng , hang , núi cao , đầm rộng , nên đi mau cho qua khỏi , chớ nên nương tựa vào đó . Nếu tại chốn núi cao hang sâu , thành lình gặp địch , ta ắt phải trước hết đánh trống reo hò mà xông vào đánh chúng , đem cung nỏ ra trước , vừa bắn vừa bắt chúng, hễ xét thấy chúng rối loạn thì đánh gấp chớ nên nghi ngại gì cả .

Võ Hầu hỏi rằng: ở bên trái và bên phải đều có núi cao , ở giữa đất rất chật hẹp , bỗng ta gặp quân địch , muốn đánh chúng mà không dám , muốn tránh chúng mà không được , hỏi phải làm thế nào?

Khởi đáp rằng: Đó là trường hợp đánh trong hang núi , tuy nhiều quân cũng vô ích , một ít sĩ tốt tài giỏi của ta cũng có thể đối phó ngang sức với quân địch , ta cho binh mạnh lẹ chân đi trước , cho xe , ngựa nấp ở bốn phía , rồi rút cách xa địch vài dặm , địch không thấy binh xe ngựa ấy của ta , ắt phải bày trận giữ vững , không dám lui tới^[14] . Bây giờ ta mới giăng bày cờ xí ra , đi ra khỏi núi mà đóng dinh , như thế địch phải sợ ta: ta liền đem xe ngựa khiêu chiến , đánh riết đừng cho địch nghỉ ngơi , đó là phép đánh trong hang^[15] .

Võ Hầu hỏi rằng: Ta và địch gặp nhau tại chỗ đầm lầy nước lớn , nghiêng bánh ngập càn , hoặc là nơi nước cạn , xe ngựa hay thuyền dò đều không dùng được , tới lui chẳng được , bây giờ phải làm thế nào?

Khởi đáp rằng: Đó là trường hợp đánh trước tiên , không dùng xe ngựa được , phải dẹp vào một bên . Hãy leo cao nhìn bốn phía để biết hình thế nước như thế nào , xem kỹ vùng nước rộng hẹp sâu cạn như thế nào , rồi sau mới lập mưu kế để chiến thắng . Nếu địch vượt nước , ta chờ địch qua nửa chừng rồi là đánh chúng .

Võ Hầu hỏi rằng: Trời mưa dầm lâu ngày , xe ngựa bị kẹt không dời chuyển được , bốn phía đều bị địch bao vây , ba quân sợ hãi , phải làm thế nào?

Khởi đáp rằng: về phép dùng xe , trời mưa ẩm thấp thi nghỉ , trời nắng khô ráo thì dùng , quý nơi cao mà chê nơi thấp . Khi dùng xe nặng , đi đứng đều phải tuân theo đường sá , địch dấy binh ắt sẽ đuổi theo dấu bánh xe .

Võ Hầu hỏi rằng: Giặc dữ thành linh kéo đến , chiếm đồng ruộng của ta , bắt trâu dê của ta , phải làm thế nào?

Khởi đáp rằng: Giặc dữ kéo đến , ắt lo lắng về cái hoàn cảnh miễn cưỡng của chúng , ta bèn giữ kỹ chớ đánh chúng ngay , đến chiều chúng sẽ rút lui , đùm bọc , khiêng dặt nhiều đồ vật; bấy giờ chúng phải sợ sệt , muốn lui về cho gấp , như thế chúng không có lòng chuyên chú chiến đấu , ta bèn đuổi theo mà đánh thì quân địch phải tan vỡ .

Ngô Tử nói rằng: Phép đánh địch vây thành là sau khi hạ được thành ấp , ta vào chiếm cung phủ , sắp đặt lộc trật (tổ chức việc cai trị) , tịch thu khí vật của họ; quân ta đến chỗ nào , cấm chúng không được chặt cây , phá nhà , lấy lúa gạo , giết gia súc , đốt kho chứa trữ , để tỏ cho dân chúng rằng quân ta không có lòng tàn nhẫn; bên địch có ai xin ra hàng , ta cũng bằng lòng cho hàng và an ủi họ .

THIÊN THỨ SÁU KHÍCH LỆ SĨ TỐT

Võ Hầu hỏi rằng: Thường phạt nghiêm minh , riêng việc ấy có đủ để chiến thắng không?

Khởi đáp rằng: về việc nghiêm minh , hạ thần không dám cho rằng mình biết đủ hết , tuy nhiên chớ nên trông cậy vào đó . Ban bố hiệu lệnh mà dân thích nghe , dấy động binh mã mà dân ham đánh , đem ra cho chiến trường dẫu lên mưa giáo mà dân vui lòng liều chết , đó là ba điều mà nhà chúa có thể trông cậy.

Võ Hầu hỏi: Muốn được như thế, phải làm thế nào?

Khởi đáp: Nhà vua nên cất nhắc những người có công trạng để họ hưởng lộc và khuyến khích những kẻ vô công.

Bấy giờ Võ Hầu sắp ngồi tại miếu đình ba hạng khách tiệc:

Các quan đại phu , các người có công đầu được ngồi chiếu ăn hàng đầu , được đãi thức ăn uống bậc nhất , thịt tế bậc nhất;

Các người có công kém hơn được ngồi chiếu hàng giữa , được đãi kém hơn; Các người không công được ngồi chiếu ăn hàng sau , không được đãi các thứ thượng phẩm .

Tất cả ăn uống xong rồi đi ra . Lại ban thưởng cho cha mẹ , vợ con của các kẻ có công ngay ngoài cửa miếu đường , cũng bằng theo công trạng mà đãi cao thấp khác nhau .

Đối với nhà nào có người chết trận , hàng năm sai sứ giả đến an ủi và ban thưởng cho cha mẹ , để tỏ lòng không quên công lao .

Thi hành việc thưởng công ấy được ba năm thì gặp lúc nước Tần dấy binh xâm phạm đất Tây Hà , sĩ tốt nước Ngụy nghe được tin ấy , không đợi lệnh trên sai khiến mà đã mặc áo giáp , đội mũ trụ ráng sức đánh giặc , số người ấy lên tới vạn người .

Võ Hầu triệu Ngô Khởi đến nói rằng: Lời dạy của ngài ngày trước bây giờ đã thi hành được rồi!

Khởi đáp rằng: Hạ thần được nghe rằng người ta có điều hay điều dở , khi có khi thịnh khi suy , xin nhà vua hãy giao cho thần năm vạn kẻ không công , thần xin dẫn họ đi đánh giặc , nếu lỡ ra mà không thắng , thì chịu để cho chư hầu chê cười , và chịu mất quyền hành giữa thiên hạ . Nay khiến một tên tử tù nấp ở nơi đồng hoang , và cho ngàn người theo đuổi nó, thì nó không khỏi trở nên dữ tợn như chim kiêu^[16] , như chó sói , bởi có sao? Bởi nó sợ người ta hành động hung dữ mà hại nó vậy. Đó là một người liều mạng đủ khiến ngàn người phải sợ hãi . Nay hạ thần lấy năm vạn quân mà làm một tên tử tù để dẫn quân ấy đi đánh giặc , chắc chắn là giặc khó địch lại ta .

Võ Hầu nghe lời , thêm vào năm trăm cỗ xe, ba ngàn quân sĩ đột phá được năm mươi vạn quân Tần , đó là nhờ khuyến khích binh sĩ lập công vậy . Một ngày trước khi giao chiến , Ngô Khởi ban lệnh xuống ba quân nói rằng: Các sĩ tốt của ta đang bị xe ngựa và lính bộ của địch đón đánh , nếu xe của ta không bắt được xe của địch , lính kị của ta không bắt được lính kị của địch , lính bộ của ta không bắt được lính bộ của địch , dù có phá được địch cũng đều không có công trạng gì cả . Cho nên đến ngày đánh , mệnh lệnh không rắc rối mà uy vũ làm rung động tất cả thiên hạ .

^[1] Ngô Khởi vốn là nho sĩ, đã từng theo học hơn một năm với thầy Tăng Sâm là cao đồ của Đức Khổng Tử tại nước Lỗ.

^[2] Ngụy Văn Hầu là Ngụy Tư , một trong ba chúa của Tam Tấn, Ngụy Hầu đang cần tướng để trấn giữ Tây Hà thì Địch Hoàng giới thiệu Ngô Khởi.

^[3] Quả nhân: Lời khiêm tốn tự cho mình là ít đức.

Da thuộc không mặc được, chính là để làm áo giáp. Xe thô kệch ấy không còn đi xem ruộng được, chính là chiến xa. Sự chuẩn bị ấy chứng tỏ Ngụy Hầu đang chăm lo cho việc võ bị.

^[4] Gieo quẻ ở mu rùa (bói)

^[5] Coi ngày, giờ, năm, tháng tốt hay xấu.

^[6] Võ Hầu ở đây là Ngụy Kích nối ngôi cha (Văn Hầu) lấy hiệu là Ngụy Võ Hầu

^[7] Tốt có nghĩa là tốp (số người không nhất định) hay là một đội quân gần một trăm người.

^[8] Tam Tấn là nước Tần cũ chia làm ba nước Ngụy, Hàn, Triệu.

^[9] Ở đây xét nội tình của Tam Tấn (Ngụy, Hàn, Triệu) tức là xét nội tình của Ngụy ở trong đó. Vấn đề đặt ra là Ngụy phải đánh nhau với Hàn và Triệu.

^[10] Coi quẻ hoặc coi ngày giờ.

^[11] Thanh ở đây phải hiểu là thanh la. Xem giao lệnh trong phần Tiện nghi (Khổng Minh) có câu: Văn cổ thính kim, nhiên hậu cử kỳ.

^[12] Còn giữ tinh thần và kỷ luật giống như mới đánh.

^[13] Một đạo quân như địch đuổi theo, hai đạo quân chặn đầu chặn đuôi hai đạo đánh vào doanh trại địch, như thế cộng chung lại thành năm đạo quân.

^[14] Trong hang tức là nơi chật hẹp, tiện lợi cho lính bộ mà bất tiện cho xe và ngựa. Địch chỉ thấy lính bộ là chỗ mạnh của ta mà không thấy xe, ngựa là chỗ yếu của ta nên địch phải sợ ta.

^[15] Khi ra khỏi hang được chỗ đất rộng rãi bằng phẳng tiện lợi cho xe ngựa, ta dễ đánh địch đang còn kẹt trong hang.

^[16] Chim kiêu là thứ chim dữ ban đêm đi bắt chim, chuột mà ăn, ăn thịt luôn cả mẹ nó.

UẤT LIÊU TỬ BINH PHÁP

THIÊN THỨ NHẤT THIÊN QUAN

Lương Huệ Vương hỏi Uất Liễu Tử rằng: Có phải vua Huỳnh Đế dùng hình với đức mà đánh giặc trăm trận trăm thắng không?

Uất Liễu Tử đáp:

Hình dùng để công, đức dùng để thú chứ không phải là việc thiên văn (thiên quan) ngày giờ, âm dương sang tối. Việc làm của Huỳnh Đế là thuộc vấn đề nhân sự.

Thế nghĩa là sao? Tỷ dụ như có một cái thành, ở phí Đông và phía Tây, đánh không vào, ở phía Nam và phía Bắc đánh cũng không vào, ấy chẳng phải tại bốn bên đều biết tùy theo trời mà phòng thủ hay sao?

Nhưng thành đánh không vào là bởi thành cao hào sâu, binh khí đầy đủ, tiền bạc và lúa gạo tích trữ được nhiều, anh hùng hào kiệt một long. Nếu thành thấp hào cạn, phòng thủ yếu ớt thì thành sẽ bị chiếm. Căn cứ vào đó ta thấy rằng thiên văn ngày giờ không bằng vấn đề nhân sự.

Sách *Thiên Quan* nói:

Dựa vào sông mà dàn trận gọi là tuyệt kĩ (sai nguyên tắc), hướng về đường triều dốc mà dàn trận gọi là phế quân (quân bỏ đi).

Vũ Vương dựa vào sông và hướng về đường triều dốc mà dàn thế trận, dùng hai mươi ngàn năm trăm quân đánh hàng vạn quân của vua Trụ mà tiêu diệt nhà Thương. Có phải vua Trụ bày trận không dùng theo thiên văn chẳng? Công tử Tâm của nước Sở đem quân đi đánh với quân của nước Tề. Khi ấy có sao chổi xuất hiện và cán chổi quay về nước Tề. Có người nói: Cán chổi quay về bên nào thì bên đó thắng, nên không thể thắng được Tề.

Công tử Tâm nói: Sao chổi làm sao biết được.

Ngày hôm sau Công tử Tâm đem quân đi giao chiến đại phá được quân Tề.

Huỳnh Đế nói:

Trước khi hành động mà dựa vào quỷ thần mà mưu tính kỹ lưỡng. Đó gọi là thiên thời và nhân sự

THIÊN THỨ HAI BINH ĐÀM

Tìm đất đai phì nhiêu mà lập ấp

Xây thành xứng với đất đai.

Giao thành xứng với người.

Số người tương xứng với lúa gạo.

Ba điều kể trên đều tương xứng thì:

Bên trong có thể cố thủ

Bên ngoài có thể chiến thắng. Chiến thắng ở bên ngoài, phòng bị ở bên trong, chiến thắng và phòng bị phải ăn khớp với nhau.

Người cầm binh cần phải:

Bí mật như đất

Cao xa như trời

Biến không thành có

Khi giữ khi thả

Khi mở khi đóng

Dân chúng lưu vong thì ta thân với họ

Đất hoang thì ta khai thác để dùng

Đất rộng mà dùng được thì giàu

Dân đông mà có trật tự thì nước bình yên thịnh trị.

Nước bình trị thì dân không cần phải đánh giặc, chiến xa không phải ra trận mà uy danh đủ áp đảo thiên hạ.

Cho nên nói:

Bình thắng ở triều đình, không cần chiến đấu mà thắng đó là nhà vua thắng.

Thắng địch ở ngoài mặt trận là tướng thắng

Dấy binh không thể vì phần nộ

Thấy thắng thì đánh

Thấy không thắng thì dừng.

Tai họa trong một trăm dặm thì không dấy binh một ngày.

Tai họa trong một ngàn dặm không dấy binh một tháng.

Tai họa trong bốn bề thì không dấy binh một năm
Bậc tướng sủy ở trên không bị trời khống chế.
Ở dưới không bị đất khống chế.
Ở giữa không bị người khống chế
Trầm tĩnh, không bị khiêu khích mà phần nộ
Thanh liêm, không thể bị tiền tài mua chuộc
Người không có tâm, mắt đui, tai điếc ⁽¹⁾ mà lãnh đạo người ta thì không thể
được

Quân lính vào đường ruột dê cũng thẳng

Đến đường rang cửa cũng thẳng

Đến chân núi cũng thẳng

Vào hang hốc cũng thẳng

Vuông cũng thẳng

Tròn cũng thẳng

Khi nặng thì như núi rừng như sông ngòi

Khi nhẹ thì như đại bác như thành trì

Khi vây địch thì như mây phủ

Ra lệnh tập hợp thì không thể tan rã

Bắt tan rã thì không thể tụ lại

Bên trái thì không được sang phải

Bên phải thì không được sang trái

Nhanh như cung nỏ

Ồ ạt như vũ bão

Mọi người đều can đảm hăng say, không do dự mà quyết tiến

THIÊN THỨ BA CHẾ ĐÀM

Quân đội trước hết phải có pháp chế. Có pháp chế, thì binh sĩ không loạn. Binh sĩ không loạn thì hình phạt mới rõ ràng. Đánh trống ra lệnh thì trăm người hăng say chiến đấu

Xung phong nơi trận mạc thì ngàn người hết lòng chiến đấu

Đánh úp quân, giết tướng địch, thì muôn người cùng ra tay, không ai chống đỡ nổi

(1) Câu này nói người cầm binh sáng suốt, phải biết nhận xét

Ngày xưa binh sĩ có thập ngũ ⁽¹⁾

Chiến xa có thiên liệt ⁽²⁾

Khi đánh trống phát cờ nhiều người dũng cảm leo thành trước.

Nếu trường hợp quân địch chết một mà ta chết một trăm như vậy là giúp cho địch làm tổn thất cho ta.

Khi giao trận tướng không thể bỏ chạy lúc đang chỉ huy quân. Như vậy sẽ tổn thất nặng nề.

Tướng không thể cấm binh sĩ dùng cung tiến lên giết địch ở ngoài trăm bộ ⁽³⁾ và dùng mâu kích giết địch trong vòng năm mươi bộ, hoặc tướng đã đánh trống ra lệnh tiến mà binh sĩ rụt rè không chịu tiến. Nếu đánh giặc mà phạm mấy điều kể trên thì sẽ thua.

Tướng không chú ý đến đội ngũ của binh sĩ và chiến xa thì khi xung trận tất cả đều bỏ chạy.

Tướng làm tốt bốn điều kể trên thì:

Núi cao cũng lên được

Sông sâu cũng ngăn được

Trận thế vững chắc cũng phá được

Tướng không làm tốt bốn điều kể trên thì:

Như thuyền chìm đắm.

Như chèo gãy mái.

Núi sông không thể gìn giữ

Dân chúng không chịu hi sinh.
Nếu hiệu lệnh dứt khoát pháp chế rõ ràng thì có thể làm cho binh sĩ tiến lên.
Người tiến bộ thì được thưởng.
Kẻ đào ngũ thì bị phạt.
Cho nên ra quân là thắng lợi.
Hành động là lập được công.
Ngày nay một trăm binh sĩ là một tốt.
Một ngàn binh sĩ có một quan Tư Mã chỉ huy.
Một ngàn binh sĩ có một vị Tướng chỉ huy.
Dùng binh ít mà thắng binh nhiều.
Dùng binh yếu mà thắng binh mạnh
Bệ hạ thử nghe lời của hạ thần thì có thể sai khiến được ba quân.
Giết một người mà giữ được hình luật thì cha không dám tha cho con, con không dám tha cho cha, huống chi là người dân trong nước.
Một tên giặc cầm kiếm đứng ở giữ chợ muôn người đều tránh xa.
Theo hạ thần thì:
Nếu không có một người dũng cảm thì muôn người đều nhút nhát.
Nghe theo lời của hạ thần thì có thể khiến cho ba quân dám hi sinh, khiến cho địch không chặn ta ở phía trước, không dám đuổi ta ở phía sau mà quân ta ra vào tự do.
Binh ra vào tự do là binh của bậc bá vương.
Cầm mười vạn binh mà thiên hạ không dám đương đầu, đó là Hoan Công.
Cầm bảy vạn binh mà thiên hạ không dám đương đầu, đó là Ngô Khởi.
Cầm ba vạn binh mà thiên hạ không dám đương đầu, đó là Tôn Võ Tử.
Nay các nước trong thiên hạ đều có không dưới hai mươi vạn quân nhưng không tạo được công danh đó là vì không biết sáng tạo.
Pháp chế rõ ràng thì một người chiến thắng, mười người cũng theo đó mà chiến thắng.
Mười người chiến thắng thì trăm, ngàn vạn người cũng theo đó mà chiến thắng.
Cho nên nói:
Khí giới và lương thực đầy đủ, tinh thần võ dũng được bồi dưỡng. Như vậy khi ra quân nhanh như chim cắt bắt mồi, như nước tuôn từ khe cao ngàn nhĩn.

Nay nước ta bị họa xâm lược, của quý phải dùng để mời người khác tới giúp, con cũng phải đem ra làm con tin, đất đai bị chia cắt.

Thiên hạ đem binh đến giúp ta, tiếng là mười vạn nhưng thực ra chỉ có mấy vạn mà thôi.

Binh nước bạn kéo tới đều nói với nhau rằng: Tội gì phải đi đánh giúp cho thiên hạ, nhưng thực ra họ không có khả năng chiến đấu.

Xét thấy dân ta không có hàng ngũ gì cho nên không thể chinh đốn.

Quân đông mười vạn mà đánh không thắng, thủ không vững. Đó không phải là lỗi của dân mà là khuyết điểm chính của triều đình.

Các nước trong thiên hạ giúp ta đánh giặc mà không ích lợi gì cho ta

Ta làm theo thiên hạ

Ta sửa đổi pháp chế của thiên hạ làm pháp chế của ta.

Ta tu sửa lại hiệu lệnh.

Ta đặt ra hình thức khen thưởng.

Khiến cho thiên hạ biết rằng không làm ruộng thì không có ăn.

Không đánh giặc thì không được chức tước.

Khiến cho dân chúng thi đua sản xuất và hăng hái ra chiến trường thì trong thiên hạ hết giặc.

Cho nên nói:

Ra hiệu lệnh mà được dân chúng thi hành thì sẽ chiến thắng quân địch, thể hiện bằng khả năng chiến đấu chứ không phải nói suông.

Chiếm được đất của địch thì chăm sóc.

Bắt được dân của địch thì nuôi nấng.

Như vậy trong nước ắt được người hiền phò giúp.

Ở trong nước không có người hiền phò giúp mà lại muốn được thiên hạ thì quân đội ắt phải tan rã, tướng ắt phải chết.

Như vậy, tuy chiến thắng mà nước càng ngày càng yếu.

Được đất đai mà nước càng ngày càng nghèo.

Đó là vi pháp chế ở trong nước không được thi hành.

(1). Một thập có 10 người, một ngũ có 5 người.

(2). Một thiên chiến xa gồm có 25 chiếc

(3). Một bộ là năm thước xưa.

THIÊN THỨ TƯ CHIẾN UY

Quân đội có khi dùng đạo để chiến thắng

Có khi dùng uy để chiến thắng.

Có khi dùng lực để chiến thắng,

Tuyên truyền vào hàng ngũ địch, khiến cho khí thế của địch suy yếu, quân ngũ rời rạc, hàng ngũ tuy còn đó mà không dùng được. Đó là dùng đạo để thắng.

Pháp chế rõ ràng, thưởng phạt phân minh, khí giới và lương thực đầy đủ, dân chúng hăng hái chiến đấu. Đó là dùng uy để thắng.

Đánh úp quân giết tướng địch, thừa khi cửa thành địch sơ hở mà tấn công đánh tan rã quân địch và giành đất đai. Đó là dùng lực để thắng.

Bậc vương hầu biết rõ ba điều thắng đó thì sự nghiệp hoàn thành.

Tướng sùỵ và binh sĩ đi chiến đấu là vì dân.

Dân sở dĩ chịu đi đánh giặc là do khí thế.

Khí thế đủ thì hăng say đánh giặc.

Khi thế mất đi thì bỏ chạy.

Có năm cách để quân ta chưa cần dùng hình phạt hay giao chiến mà có thể áp đảo quân địch.

Một là miếu thẳg (thẳg từ triều đình)

Hai là thụ mệnh.

Ba là vượt biên giới.

Bốn là sâu hào cao lũy.

Năm là bày trận và kỉ luật.

Trước hết phải đoán được địch tình rồi sau mới hành động.

Bởi thế đánh vào chỗ địch sơ hở để mà thắng.

Kẻ giỏi dùng binh có thể áp đảo địch chứ không bị địch áp đảo.

Áp đảo địch là do quyền mưu ở trong lòng.

Mệnh lệnh là khiến cho binh sĩ một lòng.

Binh đông mà không rõ ràng thì sinh ra biến loạn.

Sinh biến loạn thì mệnh lệnh đã ban ra mà binh sĩ không nghe.
Cho nên theo phép ra lệnh thì: Có một lỗi nhỏ không đối lệnh.
Có một chút nghi ngờ không được nói ra.
Lệnh ra mà bề trên không nghi ngờ thì binh sĩ tin theo.
Hành động mà có chỗ nghi ngờ thì binh sĩ không lường lự.
Ai cũng tin tưởng nên hết mình.
Ai cũng hết mình nên dám hi sinh.
Cho nên nước có lễ nghi, có tình nghĩa, trên dưới yêu thương nhau thì có thể biến đổi thành no.

Nước có long hiếu dễ, từ bi và liêm sỉ thì có thể biến chết thành sống. Ngày xưa lãnh đạo dân trước hết phải dùng lễ tín rồi sau mới dùng tước lộc.
Trước hết phải cho dân biết liêm sỉ rồi sau mới dùng hình phạt.
Trước hết phải thương yêu dân rồi sau mới dùng kỉ luật để mà giáo dục.
Cho nên người cầm binh phải lấy bản thân mình làm gương để mà khuyến khích kẻ sĩ, giống như con tim điều khiển tay chân vậy.
Ý chỉ sĩ quan không được khuyến khích, thì họ không chịu hi sinh, sĩ quan không chịu hi sinh thì binh sĩ không chịu chiến đấu.
Theo cách đó không thể không quan tâm đến đời sống của dân chúng.
Về việc chức tước, về việc tang chế, về việc làm án của dân không thể không để ý đến.
Phải nhân theo đời sống của dân mà đặt ra pháp chế.
Phải nhân theo điều mà dân lấy làm vinh quang mà phát huy.
Phải ban cho họ ruộng đất chức tước.
Phải lo cho họ miếng ăn miếng uống.
Làng xóm khuyến khích nhau.
Chết sống có nhau.
Binh sĩ nghe theo nhau.
Đó là điều cần phải khuyến khích cho dân chúng.
Trong đội ngũ thương nhau như thân thích.
Binh sĩ và cấp chỉ huy thương nhau như bạn bè.
Khi dừng thì vững như tường thành.
Khi động thì mạnh như vũ bão.
Xe không kẹt bánh⁽¹⁾

Người không buộc chân⁽²⁾ đó là phép giữ lấy gốc để đánh giặc vậy.
Đất là để nuôi dân.
Thành là để giữ đất
Chiến đấu là để thủ thành
Cho nên lo làm ruộng thì dân không đói.
Lo giữ gìn thì đất không mất (nguy)
Lo chiến đấu thì thành không bị vây
Ba điều kể trên là việc căn bản của tiên vương ⁽³⁾ là điều cấp bách nhất của quân đội.

Tiên vương có năm điều lo việc binh:
Tích trữ không nhiều thì kẻ sĩ không đến.
Thưởng lộc không nhiều thì dân không được khuyến khích.
Binh sĩ không tuyển chọn thì quân đội không mạnh.
Khí cụ không bén nhọn thì yếu sức.
Thưởng phạt không đúng chỗ thì binh sĩ không phục, sợ.
Giữ lấy năm điều trên thì:
Khi yên có thể phòng thủ vững chắc.
Khi động có thể thành công theo ý muốn. Muốn đi đánh người thì chỗ ở phải vững.

Bày trận phải kiên cố.
Cấp phát phải hoàn tất
Chỗ thiếu phải lấp đầy
Nước của bậc vương thì dân giàu
Nước của bậc bá thì kẻ sĩ giàu
Nếu nước giàu mà các bậc sĩ đại phu không được chăm sóc tiền của cho vào kho nhà nước thì gọi là trên đầy mà dưới thiếu, như vậy tai họa không thể cứu vãn được.

Cho nên nói:
Tiến cử người hiền, và dùng kẻ có tài luôn được thực hiện thì có lợi cho đất nước.

Ban lệnh rõ ràng không cần bói quẻ mà mọi việc đều tốt đẹp.
Quý mến người có công, nuôi dưỡng người nghèo khó không cần cúng lễ vẫn có phúc.

Lại nói: Thiên thời không bằng địa lợi.
Địa lợi không bằng nhân hòa.
Điều mà thánh nhân quý trọng là nhân sự.
Quân đội khi gian khổ thì tướng không được lo cho mình trước.
Trời nắng không che lọng.
Trời lạnh không áo dầy
Đường hiểm trở thì đi bộ.
Giếng lính đào xong tướng mới uống nước.
Cơm lính chín rồi tướng mới ăn cơm.
Trại lính làm xong rồi tướng mới ở trong dinh.
Vất vả hay nhàn rồi tướng đều hưởng thụ giống như binh sĩ.
Như vậy quân đội tuy đóng quân lâu ngày mà binh sĩ không kiệt sức cũng không bị thiệt hại.

(1)-(2) Hai câu này nói chiến xa không cần xích bánh, binh sĩ không cần buộc chân mà gặp giặc không bỏ chạy.

(3) Tiên vương là vua đã qua đời

THIÊN THỨ NĂM CÔNG QUYỀN

Quân đội bình tĩnh là thắng.

Quốc gia thống nhất là thắng

Lực lượng bị phân chia là yếu.

Lòng người bị nghi ngờ thì thất bại.

Yếu sức nên tiến thoái không mạnh mẽ.

Nếu địch chạy thì không bắt sống được.

Tướng và quân phải như thân thể một con người.

Nếu nghi ngờ thì dù kế hoạch đã có cũng không nên hành động.

Đã có kế hoạch hành động mà mỗi người một ý.

Tướng không lo rèn luyện.

Binh sĩ không tập tành, khi đánh giặc sẽ đổ máu.

Bởi thế quân đội không có kỉ luật không đủ sức để đánh giặc.

Tướng suý là trái tim.

Binh sĩ là tay chân.

Trái tim sáng suốt thì tay chân theo đó mà hành động.

Khi hành động mà lòng còn nghi ngờ thì tay chân sẽ không nghe theo.

Tướng suý không dùng lòng mình để chinh phục thì binh sĩ không hành động vì chính nghĩa.

Nhân dân không thể có hai thứ sợ

Sợ ta thì khinh địch

Sợ địch thì khinh ta.

Ai bị coi khinh là thua

Ai có uy thế là thắng

Tướng có đạo thì thuộc hạ kính sợ

Thuộc hạ kính sợ tướng suý thì dân chúng kính sợ thuộc cấp.

Cấp dưới kính phục cấp trên thì địch phải kính nể.

Bởi thế kẻ biết rõ cái lẽ thắng bại thì phải biết rõ cái lẽ kính sợ và khinh bỉ.

Không làm cho dân phẫn khởi thì không lãnh đạo được dân.

Đối với dân không nghiêm thì không chỉ đạo được dân làm việc cho mình.
Sự yêu thương quan tâm chu đáo là thuận lợi.
Cái uy thế lên tới đỉnh cao là thành công.
Vì yêu thương nên dân không hài long
Vì uy nghiêm nên dân không dám vi phạm.
Bởi thế tướng giỏi phải được quân lính yêu thương và có uy thế với toàn quân.

Đánh giặc mà không chắc thắng thì không đánh.
Lập công mà không chắc chắn thì không có công.
Có hình phạt, có khen thưởng cũng không đủ để gây uy tín.
Uy tín là ở chỗ giữ đúng lời hứa
Cho nên binh sĩ đã được tập hợp lại rồi, thì không thể phân tán.
Binh sĩ đã ra trận thì không được bỏ chạy.
Tìm địch tựa như tìm đứa con bị thất lạc
Đánh địch cấp bách như đi cứu người bị chết chìm.
Kẻ sợ nguy hiểm thì không có gan chiến đấu.
Kẻ khiêu chiến thì chiến đấu không hết mình.
Đánh giặc mà mù quáng thì không thắng
Kẻ vì nghĩa mà đánh giặc là đáng quý.
Kẻ vì lợi và thù oán mà đánh giặc thì phải đặt ở đằng sau.
Khi đánh nhau phải thừa theo địch tình.
Khi nghỉ ngơi phải lo phòng bị.
Binh có khi thắng ở triều đình.
Có khi thắng ở đồng bằng
Có khi thắng ở thành thị
Đánh giặc mà không nắm chắc tình hình đối phương, nếu có thắng là thắng may.

Thắng may không phải là toàn thắng.
Kẻ không toàn thắng thì chẳng có quyền mưu.
Cho nên bậc vua sang phải chuẩn bị đầy đủ cho ngày giao chiến.
Quân đội bình thường giản dị mà đánh thắng, đó là nhờ chiến đấu có phương pháp, khí giới, lương thực đầy đủ, có tài chỉ huy chiến đấu.
Trong quân đội, năm người là một ngữ

Mười người là một thập.

Trăm người là một tốt.

Ngàn người có một tướng súy.

Vạn người có một vị tướng.

Trước hết phải nghiên cứu tình hình địch và xem tướng của địch rồi sau mới ra quân.

Tập trung quân đội từ ngàn dặm trong vòng một tuần, từ trăm dặm trong vòng một ngày.

Binh sĩ và tướng súy tiến sâu vào đất địch, cắt đứt đường tiếp tế, vây thành, vây ấp, leo thành, dàn trận, chiếm điểm trọng yếu.

Đánh chiếm một thành ấp rồi cắt đứt các đường tiếp tế, tiếp đó mới bao vây các thành khác để đánh.

Tướng súy của địch không có uy tín, thuộc cấp bất hòa, hình phạt không được nghiêm minh. Như vậy ta sẽ đánh bại chúng.

Quân cứu viện của địch chưa kịp kéo tới thành mà địch đã đầu hàng, nếu công sự phòng thủ chưa làm xong thì tuy địch có đông cũng không thể tiếp tục phòng thủ được.

Quân lính ở đồn xa chưa kéo đến thì lính tuần thú chưa kéo về, tuy địch có người nhưng cũng như không có.

Súc vật chưa thu góp, lúa thóc chưa gặt hái, của cải chưa tập trung, tuy địch có của cũng như không có.

Thành ấp của địch trống không, của cải hết sạch, ta thừa chỗ sơ hở đó mà đánh.

Bởi thế binh pháp nói: Quân ta ra vào tự do thì địch không dám đánh, mà đầu hàng.

THIÊN THỨ SÁU THỦ QUYÊN

Theo phép phòng thủ, nếu tiến mà không có thành quách, khi thoái không đặt chướng ngại vật để chống cự, như vậy không phải là kẻ đánh giỏi.

Anh hùng hào kiệt, binh giáp, cung nỏ, kho tàng, lương thực tất cả đều ở trong thành.

Phải làm cho kẻ tấn công mạnh gấp trăm lần bị tôn thất nặng nề. Trong khi đó lực lượng phòng thủ chỉ bằng một nửa kẻ tiến công.

Người tướng phải biết rằng phòng thủ là không bỏ những điểm trọng yếu.

Theo phép phòng thủ thì, thành một trượng mười người giữ.

Kẻ ra ngoài thì không thủ

Người thủ thì không ra ngoài

Một người chống cự mười người

Mười người chống cự trăm người

Trăm người chống cự ngàn người

Ngàn người chống cự vạn người

Bởi thế, công của dân chúng đắp đất xây thành không bị phí uổng.

Thành trì dài ngàn trượng thì có muôn người giữ.

Chiến hào phải sâu mà rộng, thành lũy phải chắc mà dày.

Binh sĩ và dân chúng ở trong thành thì lương thực phải đầy đủ.

Cung nỏ và mâu kích phải tốt, đó là phép phòng thủ vậy.

Kẻ đánh thành nếu có binh đông tới trên trăm ngàn, thì kẻ phòng thủ phải có quân cứu viện thì mới thế thủ được.

Thành chắc chắn mà quân cứu viện lại hăng hái thì người trong thành không ai không hết mình chống đỡ.

Thành vững chắc thì thế thủ hơn tiến công, cứu viện hơn thế thủ.

Thành chắc chắn mà quân cứu viện không hăng hái thì ở trong thành tinh thần quân lính bị nao núng, lo sợ. Khi ấy dầu có mang hết của cải trong kho ra mà động viên binh sĩ cũng không có tác dụng nữa.

Khi chiến đấu giữ ở phía ưỡn là những anh hùng hào kiệt và binh sĩ tinh nhuệ dùng vũ khí sắc bén và cung nỏ chắc chắn còn những người già yếu giữ ở phía sau. Nếu có binh cứu viện thì mở cửa cho vào. Nếu phòng thủ thì phải phòng thủ các điểm trọng yếu ở bên ngoài. Không cho địch cắt đứt đường tiếp tế bên trong và bên ngoài của ta. Phải hỗ trợ lẫn nhau trong chiến đấu. Đó gọi là phòng thủ.

THIÊN THỨ BẢY THẬP NHỊ LĂNG

Quyền uy là ở chỗ không biến đổi

Ân huệ là ở chỗ biết tùy thời

Có mưu là ở chỗ biết ứng biến với sự việc

Đánh giặc là nhờ có khí thế

Tấn công là nhờ ý chí.

Phòng thủ là nhờ chuẩn bị

Không lỗi lầm là nhờ biết độ lượng

Không sơ suất là nhờ có chuẩn bị

Cẩn thận là vì chú ý từng chi tiết nhỏ

Mưu trí là vì biết đối phó với việc lớn

Diệt trừ mối nguy hại là nhờ lòng quả cảm

Được dân chúng ủng hộ là nhờ biết quan tâm đến cuộc sống của họ.

Hỏi han là tại vì nghi ngờ

Ác nghiệt là tại vì chém giết

Không ngay thẳng là tại vì tư lợi

Không lành là tại vì không thấy được lỗi lầm của mình

Không hợp chế độ là tại vì làm kiệt quệ tài sản của dân

Không sang suốt là tại vì nghe lời li gián

Không thực tế là tại vì không quan tâm

Hư hỏng là tại vì rời xa người hiền

Họa hoạn là tại vì ham lợi

Tai họa là tại vì gần kẻ tiểu nhân

Mất mát là tại vì không giữ gìn cẩn thận

Nguy khốn là tại vì không có hiệu lệnh.

THIÊN THỨ TÁM VÕ NGHỆ

Không dấy binh đi đánh một thành, không giết nhầm người vô tội.

Giết cha anh, cướp của cải, bắt bố con cái người ta, đó đều là kẻ cướp.

Dấy binh là để trừ bạo và tiêu diệt kẻ bất nghĩa.

Binh kéo đến đâu, nhà nông không rời đồng ruộng, thương gia không rời chỗ buôn bán, sĩ đại phu không rời văn phòng. Đó là tại vì nhờ võ nghệ trong tay một người.

Cho nên dấy binh không đổ máu mà thiên hạ đều yên.

Một vạn cỗ xe dùng vào sản xuất nông nghiệp.

Một ngàn cỗ xe dùng vào việc cứu viện và phòng thủ.

Một trăm cỗ xe dùng vào việc nuôi quân.

Sản xuất nông nghiệp thì phải nắm được chính quyền.

Cứu viện và phòng thủ đòi hỏi sự trợ giúp

Nuôi dân đòi hỏi tiền và của

Binh mà đem ra ngoài không đủ để đánh giặc, đem vào thành không đủ để phòng thủ, thì họ cho đóng ở chợ búa, vì chợ búa là ngoài phạm vi chiến đấu và phòng thủ.

Một vạn cỗ xe không có sự giúp đỡ của một ngàn cỗ xe thì tất phải có một trăm cỗ xe chợ búa.

Hình phạt là chứng minh cho vũ lực.

Giết một người mà ba quân kinh sợ thì nên giết.

Giết một người mà muôn người mừng rỡ thì nên giết.

Giết là ở quý ở chỗ lớn

Thưởng là quý ở chỗ nhỏ.

Đáng giết thì dù người được quý trọng cũng phải giết. Đó là hình luật áp dụng kể cả bề trên.

Thưởng đến kẻ giữ trâu chăn ngựa, đó là thưởng tới kẻ hèn thấp.

Hình phạt có thể áp dụng đến cấp trên, khen thưởng tới cấp dưới. Đó là võ dũng của người làm tướng.

Cho nên bậc vua chúa phải coi trọng tướng suý.

Tướng suý chỉ huy ba quân, lâm trận quyết chiến ra lệnh tiến lên. Thắng trận được thưởng công, ra lệnh mà binh sĩ không tiến thì bản thân cũng không còn mà nước cũng mất.

Sự mất còn và an nguy đều nằm trong tay người làm tướng, như vậy lẽ nào nhà vua lại không trọng dụng tướng soái?

Nhà vua muốn dùng việc võ để lập nên công trạng, hạ thần cho rằng không khó.

Người xưa nói: Danh thành không có vũ khí, phòng thủ không có hào lũy. Đó không phải là quân đội thiện chiến.

Không nhìn thấy, không nghe thấy, là tại vì nước không có chợ búa.

Chợ búa là chỗ tập trung trăm thứ hàng hóa.

Người ăn một đấu thóc, ngựa ăn ba đấu thóc. Người đói, ngựa thì ốm gầy, ấy là vì sao?

Vì chợ búa mở ra mà không có người trông coi.

Chỉ huy thiên hạ mà không biết lo tích trữ của cải thì không gọi là người biết đánh giặc.

Thái Công Vọng (Lã Vọng) năm bảy mươi tuổi còn làm nghề giết bò ở đất Triều Ca và vất vả ở bên sông Minh Tân. Đã hơn bảy năm mà nhà vua không biết tài. Mọi người đều gọi ông là cuồng phu (ông già khùng). Mãi cho đến khi gặp được Văn Vương ông mới cầm ba vạn binh đánh có một trận mà yên thiên hạ. Nếu không có tài võ nghệ thì làm sao lại thành công như vậy.

Bởi thế, ngựa giỏi mà có cương thì đường xa cũng tới, binh sĩ mà gặp minh quân thì đạo lớn có thể làm cho sáng hơn lên.

Võ Vương đánh vua Trụ, khi kéo đến bên Minh Tân, quân cảm tử chỉ có ba trăm chiến sĩ chỉ có ba vạn. Binh của vua Trụ đông đến hàng vạn người. Mặt trận kéo dài cả trăm dặm mà Võ Vương diệt được Trụ. Đó là do nắm vững tình hình địch và ta.

Tướng suý ngày nay thường xem bói, xem mu rùa, xem sao và xem sự thay đổi của gió mây để cầu mong chiến thắng lập công. Hạ thần cho rằng đó là điều rất khó.

Kẻ làm tướng ở trên không bị trời khống chế, ở dưới không bị đất khống chế, ở giữa không bị người khống chế.

Cho nên việc binh là việc dữ, tranh giành là trái đạo đức.

Bởi thế:

Đã là Tướng thì trên không có trời, dưới không có đất, phía sau không có vua, phía trước không có địch.

Mạnh như hổ như sói.

Như gió như bão.

Như sấm như sét.

Oai phong lẫm liệt.

Thiên hạ đều kính phục.

Binh đi như nước chảy, như nước từ núi cao đổ xuống, không sức mạnh nào ngăn cản nổi.

Nay ta có võ khí bén nhọn và chắc chắn, binh sĩ đông đảo mà lại có chính nghĩa hãn hoi. Kẻ địch không thể nào chống cự nổi.

Cho nên nói: Dùng người hiền tài thì thời nào cũng phải có. Như vậy mới có lợi cho đất nước.

Pháp lệnh rõ ràng, không cần bói toán mà mọi việc đều lành.

Quý kẻ có công, nuôi người vất vả, không cúng tế mà có phúc.

Lại nói: Thiên thời không bằng địa lợi.

Địa lợi không bằng nhân hoà

Người xưa rất cẩn thận về nhân sự

Ngô Khởi đem binh đi đánh quân Tần, ăn ở rất bình dân, tại sao thế? Bởi vì không tự cao vậy

Muốn người ta dám hi sinh cho nên không cần lễ nghi.

Cho nên ngày xưa người chiến sĩ da nai nịt giáp trụ thì không phải quỳ lạy. Đó là vì muốn binh sĩ không vì mình mà phiền phức.

Làm phiền lụy người ta mà muốn người ta hi sinh dũng cảm – điều đó từ xưa đến nay chưa từng nghe thấy vậy.

Người tướng ngày thụ mệnh vua quên cả gia đình.

Ngày bày trận ở đồng bằng quên cả bà con thân thích.

Ngày giao chiến quên cả bản thân.

Ngô Khởi khi lâm trận, các vị tỳ tướng đưa kiếm cho ông.

Ông nói: Tướng chỉ biết chỉ huy và ra lệnh, việc cầm kiếm không phải công việc của tướng.

Ngô Khởi đem binh đi đánh Tần, chưa có lệnh giao chiến mà đã có một người ỷ sức mạnh xông tới chặt hai thủ cấp của địch xách về. Ngô Khởi lập tức bắt chém đầu. Mọi người đều can gián nói rằng: “Đó là người tài không nên chém”. Ngô Khởi nói: “Mặc dù là người tài, hễ trái lệnh là chém đầu”.

THIÊN THỨ CHÍN TƯỞNG LÍ

Tướng là chủ của vạn vật, không thiên vị một người nào. Vì không thiên vị một người nên vạn vật được sắp xếp và có trật tự. Vạn vật có trật tự nên điều khiển được chúng.

Người quân tử không cứu tù ở ngoài năm bộ, mà dùng tên bắn cũng không được.

Cho nên người giỏi về việc xét xử tù nhân không cần dùng roi đòn để tra khảo mà họ tự khai.

Dùng gậy đánh trên lưng, dùng lửa đốt dưới nách, dùng giầy buộc người ta mà tra tấn. Dù là bậc quốc sĩ cũng không chịu nổi sự khảo tra tàn nhẫn đó mà khai ra những điều không thật.

Ngạn ngữ có câu: Ngàn vàng không chết, trăm vàng không hành hình.

Bệ hạ thử nghe theo lời của hạ thần, áp dụng phương pháp của hạ thần, dù người khôn ngoan như Nghiêu Thuấn cũng không thể **giấu một lời**.

Theo cách hạ ngục ngày nay, khám nhỏ không dưới mười người, khám trung không dưới trăm người, khám lớn không dưới ngàn người.

Mười người có liên quan đến công việc của trăm người. Trăm người có liên quan đến công việc của ngàn người.

Ngàn người có liên quan công việc của vạn người.

Con người có quan hệ với nhau, trước hết là cha mẹ và anh em, kế đến là vợ chồng, bè bạn.

Bởi thế nhà nông rời bỏ ruộng đồng, thương gia bỏ nơi buôn bán, sĩ phu không đến văn phòng làm việc.

Vì sự liên quan như vậy nên dân lành đều nằm trong tình trạng tù tội cả. Binh pháp nói: Mỗi ngày phải tốn kém ngàn vàng mới dấy nổi một đạo binh mười vạn.

Nay dân lành mười vạn bị liên quan bởi tù tội. Chúa thượng không xét kỹ hạ thần cho rằng rất nguy vậy.

THIÊN THỨ MƯỜI NGUYÊN QUAN

Quan là chủ của mọi việc, là nguồn gốc của trật tự.

Chế là phân chia chức năng bốn phận của bốn loại (sĩ, nông, công, thương) là sự phân chia đê trị.

Cao quý nhờ chức tước, giàu sang nhờ bổng lộc, bởi thồ phải có tôn ty trật tự.

Khen thưởng người thiện, trừng phạt kẻ ác. Đó là pháp chế dùng để cai trị dân.

Phân chia ruộng đất, điều hòa thuế má, đó là đức độ của người chăn dân.

Sắp xếp người làm, dự bị khí cụ, đó là công của người thợ.

Phân chia khu vực, diệt trừ tệ nạn, đó là công việc của người giữ trật tự.

Giữ gìn pháp luật, tính toán mọi việc, đó là công việc của tôi thân.

Làm rõ pháp lệnh và nghiên cứu mọi điều, đó là tài tháo vát của nhà vua.

Thưởng người có công, phạt người có tội, đó là cách thức trừ gian.

Biết cách co giãn, giữ gìn môn đạo, đó là điều cốt yếu của chính trị.

Dưới đật trên thông, đó là sự cai trị khéo léo.

Biết vật dụng trong nước nhiều hay ít để mà sử dụng,

Biết được cái yếu tức là mạnh.

Biết được cái động tức là bình yên.

Quan chia ra văn võ tùy vua sử dụng.

Du thuyết và gián điệp không vào được là nhờ tài võ nghệ.

Chư hầu tôn trọng thiên tử thì dân từ đời này sang đời khác tuân mệnh lệnh của vua.

Đi trái ngược lại cái đức sang của vua cho nên phải theo lễ mà phạt tội.

THIÊN THỨ MƯỜI MỘT TRỊ BẢN

Làm thế nào để trị người?

Đáp:

Không có ngũ cốc thì không thể lót dạ

Không có vải thì không thể che thân

Cho nên lót dạ phải có gạo, che thân phải có vải.

Chồng lo việc đồng áng

Vợ lo việc canh cửi

Dân không bàn hai việc thì có dư dả

Đồ dùng bằng gỗ thì hôi dầu

Đồ dùng bằng ngũ kim thì hôi tanh

Thánh nhân uống nước ở nơi đất

Ăn cơm cũng ở nơi đất

Cho nên dùng đất nặn thành đồ dùng mà không phí của thiên hạ.

Ngày nay tính của vàng không sợ lạnh mà lại cho mặc áo thêu, tính của trâu ngựa thích ăn cỏ, uống nước mà lại cho ăn đậu ăn bắp. Đó là tại vì sự cai trị thiếu căn bản. Vì thế nên cần phải có quy chế.

Mùa xuân mùa hạ thì đàn ông đi làm ruộng.

Mùa thu mùa đông thì đàn bà đi dệt vải. Như vậy dân sẽ không nghèo khổ.

Nay quần ngắn không đủ che thân

Tấm cám không đủ lót dạ. Đó là vì mất trật tự.

Ngày xưa cũng đất ấy, người ấy, mà sao người xưa thành công, sao ngày nay lại thất bại?

Người nay làm ruộng không hết đất, khung cửi thường bỏ không, cho nên mới đói rét.

Người xưa biết cách cai trị mà người nay không biết cách cai trị.

Cái gọi là trị, tức là khiến dân không tự tư tự lợi.

Dân không riêng tư thì thiên hạ là một nhà cho nên không ai làm ruộng riêng. Chẳng ai dệt vải riêng cùng nhau chia sẻ sự đói rét.

Cho nên người có mười đứa con không thêm một bát cơm, người có một đứa con cũng không bớt một bát cơm.

Nếu dân trụy lạc thì lòng tham lam và sự tranh giành sẽ xảy ra.

Sự ngang ngược xảy ra trong một người thì dân sinh lòng tư lợi.

Kẻ dưới không dám tư lợi thì không làm việc phi pháp.

Làm trái với căn bản thì lòng tham sẽ phát sinh.

Chặn đứng sự tranh giành, huỷ bỏ ngục tù, đồng ruộng có nhiều thóc người dân sống yên lành, thì bên ngoài không có họa xâm lược bên trong không có bạo loạn. Đó là thịnh trị.

Bầu trời bao la vô tận, bậc đế vương biết giữ đúng phép nước thì đời trước không sánh kịp mà đời sau sẽ noi theo.

Bậc thiên tử có bốn điều trọng yếu:

Một là khôn ngoan và sáng suốt

Hai là soi sáng đến muôn dân

Ba là nắm vững chỗ mạnh yếu

Bốn là không có thù nghịch

Không phải súc vật nuôi trong nhà thì không thể dùng để cúng tế

Mới học không thể gọi là thông nho

Bậc thuyết gia ngày nay nói:

Nước biển bao la trăm dặm không thể uống bớt một phần

Nước ở dưới ba tấc đất có thể dùng cho ba quân giải khát

Hạ thần cho rằng lòng tham sinh ra từ chỗ không ngăn cấm.

Không cướp đoạt thì giờ của dân

Không cướp tài sản của dân

Dùng võ để ngăn chặn thì thành công

Dùng văn để khen thưởng thì mọi việc đều tốt đẹp.

THIÊN THỨ MƯỜI HAI CHIẾN QUYỀN

Binh pháp nói:

Có một ngàn người tạo nên sự thay đổi chính quyền

Có một vạn người tạo nên uy vũ

Trước hết đã có chính quyền thì địch không đủ uy để giao chiến.

Cho nên quân đội thắng địch bằng quyền và vũ, nếu ngược lại thì không thể thắng địch.

Thông thường nếu ta đi thì địch đến, nếu ta đến thì địch đi, ta và địch tranh nhau thắng bại. Đó là lẽ tự nhiên.

Tinh thông là ở chỗ thông minh tài trí

Chiến đấu là ở chỗ hiểu biết

Không biến thành có

Cỏ biến thành không.

Lời truyền dạy của tiên vương là:

Dùng người chính trực

Loại bỏ người gian trá

Giữ gìn lòng từ thiện và biến thuận

Cho nên kẻ có đạo đức trước hết phải khiêm tốn

Sư thất bại của kẻ không biết dừng là say sưa với chiến thắng nên chủ quan khinh địch. Cho nên bị địch nhằm vào chỗ sơ hở mà đánh.

Vì thế binh pháp nói:

Đi tìm diệt địch thì phải biết thực lực của địch.

Khi gặp địch thì phải quyết tâm đánh

Nếu địch không chống cự nổi thì đánh mạnh, như vậy sẽ thất bại.

Kẻ bị áp đảo không có khí thế

Kẻ kinh sợ thì không thể cố thủ

Kẻ bại thì không còn người

Muốn đánh mà không có điều nghi ngại thì cứ đánh.
Thắng địch mà ta không bại thì cứ tiến lên.
Ta ở chỗ cao mà thấy rõ địch thì cứ uy hiếp địch.
Nếu ta nói năng không cảnh giác thì sẽ bị địch nghe trộm.
Ta tiến đánh bừa bãi thì sẽ bị địch bao vây và quân ta sẽ bị rối loạn.
Bởi thế phải dẹp vụn những điều nguy hại.
Diệt trừ đi tai họa
Dừng mưu trí mà quyết đoán
Tôn trọng chiếu dụ của triều đình
Như vậy ta không cần đánh mà kẻ địch sẽ phải hàng phục.

THIÊN THỨ MƯỜI BA TRỌNG HÌNH LỆNH

Tướng chỉ huy từ ngàn người trở lên, khi đánh giặc lại bỏ chạy, thủ thành mà đầu hàng, bỏ chiến địa, bỏ rơi binh sĩ, gọi là quốc tặc. Tướng như thế thì sẽ thân mất nhà tan, mồ phải bị khai quật, phơi thây trước chợ búa.

Người làm quan chỉ huy trăm người trở lên. Khi đánh giặc lại bỏ chạy, giữ thành mà đầu hàng, rời khỏi chiến địa, bỏ rơi binh sĩ gọi là quan tặc. Quan như thế thì sẽ bị thân mất, nhà tan.

Kẻ làm quan làm cho dân chúng phải kính trọng và không sợ địch.

Cho nên tiên vương trước hết phải chứng tỏ lòng dũng cảm sau mới coi nặng hình luật.

Hình luật được coi trọng thì đất nước vững mạnh.

THIÊN THỨ MƯỜI BỐN NGŨ CHẾ LỆNH

Theo quy chế trong quân đội thì:

Năm người là một ngũ, những người trong ngũ bảo vệ nhau.

Mười người là một thập, những người trong thập bảo vệ nhau.

Năm mươi người là một thuộc, những người trong thuộc bảo vệ nhau.

Trăm người là một lữ, những người trong lữ bảo vệ nhau.

Ở trong ngũ có kẻ phạm lệnh cấm, nếu tố giác thì miễn tội, nếu biết mà không tố giác thì toàn ngũ đều bị phạt.

Ở trong thập có kẻ phạm lệnh cấm, nếu tố giác thì miễn tội, biết mà không tố giác thì toàn thập đều bị phạt.

Ở trong thuộc có kẻ phạm lệnh cấm, nếu tố giác thì miễn tội, biết mà không tố giác thì toàn thuộc đều bị phạt.

Ở trong lữ có kẻ phạm lệnh cấm, nếu tố giác thì miễn tội, biết mà không tố giác thì toàn lữ đều bị phạt.

Quan từ thập trưởng đến tả hữu tướng, trên dưới đều bảo vệ nhau. Trong đó ai phạm lệnh cấm nếu tố giác thì miễn tội, kẻ nào biết mà không tố giác thì bị coi như là đồng loã.

Thập và ngũ liên kết với nhau thì mọi kẻ gian đều bị bắt, mọi tội phạm đều bị tố giác.

Cha không thể che giấu cho con, anh không thể che giấu cho em, huống chi những người chỉ ăn ở chung với nhau mà có tội, làm sao có thể che giấu cho nhau được.

THIÊN THỨ MƯỜI LĂM PHÂN TÁI LỆNH

Trung quân, tả quân, hữu quân, tiền quân và hậu quân tất cả đều địa phận riêng của mình phải có hàng rào chung quanh khu vực, không để cho người tư tiện đi lại.

Tướng có địa phận riêng, suý có địa phận riêng, bá có địa phận riêng, phải có khu vực ranh giới rõ ràng.

Không phải là người của đơn vị thì không được vào.

Không phải người trong đơn vị mà vào khu vực thì bá có quyền giết, nếu bá không giết thì bị tội đồng loã.

Ở những con đường ngang dọc trong khu vực đóng quân cứ mỗi trăm hai mươi bộ thì có một trạm gác, người không có phù hiệu của tướng hoặc quan thì không được vào.

Ké chặn trâu, người đốn củi muốn đi qua phải sắp hàng nếu không vô hàng ngũ thì không được đi qua.

Quan lại không có phù hiệu, binh sĩ không có hàng ngũ đi ngang cổng thì bị chém đầu, người vượt địa phận cũng bị chém đầu.

Cho nên nếu bên trong không phạm lệnh cấm thì không có một kẻ gian nào ở bên ngoài vào mà không bị bắt.

THIÊN THỨ MƯỜI SÁU THỨC NGŨ LỆNH

Theo nguyên tắc tổ chức trong quân đội thì năm người la một ngũ.

Mất một ngũ mà được một ngũ thì hoà.

Được một ngũ mà không mất một ngũ thì được thưởng.

Mất ngũ mà không được ngũ thì thân chết nhà tan.

Mất ngũ trưởng mà được ngũ trưởng là hoà.

Được ngũ trưởng mà không mất ngũ trưởng thì được thưởng.

Mất ngũ trưởng mà không được ngũ trưởng thì thân mất nhà tan.

Nếu tái chiến mà được ngũ trưởng thì tha tội.

Mất tướng mà được tướng thì hòa

Được tướng mà không mất tướng thì được thưởng.

Mất tướng mà không được tướng thì bị chém đầu.

Binh pháp nói:

Thập trưởng phải giết mười người thì bá trưởng phải giết thập trưởng.

Tướng của ngàn người phải giết người chỉ huy trăm người.

Tướng của muôn người phải giết tướng của ngàn người.

Tả hữu tướng quân phải giết tướng của muôn người.

Đại tướng quân cũng phải giết như vậy.

THIÊN THỨ MƯỜI BẢY KINH TỐT LỆNH

Một đạo binh có chia ra tả quân, hữu quân và trung quân.

Tả quân dùng cờ xanh, binh sĩ cắm lông chim màu xanh ở trên đầu.

Hữu quân dùng cờ trắng, binh sĩ cắm lông chim màu trắng ở trên đầu. Trung quân dùng cờ vàng, binh sĩ cắm lông chim màu vàng ở trên đầu.

Có năm thứ phù hiệu cho binh sĩ

Một hàng đầu phù hiệu xanh

Hai hàng kê phù hiệu đỏ

Ba hàng kế phù hiệu vàng

Bốn hàng kế phù hiệu trắng

Năm hàng kế phù hiệu đen

Kẻ nào đánh mất phù hiệu thì bị phạt

Năm hàng thứ nhất đeo phù hiệu ở đầu

Năm hàng thứ nhì đeo phù hiệu ở cổ

Năm hàng thứ ba đeo phù hiệu ở ngực

Năm hàng thứ tư đeo phù hiệu ở bụng

Năm hàng thứ năm đeo phù hiệu ở lưng

Đeo phù hiệu như vậy, khiến cho binh sĩ không nhầm lẫn giữa cấp chỉ huy và binh sĩ.

Nếu thấy sai mà không tố giác, thấy loạn mà không ngăn chặn thì là đồng lõa. Khi đánh trống trận thì hàng đầu tiến lên gọi là mạo hiểm, hàng tiến lên sau cảm thấy nhục nhã.

Vượt năm hàng mà tiến tới thì được thưởng, vượt năm hàng mà thoát lui thì bị phạt.

Binh sĩ biết tiến thoái, biết trước sau là nhờ công của sĩ quan.

Cho nên nói:

Quân tiến như sấm sét

Hành động như vũ bão
Không ai dám ngăn cản ở phía trước
Chẳng ai dám bám sát ở đằng sau.

THIÊN THỨ MƯỜI TÁM LẶC TỐT LỆNH

Chiêng, trống, chuông, cò đều có cách thức riêng của nó.

Đánh trống thì tiến, đánh thêm một lần nữa thì giáp chiến.

Đánh chiêng thì dừng, đánh thêm một lần nữa là rút lui.

Chuông là dùng để truyền lệnh.

Cờ phất qua trái thì tiến sang trái. Cờ phất qua phải thì tiến sang phải.

Kẻ đánh trống không có thứ tự thì bị phạt.

Kẻ nào vô tổ chức kỉ luật thì bị phạt.

Kẻ nào không nghe theo chiêng, trống, chuông cờ mà tự ý hành động thì bị phạt.

Một trăm người tập đánh giặc, tập xong dạy ngàn người.

Ngàn người tập xong dạy vạn người

Vạn người tập xong dạy ba quân

Khi tập luyện thành thuộc thì cho thao duyệt thử.

Bày trận vuông cũng thắng

Bày trận tròn cũng thắng

Ngang dọc cũng thắng

Nguy hiểm cũng thắng

Địch ở chân núi ta cũng đánh

Địch ở thung lũng sâu ta cũng đánh

Tìm địch như đi tìm đứa con bị thất lạc

Đánh địch mà không nghi ngờ cho nên có thể thắng và nắm được sinh mạng của địch.

Phải tính toán cẩn mật để lo đối phó với địch trước.

Nếu không tính mưu kế trước, nếu chuẩn bị không cẩn thận thì tiến thoái gặp khó khăn. Nghi ngờ thì sẽ thất bại.

Cho nên trước hết là dùng quân chính quy rồi sau mới dùng quân giả, trận địa giả nhưng cũng có thể đảo ngược lại để mà khống chế.

Tướng tầm thường hành động một cách máy móc, cho rằng đánh trước là can đảm, bởi thế thường là thất bại.

Việc làm đáng nghi ngờ mà không nghi ngờ, việc đáng tin cậy mà không tin cậy, việc nên chậm trễ mà không chậm trễ, Đó là ba điều thất bại.

THIÊN THỨ MƯỜI CHÍN TƯỚNG LỆNH

Bậc tướng quân khi thụ mệnh vua ắt phải mưu tính trước tại miếu đường.

Nhà vua đích thân giao búa rìu (hình luật) cho tướng suý mà nói rằng:

Tả quân, hữu quân và trung quân đều có chức phận rõ ràng, kẻ nào vượt qua chức phận sẽ bị giết. Quân đội không có hai lệnh, kẻ nào phạm lệnh thì bị giết.

Tướng quân ra lệnh cho binh sĩ rằng:

Khi ra khỏi quan ải thì đóng trại, quá hạn mà không xong thì bị phạt.

Khi tướng vào trại thì đóng cửa ngay, kẻ nào dám len lỏi đến vùng đất cấm thì bị chém đầu, kẻ nào không tuân theo mệnh lệnh cũng bị chém.

THIÊN THỨ HAI MƯƠI BINH GIÁO THƯỢNG

Binh sĩ phải phân trại, chia ra trận địa mà luyện tập.

Kẻ nào tiến thoái không đúng theo mệnh lệnh thì bị kết tội vi phạm giáo lệnh.

Hàng trước thì dạy theo phương pháp của hàng trước.

Hàng sau thì dạy theo phương pháp của hàng sau.

Hàng bên trái thì dạy theo phương pháp của hàng bên trái.

Hàng bên phải thì dạy theo phương pháp của hàng bên phải.

Ai dạy được năm người thì được thưởng, nếu không dạy được thì bị kết tội phạm giáo lệnh.

Trong ngũ nếu có kẻ phạm tội, người nào tố giác sẽ miễn tội.

Nếu trong ngũ khi ra trận không chịu tiến lên đánh địch, thì người dạy phải bị tội như trong ngũ.

Những người trong thập bảo vệ nhau, nếu một người tử trận mà chín người khác không liều chết thì người dạy cũng bị tội.

Từ thập trưởng, lên tới tỳ tướng nếu có ai không làm đúng theo lệnh thì người dạy bị đồng tội.

Hình phạt rõ ràng, khen thưởng đúng đắn là đo phương pháp huấn luyện.

Tướng có cờ khác nhau

Binh sĩ có phù hiệu khác nhau

Tả quân thì đeo ở vai trái

Hữu quân thì đeo ở vai phải.

Trung quân thì đeo ở trước ngực

Ngũ trưởng dạy bốn người trong ngũ của mình

Dùng ván làm trống

Dùng ngói làm chiêng

Dùng sào làm cờ

Đánh trống thì tiến
Hạ cờ xuống thì đuổi
Đánh chiêng thì thoái
Phát qua trái thì tiến sang trái, phát qua phải thì tiến sang phải.
Vừa đánh chiêng vừa đánh trống thì ngồi xuống.
Ngũ trưởng dạy xong rồi tới thập trưởng
Thập trưởng dạy xong rồi tới tốt trưởng.
Tốt trưởng dạy xong rồi tới bá trưởng
Bá trưởng dạy xong rồi tới binh úy
Binh úy dạy xong rồi tới tỳ tướng
Tỳ tướng dạy xong rồi tới đại tướng
Đại tướng tập trận ở đồng bằng
Cứ ba trăm bộ thì cầm một cái bảng dùng làm dấu hiệu, khi bày trận xong
thì nhổ bảng đi.
Cứ một trăm bộ là xung phong
Một trăm bộ là xua đuổi.
Một trăm bộ là chạy nhanh.
Khi tập thành thuộc mới khen thưởng.
Theo binh pháp thì sĩ quan cấp úy đều có cờ, chiến thắng mà được cờ thì căn
cứ theo chiến công nhiều hay ít mà ban tước lộc để khích lệ lòng người.
Chiến thắng là lập được uy
Lập uy là do có sức chiến đấu
Sức chiến đấu là do trừng phạt đúng đắn
Trừng phạt đúng đắn để làm sáng tỏ việc khen thưởng
Nên sự huấn luyện có thể khiến cho dân lấy quan ải làm chỗ giới hạn sự tiến
lui, dám hi sinh, không sợ chết là thành công.
Nếu giao cho họ giữ thành thì vững chắc.
Giao cho họ đánh giặc thì quyết chiến.
Kẻ gian mưu không dám hành động
Kẻ gian tà không dám nói
Khó khăn họ không dao động
Hành động họ không nghi ngại
Mạnh như sấm sét

Khiến cho địch sợ hãi

Khen thưởng người có công và lựa chọn người có đức phải rõ ràng như trăng với đèn.

Phải khiến dân phục tùng lệnh tựa như tứ chi nghe theo trái tim.

Nếu tiến quân mà xung phong hãm trận như nước vỡ bờ thì thành công. Đó mới gọi là huấn luyện binh sĩ. Cũng nhờ đó mà mở mang bờ cõi, giữ gìn xã tắc, diệt trừ tai họa, để trở thành người văn võ song toàn.

THIÊN THỨ HAI MƯƠI MỐT BINH GIÁO HẠ

Hạ thần nghe nói có mười hai điều để chiến thắng, cho nên có thể giữ vững chế độ và uy danh lẫy lừng trong thiên hạ.

Một là liên hình: cùng một loại tội phạm có liên quan với nhau.

Hai là cấm địa: Ngăn cấm sự đi lại để ngừa kẻ gian.

Ba là toàn quân: Hàng ngũ liên kết với nhau

Bốn là ranh giới: Phân chia ranh giới, địa phận của ai, thì người đó phải bảo vệ.

Năm là phân hạn: Bên trái và bên phải ngăn ngừa lẫn nhau, mặt trước và mặt sau không được lấn ranh giới.

Sáu là hiệu biệt: Khi hàng đầu tiến lên thì các hàng sau không tranh giành không làm mất trật tự.

Bảy là chuông hiệu: Hiệu lệnh của hàng ngũ, để cho binh sĩ không rối loạn

Tám là toàn khúc: Tuy khi đi đường quanh có uốn khúc nhưng vẫn giữ được đội ngũ

Chín là chiêng trống (kim cổ): Làm phấn khởi người có công và có đức.

Mười là chiến xa: Sự tiếp liền với mặt trận.

Mười một là tử sĩ: Những người có tài lược trong đám ba quân, ngồi ở trên chiến xa, tung hoành và bất ngờ để thắng địch mà hi sinh.

Mười hai là lực tốt: Đám chiến sĩ tinh nhuệ.

Mười hai điều trên khi đã được quy định, nếu kẻ nào phạm lệnh thì không tha thứ.

Nếu được như vậy thì:

Binh yếu cũng trở thành mạnh

Vua thấp hèn cũng trở nên cao sang

Pháp lệnh nếu yếu kém cũng trở nên minh bạch

Dân tứ phương cũng có thể thân nhau

Người đông đảo cũng có thể trị
Đất rộng rãi cũng có thể giữ
Chiến xa không ra khỏi quan ải
Binh giáp không đem ra khỏi kho, mà thiên hạ quy phục
Người làm tướng vì nước thì quên nhà
Khi vượt biên giới thì quên thân thích
Khi gặp địch thì quên bản thân
Quyết tử để được thắng lợi nhanh chóng
Như vậy hàng trăm người sẽ xung phong hãm trận
Ngàn người sẽ bắt giặc giết tướng
Vạn người sẽ hoành hành trong thiên hạ
Vũ Vương hỏi Thái Công Võng rằng:
Có cách nào tận dụng nhân lực mà không vất vả?
Thái Công Võng đáp rằng:
Thường như núi
Phạt như khe
Thái Thượng nghe theo mà lo sửa lỗi, làm như vậy khiến cho dân không xì
xào.

Kẻ nào bị phạt nhiều lần mà xin miễn phạt thì giết.
Kẻ nào được thưởng nhiều lần mà xin miễn thưởng thì giết.
Muốn đánh một nước phải nhân theo sự biến hóa của nước ấy.
Dùng của cải mua chuộc để xem sự cùng quẫn của nước ấy ra sao.
Gây thiệt hại để xem sự phản ứng của họ ra sao.
Cấp trên hư hỏng thì cấp dưới li tán
Các điều kể trên là nguyên nhân để ta đánh.
Muốn giao chiến phải xét kỹ sự quản lý bên trong và bên ngoài để mà lập kế
hoạch.

Đưa binh lính ra ngoài phải chuẩn bị chu đáo, lương thực phải có thừa, trực
giao thông phải sửa sang xong xuôi, rồi mới dẫn quân dẹp loạn, nhất định sẽ
thắng lợi.

Đất rộng mà thành nhỏ thì nên chiếm đất trước.

Thành lớn mà đất hẹp thì nên chiếm thành trước. Đất rộng mà người ít thì
cắt đứt đường hiểm yếu

Đất hẹp mà dân đông thì đắp gò cao để uy hiếp.
Không làm mất quyền lợi của dân
Không cướp đoạt thời gian của dân
Nền chính trị phải khoan dung
Sư làm ăn phải dễ dàng
Tệ nạn xấu phải được sửa chữa
Như vậy sẽ có điều kiện để cai trị thiên hạ.

THIÊN THỨ HAI MƯỜI HAI BINH LỆNH THƯỢNG

Việc binh là việc hệ trọng. Tranh giành là trái với đạo đức.

Sư việc đều có gốc, cho nên bậc đế vương diệt bạo loạn và lấy nhân nghĩa làm gốc.

Các nước đánh nhau phải tạo nên uy thế để mà chống lại nhau, tranh giành nhau mà không bỏ bề việc binh.

Việc binh phải xây dựng bằng võ và huấn luyện bằng văn, võ ở bên ngoài văn ở bên trong. Xin chú ý hai điều này thì sẽ chiến thắng.

Nhờ văn mà thấy rõ lợi hại và phân biệt được an nguy

Nhờ võ mà thắng được địch hùng mạnh và đủ sức công và thủ.

Đoàn kết thì thắng

Chia rẽ thì bại

Bày trận cẩn mật thì chắc thắng

Đội ngũ thưa ra thì thành công

Binh sĩ sợ tướng suýt hơn sợ địch thì thắng

Binh sĩ sợ địch hơn sợ tướng suýt thì bại.

Sở dĩ biết được thắng bại là so sánh giữa tướng ta với tướng địch xem ai hơn ai kém.

Bày binh bố trận đều có quy luật nhất định.

Khoảng cách của hàng ngũ cũng có quy tắc nhất định.

Trước sau phải có khoảng cách thích nghi.

Trước sau không có trật tự thì thất bại.

Nếu ở đằng trước loạn thì ở đằng sau chém.

Bày trận đều hướng về phía địch

Có chia ra nội hướng và ngoại hướng

Có trận đứng và trận ngồi

Nội hướng là lo giữ ở giữa

Ngoại hướng là phòng bị ở ngoài
Trận đứng là tiến
Trận ngồi là dừng
Trận đứng và trận ngồi thay nhau mà tiến hoặc dừng
Tướng suý thì ở giữa
Bày trận ngồi thì binh sĩ sử dụng kiếm và rìu
Bày trận đứng thì binh sĩ sử dụng kích và nỏ
Tướng suý luôn luôn ở giữa để chỉ huy dễ dàng.
Dùng chính binh giao chiến với địch trước rồi sau mới đánh úp, đó là nghệ thuật thắng địch chắc chắn. Người có công thì được thưởng.
Kẻ phạm lệnh thì bị chém
Sự mất còn sống chết đều ở trong tay tướng soái, dù thiên hạ có quân lính thiện chiến cũng không thể chống đỡ nổi.
Chưa giáp chiến mà ở đằng trước hò hét gọi là hư, ở đằng sau hò hét gọi là thực, không hò hét gọi là bí mật.
Hư thực tức là bản chất của việc binh.

THIÊN THỨ HAI MƯỜI BA BINH LỆNH HẠ

Khi các đội quân tiên tiêu của các huyện ở biên giới và quân các nước chư hầu đóng cách nhau năm ba dặm chuẩn bị chiến đấu, thì tất cả đều cấm đi lại để giữ an ninh cho bên trong. Binh lính phải đi tuần ở bên ngoài. Tướng giao cho họ, cờ, trống, binh giáp.

Ngày xuất hành, kẻ nào đến sau tướng thì bị tội, vi phạm lệnh tuần thú. Là lính đồn thú được một năm, khi đội quân khác chưa kịp đến thay thế mà đã mất đồn, thì bị kết tội vong quân, cha mẹ vợ con nếu có liên quan thì bị đồng tội, nếu không có liên quan thì tha.

Binh sĩ nào về đồn trễ hơn tướng một ngày thì cha mẹ vợ con đều bị đồng tội.

Binh sĩ trốn về nhà một ngày mà cha mẹ vợ con không tố giác thì bị đồng tội.

Tướng đánh giặc luôn luôn thua trận, hoặc bỏ binh sĩ chạy trốn thì bị giết

Quan lại của đội quân trước chạy trốn mà quan lại của đội quân sau giết được quan đội quân trước, giữ được binh lính của họ thì được thưởng.

Quân đội nào không có công thì bắt đi đồn thú ba năm.

Khi ba quân đại chiến, nếu đại tướng đã chết mà các quan còn lại nằm trong tay trên năm trăm binh lính mà không liều chết với giặc thì bị giết, tất cả binh cận vệ đều bị giết. Tất cả những người còn lại nếu kẻ nào trước kia đã lập được chiến công thì hạ xuống một cấp, kẻ nào trước kia không có công thì đi đồn thú ba năm.

Khi đánh giặc nếu người trong ngũ bị tử trận mà đồng đội lấy được xác mang về thì tha tội.

Sự quan trọng của việc dùng binh là cái "danh" và "thực" của một nước.

Ngày nay cái "danh" thì ở quan mà cái "thực" thì ở nhà.

Quan không có "thực", nhà không có "danh" thì tập hợp binh sĩ thành quân đội chỉ có cái hư không.

Bên ngoài không đủ để chống địch.

Bên trong không đủ để giữ nước.

Cho nên quân đội không đủ cung cấp, tướng suýt mất uy quyền.

Theo ý của hạ thần thì khi binh sĩ đào ngũ về nhà, đồng đội đều bị phạt.

Tích trữ lương thực để làm cho đầy đủ cái danh và để cho quân đội có cái thực.

Trong nước mà trống rỗng, thì đời sống của dân bị nghèo khổ. Đó là nguyên nhân khiến cho binh sĩ khi đánh giặc thì bỏ chạy.

Nay ta áp dụng biện pháp ngăn chặn binh sĩ đào ngũ khiến cho hàng ngũ không tan rã. Đó điều thắng thứ nhất.

Hàng ngũ liên kết nhau, đến khi đánh giặc thì binh sĩ hỗ trợ nhau. Đó là điều thắng thứ hai.

Tướng suýt tạo được uy, binh sĩ giữ được kỉ luật, hiệu lệnh rõ ràng tiến thoái đều thuận lợi, đó là điều thắng thứ ba.

Hạ thần nghe nói ngày xưa người giỏi dùng binh có thể giết một nửa binh sĩ, kẻ đó có thể giết ba phần mười, sau đó có thể giết một phần mười.

Nếu giết một nửa binh sĩ thì uy danh áp đảo thiên hạ.

Nếu giết ba phần mười thì sức mạnh áp đảo chư hầu.

Nếu giết một phần mười thì mệnh lệnh được binh sĩ tuân hành.

Cho nên nói: Có một triệu binh sĩ nhưng không tuân theo mệnh lệnh thì không bằng mười ngàn người đánh giặc.

Mười ngàn người đánh giặc, không bằng trăm người hăng say đánh giặc.

Nếu khen thưởng như mặt trời mặt trăng, uy tín như bốn mùa, pháp chế như bảo kiếm (thanh kiếm báu) thì không có ai không phục tùng mệnh lệnh vậy.

TỔ THƯ

HOÀNG THẠCH CÔNG

CHƯƠNG THỨ NHẤT NGUYÊN THỦY

Đạo, đức, nhân, nghĩa, lễ - năm điều ấy thuộc về một thể.

Đạo⁽¹⁾ là cái đường mà người ta bước theo, sai khiến tất cả vạn vật không biết do đâu mà có.

Đức⁽²⁾ là cái mà người ta được nơi mình, bao trùm mọi việc, làm cho tất cả đều như ý muốn của mình.

Nhân là điều mà người ta thương mến, là sự có lòng từ bi, thương xót để làm toại lòng muôn loài sinh ra trong trời đất⁽³⁾.

Nghĩa là điều mà người ta nên theo, như là tưởng thưởng điều thiện, trừng phạt điều ác để làm nên việc.

Lễ là cái quy củ mà người ta theo, như là sớm dậy tối ngủ để thành ra cái luân thường thứ tự của con người.

Tín phải đủ để chỉ cho riêng một lòng mà thôi, nghĩa phải đủ để người ta theo mình, đức phải đủ để người ta mong nhớ nơi xa, tài phải đủ để noi gương người xưa, minh mẫn phải đủ để soi xuống dưới, người có đủ điều kiện trên là bậc anh tuấn.

Hạnh phải đủ để làm khuôn phép, trí phải đủ để dứt hiểm nghi, tín phải có để giữ hẹn, liêm phải có để khiến phân phối của cải, người có đủ điều kiện trên là bậc anh hào.

Giữ chức vụ mà không bỏ phế, xử sự theo chính nghĩa mà không đổi lòng, thấy điều hiểm nghi mà không miễn chấp bừa bãi, thấy điều lợi mà không lấy bừa bãi, người có đủ điều kiện trên là bậc anh kiệt.

(1) Đạo là luật biến hóa chung của vũ trụ cai quản muôn loài.

(2) Đức là quyền năng thiêng liêng của các bậc thánh nho, nhờ đó mà họ làm việc gì cũng dễ thành công.

(3) Có ý nói rằng lòng nhân thấm nhuần tới côn trùng, cây cỏ.

CHƯƠNG THỨ HAI CẦU CHÍ HƯỚNG CỦA NGƯỜI

Muốn tạo ra căn bản cho người, chẳng thể không một vậy⁽¹⁾.

Hiền nhân, quân tử hiểu rõ cái đạo thịnh suy, thông suốt cái số mệnh thành bại, xét cái thế trị loạn, hiểu thấu cái lí tan hợp, cho nên ẩn náu giữ đạo chờ thời.

Nếu thời đã tới mà ra hành đạo thì có thể địa vị quá thần tối cao, gặp cơ hội mà hành động thì có thể làm nên công nghiệp vẻ vang nhất trên đời.

Nếu không gặp thời, thì thân thế phải chịu chìm đắm để mà tiêu tan.

Như thế để cho cái đạo đủ cao mà danh tiếng được lưu đến đời sau.

(1) Một đây có nghĩa là cái thế độc nhất chưa phân tán thành năm phần là đạo, đức, nhân, nghĩa, lễ. (Xem câu đầu chương thứ nhất)

CHƯƠNG THỨ BA CHÍNH ĐẠO

Dứt điều thích, ngăn điều muốn để trừ phiền lụy.

Dẫn điều trái, bỏ việc ác để từ bỏ lỗi lầm.

Chè rượu, lánh xa để khỏi nhuốm bẩn.

Tránh điều ngờ, xa điều nghi để khỏi lằm lạc.

Học rộng, hỏi cận kẽ để biết nhiều.

Làm việc to lớn, nói lời nhỏ nhẹ để sửa mình.

Kính cẩn, dè dặt, nhún nhường, tần tiện để giữ thân.

Mưu kế sâu xa để khỏi cùng khốn.

Gần gũi người nhân từ, kết bạn với người ngay thẳng để giúp đỡ nhau trong lúc hoạn nạn.

Gần gũi rộng lượng, cẩn thận chu đáo để tiếp đãi người.

Bổ nhiệm và sử dụng kẻ tài năng để cho xong việc.

Giận ghét kẻ độc ác, đuổi bỏ kẻ dèm pha để ngừa loạn.

Tìm xưa xét nay để khỏi nghi ngờ.

Trước đo sau lường để đối phó các việc bất ngờ gấp rút.

Bày đặt ra các việc quyền biến để gỡ rối

Buộc túi, gặp thuận để khỏi tội lỗi(1)

Chặt chẽ(2) vững vàng(2) để lập công

Chăm lo(3),hiền lành để giữ gìn chung cuộc cho toàn vẹn(6)

(1) Về chỗ này Lưu Bá Ôn chú thích như sau: Bạc quân tử nói, nín đều hợp thời, xuất sử đều hợp đạo, buộc túi lại để chẳng ai thấy cái đẹp, thuận gặp để chẳng ai thấy cơ mưu, nhờ đó mà khỏi tội lỗi, tai vạ.

(2) Theo Lưu Bá Ôn: Quyết quyết là có chỗ dựa cho nên không thể lay chuyển.

(3) Ngạnh ngạnh là có chỗ đứng nên không thể quấy nhiễu.

(4) Tư tư là đã gắng lại gắng thêm mãi.

(5) Thục thục là đã lành lại càng lành thêm.

(6) Lập công không bằng gìn giữ chung cuộc cho vẹn toàn.

CHƯƠNG THỨ TƯ DÙNG SỨC LÀM NỀN GỐC, LẤY ĐẠO LÀM CAO QUÝ

Về thuật làm việc hết lòng, gắng sức thì chẳng có gì lâu dài bằng rộng mưu.

Chẳng có gì yên bằng nhẫn nhục.

Chẳng có gì cần trước hơn là tu đức.

Chẳng có gì vui bằng mền điều lành.

Chẳng có gì mâu nhiệm hơn lòng chí thành.

Chẳng có gì sang suốt bằng cách xét cái thể chất bên trong của sự vật.

Chẳng có gì khổ bằng mong nhiều.

Chẳng có gì tốt bằng biết đủ.

Chẳng có gì đáng thương xót bằng tán tỉnh⁽⁷⁾.

Chẳng có gì bệnh hơn là sự vô thường (không chắc chắn).

Chẳng có gì ngu tối cho bằng tham lam, keo bẩn.

Chẳng có gì cô độc bằng ý mình.

Chẳng có gì nguy hiểm bằng dung kẻ đáng nghi.

Chẳng có gì dễ thất bại bằng có óc riêng rẽ.

Chẳng có gì ngăn ngại bằng của vô nghĩa (lấy bằng cách không chính đáng).

(7) Tình đây là một trong ba cái quý báu: tinh, khí thần của con người, cần thiết để giữ mạng sống lâu dài (đạo dưỡng sinh).

CHƯƠNG THỨ NĂM HÀNH ĐỘNG THEO CHÍNH NGHĨA

Đem sự sang suốt mà bày tỏ cho kẻ dưới rõ là ngu tối⁽¹⁾.

Có lỗi mà không biết là bị che lấp.

Mê mà không tỉnh lại là lầm lạc

Dùng lời nói mà chuốc lấy thù oán là tự gây tai họa⁽²⁾.

Tâm ý và mệnh lệnh đều trái lệ thì việc sẽ bỏ phế (bế tắc).

Nói năng bừa bãi trước rồi ra lệnh sau thì hư việc.

Nổi giận mà không có uy tín thì sẽ bị xúc phạm (hoặc mang tội lần lượt)⁽³⁾.

Ưu sự ngay thẳng mà làm nhục người là mua lấy tai ương.

Trừ cái nhục (riêng) cho kẻ mà mình đang dung là nguy hiểm⁽⁴⁾.

Ngạo mạn đối với các bậc đáng kính⁽⁵⁾ là việc hung ác xấu xa, bất lợi;

Bề ngoài thì hợp lí, mà trong lòng thì xa cách, như thế là lẻ loi;

Gần gũi kẻ dèm pha, xa cách người trung thực thì bị diệt vong;

Gần sắc đẹp mà xa người hiền là ngu tối;

Gái đến cửa công thì loạn;

Dùng người có lòng tư ki để làm việc quan (công ích) thì không chắc chắn;

Lấn lướt kẻ dưới để chiếm phần thắng là xâm phạm;

Đánh mà không hơn thua thì hao tổn⁽⁶⁾

Sơ sài⁽⁷⁾ đối với mình là lại trách phạt người thì không thể trị yên.

Kẻ đay với mình mà mỏng với người thì nên bỏ họ mà đừng dưng.

Xét điều lỗi mà vứt bỏ công lao của người thì tổn hại tới quần chúng.

Kẻ dưới và người ngoài ai ai cũng khác lòng thì phải luân vong.

Đã dung mà không tín nhiệm thì lạt lẽo.

Thưởng mà hẹp hòi thì hỏng việc.

Hứa nhiều mà cho ít thì sinh oán.

Đã tiếp đón mà lại phản đối thì trái lệ.

Làm ít mà trông mong nhiều thì không kết quả.

Sang mà quên hèn thì chẳng lâu.
Nhớ lỗi cũ mà vứt bỏ công mới là điều chẳng lành.
Dùng người không được chính đáng là điều nguy.
Cưỡng bách người mà dùng thì họ chẳng thuận theo.
Vì người mà chọn họ làm quan thì loạn.
Mất những điểm mạnh của mình thì trở nên yếu.
Sự quyết định chính sách mà ở trong tay kẻ bất nhân thì nguy hiểm.
Kế hoạch bí mật mà tiết lộ ra ngoài thì thất bại.
Thu vào nhiều mà chi ra ít thì hỏng việc.
Chiến sĩ thì nghèo, kẻ đi chơi rong mà giàu ắt là nước phải suy vong.
Dùng của đút lót việc công là ám muội.
Nghe điều thiện mà không lưu ý, lại không quên lỗi cũ của người, đó là bạo ngược.
Đã dùng mà không tin, đã tin mà không dùng, là lộn xộn.
Dùng đức mà nuôi người thì họ sẽ tụ tập.
Dùng hình pháp để trói buộc người thì họ sẽ phân tán.
Công nhỏ mà không thưởng thì không ai chịu lập công lớn.
Không bỏ qua oán nhỏ thì oán lớn sẽ sinh ra.
Thưởng mà người không phục, phạt mà người không vui chịu thì họ sẽ làm phản.
Thưởng cho tới kẻ vô công, phạt cho tới kẻ vô tội là khốc hại. Nghe dèm pha mà vui, nghe can ngăn mà hờn giận là sẽ thất bại.
Thường giữ cái mình sẵn có là yên.
Tham của người là tàn hại.

-
- (1) Đạo của thánh hiền là trong thì sang suốt mà ngoài tỏ ra tối tăm (Thánh hiền chi đạo nội minh ngoại hối: Lưu Bá Ôn).
 - (2) Làm mà dám nói ra, đó là quyền tại mình mà họa tại người: nói mà không làm được đó là quyền tại người, họa tại mình (Lưu Bá Ôn).
 - (3) Văn Vương không nói lớn mà bốn nước đều sợ uy nghi (Lưu Bá Ôn). Khổng Tử nói: Không cần nổi giận mà dân cũng phải sợ cái uy lực của pháp lệnh (Bất nộ nhi dân uy ư thiết việt).

- (4) Báo thù riêng cho kẻ dưới tay là nguy hiểm.
- (5) Có ba bậc đáng kính: bậc có tuổi tác, bậc có tước vị, bậc có đức hạnh.
- (6) Thực lực là chỗ nương tựa của thanh danh, thanh danh đem lại uy quyền cho thực lực: nhiều thực lực mà ít thanh danh thì khó thành sự nghiệp, vậy danh phải đi đôi với thực (Lưu Bá Ôn).
- (7) Rộng lượng tha thứ đối với mình.

CHƯƠNG THỨ SÁU AN LỄ

Phúc sinh nhờ chứa thiện, họa sinh vì tích ác.

Oán sinh vì không bỏ qua lỗi nhỏ, mối lo hại sinh ra vì không tính trước mưu kế.

Đói vì khinh rẻ nghề nông, rét vì lười dệt.

Yên nhờ được người, nguy vì mất kẻ sĩ.

Giàu nhờ ngênh tiếp việc xảy tới, nghèo vì bỏ lỡ thời cơ.

Bậc trên hành động vô thường, thì kẻ dưới sẽ sinh lòng nghi kỵ.

Khinh nhờn bề trên thì sinh tội, lãng nhục kẻ dưới thì họ chẳng gần gũi mến yêu.

Bề tôi gần mà không trọng mình thì bề tôi xa sẽ khinh mình.

Tự nghi mình thì không tin người, tự tin mình thì không nghi người.

Kẻ sĩ có tà tâm thì không có bạn chính đáng, bề trên mà cong vạy thì kẻ dưới không ngay thẳng.

Nước ở cảnh nguy biến thì không có người hiền. Nền chính trị rối loạn thì không có người lành.

Mến người sâu xa thì cầu hiền gấp, vui được người hiền thì nuôi người trọng hậu.

Nước sắp làm bá chủ thì kẻ sĩ đều về giúp, nước sắp mất thì người hiền đã xa lánh trước.

Đất mà xấu thì vật lớn không sinh, nước mà cạn thì cá lớn không lội, cây mà trụi lá thì chim lớn không đậu, rừng mà thưa cây thì thú lớn không ở.

Núi mà cao vút thì sẽ đổ, hồ mà đầy nước thì sẽ tràn.

Bỏ ngọc giữ đá là có mắt không người, thân dê đội lớp cọp thì chỉ lòi loét bề ngoài mà thôi.

Cầm áo mà không cầm nơi cổ thì áo sẽ gập xuống, chạy mà không nhìn đất thì sẽ vấp ngã.

Cột yếu thì nhà sẽ sập, bề tôi phò tá mà yếu thì nước nghiêng đổ.

Chân lạnh thì hại tim, dân oán hận thì hại nước.

Núi sắp đổ thì đất đã lở trước, nước sắp suy yếu thì dân đã bị nạn chết.

Rễ khô thì cành mục, dân khốn khổ thì nước điêu tàn.

Núi theo xe lật thì sẽ bị ngã, ở theo nước mất thì sẽ bị diệt.

Xem việc đã thất bại để mà thận trọng, thấy việc sắp thất bại thì phải sợ dẫm vết chân trước mà lo tránh trước đi.

Sợ nguy thì yên, sợ mất thì còn.

Người mà làm việc có đạo lí thì tốt, làm việc không có đạo lí thì xấu. Nếu tốt thì trăm điều may sẽ tới, nếu xấu thì trăm điều rủi sẽ dồn dập vào, chẳng phải nhờ thần thánh nào mà việc cũng tự nhiên xảy tới như thế.

Chuyên dùng kế lành thì không xảy việc dữ, không tính xa thì sẽ lo gần.

Cùng chí thì hợp nhau.

Cùng nhân từ thì chung lo.

Cùng trí thức thì mưu đồ chung.

Cùng làm ác thì kết bè đảng.

Cùng mến thì tìm nhau.

Cùng vẻ đẹp thì ghét nhau.

Cùng lợi thì kị (sợ) nhau.

Cùng lời nói thì hưởng ứng nhau.

Cùng chí thì cảm mến nhau.

Cùng loại thì nương nhau.

Cùng chính nghĩa thì gần gũi nhau.

Cùng nạn thì giúp nhau.

Cùng đạo thì chung xây dựng.

Cùng nghề thì dò nhau.

Cùng khéo thì tranh nhau.

Ấy là cái điều mà mình được theo số mệnh như thế, không thể đi ngược với lí lẽ ấy.

Bỏ bê không dạy mình mà đi dạy người là nghịch, sửa mình mà dạy người là thuận. Nghịch thì khó theo, thuận thì dễ làm; khó theo thì loạn, dễ làm thì yên trị. Như thế có thể trị mình, trị nhà, trị nước vậy.

BINH PHÁP KHÔNG MINH

VÕ HẦU GIA CÁT LƯỢNG

ĐỒ THỊ BINH BIẾN

Khi quân đã đến gần lều trại⁽¹⁾ của địch thì thường nên ra đi lúc trời mới sáng⁽²⁾.

Rút quân phía trước trong vòng mười dặm, đều cho án giữ vào hai bên phải và trái⁽³⁾; các đường thấp cũng rút quân hết trong vòng mười dặm⁽⁴⁾.

Vài dặm ngoài thì năm người hợp thành một đội (đội ngũ). Người cầm một lá cờ trắng lên cao, hướng ra phía ngoài, nhìn cho kỹ để tìm kỹ xem nơi nào nên dùng làm chỗ ẩn nấp.

Người chủ tướng cầm quân nên dời chuyển tìm chỗ cao và ở đằng trước.

Người thứ nhất gặp giặc thì báo ra đằng sau cho người thứ hai. Người thứ ba đến gặp người chủ tướng để trình lại.

Phàm người lính thám sát⁽⁵⁾ khi gặp giặc từ trăm người trở xuống thì chỉ đưa cờ lên mà ra hiệu; nếu gặp từ trăm người trở lên thì liền đưa cờ lên và la lớn... Người chủ tướng sai lính cưỡi ngựa mau chạy đi xem xét đám quân địch ấy.

(1) Là lều vải; là nơi tụ tập đông người, tức là thôn lạc, dinh trại.

(2) Đến gần địch vào ban ngày thì dễ dò xét hơn.

(3) Rút quân phía trước là để tránh khỏi bị đánh bất ngờ, sát quân vào hai bên phải và trái là để bảo vệ trung quân.

(4) Quân ở đường thấp thì thất thế dễ bị đánh úp nên phải rút đi.

(5) Hậu ở đây có nghĩa là đợi chờ, dò xét thám sát

TIỆN NGHI THẬP LỤC SÁCH

THỨ NHẤT: YÊN NƯỚC

Phép yên nước là do ở phép yên nhà.

Phép yên nhà là cốt xây cái gốc. Cái gốc mà xây được thì ắt là cái ngọn phải ngay thẳng vậy. Thế mà gốc là cái phải nói trước. Ngọn là cái ứng hòa theo.

Cái phải nói trước hết là Trời Đất. Cái ứng hòa theo là vạn vật.

Về vạn vật thì không thể sinh ra nếu không có Trời, không thể lớn lên nếu không có Đất, không thể thành hình nếu không có tay người.

Lễ học ở nhà trường, nhạc bát dật⁽¹⁾, minh đường (cửa quan) rộng rãi hòa nhã, tôn miếu cao lớn, cốt là để lo về cái gốc của con người⁽²⁾.

Cho nên cái gốc là phép thông thường, là quy củ chính yếu. Đục tròn không thể đục lỗ mộng vuông, dao chì không thể chặt chém. Đó chẳng phải là việc thường dùng, nên không làm được xong công việc. Chẳng phải là khí cụ thường dùng thì không thể đạt tới sự tinh xảo.

Cho nên Trời mà thất thường ắt là có nghịch khí. Đất mà thất thường ắt là có sự khô bại. Người mà thất thường ắt là có hoạn hại.

THỨ HAI: ĐẠO VUA TÔI

Mối quan hệ giữa vua và tôi là do cái tượng của Trời Đất mà hiện ra⁽³⁾.

Tượng của Trời mà sáng ắt là đạo vua tôi được đầy đủ. Vua ban ơn xuống dưới để làm điều nhân, bề tôi thờ người trên để làm điều nghĩa.

Nhạc bát là một loại nhạc dùng tại triều đình của Vua.

Minh đường (cửa quan) tượng trưng cho hình pháp, chính trị. Tôn miếu tượng trưng cho sự thờ cúng tổ tiên. Lễ nhạc, chính trị, hình pháp, tôn giáo có mục đích là gìn giữ lòng người cho được điều hòa.

Theo quan niệm cổ xưa thì mối quan hệ giữa Vua và Tôi tùy thuộc mối quan hệ thiên văn giữa sao Bắc Thần và các sao Thai, Phụ, Nhị Thập Bát Tú. Như

thế đạo vua tôi không phải là một vấn đề luân lý mà là một vấn đề thiên văn học (vật lý học).

Bề tôi mà hai lòng thì không thể thờ vua. Vua mà nghi ngờ phép tắc của bề tôi thì không thể trao trách nhiệm cho bề tôi.

Trên dưới đều mẫn lễ nghi, ắt là dân dễ sai khiến. Trên dưới mà hòa thuận, ắt là đạo vua tôi được đầy đủ. Vua dùng lễ để sai khiến về tôi, bề tôi đem lòng trung để thờ vua.

Vua sắp đặt nền chính trị, bề tôi lo phụng sự vua. Việc chính trị là việc chính danh⁽¹⁾, phụng sự là khuyến khích thi hành các công tác. Vua khuyến khích việc chính trị, bề tôi khuyến khích việc thờ vua, ắt là cái đạo công danh được thành tựu đối với mọi người.

Bởi thế cho nên, vua quay mặt về phía Nam, hướng dương phát ra cực âm thính⁽²⁾, bề tôi quay mặt về phía Bắc, hướng âm, nhìn hình ảnh (của công việc, xem tiếp ở sau thì rõ). Âm thính vang dội ra là cái mệnh lệnh dạy xuống, hình ảnh là sự công hiệu của việc thi hành. Mệnh dạy xuống mà vừa phải thì công việc sẽ thành tựu; công việc mà thành tựu ắt là vạn vật hưởng được phước ban xuống.

Đó là ba giếng, sáu phép⁽³⁾ có trên, giữa và dưới. Trên hết là vua tôi, ở giữa là cha con, ở dưới hết là chồng vợ, đều răn mình theo đạo thì phước may sẽ đến.

Vua tôi trên dưới lấy lễ làm gốc, cha con trên dưới lấy ân làm thân, chồng vợ trên dưới lấy hòa làm vốn.

Trên không thể không ngay thẳng, dưới không thể không đứng đắn. Người chủ chốt ở bên trên không được cong vạy, lời nói của kẻ dưới không được phản nghịch.

Cho nên nhà vua chỉ nghĩ đến việc chính trị, bề tôi chỉ nghĩ đến việc phụng sự. Ấy nên vua sáng mà sửa mình ngay thẳng, thì việc làm của tôi trung sẽ được thành tựu. Kẻ học trò thì mong được thầy sáng, kẻ sĩ thì mong được vua sáng.

Cho nên đặt ra toàn bộ quan chức, chia ngôi thứ tước lộc, bày ra nghi khí để xem thiên văn, lập ra chức thai phụ để phò tá. Tư không được làm loạn công, kẻ sai quấy không được xúc phạm người đoan chính, ấy là đạo trị quốc đầy đủ.

Việc chính danh là dùng cái danh cho hợp với cái nghĩa, rồi sắp đặt người và việc theo một tôn ti, trật tự đúng với danh nghĩa

Lời của vua có một uy lực huyền bí mãnh liệt.

Ba giềng là ba mối quan hệ vua tôi, cha con, chồng vợ

Sáu phép là sáu đạo làm vua, làm tôi, làm cha, làm con, làm chồng, làm vợ.

THỨ BA: XEM NGHE

Phép xem xét và nghe ngóng⁽¹⁾ là xem xét cái hình nhỏ, nghe ngóng cái tiếng nhỏ, hình nhỏ mà không thấy được, tiếng nhỏ mà không nghe được.

Cho nên bậc vua sáng suốt xem xét cái “nhiều nhận” ở trong cái vật nhỏ nhất, nghe ngóng cái “vang âm” ở trong cái tiếng nhỏ nhẹ, lấy trong hòa với ngoài, lấy ngoài hòa với trong.

Cho nên đạo làm chính trị cốt ở nghe ngóng nhiều, để mà lượm lặt và thu nạp lời tâu của kẻ dưới. Khi sắp đặt mưu kế mà dùng tới cả kẻ sĩ bậc thấp, ắt vạn vật sẽ giúp cho mắt thấy rõ, các âm thịnh sẽ giúp cho tai nghe rõ.

Cho nên kinh sách có nói: Thánh nhân không có tâm ý bình thường (nhất định)⁽²⁾ mà lấy tâm ý của trăm họ làm tâm ý của mình, dùng mắt của trăm họ để cho tâm xem xét, dùng miệng của trăm họ để tâm nói năng, dùng tai của trăm họ để tâm nghe ngóng, lấy thân của trăm họ để tâm yên ổn.

Cho nên thân có tâm⁽³⁾ cũng như nước có vua. Dùng trong để hòa ngoài thì vạn vật sáng tỏ ra.

Thấy được cái hình của mặt trời mặt trăng thì không đủ để gọi là sáng mắt; nghe được tiếng sấm sét không đủ để gọi là rõ tai. Cho nên bậc vua trong loài người, lấy thấy nhiều làm trí, lấy nghe nhiều làm thần. Thế mà năm âm không nghe thì không biết lấy gì mà phân biệt cung thương⁽⁴⁾, năm sắc không thấy thì không biết lấy gì mà phân biệt đen vàng.

Bởi vì được nghe bậc vua sáng thường giống như ngày đêm. Ngày thì việc công thi hành, đêm thì việc tư phần phát. Hoặc có điều oan ức trong tiếng kêu than mà lại không nghe được, hoặc có điều thành thực trong sự tiến cử việc lành mà lại không được tin cậy; tiếng kêu oan mà không nghe ắt là kẻ bị oan khuất không thể giải thoát được; tiến cử việc lành mà không thu nạp ắt là người trung thành không được tin cậy, kẻ tà sẽ dung dưỡng việc gian trá.

Cho nên Kinh Thư nói rằng: Sự xem xét của Trời là sự xem xét của dân nơi ta, sự nghe ngóng của Trời là sự nghe ngóng của dân nơi ta; đó gọi là xem xét và nghe ngóng.

Vì muốn tôn trọng ý tứ của người xưa muốn phân biệt thị với kiến, thính với văn nên dịch giả phải dịch: xem xét; kiến: thấy được; thính: nghe ngóng; văn: nghe được.

Sách *Luận Ngữ, thiên Tử Hán* có nói: “*Tử tuyệt tứ: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã*” nghĩa là Đức Khổng Tử không hề có bốn điều lỗi: không có ý riêng, không có thành kiến, không cố chấp, không có tính riêng.

Tâm làm chủ đời sống.

Cung, thương là hai trong năm âm: cung, thương, giác, chủy, vu.

THỨ TƯ: THU NẠP LỜI KHUYÊN

Phép nghe lời khuyên là phép can gián để lựa chọn những mưu kế của kẻ dưới.

Cho nên vua có tội khuyên can, gặp việc bất nghĩa ắt là can ngăn, chiều theo việc tốt đẹp, cứu với khỏi việc hung xấu. Việc hung xấu chẳng nên chiều theo, việc tốt đẹp chẳng nên chống đối. Nước nào mà chiều theo việc hung xấu, chống đối việc tốt đẹp, ắt phải gặp nguy biến.

Bậc vua trong loài người chống đối sự khuyên can ắt là tội trung không dám dâng mưu kế, còn quan lại gian tà thì chuyên quyền nắm giữ tất cả giềng mối chính trị, đó là điều nguy hại của nước.

Cho nên ở nước có đạo thì nói mạnh, làm mạnh⁽¹⁾, ở nước vô đạo thì làm mạnh, nói yếu (nói lời khiêm tốn), trên chẳng có chỗ nào được nghe, dưới chẳng có chỗ nào được nói⁽²⁾.

Cho nên Khổng Tử không hề xấu hổ khi học hỏi kẻ dưới, Chu Công không hề xấu hổ khi hạ mình làm việc nhỏ nhặt nên làm việc thành công, nêu cao danh tiếng, được đời sau xem là bậc thánh nhân. Đó là nhà hờ ở dưới, kín ở trên. Nếu trên mà đột không kín thì dưới không thể ở được.

THỨ NĂM: XÉT VIỆC ĐÁNG NGHI

Phép xét điều đáng nghi, là xét các màu đỏ tím, phân biệt các âm cung, thương. Cho nên các màu hồng, tím làm loạn màu đỏ, tiếng dâm làm nhiều loạn loại âm nhạc đúng đắn. Loạn sinh ở xa, nghi sanh ở ngõ.(?)

Các vật có nhiều loại khác nhau, các hình sắc giống nhau. Đã trắng như ngọc, kẻ ngu cũng quý. Mắt cá giống như hạt châu, kẻ ngu cũng lấy. Giống chồn, lạc giống như chó, kẻ ngu cũng nuôi. Cây quất, cây lâu giống như dưa, kẻ ngu cũng ăn. Cho nên Triệu Cao chỉ con nai cho là ngựa mà Tần Vương chẳng lấy làm nghi; Phạm Lãi cống gái đẹp nước Việt mà Ngô Vương chẳng ngờ.

Nếu dịch là lời nói cao xa, việc làm cao xa thì không đúng ý tứ. Đúng ra phải dịch là dám nói lời khó nói, dám làm việc khó làm.

Có thể hiểu là: Người trên chẳng có ai được nghe lời nói phải, người dưới chẳng có ai được dâng lên lời nói phải (dưới chẳng dám nói, trên chẳng được nghe). Hoặc cũng có thể hiểu là: Ở trên chẳng ai nói điều phải, ở dưới chẳng có thể giảng cho ai nghe được điều phải.

Mưu kế mà nghi ngờ thì việc không định yên, việc mà nghi ngờ thì không thành công. Cho nên thánh nhân không thể lấy sự thuyết trình ý kiến làm rõ ràng, thì ắt là tin cậy ở sự bói toán, để xem việc lành dữ.

Kinh Thư nói rằng: Ba người chiêm đoán thì ắt theo lời hai người⁽¹⁾ nếu còn nghi nhiều, thì dùng tới mưu kế của đông người.

Cho nên Khổng Tử nói rằng: Phép trị nước của bậc vua sáng suốt là không lo rằng người chẳng biết mình mà chỉ lo mình chẳng biết người, không lo ngoài chẳng biết trong, mà chỉ lo trong chẳng biết ngoài; không lo dưới chẳng biết trên, mà chỉ lo trên chẳng biết dưới, không lo hèn chẳng biết sang, mà chỉ lo sang chẳng biết hèn.

Cho nên kẻ sĩ chết cho người biết mình, gái đón nhận người mến quý mình, ngựa chạy mau vì biết người cười nó, thần linh hiện ra cho người thông cảm.

Cho nên bậc vua trong loài người khi xử án hành hình (tử hình), chỉ lo rằng mình không sáng suốt, hoặc kẻ vô tội bị kết án, hoặc kẻ có tội được tha thứ, hoặc kẻ mạnh được nhường nhịn, hoặc kẻ yếu bị xâm phạm, thù oán, hoặc kẻ ngay thật bị oan khuất chẳng được tháo gỡ, hoặc kẻ tín thực bị nghi oan, hoặc

người trung nghĩa bị hãm hại. Đó là do nghịch khí của Trời, nạn tai ách bạo ngược, và họa ương rối loạn.

Chỉ có bậc vua sáng suốt xử án, kết tội, tìm hỏi tình tiết, nếu không hư dối, không giấu giếm, không cong vạy, không che đậy, xem sự qua lại, xét sự tới lui, nghe tiếng đồn đại, xem cách trông nhìn, vẻ mặt sợ hãi, tiếng kêu thảm thương, sự đến mau đi chậm, quay về thờ than: đó là kẻ bị kết tội oan uổng không được tháo gỡ.

Còn kẻ cúi mặt nhìn trộm, thấy mà sợ, lui về, hơi thở hỗn hển, chẳng dám nghe ngóng, trầm ngâm tính kế trong bụng, nói năng trái phép, đến chậm đi mau, không dám quay nhìn: Đó là tội nhân muốn lẩn tránh.

Khổng Tử nói rằng: Coi thử để làm gì, xem thử do đâu mà ra, xét thử an vui ở chỗ nào, người ta có thể giấu giếm được sao? Người ta có thể giấu giếm được sao?

Nếu ý hai người giống nhau thì tin được.

THỨ SÁU: TRỊ NGƯỜI

Phép trị người là phong hóa của đạo, nhờ sự bày tỏ ra ngoài mà thi hành được.

Cho nên *Kinh sách* nói rằng: *Bày tỏ đức và nghĩa thì dân hưng thịnh và hành thiện; bày tỏ sự thương ghét ra thì dân biết điều cấm đoán.*

Ánh sáng của mặt trời, mặt trăng được dân chúng ngẩng mặt lên xem, đó là trường hợp của vua Nghiêu Thuấn được các giống rợ ở chốn xa xôi đến cống hiến.

Đối với các vua Kiệt Trụ, thì thuộc hạ bội phản, không phải là do Trời làm cho lòng người thay đổi, mà là do người trên khiến sinh ra như vậy.

Cho nên trị người còn giống như trồng lúa, trước hết phải nhổ cỏ.

Phép chính trị của bậc vua sáng suốt cốt là hiểu biết điều lo âu của người, hiểu biết các chức lại nhỏ hầu hạ tay chân, hiểu biết các chức quan lớn của nước nhỏ.

Cho nên có nói: Kẻ tay chân hầu hạ khắc hại dân chúng không chừa nơi nào, chẳng biết tới đâu là cùng cực. Khắc hại miếng ăn (lợi lộc) của nhân dân, mà

nhân dân chịu nạn đói kém, ắt sinh ra loạn nghịch.

Chỉ khuyến khích nghề nông mà không đoạt thì giờ của nông dân, chỉ thu thuế má mà không lấy hết của cải của dân chúng; như thế nước giàu nhà yên, chẳng phải là thích đáng hay sao? Có nước, có nhà, thì không lo nghèo mà chỉ lo không yên.

Cho nên nền chính trị của thời Đường Ngu gặp nhau ở chỗ lợi người, dùng thời trời, chia lợi đất, để chuẩn bị các năm xấu. Mùa thu dư lương thực để bù thêm vào các mùa thiếu lương. Của cải trong thiên hạ thông thương với nhau, ngoài đường không lượm của rơi và công việc của dân không hề khi thì bỏ, khi thì làm⁽¹⁾.

Cho nên theo cái thế của đời Ngũ Bá thì người không có đủ lại hiển dưng cho kẻ có dư, do đó ngày nay các chư hầu đều tham lam hơn. Điều lợi sinh ra thì dân chúng tranh nhau, các điều tai hại cũng xảy ra, kẻ mạnh người yếu xâm phạm nhau, việc tự sức cấy cày thì ít ỏi, mà việc công thương thì nhiều⁽²⁾ đời sống của dân trôi nổi như mây trời, tay chân không được yên ổn.

Nghĩa là người dân được an cư lạc nghiệp, không có bôn ba vô định.

Ngày xưa nghề nông gọi là bản nghiệp (nghề gốc), nghề công thương gọi là mật túc (nghề ngọn).

Kinh sách nói rằng: Không quý vật khó được, khiến dân không trộm cắp; không quý vật vô dụng, khiến lòng dân chẳng loạn, tất cả chỉ chăm lo, coi sóc phận sự của mình mà thôi, đó là phép chính trị của thánh nhân.

Ngày xưa vào thời Tề Cảnh Công, chỉ lo dân không tiêu pha xa xỉ và không thỏa lòng về lễ chế, còn nghi chế đời Chu Tần thì bỏ văn vẻ bề ngoài, chỉ giữ thực chất và khuyên dân trọng điều ích lợi.

Chế ra những vật vô dụng, chứa những hàng hóa vô ích, vàng, bạc, ngọc bích, ngọc trai, chim phi thúy, các vật quý báu lạ lùng, sản xuất từ phương xa, đó chẳng phải là đồ dùng của hạng thường dân. Gấm vóc, thao đùi, lụa là, the sa, áo lụa bạch đen vàng, đó chẳng phải là thứ mà thường dân mặc. Đồ chạm khắc to vẽ, các vật tinh xảo khéo léo, các việc khó thành đều có trở ngại cho nghề nông. Xe kiệu ra vào, áo bào, áo dạ, áo tơ, đó chẳng phải là thứ mà thường dân chường diện. Cung, thất, đường, điện, cửa lầu, tranh ảnh, thú vật,

thành lũy dài rộng, mồ mả quá mức, tiêu phí hết của cải để tỏ vẻ cao thượng, đó chẳng phải là nơi ở của thường dân.

Kinh sách có nói: Điều mà kẻ thường dân, yêu mến chỉ là sự siêng năng khổ sở về việc cày cấy, trồng trọt, là sự cẩn thận giữ mình, tiêu dùng dè dặt, để nuôi cha mẹ; lấy của cải để chế ngự sai khiến họ, lấy lễ nghi để sử dụng họ, năm tốt được mùa mà không xa xỉ, năm xấu mất mùa mà không tằn tiện, chứa trữ sẵn sàng để phòng bị về sau, đó là đạo trị dân, chẳng hợp với tiết khí của bốn mùa hay sao?

THỨ BẢY: CẤT NHẮC, SẮP ĐẶT

Phép cất nhắc, sắp đặt có nghĩa là cất nhắc người ngay thẳng, đặt yên các người cong vạy.

Phép trị nước giống như phép trị mình. Phép trị mình là cốt ở dưỡng thân (một trong tam bảo tinh, khí thần của đạo gia), đạo trị nước cốt ở cất nhắc các bậc hiền tài. Đó là dưỡng thân để cầu sống, cất nhắc hiền tài để cầu yên.

Cho nên nước có bậc đại thần phò tá cũng như nhà có cây cột cái. Cột cái không thể nhỏ, bậc phụ tá không thể yếu. Cột cái mà nhỏ thì có hại, bậc phò tá mà yếu thì nước nghiêng đổ.

Cho nên đạo trị nước là cất nhắc người ngay thẳng, sắp đặt các người cong vạy, thì nước ấy bèn yên ổn.

Về cột cái thì dùng cây thẳng làm vững chắc, về kẻ phò tá thì dùng kẻ sĩ ngay thẳng làm hiền tài. Cây thẳng lấy từ rừng sâu, kẻ sĩ ngay thẳng lấy từ hạ dân (dân đen).

Cho nên bậc vua trong loài người khi chọn lựa cất nhắc, ắt là phải mời kẻ ở ẩn:

Hoặc là kẻ ôm giấu của quý trong thời nước loạn, phải ở cùng thứ vị với kẻ thất phu⁽¹⁾.

Hoặc kẻ tài cao trác tuyệt, không được thấy mời mọc;

Hoặc kẻ trung, hiền, hiếu, nghĩa, mà làng xóm không cất nhắc;

Hoặc kẻ ẩn cư cầu chí làm việc nghĩa để đạt đạo;

Hoặc kẻ trung trực đối với vua mà bị bè đảng dèm pha.

Vua Nghiêu cất nhắc kẻ ở ẩn, vua Thành Thang mời kẻ đã nếm trải nhiều cay đắng, ông Châu Công chọn lựa kẻ hèn để dùng, đều được người vừa ý để đem lại thái bình.

Cho nên bậc vua trong loài người treo thưởng để đãi công lao, đặt ra các chức vị để đãi kẻ sĩ, nên không bỏ sót chức quan nào, mở bốn cửa để hưng trị, chuyên việc biểu lựa huyền (lựa quý) để mời kẻ ẩn dật ở chốn thâm sâu, nhờ thế mà thiên hạ có lòng trở về và kẻ bất nhân phải rời xa.

Kẻ được dùng không phải là kẻ được nuôi, kẻ được mời không phải là kẻ được dùng; kẻ nghèo hèn thô lậu ở dưới, kẻ tài sắc ở trên; kẻ gian tà dèm pha được đặc chí, kẻ trung trực phải đi xa; phép biểu lựa huyền không được thi hành, mà cầu kẻ hiền tài đến phò tá hay sao?

Ví bằng nước Ngụy không được trị yên, dân không được ở yên, đó là vì cái lỗi lầm bỏ mất kẻ hiền tài đó. Mất bậc nhân hiền mà không nguy, được bậc nhân hiền mà không yên, điều ấy chưa từng có.

Chương Dương Hóa trong sách Luận Ngữ kể rằng Dương Hóa trách Khổng Tử như sau: “Hoài kỳ bảo nhi mê kỳ bang, khả vi nhân hử” nghĩa là: ôm giấu của quý trong khi nước loạn, có thể gọi là kẻ có nhân hay sao?

Vì người mà chọn chức quan là loạn, vì chức quan mà chọn người là trị. Ấy là mời hiền, đón sĩ, giống như việc giá thú. Chưa từng có gái tự gả, bỏ tiền của ra để làm vợ. Cho nên gái mướn lễ vật đi hỏi mà được chữ trinh; kẻ sĩ chọn phép biểu lựa huyền mà được cái danh; dùng lễ để mời kẻ sĩ mà nước được yên lành vậy.

THƯ TÁM: TRA XÉT, TRUẤT PHẾ

Phép tra xét, truất phế có nghĩa là sửa thành tốt (cải thiện), bỏ điều xấu.

Bậc vua sáng suốt ở trên, lòng dạ sáng rực như trời, xét biết tốt xấu, rộng khắp bốn biển, không dám bỏ sót quan lớn ở nước nhỏ, soi xuống tới thường dân, cử dùng bậc hiền lương, đuổi bỏ kẻ tham lam biếng nhác khiến cho trên dưới được sáng sửa tốt lành và chờ đến khi sửa trị nước xong thì các bậc hiền tài đến tụ tập như mưa. Đó là khuyên làm điều tốt, lìa bỏ điều xấu, bày tỏ điều hay, việc dở.

Cho nên phép tra xét, truất phế cốt là biết cái khó của người. Những cái khổ có năm thứ:

Hoặc có viên chức, nhân việc công mà làm việc tư, thừa dịp được quyền hành mà làm việc gian tà, tay trái cầm binh khí, tay mặt làm việc để sinh lợi riêng, bên trong xâm phạm tới quan trên, bên ngoài bòn rút của dân, đó là cái khổ thứ nhất;

Hoặc có kẻ làm lỗi nặng mà chỉ bị phạt nhẹ, pháp lệnh không công bằng, vô tội mà phải chịu tội, đến nỗi thân thể bị tàn diệt. Hoặc có kẻ có tội nặng mà được khoan dung, giúp mạnh hiếp yếu, lại thêm hình phạt nghiêm khắc, trách cứ tình lí không đúng, đó là cái khổ thứ hai.

Hoặc có viên chức nhỏ có tội làm bậy bạ, gặp trường hợp người bị tố cáo oan uổng, mà không chịu nghe người ấy nói năng giải bày, lại che đậy tình tiết, bắt bớ bóc lột làm cho kẻ ấy phải vong mạng, việc oan uổng ấy bất thường, đó là cái khổ thứ ba.

Hoặc có nhiều quan lớn giữ chức trọng yếu, kiêm việc phò vua, trông coi việc chính trị mà tính lợi riêng, đối với người thân thì cư xử công vạy (thiên lệch) đối với người thù thì bức thiết (bức bách hành hạ), làm việc quan thì sơ sài cầu thả, không theo pháp chế, lại nhân việc thu thuế má mà lấy lợi riêng, đui cũ đãi mới, kết bè đảng với người cùng việc để chi thu tùy ý, làm việc giả dối sắp đặt sẵn sàng, để đổi thành của nhà, đó là cái khổ thứ tư.

Hoặc có quan huyện tham công, khi coi việc thưởng phạt, việc công ích, sự phí tổn mua bán, nhiều việc đo lường thì tự chuyên về giá cả và số lượng, làm cho dân thất nghiệp, đó là cái khổ thứ năm.

Năm việc ấy là năm điều hại dân, có việc xảy ra như thế thì không thể không phế bỏ, nếu không có như thế thì không thể không thăng thưởng.

Cho nên *Kinh Thư* có nói: *Ba lần xét công lao, ba lần xét để truất phế, thăng thưởng thì sự sáng tối bày ra rõ ràng.*

THỨ CHÍN: TRỊ QUÂN

Việc trị quân là việc coi biên cảnh, là đạo cứu nước: trong cơn loạn lộn, lấy uy vũ làm phép tắc, đánh dẹp kẻ bạo nghịch để giữ nước nhà bền vững, là kế trị yên xã tắc.

Đó là đã có văn thì phải có võ. Cho nên con vật uống máy ắt phải có nanh vuốt, vui thì cùng chơi, giận thì hại nhau. Con người không có nanh vuốt nên mới bày ra binh khí để mà tự vệ. Cho nên nước dùng quân đội để phụ trợ. Vua dùng bề tôi để phò tá.

Kẻ phụ trợ mạnh thì nước yên, kẻ phụ trợ yếu thì nước nguy, đó là do cách bổ nhiệm tướng sớ.

Chẳng có dân nào mà không có tướng, chẳng có nước nào mà không có bề tôi phò tá, chẳng có quân đội nào mà không có chủ.

Cho nên muốn trị nước thì lấy văn làm phép tắc, muốn trị quân thì lấy võ làm mưu kế.

Trị nước không thể không theo ngoài, trị quân không thể không theo trong. Trong là trăm họ trong nước⁽¹⁾, ngoài là rợ Nhung (phía Tây) và rợ Địch (phía Bắc). Rợ Nhung, rợ Địch khó lấy lễ mà giáo hóa, dễ lấy uy vũ mà khắc phục.

Lễ nghi áp dụng tùy nơi, uy vũ thi thố tùy chỗ: đó là trường hợp vua Huỳnh Đế đánh dẹp tại vùng Trác Lộc, vua Nghiêu đời Đường đánh dẹp tại sông Đan Phố, vua Thuấn đánh rợ Hữu Miêu, vua Vũ dẹp rợ Hữu Hồ.

Các Chúa Thánh từ đời Ngũ Đế, Tam Vương, đều dùng đức mà cảm hóa như vậy, ngoài ra mới dùng uy vũ. Cho nên việc binh là việc dữ, cực chẳng đã mới dùng.

Hạ: trong nước

Về đạo dùng binh thì trước hết định mưu kế, rồi sau mới thi hành việc dùng binh, tìm hiểu đạo trời đất, xét lòng người, tập sử dụng binh khí hiểu rõ lí thường phạt, quan sát mưu kế của địch, xét các chỗ dương sa hiểm trở, phân biệt các nơi an nguy, xem tình thế chủ khách, biết khi nào nên tới nên lui, thuận theo cơ hội, sắp đặt chuẩn bị việc phòng ngự, tăng cường cái thể chinh phạt, nâng cao năng lực của sĩ tốt, lo toan việc sống chết, rồi sau mới ra quân dùng tướng, mở rộng cái thể bắt địch, đó là tóm tắt sơ lược phép cầm binh.

Bậc tướng sớ cầm vận mệnh của nhân dân, là khí cụ sắc bén của nước nhà, trước hết hoạch định mưu kế, rồi sau ban hành mệnh lệnh, giống như là chim ưng, chim chuẩn chụp mồi, lạng lẽ giống như cung nỏ trương sẵn, chuyển động như máy móc phát chạy, hướng vào chỗ nào thì phá hủy chỗ ấy mà kẻ tình địch phải tự diệt.

Tướng không lo nghĩ, sĩ tốt không có thể mạnh và không đồng lòng, mà chỉ chuyên dùng mưu kế, dầu có binh trăm vạn, cũng không làm cho địch sợ hãi.

Không thù nghịch thì chẳng oán hận, không phải cừu địch thì chẳng nên đánh.

Xét về công trình nếu chẳng có mắt của Lỗ Ban thì không biết lấy gì để trông thấy sự tinh xảo; xét về chiến đấu nếu không có mưu trí của Tôn Vũ thì không biết lấy gì để thi thố, vận dụng kế hoạch.

Mưu kế cần phải mật nhiệm, đánh địch cần phải mau chóng, bắt địch như chim ưng chụp mồi, đánh phá như nước vỡ bờ, ắt là binh lính chưa mệt mà quân địch phải tự tan vỡ, đó là thể dùng binh.

Cho nên kẻ giỏi đánh thì không giận, kẻ giỏi thắng thì không sợ. Vì thế cho nên bậc trí thức trước đã thắng rồi sau mới mong đánh, kẻ ngu độn trước phải đánh rồi sau mới mong thắng.

Người thắng theo đạo lí mà sửa chữa đường lối, kẻ bại hành động tà vạy nên lạt lối, đó là kế thuận lí hay nghịch lí đó.

Bậc tướng sùý phải làm cho người phục uy vũ của mình, kẻ sĩ tốt phải chuyên cần luyện tập cho mạnh mẽ.

Binh thế chẳng nên chấn động vô ích, phải vận chuyển như đá tròn từ cao rơi xuống, hướng vào chỗ nào thì phá vỡ chỗ ấy, không thể nào ngăn được. Như thế để mà trước mặt không ai địch lại, sau lưng không ai địch lại, đó là thể dùng binh.

Cho nên việc quan lấy kế hoạch lạ lùng làm mưu mô, lấy tri thức tuyệt diệu làm chủ chốt.

Mềm được cứng được, yếu được mạnh được, còn được mất được.

Mau chóng như gạo gặp mưa, thư thả như sông như biển, yên lặng như Thái Sơn, khó hiểu như âm dương, vô cùng như đất đai, đầy đủ như trời, không bao giờ hết như nước sông ngòi, có đầu đuôi như lam quang (mặt trời, mặt trăng, sao) sống chết như bốn mùa, suy vượng như ngũ hành, phép kì (biến ảo) và phép chính (thường dùng) sinh nhau mà không bao giờ hết.

Cho nên quân đội lấy lương thực làm gốc, binh pháp lấy kì, chính làm đầu, lấy khí giới để áp dụng lo tích trữ để phòng bị.

Cho nên nước nhà khốn đốn vì vật dụng đắt đỏ, nghèo nàn vì chuyển quân đi xa. không thể công phá hai lần, không thể chiến đấu ba lần. Đo lường sức

mạnh mà dùng, dùng nhiều ắt là tổn kém, mau hết.

Trừ khử cái vô ích thì nước nhà trở nên tốt lành, đuổi bỏ kẻ bất tài, ắt là nước nhà được lợi ích.

Kẻ đánh phá giỏi thì quân địch không biết nơi nào mà giữ, kẻ giữ gìn giỏi thì quân địch không biết nơi nào mà đánh. Cho nên kẻ đánh phá giỏi không cần dùng binh khí, kẻ giữ gìn giỏi không cần dùng thành quách. Đó là thành cao, hào sâu không đủ làm vững chắc, giáp cứng binh giỏi không đủ làm mạnh mẽ.

Địch muốn giữ vững thì ta đánh chúng lúc không phòng bị, địch lập trận thì ta đánh chúng lúc bất ngờ.

Ta đi địch đến, cẩn thận sắp đặt chỗ ở. Ta khởi đánh thì địch dừng lại, ta bèn đánh ở hai bên hông phải và trái.

Ta tính (trước) người gặp địch, đánh trước vào chỗ có thực của chúng thì chúng không biết đất giữ, không biết ngày đánh.

Biết phòng bị, (tức là cũng như) có nhiều người, ắt là chuyên chú phòng bị thì sẽ thiếu người. Lấy điều lo lắng để phòng bị cho nhau, xét sự mạnh yếu để cùng đánh, xét sự dũng khiếp để giúp nhau, đằng trước và đằng sau phải cùng đi theo một hướng, hai bên phải và trái, cùng đi theo một chiều như rắn Thường Sơn, đầu đuôi cùng đến, đó là phép tiếp cứu của quân đội.

Cho nên kẻ thắng thế, ắt phải có uy vũ hoàn toàn, tự riêng mình lập mưu kế, biết hình thế đất đai, không thể nói trước cho người biết, bàn luận mà biết hơn thua, địch giả dối mà mình cũng biết chúng yên hay nguy, tính toán mà biết địch nhiều hay ít, xem hình trạng của địch mà biết địch có thể sống hay chết, xem cách địch lo liệu mà biết chúng sướng hay khổ, xem cách địch mưu đồ mà biết chúng tài giỏi sáng tạo như thế nào.

Cho nên phép cầm binh là theo sống mà đánh chết, tráng thực mà đánh hư⁽¹⁾.

Đánh tại núi đồi thì không đánh lên,

Đánh dưới nước thì không ngược dòng,

Đánh trong vùng lau cỏ thì không lội nước sâu,

Đánh tại đất bằng thì không đi ngược vào chỗ trống trải,

Đánh trên đường thì không đi ngược vào chỗ đường độc đạo.

Năm điều ấy là những chỗ lợi ích của binh pháp, chỗ hỗ trợ của đất đai.

Việc quân:

Thành công nhờ cách dùng thế, bại vong vì mưu kế tiết lộ.

Đói vì đi xa, khát vì hết giếng,
Mệt vì phiền nhiễu, nhàn rồi nhờ yên tĩnh,
Nghỉ vì không đánh, ngờ vì thấy lợi,
Lui vì sợ hình phạt, tới vì được ban thưởng,
Yếu vì thấy bị hiếp bức, mạnh nhờ dùng thế,
Khốn vì bị vây, lo vì tới trước,
Sợ vì đêm nghe tiếng la, loạn vì sự ám muội,
Mê mờ vì trái đạo, cùng khốn vì vào đất chết.
Thua vì hung ác, được nhờ tính trước.

Cho nên:

Đặt ra cờ xí để mắt thấy rõ,
Đánh chiêng trống để tai nghe rõ,
Đặt rìu búa (phủ việt) để lòng người đồng nhất,
Bày rõ lệnh để mọi người cùng theo một đạo lí chung,
Nêu cao sự ban thưởng để khuyến khích công lao,
Thi hành việc trừ giết để đề phòng sự giả dối,
Đánh ngày mà không nghe nhau thì giơ cờ xí làm dấu hiệu,
Đánh đêm không thấy nhau thì nổi lửa, đánh trống.
Lệnh dạy không nghe theo thì sử dụng búa rìu để trừng phạt.

Ta ở thế sống mà đánh địch ở thế chết, ta tránh chỗ mạnh của địch mà đánh vào chỗ yếu của địch.

Không biết điều tiện lợi của chín thế đất⁽¹⁾ ắt không biết chín cách biến hóa⁽²⁾.

Tính chất âm dương của trời, hình tên của đất đai, lòng dạ của con người, biết được điều ấy thì thu hoạch thành công.

Biết được sĩ tốt của mình thì biết được quân địch. Không biết sĩ tốt của mình thì không biết quân địch. Không biết quân địch, mỗi lần đánh ắt thiệt hại. Cho nên khi đem quân đánh phá, trước hết phải biết lòng dạ của sĩ tốt và biết nắm cách dùng gián điệp⁽³⁾.

Điều mà quân sĩ yêu mến, mà tướng sùỵ coi xem trọng hậu, nếu không có thánh trí thì không dùng được, nếu không phải nhân hiền thì không thể sai khiến.

Phép ngũ gián mà được hợp tình ắt là dân chúng có thể sử dụng, nước nhà có thể bảo tồn lâu dài.

Cho nên binh muốn sống thì phải chuẩn bị, bất đắc dĩ mới đánh nhau, tính để được yên ổn, động để tỏ uy vũ, không cậy vào sự địch không đến, mà nên cậy vào sự địch không thể đánh ta được, dùng binh gần để chờ đánh binh xa, dùng binh an nhàn để chờ đánh binh nhọc mệt, dùng binh no để chờ đánh binh đói, dùng chỗ thực có của mình để đánh vào chỗ khiếm khuyết của người, dùng binh sống để chờ đánh binh chết⁽¹⁾ dùng binh nhiều để chờ đánh binh ít, dùng binh vượng để chờ đánh binh suy, dùng binh ẩn nấp để chờ đánh binh đang đến, cờ xí ngay ngắn, chiêm trống chừng chạc, đang theo đằng trước mà lật ngược ra đằng sau, giữ vững các chỗ hiểm trở để xây dựng bề thế bên ngoài, lấy điều lợi để khuyên dụ địch, lấy điều hại để làm cho địch mềm yếu (thoái nhượng) đó là phép trị quân đầy đủ.

Chín thế đất (cửu địa) là:

Tan địa: đất mà binh nhà dễ tan vỡ;

Khinh địa: đất gần với nước mình;

Tranh địa: đất lợi, hai bên đều tranh chiếm;

Giao địa: đất mà hai bên đều đến được;

Trọng địa: đất sâu vào nước địch;

Ty địa: đất lồi lõm, hiểm trở;

Vi địa: đất dễ bị vây đánh úp;

Tử địa: đất đánh lâu thì chết;

Chín cách biến hóa (cửu biến) là: Mưu, có lúc không dùng; Lợi, có lúc không lấy; Quân địch, có lúc không đánh; Đất đai, có lúc không tranh; Binh pháp, có lúc không giữ đúng; Giao chiến, có lúc không hợp; Đường, có lúc không đi theo; Thành, có lúc không phá; Lệnh vua, có lúc không tuân.

Năm cách dùng gián điệp (ngũ gián) là:

Dùng người trong hàng ngũ của địch, hoặc đồng hương với quân địch (nhân gián)

Dùng quan viên thất thế của quân địch (nội gián)

Dùng lại gián điệp của địch (phản gián)

Dùng gián điệp quyết chiến (tử gián)

Dùng gián điệp có địa vị, thế lực không thể lâm nguy mà chết (sinh gián)

THỨ MƯỜI: THƯỜNG PHẠT

Phép tắc của sự thưởng phạt là thưởng điều thiện, phạt điều ác. Thưởng để nêu cao công lao, phạt để ngăn cấm điều gian tà.

Thưởng thì không thể không công bằng, phạt thì không thể không đồng đều.

Sự ban thưởng biết chỗ mà thi hành ắt là dũng sĩ biết nơi mà liều chết. Hình phạt biết chỗ mà áp dụng ắt là kẻ tàn ác biết nơi mà kiêng sợ.

Cho nên thưởng không thể thi hành sai lầm, phạt không thể áp dụng bừa bãi. Thưởng sai lầm ắt là kẻ bề tôi có công lao sẽ oán than, phạt bừa bãi ắt là kẻ sĩ phu ngay thẳng sẽ hờn giận. Đó là trường hợp Dương Canh phải chịu thiệt hại vì đã xử đoán bất công, Sở Vương phải bại trận vì đã tin lời dèm pha.

Người tướng chuyên dùng uy quyền sinh sát, ắt là kẻ đáng giết thì cho sống, kẻ đáng sống thì đem giết đi, giận dữ không có lí do rõ ràng, phạt thưởng không sáng suốt, lệnh dạy không thường, lấy việc riêng làm việc chung, đó là năm điều nguy hại của quốc gia .

Thưởng phạt không sáng suốt, lệnh dạy có khi không theo đúng, ắt là kẻ đáng sống thì đem giết chết, bọn gian tà không ngăn cấm ắt là kẻ đáng chết thì cho sống.

Sĩ tốt tan vỡ, giận dữ không có lí do rõ ràng, uy vũ không thi hành thưởng phạt không sáng suốt, không khuyến khích công việc của kẻ dưới, phép chính trị và giáo hóa không thích hợp, pháp lệnh không được tuân theo, lấy việc riêng làm việc chung, thì người sẽ sinh hai lòng.

Cho nên bọn gian tà mà không ngăn cấm được thì sự nghiệp không tồn tại lâu dài.

Dùng binh ở thế sống để chờ đánh binh ở thế chết.

Sĩ tốt tan vỡ, thì người sẽ ít ỏi;

Uy vũ không thi hành thì khi thấy quân địch, binh sẽ không muốn đánh;

Không khuyến khích công lao của kẻ dưới thì bề trên sẽ không được giúp đỡ mạnh mẽ.

Pháp lệnh không được theo đúng thì công việc sẽ lộn xộn không chỉnh đốn được;

Người có hai lòng thì nước nhà chịu nguy hại.

Cho nên dùng chính pháp để phòng ngừa kẻ gian tà, lấy sự kiem ước để cứu chữa việc xa xỉ, người trung thực có thể cử coi ngục tù, người liêm khiết công bình có thể cử coi việc thưởng phạt. Thưởng phạt không tà khúc ắt là người ta đầu chết cũng cam phục. Trên đường có người đói, mà trong chuồng có ngựa béo, điều ấy có thể gọi là giết người ta chết để mình được sống, xử mỏng với người mà dày với mình.

Cho nên bậc vua của loài người trước hết mới tìm rồi sau mới ban thưởng trước hết ra giáo lệnh rồi sau mới trừng phạt, ắt là có người thân cận phụ họa theo, kính sợ mà thương mến.

Không ra lệnh mà thi hành, thưởng phạt không thích đáng, ắt là trung thần sẽ chết vì việc không đáng tội, mà gian thần sẽ được thăng thưởng nhờ việc không đáng công.

Ban thưởng mà không ty hiềm người có thù oán với mình, nhờ đó mà Tề Hoàn Công được sự giúp sức của Quản Trọng; trừng phạt mà không miễn cho thân nhân họ hàng gần xa, đó là trường hợp Chu Công giết em mà nổi tiếng.

Cho nên *Kinh Thư* nói rằng:

Không thiên lệch, không bè đảng,

Vương đạo rộng rãi;

Không bè đảng, không thiên lệch,

Vương đạo công bằng.

Đó là điều đã nói ở trên.

THỨ MƯỜI MỘT: MỪNG GIẬN

Phép mừng giận là khi mừng thì chẳng nên mừng về việc không đáng mừng, khi giận thì chẳng nên giận về điều không đáng giận.

Trong khi mừng giận phải hiểu rõ vào loại nào. Khi giận không nên làm hại kẻ vô tội, khi mừng không nên nghe theo lời kẻ sĩ đáng trừ bỏ.

Lúc mừng giận không thể không hiểu rõ lí do khi mừng không nên tha cho kẻ có tội, khi giận không nên giết kẻ vô tội.

Trong việc mừng giận, không nên làm bậy bạ, làm việc tư mà bỏ việc công. Người tướng không thể giận việc riêng mà gây việc chiến tranh, mà phải lợi dụng tâm chí của quần chúng, còn nếu lấy sự giận việc riêng mà gây chiến ắt là việc sử dụng quần chúng phải thất bại.

Đã giận rồi không thể vui trở lại, đã mừng rồi không thể lại giận.

Cho nên trước hết dùng văn rồi sau mới dùng võ. Trước hơn ắt là sau thua, trước giận ắt là sau hối tiếc, chỉ một sáng giận dữ để thân thể phải tiêu vong.

Cho nên người quân tử uy nghiêm mà không dữ tợn, bực tức mà không giận dữ, lo mà không sợ, vui mà không mừng, phải có việc đáng bực tức rồi sau mới dùng uy vũ thêm vào.

Dùng uy vũ thêm vào ắt là hình phạt được thi hành, hình phạt thi hành ắt là bọn gian tà bị ngăn cản. Không dùng uy vũ thêm vào ắt là hình phạt không đúng; hình phạt không đúng ắt là việc xấu không được sửa chữa, nước ấy phải mất.

THỨ MƯỜI HAI: DỆP LOẠN

Phép trừ rối loạn là khảo sát quan lại, kiêm gồm các chức vụ, dẹp bỏ cái văn vẻ giả dối ở bên ngoài, giữ lại cái thực chất ở bên trong.

Nếu các việc làng nhàng không dứt ắt là có mầm loạn sinh ra, nếu các việc nhỏ nhen hèn hạ không trừ ắt là trở nên tai họa quái gở.

Nếu *ba giếng⁽¹⁾ không ngay thẳng, sáu mối⁽²⁾ không chỉnh đốn ắt là loạn lớn sinh ra.*

Cho nên phép trị nước là giống như vẽ hình tròn thì đừng cho sai với thước quy⁽³⁾, vẽ hình vuông thì đừng cho sai với thước củ⁽⁴⁾, có gốc đừng để mất ngọn làm chính trị thì đừng cho mất đạo lí, như thế muôn việc có thể thành công, công nghiệp có thể bảo tồn.

Ba quân loạn lạc, lộn xộn rối ren, đều phải tìm hiểu lí do.

Ba giếng (tam cương) là ba mối quan hệ vua tôi, cha con, chồng vợ.

Sáu mối (lục kỉ) là sự liên lạc với hàng cha, hàng anh em, họ hàng, hàng cậu, hàng sư trưởng, bạn bè.

Thước qui: cái compa.

Thước củ: cái ê-ke.

Khi bậc vua sáng suốt sắp đặt giềng mối (phép tắc), thì nền chính trị nên có việc trước, việc sau.

Trước sửa giềng, sau sửa mối,
Trước sắp đặt mệnh lệnh, sau sắp đặt hình phạt,
Trước lo gần, sau lo xa,
Trước lo trong, sau lo ngoài,
Trước lo gốc, sau lo ngọn,
Trước lo việc mạnh, sau lo việc yếu,
Trước lo việc lớn, sau lo việc nhỏ,
Trước lo sửa mình, sau lo sửa người,
Đó là sửa giềng thì mối được tháo gỡ
Sắp đặt mệnh lệnh thì hình phạt thi hành;
Lo việc gần thì việc xa yên;
Lo việc trong thì việc ngoài ngay thẳng;
Sửa gốc thì ngọn được thông;
Lo việc mạnh thì yếu cũng bành trướng;
Lo việc lớn thì việc nhỏ cũng thi hành;
Sửa phần trên thì phần dưới cũng được ngay thẳng;
Sửa mình thì được người kính;
(Đó là đạo trừ rối loạn vậy).

THỨ MƯỜI BA: LỆNH DẠY

Phép ra lệnh dạy có nghĩa là trên dạy dưới. Lời trái lẽ đừng nói, việc trái đạo đừng làm; các việc mà người trên làm là chỗ mà người ta ngược mắt trông vào.

Tha thứ cho mình mà đi dạy người đó là phép tắc trái ngược, sửa mình cho ngay thẳng để dạy người, đó là phép hợp lí.

Cho nên bậc vua của loài người trước hết sửa mình rồi sau mới ban hành mệnh lệnh. Mình không ngay thẳng thì mệnh lệnh không được nghe theo, mệnh lệnh không được nghe theo ắt là sinh ra biến loạn

Cho nên đạo làm vua trước hết là ban lệnh dạy dỗ, rồi sau mới trách phạt. Không dạy dỗ, tập luyện quân sĩ mà đem đi đánh dẹp thì cũng như đem chúng

vứt bỏ đi. Trước hết tập luyện sĩ tốt về phép dùng binh thì có năm phép tắc.

Thứ nhất là sai khiến con mắt. Tập luyện cách biến động theo sự chỉ huy⁽¹⁾ cờ xí, chạy dọc chạy ngang theo ý muốn.

Thứ hai là sai khiến lỗ tai: tập nghe tiếng chiêng trống, cách động tĩnh đi đứng.

Thứ ba là sai khiến lòng dạ: tập chịu nghiêm cách của hình phạt, hưởng điều lợi ích của tước lộc, thưởng.

Thứ tư là sai khiến cái tay: Tập cho biết phương tiện của năm binh, chuẩn bị việc chiến đấu.

Thứ năm là sai khiến cái chân: Tập các phép xông vào hay chạy trốn và các cách tới lui cho được chu toàn.

Cho nên gọi là năm cách dạy: lệnh về dạy về quân trận đều có phép tắc.

Bên trái dạy Thanh long,

Bên phải dạy Bạch Hổ,

Đằng trước dạy Chu Tước,

Đằng sau dạy Huyền Vũ,

Ở giữa là chỗ ở của Hiên Viên Đại Tướng Quân.

Bên trái là mâu (giáo), bên phải là kích, đằng trước là thuẫn (mộc) đằng sau là nỏ, ở giữa là cờ trống; lúc động cùng dấy, nghe trống thì tới, nghe chiêng thì lui, tùy theo sự chỉ huy, năm trận bèn có thể sắp bày.

Theo trận pháp chính cách thì cờ trống là chủ chốt.

Một tiếng trống, đưa cờ xanh lên, ắt là bày trận thẳng (trực trận).

Hai tiếng trống, đưa cờ đỏ lên, ắt là bày trận bén (nhuệ trận).

Ba tiếng trống, đưa cờ vàng lên, ắt là bày trận vuông (phương trận).

Bốn tiếng trống, đưa cờ trắng lên, ắt là bày trận tròn (viên trận).

Năm tiếng trống, đưa cờ đen lên, ắt là bày trận cong (khúc trận).

Trận thẳng là mộc trận (trận cây).

Trận bén là hỏa trận (trận lửa).

Trận vuông là thổ trận (trận đất).

Trận tròn là kim trận (trận loài kim).

Trận cong là thủy trận (trận nước).

Trận ngũ hành ấy biến hóa mà sinh nhau, xung đối mà hơn nhau sinh nhau để cứu nhau, hơn nhau để đánh phá, sinh nhau để giúp nhau, hơn nhau để mà

đối địch.

Chỉ trở, huy: phát, vậy.

Phạm phép lập năm trận là năm năm giữ nhau:

Năm người hợp thành một trưởng;

Năm trưởng hợp thành một sư;

Năm sư hợp thành một chi;

Năm chi hợp thành một hỏa;

Năm hỏa hợp thành một tràng;

Năm tràng hợp thành một quân.

Như thế ắt là quân sĩ hoàn bị.

Về việc binh, điều tiện lợi cốt là biết tiết độ:

Kẻ thấp cầm mâu kích;

Kẻ cao cầm cung nỏ;

Kẻ mạnh cầm cờ xí;

Kẻ bạo dạn cầm chiêng trống;

Kẻ yếu chu cấp lương thực và súc vật;

Kẻ tri thức lo lập mưu kế làm chủ chốt;

Làng xóm liên kết với nhau,

Năm năm giữ cho nhau.

Nghe một tiếng trống thì ngay ngắn;

Nghe hai tiếng trống thì tập trận;

Nghe ba tiếng trống thì khởi ăn;

Nghe bốn tiếng trống thì làm việc nghiêm chỉnh;

Nghe năm tiếng trống thì khởi hành;

Nghe tiếng chiêng trống, rồi sau mới đưa cờ lên; đem binh ra có thứ lớp;

Một lần đánh trống ba hồi, giương cờ xí lên, ai dấy binh đánh trước thì thường, ai rút lui thì chém, đó là lệnh dạy.

THỨ MƯỜI BỐN: CHÉM ĐỨT

Phép chém đứt là phép chém những kẻ không làm theo lệnh dạy. Phép chém ấy có bảy trường hợp:

Thứ nhất là trộm cắp;
Thứ hai là khinh thường;
Thứ ba là ngạo mạn;
Thứ tư là lừa dối;
Thứ năm là bội nghịch;
Thứ sáu là lộn xộn;
Thứ bảy là lằm lạc; (làm bậy).

Đó là những điều cấm đoán trong phép trị quân.

Đáng chém mà không chém thì phải chịu cảnh lộn xộn. Cho nên bày ra búa rìu uy nghiêm để chờ có những kẻ trái lệnh mà đem giết đi.

Luật pháp của quân đội thuộc đẳng cấp khác thường:

Lỗi nhẹ mà phạt nặng;

Mệnh lệnh không thể làm trái, làm trái thì phải chém.

Việc hội họp đã định trước mà lại không tới; nghe trống mà không đi; thừa lúc khoan thai mà tự ý dừng lại; khi cần tránh lui mà tự ý đứng lại; ban đầu thì ở gần, về sau thì ở xa; gọi tên không ứng đáp; xe giáp không đầy đủ; binh khí không chuẩn bị; đó là quân có tính khinh thường; quân khinh thường thì phải chém.

Nhận được lệnh mà không truyền đi; truyền lệnh không cẩn thận hăn hoi; làm mê hoặc các lại sĩ; không nghe chiêng trống; không nhìn cờ xí; đó là quân ngạo mạn, quân ngạo mạn thì phải chém.

Ăn phần lương không cho ăn (cấm ăn); làm việc quân mà không tiết kiệm số lính⁽¹⁾; chu cấp cho kẻ dưới không đồng đều, chỉ a dua riêng theo người thân; lấy đồ vật chẳng phải của mình; vay mượn mà không trả; đoạt đầu mục của người, để chiếm công lao; đó là quân trộm cắp, quân trộm cắp thì phải chém.

Thay đổi tên họ; y phục không hăn hoi (lành sạch); cờ xí rách nát; chiêng trống không đủ; giáo mác không mài; binh khí không chắc chắn; tên không gắn lông; cung nỏ không có dây; pháp lệnh không thi hành; đó là quân lừa dối, quân lừa dối thì phải chém.

Nghe trống mà không tiến; nghe chiêng mà không dừng, cờ hạ xuống mà không núp; cờ giơ lên mà không đứng dậy; không theo lệnh chỉ huy; tránh đằng trước ra đằng sau; đi ra lộn xộn không có hàng ngũ; làm hỏng cái thế cung nỏ; tránh lui mà không đánh; hoặc chạy qua trái hoặc chạy qua phải; nâng

đỡ người bị thương; khiêng vác xác chết; tự nâng đỡ mà về; đó là quân bội nghịch, quân bội nghịch thì phải chém.

Khi tướng mang quân ra đi, sĩ tốt tranh nhau đi trước, rối loạn lộn xộn, xe ngựa liên nhau, bít nghẽn đường đi, đằng sau không thể tới trước được, kêu gọi ồn ào, nên

Dùng số lính quá nhiều vào một việc nhỏ nhặt, phung phí sức lính.

không nghe được, hàng ngũ rối loạn mất hết thứ tự, binh khí bị tổn hại, dài ngắn không sắp đặt gọn gàng, trên dưới ngang dọc; đó là quân lộn xộn, quân lộn xộn thì phải chém.

Nơi quân đội dừng lại đóng đồn lập dinh, hỏi thăm xóm làng, gần gũi nương nhau, giữ gìn lương thực cho nhau, không được vượt hàng ngũ của mình; miễn cưỡng nhập vào hàng ngũ của toán khác, làm sai lạc thứ tự, bị quở mắng mà không chịu thôi; ở chốn dinh trại, không chịu theo cửa ngõ mà ra vào (chui, leo hàng rào) không chịu tự mình thưa trình; chỗ nào có kẻ gian tà dấy lên làm bậy bạ, những ai biết được mà không báo cáo thì cũng đồng tội một hạng như nhau; hội họp cùng người uống rượu; a dua nhau làm việc tư tà, lấy hoặc nhận đồ vật của người; lớn tiếng hăm dọa, nghi hoặc quan lại sĩ, đó là quân làm bậy, quân làm bậy thì phải chém

Chém bọn ấy xong, mọi việc mới được chỉnh đốn.

THỨ MƯỜI LĂM: LO TÍNH

Phép lo tính là lo gần, tính xa.

Người không tính xa ắt phải lo gần.

Cho nên người quân tử không lo toan ngoài địa vị của mình. Lo là sắp đặt mưu mô, tính là sắp đặt kế hoạch để làm việc. Không được địa vị thì chẳng nên mưu tính việc chính trị; không có việc làm thì chẳng nên sắp đặt kế hoạch.

Việc lớn bắt đầu từ chỗ khó, việc nhỏ bắt đầu tự chỗ dễ.

Cho nên muốn tính điều lợi ắt phải lo điều hại; muốn tính việc thành ắt phải lo việc bại. Đó là trường hợp của Cửu Trùng Đài tuy cao lớn, nhưng ắt có ngày hư hoại.

Cho nên ngẩng mặt trông lên thì không nên sợ ý phía dưới; đứng trước thì không nên sợ ý ở đằng sau. Đó là trường hợp Tần Mục Công đánh nước Trịnh mà hai người con biết sẽ bị thiệt hại; vua Ngô nhận gái Việt mà Tử Tư biết sẽ thất bại; nước Ngụy nhận ngựa làm bằng ngọc bích mà Cung Chi Kỳ biết sẽ bị thiệt hại; Tống Tương Công tập luyện binh xa mà Mục Di biết rằng sẽ thua. Trí thức như thế, lo tính chu đáo như thế, có thể gọi là sáng suốt vậy.

Nương theo dấu vết của trận đổ vỡ, đi theo đuôi các việc suy sụp, chìm đắm, để tiến tới trước, thì làm sao mà tới kịp được. Cho nên nhà Tần nổi nghiệp bá chủ mà không theo kịp đạo của Nghiêu, Thuấn.

Sự nguy biến sinh ra từ sự yên ổn,

Sự mất sinh ra do sự còn,

Điều hại sinh ra từ điều lợi,

Sự rối loạn sinh ra từ yên trị.

Bậc quân tử xem điều nhỏ nhất mà biết rõ ràng, thấy đầu mà biết đuôi, nên tai họa không thể theo đâu mà dấy lên được, đó là phép lo tính.

THỨ MƯỜI SÁU: XEM XÉT ÂM THẦM

Phép xem xét âm thầm cũng giống như phân loại các đồ vật để hiểu rõ ý nghĩa của mỗi vật.

Ngoài bị tổn thương ắt là trong bị cô độc; trên ngờ ắt là dưới nghi; nghi ắt là người thân không dùng; ngờ ắt là người xem xét không đúng phép; không đúng phép thì mưu kế rối loạn; mưu kế rối loạn thì nước gặp cảnh nguy nan; nước nguy nan thì không yên ổn.

Đó là kẻ thường suy nghĩ thì lo xa; lo xa thì yên ổn; không lo nghĩ thì sẽ gặp nguy nan.

Kẻ giàu thì được thỏa chí; kẻ nghèo thì không gặp thời.

Ham thích nhiều thì tiêu phí nhiều; chứa trữ nhiều thì mất mát nhiều.

Đua nhau mua sắm thì hết tiền của; chuyên quyền thì không thành công.

Nhiều người cùng lo một việc thì phiền phức; sự phiền phức sinh ra do sự lười biếng (ỷ lại vào nhau).

Thuyền hở (đáy) thì nước vào; túi thủng (đáy) thì ở trong chẳng còn vật gì.

Núi nhỏ thì không có thú vật, nước cạn (nông) thì không cá; cây yếu thì khôn có ổ chim.

Tường hư thì nhà nghiêng; đê vỡ thì nước tràn ngập.

Chạy mau thì ngã; đi thong thả thì chậm trễ.

Đi thuyền trên chỗ cạn thì nguy; đi trên nước đá thì sợ.

Lội suối thì chết đuối; gặp nước thì vượt bằng thuyền.

Không mái chèo thì không thể qua sông; mất bạn thì phải mong chờ người xa.

Thường phạt thì xét công; không thành thực thì không tin cậy.

Môi nứt (mất) thì răng lạnh; lông rụng thì da yếu.

Kẻ nịnh nọt thì lời nói rối loạn; chỉ nghe một bên thì sẽ có tai hại.

Mưa đờ việc lành thì thẳng, mưa đờ việc ác thì chia rẽ.

Người thiện khuyên người ác cũng như mưa móc về mùa xuân.

Ngựa kì và ngựa ký thì dễ cưỡi, ngựa nô và ngựa đài thì khó tập.

Không nhìn thì là đui, không nghe là điếc.

Rễ hư thì lá khô; lá khô thì hoa rụng; hoa rụng thì quả thối.

Trụ nhỏ thì nhà nghiêng ngả; gốc nhỏ thì ngọn lung lay.

Dưới nhỏ thì trên phải đổ.

Không phân biệt đen trắng, bỏ đồ cao quý mà dùng đá thì cọp và dê ở cùng bầy.

Áo rách thì vá, đai ngắn thì nối dài;

Chơi dao thì (có ngày) đứt tay, nhảy nhót thì (có ngày) què chân.

Giặt rửa không cần tới sông ngòi, cốt yếu là gột tẩy chất bẩn; cưỡi ngựa không cần tới ngựa kì và ngựa ký, cốt yếu là nhanh chân; dùng hiền tài chẳng cần phải là thánh nhân, cốt yếu là có trí thức thông suốt, gồm có năm đức.

Thứ nhất là ngăn cấm việc hung bạo, dứt bỏ việc binh đao;

Thứ hai là tưởng thưởng bậc hiền tài, trừng phạt kẻ phạm tội ác;

Thứ ba là làm cho dân chúng yên ổn, nhân ái, hòa hiệp;

Thứ tư là che chở, bao bọc cho người khác, xét định công lao;

Thứ năm là ngăn chặn sự phong hoa, xa xỉ, phản đối việc dèm pha.

Đó gọi là năm đức.

TƯỚNG UYÊN NGŨ THẬP THIÊN - QUYỀN BÌNH CỦA TƯỚNG SÚY

Quyền cầm binh là quyền nắm giữ vận mệnh của ba quân, là uy thế của bậc chủ tướng.

Bậc tướng súy cầm binh quyền, giữ binh thế, để coi sóc tay chân bộ hạ, cũng giống như cọp dữ mang thêm đôi cánh, bay lượn ngao du nơi bốn biển, tùy cảnh ngộ mà thi thố.

Ví bằng tướng súy mất binh quyền, không còn nắm giữ uy thế, cũng giống như cá, rồng bị đem ra khỏi sông hồ, có muốn được thế ngao du bơi lượn, cưỡi nước giỡn sóng, sao có thể được nữa?

ĐUỐI BỎ KẸ ÁC

Xét các điều hư tệ của việc binh trong nước thì thấy có năm điều hại sau này:

Thứ nhất là kết bè đảng liên lạc với nhau, hủy bang và che dấu kẻ hiền lương;

Thứ hai là dùng áo quần xa xỉ, mũ đai đặc biệt, khác thường;

Thứ ba là khoe khoang những việc yêu quái giả dối, bày đặt ra việc thờ quỷ thần;

Thứ tư là chuyên xét bàn các việc phải trái, ngầm có tà ý làm náo động quần chúng.

Thứ năm là xem xét dò la sự được thua, âm thầm liên kết với kẻ địch.

Đó là những kẻ làm điều gian tà, trái ngược với đạo đức, nên lìa xa mà chẳng có thể gần gũi.

BIẾT NGƯỜI

Biết tính tình của người, chẳng gì khó bằng xem xét, (bởi vì) lành dữ tuy khác nhau (nhưng) tính tình và vẻ mặt chẳng như một:

Có kẻ thì ôn hòa, hiền lành nhưng làm việc trộm cắp;

Có kẻ bề ngoài thì cung kính nhưng trong bụng thì vô lễ, gian trá;

Có kẻ bề ngoài thì mạnh dạn nhưng trong bụng thì khiếp sợ;

Có kẻ làm việc tận lực nhưng không trung thành.

Tuy nhiên có bảy phép để biết người:

Thứ nhất là lấy việc phải trái mà hỏi họ để xem chí hướng của họ;

Thứ hai là lấy lời cật vấn đến kì cùng để xem cách ứng biến của họ;

Thứ ba là đem mưu kế mà hỏi ý kiến của họ để xem kiến thức của họ;

Thứ tư là lấy việc khó mà báo cáo cho họ biết để xem tính dũng cảm của họ;

Thứ năm là đem rượu cho họ uống say để xem tính tình của họ;

Thứ sáu là đưa việc lợi cho họ coi ngó để xét tính liêm khiết của họ;

Thứ bảy là đem việc để nhờ cậy họ để xét sự tín thật của họ.

TÀI NĂNG CỦA TƯỚNG SÚY

Tài năng của tướng súy có tám hạng:

Dùng đức để đem đường cho người, dùng lễ nghi để sắp đặt yên ổn cho người, hiểu biết việc đói rét của họ, xem xét việc lao khổ của họ đó gọi là hạng nhân tướng (tướng có lòng nhân ái);

Không làm việc cầu thả lấy rồi, không vì lợi mà náo động, có thể chết vinh mà không thể sống nhục, đó gọi là hạng nghĩa tướng (tướng có lòng lễ nghĩa hiệp);

Ở địa vị cao quý mà không kiêu căng, hơn người mà không cậy công, có tài năng mà có thể hạ mình, cứng cỏi mà có thể nhẫn nhịn, đó là hạng lễ tướng (tướng có lễ nhượng);

Gặp biến cố bất ngờ mà chẳng lay chuyển, biết hành động ứng phó với các việc khó khăn, đổi họa thành phúc, gặp cơn nguy biến mà sắp đặt thành thắng thế, đó gọi là hạng trí tướng (tướng có mưu trí);

Binh tới thì thưởng lớn, binh lui thì phạt nặng, khen thưởng không chậm trễ, khi trừng phạt không buông tha cho kẻ cao quý, đó gọi là hạng tín tướng (tướng có lòng tín đức);

Tay chân lẹ làng, cưỡi ngựa dữ mạnh, khỏe hơn trăm người, giỏi dùng đoàn binh (di chuyển mau lẹ) thông thạo kiếm kích, đó gọi là bộ tướng (tướng thủ hạ của bậc đại tướng).

Có thể vượt núi non cheo leo, từng trải các việc nguy hiểm, cưỡi ngựa bắn tên mau lẹ như chim bay, tới thì đi trước, lui thì đi sau, đó gọi là kỵ tướng (tướng cưỡi ngựa).

Khí thế vượt hẳn ba quân, có ý coi thường địch mạnh, gặp đánh nhỏ thì nhát sợ, gặp đánh lớn thì mạnh dạn, đó gọi là mãnh tướng (tướng mạnh dạn);

Còn như người khi thấy bậc hiền tài thì mình tỏ ra vẻ không kíp người, nghe lời can ngăn như là thuận trôi theo dòng nước, có bụng rộng rãi nhưng có chí cương quyết, giản dị nhưng có nhiều mưu kế, đó là bậc đại tướng, (vượt hẳn tám hạng tướng kể trên).

KHÍ CÁCH CỦA TƯỚNG SÚY

Về khí cách của tướng súy, thì có kẻ nhiều, người ít chẳng giống nhau, ví bằng xét họ lúc phạm tội, xem họ lúc gặp tai họa mà cũng làm cho mọi người kính phục, đó là hạng tướng coi được mười người.

Sáng dậy tối ngủ (làm việc đều đặn), lời lẽ kín đáo rõ ràng, đó là tướng coi được trăm người.

Ngoài mặt điềm đạm, trong lòng cứng cõi mạnh mẽ. hiểu biết sự gian nan của người, nhớ nghĩ đến sự đói rét của người, đó là tướng coi được muôn người.

Gần gũi bậc hiền tài, tiến dẫn kẻ có tài năng, được một ngày, cần thận một ngày, khoan dung đại lượng, lo sửa trị việc rối loạn mà vẫn thanh nhàn, đó là tướng coi được mười vạn người.

Đem lòng nhân ái mà trị kẻ dưới, có lòng tín nghĩa làm cho các nước ở gần phải kính phục, trên hiếu thiên văn, dưới xét địa lí, ở giữa biết rõ nhân sự, đối với người trong bốn biển thì thân mến gần gũi như trong nhà, đó là bậc hùng tướng trong thiên hạ, không thể chống cự được.

CÁC NÉT XẤU CỦA TƯỚNG SÚY.

Về đạo làm tướng có tám nét xấu:
Thứ nhất là tham lam mà không biết chán;
Thứ hai là ghen ghét người hiền lương hoặc tài năng;
Thứ ba là tin lời dèm pha, thích lời nịnh hót;
Thứ tư là lo sửa cho người mà chẳng lo sửa cho mình;
Thứ năm là do dự (chần chừ), không tự quyết định;
Thứ sáu là hoang dâm về việc tửu sắc;
Thứ bảy là gian trá mà trong lòng nhát sợ;
Thứ tám là nói lời viễn vông mà không giữ lễ nghi.

LÒNG TRUNG NGHĨA CỦA TƯỚNG SÚY

Việc binh là việc dữ, tướng súy là người giữ nhiệm vụ nguy hiểm, đó là vì chí khí cứng cỏi thì phải thiếu thốn lầm lỗi; nhiệm vụ quan trọng thì nguy hại đến thân thể.

Cho nên tướng giỏi không ỷ mạnh, không cậy thế, được yêu mến mà không vui mừng, bị nhục nhã mà không lo sợ, thấy lợi mà không tham muốn, thấy sắc đẹp mà không mê dâm, đem thân quyết chết vì nước, chỉ có một tâm ý mà thôi.

ĐIỀU HAY GIỎI CỦA TƯỚNG SÚY

Tướng súy có năm điều hay giỏi, bốn điều mong muốn.

Năm điều hay giỏi là:

Giỏi biết hình thế của quân địch;

Giỏi biết phép tới lui;

Giỏi biết tình trạng hư thực của nước nhà;

Giỏi biết thời trời, việc người;

Giỏi biết các chỗ bằng phẳng hay hiểm trở của núi sông.

Bốn điều mong muốn là:

Bàn tính thì muốn cho kì diệu (hay ho khác thường).

Mưu kế thì muốn cho mật nhẹm;

Đông người thì muốn được yên tĩnh;

Tâm trí thì muốn cho chuyên nhất.

TÍNH CỨNG CỎI CỦA TƯỚNG SÚY

Tướng giỏi rất cứng cối mà không thể bẻ gãy, rất mềm mà không thể cuốn lại (uốn cong)

Cho nên lấy yếu mà trị mạnh, lấy mềm mà trị cứng.

Toàn là mềm, toàn là yếu ắt là thế sẽ bị tước đoạt; toàn là cứng, toàn là mạnh ắt là thế sẽ bị nguy von.

Không mềm, không cứng là hợp với lẽ thường của đạo lí.

TÍNH KIÊU CĂNG CỦA TƯỚNG SÚY

Tướng chẳng nên kiêu căng, tướng mà kiêu căng ắt là thất lễ, nếu thất lễ thì người sẽ lìa bỏ, nếu người lìa bỏ thì kẻ dưới sẽ làm phản.

Tướng chẳng nên bủn xỉn hẹp hòi, nếu hẹp hòi ắt là sự tưởng thưởng và tin cậy chẳng thi hành, nếu sự tin tưởng chẳng thi hành ắt là kẻ sĩ chẳng hết lòng tuân mệnh, nếu kẻ sĩ không hết lòng tuân mệnh ắt là quân đội không lập nên chiến công, nếu quân đội không có chiến công thì nước sẽ hư hao, nếu nước hư hao thì trộm cướp sẽ đầy rẫy.

Khổng Tử nói rằng: Như có kẻ có tài năng và nghề hay như ông Châu Công mà lại có tính kiêu căng và biến lận thì tài nghề ấy không đủ để người ta xem xét mà kính trọng nữa (Luận Ngữ: Chương Thái Bá, tiết 12).

ĐIỀU MẠNH CỦA TƯỚNG SÚY

Tướng có năm điều mạnh, tám điều ác.

Thanh cao và tiết tháo để có thể khuyên đời.

Hiếu để để có thể nêu danh;

Tín nghĩa để có thể giao thiệp với bạn hữu;

Có lòng thương yêu rộng rãi để có thể bao dung cho người.

Hết sức làm việc để có thể lập công;

Đó là năm điều mạnh của tướng sұy.

Sắp đặt mưu kế mà chẳng thể tính việc phải trái;

Sửa trị mà chẳng thể bổ nhiệm người hiền lương;

Gặp loạn mà chẳng có thể sửa hình pháp cho đúng đắn;

Giàu mà chẳng có thể giúp kẻ nghèo túng;

Có trí thức mà chẳng có thể chuẩn bị khi việc chưa thành hình;

Lo tính mà chẳng có thể giữ gìn công việc cho được kín đáo;
Khi thành đạt mà chẳng có thể tiến cử kẻ mà mình biết khả năng;
Khi thất bại mà chẳng có thể tự ngăn giữ mình đừng hủy bang người.
Đó gọi là tám điều ác

RA QUÂN

Ngày xưa, khi nước nhà gặp nguy nan, nhà vua chọn kẻ hiền tài để dùng, giữ trai giới ba ngày, vào cửa Thái Miếu, đứng xoay mặt về hướng Nam, còn tướng súy xoay mặt về hướng Bắc, quan Thái Sư bèn dâng rìu, búa lên cho vua.

Nhà vua cầm lấy rìu búa trao đầu cán cho tướng mà nói rằng: “Từ cửa thành trở ra, do tướng quân quyết đoán”.

Lại ban mệnh rằng:

Thấy hư (không trở ngại) thì tiến;

Thấy thực (có trở ngại) thì dừng;

Chẳng nên quý mình mà khinh người;

Chẳng nên giữ riêng ý kiến của mình mà vứt bỏ ý kiến của mọi người;

Đừng nên dùng bọn xảo nịnh mà rời bỏ người trung tín;

Sĩ tốt chưa ngồi thì mình chẳng nên ngồi;

Sĩ tốt chưa ăn thì mình chẳng nên ăn;

Cùng chịu lạnh, nắng với nhau, cùng chịu mệt nhọc, hưởng an nhàn với nhau;

Đều nếm ngọt đắng với nhau, đều chịu cảnh nguy nan, lo lắng với nhau;

Như thế ắt là sĩ tốt phải hi sinh tính mệnh, và quân địch phải thua.

Tướng nghe lời dạy xong, luồn quanh cửa dữ (xấu)⁽¹⁾ dẫn quân mà đi ra.

Nhà vua tiễn đưa, quỳ xuống hai tay cầm trục bánh xư nói rằng: “Tới hãy giữ đúng thời nghi, việc trong quân đội không còn tuân nghe mệnh vua, tất cả đều do tướng quyết đoán đưa ra”.

Được như thế, ắt là ở trên không còn có Trời, ở dưới không còn có Đất, ở trước không sợ quân địch, ở sau không biết có Chúa, nhờ đó mà kẻ trí thức thì lo toan, kẻ mạnh dạn thì chiến đấu, cho nên đánh thắng đối với bên ngoài, lập công đối với bên trong, nêu danh tới đời sau, phước được hưởng tới con cháu.

Cửa dũ ở đây là phương hướng xấu tùy theo ngày giờ (Bát Môn độ học).

CHỌN LỰA NHÂN TÀI

Khi quân đội đang đi đường, nếu có những kẻ ham thích việc chiến đấu, có thể một mình bắt được địch mạnh, thì gom họ lại thành một toán, gọi là binh báo quốc (đền ơn nước).

Nếu có những kẻ có khí lực bao trùm ba quân, tài sức mạnh dạn mau mắn, thì gom họ lại thành một toán gọi là binh đột trận (xông trận).

Nếu có những kẻ lẹ chân, giỏi đi bộ, chạy như ngựa phi, thì gom họ lại thành một toán gọi là binh khiên kì (giật cờ).

Nếu có những kẻ cưỡi ngựa, bắn tên như bay, chẳng phát nào không trúng, thì gom họ lại thành một toán gọi là binh tranh phong (giành đi trước).

Nếu có những kẻ bắn ắt là trúng, nếu trúng ắt là chết, thì gom họ lại thành một toán, gọi là binh phi trì (bay chạy).

Có những kẻ giỏi bắn nỏ mạnh, tuy từ xa mà đều trúng cả thì gom họ lại thành một toán, gọi là binh tòi phong (bẻ gãy mũi nhọn).

Đó là hạng lính giỏi của sáu đội binh, đều nhân tài năng của họ mà dùng họ.

CÁCH DÙNG TRÍ

Đạo làm tướng là thuận theo ý trời, nhân thời cơ, dựa vào sức người để sắp đặt cho được thắng thế.

Cho nên trời làm, thời chẳng làm, mà người làm, đó gọi là nghịch trời.

Thời làm, trời chẳng làm, mà người làm, đó gọi là nghịch trời;

Trời làm, thời làm, mà người chẳng làm, đó gọi là nghịch với người.

Bậc trí thức chẳng nghịch bởi ý trời, chẳng nghịch với thời cơ, chẳng nghịch với lòng người.

XV. KHÔNG BÀY CHIẾN TRẬN

Ngày xưa, người sửa trị giỏi không cần dùng binh, kẻ giỏi dùng binh không cần bày trận, kẻ bày trận giỏi không cần đánh, kẻ giỏi đánh thì không thua, kẻ

giỏi thua không để mất.

Ngày xưa, bậc thánh nhân sửa trị tới nơi tới chốn làm cho dân an cư (yên ổn về chỗ ở), lạc nghiệp (vui về nghề nghiệp) người người từ trẻ đến già không đánh nhau, nhưng thế đáng gọi là người sửa trị giỏi thì không cần dùng binh.

Như vua Thuấn sửa lại phép tắc, pháp luật, Cừu Do dạy nhân sĩ, người người chẳng trái lệnh trên nên hình phạt không có chỗ mà áp dụng, như thế đáng gọi là kẻ giỏi dùng binh thì không cần bày trận.

Như vua Hạ Vũ đánh rợ Hữu Miêu, cho múa mộc và múa quạt làm cảm động được dân Miêu, như thế đáng gọi là người giỏi bày trận mà không cần đánh (Theo Kinh Thượng Thư, thiên Đại Vũ Mô, thì Hạ Vũ ra quân mà không đánh, chỉ cho múa mộc múa quạt ở hai bên thềm, chỉ sau bảy tuần mà chúa Hữu Miêu đến chầu)⁽¹⁾.

Như vua Thành Thang nhà Thương và vua Võ Vương nhà Chu làm lễ thệ sư (cùng thề với quân đội), chỉ dùng nhung y một lần mà thiên hạ đại định, như thế đáng gọi là kẻ giỏi đánh thì không thua.

Như vua Chiêu Vương nước Sở, gặp nạn, trốn qua nước Tần để xin binh cứu viện, chẳng bao lâu lại có thể trở về nước mình, như thế đáng gọi là kẻ giỏi thua thì không mất⁽²⁾.

LÒNG THÀNH CỦA TƯỚNG SÚY

Kinh thư nói rằng:

Khinh thường người quân tử thì không thể dùng hết lòng người;

Khinh thường kẻ tiểu nhân thì không thể dùng hết sức người.

Các điều trọng yếu của phép chỉ huy quân đội là:

Nắm giữ lòng dạ của các bậc anh hùng;

Sắp đặt việc thưởng phạt cho được nghiêm ngặt;

Gom góp được cả hai nghề văn võ;

Gồm kiêm được cả hai thuật cứng mềm;

Giảng dạy lễ, nhạc và trau dồi thư, sách;

Đưa nhân nghĩa ra trước, để trí dũng ra sau;

Lặng lẽ như cá lặn, hành động như rái (cá) bơi;

Phá tan thế liên kết của địch, bẻ gãy thế mạnh của địch;

Vua Hạ Vũ không dùng võ đức mà dùng văn đức.

Nhờ có tôi trung là Thân Bao Tư, qua cầu cứu với ông ngoại Sở Vương là Tân Hầu đứng giữa san triều la khóc bảy ngày đêm, không chịu ăn uống để xin viện binh.

Dùng cờ xí để thấy rõ, dùng chiêng trống để báo hiệu.

Lui giống như núi dời chỗ, tới giống như gió mưa;

Đánh ngã giống như phá đổ, hạp đánh như cọp bầy;

Bức bách địch để mà dung nạp chúng, lấy điều lợi ích mà dẫn dụ chúng;

Gây rối loạn để bắt địch, tự hạ mình để cho địch trở nên kiêu căng;

Tỏ ý thân mật với địch để li gián chúng, tỏ ra mạnh mẽ để làm chúng nhụt nhuệ khí;

Có ai gặp nguy nan thì làm cho họ yên ổn, có ai lo sợ thì làm cho họ vui lòng;

Có ai phản trắc thì gọi họ quay về, có ai bị oan khuất thì giải thoát cho họ;

Có ai cuồng bạo thì kiềm chế chúng lại, có ai yếu đuối thì giúp đỡ họ;

Có ai nhiều mưu thì gần gũi họ, có ai dèm pha thì xét lại cho kỹ càng;

Có ai được tiền của thì lấy của ấy cấp cho họ;

Không nên ý mạnh mà khinh địch;

Chớ nên tự kiêu vì có tài mà khinh kẻ dưới.

Chớ nên cậy được thương yêu mà làm oai;

Trước hết phải tính toán rồi sau mới động binh, phải biết chắc thắng rồi sau mới đánh;

Được tiền của, lụa là, chớ nên giữ làm của quý, được con trai, con gái, chớ nên tự sử dụng;

Người tướng có thể xử trí được như thế, chỉ cần ra hiệu, ban lệnh là người người quyết đánh giặc, binh sĩ chẳng phải đổ máu mà địch quân sẽ tự thất bại.

XVII. CHUẨN BỊ BINH NHUNG

Việc lớn của nước, chẳng có gì lớn bằng chuẩn bị việc binh hung. Ví bằng để mất đi một việc nhỏ như hào li thì sẽ sai tới muôn dặm, để cho quân chết,

tướng bị bắt, thế nguy chẳng vượt qua cho yên ổn được thì chẳng đáng lo sợ hay sao?

Cho nên khi nước gặp nguy nan, vua tôi phải ăn tối mặc đêm⁽¹⁾ để mà mưu tính,

Cán thực, tiêu y: Ăn tối, mặc đêm, ngày lo việc nước là việc chung nghĩ tới việc ăn mặc là việc riêng.

chọn người hiền tài, liệu lượng năng lực của họ để bổ nhiệm.

Ví bằng cứ ở yên mà chẳng lo nguy, giặc đến mà không biết lo sợ, đó là chim én xây tổ ở trong màn, cá lội trong vách, ắt là phải mất chẳng cần chờ hết ngày vậ.

Sách Truyện nói rằng: Không chuẩn bị thì không đáng gọi là quân đội.

Lại nói rằng: Việc nước chẳng có việc gì là việc nhỏ, có chuẩn bị đó là nền gốc.

Lại nói rằng: Có dự bị thì khỏi lo lắng, đó là phép chính trị tốt đẹp.

Lại nói rằng: Con ong và con bò cạp còn có nọc độc của chúng, huống là nước nhà sao? Không phòng bị thì dầu có đông dân, cũng không thể cậy vào đó được.

Kinh Thư nói rằng: Chỉ suy nghĩ về công việc thì công việc sẽ được hoàn bị, hoàn bị rồi thì khỏi phải lo lắng.

Cho nên khi ba quân ra đi đánh giặc, không thể không lo chuẩn bị trước.

XVIII. TẬP LUYỆN

Quân lính mà không tập luyện thì một trăm người không bằng một người có luyện tập. Tập luyện rồi mà đem dùng thì một người có thể bằng trăm người (không tập luyện).

Cho nên Trọng Ni nói rằng: Không dạy mà đem đi đánh nhau, đó gọi là đem đi vứt bỏ. (Luận Ngữ, chương Tử Lộ, tiết 30).

Lại nói rằng: Bậc tài giỏi dạy dân bảy năm cũng có thể khiến họ gần trở nên những chiến sĩ hoàn toàn rồi. (Luận Ngữ, chương Tử Lộ, tiết 29).

Như thế ắt là sĩ tốt không thể không thay.

Trước hết lấy lễ nghĩa mà dạy bảo.

Lấy điều trung tín mà khuyên răn,

Dùng pháp luật mà răn đe,
Dùng thưởng phạt mà làm cho sợ uy,
Người ta phải biết khuyến khích,
Rồi sau mới luyện tập.
Hoặc bày trận mà phân bố.
Đang ngồi mà bắt đứng dậy đi.
Đang đi mà bắt dừng lại.
Đang ở xa nhau mà bắt hợp lại,
Đang tiến lên trước mà bắt lui lại đằng sau,
Đang đi phân tán mà bắt tụ lại một nơi.

Một người có thể dạy mười người, mười người có thể dạy trăm người, trăm người có thể dạy ngàn người, ngàn người có thể dạy vạn người, để lập thành ba quân. Cứ thế mà luyện tập thì địch ắt phải thua vậy.

XIX. QUÂN SÂU MỌT (ĂN HẠI)

Khi ba quân ra đi để đánh giặc;
Có quân thám thính không cẩn thận, dùng lừa ra hiệu không đúng quy củ;
Trễ kì hạn, vi phạm lệnh trên, không kịp thời cơ, làm trở ngại và phá rối quân đội;
Khi thì ở đằng trước, khi thì ở đằng sau, không tuân theo hiệu lệnh chiêng trống;
Làm người trên mà chẳng đoái nghĩ đến kẻ dưới, cướp bóc phá hoại không nhàm chán;
Chỉ lo tính làm lợi riêng, chỉ biết thân mình, không cứu giúp kẻ đói lạnh;
Nói lời trái lẽ, quái gở, lừa dối bày ra chuyện họa phúc;
Gây ra sự huyền não, lộn xộn, làm cho quân đội sợ hãi rối loạn, lừa dối các tướng tá và các loại sĩ;
Mạnh dạn mà không chịu kiềm chế, chuyên làm những việc tà vạy, xúc phạm tới người trên;
Làm cho kho lương của quân đội phải hư hao để cấp riêng cho mình.
Chín hạng người ấy là sâu mọt của quân đội, có chúng nó ắt phải thua.

XX. NGƯỜI TÂM PHỨC (NGƯỜI THÂN)

Làm tướng sủy ắt phải có hạng người thân để làm bụng, tim, tai, mắt, móng, răng.

Không có người để làm bụng và tim cũng như người đi đêm không biết đặt tay chân vào chỗ nào.

Không có người để làm tai và mắt cũng như ở chỗ tối tăm, không biết cách vận động.

Không có người để làm móng và răng cũng như người đói ăn phải vật độc, không thể tránh khỏi chết được.

Cho nên bậc tướng giỏi ắt phải có:

Hạng người nghe rộng, có nhiều cơ trí để làm bụng và tim.

Hạng người lặng lẽ sâu xa, khảo sát kỹ càng, cẩn thận kín đáo để làm tai và mắt.

Hạng người mạnh dạn, dữ tợn, đánh giỏi để làm móng và răng.

XXI. DÒ XÉT CẨN THẬN.

(Xét các cố) làm cho quân đội thất bại tan rã, thì chưa bao giờ khinh địch mà lại không gặp tai họa.

Cho nên ra quân thì phải có kỉ luật; mất kỉ luật thì sẽ gặp việc chẳng lành. Các phép tắc kỉ luật có mười lăm thứ:

Thứ nhất là lo toan, nghĩa là thông hiểu việc gián điệp;

Thứ hai là thu thập tin tức, nghĩa là dò hỏi cẩn thận;

Thứ ba là mạnh dạn, nghĩa là quân địch mặc dầu đông người cũng không quấy nhiễu ta được;

Thứ tư là liêm khiết, nghĩa là thấy được điều lợi mà nghĩ đến điều nghĩa;

Thứ năm là công bình, nghĩa là thưởng phạt đồng đều như nhau;

Thứ sáu là nhẫn nhục, nghĩa là giỏi chịu xấu hổ trong lòng;

Thứ bảy là có lòng rộng rãi, nghĩa là có thể bao dung người;

Thứ tám là tín thực, nghĩa là trọng lời hứa⁽¹⁾.

Thứ chín là kính cẩn, nghĩa là giữ lễ nghi đối với người hiền lương và tài năng;

Thứ mười là sáng suốt, nghĩa là không thu nạp lời dèm pha;

Thứ mười một là tồn cổ, nghĩa là không bỏ cái cũ;
Thứ mười hai là nhân, nghĩa là thương yêu, nuôi nấng sĩ tiết;

Có thể hiểu là: Nhận lợi (tư) một cách khó khăn.

Thứ mười ba là trung, nghĩa là quyết đem thân đền nợ nước;

Thứ mười bốn là phân, nghĩa là biết dừng chân;

Thứ mười lăm là mưu, nghĩa là tự lo tính cho mình rồi sau lo tính cho người khác.

XXII. CÁC HÌNH THÁI CỦA CƠ TRÍ

Lấy ngu xuẩn để đánh đổ trí thức là nghịch.

Lấy trí thức để đánh đổ ngu xuẩn là thuận.

Lấy trí thức để đánh đổ trí thức là có cơ trí.

Có ba đường lối:

Thứ nhất là công việc;

Thứ nhì là thế lực;

Thứ ba là tình cảm;

Cơ hội của công việc đã xảy tới mà không ứng biến được, là không có trí thức.

Cơ hội của thế lực đã chuyển tới mà không mưu đồ được, là không có tài năng.

Cơ hội của tình cảm đã phát sinh mà không thi hành được, là không mạnh dạn.

Kẻ giỏi làm tướng, ắt là nhân cơ hội mà xếp đặt để thắng trận.

XXIII. HÌNH PHẠT UY NGHIÊM

Ngô Khởi nói rằng:

Trống và chuông mõ dùng để tai sợ uy;

Các loại cờ xí dùng để mắt sợ uy;

Các cấm chỉ, mệnh lệnh, hình phạt dùng để lòng sợ uy;

Làm tai sợ uy thì dùng âm thanh, không thể không trọng;

Làm mất sợ uy thì dùng dung sắc (hình dáng, màu sắc) không thể không rõ ràng;

Làm cho lòng sợ uy thì dùng hình phạt không thể không nghiêm.

Ba việc ấy không đúng đắn, hẳn hoi thì sự thiệt hại ắt là chờ xảy đến.

Cho nên nói rằng:

Khi người tướng phát cờ, không thể không dời chuyển.

Khi người tướng đưa tay chỉ, không thể không đi tới.

Khi người tướng trông đợi, không thể không quyết chết.

XXIV TƯỚNG GIỎI

Bậc tướng giỏi ngày xưa có những kinh ki trọng đại (đường lối chính) là:

Lấy sự tới lui của mình để cho người xem mà người biết các điều ngăn cấm;

Lấy đức và nghĩa của mình tỏ bày cho người xem mà người biết lễ nghi;

Lấy việc phải trái mà coi là quan trọng để cho người biết cách hành động;

Lấy việc thưởng phạt để sai khiến mà người biết tín thực.

Cấm chế, lễ nghi, hành động, tín thực là những kinh ki trọng đại của quân đội. Cho nên nếu đánh được thì ắt phải thắng, quân địch ắt phải bại.

Quần chúng, ngây ngô, vụng về thì chẳng được như thế: Lui mà chẳng dừng được, tới mà chẳng ngã lại được, thiện ác lẫn lộn với nhau, sĩ tốt không được khuyên răn, thưởng phạt không công bình, người người chẳng biết tín thực. Cho nên người hiền lương, phải lui về ở ẩn, mà bọn đua nịnh thì được cất nhắc tin dùng, đó là hễ đánh ắt phải thất bại tan vỡ.

XXV XEM XÉT NHÂN DUYÊN

Nhân dựa vào thế của người để mà trừng phạt kẻ ác, đó là trường hợp của vua Huỳnh Đế, không thể tranh uy với Ngài được.

Nhân dựa vào thế của người để mà trừng phạt kẻ ác, đó là trường hợp vua Thành Thang và vua Võ Vương, không thể tranh công với các Ngài được.

Giỏi xét nhân duyên mà thêm uy tín vào đấy, ắt là có thể mưu đồ làm tướng mạnh cầm muôn binh, có thể chế ngự được anh hào trong bốn biển.

XXVI THẾ TRỜI

Thế dùng binh có ba:

- Thứ nhất là trời;
- Thứ nhì là đất;
- Thứ ba là người.

Thế trời là mặt trời, mặt trăng trong sáng, năm sao⁽¹⁾ đi đúng đường đi hiểm yếu như ruột dê, hoặc núi đèo cao vút, đá núi chông chất, sông dài ngàn dặm.

Thế người là chúa thánh, tướng hiền tài (có tài đức); ba quân giữ đúng lễ nghi; sĩ tốt vâng mệnh; lương thực, giáp trụ vững bền đầy đủ.

Bậc tướng giỏi,, nhân theo trời đi theo đất, dựa theo lợi người, ắt là hướng vào nơi nào thì ở nơi ấy không ai chống nổi, đánh vào chỗ nào cũng được hoàn toàn thành công.

XXVII

HƠN THUA

Bậc hiền tài ở trên, kẻ ngu xuẩn ở dưới, ba quân vui vẻ, sĩ tốt kính sợ, cùng nhau bàn bạc để đánh mạnh, cùng trông đợi nêu cao uy vũ, cùng lấy hình phạt để khuyên răn nhau, đó là dấu chứng sẽ thắng trận chắc chắn.

Ba quân nhiều lần kinh hãi, sĩ tốt lười biếng nhạc, kiêu mạn⁽²⁾, kẻ dưới không lễ nghi, tín thực, người người chẳng sợ quân pháp, lấy tin tức về quân địch để khùng bố tinh thần nhau, đem điều lợi ích để bàn với nhau, đem việc họa phúc để dẫn dò nhau, nói lời quái gở để lừa dối nhau, đó là dấu chứng sẽ thất bại chắc chắn.

XXVIII MƯỢN QUYỀN

Tướng súp là chỗ treo sinh mệnh của mọi người, là nơi trói buộc sự thành bại, là nơi nương tựa của họa phúc, thế mà bề trên không cho mượn quyền thường phạt, chẳng khác gì trói buộc tay chân khi vượn mà trách sao không nhảy nhót, đã trám gấn hai mắt của giống li lâu mà bắt phân biệt xanh vàng, đó là điều không thể được.

Năm sao là Tuế Tinh, Oanh cảm tinh, Trấn tinh, Thái bạch, Thần tinh.

Phóng túng, khinh nhờn, không chịu phục tùng cấp trên.

Ví bằng việc tướng thưởng ở trong tay bọn quyền thần, việc trừng phạt không do nơi tướng sớ, mọi người tự mưu lợi bừa bãi, ai mà còn ôm lòng chiến đấu? Tuy rằng có mưu trí như Y Doãn, Lã Vọng, có công nghiệp như Hàn Tín, cũng không thể tự giữ mình được!

XXIX THƯƠNG XÓT KẸ CHẾT

Bậc tướng sớ ngày xưa, nuôi nấng người của mình như là thương yêu chính con cái của mình, gặp nguy nan thì tự mình đi trước, lập được công nghiệp thì để mình ra sau, gặp kẻ bị thương tích thì than khóc mà vỗ về, khi có người chết thì thương xót mà lo chôn cất, gặp người đói thì lấy đồ ăn của mình mà cho người ăn, gặp người rét mướt thì cởi áo cho người mặc, gặp kẻ hiền tài thì kính trọng mà cấp bổng lộc, gặp kẻ mạnh dạn thì khen thưởng mà khuyến khích, bậc tướng sớ mà có thể cư xử được như thế thì hưởng và nơi nào đều đánh được nơi ấy.

XXX BA HẠNG KHÁCH KHỨA

Khi ba quân ra đánh giặc, ắt phải có khách khứa, cùng nhau bàn luận việc được thua, để nhờ cậy tướng sớ tin dùng.

Có kẻ suy nghĩ như thác nước giữa trời, mưu lạ khó dò, nghe xa thấy rộng, nghề nhiều, tài lớn, đó là kẻ mà muôn người trông mong, đáng coi là khách hạng cao.

Có kẻ hung dữ như gấu cọp, nhanh nhẹn như khí vượn nhảy nhót, cứng như sắt đá, sắc bén như gươm long tuyền, đó là hạng anh hùng trong một thời, đáng coi là khách hạng vừa.

Có kẻ nói nhiều mà có khi nói trúng, kém năng lực, mà có chút tài lạ, đó là tài năng của hạng người thường, có thể cho đến làm khách hạng thấp.

XXXI SẮP ĐẶT ỨNG BIẾN.

Nếu mưu đồ được việc khó ở trong việc dễ, làm được việc lớn ở trong việc nhỏ, trước dùng sự tướng thưởng, sau mới dùng hình phạt, đó là sự tinh diệu

của phép dùng binh.

Bộ binh đã sắp bày hàng ngũ, xe ngựa đã họp đoàn phóng chạy, nỗ cứng vừa mới buông tên, đoàn binh xông vào tiếp chiến⁽¹⁾, uy dũng nâng cao, tin tưởng tràn đầy, quân địch xin hàng, đó là tài năng trong phép dùng binh.

Tự mình xông pha tên đá, cùng đối địch để tranh hơn nhau, quyết phân thành bại rõ ràng, bên kia bị tổn thương còn bên ta cũng phải chết chóc, đó là phép dùng binh thấp kém.

XXXII TIỆN LỢI

Cỏ cây tụ tập lợi về chỗ đi lại thông thả;
Núi rừng, thành lũy trập trùng nhiều lớp, lợi về chỗ đánh lúc không ngờ;
Trời quang tạnh sánh sữa không thể ẩn bóng, lợi về chỗ dùng sức mạnh;
Đường sá chật hẹp, cỏ sậy um tùm, lợi về chỗ ẩn núp;
Lấy ít đánh nhiều, tiện lợi khi trời tối;
Lấy nhiều đánh ít, tiện lợi vào lúc tảng sáng;
Nỗ mạnh, binh nhiều, lợi về chỗ thành công mau chóng;
Băng vược, vượt nước, gió lớn tối tăm, tiện lợi khi cần nằm đằng trước, bắt đằng sau (nắm đầu giữ đuôi).

XXXIII ỨNG PHÓ VỚI THỜI CƠ

Thuật chiến thắng một cách chắc chắn, thích hợp với các hình thức biến động là do ở tài cơ biến, nếu chẳng phải là bậc cơ trí thì ai có thể làm như thế được?

Chữ tiếp ở đây có nghĩa là tiếp chiến (đánh xáp lá cà) chứ không có nghĩa là tiếp ứng.

Biết được cái đạo cơ biến thì chẳng có gì trọng đại bằng sự khởi công vào lúc không ngờ.

Cho nên cộp dũ lạc bầy, thì đứa trẻ con cũng có thể mang kích mà đuổi đánh, khi con ong và bọ cạp vào tay áo thì người trẻ mạnh cũng hoảng hốt tái

mặt, đó là trường hợp tai họa tới không tính trước được, thay đổi quá nhanh không lo nghĩ kịp được.

XXXIV CÂN NHẮC TÀI SỨC

Kẻ dùng binh giỏi ngày xưa, cân nhắc tài sức của hai bên mà có thể tính toán biết được ai thắng ai bại:

Bên nào có chúa thánh?

Bên nào có tướng sùỵ là bậc hiền tài?

Bên nào có lại sĩ có tài năng?

Bên nào có lương thực đầy đủ?

Bên nào sĩ tốt được luyện tập?

Bên nào quân kỉ được tề chỉnh?

Bên nào có khí giới, ngựa xe thừa thãi?

Bên nào có hình thế hiểm trở?

Bên nào có khách khứa trí thức?

Bên nào có nước gần kính sợ?

Bên nào có nhiều tiền của?

Bên nào có trăm họ yên ổn?

Do đó mà xem xét, thì có thể quyết đoán được sự mạnh yếu của đôi bên.

XXXV CHIẾN ĐẤU DỄ DÀNG

Giống trùng dùng nọc châm chích thì cậy vào chất độc của chúng; kẻ chiến sĩ mạnh dạn được là nhờ cậy vào khí giới đầy đủ; sở dĩ giáo bền, giáp bền là để mọi người chiến đấu dễ dàng. Cho nên áo giáp mà không bền dày thì cũng như để thịt trần, nỏ mà không bắn được xa thì cũng như đoản binh (binh dùng khí giới đánh gần), bắn mà không trúng thì cũng như không có binh, quân do thám không cẩn thận thì cũng như không có cặp mắt, tướng đánh không mạnh dạn thì cũng như không có tướng.

XXXVI ĐỊA THỂ

Địa thế là yếu tố giúp vào việc dùng binh; không biết chiến địa mà mong đánh thắng là điều chưa từng có.

Núi rừng, đá đồng, gò, đồi, sông lớn, đó là đất sử dụng của bộ binh.

Đồng bằng, đất nghiêng, đồng ruộng nối nhau liên miên, đó là đất sử dụng của xe ngựa.

Tựa núi, nương khe, rừng cao, hang sâu, đó là đất sử dụng của cung nỏ.

Gò thấp, đất bằng, tới lui dễ dàng, đó là đất sử dụng của kích dài.

Lau sậy chen nhau, tre trúc cây cối giao bóng với nhau, đó là đất sử dụng súng và mâu.

XXXVII TÍNH TÌNH(1)

Về tướng súy:

Có người mạnh dạn mà coi thường sự chết;

Có người nóng nảy nên lòng muốn cho mau chóng;

Có người tham lam nên thấy lợi thì vui mừng;

Có người nhân ái mà lòng bất nhẫn;

Có người có cơ trí mà lòng nhát sợ;

Có người có cơ trí mà lòng muốn thư thả.

Thế cho nên:

Mạnh dạn mà khinh chết thì có thể táo bạo;

Nóng nảy mà lòng muốn chóng thì có thể sinh ra trễ nải;

Tham lam mà vui mừng khi thấy lợi thì có thể sơ suất;

Nhân ái mà có lòng bất nhẫn thì có thể lao nhọc;

Trong chính văn tiếng tình thế không có nghĩa thông thường mà phải hiểu là tính tình (xem hết bài này sẽ rõ).

Có trí thức mà lòng nhát ắt thì có thể cung quân;

Có cơ trí mà lòng muốn thư thả thì có thể bị đánh up;

XXXVIII THẾ ĐÁNH(1)

Bậc tướng giỏi ngày xưa, trước hết, trăm họ sâu oán, nhân dân mắc phải nhiều bệnh tật, bệnh truyền nhiễm, kế hoạch không sắp đặt trước, khí giới không sửa chữa, lính không tập luyện, binh cứu viện bên ngoài không đến, đường xa mà trời đã tối (công việc còn nhiều mà không đủ thì giờ), sĩ tốt mệt mỏi, tướng sùỵ cư xử nhạt nhẽo lại sĩ tỏ ý khinh nhờn, biếng nhác chẳng lo sắp đặt chuẩn bị, đi tới chẳng thon thả lập trận, lập trận mà không yên định; đang đi lên dốc, đang qua chỗ hiểm, nửa nấp nửa lộ; qua đò vượt sông, cờ xí tán loạn, tướng sĩ lìa nhau; đánh thắng mà kiêu căng, bày trận không có thứ lớp, lính mệt mỏi và sợ hãi, tuy đại quân đã cấp lương thực nhưng lính chưa ăn, tự đi tự đứng không theo lệnh trên, hoặc có kẻ tới trước, hoặc có kẻ lui về sau, thì nên đánh mà chẳng ngờ.

(Nếu bên địch), người trên vững vàng, người dưới nhân ái, tuy tin cậy và tưởng thưởng mà cũng trừng phạt đều, đem lực lượng cũ kỹ ra phô bày, bổ nhiệm người hiền lương, sử dụng người tài năng, quân đội cung kính mà giữ lễ nghi, giáp binh chắc bén, lương thực được chuẩn bị để có dư dùng, nền chính giáo chẳng hư hoại, lán giềng bốn bên đều hòa mục, có nước lớn sẵn sàng ứng viện, nếu bên địch được như thế, thì nên rút lui mà tránh đi...

Thế ở đây có nghĩa là cơ hội, dịp

XXXIX CHỈNH ĐỐN QUÂN ĐỘI

Ra quân đánh giặc thì lấy sự chỉnh tề làm hơn.

Nếu thường phạt không sáng suốt, pháp lệnh không được tín nhiệm, nghe chiêng mà không dừng, nghe trống mà không tiến, dầu có quân trăm vạn, cũng dùng không được việc gì.

Quân đội chỉnh tề có nghĩa là ở yên thì giữ lễ nghi, chuyển động thì có uy nghi, tiến lên thì không ai có thể địch lại, lui về thì không ai đánh đuổi được, đằng trước và đằng sau ứng biến ăn khớp với nhau, bên trái và bên phải ứng biến đúng hiệu lệnh, cùng hưởng cảnh an ổn với nhau, cùng chịu cảnh nguy khốn với nhau, sĩ tốt gắn bó với chủ tướng mà chẳng xa lìa, có thể dùng luôn mà chẳng mệt mỏi.

XXXX KHUYẾN KHÍCH SĨ TỐT

Về phép dùng người:

Dùng tước vị để nâng cao họ, dùng tiền của để cấp dưỡng họ, thì chẳng có kẻ sĩ nào mà không đến;

Dùng lễ nghi để tiếp đãi họ, dùng lời nói để khuyến khích họ, thì chẳng có kẻ sĩ nào mà chẳng chịu chết cho ta;

Chứa trữ ân huệ không nhằm chán, giữ pháp lệnh nhất định, thì chẳng có kẻ sĩ nào mà chẳng tâm phục;

(Khi ra trận) đem mình ra trước, để người ra sau, thì chẳng có kẻ sĩ nào mà không trở nên dũng cảm;

Ghi chép tới các việc hay nhỏ, thưởng tới các công lao nhỏ, thì chẳng kẻ sĩ nào mà không gắng sức.

XXXXI TỰ KHUYÊN GẮNG SỨC

Thánh nhân bắt chước theo Trời;

Hiền nhân bắt chước theo Đất;

Bậc trí thức giữ theo xưa;

Ai kiêu căng thì sự hủy diệt sẽ đến;

Ai khinh nhờn thì tai họa sẽ tới;

Kẻ nói nhiều thì ít được tin cậy;

Kẻ chỉ chăm nom cho mình thì thiếu ân huệ;

Thường kẻ không có công lao thì người sẽ lừa bỏ;

Phạt kẻ vô tội thì gây oán;

Mừng giận không thường thì sẽ bị tiêu diệt.

XXXXII PHÉP GIAO CHIẾN

Phép đánh giặc là ban ngày thì dùng nhiều cờ xí, ban đêm thì dùng nhiều lửa và trống, biết lợi dụng đoàn binh, khéo léo ở cách ẩn núp ở những chỗ lạ lùng không ngờ tới, hoặc để đánh úp ở đằng trước, hoặc để đánh úp ở đằng sau.

Phép họ đánh là lợi dụng kiếm, mộc; người tướng muốn lo liệu về sau thì trước hết phải dọn đường rộng rãi, mườì dậm làm thành một ban, năm dậm xây

một thành nhỏ, xếp cất cờ xí, hạn chế việc đánh chiêng trống, khiến cho quân địch không biết đặt tay chân vào đâu.

Phép đánh ở lưng núi là khéo đặt quân mai phục, lợi ích ở chỗ đánh mạnh, cho hạng sĩ tốt lẻ chân đánh ở phía cao, cho hạng sĩ tốt liều chết đi về phía sau, sắp quân mang nỏ mạnh để xông vào đánh dùng đoản binh để tiếp chiến theo, bên kia không tiến lên được, bên ta cũng không tới được.

Phép đánh trên mặt nước, lợi ở chỗ dùng thuyền chèo, chọn sĩ tốt đã luyện tập để chèo thuyền, cho trương cờ xí cho thật nhiều để lừa gạt quân địch, cho bắn nỏ mạnh thật trúng, dùng đoản binh để giữ gìn, đặt hàng lao vững chắc (sáo, dăng) để bảo vệ, thuận theo dòng nước chảy mà đánh.

Phép đánh ban đêm lợi ở chỗ kín đáo, hoặc cho quân ẩn nấp, ngựa ngậm hàm thiết, ra đi vào lúc không ngờ, hoặc dùng nhiều lửa, trống để làm rối loạn tai mắt, cho phóng ngựa mà đánh vào, thì có thể thắng vậy.

XXXXIII HÒA HIỆP MỌI NGƯỜI

Phép dùng binh cốt yếu là hòa hiệp nhân dân, nhân dân mà hòa hiệp thì không cần khuyên bảo, họ cũng tự đánh vậy.

Nếu nha lại và sĩ tốt nghi ngờ nhau, nhân sĩ và dân chúng không giúp đỡ, mưu kế của trung thần không được dung nạp, bọn tiểu nhân bàn luận việc ám muội, bọn hủy bang, dèm pha nầy nằm sinh ra, thì tuy có trí thức như vua Thành Thang và vua Vũ Vương mà cũng không hơn được một kẻ thất phu, huống hồ là nhiều người sao?

Cho nên sách *Truyện nói rằng*: *Việc binh cũng giống như lửa, không ngăn chặn thì sẽ tự cháy vậy.*

XXXXIV XEM XÉT TÌNH HÌNH

Việc binh khởi sự do ở thực tình:

Ở gần mà yên tĩnh, đó là nhờ cậy vào hiểm trở;

Ở xa mà khiêu chiến, đó là muốn người ta tiến tới;

Cây cối lay động, đó là giặc tới;

Bụi mù thấp mà rộng, đó là giặc đi chân mà tới;

Bụi mù cao mà nhọn, đó là giặc đi xe tới;
Lời nói mạnh mẽ mà lại đánh ngựa đi, đó là giặc muốn lui;
Lời nói tự khiêm, tự hạ mà chuẩn bị ráo riết, đó là giặc muốn tiến tới;
Nửa tới, nửa lui, đó là giặc muốn dẫn dụ bên ta;
Chống gậy mà đi, đó là giặc bị nạn đói;
Thấy lợi mà không đến, đó là giặc mệt nhọc;
Chim quây quần đến, như thế ở đó không có gì;
Ban đêm mà la ó, đó là giặc sợ hãi;
Quân lính náo động, đó là tướng không được tôn trọng;
Cờ xí lay động, đó là giặc rối loạn;
Lại sĩ giận dữ, đó là giặc mỗi chán;
Thường nhiều lần, đó là giặc cùng quẫn;
Chỉ nghĩ đến sự trừng phạt, đó là giặc bị khốn đốn;
Trước mạnh bạo rồi sau kiêng sợ quần chúng, đó là giặc không tinh nhuệ;
Đến giao phó rồi từ biệt, đó là giặc muốn nghỉ ngơi;
Tặng biểu nhiều mà lời ngọt ngào, đó là giặc muốn dẫn dụ bên ta đó.

XXXXV TÌNH CẢNH⁽¹⁾ CỦA TƯỚNG SÚY

Pháp làm tướng là:
Giếng của quân chưa mức nước lên, thì tướng không được kêu khát;
Cơm trong quân chưa thối nấu, thì tướng không được kêu đói;
Lửa trong quân chưa nhen nhóm, thì tướng không được kêu lạnh;
Màn của quân chưa giăng, thì tướng không được kêu nóng;
Hè không thấy quạt, đông không mặc áo dạ;
Mưa không trương lọng, tình cảnh của tướng súy phải giống như quân lính hết thầy.

Trong chính văn, chữ “tình” có nghĩa là tình cảnh vật chất.

XXXXVI UY LỆNH

Hoặc là chỉ một thân mình, hoặc là quần chúng đông tới trăm vạn, mà phải co vai, nín thở, bước dè dặt rón rén, cúi mặt nghe ngóng, chẳng dám ngẩng mặt trông, đó là nhờ pháp chế mà khiến được như vậy.

Nếu trên không áp dụng hình phạt, dưới không theo lễ nghĩa, tuy rằng cao sang tới bậc có thiên hạ trong tay, giàu có tới bậc gồm hết bốn biển, mà không thể tự truat bỏ, thì đó là hạng Kiệt, Trụ.

Kẻ thất phu nắm giữ binh quyền, dùng pháp lệnh mà chế ngự, lấy thưởng phạt để tỏ uy nghi, mà mọi người không thể nghịch mệnh thì đó là hạng Tôn Vũ, Nhưông Tư.

Cho nên mệnh lệnh không có thể khinh nhờn, quyền thế chẳng có thể chống đối.

XXXXVII RỢ MIỀN ĐÔNG

Tính của rợ miền đông là lễ nghi sơ sài, nghĩa khí ít ỏi, hung hãn, ưa gấp xong, đáng giặc giỏi, dựa vào núi non, cậy có biển vây bọc, băng vào các chỗ hiểm trở để cố thủ.

Nếu vua tôi hòa mục, dân chúng yên vui, thì không thể mưu đồ đánh chúng được.

Trên rối loạn, dưới li tán, ắt là có thể dùng cách chia rẽ chúng; khi chúng đã bị chia rẽ thì có mối hiềm khích sinh ra; khi đã có hiềm khích sinh ra thì ta nên tu đức để vờ chúng đến, lo củng cố giáp binh để đánh chúng, thì cái thế ấy ắt là khắc trị chúng được.

XXXXVII RỢ MIỀN TÂY

Tính rợ miền Tây là mạnh dạn hung hãn, ham điều lợi, hoặc ở thành trì, hoặc ở đồng nội, có ít lúa gạo lương thực, có nhiều vàng bạc, của quý.

Do đó mà nhân dân dũng mãnh, khi chiến đấu mà thất bại; (trong xứ) có nhiều đá chông chát nên mới có tên là Tây Nhung; dân chúng có nhiều chủng tộc khác nhau; đất đai thì rộng rãi mà hình thế lại hiểm trở; dân chúng có phong tục trái ngược, tính khí mạnh mẽ, tàn nhẫn.

Bởi thế, nhân dân có nhiều người không chịu thuần phục. (Vây) nên đợi chờ xem xét các kẻ hở ở bên ngoài, dò la sự rối loạn ở bên trong, ắt là có thể phá chúng được.

XXXXIX RỢ MIỀN NAM

Rợ phía Nam có nhiều giống, có tính không nghe lời dạy của người trên, liên hiệp thành bè đảng, không vừa ý thì làm phản, ở trong các hang động, nương tựa vào núi non, hoặc hợp hoặc tan, phía Tây tới núi Côn Luân, phía Đông tới biển, sản xuất những hành hóa lạ lùng.

Cho nên dân chúng tham lam mà chiến đấu mạnh dạn; về mùa xuân và mùa hạ có nhiều chương khí bệnh truyền nhiễm lợi ở chỗ đánh mau, không thể duy trì quân đội lâu dài.

RỢ KHƯƠNG VÀ RỢ ĐỊCH

Rợ Khương và rợ Địch không ở thành quách, theo ở những nơi có nước và có cỏ, khi lợi thế thì xâm lấn về miền Nam, khi thất thế thì tự rút lui, núi dài mênh mông chông chát, đủ để tự vệ, khi đói thì bắt thú uống sữa, khi rét thì nằm trên da thú, mặc đồ da, chạy đuổi săn bắn lấy sự giết chóc làm việc cốt yếu, chưa có thể lấy đạo đức mà vỗ về, phủ dụ chúng được.

Nhà Hán muốn khởi đánh nhau với chúng thì áp dụng ba sách lược sau này:

Quân Hán khi thì cày cấy, khi thì đánh giặc, nên mỗi mệt mà nhất sự, còn quân kị mã của rợ Địch khi thì chăn súc vật, khi thì săn bắn, ắt là thông thả, khỏe khoắn mà lại mạnh dạn. Lấy kẻ mệt mỗi để chống với kẻ khỏe khoắn, lấy kẻ nhất sự để chống với kẻ mạnh dạn thì không thể tranh hơn được, đó là lẽ thứ nhất chẳng nên đánh với chúng.

Quân Hán sở trường về đi chân, mỗi ngày đi được trăm dặm, rợ Địch sở trường về cưỡi ngựa mỗi ngày đi gấp bội. Quân Hán muốn đánh rợ Địch, ắt phải vận lương, mang giáp để đuổi theo; rợ Địch muốn đánh quân Hán, ắt phải phóng ngựa đường dài để vận chuyển. Thế chuyển vận, khiêng mang đã khác nhau xa, cách đuổi đánh lại chẳng giống nhau, đó là lẽ thứ hai chẳng nên đánh với chúng.

Quân Hán đánh giặc thì phần nhiều đi chân, rợ Địch đánh giặc thì phần nhiều cưỡi ngựa; xét về hình thế giao tranh thì cái thể cưỡi ngựa và đi chân khác nhau xa vời, đó là lẽ thứ ba chẳng nên đánh với chúng.

Gặp trường hợp cực chẳng đã (phải đối phó với chúng) thì chẳng gì bằng giữ gìn biên giới. Phép giữ gìn biên giới là kén chọn tướng giỏi để bổ nhiệm, huấn luyện sĩ tốt cho được tinh nhuệ để chế ngự chúng, mở rộng ruộng công ra để nuôi dưỡng quân sĩ cho được sung túc, tập luyện sĩ tốt để phòng bị, dùng nhiều phương sách để chúng lầm lạc, chờ khi chúng oán hận nhau để mà li gián chúng, thừa dịp chúng suy vi để đánh chúng, ắt là nước nhà chẳng hao tổn nhiều mà rợ Địch đã khắc chế được, nhân dân chưa mỏi mệt mà rợ Địch đã trị yên vậy.

**ĐƯỜNG THÁI TÔNG – LÝ VỆ CÔNG
VẤN ĐỐI**

LÝ TĨNH

QUYÊN THƯỢNG

Thái Tông hỏi: "Cao Li mấy phen xâm chiếm xứ Tân La, trăm đã sai sứ phủ dụ, nhưng họ vẫn không tuân. Nay trăm xuống chiếu cho tướng đi chinh phạt có nên chăng?"

Lí Tĩnh đáp: "Thần xét thấy Cáp Tô Văn cậy mình đánh giỏi, cho rằng Trung Quốc không đủ sức đem binh chinh phạt, nên mới dám cưỡng lại mệnh vua. Xin bệ hạ cho thần đem ba vạn quân đi bắt hãn".

Thái Tông hỏi: "Quân ít đường xa, khanh dùng cách gì để đánh chúng?"

Lí Tĩnh đáp: "Thần dùng chính binh".

Thái Tông hỏi: "Khi dẹp giặc Đột Quyết thì khanh dùng kị binh, nay khanh nói dùng chính binh, là thế nào?"

Lí Tĩnh đáp: "Xưa Gia Cát Lượng bảy phen bắt sống Mạnh Hoạch, cũng chỉ dùng chính binh mà thôi".

Thái Tông hỏi: "Đời Tấn, Mã Long dùng kế chiếm Lương Châu là dựa theo Bát trận đồ mà chế ra xe Thiên tướng, đất rộng thì dùng xe Lộc giác làm bản doanh, đường hẹp thì làm nhà gỗ kéo trên xe, vừa đánh, vừa tiến. Phải chăng người xưa thích dùng chính binh hơn?"

Lí Tĩnh đáp: "Khi đem binh chinh phạt xứ Đột Quyết, đi sâu vào phía Tây mấy nghìn dặm, nếu không dùng chính binh thì làm sao có thể đi xa được.

Xe Thiên tướng và xe Lộc giác là quân dụng chính yếu của việc binh. Một là có thể trị lực, hai là chống đỡ phía trước, ba là giữ chặt đội ngũ. Ba điều này có thể tùy nghi mà sử dụng. Mã Long quả đã thông hiểu phép xưa một cách sâu sắc vậy".

Thái Tông hỏi: "Khi trăm phá quân Tống do Lão Sinh cầm đầu. Lúc mới giao chiến nghĩa quân lui về. Sau trăm thân chinh đem quân thiết kị từ Nam Nguyên đuổi xuống, đánh xuyên hông, binh của Lão Sinh bị cắt đứt phía sau mà tan vỡ, nên bắt được Lão Sinh, như thế là chính binh hay kị binh?"

Lí Tĩnh đáp: "Bệ hạ được trời phú cho thiên tư thanh vu, không học mà biết được. Thần xem trong binh pháp, từ Hoàng Đế trở về thì trước, dùng chính,

sau dùng kì, trước dùng nhân nghĩa, sau dùng quyền mưu, như trận đánh ở ấp Hoắc lấy điều nghĩa mà dạy quân là chính. Kiến Thành ngã ngựa nên cánh quân bên hữu hơi lui về sau là kì”.

Thái Tông hỏi: “Khi đó quân lui về gần hồng đại sự sao gọi là kì?”

Lí Tĩnh đáp: "Thường trong việc binh, quân tiến tới trước là chính, lui về sau là kì. Và lại nếu cánh quân bên hữu không lui về, thì Lão Sinh làm sao đuổi theo được.

Binh pháp có viết: "Lấy lợi mà nhử, thừa loạn mà đánh". Lão Sinh không biết dùng binh, chỉ cậy thế mạnh mà đánh nhanh, không ngờ bị cắt đứt phía sau nên bị bệ hạ bắt, như thế gọi là lấy kì làm chính vậy".

Thái Tông nói: "Xưa Hoắc Khứ Bệnh dùng binh vô tình có sự trùng hợp với Tôn Ngô việc này quả có thật.

Khi quân bên hữu lui về, Cao Tổ đã thất sắc, kịp tới lúc trẫm đánh mạnh tới, chuyển thành lợi thế cho ta. Việc này vô tình cũng trùng hợp với Tôn Ngô, khanh thật đã biết rõ".

Thái Tông hỏi: "Phàm binh lui về đều gọi là kì chăng?"

Lí Tĩnh đáp: "Cũng không hẳn như thế. Khi quân lui và cờ xí so le không đều, tiếng trống nhỏ, tiếng trống lớn không hòa hợp, hiệu lệnh inh ỏi không đồng nhất, thì đấy là thua thật chứ không phải là kì".

Nếu cờ xí chỉnh tề, trống đánh hòa hợp, hiệu lệnh đồng nhất, thoát nhìn tuy có vẻ lộn xộn, nhưng quân lui mà không thua, thì đấy ắt là kì.

Binh pháp có viết: "Giả thua thì không nên đuổi theo". Lại viết "Giỏi mà tỏ ra kém". Đều gọi là kì cả.

Thái Tông hỏi: "Như trận đánh ấp Hoắc, quân bên hữu lui về ở trời, mà Lão Sinh bị bắt là do người chăng?"

Lí Tĩnh đáp: "Nếu không phải chính binh biến thành kì, kì binh biến thành chính, thì làm sao thắng được?"

Cho nên đối với người giỏi dùng binh, thì kì hay chính là do người mà thôi, nhưng khi biến hóa mà trở nên thần diệu, thì cho là ở trời vậy!"

Thái Tông gật đầu cho là phải.

Thái Tông hỏi: "Kì chính vốn là phân ra hay đến khi lâm trận mới tạo ra?"

Lí Tĩnh đáp: “Thần xem Lão Công tâm thư ⁽¹⁾ có viết: “Ta có hai mà địch có một, thì một thuật làm chính, một thuật làm kì. Ta có năm mà địch có một thì

ba thuật làm chính, hai thuật làm kì". Đây là nói về đại lược.

Riêng Tôn Tử nói: "Thế đánh không ngoài kì chính, kì chính biến hóa thì vô cùng. Kì chính tương sinh, xoay vần không dứt". Ai có công nghiên cứu thì mới nắm vững, không có sự phân chia trước.

Nếu sĩ tốt chưa tập theo phép của ta, các quan chưa thuộc lệnh ta thì phải chia làm hai thuật. Khi dạy đánh, ai nấy phải nhìn cờ nghe trống mà thay đổi, phân hợp để biến hóa. Đây là phép dạy đánh.

Khi đã dạy xong, mọi người đều hiểu phép ta rồi, thì về sau như đuổi một đàn dê, đều theo sự chỉ huy của người tướng, không cần phân biệt kì chính nữa.

Tôn Tử nói: "Làm cho địch hữu hình, mà ta vô hình" là đạt đến chỗ cao sâu của phép kì chính vậy.

Ta chỉ phân ra để dạy mà thôi, còn lâm cơ tạo ra thì không biết đâu là cùng.

Thái Tông nói: "Sâu sắc thay! Tào Công hẳn đã biết như thế, nhưng Tân thư chỉ để truyền cho chư tướng mà thôi, chứ không chuyên bàn về phép kì chính".

Thái Tông hỏi: "Tào Công nói rằng "Kì binh là bàng kích" (đánh vào bên cạnh) Khanh nghĩ thế nào?"

Lí Tĩnh đáp: "Thần xem Tào Công chú giải về binh thư Tôn Tử có nói rằng: "Quân ra trước mà hợp chiến là chính, ra sau là kì". Như thế chẳng phải là khác với bàng kích sao?"

"Thần cho rằng tất cả hợp lại là chính. Từ đó chia ra một phần là kì, không câu nệ là trước sau hay bàng kích".

Thái Tông hỏi: "Cái chính của ta làm cho địch tướng là kì, cái kì của ta làm cho địch tướng là chính. Như thế có phải là khiến địch hữu hình không?"

Lấy kì làm chính, lấy chính làm kì, biến hóa không thể đoán được, như thế có phải là vô hình?"

⁽¹⁾ Còn gọi là Mạnh Đức tâm thư Binh pháp do Tào Tháo soạn.

Lí Tĩnh bái phục mà thưa rằng: "Bệ hạ là bậc thần thánh hơn cả người xa, thần không thể sánh kịp".

Thái Tông hỏi: "Lấy sự phân hợp để biến hóa thì kì chính ở chỗ nào?"

Lí Tĩnh đáp: "Người giỏi dùng binh thì không có gì là không chính, không có gì là không kì, khiến địch không thể đoán được. Cho nên chính cũng thẳng mà kì cũng thẳng.

Ba quân chỉ biết là thắng, chứ không biết vì sao mà thắng. Nếu không phải nhờ biến mà thông, thì làm sao sinh ra thế?

Dùng cách phân hợp mà biến hóa thì chỉ có Tôn Tử là người giỏi nhất, còn từ Ngô Khởi trở về sau không ai có thể sánh kịp".

Thái Tông hỏi: "Phép đánh của Ngô Khởi như thế nào?"

Lí Tĩnh đáp: "Thần xin kể sơ lược về việc đó:

Ngụy Võ Hầu hỏi Ngô Khởi rằng: "Khi hai quân đối diện nhau thì phải làm sao?"

Ngô Khởi đáp: "Cho quân yếu dừng cảm ra đánh trước, khi đã giao chiến thì thua chạy, chạy mà đừng đánh, chờ xem địch tiến quân ra sao. Nếu bên địch kẻ đứng người ngồi, không thềm đuổi theo, tức là địch có mưu trí, nếu họ đem hết quân ra đuổi, đi đứng tung hoành, tức là địch bất tài. Ta cứ đánh mà không phải nghi ngờ gì cả".

Thần cho rằng phép đánh của Ngô Khởi phần nhiều đều giống như thế, chứ không phải như Tôn Tử đã nói là lấy chính mà hợp".

Thái Tông hỏi: "Câu của Khanh là Hàn Cầm Hồ thường nói, khanh có thể luận bàn về Tôn Ngô, có phải là nói về phép kì chính không?"

Lí Tĩnh đáp: "Cầm Hồ làm sao có thể hiểu đến chỗ cao sâu của phép kì chính được?

Nếu chỉ biết lấy kì làm kì, lấy chính làm chính, thì chưa hiểu rõ sự biến hóa tuần hoàn vô tận của phép kì chính vậy".

Thái Tông hỏi: "Người xưa khi lâm trận xuất kì đánh vào lúc người không để ý, như thế có phải là phép biến hóa chăng?"

Lí Tĩnh đáp: "Đời trước đánh nhau phần nhiều là lấy thuật nhỏ mà thắng võ thuật, lấy tài mọn mà thắng bất tài, như thế không đủ để luận bàn về binh pháp.

Cũng như Tạ Huyền phá được đại quân của Phù Kiên, không phải là nhờ cái tài của Tạ Huyền, mà vì Phù Kiên là kẻ bất tài vậy".

Thái Tông bảo quan cận thần lấy truyện Tạ Huyền ra xem qua rồi nói: "Phù Kiên thua là chỗ không hay".

Lí Tĩnh nói: "Thần xem quyển *Phù Kiên Tài ký* có viết: "Các đạo quân của nhà Tần đều tận vợ, chỉ có đạo quân của Mộ Dung Thùy là được vẹn toàn. Phù Kiên đem hơn ngàn quân kị tìm đến. Con của Thùy là Bảo khuyên Thùy giết Kiên, nhưng việc không thành".

Từ đó ta có thể thấy được cái loạn của quân nhà Tần, chỉ có Mộ Dung Thù được vẹn toàn, thì rõ ràng là Kiên đã bị Thù phá hoại.

Khi đã bị người hại mà còn mong thắng địch thì đó chẳng phải là một việc khó hay sao?”

Thái Tông nói: "Tôn Tử cho rằng người nhiều mưu tính thắng kẻ ít mưu tính, nên có thể biết kẻ ít mưu tính thắng hạng không mưu tính. Mọi việc đều như thế cả".

Thái Tông hỏi: "Thiên hạ truyền rằng Binh pháp của Hoàng đế là Ác Kị Văn hay còn gọi là Ác Cơ Văn nghĩa là gì?"

Lí Tĩnh đáp: "Chữ kị đọc là cơ, nên sau truyền lại là cơ, nhưng cũng cùng một nghĩa. Xét theo từ ngữ nói rằng bốn làm chính, bốn làm kì, dư kì để nắm lấy cơ (dư kì là số lẻ) nên cũng gọi là cơ.

Thần nghĩ rằng việc binh không có gì không phải là cơ, đâu phải chỉ nói đến chữ nắm mà thôi, nên gọi là dư kì thì đúng hơn.

Thường chính binh thì do vua điều khiển, kì binh thì do tướng tự suất.

Binh pháp viết: “Lệnh được thi hành mà dạy dân thì dân phục”, dạy là do vua điều khiển.

Lại viết: “Việc binh không thể nói trước được, có khi không cần theo lệnh vua”. Đây là do tướng tự xuất.

Nếu tướng chỉ biết dùng chính, mà không biết dùng kì, là tướng chuyên về phòng thủ. Chỉ dùng kì mà không biết dùng chính là tướng chuyên về chiến đấu.

Dùng kì hay dùng chính đều là hàng phò tá đắc lực của quốc gia.

Cho nên nắm lấy cơ hay nắm lấy kì vốn không phải là hia phép, chỉ là do học giả thông dùng mà thôi”.

Thái Tông hỏi: “Số trận có 9, chính giữa là số lẻ, do đại tướng nắm giữ Bốn phương tám hướng đều lấy đó làm chuẩn. Giữa trận còn có trận, giữa đội có đội. Lấy mặt trước làm mặt sau, lấy mặt sau làm mặt trước. Tiến không quá nhanh, lui không vội vã, bốn phương là đầu, tám hướng là đuôi, lấy chỗ chạm địch làm đầu. Địch xông vào giữa, thì hai đầu đều đến cứu. Số bắt đầu là 8. Như thế có nghĩa là gì?”

Lí Tĩnh đáp: “Gia Cát Lượng dùng đá xếp ngang dọc, bay ra ghép bát hành phương trận, tức là trận đồ này.

Khi huấn luyện ba quân thì lấy trận này mà dạy trước. Đời sau truyền là năm lấy cơ văn, đại khái chỉ biết được sơ qua mà thôi”.

Thái Tông hỏi: "Thiên, địa, phong, vân, long, hổ, điều, bát trận nghĩa là gì?"

Lí Tĩnh đáp: "Sự truyền đã nhầm rồi. Người xưa giữ kín phép này, nên nguy tạo ra tám tên, chứ bát trận vốn chỉ là một, mà chia thành tám.

Như thiên địa vốn là hiệu cờ, phong vân vốn là tên phướn long hổ điều xà vốn là đội ngũ khác nhau. Đời sau truyền nhầm là bát trận, chứ việc nguy tạo ra tên vật tượng trưng đâu phải chỉ có tám mà thôi".

Thái Tông nói: "Số bắt đầu là 5, số sau cùng là 8, thì không phải là nguy tạo, mà thực là phép xưa. Khanh thử bày ra xem".

Lí Tĩnh nói: "Xưa Hoàng Đế sáng lập ra phép Khâu tĩnh (bốn tĩnh là ấp, bốn ấp là khâu), rồi nhân đó mà biến chế ra việc binh.

Vì phép tĩnh điền chia làm bốn đường cho 8 nhà ở. Theo hình chữ tĩnh, chia thành 9 mảnh vuông, 5 chỗ làm trận pháp, bốn chỗ làm khoảng cách, nên số bắt đầu là 5. Chính giữa là chỗ đại tướng ở, bốn phía có các bộ phận bao bọc chường quanh, nên số sau cùng là 8.

Còn về sự biến hóa để khống chế địch thì rối rắm, bộn bề, đánh loạn mà phép không loạn, hỗn độn mịt mù hình tròn mà không thể phân tán, nên chia ra thành toán, mà hợp lại là một".

Thái Tông nói: "Cao sâu thay! Phép trị binh của Hoàng Đế. Đời sau dù có thiên trí thần lược, cũng không hơn được phép này, về sau còn có ai kế tiếp nữa chăng?"

Lí Tĩnh đáp: "Khi nhà Chu bắt đầu hưng thịnh, Thái Công đã tu chỉnh phép này.

Lúc đầu ở Kì Đô, đặt ra phép tĩnh mẫu, nhưng xa 300 chiếc, hồ bôn 300 người, lập thành quân chế 6 bộ 7 bộ, 6 cách đánh, 7 cách đánh, để dạy về phương pháp chiến đấu.

Bày trận nơi hoang dã. Thái Công dùng một trăm người cầm quân mà lập nên võ công, dùng 45.000 người đánh thắng 700.000 quân của vua Trụ. Tư Mã Pháp của nhà Chu cũng lấy binh pháp Thái Công làm căn bản.

Sau khi Thái Công mất, người nước Tề học được phép này. Đến thời Tề Hoàn Công bá chủ thiên hạ, giao cho Quản Trọng tu chỉnh binh pháp Thái Công, gọi là đạo quân tiết chế, các nước chư hầu đều lấy làm phục”.

Thái Tông nói: “Nho gia đều nói Quán Trọng chỉ là bá thần mà thôi, chứ không biết binh pháp vốn lấy vương chế làm căn bản.

Nhưng Gia Cát Lượng có tài phò tá quân vương mà tự sánh mình như Quán Trọng và Nhạc Nghị thì ta có thể biết rằng Quán Trọng cũng là người có vương tá.

Đến khi nhà Chu suy yếu, không thể hành sự vương quyền, nên mới nhờ nước Tề khởi binh”.

Lí Tĩnh bái phục mà rằng: "Bệ hạ là bậc thần thánh hiểu rõ người như thế, thần dù chết cũng không hổ mặt với người hiền xưa.

Thần xin nói về phép trị nước của Quán Trọng là chia nước Tề làm ba phần, lập thành ba đạo quân.

Năm nhà hợp thành một quĩ, nên năm người làm một ngũ.

Mười quĩ hợp thành 1 lí, nên 50 người làm một tiểu nhung.

Bốn lí hợp thành một liên, nên 200 người làm một tốt.

Mười liên hợp thành một hương, nên 2.000 người làm một lữ.

Năm hương hợp thành một sư, nên 10.000 người làm một đạo quân.

Như thế, cũng như Tư Mã Pháp, một sư có 5 lữ, 1 lữ có 5 tốt, nhưng thực ra đều theo phương pháp của Thái Công truyền lại”.

Thái Tông hỏi: “Người ta nói rằng: Tư Mã Pháp là do Nhương Tư biên chép, có phải không?”

Lí Tĩnh đáp: “Theo *Sử Ký chép về truyện Nhương Tư*, thì đời vua Tề Cảnh Công, Nhương Tư dùng binh rất giỏi, đánh bại quân của nước Yên, nước Tần, nên được vua Cảnh Công phong chức Tư Mã, do đó mới gọi là Tư Mã Nhương Tư, về sau con cháu lấy hiệu là Tư Mã.

Đến đời Tề Úy Vương, truy luận về Tư Mã Pháp xưa, thuật lại những bạn học của Nhương Tư, nên mới có mấy chục thiên binh pháp của Tư Mã Nhương Tư. Đời nay lưu truyền, trong các giới binh gia chia ra quyền mưu, binh thể, âm dương, kỹ xảo bốn loại, đều do ở Tư Mã Pháp mà ra”.

Thái Tông hỏi: “Đời nhà Hán, Trương Lương và Hàn Tín tuân tự từ binh pháp của 182 binh gia, chọn lấy những chức mưu chủ yếu của 35 nhà thế mà nay bị thất truyền, là vì sao?”

Lí Tĩnh đáp: “Trương Lương vốn học theo binh pháp Thái Công, Lục Thao, Tam Lược, còn Hàn Tín thì học theo binh pháp của Nhương Tư và Tôn Tử,

nhưng về đại thể thì không ngoài Lam môn, Tư chủng”.

Thái Tông hỏi: “Thế nào gọi là Tam môn?”

Lí Tĩnh đáp: “Thần xem 81 thiên về mưu của Thái Công, cho rằng âm mưu không thể nói cho cùng, 71 thiên về binh của Thái Công, nói về việc binh không thể đánh cho cùng, Sĩ thiên về lời của Thái Công nói về của cải không thể làm cho cùng. Như thế gọi là Tam môn”.

Thái Tông hỏi: “Thế nào gọi là Tứ chủng?”

Lí Tĩnh đáp: “Đây là luận thuyết của Nhậm Hoàn đời Hán. Trong giới binh gia chia ra quyền mưu một loại, hình thế một loại, và âm dương kỹ xảo hai loại. Như thế gọi là Tứ chủng”.

Thái Tông hỏi: “Trong thiên đầu của Tư Mã Pháp có nói đến việc sưu thú nghĩa là gì?”

Lí Tĩnh đáp: “Thuận theo thời mà khiến cho thiên hạ tôn trọng việc thờ kính mình”.

Đời nhà Chu vốn lấy lễ làm quốc chính, nên Thành Vương có cuộc tuần thú ở Kỳ Dương, Khang Vương có cuộc triều kiến ở Phong Cung. Mục Vương có cuộc họp ở Đồ Sơn. Đây là công việc của Thiên tử.

Đến khi nhà Chu suy yếu, Tề Hoàn Công có cuộc hưng binh ở Triệu Lăng, Tấn Văn Công có cuộc liên minh ở Tiền Thổ. Đây là chư hầu thừa hành công việc của thiên tử.

Sự thực chỉ là sự trừng phạt để thị uy với kẻ bất chính. Mượn cờ triều đình hoặc lấy cờ đi tuần thú, để huấn dụ việc giáp binh, nói là lúc vô sự thì không nên dấy loạn, nhưng khi rồi việc nông thì cũng không quên nghề võ bị.

Cho nên khởi đầu bàn về việc sưu thú không phải là cao thâm hay sao?

Thái Tông hỏi: “Thời Xuân - Thu, phép nhị quảng của Sở Tử có nói rằng: “Bá quan xem xét sự vật gộp làm một, quân chính không nghiêm giới mà phòng bị”. Như thế có phải là học theo biên chế binh lính nhà Chu không?”

Lí Tĩnh đáp: “Theo sách *Tả thị nói thì Sở Tử dùng 30 cỗ xe trận làm nhị quảng (một quảng có 15 cỗ xe) mỗi quảng có một tốt, mỗi tốt chia ra làm hai cánh quân đi kèm bên xe, dùng xe để lập trận. Cho nên cách đánh kèm theo xe là phương pháp của nhà Chu.*

Thần cho rằng nếu 100 người làm một tốt, 50 người làm một lương thì mỗi cỗ xe dùng 150 người, như thế hơi khác với biên chế binh lính nhà Chu. Một

xe của nhà Chu có bộ tới 72 người , Pháp sa 3 người, lấy 25 người làm một giáp, 3 giáp cộng lại là 75 người.

Đạt Sở có nhiều đầm, núi, xe ít mà người nhiều nếu chia làm hai đội thì cũng giống như biên chế binh lính nhà Chu vậy”.

Thái Tông hỏi: “Thời Xuân Thu, Tuân Ngô đánh nước địch, hủy xe mà đi bộ là chính binh hay kỵ binh?”

Lí Tĩnh đáp: "Phép dùng xe của Tuân Ngô, tuy bỏ xe mà trong đó có phương pháp hẳn hoi. Một đội ở góc trái, một đội ở góc phải, một đội làm tiên phong chia làm 3 đội. Như thế là phép của một xe. Muôn nghìn xe cũng xếp như vậy thôi.

Thần xem Tào Công tân thư có nói phép đánh bằng xe có 75 người, 1 đội làm tiên phong, 2 đội ở hai góc tả hữu, 1 đội giữ xe, 10 người lo việc hỏa thực, 5 người coi việc tu bổ, 5 người chăn nuôi ngựa, 5 người lo củi nước, cộng là 25 người. Công thủ 2 xe có trên 100 người, hưng binh mười vạn người thì dùng một nghìn chiếc xe, xe hạng nặng và xe nhẹ 2000 chiếc. Như thế là theo phép xưa của Tuân Ngô.

Lại xem đến biên chế quân đội của nhà Hán, nhà Ngụy, Năm xe là một đội Bộ xa (ở đây có nghĩa là đội trưởng) một người mười xe làm một sư, soái trưởng 1 người, phàm 1.000 xe thì có 2 tướng quân. Nhiều hơn nữa thì cũng làm theo như vậy.

Thần lấy phép đời nay mà dùng xen vào, lập thành đạo kì binh sung kích, gồm có quân bộ kỵ và chiến phong mỗi đội chiếm một nửa, tru quân và chiến xa cũng xuất trận một lượt.

Khi thần đi chìn phạt xứ Đột Quyết, vượt mấy nghìn dặm hiểm nguy, chưa hề dám thay đổi biên chế binh lính vì kỉ luật của người xưa thật đáng tin cậy”.

Thái Tông đi Linh Châu về, triệu Lí Tĩnh vào ngồi mà hỏi rằng: “Trẫm ra lệnh cho Đạo Tông và A Sử Na Xã Nhĩ đánh dẹp Tiết Diên Đà. Các bộ lạc Thiết Lạc xin đặt Hán quan, trẫm đều chấp thuận.

Diên Đà chạy về phía Tây, trẫm e có hậu hoạn nên sai Lí Tích đi đánh, nay phía Bắc đã yên, ở các nơi Phiên Hán lẫn lộn thì dùng cách nào để hai bên được yên ổn lâu dài?”

Lí Tĩnh đáp: “Bệ hạ ra sắc chỉ cho các bộ lạc từ Đột Quyết đến Hồi Hoa, đặt 66 trạm để tuần tra canh gác, như thế là đặc sách rồi.

Nhưng theo ngụ ý, thần cho rằng quân Hán có đồn trú ở các nơi sẽ phải có phép riêng, cách huấn luyện khác nhau chứ không nên giống nhau. Gặp khi có giặc thì mật sắc cho chủ tướng biết để kịp thời thay đổi hiệu lệnh và quân phục để xuất kì mà đánh địch”.

Thái Tông hỏi: "Như thế là phép gì?"

Lí Tĩnh đáp: "Như thế gọi là cái thuật đa phương để lừa địch. Phiên mà bảo là Hán, Hán mà bảo là Phiên. Địch không phân biệt được Phiên hay Hán thì không thể đoán được cái kế công thủ của ta.

Người giỏi dùng binh trước phải làm cho đối phương không thể đoán được ý mình, thì địch sẽ hành động sai lầm”.

Thái Tông nói: "Thật là hợp với ý trẫm, khanh có thể bí mật dạy cho các tướng đóng ngoài biên ải biết. Chỉ một việc Phiên Hán cũng đủ thấy cái phép kì chính rồi".

Lí Tĩnh bái phục mà rằng: "Bệ hạ là bậc thánh trí trời cho, nghe một biết mười, thần không thể nói cho hết được".

Thái Tông nói: "Gia Cát Lượng nói rằng “Binh có quy củ mà tướng bất tài cũng không thua. Binh không quy củ mà tướng có tài cũng không thắng". Trẫm nghĩ lời nói này không phải là một luận thuyết chí lí".

Lí Tĩnh đáp: "Võ Hầu có dụng ý khích lệ nên nói như thế”.

Tôn Tử có nói rằng: "Giáo đạo bất minh, tướng sẽ bất bình thường, trận binh lung tung là loạn. Từ xưa quân loạn đưa đến thắng lợi cho địch không sao kể xiết.

Giáo đạo bất minh là huấn luyện quân không theo phép xưa. Tướng sĩ bất bình thường là nói tướng quân nắm quyền không được lâu dài, quân loạn đưa lại thắng lợi cho địch là nói tự mình tan vỡ, chứ không phải là địch đánh thắng mình.

Như vậy Võ Hầu nói: Sĩ tốt có quy củ mà tướng bất tài cũng không thua.

Sĩ tốt tự rời loạn thì dù tướng có tài cũng nguy khốn, thì đâu có gì đáng nghi ngờ nữa".

Thái Tông nói: "Như thế thì phải tin theo phương pháp huấn luyện chứ không thể khinh thường".

Lí Tĩnh đáp: “Dạy đúng theo đạo thì quân sĩ vui lòng làm theo. Dạy không đúng phép thì dù cho buổi sáng đôn đốc, buổi chiều khiển trách cũng không

ích lợi gì cho công việc cả.

Sở dĩ thần luôn luôn giữ theo phép xưa là muốn huấn luyện thành đạo quân có quy củ vậy".

Thái Tông nói: "Khanh chọn các trận pháp xưa và vẽ rõ bản đồ tác chiến cho trẫm".

Thái Tông hỏi: "Quân Phiên chỉ dùng ngựa tốt để xung phong như thế là kỵ binh chăng? Quân Hán chỉ dùng nỏ cứng để kìm chế như thế là chính binh chăng?"

Lí Tĩnh đáp: "Theo Tôn Tử nói: "Người giỏi dùng binh chỉ cậy vào thế, chứ không cậy vào người, nên có thể chọn người để giữ thế".

Nói chọn người là tùy theo sở trường của quân Phiên, quân Hán mà đánh. Quân Phiên giỏi dùng ngựa, ngựa lợi ở chỗ đánh nhanh. Quân Hán giỏi dùng nỏ, nỏ lợi ở chỗ đánh chậm, như thế là tự nhiên mọi nơi đều giữ lợi thế của mình, chứ không phải khác biệt ở kì chính.

Trước kia thần đã nói là: quân Phiên và quân Hán cần phải khác nhau về hiệu lệnh và sắc phục, đấy là phép kì chính tương sinh vậy.

Ngựa cũng có chính, nỏ cũng có kì, có cái gì là thường xuyên đâu?"

Thái Tông nói: "Khanh hãy nói rõ về thuật này".

Lí Tĩnh đáp: "Đấy là cách ngụy trang khiến địch phải theo ý ta".

Thái Tông nói: "Trẫm hiểu rồi. Tôn Tử có nói: "Ngụy trang khéo léo trở thành vô hình".

Lại nói: "Nhờ ngụy trang nên quân đông, mà khiến địch không thể nào biết được" là lẽ đó vậy".

Lí Tĩnh bái phục mà rằng: "Sâu sắc thay! Bệ hạ là bậc thánh trí đã nghĩ ra quá nửa rồi".

Thái Tông nói: "Gần đây, xứ Khiết Đan và xứ Hề đều là nội thuộc, đặt hai quan Đô Đốc ở Tụng Mạc và Nhiêu Lạc để ửông coi việc đô hộ miền An Bắc. Trẫm dùng Triết Vạn Triệt có được chăng?"

Lí Tĩnh đáp: "Vạn Triệt không bằng A sử Na Xã Nhĩ. Chấp Thất Tự Lực và Khất Gian Hà Lực. Đấy là những quân Phiên giỏi về việc binh.

Thần thường hay nói chuyện với họ về đất Tụng Mạc và Nhiêu Lạc, núi sông, đường sá. Tình hình bên Phiên chỗ thuận, chỗ nghịch, xa đến mấy chục bộ lạc ở Tây Vực, họ đều biết rõ, có thể tin được. Thần đem trận pháp ra dạy

họ, không ai là không cúi đầu phục nghĩa. Mong bệ hạ dùng họ mà không nghi ngại gì cả.

Còn như Vạn Triệt thì dũng cảm mà vô mưu, khó mà đảm nhận một mình".

Thai Tông cười nói: "Người Phiên đều bị khanh sai khiến cả. Cổ nhân nói: "Dùng mưu đi đánh bọn man di là cái thế của nước lớn"..

Khanh đã làm đúng như vậy".

QUYÊN TRUNG

Thái Tông hỏi: "Trẫm xem các binh thư, đều không ngoài Tôn Tử, 13 thiên của Tôn Tử đều không ngoài hư thực. Dùng binh mà biết cái thế hư thực thì không trận nào mà không thắng.

Nay trong chư tướng, tuy biết nói là bỏ chỗ thực đánh chỗ hư, nhưng đến khi gặp địch, thì ai biết rõ thực hư, nên không thể lừa địch, mà trái lại còn bị địch lừa. Vì sao như thế? Khanh hãy nói rõ những điều cốt yếu cho chư tướng biết".

Lí Tĩnh đáp: "Trước phải dạy họ cái thuật kì chính biến hóa thay đổi lẫn nhau sau mới nói đến hình thế hư thực thì mới được.

Chư tướng phần đông đều không biết lấy kì làm chính, lấy chính làm kì, thì làm sao mà biết được hư là thực, thực là hư?"

Thái Tông nói: "Mưu tính mới biết kế thành hay bại, làm mới biết lẽ động hay tĩnh, xếp đặt mới biết đất sống hay chết, so sánh mới biết chỗ thiếu hay thừa, như thế là kì chính ở ta, hư thực ở địch, có phải chăng?"

Lí Tĩnh đáp: "Kì chính là nhằm vào chỗ hư thực của địch. Địch thực thì ta dùng chính, địch hư thì ta dùng kì.

Nếu tướng không biết kì chính, thì tuy có biết được chỗ hư thực của địch, cũng không thể lừa địch. Thần phụng chiếu dạy chư tướng về kì chính, thì về sau họ sẽ tự hiểu về hư thực".

Thái Tông hỏi: "Tôn Tử nói trị lực nghĩa là gì?"

Lí Tĩnh đáp: "Lấy gần đọi xa, lấy nặng đọi nhẹ, lấy no đọi đói, đấy là nói tóm tắt về trị lực".

"Người giỏi dùng binh xét ba nghĩa này mà suy ra thành sáu: Lấy dụ đọi đến, lấy tĩnh đọi gấp, lấy nặng đọi nhẹ, lấy nghiêm đọi biếng, lấy trị đọi loạn, lấy thủ đọi công.

Nếu trái lại thì sức không đủ, mà không có thuật trị lực thì làm sao có thể đánh nhau được".

Thái Tông nói: "Người đời nay học binh thư Tôn Tử, nhưng chỉ thuộc lòng cảm văn, mà thật biết suy rộng ý nghĩa của nó, nên phép trị lực cần phải được

phổ biến cho chư tướng biết”.

Thái Tông hỏi: “Tướng già binh yếu tàn tạ gần hết, quân mới mộ vào chưa ra trận, nay phải dùng đạo gì là chủ yếu để dạy họ?”.

Lí Tĩnh đáp: “Thần thường chia ra ba giai đoạn để dạy quân.

Trước hết phải dạy về phép kết ngũ, ngũ pháp đã thuần thục, thì dạy về quân hiệu. Đây là một giai đoạn.

Phép quân hiệu là lấy 1 làm 10, lấy 10 làm 100. Đây là một giai đoạn.

Rồi dạy cho tỳ tướng, chỉ huy các hiệu đội, hợp thành trận đồ. Đây là một giai đoạn.

Đại tướng giám sát sự huấn luyện ba quân trong giai đoạn này, rồi qua chế độ kiểm tra, kế đến là phân biệt kì chính, dạy họ cách hành quân chinh phạt.

Bệ hạ ngự trên cao để quan sát, thì không việc gì mà không thể làm được”.

Thái Tông hỏi: “Ngũ pháp có mấy nhà, ai được coi là chính yếu?”

Lí Tĩnh đáp: “Thần xem *Xuân Thu Tả thị truyện* có nói trước thiên sau ngũ” (*Xe đi trước tốt theo sau*).

Tư Mã Pháp viết: “5 người làm 1 ngũ”. Uất Liễu Tử thì có thúc ngũ lệnh, biên chế binh lính nhà Hán thì có Xích tịch (bộ số ghi quân lệnh), Ngũ phù (phù tìn quy định 5 ngũ bảo trợ lẫn nhau). Đời sau lấy giấy làm phù hiệu, nên biên chế của binh bị sai lạc đi.

Thần xin đổi lại từ 5 người biến thành 25 người, từ 25 người biến thành 75 người, như thế bộ tốt có 72 người, giáp sĩ có 3 người. Bỏ xe dùng kị thì 25 người bằng 1 kị đội (có 8 ngựa). Đây là phép ngũ binh ngũ đương.

Binh pháp của các binh gia đều lấy ngũ pháp làm chính yếu. Hàng nhỏ là 5 người, hàng lớn là 25 người, hàng lớn hơn nữa là 75 người, nên 5 hàng thành 375 người. 300 người làm chính, 60 người làm kị. Như thế 150 người chia làm 2 chính, 30 người chia làm 2 kì, đứng hai bên tả hữu.

Nhương Tư nói: “5 người là một ngũ, 10 ngũ làm một đội”. Đến nay vẫn lấy đó làm điểm chính yếu”.

Thái Tông hỏi: “Trẫm cùng Lí Tích luận bàn về binh pháp thì phần nhiều cũng giống như Khanh nói, nhưng Tích không nghiên cứu về xuất xứ của nó. Khanh làm thành Lục Hoa trận pháp là theo phép nào?”

Lí Tĩnh đáp: “Thần theo bài trận pháp của Gia Cát Lượng. Trận lớn bao bọc trận nhỏ, doanh lớn bao bọc doanh nhỏ, các góc cạnh đều nối liền nhau, quanh

co khúc khuỷu đối với nhau.

Phép xưa là thế. Thần theo đó mà lập bản đồ tác chiến ngoài vẽ hình vuông, trong vẽ hình tròn, tục gọi là Lục Hoa trận”.

Thái Tông hỏi: "Trong tròn ngoài vuông nghĩa là gì?"

Lí Tĩnh đáp: "Vuông sinh ra chính, tròn sinh ra kì. Vuông làm quy củ cho bộ số", tròn để tiếp nối sự tuần hoàn.

Như thế, bộ số cố định ở đất tuần hoàn ứng với trời. Bộ số vững tuần hoàn đều, thì biến hóa mà không loạn. Bát trận đổi thành Lục Hoa là phép cũ của Võ Hầu vậy".

Thái Tông hỏi: "Vẽ hình vuông để thấy bộ, điểm hình tròn để thấy binh. Bộ dạy về phép bước, binh dạy về phép tay, tay chân mà được thuần thục thì sẽ biết quá nửa rồi chăng?"

Lí Tĩnh đáp: “Ngô Khởi nói: "Cắt mà không đứt, lui mà không rời, là nhờ bộ pháp. Dạy quân như sắp đặt quân cờ ở trên bàn, nếu không có đường vẽ thì làm sao sử dụng được quân cờ?"

Tôn Tử nói: "Đất sinh độ, độ sinh lượng, lượng sinh số, số sinh cân, cân sinh thăng. Binh thăng như đem quả dật (nặng 20 lượng) so với quả thù (nặng 1/24 lượng), binh bại như đem quả thù so với quả dật”. Đều bắt đầu ở chỗ đo lường vuông tròn vậy”.

Thái Tông hỏi: "Sâu sắc thay! Lời nói của Tôn Tử. Không đo đất đai xa gần, hình thế rộng hẹp thì làm sao tạo cho đúng nhịp được!"

Lí Tĩnh đáp: “Tướng thường ít có ai biết được cái nhịp độ đó.

Người giỏi dùng binh có cái thế hiểm, có cái nhịp ngắn. Thế như giương nỏ, nhịp như bắn tên.

Thần sửa lại phép này. Phàm khi lập đội, mỗi đội cách nhau 10 bộ (1 bộ là 5 thước) đội sau cách đội trước 20 bộ, cách 1 đội đặt 1 chiến đội.

Khi tiến tới trước thì lấy 50 bộ làm 1 nhịp. Nghe một tiếng còi các đội đều đứng tản ra, nhưng không quá 10 bộ. Đến tiếng còi thứ 4, quân binh cầm thương phải quỳ xuống.

Bây giờ mới nổi trống 3 lần, hô 3 lần, tiến đánh từ 30 bộ đến 50 bộ để khống chế quân địch.

Quân kỵ từ phía sau đi ra, cũng lấy 50 bộ làm nhịp mà dừng, trước là chính, sau là kì để xem xét tình hình quân địch.

Lại nổi trống lên, đội trước là kì, sau là chính rồi khiêu khích cho địch đến để dò xem chỗ sơ hở và chỗ yếu kém của địch.

Đây là Lục Hoa Trận, đại lược đều như thế”.

Thái Tông hỏi: “Tào Công tân thư nói: “Khi bày trận chiến đấu với kẻ địch phải lập kế hoạch trước, rồi đem binh đến, theo kế hoạch mà bày trận. Nếu 1 chỗ bị địch tấn công, các nơi khác không đến tiếp cứu thì bị chém, như thế là phép gì?”

Xưa người giỏi dùng binh, dạy chính mà không dạy kì, xua quân như xua đàn dê, cùng tiến với chúng, cùng lui với chúng, không biết rõ vị trí ở đâu.

Tào Công là người tự kiêu và hiếu thắng. Lúc đương thời, chư tướng nhận binh thư mà không ai dám chỉ trích chỗ dở. Và lại khi lâm trận mới lập kế hoạch, không phải là quá muộn hay sao?”

Thần trộm xem bệ hạ bày nhạc vũ phá trận, trước ra bốn biểu, sau nổi theo 8 phương, trái phải quay có tiến bước, chiêng trống đều có nhịp riêng, như thế là 4 đầu và 8 đuôi của Bát trận đồ.

Thiên hạ chỉ thấy nhạc vũ tưng bừng, chứ đâu có biết được trong đó hàm chứa cả việc binh”.

Thái Tông hỏi: "Xưa Hán Cao Đế bình định thiên hạ nói rằng: "Cốt sao có được dũng sĩ để gìn giữ bốn phương".

Binh pháp chỉ có thể lấy ý mà dạy, chứ không thể lấy lời mà truyền. Trẫm đặt ra phá trận nhạc vũ, chỉ có Khanh là hiểu được cái ý của nó mà thôi. Đời sau có ai biết được trẫm đã làm một việc không phải là đơn giản”.

Thái Tông hỏi: "Phải chăng lấy 5 cờ vuông có màu sắc làm chính, cờ phướn để chống địch làm kì, rồi phân chia biến đổi cho thích hợp?"

Lí Tĩnh đáp: "Thần dùng theo phép xưa, hễ ba đội hợp lại thì cờ dựa mà không giao nhau, 10 đội hợp lại thì 5 cờ giao nhau.

Khi thối còi phân ra, thì 5 cờ giao nhau, chia ra làm 10; 2 cờ giao nhau chia ra làm 5, cờ dựa nhau mà không giao nhau chia ra làm 3.

Lúc quân phân ra thì lấy hợp làm kì, khi quân hợp lại, thì lấy phân làm kì. Ra 3 lệnh, 5 lần tạm nghỉ, 3 lần chia ra, 3 lần hợp lại, rồi trở về chính, thành 4 đầu 8 đuôi, dạy được như thế mới sử dụng”.

Thái Tông khen: “Hay lắm!”.

Thái Tông hỏi: “Tào Công có chiến kị, ham kị, du kị. Nay quân mã của ta thuộc hạng nào?”

Lí Tĩnh đáp: "Thần xem *Tân thư* có nói rằng: "*Chiến kị ở phía trước, hãm kị ở chính giữa, du kị ở đằng sau*". Như thế là đặt ra danh hiệu để chia ra làm 3 loại đại để thì một kị đội (8 ngựa) bằng 24 người bộ tốt, 24 kị binh bằng 72 người bộ tốt. Đây là phép xưa.

Bộ tốt thường được dạy về chính, kị đội thường được dạy về kị.

Theo Tào Công thì trước sau và chính giữa chia thành 3 lớp quân, không nói đến hai khu vực giữa và khoảng cách, như thế là chỉ nói về một phía thôi.

Người đời sau không hiểu nghĩa 3 lớp là chiến kị phải ở trước hãm kị, còn du kị được sử dụng ra sao?

Thần thường dùng phép này. Khi hồi quân chuyển trận thì du kị chống phía trước, chiến kị chống phía sau, còn hãm kị khi lâm chiến thì phân ra, đều là phép của Tào Công".

Thái Tông cười nói: "Nhiều người đều bị Tào Công mê hoặc".

Thái Tông hỏi: "Xa, bộ, kị ba thứ quân đều cùng 1 phép, mà sử dụng là ở người có phải chăng?"

Lí Tĩnh đáp: "Thần xem *Ngư Lệ Trận* thời Xuân Thu thì trước thiên sau ngũ (xe đi trước tốt theo sau). Như thế chỉ có xa, bộ mà không có kị, gọi là chống đỡ hai bên tả hữu, nghĩa là chống giữ mà thôi, chứ không phải xuất kị để thủ thắng.

Như Tuân Ngô nhà Tấn đánh quân địch, bỏ xe mà đi như thế thì lấy kị nhiều làm lợi, chỉ dùng kị mà thắng chứ không phải chống giữ mà thôi.

Thần xem dùng phép này. Phàm một ngựa cho 3 người xa bộ cùng đi, hỗn hợp thành một phép, mà sử dụng được là ở người.

Địch làm sao có thể biết được xe ta từ đâu ra, quân kị từ đâu lại, quân bộ từ đâu đến, hoặc tìm tàng dưới chín lớp đất hoặc bay lượn trên chín tầng mây, mưu trí như thần thánh, chỉ bệ hạ mới có mà thôi, thần làm sao hiểu thấu được".

Thái Tông hỏi: "Sách Thái Công nói rằng: "Đất vuông 600 bộ, hay 60 bộ, là đại biểu cho 12 chi, phép đó như thế nào?"

Lí Tĩnh đáp: "Vạch đất vuông 1.200 bộ, là hình vuông. Mỗi phần chiếm đất vuông 20 bộ, bề ngang 5 bộ đặt 1 người, bề dọc 4 bộ đặt 1 người. Tất cả 2500

người chia thành 5 phương và đặt trong 4 chỗ, gọi là trận trong trận.

Khi Võ Vương phạt Trụ, mỗi cánh quân Hồ Bôn có 30.000 người, mỗi trận 6.000 cộng lại là 30.000 quân. Đây là phép chia đất của Thái Công”.

Thái Tông hỏi: “Lục Hoa trận của khanh chia đất như thế nào?”

Lí Tĩnh đáp: “Đại thể chia đất vuông thành 1.200 bộ. Lục trận có nghĩa là mỗi phần chiếm 400 bộ đất vuông, chia ra hai khu vực Đông Tây, 1.200 bộ đất trống làm chỗ để tập trận.

Thần thường dạy 30.000 quân, mỗi trận 5.000 người, lấy một trận làm doanh, 5 trận làm thành hình vuông, tròn, cong, thẳng, nhọn, mỗi trận có 5 cách biến đổi, tất cả có 25 cách biến đổi”.

Thái Tông hỏi: "Ngũ hành trận là thế nào?"

Lí Tĩnh đáp: "Vốn do 5 phương sắc mà đặt ra tên đó, còn vuông, tròn, cong, thẳng, nhọn là tùy theo địa hình mà bày trận. Nếu quân không tập quen 5 cách này thì làm sao có thể đánh địch”.

Việc binh là đạo quý trá, nên đặt tên là ngũ hành, ý muốn nói dùng thuật số tương sinh, tương khắc thực ra binh hình cũng như nước, theo thế đất mà tạo ra như dòng nước chảy. Đây là ý chính của nó vậy”.

Thái Tông hỏi: "Tần Mâu phương viên phục binh pháp đã có từ xưa rồi, có phải không”.

Lí Tĩnh đáp: "Phép Tần Mâu là do tục truyền, thực ra chỉ có nghĩa âm dương mà thôi.

"Thần xem Phạm Lãi có nói rằng: "Sau thì dùng âm. Trước thì dùng dương, làm cho hết cái tiết dương của địch, làm cho thịnh cái tiết âm của ta, rồi chiếm lấy. Đây là sự huyền diệu về âm dương của các binh gia.

Phạm Lãi lại nói rằng: "Đặt bên phải làm tần bên trái làm mẫu, sớm tối đổi thay để thuận theo đạo trời". Như thế thì trái, phải, sớm, tối, khi lâm thời không giống nhau là do ở chỗ biến hóa của kì chính vậy.

Trái phải là âm dương của người, sớm tối là âm dương của trời, kì chính là sự tương biến giữa trời và người. Nếu cứ giữ nguyên âm dương mà không biến đổi thì âm dương đều trở thành vô dụng, chỉ còn cái hình tần mẫu mà thôi.

Cho nên khéo bày hình thế là lấy kì tỏ ra cho địch biết, nhưng không phải là chính của ta, mà thắng được địch là lấy chính đánh địch, nhưng không phải là kì của ta. Như thế gọi là kì chính tương biến.

Phục binh không phải chỉ nạp ở chỗ sơn cốc thảo mộc mới gọi là phục. Lúc chính thì như núi, lúc kì như sấm sét. Tuy đối diện nhau cũng không thể biết được là kì chính của ta ở đâu. Như thế thì làm gì có hình dạng”.

Thái Tông hỏi: "Tứ thú trận lấy thương, vũ, chúy, giác, tượng trưng cho đạo là gì?"

Lí Tĩnh đáp: "Là đạo quý trá”.

Thái Tông hỏi: "Có thể bỏ đi không?"

Lí Tĩnh đáp: "Giữ cũng được mà bỏ cũng được. Nếu bỏ mà không dùng thì càng thêm quý trá”.

Thái Tông hỏi: "Tại sao vậy?"

Lí Tĩnh đáp; "Mượn trận Tứ thú, và hiệu là thiên, địa, phong, vân phối hợp với thương kim, vũ thủy, trủy hoả, giác mộc, đấy là cái đạo quý trá của các binh gia từ thuở xưa. Nếu giữ lại thì cũng không thêm phần quý trá, mà bỏ đi thì làm sao áp dụng cái thuật sai khiến người tham, người ngu được?"

Thái Tông suy nghĩ hồi lâu rồi nói: "Khanh nên giữ kín, đừng tiết lộ ra ngoài”.

Thái Tông hỏi: "Hình phạt nghiêm khắc khiến dân sợ ta chứ không sợ địch, nên trăm rất lấy làm nghi ngờ. Xưa vua Quang Vũ lấy quân ít mà chống với trăm vạn binh mã của Vương Mãng. Nếu không dùng binh pháp thì do đâu mà được như thế?"

Lí Tĩnh đáp: "Việc thắng bại của binh gia có nhiều trường hợp khác nhau, không thể chỉ lấy một việc mà suy luận. Như Trần Thắng, Ngô Quảng đánh bại quân Tần, đâu phải vì hình phạt hơn Tần?"

Vua Quang Vũ khởi binh là hợp với lòng dân đang oán hận Vương Mãng, lại thêm Vương Tâm, Vương Ấp không thông binh pháp, chỉ cậy có quân đông, nên tự mình phải thua.

Tôn Tử có nói rằng: “Binh sĩ chưa gắn bó mà phạt thì chúng không phục, đã thân cận mà không phạt thì không thể dùng”. Ý nói người làm tướng trước phải có sự thương mến của binh sĩ, rồi sau mới có thể nghiêm hình.

Nếu tình thương chưa đậm đà mà áp dụng luật pháp nghiêm ngặt thì ít khi làm cho nên sự việc”.

Thái Tông hỏi: "Sách *Thượng thư* có nói: "*Cái uy khắc phục được tình thương thì làm nên việc. Tình thương chế ngự được cái uy thì công không*

thành" là nghĩa gì?"

Lí Tĩnh đáp: “Tình thương đặt trước, cái uy đặt sau, không thể trái lại được. Nếu dùng uy trước rồi mới tới thương sau thì không có ích gì cho công việc.

Sách Thượng Thư muốn cảnh giác về sau này chứ không phải để mưu sự lúc đầu. Nên cách trị quân của Tôn Tử muôn đời không thể đổi được”.

Thái Tông hỏi: "Lúc khanh dẹp xong giặc Tiêu Tiển, chư tướng đã muốn lấy tai sản nguy để thưởng cho binh sĩ, nhưng khanh không nghe, nói rằng Khoái Thông không bị nhà Hán phanh thây mà sau đó cả Giang Hán đều quy thuận.

Do đó, trăm nghĩ đến cổ nhân có nói rằng: "Văn có thể khiến dân quy thuận; Võ có thể uy hiếp địch quân; ý có phải lời khanh nói chẳng?"

Lí Tĩnh đáp: "Khi vua Quang Vũ bình định giặc Xích Mi, vào trong dinh địch tra xét, giặc đáp rằng: "Tiêu Vương đã đặt tấm lòng trung nghĩa vào trong lòng người". Do đó, ta biết được lòng người vốn không phải là độc ác, vậy mà không suy tính kỹ càng được sao?

Khi thần chinh phục xứ Đột Quyết cầm quân Phiên, Hán, xuất trại nghìn dặm, chưa từng đốn ngã một cây dương, hay chém giết một người dân vô tội, cũng vì muốn chứng tỏ tấm lòng thành thật, giữ sự công bình mà thôi.

Bệ hạ quá thương nên cất nhắc thần lên chức vị cao sang, chứ thần đâu dám nhận hai câu văn võ”.

Thái Tông hỏi: "Xưa Đường Kiệt đi sứ ở Đột Quyết, khanh nhân đó mà đánh bại họ. Người ta cho rằng khanh dùng Kiệt làm kẻ tử gián, cho đến nay trăm vẫn còn nghi ngờ không hiểu ra sao?"

Lí Tĩnh bái phục mà rằng: "Thần với Kiệt vốn cùng thờ chung một vua. Vì đoán biết lời nói của Kiệt sẽ không thể khuât phục được địch, nên thần nhân đó tung quân đánh thẳng vào nước họ. Đây là vì muốn trừ được cái ác lớn mà bỏ chuyện nghĩa nhỏ.

Thiên hạ cho rằng thần dùng tử gián, thật ra không phải là thần muôn như vậy, vì theo thiên dụng gián của Tôn Tử thì là hạ sách hơn cả.

Thần đã từng chú luận ở đoạn chót rằng: "Nước có thể chở thuyền, nhưng nước có thể làm đắm thuyền, hoặc dùng gián điệp mà thành công, hoặc vì dùng gián điệp mà thất bại”.

Như vậy kết tóc để thờ vua, đứng giữa triều đình nghiêm sắc mặt mà nói rằng: “Trung để tròn khí tiết, tín để vẹn lòng thành” thì tuy có kế hay, làm sao

có thể dùng được?

Việc Dương Kiệt chỉ là chuyện nghĩa nhỏ, Bệ hạ còn nghi ngờ làm chi?”.

Thái Tông nói: “Đúng thay! Phi nhân nghĩa, không thể dùng gián điệp có phải hạng người nhỏ mọn mà làm được đâu? Chu Công vì đại nghĩa mà quên mình huống hồ là một vị sứ giả, thật là sáng tỏ không còn nghi ngờ chi nữa”.

Thái Tông hỏi: "Bình quý làm chủ, không quý làm khách, quý nhanh không quý lâu là nghĩa gì?"

Lí Tĩnh đáp: "Bình là việc bất đắc dĩ mới dùng đến, sao lại làm khách và lâu được?"

Tôn Tử nói: "Vận chuyển xa xôi, thì trăm họ nghèo". Đây là cái hại của thế làm khách.

Lại nói: "Bình không gọi lính hai lần, lương không tải ba lượt". Đây là kinh nghiệm không thể đánh lâu.

Thần lượng xét về cái thế chủ khách thì có phép biến khách thành chủ và biến chủ thành khách".

Thái Tông hỏi: "Thế là nghĩa gì?"

Lí Tĩnh đáp: "Lây lương của địch là biến khách thành chủ. Khiến địch đang no thành đói, đang yên thành nhọc là biến chủ thành khách.

Cho nên việc binh không câu nệ ở chỗ chủ khách, nhanh chậm, mà cần ở chỗ phát cho đúng nhịp".

Thái Tông nói: "Xưa có mấy người làm được như thế?"

Lí Tĩnh đáp: "Xưa nước Việt đánh nước Ngô, dàn quân tả hữu hai cánh, nổi trống tiến lên. Ngô chia binh ra chống cự. Việt ngầm đưa trung quân, lặng lẽ không nổi trống, tập kích đánh bại quân Ngô. Đây là một kinh nghiệm về sự biến khách thành chủ.

Như trận đánh giữa Thạch Lặc và Cừ Đam. Quân Đam từ xa đến, Lặc sai Khổng Trường đi tiên phong đón đánh quân Đam. Khổng Trường vờ lui cho Đam đuổi theo. Lặc dùng phục binh hợp kích, quân Đam đại bại. Đây là một kinh nghiệm về sự biến nhọc thành nhàn.

Người xưa đánh như thế rất nhiều".

Thái Tông hỏi: "Có phải Thái Công đã chế ra cỗ giá sắt để ngăn ngựa xe không?"

Lí Tĩnh đáp: "Phải, nhưng chỉ để chống địch mà thôi. Binh quý ở chỗ khiến địch bại, chứ không phải chỉ để chống địch.

Trong *Lục Thao, Thái Công* có nói đây là dụng cụ phòng thủ chứ không phải dùng để tấn công".

QUYÊN HẠ

Thái Tông hỏi: "Thái Công nói: "Dùng bộ binh đánh với xa kỵ thì phải dựa vào nơi có gò đống hiểm trở. Còn Tôn Tử lại nói rằng: "Đất có khe trũng, gò đống, thành cũ, thì không thể đóng quân". Thế nghĩa là gì?"

Lí Tĩnh đáp: "Dùng binh cốt ở chỗ một lòng, một lòng là nhờ cấm tin điều lạ, bỏ điều nghi ngờ. Nếu chư tướng có điều nghi kỵ, thì lòng quân dao động, lòng quân dao động thì địch sẽ thừa cơ mà đến.

Việc đóng doanh trại giữ đất cốt ở chỗ thuận tiện cho nhân sự mà thôi. Đất có khe trũng lõm sâu. Đồi núi vây quanh như ngục, cây cỏ rậm rạp như lưới thì không tiện lợi cho nhân sự, nên binh gia thường tránh những nơi đó, để phòng địch lợi dụng đánh ta.

Còn gò đống, thành cũ không phải là nơi hiểm yếu, chiếm được sẽ có lợi cho ta, sao lại phải bỏ đi?

Lời nói của Thái Công là điều chủ yếu của việc binh vậy".

Thái Tông hỏi: "Trẫm nghĩ rằng vũ khí không hơn được người.

Hành quân cần ở chỗ tiện lợi cho nhân sự, tại sao phải nghi ngờ mà tránh điều kiêng kỵ?

Từ nay về sau, chư tướng lấy cố âm dương làm điều kiêng kỵ, làm hỏng việc lớn, thì khanh nên răn dạy nhắc nhở cho họ biết".

Lí Tĩnh bái tạ mà rằng: "Thần thấy Uất Liễu Tử nói "Xưa Hoàng Đế dùng đức mà giữ, dùng hình mà đánh". Như thế gọi là hình đức chứ không phải là thiên quan ngày giờ. Nhưng đạo quý trá chỉ có thể dùng mà không thể cho biết được.

Sau này những tướng tầm thường hay câu nệ vào thuật số, nên bị thua nhiều, không thể không cảnh giác họ.

Lời thành huấn của bộ hạ, thần sẽ đem tuyên cáo cho chư tướng biết".

Thái Tông hỏi: " Binh có khi phân khi hợp, đều quý ở chỗ thích nghi. Trong những sự tích đời trước có ai giỏi về việc này?"

Lí Tĩnh đáp: “Xưa Phù Kiên thống soái trăm vạn binh mã mà thua trận ở sông Phì là vì binh chỉ biết kết hợp lại mà không biết phân ra.

Còn như Ngô Hán đánh Công Tôn Thuật, cùng phò tướng là Lưu Thượng chia quân đóng đồn cách nhau 20 dặm. Khi Công Tôn Thuật đem binh đến đánh Ngô Hán, thì Lưu Thượng cũng xuất quân hợp kích, phá tan binh địch, là nhờ binh tuy phá mà biết hợp”.

Thái Tông nói: "Khi phân, không phân thành my quân (quân bị bỏ buộc, không được tự do). Khi tụ không tụ thành cô lũy (quân bị cô độc, lẻ loi)".

Thái Tông nói: "Nhưng Phù Kiên lúc đầu được Vương Mãnh là người biết dụng binh, nên chiếm được Trung Nguyên. Đến khi Vương Mãnh mất, thì Kiên cô độc nên bị thua. Như thế gọi là my quân.

Còn Ngô Hán được Quang Vũ trọng dụng, việc binh không đặt ở nơi xa xôi nên Ngô Hán bình được đất Thục. Như thế gọi là không rơi vào tình trạng cô độc. Những sự tích thắng bại này đủ để làm gương cho muôn đời”.

Thái Tông nói: "Trăm xem nghìn chương vạn cú cũng không ngoài một câu là dùng nhiều phương kế để lừa địch”.

Lí Tĩnh suy nghĩ hồi lâu rồi đáp: "Thật đúng như lời thánh thượng nói. Phàm việc dùng binh nếu địch không bị mắc mưu thì làm sao quân ta có thể thắng được?"

Ví dụ như đánh cờ, hai người đều ngang nhau mà đi lầm một nước thì không thể cứu được. Xưa nay việc thắng bại đều do sự nhầm lẫn, huống hồ có nhiều sự sai lầm.

Thái Tông hỏi: "Công và thủ, hai việc này thực ra cũng chỉ là một phép chăng?"

Tôn Tử nói: Kẻ giỏi công thì địch không biết đâu mà thủ. Người khéo thủ thì địch không biết đâu mà công". Tức là không nói đến trường hợp địch đến đánh ta thì ta cũng đánh lại họ, hay ta cố thủ thì địch cũng phòng thủ.

Hai bên đều áp dụng chung một phép thì làm thế nào?"

Lí Tĩnh đáp: "Đời trước những người cùng tiến công hay cùng thế thủ như thế rất nhiều. Họ đều nói thế thủ thì yếu kém, tiến công thì có thừa, cho rằng yếu kém là yếu mà thừa là mạnh. Đây là vì không biết cách công thủ.

Thần xem Tôn Tử có viết: “Không thể thắng được thì thủ, có thể thắng được thì công”. Nghĩa là khi chưa thắng được địch thì hãy tạm thủ, đợi đến lúc có

thể thắng địch thì ta đánh, chứ không phải nói là mạnh hay yếu.

Người đời sau không hiểu nghĩa đó, thành thử lúc nên đánh thì lại thủ, mà khi nên thủ thì lại đánh. Hai việc khác nhau nên không chung một phép được".

Thái Tông nói: "Không ngờ mấy chữ có thừa và yếu kém làm cho người đời sau nhầm lẫn đây là mạnh và yếu.

Họ không biết rằng phép thủ cốt khiến cho địch hiểu là thiếu kém, mà phép công cốt tỏ cho địch biết là có thừa.

Khiến địch hiểu là thiếu kém thì địch sẽ đến đánh. Đây là địch không biết đâu mà công.

Tỏ cho địch biết là có thừa, thì địch phải cố thủ. Đây là địch không biết đâu mà thủ.

Sự quyết định công thủ giữa địch và ta có thể chia thành hai việc. Nếu việc của ta được thì việc của địch hỏng, và trái lại việc của địch được thì việc của ta hỏng.

Được hay mất, thành hay bại là do việc của ta và địch mà phân chia ra. Công hay thủ chỉ là một mà thôi. Được một điều này thì trăm trận trăm thắng.

Nên mới nói rằng: "Thật là sâu sắc thay! Cái phép của thánh nhân.

Công là cơ nguy của việc thủ, thủ là kế sách của việc công, chung quy về một sự thắng mà thôi. Nếu công mà không biết thủ, thủ mà không biết công, thì không những trở thành hai việc, mà còn chia thành hai sự thể khác nhau. Miệng đọc Tôn Ngô, mà trong lòng không nghĩ đến sự huyền diệu là thuyết công thủ phải đi đôi với nhau, thì làm sao biết được cái lẽ phải ở trong đó".

Thái Tông hỏi: "Tư Mã Pháp nói: Nước tuy lớn nhưng hiểu chiến ắt phải mất. Thiên hạ tuy yên nhưng việc chiến ắt phải nguy, như thế cùng là một phép công thủ chăng?".

Lí Tĩnh đáp: "Đã có đất nước sao không thường luyện giảng dạy về công thủ.

Công không chỉ có nghĩa là đánh thành giữ trận mà còn phải đánh vào lòng địch.

Thủ không chỉ có nghĩa là giữ thành giữ trận, mà còn phải giữ khí thế của mình để chờ thời.

Lấy việc lớn mà nói là, cái đạo làm vua. Lấy việc nhỏ mà nói, là cái đạo làm tướng.

Đánh vào lòng địch gọi là biết người, giữ vững khí thế gọi là biết ta".

Thái Tông nói: "Đừng lắm, khi lâm trận, trăm thường đoán trước lòng địch và lòng mình, suy xét thật kỹ rồi mới biết được người.

Quan sát khí thế của địch và của ta, so sánh thật kỹ rồi mới biết được ta.

Như vậy biết người biết ta là điều trọng yếu của binh gia. Các vị tướng ngày nay tuy chưa biết người, nhưng nếu biết ta, thì làm sao có thể không có lợi được?"

Lí Tĩnh đáp: "Tôn Tử nói: "Trước hết không để ai thắng mình" là biết ta. "Đợi đến lúc có thể thắng địch" là biết người.

Lại nói: "Không thể thắng là ở ta, có thể thắng là ở địch". Thần không bao giờ có thể quên lời khuyên này".

Thái Tông hỏi: "Tôn Tử nói: Phép đoạt khí thế của ba quân là khí thế buổi sáng thì tinh nhuệ, trưa thì lười biếng, chiều thì suy giảm, nên người giỏi dùng binh tránh cái khí tinh nhuệ của địch, mà đánh khi họ lười biếng và suy yếu". Thế nghĩa là gì?

Lí Tĩnh đáp: "Phàm con người bẩm sinh có bầu máu nóng, hăng hái đấu tranh, dù chết cũng không cần suy xét là do cái khí tạo ra như vậy. Nên theo phép dùng binh trước phải quan sát binh sĩ của ta, khích động cái khí thế chiến thắng của ta, rồi mới có thể đánh địch.

Ngô Khởi có bốn cơ mưu, mà vẫn lấy khí cơ là trọng hơn cả, cũng không ngoài lẽ đó, có thể khiến cho mọi người tự nguyện chiến đấu thì khí thế dũng mãnh không ai có thể ngăn được.

Nói khí thế buổi sáng tinh nhuệ, vốn không phải là chỉ hạn định ở thời gian. Đây là lấy một ngày từ sáng đến tối làm thí dụ mà thôi.

Phàm nổi trống ba lần mà địch vẫn không suy kiệt thì làm sao có thể khiến địch lười biếng hay suy yếu?

Vì học hỏi chỉ hiểu suông theo câu văn nên mới bị địch dụ, nếu thấu triệt cái lí lẽ để nhận định thì có thể dùng binh".

Thái Tông nói: "Khanh đã từng nói Lí Tích có tài về binh pháp, về sau có thể dùng được. Nhưng nếu không do trăm chỉ đạo thì không thể dùng được. Sau này Thái tử lên trị vì, thì làm thế nào để sử dụng được hẳn?"

Lí Tĩnh đáp: "Làm theo kế của bệ hạ thì không gì bằng truất bỏ Lí Tích, rồi mật lệnh cho Thái tử về sau sẽ thu dụng hẳn, tất có sự nhớ ơn và lo việc

báo đáp, như vậy cũng không có gì trái lẽ”.

Thái Tông khen: "Đúng, trăm không còn ngại gì nữa".

Thái Tông hỏi: "Nếu Lí Tích và Trương Tôn Vô Kị cùng nắm quyền Quốc chính thì sau này sẽ ra sao?"

Lí Tĩnh đáp: "Lí Tích là người trung nghĩa, thần có thể bảo đảm được.

Vô Kị là người phò tá có công lớn, bệ hạ đã lấy tình tâm phúc mà ủy nhiệm hẳn làm thừa tướng, nhưng bề ngoài hẳn có vẻ khiêm tốn, bên trong thì đố kỵ người hiền, nên Uất Trì Kính Đức đã chỉ trích thẳng vào mặt hẳn rồi xin về hưu.

Hầu Quân Tập cũng vì giận hẳn nên quên tình cũ mà phạm điều nghịch. Tất cả đều do Vô Kị mà ra.

Nay bệ hạ đã hỏi, thần không dám giấu những chuyện đó".

Thái Tông nói: "Đừng tiết lộ việc này, để rồi trăm nghĩ cách xử trí".

Thái Tông hỏi: "Hán Cao Tổ là người biết dùng tướng, nhưng về sau Hàn Tín, Bành Việt đều bị giết. Tiêu Hà bị tống giam. Tại sao thế?"

Lí Tĩnh đáp: "Thần xem Lưu Bang Hạng Vũ đều không phải là hạng vua biết dùng tướng.

Khi nhà Tần bị mất, Trương Lương vì muốn báo thù cho vua Hàn, Trần Bình, Hàn Tín đều hận không được vua Sở trọng dụng, nên mới mượn cái thế của nhà Hán để vươn lên.

Còn Tiêu Hà, Tào Tham, Phàn Khoái, Quán Anh đều là những người đương ty nạn. Hán Cao Tổ nhờ đó mà chiếm được thiên hạ.

Giả sử cả sáu nước đều phục hưng, thì ai ai cũng nhớ đến nghĩa cũ, dù có tài dùng tướng, cũng không chắc nhà Hán đã dùng được họ.

Thần cho rằng sở dĩ nhà Hán chiếm được thiên hạ là nhờ mưu chước của Trương Lương và công lao tiếp vận của Tiêu Hà.

Đem việc này ra luận thì Hàn Tín, Bành Việt bị giết, Phạm Tăng không được dùng, sự việc cũng giống nhau, nên thần mới nói Lưu Bang, Hạng Vũ đều không phải là hạng vua biết dùng tướng".

Thái Tông hỏi: "Khi Hán Quang Vũ phục hưng đất nước, bảo toàn được công thần, không bỏ nhiệm họ trông coi các địa phương, như vậy có phải là biết dùng tướng không?"

Lí Tĩnh đáp: "Vua Quang Vũ tuy nhờ vào sự gây dựng của tổ tiên mà thành công dễ dàng, nhưng cái thế của Vương Mãng không kém gì Hạng Tịch; Khấu Tuân, Đổng Vũ cũng không hơn Tiêu Hà, Trương Lương, nhưng nhờ được lòng người và biết dùng nhu mà trị nên bảo toàn được công thần, hơn Cao Hán Tổ nhiều lắm.

Đem việc này mà luận đạo làm tướng, thì thần cho rằng vua Quang Vũ đã biết cách dùng tướng'.

Thái Tông hỏi: "Xưa kia, trước khi xuất quân lập tướng, vua phải ăn chay ba hôm, rồi trao búa cho vị tướng mà nói rằng: "Từ đây lên đến trời mọi việc đều do tướng quân định đoạt" lại trao cho rìu mà nói rằng: "Từ đây xuống đến đất mọi việc đều do tướng quân chế ngự". Rồi đẩy bánh xe mà nói rằng: "Tiến lui tùy thời, việc binh chỉ theo lệnh tướng mà không theo lệnh vua".

Trẫm cho rằng cái lễ đó đã bỏ từ lâu rồi, nay muốn cùng khanh thăm định về nghi thức khiến tướng như thế nào?"

Lí Tĩnh đáp: "Thần trộm nghĩ rằng thánh nhân đã đặt ra lễ ăn chay ở miếu là để mượn uy thần trao búa rìu và đẩy bánh xe là để uỷ thác quyền hành cho tướng.

Nay bệ hạ mỗi khi xuất quân đều nghị luận với công khanh và làm lễ cáo miếu rồi mới khiến tướng, tức là đón lấy thần linh. Mỗi khi dùng tướng đều cho họ tùy nghi hành động, tức là uỷ thác trọng quyền. Như thế có khác chi việc ăn chay đẩy xe, đều hợp với lễ xưa mà ý nghĩa cùng giống nhau, không cần thăm định nữa".

Thái Tông cho là phải, bèn khiến cận thần chép hai việc đó để cho đời sau noi theo.

Thái Tông hỏi: "Thuật số về âm dương có thể bỏ được chăng?"

Lí Tĩnh đáp: "Không nên. Việc binh là đạo quý trá, nhờ thuật số âm dương để sai khiến người tham, kẻ ngu, vì thế không thể bỏ được".

Thái Tông hỏi: "Khanh thường nói tướng giỏi không cần quan sát thiên văn xem ngày giờ, chỉ có tướng dở mới cầu nệ những điều đó, vậy có nên bỏ đi chăng?"

Lí Tĩnh đáp: "Xưa vua Trụ chọn ngày Giáp Tí mà mất nước. Võ Vương chọn ngày Giáp Tí mà thịnh hưng.

Vì quan sát thiên văn, xem ngày giờ thì cũng là ngày Giáp Tí mà nhà Ân bị loạn, còn nhà Chu trị yên, sự hưng vong khác hẳn nhau.

Lại như Tông Võ Đế lấy ngày vãng vong (Vãng là đi, vong là mất) mà khởi binh, quan quân đều cho là không tốt. Nhà vua nói rằng: "Ta đi thì địch mất". Quả nhiên là thắng được địch. Vì thế mà cho rằng có thể bỏ đi, thật là đúng lắm.

Nhưng khi Điền Đan bị nước Yên bao vây, Đan bèn khiến một người giả làm thần linh rồi làm lễ cúng bái. Thần nói rằng: "Có thể phá được quân Yên".

Bây giờ Đan mới dùng trâu lửa (đốt lửa cột ở đuôi trâu) xung kích đánh tan quân Yên. Đây là đạo quý trá của binh gia, nên thiên quan ngày giờ cũng giống như vậy".

Thái Tông hỏi: "Điền Đan muôn có thần linh để phá quân Yên. Thái Công đốt thi quy (một thứ quẻ mu rùa mà người xưa dùng để bói) mà diệt Trụ. Hai việc đó khác nhau ở chỗ nào?"

Lí Tĩnh đáp: "Về cơ mưu thì cũng là một, hoặc là làm ngược lại, hoặc là thuận theo mà làm.

Xưa kia Thái Công cho phép Võ Vương đến một nơi hoang dã gặp gió mưa sấm sét, cờ trống bị gãy đổ. Tán Nghi Sinh muốn bói được quẻ tốt thì mới hành quân, vì trong ba quân có sự nghi ngờ sợ hãi, nên phải mượn việc bói toán để hỏi thần linh.

Nhưng Thái Công cho rằng cỏ nát xương khô không thể hỏi được, và bây tôi đem quân đi đánh vua há lại có thể hỏi thần linh hay sao?

Ta thấy Tân Nghi Sinh đưa cơ mưu ra trước, rồi Thái Công thành đạt cơ mưu sau. Thuận nghịch tuy có khác nhau, mà suy ra cái lí ở bên trong cũng giống nhau.

Trước kia thần cho rằng không nên bỏ thuật số là vì muốn giữ kín cơ mưu khi chưa đến lúc phát ra còn sự thành công là do con người".

Thái Tông hỏi: "Hiện trong các tướng lĩnh chỉ có Lí Tích, Đạo Tông, Tiết Vạn Triệt, trừ Đạo Tông là người thân thuộc ra, thì ai có thể gánh được việc lớn?"

Lí Tĩnh đáp: "Bệ hạ thường nói Lí Tích Đạo Tông dùng binh thì không thắng lớn nhưng cũng không thua to. Còn Vạn Triệt không thắng lớn thì ắt thua to.

Thần trộm nghĩ, theo lời nói của thánh nhân thì không cần thắng lớn nhưng cũng không thua to là quân có kỉ luật còn hoặc thắng lớn, hoặc thua to là nhờ may mắn mà thành công vậy.

Tôn Tử nói: Người thiện chiến luôn luôn dùng ở chỗ không thể thua và không để mất cơ hội làm cho địch thua. Đó là yêu cầu của ta".

Thái Tông hỏi: "Hai trận cũng dàn ra, muốn không đánh có được không?"

Lí Tĩnh đáp: "Xưa quân Tấn đánh quân Tần vừa giao chiến đã lui binh. Tư Mã Pháp viết: "Đuổi theo không xa, rút lui không kịp". Thần cho rằng lui binh là chế ngự - Nếu quân ta có kỉ luật, bên địch cũng hàng ngũ chỉnh tề, thì làm sao dám khinh ý đánh nhau?"

Cho nên có khi xuất quân để giao chiến, rồi lui binh không đuổi theo. Vì ai cũng đề phòng thất bại.

Tôn Tử nói: "Đừng đánh trận thế đường hoàng, không đón ngọn cờ chân chính".

Nếu hai trận đều có hình thế và lợi thế ngang nhau, thì chỉ cần một chút khinh xuất là có thể bị đối phương lợi dụng hoặc bị thua to. Đây là lẽ tự nhiên sinh ra như thế.

Cho nên việc binh có khi không đánh, không đánh là ở ta, phải đánh là ở địch".

Thái Tông hỏi: "Tại sao không đánh là ở ta?"

Lí Tĩnh đáp: "Tôn Tử nói rằng: "Ta không muốn đánh, chỉ vạch đất mà thủ, thì địch không thể đánh ta, vì ta đánh lạc hướng chúng rồi".

Nếu địch có đông người, thì trong lúc mới giao tranh, ta chưa có thể mưu thắng ngay được, nên mới nói rằng không đánh là ở ta.

Còn phải đánh là ở địch thì Tôn Tử có nói: "Người khéo khiêu chiến chỉ bày hình thế là địch phải tuân theo, đa cho thì địch phải nhận".

Lấy lợi mà nhử, lấy yếu mà đợi, địch thấy không người ắt phải đến đánh, ta nhân đó mà phá được địch, nên mới nói rằng phải đánh là ở địch".

Thái Tông nói: "Cao sâu thay! Quân có kỉ luật, làm đúng phép thì thịnh, sai phép thì mất.

Khanh tuần tự thuật lại những người giỏi việc tiết chế trong các thời đại kèm theo đồ hình dâng lên, trăm sẽ chọn những chỗ tinh vi để lại cho đời sau.

Li Tĩnh đáp: "Trước kia thần có dâng lên hai trận đồ của Hoàng Đế và Thái Công cùng với phép kì chính của Tư Mã Pháp và Gia Cát Lượng. Đó là những phép tắc vô cùng tinh vi.

Nhiều danh tướng ở các thời đại chỉ áp dụng một hay hai phép mà thành công. Nhưng các vị sử quan ít người biết đến việc binh, nên không thể ghi chép tất cả sự thật. Thần đâu dám không tuân theo mệnh vua, sẽ tuân tự thuật lại cho bệ hạ nghe".

Lí Tĩnh đáp: "Thần thường chia làm ba bậc, để học giả theo đó tuân tự mà tiến. Một là đạo, hai là trời đất, ba là tướng pháp.

Thuyết về đạo rất tinh thâm, Kinh Dịch gọi là thông minh, trí tuệ thần vũ mà không giết người gọi là đạo.

Thuyết về trời gọi là âm dương, thuyết về đất gọi là hiểm và dễ. Người giỏi dùng binh có thể lấy âm đoạt dương, lấy chỗ hiểm đánh chỗ dễ. Mạnh Tử gọi là thiên thời, địa lợi.

Thuyết về tướng pháp là dùng người và vũ khí. Tam lược gọi là được kẻ sĩ thì hưng thịnh. Quán Trọng nói là vũ khí cần phải cứng nhọn".

Thái Tông nói: "Trẫm cho rằng không đánh mà khuất phục được quân người mới là thượng sách. Bách chiến bách thắng là trung sách. Còn dùng thành cao hào sâu để tử thủ là hạ sách. Dem việc này mà so sánh với ba bậc trong binh thư Tôn Tử đều có đầy đủ".

Lí Tĩnh đáp: "Xem câu văn rồi xét đến sự việc thì cũng có thể khác nhau.

Như Trương Lương, Phạm Lai, Tôn Tử thoát nhiên ẩn dật, không ai biết đi đâu. Nếu không hiểu đạo, thì sao có thể làm được như thế?"

Như Nhạc Nghị, Quán Trọng, Gia Cát Lượng, hễ đánh thì thắng, thủ thì vững bền, nếu không biết xét thiên thời, địa lợi, thì sao có thể làm được như thế?

Kế đến là Vương Mãnh giữ nước Tần, Tạ An giữ nhà Tấn, nếu không biết cách dùng tướng, chọn người tài năng, hoàn bị cách phòng thủ, thì sao có thể làm được như thế?

Nếu cái học về cách luyện binh, trước hết phải từ bậc thấp đến bậc trung, từ bậc trung đến bậc cao thì mới dần dần tiến đến chỗ uyên thâm được. Bằng không thì chỉ biết nói suông hay đọc thuộc lòng, mà không thể dùng được".

Thái Tông nói: "Đạo gia kị ba đời làm tướng, nghĩa là không được truyền sai và cũng không thể không truyền. Khanh nên cẩn thận việc đó".

Lí Tĩnh bái phục mà lui ra, rồi đem tất cả sách vở truyền cho Lí Tích.

BINH THU' YẾU LỰỢC

GIỚI THIỆU

Theo Đại Việt sử ký toàn thư, Trần Quốc Tuấn có soạn một bộ sách quân sự là *Binh gia diệu lý yếu lược*¹ để giáo dục các tướng sĩ phép dùng binh. Lịch triều hiến chương loại chí (phần Văn tịch chí) cho biết Trần Quốc Tuấn đã soạn sách *Binh gia yếu lược* và sách *Vạn kiếp binh thư*².

Nhiều người cho rằng *Binh gia diệu lý yếu lược* hay *Binh gia yếu lược* chỉ là một, cũng như *Vạn kiếp tôn bí truyền thư* hay *Vạn kiếp binh thư* chỉ là một. Nhiều người lại cho rằng *Binh gia yếu lược* và *Binh thư yếu lược* cũng chỉ là một.

Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* cho biết *Binh gia yếu lược* và *Vạn kiếp binh thư* đã thất lạc từ lâu. Ở Thư viện khoa học xã hội hiện nay có một bộ sách chữ Hán chép tay mang ký hiệu 476 đề là *Binh thư yếu lược*. Trang đầu bộ sách này ghi rõ rằng: “*Binh thư yếu lược* bốn quyển do Trần Hưng Đạo vương soạn, vương húy là Quốc Tuấn”.

Binh thư yếu lược mang ký hiệu 476 gồm bốn quyển. Quyển I gồm có chín chương là: 1. Thiên tướng, 2. Tuyển mộ, 3. Tuyển tướng, 4. Tướng đạo, 5. Giản luyện, 6. Quân lễ, 7. Mạc hạ, 8. Binh cụ, 9. Hiệu lệnh. Quyển II có mười một chương là: 1. Hành quân, 2. Hướng đạo, 3. Đồn trú, 4. Tuần canh, 5. Quân tư, 6. Hình thế, 7. Phòng bị, 8. Xem mưa gió, 9. Bình trưng, 10. Dụng gián, 11. Dụng trá. Quyển III có bảy chương là: 1. Liệu địch, 2. Dã chiến, 3. Quyết chiến, 4. Thiết kỳ, 5. Lâm chiến, 6. Sơn chiến, 7. Thủy chiến. Quyển IV cũng có bảy chương là: 1. Công thành, 2. Thủ thành, 3. Đột vây, 4. Cứu ứng, 5. Lui tránh, 6. Được thua, 7. Đầu hàng.

Trong *Binh thư yếu lược*, thì quyển II, quyển III và quyển IV có nhiều đoạn rút ra từ *Hồ trưởng khu cơ* của Đào Duy Từ³, một nho sĩ có tài kinh bang tế thế đã giúp chúa Nguyễn Phúc Nguyên (chúa Phậ) xây dựng cơ đồ hồi nửa đầu thế kỷ XVII ở Đường trong. Những đoạn này, có đoạn ghi rõ là đã rút ra từ *Hồ trưởng khu cơ*, có nhiều đoạn tuy lấy từ *Hồ trưởng khu cơ*, song lại không có chú thích gì cả. Ở quyển IV (*Binh thư yếu lược*) có mục “Phép làm hỏa tiễn

chứa thuốc độc”; ở *Hổ trướng khu cơ* cũng có mục “Phép làm hỏa tiễn chứa thuốc độc”. Nguyên văn chữ Hán ở *Binh thư yếu lược* cũng như *Hổ trướng khu cơ* đều là “Hỏa tiễn trừ độc pháp”. Liều lượng các vị thuốc dùng để chế hỏa tiễn ở *Binh thư yếu lược* và ở *Hổ trướng khu cơ* giống hệt nhau. Mở đầu mục “Phép làm hỏa tiễn chứa thuốc độc” trong *Binh thư yếu lược*, có đoạn văn như sau: “Phàm ít không địch được nhiều, yếu không địch được mạnh, đó là lẽ thường. Nhưng *Binh pháp* có nói: Người giỏi đánh làm thế địch không thể thắng để đợi thế địch mà mình có thể thắng. Cho nên cầm quân ba nghìn chống giặc năm đường, phỏng ở đồng ruộng đường dài, giặc đem cả nước sang đánh, thì lấy cái gì mà chống được? Nên dùng phép “hỏa tiễn chứa thuốc độc”. Đoạn văn này ở *Hổ trướng khu cơ* lại nhắc lại nguyên văn như thế, không sai và không thiếu một chữ nào.

1. Đại Việt sử ký toàn thư, t. II, tr. 82, bản dịch của Viện Sử học, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

2. Lịch triều hiến chương loại chí, t. IV (Văn tịch chí), tr. 120, Nhà xuất bản Sử học.

3. Có thuyết cho *Hổ trướng khu cơ* do Cao Khuê, môn đệ của Đào Duy Từ, căn cứ vào những điều được Đào Duy Từ truyền thụ cho mà soạn ra.

Trong *Binh thư yếu lược* có mục “Phép làm súng gỗ”, trong *Hổ trướng khu cơ* cũng có mục “Phép làm súng gỗ”. Trong *Binh thư yếu lược* có mục “Phép đốt đuốc trước gió”, trong *Hổ trướng khu cơ* cũng có mục “Phép đốt đuốc trước gió”, lời văn hai bên giống hệt nhau. Về “Bí pháp làm quả nổ”, “Bí pháp làm quả mù”, “Phép chế hỏa đồng”, “Phép chế hỏa tiễn” (tên lửa), *Binh thư yếu lược* và *Hổ trướng khu cơ* cũng rất giống nhau. Nếu kể hết những đoạn, những mục giống nhau ở *Binh thư yếu lược* và *Hổ trướng khu cơ* thì nhiều lắm. Chúng tôi chỉ đưa ra một số điểm giống nhau giữa hai bộ sách để các bạn thấy rằng giữa hai bộ sách có nhiều vấn đề cần giải quyết.

Binh thư yếu lược là sách được soạn ra từ thế kỷ XIII, còn *Hổ trướng khu cơ* được viết ra hồi nửa đầu thế kỷ XVII. Thời gian ra đời của hai bộ sách có một khoảng cách đến bốn trăm năm. Tại sao hai bộ sách có những đoạn, những mục giống nhau như lộn? *Hổ trướng khu cơ* đã lấy nhiều đoạn, nhiều mục trong *Binh thư yếu lược*, hay ngược lại? Nếu chỉ căn cứ vào yếu tố thời gian thì

chúng ta có thể suy luận rằng khi viết Hồ trưởng khu cơ, Đào Duy Từ đã rút ra nhiều tài liệu từ Binh thư yếu lược của Trần Quốc Tuấn. Nhưng nếu căn cứ vào nội dung các đoạn, các mục vừa có ở Binh thư yếu lược vừa có ở Hồ trưởng khu cơ, thì chúng ta phải kết luận rằng chính Binh thư yếu lược đã lấy nhiều đoạn, nhiều mục của Hồ trưởng khu cơ. Tại sao lại như vậy? Mục “Phép chế quả nổ” trong Binh thư yếu lược cũng như trong Hồ trưởng khu cơ đều nói phép làm quả nổ là của người phương Tây. Hồi thế kỷ XVI và thế kỷ XVII, theo chân các thương nhân phương Tây, phép làm quả nổ được đem vào Việt-nam, cụ thể là đem vào Đường. trong trước. Hồi thế kỷ XIII, trong hai lần chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân Mông-cổ chưa bao giờ Trần Quốc Tuấn dùng quả nổ đánh quân xâm lược. Hồi thế kỷ XIII chúng ta cũng chưa từng thấy quân đội nhà Trần sử dụng tên lửa (hỏa tiễn) hay tên lửa chứa thuốc độc; trong các trận đánh, chúng ta chỉ thấy quân đội nhà Trần dùng tên tẩm thuốc độc bắn quân Mông-cổ mà thôi. Như vậy rõ ràng là mục “Phép chế quả nổ”, mục “Phép làm hỏa tiễn chứa thuốc độc” cũng như ở nhiều mục, nhiều đoạn khác, đã được một nhân vật nào đó sống sau Đào Duy Từ rút ra từ Hồ trưởng khu cơ của Đào Duy Từ rồi đưa vào Binh thư yếu lược.

Đọc Binh thư yếu lược, chúng ta thấy nhiều đoạn không phải là của Trần Quốc Tuấn viết ra từ thế kỷ XIII. Quyển 1 chương “Tuyển mộ”, mục “Trao quyền cho tướng” viết: “Các triều Đường, Tống, Minh bị thua cũng vì có đó, mà nhà Tống quá tệ, nhà Minh lại tệ hơn. Người bàn về việc nhà Tống thì cho rằng bàn bạc nhiều mà thành công ít; người bàn về việc nhà Minh thì cho rằng nhà Minh mất nước, không mất ở giặc cướp mà mất ở ngay từ trong công nông, không mất ở bờ cõi, mà mất ngay từ lời can của đài quan”. Nếu chỉ đọc đoạn trên, chúng ta có thể nghĩ rằng bộ Binh thư yếu lược còn lại cho chúng ta ngày nay đã được một người Việt-nam nào đó hồi thế kỷ XVII hay thế kỷ XVIII sửa chữa, bổ sung hay viết lại. Chúng ta cũng nghĩ như thế khi chúng ta đọc đoạn này của Binh thư yếu lược: “Xưa kia đời vua Thành tổ nhà Minh đánh Mán Miến-điện đem ba mươi vạn quân, hơn một trăm voi đến cướp Định-viễn. Vua Minh sai Mộc Thạnh và Anh Mã-thành đi đánh, bắt được voi đem về”. Nhưng đến những câu sau đây, thì chúng ta lại nghĩ rằng Binh thư yếu lược đã được bổ sung hay viết lại hồi đầu thế kỷ XIX tức thời Nguyễn sơ: “Năm Kỷ Dậu người Thanh sai Tổng đốc Lương Quảng sang nước ta đánh giặc để khôi phục

thành nhà Lê. Quân Ngụy Tây bày voi xông trước. Người Thanh làm cản gỗ chống ngựa¹ để cản lại, đào hố để sập voi. Chước đó rất mưu, song lại thất thủ, vì trong cái mưu có cái chưa mưu”. Những câu sau đây cũng làm cho chúng ta nghĩ như thế: “Như xưa, Tây-sơn Nguyễn Huệ chống nhau với Thạc quận công ở bến Thúy-ái, ra quân theo đường tắt mà vào kinh thành nhà Lê. Chúa Trịnh vừa về miền Tây, thì trong phủ đã dựng cờ Tây-sơn rồi. Năm Kỷ Dậu ngày mồng 5 tháng giêng, Nguyễn Huệ chia quân làm ba đạo cùng với quân Bắc tiếp chiến, mà thủy binh tiến đậu ở sông Nhị hà, đó là mưu chệt đường về của quân Bắc”.

¹. Một thứ chướng ngại vật chữ Hán là mộc mã, dùng để cản đường tiến của voi, ngựa.

Những tài liệu kể trên cho phép chúng ta bước đầu kết luận rằng: Binh thư yếu lược của Trần Quốc Tuấn đến đầu thế kỷ XIX đã được một nho sĩ am hiểu quân sự, yêu khoa học quân sự, sửa chữa và bổ sung nhiều. Nho sĩ ấy đã đọc nhiều binh thư của Trung-quốc, đã đọc Hồ trưởng khu cơ của Đào Duy Từ, rồi trên cơ sở các tri thức về quân sự của mình, nho sĩ ấy đã sửa chữa và bổ sung Binh thư yếu lược của Trần Quốc Tuấn. Vì vậy Binh thư yếu lược là sách do Trần Quốc Tuấn làm ra từ thế kỷ XIII, mà lại có những đoạn nói về cuộc xâm lược của quân Minh đối với Miến-điện, có đoạn nói về cuộc đấu tranh võ trang chống quân Thanh xâm lược do vua Quang Trung lãnh đạo, lại có đoạn nói về những việc xảy ra ở đời Tự-đức.

Kết luận như vậy, tất có người nói: Thế thì tại sao khi soạn Lịch triều hiến chương loại chí hồi thế kỷ XIX, Phan Huy Chú lại nói rằng Binh thư yếu lược của Trần Quốc Tuấn không còn nữa? Chúng ta đều biết rằng thời Phan Huy Chú biên soạn Lịch triều hiến chương loại chí là thời nước Việt-nam mới tạm thời ổn định một phần nào¹, sau một thời loạn lạc kéo dài. Rất có thể dưới tay Phan Huy Chú, Binh thư yếu lược không còn nữa, nhưng ở một nơi nào đó, cụ thể là ở một tủ sách cửa gia đình một nho sĩ nào đó, Binh thư yếu lược của Trần Quốc Tuấn có thể vẫn còn hoặc là toàn bộ hoặc là một phần. Tình hình này có thể có được ở một số nước mà đường giao thông liên lạc khó khăn như nước Việt-nam hồi đầu thế kỷ XIX. Nho sĩ yêu Binh thư yếu lược của Trần Quốc Tuấn, đã đem bộ sách này sửa chữa và bổ sung trên cơ sở những tri thức về khoa học quân sự của ông. Do đó, Binh thư yếu lược tuy mang tên Trần

Quốc Tuấn, vị danh tướng sống vào hồi thế kỷ XIII, mà lại có cả các đoạn trong Hồ trưởng khu cơ của Đào Duy Từ, và các cuộc chiến tranh xảy ra hồi thế kỷ XV, thế kỷ XVI, thế kỷ XVII, thế kỷ XVIII.

Đến đây, một vấn đề cần được đặt ra và giải quyết: Trong bộ Binh thư yếu lược mà hiện nay chúng ta có, chỗ nào là của Trần Quốc Tuấn, chỗ nào không phải là của Trần Quốc Tuấn? Đọc Binh thư yếu lược, chúng tôi thấy có chỗ đã gọi rõ ràng đã lấy từ Hồ trưởng khu cơ, có chỗ tuy không ghi là lấy từ Hồ trưởng khu cơ, nhưng đọc Hồ trưởng khu cơ, chúng ta thấy chỗ ấy có trong tác phẩm của Đào Duy Từ. Những chỗ như thế dứt khoát không phải là của Trần Quốc Tuấn. Cũng không phải là của Trần Quốc Tuấn những đoạn chép về các sự kiện xảy ra về các đời Minh, đời Thanh, hay đời Tây-sơn. Như vậy không có nghĩa là những đoạn khác trong Binh thư yếu lược là của Trần Quốc Tuấn cả. Chúng tôi cho rằng có thể là của Trần Quốc Tuấn trước hết những đoạn rút ra từ phép dùng binh của Tôn Vũ và Ngô Khởi. Cũng là của Trần Quốc Tuấn những đoạn mà tư tưởng phù hợp với tư tưởng của ông đã trình bày trong Hịch tướng sĩ hay với lời của ông nói với vua Trần Anh-tôn khi nhà vua đến thăm ông ở nhà riêng tại Vạn-kiếp hồi tháng Tám năm Kỷ hợi (1300).

Chúng ta đều biết rằng tháng Tám năm Kỷ hợi, Trần Quốc Tuấn bị bệnh nặng, vua Trần Anh-tôn thân đến nhà riêng của ông để thăm ông và hỏi ông về kế sách giữ nước. Trần Quốc Tuấn có nói với vua Anh-tôn như sau: “Đại khái quân giặc cậy vào trường trận, quân ta cậy vào đoản binh, đem đoản binh đánh lại trường trận là việc thường trong binh pháp. Nhưng cần phải xét: Nếu thấy quân giặc tràn sang như gió như lửa, thì thế giặc có thể dễ dàng chống cự được; nếu giặc dùng cách chiếm cứ dần, như tầm ăn dâu, không vợ vét của dân, không mong đánh được ngay, thì mình phải dùng tướng giỏi, phải xem xét tình thế biến chuyển như người đánh cờ tùy thời cơ mà ứng biến cho đúng, làm thế nào thu hút được quân lính, như cha con một nhà mới có thể dùng để chiến thắng được. Và phải khoan dùng sức dân để làm cái kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước không còn gì hơn”. Phải “thu hút được quân lính như cha con một nhà”, “phải khoan dùng sức dân để làm cái kế sâu rễ bền gốc”, những tư tưởng đó hoàn toàn phù hợp với những tư tưởng sau đây của Binh thư yếu lược: “Dùng trí để phục thiên hạ, mà thiên hạ phải phục trí, nhưng trí vẫn không thẳng; dùng pháp (luật) để chế thiên hạ, mà thiên hạ phải theo pháp

(luật), nhưng pháp (luật) cũng không thần. Vậy trí với pháp (luật) không phải là cái hay ở trong cái hay vậy. Bậc thánh võ trị đời, đánh ở chỗ không có thành, công ở chỗ không có lũy, chiến ở chỗ không có trận. Nhẹ nhàng như mưa rơi ở trên không, dựng nên cuộc đời vô sự”. “Hòa mục có công hiệu rất lớn cho cuộc trị an. Hòa ở trong nước thì ít dụng binh; hòa ở ngoài biên thì không sợ có báo động; bất đắc dĩ mới phải phạt kẻ làm xằng. Vua tôi hòa mục thì dùng được người tài; các tướng văn tướng võ hòa mục thì làm nên công nghiệp. Tướng sĩ hòa mục khi được ban thưởng sẽ nhường nhịn nhau, nguy nan sẽ cứu nhau. Đó, hòa mục là một đạo rất hay cho việc trị nước, hành binh, không bao giờ đổi được”.

Những ý kiến trên đây của Trần Quốc Tuấn biểu thị rằng ông không những là một nhà quân sự lớn, mà còn là một nhà chính trị lớn. Đó là nhà kinh bang tế thế vậy. Khi vạch ra những nguyên tắc hành động của viên tướng tổng chỉ huy, Trần Quốc Tuấn xuất phát từ tư tưởng nhân nghĩa. Nhân nghĩa là mục đích của đời người cũng tức là mục đích của viên tướng, viên tướng phải đấu tranh cho chính nghĩa, đấu tranh vì lợi ích của nhân dân: “Khí lượng của tướng lớn nhỏ khác nhau. Tướng mà che điều gian, giấu điều họa, không nghĩ đến sự quân chúng oán ghét, tướng ấy chỉ huy mười người. Tướng mà sớm dậy khuya nằm, lời lẽ kín đáo, tướng ấy chỉ huy được trăm người. Tướng thẳng mà biết lo, mạnh mà giỏi đánh đó là tướng chỉ huy được nghìn người. Tướng mà ngoài mặt hăm dọa, trong lòng ân cần, biết người khó nhọc, thương kẻ đói rét, đó là tướng chỉ huy được vạn người. Tướng mà gần người, tiến người tài, ngày thường cẩn thận, thành thực rộng rãi, giỏi việc dẹp loạn, đó là tướng chỉ huy được mười vạn người. Tướng mà dùng nhân ái đối với kẻ dưới, lấy tín nghĩa để phục nước láng giềng, trên biết thiên văn, dưới biết địa lý, giữa biết việc người, coi bốn biển như một nhà, đó là tướng chỉ huy được cả thiên hạ không ai địch nổi”. Ở đây, tác giả Binh thư yếu lược đã vượt hẳn khuôn khổ một viên tướng tổng chỉ huy, mà trở thành một nhân vật có tài kinh bang tế thế, ở triều đình thì là tướng văn, ở ngoài mặt trận là tướng võ kiểu như Gia Cát Lượng vậy.

1. Chúng tôi nói “tạm thời ổn định một phần nào” vì suốt thời gian từ Gia Long, qua Minh Mạng, Thiệu Trị đến Tự Đức, nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân đã nổ ra.

Giai cấp đại quý tộc đời Trần thường biết đoàn kết với nhau. Ở những phương diện nhất định, lợi ích của giai cấp đại quý tộc nhất trí với lợi ích của nhân dân. Vua và các vương hầu đều chú ý đến nông nghiệp, công nghiệp. Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp nhờ vậy mà phát triển. Tình hình trên cũng thấy phản ánh trong *Binh thư yếu lược*: “*Thương người, dốc chí làm việc thì được sự yêu mến. Nghe lời nói phải, xa kẻ gièm pha, thì người xa đến với mình. Đo tính trước sau rồi mới làm, đó là đề phòng khi có biến cố. Có tội phải răn, có công phải thưởng mới có thể uốn nắn được người. Thông việc trước, suốt việc sau mới có thể giáo dục được quân chúng. Rẻ sắc đẹp, trọng con người mới được lòng dân. Bỏ lợi tư theo lợi chung mới giữ được nước*”. “*Thanh liêm của cải, tiết kiệm tiêu dùng, ít say về rượu, giữ mình theo lễ, thờ bề trên cho trung, có việc lo chung với quân chúng, lấy của địch mà không tích trữ (cho mình), bắt phụ nữ địch mà không lưu dùng (cho mình)*”.

Trần Quốc Tuấn thương yêu tướng sĩ, luôn luôn săn sóc đến đời sống của tướng sĩ. Trong *Hịch tướng sĩ* ông tuyên bố: “*Các người ở cùng ta coi giữ binh quyền cũng đã lâu ngày, không có áo thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho ăn, quan còn nhỏ thì ta thăng thưởng, lương ít thì ta tăng, đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa, lúc hoạn nạn thì cùng nhau sống chết, lúc nhàn hạ thì cùng nhau vui cười*”. Tinh thần đồng cam cộng khổ này của Trần Quốc Tuấn cũng thấy biểu hiện trong *Binh thư yếu lược*: “*Trong quân có người ốm, tướng phải thân hành đem thuốc đến chữa, trong quân có người chết, tướng phải thương xót, đau buồn, quân đi thú xa, thì (tướng) phải sai vợ con đến thăm hỏi. Phàm có khao thưởng thì phải chia đều có quan và quân. Khi có cất đặt chức vị gì, thì phải họp cả tướng tá lại để bàn. Mưu đã định rồi mới đánh giặc; cho nên tướng với quân có cái ơn hòa rượu và hút máu¹*”.

1. Sách *Hoàng Thạch Công* chép rằng: Có một vị tướng tài có một vò rượu ngon do một người đến biếu, ông đem vò rượu ấy đổ xuống sông hòa với nước, rồi cho tướng sĩ đến dòng nước mà uống. Ba quân đều được uống rượu, vì vậy ai nấy đều gắng sức chiến đấu. Ngô Khởi nổi tiếng là người giỏi dùng binh. Có người lính có cái nhọt đang nung mủ, Ngô Khởi ghé mồm vào nhọt mà hút máu mủ. Người lính cảm động, càng ra sức chiến đấu (*Binh thư yếu lược*).

Trần Quốc Tuấn hiểu rõ rằng không tranh thủ được sự đồng tình của các tướng sĩ, thì không thể động viên các tướng sĩ đánh giặc được. Như chúng ta đều biết, Yết Kiêu, Dã Tượng là gia nô của Trần Quốc Tuấn, Phạm Ngũ Lão là gia khách của ông. Yết Kiêu, Dã Tượng, cũng như Phạm Ngũ Lão đều hăng hái chiến đấu chống quân Mông-cổ, và đều lập được nhiều chiến công quan trọng. Họ đã vì Trần Quốc Tuấn mà quên mình chiến đấu. Yết Kiêu, Dã Tượng và Phạm Ngũ Lão sẵn dĩ gắng sức ở nơi trận mạc, một phần là vì họ yêu nước, nhưng một phần khác cũng vì họ được Quốc Tuấn đãi ngộ như cha với con. Việc quan tâm đến đời sống của các tướng sĩ cũng thấy biểu hiện trong *Binh thư yếu lược*: “Cho nên quân sĩ có cái vui mổ trâu, nấu rượu, cái khí thế ném đá vượt rào, họ yêu mến tướng như con em yêu mến cha anh, như chân tay giữ gìn đầu mắt, không ai có thể ngăn nổi họ. Nếu đối xử khắt khe làm cho họ đau khổ, bắt họ làm những công việc quá nặng nhọc thì tiếng oán thù không sao cho hết. Tướng mà coi quân sĩ như cỏ rác, thì quân sĩ coi tướng như cừ thù. Mong cho họ sung vào hàng ngũ cũng còn khó, còn mong gì họ gắng sức đánh giặc nữa. Đó là cái chước lớn của tướng soái để vỗ về quân sĩ vậy”.

Căn cứ vào Tôn Vũ và Ngô Khởi, *Binh thư yếu lược* vạch ra cái đạo của người làm tướng, đạo này có tám điều phải tránh là: 1. Lòng tham không đáy, 2. Giết người hiền ghen người tài, 3. Tin lời gièm ưa lời nịnh, 4. Biết người mà không biết mình, 5. Do dự không quả quyết, 6. Hoang dâm tửu sắc, 7. Đối trá và lòng thì nhát sợ, 8. Nói bậy mà không giữ lễ độ.

Những ý kiến trên cũng có thể là của Trần Quốc Tuấn. Tại sao chúng ta có thể biết như vậy được? Trong *Hịch tướng sĩ*, Trần Quốc Tuấn viết rằng: “Nay ta đọc hết các sách binh pháp của các danh gia và soạn thành một quyển gọi là *Binh thư yếu lược*. Nếu các người chuyên tập sách này theo lời dạy bảo thì mới phải đạo thần tử. Nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo, thì tức là kẻ thù nghịch”. Các sách binh pháp của các danh gia là những sách nào? Các danh gia ấy là những ai? Đọc *Binh thư yếu lược*, chúng ta thấy những sách ấy chủ yếu là *Vũ kinh* hay *Vũ thư* của Trung quốc trong đó có sách *Tôn Tử* hay *Tôn Tử binh pháp* hay *Binh pháp* của Tôn Vũ đời Xuân Thu. Còn các danh gia nói đây chủ yếu là Tôn Vũ và Ngô Khởi, hai nhà quân sự đại tài thời Xuân Thu Chiến Quốc. Chúng ta có thể nói tư tưởng quân sự trong *Binh thư yếu lược* chủ yếu là tư tưởng của Tôn Vũ và Ngô Khởi mà Trần Quốc Tuấn

muốn đem vận dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh Việt-nam hồi thế kỷ XIII. Xét như vậy, chúng ta sẽ thấy rằng những đoạn trích dẫn và bình luận ý kiến của Tôn Vũ và Ngô Khởi trong Binh thư yếu lược là của Trần Quốc Tuấn, một nhà chính trị kiêm quân sự thiên tài đã sở đắc rất nhiều ở binh pháp Tôn Ngô, và đã đem những điều sở đắc của mình giáo dục cho các tướng sĩ ở dưới quyền tiết chế của ông.

Giả thuyết trên sẽ có giá trị, nếu có ngày chúng ta chứng minh được rằng ý kiến của Phan Huy Chú, tác gia Lịch triều hiến chương loại chí là không đúng sự thật.

Trong trường hợp Binh thư yếu lược cũng tức Binh gia diệu lý yếu lược của Trần Quốc Tuấn quả thật không còn nữa như Phan Huy Chú đã nói trong Lịch triều hiến chương loại chí, thì quyển Binh thư yếu lược mang ký hiệu 476 của Thư viện khoa học xã hội sẽ là sách thế nào? Quyển Binh thư yếu lược này, chúng tôi nghĩ rằng có lẽ do một nho sĩ am hiểu khoa học quân sự, nắm được nhiều tri thức quân sự của Việt-nam và của Trung-quốc soạn ra. Theo cái phong thái thác cổ vẫn lưu hành ở Việt-nam và Trung-quốc xưa, nho sĩ ấy đã mượn tên sách của Trần Quốc Tuấn đặt cho tên sách của mình nhằm tăng thêm uy tín của tác phẩm của mình đối với người đọc. Cũng có thể đầu tiên sách chỉ mang tên Binh thư yếu lược thôi, nhưng sau đó một người nào đó lại thêm mấy chữ “Binh thư yếu lược bốn quyển do Trần Hưng Đạo vương soạn, vương húy là Quốc Tuấn”. Chúng tôi sợ dĩ viết như thế là vì trong Lịch triều hiến chương loại chí không có sách nào của Trần Quốc Tuấn gọi là Binh thư yếu lược, mà chỉ có sách Binh gia diệu lý yếu lược hay Binh gia yếu lược¹ mà thôi. Có thể một nho sĩ nào đó đã viết một quyển sách quân sự rồi đặt cho tên sách của mình cái tên gần giống tên sách của Trần Quốc Tuấn, rồi người sau đó, sau khi đã sửa chữa và bổ sung Binh thư yếu lược, mới thêm mấy chữ “Binh thư yếu lược bốn quyển do Trần Hưng Đạo vương soạn, vương húy là Quốc Tuấn” như chúng tôi đã nói ở trên...

Tất cả đều là giả thuyết, ước thuyết. Chưa thể có kết luận khẳng định dứt khoát ai là tác giả thật sự bộ Binh thư yếu lược mang ký hiệu 476 của Thư viện khoa học xã hội. Nhưng dù thế nào đi nữa, bộ Binh thư yếu lược vẫn là bộ sách quân sự quý của chúng ta. Tác phẩm quân sự chúng ta có rất ít. Cho đến nay, có lẽ chúng ta mới có hai tác phẩm là Binh thư yếu lược và Hồ trưởng khu

cơ. Hồ trưởng khu cơ là tác phẩm nặng về mặt thực hành hơn là mặt lý luận quân sự. Duy có Binh thư yếu lược vừa chú ý đến mặt lý luận vừa chú ý đến mặt thực hành, do đó, nó có thể là bộ sách quân sự đầu tiên của dân tộc Việt-nam đã tổng kết được các kinh nghiệm quân sự của Việt-nam từ xưa cho đến thời Nguyễn sơ.

Hiện nay ở miền Bắc chúng ta đang có phong trào học tập truyền thống dân tộc. Chúng ta có nhiều truyền thống ưu tú của dân tộc, trong các truyền thống ưu tú ấy, thì truyền thống đấu tranh quân sự của dân tộc chúng ta đáng được đặc biệt chú ý. Truyền thống đấu tranh quân sự của dân tộc Việt-nam dưới thời phong kiến cụ thể như thế nào? Chúng tôi có thể nói truyền thống đó một phần quan trọng đã được đúc kết trong *Binh thư yếu lược* và *Hồ trưởng khu cơ*. Viện Sử học cho dịch *Binh thư yếu lược* và *Hồ trưởng khu cơ* và cho xuất bản, chính là mang muốn đáp ứng trong muôn một yêu cầu học tập truyền thống đấu tranh quân sự của cán bộ và nhân dân.

Hà-nội, tháng 11 năm 1968

VĂN TÂN

Viện Sử học

TIÊU SỬ TRẦN QUỐC TUẤN

Trần Quốc Tuấn là con An-sinh vương Trần Liễu và là cháu gọi vua Trần Thái tôn bằng chú ruột. Ông sinh vào khoảng năm 1226, 1227, 1228 hoặc 1229 gì đó, nguyên quán ông ở làng Tức-mặc, huyện Mỹ-lộc, tỉnh Nam-định, nay thuộc tỉnh Nam-hà.

Khi quân Mông-cổ sang xâm lược nước ta lần thứ nhất (1257), ông tham gia cuộc kháng chiến. Năm 1283 khi quân Mông-cổ sắp sửa mở cuộc xâm lược lần thứ hai vào nước Đại Việt, Trần Quốc Tuấn được cử làm Quốc công Tiết chế toàn bộ quân đội của nhà Trần. Đầu năm 1285, năm mươi vạn quân Mông-cổ do Thoát Hoan chỉ huy từ biên giới tỉnh Quảng-tây đánh vào nước Đại Việt, trong khi ấy mười vạn quân Mông-cổ khác do Toa-đô chỉ huy từ Chiêm-thành tiến ra Bắc. Thế giặc quá mạnh, triều đình phải bỏ Thăng-long, rút vào Thanh-hóa. Ở những nơi quân giặc chiếm đóng, nhân dân làm vườn không nhà trống. Tức giận, quân giặc đi đến đâu cướp phá và giết chóc nhân dân đến đấy. Vua Trần Nhân tôn lo sợ, hỏi Trần Quốc Tuấn: “Hay ta tạm hàng để cứu muôn dân?” Quốc Tuấn khẳng khái trả lời: “Nếu bệ hạ muốn hàng, trước hết hãy chém đầu thần đi đã”.

Để giáo dục cho các tướng sĩ phép dùng binh đánh giặc giữ nước, Trần Quốc Tuấn đã căn cứ vào các sách binh pháp của Tôn Vũ và Ngô Khởi mà soạn ra sách Binh gia diệu lý yếu lược hay *Binh thư yếu lược*. Ông lại viết *Hịch tướng sĩ để khích lệ lòng yêu nước và chí căm thù của các tướng sĩ đối với quân xâm lược*.

Do chiến lược, chiến thuật đúng đắn của Trần Quốc Tuấn, do tinh thần quyết chiến của quân đội, đầu Tháng Năm năm Ất dậu (1285), quân đội nhà Trần đánh bại quân của Toa-đô ở cửa Hàm-tử làm cho Toa-đô phải đem tàn quân chạy về cửa biển Thiên-trường. Ngay sau đó, Trần Quốc Tuấn lại nhanh chóng tập trung quân đội, bất ngờ đánh vào căn cứ giặc ở Chương-dương, và đã tiêu diệt hầu hết quân Mông-cổ đóng ở đấy. Thoát Hoan thấy Chương-dương bị đánh, vội cho quân từ Thăng-long đến cứu viện Chương-dương. Quân Mông-

cổ vừa rời khỏi Thăng-long được một quãng, thì bị quân phục kích của Trần Quốc Tuấn đổ ra chặn đánh và tiêu diệt. Được tin Chương-dương bị hạ, viện binh bị diệt, Thoát Hoan hoảng sợ, vội cùng với bọn A-thích mang quân Mông-cổ vượt sông Hồng chạy sang các căn cứ quân Mông-cổ ở miền đất là tỉnh Hà-bắc ngày nay.

Sau khi đại thắng ở Chương-dương, và đuổi Thoát Hoan ra khỏi Thăng-long, Trần Quốc Tuấn mang quân quay lại tiêu diệt lộ quân của Toa-đô ở Tây-kết, và đến cuối tháng Năm năm Ất dậu (1285), quân Trần lại đại thắng ở Tây-kết, nguyên soái Toa-đô bị chém đầu ngay tại trận, Ô-mã-nhi sợ hãi phải chạy vào Thanh-hóa. Quân Trần thừa thắng truy kích, bắt sống được mấy vạn quân Mông-cổ.

Các trận thắng trên buộc Thoát Hoan và toàn bộ quân Mông-cổ phải rút lui. Nhưng trên đường rút về Trung-quốc quân Mông-cổ bị quân đội của Trần Quốc Tuấn phục kích, và bị chết rất nhiều. Thoát Hoan phải chui vào một cái thùng đồng mới trốn được về Trung-quốc.

Năm Đinh hợi (1287) quân Mông-cổ do Thoát Hoan chỉ huy lại xâm lược nước Đại Việt lần thứ ba. Vua Trần Nhân tôn hỏi ý kiến Trần Quốc Tuấn, Quốc Tuấn tuyên bố: “Bây giờ quân ta đã quen chiến đấu, quân giặc từ xa đến mỗi mệt, và chúng còn đang khiếp sợ về những trận thua trước, mất cả nhuệ khí... Năm nay đánh giặc có phần dễ hơn trước”.

Đầu năm Đinh hợi (1287), quân Mông-cổ dưới quyền chỉ huy của Thoát Hoan, do hai đường thủy và bộ kéo vào xâm lược nước Đại Việt. Trần Quốc Tuấn lại ra lệnh cho quân đội rút lui chiến lược. Quân Mông-cổ lại chiếm được Chi-lãng, Khả-ly, Chí-linh, Vạn-kiếp, Tam-đái-giang (Việt-trì), Thăng-long... quân đội nhà Trần lại đóng rải rác ở nhiều nơi, nhân dân lại làm vườn không nhà trống. Trần Quốc Tuấn lại cho quân du kích ngày đêm quấy rối các vị trí của quân Mông-cổ. Quân Mông-cổ bị hãm vào cảnh thiếu lương thực. Ngày đêm chúng chỉ còn việc cố thủ các vị trí để chờ các đoàn thuyền lương do Trương Văn Hổ có trách nhiệm mang đến cho chúng. Nhưng đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ đã bị Trần Khánh Dư phá sạch ở Vân-đồn... Được tin đoàn thuyền lương bị phá, Thoát Hoan lại quyết định cho toàn bộ quân Mông-cổ theo hai đường thủy bộ rút lui về Trung-quốc. Trần Quốc Tuấn đã dự đoán nước cờ đó của Thoát Hoan, và ông đã cho quân đi bố trí phục kích tại

các đường thủy, đường bộ mà quân Mông-cổ tất phải đi qua trên đường về nước. Tháng Ba năm Mậu tý (1288) trận phục kích quy mô nổi tiếng trong lịch sử đã diễn ra ở sông Bạch-đăng, kết quả 500 chiến thuyền Mông-cổ bị đánh đắm hoặc bị bắt, hơn ba vạn quân giặc bị giết, bị bắt, bị chết đuối, Ô-mã-nhi và Tích-lệ-cơ ngọc bị bắt sống...

Được tin toàn bộ quân Mông-cổ bị phá ở sông Bạch-đăng, Thoát Hoan sợ cuống quít, y vội ra lệnh cho toàn quân rút lui về nước. Trên đường chạy trốn, quân Mông-cổ lại bị quân đội của Trần Quốc Tuấn phục kích, và bị chết rất nhiều. Thoát Hoan phải do đường huyện Đan-kỷ (Lạng-sơn) chạy sang Lộc-châu rồi theo thung lũng sông Lục-ngạn, qua các địa điểm Biển-động, An-châu, Đình-lạp để vượt biên giới chạy về Tư-minh (Trung-quốc).

Do có nhiều công lao đánh giặc cứu nước, Trần Quốc Tuấn được phong tước Hưng-đạo đại vương, vì vậy người ta thường gọi ông là Trần Hưng Đạo.

Tháng Tám năm Kỷ hợi (1300), Trần Quốc Tuấn bị bệnh nặng ở Vạn-kiếp, và đến ngày 15 tháng Tám thì ông từ trần tại nhà riêng.

Trước khi Quốc Tuấn sắp từ trần, vua Trần Anh-tôn có đến nhà riêng của ông ở Vạn-kiếp để hỏi ông về kế sách giữ nước. Nhân dịp này, Quốc Tuấn có trình bày với vua Anh-tôn về chiến lược đánh giặc giữ nước khi đất nước bị xâm lăng như chúng tôi đã nói ở phần “Giới thiệu”.

Chiến lược, chiến thuật của Trần Quốc Tuấn có thể tóm tắt như sau:

Nước Đại Việt nhỏ và yếu hơn nước Đại Nguyên của Mông-cổ, vì vậy phải “lấy đoản binh mà chống trường trận” tức phải lấy ít đánh nhiều, lấy yếu chống mạnh, khi quân giặc mới đến, thế chúng còn mạnh, thì ta rút lui để bảo toàn lực lượng, nhử cho giặc vào sâu và dàn mỏng lực lượng ra nhiều nơi chờ khi nào có điều kiện thuận lợi mới phản công; khi ta rút lui, ta cũng phải chủ động khiến cho giặc “muốn đánh mà không đánh được”. Với chiến thuật vườn không nhà trống, với chiến tranh nhân dân, giặc không thể cướp được lương thực của nhân dân, và luôn luôn bị dân quân du kích đánh phá, quấy rối, cắt đường tiếp tế. Tinh thần quân giặc do đó tất phải giảm sút. Lúc ấy quân ta mới phản công, cắt hẳn đường liên lạc, tiếp tế của giặc, phục kích, tập kích giặc, dùng vận động chiến thần tốc đánh vào các căn cứ quan trọng của giặc, buộc giặc phải rút lui về nước, và trên đường giặc rút lui, ta phục kích tiêu diệt chúng.

Với chiến lược và chiến thuật trên, Trần Quốc Tuấn đã hai lần đánh bại quân Mông-cổ đã từng tung hoành, bách chiến bách thắng ở châu Á, châu Âu. Khi vạch cho vua Trần Anh-tôn kế sách giữ nước, Trần Quốc Tuấn lại nhấn mạnh rằng “*phải khoan dùng sức dân để làm cái sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước, không còn gì hơn*”.

TIÊU SỬ ĐÀO DUY TỪ

Đào Duy Từ sinh vào khoảng năm 1572 ở xã Hoa-trai, huyện Ngọc-sơn (nay là huyện Tĩnh-gia) tỉnh Thanh-hóa, cha là Đào Tá Hán, mẹ là người họ Nguyễn. Ông thông minh, và học rộng biết nhiều. Ông đi thi hương ở Thanh-hóa. Hiến ty cho Đào Duy Từ là con nhà phường chèo, gạch bỏ tên không cho vào thi. Ông buồn bực quay về, căm giận chế độ vô lý của họ Trịnh lúc bấy giờ. Một hôm ông nói với bạn rằng: “Tôi nghe chúa Nguyễn hùng cứ đất Thuận-quảng, làm nhiều việc ân đức, lại có lòng yêu kẻ sĩ, trọng người hiền... Nếu ta theo vào giúp thì chẳng khác gì Trương Lương về Hán, Ngũ Viên sang Ngô, có thể làm tỏ rạng thanh danh, ta không đến nỗi phải nát cùng cây cỏ, uổng phí một đời...”. Rồi mùa đông năm Ất sũu (1627), Duy Từ trốn được vào xứ Đường trong. Đầu tiên ông ở huyện Vũ-xương hơn một tháng để nghe ngóng tình hình. Sau biết khám lý Hoài-nhân là Trần Đức Hòa là người có mưu trí được chúa Nguyễn Phúc Nguyên tin dùng, Duy Từ vào Hoài-nhân. Ông đi ở chăn trâu cho một phú ông ở xã Tùng-châu. Phú ông thấy Duy Từ học rộng tài cao, biết ông không phải là người thường, liền đem nói với Trần Đức Hòa. Đức Hòa cho gọi Duy Từ đến hỏi chuyện. Thấy Duy Từ không gì là không thông hiểu, Đức Hòa giữ ông lại rồi gả con gái cho. Duy Từ đem bài “Ngọa long cương” của ông đưa cho Đức Hòa xem., Đức Hòa xem bài “Ngọa long cương” và nói: “Đào Duy Từ là Ngọa-long đời này chẳng?”.

1. Ngọa Long là biệt hiệu của Khổng Minh Gia Cát Lượng.

Một hôm, Trần Đức Hòa đem bài “Ngọa long cương” cho Nguyễn Phúc Nguyên xem, và nói: “Bài này là do thầy đồ của nhà tôi là Đào Duy Từ làm”. Đọc bài “Ngọa long cương” Nguyễn Phúc Nguyên biết Đào Duy Từ là người có chí lớn, liền cho gọi Duy Từ đến. Mấy hôm sau, Đào Duy Từ và Trần Đức Hòa cùng vào ra mắt Nguyễn Phúc Nguyên. Lúc ấy Phúc Nguyên đang mặc áo trắng, đứng ở cửa nách. Thấy thế, Duy Từ dừng lại, không vào. Phúc Nguyên hiểu ý, trở vào, mặc áo đội mũ chỉnh tề rồi ra đón Duy Từ vào nói chuyện. Duy

Từ cao đàm hùng luận, tỏ ra rất am hiểu việc đời. Phúc Nguyên mừng lắm, hỏi: “Sao khanh đến muện thế?”. Liền ngay đó Phúc Nguyên trao cho Duy Từ chức Nha úy nội tán, tước Lộc Khê hầu, trông coi việc quân cơ ở trong và ở ngoài, tham lý quốc chính.

Từ đấy Duy Từ nói gì chúa Nguyễn cũng nghe. Ông bày mưu vạch kế giúp chúa Nguyễn làm nên nhiều việc lớn. Chúa Nguyễn thường nói với mọi người: “Đào Duy Từ thật là Tử Phòng (Trương Lương) và Khổng Minh (Gia Cát Lượng) ngày nay”.

Tháng ba năm Canh ngọ (1630), Duy Từ khuyên chúa Nguyễn đắp lũy Trường-dục từ núi Trường-dục đến phá Hạc-hải nhằm ngăn chặn quân Trịnh ngược dòng sông Nhật-lệ vào đánh xứ Đường trong. Năm Tân mùi (1631), theo lời Đào Duy Từ, chúa Nguyễn lại cho đắp một cái lũy nữa kiên cố hơn, dài 18 ki-lô-mét bắt đầu từ núi Đâu-mâu qua cửa biển Nhật-lệ, rồi men theo sông Lệ-kỳ và sông Nhật-lệ tiến lên phía đông bắc đến làng Đông-hải.

Nhờ có hai cái lũy trên, chúa Nguyễn đã ngăn chặn được các cuộc tiến công của quân Trịnh trong một thời kỳ dài.

Tháng chín năm Canh ngọ (1630), theo đề nghị của Đào Duy Từ, Nguyễn Phúc Nguyên cho mở cuộc tấn công vào châu Nam Bố-chánh, và chiếm được châu này.

Tháng mười năm Giáp Tuất(1634), Duy Từ bị bệnh nặng rồi mất, thọ 63 tuổi.

Đào Duy Từ chỉ làm quan với chúa Nguyễn có tám năm. Nhưng trong tám năm đó, ông đã xây dựng cho họ Nguyễn một cơ sở xã hội vững chắc, và một quân đội hùng mạnh. Nguyễn Hữu Tiến, một viên tướng có tài của chúa Nguyễn, là con rể Đào Duy Từ do Đào Duy Từ tiến cử lên chúa Nguyễn.

Hổ trướng khu cơ là tác phẩm do Đào Duy Từ soạn ra để dạy các tướng sĩ của xứ Đường trong. Đó là tác phẩm quân sự đuy nhất của Việt-nam còn nguyên vẹn cho đến ngày nay.

Xứ Đường trong sở dĩ có quân hùng tướng mạnh, một phần là do công lao của Đào Duy Từ. Đào Duy Từ, vì vậy, được coi là Đệ nhất khai quốc công thần của họ Nguyễn và được thờ ở nhà Thái miếu.

THUYẾT MINH VỀ BẢN DỊCH

Những binh thư của Trung-quốc mà sách này trích lục trước hết là bộ *Võ kinh* gồm bảy phần như sau:

Sách *Tôn tử* hay *Tôn tử binh pháp*, có khi gọi tắt là *Binh pháp*, do Tôn Vũ thời Xuân thu, tướng của Ngô Hạp Lư soạn. Theo *Sử ký* thì sách này có 13 thiên. Đỗ Mục đời Đường nói rằng sách của Tôn Vũ nguyên có đến vài mươi vạn chữ, sau Tào Tháo bỏ bớt đi mà thành bản ngày nay.

Sách *Ngô tử* do Ngô Khởi tướng của nước Sở thời Chiến quốc soạn. Lục Mỹ Thanh đời Đường chia sách ấy làm 6 thiên, tức là bản thông hành ngày nay.

Sách *Lục thao*, đầu thời chiến quốc đã có tên sách, bản cũ đề là của Lã Vọng nhà Chu, nhưng là sách đời sau giả thác, tác giả ở vào khoảng trước đời Đường.

Sách *Tư mã pháp*, một sách binh pháp đời xưa, đề là của Tư-mã Nương Thư nước Tề soạn, nhưng không chắc đúng.

Sách *Tam lược*, người đời sau soạn mà giả thác là của Hoàng Thạch công trao cho Trương Lương là công thần khai quốc của nhà Hán.

Sách *Uất liệu tử*, do Uất Liệu đời Chu soạn.

Sách *Lý vệ công vấn đối*, do học trò của Lý Tĩnh ghi chép những lời vấn đáp của Đường Thái tông với tướng là Lý Tĩnh mà thành.

Ngoài ra *Binh thư yếu lược* còn trích lục các sách:

Vũ kinh tổng yếu, do bọn Tăng Công Lượng và Đinh Độ đời Tống soạn, chép những binh pháp của đời xưa và những mưu kế phương lược của nhà Tống, gồm 40 quyển.

Hổ kiếm kinh, do Hứa Động đời Tống soạn, gồm 20 quyển.

Thúy vi bắc chinh lục, do Hoa Nhạc đời Tống soạn, gồm 20 quyển.

Vũ bị chí, do Mao Nguyên Nghi đời Minh soạn, gồm 19 quyển.

Vũ bị chế thắng chí, do học trò của Mao Nguyên Nghi soạn, gồm 31 quyển.

Kinh thế, tức là *Kinh thế bát loại toàn biên*, do Trần Nhân Tích đời Minh soạn, trong ấy có phần “*Binh tào*” từ quyển 63 đến quyển 83.

Hồng vũ đại định, không rõ tên tác giả, hiện Thư viện khoa học trung ương chỉ có một tập sách chép tay nhỏ gồm 6 thiên đề là Hồng vũ đại định binh thư lược biên. Theo tên sách thì sách này thuộc đời Minh. Hồng vũ là niên hiệu của Minh Thái tổ.

Sách Bảo giám thì chúng tôi không tìm thấy, trong thư mục của Tứ khố toàn thư đề yếu của Trung quốc chỉ thấy có sách Tướng giám (gương làm tướng) ghi chép sự trạng của những người hành quân giỏi của Trung quốc từ xưa, bắt đầu từ Tôn Vũ, cuối cùng là Quách Sùng Thao đời Hậu Đường.

Còn bốn tác phẩm khác mà chúng tôi không tìm thấy ở Hà-nội là: Binh chế, Vạn cơ chí, Yên thủy thần kinh, Hành quân tu tri, không hiểu tác giả là ai và nội dung là thế nào.

Về tác phẩm Việt nam, thì Binh thư yếu lược trích dẫn sách Binh lược và trích lục gần hết sách Hồ trưởng khu cơ. Sách Binh lược thì chúng tôi không tìm thấy, nhưng đoán là sách Việt nam về đời Nguyễn, là vì thấy nó dẫn những việc thuộc lịch sử Việt nam từ cuộc xâm lược của quân Minh đến cuộc khởi nghĩa Tây sơn. Ngoài ra còn có tài liệu của Bộ Binh triều Nguyễn.

Sách Hồ trưởng khu cơ theo Đại nam thực lục chính biên là do Đào Duy Từ soạn ra hồi nửa đầu thế kỷ XVII.

Hiện nay ở Hà-nội chỉ có một bản Binh thư yếu lược chép tay của Thư viện khoa học xã hội, gồm 4 quyển, đề là Trần Hưng Đạo vương soạn(!), không có tựa, chữ viết xấu, lại do nhiều người chép (xem nét chữ khác nhau), nhiều chữ sai, cũng có không ít chỗ sót. Trước khi phiên dịch, chúng tôi phải làm công việc hiệu đính bản chữ Hán. Về những đoạn văn trích lục ở các binh thư Trung-quốc thì chúng tôi đối chiếu với nguyên văn theo các sách tìm thấy ở Thư viện khoa học xã hội. Nếu là những sách không tìm thấy ở Thư viện ấy thì chúng tôi đành phải theo văn pháp và văn nghĩa mà hiệu đính, cũng như đối với những đoạn do chính tác giả biên soạn; về phần này, tương đối ít, thì có khi tác giả cũng chỉ là tóm tắt ý kiến của các sách xưa thôi.

Theo nội dung Binh thư yếu lược như trên thì không thể xem nó là di tác của Hưng Đạo vương được. Đây là một bộ sách được biên soạn theo một phương pháp đặc biệt, do nhiều nhà thông hiểu binh pháp thời Trần (có thể đặc biệt là Hưng Đạo Vương), thời Lê, thời Nguyễn tiếp tục nhau mà biên soạn bằng cách trích lược những binh thư các đời của Trung-quốc và của nước ta, thỉnh

thoảng những người biên soạn có thêm những đoạn có quan hệ với những sự kiện quân sự vào kinh nghiệm của nước nhà, hoặc tóm tắt ý kiến của các sách xưa một cách gọn gàng.

Sách này được hoàn thành ở thời nhà Nguyễn.

Trong khi phiên dịch chúng tôi đã bỏ những đoạn có tính chất mê tín, đặc biệt là ở chương “Thiên tượng” thuộc quyển I, ở các chương “Chiêm phong vũ” và “Binh trưng” thuộc quyển II. Phương pháp biên soạn sách này có hơi lỏng lẻo, cho nên có những đoạn ở trên đã chép mà lại chép thêm ở dưới, hoặc có một đôi đoạn hình như chép lộn, những đoạn chép trùng hay chép lộn ấy chúng tôi đều bỏ cả. Cuối cùng, tất cả những đoạn lấy ở *Hồ trướng khu cơ* chúng tôi đều bỏ đi để đem cả tập *Hồ trướng khu cơ* dịch làm phần phụ lục mà nêu riêng một tác phẩm về binh pháp của nước ta có ít nhiều màu sắc dân tộc.

Sách *Hồ trướng khu cơ* hiện ở Thư viện khoa học xã hội có năm bản chép tay A157, A565, A1783, A2117, A3003, Chúng tôi lấy bản số A157 là bản đầy đủ nhất để dịch, nhưng trong khi dịch chúng tôi đã đối chiếu với các bản kia và với những chương những mục được trích lục trong sách *Binh thư yếu lược* để *đính chính những chỗ sai sót.*

Những hình vẽ về trận đồ và về binh khí chiến cụ dùng trong bản dịch này là vẽ lại theo hình vẽ của sách *Võ kinh tổng yếu trong bộ Tứ khố toàn thư trận bản sơ tập* (Thư viện khoa học xã hội số P1121), của sách *Vũ bị chế thắng chí* (Thư viện khoa học xã hội số AC597) và của sách *Hồ trướng khu cơ* (Thư viện khoa học xã hội số A157).

Binh thư yếu lược do Nguyễn Ngọc Tinh phiên dịch.

Hồ trướng khu cơ do Đỗ Mộng Khương phiên dịch.

Người hiệu đính

ĐÀO DUY ANH

BINH THU' YẾU LƯỢC

QUYÊN I

I – Thiên tượng (Hình tượng của trời) (1)

Sách Võ bị chí (2): Gặp khi đất trời mịt mờ tối tăm, gió thổi cát mù, cờ xí không cắm được, chiêm trống không nghe được thì không nên ra quân. Nếu có quân giặc nhân khi tối tăm mà đem kỵ binh mạnh đến đánh, ta phải ra lệnh, nhắc đi nhắc lại, ước thúc ba quân, Bền giữ dinh trại, không được rối động, chỉ lấy lá chắn để đỡ tên đạn, dùng cung khỏe, nỏ cứng, cứ ngồi mà bắn, chờ khi quân địch trể tràng thì đem quân nhanh mạnh, nhân lúc rối loạn không ngờ, ngầm cho hậu quân đón chặn con đường yếu hại địch dùng mà tới để đánh thì có thể bắt được ngay.

Gặp khi trời đất gió mưa đen tối mịt mờ bốn bề, thì không nên tiến quân, không nên hành dinh, cứ bền giữ dinh trại, phòng quân sỹ sinh biến và phòng giặc ngoài đến đánh.

(1): Chương này phần nhiều nói đến những điều hoang đường mê tín về thiên văn xưa, chúng tôi bỏ không dịch, chỉ dịch một mục trích ở sách Võ Bị Chí chép về thời tiết mà thôi.

(2): Võ bị chí: Tác phẩm của Mao Nguyên Nghi đời Minh, 19 quyển. Xem Võ bị chế thắng chí, quyển 6, chương “Thẩm thời”

Gặp khi gió to mưa lớn, rét lớn, nắng lớn, không nên cho quân đi đánh, phải nên vỗ về quân sỹ mà bền giữ dinh trại. Tất nhiên giặc cũng chẳng ra quân. Nếu quân ta đi đường thành lình thấy giặc, thì nên gấp đóng dinh trại, đợi cho nó ngày chiều thế kém mà dùng kế sách khác. Sách Tam lược nói: Xét tính thiên thời, rình chỗ sơ hở.

Gặp khi tuyết lớn bay mù, trong khoảng trăm bước mà chẳng trông thấy người ngựa, địch hay đặt quân kỳ (1) quân phục ở nơi đường hiểm để đánh vào chỗ ta không ngờ. Nếu ta cho tướng nhỏ ra ứng đối thì nó giả thua chạy, mong ta đuổi đánh, để dẫn ta vào chỗ phục binh. Nếu ta thấy cơ trời như thế, thì nên sớm sai 5,7 viên tướng nhỏ, vài mươi đội kỵ giỏi, chờ giặc từ tả hữu trước sau đem quân đến như ta, nếu giặc dùng quân kỵ giỏi để xung đột quân ta, thì ta

cho ngay hai viên tướng ra sau quân, bàn định thăm dò, cho quân và ngựa đi quanh quất tìm xét, liệu tính đường về của giặc, rồi nhắm các nơi hiểm ải, dò thăm xem có phục binh hay không, nếu có thì nên chia binh ra làm hai ba nơi thay đổi nhau mà đánh, như thế thì chúng phải thua chạy, mà kẻ đến đánh ta trước kia đầu đuôi không thấy được nhau. Quân ta đã đuổi quân phục của địch, dùng binh giỏi lộn lại làm quân đón triệt, thì bọn giặc đến để đánh ta đó không biết quân phục ở chỗ kia hiện đã tan chạy. Và quân ta đã sai kỵ binh giỏi đến, một đạo tiến, một đạo lùi, thay đổi nhau đuổi đánh, chờ khi nó vào nơi có quân phục của ta thì đầu đuôi cùng ứng, có thể bắt gọn cả quân. Đây là nói đại khái, chứ hoàn toàn là phải biến...

(1): Quân lẻ để đánh thành lình

...thông ở lúc lâm thời, để đối phó trong lúc hoãn cấp. Còn như người Khiết đơn thì không thế. Thấy có tuyết lớn thổi mù thì cung cứng, ngựa mạnh, người khỏe họ coi là thường không việc gì mà cứ đi sẵn sẵn, hướng chi trong lúc hai quân đánh nhau thì ta nhân đó mà thắng sao được? Họ ở phía Tam Quan (1), phía bắc Đại Hà (2), trong khoảng Tức ký (3), đất phẳng như đá mài, quân lính tiện được đường rộng, sau khi tuyết lớn, họ biết rằng quân bộ của ta khó tiến, họ bèn dùng mưa lạ, đặt nhiều kỵ giỏi ở trước sau tả hữu dinh lũy của ta, kêu như quân ta, hoặc dùng kỵ giỏi đi đi lại lại xông đánh quân ta, hòng quân ta ra thì chia quân tản ra bốn phía để đầu đuôi đánh lại, một mặt đánh dinh trại ta, một mặt chặn lương thảo ta, khiến cho quân ta đầu đuôi không cứu được nhau. Như thế thì quân ta bèn giữ chẳng đi, đợi cho quân họ xông lại thì ta mới dùng cung khỏe, nỏ cứng và nỏ bàn (4), một cái trên, một cái dưới mà bắn ra. Giặc đã mất thế thì không còn ý chí chiến đấu nữa. Có thể bắt gọn cả quân. Gặp cơn gió to, thổi bay bụi cát, không nên tiến binh đi đánh. Như đương ở giữa đường thì nên dừng chân mà tìm nơi thuận tiện yên nghỉ. Như đường trước gặp quân phục đón chặn, hay có trận lớn, thì đó là cái điểm trời chưa thuận vậy. Như gặp lúc đương ở dinh dã thì nên ra lệnh dẫn đi dẫn lại ba quân bèn giữ doanh trại, phòng quân giặc nhân gió thuận mà đến để dò hoặc cướp, xông đánh trại ta. Như lúc trận quân vừa mới bố trí mà thấy có gió thì cũng không nên đánh, phải bèn giữ. Khi hành quân ở đường hay đương ở dinh mà gặp có gió to mưa to, tuyết lớn mù lớn, mờ tối không thể tiến quân để đánh, thì nên vỗ về quân sĩ, cố giữ là hơn.

(1): Ba cửa quan ở phía Bắc Trung Quốc: Cửa Nhận môn, Cửa Vũ Ninh, Cửa Thiên đầu

(2): Tức sông Hoàng Hà

(3): Tức là khoảng tỉnh Hà Nam, Ký là khoảng tỉnh Hà Bắc của Trung Quốc.

(4): Nỏ bản: Nỏ lớn đặt lên bệ mà bắn một phát nhiều tên

II – Kén mộ

Đặt ba khoá để kén mộ tráng sĩ: Từ thuộc lại trở xuống, mỗi người đều cử người mình biết, tốt nhất là loại ăn cướp, sau đến loại hay đánh người và trộm cắp, rồi đến loại không nghề nghiệp. Sai thu 300 cỗ ngựa của các tướng, để cho quân cảm tử tình nguyện dùng, dù không phá được địch, cũng có thể làm nhục nhuệ khí của địch. Cái đạo mạnh binh để chiến thắng cốt yếu có 5 điều:

1. Sửa sang binh khí.
2. Có đủ quân lính và xe cộ.
3. Súc tích nhiều.
4. Rèn luyện quân sĩ tốt.
5. Kén được tướng giỏi.

Năm điều ấy được đầy đủ thì mới có thể mạnh quân.

Kén lính: Quân cần giỏi không cần nhiều. Nên chọn người khoẻ mạnh mà dùng, không lấy nhiều người nhỏ yếu để thêm số lượng. Nên kén, người nhiều anh em, người không bố mẹ, người độc thân mà đã có con kế tự, người nghèo đói mà sức vóc khoẻ mạnh. Có những người không nên kén là... (1)

(1) Nguyên văn thiếu một đoạn.

III – Chọn tướng

Sách Võ kinh:

Phương pháp xem người có tám điểm:

1. Hỏi bằng lời nói xem trả lời có rõ ràng không.
2. Gặt gùng bằng lời lẽ xem có biến hoá không.
3. Cho gián điệp thử để xem có trung thành không.
4. Hỏi rõ ràng tường tận để xem đức hạnh thế nào.

5. Lấy của mà thử để xem có thanh liêm không.
6. Lấy sắc đẹp mà thử để xem có đứng đắn không.
7. Lấy việc khó khăn mà thử để xem có dũng cảm không.
8. Cho uống rượu say để xem có giữ được thái độ không.

Có tướng dũng và tướng trí, nên dùng thế nào cho phải? Rằng tướng dũng có thể giúp được việc đánh thành hãm trận; nhưng liệu tính việc địch, chia đặt quân kỳ, lam cơ ứng biến, nếu không có tướng trí thì không được. Mà kẻ dũng thì thường kém kẻ mưu. Cho nên đời xưa đăng đàn, đắp đài, đẩy xe ⁽²⁾, phải tìm tướng mưu trí

để giúp cho kẻ có sức mạnh. Người làm tướng không nên lấy giỏi cung đao cưỡi bắn làm tài, mà phải lấy thông suốt cổ kim làm giỏi.

(2) Chỉ việc phong tướng.

Xem giỏi ở chỗ nào? Muốn biết tướng giỏi hay tồi cần phải kích thích để xem động hay không động. Kích thích mà động đó là tướng ngu. Tướng ngu thấy lợi thì động, khinh địch thì động. Nên dùng hai phép dụ thì bắt được ngay: kẻ thấy lợi mà dụ bằng mồi là bắt được; kẻ khinh địch thì uy hiếp là bắt được. Kích thích mà không động là tướng hiền. Tướng hiền thì trí chu đáo nên không động, phép chu đáo nên không động. Nên dùng hai phép để nắm. Đấu trí với nhau, không ai thắng ai, phải dùng phép để nắm chỗ sơ hở của trí, nhằm một chút hở của trí mà đánh vào. Đấu phép với nhau, không ai chịu ai, phải dùng tí để nắm chỗ biến hoá của phép, nhằm chỗ ngẫu nhiên sơ hở của phép mà đánh vào. Sách *Binh chí* ⁽¹⁾ nói "đánh mưu" là thế đó. Hai bên giao chiến với nhau mà muốn biết tình hình thực hư ở trong quân, trước hết là mình phải biết người ta mà đừng để người ta biết mình. Biết được tình hình thực của người rồi thì đánh chỗ mềm mà không đánh chỗ cứng. Sách *Binh chí* nói đánh chỗ cứng thì mềm phải cứng, đánh chỗ mềm thì chỗ cứng phải mềm, chính là thế. Đi sâu vào đến chỗ vô hình, giấu kỳ ở chính, giấu chính ở kỳ, lấy kỳ làm chính, lấy chính làm kỳ. Sách *Binh chí* nói: Phàm đánh trận dùng chính mà hợp, dùng kỳ mà thắng, muốn chiến thắng không ngoài kỳ với chính, kỳ chính biến hoá không biết thế nào là cùng, kỳ chính cùng sinh ra nhau, như cái vòng tròn không có đầu mối. Xét được hư thực, rõ được mềm cứng, hiểu được kỳ chính, đó là ba điều báu của phép dùng binh vậy. Lại nói: biết mình biết người, trăm trận trăm thắng ⁽²⁾. Nuôi khí dân, định chí quân, thế gọi là biết mình; xét rõ tình hình địch, thế gọi là biết người. Đó là ba điều thiết yếu. Ba điều thiết yếu cũng như ba điều căn bản, tại sao? Vì đạo làm tướng coi quân, khoan và nghiêm

dùng không nhất định, mà phải lấy nghiêm làm gốc, cho nên binh gia với hình gia và danh gia phối hợp với nhau; động và tĩnh không có hình thể thường, mà phải lấy tĩnh làm chủ, cho nên binh gia và âm dương gia ⁽³⁾ giúp đỡ nhau. Hình gia và danh gia không cần kiêm làm binh gia, mà binh gia thì phải kiêm hình gia và danh gia; âm dương gia thì không cần kiêm làm binh gia, mà binh gia thì phải kiêm âm dương gia. Bởi thế mới nói ba điều thiết yếu cũng là ba điều căn bản. Nhân được những điều hay của bốn nhà mà lợi dụng lấy thì phương lược làm tướng có thể đủ được.

Đạo dùng tướng là thế nào? Trước hết phải cho có quyền: Tướng nói dân có thể dùng thì dùng. Tướng nói dân không thể dùng thì đừng dùng. Tướng nói quân có thể động thì động. tướng nói quân không thể động thì đừng động. Tướng nói địch có thể đánh được rồi thì đánh. Tướng nói địch không thể đánh được thì đừng đánh. Như thế thì phép không rối, cơ không ngừng. Nhưng người giỏi dùng tướng trước hết phải giỏi chọn tướng. Người giỏi chọn tướng thì trước hết phải giỏi biết tướng. Ba điều giỏi ấy, cái tinh vi của người dùng tướng dùng quân đều ở cả đó. Tuy thế, Tôn Võ và Ngô Khởi thì đã giỏi trong lĩnh vực ấy rồi, nhưng theo lời của Mạnh Tử, Tuân Tử thì cho là chưa được. Vì sao mà nói thế? Vì bảo rằng kế căn bản chưa có. Vậy thì Tôn Võ, Ngô Khởi chỉ là cái rìu búa đẽo nước mà thôi, bệnh ở ngoài mà hại ở trong, mất nước có thể kiểng chân mà chờ đến.

(1) Hiện nay chưa tìm ra sách này.

(2) Tôn Tử, thiên II nói: Biết mình biết người, trăm trận không nguy.

(3) Binh gia, hình gia, danh gia, âm dương gia là những học phái của Trung Quốc ở thời Chiến quốc.

Ngô Khởi¹ nói: Phạm điều cốt yếu ở trong việc chiến trận, trước nhất phải xem người tướng và xét tài của tướng, rồi nhân hình thế mà dùng quyền biến thì không khó nhọc mà thành công. Tướng ngu hay tin người thì dùng cách dối mà lừa; tướng tham khinh danh vọng thì dùng của mà đút; tướng coi thường sự biến mà không mưu thì làm cho vất vả mà phải khổ; người trên giàu mà kiêu, người dưới nghèo mà oán, thì dùng cách chia cho lìa nhau; tiến thoái đa nghi, quân sĩ không nường tựa được, thì làm cho hoảng sợ mà chạy; quân khinh thường tướng mà có ý muốn về nhà, thì chẹn đường dễ mở đường khó, có thể đón mà bắt được; đường tiến dễ, đường lui khó, thì nên sẵn ở phía trước; đường tiến khó đường lui dễ, thì nên đến sát mà đánh; đóng quân ở nơi thấp,

nước không có chỗ thông, mà hay mưa dầm, thì nên tháo nước vào cho ngập; đóng quân ở nơi chằm hoang, cây cỏ um tùm, gió thổi lồng lộng, thì nên đốt mà tiêu diệt; quân đóng mãi một nơi, tướng sĩ trẻ nãi, quân không đề phòng, thì nên lên mà đánh úp.

Sách *Kinh thế*²: Có nho tướng, có dũng tướng, có cảm tướng, có xảo tướng, có nghệ tướng. Nho tướng hay mưu; dũng tướng hay đánh; cảm tướng nhiều can đảm; xảo tướng giỏi chế tác; nghệ tướng thì tài năng; gồm cả thì không gì không thần, đủ cả thì không gì không lợi. Hòa mục có công hiệu rất lớn cho cuộc trị an. Hòa ở trong nước thì ít phải dùng binh; hòa ở ngoài biên thì không sợ báo động. Bất đắc dĩ mới phải phạt kẻ làm xằng, càng quý hòa mục. Vua tôi hòa mục thì dùng được người tài; tướng văn tướng võ hòa mục thì làm nên công nghiệp; tướng sĩ hòa mục, trong lúc thường sẽ nhường nhịn nhau, gặp nguy nan sẽ cứu giúp nhau. Đó, hòa mục là đạo rất hay cho việc trị nước hành binh, không thay đổi được.

Sách *Bảo giám*³: Khí lượng của tướng, lớn nhỏ khác nhau. Tướng mà che điều gian, giấu điều họa, không nghĩ đến điều quân chúng oán ghét, đó là tướng chỉ huy mười người. Tướng mà sớm dậy khuya nằm, lời lẽ kín đáo, đó là tướng chỉ huy được trăm người. Tướng thẳng mà biết lo, mạnh mà giỏi đánh, đó là tướng chỉ huy nghìn người. Tướng mà ngoài mặt hăm hở, trong lòng ân cần, biết người khó nhọc, thương kẻ đói rét, đó là tướng chỉ huy được vạn người. Tướng mà gần người hiền, tiến người tài, ngày thường cẩn thận, thành thực rộng rãi, giỏi việc dẹp loạn, đó là tướng chỉ huy được mười vạn người. Tướng mà dùng nhân ái dvoi kẻ dưới, lấy tín nghĩa phục nước láng giềng, trên biết thiên văn, dưới biết địa lí, giữa biết việc người, coi bốn biển như một nhà, đó là tướng chỉ huy được cả thiên hạ, không ai địch được...

Ra trận mà đổi tướng, điều đó nhà binh rất kiêng. Nên chờ ngày tháng để buộc cho thành công.

1. Tôn tử, thiên IV

2. Sách *Kinh thế bát loại toàn biên*, “*Binh tào*”, quyển 63-68

3. Chúng tôi không tìm ra sách *Bảo giám*.

Phép lập đàn phong tướng¹

Phụ: *Trao quyền cho tướng. Thái công*² nói: Nhà nước yên hay nguy, quan hệ ở một người tướng. Bèn sai quan thái sử ăn chay ba ngày, đem rùa bói ngày lành, ra Thái miếu để trao cho phủ việt³ – Vua vào cửa miếu, đứng trông mặt về phía tây; tướng đứng trông mặt về phía bắc. Vua thân cầm cái việt, giữ lấy lưỡi mà trao chuôi cho tướng, nói: “Từ đây lên tới trời là quyền của tướng quân”. Vua lại cầm cái phủ, giữ lấy chuôi mà trao lưỡi cho tướng, nói: “Từ đây xuống tới vực là quyền của tướng quân”. Tướng nhận lấy, lạy mà đáp lại vua rằng: “Thần nghe: Nước không thể tự bên ngoài mà trị; quân không thể tự bên trong mà chế; kẻ hai lòng không thể thờ được vua; kẻ phân chí không thể đánh được giặc. Thần đã vâng mệnh, chuyên cầm uy phủ việt, thần không dám mong được sống mà về. Xin vua rủ bảo cho thần một lời. Vua không hứa với thần thì thần không dám làm tướng”. Đó là trên không nệ thời trời, dưới không nệ thế đất, trước không biết có địch, sau không nệ mệnh vua⁴.

1. Chương này trích ở sách *Hồ tướng khu cơ*, ở đây xin bỏ, xin xem *Hồ tướng khu cơ* ở sau

2. Xem *Võ kinh trực giải*, phần “*Lục thao*”, chương 20.

3. Hai thứ búa lớn và búa nhỏ dùng để đánh chém, tiêu biểu cho uy quyền.

4. *Võ kinh trực giải* diễn nghĩa ca, chương 20 dịch là: ở sau thì đã chịu mệnh vua rồi

Sách *Kinh thế*: *Đời sau dùng người không như thế. Nói bàn thì một người, làm việc thì một người, do đó người nói không biết việc của người làm là khó, mà thường đề cao thuyết của mình. Người làm thì muốn vâng thì ý của người bàn mà không hợp với cơ nghi; thậm chí làm việc chỉ có một người, mà bàn nói thì có đến mấy mươi người, trong đó hiền gian lẫn lộn, yêu ghét mỗi người một lòng. Người được yêu thì mưu kế dù kém cũng phụ hội, mà người bị ghét thì mưu kế dù hay, cũng cố tìm cách để ngăn trở. Không lường tình thế giặc mạnh yếu thế nào, mà cứ cho là đánh nhỏ thì được nhỏ, đánh lớn thì được lớn; không hỏi thời thế khó hay dễ, hễ đóng quân là bắt tội dùng dằng, bèn giữ là kết tội nhút nhát. Người làm việc thì trông tả nhìn hữu, muốn đánh muốn giữ, hoặc tiến hoặc lui, đều không thể tự chủ được, đến nỗi mười cỗ xe của nguyên nhung chưa đi, mà chức quan nói đã dâng giấy đàn hặc dồn dập¹; chỉ huy ở trong màn trướng² mới định mà quan tú y³ đã có lệnh thúc giục rồi; dâng quân*

cho địch, dâng tướng cho địch, đều là do kẻ bàn nói mà đến nỗi. Các triều Đường, Tống, Minh bị thua, đều vì cố đó, mà nhà Tống quá tệ, nhà Minh lại càng tệ hơn. Người luận về việc nhà Tống thì cho rằng bàn bạc nhiều mà thành công ít; người luận về việc nhà Minh thì cho rằng nhà Minh mất nước, không mất ở giặc cướp mà mất ngay từ trong cổng ngõ, không mất ở bờ cõi mà mất ngay từ lời can của đài quan⁴, cái tệ là ở chỗ không bàn lấy người làm được việc, mà chỉ bàn lấy người không biết làm việc, bàn bạc rồi bởi như tơ khó gỡ. Xem xét xưa nay thì chỉ có vua Tuyên đế nhà Hán dùng Triệu Sung-quốc⁵ là đúng phép dùng tướng thôi.

1. Nghĩa là tướng được sai đi đánh chưa xuất quân mà chức quan ngự sử có trách nhiệm ăn nói đã dâng sớ lên nhà vua dồn dập để vạch lỗi của tướng, chỉ cái tệ người làm thì ít, người nói thì nhiều.

2. Màn trướng, chữ Hán “duy ốc” là chỗ làm việc của vua.

3. Tú ý trực là chức quan thị ngự sử đời Hán.

4. Đài quan: Tức quan ngự sử, có trách nhiệm nói bàn.

5. Triệu Sung-quốc: Tướng nhà Hán, đời Vũ đế đánh Hung-nô, đời Tuyên đế đánh Tây-khương, tức Tiên-ty, lập được nhiều chiến công, Hán Tuyên đế chuyên nghe kế hoạch của Sung-quốc nên thành công.

IV – Đạo làm tướng

Sách Võ kinh: *Phàm cái nguồn để biến đổi quân kì quân chính là ở chỗ đến việc thì không nói, dùng binh thì bí mật, cho nên việc thì nắm trước, động thì lặng im, dùng thì người ta không ngờ, mưu thì người ta không biết. Phàm muốn thắng thì trước tỏ cho địch biết là ta yếu rồi mới đánh, cho nên quân ít mà công nhiều. Chưa thấy thắng mà đã đánh, quân tuy nhiều cũng thua. Người đánh giỏi thì bình tĩnh mà không rối, thấy thắng thì đánh, thấy không thắng thì dừng.*

Sách Kinh thế: *Đời xưa, người giỏi dùng binh, ý muốn như thế mà làm không như thế, khiến họ lại ngờ rằng ý muốn không như thế, là để làm đúng ý mình muốn như thế. Đó là phép tinh vi để phá quân bắt tướng, hàng thành phục ấp vậy. Nay thì ý muốn không như thế, cho nên làm như thế, khiến họ lại*

ngờ là ý muốn không như thế, để làm ý muốn như thế. Đó là phép tình vi để phá quân bắt tướng, hàng thành phục ấp. Cái làm chỉ là cái bóng; làm mà không nghĩ thế chỉ là cái bóng ở trong bóng thôi, như hai cái gương treo đối nhau, thực là huyền ảo mà càng huyền ảo. Cái mưu làm cho địch khốn¹ là tính cái lợi ở chỗ ta có thể làm hóa ra không được, thế thì trí của mất chỗ dùng. Một lính khống cho nó ập đánh khống, làm đất khống cho nó tiến đánh khống, xuất phát khống, phô sức khống, dùng vật khống để dụ như khống; hoặc lấy hư để khốn nó², hoặc lấy thực để khốn nó. Chỉ có hư mà không có thể thực, thì lừa dối không thể thành công; chỉ có thực mà không có thể hư thì đến việc không biết biến hóa. Vận hành ở khoảng giữa không và có. Xoay chèo ở lúc đầu chưa làm; mịt mịt mờ mờ, địch vốn có trí mà không thể nghĩ vào đâu, địch vốn có mưu mà không thể tính vào đâu; thực là biến hóa thần kì ở trong chỗ hư không vậy... Người tướng quên mình để báo ơn vua mà không làm cho lòng sĩ tốt cũng như mình thì tướng ấy chưa phải là tướng lập công giỏi. Cùng sĩ tốt cùng ăn uống, thì sau sĩ tốt quên được nỗi đói khát ở trên cật ngựa; cùng sĩ tốt cùng lên đài đi giày³, thì sau sĩ tốt quên được nạn chông gai ở ngoài quan ải; cùng sĩ tốt cùng dậy cùng nghỉ, thì sau sĩ tốt quên được nỗi lao khổ của chiến chinh; lo cái lo của quân lính, đau cái đau của quân lính, thì sau quân lính quên được vết thương vì gươm tên. Việc đã quen mà tình lại chu đáo, nên lấy đánh giặc làm thiết yếu, lấy đau chết làm phận sự, lấy xông pha tên đạn làm việc gốc, mà không biết mình ở vào chỗ gian nguy. Quên mình thì ở chỗ hiểm như ở đất bằng, ăn mùi đắng như nhai đồ ngọt. Cái oai vận dụng ở nơi thiên hạ chưa kịp biết; khống chế ở nơi thiên hạ không dám động; đánh vào nơi thiên hạ không thể giữ; chệt vào nơi thiên hạ không thể xông; chạy đến những nơi thiên hạ không thể đỡ; lìa bỏ những nơi thiên hạ không thể tụ. Cái oai vận dụng, chưa dùng binh đao mà địch đã sợ trước rồi; đã dùng binh đao thì không ai địch nổi; một thời thì sợ người, nghìn năm thì sợ tinh thần. Tiến lên hay lui giữ do ở ta thì hấn thẳng; do ở ta thì ta khống chế địch, do ở địch thì ta bị địch khống chế. Bị khống chế không những riêng ta không muốn, mà địch cũng không đành chịu bị động, tức địch cũng không muốn bị khống chế. Nhưng ta có thể khống chế nó thì không thể không làm thế. Theo tính tự nhiên, không cái gì là không thể. Bắt đầu quen ở một việc mà ra, lâu rồi nhân đó mà thành tự nhiên, cho nên người khéo dùng binh, thấy gì cũng là việc binh, bàn gì cũng là chiến

lược, làm gì cũng dùng cách gián hành biến hóa, cho nên khi có việc xảy đến, không đợi phải xếp đặt bàn tính mà không việc gì là không thích hợp với kinh điển. Trời tự nhiên cho nên xoay vần, đất tự nhiên cho nên đông lại; việc binh tự nhiên cho nên không trận nào là không thắng. Dùng trí để phục thiên hạ, mà thiên hạ phải phục trí, nhưng trí vẫn không thắng; dùng phép để chế thiên hạ, mà thiên hạ phải theo phép, nhưng phép cũng không thần. Vậy trí với phép không phải là cái hay ở trong cái hay đâu. Bậc thánh võ trị đời, đánh ở chỗ không có thành, công ở chỗ không có lũy, chiến ở chỗ không có trận, nhẹ nhàng như mưa rơi trên không, dựng lên cuộc đời vô sự.

1. Chữ Hán là: “Không địch chi mưu” chữ không ở đây nghĩa là làm cho khốn. Những chữ không ở dưới thì nghĩa là làm cho háo ra không, hay làm ra không, không có thực hiện hay không có thực sự.

2. Chữ không ở đây lại nghĩa là làm cho khốn như ở trên.

3. Lên đài đi giày, tức là hưởng vinh dự phú quý.

Sách Võ kinh¹: Vua Thái tôn (nhà Đường) hỏi: Các tướng sủng hiện nay duy có Lý Tích, Đạo-tông, Triết Vạn-triệt². Trừ Đạo-tông là thân thuộc, ngoài ra còn ai là người có thể dùng được? – Tĩnh thừa³: Bệ hạ thường nói Đạo-tông dùng binh không đại thắng cũng không đại bại, Vạn-triệt nếu không đại thắng tức phải đại bại. Thần vụng nghĩ lời thánh nói: Chẳng cầu đại thắng mà cũng chẳng để đại bại, đó là quân có tiết chế; muốn thắng to có thể thua to, may mà thành công. Cho nên Tôn Võ nói rằng: Người đánh giỏi trước làm thế địch không thể thắng để đợi thế địch mà mình có thể thắng⁴. Tiết chế ở mình mà thôi. Thái tôn hỏi: Theo Binh pháp⁵, cái gì là sâu nhất? Tĩnh thừa: Thần đã từng chia làm ba bậc, để cho học giả đi dần mà tới vậy. Một là đạo, hai là trời đất, ba là tướng pháp. Kể về đạo thì rất tinh vi. Kinh Dịch bảo rằng: Thông minh duệ trí, thần võ mà không giết người, chính là thế. Nói về trời thì có âm dương, nói về đất thì có thế hiểm thế dễ, người khéo dùng binh thì có thể lấy âm mà đoạt dương, lấy hiểm mà đánh dễ. Mạnh Tử bảo thiên thời địa lợi chính là thế. Nói về tướng pháp thì cốt dùng người và dùng khí. Sách Tam lược⁶ bảo rằng: Được quân sĩ thì tốt. Quản Trọng bảo rằng: Đồ binh khí tất phải bền sắc, chính là thế.

1. Xem **Võ kinh trực giải, phần “Tam lược”**.

2. Lý Tích: Tích nguyên là họ Tư, làm quan nhà Đường, Thái Tôn cho họ là Lý. Tích người Tào-châu, trước tiên là Thế-tích, sau kiêng húy của Thái Tôn bỏ chữ **Thế đi. Đạo-tông: tức là Lý Đạo-tông, là bà con của Đường Thái tôn. Tiết Vạn-triệt: người ở Phần-âm, đời Tùy, cùng với em là Vạn-quân về với Đường Cao tổ.**

3. Tĩnh: Tức Lý Tĩnh, người Tam-nguyên, giỏi binh pháp. Trước làm quan với Tùy, sau về Đường, thời Đường Thái tôn bình nước Ngô, phá Đột-quyết, có công to, phong làm Vệ-quốc công, người sau biên chép những lời bàn về binh pháp của Tĩnh làm sách **Lý Vệ công vấn đối, được xem là một trong bảy sách của Võ kinh.**

4. Xem **Tôn tử, thiên IV.**

5. **Binh pháp:** Tên sách của Tôn Võ.

6. Sách **Tam lược: Truyền là của Hoàng-thạch công thời Chiến quốc, nhưng do người đời sau giả thác, được xem là một trong bảy sách Võ kinh.**

Thái tôn nói: Phải. Ta cho rằng không đánh mà khuất phục được quân người, đó là cao nhất; trăm đánh trăm thắng, đó là bậc giữa; hào sâu lũy cao để tự giữ, đó là thấp nhất. Lấy đó mà so lường thì Tôn Võ¹ làm sách đều đủ có ba bậc. – Tĩnh nói: Xem lời văn xét việc làm, cũng có thể phân biệt được. Như Trương Lương², Phạm Lãi³, Tôn Võ, vượt hẳn lên cao không biết đâu mà lường, nếu không biết đạo thì sao làm được thế? Nhạc Nghị⁴, Quản Trọng⁵, Gia-Cát Lượng⁶, chiến thì thắng, giữ thì bền, nếu không biết xét thiên thời địa lợi thì làm sao được thế? Thứ đến Vương Mãnh⁷ giữ Tần, Tạ An⁸ giữ Tấn, nếu không biết dùng tướng chọn tái, cố giữ cho bền, thì làm sao được thế? Cho nên những nhà rèn tập quân lính, trước hết phải do bậc thấp rồi mới đi đến bậc giữa, do bậc giữa rồi mới đi đến bậc cao, thế thì dần dần mới sâu được, không thế thì, chỉ để lời nói suông mà ghi đọc, không đủ dùng vậy.

Thái tôn nói: Đạo gia kiêng ba đời làm tướng. Không nên truyền xằng mà cũng không thể không truyền được. Khanh nên cẩn thận nhé.

Tĩnh lạy hai lạy mà ra, đem hết sách truyền cho Lý Tích.

1. Tôn Võ: Người nước Tề (thời Xuân Thu), giỏi về binh pháp, có sách **Tôn tử 13 thiên, Ngô vương Hạp-lư dùng làm tướng, phá nước Sở, uy chế nước Tề, làm bá chủ chư hầu.**

2. Trương Lương: Người nước Hàn, làm quan đại phu nước Hàn, Tần diệt Hàn, Lương báo thù cặp dùi đánh Tần Thủy hoàng ở Bác-lãng; sau về với Hán Cao tổ, bàn mưu kế giúp Hán Cao tổ nên nghiệp đế, rồi thì tịch cốc nói thác là đi theo Xích-tùng tử. Lương tên tự là Tử Phòng, phong Lưu hầu.

3. Phạm Lãi: Người nước Sở (thời Xuân Thu) làm quan giúp Việt Câu-tiền, diệt được nước Ngô, rồi không làm quan nữa, đi chơi ngũ hồ, thay đổi họ tên, sau đến đất Đào, tự đặt hiệu là Đào Chu công.

4. Nhạc Nghị: Người nước Yên (thời Xuân Thu), làm khanh nước Yên, đem Yên, Triệu, Sở, Hàn, Ngụy năm nước đánh Tề, hạ được hơn 30 thành.

5. Quán Trọng: Người nước Tề (thời Xuân Thu), tên là Di-ngô, tự là Trọng, cũng gọi là Kinh Trọng, làm tướng giúp Tề Hoàn công, nước giàu quân mạnh, làm bá chủ chư hầu.

6. Gia-Cát Lượng: Người Lang-da (Thục Hán), tự là Khổng Minh, giúp Lưu Bị lấy Kinh-châu, Ích-châu và Hán-trung, dựng nên nước gọi là Thục, giỏi binh pháp, có lập ra Bát trận đồ.

7. Vương Mãnh: Người Bắc-hải (thời Tấn), làm quan với Tần Bồ Kiên, giúp Tần được cường thịnh.

8. Tạ An: Người Hà-dương (thời Tấn), làm tư mã cho Tấn Hoàn Ôn, khi Tần Bồ Kiên sang đánh Tấn, An cử cháu là Tạ Huyền đi đánh, phá được 10 vạn quân của Bồ Kiên.

Sách Võ kinh: Phàm nơi chiến trường là chỗ để chứa xác; ai quyết chết thì sống, cầu sống thì chết. Người tướng giỏi như ngồi trong thuyền thủng, nấp dưới nhà cháy, khiến trí không kịp mưu, mạnh không kịp giận, cứ việc mà để cho đánh. Cho nên nói cái hại trong việc dùng binh thì do dự là lớn nhất, tai vạ của ba quân sinh ra bởi sự hồ nghi¹. Cho nên làm tướng cần có năm điều: một là lí, hai là bị, ba là quả, bốn là giới, năm là ước.

Lí (trị lí) tức là trị nhiều quân cũng như trị ít quân; bị (phòng bị) thì ra khỏi cửa như đã thấy địch; quả (dũng cảm) là lâm địch thì không nghĩ đến sống; giới là tuy đã thắng vẫn cẩn thận như khi mới đánh; ước là pháp lệnh đơn giản mà không nhiều². Vâng mệnh rồi thì chẳng từ già người nhà, đánh địch thua rồi

mới trở về, đó là lễ của người làm tướng. Cho nên trong ngày ra quân thì chỉ có chết vinh mà không có sống nhục. Phàm việc binh có bốn cơ: một là khí cơ, hai là địa cơ, ba là sự cơ, bốn là lực cơ. Ba quân đông đúc hàng trăm vạn người, mà quyền xếp đặt nhẹ nặng là ở một người, thế gọi là khí cơ; đường sá hẹp hòi, núi cao ải lớn, mười người chống giữ, nghìn người khó qua, thế gọi là địa cơ; khéo dùng gián điệp, cho khinh binh qua lại, chia tán thế quân của địch, khiến cho vua tôi nó oán nhau, trên dưới nó đổ lỗi cho nhau, thế gọi là sự cơ; xe bèn trục bánh, thuyền tốt lái chèo, lính thạo chiến trường, ngựa quen rong ruổi, thế gọi là lực cơ. Biết đủ bốn điều ấy thì có thể làm tướng. Phàm trống chiêng là để làm uy cho tai, cờ xí là để làm uy cho mắt, cấm lệnh hình phạt là để làm uy cho lòng. Tai sợ uy tiếng, tiếng không thể không trong; mắt sợ uy sắc, sắc không thể không sáng; lòng sợ uy hình, hình không thể không nghiêm. Ba điều ấy không dựng lên được thì tuy có nước cũng phải thua địch. Cho nên nói rằng: Tướng phất cờ thì không ai là không theo, tướng chỉ cờ thì không ai là không liều chết³.

Người làm tướng trên không bị chế bởi trời, dưới không bị chế bởi đất, giữa không bị chế bởi người; lòng khoan thai không thể kích bằng giận, lòng trong sạch không thể khiến bằng của. Phàm lòng điên, tai điếc, mắt lòa, lấy ba điều lầm lẫn ấy mà chỉ huy người ta thì thực khó lắm.

Đại phàm quân đội cần lao, tướng phải đem mình làm trước. Khi nắng thì không giương dù, khi rét thì không mặc áo kép, gặp chỗ hiểm trở thì đi bộ; giếng quân đao xong rồi mới uống sau; cơm quân nấu chín rồi mới ăn sau; lũy quân đắp xong rồi sau mới làm nhà ở. Nhọc hay nghỉ, mình phải cùng với quân lính. Như thế thì quân dù ở lâu cũng không đến nỗi già mỏi.

Kể ra dân không bao giờ có hai lòng, sợ ta thì khinh địch, sợ địch thì khinh ta. Bị dân khinh thì thua; dân sợ uy thì thắng. Phàm tướng giỏi thì quan phải sợ tướng, mà quan sợ tướng thì dân phải sợ quan, dân sợ quan thì địch phải sợ dân. Thế nên muốn biết được hay thua, trước hết phải biết cân nhắc xem dân khinh hay là dân sợ. Kể ra kẻ không đẹp lòng ta thì ta không dùng, kẻ không sợ bụng ta thì ta không cất nhắc; yêu do ở người dưới thuận theo, uy do ở người trên mà có; yêu thì không có hai lòng, uy thì không dám xúc phạm. Cho nên người tướng giỏi chỉ cần ở yêu và uy mà thôi. Uy ở chỗ không thay đổi; ơn ở chỗ biết nhân thời ứng việc thì có cơ; trị khí để mà chiến; tỏ ý để mà công; bố

trí bề ngoài để mà thủ; không quá ở chỗ theo độ số; không khốn ở chỗ có dự bị; thận trọng từ cái nhỏ; mưu trí ở việc lớn; trừ hại thì quả quyết được lòng dân vì nhún nhường; bị khinh rẻ vì hay ngờ vực; ác nghiệt vì hay chém giết; thiên lệch vì nhiều lòng riêng; không tường tất vì ghét nghe lỗi mình; không tiết độ vì hao phí của dân; không sáng suốt vì nghe lời dèm pha; không chắc chắn vì nhẹ dạ; quê mùa vì bỏ người hiền; mắc vạ vì ham lợi lộc; bị hại vì gần tiểu nhân; mất nước vì không gìn giữ; nguy khốn vì không tỏ hiệu lệnh.

1, 2. Ngô tử, thiên III.

3. Ngô tử, thiên IV.

Phàm binh không đánh thành không lỗi, không giết người không tội. Kế ra giết cha anh người ta, cướp của cải người ta, bắt con cái người ta, đó đều là trộm cướp. Cho nên binh là để giết bọn bạo loạn và cấm điều bất nghĩa. Bình đến đâu thì người cày không bỏ ruộng, người buôn không bỏ hàng, sĩ đại phu không bỏ chức. Vì quyền bàn bạc về võ chỉ ở một người, cho nên mũi gươm không giây máu mà người trong thiên hạ đều thân yêu cả.

Phàm giết người là để cho sáng tỏ oai võ vậy. Giết một người mà ba quân sợ, giết một người mà vạn người mừng, thì cứ giết. Giết cốt ở giết người có tội lớn; thưởng cốt ở thưởng người có công nhỏ. Đáng giết, thì dầu người quý trọng cũng giết, đó là hình thì xét ngược cả lên trên; thưởng thì thưởng cho cả những trẻ chăn trâu, người giữ ngựa, đó là thưởng thì trôi xuống cả dưới vậy. Kế ra có thể hình xét ngược lên trên, thưởng trôi xuống dưới, thì đó là oai võ của người tướng. Cho nên nhà vua phải trọng tướng. Kế ra tướng trên không bị hạn chế bởi trời, dưới không bị hạn chế bởi đất, giữa không bị hạn chế bởi người.

Cho nên binh là đồ hung khí, tranh nhau là việc trái đức, mà tướng là thần chết, bất đắc dĩ mới phải dùng.

Ở trên không nệ trời, ở dưới không nệ đất, ở sau không nệ mệnh vua, ở trước không biết có địch. Binh của một người như hùm như sói, như mưa như gió, như sấm như sét, rầm rầm rộ rộ, thiên hạ đều kinh. Binh thẳng giống như nước. Kế ra nước là vật rất mềm yếu, nhưng có thể làm cho gỗ núi sứt lở, không có gì lạ đâu, vì tính chuyên nhất mà cảm xúc ngay thực. Nay lấy gươm giáo sắc bén, giáp da tê bèn, ba quân đông đúc, có cả kỳ chính, thì thiên hạ

không thể nào địch lại được. Cho nên nói rằng: Cất người hiền dùng người tài, không kể ngày giờ nào mà việc đều lợi; sáng pháp luật tỏ hiệu lệnh, không phải bói toán mà được tốt lành; quý người có công, nuôi người khó nhọc, chẳng cầu đảo mà được phúc. Lại nói: Thiên thời không bằng địa lợi, địa lợi không bằng nhân hòa. Thánh nhân đời xưa, cẩn thận việc người mà thôi. Người tướng, ngày chịu mệnh quên cả nhà; ra bày quân nằm ở đồng thì quên cả cha mẹ; vén áo bào mà đánh trống thì quên cả mình.

Ngô Khởi khi ra trận, người tả hữu dâng gươm, Khởi nói: “Tướng chỉ chuyên cầm cờ trống mà thôi. Lâm nạn quyết đánh, vẫy gươm chỉ giáo là việc của tướng, dùng một thanh gươm không phải là việc của tướng. Cho nên người biết đạo trước hết phải dự tính đến sự thất bại vì không biết chỗ dừng. Có phải là chỉ tiến mới nên công đâu! Khinh tiến mà cầu đánh thì địch sẽ mưu dừng lại, nếu ta tiến đi ta sẽ bị địch đánh. Cho nên *Binh pháp* nói: *Tiến mà theo, thấy thì đánh, nhà vua không dám đương mà cứ lấn vượt, như thế thì sẽ mất quyền.*

Lời nói không cẩn thận thì bị lấn; lấn át không chừng mực thì bị phá. Nước tràn sét đánh, ba quân rối loạn. Nếu muốn yên được nguy, trừ được nạn, thì lấy trí mà quyết đoán, xem lời bàn ở lang miếu¹ là cao, xem lời nói khi chịu mệnh là trọng. Lời bàn vượt cũi phải cho sắc bén, như thế thì có thể thẳng phục nước địch.

Binh có năm điều rất quan trọng: Làm tướng quên nhà, vượt cũi quên cha mẹ, đánh giặc quên mình, quyết chết thì sống, gấp thắng thì thua. Đâm chết được trăm người, có thể hãm hàng rồi trận. Đâm chết được nghìn người, có thể bắt địch giết tướng. Đâm chết được vạn người, có thể hoành hành trong thiên hạ. Chuyên nhất thì thắng, lìa tan thì thua; mặt trận kín thì vững bền; mũi nhọn thưa thì địch dễ đến. Quân sợ địch hơn sợ tướng thì thua. Sở dĩ biết sự được thua, là do cân nhắc tướng với địch. Địch với tướng như cái cân vậy, yên tĩnh thì trị, gấp vội thì rối. Người xưa đuổi chạy không quá trăm bước, rút lui không quá hai xá², đó là để bày tỏ điều lẽ. Không ép uống người bất năng, thương xót người đau ốm, đó là để bày tỏ điều nhân. Thành hàng rồi mới khua trống, đó là để bày tỏ điều tín. Tranh lấy nghĩa mà không tranh lấy lợi, đó là để bày tỏ điều nghĩa. Lại hay tha người quy phục, đó là để bày tỏ điều dung. Biết sau biết trước, đó là để bày tỏ điều trí. Sáu đức ấy theo từng thời mà dạy, để làm đạo dựng kỉ cương cho dân, đó là chính trị từ xưa vậy.

Pháp luật của nước không dùng cho quân, kỉ luật của quân không dùng cho nước. Kỉ luật của quân đem dùng cho nước thì dân đức phải bỏ, pháp luật của nước đem dùng cho quân thì quân đức phải yếu. Cho nên ở nước thì lời nói mềm mại ôn tồn; ở triều thì cung kính nhún nhường, sửa mình để đối đãi với người, vua không triệu thì không đến, không hỏi thì không nói, khó tiến dễ lui; ở quân thì khi đứng cứng cáp, khi đi thì mau mà quả quyết, mặc giáp trụ thì không lay, ngồi xe quân thì không chào, qua cửa thành thì không rào bước, gặp việc nguy thì không nhường ai. Cho nên lễ với pháp là trong với ngoài, văn với võ là tả với hữu.

Lòng tướng lòng quân đều là lòng cả. Ngựa trâu, xe cộ, quân lính nghỉ ngơi no nê, đều là sức cả. Dạy thì làm trước, đánh thì theo tiết. Tướng quân ví như mình, quân đội ví như tay chân, hàng ngũ ví như ngón tay ngón chân.

Phàm chiến tranh phải có thiên, có tài, có mỹ. Thời giờ không thay đổi, quân đi phải bí mật, đó gọi là thiên; quân chúng cứ nảy ra ý hay, đó gọi là tài; quân lính tập trận giỏi, mọi vật đều dự bị đầy đủ, đó gọi là mỹ.

1. Lang miếu: Triều đình.

2. Quân đi 30 dặm là một xá.

Sách *Bảo giám*: Cho nên khi chưa ra quân thì yên lặng như cô gái chưa chồng; khi địch đã đến thì như con thỏ sống, khiến địch không kịp chống cự. Mọi người cứng rắn, lời nói nóng hổi. Xe thì kín là chắc, quân thì ngồi là chắc, áo giáp nặng thì bền, binh khí nhẹ thì hơn. Thư từ tin tức phải dứt, thế gọi là dứt sự trông ngóng. Chọn nơi tốt để đóng quân, thế gọi là thêm mạnh cho người. Bỏ gánh đội nặng mà ăn hà tiện, thế gọi là mở ý cho người. Đó là chính trị từ xưa vậy.

Nhạc Vũ-mục¹ nhà Tống nói: Cái thuật dùng binh, các điều nhân, tín, trí, dũng, nghiêm, thiếu một điều là không được². Đại thể hành binh có ba điều: Một là trời, hai là đất, ba là người. Thế trời là mặt trời mặt trăng trong sáng, năm ngôi sao đúng độ, sao chổi sao bệch không hiện, hơi gió điều hòa. Thế đất là thành cao bờ thăm, sông to nghìn dặm, cửa đá hang sâu, đường ruột dê quanh co. Thế người là vua thánh tướng hiền, ba quân giữ lễ, sĩ tốt vâng lệnh, giáp bền lương đủ. Người tướng giỏi nhân được thời trời, dùng được thế đất, nương được lợi người, thì tới đâu cũng thắng, đánh đâu cũng được vạn toàn.

Tướng có năm tài và mười lỗi.

Năm tài là: Dũng, trí, nhân, tín, trung. Dũng thì không ai phạm được; trí thì không cái gì làm rối được; nhân thì yên dân; tín thì không lừa dối; trung thì không hai lòng³.

Mười lỗi là: Có dũng mà khinh chết; có gấp mà muốn mau; có tham mà ham lợi; có nhân mà không nỡ giết; có trí mà lòng nhút nhát; có tín mà hay tin người; có liêm mà không yêu người; có trí mà lòng chần chừ; có cương nghị mà tự ohuj; có nhu nhược mà thích dùng người. Dũng mà khinh chết thì có thể dùng bạo lực mà đối phó; gấp mà muốn mau thì có thể để lâu; tham mà ham lợi thì có thể dứt của; nhân mà không nỡ giết thì có thể làm cho nhọc; trí mà lòng nhút nhát thì có thể làm cho quẫn; tín mà hay tin người thì có thể nói dối; liêm mà không yêu người thì có thể khinh nhờn; trí mà lòng chần chừ thì có thể đánh úp; cương nghị mà tự phụ thì có thể trị được; nhu nhược mà thích dùng người thì có thể lừa được.

Cách sử dụng người trí, người dũng, người tham, người ngu: Người trí thích dựng được công; người dũng ham đạt được chí; người tham chạy theo lợi; người ngu không nghĩ đến chết. Lấy chí tình mà dùng, đó là điều màu nhiệm của nhà binh vậy.

Đạo làm tướng có tám điều tệ là:

1. Lòng tham không chán.
2. *Ghen người hiền, ghét người tài.*
3. *Tin lời gièm, ưa lời nịnh.*
4. *Xét người không xét mình.*
5. *Do dự không quả quyết.*
6. *Say đắm rượu và sắc đẹp.*
7. *Thích xảo trá mà lòng nhút nhát.*
8. *Nói dối mà không theo lễ.*

Làm tướng có trách nhiệm nguy, là bởi trách nhiệm nặng thì nguy. Cho nên tướng giỏi thì không cậy mạnh, không cậy thế, được yêu cũng không mừng, bị nhục cũng không sợ, thấy lợi không tham, rượu ngon không đắm, đem mình hi sinh cho nước, chỉ có một lòng mà thôi.

Có bốn điều muốn là:

1. Đánh thì muốn dùng kì binh.

2. *Mưu thì muốn làm bí mật.*
3. *Quân chúng thì muốn yên tĩnh.*
4. *Lòng thì muốn chuyên nhất.*

1. Tức là Nhạc Phi.

2. **Võ kinh tổng yếu**, Tiền tập, quyển 1, gọi là ngũ tài.

3. **Võ kinh tổng yếu**, thay **Trung bằng Nghiêm**.

Người tướng giỏi, cứng không thể bẻ được, mềm không thể uốn được. Cho nên lấy yếu để chế mạnh; lấy mềm để chế cứng. Mềm cả yếu cả, thì thế phải kém; cứng cả mạnh cả, thì thế phải mất. Không cứng không mềm, đó là đạo thường.

Tướng không nên kiêu, kiêu thì thất lễ; thất lễ thì người ta lìa bỏ; người ta lìa bỏ thì quân chúng làm phản. Tướng không nên biếng, biếng thì không thưởng công; không thưởng công thì quân sĩ không chịu hi sinh; quân sĩ không chịu hi sinh thì quân không có công; quân không có công thì nước trống rỗng; nước trống rỗng thì giặc đến. Khổng tử nói: Nếu có tài giỏi như Chu công mà có tính kiêu và lận, thì cái khác cũng không đủ kể nữa. Có tiết cao có thể khuyến khích phong tục; có hiếu để có thể nêu danh về sau; có tín nghĩa có thể kết bạn; có rộng yêu có thể thu phục quân chúng; có sức mạnh có thể lập công. Đó là năm đức tốt của người làm tướng. Có mưu mà không biết tính điều phải trái, có lễ mà không biết dùng hiền lương, chính trị mà không biết làm đúng hình pháp, giàu có mà không biết giúp người nghèo thiếu, trí khôn mà không biết ngừa từ việc chưa xảy ra, lo nghĩ mà không biết phòng từ việc rất nhiệm nhặt, việc xa không biết suy mà biết, khi thua không thể không có gièm chê. Đó gọi là tám điều xấu.

Kinh thư nói: Khinh nhờn người quân tử thì không thu được lòng người. Khinh nhờn kẻ tiểu nhân thì không dùng hết được sức người. Mấu chốt việc hành binh, cốt nhất phải nắm được lòng người anh hùng, nghiêm sự thưởng phạt, tóm được đạo văn võ, gồm được thuật cứng mềm, trải những thuyết lễ nghĩa, trước trọng đức rồi sau dùng sức lực. Tĩnh thì như cá lặn; động thì như rái chạy; làm vỡ chỗ liền; bẻ gãy chỗ mạnh; dùng cờ xí làm cho hoa mắt; dùng chiêng trống làm cho núng lòng; rút lui thì như núi dời; tiến lên thì như mưa gió; cắt quân thì như lèn đổ; hợp lại thì như cọp đánh nhau. Cường ép mà

rộng dung; lấy lợi mà dụ dỗ; lấy lễ mà giữ gìn; nó kém thì khiến cho kiêu; nó thân thì làm cho lia; nó mạnh thì làm cho yếu. Có người nguy thì làm cho yên; có người sợ thì làm cho vui; có người phản thì cứu mang trở lại; có người oan thì cho họ được thân; kẻ mạnh thì nén xuống; kẻ yếu thì đỡ lên; người có mưu thì gần gũi; người gièm pha thì đánh đổ đi; được của cải thì chung nhau; không cậy sức mà khinh địch; không ngạo của mà khinh người; không vì được yêu lâu mà làm sai. Tính trước rồi sau mới hành động; biết có thể thắng rồi sau mới chiến. Được ngọc lụa không để riêng mình dùng; được con trai con gái không để riêng mình sai khiến. Như thế mà phát chính ra lệnh thì người ta nguyện chiến đấu ngay, mũi gươm chưa giây máu mà địch tự thua vậy.

Người làm tướng phải có lòng dạ, phải có tai mắt, phải có nanh vuốt. Không có lòng dạ thì như người đi đêm không có đuốc; không có tai mắt thì như người ở trong xó tối; không có nanh vuốt thì như người đói ăn phải vật độc; không trường hợp nào là không chết. Cho nên người tướng giỏi phải có người nghe rộng biết nhiều để làm lòng dạ, người xét sâu kín đáo để làm tai mắt, người dũng cảm giỏi đánh để làm nanh vuốt. Kể ra dùng người ngu mà thắng người trí là nghịch; dùng người trí mà thắng người ngu là thuận; dùng người trí mà thắng người trí là cơ. Cơ có ba đường: 1. cơ về việc, 2. cơ về thế, 3. cơ về tình. Cơ về việc, khi đã xảy mà không có thể ứng phó thì không phải là trí. Cơ về thế, khi đã động mà không có thể khống chế thì không phải là hiền. Cơ về tình, ốm mà không gắng làm được thì không phải là dũng. Người tướng giỏi tất nhân cơ mà giữ phần thắng.

Quân đi ra phải có luật, trái luật là dữ. Luật có 15 điều:

1. Lo nghĩ, có gián điệp để sáng tỏ.
2. Nói chuyện, lời nói phải cặn thận.
3. Dũng, địch với mọi người mà không nao.
4. Liêm, thấy lợi thì nhớ nghĩa.
5. Bình, thưởng phạt công bằng.
6. Nhẫn, khéo nhịn trong sỉ nhục
7. Khoan, hay dung nạp mọi người.
8. Tín, hay xem trọng lời hứa.
9. Kính, có lễ với người hiền tài.
10. Minh, không nghe lời gièm

11. Cẩn, không trái lễ.
12. Nhân, khéo nuôi quân sĩ.
13. Trung, đem mình hiến cho nước.
14. Phận, biết thôi và đủ.
15. Mưu, tự liệu về mình trước rồi sau mới liệu địch.

Vả nước lấy binh làm gốc, binh lấy tướng làm gốc, quân lấy tướng làm chủ. Cho nên muốn binh mạnh để chiến thắng thì cần ở sự dùng tướng được người, rồi sau mới có thể uy phục được thiên hạ và các rợ xung quanh. Đó là gốc lớn để trị nước.

Phàm tướng hay dùng chính mà không dùng kì là tướng giữ gìn; hay dùng kì mà không dùng chính là tướng chiến đấu; kì chính đều dùng cả, đó là tướng giúp nước vậy. Dấy binh ra quân, bày binh phá trận, xem dáng cờ xí, hiểu tiếng chiêng trống, đo bóng định giờ để quyết lành dữ; theo sự chuyển vận của ngũ hành, ra vào ứng theo thần vị; lấy biến mà dùng binh, khiến kẻ địch không lường biết tự đâu mà đến; lấy thần mà dùng binh, khiến quân ta không biết ta làm gì; động có mực; tĩnh có phương; được thua ở trong tay; thấy trước mà sẽ được lòng của trời đất qui thần để yên lòng quân chúng; đó gọi là thiên tướng vậy.

Ở trong bốn cõi, những việc của trăm họ do tướng văn chịu trách nhiệm; ở ngoài bốn cõi, những việc đối với nước địch do tướng võ chịu trách nhiệm. Tục ngữ nói: Tướng võ tướng văn sáng suốt thì nhà nước không có việc binh. Khi mềm thì cứng, khi co thì duỗi, sáng mà có dũng, hùng mà có mưu, tròn mà hay chuyển, vòng mà biết mối, trí trùm khắp muôn vật, mà đạo cứu cả thiên hạ, người có cả tám điều ấy thì đủ gọi là đại tướng. Cho nên bảo rằng tướng là người giúp nước; giúp được chu đáo thì nước có thể mạnh; giúp mà sơ hở thì nước hấn yếu. Dùng tướng phải xem diện mạo, xét thần thái mà biết được lòng.

Vua đối với tướng, chọn người hiền mà trao cho quyền bính, cất lên mà không ngờ vực gì, thì tướng tất trong đáp ứng bằng ngay thẳng, ngoài phục vụ bằng thuận tòng. Đáp ứng bằng ngay thẳng thì luật quân nghiêm; phục vụ bằng thuận tòng thì tiết bề tôi vững. Cử tướng như thế mà ngăn giặc thì có lo gì phải chờ xe xác về đâu.

Quân được hay thua do ở người tướng. Có phải bởi tướng làm nên đâu, chỉ do sự dùng của tướng mà thôi. Trí địch muôn người, không dùng được muôn người thì cũng như người ngu vậy; dùng nhất ba quân, nếu không dùng được ba quân thì cũng như người nhát vậy. Người tướng giỏi đứng dẫn mà hay biến hóa, cứng cáp mà hay thương người, nhân từ mà hay quyết đoán, dùng cảm mà hay tường tất, lấy sách lược mà chế ngự quan và quân, chưa thấy ai như thế mà không dựng được công nghiệp để dẹp yên họa loạn bao giờ.

Nhà nước hành quân trao luật, cái quyền sinh sát do đại tướng làm chủ. Làm lòng dạ của nước, nắm sinh mệnh của ba quân, có thể không thận trọng sự lựa chọn hay sao! Nếu muốn phong tướng, trước phải lấy tinh thần mà xét nên chăng về bốn điều: 1. diện mạo; 2. lời nói; 3. cử động; 4. việc làm.

Sách *Vạn cơ chí*¹: *Dẫu có một trăm vạn quân và một tướng có khí nuốt địch, phỏng đem hết vũ khí của cả nước trao cho, nếu không dùng được người thì làm gì được? Tướng lớn và nhỏ đều có bốn bậc, tướng nào mà không dự ở cả trong tám bậc ấy, thì không thể gọi là tướng được. Bốn bậc tướng lớn là: 1) thiên tướng, 2) địa tướng, 3) nhân tướng, 4) thần tướng. Bốn bậc tướng nhỏ là: 1) uy tướng, 2) cường tướng, 3) mãnh tướng, 4) lương tướng.*

Quân đến nơi nào, cũng phải xét kỹ địa lí. Núi chằm, xa gần, rộng hẹp, hiểm dễ, rừng rú dày mỏng, khe suối sâu nông, nếu xem như ở trên bàn tay, thì khi chiến thắng, sau trước không ngăn trở, tả hữu không ngưng trệ, quân bộ quân kỵ đi lại đều tiện, giáo mác sử dụng được hợp, chỉ huy tiến thoái đều thuận tình, người ngựa không bị bức nghẽn, đánh giữ thì được lợi về lương chứa, phát quân thì được đủ về nước cỏ, người ngựa không bị đói khát, hãm vào đất chết mà có thể sống, lâm vào chỗ mất mà có thể còn, đất nghịch mà dùng thuận được, đất thuận mà dùng nghịch được, không chọn khó dễ, đều có thể yên mà sau động, động mà quyết thắng, thế gọi là địa tướng².

1. Chúng tôi không tìm ra sách **Vạn cơ chí**.

2. Thiên tướng đã nói ở trên, nên đây chỉ nói địa tướng thôi.

Thanh liêm về của cải, tiết kiệm về tiêu dùng, lơ là về rượu, giữ mình theo lễ, thờ bề trên lấy trung, vui lo cùng quân lính, lấy của địch mà không tích trữ, bắt phụ nữ địch mà không giữ riêng, nghe mưu mà dùng người, gặp ngờ thì phán đoán, dùng mà không lấn người, nhân mà không bỏ phép, giấu tội nhỏ

răn lỗi lớn, phạm lệnh không kể là thân, thường công không nghĩ đến thù, người già thì nâng đỡ, người trẻ thì vỗ về, người sợ thì làm cho yên dạ, người lo thì làm cho vui lòng, có kiện thì xử đoán, có lạm thì xét minh, có giặc thì đánh dẹp, kẻ mạnh thì nén xuống, kẻ nhát thì che chở, kẻ dũng thì sai khiến, kẻ ngang ngược thì giết, kẻ phục tùng thì tha, người mất thì cho được lại, người quên thì nhắc bảo cho, người quy thuận thì cho tước, người hung bạo thì trấn trị, gần người mưu trí, xa người gièm pha, lấy thành không phải đánh, lấy đất không phải giữ, địch nông cạn thì chờ sinh biến, địch dối trá thì bắt tuân theo, thế trái phải chờ xem, thế thuận thì quyết đánh, thế gọi là nhân tướng.

Lấy thiên tướng làm ngoài, lấy địa tướng làm trong, lấy nhân tướng ở giữa, gồm cả sở trường của ba tướng thì gọi là thần tướng. Trong khi hành quân, không nệ thiên thời, không nệ địa lợi; dùng người không kì gan hay nhát, nghe có địch thì đi ngay mà không lo ngờ, kẻ nào phạm lệnh thì không kể tội lớn hay nhỏ, buộc ngay vào hình pháp, nghe tiếng là phải sợ, chống lại là phải đánh, thế gọi là cường tướng¹. Quân không kì nhiều hay ít, địch không kì mạnh hay yếu; ba quân theo lệnh, như cánh tay khiến ngón tay, đi lại muôn cách thay đổi, đánh lúc địch chẳng ngờ, cử động như thần, một ngựa một gươm gạt mũi nhọn mà tiến vào trước, khiến quân địch lúng túng, sợ mà lánh xa, thế gọi là mãnh tướng. Lấy uy tướng làm ngoài, lấy mãnh tướng làm trong, lấy cường tướng ở giữa, gồm cả sở trường của ba tướng thì gọi là lương tướng. Nhà nước dùng tướng, được thiên tướng có thể chống được giặc trời, được địa tướng có thể chống được giặc đất, được nhân tướng có thể chống được giặc trái người, được thần tướng có thể chống được giặc cả thiên hạ, tính toán không sót điều gì. Uy tướng có thể phụ với thiên tướng, cường tướng có thể phụ với địa tướng, mãnh tướng có thể phụ với nhân tướng, lương tướng có thể giữ bốn phương. Tuy nói mãnh và cường có sự lợi dụng nhanh chóng, nhưng đều không thể dùng riêng được. Đó là thế của đạo tướng vậy. Tướng khi ra trận, không hỏi vợ con, là tỏ ra đã dâng mình cho nước. Vua khi sai tướng không dám khinh thường việc lễ, là tỏ ra tôn trọng việc dùng người. Tướng khi ở ngoài có quyền không theo mệnh vua, chỉ nhằm tiện của nhà nước mà phục vụ, giữ mình trong sạch, quý trọng quân sĩ. Cho nên tướng mà cự lời can ngăn thì người anh hùng trở về nhà; không theo chức hay thì kẻ mưu sĩ cũng bỏ đi; coi thiện ác ngang nhau thì hiền ngu lẫn lộn; thường phạt rối loạn thì kỉ cương tan

tàn; mừng nhiều thì không có uy; giận nhiều thì lòng người lìa; nói năng nhiều thì cơ lộ; ham thích nhiều thì trí lằm; rộng rãi thì quân trẻ nải; bạo ngược thì quân oán hờn. Tướng tự chuyên thì người dưới đổ lỗi cho; tướng tự khen mình thì người dưới không chịu lập công; tướng nghe lời gièm thì người ngay bỏ đi; tướng ăn của đút thì quân lính gian tham; tướng ham việc trong buồng thì quân lính dâm dăng; không tham tài mê sắc thì giữ mình được trong sạch; biết lánh hiểm xa ngờ thì uy tín được tăng thêm; tính kĩ lo xa cho nên không hỏng việc; theo thời thuận biến cho nên lập được công; thương yêu người dốc lòng làm, cho nên được yêu mến; nghe lời phải xa kẻ gièm cho nên người xa lại; tính trước rồi sau mới làm, để phòng biến cố; trước có tin rồi mới nói cho nên thu phục được người dưới; tội thì trị công thì thưởng cho nên uốn nắn được người; xem gương việc xưa sáng suốt việc nay cho nên soi sáng được quân chúng; nhũn nhặn trọng người nên được lòng người; bỏ tư theo công nên giữ được nước. Tinh thần cho ngay thẳng, hình thể cho đoan trang, động phải như gió, đứng phải như núi, chiến đấu phải như sấm sét, cơ mưu phải như quỷ thần, lo nghĩ phải thấu như ánh sáng, mệnh lệnh phải nghiêm như sương tuyết. Có được như thế mới có thể đương được mệnh lớn của nhà nước.

1. Nguyên văn chép sót đoạn giải thích về **uy tướng**.

Trong quân có người ốm, tướng phải thân hành đem thuốc điều trị; quân có người chết, tướng phải khóc thương; quân đi thú xa thì sai vợ con đến nhà thăm hỏi; phạm có khao thưởng thì chia đều cho quan và quân; khi có hành động thì phải họp cả tướng tá để bàn, mưu đã định thì sau mới đánh. Cho nên tường với binh có cái ơn hòa rượu¹ và hút máu². Cho nên quân sĩ có những cuộc vui thui trâu bày rượu và cái khí ném đá; yêu mến như con em theo cha anh, như chân tay đỡ đầu mắt, không ai ngăn được. Nếu hà khắc là cho họ đau đớn, bắt làm lưng nặng nề, thì những tiếng thù oán nghe không xiết! Tướng sùỵ coi quân sĩ như cỏ rác thì quân sĩ coi tướng sùỵ như cừu thù, cầu họ làm bộ hạ thì cũng là khó, còn mong gì họ gắng sức liều chết để đánh địch nữa. Đó là đại lược về phép tướng sùỵ vỗ về quân sĩ vậy.

Sách *Bình lược*³: *Tướng giỏi cầm quân không vì quân ta nhiều mà kiêu, không vì quân ta ít mà nản chí. Kể ra mạnh không gì bằng hổ dữ, nhưng bắt*

lợn ở chuồng bị nhân dân đuổi thì cũng phải quặp đuôi mà chạy không dám nhìn lại. Như thế mới biết lấy nghĩa thì có thể sai khiến người ta.

Tướng kiêu có thể đánh bại. Làm tướng không nên cậy trí dũng mà kiêu với người. Tống Nghĩa⁴ có thể khống chế được Hạng Lương, Bạch Khởi⁵ có thể giết được Triệu Quát⁶ là vì thế. Khâm Phúc triều Minh đi đánh nước Bản-nhã-thất-lý, vì cậy dũng mà cả quân tan vỡ; Liễu Thăng vào nước Nam ta, vì chí kiêu mà đổ quân mất mạng, là thế đó.

Khích phát sĩ khí, hoặc lấy quả cảm mà khích, như Lưu Ý nhà Tống⁷ giữ Thuận-xương, quân Kim lấn xuống Nam, Ý cho đục thuyền để bảo cho giặc biết là ý mình quyết không bỏ đi, rồi chứa củi để đốt; hoặc lấy trung nghĩa mà khích, như Trương Tuần⁸ đặt tượng vua Đường rồi khóc lạy để trách sáu tướng, do đó sĩ khí thêm hăng; hoặc lấy lòng chí thành mà khích, như Trương Tuần thề chết mà tướng sĩ đau lòng, đánh giặc cả vỡ, như vua Đường Đức-tôn biết nhận lỗi mình mà quần thần ra sức liều chết để giúp vua; hoặc lấy lợi hại mà khích, như Dương Khánh giữ Thành-đô, mộ quân sĩ cấp cho nhiều lương, dân nước Thục cầm dao phay và gậy không đến giúp quan quân, binh Man cả thua, như Lý Mục nhà Tống đóng giữ Dục-châu, có được vật gì thì cho hết quân sĩ, như Hoàng Thạch công nói: được của chia cho quân lính thì quân lính hết sức liều chết, Lý Mục làm đúng như thế.

1. Hòa rượu: Sách Hoàng Thạch công nói xưa có một vị tướng giỏi gặp người biếu một vò rượu, ông đem đổ xuống sông, rồi bảo các tướng sĩ đón dòng nước mà uống, ba quân do đó mà liều chết đánh.

2. Hút máu: Ngô Khởi giỏi dùng binh, một người lính có nhọt, Khởi ghé mồm hút mủ, làm cho người có nhọt ấy cảm khích mà ra sức.

3. Chúng tôi không tìm ra sách **Binh lược**.

4. Tống Nghĩa: Lệnh doãn cũ của nước Sở, theo Hạng Lương đi đánh Tần, phá được quân Tần, Lương có vẻ kiêu căng, Nghĩa can rằng đánh được giặc mà tướng kiêu căng, quân lười biếng, tất phải thua. Lương không nghe, sau bị tướng Tần đánh cho thua.

5. Bạch Khởi: Người Tần (thời Chiến quốc), giỏi dùng binh. Thời Tần Chiêu vương phong là Vũ an quân, phá nước Triệu, chôn quân đầu hàng của Triệu hơn 40 vạn người.

6. Triệu Quát: Người nước Triệu (thời Chiến quốc), khi còn ít tuổi học binh pháp, nói việc hành quân tự cho là thiên hạ không ai bằng; sau làm tướng thay cho Liêm Pha, đổi hết ước thúc và đổi đặt quân lại; cuối cùng bị tướng nước Tần là Bạch Khởi bắn chết.

7. Lưu Ý: Thời Tống Cao-tôn, Lưu Ý đánh phá thái tử Kim là Ngột Truật ở Thuận-xương.

8. Trương Tuần: Người Nam-dương, thời Đường Huyền-tôn, An Lộc Sơn làm loạn, Tuần và Hứa Viễn giữ thành Thư-dương đánh nhau với An Lộc Sơn.

Sách Võ kinh: Thần nghe nhà vua có đạo tất thắng, cho nên có thể bao gồm rộng lớn mà thống nhất chế độ, như thế thì thiên hạ biết uy. Tất cả có 12 điều: 1) Liên hình, bắt cả đội ngũ cùng giữ và phải tội cùng nhau; 2) Địa cấm, tức là cấm chỉ đường đi để sẵn bắt kẻ gián điệp; 3) Toàn quân, các giáp thủ cùng phụ với nhau, ba người năm người đồng nhau kết liền cho chặt chẽ; 4) Khai tái, tức là chia đất có giới hạn, nơi nào thuộc người nào thì đều chết theo trách nhiệm mà bền giữ; 5) Phân hạn, tức là tả hữu giữ nhau, trước sau đọi nhau, lấy xe làm tường để đón để giữ; 6) Hiệu biết, tức là hàng trước phải tiến để cách hàng sau, không được giành trước làm mất trật tự; 7) Ngũ chương, tức là tỏ rõ hàng lối cho trước sau khỏi rối; 8) Toàn khúc, tức là khúc đoạn theo nhau đều có phần riêng; 9) Chiêng trống, tức là phấn khởi người có công, giúp đỡ người có đức; 10) Trận xa, tức là tiếp liền hàng đầu, ngựa che bên mắt; 11) Tử sĩ, tức là trong quân lính có người tài trí cưỡi trên chiến xa, trước sau ngang dọc, trở mưu chống địch; 12) Lực tốt, tức là nắm toàn bộ và khúc đoạn, không vầy cờ thì không động. Mười hai phép ấy dạy xong, phạm lệnh không tha thì quân yếu có thể làm cho mạnh, chức thấp có thể làm cho cao, phép tồi có thể làm tốt lại, dân xa có thể làm gần lại, người đông có thể trị được, đất rộng có thể giữ được, xa nhà nước không ra khỏi thành, giải áo giáp không ra khỏi túi, mà uy phục được thiên hạ vậy¹.

Phạm sai quân, pháp lệnh ở mình gọi là chuyên, cùng với người dưới sợ phép gọi là pháp. Việc quân không nghe lời vật, ra trận không cầu lợi vật thì nên. Làm việc tinh vi là đạo.

Kể ra, tướng là chí, ba quân là khí. Khí dễ động mà khó chế. Do tướng chế mà trấn tĩnh thì sợ hãi có thể định, phản trắc có thể yên, trăm vạn quân có thể tiêu diệt được. Chí ngay thẳng mà mưu có một, khí phấn khởi mà dũng gấp đôi

thì thắng. Thấy địch yếu thì mình tiến; thấy địch mạnh thì mình dừng; đừng lấy ba quân đông đúc mà khinh địch; đừng lấy chịu mệnh làm trọng mà liều chết; đừng lấy mình làm quý mà rẻ người; đừng lấy ý kiến riêng mà trái quân chúng; đừng xem lời biện thuyết là tất đúng; quân sĩ chưa ngồi thì đừng ngồi, quân sĩ chưa ăn thì đừng ăn, năng rét cùng chịu. Như thế thì quân sĩ hẳn hết lòng liều chết.

Việc của một người, không tiết lộ cho hai người; việc làm ngày mai, không tiết lộ hôm nay; suy xét cho kỹ càng, đừng để hở sợi tóc; bí mật ở công việc sợ tiết lộ ra lời nói; bí mật ở lời nói sợ tiết lộ ra nét mặt; bí mật ở nét mặt sợ tiết lộ ở tinh thần; bí mật ở tinh thần sợ tiết lộ trong mơ mộng. Có việc làm cần giấu đầu mối, có việc dùng phải cấm không nói. Nhưng cũng có điều nên nói trước để tỏ lòng tin, giữ, thành thực.

Việc của người làm tướng, lặng lẽ cho kín, ngay ngắn cho yên, có thể làm tối tai mắt của quân sĩ, khiến họ không biết đối việc làm; thay mưu kế, khiến người ta không biết; đổi chỗ ở, dời đường đi, khiến người ta không lo lắng. Đến kì dấy quân thì như lên cao mà bỏ thang đi; quân tiến sâu vào đất chư hầu mà phát động binh cơ cũng như đuổi đàn dê cho chạy đi chạy lại, chẳng biết đi đâu, tập hợp ba quân đông đúc mà đưa vào chỗ hiểm. Đó là việc của người làm tướng.

Bàn việc thì đời xưa không bằng đời nay; việc nhiều thì phép cũng nhiều; thời đổi thì lí cũng đổi. Cho nên người biết đọc binh thư xưa thấy chỗ không nên thì biết là câu nệ, thấy lời nói bậy thì biết là sai, thấy điều chưa đủ thì biết là thiếu. Xét chỗ huyền để tìm ra thực; thấy viễn vọng phô trương thì phải gạt đi; thành bị cướp thì phải làm thế nào để thoát²; thấy kiêng mà có khi cứ làm; thấy răn mà vẫn ra quân; xét chỗ hở mà thấy chỗ khít; do chỗ lệch mà đến chỗ toàn; lật chính thay kì, hóa cơ làm biến; người ta câu nệ ở phép mà ta thì làm ra phép; người khéo dùng phép thì lấy thần trí mà xem phép.

Xét tính mệnh để biết lẽ sâu của việc binh; xem cổ sử để tìm dấu vết của việc binh; xét tượng số để biết hết diềm triệu về binh; hiểu thời vụ để thấu suốt chính sách về binh; khảo khí cụ để sửa sang vật dùng của binh. Khi tĩnh thì đặt các việc vô hình để bày mưu trước. Khi động thì lấy những điều đã nghĩ để kinh lý thiên hạ.\

Tướng mùa đông không mặc áo da, mùa hè không dùng quạt, trời mưa không che lọng, gọi là lễ tướng; không tự mình theo lễ thì không biết quân lính rét nóng thế nào. Ra cửa ải gặp chỗ bùn lầy, tướng nên xuống đi bộ, thế gọi là lực tướng; không tự mình ra sức thì không biết quân lính vất vả thế nào.

Phàm khi hành quân, quân đã định được nơi đóng thì tướng mới đến nhà ở; cơm nấu chín rồi thì tướng mới đi ăn; quân không đở lửa thì tướng cũng không đở lửa; thế gọi là ngăn lòng muốn. Tướng không ngăn lòng muốn thì không thể biết quân lính no đói thế nào.

1. Xem **Võ kinh trực giải, phần “Tư mã giáp”, chương 22.**
2. Chữ Hán là “thành đoạt vụ thoát”, chúng tôi dịch thế này, nhưng thấy nghĩa câu này không được thông mạch lạc với văn trên dưới mấy.

V – Kén Luyện

Sách Võ kinh: Võ vương hỏi: Đạo luyện quân là thế nào? – Thái công thưa: Trong quân có những người rất dũng lược, liều chết, không sợ đau đớn bị thương, họp thành một toán gọi là quân mạo hiểm¹. Có những người vọt xa nhảy cao, nhẹ chân chạy nhanh, họp lại thành một toán gọi là quân quán binh². Có những người bày tôi thất thế muốn lập lại công danh, họp lại một toán gọi là quân tử đấu³. Có những người là con em của tướng chết trận, muốn vì tướng mình mà trả thù, họp lại một toán gọi là quân căm thù. Có những người nghèo đói bức dọc muốn cho thỏa chí, họp làm một toán gọi là quân tất tử⁴.

Thái tôn hỏi: Gia-cát Lượng bảo rằng quân có tiết chế mà không có tướng tài cũng không thể thua được, mà quân không có tiết chế dù có tướng tài cũng không thể thắng. Trẫm ngờ lời bàn ấy không được thực đúng. – Tĩnh nói: Lời bàn của Võ hầu⁵ có tính chất khích động. Thần xét sách *Tôn tử* nói rằng: Dạy tập không rõ ràng, quan và quân không thường, bày binh ngang dọc, thế gọi là loạn. Từ xưa loạn quân tự thua không thể chép hết. Kế ra, dạy tập không rõ ràng, là nói sự huấn luyện không theo phép đời xưa; quan và quân không thường là nói tướng thần trao nhiệm không giữ chức lâu; loạn quân tự thua là nói tự mình tan vỡ chứ không phải bị địch đánh mà tan vỡ. Thế nên Võ hầu nói

quân có tiết chế thì dù tướng tầm thường cũng chưa thua. Nếu quân tự loạn thì tuy tướng giỏi cũng nguy, còn ngờ gì nữa.

Thái tôn nói: Phép dạy tập thực là không thể bỏ qua. – Tĩnh nói: Dạy tập đúng phép, thì quân sĩ vui dùng; dạy tập không đúng phép thì dù sớm chiều đôn đốc cũng không ích gì. Thần vì thế mà chăm chăm theo phép xưa, đều đã chép thành đồ, ngõ hầu mới thành quân có tiết chế được.

-
1. Mạo nhãn: Xông liều vào chỗ nhọn sắc, tức quân cảm tử.\
 2. Quán binh: Quân quen thạo.
 3. Tử đấu: Đánh nhau đến chết.
 4. Tất tử: Quyết phải chết. – Sách **Võ kinh trực giải, phần “Lục thao”, chương 53.**
 5. Tức Gia-cát Lượng, phong Vũ hươg hầu.

Vua Thái Tôn nói: Trẫm cùng Lý Tích bàn binh pháp nhiều chỗ giống thuyết của Khanh, nhưng Tích không xét xuất xứ. Khanh chế “Lục hoa trận pháp” do đâu mà ra? – Tĩnh nói: Thần căn cứ ở phép Bát Trận của Gia-cát Lượng, trận lớn bọc trận nhỏ, dinh lớn bọc dinh nhỏ, góc cạnh liền nhau, chỗ cong chỗ gãy đối nhau, phép xưa như thế, thần nhân đó mà vẽ đồ; cho nên ở ngoài thì vạch vuông, ở trong thì vòng tròn, mà thành “Lục hoa trận pháp”, tục gọi là thế. – Thái tôn nói: Trong tròn, ngoài vuông, là nghĩa gì? – Tĩnh nói: Vuông sinh ở bước, tròn sinh ở kỳ, vuông để bước được đúng, tròn để quanh được đều. Thế là số bước theo hình đất, đi quanh theo hình tròn. Bước đúng, quanh đều. thì biến hóa không rối. Bát trận là phép cũ của Võ hầu vậy. – Thái tôn nói: Vẽ vuông để xem phép bước, vẽ tròn để xem phép binh khí. Bước là phép dạy chân, binh [khí] là phép dạy tay, tay chân tiện lợi, thế là được quá nửa công việc. – Tĩnh nói: Ngô Khởi có nói: Dứt mà không lìa, lụi mà không tan, đó là phép bước vậy. Dạy quân sĩ cũng như bày con cờ trên bàn cờ, nếu không vạch đường thì con cờ dùng sao được? Tôn tử nói: Đất sinh ra đo, đo sinh ra lường, lường sinh ra số, số sinh ra cân, cân sinh ra thẳng. Cho nên quân thẳng như lấy dật (nén) mà cân với thù¹, quân bại như lấy thù mà cân với dật. Đều bắt đầu tự đo lường vuông tròn cả. – Thái tôn nói: Lời nói của Tôn tử sâu sắc lắm, không đo đất xem xa gần, xem hình rộng hẹp, thì lấy gì mà chế được tiết. – Tĩnh nói: Người tướng tầm thường ít biết được tiết. Người đánh giỏi thì thế hiểm mà tiết

liền. Thế ví như dương nô, tiết ví như phát nẩy nô. Thần trình bày thuật như sau: Phàm lập đội, đều cách nhau 10 bước, đội trú cách đội sư 20 bước, Cứ cách một đội thì dựng một đội chiến. Tiến thì 50 bước làm một tiết. Khi thối một tiếng tù và thì các đội đều tan ra, đứng ở trong vòng 10 bước. Đến tiếng tù và thứ tư, thì lòng thương mà ngồi quỳ xuống. Bấy giờ đánh trống, cứ 3 tiếng trống thì 3 tiếng dạ, đi từ 30 đến 50 bước, để chế thể biến của địch. Quân ngựa theo sau tiến ra, cũng đi 50 bước, rồi đến lúc thì dừng lại. Quân chính dừng trước, quân kì dừng sau. Xem tình hình địch thế nào, lại nổi hiệu trống để đổi dùng quân kì trước dùng quân chính sau để đón địch đến, tìm chỗ sơ hở mà đánh. Đó là trận pháp “Lục hoa”, đại khái đều thế².

Thái tôn nói: Năm lá cờ máu ngũ phương làm chính ư? Vẫy cờ phan vào đánh làm kỳ ư? Khi phân khi hợp thay đổi nhau thì số đội làm sao cho đúng được? - Tĩnh nói: Thần tham dùng phép xưa; hễ 3 đội hợp lại thì cờ dựa nhau mà không giao nhau, 5 đội hợp lại thì 2 cờ giao nhau, 10 đội hợp lại thì 5 cờ giao nhau. Khi thối tù và mở 5 lá cờ giao nhau ra thì một đội tản ra làm 10; mở 2 lá cờ giao nhau thì một đội tản ra làm 5; mở cờ dựa nhau không giao nhau thì một đội lại tản làm 3. Quân tản thì lấy hợp làm kỳ, quân hợp thì lấy tản làm kỳ. Ra lệnh 3 lần, trình 5 lần, tan 3 lần, hợp 5 lần thì lại trở về chính. Thế thì phép bốn đầu tám đuôi³ có thể dạy được. Đó là điều đội pháp lên làm.

Thái tôn khen phải. Thái tôn nói: Sách Thái công chép rằng: Đất vuông hoặc 600 bước, hoặc 60 bước để nêu rõ 12 vị trí địa chi, phép ấy làm như thế nào? - Tĩnh nói: Vạch đất vuông 2.200 bước theo hình khai phương, mỗi bộ chiếm 20 bước vuông đất, chiều ngang cứ 5 bước đứng một người, chiều dọc cứ 4 bước đứng một người, gồm là 2.500 người, chia làm 5 phương, để bốn chỗ đất không gọi là chứa trận ở trong trận vậy. Khi Võ vương đánh Trụ, quân Hồ bí đều cầm 3.000 người, mỗi trận⁴ có 6.000 người, cộng là 30.000 quân. Đó là phép vạch đất của Thái công vậy. - Thái tôn nói: Phép “Lục hoa trận” của khanh, thì vạch đất bao nhiêu? - Tĩnh nói: Xét cả khu đất này vuông 1.300 bước, nghĩa là sáu trận, đều chiếm đất 400 bước, chia làm hai hướng đông và tây để đất không 1.200 bước làm nơi dạy đánh. Thần từng dạy 30.000 người, mỗi trận 5.000 người, lấy một trận làm nơi đóng dinh, còn 5 trận thì theo hình trận vuông, tròn, cong, thẳng, nhọn, mỗi trận năm lần biến, phàm 25 lần trở lên. - Thái tôn nói: Trận “Ngũ bành” là thế nào? - Tĩnh nói: Vốn nhân theo

màu sắc của năm phương mà đặt tên ấy. Còn vuông, tròn, cong, thẳng, nhọn là do địa hình mà làm. Phàm quân mà không quen tập năm cái ấy thì đánh giặc làm sao được? Binh là nghề biến trá, cho nên tạm gọi tên là Ngũ hành để mượn cái nghĩa thuật số tương sinh tương khắc mà tô điểm thêm. Thực ra thì tượng của binh là nước, tùy theo địa thế mà chảy. chính là ý ấy⁵.

1. **Thù là 1 phần 24 của lạng.**

2. Dịch theo Võ kinh trực giải quốc ngữ ca.

3. **Bốn đầu tám đuôi là phép Bát trận đồ.**

4. Cả thảy 5 trận.

5. **Trở lên, đoạn Thái tôn hỏi Lý Tĩnh đáp là chép ở sách **Võ kinh trực giải, phần “Lý Vệ công vấn đối”**.**

Sách Ngô tử: Phàm người ta thường chết vì không hay, bị thua vì điều mình không giỏi, cho nên phép dùng binh phải lấy sự dạy răn làm trước. Một người học chiến¹ dạy thành mười người, mười người học chiến dạy thành trăm người, trăm người học chiến dạy thành nghìn người, nghìn người học chiến dạy thành vạn người, vạn người học chiến dạy thành ba quân. Lấy gần đợi xa, lấy nhàn đợi nhọc, lấy no đợi đói; tròn mà chột vuông, ngồi mà chột chạy, đi mà chột dừng, tả mà chột hữu, trước mà chột sau, chia mà chột hợp, thắt mà chột cởi, mỗi một cách biến đều phải tập rồi mới trao cho cầm binh. Đó gọi là việc của người làm tướng².

Sách Kinh thế: Binh lính ngày thường đắm ở nơi yên ổn, không tập khó nhọc, nay nghĩ chữa tính trễ biếng ấy, rèn luyện gân cốt cho cứng rắn, thì không gì bằng dạy cho một phép đi vây. Xét ra từ trước đến nay các đốc phủ, đề trấn ở trực tỉnh đều có lệ đi vây cả: Mỗi năm ở trong buổi mùa thu mùa đông thì cử hành 2, 3 lần để tập quen khó nhọc, mà cố động sĩ khí, phép ấy hay lắm. Thần trước ở dinh Đề đốc Tứ-xuyên cũng đã từng làm, rất là có ích. Đến nay hơn 30 năm, không những chưa hề cử hành, mà nếu đem phép đi vây hỏi bọn thuộc viên thì cũng mù mịt không biết gì, thực phép chinh đốn quân đội không phải như thế. Thần chịu ơn đặc biệt của Hoàng thượng giao cho việc trọng ở chốn biên cương, phàm việc có ích cho võ bị không điều gì là không hết lòng tru hoạch, mong được thực hiện. Nay thần định trong ba tháng mùa đông năm nay, việc làm ruộng đã xong, xét theo lệ trước, ở miền sát Thành-đô,

chọn một nơi không gần ruộng vườn, dựa kê gò núi, rộng không quá 100 dặm, dẫn quan binh đến để đi vây săn. Trong mấy ngày đi về sẽ tự làm việc huấn luyện, dạy cho phương chia hợp tiến lui và phép đóng dinh đỗ ngủ, để cho cưỡi ngựa rong ruổi, quen việc kỵ xạ, quân bộ thì đuổi chạy ngoài đồng nội, rèn lấy sức chân. Trước ngày thì nhắc rõ hiệu lệnh, nghiêm buộc quân lính, không cho rối động, cốt khiến binh dân cùng giữ yên. Tập rèn như thế mỗi năm ba lần, lấy làm lệ thường, thì binh lính quen việc khó nhọc, rồi hăn ngày tinh mạnh, kỵ binh bộ binh, kỹ nghệ tự nhiên thuần thục. Lại khiến tập biết phép phân hợp tiến lui, và phép lập dinh đỗ ngủ. Binh và ngựa sẽ khỏe mà có tiết độ, hàng trận sẽ được chỉnh tề. Đối với dinh ngũ các tỉnh biên thùi rất là có ích.

Giáo lệnh của quân: Chia dinh định trận, có ai tiến lui trái lệnh thì ghép vào tội phạm giáo; hàng trước thì hàng trước dạy, hàng sau thì hàng sau dạy, hàng tả thì hàng tả dạy, hàng hữu thì hàng hữu dạy, giáo cử 5 người, ai đứng đầu là có thưởng. Người nào không dạy thì cũng tội như người phạm giáo, phải đi quanh dưới đất để tự nêu tội với hàng ngũ; trong hàng ngũ người nào tự đứng ra nêu tội thì cho miễn tội.

Phàm một ngũ ra trận, nếu có một người không tiến ra liều chết với địch, thì người dạy cũng bị tội như người phạm pháp. Phàm thập phải giữ cả thập, nếu mất một người mà 9 người không liều chết với địch, thì người dạy cũng tội như người phạm pháp. Từ thập trở lên cho đến tì tướng, có kẻ nào không theo pháp lệnh thì người dạy cũng tội như người phạm pháp. Người ngũ trưởng dạy 4 người, lấy miếng ván làm trống, lấy mảnh sành làm chiêng, lấy gậy làm cờ; đánh trống thì tiến, phất cờ thì bước nhanh, đánh chiêng thì lùi, vẩy sang tả thì sang tả, vẩy sang hữu thì sang hữu, chiêng trống đồng đánh thì người xuống. Ngũ trưởng dạy xong, hợp lên tốt trưởng; tốt trưởng dạy xong, hợp lên bá trưởng; bá trưởng dạy xong, hợp lên binh úy; binh úy dạy xong, hợp lên tì tướng; tì tướng dạy xong, hợp lên đại tướng; đại tướng dạy xong, bày trận ở giữa nội. Đặt nêu lớn cách 300 bước một cái. Bày trận xong thì bỏ nêu đi, cứ 100 bước đi thông thả, 100 bước rảo mau, 100 bước chạy bay. Tập đánh cho thành tiết, theo đó mà thưởng phạt.

1. **Học chiến: Học phép đánh trận.**
2. **Ngô tử, thiên IV.**

Sách Võ kinh: Đời xưa dạy dân, phải lập đấng bậc sang hèn, khiến không lẫn nhau; đức nghĩa không vượt qua nhau, tài nghệ không che lấp nhau, sức mạnh không xâm phạm nhau, cho nên phương hướng cùng theo mà ý hòa hợp. Đời xưa pháp luật của nước không đem dùng với quân, mà kỷ luật của quân không đem dùng với nước, cho nên sức không bao giờ vượt nhau.

Phàm trống, có trống đi với trống, có trống đi với cờ, trống đi với xe, trống đi với ngựa, trống đi theo, trống đi với binh khí, trống ở đầu, trống ở chân, đó là bảy thứ trống, phải gồm cho đủ. Phàm quân nhiều cũng như ít, quân thắng cũng như không. Binh khí không bảo là sắc, áo giáp không bảo là bền, xe không bảo là vững, ngựa không bảo là tốt, quân không tự cho là nhiều, thế cũng chưa nắm được đạo.

Phong. Ở ngoài tám trận Thiên Địa Phong Vân Long Hồ Điều Xà ra, lại lập chín quân, chia làm sức xung phong của trận:

1. Thân quân là những người trai tráng trong làng, tôi tớ trong nhà để hộ vệ đại tướng.
2. Phần quân là quân phục thù chuộc tội, nguyện đi hàng đầu.
3. Thủy quân là quân có thể xông pha sóng gió, cướp lái lật thuyền.
4. Hỏa quân là quân có thể phóng hỏa cầu hỏa lôi từ xa tới trận địa.
5. Cung nỗ quân là quân có thể nấp ở dương cung, muôn tên đều bắn, chống địch ở ngoài trăm bước.
6. Xung quân là quân sức lay núi non, khí vung cờ xí, có thể hãm trận bắt giặc.
7. Kỳ quân là quân khỏe mạnh phi thường, bay chạy ở trong khoảng hai hàng trận, đuổi đánh đến nơi xa xôi.
8. Xa quân là quân sức vóc nhanh nhẹn, tiến thì không sợ tên đạn, lui thì ngăn được ngựa chạy, khiến địch không thể xông đến được.
9. Du quân là quân dò thăm tình hình - cơ nghi để giúp đỡ ba quân, cử động đều rất quan hệ, thoăn thoắt như vượn leo, sói tuột, rắn bò, chuột rúc, qua chỗ hiểm vượt chỗ sâu, trèo thành khoét vách.

Trong chín quân ấy, thân quân thì hộ vệ ở trung quân, còn dư thì chia tám góc, góc nào thì ngăn giữ góc ấy, khi hợp thì đều tiến ra, lúc co lúc đuổi, khiến cho trong khoảng một trận như huyết mạch liền nhau, nhờ đó mà thông suốt được.

Kết. Ba quân đông đức, duy hiệp theo từng người mà cố kết thôi. Người trí thì cho được phát triển; người dũng thì cho được dùng sức; ai có lòng

muốn thì cho được thỏa; ai bất khuất thì cho vươn lên, cho hả được giận, cho trả được thù. Thấy người đau ốm cũng như mình đau ốm; giết kẻ có tội thì lòng không nở; người có công thì dù nhỏ cũng thưởng; người đặc lực thì ban thưởng cho nhiều; được gì thì chia đều; làm vất vả thì đãi hậu; thành thực yêu quân chúng; bắt địch ít giết hại. Được như thế, chẳng những ba quân thấy vậy cờ là theo, mà khắp thiên hạ cũng nghe tiếng là theo về.

Ngự. Việc binh không phải là việc lành. Tài lợi cũng dùng, tài hại cũng dùng; người võ thì hay giết, người dũng thì hay ác, người trí thì hay dối trá, người mưu thì hay tàn nhẫn, việc binh không bỏ sót người võ, người dũng, người trí, người mưu, tức là không bỏ sót người hay giết, người độc ác, người dối trá, người tàn nhẫn. Cho nên khéo chế ngự thì dùng lấy tài năng mà bỏ điều hung ác, thu điều ích mà ngăn điều tổn. Thế thì thiên hạ không ai là không tài; quân thù cũng có thể vờ được; quân giặc cũng có thể vờ về; trộm cướp cũng có thể dùng; cho đến kẻ dám khinh nhờn pháp luật, bỏ đi theo địch, cũng đều có thể sai khiến được.

Luyện. Ý phấn khởi mà sức nhút nhát, ấy là người khí suy; sức khỏe thừa mà lòng sợ sệt, ấy là người mật vờ, khí suy mật vờ thì trí dũng hết mà không thể dùng được. Cho nên cần phải lập thể để mà luyện khí, khinh thắng để mà luyện mật, bày lòng để mà luyện tình, thống nhất phép dạy để mà luyện trận.

Lệ. Cái phép khuyến khích quân sĩ, đừng cậy ở pháp lệnh. Cho danh thì kẻ cứng mạnh cũng phấn khởi; dụ lợi thì người nhẩn nghị cũng phấn khởi; bị hãm vào chỗ nguy, nếu lấy thuật mà lừa thì người nhu nhược cũng phấn khởi: Tướng hay dùng cả ân uy thì ai nấy đều hiệp, chức gì cũng nên, sĩ tốt trong ba quân, ai cũng như hùm bay rồng uốn, gặp địch là đánh được. Nếu lại lập thể để giúp uy, đủ tiết để hộ khí, thì dù thua cũng chẳng nhục được khí, dù nguy cũng chẳng núng được lòng; thế thì lại không người nào và không lúc nào mà không khiến phấn khởi được.

Lặc. Kìm ngựa thì phải dùng dầm khóa, kìm binh thì phải dùng pháp lệnh. Cho nên người lấy được thiên hạ không bỏ phép. Nhưng ơn nặng cũng có thể thi hành trừng phạt; trừng phạt thi hành rồi sau mới có uy. Thế nên người giỏi dụng binh, lấy sự được mất mà làm công tội, rõ sự

đánh chạy để mà cứu thương. Giết một người mà mọi người sợ; giết kẻ nhất, chém kẻ thua, mà quân sĩ càng phấn khởi; đứng thì như núi, động thì như lở, khiến quân sĩ không dám khinh pháp lệnh, cho nên chỉ có được mà không có thua.

Tuất. Trời sinh ra nhân tài rất là khó. Kẻ sĩ tri mưu, mang trách nhiệm giúp mà không thấy được dùng, muốn đi với địch thì ta chống. Kẻ làm tướng phải mở rộng lòng mà hỏi han, không để cho người ta không được tri ngộ. Đó là một điều thương kẻ sĩ. Những kẻ sĩ mang giáp trụ, phơi sương nắng nội, chịu đói chịu rét, đau đớn thân thể mà không kêu khổ, trải bao khó khăn mà không kêu nhọc. Cho nên người giỏi dùng binh không để cho họ bị hãm với địch và không giết càn. Đó là hai điều thương kẻ sĩ.

Nhuệ. Nuôi uy quý ở ngày thường; xem biến quý ở mưu trí. Hai quân sát nhau, một tiếng hô mà phấn khí lên, chỉ là có nhuệ khí mà thôi. Mọi người không dám ra mà mình dám ra là nhuệ. Quân địch đông xông lại, mình ít mà dám xông ra là nhuệ. Ra vào giữa quân địch, đi lại xông pha là nhuệ. Làm mạnh, làm khỏe, dũng cảm mãnh liệt là nhuệ. Như gió, như mưa, như non lay núi lở là nhuệ. Tướng vụt mà tiến lên, quân ùa mà xông vào, quân và tướng đều là nhuệ cả. Chỉ nhuệ không thì vấp ngã, không nhuệ thì suy. Có mưu trí mà chu tất, phát ra mà thu lại được, thì nhuệ hay vô cùng.

Trận. Nói về trận, thì có vài mươi nhà, ta gồm hết mà tóm lại. Hình trận dáng như chữ *nhân* 人 gọi tên là *Nhân trận*. Thuận cũng là chữ *nhân*, nghịch cũng là chữ *nhân*, tiến cũng là chữ *nhân*, thoái cũng là chữ *nhân*, hợp lại cộng làm một người, tan ra cũng làm một người. Một người làm một trận, nghìn muôn người sống làm một trận, nghìn muôn người hợp làm một trận, nghìn muôn người động làm một người. Nhuệ binh ở trước, trọng binh ở sau, phong quân để xông mà du quân để đi quanh. Ở trong chia làm âm, dương, hư, thực, đương, thụ, xả, xung¹, khi bay, khi nắp, khi thổ, khi nạp², khi động, khi tĩnh, khi nhóm, khi trương. Đấu mà không thể loạn, lụi thì dựa nhau, không dựa thì nguy. Người không tự loạn, loạn thì chinh ngay; người có thể tự dựa và phải dựa người, loạn làm sao được?

Cao cao thấp thấp tùy theo thế, dài ngắn rộng hẹp biến theo hình. Trận chữ *nhân* thật thần vậy.

1. Đương, thụ, xả, xung: lúc chống giặc, lúc chịu giặc, lúc bỏ, lúc xông.

2. Khi thổ, khi nạp: Khi nhả ra, khi nuốt vào.

IV - Quân lễ

Phụ: Thường phạt.

Trị quân phải theo lễ, mà quyền bính ở mình. Trị quân mà đối với người trẻ người lớn đều có lễ, thì biết là người đủ làm được việc. Trị quân mà không theo lễ, thì tướng nhỏ có thể lấn được tướng sù, tướng sù có thể lấn được thiên tử, họa loạn do đó mà sinh ra. Quyền lớn không thể không ở mình được, nếu quyền dời xuống người dưới, trên dưới thế ngang nhau, trên không sai khiến được dưới, dưới không bấp báo lên trên, đó là quyền lớn không ở mình vậy. Thời Hậu Đường quân sĩ giết tiết độ sứ, rồi nhân lấy chức của người bị giết ấy mà trao cho. Gần đây như họ Trịnh mất quyền thống ngự, quân sĩ sinh kiêu¹, đến nổi loạn vong, thì cũng giống thế. Tuốt gươm đứng dậy, giết trâu khao quân để yên ủi khuyến miễn, thì sĩ khí phấn khởi lên nhiều. Nên trọng thưởng ở nơi biên cảnh. Khi quân Di Địch lấn cõi, bọn đại gian thì mưu can phạm đạo thường, bề tôi giỏi thì vâng mệnh đi đánh để giữ vương quốc, siêng việc vua mà lập công lớn. Binh pháp nói: công lao không việc nhỏ nào mà không chép để thưởng. Ở quân thì đi đứng cứng cáp; khi đi mau thì quả quyết; mặc binh phục thì không lạng; ngồi xe binh thì không chào; qua cửa thành không rảo bước; gặp việc nguy không nhường ai. Cho nên lễ với pháp là ngoài với trong, văn với võ là tả với hữu². Khi xe vua đến, tôi con nên giết trâu lọc rượu để đãi trăm quan, há dám đem quân giặc mà biếu cho vua cha đâu? Quân (đi thú) đi sau tướng lại³ mà đến sau chỗ đại tướng một ngày thì cha mẹ vợ con cùng bị tội hết⁴; quân trốn về nhà một ngày mà cha mẹ vợ con không bắt hay nói ra thì cũng đồng tội. Đánh trận mà quân sĩ bỏ trốn và tướng lại bỏ sĩ tốt mà chạy một mình thì đều chém. Lại trước bỏ quân mà thua chạy, sau lại hay chém được mà cướp nắm lấy quân thì thưởng. Ba quân đại chiến, nếu đại tướng chết mà quan lại đi theo 500 người trở lên không hay liệu chết với địch được thì

chém, những lính theo gần ở tả hữu đại tướng khi ra trận cũng đều chém hết; còn dư sĩ tốt nào có quân công thì đoạt một cấp, không có quân công thì đi thú ba năm. Đánh trận mà mất người trong ngũ và người trong ngũ chết mà không lấy được xác, thì các người đồng ngũ đều bị đoạt hết công, lấy được xác thì đều tha tội... Dùng phép mà ngăn cái tệ trốn về và cấm binh bỏ trốn, đó là điều thắng thứ nhất của quân. Thập và ngũ cùng liến nhau và khi chiến đấu quan binh cùng cứu nhau, đó là điều thắng thứ hai của quân. Tướng hay lập uy, quân giữ kỷ luật, hiệu lệnh thì tin, đánh giữ đều được, đó là điều thắng thứ ba của quân. Phép ra lệnh cấm quân sĩ⁵.

Phụ: Thường phạt.

Thái công nói: Tướng lấy việc giết được người lớn làm uy; thưởng cho người nhỏ thì sáng. Vì giết người quý trọng đương có quyền là hình gia lên trên hết, thưởng đến những kẻ chăn trâu, nuôi ngựa, nấu bếp là thưởng đến dưới cùng. Do đó mà uy tín của tướng có thể lập được.

Quân chưa gần gũi mà đã trừng phạt thì họ không phục, không phục thì khó dùng; quân đã gần gũi mà không thi hành trừng phạt thì không thể dùng được. Cho nên khi ra lệnh thì dùng văn, mà thi hành thì dùng võ thế mới gọi là tất lấy được. Lệnh đó quen thi hành, đem ra dạy dân thì dân hẵn phục, đem dùng với quân thì cũng theo.

-
1. Tức là loạn Kiêu binh đời Lê Cảnh Hưng ở nước ta.
 2. Đoạn này đã có chép ở trên chương “Tướng đạo”, dẫn lời Võ kinh.
 3. Tướng lại: Tướng là người cầm quân, chỉ huy, lại là người giữ việc giấy má sổ sách trong quân.
 4. Đoạn này chép ở Võ kinh, chương 24 “Bình lệnh hạ”. Võ kinh trực giải quốc ngữ ca dịch câu này là: “Đi thú giữ sau tướng viên, một ngày thì cũng tội liền vợ con”.
 5. Chương này chép ở Hồ trưởng khu cơ, ở đây bỏ, xin xem Hồ trưởng khu cơ ở sau.

VII – Tuyển người làm việc dưới tướng.

Sách Võ kinh: Thiên văn 2 người, giữ việc xem sao và xem lịch, xem gió, chọn ngày giờ, xét tai dị; địa lợi 2 người, tra xét hình thế lợi hại, xa gần, khó dễ; binh pháp 2 người, giảng bàn binh pháp, luyện tập quân sự; thư toán 4 người, biên ghi lương thực, quân số khí giới; y sĩ 2 người, điều trị cho quan và quân; du sĩ 5 người, phòng làm gián điệp tuần thám; tử trát 4 người, để thảo giấy tờ và viết chương tấu.

Sách Kinh thế: Sẵn quân mười vạn, nếu không có vài nghìn tử sĩ xông pha vào nơi hung hiểm thì không thể dùng kỳ¹ được. Hành quân đi nghìn dặm, nếu không có vài lữ gián điệp xuất quỷ nhập thần thì cũng không thể dùng kỳ được. Ta xem những nhà chuyên dùng kỳ, có người mưu sẵn đã thành mà lâm trận thì thua. Há chẳng phải là tử sĩ thì chỉ giúp tướng cao sang², gián điệp chỉ là do trường công bằng sao! Động bằng ơn, kết bằng nghĩa, còn sợ không được, huống chi tướng không có chuyên quyền, mà lương không có để dùng lúc bất thần; trong hội đầu cơ, chớp mắt không kịp, tuy muốn dùng kỳ, nhưng không biết tự đâu mà dùng được.

Nhà vua có chân tay tai mắt; đại tướng có lông cánh tán tương, cho nên quân đội dùng nhân tài, cũng ngang với triều đình. Có trí sĩ như tham mưu, hay tán hoạch, hay mưu lược, chủ dùng ở nơi màn trướng mà quyết định việc quân cơ, động có việc gì là hỏi; có dũng sĩ như kiêu tướng, hay kiện tướng, hay mãnh tướng, chủ việc quyết chiến để xung đột, dẫn quân tiến lên; có thân sĩ, như tướng riêng, như tướng cầm tay, như tướng nanh vuốt, chủ việc hộ vệ tả hữu, để mà tuyên lệnh và cầm nắm binh cơ; có thức sĩ, hiểu thế trận, biết biến hóa, xem khí tượng, nghiệm gió mưa, hiểu hết thế đất, rõ tình hình địch, xem xét những điều nhỏ nhặt, giữ việc tiến chỉ của cả quân; có văn sĩ biết suốt xưa nay, hiểu thấu nguồn gốc, giữ nghi tiết, rộng bàn bạc, thảo hịch viết sớ, sửa soạn từ chương; có thuật sĩ tính về thời nhật, xét lẽ âm dương, xem bói toán, giữ đi về, luyện môi thuốc độc, khiến việc quyền nghi nên chững, lợi mình hại giặc; có số sĩ, biết vận nước, đón cơ hội, nhằm đánh úp đặt phục, tính lương cỏ, chép vật dùng, ghi công trạng, giữ sổ quân, biên hết tài năng, tính số nhiều ít; có kỹ sĩ như kiếm khách, đâm tử sĩ, khinh trộm cắp, úp thuyết khách, xét gián điệp, khiến ra vào đồn địch, xem cơ mà đặt mưu; có nghệ sĩ, sáng chế đồ dùng, quy hoạch ngòi hồ, sửa đồ xấu hỏng, chế vật mới lạ, đảo lớn nhỏ, rút xa gần, đổi trên dưới, lật nặng nhẹ, theo phép cổ, soạn sách mới, trang bị binh vật, để chu

toán việc đánh giử. Ngoài ra còn có các tài khác, như kịch, như múa, như cười, như mắng, như hát, như nhảy, như vượt, như bay, như vẽ, như nấu nước uống, như nhuộm màu nhuộm bùn, như mượn đồ vật, như nhanh chân đi giỏi, tóm lại không sao kể hết tên đợc, nhưng đều là kỹ năng đủ dùng để làm việc và gỡ rối. Tất phải kén chọn tinh tế khiến mọi người đều giỏi việc mình phụ trách, để cho việc gì cũng có người chuyên, mà trong quân không có việc gì không làm đợc. Đến như hiến mưu định sách thì chẳng chọn người, thành linh mà gặp, tuy một người lính thường cũng cần nhắc lên, lời nói chỉ có tiến mà không cự tuyệt, dù chẳng hay cũng chẳng phạt, như thế thì người anh hùng đều về. Đó là hình tượng các ngôi sao trong vũ lâm vậy. Trời sinh ra người, khí trụ ở trong lòng thì trí tuệ, khí tan ra chân tay thì chất phác. Chất phác thì sức nhiều; trí tuệ thì yếu nhiều. Trí dũng đều gồm đợc thì đời ít có. Cho nên tài người nào có thể vượt một trăm người thì làm trưởng trăm người, vượt đợc một nghìn người thì làm trưởng nghìn người, vượt qua nghìn người thành một quân thì có thể đối phó cơ sự ở một mặt, có thể đảm đương sức chống ở một mặt, đủ làm trưởng cả quân. Quân có lúc có, thì tướng cần có thể dùng một mình, cho nên người khéo dùng tài thì những chức thiên tì³ cũng đều là đại tướng cả.

1. Dùng binh lẻ.

2. Tướng cao sang, có quyền lớn của nhiều để thưởng to nên người ta cam liều chết để lấy thưởng.

3. Thiên tì: Tức thiên tướng và tì tướng.

VIII – Đồ dùng của binh

Cuốc xẻng để làm đất; rìu búa dao cưa để làm gỗ; thợ vàng thợ sắt để làm đồ ngũ kim; trâu ngựa để chuyên chở; gà chó để xem ngày giờ; thợ may để chế quần áo; thuốc men để chữa bệnh; chông sắt để phòng đón đường; giày da để phòng chạy xông; lương khô để phòng lúc hết ăn.

Phàm voi thấy đồ hỏa khí và tiếng súng thì chạy, khi chạy thì người không thể giữ nổi, khó bề rèn tập cho quen; phải đào một cái hố to có thể cho voi đủ đứng đợc, bề sâu chừng 5 thước, đuổi voi xuống đó, rồi sau đem đồ hỏa khí để tập, lúc đó voi dầu có sợ hãi cũng không thể chạy đợc.

Phép nhử lấy ngựa của giặc.

Xưa Sử Tư-minh nhà Đường làm phản, có ngựa tốt nghìn con, hằng ngày cho ra bến sông để tắm, rồi cho đi quanh về để tỏ là có nhiều ngựa. Lý Quang-bật¹ sai tìm ngựa cái ở trong quân được 500 con, cho đem buộc ở trong thành, chờ khi ngựa giặc ra hết bến sông, ngựa cái cứ hí mãi lên, ngựa giặc lội qua sông chạy sang, bấy giờ đuổi vào trong thành hết thảy.

Phép nuôi ngựa.

Mỗi tháng cứ đến ngày dần đầu tiên, đem muối cho ngựa ăn thì ngựa không bệnh.

Hỏa tiễn (tên lửa).

Sách *Binh lược*: Tên lửa thế mạnh, quân địch sợ hơn cung nỏ. Người khéo chế có thể bắn xa được 6, 7 trăm bước. Mỗi một cái tên lửa phải giọt ước 3 vụn dầu mới thành. Trên đầu dùng thuốc súng Hồi-hồi² ước 2 phần 10. Vì tên lửa sức lớn mà chiếu buồm mỏng bắn qua không cháy lên được, như sợ nó thấu qua thì ở dưới chỗ miệng lửa cách một hai tấc, dùng mảnh tre gài chéo chữ thập để ngăn lại. ở chỗ tre và sắt tiếp nhau thì dùng dây gân buộc lại và sơn đi. Cái vè ở mũi tên cũng phải sơn cho nó chịu gió mưa và khí ẩm. Tên lửa ở phương Nam chế hay để tụ hàng mấy chục hay trăm cái vào một cái lòng, gọi là ổ tên, hay là lồng lửa. Chín cái gọi là lồng cửu long. Hạng nhỏ thì gọi là tên vọt, ngồi trên ngựa cũng có thể bắn được.

Hình 1. Hỏa tiễn

Chông sắt đánh bầy ngựa.

Đào một cái hố sâu rộng vuông vừa 4 thước, đem chông sắt đặt vào trong, trên gác cây nhỏ, rồi lấy cỏ và đất phủ bằng đi, tự nhiên như chỗ đất hoang, nếu giặc xông vào dinh ta thì người ngựa tất sập xuống hố mà bị thương. Quân phục vùng dậy mà bắt sống.

Hình 2. Hố sập ngựa

1. Lý Quang bật: Người đời Đường, làm tiết độ sứ đời Đường Túc tôn, bình loạn An Sử.

2. Thuốc súng Hồi-hồi: Tức là thuốc hỏa được dùng để bắn súng, vì đầu tiên do người Hồi-hồi, tức người A-rập đem vào Trung Quốc nên gọi là thuốc súng Hồi-hồi.

Súng.

Binh bộ chúng tôi kính cẩn tâu về việc bàn giảm nguyên lệ được dùng thuốc súng cho các hạng súng, kính đong thành tập dăng tâu, ngừa mong nhà vua soi xét. Nay đã vâng sắc: Lần này thí nghiệm súng Chấn uy đại tướng quân, lệ cũ dùng 10 cân, nay chỉ dùng 8 cân mà tiếng bắn ra vang dội, như vậy thuốc súng mới giã này mạnh hơn trước nhiều lắm. Vậy giao cho Binh thương đồng với bọn hộ vệ cảnh tất, bàn tính bớt cân lượng cho được thỏa đáng, và thông sức cho các địa phương, hết thầy tuân theo. Nay bộ thần đã vâng mệnh hội đồng với bọn loan giá, chiếu theo lệ cũ dùng thuốc cho các hạng súng, bàn bạc chước định. Trừ các hạng súng xung tiêu diễn bắn các đạn chấn địa lôi, liên châu, lan can, thì lâm thời chiếu theo xa, gần mà lượng dùng thuốc, không thể ấn định được, ngoài ra các thứ súng đồng, gang, sắt và các súng thần công, thần cơ, đều là bắn đạn chì, đạn gang, nay xin chiếu theo sức thuốc thêm bớt thế nào, hễ là thuốc cũ thử bắn chỉ 2 độ hay 3 độ thì xin y theo lệ cũ mà làm, còn súng nào dùng thuốc mới thì xin nên tính giảm 2 phần 10, cho độ số được thích nghi. Bọn chúng tôi đem tình tiết tính bàn giảm bớt thuốc súng và mỗi hạng súng dùng thuốc bao nhiêu, theo khoản liệt kê ra sau. Như được ơn chuẩn cho, xin cung chép cho địa phương tuân theo mà làm. Kính tâu:

Kê khai: Các hạng súng đồng, gang, sắt. (Như bắn ở trường bắn, lấy 1 tấc đường kính nòng súng và đạn bắn đến 100 trượng làm độ, quá thì sợ sai).

Súng 5 tấc 2 phân – (Đích bắn 520 trượng). Lệ cũ thuốc đạn, mỗi phát 20 cân, nay lệ mới mỗi phát 16 cân. Độ bắn hơn 600 trượng, nhảy thêm ngoài 100 trượng.

Súng 5 tấc 1 phân – (Đích bắn 510 trượng). Lệ cũ thuốc đạn 19 cân 8 lượng, nay lệ mới 15 cân 9 lượng 6 tiền. Độ bắn hơn 580 trượng, nhảy thêm 100 trượng.

Súng 5 tấc – (Đích bắn 500 trượng). Lệ cũ 19 cân. Lệ mới 15 cân 3 lượng 2 tiền. Độ bắn 560 trượng, nhảy thêm 90 trượng.

Súng 4 tấc 9 phân – (Đích bắn 490 trượng). Lệ cũ 18 cân 8 lượng, lệ mới 14 cân 12 lượng 8 phân. Độ bắn 540 trượng, nhảy 80 trượng.

Súng 4 tấc 8 phân – (Đích bắn 480 trượng). Lệ cũ 18 cân, lệ mới 14 cân 6 lượng 4 tiền. Độ bắn 520 trượng, nhảy 70 trượng.

Súng 4 tấc 7 phân – (Đích bắn 470 trượng). Lệ cũ 17 cân 8 lạng, lệ mới 14 cân. Độ bắn hơn 500 trượng, nhảy 60 trượng.

Súng 4 tấc 6 phân – (Đích bắn 460 trượng). Cũ 17 cân, mới 13 cân 9 lạng 6 tiền. Độ bắn hơn 490 trượng, nhảy thêm 50 trượng.

Súng 4 tấc 5 phân – (Đích bắn 450 trượng). Cũ 16 cân 8 lạng, mới 13 cân 3 lạng 2 tiền. Độ bắn hơn 480 trượng, nhảy 40 trượng.

Súng 4 tấc 4 phân – (Đích bắn 440 trượng). Cũ 16 cân, mới 12 cân 12 lạng 8 tiền. Độ bắn hơn 470 trượng, nhảy 35 trượng.

Súng 4 tấc 3 phân – (Đích bắn 430 trượng). Cũ 15 cân 8 lạng, mới 12 cân 6 lạng 4 tiền. Độ bắn 460 trượng, nhảy 30 trượng.

Súng 4 tấc 2 phân – (Đích bắn 420 trượng). Cũ 15 cân, mới 12 cân. Độ bắn 450 trượng, nhảy 25 trượng.

Súng 4 tấc 1 phân – (Đích bắn 410 trượng). Cũ 14 cân, mới 11 cân 3 lạng 2 tiền. Độ bắn hơn 440 trượng, nhảy 20 trượng.

Súng 4 tấc – (Đích bắn 400 trượng). Cũ 13 cân, mới 10 cân 6 lạng 4 tiền. Độ bắn hơn 435 trượng, nhảy 15 trượng.

Súng 3 tấc 9 phân – (Đích bắn 390 trượng). Cũ 12 cân, mới 9 cân 9 lạng 6 tiền. Độ bắn hơn 430 trượng, nhảy 10 trượng.

Súng 3 tấc 8 phân – (Đích bắn 380 trượng). Cũ 11 cân, mới 8 cân 12 lạng 8 tiền. Độ bắn hơn 425 trượng, nhảy trên dưới 10 trượng.

Súng 3 tấc 7 phân – (Đích bắn 370 trượng). Cũ 10 cân, mới 8 cân. Độ bắn hơn 420 trượng, nhảy trên dưới 9 trượng.

Súng 3 tấc 6 phân – (Đích bắn 360 trượng). Cũ 9 cân, mới 7 cân 3 lạng 2 tiền. Độ bắn hơn 415 trượng, nhảy trên dưới 7,8 trượng.

Súng 3 tấc 5 phân – (Đích bắn 350 trượng). Cũ 8 cân, mới 6 cân 6 lạng 4 tiền. Độ bắn hơn 410 trượng, nhảy trên dưới 6,7 trượng.

Súng 3 tấc 4 phân – (Đích bắn 340 trượng). Cũ 7 cân 8 lạng, mới 6 cân. Độ bắn hơn 408,9 trượng, nhảy trên dưới 5,6 trượng.

Súng 3 tấc 3 phân – (Đích bắn 330 trượng). Cũ 7 cân, mới 5 cân 9 lạng 6. Độ bắn hơn 407,8 trượng, nhảy trên dưới 5,6 trượng.

Súng 3 tấc 2 phân – (Đích bắn 320 trượng). Cũ 6 cân 8 lạng, mới 5 cân 3 lạng 5 tiền. Độ bắn hơn 406,7 trượng, nhảy trên dưới 5,6 trượng.

Súng 3 tấc 1 phân – (Đích bắn 310 trượng). Cũ 6 cân, mới 4 cân 12 lạng 8 tiền. Độ bắn 405,6 trượng, nhảy trên dưới 5,6 trượng.

Súng 3 tấc – (Đích bắn 300 trượng). Cũ 5 cân 8 lạng, mới 4 cân 6 lạng 4 tiền. Độ bắn 404,5 trượng, nhảy trên dưới 4,5 trượng.

Súng 2 tấc 9 phân – (Đích bắn 290 trượng). Cũ 5 cân, mới 4 cân. Độ bắn hơn 403,4 trượng, nhảy trên dưới 4,5 trượng.

Súng 2 tấc 8 phân – (Đích bắn 280 trượng). Cũ 4 cân 8 lạng, mới 3 cân 9 lạng 6 tiền. Độ bắn hơn 402,3 trượng, nhảy trên dưới 4,5 trượng.

Súng 2 tấc 7 phân – (Đích bắn 270 trượng). Cũ 4 cân, mới 2 cân 3 lạng 2 tiền. Độ bắn 400 trượng, nhảy trên dưới 3,4 trượng.

Súng 2 tấc 6 phân – (Đích bắn 260 trượng). Cũ 3 cân 8 lạng, mới 2 cân 12 lạng 8 tiền. Độ bắn trên dưới 390 trượng, nhảy trên dưới 3,4 trượng.

Súng 2 tấc 5 phân – (Đích bắn 250 trượng). Cũ 3 cân, mới 2 cân 6 lạng 4 tiền. Độ bắn trên dưới 380 trượng, nhảy 3,4 trượng.

Súng 2 tấc 4 phân – (Đích bắn 240 trượng). Cũ 2 cân 12 lạng, mới 2 cân 3 lạng 2 tiền. Độ bắn trên dưới 370 trượng, nhảy 3,4 trượng trở xuống.

Súng 2 tấc 3 phân – (Đích bắn 230 trượng). Cũ 2 cân 8 lạng, mới 2 cân. Độ bắn trên dưới 360 trượng.

Súng 2 tấc 2 phân – (Đích bắn 220 trượng). Cũ 2 cân 4 lạng, mới 1 cân 12 lạng 8 tiền. Độ bắn trên dưới 350 trượng.

Súng 2 tấc 1 phân – (Đích bắn 210 trượng). Cũ 2 cân, mới 1 cân 9 lạng 6 tiền. Độ bắn trên dưới 340 trượng.

Súng 2 tấc – (Đích bắn 200 trượng). Cũ 1 cân 12 lạng, mới 1 cân 6 lạng 4 tiền. Độ bắn trên dưới 330 trượng.

Súng 1 tấc 9 phân – (Đích bắn 190 trượng). Cũ 1 cân 8 lạng, mới 1 cân 3 lạng 2 tiền. Độ bắn trên dưới 320 trượng.

Súng 1 tấc 8 phân – (Đích bắn 180 trượng). Cũ 1 cân 4 lạng, mới 1 cân. Độ bắn trên dưới 310 trượng.

Súng 1 tấc 7 phân – (Đích bắn 170 trượng). Cũ 1 cân, mới 12 lạng 8 tiền. Độ bắn hơn 300 trượng.

Súng 1 tấc 6 phân – (Đích bắn 160 trượng). Cũ 14 lạng, mới 11 lạng 2 tiền. Độ bắn trên dưới 280 trượng.

Súng 1 tấc 5 phân – (Đích bắn 150 trượng). Cũ 10 lạng, mới 9 lạng 6 tiền. Độ bắn trên dưới 260 trượng.

Súng 1 tấc 4 phân – (Đích bắn 140 trượng). Cũ 10 lạng, mới 8 lạng. Độ bắn trên dưới 240 trượng.

Súng 1 tấc 3 phân – (Đích bắn 130 trượng). Cũ 8 lạng, mới 6 lạng 8 tiền. Độ bắn trên dưới 220 trượng.

Súng 1 tấc 2 phân – (Đích bắn 120 trượng). Cũ 6 lạng, mới 4 lạng 8 tiền. Độ bắn trên dưới 200 trượng.

Súng 1 tấc 1 phân – (Đích bắn 110 trượng). Cũ 4 lạng, mới 3 lạng 2 tiền. Độ bắn trên dưới 180 trượng.

Súng 1 tấc – (Đích bắn 100 trượng). Cũ 3 lạng, mới 2 lạng 4 tiền. Độ bắn trên dưới 160 trượng.

Súng 9 phân – (Đích bắn 90 trượng). Cũ 2 lạng 5 tiền, mới 2 lạng. Độ bắn trên dưới 140 trượng.

Súng 8 phân – (Đích bắn 80 trượng). Cũ 2 lạng, mới 1 lạng 4 tiền. Độ bắn trên dưới 120 trượng.

Súng 7 phân – (Đích bắn 70 trượng). Cũ 1 lạng 5 tiền, mới 1 lạng 2 tiền. Độ bắn trên dưới 100 trượng.

Súng 6 phân – (Đích bắn 60 trượng). Cũ 1 lạng, mới 8 tiền. Độ bắn trên dưới 80 trượng.

Súng 5 phân – (Đích bắn 50 trượng). Cũ 8 tiền, mới 6 tiền 4 phân. Độ bắn trên dưới 70 trượng.

Súng 4 phân – (Đích bắn 40 trượng). Cũ 5 tiền, mới 4 tiền. Độ bắn trên dưới 60 trượng.

Súng 3 phân – (Đích bắn 30 trượng). Cũ 1 tiền 8 phân, mới 1 tiền 6 phân. Độ bắn trên dưới 50 trượng.

Súng Thần công – Cũ 1 lạng, mới 8 tiền. Độ bắn hơn 80 trượng hay hơn 60 trượng.

Súng Thần cơ – Cũ 6 tiền, mới 4 tiền 8 phân. Độ bắn hơn 50 trượng hay hơn 45 trượng.

Bài ca tập hỏa pháo¹

Quân tựu trường tập,

Nghe ba hồi kiếng.

Chính phụ bày hàng,
Treo cửa châu mai.
Cắm cờ, mang bầu thuốc lại.
Tháo máy móc hậu, kéo súng vô.
Chắn hậu, đặt đòn ngáng lấy nút.
Chờ giờ vung ngòi, nút gió.
Giơ tay chắn lỗ ngòi, gõ ba cái,
Giở nắp bầu thuốc, vào thuốc,
Ấn thuốc, nạp thuốc một lần.
Lấy đạn, nạp đạn ba lần.
Đậy vung ngòi về nạp.
Cất đòn ngáng, tháo máy móc hậu, kéo súng ra.
Hai dây quàng đốc.
Hai đòn cầm xe.
Giở vung ngòi, lay ngòi thăm thuốc.
Lấy bầu, giở nắp bầu, đổ thuốc ngòi.
Đậy nắp bầu, cạ thuốc.
Rút bầu, bỏ sau lưng.
Đậy vung ngòi, nhắm làn,
Hoặc thiên tả, hoặc thiên hữu,
Hoặc lấy cao lấy thấp, hoặc lấy làn ngay.
Lấy có, thổi hỏa mai.
Cất đòn xe, tháo dây.
Giữ quàng đốc.
Giở vung ngòi, châm.
Diễn hải pháo, hai người.
Kiếng hồi, quân tự trường tập.
Chính phụ bày hàng,
Treo cửa châu mai.
Tháo máy móc hậu, kéo súng vô.
Chánh phụ đều chực mà chắn hậu.
Chánh đặt đòn ngáng lại, chắn lỗ ngòi,
Phụ lấy nút lên, mà chực nút gió.

Chánh phụ đều về.
Chánh lấy thuốc lên, xé bao vào thuốc.
Phụ cầm nấp mà ướm một chày.
Chánh ra lấy đạn, vào đạn rồi,
Lại chặn lỗ ngòi.
Phụ nấp đạn ba chày.
Chánh đập vung ngòi, ra đòn ngáng.
Phụ về nấp, tháo hậu móc máy.
Chánh phụ đều kéo súng ra,
Hai dây máy bỏ đường xà.
Chánh phụ đều về.
Chánh lấy bầu ngòi mà vào.
Phụ lấy lồng đèn mà vô.
Chánh giở vung, lay ngòi, thăm thuốc.
Lấy bầu, giở nấp bầu, dỡ thuốc ngòi.
Đập vung lên. Chánh phụ đều về.
Chánh treo bầu ngòi.
Phụ treo lồng đèn.
Chánh lấy cò vào mà chực.
Nhắm làn cao thấp.
Phụ thì giở vung ngòi ra.
Chánh kêu: “Tổng, bắt, cậy”, truyền chặn bắn.

1. Bài ca này và hai bài sau đều chép bằng chữ Nôm.

Thao diễn bắn súng quá sơn.

Phép truyền tập bắn quá sơn.
Hỏa liên cũng một phép nay rõ ràng.
Tua noi¹ hiệu lệnh cho hòa.
Lập tức nghe ba hồi trống đã vang.
Súng đặt có hàng, binh đóng chinh nghiêm.
Thứ nhất tiếng kiếng dống lên,
Thảy trong hàng ngũ đều yên xứ ngòi.
Thứ hai lại một tiếng bồi,

Lấy nút nút gió, chặn ngòi lại thắm
Trước vào thuốc nạp một lần,
Sau vào đạn nạp là xong ba chày.
Tiếng thứ ba lay ngòi dỡ thuốc,
Rồi lấy vung đập lên.
Tiếng thứ tư cầm cò thối lửa,
Vung liền giở ra.
Thứ năm hai tiếng liền hòa bắn đi.

Thế lệ định phân số hộ phương thuốc súng.

Trong 100 cân cần dùng diêm tiêu 75 cân 10 lượng, lưu hoàng 11 cân 4 lượng, than 13 cân 2 lượng. Giã chày nước 5 ngày đêm, thành thuốc 94 cân 11 lượng, trừ ngoài phi hao mất 5 cân 5 lượng. Giã bộ 6 ngày, thành thuốc 94 cân 8 lượng, trừ phi hao 5 cân 8 lượng. Thí nghiệm cho đúng thức hạng lớn 3 độ; hạng vừa 4 độ; hạng nhỏ 5 độ. Năm Tự Đức thứ 12 Bình bộ tâu xin 3 độ phải được 5 độ, 4 độ phải được 6 độ, 5 độ phải được 7 độ. Giã bộ 6 ngày, đổi làm 7 ngày. Kính vâng đã được chuẩn cho tại án.

Lại tra xét đến cách chế tạo ống phun lửa. Một ống cần dùng diêm tiêu 9 lượng 3 tiền 3 phân 4 ly, lưu hoàng 2 lượng 6 tiền 6 phân 6 ly. Than 1 lượng. Đến như thuốc đạn và phi hao thì không có định lệ. Mỗi một ống cần dùng 3 tờ giấy định, 5 sợi mây, 1 tờ giấy đại chia làm sáu ống, để trang thuốc ngòi, 1 tờ giấy trung làm ngòi, chia làm hai ống để bọc thuốc ngòi, giấy bản nhỏ 4 tờ để bọc ngoài ống, gạo trắng một bát để nấu hồ, phất giấy bọc 130 ống. Mỗi một ống đạn 5 lượng 9 phân, thuốc bắn 1 lượng 3 tiền 7 phân, thuốc phun 6 lượng 5 tiền 4 phân.

Thuốc ngòi: Diêm tiêu 1 lượng 2 tiền 5 phân, lưu hoàng 3 tiền 5 phân, than 3 phân.

1. **Tua noi: Tiếng xưa nghĩa là nên theo.**

IX – Hiệu lệnh

Nghiêm. Hiệu lệnh mỗi khi phát ra, ba quân run sợ. Nghe trống thì tiến lên; nghe chiêng thì dừng lại; nghe súng thì đứng dậy; nghe kiểng thì đi

ăn; nghe thanh la thì hăng lên; vẩy cờ thì chạy; mưa không tránh vào nhà; nóng không cởi áo giáp; nhọc không được bỏ khí giới; thấy khó không lùi; gặp lợi không lấy; hãm thành không giết càn; có công không được khoe khoang; đi nhanh không nghe tiếng; địch xung mà không động; địch chấn mà không kinh; bị úp mà không chạy; bị cắt mà không chia. Thế mới là nghiêm.

Tài miệng lưỡi. Thánh hiền lấy không có tài miệng lưỡi mà miễn lỗi. *Binh pháp* lại lấy tài miệng lưỡi làm có công. Cho nên người giỏi dùng binh lừa dối cũng làm, phải trái dùng tài, có khi phạm đến việc trời, có khi phạm đến tục cấm, có khi giả làm quỷ thần, có khi thác làm mộng寐, có khi đưa vật kì quái, có khi đặt lời sấm dao¹, cử động mỗi khi mỗi khác, tiếng nói tùy lúc trái nhau, cổ lệ lòng quân, đập tan khí giặc, khiến người không thể lường được; khi thì cấm làm càn, rồi lại dùng làm càn, bởi vì lời nói càn dối, về việc chính đáng thì không đủ cậy, mà về sự giả thác thì lại có thừa.

Con gái. Đại tướng đời xưa, đôi khi có nhờ con gái. Gái dùng về văn để cho giặc vui thích chơi đùa; gái dùng về võ để tiến đánh, ruổi xe, giải nguy, gỡ nạn, dùng cơ ứng biến, đều có lợi cả.

Văn. Võ cố nhiên chỉ bàn về dũng. Nhưng từ văn từ hịch, có khi nhân một lời mà nước phục quân hàng. Sĩ tốt có hơi biết chữ thì cưỡi ngựa ngâm thơ, đi đường hát lái. Điều lệ cấm lệnh, khi rồi thì khiến học tập cho quen, hiểu rõ được nghĩa, làm nhà binh quân tử sư nho² thì cũng không hại gì.

1. Lời ca dao đồng dao có điềm tốt xấu về tương lai.

2. Nghĩa là người quân nhân mà biết chữ thông văn thì cũng không hại gì.

Người ta do lòng mà định lời nói, định lời nói để phát ra lệnh. Cho nên cần phải cố vũ lòng hùng dũng, nói ra lời cứng rắn, mài sắc lòng sắt đá, nghiêm giữ khí phong sương, phát ra hiệu lệnh, nêu rõ phép quân.

Trước 3 ngày treo lệnh ở cửa quân (Treo mệnh lệnh trước 3 ngày rồi mới thi hành, để cho mọi người đều biết), sai quân chính đánh mảnh gỗ đi tuyên bố ở trong sáu quân. Ai phạm lệnh thì sai quân chính theo lệnh tập họp quân nhân, rồi sau mới hành hình, khiến cho sáu quân đều biết cả.

Đại tướng đã chịu mệnh, nắm giữ quyền đánh dẹp, khao quân ở đồng nội, rồi mới xuống lệnh. Ai không theo lệnh thì giết. Phàm nghe trống mà không tiến, nghe chiêng mà không dừng, cờ cất mà không đứng dậy, cờ hạ mà không phục xuống, thế gọi là quân trái; như thế thì chém.

Gọi tên không thưa, vờ mà không đến, đi về trái hẹn, hành động trái luật, thế gọi là quân lờn; như thế thì chém.

Đêm giữ đánh kiếng, lười mà không đánh, giờ canh không đúng, khẩu hiệu không rõ, thế gọi là quân lười, như thế thì chém.

Nói nhiều lời oán, giận không được thưởng, chủ tướng sai khiến thì ương bướng khó trị, thế gọi là quân ngang, như thế thì chém.

Oang oang cười nói như không có người, trên ngăn cấm không thôi, thế gọi là quân kiêu, phải chém.

Giữ đồ khí giới, dây cung thì đứt, tên không có vè có mũi, gươm giáo han rỉ, cờ xí rách nát, thế gọi là quân dối, phải chém.

Nói vu nói dối, bày chuyện quỷ thần, giả thác mộng寐, lừa dối quan quân, thế gọi là quân yêu, phải chém.

Hễ đến nơi nào là lấn áp cư dân, thông dâm phụ nữ, thế gọi là quân gian, phải chém.

Nhanh mồm lém lưởi, tranh cãi phải trái, gây oán với quan quân, lệnh xuống không chịu theo, thế gọi là quân báng, phải chém.

Lấy trộm của người để làm của mình, cướp thủ cấp của người để làm công mình, thế gọi là quân trộm, phải chém.

Hoặc nghe bàn mưu kế và hiệu lệnh, đem nói ra ngoài, để địch nghe biết, thế gọi là quân bội, phải chém.

Khi sai làm việc, ngậm miệng không thưa, gục đầu cúi mình, nét mặt khó khăn, thế gọi là quân nhát, phải chém.

Ra vượt hàng ngũ, tranh trước rồi sau, bàn nói om sòm, không theo lệnh cấm, thế gọi là quân rối, phải chém.

Thác đầu ốm để trốn khó nhọc, thế gọi là quân trá, phải chém.

Cầm giữ tiền thưởng, trong khi ban thưởng thì thiên vị người thân, khiến cho quan quân kết oán, thế gọi là quân sai, phải chém.

Xem giặc không rõ, thám giặc không tường, đông mà nói không đông, không đông mà nói đông, nhiều mà nói ít, ít mà nói nhiều, thế gọi là quân lừa,

phải chém.

Trong khoảng dinh trại, không có việc khao thưởng mà vô cớ uống rượu, thế gọi là quân cuồng, phải chém.

Lệnh này đã lập, quan quân có ai phạm, theo quân pháp mà chém ngay.

Không dè dặt lời nói thì mưu phải tiết lộ; không có lệnh nghiêm thì việc hãn rối; không ban thưởng thì quân sĩ hãn lười; hàng ngũ rối loạn do ở ám muội, phải xem xét rõ ràng để chữa đi; đêm hôm sợ hãi, cần phải nghiêm túc mà ngăn ngừa.

Quân địch vào sâu đất ta, thành quách không bền, lương cỏ thiếu thốn, giữ thì không lợi, ở ta cần hẹn cho giặc là phải đánh. Kẻ nào nhát lười thì bảo cho là tất chết, kẻ nào đánh bắt được giặc thì bảo cho là tất thưởng. Trong lúc đem quân ra trận, kẻ nào quay lại sau thì chém. Đánh địch mà mình không định, mắt thường lấm lét, thì phải chém. Có sắc lo buồn mà xoắn xoe, nhìn nhau mà chập chùng mắt, bỏ chiêng trống mà không đánh, đều phải chém cả. Được một thủ cấp thì cũng hậu thưởng. Như thế thì có thể dùng thế tán địa¹ mà đánh.

Đại tướng dùng lễ để thi hành thưởng phạt thì quân sĩ không oán và người ta đều có lòng sợ.

Các điều quân lệnh, phải nghiêm ở trước khi xuất quân, khiến cho tai mắt thãm nhuần, tránh không dám phạm.

- Giả làm vẻ đau ốm mà trốn đi đánh và đi nửa đường mà trốn đánh thì chém.

- Cướp bóc tài vật của dân và hiếp dâm phụ nữ thì chém.

- Đào trộm mồ mả để lấy của cải thì chém.

- Nói chuyện riêng với địch để tiết lộ quân cơ thì chém.

- Tự tiện vào nhà dân ngủ trọ, lìa bỏ hàng ngũ, để mất trật tự thì chém.

- Đêm hôm vô cớ mà tiếng to ầm ĩ, làm kinh động quân, thì chém.

- Đêm hôm phát cháy, vì không cẩn thận mà cháy thì chém.

- Canh giữ và đi tuần sơ hở, kẻ địch thừa dịp hoạt động, thì chém.

- Tự tiện giết tướng tốt đầu hàng thì chém.

- Tướng tốt đầu hàng thì cha con, vợ chồng không được khiến họ chia lìa, làm trái thì chém.

- Đánh nhau vì tư thù mà đến chết thì chém, người cai quản cũng bị phạt.

- Làm hại tài vật của dân gian và trêu cợt vợ con của dân thì phạt trọng nặng.
- Chửi nhau riêng làm mất quân lễ thì phạt trọng.
- Trên dưới tranh giành nhau làm mất trật tự thì phạt trọng.
- Nhận riêng cơm rượu của người khác, để đến nỗi ăn làm phải thuốc độc của địch, người cai quản bị tội nặng.
- Riêng cùng bọn phù thủy cùng người xem số, xem bói làm phiến động bằng việc họa phúc để cho quân tình ngờ vực, thì phạt trọng.
- Say rượu nói xằng làm mất trật tự, sau khi tỉnh thì phạt trọng.
- Phá vỡ nhà cửa của dân và chặt cắt hoa quả, thì phạt trọng.

1. Thế tán địa là địa thế của quân đánh giặc ở trên đất của mình.

Phát khẩu hiệu.

Buổi chiều, các viên cai án ở trong quân đều hầu quan tham tán, biên lãnh khẩu hiệu, mỗi canh đổi một khẩu hiệu, mỗi khẩu hiệu hai chữ, hỏi một chữ, đáp một chữ, thí dụ hỏi chữ “vũ” thì đáp chữ “cường”, hỏi chữ “dũng” thì đáp chữ “yên”.

Sách Kinh thế: Quân đi không có phép chung, thì phần chia không thể hợp được, phần xa không thể ứng được, chỗ này chỗ kia làm sao hiểu được nhau, đó là đường thất bại vậy. Nhưng chung mà không kín, lại bị mưu địch thì hỏng. Cho nên không những phải dùng cờ vàng, ngựa chạy, lệnh tiễn, lửa đốt, khói bốc để báo tin cần kíp, mà hai quân gặp nhau nên kết ám hiệu, đi xa nghìn dặm nên dùng thư trắng viết không thành chữ, làm văn vô hình, làm thẻ không giấy để cho người đem đi không biết, người bắt được cũng không thấy gì, thực là thần vậy. Nhưng nếu cách địch khó đi, xa mà không tới được, thì lại xem cơ mà làm.

Sách Võ kinh:

Võ vương hỏi: Ví như đem quân ta chia ra làm mấy nơi, muốn cho đúng hẹn về họp thì làm thế nào?

Thái công nói: Phạm phép dùng binh, ba quân đông đúc tất phải biến, khi phân khi hợp, đại tướng nên định trước nơi chiến và ngày chiến, rồi sau truyền gửi hịch thư cho các tướng lại, hẹn kỳ đánh thành vây ấp, đều họp ở một nơi để bảo rõ ngày đánh và từng giờ từng khắc. Đại tướng đặt dinh bày trận, dựng cây

đo bóng ở trước trại quân, dẹp đường mà đợi. Các tướng lại tới đó, so xem ai trước ai sau, người đến trước hẹn thì thưởng, người đến sau hẹn thì chém. Như thế thì xa gần chạy họp, ba quân đều đến góp sức góp sức hợp đánh.

Vương hỏi: Ông giở sách Cấm thư¹ xem ngũ âm thắng bại thế nào? – Thưa rằng: Phàm phép dùng binh, hiệu lệnh là tai mắt, dùng binh mà không rõ hiệu lệnh, như người mù đi đêm. Tôi xét trong kinh nói việc dùng binh, chuyên lấy hiệu lệnh làm gốc².

-
1. Cấm thư: tức là binh thư, xưa là sách cấm.
 2. Xem **Võ kinh trực giải, phần “Lục thao”**.

QUYÊN II

I - Hành quân

Trộm nghe luật quân rất nghiêm, nhà binh cần phải giữ vững. Cho nên nói “Tội lớn thì giết, tội nhỏ thì răn”, vì muốn khiến lòng quân sợ tướng hơn là sợ địch. Một khi quân lệnh đã ra thì nghiêm như sương mùa thu, chẳng ai dám phạm. Do đó nên ngày xuất quân phải vời hết những người quản suất đến để bảo cho những hiệu lệnh ước thúc, cho sao chép lại để khiến mọi người đều biết. Có bao nhiêu điều kể rõ ở sau:

- Phàm quân đi phải dùng người hướng đạo, vẽ đồ, vẽ các sông núi, nơi hiểm nơi dễ, thế thì như trông thấy giặc ở trước mắt. Trước hết kén những người am tường đường sá làm đội du binh (hoặc 2, 3, 4, 50 người, có ngựa thì càng hay). Trong đội phái ra mỗi đạo 9 người, chia làm ba thứ, mỗi thứ 3 người (các ngã đường cũng vậy, đây là theo phép bát quái thám kị), mỗi thứ cách nhau ước một tầm trông, sai người nhìn xem, hoặc lên cao mà trông, hoặc leo cây mà trông, thấy rõ quân địch nhiều hay ít, hoặc dừng, hoặc đi, kíp xuống, chuyển về trình báo. Nếu thám báo không thực thì cứ luật nghiêm trị; thám báo được đúng thì ghi tên khen thưởng.

- Mỗi một chi binh chia làm 3 toán, trung, tiền, tả, hữu, hậu đều thế (hoặc 1 đội làm một toán, 2 đội làm một toán), có chánh toán, có phó toán, khiến nương tựa lẫn nhau.

- Định đến ngày nào ra quân thì truyền trước cho quản suất đều biết, để chuẩn bị lương thực, súng đạn, chông sắt cùng các hạng đồ sắt, mọi thứ đầy đủ (chông sắt để đặt ở đồn mà tự vệ, các hạng đồ sắt dùng để dẫn cây lấy gỗ làm đồn).

- Đến ngày, trước hết đánh ba hồi trống lớn, các quân họp cả. Phái người (hoặc thân hành thì hơn) kiểm điểm số quân, khí giới và chông sắt đồ sắt các thứ cho đủ. Đến giờ lành, trước lấy tù và thổi ba hồi thì quân cầm khí giới; 1 tiếng chiêng thì quân đều bày hàng ngũ. Trống lớn tiên nghiêm đánh 3 tiếng (tiếng thứ nhất thì lắng nghe, tiếng thứ hai thì động tay, tiếng thứ ba thì đứng

dậy), 3 tiếng la đồng thì mở cờ (đến tiếng thứ ba quân đều dựng cờ). Trống lớn 2 tiếng đánh cặp nhíp, quân đều cầm khí giới. Trống lớn 3 tiếng thì đi. Như đi thong thả thì trống lớn đánh 3 tiếng mmotj mà thưa, đi kíp thì đánh mau. Như sắp đến nơi dừng nghỉ thì trống đánh 3 tiếng rất gấp. Đã đến nơi đỗ thì trống điểm 2 tiếng gấp, quân đi trước dừng lại. Trống đánh mau 6 tiếng thì quân đi sau đến hết. Lại đánh 3 tiếng trống gấp thì quân đều hạ khí giới, 3 tiếng là đồng thì gác khí giới, quân đều nghỉ ngơi. (Quân tuy nghỉ ngơi mà khí giới tùy thân, ngồi đâu thì ngồi đấy, không được om sòm to tiếng và bỏ hàng vượt thứ. Trước hết du binh thay đổi nhau dò xét cẩn thận và lên cao trông xa bốn phía).

- Phàm quân đi, trừ quân tiền du dò đường, còn phải y theo thứ tự tiền, tả, trung, hữu, hậu mà mỗi toán cách nhau ước khoảng một tầm tên, không được quá xa, cũng không được quá gần. Lính nấu bếp đều phải theo sau toán quân của mình, để chiếu cố nhau. Quân đi hàng đôi mà tiến, gươm súng xen nhau, dài ngắn cùng tiếp. Không được nói cười huyên náo và bỏ hàng mất thứ tự, ai trái thì theo quân luật trị tội.

- Phàm quân đi, đã có du binh để thăm dò, thấy giặc thì về báo, hoặc gấp quá không kịp về thì bắn súng hay đánh một hồi thanh la để chuyển báo. Ở trung quân đại tướng tức thì cho đánh một hồi thanh la, truyền hiệu cho các toán biết có gặp giặc, mọi người đều chỉnh bị súng ống nạp thuốc đạn để chờ đợi. Tùy theo số giặc nhiều hay ít, giặc nhiều thì sai ba toán trước tiến lên bày trận đối địch, ít thì sai một toán trước đối địch, hai toán làm tiếp ứng. (Phép dùng cờ ngũ phương sai đi, tiền quân thì cờ đỏ, tả quân cờ xanh, hữu quân cờ trắng, trung quân cờ vàng, hậu quân cờ đen. Lệnh tiền sai các tiểu chi cũng chiếu theo năm sắc năm phương làm chuẩn, không được trái lệ). Lại sai hai toán binh tả hữu, một toán tả một toán hữu tìm đường tắt phải tiến đánh, như thế hai sừng trâu, gọi tên là trận Huyền vũ; sai một toán tả một toán hữu tìm thế ẩn để phục binh. Chánh toán tả, chánh toán hữu đều theo địa phận làm tả hữu ứng cứu. Lại sai hai chánh toán hậu với hai phó toán hậu làm hậu phục. Chánh toán hậu thì chỉnh binh để phòng sau, phòng quân địch đánh tập hậu. Như tiền binh đắc thắng thì không nên đuổi xa, hậu binh và tả hữu binh cũng vậy, vì vậy binh quý ở vạn toàn. Đắc thắng thì cấm các hạng quân nhân không được tham lấy tài vật của địch, sợ bị địch nhử mồi. Quân địch đã trốn xa, thì đánh 2 tiếng trống lớn hẹn binh, 3 hồi chỉnh binh thành hàng. Đánh 1 tiếng la đồng thì quân

đều chỉ súng và khí giới về trước, quay mặt về đằng sau. Đánh 3 tiếng trống thông thả thì thu quân về nơi cũ. Quân đã thắng trận càng nên cẩn thận hơn khi chưa thắng trận, vì sợ quân thắng thì sinh kiêu, điều đó nhà binh rất kỵ.

- Phàm quân đi, đến nơi nào có sông ngòi nhỏ thì phải du binh, hoặc chặt tre làm cầu, làm bè, hoặc quăng dây thừng sang trước, đi một dặm để thăm dò, về báo không có giặc, rồi sau phải binh, một phần nghiêm binh phòng giữ, một phần dẫn tre chém cây làm cầu làm bè, giăng dây để sang, đừng nên nóng vội. Như gặp sông lớn thì sức trước cho thuyền ghe chờ đợi, phải du binh sang trước, đi xa 1, 2 dặm, thăm dò xem có giặc hay không. Như có giặc thì đừng sang sông, sợ giặc nhân ta sang nửa chừng mà đánh. Như thấy nước nông và trên thượng lưu có ngăn nước thì cũng đừng sang, sợ địch phá nước ngăn, như kế Hàn Tín đánh úp Long Thu¹. Nếu báo quả không có giặc, thì phải cho ba toán tiền chi sang trước, cách chừng một tầm trông, bày binh sắp hàng để phòng ngự không ngờ, rồi sau mới theo thứ tự tả, tiền, trung, hữu, hậu mà sang. Đường sau cũng phải du binh thám xét, sợ quân giặc nhân ta sang nửa chừng mà đánh úp hậu binh ta, không thể không cẩn thận được. Khi đã sang xong thì mới vờ du binh mặt sau sang theo sau. Binh xuống thuyền sang sông, thì y theo đơn vị, giữ súng và khí giới, hoặc gặp sóng gió cũng không kinh động, thế thì không có sự lo bất ngờ.

- Phàm quân đi, gần đến giới phận rừng núi thì trước phải du binh và người địa phương lên vào rừng rậm, hoặc lên cao, hoặc trèo cây, hoặc tìm hang sâu bụi rậm, xem có quân giặc hay không, rồi về báo. Nếu có giặc thì ta giành trước lấy nơi cao hay nấp chỗ rậm, rồi sau theo phép trận “song đầu”, bày hai hàng gươm súng xen nhau, vừa bắn vừa tiến, như lăn vòng tròn, gọi là trận “Ngô công cuốn đất”. Nếu không có giặc, thì cũng y theo hai hàng mà chuyển qua, giữ cho không ngại vì việc binh phải giữ gìn, không thể không cẩn thận được.

1. Kế Hàn Tín đánh Long Thu: Thời Hán Cao tổ, Hàn Tín đem quân đánh Tề, Tề cầu cứu với Sở, Sở sai Long Thu đem 20 vạn quân đến cứu Tề. Đánh nhau ở Duy-thủy, Tín sai quân lính đem hơn 1 vạn cái túi chứa đầy cát đem ngăn chặn dòng nước bên trên, không cho chảy xuống, rồi đem quân sang nửa sông đánh nhau với Long Thu. Tín giả cách thua, chạy về, Long Thu đem

quân lội qua sông để đuổi. Tín sai người dỡ túi cát, nước chảy xuống mạnh, quân Long Thư quá nửa không qua được sông, Tín đánh gấp, giết được Long Thư.

Sách Ngô tử: Phàm binh nổi lên là vì năm cố:

1) Tranh danh; 2) Tranh lợi; 3) Tính ác; 4) Loạn trong; 5) Nhân đói.

Lại có năm tên là: 1) Nghĩa binh; 2) Cường binh; 3) Cương binh; 4) Bạo binh; 5) Nghịch binh. Trừ bạo cứu loạn là nghĩa binh, cây đông mà đánh là cường binh, nhân giận mà dấy binh là cương binh, bỏ lễ tham lợi là bạo binh, nước loạn người khổ mà nổi lên là nghịch binh. Muốn phục năm hạng binh ấy đều phải có phép. Làm cho nghĩa binh phục thì dùng lễ. Làm cho cường binh phục thì dùng khiêm tốn. Làm cho cương binh phục thì dùng lời lẽ. Làm cho bạo binh phục thì dùng biến trá. Làm cho nghịch binh phục thì dùng quyền biến¹.

Đời xưa quân có thập và ngũ; xe có hàng lối; trống khua cờ vẫy, người lên thành trước phần nhiều là những quốc sĩ giỏi cả, người chết trước cũng thường là người quốc sĩ giỏi. Tồn địch một người mà tồn ta đến hàng trăm người, đó là giúp địch và hại ta, thế tướng² không hay cấm được. Đánh giặc chia quân mà trốn về hay lâm chiến mà vỡ chạy thì hại lắm, thế tướng không hay cấm được. Giết người ngoài trăm bước là cung tên; giết người trong 50 bước là giáo mác. Tướng đã đánh trống mà sĩ tốt cứ ồn ào, bẻ tên, bẻ mác, ôm kích, sau khi thấy có lợi mới đánh, có mấy hạng người ấy thì tự thua ở trong rồi, thế tướng không hay cấm được. Quân sĩ lỗi thập ngũ, mất xe, hao binh tổn tướng mà chạy, đại chúng cũng chạy, thế tướng không hay cấm được. Phàm tướng có thể cấm được bốn điều ấy thì núi cao cũng sập, nước sâu cũng lấp, trận bèn cũng phá. Nếu không cấm được bốn điều ấy thì cũng như mất thuyền lái mà cách sông ngòi, không thể được vậy.

Khi lấn vào đất giặc, gặp chốn đồng bằng nội rộng, thì nên kết trận. Nếu gặp núi sông hiểm trở thì kíp sai kiêu kỵ du binh dò thăm trước sau. Hễ thấy núi cao rậm rạp, hang hốc ghồ ghề, thì tiền quân từ từ mà tiến để đợi hậu quân, rất không nên cách xa gián đoạn, đó là yếu lược để giữ hiểm phòng nguy vậy.

Khi lấn vào bờ cõi địch mạnh, dẫu rằng có đường, nhưng phải tiến trộm, cũng sai du binh lên gò cao, xem xét kĩ càng cả trước sau tả hữu, nếu thấy nơi nào có đàn chim sợ bay, chồn vượn chạy rối, hay cỏ cây không có gió mà động

và đất bụi lằm trời, thì dưới hăn có quân phục, phải trở về báo với chủ tướng, đừng quân kết trận mà đóng lại để chờ xem cơ giặc thế nào. Đó là yếu lược để xét quân ẩn phục vậy.

Vào sâu đất địch, gần tới khoảng đường trọng yếu, chợt thấy sắc cỏ mới khô héo thì ở dưới hăn có sự trá nguy, xem xét kỹ càng rồi hãy đi; nếu gặp cầu, trước hãy đem vật nặng đè lên, rồi sau sẽ đi, không làm thế thì sợ có vạ sa sụp. Đó là yếu lược cẩn thận về đất và cầu vậy.

1. **Ngô tử, thiên I.**

2. **Thế tướng: Ông tướng tâm thường ở đời.**

Sách Yên thủy thần kinh:

Phép sang sông.

Phàm sang sông, trước hết phải chuẩn bị cầu phao bè gỗ, dự sai du binh sang trước, dò thăm những nơi trọng yếu, quả không có quân phục, thì tới nơi rộng rãi, bày mở thế trận để đợi, rồi sau mới cho đại quân sang.

Phép gặp ngòi.

Phàm quân đi gặp ngòi rộng 5, 3 trượng, trước kia đã có cầu nhỏ, thì bỏ ngựa lại, sai ba quân mỗi người bó một bó củi để bỏ xuống đó, ngựa và người có thể sang qua.

Phép lạc đường.

Phàm quân đi gặp rừng núi, trời chiều lạc đường, thì thả một con ngựa già đi trước rồi theo sau thì có thể gặp đường, vì ngựa già có thể biết đường.

Sách Tôn tử: *Phàm phép dùng binh, xe ruổi' nghìn cỗ, xe da nghìn cỗ, quân mặc giáp 10 vạn Người giỏi dùng binh thì việc phu phen binh lính không đòi gọi hai lần, chở lương không bắt đến ba lần. Lấy dùng ở trong nước và nhân lương của địch, cho nên quân có đủ ăn. Nước nghèo thì lương quân phải vận tải xa, vận tải xa thì trăm quân khổ. Gần chỗ quân đóng thì bán đất, bán đất thì trăm họ hết của, của hết thì mưu địch ở làng xóm cũng lúng túng. Sức cạn của hết, trong nước nhà cửa đều rỗng không; trăm họ hao phí, 10 phần mất 7; nhà nước hao phí, nát xe mệt ngựa, giáp trụ, cung tên, mâu thuẫn, sào chèo, trâu to xe lớn, 10 phần mất 6. Cho nên người trí tướng cốt tìm ăn ở địch; ăn ở địch, một chung đỡ cho ta 20 chung, một thạch đỡ cho ta 20 thạch. Cho nên giết địch là vì tức giận, lấy của địch là vì lợi ở của cải. Cho nên khi đánh nhau*

bằng xe, được 10 cỗ trở lên thì thưởng cho người được trước, rồi thay đổi cờ xí, xáo trộn xe mà ngồi, binh lính thì khôn khéo mà nuôi. Thế gọi là thắng địch để làm mạnh thêm cho ta. Cho nên việc binh quý thắng mà không quý lâu. Cho nên tướng giỏi là người giữ tính mệnh của dân, là người chủ an nguy của nhà nước vậy².

1. Xe nhẹ thắng bốn ngựa.

2. Tôn tử, thiên II.

Nghìn dặm chở lương, phí tổn trong ngoài, tiêu dùng tân khách, vật liệu như keo sơn, đồ đạc như xe giáp, mỗi ngày phí nghìn vàng, rồi sau mỗi cử vạn quân được.

Sách Kinh thế:

Đi. Khi đi vào chỗ hiểm nên ngại có quân, sang sông cũng rất ngại bị xé nước. Đi ban ngày sợ có quân xông đến. Nghỉ ban đêm lo có địch quấy rối. Đã chặt đứt thì nối liền; khó nhanh chóng thì đi cuốn¹. Một chỗ không phòng thì lỗi sơ suất. Trước vẽ địa hình để xem đại thế; lại tìm người thổ trước để dẫn đường. Dù cho một bụi rậm, một suối nước cũng phải biết hết, rồi sau mới có thể hành quân.

Đi nhanh. Quân đi quý, đi thông thả, để nuôi sức. Chỉ khi nhân lúc người ta không phòng bị và lợi ở đánh gấp thì nên gấp đường đi nhanh. Ban ngày đi nhanh thì cuốn cờ nghỉ trống, ban đêm đi nhanh thì cuốn giáp ngậm tằm. Đi nhanh một ngày thì sức mệt. Đi nhanh cả ngày và đêm thì tinh thần uể oải. Một ngày đi nhanh được một trăm mấy chục dặm đường; ngày đêm đi nhanh được hai ba trăm dặm đường. Đi đường gần thì dứt không thành hàng, quân khó đến hết, đi gồm đường xa thì bỏ đại quân mà tiến, cho nên đại quân ở xa lại sau, người không kịp ăn, ngựa không kịp nghỉ, nhọc mà ít người theo kịp. Nếu không phải cậy vào sức đánh bền giỏi, sức địch đã nhụt gãy và hình thế núi sông đã hiểu suốt, thì sao dám làm như thế? Cho nên không phải toàn lợi mà không hại. Cần thận chớ cho quân đi nhanh là giỏi vậy!

Sách Võ kinh: Thái công nói²: Phạm phép cầm quân nên trước cho quân đi thăm dò xa, cách địch 200 dặm, biết rõ chỗ quân địch đóng; nếu địa thế không tiện thì lấy xe vũ xung của ta làm lũy mà đi tới trước và đặt hai lớp án binh ở

sau, lớp xa thì cách 100 dặm, lớp gần thì cách 50 dặm. Phải có quân cảnh cấp để trước báo cho nhau biết. Quân ta thường được vững bền, hẳn không thương tổn.

Núi quanh ở đường, không nên đi càn vì sợ có quân phục ở trước vậy. Núi phục ở sau thì nên đi cho chóng qua, kíp lấy binh giữ đằng sau, sợ có giặc đánh cắt đường sau vậy. Nước cạn mà có khi đầy thì đừng lội, vì sợ có mưu túi cát lấp ngăn. Nước đứng mà bờ có bùn lầy thì đừng lội, vì có nạn sa lầy. Nước ở nơi hiểm yếu của địch mà không thấy có quân đội canh phòng, chưa nên lội ngay, trước hết phải sai tinh binh dò xét những chỗ hang núi gồ ghề, vì sợ có quân phục vậy.

1. Đi cuốn: Tức đi theo phép Ngô công cuốn đất nói ở trên.

2. Bổ sung theo chương 39 “Tuyệt đạo” của sách *Võ kinh trực giả quốc ngữ ca*.

Sách Kinh thế: Binh nặng thì trệ mà không nhanh, binh nhẹ thì tiện mà nhiều lợi. Nặng mà có thể chia ra thì lợi gấp bội. Đóng dinh mà chia ra, để phòng đánh úp; bày trận mà chia ra, để ngừa giặc xông vào; đi mà chia ra, sợ bị chặn cắt; đánh mà chia ra, sợ bị cướp đánh; quân lẻ mà chia ra để đón lúc sơ; quân nhiều thì có thể chia để dùng làm binh kỳ; quân ít cũng có thể chia để biến hóa. Binh không nên giao việc nặng; cũng không cho đi làm việc xa. Khi giới hiểm thì chậm phát. Hợp quân cho mạnh uy, chia quân ra để nắm thắng. Tay cầm mấy mươi vạn quân mà không bị ứ đọng là vì biết phép chia quân vậy.

Quân đi phải trương thế ra, xếp đặt cờ trống, rộng khua trống chiêng, lấy nghìn làm vạn, lấy ít làm nhiều, lấy yếu làm mạnh, lấy thẳng giả mà làm ra thẳng; cương tất thẳng nhu, thực tất thẳng hư, lớn tất nuốt nhỏ. Đó là lẽ tất nhiên vậy.

Đại quân chưa tiến, uy dũng phải trương ra trước. Ở phép dùng du binh ư? Tất hai bên tả hữu phải lập đội đầu và đội thứ nhì, do tướng giỏi thống ngự, làm như trương hai cánh mà tiến lên. Một là có thể thăm dò quân địch đi đứng thế nào; một là có thể xem xét quân địch có mai phục hay không; một là có thể chợt gặp địch thì giúp đại quân ta mà đánh. Đội đầu thì đi trước mà xem xét, đội nhì thì dựa hai bên cánh tả hữu quân ta mà đi. Khi đội đầu đã đi tuần đến, thì ví như ở nghìn dặm mà lập dinh. Kịp khi quân đến dinh, thì đội nhì lại đi

trước mà xem xét, đội đầu lại dựa hai bên cánh tả hữu mà đi. Đội nhì lại đi tuần đến ví như ở nghìn dặm mà lập dinh; đội đầu lại theo như phép cũ mà đi. Cứ lần lượt vòng quanh, nối nhau không dứt, thì du binh tả hữu tuy chỉ có hai đội, mà quân đi nghìn dặm đều có cánh vậy. Và một lần đi một lần xét, thay đổi mà tiến, càng không lo mỏi mệt.

Phép hành quân, mới ra đi cần phải nghiêm túc, chỉnh tề hàng ngũ, khiến ba quân như một người, để tới thành công vậy. Đặt dàn hai tầng, trên lễ ngũ đế ngũ tướng (Ngũ đế là năm vị thần chủ năm phương: Trung ương Hoàng đế, Đông phương Thanh đế, Tây phương Bạch đế, Nam phương Xích đế, Bắc phương Hắc đế. – Ngũ tướng là năm vị thần sao là Thiên-mục, Văn-xương, v.v...), dưới lễ các danh tướng cổ kim và các sao tướng tinh. Khiến tướng quân mặc đồ nhung phục, cầm cờ kiếm, các viên biệt tướng, tham tri, đốc thị, tề chỉnh làm lễ. Trước kén một viên mã cán ở trung quân cho đeo ấn tiên phong, đem một chi quân bản lãnh tiến đi trước, gặp nước thì bắc cầu, gặp núi thì phá đá, cắt trừ gai góc, cho tiện quân đi. Phàm gặp sông to, núi lớn, miếu thiêng thì làm lễ. Quân đi một ngày 30 dặm thì nghỉ, để ngừa sự chằng ngờ. Chỉ trông quân là biết ngay được thua. Khi dừng thì vững như núi không thể chuyển, khi tiến thì nhanh như gió không thể theo. Trông như mây liền nước chảy. Như có một trăm quân đi trước, chợt đến nơi hiểm địa, bị giặc vây trước sau, tức thì ở mặt trước sai quân tinh nhuệ đặt đồn lũy để cố giữ, thay đổi nhau mà bắn để làm thế hoãn chiến, đợi đại quân đến, thấy quân giặc rối loạn thì đánh ngay.

Sách Võ bị chế thắng chí: Quân sĩ chưa xuất phát, trước 3 ngày hạ lệnh cho các quân thu xếp hành trang, lương khô, giày dép và các vật tùy thân cho đủ, nghe lệnh thì đi. Như lúc hành quân, đem 100 quân đi tiên phong, trung quân còn ở xa, bất thành linh gặp giặc thì chia làm 5 toán, 2 toán làm chính, 3 toán làm kỳ. Như gặp địch đem binh chính tiến vào, thì đặt quân phục, giả cách chạy; ba toán làm binh kỳ giữ vẹn hai bên tả hữu; quân khinh vệ đánh đằng trước; như thấy quân địch rối loạn thì báo ngay cho trung quân tiếp chiến. Không biết sông núi hiểm trở thì không thể hành quân. Có người hướng đạo, trước phải biết chỗ đi chỗ nghỉ, đường thẳng đường cong, thì mới có thể tiến binh; và nên đề phòng những loại hướng dẫn không thực. Đường nhỏ hẹp hiểm trở, núi cao trại lớn, mười người giữ nghìn người không qua được, nên trước

sai người giả làm dân làng đi kiếm củi mà nhòm ngó, không có việc gì thì hãy đi qua cho mau.

Đi qua những nơi quan sơn hiểm ải thì sai du binh đi tiên phong trước, lên nơi cao nhất, trông khắp bốn mặt, sợ có quân giặc phục chặn. Như gần đó có rừng núi, cây cỏ um tùm, che kín người ngựa, phải xem xét, không có gì thì về báo chủ tướng ngay, sẽ theo thứ tự mà cho người ngựa qua. Trước hết cho quân bản bộ qua, sau cho đội quân thứ nhất qua, ở nơi rộng rãi đất bằng, sắp hàng đứng ở hai bên, rồi hậu đội theo thứ tự mà qua. Đội thứ nhất đến trước bày hàng đứng, chờ chủ tướng qua, người ngựa sang hết, bấy giờ mới cho đội thứ nhất đi lên, theo thứ tự, cứ y hàng ngũ mà đi. Tiền đội đã được nghỉ nhiều, theo thứ tự mà đi trước, hậu đội không đến nỗi khổ sở vội vàng, nếu có giặc đến đánh thì cũng dễ đối phó.

Qua chỗ hiểm ải, không được kêu gọi ồn ào, sợ giặc nghe biết. Tuy là đi chóng, nhưng đội ngũ vẫn đầu đuôi tiếp nhau, không đến nỗi đứt quãng.

Hành quân qua nơi hiểm mà tiền đội gặp ngựa giặc, tức thì sai người ngựa tiền đội đi chân mà chiếm lấy nơi cao phẳng, đứng yên đó, rồi truyền báo tin cho chủ tướng biết, lấy cờ trắng để tương ứng với hậu đội mà không sai người chạy về báo lại nữa. Nếu đằng trước có việc thì cũng truyền báo ngay như thế. Trong khi vội không nên rối động. Nếu người và ngựa không rối loạn thì ứng phó với địch cũng dễ.

Quân cưỡi ngựa trắng đi đường, cho cầm cờ năm sắc mỗi sắc một lá, cờ thêu một lá, phải định theo sắc của mỗi phương. Việc cần truyền báo thì cứ theo từng đội mà truyền như trên kia, lần lượt mở một lá cờ để ứng, truyền đến hậu đội. Như đằng trước gặp rừng lớn thì mở cờ xanh, gặp nước thì mở cờ đen, gặp binh mã thì mở cờ trắng, gặp núi hiểm thì mở cờ vàng, gặp khói lửa thì mở cờ đỏ, gặp thành ấp thì mở cờ hoa, theo từng đội, lâm thời mà một sắc cờ để ứng, truyền đến người sau cho đều biết để phòng bị.

Các nơi đặt cờ không cho phạm với hiệu cờ của chủ tướng...

Quân đi qua sông, trước sai thủy thủ đi trước, thăm dò nông sâu thế nào. Như nước sâu mà không có bè, thì dùng mấy sợi dây thừng to buộc vào cây rừng ở hai bờ, hoặc là đóng cọc mà buộc chắc, khiến người vin dây mà lội sang sông. Gươm giáo thì cứ mười cái buộc làm một bó, ở chỗ cận tiện chặt tre gỗ làm mảng, dưới xếp gươm giáo, trên trải áo giáp, rồi dùng một cái dây thừng,

xỏ vòng lớn vào dây, cho người sang sông trước đứng ở trên bờ mà kéo qua sông; hoặc có thể dùng chum to, buộc lại làm cái bè chum; hoặc là dùng da dê lột cả con làm cái túi da, thổi hơi vào trong rồi thắt các miệng túi lại, mỗi túi có thể trở 2 người; hay là dùng mấy túi buộc lại thành bè, cũng có thể trở người sang được. Đội ngũ qua sông y theo phép vượt núi vậy.

Quân đi chỗ bùn lầy rất sâu, người ngựa khó tiến, dùng cây cỏ rải trên mặt đường, sau dùng đất kho rải lên, rộng hẹp tùy thời, người ngựa đều có thể qua được.

Quân đi có xe vận tải, hay phải khuân vác các vật lương thảo nhẹ nặng, thì đều đi ở giữa đường, bị mưa thì dùng giáp đội yếm hộ, sợ bị hại lương thảo của ta.

Quân đi gặp nước mà lấy múc nấu cơm, nên sai người bị tội chết hay con vật sắp bỏ uống thử nước ấy trước xem, sợ có người thả thuốc độc vào, người ngựa uống có khi bị chết. Qua sông cũng thử như thế.

Đi đường bùn lầy, trước sai người thăm qua, sợ có thả chông gai và đào hố sâu ở trong bùn, hay có ngăn tháo nước ở thượng lưu. Ngày xưa người Man Di là Trí Cao¹ thả chông ở trong bùn và Hàn Tín đã xẻ tháo nước ngăn mà chém Long Thư.

Thuyền sang sông lớn, trước hết sai người dò xét, sợ quân giặc trước dùi ngầm lỗ để làm chìm đắm quân ta.

Quân đi vào nơi rừng núi rậm rạp, phải đề phòng có phục binh. Trước nên chọn quân khỏe mạnh 2, 3 trăm người lên đi vào nơi hiểm trở không có phòng bị để chẹt giữ đường ra; lại chọn người mạnh dạn đi tìm tòi ở đường, hoặc từ ngọn cây hay núi cao sai người trông xa, biết rõ không có quân ẩn phục, thì chia binh trước sau để làm chiêu², rồi sau mới cho xe cộ và những người già nhỏ đi trước, quân bộ kế tiến. Qua sông cũng như thế.

Quân đi, gặp rãnh hố rộng dăm ba trượng, người ngựa không thể qua được, thì sai trong quân mỗi người cầm một cái cọc gỗ và một bó cỏ hay củi, chuyên nhau lấp đi, thế thì có thể qua được ngay.

Răn sự tiết lộ. Phàm ra quân đi đánh dẹp, chỉ sai thu nhật hành trang, không cho biết sai đi nơi nào, sợ có kẻ gian dò thám cho giặc biết trước mà phòng bị, lại đánh chặn quân ta. Như muốn đi sang phía đông-nam để

đánh úp giặc, thì giả nói là đi tây-bắc, khiến quân địch không thể phòng bị, để đánh bất ngờ.

Cẩn thận việc đi. Nếu giặc ở ngoài 30 dặm, phàm qua nơi hiểm trở, báo truyền lại xin cho quân qua hiểm, báo xong, trước cho gia đình và tinh binh ở trung quân chạy đến chỗ hiểm để mai phục, xong thì cử hiệu pháo một tiếng, đánh trống, cho binh sĩ qua hiểm. Phàm hành binh thì trung quân ủy riêng một viên quan biết rõ đích xác, cùng đi với quân tiền tiên, cấp cho một số cờ ngũ phương. Có việc thì mở cờ ra, gặp rừng cây mở cờ xanh, gặp sông chằm mở cờ đen, gặp bình ngựa mở cờ trắng, gặp núi hiểm mở cờ vàng, gặp khói lửa mở cờ đỏ, qua các vật thấy đó rồi thì cuốn cờ lại. Phàm chiêu dao³, như đường có thể đi một hàng một thì dựng một lá, hàng đôi thì dựng hai lá hay đi hàng ba thì dựng ba lá, đi hàng bốn thì bốn lá, ở chỗ dinh đi được thì mở năm lá. Hậu đội miệng truyền dần ở trước là sắc cờ gì, chiêu gì. Trung quân nổ ngay pháo hiệu đổi dinh và chuẩn bị hiệu lệnh.

Đẹp đường trước. Quân đi qua đâu thì báo trước cho nhân dân sở tại, bốn mặt đều cách 3 dặm, cấm tuyệt người và súc vật; xe thuyền trên cạn dưới nước đều phải sửa soạn. Ngu hậu⁴ và du binh hẹn cho địa giới quân đi qua trước 20 dặm phải dẹp đường.

Đẹp hàng ngũ. Đội ngũ hành dinh lúc đi đường cần phải minh bạch nghiêm túc. Nhưng có khi bày hàng không đều, thò sau, thụt trước, thưa dày khác nhau đứt quãng không liền, đi rảo rối loạn, tự bỏ đội ngũ, đánh trống không đi, nghe chiêng không dừng, hạ cờ không nấp xuống, cất cờ không đứng dậy, mở cờ không tiếp, được lệnh không truyền, truyền lệnh không rõ, đường xá nghẽn tắc, nói cười ồn ào, đều phải trị bằng quân pháp, lâm địch thì chém ngay.

1. Tức là Nùng Trí Cao.

2. Làm chiêu, tức là chia binh và cờ ở dọc đường để dùng hiệu cờ mà báo tin cho nhau.

3. Chiêu dao, nghĩa đen là gọi và vẫy, ở đây là dùng hiệu cờ để báo tin cho người đi sau

4. Lĩnh đi tuần.

Thu nuôi lính ốm. Phàm quân đi, gặp có người hay ngựa bị ốm, không thể đi được, khi lên đường thì bẩm chủ tướng ngay, cấp cho tín phiếu, cho sai người áp đưa đến thành quách phủ châu huyện dinh trại đồn sở ở địa phương gần đấy nhận về điều trị, đồng thời có những người quen biết của người ốm ở trong hàng ngũ thì lưu lại 2, 3 tên để chờ người ốm. Những người lưu lại đó trông coi thuốc thang, bệnh khỏi thì đưa ngay về bản dinh. Địa phương ấy phải làm tờ cam kết tra xét bệnh tình đã khỏi. Như bệnh khỏi mà không đưa về bản dinh thì sở tại bị lấy luật hậu kì (trễ kì hạn) mà xử. Nếu có người chết ở chỗ hành quân, thì bản đội ngũ đào mộ mà chôn, rồi lập tiêu chí, tướng lãnh đem các đầu mục đưa thức ăn uống đem theo đến cúng. Làm trái thì xử theo luật cố khí¹. Xong việc sẽ trở lại lấy đem về.

Cẩn thận đồ rơi. Phàm quân đi ở đường, có đồ khí giới, đồ vật sót mất, ai trông thấy thì thu nhặt ngay, đem về nơi đóng ngũ đưa cho quân, gọi người đến nhận lãnh, người mất của và người được của sẽ chiếu cách thưởng phạt; ai ẩn giấu không báo thì trị tội; cũng không được đưa riêng cho nhau.

Gặp vật quái dị. Quân đi gặp thấy chim muông kì dị, thần quỷ quái vật vào trong dinh lũy, hay là bắt được, thì phải đợi báo cho chủ tướng. Nếu không báo mà tự quyền bày ra, họp chúng làm rầm rĩ lên, đều chiếu phép quân trong lúc lâm trận mà xử.

Hiểu rõ quân cơ. Phàm có người báo tin, hay quan và binh nghe được tin tức của giặc, đều không cho đón chặn ở giữa đường mà hỏi đáp nhau, phải ngậm miệng đi chóng đến chỗ chủ tướng mà bày tỏ, khi cho được tuyên bố với quân chúng thì mới có thể nói với các quan bả tổng². Nếu trước khi gặp chủ tướng mà dám ở giữa đường nhân có người hỏi mà nói ra, dù chỉ một người biết trước chủ tướng cũng coi là tiết lộ quân cơ, người hỏi người đáp đều xử theo quân pháp. Cho đến cả đối với các tổng tiêu³ và bè bạn trong bản dinh cũng không cho tiết lộ trước. Lại hoặc có người biết sau chủ tướng, đã được dặn dò không cho truyền nói nữa, không cho tiết lộ nữa, mà còn dám cố hỏi, thì cho người bị hỏi bẩm lại, đều phải trị tội nặng cả.

Tập rèn mang nặng. Phàm quân đi đều phải mặc áo giáp đội mũ, cầm khí giới, ngõ hầu tới khi đánh địch thì mình nhẹ. Như đường xa trời nóng, được lệnh mới được thay đổi.

Chuẩn bị lương khô. Khi bình thường mỗi người lính đem 2 cân gạo, sao vàng 1 cân, giã nhỏ làm bột 1 cân, bọc riêng 5 cáp, lấy 5 cáp dùng dầu thơm làm bánh hấp chín, 5 cáp dùng rượu ngon tẩm phơi khô, khi nào tẩm không thấm nữa mới thôi, nghiền nhỏ bọc riêng, 5 cáp dùng muối hòa dấm tẩm phơi, cũng không thấy thấm nữa mới thôi, nghiền nhỏ, bọc riêng. Trong khi hành quân, không bị giặc vây rất khẩn thì không cho dùng, ra quân phải mang theo, quên đeo thì cũng bị tội như mất binh khí.

Định dậm đường. Quân đi 30 dậm vào cõi khác, càng gần với giặc, nếu chợt gặp giặc, thì quân có thể đánh không hại gì, vì gân sức chưa suy. Nếu như vượt đường xa, người ngựa mệt mỏi mà tình hình gặp giặc, mười người không địch nổi một người, thì nên bố trí nghỉ ngơi như không có việc, thì mới có thể giao phong được. Phàm từ giờ dần đến giờ tuất, mỗi ngày đi được 60 dậm, cứ 10 dậm thì lại tề chỉnh nghỉ ngơi, 30 dậm thì họp lại ăn lương khô.

Đi đường núi hiểm. Núi sâu đường hiểm, ngựa không được đi cùng hàng, người không được đi liền vai, sợ có quân phục của địch ở nơi đường hiểm, hoặc xô vào trước ta hay xông vào giữa ta, hay chặn đứt sau ta. Dù có quân đi tuần ngựa thám thính, sợ có khi tìm xét không đến, quân địch đánh lúc ta không ngờ, hay là quân tuần ngựa thám nhằm sẵn vào giữa nơi quân phục của địch, bị hãm ở đó, không kịp báo, nếu ta mạo hiểm mà tiến, muôn một gặp địch ở đường độc đạo, nó có phòng bị đợi ta không phòng bị, núi hiểm cách trở, đầu đuôi khó ứng viện nhau, trong khoảng trăm bước trước sau chẳng cứu được nhau, nếu không phòng bị trước thì làm thế nào được! Nay dùng phép “liên châu đảo quyển”⁴ hay thế “phi thiên ngô công”⁵. Đại ước: Nay quân ở dinh có 1.000 người, chia làm 10 đại tiêu, mỗi 100 người làm một tiêu, cứ trong mỗi tiêu thì dùng 2 lá cờ tiêu trưởng, 2 lá cờ trưởng hiệu, từ một tiêu bắt đầu đến 10 tiêu thì thôi. Tiêu thứ nhất đi trước đến quãng đường thứ nhất, ngựa thám báo quãng đường thứ nhất không có sự gì, tiêu thứ nhất xem tiêu binh đến trước cầm lá cờ sắc gì, tức thì ngã xuống theo chữ định hàng ngũ là hình núi, thì

chiếu hình ấy mà lập dinh, rồi lại cho ngựa tiến lên trước. Tiêu thứ hai lại lộn cuốn lên đoạn đường thứ hai ở trước, báo cũng như thế. Tiêu thứ hai lại xem tiêu binh cầm cờ sắc gì, chiếu hình mà lập dinh. Đến tiêu thứ ba, tiêu thứ tư, cho đến tiêu thứ mười cũng đều như thế. Nếu có tin báo có giặc, tức thì phải đem tiêu mình hơi lui về chỗ cửa đường ở giữa khoảng hai bên lập dinh của ta, nhằm thế bọc núi liền đồng mà lập trú dinh, thu những lính tiêu và ngựa thám về yên bài để giết giặc. Như giặc ở giữa đánh ra thì hai bên núi đã có quân ta lập dinh trước, nó mở quân không được, sao dám đánh ở giữa! Như nó dám đến đánh giữa ta, thì hai bên núi ta ra quân giáp đánh. Nó đánh ở dinh tả thì dinh hữu ra quân cứu viện; nó đánh ở dinh hữu thì dinh tả ra quân cứu viện. Nó lui thì ta theo ngay sau. Dinh hậu lại như phun châu mà ra; lại tiếp nhau hạ dinh; đổi phiên nhau lui và đánh. Giặc mệt ta nghỉ. Thế thì giặc không có thể đến đàng trước để đánh ta được. Nếu giặc phục binh từ trung gian vọt dậy mà ra, thì quân ta hai đầu đóng ngay ở núi hiểm, các dinh trung gian của ta đều có thể liên châu, đánh tả thì hữu đến, đánh hữu thì tả đến. Quân ta ở trước chỗ đất cao để chờ địch, nó cũng không thể thi hành kế gì khéo hơn được. Quân ta trước đã lập dinh, hết thầy những địa lô, bàn dinh, chông sắt, chông chà đều có thể bố trí được, mà hết thầy các súng ống đều quay ra ngoài để đợi địch đến. Lòng quân thống nhất, không dám chạy tán, tự thấy hành dinh như sao, đây đó làm viện cho nhau, tới đâu cũng là có nhà, người trông thấy đều tự hăng hái, còn sợ gì địch nữa. Quân địch muốn xông vào giữa ta cũng không thể làm gì được. Nếu địch chặn đứt sau ta, thì lấy lui làm tiến, quân tiêu sau quay làm quân tiêu trước, cuốn ngược mà quay về, địch cũng khó mà chạy được. Như gặp chốn sông lớn, đường hẹp thì ta nên trước cho quân canh giữ, há lại khinh tiến để cho không có đường về hay sao? Xét xưa nghiệm nay, trong cuộc hành quân để đánh trận hiểm, muôn điều không hơn thế được.

-
1. Bỏ người bạn cũ.
 2. Bả tổng là chức quan võ cao cấp ở bậc cuối cùng chỉ huy một dinh hay một ti (đời Minh).
 3. Tổng tiêu là chức quan võ chỉ huy một tiêu.

4. Như sâu ngọc lộn cuốn.

5. Như con rết bay lên trời.

Vượt ngòi rãnh thì có cầu bay; sang sông lớn thì có đường Thiên hoàng. Nước thượng lưu xẻ xuống thì có biển Bột hải.

Phàm thế lực của ta ngang với thế lực của địch, thì chia quân làm ba nơi: tiền quân thì ở chỗ hào sâu lũy cao, dựng cờ đánh trống, phòng thủ cho bền chắc; hậu quân thì chứa lương cỏ, không cho địch biết là mình định đánh, cho quân nhuệ sĩ của ta ngấm úp ở trong, đánh vào lúc không ngờ, tức có thể thu công vạn toàn vậy. Hoặc sai tiền quân ta ngày ra khiêu chiến, quấy cho địch phải mệt nhọc, lại sai những người già yếu đánh trống qua lại, khi ở phía tả, khi ở phía hữu, làm cho nó phải nhọc, quân nó phải sợ. Sai quân cảm tử của ta, hoặc đánh ở trong, hoặc đánh ở ngoài, quân địch tất phải thua.

Phàm phép ra quân, trước hết cho đi dò xét ở xa, cách 200 dặm để biết địa thế và địch tình; lại đặt quân tiếp ứng ở sau ước 50 dặm. Như có sự khẩn cấp thì trước sau báo cho nhau.

II – Hướng đạo

Không dùng người hướng đạo thì không biết được địa lợi. Cho nên việc binh lấy trá mà làm, lấy lợi mà động, lấy phân hợp mà làm biến hóa. Cho nên khi nhanh chóng thì như gió, khi thông thả thì như rừng, khi lẩn cướp thì như lửa, khi không động thì như núi; khó biết được ngấm, động như sấm dậy; cướp làng chia quân, mở đất phân lợi, theo quyền biến mà hoạt động.

Biết được núi sông, suối ngọt, cỏ nước, nhà ở, đường sá cong hay thẳng, thì thưởng hậu, được người như thế thì hậu đãi, gọi là binh hướng đạo.

Ngựa già khéo biết đường.

Phàm dùng quân sĩ, hoặc bắt tù làm hướng đạo, nên phòng mưu giặc ngấm thì kế gian, bị nó dụ dỗ lừa phỉnh. Tất phải xem sắc mặt, xét ý tình, so sánh lời của mấy người, uốn nắn ráp nhau, rồi mới có thể tin dùng. Nên ban thưởng cho hậu, trao cho tước trật. Nên kén những người tâm phúc khôn ngoan, chgo theo cùng đi. Nên đề phòng cẩn mật họ hai lòng. Nhưng không bằng lấy những người dùng được đã nuôi sẵn mà thường quen hiểu đường đi; cũng bất tất cứ

phải người bản thổ. Như ở giữa đồng không, bốn phía không phân biệt được, lại gặp đêm tối, thì nên trông sao Bắc thần¹ và ngắm sao Trung tinh² làm chính.

1. Ngôi sao sáng ở đuôi sao Bắc đẩu, tức Etoile polaire.

2. Chòm sao trong nhị thập bát tú ở giữa trời.

III – Đồn trú¹

Dời đi. Quân không nhất định đóng ở đâu, cũng không nhất định đi đâu. Nhưng phải xem cơ nghi; mùa xuân mà cỏ cây khô cần thì dời; mùa hạ mà suối chầm mưa ngập thì dời; phục ở rừng rậm, gió quá thì dời; có tiện thì đến, có lo thì dời; có lợi thì ở, không lợi thì dời; địch yếu thì ở, địch bền thì dời; đây mạnh kia yếu, đây hoãn kia gấp thì dời; đây khó kia dễ thì dời.

Đóng. Phàm đóng quân thì phải dùng nơi sau cao trước thấp, trông ra hướng sáng, quay lưng hướng tối; nuôi sống ở đủ, nước lửa không lo, vận tải tiếp tế không trở ngại; tiến có thể đánh, lui có thể giữ, chầm cỏ suối nước, lấy củi, chăn súc đều đạt được cả. Đó là nơi có thể đóng được. Nhưng số sản vật không đầy đủ cả, mỗi phương một khác, cho nên khi tạm đỗ thì phải chọn nơi thích hợp với việc quân; ở lâu thì phải dùng địa thế.

Đẹp giữ thóc lúa. Người Tần cắt lúa mạch mà Hoàn Ôn² vỡ; Triệu Thù³ dời lương mà Hoàng Sào thua; Khấu Chuẩn⁴ chôn thóc mà quân địch sợ; Duy Phụ⁵ đốt thóc mà quân Kim thiếu ăn; Vu Khiêm⁶ bỏ kho không mà giặc mạnh phải tiêu tụy. Nhưng có khi dụ mà không nghe, lệnh mà không theo, một vì trong cõi không nơi tích trữ, một vì nhà nước vay mượn khó khăn. Vậy phải lấy ngay những nơi đất công ở trong thành hoặc chùa quán để làm kho chứa, sai dân tự coi giữ, mà tự trao đổi bán chác, quan đi qua cũng không hỏi đến. Thuyền vận tải không hết thì sau nhà nước mới đóng vào. Thóc chỉ có vào thành mà không có ra thành. Dùng gạo đổi tiền thì dân ở thành tiện. Ta no thì địch đói, làm một việc mà tiện lợi được ba. Nếu cấp bách quá không kịp thì cho chôn hay đốt đi.

-
1. Tham khảo **Võ bị chế thắng chí, quyển 3.**
 2. Hoàn Ôn: Người thời Tấn, làm chinh tây đại tướng quân. Tấn Minh đế sai đi đánh Tần Bồ Kiện (con Bồ Hồng, bác Bồ Kiện). Ôn cậy có thóc của Tần sắp chín, Kiện sai người cắt hết lúa, quân của Ôn không có lương ăn phải lui về.
 3. Triệu Thù: Người thời Đường, giỏi cưỡi ngựa bắn cung. Khi Hoàng Sào khởi nghĩa, Thù làm thứ sử Trần-châu, chứa lương cỏ, làm kế giữ lâu. Sau phá được quân của Hoàng Sào - dời lương ở đây, tức là dời lương nơi khác vào thành.
 4. Khấu Chuẩn: Người Tống, đời Tống Cao tôn đánh phá được quân Khiết-đơn ở Chiên-uyên.
 5. Duy Phụ: Tức là Lưu Duy Phụ thời Tống. Khi người Kim đánh Hy-hà, Duy Phụ làm mã bộ quan phó tổng quản ở đây, sắp bỏ chạy, thấy trong thành còn chứa nhiều thóc, sợ người Kim lợi dụng được, sai đốt hết đi
 6. Vu Khiêm. Người thời Minh, khi Dã Tiên (thái sư của Ngõa Hạp) tiến quân sát đến Kinh sư, Cảnh đế cho Khiêm làm đề đốc quân mã; đánh lui được quân của Dã Tiên.

Thu dẹp súc vật. Phàm tiện nhất cho sự cướp bóc không gì bằng súc vật, không phiền vận tải, hễ đuổi thì đi. Chưa hề đánh nhau mà địch đã thỏa mãn dục vọng rồi. Thế nên Lý Mục nghiêm lệnh giữ gìn mà rợ Hồ chẳng dám nhòm biên, Trần Tuấn¹ đem quân thu cướp mà giặc tự phải tan chạy. Ở gần thành thì cho tụ vào thành mà giữ, ở xa thành thì làm lũy vách mà thu vào. Thi hành ở nơi biên tái thì kế càng cần thiết.

Thu dẹp rơm cỏ. Địch nhờ ngựa mà mạnh, ngựa nhờ cỏ để ăn. Tướng sĩ giữ biên, mỗi khi về tháng thu cỏ khô thì ra cửa ải xa mấy trăm dặm, phóng lửa đốt cháy. Lưu Nhân Cung² lấy đó mà chống được Khiết-đơn; Tư Ma lấy đó mà đối phó với Tiết Diên Đà. Như Nguyên Hiệu³ nước Tây-hạ đối với người Liêu, thì lui quân ba xá⁴, mỗi lần lui đều đốt đất cho trụi, do đó dụ được giặc mà thắng được; như người Kim giữ cỏ ở gò Mâu-đà

mà Biện-kinh bị vây; như Vu Khiêm bỏ không trại chăn nuôi ở cận giao mà quân kỵ của địch phải rút. Vậy thì rơm cỏ chứa đầy chỉ để làm quà cho địch, việc trước nên soi.

Thu đẹp suối nước. Địch nhờ vào, không cỏ thì nước. Người Tần đánh thuốc độc ở thượng lưu sông Kinh để làm đói quân Tấn. Tướng Tuyền đánh thuốc độc vào suối ở trong cõi làm cho giặc bị bệnh. Lưu Ý đánh thuốc độc vào sông Dĩnh⁵ để khốn quân địch, đánh thuốc độc vào cỏ để khốn ngựa địch.

Thu đẹp nhà ở và đồng nội ngoài thành. Phàm gần thành, trong 3 trượng mà có nhà thì giặc có thể hoặc phục ở trong để bắn, hoặc lấy xà cọt để làm thang, hoặc thuận gió đốt cháy lan, hoặc lợi dụng nền mà tung khói. Đó đều là khiến thành không thể giữ được. Vậy nghiêm xuống lệnh dỡ đi, gập thì đốt đi. Phàm phía ngoài hào hơn một dặm nên bỏ đồng trống, vì có thôn xóm thì địch giữ mà đóng; có đài thấp thì địch giữ mà nhòm xa; có gò đồng thì địch nhờ để lấp hào đặt súng; cỏ đầm cỏ ngòi lạch thì giặc có thể ẩn nấp; có cây to và tre gỗ kho đạn thì đều là khí cụ để đánh thành, phải hoặc triệt đi, hoặc cấm, hoặc vận vào thành; có bè ở dưới nước ngoài trăm dặm thì tạm dời sang kênh nhỏ mà giấu đi. Ai làm trái thì dùng quân pháp mà trị. Năm điều ấy làm được thì ngoài nội trống hết, ta có thể hại địch mà địch không có thể hại ta. Như vậy thì việc phải làm trước không thể kể xiết. Tuy thế, sự giữ thành thì có hạn mà sự không thể giữ đồng nội thôn xóm thì vô hạn. Vậy nên phải nương tựa lẫn nhau, đều cùng nhau gìn giữ, không có đồn trại nào giữ tốt hơn thế được⁶.

Nghiêm cấm cướp đêm. Sách *Kinh thế* nói: mỗi khi hạ dinh ban đêm, phàm có đường hẻm có thể qua có thể vượt được, đều nên đặt đồn canh. Binh lính canh đồn nên cẩn thận chằng một chiếc dây lớn, dòm xét kỹ càng. Như có giặc thì nổ súng làm hiệu. Quan binh ở dinh thì không cho cởi áo ngủ say, áo giáp mở ra cùng với đồ binh khí để một bên, mỗi phòng lều giao một người thay nhau canh gác.

Một khi có tin động, không được nói to, đánh thức ngay đồng đội, mặc giáp, cầm khí giới, ngồi im chờ giặc. Khi giặc đến gần thì nổ súng bắn cung. Cần nhất là không được chạy động. Nếu chạy động tức là giặc, bắn giết ngay. Tóm lại, gặp khi đêm có báo động, nếu mọi người bình tĩnh không động, không

tiếng ho hắng, thì địch dù là quân mạnh giỏi đến đâu cũng chỉ ở nơi xa mà reo không, quyết không dám tới gần dinh lũy của ta. Và khi đêm tối giặc đến cướp dinh, hoặc xâm phạm dinh lũy, phương đông, phương tây, phương nam, phương bắc, thì dinh đương bị cùng với dinh khác chưa bị đều cùng yên tĩnh giới nghiêm, không được động càn, đều giữ dinh lũy, đến chết chẳng dời, thế mới vạn toàn. Nếu dinh đông không giữ mà bỏ chạy sang dinh tây, chẳng những dinh tây không động, mà dinh đông lại gặp súng tên của dinh tây bắn chết.

Dựng nêu. Mỗi dinh đã đặt xong rồi, tức thì xem hình thế đất bốn phương đông tây nam bắc đều dựng nêu cờ, mỗi nêu đặt phu bắt, nhiều thì hai chục tên, ít thì hơn mười tên, có đủ cung tên đao súng để canh giữ. Những binh lính hái củi, lấy nước, chần súc đều không được tiện tiện vượt ra ngoài chỗ nêu cờ. Ai phạm thì phải xiên tai để cảnh cáo mọi người. Lại hiệu dụ cho những binh lính tuần phòng cần thận giữ trông, hễ có người nào vượt qua nêu thì bắt ngay. Nếu tư tình buông thả thì phép quân xử nặng không tha.

Cẩn thận phòng bị. Mùa đông khi rét, mỗi khi sương tuyết đầm đìa, ban ngày tối như ban đêm, giặc thường nhân lúc đó đánh ta. Quân ta gặp lúc như thế, cần phải nghiêm cấm canh phòng, ban đêm lại càng cần thiết. Binh lính lên cao canh giữ, nửa bước cũng không lìa chỗ mình đứng, chính là sợ một khi trông coi không rõ ràng, ngộ bị quân địch thừa cơ đến đánh thì nguy. Thiết tha nhớ lấy.

Chòi canh. Binh lính ngồi chòi canh, mỗi ngày từ sáng sớm lên chòi, phải ngồi chờ cho đến tối có binh lính canh đêm đến, bấy giờ mới cho về dinh. Binh lính canh đêm đến sáng, phải chờ người canh ngày đến, mới được về dinh. Ai dám chậm trái, không đợi lính này lính kia thay đổi cho nhau mà tự tiện bỏ chòi về dinh, phải đem tới dinh để tướng biên trị tội. Như ban đêm mưa gió, tướng biên thì yên ngủ ở trong phòng lều, không nghĩ đến nỗi khổ của người ngồi đêm ở chòi, mà đến khi trời sáng lại không sớm sai lính lên chòi để thay đổi, thì nên lấy phép quân trị nặng. Nếu binh lính lên cao nhìn xa thấy có giặc đến, tức thì nổ súng làm hiệu, chỉ chờ về phương ấy, cho tiện việc trong quân tiếp ứng.

Nhắc rõ lệ kiểm củi và chăn ngựa. Mỗi ngày giờ tý thối 3 tiếng ốc, bắt một tên lãnh cờ, lãnh đem binh lính năm dinh 25 tên ra gác cầu để dòm trông các dinh, còn lính dư và người thuê thì đều đi kiểm củi chăn ngựa, vụ đủ dùng trong một ngày. Giờ ngọ lại thối 3 tiếng ốc, đều trở về dinh, kẻ nào trái lệnh thì bắt xét trị nặng. Mỗi ngày bọn lính và người làm thuê đi chăn ngựa kiểm củi lấy nước ở ngoài, hễ nghe có tiếng súng ở trong dinh và tiếng báo của chiêng hiệu thì không kể xa gần; tức tốc về dinh, người nào trái lệnh thì xiên tai.

Phải đặt dinh làm cho giặc sợ. Mới đầu đặt bàn dinh, ở trong làm mấy tầng cũng không sao cả. Nếu một ngày không thấy giặc động tĩnh, đến chiều rút một tầng ở ngoài kê vách, rồi đặt một dinh; ngày thứ hai không thấy động tĩnh gì, lại rút một tầng ở ngoài, rồi lại đặt một dinh. Giặc hẳn cho rằng sức quân ta ngày càng thêm thì lòng nó càng mau nản. Đó là phép biến thực làm hư, biến hư làm thực vậy.

-
1. Trần Tuấn: Người thời đông Hán, làm quận lại, theo Quang-vũ đi đánh Đổng-mã, chém được tướng của địch.
 2. Lưu Nhân Cung: Người thời Hậu Đường (Ngũ đại), làm tiết độ sứ ở Lư-long.
 3. Nguyên Hiệu: Tức là Triệu Nguyên Hiệu, vua nước Tây-hạ, người Tống, phân nhà Tống.
 4. Mỗi xá 30 dặm.
 5. Lưu Ý bỏ thuốc độc vào sông Dĩnh. Đời Tống Cao tôn, Kim thái tử Ngột Truật đem quân sang đánh thành Thuận-xương. Ý sai người bỏ thuốc độc xuống dòng trên sông Dĩnh. Quân và ngựa của Kim uống phải nước sông ấy mỗi mệ, bị Lưu Ý đánh cho thua.
 6. Nghĩa là có đồn trại ở ngoài thành mà giữ cũng không bằng dùng kế “đất không nhà trống” như trên.

Sách Tôn tử: Phàm phép dùng binh, tướng phải chịu mệnh với vua, hợp quân tụ chúng... Địch ở nơi cao chớ nghẽn lên mà đánh; địch dựa vào gò chớ đón mà đánh¹... Đất tuyệt không nên ở; đất vây thì lập mưu; đất chết thì đánh... Đường có khi không đi; quân có khi không đánh; thành có khi không phá; đất có khi không tranh; mệnh vua có khi không chịu. Cho nên làm tướng có suốt

được điều lợi của chín biến² mới là biết dùng binh. Nếu tướng không biết điều lợi của chín biến thì dù có biết địa hình cũng không nắm được địa lợi. Cầm binh mà không biết cái thuật chín biến thì dù có biết được năm điều lợi cũng không thể được người mà dùng. Thế nên người khôn lo nghĩ, tất có lẫn với lợi hại, lẫn với lợi thì sự chuộng của mình đạt được, lẫn với hại thì mối lo của mình giải được. Thế cho nên lấy hại mà đề chư hầu, lấy nghiệp mà sai chư hầu, lấy lộc mà khiến chư hầu xô đến. Cho nên trong phép dùng binh đừng cậy là giặc không đến mà cậy ở ta sẵn có cái để đón chờ; đừng cậy là giặc không đánh mà cậy ở ta sẵn có cái cho nó không đánh được. Cho nên làm tướng có năm điều nguy: liều chết thì có thể bị giết; ham sống thì có thể bị bắt được; nóng giận thì có thể bị khinh nhờn; trong sạch thì có thể bị làm nhục; yêu dân thì có thể bị quấy rầy. Năm điều ấy chính là lỗi của người làm tướng, và tai vạ của việc dùng binh. Bại quân chết tướng chỉ vì năm điều đó, không thể không xét kỹ vậy³.

Phàm đóng quân và xét giặc, vượt núi và dựa thung lũng, thì trông nắng mà ở chỗ cao; địch ở trận cao thì đừng lên. Đó là đóng quân ở trên núi. Vượt nước tất phải xa nước; địch vượt nước mà đến thì chớ đón ở trong nước, để nó sang nửa chừng mà đánh thì lợi. Người muốn đánh đừng dựa nước mà đón địch. Trông nắng mà ở chỗ cao, đừng đóng quân ở trên nước. Vượt đất trũng thì đi gấp, đừng ở lại. Nếu đánh nhau ở nơi đất trũng thì phải nương nhờ nước cỏ mà dựa lưng vào cây cối. Đó là đóng quân ở nơi đất trũng. Nơi cạn bằng thì đóng ở chỗ dễ, bên hữu thì dựa cao, trước thấp sau cao. Đó là đóng quân ở nơi cạn bằng. Theo bốn phép đóng quân ấy, Hoàng đế có thể thắng được bốn phương.

Phàm đóng quân, ưa cao mà ghét thấp, quý dương mà ghét âm, nuôi sống mà ở chắc. Quân không ốm đau, thế là tất thắng. Gò núi đê điều thì phải ở về phía mặt trời mà dựa về phía hữu. Ấy là cái lợi của binh nhờ sự giúp của đất vậy. Phàm đất có tuyệt giản, thiên tình, thiên la, thiên hãm⁴ thì cần phải bỏ đi, chớ nên gần đấy. Ta xa đi thì địch gần lại, ta đón lấy thì địch bỏ đi⁵.

Dò la nơi xa. Đời xưa gọi là du trình, gián điệp, tế tác, la khiêu, tên không giống nhau mà đều là quân đi dò xét ở bên địch.

1. **Tôn tử, thiên VII.**

2. Chín biến là chín việc quyền biến nói ở trên.

3. **Tôn tử**, thiên VIII.

4. Xem giải về thế đất ở sau.

5. **Tôn tử**, thiên IX.

Cẩn thận đồn canh và hiệu lửa. Mỗi một đồn canh để 5 người, mỗi trống canh 2 người, một người đi một người ở. Khi thấy quân phi lâu¹ đánh mõ ứng tiếng, thì quân la khiêu cầm một mồi lửa giơ lên làm hiệu; mỗi canh đổi một hiệu lửa, ví như canh một thì hiệu lửa chỉ trời, canh hai thì chỉ bên tả v.v...

Đặt đài chứa lương thực và rơm cỏ. Binh lấy ăn làm gốc, ăn đủ thì binh mới mạnh. Đặt quan tào vận để giữ lương thực, gạo và thóc đều phải chứa. Gạo cần thiết mà dễ mục, thóc vỏ cứng có thể để lâu, lúc hoãn lúc cấp đều chứa cả. Đời sau chỉ để gạo, cho nên lâu thì không ăn được.

Phép thần cơ làm lũy tạm²

Nơi đóng quân³. Nước sâu trong mà chảy xiết, ăn tốt nhất. Nước chảy có lẫn cát vàng, ăn tốt thứ nhì. Nước chảy mà đen, ăn được nhưng không tốt lắm. Ví có nước đứng mà không chảy, đừng ăn. Nước chảy mà trên nguồn có giạt ở, đừng ăn. Nước chảy mà trong đó có xác lợn đen chết không trôi đi thì đừng ăn, ăn thì chết. Nước lẫn nhiều cứt đừng ăn, ăn thì ốm. Nước có xác chó chết đừng ăn. Như không có nước ăn được, thì đào giếng ở bên mà lấy nước. Quân sĩ đóng dinh cần có nước, nghỉ tạm cần có nước.

Người giỏi dùng binh phải phòng loạn từ khi chưa loạn, phòng gấp từ khi chưa gấp. Khi làm dinh xong, nên cho những người mạnh dạn vây ở ngoài, những người yếu nhất thì phụ theo. Đó là phép lo lắng về đêm tối.

Sai đi coi và ngắm đo thế đất cho bằng phẳng, có sẵn cỏ nước, rồi kết dựng vách thành, đốn cây làm sào, chõ đất làm lũy, đào đất làm hào, chế mộc mã⁴, tạo phi lâu, làm xích hậu, chia đặt dinh trại cho bền vững, đặt đàn lễ cáo thần minh sở tại, thu canh tan canh, phát khẩu hiệu, đặt quân do thám, đó đều là việc cần kíp về đóng quân. Thế núi ngật mà chặn ở gần thì đừng đóng dinh, sợ có quân phục ở bên. Núi âm u quanh quất thì đừng đóng dinh, sợ bốn bề có quân phục. Tả hữu trước sau đều có núi mà hơi xa, thì ta đóng quân ở giữa, phải xem kỹ đường lối đi lại và các đường tắt, phái quân phòng giữ.

Tôn tử nói: Bên chỗ quân đóng mà có ao hồ, rừng cây ngăn trở, lau sậy um tùm, thì phải cẩn thận lòng xét kỹ càng, đó là chỗ quân phục quân gian nấp

náu⁵.

Phàm quân đi qua đâu, không đốt kho tàng của người, không phá nhà cửa của người; cây ở đền, cây ở xã không được đẵn; kẻ đã hàng không được giết; người đã bắt được không được đánh; là để tỏ rõ nhân nghĩa, thi hành ơn đức, cho thiên hạ hòa phục.

-
1. Phi lâu: Chòi bắc trên cao.
 2. Mục này trích ở sách **Hổ trưởng khu cơ, ở đây xin bỏ, xem Hổ trưởng khu cơ ở sau.**
 3. Tham khảo **Võ bị chế thắng chí, quyển 3 chương XX “Dinh địa”.**
 4. Mộc mã: Tức ngựa gỗ, cũng gọi là cự mã mộc, tức là cái cản gỗ chống ngựa, người ta dùng để chống ngựa và voi.
 5. **Tôn tử, thiên IX.**

Võ vương hỏi: Quân ta đóng đồn ở trong khoảng rừng sâu cỏ rậm, địch nhân ở trên gió đốt cả trước sau thì ta làm thế nào? Thái công thưa: Phàm quân đóng đồn ở rừng, phải dùng thang và chòi mà trông cả tả hữu trước sau, nếu thấy lửa thì ta đốt cả chung quanh cho cháy còn trơ đất đen mà cứ ở yên, thế thì địch không thể làm hại được¹.

Phàm đóng đồn ở rừng, thì bốn chung quanh đồn phải chặt hết cây cỏ rộng 3 hay 5 trượng. Nếu địch đến đốt, thì ta cũng đốt trước ở ngoài bốn phía của ta. Lửa nó đốt cháy vào lửa ta chảy ra, hai lửa gặp nhau, ắt là phải tắt².

Thủ-chân họ Lê nói:...³ Khi chọn đất đặt dinh, không thể không cẩn thận. Cho nên người trí tướng đóng dinh, phải chọn địa lợi. Ví như trước có đường nước, vận tải lưu thông, bên tả có núi cao, bên hữu có đồng ruộng, thì có thể đóng quân. Nếu sông hồ khe suối bốn mặt quanh co thì không nên kết trại, sợ có quân giặc chặn đứt mất đường yếu lộ mà tiến lui không thông. Cho nên người trí tướng hành binh không bao giờ trông vào gò cao, trở lưng ra nước. Trước có nước thì không tiến, sau có khe thì không lại; hoặc mé nước bên hữu kề liền với gò bên tả, hay một bên là gò núi sông hồ thì đều kiêng, sợ đất ấy ba mặt chịu địch, người trí tướng không thể không cẩn thận. Đó là điều cốt yếu để chọn đất đặt dinh vậy.

Nếu lập trại vào mùa xuân mùa hạ, thì không nên gần nơi cỏ cây xanh tốt, sợ giặc tiện dùng hỏa công. Như về tiết thu không nên sát núi cao và khe suối, sợ

quân giặc thừa thế tự xa lại mà bắt quân ta. Cho nên hành binh không thể không cẩn thận. Đó là điều cốt yếu trong sự cẩn thận về thiên thời vậy.

Phép hạ trại. Phàm khi hạ trại, phải chọn nơi đất lành, sẵn có nước, tiện việc kiếm củi chăn ngựa. Trại phải có điểm canh để phòng kẻ gian tế.

Phép cướp trại. Phàm quân địch đêm đến cướp trại, thì cho quân ra ngoài mai phục bốn mặt, trong trại hư trương lửa và trống. Quân địch xông vào thì vùng dậy mà đánh. Sẽ thắng to.

1. Xem Võ kinh trực giải, phần “Lục thao”.

2. Hồ trưởng khu cơ cũng chỉ nói nếu giặc đốt thì ta cũng đốt ở xung quanh ta, lửa của giặc đến thì lửa của ta đã tắt, ta nhắm chỗ đất đen là chỗ đã đốt cháy mà đóng thì lửa của giặc không làm gì được, chứ không nói hai lửa gặp nhau.

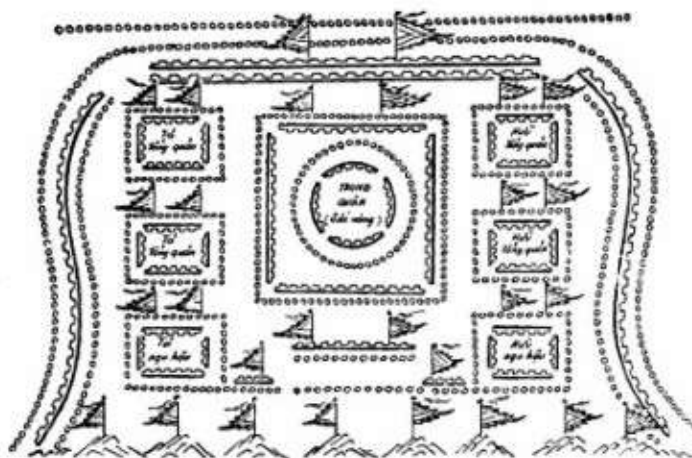
3. Từ đây trở xuống trích ba chương của sách Hồ trưởng khu cơ, đây xin bỏ, xem Hồ trưởng khu cơ ở sau

Sách Võ bị chế thắng chí:

Phép dinh vuông của Lý Tĩnh. Như gặp đồng bằng chằm rộng, không có thể hiểm trở, thì phải làm dinh hình vuông. Như xem có 2 vạn người thì chia ra làm 7 quân, trung quân 4.000 người, tả hữu tiền hậu bốn quân, mỗi quân đều 2.600 người, ngu hậu 2 quân, mỗi quân 2.800 người. Quân tả hữu và quân ngu hậu tả hữu chia làm 3 dinh, 6 quân làm 18 dinh. Trung quân làm một đại dinh¹.

Hình 3 - Dinh vuông

Phép dinh Yến nguyệt của Lý Tĩnh. Phàm gặp dải đất không hiểm trở lắm, nên làm dinh bán nguyệt. Dinh thì mặt trông ra nơi bằng, lưng quay ra chỗ hiểm mà hai cánh cũng quay về chỗ hiểm, như hình mặt trăng lưỡi liềm. Mỗi dinh cách nhau thưa dày và xếp đặt đội ngũ thì theo như phép trước. Còn cửa thì lâm thời sẽ tình. Đến như binh và ngựa nhiều ít cùng đặt lều rạp thì tùy nghi mà làm, đó là nói đại yếu thôi. Khi có báo động thì súc vật đều cất giấu sau dinh.



Hình 4 - Dinh bán nguyệt

Phép lập dinh bằng giáo. Phàm quân đóng không lâu, có thể tạm thời dựng giáo làm dinh, giáo xen với củi cho đều. Chập tối thúc trống cho mọi người đem giáo đến, dứt hồi trống thì cắm giáo xong, quân sĩ canh giữ không được ra ngoài dây chằng, rồi dập tắt khói lửa. Ở ngoài dinh đặt phô canh²; ở ngoài lại cho một người nấp nghe. Như ngoài dinh có động, người ở phô không được nói to; chỉ khua giáo truyền qua bốn mặt, tức thì biết là có động mà đề phòng.

Phép lập dinh bằng củi. Phàm làm dinh bằng củi, thì củi nên xếp dày khít, không để người đi qua được. Ở khe hở thì đóng đinh, lại lấy đất đắp lên. Xe để hàng ngang cho đều, khi cần kíp thì xoay xe, có thể làm thành được. Nếu ở lâu trong dinh thì đặt một cái cột để trông xa.

Phép đào hào lập dinh. Phàm đào hào dựng giáo thì phải chằng dây làm mức. Đáy hào rộng 1 trượng 2 thước, sâu 1 trượng, miệng rộng 1 trượng 5 thước. Đất thì đổ vào trong, đắp bờ đất cao 4 thước 5 tấc, phải chắc cho khỏi lở, mặt trong xén thẳng như thành, trên mặt người có thể đi được. Hào đào xong thì tạm bắc cầu phao, khi gấp thì chặt đi ngay. Cứ cách 2.000 bước thì đặt một chiến lâu. Lấy cánh cửa và ván lát tạm mà chế mui hào. Ở ngoài lại đào một lớp hố sập ngựa rộng 2 bước.

Phép xây thành lập dinh. Phàm đắp thành làm dinh, thân thành cao 5 thước, rộng 8 thước, nữ tường cao 4 thước, rộng 2 thước; mỗi trăm bước đặt một chiến lâu; 50 bước đặt một cỗ súng toàn phong; cách 3 thước ở trong thì đặt một cái cùm, phản và giá khí giới của phô canh. Cách thành 50 bước thì dựng lều rạp. Trong thành đặt một cây cột cao 70 thước.

Ngoài thành đặt một lớp tường dê ngựa; ngoài đào một lớp hào, ngoài nữa cách chừng 3 bước dựng một lớp rào gỗ; ngoài rào gỗ lại bày một lớp thành gai; ngoài lớp gai lại có một lớp hố sập ngựa.

Phép làm rào gỗ. Phàm làm rào gỗ là vì địch ở sát gần, không kịp đắp thành lũy, hay vì núi sông thế hiểm, nhiều đá, ít đất, không tiện xây đập, phải dựng cây làm rào. Vuông tròn cao thấp tùy tiện. Chôn sâu gốc gỗ, lớp này lớp khác, chấp vá chỗ thiếu. Trong thì trồng cọc ngắn làm đường gác, ngoài trồng một lớp cột, nhô lên 4 thước để làm nữ tường. Đều phải trát bùn cả. Ngoài rào đào một lớp hào, rộng 2 trượng sâu 1 trượng. Trong rào mỗi một trăm bước thì làm một chiến lâu, ở trong đó đặt vọng lâu để trông xa.

1. Trở xuống 9 mục đều xem thêm **Võ kinh tổng yếu, Tiền tập, quyển 6, chương “Chế độ III”**.

2. **Phô canh là khoảng bày quân canh phòng ở quanh dinh.**

**Chọn đất đóng dinh. **

- Không đóng quân ở nơi cửa thung lũng bốn mặt bị địch, người ngựa dễ bị xung đột, đó gọi là đất hang trời (thiên kháo).

- Không đóng quân ở núi cao, phòng có người ngựa đi quanh núi mà lại phá dinh trại của ta. Trước mặt là thế hiểm, bị giặc bền giữ, thì ta không có lối ra vào, đó gọi là đất đầu rồng.

- Không đóng đất chết, nghĩa là lập dinh không ở vào nơi nhiều mồ mả, người ngựa ban đêm hay sợ hãi; ở lâu quân lính hay bị đau ốm.

- Không đóng ở đất như hình trụ, nghĩa là dưới thấp giữa cao, đất ấy trên mặt rộng phẳng, khoảng giữa có gò như hình cái chậu úp, nếu lập dinh ở trên thì tám mặt lộng gió, chung quanh bị địch.

- Không đóng ở đất ngục, tức là ở dưới cao nguyên, đất rộng rãi bằng phẳng trong đó có đất hình như cái chậu ngựa, nếu đặt dinh ở đấy thì bốn mặt bị địch ở trên cao đánh xuống, ta ở giữa tất phải thua;

- Không đóng ở nơi núi rừng cây cối um tùm, mùa xuân mùa hạ cành lá rậm tốt; không trông thấy người ngựa, sợ giặc xuyên qua đường lạ mà lại đánh dinh trại ta; mùa thu mùa đông cỏ cây khô héo, sợ địch ở đầu gió phóng lửa mà nhân đánh cướp trại ta, khó bề tránh mà đối phó.

- Không đóng ở nơi hồ sông khe suối quanh quất, sợ địch giữ vững nơi yếu hại thì ta không có đường tiến thoái, và ngoài không giao tiếp được, khó bề cứu nhau.

- Không đóng ở trong sông to hiểm hóc, bị địch đóng chặn ở nơi đường nhỏ, nếu quân cứu viện không đến thì ta không có đường tiến lui để đối phó.

- Không đóng ở bờ sông hồ và bên núi lớn, ba mặt bị địch, sau không có đường lui tới. Nhưng nếu trong đó lại có thuyền ghe bè mảng, bên bờ có đường vận lương, thượng lưu có quân ứng cứu, thì có thể đóng dinh được.

- Nếu ở bờ sông ngòi, đóng dinh ở trên mặt nước, thì nên đề phòng hỏa thuyền ở thượng lưu buông xuống mà đánh hỏa công và giặc lặn ở dưới nước đục thuyền cho đắm.

- Không đóng ở chỗ bốn mặt có sông dài quanh quất, bốn mặt địch lại đánh ta, ngoài không có quân cứu viện, thì bị khốn.

- Nên ở nơi lưng cao mặt thấp, trước có sông chảy, sau có đường vận lương, bốn mặt không có núi cao lũng lớn, dù ở xa cũng không có hại.

- Quân dinh đóng ở núi mà trên núi có nước, thì nạn tháo nước làm ngập, không thể yên dinh được.

- Tên đất xấu cũng không thể đóng dinh, ví như loại đất đầu chó, mồm trâu v.v...

- Không uống nước tù, nước tù là nước không chảy, như đóng dinh ở đấy mà ăn uống nước thì không được.

Dinh qui.

- Quân lính khi đóng dinh rồi, trước hết sai hai đội đào chung một hố xí.

- Khi dinh lũy đã định rồi, thì những người hàng thịt, buôn bán, nhất thiết cấm chỉ; trong dinh giao dịch với nhau thì không cấm.

- Cửa dinh có chia cho các tướng hiệu ở gần coi giữ, các chức tạp sắc cũng được chia riêng một cửa ra vào, không được lẫn lộn, phải ghi nhận rõ ràng để phòng kẻ gian tế.

- Những người bị thua đến xin theo về thì nên cho làm các công việc khác, đừng cho theo việc quân, sợ họ mượn dịp, nên phải đề phòng.

- Vào cõi khác mà đặt dinh nấu cơm, đi kiểm củi không nên đi xa; nên dùng ngựa tuần trông xa bốn mặt, thấy giặc thì trở về gấp.

- Như ở bên dinh không có nước, thì xét nơi nào mọc lau sậy hay cỏ nước và có mối đùn thì dưới đó hẳn có suối ngầm, có thể đào giếng được. Lại tìm đường lối dã thú đi lại, gần đấy tất có nước. Như quân đi đánh, nên có nước đem theo, có thể đựng ở trong túi da dê, hay bầu lớn, ống tre đều được.

- Hái củi, cứ 3 ngày một lần, chính giữa giờ tị, sau bữa cơm sáng, cho một người chường hiệu ở trung quân cầm lá cờ chữ “tiêu” cùng ra, một tên đội trưởng lãnh đi, hạn 2 giờ thì về ngoài dinh để chờ. Bấm với 2 người chường hiệu ở trung quân, các quân lại tới bên thành gỗ, súng ống như cũ, rồi mới mở hai cửa đông tây cho đi, còn cửa khác thì không được.

- Những người đi nhà xí, theo các hố xí, do các cửa dinh, đem thẻ bài của mình treo ở trước cửa thì mới cho mở cửa mà ra hố xí. Xong việc rồi về ngay, tự nhận lấy thẻ bài mà về dinh. Như ban đêm không cho ra ngoài dinh thì tùy tiện đi ở bên rạp, sáng dậy quét dọn cho sạch đổ ra hố xí. Ai làm trái thì chiếu theo phép lấy nước mà xử.

- Ở trung quân mỗi khi buổi chiều thúc ba hồi trống xong, các dinh tức thì dập lửa, cấm làm ồn, không cho người đi lại. Làm trái thì đội trưởng cũng bị trị như binh lính. Đội trưởng mà phạm luật đi tuần, nhất luật phạt 30 côn.

- Sai người phục ở bên đường, mỗi một ngày đêm đổi ban một lần, cứ xong bữa cơm sáng thì sai đi, khi người kia đến thay cho người này về thì người về phải tới ngay trung quân mà báo cáo.

- Ban đêm có người đến phục sự, đến cách ngoài cửa chừng 20 bước thì bắt đứng lại. Người giữ cửa nhận tiếng nói, nếu là người nha khác sai đến, phải hỏi lai lịch của nha ấy, như có thư thiệp giấy tờ thì bảo đem thư thiệp giấy tờ ấy ném xuống đất, cho người truyền giữ ở ngoài dinh nhặt lấy, để do thành gỗ mà đưa vào trung quân. Trung quân có lệnh tiễn cho vào mới được mở cửa cho vào. Không có lệnh tiễn thì không cho. Nếu có kẻ dùng dăng không đi, cùng là không tuân điều cấm mà cứ sấn tới dưới thành gỗ, thì cho bắn, chết cũng không tội.

- Gặp có báo động, phải nghiêm tĩnh giữ các phần đất, đóng cửa thành gỗ, nghe lệnh ra quân; như ai có nói to chạy bậy thì theo phép quân trị nặng.

Dinh đêm.

*Mao tử** nói: Ban đêm thì khó đề phòng, cần phải thám phục ở xa, canh phòng rõ ràng để biện kẻ gian dối. Phép của các nha sẽ bày ở sau:

- Phàm quân dinh đóng xong, thường phải phòng ngự ở trước dinh... Ngày đêm nghiêm phòng, dù có mưa gió cũng không rút quân ở đội; quan cũng không được lìa đội. Mỗi dinh để ngựa 5 con đóng sẵn yên cương thả cho ăn để phòng có báo động gấp thì chạy đi báo ngay.

- Ngoài việc cảnh bị của quân dinh, mỗi quân phải đặt riêng xích hậu. Một quân định rút chiến sĩ 30 hay 50 người. Ở những đường yếu hại cách 3, 5 dặm ở ngoài bốn mặt, ban đêm đặt phô ra ngoài, mỗi phô cấp ba cái trống đem theo. Như trong đêm có giặc phạm đại dinh, phô ngoài thấy giặc giao chiến với đại dinh thì ở sau phải nổi trống và hò hét để đánh ở sau giặc, nhân được cơ tiện lợi thì hẳn có thể thắng được.

- Phàm quân dinh đóng xong, ban đêm thì đặt riêng quân thám ở ngoài, mỗi dinh dùng quân xung đột và quân dững cảm lẫn lượt thay phiên, mỗi mặt 4 người, mỗi người lãnh 5 lính cưỡi ngựa đi tuần ở bốn mặt dinh, cách dinh ngoài 10 dặm, để phòng sự bất thường. Như có báo động thì chạy về báo trung quân. Hay sai quân cưỡi ngựa cứ đến trống canh thì giơ lửa để hưởng ứng. Giặc trông thấy hiệu lửa không dám cướp dinh nữa.

- Phàm quân dinh, ban đêm lại nhằm con đường trọng yếu giặc có thể đến mà lấy quân thám kỵ để đặt phô ngầm², mọi người đều cầm bó đuốc mà giấu sẵn lửa³ lẫn lượt ứng tiếp với nhau. Lại phục người ở trong cỏ hai bên đường, hay cho lên cây cao mà trông xa, biết là có giặc thì chạy báo cho ngựa phô giơ lửa, phô trước ứng theo rồi thì chạy tới đại quân. Đại quân cũng đặt người trông hiệu lửa.

- Phàm mỗi đêm lúc đặt phô, mỗi phô sai chứa 5 cây đuốc và một bó cỏ khô, lại sai giữ lửa. Nếu có báo động thì mỗi phô đều cứu nhau, không được đi cách. Lại phải giơ đuốc lên để soi. Trung quân tức thì đánh trống, khiến các dinh đều biết. Tướng sĩ đều mặc áo giáp, cầm cung tên, thấy ai chạy thì bắn, tự nhiên phải đứng lại. Quân giặc nếu hơi nhiều thì trung quân kíp ra cứu viện. Nghe dinh bị cướp có tiếng quân kêu nhiều thì nên xét để phân biệt.

1. Tức là Mao Nguyên Nghi, tác giả sách **Võ bị chí**.

2. Phô ngầm, tức là phô canh bí mật.

3. Đuốc chưa đốt, nhưng giấu sẵn lửa để địch khỏi thấy và khi cần thì đốt đuốc ngay được.

Phàm ban ngày có giặc phạm dinh thì dinh bị phạm phải đánh trống gập. Các dinh thúc trống để hưởng ứng rồi dinh không có giặc thôi trống, duy dinh bị giặc đến phạm, nếu giặc không tan, thì cứ thúc trống mãi. Các quân đều mặc áo giáp, cầm binh khí, nhìn cờ hiệu ngũ phương của đại tướng chỉ về đâu, tức là đường ấy giặc đến, chỉnh đốn binh giáp, ra trước bày hàng, chưa nên hoạt động, đều chờ quân đến cứu, theo lệnh đại tổng quản mà tiến hay dừng.

Phàm quân dinh lo bị giặc phạm thì ở ngoài dinh phải thường đặt một đội riêng để phòng hộ, rút ở chiến đội thường của dinh mà sung vào; cách lều tướng 30 bước¹ bày đội phục sẵn. Nếu giặc đến, đội phòng hộ mà không địch được thì trong dinh mới ra quân giúp, không được để giặc phạm vào đại dinh.

Phàm quân dinh bị giặc đến phạm thì đại tổng quản phải tự đem quân ra cứu, thường trước đã cùng với các tướng ngầm hẹn rằng binh sĩ đeo lục lạc ở mình làm hiệu, dinh bị giặc xâm phạm nghe thấy tiếng lục lạc tức biết là quân đại tổng quản đến, hoặc lục lạc hoặc đặc đều không thể định trước, vì sợ quân giặc ăn cắp mật hiệu.

Phàm quân dinh đóng lâu thì ở chốn thung lũng trên đường giặc đi nên đào hào cắt đứt rộng 3 trượng sâu 2 thước, rồi lấy cát nhỏ và đất rời lấp bằng đi, mỗi ngày kiểm xét và quét cho sạch sẽ, hễ quân gian ra vào và quân ngựa qua lại đều có thể thấy hết.

Phàm chỗ quân đóng, ở trong binh kỳ² nên kén những người cứng rắn quá quyết, am hiểu đường sá sông núi, và ở lâu trong quân, cùng với lính phò đã làm việc với nhau lâu ngày, cho nấp chờ ở ngoài nơi kín đáo, dùng phép bắt sống mà bắt những người lấy củi chăn ngựa dò thám cho giặc, điếu về đề tra hỏi công việc trong giặc; khi làm thì đừng cho binh du địch³ biết.

Phàm trong quân ban đêm cứ khoảng một trăm bước thì để hai người nghe, mỗi canh đối nhau một lần, để làm việc nghe rình vặt. Như ban đêm ở dinh địch có tiếng ngựa hí thì biết mưu nó chuẩn bị đi đánh cướp đêm, lấy đó mà suy, để đề phòng sự không ngờ. Còn lo dò thăm không được xa, cho nên sai người thính tai ít ngủ, nằm gối vào cái hồ lặc không để nghe, hồ lặc thì dùng da lợn rùng mà chế, phàm người ngựa đi ngoài 30 dặm, đông tây nam bắc đều có thể nghe được tiếng vang. Mỗi dinh thì đặt 1, 2 sở, nơi quan trọng thì đặt 3, 4 sở. Các phò lể và nơi rào phen trấn giữ cũng đều đặt một sở để nghe, nghe rồi đổi đi nơi khác, không nhất định để một chỗ.

Phàm đánh ban đêm, phần nhiều do quân địch đến đánh úp lũy quân ta, bất đắc dĩ mà phải đánh. Phép đánh là ở chỗ lập dinh. Phép lập dinh cũng như phép lập trận, cho nên *Binh chí* nói: *Quân đồn thì làm dinh, quân đi thì làm trận. Vì là trận lớn bọc trận nhỏ, dinh lớn bọc dinh nhỏ, các quân trước sau tả hữu đều tự có dinh. Dinh đại tướng ở giữa, các dinh bao chung quanh, gối cạnh liền nhau, chỗ gãy đối nhau, xa không quá 100 bước, gần không quá 50 bước, đường sá thông suốt, để ra vào, đôi bên vách lũy cùng trông nhau, đủ để dùng cung nỏ mà cứu nhau được.*

Phàm cửa đường qua lại, phải lập bảo nhỏ, trên chất củi đào lỗ làm đường ngầm; dùng thang Hồ⁴ bắc lên khiến người đứng trông. Hễ đêm nghe tiếng trống thì dậy ngay, tức thì đốt đuốc lên, quân giặc đêm vào cửa dinh, nhìn quanh bốn phía thấy đều có dinh nhỏ giữ vững cả, không biết đánh vào chỗ nào. Lúc đó trong dinh đại tướng hoặc các dinh nhỏ biết trước là quân giặc đến, cứ nên đóng quân không động, để cho quân giặc vào hết rồi sau mới đánh trống, các dinh đồng thời ứng phó, các bảo đều đốt lửa soi vào, quân sĩ các dinh đều đóng cửa lên thành mà la hét xuống quân địch, nỏ cứng cung khỏe bốn mặt đều bắn. Nếu địch đi lên vào một dinh thì dinh bị đánh đốt lửa, cho quân ra đứng vây quanh và ra hiệu lệnh trong dinh không được rối động. Trong khoảng chốc lát, thiện ác tự sẽ chia ngay. Nếu kẻ nào chạy ra thì đều vương lưới cả. Ngày nay lập dinh rộng rãi thông suốt, nếu ban đêm có giặc đến đánh, thì trong quân của dinh bị đánh không ai là không rối sợ. Dù có đặt nhiều thám thính, nghiêm việc phòng bị, trong khi đêm tối cũng chẳng phân biệt được ai, dù có tổn nhiều công cũng chẳng được gì.

-
1. **Võ bị tổng yếu**, Tiền tập, quyển 5, mục “Cảnh bị” chép là 20 bước.
 2. **Binh lẻ, đối với binh chính.**
 3. **Tức binh đi tuần.**
 4. **Thang của người Hồ không rõ hình chế thế nào.**

Phàm đánh vỡ giặc rồi, thì phát thẻ cho binh đi tuần đêm để biết rõ sự canh phòng. Mỗi đội phát treo một chiếc đèn trên cờ hiệu, mỗi tiêu phải treo hai đèn ở trên cờ hiệu, mỗi ti phải treo ba đèn ở trên cờ hiệu, nhưng cờ chính thì dùng một đèn; cần phải treo cao thấp cho đúng cách thức. Ban đêm các dinh đều chiếu theo số đèn đã định, các dinh thì trông đèn ở trung dinh, các bả tổng¹ thì

trông đèn của dinh mình, các tiêu thì trông đèn của đại ti, các cơ thì trông đèn của tiêu mình, các đội thì trông đèn của cơ mình, các binh thì trông đèn của đội mình; đêm trông đèn cũng như trông cờ ban ngày. Đèn thì chuẩn bị trước, trông theo hiệu lệnh ở trung quân; treo lên đèn lồng, đều có ám hiệu ở trên, không cho trùng. Lại cứ cách bản dinh ngoài 30 bước thì phải đốt một đồng củi, để ta có thể trông thấy giặc, giặc không thể trông thấy ta được. Người đốt lửa và mỗi người đứng canh gác ở cột cờ đều phải xin ám hiệu mà đi.

Phàm mỗi ngày, đến giờ dậu ngu hậu phải tới mạc phủ đại tướng quân xin hiệu. Sổ viết hiệu đóng giấy 24 tờ, mỗi tờ chia làm 15 dòng, ở trục đầu dòng thì viết 6 hiệu quân và năm tháng ngày nào; sau giờ tị là giờ ra hiệu ở sổ, đại tướng quân tùy ý mình, theo một dòng mà viết chữ, chữ trên là chữ hét hỏi, chữ dưới là chữ đáp lại, mỗi đêm viết một dòng. Quyển sổ có 24 tờ cộng là 360 dòng, hết một năm thì hết sổ, phải đổi sổ khác; như gặp năm nhuận thì đóng thêm 2 tờ. Chữ hiệu không được phạm chữ húy của nhà nước và chữ húy của đại tướng quân, nguyên súy, đô thống... Những ngu hậu đi tuần và các ngu hậu của chư tướng, khi đại tướng quân ra hiệu phải phân minh biên rõ lấy. Phàm những chữ hét hỏi và đáp lại đều là các hiệu đại cương thôi, đến khi có báo động, hoặc sợ địch ăn cắp, hoặc sợ có nội ứng thì không chuyên theo một hiệu đã định, nên gặp việc thì thay đổi, hoặc qua mặt giờ thì đổi, hoặc đến sáng thì đổi. Ban ngày lấy tấm giấy ngũ sắc làm hiệu, giấy cũng nên thay đổi hàng ngày. Như khi chia đi đánh úp hay đặt quân phục, ban ngày hoặc lấy cờ dựng ở cửa làm nêu, lấy màu làm hiệu, chiều tối và ban đêm thì thổi còi hay đánh trống nhỏ, đánh chạu đồng, gõ tấm gỗ v.v..., những tiếng ấy có thể đi xa hơn một dặm, hay sai người kêu to làm ứng nghiệm, việc đó tùy theo đại tướng quân lâm thời xếp đặt.

Phàm đặt phô, mỗi ngày giờ tuất (8, 9 giờ tối), giờ thìn (8, 9 giờ sáng), phải đánh trống nghiêm, ngu hậu lãnh các đội giáp sĩ, dựng cờ xí lập khẩu hiệu, đi tuần ở trong quân và trên thành, ngoài dinh thì đi tuần ở đồng, đặt phô bí mật: Kẻ ngồi canh hét hỏi: “Ai?”, người đi trả lời. “Ngu hậu tổng quản Mỗ”. Người ngồi hét: “Làm gì?”, người đi trả lời: “Đặt phô”, như thế ba lần hét ba lần trả lời, rồi người ngồi nói: “Ngu hậu tổng quản đi”.

Phàm dinh canh đêm, mỗi phô 10 người, mỗi canh 1 người, theo khắc lậu mà đánh hiệu. Một người chuyên nghe vật, dù việc người nằm mê khiến người

ta kinh hoảng cũng nên cảnh giác. Lâm thời hoặc thêm trống hiệu, hay dùng cung tên để ứng. Như thế thì quân gian không thể làm gì được. Sách *Miếu chú*(?) chép rằng chỗ đặt phô canh, nên đặt cả phô chó nữa, vì khi đóng quân ở trong cõi giặc, tướng sĩ đi xa mỗi một, nhờ chó để báo động cho.

Phàm các dinh ban đêm phải chiếu theo lệ định đèn đuốc làm hiệu. Đèn trông xem đèn lồng mà theo, các tiêu thì trông đèn trung quân, các đội thì trông đèn của tiêu mình, các binh sĩ thì trông đèn của đội mình, nếu lâm thì xử theo quân pháp, so với ban ngày nặng hơn một bậc. Nếu gặp mưa to gió lớn thì trông bó đuốc.

Phàm ở cạnh nơi đặt dinh, hoặc chọn địa lồi, hoặc dùng mộc pháo, treo máy ở đường, khi địch đến, máy động lửa rơi, pháo tức thì nổ, chẳng những làm cho quân địch sợ mà cũng có thể báo động cho quân ta phòng bị. \

Phàm ở ngoài tám mặt nơi đặt dinh, cách dinh 1, 2 dặm thì đốt lửa sáng, có quân giật máy chực đẩy, để địch ở chỗ sáng mà mình thì ở chỗ tối. Một khi trông thấy bóng giặc thì ngầm phát cung tên và đại pháo mà giết. Nếu đối lũy với địch thì mỗi đội đốt một đồng lửa.

Phàm ban đêm có giặc phạm vào đại dinh, thì quân kỳ và quân phục đặt ở xa thấy giặc giao chiến với đại dinh phải trích dùng vài chục hảo hán cho hò hét đằng sau để làm cho giặc ngờ, thừa cơ cũng có thể đánh thắng được, mà nơi đóng thì đã ở trong khoảng rừng cây núi đá, nên buộc thuốc súng và củi cỏ, hoặc chủ tướng sai người đặt máy móc để lâm thời đốt lên, như thế có thể khiến đại dinh biết là có địch, và làm cho quân địch hoảng sợ, ngờ là quân phục của ta nhiều lắm.

1. Chức quan võ chỉ huy một dinh. Xem chú giải ở trên.

Dinh ngầm.

Mao tử nói: việc quân có hư thực, không khó ở thực, mà khó ở hư. Việc trong thiên hạ đều thế cả. Nếu không có phép để làm thì muốn khiến cho nghìn muôn người không tiếng không hình, có thể được không? Cho nên phải đón nghe lời của Thích tướng quân¹ như sau:

Phàm chỗ đóng quân kín, đến lúc thì mới truyền cho biết, phải nổi ám hiệu để truyền lệnh ước thúc, không được dùng lệnh phiếu mà dùng đi tuần để xem. Khi mới bốc đi hay khi mới đóng thì trong quân không động xe, động cờ,

không khua trống, không phóng pháo, không thổi đánh gì, tức phải dùng ám hiệu.

Muốn hạ dinh ngầm thì các dinh đem đèn lồng châm lên; dùng chén đèn có chụp để hết ở đất, không thể không chuẩn bị, khi cần đến thì đốt lên, nếu để một lúc mà làm thì không thể kịp.

Trung quân trước hết dùng hai cái lệnh tiễn truyền cho tướng các dinh được biết, rồi thông truyền cho các đội trưởng một lượt, rồi lại chuyển cho tiền tiêu. Người đội trưởng thứ nhất cởi lấy một cái, giao cho bả tổng ti thứ nhất² thu xét, và truyền trả một cái trở về. Lệnh truyền hạ ám dinh thế là mọi người đều biết. Chờ truyền một cái tên nhỏ ngắn để giao cho tiêu³ làm bí mật. Trước đã có sai quan ở đó, hỏi ám hiệu đúng thì cho họ điều độ mà bí mật hạ dinh. Nếu đặt dinh có cái gì sai thì cho một người bí mật đi, sẽ nói để sửa đổi, không cho nhiều người kêu to. Làm trái thì xử theo quân pháp.

Quân ta mỗi ngày đi đường bao nhiêu, địch có thể dự tính được cả, nhưng chỗ quân ta đặt dinh thời giặc không thể dự biết được. Chỗ đặt dinh có núi hiểm để phục binh và chỗ kiếm củi lấy nước phải đến, giặc đều có thể biết được. Và quân ta tất phải theo đường quanh núi, nếu thuận tiện theo cây xanh rậm rạp, thì núi không có đường cũng có thể theo tắt vượt hiểm mà đi. Ở những nơi dinh ta gần kề núi hiểm, thì địch có thể tốp 3 tốp 5, ngày nấp đêm dậy, nổ súng reo hò, dụ quân ta ra khỏi dinh, để chúng bắt kéo vào nơi cỏ rậm, trộm bắt người và súc vật như thế để làm kế quấy phá, khiến ta ngỡ sợ không dám ở lâu. Ta thì trong lúc chưa dời quân, hãy trước đem người hướng đạo tìm lấy nơi đặt dinh rồi sau mới dời. Khi đến nơi ấy thì xem thế hiểm để củi nước, tìm chỗ có thể đặt phục được thì giữ lấy trước mà đặt phục để chờ giặc đến, như thế thì tay trên đã thuộc về ta. Còn phép dời dinh và đặt quân phục ở đường thì nhân nha mà làm, không nên làm cho quân chán phiền mệt nhọc.

1. Tức là Thích Kế Quang, người đời Minh, giỏi binh pháp, có sách *Kỷ hiệu tân thư*, *Võ bị tân thư*.

2. Ti ở dưới dinh.

3. Tiêu ở dưới dinh và ti, ở trên cơ và đội.

Phân biệt gian tế:

Phàm binh lính các xứ lui về đều có phiếu văn của nha môn văn võ chấp chiếu, khi họ tản về dân gian không thu lại được. Lúc bình thời hành quân ở nơi dinh dã, nếu có bọn gian cầm được phiếu văn ấy nói là xin đầu quân để mưu điều biến trá, thì không hỏi là thực hay giả, đều xem là gian tế, bắt chuyển ngay giao về cho người có trách nhiệm trong quân để tra xét định đoạt.

Phàm quân đi đến thôn xã nào nên dừng lại, thì phải đóng quân ở ngoài, đừng vào vội, trước gọi phụ lão trong thôn và lý dịch văn thân mấy người đến, vui vẻ hỏi han vỗ về như thường, xét thấy tình dân hướng thuận, bấy giờ mới có thể đóng quân. Sức cho lý dịch trong làng đem đình tráng canh phòng các ngã đường, lưu các phụ lão văn thân ở lại nói chuyện, rồi sau chia binh ra bốn mặt phòng giữ; đều bày rào tre và chông tre để tự vệ. Ngoài thì đặt quân tuần và quân canh. Đêm thì chứa củi đốt lửa để soi quân gian. Những binh phòng thủ và binh sách ứng, cũng theo như phép đóng đồn. *Binh pháp* nói “*Nhiều thì chia ít thì nhóm*”, thế cho nên quân chia làm nhiều toán để đóng đồn, cùng nương tựa nhau, cùng cứu ứng nhau, có phòng bị thì không phải lo vội.

Phàm đóng quân ở nơi rừng núi đầm bãi, nên chia chiếm đóng các gò đồng cao, cùng các chỗ khe suối đầm bãi; lại chia ra các ngã đường đi lại, nên lấy gỗ đá chặn lấp làm cửa lũy. Cũng phái nhiều quân tuần quân canh để phòng ở ngoài. Quân canh thì đốt lửa cháy to, ngồi ở trong tối nhìn ra. *Binh pháp* nói “*Giữ được nơi cao trước thì thắng*”, vì rằng núi cao lên được trước thì có thể phòng được nước độc. Cho nên khe suối nên giữ. Đến như gặp địch, thì hiệu lệnh cũng y như phép đóng đồn, không phiền nói nữa.

Phàm đóng đồn ở nơi đồng rộng, thì y theo các thức đồn như bát quái, lục hoa, ngũ phương, thất tinh, tùy nơi mà phân bố, liệu thế gần xa rộng hẹp mà nương tựa nhau, hoặc như thế trường xà, đầu đuôi nhìn nhau, tả hữu giúp nhau. Duy đại tướng ở trung quân thì thiết lập đài cao hay lầu thang, ngày đêm phái người trông xa. Đồn lũy ở ngoài nên làm khuất khúc, trong ngoài đào hào, cổng ngõ che lấp. Quân tuần quân canh cũng y như trước, duy mật phái nhiều người cẩn tín ngầm đi dò xét, sợ bọn gian nhân sơ hở lén vào. Gần đây có rừng rậm thì phải đặt quân ngày đêm thay đổi canh phòng cẩn thận, không nên trễ tràng, như thế thì địch không dám phạm.

Phàm quân đi tới nơi nào nên dừng lại ngủ đêm, phải đến giờ thân¹ thì dừng, không nên đi đến tối. Trước hết phái lính cưỡi ngựa mật truyền cho quân các

toán biết, để sức cho du binh đi trước tìm tòi, và phái người hiểu biết công việc cưỡi ngựa đi trước mà xem xét địa thế hiểm dễ và các đường đi lại khuất khúc thế nào, vẽ tạm một bản đồ dâng trình. Toán nào nên ở chỗ nào, đều truyền báo trước. Trung quân thì đại tướng ở giữa; y theo tiền hậu tả hữu các toán phân bố bốn bên. Giao cho binh các toán đóng ở ngoài để hộ vệ trung quân; tùy địa thế mà ở, đều theo đội ngũ, không được lấn vượt nhau. Ở ngoài thì phái du binh đi tuần các phía để dò xét. Các ngả lại đặt binh xích hậu để giữ các đường yếu lộ. Chốt củi khô ở xa trước xích hậu cách 4, 5 trượng đốt sáng để soi phía trước, khiến quân gian không thể nấu hình. Lính canh thì ở trong chỗ tối mà nhìn, ở tối nhìn ra sáng rất dễ. Lính trú thì cần phải im hơi tiếng, để nghiệm việc tuần xét. Nhân khẩu của dân thì cử lý dịch sở tại khai nhận số người, bất thành lính xét hỏi để phòng bọn gian lén vào dòm nghe. Năm canh đều phái người đi tuần phòng và cho khẩu hiệu. Cấm binh và dân không được giao tiếp chuyện trò, sợ tiết lộ binh cơ.

1. Giờ thân: Bốn năm giờ chiều.

IV – Tuần canh

Phàm quân đi, ngủ đêm và đóng đồn ngủ đêm, cần phải năm canh tuần phòng canh giữ cho đến sáng rõ (dịch thường nhân lúc buổi tối và khoảng trống canh tư trống canh năm mà đánh úp, nên phải giữ cẩn thận). Phép canh thì mỗi đội nguyên có 4 thập, 1 viên suất đội, 4 đội viên trưởng, mỗi canh mỗi thập 2 tên, cộng là 8 tên. Canh một thì suất đội đốc coi, canh 2, 3, 4, 5, mỗi canh một người đội trưởng đốc coi. Mỗi thập 2 người canh thì một người cầm giáo, một người cầm súng, một người đứng, một người ngồi, luân phiên thay đổi, một người trông ngoài để phòng kẻ gian, một người xem trong để xét ở trong. Hoặc có người lính nằm mơ sợ hãi, thì người lính canh một mặt bưng giữ lấy miệng một mặt đánh thức người nằm mơ ấy tỉnh dậy, đừng để kêu to. Nếu lính canh không giữ miệng và thức tỉnh người mơ để đến nói bậy làm kinh động thì người lính canh phải xử chém, người lính nằm mơ thì giảm một bậc mà trị. Trong năm canh phái nhiều quân đi tuần (theo binh pháp có 1000 người

thì lấy 500 người làm sách ứng, 500 người chia đóng giữ, đóng đồn, canh giữ, đi tuần, để phòng có bạo động ban đêm và phái quân tiếp ứng).

Đại tướng ban đêm lấy còi gọi quân đi tuần (ở mặt trận, mỗi canh một lần đi tuần, lúc bình thường thì vào khoảng canh ba, canh tư, thối còi đi tuần cho nghiêm việc phòng bị). Khi nghe trung quân thối còi thì người lính canh gọi người lính nằm tỉnh dậy, đều cầm gươm súng, y theo chỗ của mình mà chờ đợi, sẵn sàng chiến đấu. Nghe một hồi còi rồi thì lặng ngời mà nghe. Như có việc chiến đấu thì đợi được lệnh truyền, như không có việc lại nghe có 3 tiếng còi nữa là thôi, người canh đổi canh, người nằm vẫn nằm. Phép khẩu hiệu, như ở mặt trận thì mỗi canh một lần đổi, như bình thường thì năm canh đổi một khẩu hiệu, sợ khẩu hiệu tiết lộ ra ngoài. Như hỏi: *chiến*, trả lời: *thắng*, hỏi: *yên*, trả lời: *không*, ba lần như thế. Âm hiệu bằng hỏa mai thì một cây chỉ về trước, hoặc về bên tả, hay 2, 3 cây không nhất định. Việc binh thuộc về âm, nên chủ im lặng. Ban đêm, kẻ nào nói to làm kinh động, thì chém không tha.

Phàm đồn quân ra vào, nên đi quanh mà không nên đi thẳng. Ngoài đặt bình phong che cửa (hoặc bằng đất hoặc bằng gỗ, tùy dụng) để phòng súng đạn và xung phong. Hai bên tả hữu thì chứa nhiều gạch đá để phòng ném xuống. Hoặc có vôi bột hay tro nóng thì rất tốt, để phả vào mắt người. Hai bên cửa lại trồng cột cao để treo bó đuốc, khi có việc đốt lên cho sáng. Thân lũy dài thì cách 2, 3 trượng treo một cây đuốc để phòng soi đêm. Hai bên cửa đều đặt súng lớn, bắn xa nạp đạn chiến, bắn gần nạp đạn ria, đạn hạt đậu. Lính canh giữ cửa thì phái một đội quân, 1 suất đội; 4 đội trưởng, 40 tinh binh (trừ hỏa binh ra), súng chim 20 khẩu; bên tả cửa thì đội trưởng 1 người, lính 10 người (súng chim 5 cây giáo nhọn 5 cây), bên hữu cửa cũng thế, để hộ vệ súng lớn và hai bên cửa; suất đội 1 người, đội trưởng 2 người, lính 20 người (súng chim 10 cây, giáo nhọn 10 cây) canh giữ cửa chính. Ngoài lũy thì trồng tre nhọn 3 trượng để phòng sự xung phong của địch. Khi có việc thì không kỳ ngày đêm, đều theo bốn phận của mình mà phòng giữ, tùy theo trường hợp nhẹ nặng, phái quân sách ứng, tiếp đến phụ chiến. Ở trong đồn lũy thì lập đài thang để trông xa. Quân canh giữ không được lìa chỗ, người ngoài không được lên vào, trái thì chém.

Thu và tan canh.

Phàm cuối giờ dậu thì thu canh, đầu giờ dần thì tan canh. Đến giờ thu canh, tướng hiệu ở trong đồn bày đặt chiêng, thanh la, trống, ba khẩu súng. Thối còi một lượt để cho ba quân nghiêm sự nhìn nghe. Quân sĩ đều nghiêm túc ở trại mình. Trống, chiêng, la đều đánh một tiếng, mõ ứng theo 3 tiếng, đều ba lượt như thế với 3 tiếng lẻ, rồi bắn 3 tiếng súng lệnh. Khi tan canh cũng y như thế, mà miễn đánh mõ. Lúc thu thì tiếng hơi thưa, lúc tan thì tiếng hơi dày.

V – Quân tư (Đồ ăn uống)

Lương. Phép trừ lương, đại ước tính hằng năm thì nên lập đồn, tính hằng tháng thì nên vận chở, tính hằng ngày thì nên lưu cấp. Đường đi nghìn dặm thì việc vận chở và lưu cấp phải cùng làm, mà khi đời đời không thường thì việc chuyển dời và lưu cấp cũng phải cùng làm. Nhưng khi cấp bách quá, không kịp dùng cháo nôi thì dùng lương khô. Bằng lấy được lương của địch, cùng là không mà làm ra vẻ có, rộng mà làm ra vẻ đầy, đường vận tải đứt mà bị vây lâu, phải tìm trăm thức để nuôi sống, thì đó chỉ là cách cứu nhất thời, chứ không thể làm thường xuyên được. Việc ăn là việc gốc của dân, là việc tính mệnh của binh, tất phải mưu sao cho không hết, chở sao cho có luôn, hộ vệ sao cho chu đáo, tiêu dùng sao cho có chừng.

Sách Yên thủy thần kinh:

Phép dùng khi không có nước. Phàm gặp chỗ đóng dinh không có nước, thì tìm nơi nào có nhiều lau sậy mọc và có lỗ mối đùn, ở dưới tất có suối ngầm; hay tìm đường có dấu chân thú đi, theo đó không xa hẳn là có nước.

Phép cướp lương. Phàm quân địch xông lại cướp lương thì mũi nhọn tất hằng, quân lương của ta ít, nên lánh mũi nhọn ấy đã, đợi khi chúng trở về, vai mang hẳn nặng, trong bụng tất sợ ta, ta sai quân phục ở đường trọng yếu, vùng dẫy đánh là lấy được lương.

Phép nấu cơm trên cật ngựa¹.

1. Ở đây trích 2 chương của **Hồ trưởng khu cơ**, đây xin bỏ, xem **Hồ trưởng khu cơ** ở sau.

Sách Võ bị chế thắng chí¹:

Đem lương. Phàm nghìn dặm đem lương, quân có sắc đói, kiếm củi hái rau rồi sau mới nấu cơm, thì quân không được ngủ no. Huống chi đi sâu vào đất địch, xe chở lương không thông được, phải đánh úp địch để lấy lương. Tuy nói lấy lương ở địch, nhưng cũng lo nó làm cách vườn không nhà trống để chờ mình. Vậy nên mỗi người phải đem vài đấu lương khô có thể dùng được vài tuần. Nếu rút quân ở đường, cách cõi còn xa, lương chứa thiếu thốn, tức phải chọn những trâu ngựa gầy còm để cho quân ăn, ngô hầu giữ được sức người, không bị giặc làm khốn. Dùng gạo một thạch, đem chưng chín lên, rồi bỏ vào nước tương mà ngâm, dùng lửa sấy khô, lại chưng lại sấy, làm thế mười lần, có thể được độ 2 đấu. Mỗi lần lấy ăn chỉ một lè to, trước lấy nước nóng mà ngâm, đợi cho trương lên, rồi sau đem nấu ăn, mỗi người có thể ăn được 50 ngày.

Muối 3 đấu, đem trộn với gạo, bỏ vào trong nồi, dùng than lửa rang, làm cho săn lại không tan, mỗi người có thể ăn được 50 ngày, đem đi tháng hè thì hợp.

Vải to một thước, lấy một thừng giấm chua tẩm đem phơi khô, hễ giấm hết thì thôi, mỗi khi ăn, cắt lấy một tấc mà nấu, có thể ăn được 50 ngày.

Lấy bột tiểu mạch gói một tấm bánh chưng, tẩm vào một đấu giấm, đem phơi khô, bao giờ hết giấm thì thôi, mỗi lần ăn, lấy bằng 2 quả vông mà nấu, một người có thể ăn được 50 ngày.

Lấy 3 đấu đậu, giã ra như cao, thêm vào 5 đấu muối, nắm làm bánh, phơi khô để ăn, to bằng hạt táo, để thay tương, mỗi người có thể ăn được 50 ngày.

Như lúc gay go lắm thì các đồ quân trang bằng da cũng có thể nấu ăn để cứu đói được.

Trên đường hành quân thì tước lấy vỏ cây thông, mỗi 10 đấu vỏ thông thì cho vào 5 lè gạo để nấu, sai nấu chín như ra, nửa đấu một người có thể ăn được một ngày.

Mỗi người đem đi nửa cân vừng, gặp lúc khát thì nhấm 30 hạt là khỏi khát ngay; cũng có thể đem ô mai hay tương quả; mỗi người mang theo một quả bầu hay ống tre, túi da, có thể chứa độ 2 cân, liệu nước ở đường trước mà đựng nước đem theo. Quân ngựa thì mỗi người đem tương khô cho ngựa, sợ ngựa khát.

Đời gần đây lính biên phòng đi xa thì có các thứ bánh bột, cơm nắm, túi miến. Bánh bột dùng bột gạo làm miến, hòa vào nước sôi làm thành bánh, dày một phân, đợi nguội cắt vòng như con cờ, phơi khô cất đi, như ở dinh trại thì dùng nước nóng ngâm mà ăn, như đi đường và trong chiến trường thì ăn khô, vị ngon mà khỏi khát, hơn các thứ bánh tạp. Còn cơm nắm túi miến thì đều làm theo phép thường, duy phải phơi cho rất khô, để có thể đem đi và để lâu.

Tìm nước. Trong khi hành quân, nên trước chọn suối nước. Theo phép cũ thì quân đi trước và quân đi sau phải trông coi việc cỏ nước, giữa đường gặp nước thì nên kéo cờ đen để báo cho mọi người.

Phàm quân đến đâu thiếu nước, thì xem chung quanh đấy thấy có dấu đường ngựa bò đi, thì tìm xem dấu đến đâu, hẳn là có nước.

Phàm ngoài đồng thấy nơi nào chim muông tụ họp hay nơi có loài chim nước họp thì đấy phải có nước.

Phàm chỗ đất mọc lau sậy cỏ lác và có đồng mỗi đùn thì ở dưới hẳn có suối ngầm.

Có thuyết nói lạc đà hay biết chỗ có nước, khi đi đường bị khát, thì nó quỳ xuống trên cát, đào dưới đấy thì có mạch nước.

Đại phàm quân đi về tháng mùa đông, mỗi người đều mang một cục nước đá, trời lạnh không tan được, cũng có thể phòng khát.

Phàm suối nước ở cách dốc núi thì lấy ống trúc lớn, chọc thủng mắt đi, để ngọn ống này đút vào gốc ống kia, rồi lấy dâu và vôi hay sáp ong gắn liền cho khỏi chảy nước, đẩy đầu ống trúc cắm vào trong nước tới 5 thước, rồi ở cuối ống đốt củi thông hay cỏ khô, khiến cho hơi ở trong ống trúc ngấm thông vào nước, thì nước từ trong chảy ngược lên.

1. Võ bị chế thắng chí, quyển 5, chương “Quân ta”.

VI – Hình thế

Sách Kinh thế:**Xem nơi đóng quân.**Phàm tiến quân đánh địch, trước hết phải xem hình thế đất địch: mười dặm thì có hình thế mười dặm, trăm dặm thì có hình thế trăm dặm, nghìn dặm hay mấy nghìn dặm đều có hình thế cả; tức trong khoảng mấy nghìn dặm, một dinh một trận cũng đều có hình thế. Một

hình thế tốt có họng, có lưng, có hông hữu, hông tả, có chỗ căn cơ yếu hại, mà có thể cậy được là cậy ở núi, cậy ở sông, cậy ở thành vách, cậy ở quan ải hiểm trở, cỏ cây rậm rạp, đường sá lẫn lộn. Đánh địch thì phải biết đường nào nên tiến, chỗ nào nên đánh, đất nào nên tới, chỗ hờ nào nên lợi dụng, núi nào nên đặt phục, đường lối nào nên qua, chỗ hiểm nào nên giữ, để tiện cho quân kỵ, quân bộ, tiện cho đoàn binh trường binh, tiện cho trận ngang trận dọc; đã tính toán rồi thì sau mới có thể chệt họng hay võ lưng, hoặc xuyên hông, hoặc nắm nơi căn cơ yếu hại. Cậy núi thì tìm phép để vượt qua núi; cậy sông thì tìm phép để sang qua sông; cậy thành vách, quan ải, đường sá, cỏ cây, thì tìm cách bạt thành, phá vách, vượt quan qua ải; đốt cây trừ cỏ, khảo xét những đường to ngõ tắt. Thế ở ngoài thì đừng khinh suất mà vào sẽ như cá trong nôi, khó mà thoát khỏi. Thế ở trong thì đừng đi quanh lượn, sẽ như hổ tìm dê trong chuồng, không thể ăn được. Cho nên thành mà không có quân phục thì khó đánh; quân mà không có hướng đạo thì khó tiến; núi sông nhờ người ngựa mà giữ bền, nếu người có thể chống cự được thì núi sông có hiểm gì đâu?

Đất có hình thế ở nước Thục không đâu bằng núi Điếu-ngư. Xin kết với chư hầu, nếu đúng được người và chứa thóc mà giữ thì có thể giỏi hơn 10 vạn quân nhiều lắm. Ba Thục không đủ giữ được.

Trước có người bạn hỏi ta rằng: Địa lý thế nào?¹

Sách Tôn tử: Hình đất có nhiều thứ, có thông, có quải, có chi, có ải, có hiểm, có viễn. Ta có thể đi, địch có thể lại, thì gọi là thông. Hình đất thông ta chiếm trước, lấy được chỗ cao sáng, lợi đường vận lương, đánh thì có lợi. Có thể đến dễ mà trở về khó, thì gọi là quải (vướng). Hình đất quải hễ địch không phòng thì ra đánh thắng được, bằng địch có phòng thì ra đánh không thắng được, khó trở về, không lợi. Ta ra mà không lợi, nó ra cũng không lợi, thì gọi là chi (cầm). Hình đất chi, địch tuy lấy lợi như ta, ta không ra, đem quân bỏ đi, để địch ra nửa chừng mà đánh thì lợi. Hình đất ải (hẹp) mà ta đến ở trước rồi thì phải đóng chặn cửa ải mà chờ địch. Như địch đến ở trước, nếu nó đóng chặn cửa ải thì ta không theo vào, không đóng chặn thì ta theo vào. Hình đất hiểm mà ta ở trước thì phải đóng trên cao để chờ địch. Như địch ở trước thì ta bỏ đi không theo vào. Hình đất viễn (xa) thì thế đều nhau, khó mà khiêu chiến, chiến thì không lợi. Phàm sáu hình đất ấy là đạo lý về đất, người làm tướng gánh vác không thể không xét kỹ? _____

1. Đoạn này trích ở **Hồ trưởng khu cơ, đây xin bỏ, xem Hồ trưởng khu cơ ở sau.**

2. Tôn tử, thiên X.

Trong phép dùng binh, có đất tán, có đất khinh, có đất tranh, có đất giao, có đất cù, có đất trọng, có đất dĩ, có đất vi, có đất tử. Nước chư hầu tự đánh ở đất mình, gọi là đất tán (tan). Lấn vào đất người mà không được sâu, gọi là đất khinh (nhẹ). Ta được thì lợi, họ được cũng lợi, gọi là đất tranh (giành). Ta có thể đi, họ có thể đến, đó gọi là đất giao (xen nhau). Đất chư hầu kề liền ba nước, đến trước mà được quân của thiên hạ giúp thì gọi là đất cù (đường thông). Vào sâu đất người, quay lưng lại nhiều thành ấp, thì gọi là đất trọng (nặng). Rừng núi hiểm trở lầy lội, đường sá khó đi, thì gọi là đất dĩ (lún). Lối đi đến thì hẹp, lối về thì cong, họ ít có thể đánh ta nhiều, thế gọi là đất vi (vây). Đánh gấp thì còn, không đánh gấp thì mất, thế gọi là đất tử (chết). Cho nên đất tán thì không nên chiến đấu; đất khinh thì không nên dùng quân; đất tranh thì không nên đánh; đất giao thì không nên bỏ dứt; đất cù thì giao kết; đất trọng thì cướp lấy; đất dĩ thì đi tới; đất vi thì lập mưu; đất tử thì đánh. Gọi là người giỏi dùng binh đời xưa biết làm cho địch trước sau không tiếp kịp nhau, nhiều ít không cậy nhau, sang hèn không cứu nhau, trên dưới không giúp nhau; binh tan mà không hợp, binh hợp mà không đều; hợp với lợi thì động, không hợp với lợi thì dừng¹.

Cải biến của chín đất, cái lợi của sự co duỗi, cái lẽ của tình người, không thể không xét. Phàm đem quân vào đất người, ở chỗ sâu thì phải chuyên, ở chỗ cạn thì phải tán. Bỏ nước vượt bờ cõi mà mang quân đi, đó là ở đất tuyệt; bốn mặt đều có đường thông, đó là đất cù; đi vào sâu là đất trọng; đi vào cạn là đất khinh; trở lưng ra nơi vững, trước mặt thì chật hẹp, đó là đất vi; ở vào nơi không thể tiến được, đó là đất tử. Thế cho nên ở vào nơi đất tán thì ta phải một lòng; ở vào nơi đất khinh thì quân phải liên tiếp; ở vào đất tranh thì ta ruổi đi sau; ở vào đất giao thì ta giữ cẩn thận; ở vào đất cù thì ta kết cho chặt; đất trọng thì ta phải tiếp lương thực; đất dĩ thì ta phải tiến lên (cho mau); đất vi thì ta đóng chặn chỗ hở; đất tử thì ta tỏ là không cần sống. Cho nên tình của binh, địch vây thì chống, không được thì đánh, nó qua thì theo².

Quân đi, thích chỗ cao mà ghét chỗ thấp, quý chỗ sáng mà rẻ chỗ tối³. Phàm hình đất các nơi đều có khác nhau, gọi là tuyệt giản, thiên tỉnh, thiên lao, thiên

la, thiên hãm, thiên khích⁴. Quân đi gặp những hình đất ấy thì kíp xa ngay mà đừng có tới gần. Ta lánh xa cho địch tới gần, ta hướng vào đấy cho địch dựa vào đấy⁵. Thế cho nên hành quân nên xa sau chỗ hại đó.

1, 2. **Tôn tử**, thiên XI.

3. **Tôn tử**, thiên IX.

4. Mai Nghiêu Thần, một nhà chú giải sách **Tôn tử (Tôn tử thập gia chú) chú rằng: Trước sau hiểm dốc, nước chảy ngang ở giữa là tuyệt giản (suối ngăn); bốn mặt đều có suối khe chảy về là thiên tình (giếng trời); ba mặt cách tuyệt, dễ vào khó ra là thiên lao (cũi trời); cỏ cây chằng chịt, gươm mác khó trở là thiên la (lưới trời); thấp lội trơn bắn, xe ngựa chẳng thông là thiên hãm (bẫy trời); hai núi chạm nhau, đường hang chật hẹp là thiên khích (khe trời)**

5. Xem **Tôn tử**, chương IX.

Người đánh giỏi vì có đất mà mạnh, vì có thế mà thắng; như chuyên nghìn hòn đá ở trên núi nghìn năm¹, chỉ nhờ có địa thế. Binh vì có đất mà mạnh; đất vì có binh mà hay. Người giỏi dùng binh thì (địch ở) núi cao chớ nghẽn (lên mà đánh, địch) dựa vào gò chớ đón (mà đánh)², quý chỗ sáng mà rẻ chỗ tối, nuôi lấy sống mà ở chỗ chắc³, thế thì không có hại gì hết.

Xưa Cao tổ giữ đất Quan-trung, Quang-vũ giữ đất Hà-nội, đều là nơi rễ sâu gốc bền để chế thiên hạ, tiến có thể thắng được địch, lui có thể đủ giữ bền, cho nên dù có khi khốn bại mà sau cùng thành được nghiệp lớn. Tướng quân vốn lấy Duyệt-châu làm đầu..., và Hà Tế⁴ là đất trọng yếu của thiên hạ..., đó cũng là Quan-trung, Hà-nội của tướng quân, không thể không dẹp trước...⁵. Nay địa thế không có lợi, chưa thấy có nơi nào dùng được. Nên chọn gò cao để giữ, khiến địch không thắng được. Địch giữ chỗ hiểm lấy làm bền, trước mặt là núi cao, sau lưng là thành dài, quân ta ở trên núi đánh xuống hẳn phải vỡ.

Sách *Hồng vũ đại định: Phép địa lợi ở trên núi cao đánh xuống thấp: Địa thế ở trên núi cao lợi, xông đánh xuống thấp thì thắng; lợi dùng cán thương, không lợi dùng lá chắn. Ta tới trận địa, trước phải nhằm nơi gò cao mà giữ, khiến địch ở dưới thấp; hay ở nơi gò cao chăm lấy, thì ta nên đến trước gò cao khiến địch ở dưới thấp.*

Lời quân sấm nói:

Đất nổi gò cao, đến chiếm ào ào.
Núi không cỏ cây, nước không sông dài,
Lợi cao đánh thấp, không lợi ẩn nấp.
Từ cao đánh hăng, giặc không dám đương.

Đó là nói lợi cao đánh thấp. Nếu giặc đã chiếm giữ làm kế lâu dài thì ta không đánh.

1. Nhấn: đơn vị để đo chiều cao đời xưa.

2. Xem **Tôn tử, chương VII**.

3. Xem **Tôn tử, chương IX**.

4. Duyệt châu là miền tây-nam tỉnh Hà-bắc và miền đông-bắc tỉnh Sơn-đông.

Hà Tế là sông Hoàng-hà về tỉnh Hà-bắc và sông Tế-giang về tỉnh Sơn-đông.

5. Trích **Tam quốc chí, Ngụy thư, “Tuân Húc truyện”**. Đây là **Tuân Húc nói với Tào Tháo**.

Sách Võ kinh: Thái tôn nói: Thái công nói lấy bộ binh và quân xa kỵ để đánh tất phải dựa vào gò mà hiểm trở, mà Tôn tử lại nói rằng chỗ đất thiên kích và nơi gò mà thành cũ, quân không nên ở là thế nào?

Tĩnh nói: Việc dùng binh là ở một lòng; một lòng là cấm giới rõ ràng, bỏ sự ngờ vực. Nếu chủ tướng có chỗ nghi kỵ thì quân tình lay động; quân tình lay động, thì địch thừa hấn mà đến. Đóng dinh giữ đất chỉ tiện cho quân sự mà thôi. Đến như những nơi giản, tình, hãm, kích¹ và các chỗ lao, la² thì nhân sự không tiện, cho nên nhà binh phải bỏ mà lánh đi, để phòng địch thừa thế đánh ta. Gò mà thành cũ không phải là nơi hiểm tuyệt, ta được nơi đó mà lợi thì sao lại bỏ mà đi? Lời Thái công nói là điều chí quan yếu cho nhà binh vậy³.

Sách Kinh thế: Người giỏi dùng binh cần phải lượng thế. Ở vào một góc, mà thiên hạ lung lay, không ai ở yên được, là vì nắm được chỗ tay trên vậy. Lấy ít chọi nhiều mà bền sắc phải tránh phải vỡ, không ai dám tranh, là vì chệt được nơi trọng yếu vậy. Phá một dinh mà mọi dinh đều tan, được một xứ mà các xứ đều theo, là vì triệt được chỗ họ nhờ vậy. Trận chẳng đợi phải giao hợp, ngựa chưa phải dùng roi cương, địch trông bóng cờ mà đã vội vàng thua chạy, là vì làm nhụt khí nó vậy. Biết xem thế đặt, biết lập thế quân, khéo dùng kỹ thuật, đánh không đâu là không lợi.

Chế người ta ở lúc nguy nan, chệt người ta ở chỗ sâu hãm, như người ta vào chỗ phục binh, trương máy đặt cạm, tất tính là địch không thể thoát thì mới phát, vì phát sớm thì địch trốn, mà phát chậm thì lỗi thời. Cho nên người giỏi dùng binh đưa người ta vào chỗ không biết. Cái đạo hành binh, quý nhất là biết địa lợi, địa lợi không rõ thì rất khó ra quân kỳ đặt quân phục. Đến chỗ nào thì tướng và quân coi dinh trước hết phải đem hình thế hiểm dễ của sông núi vẽ thành đồ bản, non non, nước nước, không thể lẫn lộn, mà không cần tô điểm trang hoàng cho đẹp mắt, nhưng phải chủ thích rõ ràng quân ta nên do đường nào mà tiến, nơi nào nên giữ, nơi nào nên đặt phục, nơi có hay không dấu chia đường, nơi nào có thể hợp quân, nơi nào có thể quyết chiến, quân giặc tất do nơi nào mà đến, nơi nào nó có thể mai phục, nơi nào nó có thể chặn sau lưng ta, bằng đối địch thì quân ta nên đóng nơi nào để có địa lợi, nơi nào núi hiểm hang sâu, có rừng rú hay không, trong ấy rộng hay hẹp, nơi nào có thể phục binh được bao nhiêu tên, nhất thiết ghi rõ, dâng lên cho đại tướng, lại thêm ý kiến của mình châm chước kỹ càng.

1, 2. Thiên giản, thiên tĩnh, thiên hãm, thiên khích, thiên lao, thiên la: Xem chú giải ở trên.

3. **Võ kinh trực giải**, phần “Lý Vệ công vấn đối”.

VII – Phòng bị¹

Phàm việc chưa nghĩ đến được thì lòng hăn sợ, lòng sợ thì thắng thốt không tính toán được, đó là điềm thua. Cho nên phải tính địch đánh úp thì lấy gì mà ứng, địch xông lại thì lấy gì mà chống, địch cắt đôi thì phân làm sao, bốn mặt địch lại thì đánh làm sao. Phàm những việc khó khăn gian hiểm thì dự trù mà phân bố, cần có phép nhất định và tính cả phép không nhất định, rồi sau lòng mới yên khí mới định, xảy gặp thì không sợ, trong bước lụy mà không nguy. Người xưa làm việc quân, qua sự hiểm vượt sự khó, làm yên không lo, nếu không có mưu trí kỳ dị, lo nghĩ trong chỗ không ngờ, đặt phép trong chỗ không phòng, địch lớn không sợ, địch nhỏ không khinh, kế hoạch chu đáo không dám cậy mà phải làm chu đáo hơn thì làm thế nào được!

Cần. Người dùng binh không lúc nào là không nguy, cho nên không lúc nào là không cần thận. Vào trong quân thì như người có trinh sát; ra ngoài cõi thì nghiêm sợ như lúc giao trận; khi được lấy thì nghiêm cái gì không hại; gặp sự hiểm thì phải tìm kẻ gian; địch đến thì lo có mưu; ta ra quân thì có kế trước; cần thận mà làm việc quân, đó là đạo hay nhất.

Biết. Một là thông; hai là điệp; ba là trinh; bốn là hướng. Thông là thông biết mưu kế của địch. Điệp là biết sự thực hư của địch. Trinh là biết sự động tĩnh ẩn hiện của địch. Hướng là biết được núi sông rậm rạp, đường sá quanh co, thế đất hiểm dễ. Biết được mưu kế thì biết được cách phá; biết được hư thực thì biết được cách đánh; biết được động tĩnh ẩn hiện thì biết thừa cơ; biết được sông núi đường sá thì biết được lối đi lại.

Trời. Gió giật ào ào, cần phòng ngọn gió; các sao đều động, hẳn có mưa sa; mây mù bốn phía, sợ có quân nấp đánh úp; gió dữ mưa to, sấm sét dồn dập, thì gấp chuẩn bị nỏ khỏe. Người khéo nhân thì không việc gì là không thừa cơ; người giỏi phòng thì không dịp nào là không ứng dụng. Trời chưa từng không do ở người, duy người là có thể nhân mà lấy dùng vậy. Cần gì phải cầu nghiệm ở đâu?

Nhân. Phàm giặc đánh ta là có bảy điều nhân: ngày đêm mỗi mệt thì nhân ta nhọc; cầm cự lâu ngày thì nhân ta lười; gió mây mù tối thì nhân ta lờ; tên hết súng thưa thì nhân ta thiếu; ụ đơn bờ yên thì nhân ta sơ hở; lửa cháy rồi ren thì nhân ta nguy cấp; thanh đông kích tây để nhân ta không ngờ. Đó là bảy điều nhân. Thành còn hay mất, không thể không phòng bị vậy.

Lương Huệ vương² hỏi Uất Liệt tử³ rằng: Hoàng đế dùng cả hình và đức cho nên trăm đánh trăm thắng, có thể không? Uất Liệt tử thưa: Hình để đánh kẻ có tội, đức để giữ nước, không phải là chỉ thời giờ âm dương thuận trái của trời đâu. Hoàng đế làm đó chỉ là nhân sự mà thôi. Sao thế? Ví nay có một cái thành, đông tây đánh cũng không lấy lại được. Vậy cả bốn phía cũng không có thời nào thuận để nhân đó mà đánh được ư? Nhưng không đánh lấy được là vì thành cao hào sâu, binh khí đầy đủ, tiền thóc chứa nhiều, tướng sĩ cùng một lòng vậy. Nếu dưới thành hào nông giữ yếu thì đánh lấy được ngay. Do đó mà xem thì thời giờ của Thiên quan không bằng việc người vậy.

Xét thiên “Thiên quan” nói: Trở lưng ra nước mà bày trận là tuyệt địa; quay mặt vào chằm là bệnh quân. Võ vương đánh Trụ, trở lưng ra sông Tể-thủy, quay mặt vào chằm núi mà bày trận, lấy 22.500 người đánh hàng ức vạn quân của Trụ mà diệt được nhà Thương, phải đâu Trụ đánh trận không được thời giờ của Thiên quan? Tướng nước Sở là Công tử Tâm đánh nhau với người Tề. Bấy giờ có sao chổi mọc chuôi ở về địa phận nước Tề. Chuôi ở nơi nào thì nơi ấy thắng, điều ấy tỏ là không nên đánh. Công tử Tâm nói: Sao chổi biết gì, cứ đánh nhau với sao chổi mà đảo ngược nó lại thì thắng⁴. Rồi đánh nước Tề, cả thắng.

Hoàng đế nói: Trước phải thờ thần thờ quỷ, trước phải tìm xét và dùng trí khôn, gọi là thiên quân chỉ là nhân sự mà thôi. Việc binh có khi thắng ở triều đình, có khi thắng ở đồng nội, có khi thắng ở nơi chợ búa: Đấu thì được, nằm thì may mà không thua, đó là không ngờ địch sợ hãi mà chết vậy. Chết mà thắng, không phải là toàn thắng; không toàn thắng thì không có quyền đánh. Cho nên minh chúa trong khi đánh giặc, họp trống họp còi, dè dặt đồ binh khí, không cầu mà thắng vậy. Việc binh có khi bỏ phòng bị, triệt uy lực mà thắng được, vì có có phương pháp, có đồ dùng đã định sớm rồi. Đối phó với địch đã chu tất, thống suất cũng chắc chắn, năm người làm ngũ, mười người làm thập, trăm người làm tốt, nghìn người làm suất, vạn người làm tướng, đã chu tất, đến nơi đến chốn, hễ người nào sớm chết thì sớm thay, chiều chết thì chiều thay, cân nhắc được địch, hiểu biết được tướng, mà sau mới cử binh.

Cho nên phàm khi họp quân, đường xa nghìn dặm thì định một tuần, trăm dặm thì định một ngày phải họp ở đất địch. Quân đến họp trước vào sâu đất địch, nếu nhằm đứt mất đường thì nên đóng ở thành to ấp lớn, khiến quân lên thành mà bức nguy mấy lớp, thế gọi là bức địa hình để đánh yếu tái⁵. Giữ một thành ấp mà mấy đường bị chặn, rồi theo đó mà đánh ngay. Tướng suý địch không tin nhau, quân quan địch không hòa nhau, hình phạt có thể không theo, ta đánh là thua ngay. Quân cứu của địch chưa đến mà một thành đã đầu hàng. Bến cầu chưa mở, yếu tái chưa sửa, chỗ hiểm chưa đặt, cừ đập chưa bày, như thế thì tuy có thành cũng không giữ được. Đồn xa chưa vào, quân thú chưa về, như thế thì tuy có người cũng như không người vậy. Lục súc chưa họp, ngũ cốc chưa thu, của cải không góp, như thế thì tuy có lương cũng như không lương vậy. Phàm thành ấp rộng không mà của hết, thì ta thừa lúc mà đánh.

Binh pháp nói rằng “một mình ra một mình vào, quân địch không thể tiếp mũi nhọn mà phải hàng”, ấy chính là thế.

Trong khi vội vã thì đại tướng dùng thuật gì mới có thể liền được hàng trận và nghiêm được hiệu lệnh, khiến quân không tự rối loạn? Thưa rằng: Người giỏi dùng binh hễ có động thì phòng bị, chọn 24 người quân kỵ nhanh nhẹn mạnh khỏe chia ra tám phương, mỗi phương 3 người, cách nhau 1 dặm, ngày dùng cờ, đêm dùng trống làm hiệu; kỵ thứ nhất thấy giặc, ban ngày thì dựng cờ, kỵ thứ hai cũng thế, kỵ thứ ba thì ruổi chạy để báo cáo; ban đêm thì dùng trống. Như ban ngày sương mù che phủ, gió sấm dữ dội, cờ phát không thấy, trống đánh không nghe, thì phải chạy gấp để báo. Đấy gọi là phép bát quái thám kỵ, ở lúc vội vã có thể phòng bị được. Ví trời đất có biến thì đem khinh binh mà xông đánh. Đại trận không thể động càn được, xem địch động tĩnh thế nào rồi sau mới đánh. Cho nên phải thường chỉnh túc. Đó đều là tùy theo sự biến chuyển của trời.

Ta có thể lấy đó mà chế người thì nghĩ ngay rằng người có thể lấy đó mà chế ta để đặt ngay một kế mà phòng bị. Ta có thể lấy đó mà phòng trí khôn của người thì người cũng có thể lấy đó mà phòng bị sự khống chế của ta, ta lại nghĩ ngay một kế để phá sự phòng bị của người. Ta phá sự phòng bị của người thì người phá sự phòng bị của ta, mà ta lại đặt ra một kế để phá cái phá của người. Người đã bị phá, lại có thể đặt một cái phá để phá cái phá; cái phá của cái phá đã đặt, thì lại có thể làm cho bền thêm cái phá của ta, để lấp cái phá của người mà thi hành cái phá của ta, cuối cùng rồi không bị người phá. Hết phép này ra phép khác, sự việc nối nhau mà tiến, thực là sâu lắm, sâu lắm.

-
1. Chương này, tham khảo **Võ kinh trực giải phần “Uất Liệu tử”**
 2. Lương Huệ vương: Người thời Chiến quốc, họ Tất tên là Oánh, con Ngụy Vũ hầu, tự xưng là Lương Huệ vương, đóng đô ở Đại-lương.
 3. Uất Liệu tử: Họ Uất tên Liệu, người thời Lương Huệ vương, làm sách **Uất Liệu tử 25 thiên. Sách này được xem là một sách trong bảy bộ của Võ kinh, hiện nay thất truyền**
 4. Ý nói đảo ngược sao chổi lại cho chuôi chỉ về Sở, tức là cứ quyết đánh là thắng.
 5. Thành lũy trọng yếu.

VIII – Điềm Về Việc Binh¹

Thái công nói: Điềm được thua tinh vi mà có thể thấy trước được. Như ba quân vui vẻ, sĩ tốt sợ phép, biết kính mệnh lệnh của tướng, đều mừng được đánh giặc, bảo nhau cùng mạnh bạo lên, khen nhau về oai võ, đó là cái điềm mạnh. Bằng ba quân sợ sệt, hàng ngũ không đều, cùng sợ là giặc mạnh, bảo nhau là đánh không lợi, lấy tai mắt ra hiệu cho nhau, nói sự quái gở không thôi, mọi miệng lừa nhau, không sợ pháp lệnh, không trọng tướng mệnh, đó là cái điềm yếu.

Ba quân tề chỉnh, trận thế vững bền, ngòi sâu thành cao, lại có lợi về mưa to gió lớn, ngọn cờ chỉ trước, ba quân không có việc gì, tiếng chiêng trống trong mà cao, uyển chuyển vang lên, đó là điềm thắng to. Nếu như hàng trận không vững, cờ bay rối ren, mưa gió trái tiết, sĩ tốt sợ hãi, quân một ít hơi, ngựa trận sợ chạy, xe binh gãy trục, tiếng chiêng trống thấp mà đục, đó là điềm thua to vậy.

IX – Phép Dùng Giác Diệp

Ta nói đạo dùng giác có ba điều, ba điều ấy là gì? Ta thuộc quen người ấy, ta biết được tâm tình, lại biết được tài đủ làm việc được, rồi ta mới dùng. Đó là điều thứ nhất. Ta có ơn lớn với người, người mong vì ta mà chết thì ta dùng, đó là điều thứ hai. Ta biết được tài của người mà ta không biết được lòng của người, nhưng ta có thể nắm được tính mệnh của cha mẹ vợ con người, thế thì người ấy có thể dùng được, đó là điều thứ ba. Cho nên nói đạo dùng người có ba điều, không phải là ba điều ấy thì không thể dùng được. Nhưng thực ba điều ấy rút lại chỉ có một điều mà thôi. Một điều ấy là gì? Là phải thử. Thử có hai cách. Ta biết được tài của người, nhưng không biết rõ lòng của người, ta phải thử. Để họ vào nơi tiền của và sắc đẹp xem có động lòng không; để vào nơi dao cưa, xem có đổi nét mặt không. Ta biết được lòng người, nhưng không biết rõ tài của người, ta phải thử. Nhân việc không chuẩn bị để xem họ ứng biến thế nào; khiến họ ngật không thể ra tay vào đâu để xem họ xử trí thế nào. Cho nên nói có hai cách thử, không dùng hai cách ấy thì không thử được. Tuy nhiên,

phép thử cũng chỉ có một mà thôi. Một là thế nào? Giấu kín mà thôi vậy. Ta giấu kín mà thử, khiến cho người kia không biết là ta sắp muốn dùng. Như thế rồi sau mới dùng làm gián điệp được.

Tôn tử nói: Gián điệp có năm loại: Hương gián, nội gián, phản gián, tử gián, sinh gián. Năm loại gián đều dùng, không ai biết được đường lối, thế gọi là kỹ cương của thần, là vật báu của vua vậy.

Hương gián là nhân người quê của địch mà dùng. Nội gián là nhân người làm quan của địch mà dùng. Phản gián là nhân gián điệp của địch mà dùng. Tử gián là do sự nói dối ở ngoài khiến cho gián điệp của ta biết mà truyền cho gián điệp của địch. Sinh gián là do gián điệp trở về báo cho biết. Cho nên trong việc ba quân, thân không ai thân bằng gián điệp, thường không gì thưởng hậu bằng gián điệp, việc không gì kín bằng việc gián điệp. Không phải thánh trí thì không thể dùng được gián điệp; không phải nhân nghĩa thì không sai được gián điệp; không phải tinh vi thì không thể nắm được thực của gián điệp. Tinh vi thay! Tinh vi thay! Không nơi nào là không dùng gián được. Việc của gián chưa phát mà đã nghe trước thì người nghe với người báo đều phải chết. Phàm muốn cất quân, muốn đánh thành, muốn giết được thì phải biết trước tên họ của những người yết giả, môn giả, xá nhân ở tả hữu của người chủ tướng, gián của ta phát tìm mà biết. Phải tìm gián của địch lại thám ta để nhân mà cho họ lợi, dẫn họ về nhà. Cho nên có thể sai khiến phản gián được, nhân đó mà biết được. Cho nên hương gián, nội gián có thể sai khiến được, nhân đó mà biết được. Cho nên dùng tử gián mà việc dối trá có thể khiến báo cho địch, nhân đó mà biết được. Cho nên sinh gián có thể khiến đúng kỳ được. Công việc của năm loại gián, chủ tướng tất phải biết. Biết được phải do phản gián, cho nên người phản gián không thể không hậu đãi. Ngày xưa nhà Ân dấy lên thì Y Chí² ở nhà Hạ; nhà Chu dấy lên thì Lã Nha³ ở nhà Thương. Duy bậc minh quân hiền tướng mới biết dùng bậc thượng trí làm gián, cho nên tất thành công lớn. Đó là điều quan yếu của nhà binh, ba quân nhờ đó mà hoạt động vậy⁴.

Điệp là tai của quân, có khi vì điệp mà thắng, có khi vì điệp mà thua. Địch có tướng ngu, có thể chuyên dùng điệp; địch có tướng trí, không nên chuyên dùng điệp. Ta có điệp khéo thì địch bèn cố nêu ra hình tích, có bày tỏ mệnh lệnh, cố liệt lậu bí ẩn để nhử ta. Ta nghe rằng nếu khéo dùng điệp thì dùng điệp của địch, điều ấy không thể không xét vậy. Gián là làm khiếp sợ lòng dạ địch,

giết người yêu của địch mà làm rối mưu kế của địch. Việc của gián thì có sinh có tử, có thư có văn, có nói có vẽ, dùng hát, dùng cửa, dùng vật, dùng tước, dùng người địch, dùng người làng, dùng bạn, dùng gái, dùng ơn, dùng uy.

Nhân người của địch tìm xem sơ hở của ta, ta đem của đút cho, khiến nó đảo ngược hết công việc.

Sách Chu lễ nói: Đi tuần trong nước để truyền tin, đó cũng là chức phận gián vậy. Cách dùng gián, thánh nhân vẫn cũng có làm. Phàm dùng binh muốn quyết thắng, không thể không dùng gián. Dùng gián không thể không giữ bí mật. Nếu không phải là bậc đại trí, ai có thể như thế được. Cho nên công việc của gián làm, xem việc mà cử ra thì thấy có tám thuật.

1. Hai nước đương chống nhau, giả làm mỗi một, sợ tiết lộ ra lời nói, đem của đút cho kẻ được yêu chuộng, nhân sở cầu mà trúng vào, sau sai sứ giả đến đem ngọc lụa và xe ngựa để cầu hòa, lặng xem nó kiêu mạn, rồi ngầm kén tinh binh, chia đường sớm hôm tiến gấp để nhân nó không phòng bị mà đánh. Đó là lấy sứ giả làm gián.

2. Bắt được người địch, đem điều nó muốn thám, tiết lộ ra, khiến cho nó được nghe, ngầm sai thả ra cho nó trốn đi, khiến địch cho đó là điều thám được mà tin, nhưng ta thì không thế. Đó là lấy người địch làm gián.

3. Địch đến làm gián, ta giả làm không biết, đảo ngược công việc mà cho thấy. Địch biết được việc giả mà ta thì xuất kỳ bất ý mà cử sự. Đó là cách nói ngược lại mà làm gián.

4. Địch đưa phản gián đến, ta đem nhiều của đút cho khiến nó đảo ngược lời nói để phản lại địch. Đó là dùng ngược người của địch làm gián.

5. Đánh nhau với địch, giả làm thua nhỏ, tức dẫn nó vào vách sâu, tỏ ra vẻ sợ, bèn khiến nói những lời quêu mùa ngớ ngẩn, mà trương hoàng thể mạnh của quân ta, khiến cho địch biết đó là ta dùng gián, nó hãnh đem lòng sợ mà lấy lời nói cường để gián lại. Khi nó đã đi, tức thì dùng kỳ binh theo đánh úp ngay. Đó là dùng gián rõ làm gián.

6. Địch có người yêu ở trong, sai kẻ tâm phúc đem đồ rất quý đến nhà biếu, khiến ngầm mua được địch tình. Đó là dùng của báu làm gián.

7. Địch có kẻ mưu thần thì ngầm đem vàng bạc đút cho, khiến cho kẻ thân tín của địch gây chuyện gièm pha ở trong, ngoài thì đem việc để ứng với sự

gièm pha ấy, khiến cho vua tôi ngờ nhau mà cùng hại nhau. Đó là lấy người nói gièm làm gián.

8. Tìm những người tin cậy của địch, khiến cho thỏa lòng sờ dục, ngầm kiếm tìm động tĩnh và ngôn ngữ của họ. Đó là dùng người làng để làm gián điệp.

Thế cho nên biết dùng gián là điều mầu nhiệm của nhà binh. Nhưng không phải là bậc hiền trí thì không thể dùng được. Cho nên phép dùng gián là cốt ở sự nhỏ kín ngấm ngầm. Người chúa giỏi cần phải chú ý.

Phàm dùng binh trước hết phải dùng gián để thăm dò mà tùy cơ ứng biến; hoặc thăm dò biết bên địch có việc tranh trường, có sự không hòa, có kẻ bất đắc dĩ mà theo, có khi cầm vàng mà sai làm, có khi bị bắt sống mà thả ra, có khi đến thám mà giả làm không biết, có khi nói phao mà truyền thuyết, có khi tha tội mà bảo lập công, có khi bỏ sót giấy tờ giả làm thất lạc, có khi sai người đem giấy tờ để cho địch bắt được. Sự vận dụng tài tình cốt ở một lòng, có thể lấy ý mà liệu, khó mà nói trước, vận dụng cho linh hoạt, cơ mưu không thể lường.

-
1. Thiên này phần nhiều là những điều mê tín, chúng tôi không dịch, chỉ dịch đoạn đầu có ý nghĩa hợp lý ít nhiều.
 2. Y Chí: Tức Y Doãn, có tên là Chí, đi cày ở đất Sần, vua Thang nhà Thương đón về giúp vua Thang đánh Hạ Kiệt.
 3. Lã Nha: Tức là Lã Thương, tên là Tử Nha, cũng gọi là Lã Vọng, nguyên là họ Khương, cũng gọi là Khương Tử Nha hay Khương Nha.
 4. **Tôn tử**, thiên XIII.

X – Dùng Cách Lừa Dối

Lừa. Điều cốt yếu để đánh được địch không phải chỉ dùng sức mạnh để chống, còn phải dùng thuật để lừa. Hoặc dùng cách lừa của ta mà lừa nó; hoặc nhân cách lừa của nó mà lừa nó; lừa bằng tình, lừa bằng lợi, lừa bằng vụng, lừa bằng khôn, cũng lừa bằng sự lẫn lộn hư thực, lấy sự lừa của nó để làm cho nó bị lừa, nó lừa mà ta thì biết. Cho nên người giỏi việc binh lừa người mà không bị người lừa.

Vụng. Khi gặp giặc mạnh, ta đóng chặt cửa thành hay lui quân để giữ, thì nên chịu là kèm vụng vậy. Địch có thắng, nếu không tổn hại cho chiến cuộc, thì dù có nói khinh nhờn ta cũng phải nhịn, có đánh ta cũng phải lánh, có kế gì đến ta cũng phải nhận. Phàm những điều ấy là vì khi nên kém vụng thì làm kém vụng vậy. Thậm chí, địch không có mưu gì lạ mà ta lo thực thà, địch vốn nằm yên mà ta chờ nó hoạt động, phàm những điều ấy không hẳn là vụng, mà vụng cũng không mất gì. Thà khiến ta có phòng không mà đừng khiến nó có thực. Từng xem lại chuyện xưa, có khi lấy một cái vụng mà làm thua được danh tướng, nên công hoàn toàn, là vì khéo dùng được phép vụng vậy.

Thuận. Đại phàm chống lại thì càng làm cho thêm bền ra, chi bằng cứ thuận chiều để đưa đến chỗ hỏng. Khi địch muốn tiến, thì ta mềm mại tỏ là yếu để cho nó tiến. Khi địch muốn lui thì ta tản ra mở đường sống cho nó lui. Khi địch cậy mạnh thì ta đóng quân xa để bền giữ mà xem vẻ kiêu của nó. Khi địch nấp uy thì ta giả vờ cung kính để chờ xem thực tình, nhân mà đánh úp, kế mà bắt lấy, nó kiêu thì ta thừa, theo đó mà thu lấy thắng lợi.

Kế. Kế có khi có thể chế được người ngu mà không chế được người trí, có khi chế được người trí mà không chế được người ngu. Một là dùng kế để làm kế, một là dùng không phải kế mà làm kế. Chỉ một cách dùng kế mà trí ngu đều chế được cả. Giả như người trí kia làm ngu thì dùng kế ngu mà đối phó, người ngu kia làm trí thì dùng kế trí mà gieo vào. Nên vượt qua cái tầm sở kiến của địch và chống lại cái nghi của địch thì không kế nào là không thành công. Cho nên kế phải nhân người mà đặt.

Trắc. Hai tướng mới gặp nhau, hẳn có thử nhau. Hai tướng cùng giữ nhau, hẳn có sự tính lường. Lường về địch để lánh thực mà đánh vào sơ hở; lường về chỗ địch lường ta mà bày tỏ sự kém để đi đến chỗ hơn; lường tính ở chỗ hư để mà dối địch. Thế là một sự lường tính mà lợi được cả hai mặt. Lo ở chỗ không lo, đó là thuật hay, là đạo thắng vậy.

Xảo. Việc đời nếu không lấy đạo thường mà làm nên thì phải lấy xảo, huống chi việc quân. Nằm được một cái sở đoán của địch thì phá được trăm cái sở trường của nó. Nhân một cái sở trường của ta thì cứu được trăm cái sở đoán của ta. Thế gọi là khéo nhân và khéo chế. Ta giả yếu

khiến cho giặc lơ là; ta giao nộp khiến cho giặc ngạo; ta quen ở yên khiến cho giặc yên; ta hay thử cho giặc coi thường; ta quấy luôn cho giặc hao tổn; ta khua động cho giặc đề phòng; ta trêu mắng cho giặc tức giận. Đó gọi là cái xảo khinh kẻ ngu. Bỏ chỗ thắng đến chỗ bại; bỏ chỗ mềm đến chỗ rắn, lấy cùn làm sắc; lấy lui làm tiến. Đó gọi là cái xảo lấy cong mà vào. Mạnh mà tỏ là yếu, sống mà cho là chết, được mà không cho là được, thua mà không cho là thua. Đó gọi là cái xảo làm trái.

Dùng dương mà người ta không lường được là dương, thì dương mà hóa âm vậy. Dùng âm mà người ta không lường được là âm, thì âm mà hóa dương vậy. Cho nên hoặc giả dương để làm âm, hoặc vận âm để chế dương. Tóm lại không ngoài cách dùng kỳ nắm cơ, đánh úp và đặt phục mà thôi.

Người giỏi dùng binh, không đủ thì tỏ là có thừa, có thừa thì tỏ là không đủ. Có thừa mà tỏ là không đủ, địch không biết thế nào mà lường cho đúng được. Như Tôn tử¹ nước Tề cứu Hàn đánh Ngụy. Bànng Quyên² vốn khinh nước Tề là nhát. Tôn tử nhân thế mà làm theo, bèn khiến người tại đất Ngụy làm 10 vạn cái bếp, sáng ngày mai giảm làm 5 vạn bếp, rồi lại giảm làm 2 vạn bếp. Bànng Quyên ngỡ là quân sĩ Tề trốn mất, bèn bỏ quân bộ đi, cùng với quân khinh nhuệ gấp đường đuổi theo, đến Mã-lãng. gặp phục binh vùng dậy, muôn nô bắn ra, quân Ngụy rối loạn.

Xin hỏi khi bắn hết tên thì làm thế nào? Bỏ rơm khô làm người, đêm dựng trong thành, quân địch tranh nhau mà bắn, thì tên bay vào đầy hố. Hay ở trong thành, giương lọng đi lại, địch ngỡ là chủ tướng bèn bắn tên như lông dím bay vào, ta nhờ được tên của địch. Cách xảo ấy còn gì bằng.

Bỏ vật để cho loạn, bỏ người để cho động, bỏ lũy trại đất đai để cho kiêu, có cái nên bỏ thì bỏ, nếu tiếc thì khó thành. Không sợ không thành công.

1. Tôn tử đây là Tôn Tẫn, cháu xa đời của Tôn tử trước là Tôn Võ.

2. Bànng Quyên: Tướng nước Ngụy (thời Chiến quốc), bị Tôn Tẫn đánh cho bị thua, tự tử ở đất Mã-lãng.

QUYÊN III

I – Liệu Thế Giặc

Sách Võ kinh: *Võ vương hỏi: Làm thế nào mà biết được thực hư ở trong lũy địch?*¹.

Thái công nói: Lên cao trông xuống để biết sự biến động: nghe trống không kêu, mõ không tiếng, xem ở trên lũy thấy nhiều chim bay mà không sợ, thấy trên lũy không có khói, biết đó hẳn là địch trá để lừa ta.

Thái công nói: Quân địch mới họp có thể đánh; người ngựa đến ăn có thể đánh; thời trời không thuận có thể đánh; địch đương bôn tẩu có thể đánh; không đề phòng có thể đánh; mỗi mệt có thể đánh; tướng lìa quân sĩ có thể đánh; lặn lội đường dài có thể đánh; qua sông có thể đánh; không rồi có thể đánh; bị ngăn trở ở đường hẹp có thể đánh; quân đi loạn hàng có thể đánh; lòng sợ hãi có thể đánh.

Nghe chiêm trống, xem hàng ngũ mà biết được tài; lấy thua mà dụ, lấy lợi mà nhử để biết được tình; làm động lòng cho sợ, quấy rối cho lúng túng để biết được thái độ; đó là xét ở việc. Niềm nghi dấy lên thì ta phải biết; mưu kế đặt ra thì ta phải rõ: trí mà có thể che được, xảo mà có thể giấu được, lòng ta phải xét; đó là xét ở ý. Nếu như ý chưa dấy mà điều nghi trước đối cả, ta biết lòng địch để biết địch, địch nghi sau lòng ta mà suy ra, thì mưu có thể gieo vào được.

Tranh chiến tức là tranh việc; quân tranh giao chiến, tướng tranh mưu kế, tướng tướng tranh cơ với nhau. Phàm người ta mà biết, không tranh sức mà phải tranh lòng, không tranh ở người mà tranh ở mình. Phàm người ta mà biết, không tranh ở việc làm mà tranh ở đạo, không tranh công mà tranh ở chỗ không công. Công ở chỗ không công mới là công lớn, tranh ở chỗ không tranh mới là giỏi tranh.

Thế có lúc không thể đánh ngay được, thì nên kéo dài; thế địch rất sắc, tạm phải chờ nó lơ là; địch đến rất nhiều, tạm phải chờ nó trễ nải; gọi quân chưa đến phải chờ tập hợp được; người mới phụ chưa hiệp phải chờ cho họ tin; mưu

kế chưa nên phải chờ cho nó lớn mạnh lên; thời chưa đánh được thì tạm dừng đánh, vì kẻ vụng quý ở giữ. Kéo dài là thế phải đánh mà cứ chần chừ... Động phải là không thua; quân ra phải là vạn toàn; việc binh không có làm thử.

1. Xem **Võ kinh trực giải, phần “Lục thao”**.

Thế đã nên, cơ đã đến, người đã tập hợp mà lại dùng dằng kéo dài, đó là làm biếng quân vậy. Quân tướng lười, thời sắp không lợi, nước sắp khốn, cầm quân trên cõi mà không quyết chiến, đó là làm mê quân vậy.

Ta có chí mà chậm thì người sẽ tính trước ta; thấy mà không quyết định thì người sẽ phát trước ta. Ta phát mà không nhanh thì người sẽ thắng trước ta. Khó được ấy là thời, dễ mất ấy là cơ, nên phải làm nhanh vậy.

Quá nữa, địch không thể đánh chớp nhoáng mà thắng được, thì ta phải dùng cách giăng co; giăng co ở phía trước thì địch không thể vượt được; giăng co ở phía sau thì không ai dám chống, dám ra. Địch mạnh mà cô thế, thì giăng co cả đầu và đuôi, khiến nó chạy vạy mỗi mệt; địch giỏi mà tiến trước, thì ta phải gieo vào đoạn giữa, khiến cho đầu đuôi không thể ứng nhau, thế lớn mà rộng, quân nhiều mà tản, lúc ở chỗ này, lúc ở chỗ kia, làm cho nó hợp thì khó mà tụ được, chia thì khó mà giữ được. Ta bèn gồm quân lại, nhắm thẳng một hướng mà có thể thắng vậy.

Hoạt động gấp sức thì không việc gì là không tốt.

Người tất thắng, có khi do dũng mà thắng; có khi do trí mà thắng, có khi do đức mà thắng; có khi nhiều lần thắng; có khi một lần thắng. Thắng được người dũng là do trí. Thắng được người trí là do vụng. Thắng được đức thì cần phải sửa mình. Người giỏi thắng không cần thắng nhiều lần mà cần toàn thắng, cần bảo đảm thắng. Nếu nhòm lợi nhỏ thì chỉ kêu giận cho địch, làm bèn chí địch, làm kiêu khí của quân ta mà khinh tiến, làm nhục chí của quân ta mà sơ hở. Thế là bất thắng.

Sách Kinh thế: Khó khăn về sức thì mượn sức của địch; không thể giết được thì mượn gươm của địch; không có của thì mượn của của địch; không có sản vật thì mượn sản vật của địch; ít quân tướng thì mượn quân tướng của địch; không đủ mưu trí thì mượn mưu trí của địch. Ta muốn làm mà dụ địch để sai khiến, đó là ta mượn sức của địch vậy. Ta muốn giết mà lừa cho địch giết, đó là ta mượn gươm của địch vậy. Yên giữ được cái sở hữu, thì làm tan được tài

sân của địch. Khiến nó tự đánh nhau, đó là ta mượn quân của địch. Đảo việc làm của nó làm việc làm của ta, nhân kế nó để thành kế của ta, đó là ta mượn mưu trí của địch. Không phải tự ta làm, cứ ngồi mà được việc. Ta không ra tay được, thì mượn tay người khác. Thậm chí có khi lấy địch mà mượn địch. Mượn địch của địch, khiến địch không biết mà cuối cùng để cho ta mượn; phỏng khiến địch đã biết mà không thể không để cho ta mượn, thì đó là cách mượn khéo vậy.

Trì (Cầm). Theo đạo trời thì nổi lên sau là thắng. Việc binh nên đánh vào chỗ dễ mà không đánh vào chỗ khó. Uy dữ thì tan, sắc nhọn thì gãy. Cho nên địch đem quân đến, thế không thể ở lâu được thì ta cầm. Thế bách, kíp muốn thắng ngay, thì ta cầm. Địch đánh có lợi, ta đánh không lợi, thì ta cầm. Thời nên giữ yên, động trước thì nguy, thì ta cầm. Hai kẻ địch đánh nhau, hẳn có người thương bại, thì ta cầm. Có quân mà nghi nhau, hẳn đến mưu hại nhau, thì ta cầm. Địch tuy có trí năng, nhưng trong có kẻ cản trở, thì ta cầm. Nó ở thế hiểm, ta ở thế yên, thì ta cầm. Nó đói mà ta no, thì ta cầm. Nó nhọc mà ta rỗi, thì ta cầm. Thiên thời sắp hại, địa nạn sắp hãm, nhuệ khí sắp nhạt, thì ta cầm. Cầm cho nó đã mệt, bấy giờ ta nổi dậy mà đánh, thì sức vẹn mà công nhiều. Đáng gấp thì thừa cơ, lợi hoãn thì cầm lại. Kéo dài để bèn sức mình, cầm lâu để làm khốn địch. Dùng sau làm trước, đó là điều bí của phép binh.

Hỗn (Lộn sòng). Lộn sòng vào chỗ hư, thì địch không biết đâu mà đánh. Lộn sòng vào chỗ thực, thì địch không biết đâu mà lánh. Lộn sòng kỳ với chính, thì địch không biết biến hóa làm sao. Lộn sòng với quân, lộn sòng với tướng, thì địch không biết đâu mà nhận cho đúng. Lộn sòng tướng địch để lừa quân. Lộn sòng quân địch để lừa tướng. Lộn sòng quân và tướng địch để lừa thành dinh. Cùng một cờ xí với nó; cùng một áo giáp với nó; cùng một trang phục với nó; giả làm tướng mạo như nó, thừa cơ chui vào, phát tự lòng bụng nó, đánh ở bên trong nó, ta tự phân biệt mà nó không thể phân biệt được, đó là giỏi lộn sòng vậy.

Địch nhàn thì làm cho nó nhọc, có hai thuật: Đêm đánh trống nghiêm quân như là sắp ra trận, đến sáng thì nghỉ, chờ nó trễ nải thì chột ra; chuẩn bị tối để đánh ban ngày, chuẩn bị ban ngày để đánh tối, đổi thay mà xung đột, không cho nó nghỉ ngơi. Thế gọi là quấy rối rối¹. Hoặc mộ quân mặc giả hiệu áo địch,

nhân lúc nó trẻ mà cướp dinh, thừa gió mà nổ súng, chột nổi mà chém giết, chột dưng mà im lặng, làm cho hô thì tan, gọi thì họp, muôn người như một, tối đi sớm về, ra phương đông vào phương tây, ngờ thần ngờ quỷ, không tiếng tăm, không dấu vết. Thế gọi là quấy rối ngầm.

Địch no thì làm cho đói, có hai thuật: Địch có thuyền lương, mộ người dùi cho chìm. Địch giữ kho chứa, dưng gian mà lấy. Xe lương thì bắt, dưng thuốc súng đốt đi. Thế gọi là hại rõ. Đánh thuốc độc vào nước suối để cho người bị khát; đánh thuốc độc vào rơm cỏ để cho ngựa bị đói; đổ đất vào bao và đóng cát để giả tiếng². Thế gọi là hại ngầm. Tuy thế, không thể không giữ tinh vậy. Giữ trận ngồi yên, Từ-thành³ không sao lường được. Gà chó không tiếng, quân Kim thua chạy ở Thuận-xương⁴. Ngõ đêm không đi, kẻo canh không điểm. Ôn ào thì dễ sợ, yên lặng thì chẳng khi nào là không thắng. Tuy thế, không thể không nhàn rồi vậy. Tới quân địch mà vội vàng nóng nảy thì nó thừa được. Rửa cửa quét nhà thì địch mạnh phải sợ. Uống rượu đánh bạc ở Chiên-uyên⁵, cởi áo ở Tân-đình⁶, ở ngoài cỏ dư, cơ hội nào cũng là ứng được. Tuy thế, không thể không nghỉ ngơi vậy. Không mất tiết độ ăn uống, không tuyệt sức người và ngựa, không liều rét nóng quá mức. Xin nói về điều cốt yếu. Cần để cho thân thể nghỉ ngơi địch thiếu mà ta thừa, thế cách nhau kể gấp trăm. Tuy vậy, không thể cứ ngồi chờ. Hán vì giữ được Hưng-thế⁷ nên Tào Sảng không thể tiến. Đường chệt được Hồ-lao⁸ nên quân Hạ phải lùi. Ngô Giới giữ được đồn Đại-tán⁹ nên Ba-hán được toàn. Thực vì mất Âm-bình¹⁰ nên Thành-đô bị đổ. Yên mất Đại-nghiễn¹¹ nên Quảng-cố mất. U bỏ Du-quan¹² nên ngựa Hồ vào chấn. Vì không giữ được Thái-thạch¹³ nên Hầu Cảnh quẫn. Vì thả cho địch qua sông Hoàng-hà mà giặc Kim vỗ bụng cười, ăn năn không kịp. Không quên việc kiến đắp thành, bỏ chỗ dễ mà làm chỗ khó, xe trước đã bị đổ nhiều rồi. Tuy vậy không thể không cầm giữ vậy.

1. Quấy rối rõ: Tức là quấy rối một cách rõ ràng, trái với quấy rối ngầm là quay rối một cách ngầm kín.
2. - Bao đất: Tổ Địch, thứ sử Đại-châu của nhà Tấn, sai tướng trấn Đông-đài, rồi cho lấy đất đựng vào bao giả làm gạo, sai một nghìn quân chở lên đài để cho địch tưởng rằng quân mình no nê lắm.

- Dong cát: Đàn Đạo-tể là tướng nhà Tống, đời Nam Bắc triều đánh nhau với quân Ngụy, thiếu lương, đem sai quân đóng cát, rồi lấy ít gạo còn lại đổ lên trên. Sáng ngày địch thám thấy,

tướng quân Đạo-tể còn nhiều lương, nên không truy bức nữa.

3. Từ-thành: Tổ Đĩnh người Bắc Tề, làm thứ sử Từ-châu, khi ấy người nước Trần đến đánh, nhân dân nhiều người làm phản. Đĩnh sai không đóng cửa thành, người coi thành đều xuống cả dưới thành ngồi im lặng, đường thì cấm người đi lại. Địch không hiểu thế nào, tưởng là người chạy đi hết bỏ thành không, không phòng bị. Thốt nhiên Đĩnh đem quân xông ra hò hét, quân địch kinh hãi chạy tan.

4. Thuận-xương: Tên đất, thuộc tỉnh An-huy, Trung-quốc, Lưu Ý đời Tống Cao-tôn đánh phá Kim thái tử là Ngột-truật ở đấy. Khi hai quân cầm cự nhau ở thành Thuận-xương, Ngột-truật đem sai người đến gần thành nghe ngóng, thấy trong thành im lặng không có tiếng gà chó.

5. Chiên-uyên: Tên châu, thuộc tỉnh Trực-lệ, Trung-quốc. Tống Chân-tôn năm Cảnh-đức thứ 1, Khiết-đơn đem quân sang xâm lấn, Khấu Chuẩn yêu cầu vua thân đi đánh và ra Chiên-uyên. Quân lính thấy vua đến, đều hoan hô vang mấy dặm đường, đánh giết quân Khiết-đơn quá nửa. Vua về hành cung, giao cho Khấu Chuẩn ở đấy đánh dẹp. Nhưng sai người dò xem Khấu Chuẩn làm gì, thì chỉ thấy Chuẩn và Dương Úc hàng ngày uống rượu đánh bạc mà thôi. Hai quân cầm cự nhau hơn 10 ngày, quân của Chuẩn bắn chết thống tướng của Khiết-đơn là Khát-lẫm. Khiết-đơn xin hòa.

6. Tân-đình: Cũng có tên là Lao – Lao-đình, thời Ngô làm ở trên núi Lao-lao, nay thuộc tỉnh Giang-tô, Trung-quốc. Thời Nam Tống, Lưu Dự, Vương Hưu phạm phản, Tiêu Đạo-thành (sau là Nam Tề Cao đế) đem quân đi đánh. Khi đến Tân-đình, thành lũy chưa đắp xong mà quân của Hưu-phạm đã đến Tân-lâm. Đạo-thành cởi áo nằm khênh ở Tân-đình để yên lòng quân.

7. Hưng-thế: Tên núi, thuộc tỉnh Thiểm-tây, Trung-quốc. Ngụy Phế đế năm Chính-thủy thứ 5, Tào Sảng đem 6, 7 vạn quân sang đánh Thục. Thục đóng quân ở núi Hưng-thế, quân Sảng không tiến được, phải đem quân về. (**Tam quốc chí, Ngụy thư, Truyện Tào Sảng**).

8. Hồ-lao: Tên đất, tức là Thành-cao sau này, thuộc tỉnh Hà-nam, Trung-quốc.

9. Đại-tán: Tên một quan ải, tức là Đại-tán quan, thuộc tỉnh Thiểm-tây, Trung-quốc, ở chỗ đường quan yếu của Tần Thục qua lại. Đời Tống Cao-tôn, người

Kim đến xâm lấn đất Hán-dương. Ngô Giới đem quân đến đóng giữ ở Đại-tán quan, bảo toàn được đất Ba-thục (**Tống sử, Truyện Ngô Giới**).

10. Âm-bình: Hán đặt làm huyện, Ngụy đổi làm quận, thuộc đất Chi (Tây-nhung), thành cũ thuộc tỉnh Cam-túc. Khi Ngụy đánh Thục, Đặng Ngải do đường Âm-bình tiến quân, Thục Hậu chúa phải hàng.

11. Đại-nghiễn: Tên núi, thuộc tỉnh Sơn-đông, Trung-quốc. Nam Yên Mộ-dung Đức đóng đô ở Quảng-cổ. Thời Đông Tấn. Lưu Dự đem quân đánh Nam Yên, khi đi qua núi Đại-nghiễn rồi, vẻ mừng hiện ra mặt, quả nhiên diệt được Nam Yên.

12. Du-quan: Tên cửa ải, tức là Sơn-hải quan ngày nay, tại tỉnh Hà-bắc, Trung-quốc.

13. Thái-thạch: Tên bến, tức là bến Ngưu-chử, thuộc tỉnh An-huy, Trung-quốc.

Sách Võ kinh: *Võ-hầu¹ hỏi về phép có thể đánh địch.*

Khởi² thưa: Dùng binh phải biết rõ tình hình của địch hư thực thế nào, rồi nhắm vào chỗ nguy mà đánh. Địch mới ở xa đến; hàng ngũ chưa ổn, có thể đánh; ăn mà chưa phòng bị, có thể đánh; đường rối ren, có thể đánh; nhọc mệt, có thể đánh; chưa được địa lợi, có thể đánh; lỗi thời không theo, có thể đánh; lặn lội đường dài, quân sau chưa nghỉ, có thể đánh; qua sông nửa chừng, có thể đánh; đường hiểm, đường hẹp, có thể đánh; cờ xí loạn động, có thể đánh; số trận đời đời có thể đánh; tướng lìa quân sĩ, có thể đánh; lòng sợ, có thể đánh; phạm gặp các trường hợp đó, nên kén quân tinh nhuệ để xung đột trước, rồi sau chia quân mới đến, cứ việc đánh gấp, không phải ngờ gì nữa³.

Võ-hầu hỏi: Hai quân đối nhau, không biết rõ người tướng. Ta muốn dò xem, thì nên dùng thuật gì?

Khởi thưa: Sai người hèn mà dũng, đem quân tinh nhuệ để đánh, cốt thua chạy mà không cốt được. Xem địch đuổi đến, một ngồi một đứng, có thể biết được họ hay dở thế nào. Nếu đuổi theo mà giả cách không đuổi kịp, thấy lợi mà giả cách không biết, tướng như thế gọi là trí tướng, đừng nên đánh nữa. Nếu thấy chúng om xòm, cờ xí rối rít, quân tự đi đứng, binh hoặc dọc ngang, đuổi theo còn sợ không kịp, thấy lợi còn sợ không được, đó là ngu tướng, dù nhiều quân cũng có thể bắt được⁴.

Phạm dấy quân phải xét rõ quyền biến trong ngoài, để tính xem quân đủ hay thiếu, lương thừa hay không đủ, so sánh đường lối ra vào, rồi sau mới dấy quân

đẹp loạn, thì tất có thể vào được. Đường lớn mà thành nhỏ, trước hết phải thu lấy đất. Thành lớn mà đất hẹp, trước hết phải đánh thành đã. Đất rộng mà người ít thì chặn chỗ ách. Đất hẹp mà người nhiều, thì đắp bờ lớn để đi tới. Đừng làm mất địa lợi của dân, đừng cướp mất thời làm ruộng của dân. Chính trị thì rộng rãi, nghề nghiệp cứ bình thường, cứu chữa những thói tệ, như thế thì đủ ra chính lệnh cho thiên hạ được. Nay các nước Chiến quốc đánh nhau, nước lớn đi đánh nước có đức, quân từ một ngũ đến một lượng⁵, một lượng đến một sư, mệnh lệnh bất nhất, làm cho lòng dân không ổn định, chỉ chuộng kiêu ngạo xâm lấn, chỉ mưu lo xử kiện, quan lại chỉ lo xét việc, như thế thì thường hỏng cả. Ngày chiều đường xa, lại có khí nản, quân mỗi tướng tham, chỉ tranh cướp nhau, như thế thì dễ thua lắm.

Phàm tướng khinh, lũy thấp, quân chúng náo động, thì có thể đánh được; tướng trọng, lũy cao, quân sợ thì có thể vây được; phàm vây thì mở cho có lợi nhỏ, khiến dần mòn yếu đi thì sên tiếc mà không dám ăn. Quân đánh đêm là vì sợ. Quân tránh việc là vì lừa lòng. Đợi người đến cứu, hẹn đánh mà khao khát, đều là lòng nóng mà khí nản; khí nản thì bại quân, hỏng mưu thì hại nước.

-
1. Võ-hầu: Tức là Vệ Võ-hầu, thời Chiến quốc.
 2. Tức là Ngô-Khởi.
 3. Xem **Ngô tử, thiên II**.
 4. Xem **Ngô tử, thiên IV**.
 5. Quân chế xưa, 25 người là một lượng.

Sách *Tôn tử*: Binh là đạo đối trá, cho nên giỏi mà tỏ là không giỏi, dùng mà tỏ là không dùng, gần mà tỏ là xa, xa mà tỏ là gần, đem lợi để nhử người, gây loạn để đánh người; thấy chắc thì phải phòng, thấy mạnh thì phải tránh; trêu cho nó tức; nhún cho nó kiêu; nó nhàn thì khiến cho nhọc; nó thân thì khiến cho lìa; đánh ở chỗ không phòng, ra ở chỗ không ngờ. Đó là chỗ giỏi của nhà binh, mà không thể truyền trước vậy¹.

Phàm chưa đánh mà miếu toán² đã được, là tính được nhiều; chưa đánh mà miếu toán không được, là tính được ít. Tính được nhiều thì thắng, tính được ít thì không thắng, huống chi là không tính ư? Ta xem đó thì thấy rõ sự được thua vậy.

Cho nên phép dùng binh, gấp mười thì vây, gấp năm thì đánh, gấp đôi thì chia, ngang nhau thì chiến, ít hơn thì biết trốn; không bằng thì biết lánh. Cho nên nhỏ mà chỉ biết liều thì bị địch lớn bắt.

Phàm tướng là người giúp nước; giúp chu đáo thì nước hẳn mạnh; giúp sơ hở thì nước hẳn yếu. Cho nên nhà vua có ba điều lo: không biết rằng quân không nên tiến mà cứ bảo tiến; không biết rằng quân không nên thoái mà cứ bảo thoái, thế gọi là buộc quân. Không biết công việc ba quân mà trị ba quân như trị nước thì quân sĩ sinh hoặc; không biết quyền biến của ba quân mà cùng gánh vác trách nhiệm về ba quân, thì quân sĩ sinh ngờ; ba quân đã hoặc và ngờ thì các nước chư hầu sẽ đến đánh, thế gọi là loạn quân, dẫn đường cho địch thắng mình... Cho nên nói: Biết người biết mình, trăm đánh không nguy; không biết người mà biết mình, thì một được một thua; không biết người mà không biết mình thì hễ đánh là nguy³.

Bụi cao mà nhọn là có xe lại; thấp mà rộng, là có quân bộ lại; tán mà vắt vèo là có người hái củi; ít mà bay đi bay lại là dinh quân. Lời nhũn mà thêm phòng bị, ấy là tiến vậy. Lời mạnh mà quân tiến nhanh, ấy là lùi vậy. Xe nhẹ cho ra trước, ở vào một bên đường, ấy là bày trận. Không ước mà xin hòa, ấy là có mưu. Bôn tẩu mà bày quân, ấy là hẹn. Nửa tiến nửa lùi, ấy là nhử. Dựa vào binh khi mà đứng, ấy là đối. Vực nước mà uống, ấy là khát. Thấy lợi mà không biết tiến, ấy là nhọc. Chim hợ, ấy là không người. Đêm la hò, ấy là sợ hãi. Quân rộn, ấy là tướng không trọng. Cờ xí lay động, ấy là rối loạn. Quan lại tức giận, ấy là mối. Cho ngựa ăn thóc, giết bò ăn thịt, ấy là thiếu lương cỏ. Quân không treo nôi, không trở về nhà, ấy là giặc cùng. Rì rầm xúm xụp, thông thả nói với nhau, ấy là mất lòng quân. Thương luôn là quẫn; phạt luôn là khốn. Trước dữ tợn rồi sau sợ quân, thế là không tinh rất mực. Hạ mình đến xin tạ, ấy là muốn nghỉ ngơi⁴.

1. **Tôn tử**, thiên I.

2. Sự tính toán của triều đình. - Miếu toán đã được nghĩa là mưu kế của triều đình đã dự tính sự thắng trận.

3. **Tôn tử**, thiên III.

4. **Tôn tử**, thiên IX.

Sách *Bảo giám*: Sinh địa là nơi tả hữu tiền hậu không phải là đất tử tuyệt, dâu cũng có đường vận lương. tiến thoái đều lợi cả. Sinh địa tuy nói là lợi của nhà binh, có thể dùng được chỉ có sáu trường hợp thôi: Đem quân vào sâu được đó là một trường hợp khá dùng; quân ngựa tinh sắc, trận thế quen biết, đó là hai trường hợp khá dùng; tướng trầm nghị, giới lệnh nghiêm, đó là ba trường hợp khá dùng; ta mạnh địch yếu, đó là bốn trường hợp khá dùng; đại tướng vốn có ân tín cho quan quân phục theo, đó là năm trường hợp khá dùng; tướng sĩ thích đánh, đó là sáu trường hợp khá dùng. Không dùng được có hai trường hợp: Quân lính nhớ nhà, đó là một trường hợp không thể dùng; tiến thì lợi lui thì hại, đó là hai trường hợp không thể dùng. Sự lợi hại của đất sinh và đất tử há không nên xét kỹ sao?

Tử địa: Dựa núi cách sông, đường nước đường lương đều dứt. Tử địa tuy nói là hại của nhà binh, nhưng có thể dùng để đánh được có bốn trường hợp: Ân uy của tướng rõ rệt, quan quân phục theo, đó là một trường hợp; quân ta cùng quân địch ngang nhau, ta đánh thì lợi, để nó đánh thì hại, cần sai quan và quân tử chiến, đó là hai trường hợp; bị địch bức bách, lương cỏ đều hết, đó là ba trường hợp; quân trước đã bị phá, quân sau vẫn còn như cũ, đó là bốn trường hợp. Còn không thể dùng thì có ba trường hợp: Nó đông mà ta ít, đó là một; lợi hại chưa rõ mà ép quân cưỡng làm, đó là hai; dùng dằng chưa quyết, đó là ba.

Xem động tĩnh thì biết là dững hay nhát:

Cất chân bước cao, mắt trông không liếc ngang, đó không phải là tướng trầm tĩnh. Ở lúc kịch mà đơn giản. Ở lúc nguy mà yên tĩnh. Xưa Tạ Huyền nhà Tấn, đương lúc quân Tần áp cõi thế như núi Thái đè chông trướng, mà Huyền cứ đánh cờ như không. Khẩu Chuẩn nhà Tống, đương khi quân Khiết-đơn vào cướp, thư ngoài biên báo tin gấp mà Chuẩn vẫn uống rượu và đánh bạc tự nhiên. Thế mới phải.

Thấy người ngồi như hổ, đi lại như chim cắt bay; đem quân tới địch thì uy giận gấp bội lên; thấy thế lợi thì cứ tiến, không nhìn lại sau; người quân tử cầm quân thì tiến thoái quả quyết, xem người thì thên thả vui tươi, chí thì ở trừ tàn bạo, đó là khí độ của người tướng quốc. Thấy ác không giận, thấy lành không mừng, nhan sắc không thay đổi, đó là lượng của người thiên tử.

Được sự thắng nhỏ, gặp sự thua nhỏ, mà mừng lo hình ra nét mặt, hễ thấy động thì động, thấy tĩnh thì tĩnh, nhát mà không tính toán gì, cất chân thì thần sắc không định, mà hay lấy lời nói để thắng người, đó là tướng ngu vậy.

Xem ngôn luận của người tướng mà biết được thua: Xưa Hàn Tín nói với Cao đế, Cảnh Cam nói với Quang-vũ, lời bàn trong lều cỏ của Gia-cát, bài sách Bình biên¹ của Vương Phác, đều là không phụ lời nói. Tướng Thục là Vương Chiêu-viên đem quân đánh nhà Tống, vung cánh tay nói: “Ta đi lần này lấy Trung nguyên như giở bàn tay”, tự ví với Gia-cát Lượng, mà mới đánh một trận bị bắt ngay.

Địch có mưu thần, thì dùng gián điệp để phá; địch có chứa cất, thì sai người đốt đi; địch có trồng cấy, thì đánh lừa mà cắt đi, địch có nhân dân, thì cường bức mà bắt đi; ngầm đem của đút cho gián điệp của địch, hiển dâng gái đẹp để cho mê hoặc, biểu ngựa tốt để làm cho đãng lòng; dùng mọi cách để lừa, cho đến khi ở ngoài thì bị khốn, ở trong thì mê hoặc, khiến việc nước hồng bát, bấy giờ ta đem quân mà đánh thì có thể không mệt nhọc mà lập được công. Người giỏi dùng binh nên mưu làm khốn địch; địch khốn thì ta nhàn; lấy nhàn mà đánh khốn, không thua thì đợi gì?

1. Bình biên sách: Đời Thế tôn Bắc Chu, Vương Phác dâng kế sách dẹp yên biên cương, nói là đất Giang Hoài nên lấy trước, nghị luận rất hùng. Thế tôn rất tin dùng Phác.

Ta không đặc chí ở Hán-đông¹ thì ta bày ba quân của ta, bày giáp binh của ta, đem võ lực mà tới đó. Địch sợ phải tính mưu, nên khó dùng gián vậy. Các nước ở Hán-đông có Tùy là lớn hơn. Tùy tự kiêu, tất bỏ nước nhỏ. Nước nhỏ mà lìa thì lợi cho nước Sở². Thiếu sư Tuấn xin làm ra vẻ yếu quân để khiến Tùy kiêu. Nước Giảo nhỏ³ mà khinh suất, khinh suất thì ít mưu, xin đừng ngăn trở người kiếm củi để nhử họ.

Quần Sở nhẹ nhõm, dễ lay động. Nếu đánh nhiều trống thì quân Sở là quân đánh đêm ắt phải trốn. Thần nghe sách *Binh pháp* nói: “Đánh ở nơi không đủ mà giữ ở nơi có thừa”. Lại nói: “Người thiện chiến khiến người đến mà không bị người khiến đến”. Nay Đôn Khương muốn làm giặc, nên chỉnh sức binh ngựa, luyện tập quân sĩ, chờ cho nó đến, lấy nhàn đợi nhọc. Đó là đạo đánh thắng vậy.

Quân giặc nhiều quân ta ít, đi thong thả thì dễ bị theo kịp, đi nhanh thì nó không thể nào lường được. Giặc thấy số bấp của ta ngày thêm thì cho rằng có quân các quận đến đón. Quân ta nhiều mà đi nhanh, hẳn nó sợ đuổi ta. Tôn Tần thì tỏ ra càng ngày càng yếu⁴, ta nay tỏ là mạnh vì thế có chỗ không giống nhau.

Trung-quốc yên ổn, quên việc đánh trận đã lâu. Kỵ binh họp ở ngoài đồng, đánh giáo đánh cung, quyết thắng trong lúc bấy giờ, Nhung Địch thì sở trường ở chỗ ấy mà Trung-quốc thì dờ. Nó mạnh cưỡi trên thành, bèn dinh cố giữ để đợi giặc suy, Trung-quốc thì sở trường ở chỗ ấy mà Nhung Địch thì dờ. Nên phải dùng trước cái sở trường mà xem sự biến; đặt mưu mở thường, mà bảo cho nó ăn năn; đừng tham công nhỏ mà loạn mưu lớn.

Trăm trận trăm thắng, không bằng không đánh mà khuất phục được quân người, đó là trước làm thế địch không thể thắng để chờ thế của địch mình có thể thắng⁵. Trần-thương⁶ dù nhỏ, thành giữ chắc bền, chưa dễ hạ được. Vương quốc dù mạnh, đánh Trần-thương không vỡ. Quân Trần-thương hẳn mệt, mệt mà đánh vào, đó là đạo toàn thắng.

Tào Tháo đã phá được Lưu Bị, thì đất Hứa-hạ không phải là bỏ không. Và Tháo khéo dụng binh, quân dù ít chưa thể khinh suất mà đánh vậy. Nay không bằng hãy đợi lâu, ngoài thì kết nạp với các anh hùng mà sửa sang nông chính, rồi sau kén những người tinh nhuệ, thừa lúc sơ hở mà lần lượt ra. Cứu phía hữu thì đánh phía tả, cứu phía tả thì đánh phía hữu, khiến ta chưa có thể bị làm nhục mà địch đã khốn trước. Không tới ba năm, ta có thể ngồi mà thắng được. Quân Bắc dẫu nhiều, mà gan mạnh không bằng phương Nam. Quân Nam dù tinh, nhưng lương chứa không bằng phương Bắc. Phương Nam thì may ở sự đánh mau; phương Bắc thì lợi ở sự hoãn quân. Nên thong thả giữ lâu để chờ đợi ngày tháng.

1. Hán-đông: Quận Hán-đông của nhà Hậu Ngụy, nhà Tùy bỏ, trị Sở ở phía tây-bắc huyện Chung-tường tỉnh Hồ-bắc ngày nay.

2. Đây là nước Sở thời Ngũ đại, đô ở Trường-sa tỉnh Hà-nam ngày nay.

3. Giáo: Tên một nước thời Xuân thu. Sở đánh Giáo, Mạc-ngao Khuất-hà nói: Giáo nhỏ mà khinh suất, khinh suất thì ít mưu, xin đừng ngăn trở người kiếm củi để nhử giặc.

4. Tôn Tần: Người nước Tề, thời Chiến quốc, cháu ba đời của Tôn Võ, làm quân sư cho Tề Uy vương, đánh bại Bàng Quyên, tướng nước Ngụy. Tôn Tần đem quân vào đất Ngụy, đặt 10 vạn bếp, đến ngày mai chỉ để 5 vạn bếp, lại ngày mai chỉ để 3 vạn. Bàng Quyên tưởng là quân Tề càng ngày càng suy bỏ bộ binh mà đuổi, bị Tần đánh bại ở Mã-lăng

5. Tôn tử, thiên IV.

6. Trần-thương: Thành Trần-thương nay ở Thiểm-tây. Thời Tam quốc, Hán vương ra đánh Trần-thương, đánh bại quân của tướng Ngụy Ung vương Chương Cam.

Đạt¹ quân ít mà lương thực chỉ dùng được một năm; quân ta gấp bốn lần quân Đạt, mà lương ăn không đủ một tháng. Lấy một tháng mà chơi một năm, sao lại không nên đánh chóng? Lấy bốn kỳ mà đánh một chính, cho mất đi một nửa mà thắng cũng cứ làm. Thế là không kể tử thương và lương thực vậy. Nay giặc đông ta ít, giặc đói ta no, nhưng mưa nước như thế, công sự không làm được, dù có thúc giục cũng chẳng làm gì. Từ phát quân ở Kinh sư, không lo đánh giặc, chỉ sợ giặc chạy. Nay lương ăn của giặc đã gần hết mà vòng vây chưa khép. Cướp lấy trâu ngựa, thu lấy rơm củi, đó là cách đuổi cho nó chạy đi vậy. Phàm việc binh là lừa dối, khéo nhân sự biến. Giặc nhờ có nhiều quân và cây trời mưa, cho nên dù khốn đốn cũng chưa chịu bó tay. Nên bảo cho nó là không thể làm gì để cho nó ngồi yên, lấy lợi nhỏ để làm cho nó sợ.

Mậu² là con rể của chúa, nhút nhát không có mưu chước, nay cho Diên³ 5000 tinh binh thẳng từ Bao-trung đi quanh núi Tần-lĩnh mà sang phương Đông, qua đường tí ngọ mà lên Bắc, không quá mười ngày có thể đến Trường-an. Mậu nghe Diên ập đến thì hăn bỏ thành chạy, thóc của đế quốc và của tán dân⁴ cũng có thể đủ ăn. Phương Bắc và phương Đông tụ họp với nhau phải hơn hai mươi ngày, mà ông do Tà-cốc lại cũng đủ để đến. Như thế thì một lần cất quân mà từ Hàm-dương trở về Tây có thể yên định được.

Người xưa tính toán rồi sau mới đánh. Quân Ngụy⁵ không thể đánh có bốn điều: Đem quân vào đất khách, lợi ở đánh ngoài đồng, đó là một điều; vào sâu gần kinh kỳ, đóng quân ở đất chết, đó là hai điều; quân trước của ta đã thua, trận sau mới vững, đó là ba điều; quân họ nhiều, quân ta ít, không thể địch lại, đó là bốn điều. Quân ta tự đánh trên đất mình, đông mà không thắng thì lòng

quân khó bền; thành lũy chưa sửa, địch đến mà không phòng bị, chẳng bằng đắp lũy vững, giữ bền quân để cho giặc già (mệt mỏi chán nản) đi.

Đại nghiệp của ta mới dựng. Diêu Hưng⁶ cũng là người giỏi trong một thời, chưa có thể mưu được. Nay chuyên giữ vững một thành, nó hẳn gồm sức để đánh ta, sự mất có thể đứng mà đợi được. Chi bằng ta đem quân kiêu kỳ rong ruổi, xuất kỳ bất ý mà đánh, nó cứu ở trước thì ta đánh ở sau, cứu ở sau thì ta đánh ở trước, khiến nó chạy vạy mà mỏi mệt. Ta thì ăn chơi tự nhiên. Không đến mười năm, đất Hà-đông sẽ về ta hết, đợi khi Hưng đã chết, con nối ngôi nhỏ yếu, sẽ dần dần lấy Trường-an, cái đó là trong kế hoạch của ta vậy.

Người Ngô sắc sảo, thì thuyên ghe là lối đánh liều chết của họ, thế khó tranh chọi được. Nay nên nghiêm quân để chờ, đừng nên giao chiến. Xin mượn kỳ binh và nghìn người, ngầm sang sông đánh úp vào lũy họ, khiến họ lui thì không biết lui đâu, đuổi thì không đánh ai được. Đó là chức phá Triệu của Hàn Tín vậy. Việc binh quý ở nhanh chóng. Ta nhờ cái uy thẳng trận luôn, vỗ về những quân mới quy phụ, khua trống mà kéo về Tây, thì người ở Trường-an trông bóng mà sợ hãi. Trí không bằng mưu, sức mạnh không bằng quyết đoán, lấy Trường-an dễ như rung lá khô thôi. Nếu ta êm đềm tự chết ở dưới thành bền, nó có mưu sẵn, sửa sang dự bị để chờ ta, ta ngồi phí cả ngày tháng, quân ngày lìa bỏ, việc lớn hỏng mất.

1. Đạt: Tức là Mạnh Đạt, vốn là tướng của Lưu Chương ở Ích-châu (Thục), khi Lưu Bị vào đất Thục thì Đạt hàng, được làm thái thú Tân-thành. Sau lại hàng Ngụy. Đến khi muốn trở về Thục thì bị giết

2. Hạ-hầu Mậu là rể Tào Tháo.

3. Tức là Ngụy Diên, đây là lời Ngụy Diên nói với Khổng-minh (Xem **Tam quốc chí**).

4. Đế quốc là nước phong của vương hầu - Thóc của tán dân là thóc của dân rải rác các nơi.

5. Tức là Tào.

6. Diêu Hưng: Tức là Hậu Tần vương, một trong 16 nước ở đời Tần, về chủng tộc Khương.

Thế-sung¹ kho tàng đầy dẫy, các tướng đều là người tinh nhuệ ở Hoài-tây cả, nhưng thiếu lương ăn là bởi bị ta cầm giữ. Kiến-đức là tướng tự phương xa

đến, cũng nên bẻ gãy khí sắc bén đi, chứ nếu thả cho hãn đến đây thì hai giặc hợp nhau, chuyển thóc ở Hà-bắc để biểu Lạc-dương, chiến tranh bắt đầu, thì thống nhất biết đến bao giờ được. Nay nên chia quân để giữ Lạc-dương, hào sâu lũy cao, đừng nên giao chiến. Đại vương thân đem quân kiên nhuệ, trước giữ chỗ cao trong thành, lấy quân nghỉ ngơi đợi quân mệt nhọc, quyết có thể được. Kiến-đức đã phá rồi, Thế-sung ắt phải thua. Không đầy hai tuần, hai chúa ấy đều sẽ bị bắt cả.

Giặc bày sức không đương nổi, thì dễ dùng kế để khuất, khó dùng lực để tranh. Nay chúng có hào sâu lũy cao để bẻ gãy mũi nhọn của ta, nhưng đám quân ô hợp không giữ lâu được, lương thực cạn hết, tự phải lìa tan, không cần đánh mà bắt được.

Quân cứu bại của nó, chức không phải lập sẵn, thế không thể giữ lâu; chi bằng ta hãy đậu ở bờ phía Nam, hoãn lại một ngày, nó hãn phải chia quân về giữ, quân chia thì thế yếu, nhân lúc trễ nải mà đánh thì nhất định thắng. Nếu gặp đánh ngay thì nó gồm sức đánh liều, quân Sở mạnh sắc, mình chưa dễ đương nổi.

Đất của Tiêu Tiến², phía Nam ra ngoài Lĩnh-biểu, Phía Đông đến hồ Động-đình, ta đem quân vào sâu, nếu đánh thành chưa vỡ được mà quân viện bốn mặt họp lại, ta trong ngoài bị địch, tiến thoái không được, dầu có thuyền ghe cũng chẳng dùng được. Nay bỏ thuyền ghe để cho trôi xuống chạt sông, quân viện trông thấy, hãn bảo là đất Giang-lãng đã vỡ, chưa dám khinh tiến, đi lại nhòm ngó, chậm lại hàng tuần, ta lấy là phải được.

Vua Tần ở trong thì chia cắt quần hùng, ở ngoài thì uy phục Nhung Địch, độc lập làm đế, đó là cái tài sai khiến được đời. Nay đem hết quân mà đến cũng không địch nổi. Mưu chức của ta không gì bằng đóng quân không đánh, trải ngày giữ lâu, chia sai kỳ binh, cắt đường vận tải, lương thực đã hết, cầu đánh không được, muốn về không có đường, thế là có thể thắng được.

Tướng mạnh của địch bất quá là bọn Sử Tư-minh³, An Thủ-trung, Điền Càn-chân, Trương Trung-chí, A Sử-na, mấy người mà thôi. Nay nếu sai Lý Quang-bật từ Thái-nguyên đến Tinh-kinh, Quách Tử-nghi từ Mã-dục đến Hà-đông, thì Tư-minh, Trung-chí không dám lìa Phạm-dương, Thường-sơn; Thủ-trung, Càn-chân không dám lìa Trường-an, thế là dùng hai quân mà trói buộc tướng. Theo Lộc-sơn chỉ còn Thừa-khánh thôi. Xin Quách Tử-nghi đừng lấy Bút-

dương, khiến cho các đạo quân ở hai kinh phải lùi. Quân Bệ hạ ở Phù-phong, cùng với Tử-nghi và Quang-bật mà đánh, nó cứu ở đầu thì đánh ở đuôi, cứu ở đuôi thì đánh ở đầu, khiến giặc đi lại mấy nghìn dặm, chạy vạy mỗi mệt. Ta thì thường lấy thế nhàn mà đợi thế nhọc. Giặc đến thì tránh mũi nhọn, giặc đi thì nhân nó mệt, không đánh thành, không chặn đường, sang xuân lại sai Kiến-ninh làm tiết độ đại sứ Phạm-dương, cùng là lập đường ra phương Bắc, cùng với Quang-bật nam bắc tự nhau để giữ Phạm-dương, lật đổ sào huyệt của giặc, giặc thua thì không có lối về, ở lại thì không được yên; rồi sau đại quân họp lại mà đánh thì hẳn bắt được.

Hai quân đánh nhau, quý tiến mà kiêng lui. Nay vô cố bỏ 500 dặm đất thì thế giặc càng thêm mạnh. Chi bằng dời quân đến Hà-dương, bắc liền với Trạch-lộ; lợi thì tiến lấy, không lợi thì lui giữ, trong ngoài ứng nhau, khiến giặc không dám lấn sang miền Tây. Đó là thế tay vượn vậy.

Quân của Nho quét đất mà lại, lợi ở sự đánh chóng. Nên giữ đồn hiểm yếu, đắp bèn hào lũy, dẹp không đồng nội, để cho già quân nó đi. Bấy giờ cho quân khinh kỵ ra, cướp lấy lương thực, đoạt lấy những vật nó cướp được, khiến nó tiến thì không được đánh, lui thì không có lương. Có thể bắt sống được.

1. Kiến-đức, Thế-sung: Thời Tùỵ sắp mất. Đạu Kiến-đức chiếm giữ Hà-bắc xưng là Trường-lạc vương lại xưng là Hạ vương, sau hợp với Vương Thế-sung. Tần vương Thế-dân đánh Sung, Kiến-đức đem quân đến cứu, Thế-dân bắt được chém ở Trường-an.

2. Tiêu Tiển: Cháu bốn đời của Lương Tuyên đế. Tùỵ Dạng đế cho làm chức lệnh ở La-xuyên. Khi hiệu úy Nhạc-châu là Đồng Cảnh-trân làm phản, Tiển mộ binh vài nghìn người để đánh. Sau tiếm xưng hoàng đế, dời đô đến Giang-lăng. Đường Lý Tĩnh đánh bắt được.

3. Sử Tư-minh: Thời Đường Khai-nguyên, theo An Lộc-sơn làm loạn. Sau xưng là Yên đế, bị con giết

Cơ. Thế liên hệ là cơ; việc chuyển biến là cơ; vật yếu hại là cơ. Có khi ngay trước mặt là cơ, nháy mắt một cái không phải cơ nữa. Có khi nhận được là cơ, bỏ mất tức không có cơ nữa. Mưu thì nên sâu, giấu thì nên kín; định là do sự biết, lợi là do sự quyết. Phàm dấy quân, phải chia trước sau của thế lớn, hoãn cấp để định việc, so sánh tình hình lợi hại của mình

và của người để dùng phép mà giữ mình và chế người. Hoặc nghiêm ngoài để giữ trong; hoặc bền gốc để rộng nền; hoặc cắt cánh để cô thế; hoặc bắt chủ để tan quân; hoặc đánh mạnh cho yếu sợ; hoặc chống hoặc đánh; hoặc dẹp, hoặc võ; hoặc vây hoặc giữ; hoặc xa hoặc gần; hoặc kiêm làm cả hai cách; hoặc chuyên lực vào một phép; xem xét, tham chước, quyết định; vả lại mềm mỏng mà làm, nhờn như chờ biến; rồi chuyển sang đánh mà tiến, có thể đại thắng được.

Thực hư. Phàm giặc kết trại lâu ngày, chợt thấy một hôm bếp lửa bội thêm, đó hẳn là kế bỏ trại mà lui, cho nên trước làm ra kế ấy để khiến ta bền lòng. Ta kíp sai du binh mai phục trước ở đường trọng yếu, chờ nó đi qua mà đánh, chắc chắn là toàn thắng. Đó là yếu lược lấy thực làm hư vậy.

Kế sai khiến anh hùng. Kẻ sang thì lấy kiêu ngạo mà khích; kẻ giàu thì lấy xa xỉ mà khích; kẻ nghèo thì lấy giàu mà khích; kẻ bạo thì lấy giận mà khích; kẻ dũng thì lấy mạnh mà khích; kẻ trí thì lấy cơ mà khích; kẻ nhân thì lấy yêu mà khích; kẻ nghĩa thì lấy thẳng mà khích; kẻ lễ thì lấy nhũn mà khích; kẻ tín thì lấy hẹn mà khích; xa thì lấy gần, thân thì lấy sơ, tôn thì lấy ti, nhỏ thì lấy lớn, ít thì lấy đông, khỏe thì lấy yếu, lợi thì lấy hại, thành thì lấy bại, tối thì lấy sáng, hư thì lấy thực, nhàn thì lấy nhọc, ưa thì lấy ghét. Đến như công tử, tà chính, phải trái, mừng giận, thăm vui, đi lại, theo chống, liêm tham, siêng lười, rộng ngặt, lành dữ, khéo vụng, thuận nghịch, đều thế cả. Cùng là thân yêu thù oán, trung quốc ngoại di¹, dũng mãnh mưu kế, quật cường lễ nghĩa, hà khắc khoan hồng, ngược ngạo nhún nhường cũng thế. Nhưng có kẻ tiến thì lấy lui mà khích; đánh thì lấy giữ mà khích; lâu thì lấy chóng mà khích; đói thì lấy no mà khích; gặp chước dùng chước, rỗng tung khóa sắt lên không; lấy mưu đánh mưu, phượng bề lông vàng bay bổng. Cá về biển lớn, phải đâu là cá cần câu; chim liệng trời cao, há phải là chim bị nhốt. Cao thấp mặc họ cao thấp, đều vào roi vọt tay ta; dọc ngang mặc họ dọc ngang; đều bị tay ta giá ngự. Đó là kế sai khiến anh hùng, đâu đâu cũng có công hiệu ra quỷ vào thần.

Kế lâm cơ ứng biến. Mây mưa rợp trời, mưa tuyết đầy đường, cuốn giáp ngậm tằm, rảo chạy đến bờ dốc, rừng rậm, hang sâu, chôn giáo đặt phục để đánh úp; khi chính chính đường đường thì hào sâu lũy cao; khi nhanh nhanh chóng chóng thì chặn gươm bẻ giáo; ly gián để nhân chỗ sơ

hờ; kiêu lười thì nhân chỗ trễ tràng; kẻ nhọc mệt thì nhân họ mỏi mệt; kẻ om sòm thì nhân họ rối ren; quân ngang dọc thì nhân họ không chinh đốn; quân sơ suất thì nhân họ không đề phòng. Cho nên dùng binh ví như dùng thuốc, tùy bệnh mà chữa. Sự thực chưa rõ mà đã thấy trước, ta phòng bị càng nghiêm; sự việc chưa động mà đã nghe trước, ta chuẩn bị càng khéo. Đó là lâm cơ ứng biến, há chẳng phải là ra quỷ vào thần sao!

1. Chữ Trung quốc ngoại đi ở đây có nghĩa là nếu là người Trung-quốc thì lấy người ngoại đi mà khích.

Sách Võ bị chế thắng chí: Ta đến trước chiến địa, bày trận ở nơi cao; quân sĩ đã ở trận, quân địch đến sau, không được địa lợi, người ngựa qua lại, ngỡ sợ không nhất định, trên dưới kêu gọi, có thể đánh gấp, không còn phải ngờ nữa.

Quân địch đặt dinh lâu ngày, nhiều lần đến đánh ta, thấy không có lợi, tướng sĩ chán lười, có thể ngầm đánh úp được. Nếu quân ta đóng dinh lâu, có sự cố riêng, hoặc thiên thời chưa định, hoặc còn chờ quân cứu đến, cũng nên nghiêm hàng ngũ, rõ hiệu lệnh, ngày đêm thường tỏ ý chống giặc, không nên để quân lười biếng, sợ bị đánh bất ngờ.

Nếu thấy dinh địch người ngựa bời bời rối loạn, ngang dọc ra vào không thứ tự, chụm năm chụm ba, ngồi đứng không nhất định, đó là tướng không nghiêm; hoặc là tướng lại thay đổi, lòng người không yên, quân lệnh chưa nghiêm, có thể là quân địch sẽ kéo lại đánh ta, ta nên chuẩn bị để chống.

Quân địch lập dinh đã lâu, thành lĩnh rộng đặt khói lửa, càn sinh cơ biến, đó là muốn bỏ dinh không mà đi đánh nơi khác, cho nên bày gian làm dối; hoặc ý muốn rút quân, sợ ra đuổi theo, cho nên hư trương để đánh lừa. Như thế thì nên gấp sai những kẻ nghĩa hiệp sắc sảo nấp ở chốn yếu hại để đón đánh.

Nếu địch ít quân mà đặt dinh lũy rộng rãi, hư trương quân thế, như người ngựa của ta, ta giả đến chống cự, thì nó hẳn chia người ngựa đến con đường khác, đánh vào chỗ không ngờ của ta. Ngày xưa rợ Tây Nhung xâm phạm bờ cõi, đặt hư dinh ở Phu-diên¹, rồi đem đại quân đến Kinh-nguyên, đánh vỡ quân ta.

Đại quân của địch bỗng đến, mà quân ta có ít khó bề đối phó, thì không nên đương đầu đón cản, quân ít không địch nổi. Nên đến nơi yếu hại, đợi nó qua nửa chừng, khi đại binh đã đi rồi, đón ở giữa đường, hoặc triệt lương cỏ, giặc

muốn hợp vây thì quân ta chống lui chiếm lấy nơi cao, thuận thế đi lại, đánh thì hẳn được.

Địch nếu rộng, bày cờ xí ở núi cao lũng rộng, giương quân mà đi, thì hẳn có quân tinh kỵ phục ở đường tắt, ngầm tiến đánh dinh trại ta ở nơi chẳng ngờ. Ta nên đặt cao vọng lâu để nhòm, hoặc có nơi bụi bay chim liệng, thì kén ngay tinh binh hoặc kỵ binh đi trước thám xét, quả có quân giặc thì chia quân ra nơi yếu hại mà đón².

Phàm đội ngũ bị quân địch bức đánh đông quá không chống được, thì các đội ngũ lân cận đều phải cùng ra sức cứu viện.

Phàm mười người địch một thì vây; năm người địch ba thì đánh; hai người địch một thì chia quân kỳ phục³.

Phàm binh đương đánh nhau, các đội khiêu dăng⁴, kỳ binh, thì quân và ngựa nên lường mà rút người các đội để bổ vào, tức tùy các đội mà rút bắt người ngựa⁵.

1. Thuộc tỉnh Thiểm-tây, Trung-quốc.

2. Xem **Võ bị chế thắng chí, quyển 5, chương “Liệu địch”**.

3. So với **Tôn tử ở thiên “Liệu địch”**.

4. Quân khiêu dăng là quân cưỡi ngựa để đi thăm dò ở trước, cũng gọi là thám kỵ.

5. Xem **Võ bị chế thắng chí, quyển 5, chương “Ứng chiến”**.

*

* *

Sách *Binh lược*:

Đem quân vào sâu trọng địa, phải có kế khéo để về. Đem quân vào sâu trọng địa, ở đời gần đây có ba cuộc là: Quân năm Giáp ngọ¹ (của họ Trịnh), quân năm Bính ngọ² (của Tây-sơn), quân năm Kỷ dậu³ (của Bắc triều) mà có cách không về khác nhau. Vì quân năm Giáp ngọ là quân tham, hành động không chính đáng, đã không phải là quân mưa phải thời, hướng lại để binh ở lâu đến chín năm. Giặc mạnh Tây-sơn⁴ thì để đẩy mà không hỏi, tự lấy làm yên, đến nỗi quân chiếm đóng đều bị úp đổ. Đó là vì cố không khéo về vậy. Quân năm Bính ngọ cũng là quân xâm lược mà thôi; nhưng khi mới vào thì ba quân của họ Trịnh tàn sát chưa có thể hợp được ngay, khoảng đó dù có trung thần nghĩa

sĩ, mà trí không kịp mưu, dũng không kịp quyết, liệu thế về hãn không ngại, thì về chóng là kế rất hay. Đến như năm Kỷ Dậu, quân Bắc sang Nam, tự cho là thành Lê đã khôi phục rồi thì việc cứu nhà cháy thương láng giềng, nghĩa không còn nữa, mà một cõi Ái-châu để cho giặc mạnh nuôi uy, cho nên quân địch áp vào cõi, thì quân muện dậm⁵ treo vào không có chỗ nào mà về nữa. Tuy thế quân tự đất Bắc lại đây không rõ thế địch, nên vụng ở chỗ liệu người, ở yên cấu thả, nhưng vua Lê phải chịu trách nhiệm vậy.

Đồng-quan⁶ là nơi hiểm yếu, lấy chắc bền mà chống giữ, chẳng bằng phía Bắc giữ lấy Bồ-bản, sang sông mà tiến vào phương Tây, tới nơi lòng ruột, đặt quân ở nơi tử địa, thì vòng vây ở Hoa-châu⁷ không đánh tự tan. Đồng-quan đã tan, thì địch trông vào trong mà chạy. Các chi tiết đã tan rồi, đất Trường-an có thể ngồi mà lấy được.

Địch kia sợ gì thì dùng cái sợ đó mà đánh, không khi nào là không thắng. Ví như địch sợ cung tên thì ta lấy cung tên mà đánh, khiến mất tinh thần. Gần đây như Tây-sơn thấy quân Bắc sợ voi, thì dùng voi để đánh, đó là được ý ấy vậy. Cái gì địch xem khinh thì dễ để chống địch; cái gì làm địch sợ hãi thì khó mà liệu địch.

Quân địch sắc lắm, hãn là tính kế vạn toàn. Nếu có vấp ngã thì khí họ hăng lên mà việc ta hỏng vậy. Chi bằng ta đóng đại quân ở núi Phúc-chu để chống, nó đi không hàng 200 dặm mà chẳng được gì, khi sắc đã nhạt, chợt thấy đại quân hãn là sợ hãi, ta tiếp quân giữ bền trận mà không giao chiến, nó muốn đánh mà không được đánh tự nhiên tan chạy. Đó là thượng sách vậy.

Quân Ngô nhẹ mà ít, lợi ở sự đánh liền. Nên giữ Đại-nghiễn⁸, khiến nó không vào được, kéo dài ngày giờ, để tan nhuệ khí, rồi sau dần dà kén quân tinh kỵ, vận lương, sắc cho Đoàn Huy đem dân Duyện-châu⁹ do phía đông mà xuống đánh cả bụng lưng. Đó là thượng sách.

1. Binh Giáp ngọ: Tức là quân của Hoàng Ngũ Phúc, do Trịnh Sâm phái vào đánh Thuận-hóa.

2. Binh Bính ngọ: Tức là quân Nguyễn Huệ ra đánh Thăng-long, Trịnh Khải thua chạy.

3. Binh Kỷ Dậu: Tức là quân của Tôn Sĩ-nghị nhà Thanh xâm lược nước ta, bị Nguyễn Huệ đánh đuổi tan tành.

4. Tác giả là tôi nhà Nguyễn nên xem Tây-sơn là cừ thù.
5. Chỉ quân Tôn Sĩ-nghị.
6. Cửa quan ở huyện Đồng-quan, tỉnh Thiểm-tây, Trung-quốc.
7. Hoa-châu, đất tỉnh Thiểm-tây ngày nay.
8. Đại-nghiễn: ở phía nam tỉnh Sơn-đông, là nơi địa thế hiểm trở.
9. Duyện-châu là miền đông nam tỉnh Hà-bắc và miền đông bắc tỉnh Sơn-đông.

*

* *

Một là luận về miếu thẳng¹.

Hai là luận về chịu mệnh².

Ba là luận về vượt cõi³.

Bốn là luận về lũy cao hào sâu.

Năm là luận về đánh trận gia hình⁴.

Năm điều ấy, trước phải liệu địch mà sau mới hành động, thế là khua trống mà cướp không vậy. Người khéo dùng binh có thể cướp người bằng cách không cướp, cho người mà là cướp vậy. Ấy là tâm cơ vậy.

*

* *

Phép đánh đêm, lợi ở bí mật hoặc lên quân ngấm tằm, xuất kỳ bất ý; hoặc dùng nhiều lửa và trống, làm cho rối cả tai mắt, ruổi nhanh mà đánh thì hẳn thắng.

*

* *

Thái công nói: Như trong đồn sở của ta, chột có người đến báo có giặc ở chỗ nọ chỗ kia, tức phải đem quân đi ứng phó, đi thì do đường quanh, rất không nên đi đường thẳng, vì giặc tất sai người phục trước rồi, sợ là giặc cho đó là đường trọng yếu mà đánh úp ta vậy.

*

* *

Phòng địch thì trước phao tiếng mà sau làm thực, đó là yếu sách của nhà binh. Tất phải biết người biết mình, xét kỹ hư thực. Ví như địch chột phạm cõi biên để cho biên thần cáo cấp rồi lại giải tán. Ta cho biên thần báo hã, nghe

ngoạ truyền ngoài đường, hoang mang thất thố. Muôn một nó lấy tiếng hư làm cho ta sợ để ta chạy vạy mỗi mệt, lâu rồi trể nải, chợt nó kéo đến, đó là nó phao tiếng trước mà làm thực sau, nhiều phương lừa ta làm cho ta phạm cái lỗi không biết người biết mình, trăm trận trăm thua. Tướng ngoài biên lầm lỗi phần nhiều là do đó. Cho nên đừng lấy địch không đến làm mừng, mà nên lấy biên thần không biết địch tình làm lo hơn.

Hai quân một quân ngoài một quân trong thì thuật là thế nào? Trung-quốc cùng với Man Di, địa thế và kỹ thuật khác nhau. Sở trường của Trung-quốc thì ở quân xe, quân ngựa, nỏ cứng giáo dài, tay giáo mác tay nỏ tên, võ biên rong ruổi, chọi gươm chọi kích ở đất bằng. Sở trường của Man Di là ở núi đèo khe suối, cúi nghiêng ruổi bắn, chịu đựng gió mưa đói khát. Lấy người Trung-quốc đánh người Man Di, sao bằng lấy người Man Di đánh người Man Di là kế hay hơn. Lại cho họ áo giáp bền, gươm giáo sắc, thêm có quân kỵ tốt của biên quận. Đến như đất bằng đường phẳng, thì lấy xe nhẹ cho võ biên chế ngự. Đại để gặp địa hình Man Di thì dùng kỹ thuật giỏi của Man Di mà chống, gặp địa hình Trung-quốc thì dùng kỹ thuật giỏi của Trung-quốc mà chống, đó là thuật vạn toàn vậy.

-
1. Miếu thắng. Mưu kế để chiến thắng của Triều đình.
 2. Tức là đại tướng chịu mệnh của vua.
 3. Vượt cõi là vượt bờ cõi nước mình mà sang đánh nước khác.
 4. Đánh trận gia hình là đánh trận mà trừng trị kẻ có tội.

*

* *

Đánh kẻ lớn của họ mà lòng họ tự phục. Bọn đầu sỏ làm loạn nghịch, bọn tiểu loại phản bội phụ theo, đem quân mà phá không bằng dùng kế mà phá. Khi đi thì sẵn sàng chiến đấu, khi dừng thì đóng vững dinh trại. Khao quân lính, đặt xích hậu ra xa, không cùng địch đánh nhau mà chỉ vụ dùng uy tín để chiêu hàng những bọn nhỏ. Bọn lớn đã tan, tất bọn nhỏ cũng không phải phiên đến binh mà hạ được. Đó là kế của Triệu Sung-quốc đánh Tiên-linh vậy.

Vào sâu lũy địch mà đánh thắng thì có thể rút lui để tránh mũi nhọn. Ta đem cô quân tiến vào sâu, trước sau đều là lũy địch, quân lính biết chắc là chết, không ai không muốn trong sự chết ấy cầu lấy sống, cho nên đều hết sức để

đánh lấy thắng. Nhưng quân địch gặp ta mười lần, nay đánh một trận mà lui được thì thế nào nó cũng quay trở lại, ban đêm đánh úp thì ta nguy. Nên chiều hôm dời dinh đi. Quả đêm địch lại, chỉ thấy dinh không thì cả sợ. Ta nhân lúc bất ý, đánh thì thắng ngay.

Phàm động binh phải đo dẫn có lợi cho nhà nước, giúp đỡ được nhân dân, thêm trọng được uy danh thế lực. Nếu được không bù mất thì không phải là lợi tốt. Đi xa có chắc khỏi lo không? Ra chỗ hiểm có chắc khỏi hại không? Xông trận có chắc khỏi thua không? Đánh thắng có chắc khỏi tổn không? Lui mà không mất đất thì lui, lánh mà giữ được toàn thì lánh. Chạy mà có chỗ dụ địch, hàng mà có chỗ đặt mưu, bỏ mà có chỗ giữ; mất mà có chỗ thu, thế thì sự chạy, sự hàng, sự bỏ, sự mất, người hành binh phải dùng trí để xem cho có lợi.

Đại phàm dùng kế, không phải chỉ một kế mà làm riêng được, mà phải có mấy kế để giúp đỡ nhau. Lấy mấy kế giúp một kế, do trăm nghìn kế kén lấy vài kế. Cho nên người khéo dùng binh định làm kế gì, cốt phải thực hành. Vận dụng khéo tất phòng tổn thất; lập mưu phải lo sự thay đổi; sai tướng phải ngừa sự trái lệnh; chức này bị ngăn trở thì chức kia nảy ra; một mối đến mà mấy mối nổi lên; trước chưa làm mà sau lại đủ. Trăm kế lần lượt nảy ra, không sót chức nào. Tuy tướng trí giặc mạnh cũng có thể chế được ngay.

*

* *

Sách Tôn tử:

Phàm giữ chiến địa trước để đợi địch thì nhàn; đến chiến địa sau mà mưu thắng thì nhọc. Cho nên người giỏi đánh, khiến người đến mà không bị người khiến đến. Khiến được người tự đến là lấy lợi mà nhử. Khiến người không được đến là lấy hại mà dọa. Cho nên địch nhàn thì có thể làm cho nhọc; địch no thì có thể làm cho đói; địch yên thì có thể làm cho động. Ra cái chỗ họ không tới; tới cái chỗ họ không ngờ. Đi nghìn dặm mà không nhọc, ấy là đi trong chỗ không người. Đánh mà muốn giữ được, phải đánh chỗ họ không giữ. Giữ mà muốn vững được, phải giữ chỗ họ không đánh. Cho nên người giỏi đánh thì địch không biết lối nào mà giữ; người giỏi giữ thì địch không biết lối nào mà đánh. Nhỏ nhất thay nhỏ nhất! đến không có hình. Thần tình thay thần tình! đến không có tiếng. Cho nên nắm giữ được tính mệnh của địch... Ta không muốn đánh thì vạch đất mà giữ. Địch không đánh được với ta, là vì ta

làm ngang trái sự đi của nó. Cho nên ở người thì có hình mà ở ta thì không hình. Ta thì chụm mà địch thì chia; ta chụm làm một mà địch thì chia làm mười, thế là lấy mười mà đánh một, thế thì quân ta nhiều mà quân địch ít. Có thể lấy nhiều mà đánh ít, thì ta đánh với nó ít thôi vậy. Cái chỗ ta sẽ đánh với nó thì không biết được; không thể biết được thì nó phải phòng bị nhiều nơi; nó phải phòng bị nhiều nơi thì ta đánh với nó ít thôi¹.

*

* *

Bốn điều khó: Chặt quân địch đã hằng chiến thắng mà cướp chỗ đất tất phải tranh thì khó tiến; ở chỗ thành cô nguy mà làm chước đóng giữ lâu dài thì khó giữ; quân ngựa không đủ, trưng điệu² không đáp ứng thì khó đánh; tiền lương thiếu thốn, chuyên chở chậm chạp thì khó thắng. Binh mã lương liền không đủ, không phải tội ở tướng quân; binh mã lương tiền không tiếp đến thì đừng đem ba quân mà thử chơi. Triều đình phải chịu trách nhiệm. Biết được sự khó thì thành dễ vậy.

1. Tôn tử, thiên VI.

2. Trưng điệu; Tức là lấy lương và lấy binh ở dân.

*

* *

Trong thế dùng binh, có khi nên hoãn, có khi nên cấp; nếu thế của ta và của địch ngang nhau, mà ở ngoài địch có viện mạnh, sợ có sự lo ở chỗ lòng bụng, thì nên đánh. Nếu địch mạnh ta yếu mà không có viện ở ngoài, thì nên ràng buộc giữ lại để chờ nó chết. Binh có khi có tiếng trước mà sau có thực; có khi có tiếng trước mà sau không có thực, đó là chỗ thần diệu của binh. Tiếng là tiếng sắp đánh, khiến cho địch sợ hấn khích¹. Đã cướp được tinh thần rồi, thì sau mới làm cái thực của binh².

*

* *

Võ hậu hỏi: Ta muốn xem bề ngoài của địch để biết được bề trong; xét sự tiến để biết sự dừng lại mà định sự được thua, có thể nói cho nghe không? Khởi thưa: Quân địch đi đến, nhờn như không lo, cờ xí rối loạn, người ngựa ngơ ngác, thì một người có thể đánh được mười người, hẳn khiến họ không thể

kịp trở tay. Các nước chư hầu chưa họp, vua tôi không hòa, hào lũy chưa sửa, lệnh cấm chưa ra, ba quân xông xáo, muốn tiến không tiến được, muốn đi lại không dám, lấy một nửa mà đánh gấp đôi, trăm trận cũng không nguy³.

*

* *

Phàm địch tất có nhằm chỗ cậy mà hành động. Trước hết ta phải xem nó nhằm vào đâu mà cướp mất chỗ cậy ấy đi. Địch cậy có mưu sĩ thì ta phải khử đi; địch cậy ở tướng giỏi thì ta phải triệt đi; cậy ở người thân tín thì ta phải làm cho xa đi; cậy ở danh nghĩa thì ta phải phá đi; hoặc làm ngờ mà lay cỗi gốc; hoặc nhằm trúng vào chỗ yếu hại; hoặc làm hỏng mưu bí mật; hoặc làm lìa bỏ thân tín; hoặc phá mất chỗ nương tựa; hoặc phá cả chỗ lợi quen. Người có nhãn (chỗ cậy) thì sáng, chơi cờ có nhãn (mắt) thì nhanh, dứt mất cái nhanh, diệt mất cái sáng (tức chỗ cậy), há không phải lấy điều cốt yếu để chống địch sao?

1. Hân khích: Tình hình chống chọi đánh nhau.

2. Tức là mới đánh thực.

3. Ngô tử, thiên II.

II – Quyết Chiến

Ban ngày lên thang mây để trông xa, đặt cờ ngũ sắc để làm hiệu; ban đêm đặt muôn ngọn đuốc hiệu, đánh trống lớn, giục trống trận, thổi kèn loa.

Sách *Võ kinh*¹:

Võ vương hỏi: Nửa đêm giặc đến đánh ta ở trước sau thì làm thế nào? - Thái công thưa: Như thế gọi là chấn khấu², lợi ở ra đánh, không nên bền giữ. Kén quân giỏi của ta, chia làm tả hữu, đánh mau ở trước, đánh gấp ở sau, quân nó phải loạn, tướng nó phải sợ. - Võ vương hỏi: Ban đêm ta đương đi, địch ngăn đón trước sau, quân ta không thể tiếp nhau được thì làm thế nào? - Thái công thưa: Phải xét rõ hiệu lệnh của ta, cho quân nhuệ sĩ ra, mọi người cầm đuốc lửa, hai người cũng đánh trống, tất biết quân địch ở đâu, hoặc đánh ở trong ở ngoài, mà khiến nó cùng biết. Khiến tắt lửa và im trống, trong ngoài đều ứng, hẹn nhau đều đúng, ba quân đánh mau, quân địch ắt thua. Thế nên bảo rằng

đánh ban đêm phải có nhiều trống và đuốc vậy. - Võ vương hỏi: Quân địch nhiều quân ta ít, thế không tương đương thì làm thế nào? - Thái công thưa: Kén quân giỏi của ta, phục ở tả hữu, bày vững trận mà khiến quân địch qua đó, quân phục giương nỏ bắn ở hai bên, hoặc trước hoặc sau, quân địch hẳn phải chạy... Hàng ngũ đã định, quân lính đã bày, pháp lệnh đã ra, quân kỳ quân chính đã đặt, đều đặt quân xung trận ở ngoài núi, tiện cho quân ở đâu thì chia quân xe và quân kỵ làm trận ô vân³, ba quân đánh mau, thì quân địch dẫu nhiều, tướng cũng bị bắt. - Võ vương hỏi: Ta muốn lấy ít đánh nhiều, lấy yếu đánh mạnh thì làm thế nào? - Thái công thưa: Lấy ít đánh nhiều, thì phải nhè lúc mặt trời đã chiều, nấp ở nơi cỏ rậm, đón ở nơi đường hẹp. Lấy yếu đánh mạnh thì phải nhờ được nước lớn ủng hộ và các nước láng giềng giúp đỡ... Thái công thưa: Dối đặt mưu như để huyễn hoặc người tướng, khiến họ dời qua đường khác mà đi qua nơi cỏ rậm, theo lối đường xa, làm cho đến lúc trời chiều, quân đi trước chưa sang được sông, quân đi sau chưa kịp tới, cho phục binh ta nổi dậy, đánh mau vào hai bên, cho quân xa kỵ làm rối loạn cả trước và sau, quân địch dẫu nhiều thì tướng cũng phải chạy. Thờ vua nước lớn, bạn với kẻ sĩ nước lớn, hậu của, nhún lời, như thế thì được nước lớn ủng hộ và nước láng giềng giúp đỡ. - Võ vương hỏi: Thập thắng (mười phần thắng cả) là thế nào? - Thái công thưa: Quân địch mới đến, hàng trận chưa định, trước sau không liên lạc, hãm quân tiền kỵ, đánh cả bên tả bên hữu, địch ắt phải chạy. Hàng trận của địch tề chỉnh kiên cố, sĩ tốt muốn đánh. Quân kỵ của ta cứ ở bên mà quanh quẩn đó, hoặc ruổi mà qua, hoặc ruổi mà lại, nhanh như gió, dữ như sấm, ban ngày như đêm tối, hăng đối hiệu cờ và thay y phục, như thế hẳn thắng. Quân địch không có nơi hiểm trở giữ bền mà vào sâu đuổi dài, ta dứt đường vận lương thì địch hẳn đói. Quân địch trở về buổi chiều hôm, quân đông, hàng trận hẳn rối loạn. Hạ lệnh cho quân kỵ ta 10 người thành một đội, 100 người thành một đồn, 5 xe làm một tốp, 10 xe làm nhóm, dựng nhiều cờ hiệu, xen lẫn nỏ cứng, hoặc đánh ở hai bên, hoặc chặn ở trước sau, thế thì có thể bắt được tướng địch. Đó là phép thập thắng của kỵ binh vậy. - Võ vương hỏi: Quân bộ đánh với quân xa kỵ thì làm thế nào? Thái công thưa: Quân bộ đánh với quân xa kỵ, phải dựa vào gò đồng hiểm trở, binh khí dài và nỏ mạnh ở trước, binh khí ngắn và nỏ cứng ở sau, khi phát khi nghỉ, xa kỵ của địch dẫu nhiều mà đến, ta cứ bền trận đánh nhanh, đặt quân giỏi nỏ mạnh để phòng bị ở

sau. - Võ vương hỏi: Thí dụ bây giờ ta không có gò đống, không có chỗ hiểm trở, mà quân địch đến đánh, thì làm thế nào? - Thái công thưa: Sai quân sĩ ta làm mộc mã⁴ và chông tạt lê⁵, đặt đội ngũ trâu ngựa, làm thành bốn trận võ xung; trông quân xa kỵ của địch sắp đến thì đều đặt chông, đào đất quanh ở sau, rộng sâu 5 thước, gọi tên là mệnh lung⁶. Người thì cầm mộc mã mà tiến bước, dàn ra làm lũy, mà trước sau thì dựng thành đồn; quân giỏi nỏ mạnh phòng bị hai bên tả hữu, rồi sau ra lệnh cho ba quân đều đánh mau mà đừng trễ nải. Võ vương khen phải.

1. Phần Lục thao.

2. Giặc sét.

3. Trận ô vân: nghĩa là quạ bay tan, mây hợp lại biến hóa vô cùng.

4. Cũng gọi là cự mã mộc, tức cản gỗ giống hình con ngựa để chống ngựa.

5. Chông tạt lê là thứ chông sắt hình như quả tạt lê có gai bốn phía.

6. Cái lồng trí mạng.

*

* *

Phàm việc binh là cái cửa chết, không thể đem cái lòng tham sống mà xử trí được. Có bụng muốn tự giữ trọn thì hẳn phải mất; có kế muốn lui nghỉ thì hẳn bị phá; muốn giữ vẹn vợ con, vợ con tất bị bắt; muốn giữ vẹn nhà cửa, nhà cửa tất bị diệt. Người khéo dùng binh, chỉ có tiến mà không có lui, tuy lui là để giúp cho tiến; có trước mà không có sau, tuy sau là để giúp cho trước; có chóng mà không có chậm, tuy chậm là để giúp cho chóng; có đánh mà không có giữ, tuy giữ là để giúp cho đánh; có toàn mà không có nửa, tuy nửa là để giúp cho toàn.

Đánh mà khó thắng thì chống; đánh mà tinh dục¹ để chống. Dựa thành để chống, mà cái chỗ cậy không phải là thành; vững vách để chống, mà cái chỗ cậy không phải là vách; giữ núi để chống, cách sông để chống, mà cái chỗ cậy không phải là núi và sông. Phải nghĩ là có thể yên có thể nguy, có thể tạm có thể lâu. Tĩnh thì mưu, động thì có lợi. Cách chống đánh có mấy trăm mỗi; khi nhiều khi ít, khi hợp khi nhân, khi tiến khi gặp; khi xông mà đập, khi nhân mà đánh, khi lần lượt, khi bám sát, khi hoãn, khi chóng, khi lớn, khi nhỏ, khi lâu, khi tạm, khi đuổi, khi chống, khi nổi, khi chệt, đều phải hợp hòa với phép.

Quân ngựa, quân bộ, đóng đội, đóng dinh, dàn trận, cắm lũy, sắp hàng, xông tới, theo sau, họp lại, tản ra, nghiêm phép, riết lệnh, dạy thử, so sánh, nước lửa, thuyền bè, xe cộ, đều phải cho đúng. Ngày đêm rét nắng, gió mưa mây móc, sớm tối trăng sao, sấm sét băng tuyết, đều phải theo thời. Hang núi, sông chằm, rộng hẹp, xa gần, bờ biển, rừng sâu, đất bùn, hang hố, ngõ hẻm, đường rộng, bãi cát, hang đá, cửa ải, đều phải theo địa thế.

Đến như thì hành kế sách thì phải mưu mẹo, khích lên, ứng lại, nhử mồi, dụ dỗ, hư trương thanh thế để đánh úp, đặt phục, khêu chọc, cướp bóc, bày đặt sự cười gả, đón đường triệt đánh, tiếp gót đi theo, khi nắm cơ thì tự phải biến hóa, lánh ẩn, trang trí trò thần vật, bày đặt trò ma quỷ, bụi bặm đầy đồng, khói đuốc mù chói, đào dưới đất, bay trên không, thậm chí chẳng lúc nào là không xông pha xô đẩy, giáp quanh vây ập, áp bức dữ dội, luôn luôn làm cho khiếp sợ, say sưa cạm bẫy để tỏ mạnh bạo; thậm nữa thì làm cho đói mệt đau khổ, ép bức lẻ loi cho phải vỡ mà đầu hàng, lừa bắt cho giận tức, khích thêm máu hăng cho liều đánh, chột sợ chạy về sau, rồi tiếp cứu cho qua nguy; võ khí tinh, kỹ thuật giỏi, có thể đánh tràn cả Hoa Di, đó mới là danh tướng.

*

* *

Sách Kinh thế:

Xin nosi phép đánh: Địch mạnh thì nên dùng lối đánh tủa. Địch ngang sức nên dùng lối đánh đường hoàng. Địch yếu nên dùng lối xông vào giày xéo, ngựa bọc giáp, quân bộ mạnh dạn, xông vào đi lại đánh giết, khiến cho địch tan tành. Thế gọi là phép nhân địch yếu, lấy mạng của ta chống kẻ yếu. Nhưng lấy yếu của ta mà chống kẻ mạnh, thì mình phải đánh trước, tả hữu chia nhau mà cướp, đó gọi là phép đánh vào chỗ mềm mà tranh thắng. Dự lập thế trận lạ, mở, chia, cắt, chặt; địch đột thì cho vào; địch xông thì ta xé; làm tan thế địch mà giữ vẹn sức ta; nỏ cùng mác hết thì bấy giờ quân phục mới dậy. Thế gọi là phép uốn mạnh chuyển đánh vậy. Nếu chưa đánh thì phải phòng bị giặc chột đến. Đánh lui thì lo giặc ập đến. Thua chạy thì đừng ngã cờ, khiến địch không dám tới sát. Thắng thì đuổi rất nghiêm, khiến quân phục của địch không thể vùng dậy đánh. Nếu được như thế thì tiến có thể không thua, lui có thể không chết; cùng với ba quân quay đuổi nhau trong khoảng gió tung chớp giạt, thì nhất định nắm được cơ thắng vậy.

1. Chữ hán, nghĩa là lặng sạch ham muốn. Liên hệ với chữ “tĩnh thì mưu” ở dưới, có lẽ nghĩa là yên lặng trừ mưu mà chống.

*

* *

Thay đổi (canh).

Việc võ không nên nhàn. Quân đóng liền trong cũi, đánh luôn không nghỉ, thế mà muốn cho quân không mệt được sao? Duy có một cách là thay đổi thôi. Ta đánh một lần mà người ứng mấy lần thì người nhàn mà thành nhọc; người đánh mấy lần mà ta mấy lần nghỉ thì ta đảo nhọc thành nhàn. Nhàn thì có thể làm được việc; nhọc thì có thể thua. Không đem hết sức của cả quân cung cho việc đánh, thì thua có thể không lo, mà đánh thì cũng không rồi.

*

* *

Nếu ta đi cướp dinh giặc, lặng lặng kín kín, ngậm tăm lên đi, đến cách dinh giặc một nửa dặm đất thì ta mới đánh, đồng tiếng la to, nhưng không nên vội tiến, xem ở trong dinh, hoặc kêu rối rít, hoặc chạy tứ tung, thì ta thừa thế đánh tới, có thể thu toàn thắng. Nếu thấy nó im lặng không động, lâu không có hơi tiếng gì, đó hẳn là có phòng bị, quyết không thể tiến lên trước được, tức phải kết trận mà lui chổng, không nên khinh thường.

Phàm khi chặn định, tất trước phải để đất dư; binh có đất dư để khỏi vội vàng khi lâm sự. Khi hai quân đã cử binh, thì cố nhiên ứng theo đại thế mà đều lên. Nhưng đội ở mặt trước phải cho thừa đều, mặt sau thời lưu lại 5, 7 đội chính tề để chờ, một là có thể giúp uy cho đội trước, một là có thể thay phiên mà lần lượt ra đánh, một là ta có dự bị để tiếp ứng mà ra quân kỳ. Nếu nhất khái cử cả tới trước thì không khỏi có sự xô đẩy mà trở thành vướng tay, lại không có thể trong ngoài nương nhau mà ra quân kỳ được. Đó là bí pháp làm cơ vậy, tướng sĩ các người đều nên nhớ kỹ.

*

* *

Sách Tôn tử:

Cho nên việc binh nghe vụng mà chổng, chứ chưa từng thấy khéo mà lâu. Việc binh kéo dài mà lợi nước, chưa từng có vậy. Cho nên không biết hết cái

hại của sự dùng binh thì không thể biết hết cái lợi của sự dùng binh¹.

*

* *

Phàm đánh trận, phải trở lưng ra gió và nơi cao; bên hữu cao thì bên tả phải hiểm; qua chỗ nước chảy, chỗ đất lún thì nên ở vào nơi cao. Phàm đuổi vào đất giặc, tất có đường tiến. Lui thì phải lo có đường trở về.

Phàm đánh, kính nể thì hiềm nghi; đốc suất thì phục; trên bán rộn thì khinh; trên nhàn rỗi thì trọng; tường cậy được là nhờ có dân; dân đánh được là nhờ có khí. Có khí thì đánh, không có khí thì chạy. Hình chưa gia, binh chưa tiếp mà đã cướp được địch, đó là quân của vương giả.

Phàm chưa gia hình mà đánh, dù quân nhiều cũng phải tan; thấy lợi mà đánh, dù quân ít cũng thắng, lợi là chỗ sở đoản của nó mà là chỗ sở trường của ta là thế. Thấy lợi thì dậy, không thấy lợi thì thôi. Thấy lợi thì nhân lấy thời; thời là cái đến không đầy chớp mắt, trước thì thái quá, sau thì bất cập. Sấm mạnh không kịp che tai, chớp nhanh không kịp nhắm mắt, tới thì như sợ, dụng thì như điên, người như thế thì lợi ở sự đánh người.

Quân ta bị địch vây, có thể quyết chiến có ba điều: Ngoài không có quân viện, đó là một điều nên đánh. Người mạnh ngựa khỏe, binh giáp sắc bền, mà lương chứa không đủ, đó là hai điều nên đánh. Thành trì không vững, người ngựa túng thiếu, đó là ba điều nên đánh. Đánh là do dũng khí, một lần trống thì khí bốc lên; hai lần thì khí suy; ba lần thì khí kiệt. Nó kiệt mà ta đầy cho nên ta thắng.

Nó đi bộ, ta đi xe, hễ gặp thì ta chệt; cứ xếp mười xe một, tất đánh thắng... Đánh nhau với giặc Hồ, mây hợp khói tan, biến thái không thường, trong khoảng và bước thế cũng khác nhau; tới kỳ chột ứng chỉ trong khoảng thở hút, thế mà hễ động là hỏi đại tướng, gặp việc đối phó không kịp, đó là không biết sự biến chuyển của binh vậy. Cho nên ta khiến quân biết ý tướng, tướng biết tình quân, theo đó mà đi, như cánh tay sai khiến ngón tay, quân tướng cùng quen, người đều tự đánh, như thế chẳng hay ư? Bày trận rồi sau mới đánh, đó là lẽ thường của binh pháp; vận dụng tài tình là do ở lòng.

1. Tôn tử, thiên II.

*

* *

Sách Tôn tử:

Ba quân có thể đoạt được khí, tướng quân có thể đoạt được lòng. Ấy cho nên buổi sáng thì khí hăng hái, ban trưa thì khí uể oải, buổi chiều thì khí suy kiệt. Người giỏi dùng binh tránh lúc khí hăng hái, đánh ở lúc khí uể oải và suy kiệt; đó là cách trị khí vậy. Lấy trị mà đợi loạn, lấy yên tĩnh mà đợi ồn ào, đó là cách trị tâm vậy. Lấy gần mà đợi xa, lấy nhàn mà đợi nhọc, lấy no mà đợi đói, đó là cách trị lực vậy. Đừng đón cờ chính chính¹, đừng đánh trận đường đường², đó là cách trị biến vậy.

Cho nên phép dùng binh, gò cao chớ hướng vào; quay lưng vào gò chờ đón; giả chạy chớ theo; quân sắc chớ đánh; chớ ăn mỗi nhử; chớ cản quân về; vòng vây tất bỏ hở; chớ đuổi giặc cùng. Đó là phép dùng binh vậy³.

*

* *

Người giỏi dùng binh, lấy dụ dỗ đối người về theo, lấy yên tĩnh đối người nóng nảy, lấy trọng đối khinh, lấy nghiêm đối trễ, lấy trị đối loạn, lấy thủ đối công.

Đại yếu việc quân có ba điều: có thể đánh thì đánh, không thể đánh thì giữ, không thể giữ thì chạy, trừ ba việc ấy ra, chỉ còn việc chết thôi.

Thế mà nên có năm điều: 1) thừa thế; 2) khí thế; 3) giả thế; 4) tùy thế; 5) địa thế.

Phàm khi mới đánh vỡ được quân địch lớn, tướng sĩ hăng hái, uy danh lừng lẫy, nghe đều khiếp sợ, quay cái thế đó mà đánh người, đó gọi là thừa thế. Tướng có uy đức, bộ ngũ chỉnh tề, quân có dư sức, tiếng tăm đều biết, mạnh như sấm sét, đó gọi là khí thế. Quân lính ít ỏi, trống cờ rộn rịp, trương làm nghi binh, khiến quân địch sợ hãi, đó gọi là giả thế. Nhân địch mỗi mệt trễ nải mà đánh úp, đó gọi là tùy thế. Tiện cho can qua, lợi cho bộ kỵ, tả hữu trước sau, không có chỗ hãm ản, đó gọi là địa thế. Người dùng binh mà nhận được năm thế ấy, chưa có ai là không có thể theo kẻ trốn đuổi kẻ thua mà dựng nên công to.

Thế mà thua có ba điều: 1) tởa thế; 2) chi thế; 3) khinh thế.

Thua nhiều trận, quan và quân sợ đánh giặc, đó gọi là tởa thế. Tướng không có uy đức, mưu kế, thưởng phạt không đáng, lòng quan và quân phần nhiều tan

rã, đó gọi là chi thế. Quan và quân ồn ào, không theo lệnh cấm, bộ ngũ không nghiêm, đó gọi là khinh thế. Phàm dùng binh có ba điều ấy, chưa thấy có ai không tan quân chết tướng bao giờ. Phàm được quân địch tủa thế thì có thể tự ngoài đánh được; địch bị chi thế thì có thể tự trong mà đánh; địch bị khinh thế thì có thể xông đánh. Đó là tùy ba thế bại mà đánh vậy.

Quân sắp ra đánh, nên biết gió mùa thổi hướng nào, nếu gió thuận thì gọi mà theo ngay, gió ngược thì bèn trận mà chờ đó; trước xét ở trí ta, bảo là thiên quan⁴ mà là nhân sự thôi.

-
1. Hễ thay quân địch cờ xí đường hoàng thì không nên đón đánh.
 2. Hễ thấy quân địch bày trận nghiêm chỉnh thì đừng nên đánh.
 3. **Tôn tử**, thiên VII.
 4. Thiên quan: Chức quan xem thiên văn và thời tiết.

*

* *

Ngày xưa ở thượng lưu mà mưu nổi loạn; đều vì trì hoãn mà đến thua. Hưu-phạm¹ rút bài bọc cũ, đem quân xuống gấp để nhân sự không phòng bị của quân ta. Nay nên đóng quân ở Tân-đình và Bạch-hạ², bèn giữ cung thành, giữ thành Thạch-đầu để chờ giặc đến. Quân lẻ loi đi xa nghìn dặm, không chứa lương thực, cầu chiến không được, tự nhiên sẽ tan như ngôi vỡ. Tôi xin đóng ở Tân-đình để chống mũi nhọn, chắc phá được giặc.

Ruộng ở Giang-bắc gặt hơi muộn, ruộng nước ở Giang-nam chín sớm, tính mùa thu hoạch của nó, ta trưng chút ít binh và ngựa, nói phao đánh úp, nó hẳn đóng quân để chống giữ, bỏ công việc mùa màng. Nó đã giữ binh thì ta bèn cởi giáp, hai ba lần như thế, nó cho đó là việc thường, sau ta họp quân, nó hẳn không tin, trong lúc do dự, ta bèn cho quân sang sông, đổ bộ mà đánh, khí quân thêm bội. Giang-nam đất xấu, nhà phần nhiều làm bằng tranh tre, kho chứa phần nhiều không phải là hầm dưới đất; nên bí mật sai người nhân gió phóng lửa. Chờ nó sửa dựng, rồi lại đốt lại. Không đầy vài năm, tài lực kiệt hết.

Binh pháp quý ở đánh nhanh; chủ thì quý ở trì trọng. Ngày nay nhà nước đủ ăn đủ quân, nên bèn giữ lấy Đài-thành, theo ven sông Hoài mà lập rào phen. BẮC quân đầu lại, ta đừng giao chiến, nên chia quân cắt đứt đường sông, không

cho nó thông được tin tức, và xin cấp cho thần một vạn tinh binh, ba trăm thuyền Kim sí, xuống sông đi qua chụp lấy Lục-hợp³. Đại quân nó hẳn cho là ta sang sông thì tướng sĩ nó đã bị bắt tù, tự nhiên tỏa khí. Nhân sĩ đất Hoài-nam vốn cùng thần quen biết, nay nghe thần đến hẳn là theo ngay. Thần lại nói phao là lại đến Từ-châu, chặn đứt đường về của nó, thì các quân nó không đánh cũng tự rút đi. Đợi nước mùa xuân ngập sông thì quân Chu La-hầu⁴ hẳn theo dòng mà đến cứu viện. Đó là chức hay vậy.

1. Thời Nam Tống, Lưu Dự, Vương Hưu-phạm phản, Tiêu Đạo-thành (sau là Nam Tề Cao đế) đem quân đi đánh. Khi đến Tân-đình, thành lũy chưa đắp xong mà quân của Hưu-phạm đã đến Tân-lâm. Đạo-thành cởi áo năm khềnh ở Tân-đình để yên lòng quân.

2. Tân-đình và Bạch-hạ đều ở huyện Giang-ninh, tỉnh Giang-tô. Vua Vũ-đức nhà Đường đóng ở Kim-lăng, đổi Kim-lăng làm Bạch-hạ, dời trị sở đến thành Bạch-hạ cũ.

3. Huyện Lục-hợp thuộc đạo Kim-lăng tỉnh Giang-tô.

4. Chu La-hầu người ở Tầm-dương, làm quan nước Trần (Nam Bắc triều). Sau Tấn vương Quảng (tức Tùy Dạng đế sau này) đánh Trần, bắt được Trần chúa, La-hầu hàng.

*

* *

Đồ chống tên đạn của quân bộ. Phàm cung nỏ không thể bắn gần được, nên chẻ tre làm cái bung xung tròn, ước chừng mười ôm, có thể che được thân người, trong chứa rơm rạ và bẹ chuối để phòng súng đạn; đầu đuôi hai người đun một cái bung xung, những quân nhanh khỏe đều cầm đao sắc, lá chắn, phục ở sau bung xung; phải tiến đến sát quân giặc, người lẩn bung xung cắt đứt dây, quân phục chồm dậy, lá chắn và gươm múa loạn lên, cung tên của giặc không kịp trở tay.

Phép chống voi. Xưa kia đời vua Thành-tổ nhà Minh đánh Man Diến-điện¹, đem 30 vạn quân và hơn 100 con voi đến cướp Định-viễn, vua Minh sai Mộc Thạnh và Anh Mã-thành đi đánh, bắt được voi đem về. Anh nói: “Giặc không cần phá”. Bèn xuống lệnh đặt nhiều súng lửa và tên thần, chia tướng sĩ ra làm ba hàng. Voi họ đến gần thì súng tên ở hàng trước

đều bắn; nếu voi chưa lui, thì hàng hai kể bắn; rồi tiếp đến hàng ba, voi tất quay chạy. Rồi lấy đại quân thừa thế mà đánh. Ước thúc đã định. Ngày mai quả nhiên giặc² lừa hơn trăm voi đi hàng đầu. Mộc Thạnh cứ y theo phép đó, giao phong bắn súng, núi hang vang động, voi đều quay trở về, quân giặc cả vỡ. Minh Thành-tổ sai Mộc Thạnh đem quân vào nước ta đánh Hồ Quý Ly. Giặc³ lại ở trong thành⁴ bày voi tiếp chiến. Du kích tướng quân Tống Quảng dùng lối sư tử vẽ khoác vào ngựa; thần cơ tướng quân La Văn dùng súng thần cơ đi sát bên mà tiến. Voi bị thương, đều lùi chạy cả. Quân Minh đuổi dài mà tiến. Quý Ly trốn chạy.

Năm Kỷ Dậu người Thanh sai tổng đốc Lưỡng Quảng sang nước ta đánh giặc để khôi phục thành nhà Lê. Ngụy Tây⁵ bày voi xông trước; người Thanh làm mộc mã để cản, lại đào hố để sập voi, chước đó rất mưu, song lại thất thủ, vì trong cái mưu có cái chưa mưu. Nên khéo ngầm đào hầm hố, cách xa ngoài lũy ước một dặm, lấy cỏ phủ ở trên hầm, rồi đem đất cát phủ lên trên. Đại chiến hồi lâu, giả cách thua chạy, voi thừa thắng đuổi theo hẳn sa xuống hố. Mộc mã thì có dây buộc xuyên liền với nhau để cản không cho voi xông đến. Như thế thì hẳn không thua.

Phép chống ngựa. Người xưa dùng mộc mã để chống ngựa là phép ấy vậy. Nhưng phải lấy dây sắt buộc xuyên liền nhau; có thể dùng để chống cả voi nữa. Lấy vải vẽ lối hổ mà trùm cho ngựa để cho ngựa của giặc phải sợ, vì ngựa thấy hổ thì sợ rẹp xuống.

*

* *

Sách Yên thủy thần kinh:

Phép đánh ban ngày. Phàm đánh trận ban ngày cần phải có nhiều cờ xí để làm loạn tai mắt của địch, hoặc tán ra làm nghi binh để chia thế địch.

Phép đánh ban đêm. Phàm đánh trận ban đêm, phải dùng nhiều trống và lửa để làm rối lòng địch, hoặc làm nghi binh ở nơi khác mà chia quân, hoặc ngồi ở ruộng cạn mà cướp trại.

Phàm quân địch đặt nhiều đồn mà ta muốn đánh, thì tất phải phô trương thanh thế, giả cách vào đánh đồn này, các đồn kia lại cứu, ta nhân cơ hội mà đánh vào những đồn bỏ không, thấy địch rối loạn rồi thì đánh luôn cả.

Nếu quân giặc giữ nơi yếu hại của ta, chặn hết bến cầu của ta, triệt đường lương cỏ của ta, hợp quân vây ta, ta nên đem quân tránh đi để tìm nơi khác.

Quân địch đánh ta mà ta không muốn đánh thì ta dùng quyền biến để cho họ ngờ. Giặc ngờ mà không dám đánh gấp, thì ta xem hễ nhuệ khí nó suy dần, thế không mạnh lắm, thì có thể kíp sai quân đánh.

-
1. Diển-diện cũng bị người Trung-quốc xưa xem là Man Di.
 2. Tác giả theo quan niệm phong kiến, gọi nước bị xâm lược là giặc.
 3. Theo quan niệm phản động của vua quan nhà Nguyễn thì Quý Ly là người thoán đoạt, nên họ gọi là giặc.
 4. Đây là thành Đa-bang.
 5. Vua quan nhà Nguyễn gọi Tây-sơn là ngụy.

*

* *

Sách *Võ bị chế thắng chí*:

Phép bố trận¹. Như quân địch đã chiếm trước nơi núi cao lũng lớn, được chỗ địa lợi rồi, ta muốn đánh, nhưng xét địa lợi thì không được, nếu đánh thì hẳn thua. Như thế thì nên đặt riêng cách lừa dối, khiến quân địch ngờ mà không dám đánh, đợi đến khi trời chiều, quân ngựa đói khát, quân muốn lui mà ý tướng chưa lui, quân muốn đánh mà tướng không thấy lợi không dám đánh, ta bèn sai tướng nhỏ lãnh mấy đội ngựa khiêu dăng² đi trước, đến gần nơi núi cao lũng lớn mà trương thế quân, hoặc nói phao là đánh dinh trại địch, đón dứt lương cỏ, hoặc nói là phát binh dời đường, đánh vào hậu đội, làm cho lòng địch do dự, thế quân đã động, khó mà chỉnh đốn lại được. Ta bèn dùng quân tráng sĩ, cung mạnh nỏ cứng, đánh tả đánh hữu, đột trước xông sau, khiến quân địch đầu đuôi không tiếp ứng nhau được, ngựa và bộ đánh lẫn lộn, thế thì địch có thể vỡ vậy.

Phép xuất chiến. Ta biết trước địa lợi tốt xấu thế nào, liệu thế địch có thể đánh được, như ngày nay phải đánh, đại quân đã ra thì kíp rảo đến chiến địa, khiến quân địch thảng thốt bày trận; nếu người ngựa của nó chưa định, cờ xí chưa chỉnh, trận thế chưa xong, ta có thể thừa thế đánh luôn, tất có cơ thắng. Sách *Tam lược* nói “*Đánh như sông vỡ, đánh như sấm vang*”, là thế đó.

Phép bố trận tác chiến. Lãnh ba quân, kẻ có 33.500 người, có thể bày một thế trận. Nếu gặp địch đánh thì hai bên đối no, nhọc nhàn, cố nhiên không như nhau. Nếu quân địch chia ra phần tiến phần dừng, thay đổi nhau mà đánh, thì quân ta đến chiều đã mệt sức rồi. Nên sai hai quân làm trận trước trận sau và một quân làm nghi binh để ứng khi gặp và bố chỗ trống. *Binh pháp nói: Mỗi nghìn người, phải kén ba trăm người làm binh kỳ, muôn người phải kén nghìn người làm binh kỳ, thường theo ở hai bên tả hữu đại tướng để ứng dụng trong khi cần kíp.*

Phàm chiến đấu, đều phải dùng một người đầu hàng phó đội cầm đao áp ở phía sau, xem quân sĩ nào không vào trận thì chém, và người lãnh kiếm³ cứng răn cầm đao ở phía sau nữa để đốc chiến, xem người nào không vào trận thì chém. Quân lính hết thấy phải biết về bên trái vai bên phải của mình, đi đứng phải đúng theo thứ tự.

Trận vuông cũng có thể thắng; trận tròn cũng có thể thắng; rối lộn cũng có thể thắng; tới chỗ hiểm cũng có thể thắng. Địch ở núi thì leo mà đi theo, địch ở vực thì lặn mà đi theo, tìm địch như tìm con mắt, đi theo mà không ngờ, cho nên có thể đánh bại địch mà nắm lấy tính mệnh của nó. Phàm sớm quyết thì định trước, nếu kẻ không định trước, nghĩ không sớm quyết, thì tiến lui không định, lòng sinh ngờ thì hẳn thua. Cho nên binh chính thì quý dùng trước, binh kỳ thì quý dùng sau, hoặc trước hoặc sau, đều để chế địch cả. Thế tướng⁴ không biết phép, chuyên mệnh lệnh mà làm, dững trước khi đánh, nên không trận nào là không thua. Cất quân có ngờ mà lại không ngờ, chỗ đi có tin mà lại không tin, đến thì chậm nhanh khác nhau, ấy là ba điều luy của việc đánh trận vậy.

Phàm đánh trận thì đánh chỗ tĩnh yếu, lánh chỗ tĩnh mạnh; đánh chỗ nhọc mệt, lánh chỗ nhàn rãi; đánh chỗ sợ lớn, lánh chỗ sợ nhỏ; đó là đạo lý từ xưa vậy.

Tôi xin hỏi thầy rằng: Phàm hay lấy ít mà thắng nhiều, lấy yếu mà địch mạnh, lấy nhỏ mà chế lớn, thế mới gọi là thiện chiến. Nếu như ở khoảng đường dài đồng rộng, chiến kỳ đã ngắt, giặc đem hàng trăm vạn quân, đầy núi chật đồng kéo đến, mà quân ta ít và yếu, vội vã chưa phòng bị trước, chưa đặt phục xuất kỳ thì làm thế nào? Thầy trả lời rằng: Phàm quân họ xung mạo gió

bụi mà lại, thế hẳn nhọc mệt, nếu ta kíp dùng phép xe súng mà đánh, thì dễ như trở bàn tay, sao đủ sợ nữa?

Người giỏi giữ giấu quân sâu chín tầng đất, người giỏi đánh hoạt động trên chín tầng trời, cho nên có thể tự giữ mà toàn thắng vậy. Thấy thắng bất quá là cái biết của mọi người, không phải là người giỏi ở trong người giỏi. Đánh thắng mà thiên hạ đều khen là giỏi, không phải là người giỏi ở trong người giỏi. Cho nên cất một mảy lông không phải là có nhiều sức, thấy mặt trời mặt trăng không phải là có mắt sáng, nghe tiếng sấm sét không phải là có tai thính. Đời xưa gọi là người giỏi đánh là hơn người dễ thắng vậy. Cho nên cái thắng của người giỏi đánh không có tiếng là trí, không phải công của dũng. Cho nên đánh thắng thì không sai, không sai là xếp đặt được sự thắng, thắng là thắng kẻ đã thua trước vậy. Cho nên người giỏi đánh thường đứng ở trên đất không thua, mà không bỏ lỡ cái thua của địch vậy. Ấy cho nên binh thắng thì trước đã nắm được phần thắng rồi sau mới cầu đánh, mà binh bại thì trước đánh rồi sau mới thắng. Người giỏi dùng binh sửa đạo giữ phép, cho nên mới hay làm được chính lược thắng bại.

1. Từ đây trở xuống, xem **Võ bị chế thắng chí, quyển 5, chương “Bổ chiến”**.

2. Quân cười ngựa đi trước để thăm dò.

3. Lãnh là người cầm một số quân, kiên là người đi theo.

4. Tướng tầm thường ở đời.

Binh pháp nói¹: Một là đo, hai là lường, ba là tính, bốn là cân, năm là thắng. Đất sinh ra đo, đo sinh ra lường, lường sinh ra tính, tính sinh ra cân, cân sinh ra thắng. Cho nên binh thắng như lấy dật² mà cân thù³, mà binh bại thì như lấy thù mà cân dật. Sự đánh của kẻ thắng cũng như tháo võ nước chứa ở trên cao nghìn nhĩn, hình nó như vậy.

Điều đại yếu lúc lâm trận là ở sự thay phiên mà nghỉ và đánh, chia một toán quân ra làm mấy lớp, sắp đánh thì cho lớp thứ nhất ăn no, sai vào trận; kế cho lớp thứ hai ăn. Lớp thứ nhất mệt, tức điều động lớp thứ hai vào thay. Lớp thứ ba cũng như thế. Nên đổi phiên nhau như thế, thì quân thường được no, mà không đến nỗi khốn vậy.

Mỗi khi đánh thì cho giáo trường ở trước, ngồi mà không được đứng lên. Thứ đến cung rất mạnh, rồi đến nỏ rất mạnh, quỳ gối để chờ. Thứ nữa đến cung thần tý. Ví như ước trận đến trong 200 bước thì cung thần tý phải bắn trước, 70 bước thì cung nỏ mạnh đều bắn. Trận sau cũng thế. Thấy trận thì lấy mức cách nhau làm hạn, như móc sắt liền nhau. Đợi có người bị thương thì thay đổi người khác; gặp khi thay đổi thì dùng trống làm tiết. Quân kỵ thì ở hai cánh mà che phía trước. Trận đã thành thì quân kỵ lui ra. Thế gọi là lũy trận. Đánh trận bằng xe thì không nói ở đây.

Cho nên biết nơi đánh, biết ngày đánh, thì có thể xa nghìn dặm mà họp đánh được; không biết nơi đánh, không biết ngày đánh, thì tả không cứu được hữu, hữu không cứu được tả, trước không cứu được sau, sau không cứu được trước, huống là ở xa mấy nghìn dặm hay ở gần mấy dặm! Nếu sự suy tính của ta mà không hơn người thì dù quân có nhiều, cũng không ích gì cho sự thắng vậy. Cho nên sự thắng có thể làm được. Quân địch dù nhiều có thể khiến nó không chiến đấu. Cho nên tính thì biết được kế nên hay chẳng, làm thì biết được là động hay tĩnh, xem hình thì biết được đất tử hay sinh, đua chọi thì biết được có thừa hay không đủ. Cho nên hình tốt mực là ở vô hình; vô hình thì sâu, gián điệp không thể dòm, người trí không thể mưu được. Nhân hình mà đặt sự thắng vào quân, quân không thể biết. Người ta đều biết cái hình do đó ta thắng mà không biết được cái hình do đó ta chế thắng. Cho nên sự chiến thắng không thể lặp lại, mà ứng với hình thì vô cùng.

Kể ra hình của binh thì như nước. Hình của nước thì lánh chỗ cao mà rảo xuống thấp; hình của binh thì lánh chỗ thực mà đánh chỗ hư. Nước thì nhân đất mà nắm sự chảy của nó; binh thì nhân địch mà nắm sự chiến thắng.

Dám hỏi: Quân địch chinh bị sắp đến đánh ta thì ta đối phó thế nào? Trả lời: Tình⁴ của binh là cần phải chóng. Thừa chỗ người không kịp, mà đi vào đường không ngờ, đánh vào chỗ không phòng bị vậy. Phàm làm quân khách, vào sâu đất người thì phải chuyên không đánh được người chủ ngay thì phải cướp lấy đồng tốt, cho ba quân đủ ăn, nuôi dưỡng cẩn thận, đừng bắt nhọc mệt. Gồm khí chứa lực, cùng phép binh, đặt mưu kế, làm cái không thể lường được, xông vào chỗ không có chỗ đi, chết cũng không chạy, mà chết sao được, vì quân lính đều hết sức. Quân lính chịu hãm thì không sợ; không có chỗ đi thì phải bền; vào sâu thì giữ; bất đắc dĩ thì đấu. Thế cho nên binh không sửa soạn mà có sẵn

phòng; không cầu mà được; không ước mà thân; không hiệu lệnh mà tin. Phải rõ ràng điều cấm và bỏ sự ngờ vực, đến chết cũng không bỏ đi đâu. Quân ta có thừa của, không phải là ghét của đâu! Không có sống thừa, không phải là ghét thọ đâu! Ngày ra lệnh, quân sĩ ngời mà nước mắt thấm áo, nằm mà nước mắt chảy quanh cằm. Xông vào chỗ không có chỗ đi thì cũng như dừng của Chuyên Chư và Tào Quệ⁵ vậy. Cho nên người giỏi dùng binh ví như con suất nhiên, suất nhiên là rắn Thường-sơn, đánh đầu thì đuôi nó đến, đánh giữa thì đầu và đuôi nó đều đến. - Dám hỏi: Có thể làm như con suất nhiên được không? - Trả lời: Được. Phàm người Ngô cùng người Việt rất ghét nhau, nhưng đương lúc đi cùng thuyền mà gặp bão thì cứu nhau như tay phải tay trái. Ấy cho nên buông ngựa chôn xe cũng không đủ cậy được mà phải cùng nhau mạnh như một người, đó là đạo dùng binh. Cho nên người giỏi dùng binh, nắm cả quân như sai một người, ai cũng phải làm, không ai không được.

1. **Tôn tử**, thiên IV.

2. 24 lạng làm một dật.

3. Một lạng là 24 thù.

4. Tình và hình là nội dung và hình thức.

5. Chuyên Chư là thích khách của nước Ngô thời Xuân Thu. Công tử Quang muốn giết vua Ngô, mời vua Ngô ăn tiệc, sai Chuyên Chư giấu dao trong bụng cá mà giết. Tào Quệ người nước Lỗ thời Xuân Thu. Tề bắt Lỗ phải nộp ấp trại. Khi về Lỗ họp nhau ăn thề. Tào Quệ cầm dao nhọn bắt hiếp Tề Hoàn công và nói lời khảng khái, Hoàn công phải trả lại đất cho Lỗ.

III – Đặt kỳ

Đồng cỏ rậm rạp để làm nơi trốn tránh; khe hang hiểm trở để làm nơi đỗ quân; ải tái núi rừng để lấy ít đánh nhiều. Nhanh như nước chảy, nhạy như máy nổ, là để phá thuật tinh; đặt phục đặt kỳ, xa trương lừa dụ, là để phá quân bắt tướng; xé bốn chia năm, là để đánh trận tròn trận vuông; nhân họ sợ hãi, là để lấy một đánh mười; nhân họ mỗi một không phòng, là để lấy mười đánh trăm; khua trống om sòm, là để làm mưu chước lạ; gió to mưa lớn, là để trói trước bắt sau; ngụy xưng là sứ của địch, là để cắt đứt đường lương; lộn sông hiệu

lệnh, ăn mặc như địch; là để phòng khi thua chạy. Hoặc nửa đêm sai người đến lữ địch, ở ngoài chín trăm bước, đều ra lệnh cho lớn tiếng la vang, hô cho rối lên, quân địch ắt loạn, thì nhân đó đánh luôn hẳn thắng.

*

* *

Sách Võ kinh:

Thái công nói: Phạm điều cốt yếu của việc dùng binh, khi đương đầu với địch mà đánh thì phải đặt xung trận cho tiện chỗ quân ở, rồi sau dùng quân xa kỵ chia làm trận ô vân. Đó là phép kỳ trong sự dùng binh. Gọi là trận ô vân, nghĩa là quạ bay tan, mây hợp lại biến hóa vô cùng vậy. Võ vương khen phải¹.

*

* *

Sách Kinh thế:

Trên con đường chính, ta thì đi, địch thì lại, ta thì tranh, địch thì chống, không thể thành công được. Người dùng binh không ra ở chỗ đáng ra, mà ra ở chỗ không đáng ra. Chỗ thung lũng không đóng đồn, chỗ đường tắt không canh gác; chỗ đất không có thành, có thể đến đấy thì lợi, có thể đến đấy thì thắng. Chỗ tắt đánh thì thường vững; chỗ thành tắt đánh thì thường bền; thời giờ tắt đánh thì người ta thường cảnh giác, không thể thành công được. Người giỏi dùng binh không đánh ở chỗ nên đánh, mà đánh ở chỗ không nên đánh. Muốn lấy bên đông thì đánh bên tây; nó hẳn không bỏ phía tây mà phòng phía đông. Muốn lấy phía sau thì đánh phía trước; nó hẳn không bỏ phía trước mà phòng phía sau. Đó là điều tình người không ngờ. Có thể lừa được thì thắng. Vạn người làm một quân, chẳng qua là vạn người. Năm vạn người làm một quân, chẳng qua là năm vạn người. Mười vạn người làm một quân, chẳng qua là mười vạn người. Ta có số quân ấy, địch cũng có số quân ấy, không thể thành công được. Người giỏi dùng binh thì không chuyên chú ở một quân. Ngoài binh chính còn có binh khác; ở chỗ không có binh mà đều là binh. Có du binh để quấy rối, có xuyết binh² để mà kéo dài; có hình binh để làm ngờ mắt họ; có cử binh để làm ngờ tai họ; là để làm rối thế của địch. Có thể làm rối được là thắng. Có mấy điều kỳ ấy là quân tắt thắng. Ít có thể thắng nhiều, yếu có thể thắng mạnh. Xưa kia Đường Tử-thức ở nước Thục, cùng với bọn xá nhân³ được biểu một hũ rượu, năm người giữ lấy, bốn người yển tranh không thể

được. Bên chọn một tên nô lệ nhanh nhẩu, bảo nó rằng: “Ta reo mà vào chúng nó phải bỏ hũ rượu đấy mà chống nhau với ta, thì mày kíp vào mà lấy rượu: lúc đó ta đánh lừa chúng nó là ta đánh phía tả nhà ấy, chúng nó hẳn đem hết quân mà chống ta ở phía tả, khi chúng nó thắng mà trở lại thì đã mất hũ rượu rồi”. Người giỏi dùng binh nên như Đường Tử-thức lấy hũ rượu, có thể bảo là người trí vậy. Con chuột bò ra, nhìn bên tả ba lần, nhìn bên hữu hai lần, tiến ra một tấc thì lùi lại ba lần, tiến ra một thước thì lùi lại hai lần. Ta cười cái trí của người vụng dùng binh cũng đáng như con chuột thập thò ra ngoài cửa lỗ vậy. Tình người ta bắt đầu thì sợ, lâu thì ổn định. Người sợ thì có thể quấy, người định thì không phạm được. Người giỏi dùng binh, nhân sợ mà làm trước. Địch đương sợ thì nghìn dặm không xa, bao lần cửa cũng không ngăn trở, trăm vạn quân cũng không nhiều. Người mang bánh khô, ngựa mang đậu hấp, gấp đường mà tiến, thâm đêm mà đi, như gió lướt, như sấm giạt, chính đương lúc ấy thì vua tôi địch hoang mang, nhân dân tan tác, tướng sĩ không bền chí, đánh một nơi mà chín nơi tự vỡ, đánh bên đông thì bên tây tự vỡ, đánh phía nam thì phía bắc tự vỡ. Binh khí chưa dùng mà sự tan nát đã có thể thu được vậy.

Phàm đạo dụng binh, không gì thần bằng được cơ. Ly Chu⁴ chưa soi đuốc, Mạnh Bôn⁵ đương ngủ say, đó là thời để dùng cơ vậy. Rình bắn con chim đã sợ, rình bắn còn thỏ chạy đi, trước sau không đầy chớp mắt, xa gần cách nhau không tới một phân, đó là cái hình dùng cơ vậy. Cơ một ngày không trở lại, một tháng không trở lại, một năm không trở lại, mười năm không trở lại, trăm năm không trở lại, thế nên người trí giả tiếc lắm.

Hai quân gặp nhau mà bày trận, hoặc quân ta ở xa mà lại, cái đêm mới đến, hoặc là cái đêm đối với địch chưa phân được thua, hoặc là cái đêm mưa gió tối tăm, hoặc là cái đêm quân ta chợt phải lo lắng, hoặc là cái đêm trong quân có việc cầu thần, yến tiệc, quân địch thường mưu nhân lúc ta mỗi một không phòng bị mà cướp dinh chiếm trại, cốt để làm cho ta xúc cảnh mà kinh lòng. Ban ngày ta nên tỏ ra vẻ rất mệt, rất bức, rất thê lương; đến buổi chiều thì vượt dinh, đặt quân phục, hờ dựng cờ xí, đèn lửa trong dinh chỗ sáng chỗ tắt xen nhau, không bỏ trống canh mà chờ đợi. Bốn bề đặt súng cho dày mà lặng nghe. Đợi khi quân địch vào phục, hẹn lấy 3 khẩu súng hay 5 khẩu súng, cứ đúng số mà đều bắn. Quân phục nghe số súng phù nhau thì bốn mặt vùng dậy. Nếu không ước định số tiếng súng thì sợ khi quân địch còn chưa vào cũi, tự bắn

mấy tiếng dè thăm dò ý quân ta, quân phục ta dậy trước chỉ là vô ích. Khi quân phục đã dậy đón đánh, thì quân đại dinh theo sau mà giáp đánh. Sợ đêm tối không phân biệt được người này người khác thì khiến quân ta đều thổi một cái ống sậy làm hiệu để khỏi nhầm lẫn.

Nếu tính đường đất, địch có thể đến giờ ngộ thì tới, thì ta liền đêm dời dinh đến nơi đất hiểm có thể đặt quân phục ở cách hai ba chục dặm, chiếu theo phép vượt dinh đặt phục trước mà làm, khiến địch thấy dinh của ta bỏ không cho là ta nhát, ắt đuổi theo ta. Kịp khi đến dinh của ta thì mặt trời đã chiều, ta cứ theo như phép trước mà làm thì được. Vì lấy quân ít mà thắng quân nhiều, không khó nhọc thì không được; không phải đã chiều thì không được. Nếu gặp chỗ cỏ cây rậm rạp, nhân gió phóng lửa, lại rất dễ làm.

1. Xem **Võ kinh trực giải, phần “Lục thao”, chương 48.**

2. **Xuyết binh: Binh để bổ xuyết, để bổ sung.**

3. **Chức quan nhỏ ở thân cận tả hữu một chức quan lớn.**

4. **Ly Chu: Tức là Ly Lân, người thời Hoàng đế, mắt rất sáng, trông xa ngoài trăm bước.**

5. **Mạnh Bôn: Lục sĩ thời Chiến quốc, Người nước Vệ, cũng có sách chép là Mạnh Thuyết.**

*

* *

Sách *Võ kinh*:

Thái tôn hỏi: Phép trận tứ thú lại lấy bốn âm thương vũ chủ dốc làm tượng là nghĩa gì? - Tĩnh thưa: Đó là cách đánh lừa vậy. Thái tôn hỏi: Có thể bỏ được không? - Tĩnh thưa: Giữ đó tức là bỏ đó. Nếu bỏ mà không dùng, thì lại càng là lừa dối lắm. Thái tôn hỏi: Thế là thế nào? - Tĩnh thưa: Mượn tên bốn giống thú và hiệu trời đất gió mây, lại thêm phối với thương là hành kim, vũ là hành mộc, chủ là hành hỏa, dốc là hành thủy, đó đều là cách lừa dối từ xưa của nhà binh. Giữ thế là thừa để lừa dối rồi, không cần thêm nữa. Nếu bỏ đi thì cái thuật khiến kẻ tham kẻ ngu do đâu mà làm được? Thái tôn nói: Khanh nên bí mật, đừng tiết lộ ra ngoài.

*

* *

Sách *Binh lược*:

Như xưa Tây-sơn Nguyễn Huệ chống nhau với Thạc võ công¹ ở bên Thúy-ái, ra quân kỳ theo đường tắt mà vào thành nhà Lê, Chúa Trịnh vừa đi về miền Tây thì trong phủ đã dựng cờ Tây-sơn rồi.

Năm Kỷ Dậu; tháng giêng ngày mồng 5, Nguyễn Huệ chia quân ra làm ba đạo cùng với quân Bắc² tiếp chiến, mà thủy binh tiến đậu ở sông Nhị-hà, đó là mưu chệt đường về của quân Bắc vậy.

Làm tướng cầm quân mà không có thể nương dựa nhau thì thế nào cũng thua. Như Lý Hiến-trung³ ở cuối đời Tống chống nhau với nhà Kim, mà Hoành Uyên thu quân về không cứu viện, để Hiến-trung quân cô không có viện, thua ở Phù-ly, đó là tội của Uyên vậy. Bắc triều đem quân, cùng quân Tây-sơn tiếp chiến, một trận mà thất thủ, vì cứ không có quân cứu viện vậy.

*

* *

Binh pháp nói “Chệt cổ họng giữ chỗ hư”. Như ba tướng Từ, Tôn, Lưu⁴ vâng mệnh đi đánh giặc, giặc lại vào Thái-nguyên, toan do Bảo-định qua Cư-dung mà tiến đánh Bắc-bình. Tôn tướng quân đốc quân sáu vệ đủ để chống giữ Bắc-bình. Lưu nhân giặc không phòng bị, thẳng đến Thái-nguyên, đánh đổ sào huyệt của giặc. Giặc tiến thì không thẳng được, lui thì không có chỗ dựa, nếu trở về Thái-nguyên thì đã bị Từ, Lưu khống chế rồi, tiến thoái đều không lợi, hẳn là bị bắt.

Bỏ chỗ thực mà đánh vào chỗ hư, đó là cái diệu của việc binh. Thực là nơi nhóm họp binh lương; đánh vào chỗ thực thì việc càng khó. Người giỏi dùng binh bỏ chỗ thực mà giã chỗ hư. Chỗ hư ấy là chỗ thực của ta, trên dưới chấn động, dầu có bậc trí giả cũng không mưu tính gì được.

Có khi bỏ chỗ thực giã chỗ hư mà có được có thua. Như Hán Cao tổ làm khốn quân Sở. Hạng Vũ đem quân đánh Tề, quốc đô của Vũ bỏ không, Hán Cao tổ bèn đem quân chư hầu kéo thẳng vào Bành-thành. Đó là cái diệu biết giã chỗ hư vậy. Nhưng vì nảy sinh ra lòng ham muốn, thu được người đẹp và của báu, đặt rượu mở hội, không biết chệt đường về của Hạng Vũ, cho nên khi Vũ nghe được tin, tự đem ba vạn tinh binh mà cả phá được quân Hán.

Lại ví như bày nghi binh ở một nơi khiến quân địch bỏ không nước để chống cự, ta bèn đem binh kỳ đánh thẳng vào chỗ hư, bao nhiêu kho tàng của

địch bị ta chiếm cả, ta đắp lũy để giữ, đặt binh để phòng, khiến địch không có chỗ mà về, như chim vỡ tổ, như thỏ mất hang, không trốn vào đâu đtrợc. Đó là chức của Hàn Tín dùng mộc anh⁵ để đánh nước Ngụy, dựng cờ đỏ⁶ để úp nước Triệu vậy.

Địch sợ ta không dám tới gần, thì ta lui đồn mà phục kích là hẳn đợc. Ta cầm quân bức địch, chặt gỗ làm rào phen, sợ địch không dám giao phong, thì ta nói phao là lui về để chờ cơ hội, triệt bếp núc để cho nó tin. Thế rồi đặt quân phục ở các nơi, hẹn nghe có tiếng trống thì đánh. Rồi quân địch mừng là ta đi, tức thì phát quân tiến đến. Ta truyền cờ nhỏ bảo trống khua lên, quân phục bốn mặt vùng dậy đánh. Phao tiếng hư, khiến địch ngỡ là thực.

1. Tức là Thạc quận công Hoàng Phùng Cơ; tướng của Trịnh.

2. Tức quân Thanh.

3. Lý Hiễn-trung: Thời Tống Cao tôn, Hiễn-trung chống nhau với quân Kim ở Tức-châu, Thiệu Hoành-uyên đóng quân không đến cứu viện.

4. Từ là Từ Đạt, Tôn là Tôn Hưng-tổ, làm tướng đời Minh Thái tổ, vâng mệnh đi đánh chiếm kinh đô nhà Nguyên là Bắc-bình và đuổi đánh vua Nguyên là Khoáng-quách Thiết Mộc-nhĩ ở Thái-nguyên. Theo Minh sử thì đánh Thái-nguyên với đại tướng quân Từ Đạt là Thường Ngô-xuân chứ không thấy có tướng nào họ Lưu cả.

5. Mộc anh: Cái bình bằng gỗ. Thời Hán Cao tổ, Hán Tín đánh Ngụy vương Báo, Tín giàn rất nhiều quân và thuyền ở đất Lâm-tấn, giả làm định cho quân sông dò ở đấy, nhưng ngầm sai quân lính phục ở đất Hà-dương, cho quân lính dùng những bình bằng gỗ kết lại thành bè, sang qua sông đánh úp An-ấp, bắt Ngụy vương Báo.

6. Xích xí: Cờ hiệu của nhà Hán, màu đỏ. Thời Hán Cao tổ, Hàn Tín đánh Triệu vương Yết, bày trận quay lưng ra sông. Quân Triệu mở cửa thành ra đánh. Tín giả cách thua bỏ cờ trống. Quân Triệu bỏ thành ra đuổi Tín và cướp lấy cờ trống. Tín thừa lúc ấy, đem 2.000 kỵ binh vào trong thành của Triệu, vất bỏ cờ của nước Triệu, cắm 2.000 lá cờ hiệu của Hán. Quân Triệu không đuổi đợc Tín, muốn vào thành thì thành đã cắm cờ của Hán rồi. Quân Triệu rối loạn, quân Tín đánh sát, phá đợc quân Triệu, bắt đợc Triệu Yết.

*

* *

Phàm quân ta mới thắng¹...

Mưu. Mưu lạ có thể làm một lần mà không thể làm hai được. Ta có trí mà địch không phải là không khôn, chỉ là trí của ta tính được trước, mà địch thì chưa tính kịp, nên địch sa vào trí của ta. Nếu lại cứ đem mưu trước mà làm thì ít khi không bị địch đem kế để phá kế vậy.

Đón chặn đường về. Đại khái dùng binh thì phải trong ngoài nương tựa nhau mới thắng. Cúc-thành Ngõi² đóng thành tự giữ, sai gọi con là Hàn ở Đồ-hà về. Hàn nói: “Quân địch nhiều quân ta ít, khó lấy sức mà thắng được, xin làm binh kỳ ở ngoài, cùng với quân gián điệp mà đánh. Nếu dồn quân làm một thì địch được chuyên ý đánh thành, không phải đặc sách”. Ngõi theo lời. Vũ-văn đại nhân là Tất-độc³ nghe tin nói rằng: “Hàn không vào thành, sợ có thể làm lo cho ta, nên đánh trước đi”. Bèn chia sai mấy nghìn quân kỵ đánh úp Hàn. Hàn đặt quân phục để chờ, hăng đánh, đều bắt được cả. Thừa thắng rồi khinh tiến, sai gián sứ về nói với Ngõi đem quân cả đánh. Mới bắt đầu giao phong, Hàn đem nghìn quân kỵ do một bên thẳng vào dinh địch, buông lửa đốt. Quân địch cả thua.

1. Trích Hồ trưởng khu cơ, chương “Dạy quân đánh giặc” đoạn 11, đây xin bỏ, xem ở sau.

2. Cúc-thành Ngõi: tức là Mộ-dung Ngõi, thiên vu nước Tiên-ty. Thời Tấn Mẫn-đế, bị Đông Di hiệu úy là Thôi Bí âm kết với nước Cao-cú-ly và bọn Vũ-văn và Đoàn Quốc đến đánh. Cúc-thành tức là chỗ Ngõi đóng đô.

3. Vũ-văn: Quân trưởng Tiên-ty, họ là Vũ-văn, đời đời tập phong là đại nhân. Tất-độc tức là Vũ-văn Tất-độc. Đại nhân tức là quân trưởng của Tiên-ty.

*

* *

Sách *Yên thủy thần kinh*:

Liệu địch mà xuất kỳ kế. Kỳ lại ra kỳ, kỳ không có hạn; diệu mà rất diệu, diệu thật không cùng. Nam mà đánh bắc, bắc lại phòng nam. Đông mà ngờ tây, tây phòng đông trước. Tuy nói quyền mưu không thể đặt trước, nhưng phải phòng trước thời; biến cố không thể dè trước, nhưng phải phòng lo toan. Biến

thì biển không cùng, cơ thì cơ không lường được. Cho nên cá lớn lợi ở chỗ nước nông, bắt sống được chẳng cần chài lưới; thú mạnh dã vào đồng nội, bắt tay được chẳng cần bẫy hãm. Đuổi hổ trừ lang không phiền sức khoẻ; trị binh chống địch chẳng mượn uy ta. Ấy nên rộng gầm trời nhả mưa, hùm thét nước sinh gió. Xã tắc nghiêng bẻ tùy miệng biển, non sông thay đổi cậy môi giao. Dân là gốc nước, gốc bị sâu thì nguyên khí suy; gỗ làm cột rường, cột bị mục thì nhà ta đổ. Vận may đi thì lòng người dễ tan; giặc hòa đến thì một cuộc¹ khó chống. Cho nên không học thì ra chiến trận như lòng say mà không biết, cầm cờ búa như bó tay mà chờ suy.

Phàm thắng địch là nhờ ở kỳ. Hợp thì làm quân chính, chia thì làm quân kỳ. Hợp và chia chỉ ở sau một tiếng trống hay hai tiếng trống. Quân gấp mười thì vây, quân gấp năm thì đánh, đó là quân chính vây. Lấy ít mà đánh đỡ nhiều, đó là quân kỳ vây. Quân chính thì bộ khúc rõ ràng, đúng theo pháp độ. Quân kỳ thì không cần pháp độ bó buộc, nghìn biến muôn hóa, ngồi thì làm, đánh thì đâm, một lúc đều đứng dậy. Đến khi muốn thôi thì trở về đội ngũ.

Giả như đại quân ở trước gặp địch thì chỉ huy cho chính binh ở tiền chi ứng phó; nếu như tả gặp thì tả ứng phó, đó là quân kỳ.

Thủy bộ hai quân tiếp nhau, làm chính làm kỳ, theo hình mà đổi dùng, như lấy thủy binh làm chính thì lấy bộ binh làm kỳ, như lấy bộ binh làm chính thì lấy thủy binh làm kỳ.

1. Một cuộc tức là chỉ có một chước cứng nhắc.

*

* *

Sách *Võ kinh*:

Đem quân vào sâu trong đất chử hầu, cùng với quân địch tương đương, nhiều ít mạnh yếu ngang nhau, chưa dám đánh trước... Như thế thì phải đem quân ta cách địch mười dặm mà phục ở hai bên; đem quân xa kỵ đi trăm dặm mà vượt cả trước và sau, dựng thêm nhiều cờ xí, thúc thêm chiêng trống. Khi đánh nhau thì vừa đánh trống vừa la reo mà đều dậy. Tướng địch hẳn phải sợ là quân mình kinh hãi, nhiều ít không cứu được nhau, sang hèn không xứng được nhau, địch tất phải thua¹.

Ví như quân phục ở giữa đường ta đi, thì đặt quân phục, dùng lối giả cách chạy để đánh giáp lá cà. Quân phục ở giữa đường địch đi, thì đặt quân phục dùng lối chạy ra đón đánh. Tùy cơ ứng biến, để mật thư vào cắm nang, trao cho tướng tâm phúc giỏi, kín đáo mai phục, cầm nhiều chiêng trống, cờ xí, súng ống, để dùng làm rối lòng và mắt của địch, mà phép cho quân phục dậy cũng phải ước định trước. Chỉ xem trên núi nọ nổ mấy phát súng, ban ngày vẫy mấy lượt cờ, ban đêm treo mấy cái đèn, một lúc mà đều phù hợp thì mới có thể cho quân phục dậy. Vì sợ quân địch đa trá, hoặc thấy hình thế có chỗ ngờ mà vô cơ nổ súng, hay cho người cầm cờ lên núi dò xét, chợt có ám hợp mà quân ta vội dậy thì hẳn là hỏng việc. Nếu như bọn giặc giả trá, hoặc tụ hoặc tán, đóng giữ nơi rất hiểm, reo hò khua trống bắn súng như ta ra đánh, rồi nó lùi ngay, chờ ta vừa quay về thì nó lại giả cách đuổi, đuổi thì trống và reo rầm rộ, lùi thì dọc đường ngầm cắm chông độc, phục quân ở chỗ hẹp, đợi ta đi vào chỗ hiểm thì lấy là đặc kế. Như ta thế lớn, đánh gấp ngày thì nó hẳn lẫn vào lèn đá trốn đi các ngả, tóm lại là không thể đuổi theo được giặc. Nếu có đuổi thì ta phải chia quân làm ba đường: một đường do giữa mà đuổi về trước, hai đường tả hữu thì lên núi, gác cầu mà đi, giặc dù giảo hoạt cũng không làm gì được. Đại phạm quân ta tiến lui, không gác cầu thì không thể đi được. Tướng sĩ các người phải tuân theo mà làm.

Hoặc sức quân mỏng yếu, hay là đại quân chưa nổi đến, quân đi trước bị thế cô, địch ý thế lớn lại lấn áp ta, thì khi đó cái thế quân nhiều quân ít quá xa nhau, lui không thể được, chống thì khó địch, phải dùng phép “dưỡng dinh phục lộ”². Trước phải thăm dò cho xác thực, tính biết xa gần. Nếu địch có thể đến buổi chiều, thì ta đóng chặt rào trại, hư trương cờ trống, để tỏ ra thế liêu giữ khó phạm được, cho địch sinh ngờ; đồng thời ngầm phục binh ở bốn mặt hiểm, đợi khi địch chủ trì không vững, tự nhiên đóng dinh, trong khi đóng dinh chưa định, thì ta bốn mặt đều nổ súng, làm cho địch sợ hãi. Nếu địch rối loạn thì ta thừa thế nổi quân phục đánh ngay. Ta nhân nó nhọc, có thể thu được cái công lấy ít phá nhiều. Địch nếu thua lui, thì ta trước phải ở các nơi khe núi rậm kín trương nhiều cờ xí đèn đuốc, chiêng trống súng ống vang lên, thì chẳng những có thể giúp được thế cho ta, có thể rồi được nó, mà lại khiến địch không biết số quân ta nhiều hay ít mà không dám trở lại nữa.

1. Xem **Võ kinh trực giải, phần “Lục thao”, chương 37.**
2. Vượt dinh mà mai phục ở đường, xem ở phần trên.

*

* *

Hoạt. Hoạt có mấy mỗi: Có thể lâu, có thể tạm, đó là hoạt ở thời; có thể tiến, có thể lùi, đó là hoạt ở địa; có thể đi, có thể lại, đó là hoạt ở đường; có thể dừng đó, có thể chuyển dời, đó là hoạt ở cơ. Binh phải hoạt mới động được; kế phải hoạt mới làm được. Tuy thế, trong hoạt cần phải có nghiêm. Nếu nơi nơi đều dùng hoạt cả mà không lưu lại để tiếp sau thì làm cô quân, không dính với hàng sau, thì gọi là cùng sách.

Việc biến ảo ở chẳng định, cũng biến ảo ở có định. Có khi lấy việc thường mà biến đi, lại có khi lấy việc biến mà biến đi. Biến là không cùng; có thể làm thì làm lại, làm lại tức là biến, ước chừng là biến mà không biến. Không thể làm được thì biến; biến tức là làm lại, vì rằng biết là biến mà lại biến vậy. Cũng như muôn áng mây chỉ là một khí, nghìn làn sóng chỉ là một sóng; là cái ấy mà cũng không phải là cái ấy.

Sách Tôn tử:

Phàm trị quân nhiều cũng như trị quân ít, bởi vì đã có phân số. Đấu nhiều quân cũng như đấu ít quân, bởi vì chỉ là hình danh vậy. Ba quân đông đúc, có thể thụ địch mà không thua, bởi vì có kỳ và chính. Binh đánh vào như lấy đá ném vào quả trứng, bởi vì hiểu rõ hư thực. Phàm chiến đấu, lấy đạo chính để hợp, lấy đạo kỳ để thắng. Cho nên người giỏi dùng kỳ thì vô cùng như là trời đất, không hết như là sông biển; đến cuối lại về đầu là nhật nguyệt; chết mà lại sống là bốn mùa. Tiếng chẳng qua năm cung, năm cung biến ra thì không thể nghe xiết được. Sắc chẳng qua năm màu, năm màu biến ra thì không thể xem xiết được. Mùi chẳng qua năm vị, năm vị biến ra thì không thể nếm xiết được. Thế chiến chẳng qua chính với kỳ, chính kỳ biến hóa không thể cùng vậy. Chính kỳ sinh ra nhau như vòng xoay tròn không có đầu mỗi, ai biết thế nào là cùng¹.

*

* *

Nước xiết chảy nhanh đến trôi đá là thế vậy; chim dữ bay nhanh đến què gãy là tiết vậy. Cho nên người giỏi đánh thì thế hiểm mà tiết có quy củ. Thế như là

nỏ dương, tiết như là nảy máy. Rồi bởi mà không thể loạn; tròn trạnh mà không thể hồng. Loạn sinh ra ở trị, khiếp sinh ra ở dừng, yếu sinh ra ở mạnh. Trị với loạn là số vậy, dừng với nhất là thế vậy, mạnh với yếu là hình vậy. Cho nên người giỏi động địch, lấy hình mà động thì địch phải theo; đem cho mà động thì địch phải lấy. Dùng lợi nhà động, lấy gốc mà đãi. Cho nên người đánh giỏi thường tìm ở thế, không trách ở người, cho nên mới chọn người mà dùng thế, dùng thế là đánh người vậy. Cũng như chuyển gỗ đá vậy. Tính gỗ đá để yên thì tĩnh, gặp nguy thì động; hình vuông thì đứng, hình tròn thì lăn. Cho nên cái thế giỏi đánh người cũng như lăn đá tròn ở trên núi cao nghìn nhẵn vậy. Đó là thế vậy.

1. Tôn tử, thiên V.

IV - Dĩ Chiến

Sách Kinh thế:

Khi hai quân gặp nhau ở trên cánh đồng bằng, giặc chia mấy đường mà lại, quân ta cũng chia mấy đường mà ứng, chỉ cần lên một nơi gò cao, thế giặc thế nào, có thể thấy cả được. Đất bằng chia quân cũng dễ ra sức. Tức như nếu trước sau có giặc, quân ta cũng theo đó mà chia ra, quân trước thì chống ở trước, quân sau thì chống ở sau, chỉ huy thư thả, không nên vội vàng thất thổ mà chuyển quân trước chống ở đằng sau.

*

* *

Phép gài tên dưới đất¹.

*

* *

Sách Yên thủy thần kinh:

Phép đánh nhiều quân. Phàm đánh nhiều quân thì lợi ở đồng bằng. Kíp thì có thể vây, đánh cả quân viện, cắt đứt đường lương, phục binh mà đánh, hễ quân có lợi thì thôi.

Phép đánh ít quân. Phàm đánh ít quân thì gọi là quả, lợi ở chỗ hiểm ách, hoặc nhân lúc rối ren, hàng ngũ chưa chỉnh, dinh trại chưa yên, lương ăn chưa xong, ít quân càng phải quấy rối.

Phép đánh bằng voi. Phàm đánh bằng voi thì lợi ở đồng bằng. Nếu voi địch đến đánh, thì lợi ở dùng tre gai và chông; dùng hỏa công, hỏa tiễn mà đánh, hay như vào nơi bùn lầy mà đánh.

Phép đánh bằng ngựa. Phàm đánh bằng ngựa thì lợi ở đất thập thắng, kiêng ở đất cửu bại². Quân ngựa của địch đánh ta ở đồng bằng, thì dùng chông, hầm hố, dây thừng; nếu như gặp ta ở nơi bùn lầy, thì họ phải bỏ ngựa mà đánh.

Phép đánh ở bãi cát. Nếu đánh ở bãi cát dài thì khi quân địch đến đánh, ta dồn cát thành đống mà mai phục, đợi địch đến được nửa trên nửa dưới thì đánh, hẳn thắng.

Khi địch nhiều quân, thì ta nên lánh nơi bằng phẳng, đón ở nơi chật hẹp, khua trống mà dậy, địch dẫu quân đông, không thể không rối ren. Vì lấy ít đánh nhiều, không gì hay bằng ở nơi hiểm trở, cho nên nói dùng quân ít cần phải ở đất hẹp; hoặc chia làm quân kỳ quân phục, hoặc tan làm nghi binh, quấy rối cho nhiều, thế thì địch không biết giữ thế nào.

Binh pháp nói: Dùng quân ít càng phải quấy rối.

1. Trích một chương của sách **Hồ tướng khu cơ, đây xin bỏ, xem ở sau.**

2. - Đất thập thắng: Mười thế đất đánh thắng. (Đùng lộn với “thập thắng” ở trên). - Đất cửu bại: Chín thế đất đánh thua.

*

* *

Sách Võ kinh:

Hỏi: Có quân rất nhiều, đã giỏi lại mạnh, dựa chỗ hiểm của núi sông, hào sâu lũy cao để giữ, mà lương hết quân mệt, khó điều giữ lâu thì làm cách nào?
Trả lời: Thế thì dùng mưu của chủ tướng, không phải là sức của quân xa kỵ. Nếu gặp thì nên chia làm năm quân, để ở năm con đường. Địch ắt phải ngờ, không biết đánh quân nào. Đánh thắng thì tiến, không thắng thì chạy mau, dẫn nó đến chỗ mai phục, một quân đóng ở trước, một quân đóng ở sau, hai quân

ngâm tằm, hoặc ở bên tả hoặc ở bên hữu mà đánh úp vào đấy. Năm quân giao tới, ắt là có lợi. Đó là phép đánh quân mạnh vậy.

Hỏi: Địch lại bắt ta, ta muốn chạy không có đường, quân sĩ đều sợ, thì làm cách nào? Trả lời: Phải làm thế này: Nếu quân ta nhiều mà quân địch ít, thì ta chia quân ra làm kỳ và chính, căn dặn phải mềm mỏng; quân địch nhiều quân ta ít thì nên dùng cách phương tuyền¹ mà không phải nghĩ ngợi gì nữa, vì cách phương tuyền, hoặc nói rõ ra để cho yên lòng, hoặc nói dối để cho vững chí, tuy quân rất sợ mà có thể đánh được. Đó là phép địch bắt ta, ta ứng lại vậy.

Như quân ta đi ở bãi cát dài, không có đồn sở, nếu gặp giặc thì sai người tiếp ở xa, khi thấy thuyền giặc đã gần tới, thì đem quân ta mai phục, sức cho những người bắn giỏi phục ở đường trọng yếu, lại khiến binh chính đánh mà giả thua. Trong lúc địch đương ở nửa trên nửa dưới, thì ra hiệu cho quân phục bắn, hẳn là được.

Như ở giữa đồng, hai quân đóng đồn bên giữ, một đêm mưa gió chợt thấy có giặc đến đánh, ta nên đóng vững quân không động, thám xét cho nghiêm, và dặn quân thấy giặc thì đừng động. Như thấy tả hữu của địch đánh vào thì không được vội vã, thềm sai động binh tiếp đánh.

Đánh ngoài đồng. Chính là phép của nhà binh, trái với phép thì có cơ cũng không gieo vào được. Phép binh không gì tinh bằng cách đánh ngoài đồng. Hoặc tiến hoặc lùi, hoặc thừa hoặc dầy, bày trận thì như mây nổi cuốn ngoài nội, quân đi thì như tơ bông bị gió bạt; khi đến sát thì như cát bờ đá dựng, cao thấp dùng thế; khi bắt giặc thì như muôn ngựa đuổi gió, hết sức nhảy bay. Địch lấy phép mà đo, phép cũng không kịp phòng bị, lấy kỳ mà lường, kỳ cũng không kịp ứng đối. Lấy loạn mà xét thì loạn mà không mất, ruổi mà không chạy, cờ xí rối động mà không lung tung, mỗi người tự đánh, quân tự lập thế, thấy lợi thì làm, thắng không định được dấu vết ở đâu. Thế mới gọi là tướng biết dùng binh vậy.

Phép đánh bộ. Nghe trống một hồi, quân bộ, quân kỵ đều phải trang bị; nghe một hồi nữa thì đều cưỡi ngựa đứng yên; nghe hồi thứ ba thì theo thứ tự dầy đi, dựng cờ hiệu. Sau nghe tiếng trống thì sắp trận. Quân xích hậu thì coi địa hình rộng hẹp, dựng nêu ở bốn góc. Trong phép chế trận, các bộ khúc đều tiếp bộ mà bày quân. Quân khi vào chiến trận, là từ chỗ sống mà vào chỗ chết; từ chỗ thực mà vào chỗ hư; từ chỗ lợi mà vào chỗ

hại; từ chỗ nhàn mà vào chỗ nhọc; từ chỗ không bị cùng mà vào chỗ khốn cùng.

1. Phương tuyền: Nghĩa đen phương là vuông, tuyền là xoay tròn, không rõ cụ thể là phép thế nào

V - Sơn Chiến

Sách Kinh thế:

Trong núi với đồng bằng, địa thế không giống nhau, thế trận và sự hành quân cũng phải khác. Trong núi hiểm trở muôn hình, hoặc là lên treo suốt chẵn, chỉ một đường đi, ngoắt ngoéo cong dài, hoặc đôi bên sâu rậm, hoặc đá chất ngổn ngang, hoặc khe chẹt cầu gãy, hoặc cỏ tốt um tùm, hoặc ngòi sâu bùn hằm, không chỗ nào có thể đặt phục binh, không đường nào có thể đón chặn, nếu dò xét không rõ ràng, thì bị nhàm lọt vào đó.

Nay có một phép hay: Quân ta đánh nhau với quân giặc, không ở chỗ có thể phá được giặc, mà trước là ở chỗ không thể bị thua. Nay hãy nói trong dinh có một nghìn quân thì cứ mỗi trăm làm một tiêu, bắt một tên bộ binh nhanh nhẹn hợp với một tên mã binh, sai cho đi trước, hoặc 2, 3 dặm hay 4, 5 dặm, hễ gặp bên đường có núi, người mã binh không thể lên được thì người bộ binh cầm một lá cờ nhỏ lên chung quanh núi dò trông. Nếu không có quân mai phục và quân giặc ở trước, thì cầm cờ đứng ở trên núi làm hiệu, mã binh chạy về báo là đường thứ nhất không có sự gì kinh nghi. Tiêu thứ nhất lập dinh; rồi tiêu thứ hai cũng đi, hoặc 1, 2 dặm, hay 3, 5 dặm, thăm dò đích xác, lại báo như trước. Lần lượt đến tiêu thứ 7, 8, 9, 10, đều như thế mà lập dinh. Như 10 tiêu đã hết, lại từ tiêu thứ nhất cuốn dây tiến lên. Nếu một mặt là núi thì một người có thể trông suốt được; như hai mặt đều là núi, thì không khỏi nhìn một mặt có sự sai lầm, cũng chưa định được. Nên lại bắt bộ binh chia tả hữu lên trông, thấy tả hữu đều không có gì đáng sợ, thì không phải cất cờ hiệu nữa. Hoặc một bên có động, thì người ở trên núi một bên giơ cờ lên, rồi người mã binh chạy về báo biết, để tiện ứng địch. Cứ theo cách đó mà hành binh. Phàm tình hình của giặc ta đều dự biết được cả. Nó dù đón chặn hay giả cách như ta, thì ta đã trước có thể không thua vậy. Nếu quân thám của ta không phòng bị, chợt xảy gặp giặc,

thì người mã binh chạy về báo biết để tức thì ta theo hình núi mà bày trận dự bị đón giặc. Còn một tên bộ binh, nếu chạy hỏa tốc kịp về thì hay, như chạy không kịp thì lên vào chỗ núi sâu lên đá, hay chỗ cây cỏ um tùm mà tạm ẩn lánh, thân của một người, địch vội vàng chẳng rời mà tìm, có thể khỏi nạn. Như quả thám báo được sự thực, quân ta có công, thì phải đem những người thám báo ấy làm công đầu mà thưởng. Để cho quân ta không phải lo lắng vì vội vàng sừng sốt, việc ấy có quan hệ lớn cho nên thưởng cao hơn mọi người.

Núi sâu đường hiểm, quân đi thám sợ một khi tìm tòi không được, nhằm vào trong đám quân phục, hoặc đón ở trước ta, hoặc xông vào giữa ta, hoặc đánh dứt sau ta, giặc lấy thế có mưu mà đợi ta không phòng bị, đường núi cách trở đầu đuôi khó tiếp viện nhau, chỉ trăm bước đường hiểm mà trước sau không cứu được nhau, nếu không báo trước rõ ràng thì hẳn là sừng sốt bối rối. Phàm tướng sĩ các người, trước hay đem binh định sở bộ định trước quan binh hai tiêu. Nếu gặp chỗ hiểm yếu thì khiến lập dinh ở hai quả núi. Nếu tiêu trước gặp sự kinh động, thì phải đem bản tiêu lùi vào hai bên mà lập dinh. Phải nhắm chính chỗ cửa đường, bọc núi liền đồng, mà lập dinh ngựa chống. Khi giặc lui thì rón theo sau. Dinh sau lại ào ào kéo ra, tiếp nhau mà lập dinh, đổi phiên mà lần lượt đánh. Đó là phép phản kháng làm chủ, ta nhàn giặc nhọc. Nếu giặc tự trung gian xông ra, thì quân ta ở hai đầu đóng giữ núi hiểm, ngồi đóng ở trên cao để chờ, xem cơ mà ứng biến, sĩ khí gấp trăm lần, giặc dầu có mưu cũng khó thi thố, là vì quân ta trước đã có dinh lũy để chờ nó đến, ví như đến nơi đã có nhà rồi, tự nhiên lòng quân thống nhất, không đến tan vỡ, kẻ kia kẻ nọ giúp nhau thì đảm khí của người tự mạnh. Nếu giặc đánh chặn sau ta, thì ta nên lấy lùi làm tiến, đem các hậu tiêu đổi làm tiền tiêu, lượng để binh mà giữ giặc, rồi cuốn ngược mà về, nó khó mà đón được. Như gặp núi khe đường hiểm thì phải để quân đóng giữ, rồi sau lại tiến. Hành dinh trong hang núi, không gì hơn phép ấy, đó là cái thế cuốn màn làm trận, bước bước làm dinh vậy.

Hai quân gặp nhau ở nơi núi hiểm, binh ta cả quân tiến lên, nếu giặc giữ đầu núi chia đội mà đến, ta mới đâu vội vàng khó thấy, khi giặc đến gần mới nhận rõ, ta phải một lúc chia quân, không những không dễ dàng, mà lại bốn bề toàn núi, thực khó giàn bày. Giặc đã giữ nơi cao đồ xuống, dễ đến áp bức, ta không khỏi không có sự lo trở tay không kịp. Từ nay về sau, nếu đánh nhau ở trong núi, trừ khi đón đại quân của giặc thì cứ theo đại thế mà đón trước, bằng như

bốn bề có núi, có thể đánh đường đến của giặc, thì trước hết theo thế núi chia đường mà tiến. Nếu quân giặc phân đội mà lại; thì tự có thể hai bên đối đầu nhau; nếu giặc chưa thành đội mà đến, thì ta nhân nó không phòng bị, bốn mặt đánh lại thì có thể khiến sở đoán của giặc đều hóa làm sở trường của ta. Lại trừ việc chia đường ra, đại tướng phải lên trên núi rất cao, đem binh tự vệ chia ra làm mấy đội, mỗi đội giao cho một tướng giỏi, bày quân nghiêm chỉnh, xa trông tình hình quân ta gặp giặc ở trên đường nào. Nếu như hàng ngũ thành thoi, chí khí hăng hái, thì biết đường ấy ắt thắng. Hoặc thấy đường kia đi chạy vội vàng, đội ngũ lộn xộn, thì biết đường ấy hẳn kém, tức thì sai tướng giỏi dưới trướng đem quân giúp đỡ. Hoặc thấy đường ấy quân giặc bội hơn quân ta, thì cũng sai đem quân đến giúp. Nhưng trong lúc chia đường đón giặc cũng phải có phép mới được. Tỉ như quân ta vừa đến đầu núi mà giặc đã đến dưới núi, thì ta giữ núi không xuống, đợi giặc lên đến nửa núi thì quân ta tức đem gỗ đá lên núi lao xuống mà đánh, chẳng những quân trên núi đỡ sức, mà gỗ đá lăn xuống làm bị thương nhiều. Nếu như giặc ở trên đầu núi mà quân ta đến dưới núi thì ta giả làm cách nhát chạy, như giặc xuống nửa núi, quân ta giải ra mà gấp lên núi để đánh. Quân ta nhát chạy, một là tránh được chỗ khe núi, khỏi bị đá gỗ lao xuống, hai là như cho giặc mất chỗ hiểm và không có gỗ đá để đánh. Nếu quân bắn súng của giặc chưa sẵn bụi nhùi thì lại không thể bắn được một tiếng súng nào.

Phép đánh trận ở núi hang. Phải khéo đặt quân phục, đánh mạnh thì có lợi. Những người nhanh chân thì lẩn lên chỗ cao, những quân cảm tử thì đỡ ở đằng sau. Bày nỏ để xông đánh. Dùng chước cầm cự thì nó không tới được mà ta cũng không đi được.

*

* *

Sách Bảo giám:

Phàm đánh nhau mà bên tả có núi chằm, bên hữu có gò đồng, thì lên cao mà đánh xuống thấp, ở nơi sống mà đánh nơi chết, đó là ở gò bằng mà đánh người. Nếu tả hữu là gò núi hang khe chật hẹp mà gặp nhau với địch thì ta nổi trống rầm núi, cờ xí tựa rừng, lên cao nhòm xa, người ngựa ra vào, đó là ở núi hang mà đánh người.

Đánh trận ở núi gò, thì không ở dưới chỗ cao, không nhìn xuống chỗ sâu, không xông vào chỗ hẹp, không đi ra xa quá. Đánh trận ở trong rừng, không liền nhau thì không ruổi chạy. Đánh trận ở gò đồng thì không xuống chỗ hãm. Đánh trận ở gò bằng thì không lìa ra xa.

*

* *

Sách Yên thủy thần kinh:

Phàm đánh trận ở núi thì ta phải ở nơi cao, cắt đứt đường vận lương của địch, đặt quân phục và khiêu chiến, đó là lý tất thắng.

Phàm đánh trận ở chằm, thì nương theo cỏ nước, dựa lưng vào cây cối, lợi ở phép đặt phục và khiêu chiến, làm như thế tất thắng.

Phàm đánh trận ở núi hang, thì ta phải ở nơi cao, tiện về cỏ nước, lợi ở đặt phục, hay hư trương ở nơi khác làm nghi binh, thì địch thua ngay.

Hỏi: Gặp địch ở nơi khe hang, ở bên chỗ hiểm trở, địch nhiều ta ít thì làm thế nào? - Trả lời: Phàm gặp địch ở nơi đó, phải hành động gấp để đi ngay, không được thông thả. Nếu thành linh mà gặp, dẫu quân nhiều cũng không dùng được. Trước hết phải kén quân khinh nhuệ cho ở trước hò reo đánh trống mà thừa cơ. Địch hấn rối loạn thì ta đánh, đừng ngần ngại. Bằng nó vững lũy để giữ thì để nó ở chỗ hẹp, rồi tùy nghi mà đối phó, hoặc hư trương làm nghi binh, hoặc ngầm đặt quân phục, tùy theo thế mà đánh thì phải thắng.

Hỏi: Hai núi giáp nhau mà đất thì rất hẹp, bỗng gặp giặc thì làm thế nào? - Trả lời: Đó gọi là đánh trận ở núi hang. Tuy nhiều chống ít, quân giỏi nhẹ chân của ta cầm binh khi sắc đi hàng đầu, chia bày bộ kỵ nấp ở bốn phía, chẳng thấy được quân, rồi dời dinh ra ngoài núi mà tỏ bảo cho giặc biết, sai tiền đội thay phiên tiếp nhau ra khiêu chiến, làm cho giặc không được nghỉ ngơi, lấy nhàn đối nhọc, thì đánh phải thắng.

Như giặc chiếm nơi cao, đó là nó giữ được nơi hiểm; ta không nên đánh, nên lui mà tìm nơi vợ con và kho chứa của giặc để đánh và đặt quân phục ở đường trọng yếu. Giặc hấn phải bỏ nơi hiểm mà đi cứu. Ta nhân lúc giặc mất chỗ hiểm, nổi quân phục mà đánh, quân chính trở lại hợp đánh, đánh là phải thắng.

Như gặp giặc chạy vào trong chốn núi chằm, đó là nó giữ được đất hiểm, đánh thì nó lui lánh. Tìm ngay chỗ hiểm mà giữ, rồi chia quân làm ba chi, một làm kỳ, hai làm chính, khiến quân kỳ mai phục, quân chính thì đánh, giả cách

chạy. Địch hản bỏ chỗ hiểm mà đuổi đánh. Quân kỳ dật đánh, quân chính trở lại hợp đánh, chắc là phải thắng.

VI – Thủy Chiến.

Thuyền lớn thì thắng thuyền nhỏ; thuyền chắc chắn thì thắng thuyền mỏng mảnh; thuyền thuận gió thì thắng thuyền nghịch gió; thuyền thuận dòng thì thắng thuyền nghịch dòng. Thuyền- phải phong cạm, phòng lửa, phòng gió, phòng bị đục, phòng khóa sắt cọc sắt. Lấy thuyền Phúc-kiến mà gặp thuyền Nhật-bản thì như lấy xe mà nghiêng con bọ ngựa. Thuyền Phúc-kiến như thành thuyền Nhật-bản như một khoang, ở trong biển lớn gặp nhau, thì đấu sức thuyền mà không đấu sức người, thế thì biết lớn thắng nhỏ vậy. Lấy thuyền Phúc-kiến mà gặp thuyền Quảng-đông thì như lấy đá mà ném vào núi. Thuyền Quảng-đông đều là gỗ lim, mà thuyền Phúc-kiến thì chỉ là gỗ thông, sóng gió đập nhau, gỗ khô đung một cái là nát, thế thì biết chắc chắn thắng mỏng mảnh vậy¹.

Các họ Tôn (Quyền) Tào (Tháo) Lưu (Dụ) Lữ (Tuân) đánh nhau, thuận gió thì được trời giúp, nghịch gió thì hỏng sự cơ, thế mới biết nhân được sức gió thì có lợi vậy.

Đời Xuân thu nước Ngô nước Sở tranh nhau, theo thủy chiến thì nước Sở thường thắng, theo lục chiến thì nước Ngô thường thắng, thế mới biết thủy chiến ở thượng lưu thì lợi hơn. Tuy thế, trận đánh ở Bà-dương², thuyền địch cao lớn, ta khó đánh được. Quân Minh phóng lửa để đốt cháy hết. Thế là nhỏ thắng lớn, mỏng thắng chắc vậy. Trong cuộc Ngô Ngụy đánh nhau, địch được thế gió, Phó Quán đem thuyền giả cách lánh, đợi địch đi qua mà quay thuyền lại, tung gió mà đánh thắng. Thế là đổi dưới gió làm trên gió vậy. Trong cuộc Lương Trần đánh nhau, địch thuận dòng mà xuống đông, thắng tới Kiến-khang³, Hậu Trăn⁴ thông thả ra Vu-hồ⁵ mà rón theo sau. Thuyền địch trái gió mà tự đốt. Thế là đổi ngược dòng làm xuôi dòng vậy. Còn nạn mắc cạm cũng đáng lo. Thuyền ngự mắc cạm ở Bà-hồ⁶ gần nguy, nhưng Nhạc Phi bình Dương Yêu⁷, dự bị đặt trước bè cỏ để lấp cửa lạch, bách địch phải chạy vào chỗ hiểm mà bắt lấy. Họ Ngô⁸ ở Giao-châu nhân nước triều ra khiêu chiến mà giả cách trốn, đợi thuyền địch vì nước triều rút mà vướng cọc, nhân đẩy mà đánh. Thế

mới biết có thể dùng nạn mắc cạn để đánh quân địch được. Về nạn gió thì Thế-kiệt⁹ bị bão, úp thuyền ở Nhai-môn, quân Kim bị sóng cuốn ở Đường-đảo¹⁰. Nhưng phép thuyền đi biển, hai đầu đều đặt bánh lái, gió thổi đông mà chạy tây, gió thổi nam mà chạy bắc. Chiêm nghiệm mà đoán định, không gì là không đúng. Thế là có thể dùng người mà phòng gió được. Về nạn lửa, mạnh như Mạnh-đức¹¹ mà thua; khôn như Thế-trung mà thua; quyết như Từ Đạo-phúc mà thua. Hoặc là nhân gió mạnh mà đốt, hoặc là chia cho bộ binh chạy giáp bờ mà đốt. Nhưng trận đánh ở Nhai-sơn¹², thuyền biển trát bùn mà tên lửa bắn không cháy được; trận đánh ở Hà-dương¹³, gậy sắt chống thuyền chứa dầu mà phút chốc tắt hết. Thế mới biết có thể dùng kế để chống lửa vậy. Ở giữa dòng mà lỡ mất thuyền, một bình nước đáng giá nghìn vàng; cứ liều đánh ở trên thuyền, không bằng ngầm dâm ở dưới thuyền; cứ phá quân của địch, không bằng phá thuyền của địch. Thế thì cái lo bị giặc dùi thuyền rất lớn. Song hoặc khung thuyền dùng ván ghép, đáy thuyền đặt đinh sắt, hoặc mộ người giỏi lặn lội để giữ thuyền, đó cũng là cách phòng địch đánh chìm thuyền ta vậy. Nếu khi địch tiến mà muốn chống, khi địch chạy mà muốn bắt, thì hoặc căng xích sắt, hoặc chằng bánh xe của thuyền, buộc cây hay thả đá, đặt rặng ngầm, chống ở bến, đó chẳng phải là những kế chặn đường nước hay sao! Vậy muốn phá xích sắt và rặng ngầm, thì nên làm một cái bè lớn ngòi mà tiến lên, đem dùi để theo bè, đuốc lớn chứa sẵn, gỗ dài tẩm dầu, nấu sắt mà phá đứt dây xích. Nếu muốn phá thuyền mỏng xung kết liền của địch, thì nên mộ những người tráng sĩ mặc áo giáp mà tiến đánh, dùng búa chặt dây xích, đốt củi đổ dầu, thuyền đứt theo dòng nước trôi đi, thuyền cháy ngất trời. Nếu bè vướng đá ngầm mà mắc cạn, thì nên sai người giỏi lặn xuống cầm đồ sắc nhọn phá những lồng đá cho nước thuận dòng cuốn đi, không còn vướng nữa. Đó cũng là cách chặn đường nước để phòng địch vậy.

-
1. Xem **Võ bị chế thắng chí, quyển 13**.
 2. Tức là hồ Bành-lãi ở phía bắc tỉnh Giang-tây.
 3. Tức là Kiến-nghiệp cũ, kinh đô của Ngô Quyền thời Tam-quốc, ở phía nam huyện Giang-ninh tỉnh Giang-tô ngày nay.
 4. Thứ sử Trương-châu ở thời Trần.
 5. Vu-hồ: Hồ lớn ở tỉnh An-huy, thuộc huyện Vu-hồ.

6. Tức là hồ Bà-dương hay Bành-lãi.

7. Dương Yêu: Đời Tống Cao tôn nổi loạn ở hồ Động-đình làm thủy khấu, cuối cùng bị Nhạc Phi đánh bại.

8. Chi Ngô Quyền nước ta đánh quân Nam Hán ở sông Bạch-đăng.

9. Thế-kiệt: Tức là Trương Thế-kiệt. Cuối thời Tống, đi theo Đế Bính ở Nhai-sơn, đóng quân ở đấy, sau bị đắm thuyền, vua tôi nhà Tống đều chết, nhà Tống bị diệt ở đấy.

10. Đường-đảo: ở phía nam Giao-huyện tỉnh Sơn-đông, một đạo quân Kim do đường biển muốn đánh úp Hải-châu, đậu thuyền ở đấy, bị tướng Tống là Lý Bảo đánh bại.

11. Tức là Tào Tháo bị Chu Du nước Ngô đánh hỏa công ở Xích-bích.

12. Nhai-sơn: Đảo ở phía nam huyện Tân-hội, tỉnh Quảng-đông, vua tôi nhà Tống bị quân Nguyên đuổi, đánh đắm thuyền ở đấy.

13. Hà-dương: Thuộc Mạnh-huyện, tỉnh Hà-nam. Lý Quang-bật nhà Đường giữ thành ấy để chống Sử Tư-minh.

Kỳ, nghĩa là càn cây vậ. Kỳ là vượt nước sâu, qua sông lớn, dùng nỏ cứng mà đặt binh; là vượt qua sông nước mà đánh. Phép đánh dưới nước, lợi ở thuyền ghe, kén quân rèn tập cho ngời, trương nhiều cờ xí làm cho địch ngờ, bắn nỏ mạnh cho trúng, cầm gươm ngắn để đỡ, mang nhiều lá chắn để xông vào, thuận theo dòng mà đánh tới.

Gặp địch thì đừng bức bách nó xuống nước, vì nó biết đó là không khỏi chết thì phải liều chết mà không chịu thua, như con thú cùng còn đấu, con ong con rết còn châm, huống là con người. Nên đợi nó sang sông nửa chừng mà đánh. Kẻ biết trước thì khỏi chết. Kẻ theo sau thì không có đấu tâm. Nếu ngược nước mà đến thì ta đón ở ngoài nước. Đó là dùng nước mà đánh người vậ.

Trong khi đánh trận bằng thuyền, nghe hồi trống thứ nhất, quan và quân đều nghiêm. Hồi trống thứ hai, binh lính ở thuyền chình đốn chèo lái, cầm binh khí và giàn thuyền, ai ở chỗ nấy; cờ xí, còi, trống, tùy đó mà chở. Trống đánh hồi thứ ba, các thuyền lớn nhỏ lần lượt tiến ra, tả hữu trước sau, đều theo thứ tự ở bản đồ, ai trái lệnh thì chém. Chiến đấu dưới nước, không đi trái gió, không đi ngược dòng.

Đánh ở nước, ta kém mà địch giỏi, lấy kém mà đánh giỏi thì khó. Nếu như lấy tướng của địch, dùng quân của địch, cướp lấy tay chân của nó, lừa lòng dạ

của nó làm cho cô lập, rồi đem quân nhà vua nhân đó mà đánh, trong khoảng tám ngày, có thể bắt cóc tù trưởng.

*

* *

Sách *Hồ tướng khu cơ*:

Phép lấy nước uống trong biển¹.

*

* *

Bày trận sát nước, nên chờ địch sang nửa chừng mà đánh, lại bày nghi binh để ứng, mà xuất binh kỳ để đánh úp. Sát nước mà không cho nó sang được, đó là cách giữ lâu, chứ không phải là muốn đánh chóng vậy. Sao ta lại không dẫn quân lùi ra, để cho nó sang nửa chừng, ta dùng quân thiết kỵ ủa đến mà giết thì nhất định phải thắng. Nếu để cho nó sang hết cả, nó có chí đập bẹp đắm thuyền, làm quân liều chết, thì một người đánh nổi trăm người.

Bày trận quay lưng ra nước có khi thua có khi được không giống nhau. Bên hữu và sau lưng là núi gò, trước mặt và bên tả là chằm sông, đó là phép thường của nhà binh; quay lưng ra nước mà bày trận, đó là phép kỳ vậy. Như Hàn Tín ở trận Trì-thủy², đó là liều chết mà thắng; Cao tổ ở trận Duy-thủy³, đó là vì trẻ nãi mà thua.

Nhạc Vũ-mục nhà Tống vâng mệnh đánh Dương Yêu⁴ ở hồ Động-đình. Yêu cậy thế hiểm. Quan quân từ trên cạn đánh thì nó chạy vào hồ, mà đánh ở nước thì nó nhảy lên bờ. Quân sở bộ của Phi đều là người Tây-Bắc, không quen thủy chiến. Bên trước sai sứ đến dụ thì đảng nó có Hoàng Tá ra hàng. Phi dâng biểu xin trao cho quan chức, lấy lễ thuận nghịch mà dỗ bảo. Tá cảm rồi khóc, thề lấy chết mà báo ơn, được sai trở về trong hồ, xem kẻ nào có thể nhân cơ bắt được thì bắt, kẻ nào có thể khuyên được thì vờ. Tướng của Yêu nhiều người hàng. Phi đêm đánh úp dinh giặc, trong đó có quân mấy vạn. Tướng của Yêu đương cười thuyền ở trong hồ, bánh xe đập nước, thuyền đi như bay, bên mạn thì đặt gậy đánh. Thuyền quan đón thì tan ra. Phi bèn chém gỗ ở núi Quân-sơn mà làm bè to lấp ngang các cửa lạch, rồi lấy gỗ mục cỏ rối cho thả từ thượng lưu trôi xuống, chọn nơi nước cạn, sai những người giỏi chử khiêu khích, vừa đi vừa chử. Giặc tức đến đuổi, thì cỏ cây dòn lại thành đồng, bánh xe thuyền vướng không quay được. Phi đánh gấp ngay. Giặc chạy vào trong lạch thì bị bè

ngăn lại. Quân Phi cưỡi bè căng da trâu để che tên đạn, vác cây to đánh vào thuyền giặc nát hết. Yêu cùng đường nhảy xuống nước chết. Quân còn lại đều đầu hàng.

1. Trích cả một thiên “Thủy chiến” của sách **Hồ tướng khu cơ, gồm 9 chương, ở đây bỏ cả, xem ở sau.**

2. Ở tỉnh Trực-lệ.

3. Ở tỉnh Sơn-đông.

4. Dương Yêu: Xem chú ở trên - Nhạc Võ-mục là Nhạc Phi, thời Tống.

Thủy chiến thì sông lớn là đường trọng yếu. Đường sông thế không giống nhau. Có khi thuyền rời bờ còn được nửa lợi. Có khi vừa thủy vừa lục đều tiến mà có thể được toàn lợi. Đó là có thể lấy chu sư¹ mà tiến vậy. Chệt lấy chỗ yếu hại của giặc khiến nó không tiến được, đó là có thể dùng chu sư mà giữ vậy. Đánh bằng thuyền thì thuyền lớn phải được thuyền nhỏ. Thuyền rộng lớn như thành không phải sức người có thể lừa được, toàn nhờ thế gió. Thuyền địch hèn nhỏ mà lại thì bị thuyền lớn thừa gió ép xuống, đó là đấu sức thuyền mà không phải đấu sức người, đến đâu thắng đấy. Lại nói quân ta thuyền nhỏ, trông thấy thuyền khác cao lớn như núi, lớn nhỏ không thể địch nổi, như thế không dùng hỏa công không được. Sức thuyền bền mỏng không giống nhau, hai thuyền ở biển, nếu xung kích nhau thì thuyền mỏng phải vỡ. Người làm tướng nên biết sức thuyền mình và lượng tính thuyền giặc thì mới có thể đánh được.

Thuận gió đánh ngược gió. Phàm thủy chiến thì lợi ở hỏa công, mà trợ hỏa thì có gió. Được gió thuận thì thắng, bị gió ngược thì bại. Như Ngô-Việt vương Lưu sai con là Phó Quán đánh nước Ngô. Nước Ngô sai Bành Ngạn-chương chống cự ở núi Lạng-sơn. Thuyền Ngô nhân gió mà tiến. Phó Quán lánh đi cho qua, rồi sau đuổi theo. Quân Ngô quay thuyền lại đánh. Phó Quán sai theo chiều gió tung tro bay mù làm cho quân Ngô không mở mắt được, đến khi thuyền ghe sát nhau thì Quán sai rắc cát ở thuyền mình mà vãi đậu sang thuyền Ngô. Đậu bị máu chảy thấm ướt, người Ngô dẫm lên đều ngã dài. Quán nhân phóng lửa đốt, thuyền Ngô cả thua.

Thuận dòng thắng ngược dòng. Như Thần Phúc nước Ngô từ Ngạc-châu xuôi phía đông, Điền Quân² sai tướng là Vương Đản và Uông Kiến

đem thủy quân đón đánh. Thần Phúc bảo các tướng rằng: “Quân nó nhiều quân ta ít, nên dùng kỳ mà đánh”. Thần Phúc giả cách thua chạy, đem thuyền ngược dòng mà lên, Đàn và Kiến đuổi theo. Phúc lại thuận dòng mà đánh xuống, nhân gió buông lửa, Đàn, Kiến cả thua.

Phòng mắc cạn. Ngô Quyền nước Việt ta cất quân đánh Công Tiễn ở Giao-châu. Chúa Nam Hán sai con là Hoằng-thao đem quân cứu Công Tiễn. Quyền đem quân đón đánh. Trước đã đóng ở cửa biển nhiều cọc lớn vót nhọn đầu và bịt sắt, sai thuyền nhẹ nhân nước triều lên ra khiêu chiến mà giả cách thua chạy. Phút chốc nước triều xuống, thuyền quân Hán đều mắc cọc sắt mà không trở lại được, quân sĩ đắm chết già nửa.

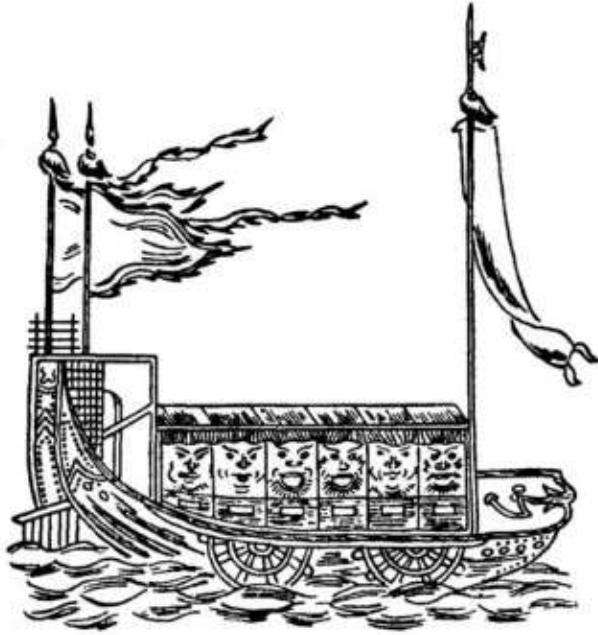
Phòng lửa. Trát bùn buộc gỗ để chống lửa.

1. Chu sư là quân đi thuyền, tức thủy quân.

2. Điền Quân đời Đường, làm quan đến thái bảo, sau mộ quân đánh Thăng-châu (tức là Kiến-lăng phủ ngày sau) thất bại.

CHIẾN THUYỀN.

Thuyền máy thần phi¹. Hình dáng như thuyền biển, chu vi dùng da trâu sống để che, hoặc chẻ tre đan phen để đỡ tên đạn, ở trên thì để cửa bắn súng và lỗ bắn tên, chia làm ba tầng thượng, hạ, trung, ở đuôi thuyền để một khoang kín để thông trên dưới, tầng giữa thì chứa dao và đinh, hai bên thì đặt mái chèo hay bánh xe, cỡi sóng rẽ gió, đi lại như bay. Thủy thủ thì dùng người lợi giỏi. Gặp giặc giả cách thua, bỏ thuyền cho nó. Tinh binh thì phục ở dưới khoang kín. người lợi giỏi thì nhảy xuống nước mà chạy, đợi giặc mới mở máy thuyền, thì nhào vào trong tầng giữa, dỡ dao đinh ra mà đánh, giặc tất bị giết hết. Nếu xông vào thuyền giặc thì hai bên thuyền ngầm phục súng nổ, thế không ai địch nổi.



Hình 5. *Thuyền bánh xe*

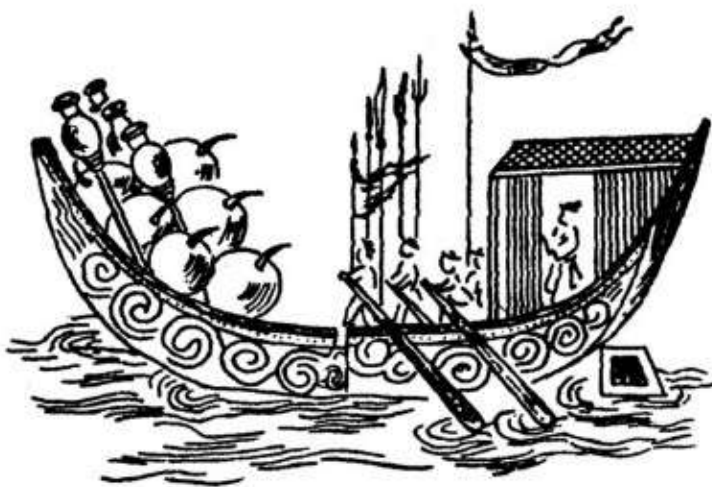
Thuyền mẹ con. Dài 3 trượng 5 thước, phần trước 2 trượng dáng như cái thuyền thúng, phần sau 1 trượng 5 thước, chỉ che ván hai bên, trong lòng rộng không, đằng sau giấu một cái thuyền nhỏ thông liền ba chỗ, cũng có dẫy ván che người, hai bên bốn mái chèo. Thuyền mẹ phía trước không để mái chèo, trong khoang chỉ chở cỏ củi và đặt thuốc súng, hai bên nách đầu thuyền đều dùng những đinh răng sói, lưng thuyền thì dựng những thanh gang sắc nhọn. Một khi đặng thuyền giặc thì lấy móc và dây cột liền vào thuyền giặc, rồi phát hỏa đốt thuyền cho cùng cháy với thuyền giặc. Quân ta ra sau mở thuyền con quay về.



Hình 6. Thuyền mẫu tử

1. Gần như thuyền bánh xe của Võ bị chế thắng chí, quyển 13.

Thuyền liên hoàn. Thuyền ước dài 4 trượng, ngoài trông như một thuyền, nhưng chính chia làm hai thuyền, trong có vòng móc liền nhau. Phần trước thì chở các thứ hỏa pháo, thần yên, thần sa. Mũi thuyền thì đóng mấy cái đinh to đầu quặp, đặt súng xoay về trước. Phần sau thì hai bên đặt mấy mái chèo. Hoặc nhân gió thuận, hoặc từ thượng lưu rảo tới dinh giặc, lấy đinh ở mũi thuyền đâm vào thuyền giặc, phần trước tự mở vòng ra để cho phần sau trở về. Nhân lúc quân giặc sợ hãi, dùng khí giới mà đánh. Đó là một chức kỳ trong thủy chiến.



Hình 7. Thuyền liên hoàn

Vòng là hai cái khuyên sắt đóng vào phần trước và phần sau, dùng móc móc lại với nhau. Khi thuyền đụng vào thuyền giặc thì móc buông ra, để cho phần sau trở về bản trại.

Bè gỗ. Đốt thuyền địch chẳng gì bằng lửa, phá thuyền địch chẳng gì bằng súng, nhưng súng lớn dùng ở trên thuyền sợ chưa hại được người mà đã hại mình trước, súng miệng to bằng miệng bát trở lên thì không dám bắn. Nay nên chế bè gỗ, không kể bao nhiêu cỡ. Dùng gỗ đều đặn, dọc ngang bằng nhau, gió không thể lật, nước không thể chìm, trên đặt giá gỗ rất bền chắc, lượng tính cao hơn thuyền địch, để ở chỗ hiểm mà bằng phẳng như ở mặt thành, dưới đóng cọc gỗ để ghi dấu, dùng súng nhắm đường giặc đến mà bắn, tính chỗ bắn đến là bao nhiêu bước cũng đóng cọc để ghi dấu. Thuyền chiến phải ở sau bè ngoài 50 bước để phòng. Trên bè phải dùng chăn bông che ở đằng trước. Đun cả 20, 30 cỡ bè bày hàng chữ nhất, thuyền giặc trông xa, không khác gì bức tường thành, không lường được hư thực. Rình xem thuyền giặc hễ sắp vào trong chỗ ván nổi đánh dấu cọc của ta thì bấy giờ bỏ chăn bông rớt xuống, người bên thuyền chạy sang giữ bè cho ngay lại, rồi dùng các thứ súng nhắm chỗ giặc mà lần lượt bắn. cứ 2, 3 cái bè bắn một loạt. Thuyền giặc không thể không bị thương. Có thể chống được, có thể giữ được, đó là phép thủy chiến phải cần.

Sắc cờ. Mỗi thuyền có một lá cờ to, đều dùng vải đen, một là để tiện thấy ở xa, hai là để hợp với tính nước. Lại dùng vải trắng lấy một chữ của

tên trại viết to lên mà dính vào lòng cờ, đều chiếu theo sắc các phương mà chế dải cờ. Mỗi đội phải có một lá cờ dài nhỏ, đều chiếu theo hiệu của thuyền mình mà làm sắc dải cờ. Mỗi thuyền cờ lớn một lá. Tiền ty dùng dải hồng; tả ty dùng dải lam; hữu ty dùng dải trắng; hậu ty dùng dải đen; trung ty dùng dải vàng; trung trung ty dùng hai dải vàng.

Thợ lái. Tính mạng của cả một thuyền quan hệ ở tay người lái. Tất phải lựa chọn những người lớn tuổi, thông thạo, giỏi xem chiều gió, am hiểu thể nước mà sung vào. Lại đặt người phó để phòng sự sơ hở. Lương thì cho khá, có công thì thưởng thêm.

Lính thủy. Bọn trộm cướp miền biển đều kén dùng được cả. Thứ nữa đến những người thủy thủ có tài, như người đánh cá có thể sáng xuống nước chiều mới lên, ban ngày dùi thuyền địch cho chìm đắm, ban đêm rút dây làm cho quân địch mất hàng ngũ. Thứ nữa đến những người bán muối lậu ở Nam-trực¹, người và thuyền đều nhanh nhẹn, tập quen sóng gió, ban đêm ngằm đi, chèo lái như bay, dùng để ra quân kỳ, vào dinh giặc mà trinh thám, đó cũng là một chức hay vậy. Hoặc lặn đi dưới nước lấy sào đục lưới (như Tư-mã Phúc)², lặn xuống đáy nước dùi đắm thuyền lương của người Kim (như Lưu Ý)³. Tống Trương-vĩnh nhờ nước mà tới thành Sính⁴.

Phép đánh thủy chiến, liều chết đánh giặc ở trên thuyền, không bằng chế ngằm giặc ở dưới thuyền. Vì chọi sức còn có được thua, chứ dùng kỳ thì giữ được vẹn toàn; phá quân của giặc, không bằng phá được thuyền của giặc, mà thu công toàn ở người lặn nước. Người làm tướng nên kén chọn trước, nuôi vỗ cho hậu, luyện tập cho riết, để phòng bất thần dùng đến. Một hồ nước ở giữa dòng đáng giá nghìn vàng là thế đó.

Mũi buồm. Việc chế tạo trong thủy chiến, không gì trọng yếu bằng mũi và buồm. Một khi mũi buồm thấm phải thuốc súng thì tính mệnh ba quân cũng chẳng còn. Phải dùng “tấn thạch phong”(?) sấy khô hòa thành nước, rồi đem các thức tre lá, dây thừng, gai vải mà tẩm vào, phơi khô rồi lại tẩm, kỳ cho thật thấu, rồi dùng để đan dệt làm mũi và buồm, viết to bốn chữ *phi long thiên binh* làm hiệu, thế thì các loại tên lửa, cầu lửa đều không thể phạm vào. Quân ta giữ được không lo, có thể tiến đánh được giặc.

1. Các tỉnh Quảng-nam, Quảng-ngãi.

2. Lấy sào đục lưới: Tư-mã Phúc là thủy binh nước Việt thời Xuân thu. Trần Chương (tướng Ngô) vây Tô-châu, làm rào phên dưới nước, quanh bọc lấy thành, chằng lưới dưới nước trên đầu lưới đeo cái chuông con để chặn những kẻ lặn dưới nước. Phúc tài lợi nước, trước hãy lấy cần tre động vào lưới, quân lính thấy tiếng chuông kêu, cất lưới lên, Phúc nhân lúc cất lưới lên, lặn vào thành, trong ngoài đánh ập vào.

3. Đục thuyền lương của người Kim: Đời Tống Cao-tôn, Kim chúa là Lượng đem 60 vạn quân sang đánh Tống, người Kim lấy chặn chiến bọc thuyền chở lương đến. Lưu Ý sai người lặn xuống nước đục thủng thuyền cho thuyền chìm.

4. Thành cũ của Sính huyện thuộc huyện Giang-lãng tỉnh Hồ-bắc ngày nay.

*

* *

Áo lội nước. Phép làm giáp trụ đối với thủy chiến rất cần. Nên dùng lụa nhỏ lót trong; vỏ bầu làm giáp ở ngoài kết như vảy cá, trước dùng nước phèn mà tẩm phơi khô để dùng; hoặc dùng lông ngan lông ngỗng, kết dày vào làm áo giáp, để nổi trên mặt nước mà đi, cười sóng rẽ gió, nước không thể nào chìm đắm được.

Sách Võ kinh có những cách dùng túi da dê và chum nôi.

Phép giữ dái, giữ gót chân. Dùng gáo dừa và quả bầu sơn đen để giữ bìu dái, dùng dây lụa buộc vào lưng; dùng lụa sơn đen bọc gót chân. Vì là bìu dái và huyết dừng tuyền ở đáy gót chân hể vào nước thì đỏ như lửa, loài cá ác và thủy thú trông thấy sáng thì đến làm hại tính mệnh; che bịt lại thì không sáng rõ ra, sẽ khỏi hại, đó cũng là việc thủy chiến phải nên phòng bị.

Ngựa nước. Dùng mây đan một con ngựa nước, lưng dáng như cái dậu, dưới có bốn chân, đặt ngang trên mặt nước, đầu cao một thước để ngăn sóng đằng trước, đuôi cao một thước để ngăn sóng đằng sau. Ở giữa thì rỗng, ngoài dùng vải bọc và sơn cho bền. Xỏ một cái dây cương để người cưỡi ở trên tiện sai khiến; ở ngoài đầu ngựa thì để một đoạn rỗng để chứa lương khô, có thể thì người đều được mạnh gan. Ngựa nước không nặng,

trong thuyền để chờ. Lại dùng bông để bọc, trên lấy mảnh vỏ bầu làm giáp. Bầu dùng để nổi; bông dùng để xuống nước có thể chống được tên đạn. Ở bên thì gác một cái chèo bằng gỗ cứng, đầu dùng sắt làm đao, có thể làm chiến cụ, trong cán chèo gỗ ấy để một con dao nhỏ phòng khi cần dùng, tuy thuyền có bị chìm mà rơi xuống nước cũng còn có thể đánh được. Ngựa nước này cũng dùng như cái phao ngày nay, không sợ chết đuối. Nước Nam ta dùng quân thủy chiến, thường lấy mây đan cái phao, khúc giữa nhỏ mà đầu đuôi lớn, sơn đen, trong rỗng, để sẵn trong thuyền phòng khi chìm đắm, tục gọi là quả nổi, nhưng không hay bằng ngựa nước này.

Dầu đá. Tỉnh Tứ-xuyên có dầu đá¹, nếu lấy dầu đá hòa thuốc tạo thành những cục thuốc thì có thể cháy trong nước mà không tắt.

1. Tức là dầu hỏa.

Quạ già nước. Xưa giặc cỏ là bọn Lưu Thất đậu thuyền ở núi Lạng-sơn. người ở châu Tô dăng kế dùng hỏa công gọi là quạ già nước, để thuốc và lửa vào súng mà xuống nước bắn. Lại chế một thứ bình mỏ quạ, cầm mà lặn xuống nước, dùng mỏ dùi thuyền mà có máy cho nó tự vận chuyển để dùi cho thuyền chìm. Đã dùng thử phá được một thuyền, giặc sợ bảo là thần binh ở Giang-nam có thể lặn nước mà phá thuyền, phải bỏ thuyền lên bờ, bèn bị quân đồn thú đuổi bắt.

Hỏa công. Đại phàm thủy chiến thường chuyên dùng hỏa công. Xưa Tào Tháo đánh Ngô Chu Du và Lưu Bị, gặp nhau ở Xích-bích. Tướng Chu Du là Hoàng Cái lấy thuyền mỏng xung mười chiếc chờ lau và củi khô, rưới dầu vào, che bằng màn trướng, dựng cờ xí, dự bị đầy đủ thuyền nhỏ buộc ở sau. Bấy giờ gió đông nam thổi mạnh. Cái cho mười chiếc thuyền ấy chạy ra giữa sông, giương buồm lên, chạy thẳng đến Xích-bích, các thuyền nhất tề đốt lửa, thuận gió tràn vào thủy trại của Tháo. Cùng với thủy trại, dinh trại trên bờ đều cháy, khói lửa rục trời. Bọn Du đem quân khinh kỵ tiếp sau. Tháo thua chạy trốn.

Lại Trần Hữu-lượng vây Nam-xương, bọn Du Thông-hải tự phía tây đến viện. Hữu-lượng ra hồ Bà-dương để đón đánh. Thông-hải nhân gió, cho cho bảy chiến thuyền chờ cỏ và thuốc súng xông vào trại nước của địch, đốt chiến

hạm mấy chục chiếc bắt được Hữu-nhân và Hữu-quý. Bấy giờ thuyền vào sâu trong trại địch mà hăng đánh, ngờ là đã mất ở trong lúc đánh nhau, phút chốc phôi phới quanh ra ở bên thuyền địch, quân ta trông thấy cả mừng, nhảy la sấn tới. Quân địch cả thua.

Âu dương Ngột giữ Lĩnh-nam làm phản, tướng Trần là Chương Chiêu-đạt đánh. Ngột nghe tin, ra đóng ở Nhai-khẩu, chứa nhiều cát đá vào lồng tre, đặt ở ngoài rào phen để chặn thuyền ghe. Chiêu-đạt sai quân ngậm dao lặn xuống nước để chặt lồng, những khung lồng đều tung ra hết, nhân đó thuyền lớn nổi đến, theo dòng nước mà đánh. Cuối cùng giặc thua.

Hàn Thế-trung nhà Tống chống nhau với quân Ngột-truật nước Kim. Hoàng Thiên-đăng và Thế-trung dùng thuyền biển đi theo thuyền địch đậu ở dưới núi Kim-sơn. Ngột-truật thấy thuyền biển nhân gió đi lại như bay, nói rằng quân Nam điều khiển thuyền như điều khiển ngựa thì làm sao được. Một người hiến chước: Đất Mân¹ có người họ Vương dạy cách chở đất vào thuyền, dùng ván mà ngăn, bên thuyền buộc chèo, đợi gió im thì ra biển; thuyền biển không gió thì không động được, sẽ lấy tên lửa bắn vào mũi thì không đánh địch cũng vỡ. Ngột-truật khen phải. Trời tạnh gió im. Ngột-truật ngồi thuyền nhỏ ra sông. Thế-trung chặn dòng mà đánh. thuyền biển không có gió thì không động được. Ngột-truật sai người bắn giỏi ngồi thuyền nhẹ dùng tên lửa bắn. Khói bốc mù trời. Quân Tống cả thua.

Thủy chiến kiên dùng lục quân. Thủy chiến lấy thuận gió làm thế, lấy trên dòng làm thế, lại mưu cắt nước, mưu vượt nước. Xưa nước Tấn đánh nước Ngô, chiếu cho Vương Tuấn làm thuyền ghe. Người Ngô làm xích sắt ngăn sông và làm dùi sắp đặt ngầm ở lòng sông. Tuấn biết tình trạng ấy, bèn làm mấy chục cái bè lớn, vuông hơn một trăm bước, buộc cỏ làm người, sai người giỏi lội đem bè đi trước, dùi sắt bèn vướng bè mà bị kéo đi. Lại làm bó đuốc lớn, dài hơn mười trượng, vòng vài chục ôm, tưới dầu vừng để ở trước thuyền, gập dây xích thì lấy đuốc đốt cho cháy đứt, thuận gió khuia chèo, ra tới núi Tam-sơn.

1. Tỉnh Phúc-kiến.

Lương Giá-hoàn đánh thành Đức-thắng nam¹ của nhà Tấn, trăm đạo quân đều tiến, dùng chạc tre buộc liền hơn chục chiếc thuyền mô phỏng xung với nhau,

căng che bằng da trâu, rồi đặt khung giá, dáng như cái thành chắn ngang dòng sông để ngăn cứu binh của Tấn, không cho sang sông. Vua Tấn tự dẫn quân đến cứu, bày trận ở bờ bắc mà không tiến được, bèn chứa vàng lụa ở trong quân để mộ người phá thuyền mông xung. Có tướng là Lý Kiến xin liều chết để phá, chọn lấy quân cầm tử 300 người, mặc giáp cầm búa, ngồi thuyền mà tiến. Khi sắp đến thuyền mông xung thì bị tên bắn như mưa. Kiến bèn sai những người cầm búa xông vào thuyền mông xung, lấy búa chém chạc tre; lại dùng chum đan chở củi tẩm dầu đốt lửa cho tự thượng lưu kể tới, theo sau thì lấy thuyền lớn chứa đầy chiến sĩ, khua trống reo hò mà đánh. Thuyền mông xung đã đứt rồi, cháy mà theo dòng trôi xuống. Quân Lương bị chết cháy và chết đuối tới gần nửa. Hoàn giải vây chạy.

Hoàn Hộ-chi nhà Tống làm thái thú Chung-ly², theo Vương Huyền-mô đánh Hoạt-thành³. Hộ-chi đem trăm chiếc thuyền làm tiền phong, tiến giữ Thạch-tế⁴. Quân cứu của Ngụy sắp đến, chạy thư khuyên Huyền-mô kíp đánh. Huyền-mô không theo. Huyền-mô thua mà lùi, không rồi báo cho Hộ-chi biết. Quân Ngụy lấy ba lớp xích sắt chặn ngang sông, cắt đường về của Hộ-chi. Nước sông đương rút xuống mau. Hộ-chi theo giữa dòng mà xuống, mỗi khi đến chỗ xích sắt thì dùng búa dài cán mà chém đứt, người Ngụy không dám đến gần, nên chỉ mất một chiếc thuyền thôi, thuyền khác đều còn cả.



Hình 8. Thuyền mông xung

Tướng Trần là Ngô Minh-triệt đóng quân ở Lữ-lương⁵. Tổng quản Từ-châu nhà Chu là Lương Sĩ Ngạn đánh mãi không thắng. Minh-triệt đắp đập nước ở sông Thanh-thủy cho nước về thành, rồi bày chiến thuyền ở dưới thành. Vương Quỹ làm hành quân tổng quản đem quân tới cứu, dẫn quân đi tắt giữa cửa

Hoài-khâu, sai Đạt Hề và Trường Nho lấy nhiều khóa sắt lớn nhỏ xỏ suốt qua bánh xe buộc vào đá lớn mà bỏ chìm xuống sông Thanh-thủy, cắt ngang đường về của thuyền Trần. Minh-triệt phá đập mà vội vàng lui, định nhân nước lớn mà vào Hoài-bắc, nhưng đến Thanh-thủy thì dòng sông đã rộng, thế nước cũng kém, thuyền vướng bánh xe không qua được. Quĩ nhân đem binh kỳ ra, thủy lục cùng tiến mau, vây mà đánh ngay. Tướng sĩ hai vạn người và khí giới xe lương của Trần đều bị bắt cả.

Phàn Nhược-thủy tính bề sông rộng hay hẹp, đến thành Biện⁶ dâng thư xin đóng cầu phao để chở quân, cầu xong, quân Tống sang sông như đi trên đất bằng. Đời sau làm cầu phao để sang quân là bắt chước từ đó.

1. Ở tỉnh Trực-lệ.

2. Quận Chung-ly do nhà Tấn đặt, quận trị xưa ở huyện Thượng-dương tỉnh An-huy ngày nay.

3. Tức là kinh đô của nước Nam Yên thời Tấn; ở Hoạc-huyện tỉnh Hà-nam, cũng gọi là Hoạc-đài thành.

4. Thuộc tỉnh Hà-nam.

5. Thuộc tỉnh Giang-tô.

6. Tức là Biện-kinh, đất huyện Khai-phong tỉnh Hà-nam, kinh đô của nhà Tống.

*

* *

Sách *Yên thủy thần kinh*:

Phép đi gặp khe. Phàm khi gặp khe bị nước không thể sang được, thì tìm nơi tiện, lấy dây buộc tre làm dò mà sang, đó là phép gặp khe vậ.

Phép thuận gió. Phàm gặp thuận gió thì binh chính cứ thẳng tiến, binh kỳ ở bên. Ở hạ lưu hẳn là địch dùng dây chạc để chắn ngang. Nếu dùng hỏa công mà phóng xuống thì rất hiệu.

Phép ngược gió. Phàm gặp ngược gió thì chia làm ba quân: một quân làm binh chính, một quân làm binh kỳ để tiếp binh chính, một quân thì lên bờ kênh mà bắn để chống binh kỳ của địch, thế là để tránh đầu gió.

Phép gặp sóng gió. Phàm đi gặp sóng, thì tùy theo chiều gió mà tiến lên; thậm quá thì bỏ mũi trên đi, như thế thì đánh là phải thắng.

Phép bị nước cạn. Phàm bị nước cạn ở trong kênh thì đắp bờ chia kênh ra làm hai chi, làm cho một chi nước và một chi cạn, rồi theo cửa mà vượt sang.

*

* *

Sách Võ kinh:

Hỏi: Gặp địch ở nơi nước lớn, trong chốc lát xe cộ ngựa thuyền chưa biện được, tiến thoái không được thì làm thế nào?¹ - Trả lời: Đây là thủy chiến, không dùng xe và ngựa, nên để lại bên, lên cao trông cả bốn phương, biết được tình hình nước rộng hẹp sâu nông mới có thể dùng kỳ sách mà đánh. Nếu địch vượt nước mà tới thì để nó sang nửa chừng mà đánh. Đó là phép thủy chiến vậy.

Hỏi: Đãng trước có nước to, quân ta muốn sang mà không có sẵn thuyền ghe, quân địch lấp mất đường về của ta, quân xích hậu của nó canh luôn, những nơi hiểm trở bị giữ hết, quân dũng sĩ thì đánh ở trước sau, ta làm thế nào? - Trả lời: Thế thì phải chia quân làm ba xứ, sai tiền quân làm hào sâu lũy cao, để tỏ là cố giữ, sai hậu quân dự chứa lương thực nhiều khiến nó không biết được ý ta, rồi cho nhuệ sĩ của ta đánh úp ở giữa, đánh lúc không ngờ, đánh chỗ không phòng, không cách nào diệu bằng thế. Nếu địch hiểu được tình ta, biết được việc ta, mai phục ở nơi cỏ rậm để đánh vào chỗ tiện của ta, thì khiến tiền quân khiêu chiến cho nó nhọc lòng, khi ở tả, khi ở hữu, nó không biết lối nào mà giữ, phải sợ, rồi ba quân đánh gấp thì địch hãn thua. Đó là phép đột vi² vậy.

Hỏi: Vào sâu đất địch, cùng địch chống nhau mà bị trời mưa dầm hàng tuần không thôi, hào rãnh tất sục lở, canh phòng tất trở nải, ba quân không phòng bị, quân địch đêm đến, trên dưới đều loạn, ta liệu cách làm thế nào? - Trả lời: Phàm ba quân phải lấy rắn giữ làm bền, lấy lười biếng làm thua. Nếu trời mưa dầm, nên sai quân ta đặt xích hậu ở xa, trong ngoài trông nhau, dặn dò ước hẹn, nếu địch đêm đến thì hoặc cho quân nhuệ sĩ ra đánh. Nếu địch biết ta giữ mà phục quân rồi giả cách chạy để đánh tiền quân ta, thì ta chia làm ba quân

theo mà đánh, đừng theo chỗ phục của nó, có thể đánh cả trước sau, hoặc hãm cả hai bên; phát rõ hiệu lệnh mà đánh gấp. Quân địch hẳn thua.

1. Xem **Võ kinh trực giải**.

2. Đột vi: Xông phá vòng vây.

*

* *

Sách Võ bị chế thắng chí¹:

Phàm đánh thủy chiến tất phải tranh chiếm lấy đầu nước đầu gió để dùng hỏa công. Như ở dưới nước và dưới gió mà ta lo bền giữ, thì hoặc dùng cầu phao xích sắt để chặn đường, hoặc lui vào đường ngã ba sông để tránh, hoặc tìm con đường khác để vượt lên thượng lưu, hoặc không có ngã ba sông thì phải đánh ở trên bờ là hơn.

Hỗ kiểm kinh nói: Binh pháp bảo dùng nước giúp việc đánh thì mạnh. Khéo dùng nước có bốn cách: 1) nhân; 2) nghịch; 3) tặc; 4) tuyệt.

Nhân nước thì có hai cách dùng: hoặc địch chặn giữa dòng mà làm rào phên thì ta ở trên dòng, nhân gió thuận, đua chèo mà phóng lửa, thuận gió xông xuống. Rào phên vỡ rồi mà gặp gió chuyển thì dừng lại. Nếu địch ở dưới mà quân và ngựa nhờ nước ấy, thì ta ở thượng lưu có thể đánh thuốc độc được. Đó là hai cách nhân vậy.

Dùng nghịch thủy là: Phải làm đê cao để chặn ở dưới, cho nước chứa đầy ở trong, rồi dẫn mà giội xuống. Thế gọi là dùng nghịch thủy.

Dùng tặc thủy là: Nếu địch nhờ nước thì nên ngằm dùng nước để đánh, biết được địa lý, ngằm làm mương mà dẫn nước chảy đi nơi khác, giặc hết nước để nhờ. Thế gọi là tặc thủy.

Dùng tuyệt thủy là: Hoặc lấy củi lấp ở trên, đem đá chứa đầy thuyền đánh chìm ở trên, rồi làm mương dài cho nước chảy đi, hoặc làm túi cát chất ở thượng lưu để chặn nước. Khi muốn có nước thì phá túi cát đi. Thế gọi là tuyệt thủy.

Phép dùng nước, có đất không thể dùng được mà dùng thì trái lại bị hại, thuận thì lợi.

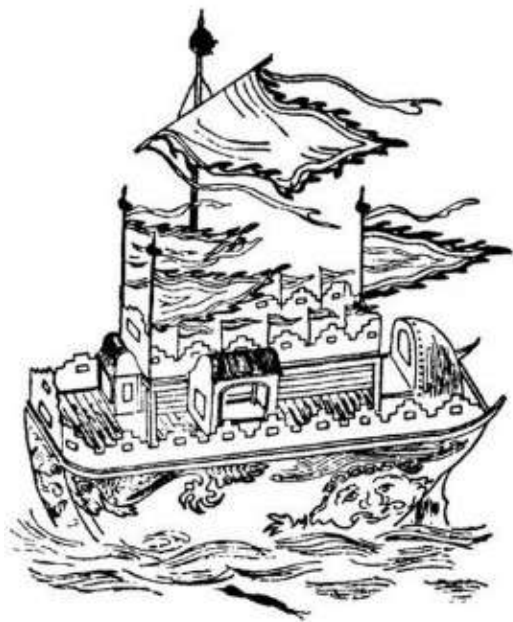
1. Xem **Võ bị chế thắng chí, quyển 13**.

Phàm thủy chiến, lấy thuyền tàu lớn nhỏ làm bậc. Chở được người nhiều ít đều lấy gạo làm chuẩn. Một người chẳng qua nặng bằng 2 thạch gạo. Buồm chèo tiện nhẹ thì hơn. Lấy chiêng trống cờ xí làm nhịp tiến lui. Thuyền chiến thì có lầu thuyền, đầu hạm, tẩu kha, hải cốt. Thuyền ngầm úp thì có mông xung, du đỉnh. Khí cụ thì có phách can¹, dùng rất có lợi, thuận dòng mà đánh. Các quân nhìn vào cờ của đại tướng ở đằng trước. Nghe trống thì tiến, cờ dựng lên; nghe chiêng thì dừng, cờ cuộn lại thì về.



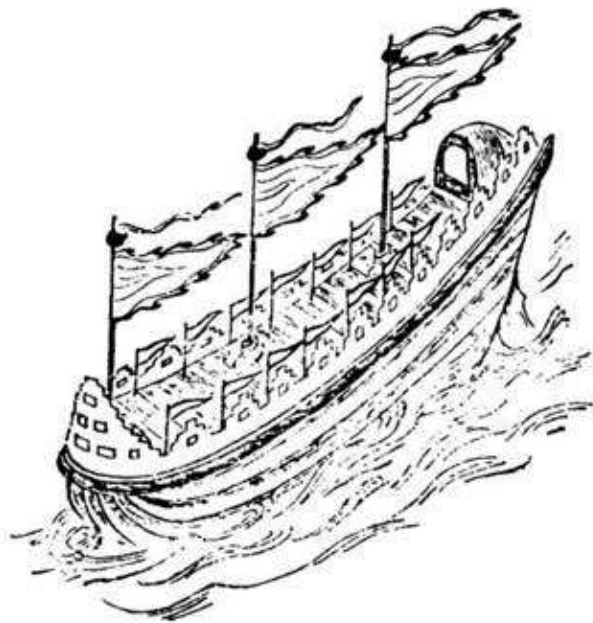
Hình 9. Lâu thuyền

Nếu các thuyền tiên phong du địch bị giặc vây mà cần có ngoại viện, thì hãy thấy cờ đỏ của đại tướng quân hướng vào giặc mà điểm thì tiến. Mỗi một điểm thì một thuyền tiến lên. Cờ đằng trước không dựng nữa là thuyền chiến rút lui; cờ hướng vào trong mà điểm, mỗi điểm thì một thuyền lui.



Hình 10. Đấu thuyền

Nếu trương nghi binh, thì ở cửa sông và sông phải rộng đặt cờ xí buồm lèo để đánh lừa. Đó là nói đại lược vậy².



Hình 11. Tẩu kha

Thuyền môg xung dùng da trâu phủ lên lưng thuyền, tả hữu mở lỗ để luôn chèo, tên đạn không thể nào làm thủng. Trước sau tả hữu đều có lỗ bắn nỏ và lỗ đâm giáo, địch tới gần thì bắn. Không dùng thuyền to, chỉ cần nhanh chóng để thừa lúc người ta không đề phòng.



Hình 12. Hải cốt

Thuyền tẩu kha là thuyền ở trên sạp có làm nữ tường, có nhiều phu chèo, quân chiến đều kén người dũng lực tinh nhuệ sung vào, đi lại như bay, thừa lúc người ta không theo kịp. Chiêng trống cờ xí đặt ở trên.



Hình 13. Du đỉnh

-
1. Cây sào để đập.
 2. Xem thêm **Võ bị tổng yếu, Tiền tập; quyển II.**

Thuyền khai lãng của Thích Kế-quang, vì đầu nhọn mà đặt tên. Thuyền ấy ăn nước chừng 3, 4 thước; bốn cái chèo, một cái chèo lái; hình như chim bay;

trong có thể dùng 30 hay 50 người; không kỳ nước thuận hay nghịch.



Hình 14. Thuyền khai lãng

Thuyền chài ở trong các loại thuyền là loại rất nhỏ, gỗ làm rất giản, công làm rất nhẹ, mà dùng thì rất hay. Sao vậy? Vì nó ra biển, mỗi cái chở 3 người, một người cầm buồm vải, một người cầm chèo, một người cầm súng mỏ chim, buồm vải nhẹ nhàng, không lo chìm đắm, dễ tiến dễ thoái, theo làn sóng mà lên xuống, thuyền địch vờ trông không kịp, cho nên đi biển có lợi lắm, bắt được giặc phần nhiều nhờ sức nó. Thuyền này, ở miền duyên hải một dải Định-hải, Lâm-quan, Tượng-sơn đều có cả. Hình như cái thoi, cột buồm tre, cánh buồm vải, có thể dùng được 2 người. Xông gió cưỡi sóng, chuyên ra đại dương. Có khi vào núi¹ lấy thóc, hái củi, dỡ khoai và đánh cá, thuyền đến chân núi, 2, 3 người khiêng thuyền để trên ghènh bãi để lánh sông gió. Nếu muốn trở về tây thì khiêng thuyền xuống nước. Không thể chống được địch, nhưng có thể dùng để tuần dò. Đó là loại thuyền chài nhỏ nhất.



Hình 15. Thuyền đánh cá

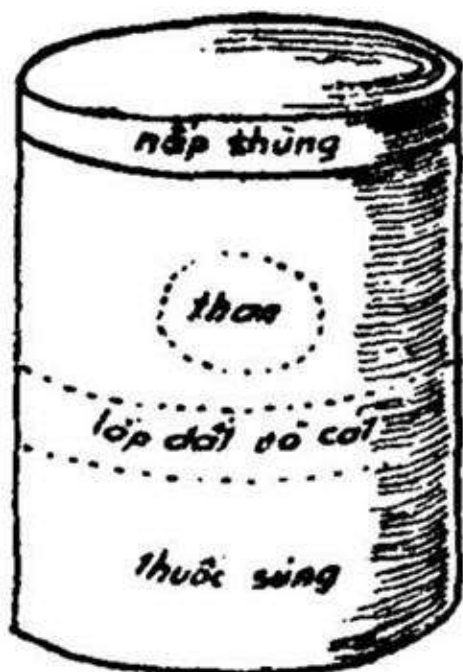
1. Các đảo ngoài biển.

*

* *

ĐỒ DÙNG TRÊN THUYỀN¹

Thùng gỗ. Một chiếc thùng gỗ đựng thuốc thô hoãn² 5 cân, bát sành thô dày một chiếc, than gỗ thực dụng 2 lạng, phòng đốt lò tiêu hao 2 lạng, thuốc súng cũ, đồ cả xuống thuyền giặc, đó vốn là chước hay. Nhưng lại phải dùng đồ hỏa khí khác hay than lửa mà ném vào để cho cháy thuốc. Ví trong chốc lát thuyền phải dời đi, người ta thường ném lửa vào trong nước, hoặc là bị giặc đuổi mà lửa chưa kịp ném hoặc lỡ dội nước vào ướt thuốc lửa không cháy được, như thế đều là chưa trúng khớp cả. Duy có đồ hỏa khí và thuốc súng cùng ném một lúc, không trước không sau, là có thể làm cho nổ được muôn dùng muôn trúng.



Hình 16. Thùng lửa

Cái câu liêm. Trong thuyền hoặc để cắt dây lèo, hoặc để móc thuyền, hoặc để cắt dây. thường ở sà, không thiếu được. Nên dùng cán tre dài mà nhẹ, lưỡi cong mà sắc (cán dài 1 trượng 5 thước, lưỡi rộng 1 tấc).



Hình 17. Câu liêm

Cái móc treo. Thuyền ta muốn đánh đắm thuyền giặc thì dùng cái này; hoặc móc thuyền lại không cho đi, hoặc móc dây lèo buộc vào sà, trong thuyền không thể thiếu được. Nên làm móc cho to, chân cho bền, vài mươi người kéo hay móc hàng muôn cân mà không oằn thì mới tốt. Cán móc phải dài, tay cầm khó móc cho đúng được, nên dùng 3 móc một cán, móc thì mắc ngay (dài 1 trượng 5 thước, ba móc một cán)



Hình 18. Móc treo ba móc một cán.

Lưới cá. Vật này phàm lâu thuyền và thuyền có nữ tướng thì không dùng; thuyền ván không có nữ tướng thì dùng; đặt theo ở ngoài thuyền hai bên tả hữu để phòng quân giặc nhảy vào. Nếu có mấy tầng cho dày thì cũng có thể phòng tên và mũi thương, duy súng thì không thể ngăn được. Dọc thuyền không thể dùng ván gỗ cho nên phải dùng vật này. Như chỉ có 2, 3 tầng thì thế mỏng thưa, khó bề che chở, chẳng thà không có. Các chiến thuyền phần nhiều nhờ nó. Thuyền có nữ tướng cũng treo vài bức, nhưng chỉ làm hư văn, không đủ trông cậy.

1. Văn trích **Võ bị chế thắng chí.**

2. Tức thuốc súng nổ chậm.

*

* *

Qua nước¹.

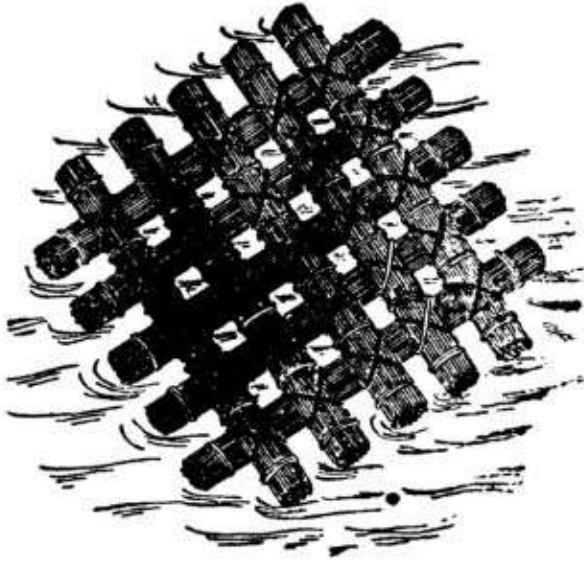
Phàm đến đất lạ phương xa, thế nước hiểm ác và có các loài thường luồng thủy quái, quân lính sang qua thì nên trước được người hướng đạo mà hỏi dò, để phòng liệu trước.

Phàm sắp sang sông, trước phải bày hàng ở bốn mặt trên bờ, rồi sai người leo cao trông xa, cho quân kỵ đi dò xét, đề phòng giặc đánh úp, sau mới chia ra từng đội mà sang.

Phàm sang sông, chiến đội phải lên bờ trước, kèm ngựa làm trận vuông, cũng sai người lên cao trông xa như trước.

Phàm gặp khe ngòi nhỏ, có thể chặt cày cành bên nước lấy dây mây buộc lại thành bó, đẩy đặt vào trong nước, khiến trước sau chất chứa và kéo nhau, có thể sang được.

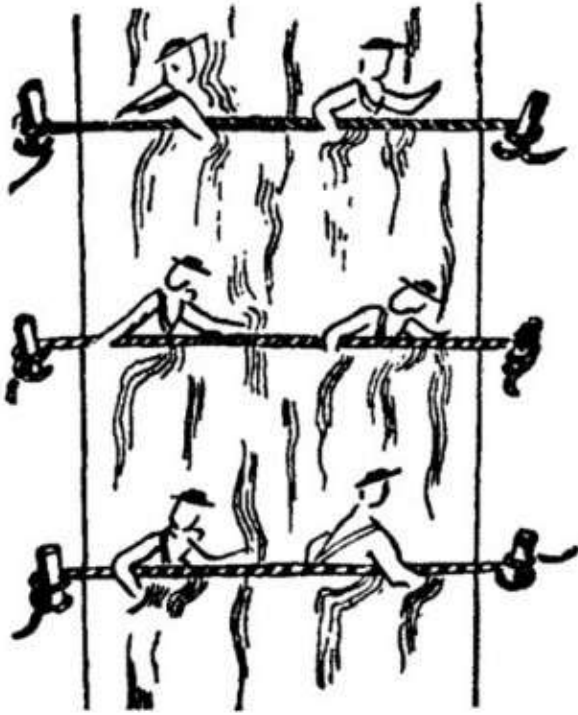
Bè sậy. Bè sậy, lấy cây sậy bó to vòng 9 thước, tráo trở đầu đuôi làm mười bó, buộc lại như bó giáo, tính chiều dài ngắn mà làm; không có sậy thì dùng lau cũng có thể nổi mà sang được.



Hình 19. Bè sậy

1. Vẫn xem Võ bị chế thắng chí.

Dây bay. Dây bay, mộ những người giỏi lội nước, mình bơi trên nước buộc dây vào lưng, lội trước sang sông mà kéo dây to qua, hai bên bờ dựng cột lớn buộc chắc dây vào đó; khiến người kẹp dây vào nách mà lội qua, khí giới thì đội trên đầu. Như đại quân thì có thể làm vài mươi cái mà sang.



Hình 20. Dây bay

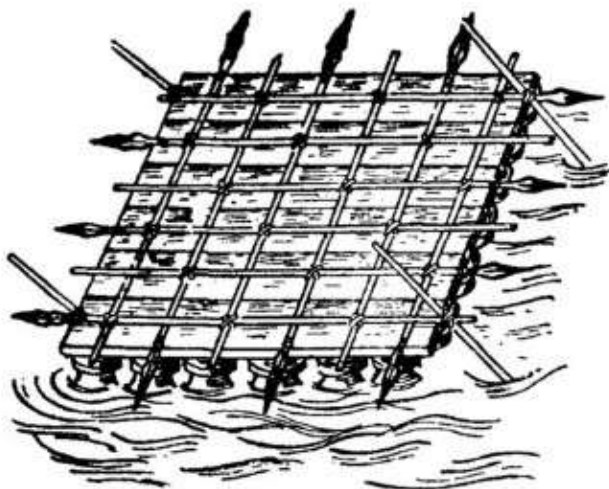
Túi phao. Túi nổi là lột cả da một con dê, thổi hơi cho nó phồng lên, rồi thắt kỹ lại, buộc vào bên nách để lội qua sông.



Hình 21. Túi phao

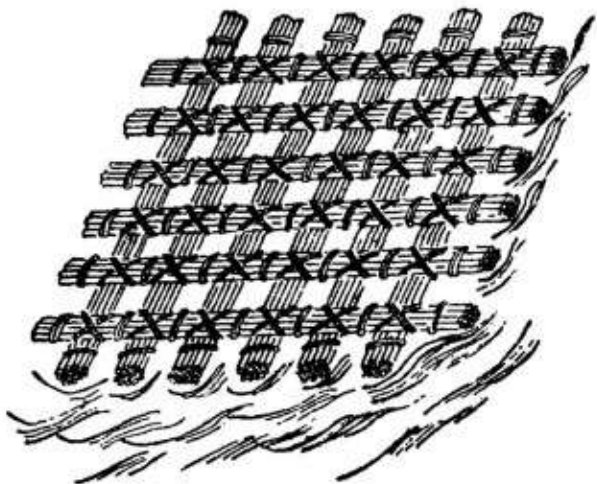
Bè chum. Buộc chum lại làm thành cái bè, mỗi chum đựng 2 thạch thì sức đỡ được một người, các chum cách nhau 5 tấc, dưới buộc móc với

nhau, kết thương ở trên, hình dài mà vuông, đằng trước đặt ván, đằng sau đặt giáo dài, hai bên tả hữu đặt chèo.



Hình 22. Bè chum

Bè giáo. Bè giáo, dùng giáo, mười cây làm một bó, sức vừa mang một người, lấy 5.000 cây làm suốt, làm một cái bè; giáo làm thì rút lưỡi ra, tráo trở xếp ngang xếp dọc mà buộc lại, có thể chở độ 500 người; hoặc tả hữu đều buộc 20 cái túi nổi. Trước sai người giỏi lội nước bơi sang bờ kia dựng cột to, buộc hai sợi dây lớn ở hai bên bờ, để giáp trên bè, trên dây lớn lấy vòng gỗ hay vòng dây luồn vào, lấy dây buộc vào bè; đầu bè thì buộc dây khiến người ở trên bờ kéo, lấy dây lớn giữ lại để khỏi bị trôi giạt.



Hình 23. Bè giáo

*

* *

Sách Thúy vi bắc chính lục:

Phép cấm lợi ở sông hồ, không phải một cách mà đủ đâu. Sợ nông mà quân bộ kỵ có thể lợi được, thì ta dùng sắt cong làm móc, buộc vào dây để kéo, gọi là tu câu¹ đụng phải là bị tử thương; dùng sắt thẳng để làm chông cắm ở dưới nước, gọi là thiệp châm², đi qua đụng phải hẳn bị tàn diệt; bện tre làm dây mà kết gai vào, gọi là thủy mao vị³, để dùi vào da thịt của người lợi qua; chặn nước bằng cái trục cắm đinh sắt vào, gọi là thủy phát lê⁴, để đâm vào đùi về người lính thủy; đan tre làm nơm cắm ở nơi bùn lầy, gọi là dịch thuyền⁵, để làm đau bàn chân những người lợi nước; chôn gỗ làm cựa đặt ở chỗ cát nông, gọi là kê cự⁶, để đâm vào gót chân người ta. Phàm sáu cách ấy dù có thác ghềnh, giặc cũng không có thể lợi vào bờ cõi ta được! Sợ nước sâu mà thuyền lái có thể sang, thì ta cắm móc sắt ở trên phao nổi, gọi là phù câu⁷, gặp thuyền giặc thì đâm vào đáy có thể làm cho chìm; quăng chạc và lưới ở giữa dòng sông gọi là cự lỗ⁸, gặp thuyền giặc thì có thể quấn lấy mái chèo, hay là lấy bông xơ, lấy rơm rạ để cho quấn vào bánh lái thuyền, như thế thì chèo lái cũng khó; cắt dây leo, cắt dây mây mà bỏ cho thuyền giặc vướng không chèo được; bằng như thế nước chảy mạnh, thì dựng những cây sắc nhọn, khiến cho thuyền giặc không đục cũng vỡ; thế nước êm nhẹ, thì dựng dùi gỏi cong⁹, mà khiến ván thuyền không dùi cũng thủng; đặt dây kéo ở đáy nước, khiến thuyền giặc gặp phải thì thước tắc không thể dời đi, nhà binh gọi là thần kéo; thả dây ở nơi nước xoáy, khiến thuyền giặc qua đó bị vướng mà xoay chuyển nghìn vòng, nhà binh gọi là quý xoáy. Phàm mười điều ấy, dù có thuyền ghe, giặc khó có thể đổ bộ lên bờ bên ta được. Sợ quân giặc có chum nổi phao nổi để đánh úp bờ bên ta, thì ta chế tre chế gỗ ở nơi ghềnh thác khiến giặc không thể dùng được. Sợ giặc làm cầu bay cầu phao để vượt đường sông của ta, thì ta tạo bài lửa, bè húc ở giữa dòng nước xiết khiến giặc không thể thi hành được. Sợ giặc buộc lau bó lách để sang sông, thì ta chặt gỗ làm “tra thủ mộc”¹⁰, dùi gỗ làm “tạo dác mộc”¹¹ đặt ở chỗ sang nửa chừng, mà khiến cho vật giặc dùng không thể đi được. Sợ nó lặn dây kết sào để sang thì ta ngáng gỗ để ngăn sông, kết gỗ để triệt sông, đặt vào lúc chưa sang, để khiến khí cụ của nó không thể đến được. Sợ bờ ta dễ lên thì ta dựng “phục ngư giao mã”¹² khiến thuyền giặc gần bờ mà không thể bước xuống được. Sợ ngòi hào của ta dễ thông, thì ta đóng cọc ngầm, khiến

thuyền giặc không thể lướt qua mà thuận dòng được. Sợ thuyền giặc thừa gió mà tiến, thì ta ngáng gió chắn nước làm cho buồm giặc chịu chết. Sợ thuyền giặc kéo dây mà đến, thì ta có những sào ngáng cây chống để ngăn dây không thể qua. Thượng lưu cao mà hạ lưu thấp, thì ta chiếm lấy thượng lưu, đắp kè đập để đổ nước xuống quân địch. Thế địch rộng mà thế ta hẹp thì ta nhân thế hẹp mà đắp túi cát cho mất lối đi. Địch đến sát bờ thì ta làm bốn dây phiên xa¹³ để đánh vỡ thuyền. Quân địch lên bờ thì ta một mặt đánh ngầm để chộp quân nó.

Những cái lợi như thế cũng chẳng hay ư? Nhưng thắng là ở chỗ địch chưa kịp biết, mà bại là ở chỗ ta không giữ được bí mật. Sự cơ không cùng, nếu không giữ được bí mật, thì cái ta dùng để hại địch, địch lại lợi dụng được để hại ta. Công-tôn Thuật chống Sầm Bành, Thuật làm cầu phao và dây móc để chống dây thuyền của Bành, xem mẹo thì đáng như được đấy. Nhưng Bành biết trước, phóng lửa đốt cầu và dây móc nên quân Thuật phải thua. Thường Chiếu-đạt đánh Linh-nam, giặc đan lồng tre đựng cát đá để chống thuyền ghe của Chiếu-đạt, trí không phải là không khéo đâu. Không ngờ Chiếu-đạt biết trước, sai quân sĩ cầm dao chém lồng nên quân địch phải vỡ. Người Ngô chống Tấn, có thể bảo là đặc sách, nhưng thuật dùng xích sắt ngăn thuyền bị lộ, mà không khỏi Vương Tuấn dùng bè lớn chất lửa đốt cháy. Đó đều là thua vì tiết lộ cả, cho nên cần phải bí mật.

-
1. Móc râu, tức chùm móc.
 2. Chông lợi.
 3. Con nhím nước.
 4. Cày do nước đẩy.
 5. Cái nơm nháy.
 6. Cựa gà.
 7. Móc nổi.
 8. Chống mái chèo.
 9. Dùi gỏi cong, tức là cái dùi làm hình cong như đầu gỏi bẻ cong.
 10. Không rõ là cái gì.
 11. Tức gỗ gai bồ kết.
 12. Không rõ khí cụ gì làm theo hình tượng trâu và ngựa.

13. Không rõ thế chế thế nào.

VII – Lâm Chiến

Sách Võ kinh:

Võ vương hỏi: Như gặp phải rừng lớn, ta cùng địch chia rừng mà chống nhau thì làm thế nào?

Thái công nói: Khiến quân ta chia làm xung trận, tiện chỗ quân đóng, cung nỏ ở ngoài, mộc giáo ở trong, chặt phá cây cối cho rộng đường, để tiện nơi đánh; dựng cờ xí ở cao, hiệu lệnh cho ba quân không được cho người biết tình hình của ta. Thế gọi là lâm chiến. Rừng nhiều hiểm trở, phải đặt xung trận để phòng trước sau. Ba quân đánh mau, quân địch dẫu nhiều mà có thể đánh cho chạy. Vừa đánh vừa nghỉ, cứ theo từng bộ mà thay đổi nhau, đó là kỹ luật đánh rừng¹.

*

* *

Sách Bảo giám:

Phép đánh rừng, ban ngày thì bày cờ xí, ban đêm thì đốt lửa đánh trống, lợi dụng đoàn binh, khéo đặt quân phục, hoặc đánh ở trước, hoặc đánh ở sau. Phép đánh ở bụi rậm thì lợi dụng gươm và mộc. Nếu muốn đánh thì trước phải mở rộng đường sá, mười dặm làm một trường, năm dặm làm một xích hậu, ngả dẹp cờ xí, nghiêm giữ trống chiêng.

Cỏ cây rậm rạp thì lợi cho sự di động; rừng núi chông chênh thì lợi cho sự đánh không ngờ. Trời sáng rõ ràng thì lợi cho sự dùng sức mạnh; đường hẹp cỏ sâu thì lợi cho sự ngấm phục; lấy ít đánh nhiều thì lợi ở lúc buổi chiều; lấy nhiều đánh ít thì lợi ở sự thẳng mau; qua vực cách sông, gió to mù tối, thì lợi ở sự đánh trước bắt sau.

Người đánh giỏi đời xưa, như chuyển gỗ đá, theo tính của gỗ đá, tròn thì đi, vuông thì đứng; đi không phải là hay đi mà đi, thế không thể không đi thôi; đứng không phải là hay đứng mà đứng, thế không thể không đứng thôi. Người đánh giỏi, dẫu ở nơi sinh địa thì tản ra, gieo vào nơi tử địa thì đánh. Tản ra không phải là hay tản mà tản, thế không thể không tản thôi; đánh không phải là

hay đánh mà đánh, thế không thể không đánh thôi! Đi hay đứng chẳng phải ở gỗ đá, mà do người khống chế. Tán hay đánh không phải ở người, mà là ở thế.

Sách Yên thủy thần kinh:

Phép đánh rừng. Phàm đánh rừng, thì nên mở rộng đường ta. Lợi cho việc đặt quân phục. Ra lệnh cho ba quân cần mật. Bày cờ xí ở chỗ cao để làm nghi binh.

1. Xem Võ kinh trực giải, phần “Lục thao”, chương 43.

QUYÊN IV.

I - Đánh Thành

Đuổi giặc vào thành lũy, bức tới gần mà vây, qua mấy tuần mà không thay đổi, đó không phải là thuật thẳng giặc. Như ở trong vây mà giặc có quân ngựa mạnh giỏi, binh khí bền sắc, lương cỏ đầy đủ, ngoài có quân viện có thể chờ, thì nên đắp cồn đất, xẻ ngòi, cách vây trăm dặm(?) mở đường gián đạo, số người đắp đào ấy không nên nhiều, tùy đất rộng hẹp mà dùng, chứa quân du binh, chia từng bộ phận mà đi lại, cất nhắc, gặp cần kíp thì cứu ứng. Trong vây mà quân giặc cùng thiếu lo liệu chết để giữ nên lại sinh kế khác thì ta phục tinh binh ở đường của giặc để chờ, ba mặt vòng vây thì quân sĩ nghiêm cần chuẩn bị chống đánh, mở vây một mặt để chừa cho giặc một đường sống. Giặc không chạy thì không đánh; giặc chạy thì cho quân phục nổi đánh khiến lòng nó hoang mang. Như thế có thể thắng được. Thế cho nên cái phép vây giặc, không nên lấy sự giữ chắc làm hay.

Binh pháp nói: Vây thành nên bỏ hở (một chỗ)¹, là để cho giặc đem nhau trốn ra mà đánh. Trong thuật dùng binh, đánh thành là kém nhất, bất đắc dĩ mới phải làm². Nay đem binh và công cụ đều tiến, địch phải sợ mà bền giữ. Đánh quân viện đến bất thần, khiến địch lương hết quân mỏi, ngoài không cướp bóc vào đâu, tiến thoái không đường, cũng không bằng lấy quân khinh kỵ thẳng đến dưới thành, nó thấy binh bản bộ chưa đến, ý hấn thư lòng, ta bày quân gầy yếu để dụ nó ra mà đánh, gặp quân phục thì là bị bắt.

*

* *

Thành ở kê sông lớn, lâu dài bền chắc, chớ có khinh thường. Vả địch dựa vào mặt thành mà đấu, ta ngựa lên mà đánh thì có khác gì đem quân sĩ mà gieo vào đồng lửa? Không bằng hãy bao vây mà giữ. Ta cứ nghỉ quân chặn ngựa, ngòi ăn và vận chuyển, đợi cho trong thành hết lương, rồi sau dựng thang mây mà bức, ném hịch vào để kêu gọi. Tướng sĩ nó sẽ thoát thân mà trốn chết, cha con còn chẳng giữ được nhau, huống chi là quân ô hợp.

1. Tôn tử, thiên VII.

2. Tôn tử, thiên III.

*

* *

Khí giới đánh thành, phá hại là quan trọng nhất, mà thế đáng sợ nhất thì không gì bằng súng. Nhưng cũng toàn tự người dùng cả. Nếu người đánh thành dùng được mà người giữ thành không thể chống được thì người đánh thành có thể thành công. Nếu người giữ thành dùng được thì người giỏi đánh thành cũng khó thành công.

*

* *

Nếu giặc vì vây ngoài bền giữ, mà trong dinh cấp bách, xin hàng không cho, muốn ra không được nên phải liều đánh, muôn người một lòng còn chẳng đương nổi huống là mười vạn người. Không bằng triệt vây rút quân, trong thành thấy đã giải vây, thế tất tự ra, ra thì hoang mang, ắt là dễ phá.

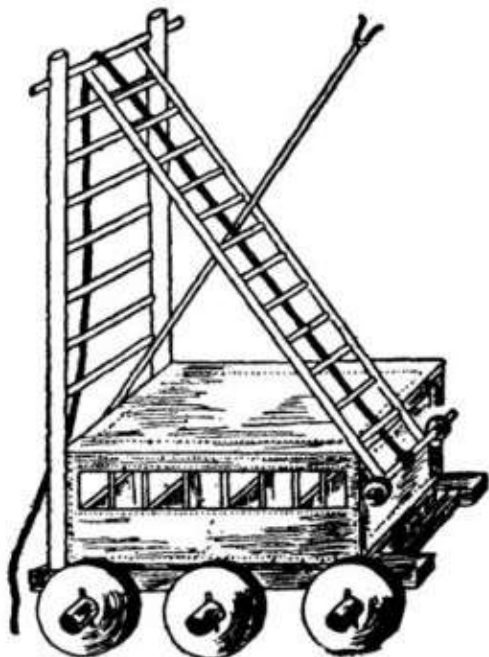
Thành bền quân nhiều, đánh thì sức ta không nổi, nếu có giặc ở ngoài nữa thì trong ngoài bị địch, đó là đường nguy vậy. Nay bọn phản bội cùng họp ở trong cô thành, trời hoặc khiến chúng ở đấy để cùng chịu giết, ta nên dùng toàn sách để ràng buộc chúng. Chỉ bền giữ ba mặt, nếu giặc Ngô do lục địa mà đến, quân lương hẳn ít, ta đem quân khinh kỵ chẹt đường vận tải, thì không đánh mà vỡ. Giặc Ngô vỡ thì bọn Khâm ắt phải bị bắt.

*

* *

Phép làm thang mây nối nhau. Phàm điều trọng yếu trong phép dùng binh, trèo núi lội nước, vượt chỗ hiểm tới chỗ nguy, không điều gì là không đầy đủ rõ ràng. Nếu gặp giặc ở trong thành cao vài mươi trượng, thì nên dùng phép gì để trèo lên? Nên dùng hai tầng thang mây. Thang thứ nhất dài 30 trượng 4 thước, thang thứ hai cũng dài 30 trượng 3 thước rưỡi. Trước đặt tầng thứ hai ở trong tầng thứ nhất, đầu thang lại dùng gỗ bèn làm chốt ngang, đục lỗ xuyên qua hai thang để kết liền với nhau làm một. Ở đầu dưới thang thứ hai lại đóng móc sắt. Như muốn lên thành, trước phải đặt hai tầng thang kết làm một dựa vào bên thành; trước lên

thang tầng thứ nhất, đến đầu thang thì lật dựng tầng thứ hai phóng vọt lên trên thành, đem móc sắt ở đầu thang móc vào đầu thành, rồi như kiến bám mà leo lên, không đâu là không tới. Đó là cách làm thang mây nối nhau vậy.



Hình 24. Thang mây

*

* *

Sách *Binh lược*:

Thành bỏ không, không nên vào, vì thành không chẳng biết hư thực thế nào mà lường.

Thành liền không nên đánh, đánh thành là điều nhà binh rất kiêng. Vì ở thành là nơi chứa lương cỏ khí giới, quân tướng đóng giữ ở đó.

Người xưa đánh thành, có khi làm thang mây để leo lên; có khi làm cầu bay để vượt qua hào lũy; có khi tranh nhau mà leo lên; có khi chia quân vạch đất mà giữ; có khi chõ đất đắp lũy để vây; có khi làm da trâu để chẵn mà đến dưới thành rồi đào hầm vào chân thành để cho thành sụp. Ta trộm nghĩ như thế nguy lắm. Vì nếu trong thành hết cả binh tướng đều lên trên thành, tên nỏ bắn xuống như mưa, hoặc bó cỏ tẩm dầu đốt mà ném xuống, thì chẳng nguy cho những binh bám leo sao? Họ lại làm sào gác nai để chống thang mây; lại lấy dây sắt treo hỏa pháo từ trên thành thả xuống chỗ hầm đào mà nổ thì da trâu và người

đều tan nát cả; lại làm thương phi hỏa cho thuốc vào lấy lửa đốt mà phóng; hoặc lấy người dùng cảm, mở cửa xông ra huyết chiến, trong ngoài tử thương cũng bằng nhau. Người ta lại có thể ở ngoài thành đắp núi giả để đặt pháo đắp lũy cao giữ cho bền chắc khiến giặc phải khốn đốn mà đợi cho nó tự chết, như thế thì chỉ tranh nhau cái thành không mà thôi. Cho nên nhà binh gặp thế bắt đắc dĩ mới phải đánh thành.

*

* *

Đánh thành. Ngụ Hử đời Hậu Hán làm thái thú Vũ-đô¹ quân không đầy 3000 người, mà quân Khương có hàng vạn đánh vây Xích-đình² mấy chục ngày. Hử bèn ra lệnh cho quân sĩ không bắn nỏ cứng mà ngầm bắn nỏ con. Người Khương cho rằng tên đạn yếu không thể bắn đến, dồn quân đánh gấp. Hử bấy giờ đem 2000 nỏ cứng cùng bắn, không phát nào là không trúng, người Khương sợ hãi mà rút lui.

Nay là đất tỉnh Cam-túc.

Ở phía tây-nam Thành huyện tỉnh Cam-túc.

Dụ vào thành. Cuối đời Hán, Tào Tháo và Lữ Bố cầm cự nhau ở Bộc-dương¹. Trần Cung bảo Lữ Bố rằng: có thể sai nhà giàu họ Điền giả hiến mật thư xin làm nội ứng, dụ Tháo vào thành. Tháo tin lời. Lưu Việp bảo Tháo rằng: Trần Cung nhiều mưu, hoặc nhiều cách phản gián, không thể không đề phòng. Nên chia quân làm ba đội: một đội vào thành, hai đội phục ngoài thành để tiếp ứng. Họ Điền lại sai người dâng thư hẹn lúc canh một thì trên thành thổi ốc làm hiệu. Đến kỳ, Tháo đem quân đến vào thành. Súng nổ bốn bề, lửa bốc, quân phục đều ra. Tháo cả thua.

Ích-châu² mục nhà Tấn là La Thượng sai Ngỗi Bá đánh thành Thục, cùng Lý Hùng giao chiến, có thua có được Hùng bèn mộ người Vũ-đô là Phác Tần, đánh cho thấy máu, sai đi lừa La Thượng là muốn làm nội ứng, lấy lửa làm hiệu. Thượng tin lời, ra hết tinh binh sai Ngỗi Bá đem theo Tần mà đánh Hùng. Hùng ra đánh. Tướng là Lý Nương đặt quân phục ở đường. Tần lấy thang dài dựa vào thành đốt lửa. Quân Bá thấy lửa dấy lên, tranh nhau trèo thang. Tần lấy dây trói hết 500 người đem chém cả. Hùng nhân buông quân, trong ngoài giáp đánh, cả phá được quân La Thượng.

Nhàn làm cho nhọc. Doãn Tử-kỳ đánh Thư-dương³. Trương Tuần ở trong thành ban đêm khuya trống nghiêm quân, làm như sắp ra trận. Giặc nghe, suốt đến sáng phòng bị. Khi đã sáng, Tuần nghỉ quân im trống. Giặc dùng phi lâu dòm vào trong thành, không thấy có gì, bèn cời giáp nghỉ quân. Tuần cùng với Nam Tể-vân, Lợi Vạn-xuân hơn 10 người tướng, mỗi tướng đem 50 quân kỵ, mở cửa ra thẳng xông vào dinh giặc, đến thẳng dưới cờ Tử-kỳ, chém giết rất nhiều.

Bọn chín tiết độ sứ Quách Tử-nghi⁴ vây Nghiệp-thành⁵, đào ba lần hào, đưa nước sông Chương rót vào, nguy ở sớm chiều. Tư-minh chạy đến cứu Nghiệp-thành, khiến các quân đặt dinh cách thành 50 dặm, mỗi dinh đánh 300 cái trống để uy hiếp ở xa; mỗi dinh kén 500 tinh binh, ngày ngày cướp bóc ở dưới thành; hễ quan quân ra thì lại tan về các quân. Người ngựa trâu xe trong thành ngày có bị mất, kiếm củi rất khó, ngày thì phòng đêm đến, đêm thì phòng ngày đến. Tư-minh bèn dẫn đại quân thẳng đến dưới thành, định ngày quyết chiến, quan quân cả thua.

Phàm giặc vây thành, đóng mãi không đi, muốn đánh cho được, không gì bằng đêm quấy rối. Đặc biệt kén binh sĩ 500 người, theo đúng trang phục của giặc, hiệu lệnh của giặc, có ám hiệu riêng, mỗi khi gặp đêm tối mưa tuyết, chợt thấy giặc có hơi trễ nải, thì mở cửa hoặc do cửa kín chạy ra, dùng súng, dùng gậy, dùng quả đấm, phá rối dinh giặc, tụt tan chớp nhoáng, ai nấy tự đánh. Gặp gió thuận thì dùng hỏa khí hỏa pháo để đốt kho tàng; giặc sợ thì giả cách cùng sợ, giặc ngủ lại giả cách cùng ngủ; nhưng lấy im lặng làm màu, đánh ngầm làm diệu. Đại khái cứ trống canh hai thì ra thành, trống canh năm thì vào thành, đánh dinh tây thì vào cửa đông, đánh dinh nam thì vào cửa bắc, nhưng phải lấy ám hiệu nhận làm quân ta mới cho đi. Đó gọi là quân ma, phải kín như cò rò, nhanh như cắt vụn, không phải người cảm tử và người tập rèn thì không thể làm được; hay chỉ dùng súng lớn mà đều bắn vào dinh giặc.

-
1. Ở phía nam huyện Bộc-dương tỉnh Hà-bắc.
 2. Nay là đất tỉnh Tứ-xuyên.
 3. Ở phía nam huyện Thương-khâu tỉnh Hà-nam.
 4. Quách Tử-nghi là công thần của nhà Đường, trong cuộc dẹp loạn An Sử, Quách Tử-nghi cùng tám tiết độ sứ khác là bọn Lý Quang-bật vây Nghiệp-

thành, nhưng bị Sử Tư-minh đánh bại.

5. Tại tỉnh Hà-nam, huyện Lâm-chương.

No làm cho đói. Bọn chín tiết độ sứ Quách Tử-nghi vây Nghiệp-thành sắp được. Bấy giờ thiên hạ đói kém, việc chuyển lương phía Nam từ miền Giang Hoài, phía Tây từ miền Quan Phần, thuyền xe nối nhau. Sử Tư-minh¹ sai nhiều tráng sĩ, dùng trộm trang hiệu của quan quân để lộn sòng vào mà đốc thúc việc vận chuyển, không cho chậm trễ, giết càn nhiều người. Người vận lương sợ hãi, hễ thuyền xe chở lương đến là ngầm phóng lửa đốt ngay. Đi lại tụ tán, quân địch cùng nhau quấy rối, quan quân không thể xét được, do đó các quân thiếu ăn, cả vỡ.

Lại Trương Tuần nhà Đường giữ Thư-dương, gặp lương thiếu, Lệnh-hồ Triều chở gạo muối cho giặc vừa đến. Tuần đem đóng quân ở phía nam thành. Triều đem hết quân lại chống. Tuần sai dũng sĩ ngậm tăm đến bến sông, lấy được nghìn斛 gạo muối, còn dư thì đốt hết rồi về.

Chúa Kim có 7 vạn quân đóng ở dưới thành Sở-châu², có 3.000 quân giữ lương ở Hoài-âm, lại có 3.000 chiếc thuyền chở lương đậu ở sông Thái-thành. Tống Tất gặp được gián điệp mà biết, nói rằng: Quân địch gấp mười quân ta, khó dùng sức mà thắng, có thể dùng kế phá được. Bèn sai thống lĩnh là Hứa Phục lên đường đi tới Hoài-âm, trống canh hai ngậm tăm đến dinh địch, đều đem theo lửa ngầm phục ở dưới xe lương hơn 50 chỗ, nghe hiệu thì đốt. Địch rối sợ chạy trốn, lương cỏ đều hết. Sở-châu được giải vây.

Binh pháp nói: lấy tĩnh để thắng. Lại nói: Lánh kẻ mạnh mà tĩnh. Lại nói: Thấy địch tĩnh thì làm ồn. Tĩnh là khí giới lớn để giữ thành. Tổ Đĩnh³ nước Tề làm thứ sử Bắc Từ-châu, gặp khi có quân Trần đến cướp, trăm họ nhiều người làm phản. Đĩnh không mở cửa thành, các tỳ tướng đều sai xuống thành ngồi yên; đường phố cấm không cho người đi lại; gà chó không được gáy sủa; giặc không nghe thấy gì, không hiểu tại sao, hoặc ngờ người chạy bỏ thành không, không đặt cảnh bị gì hết. Đĩnh vụt khiến kêu la vang trời. Giặc cả sợ, tức thì tan chạy.

1. Sử Tư-minh là lãnh tụ nghịch quân chống nhà Đường.

2. Tức là quận Hoài-âm, trị sở cũ ở huyện Hoài-âm tỉnh Giang-tô.

3. **Tổ Đĩnh:** Tổ Đĩnh người Bắc Tề, làm thứ sử Từ-châu, khi ấy người nước Trần đến đánh, nhân dân nhiều người làm phản. Đĩnh sai không đóng cửa thành, người coi thành đều xuống cả dưới thành ngồi im lặng, đường thì cấm người đi lại. Địch không hiểu thế nào, tưởng là người chạy đi hết bỏ thành không, không phòng bị. Thốt nhiên Đĩnh đem quân xông ra hò hét, quân địch kinh hãi chạy tan.

Lại chiến dịch Thuận-xương¹. Lưu Ý nhà Tống không đầy 3 vạn quân. Mỗi buổi hôm tiếng trống của giặc đánh vang cả núi hang, dinh giặc huyên náo, thâu đêm có tiếng. Ý ở trong thành cứ yên lặng, chẳng nghe tiếng chó tiếng gà, chỉ lấy tĩnh mà đối phó với huyên náo. Và đại thắng.

Vương Hưu-phạm² người Quế-dương nhà Tống làm phản, triều đình sợ hãi. Tiêu Đạo-thành đến Tân-đĩnh, sửa đắp thành lũy chưa xong, tiền quân của Hưu-phạm đã đến Tân-lâm. Đạo-thành cởi áo nằm chơi cho yên lòng dân chúng.

Ngột-truật nước Kim đánh Thuận-xương. Bấy giờ trời nóng. Địch từ xa lại, ngày đêm chẳng cởi áo giáp. Lưu Ý thì sĩ khí nhàn rồi. Quân Kim đều là người ở Bắc phương. Không khí buổi sáng mát lạnh, Ý giữ quân không động. Kịp đến giờ mùi, sức địch đã mệt và có ý rối ren, Ý bỗng sai mấy trăm người ra cửa Tây tiếp chiến; chốc lại đem mấy nghìn người ra cửa Nam, ra lệnh răn không được hò hét, chỉ dùng đao búa mà vào trận chém loạn. Từ giờ mùi đến giờ thân. Giặc thua lui. Tức thì dùng mộc mã mà chặn, nghỉ ngơi một chút; nhưng tiếng trống trên thành không dứt. Bèn đem cơm canh cho các chiến sĩ ngồi ăn, như lúc bình thời. Địch tan chạy, không ai dám đến gần. Khi ăn xong rồi, triệt bỏ mộc mã, lại phá giặc, liền phá được. Trong chiến dịch này, Ý ra đánh quân chỉ có gần 5.000 người, mà quân Kim kể có vài mươi vạn, duy dùng cách “dĩ dật đãi lao” mà thắng vậy.

Lại Lưu Ý giữ Thuận-xương, bấy giờ trời rất nóng, quân Kim mặc áo giáp tiền đến. Ý sai một người lính đứng ở trong nắng, hỏi biết là áo giáp nóng, không thể đựng tay, bèn đem hết cả 5.000 người trong thành chia làm 5 đội, hạ lệnh cho trong quân y theo thứ tự ăn cơm, sĩ tốt đối phiên nhau mà nghỉ. Và cả bại quân Kim³.

Sửa trị. Trong khi giữ thành và tới trận, nên sửa trị những công cụ dùng để giữ hay để đánh, như làm lều canh, treo màn chiên, đặt giá súng,

đặt giường nỏ, chở gạch đá, làm đuốc bếp, sấm lửa dầu v.v...

1. Thuận-xương: Tên đất, thuộc tỉnh An-huy, Trung-quốc, Lưu Ý đời Tống Cao-tôn đánh phá Kim thái tử là Ngột-truật ở đấy. Khi hai quân cầm cự nhau ở thành Thuận-xương, Ngột-truật đem sai người đến gần thành nghe ngóng, thấy trong thành im lặng không có tiếng gà chó.

2. Thời Nam Tống, Lưu Dự, Vương Hưu-phạm phản, Tiêu Đạo-thành (sau là Nam Tề Cao đế) đem quân đi đánh. Khi đến Tân-đình (nay thuộc tỉnh Giang-tô, Trung-quốc), thành lũy chưa đắp xong mà quân của Hưu-phạm đã đến Tân-lâm. Đạo-thành cởi áo nằm khênh ở Tân-đình để yên lòng quân.

3. Nguyên văn chép văn tắt. Tỷ dụ này ý nói quân Kim mặc áo giáp mà phơi nắng, rất là nhọc mệt, mà quân của Lưu Ý thì chia làm 5 đội thay phiên nhau mà vừa đánh vừa nghỉ, dùng cách “đi đặt đãi lao” nên đánh bại quân Kim.

*

* *

PHÉP HÒA CÔNG.

Phép hòa công đánh làm sao?¹

Thưa rằng: Đợi ngày nắng ráo mới nên, hoặc sai 5, 3 người đột nhập mà đốt. Thấy nó có loạn động, quân ứng ở ngoài xông vào thì được. Nhược bằng có kiên tranh thì chớ đánh. Nếu nó đóng ở nơi thảo mộc, có thể đốt ngoài mà đánh, chẳng có nó lại đốt ở trong. Phép hòa công là thế.

Quả dẫn lửa². Dùng giấy làm quả cầu trong chứa gạch đá vụn, có thể nặng 3 cân hay 5 cân, nấu sáp ong, nhựa thông và bột than làm bùn bôi khắp vào vật ấy, rồi lấy dây gai xỏ qua. Phàm khi sắp ném hỏa cầu thì phóng quả cầu này trước để lấy mức xa gần³.



Hình 25. Quả dẫn lừa.

Quả mù thuốc độc. Quả này nặng 5 cân, dùng lưu hoàng 15 lạng, ô dầu thảo 5 lạng, diêm tiêu 1 cân 14 lạng, ba đậu 5 lạng, lang độc 5 lạng, đồng du (dầu trầu) 2 lạng rưỡi, bột than gỗ 5 lạng, nhựa thông 2 lạng rưỡi, thạch tín 2 lạng, sáp ong 1 lạng, trực nhự 1 lạng 1 phân, ma nhự 1 lạng 1 phân. Các thứ ấy giã với nhau rồi nặn làm quả tròn, xỏ qua một sợi dây gai dài 1 trượng 2 thước và nặng nửa cân, rồi lấy thuốc bao ngoài mà bao.



Hình 26. Quả mù thuốc độc

1. Mục này đặc biệt viết bằng chữ nôm.
2. Những đồ hỏa công sau này là chép theo sách **Võ kinh tổng yếu, quyển II** và sách **Võ bị chế thắng chí**.
3. Quả này làm nặng bằng quả cầu thực, ném nó để lấy mức xa gần rồi theo mức ấy mà tiến lên hay lùi xuống để ném hỏa cầu cho trúng đích.

Trâu lửa pháo xông trận. Dùng con trâu già bỏ đi, buộc dao sắc vào sừng, hai bên mình cặp tre sát vào chân cho không thể quay được, trên lưng đội một ống pháo sắt lớn chứa một đấu thuốc, thuốc để quanh co ở trong pháo; pháo chứa những thuốc liệt hỏa, thần sa, thần hỏa. Phàm khi quân giặc rất nhiều quân ta rất ít, dùng trâu ấy xông vào người ngựa gặp phải tức thì tan nát. Khi xông vào trận giặc thì lửa phát pháo nổ, thế như sấm động, ầm một tiếng không kịp bịt tai. Dù khó nhọc mấy ở trong mấy trùng vây của giặc cũng phá tan được.



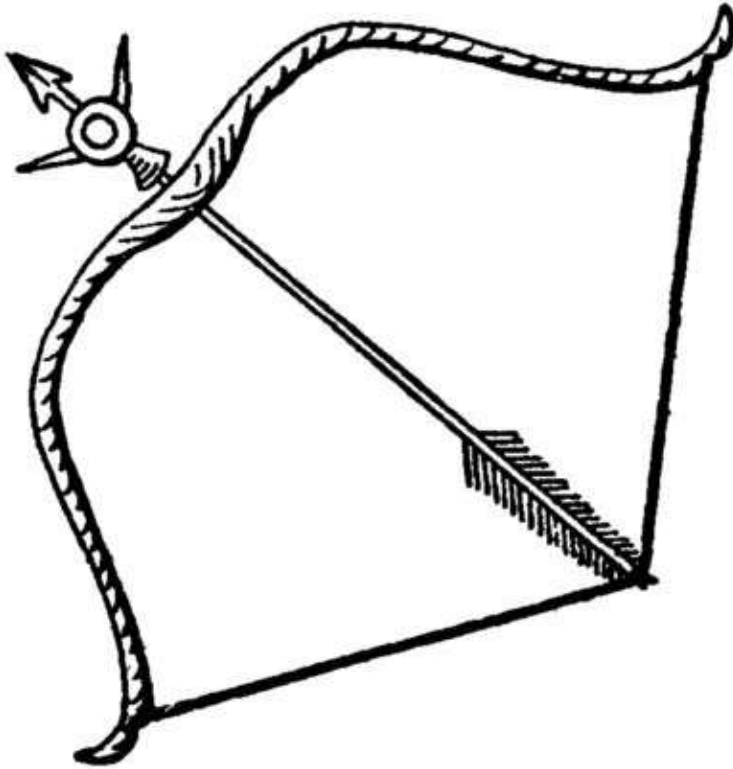
Hình 27. Trâu lửa

Thuyền lửa. Dùng thuyền nát hay bè gỗ, chở đầy rơm củi, từ trên đầu gió thuận dòng mà đốt lửa để đốt chiến hạm lâu thuyền của địch.



Hình 28. Thuyền lửa

Cung bắn tên quả lựu. Lấy thuốc súng dùng hai ba tờ bông và giấy gói lại, ở giữa cắm tên, dùng dực bàng căn³ bọc thành hình quả lựu, ngoài thêm vải gai buộc kỹ, lấy nhựa thông chảy sơn kín lại, dùng giấy tẩm dầu quấn lấy ngòi thuốc; thẳng trước mắt đặt mũi tên sắt. Nên phong mũi nhọn lại đảo ngược móc câu, khi đốt ngòi thuốc để phát hỏa thì mới mở cung bắn đi. Hễ đụng vào người ngựa hay mũi buồm của thuyền thì cháy không tắt được. Đó cũng là đồ tiện lợi.



Hình 29. Cung bắn tên quả lựu

Tên hai hồ đuôi dê. Cán dài 5 thước, một cán ba mũi; hai ống chứa thuốc súng tốt quay về về tên, một ống thuốc súng kém quay về mũi tên, cộng ba ống, đường kính 7 phân, dài 4 tấc 5 phân, buộc vào một cái cần. Bắn xa 500 bước. Hai ống thuốc súng tốt ra lửa hết thì đến ống thuốc xấu ra lửa, có thể đốt cháy cả sàn trại, cháy cả thuyền địch và phá hủy nhà ở của địch. Một người dùng thì trăm người sợ hãi, rất là huyền diệu. Cũng phải bôi thuốc “kiến hỏa phong hầu” và thuốc “phản phúc hỏa thương đao” để phòng.



Hình 30. Tên hai hồ đuôi dê.

1. Chữ Hán là ? 傍根 không rõ có đúng chữ không, chúng tôi cứ phiên âm, không rõ là chất gì.

*

* *

Sách Tôn tử:

Phàm hỏa công có 5 phép: một là đốt người; hai là đốt lương chứa; ba là đốt xe cộ; bốn là đốt kho tàng; năm là đốt đội ngũ.

Dùng lửa phải có cái để nhàn; đốt lửa phải có sẵn chỗ; phát lửa có thời; nổi lửa có ngày. Thời là ở trời khô ráo; ngày là lúc mặt trăng ở phần sao Cơ sao Bích sao Dục sao Chấn. Phàm gặp bốn sao ấy là ngày nổi gió. Phàm hỏa công thì phải nhân năm cách đốt ấy mà biến đổi để ứng tiếp. Lửa phát ở trong thì sớm ứng ngoài; khi lửa cháy mà thấy quân cứ yên tĩnh thì đợi mà không đánh. Hết sức của lửa, có nên theo thì theo, không nên theo thì thôi. Lửa có khi phát ở ngoài, không chờ ở trong, theo thời mà đốt. Lửa đốt ở trên gió không đốt ở dưới gió. Ban ngày thì gió lâu, ban đêm thì gió đứng. Phàm quân phải biết cái biến của năm cách đốt, lấy số¹ mà giữ. Cho nên lấy lửa giúp việc đánh thì rõ ràng thẳng, lấy nước giúp việc đánh thì mạnh.

Nước có thể tuyệt, nhưng không thể đoạt được. Phàm chiến thắng công thủ mà không xét định công lao là sự chẳng lành, gọi là “công cốc”. Cho nên minh chúa phải nghĩ, lương tướng phải làm. Không lợi thì không động, không được thì không dùng, không nguy thì không chiến. Chúa không nên vì giận mà dấy quân, tướng không nên vì tức mà đánh trận. Hợp với lợi thì động, không hợp với lợi thì thôi. Giận có thể lại mừng; tức có thể lại vui; nước mất thì không thể lại còn; người chết thì không thể lại sống. Cho nên nói minh chúa phải cẩn thận, lương tướng phải răn dè. Đó là đạo yên nước vẹn quân vậy².

*

* *

Sách Bảo giám:

Không vào hang cọp thì không bắt được cọp con. Nhưng bây giờ chỉ có cách là nhân đêm tối mà dùng lửa để đánh giặc; khiến giặc không biết quân ta nhiều ít thế nào, ắt phải cả sợ, quân có thể bị giết hết vậy. Diệt được giặc ấy thì nước Thiện-thiện vỡ mặt, uy nhà Hán có thể tự dựng³.

Binh sĩ ở ngoài cửa ải, vốn không phải là con hiền cháu thảo, đều vì có tội lỗi mà điều bổ ra chốn biên đồn, mà người Nam Di thì mang lòng chim muông, khó nuôi dễ bại. Nay người chỉ nên khiêm cẩn, nhưng nước trong thì không có cá lớn, chính nghiêm thì không có bình hòa, nên rộng rãi mà tha lỗi nhỏ, nắm lấy đại cương mà thôi.

1. Số đây là độ số của bốn sao, quan hệ với gió.

2. **Tôn tử, thiên XII.**

3. Lời của Ban Siêu, xem **Hậu Hán thư, Ban Siêu truyện**

*

* *

Sách Võ kinh:

Võ vương hỏi:¹ Đem quân vào đất chư hầu, gặp chỗ cỏ sâu rậm rạp khắp quanh trước sau tả hữu quân ta, ba quân đi đã mấy trăm dặm, người ngựa đều mỏi, đã dừng nghỉ rồi, quân địch nhân trời ráo gió mạnh, đốt trên đầu gió của ta, và cho xạ kỵ cùng binh tinh nhuệ phục vững ở sau ta, ba quân sợ hãi chạy tán loạn, như thế thì làm sao được? - Thái công thưa: Như thế thì lấy thang bay và thang mây mà trông xa tả hữu, xét rõ trước sau. Nếu thấy lửa cháy thì ta cũng đốt theo ở phía trước ta, rồi lại đốt ở phía sau ta. Ví như giặc đã đến thì đem quân lui đến chỗ đất đen (đã bị đốt rồi) mà đóng bèn ở đó. Giặc đến, còn ở sau ta, thấy lửa đã cháy thì liền chạy xa. Ta giữ chỗ đất đen mà đóng, cho nỗ mạnh quân giỏi hộ vệ hai bên, rồi lại đốt trước và sau ta. Làm như thế thì giặc không thể hại ta được.

Võ vương lại hỏi: Giặc đốt tả hữu ta, lại đốt trước sau ta, khói che phủ quân ta, mà đại quân thì nhắm chỗ đất đen mà vượt ra, như thế thì làm thế nào? - Trả lời: Như thế thì ta phải chia quân làm bốn, dùng thế trận võ xung, cho nỗ mạnh hộ vệ hai bên quân ta. Phép ấy không thắng mà cũng không bại.

*

* *

Phép điều lửa đốt giặc²

1. Mục này **Binh thư yếu lược trích Võ kinh nhưng chép sai và lộn xộn, chúng tôi sửa lại theo Võ kinh trực giải (phần “Lục thao” chương 14) mà dịch.**

2. Chép cả thiên “Hỏa công” của **Hồ trưởng khu cơ** gồm 9 chương, đây bỏ cả, xem ở sau

*

* *

Sách Hành quân tu trí:¹.

Binh thư nói: Đánh thành tiếng mau thế dữ, như sấm như sét, khiến tráng sĩ không kịp bịt tai. Lý Tĩnh nói: Việc binh quý nhanh chóng, để lâu sinh biến. Sách Tam lược nói: Nhổ đừng để lâu.

Phàm thành hư có nên lấy không? Hư tức là không có người ngựa lương cỏ, không đủ đánh, lấy được thì không trọn vẹn. Lại nếu không có quân cứu ở ngoài thì chỉ nên dùng hào sâu lũy cao mà chờ, kể giặc không thi hành vào đâu được, tự nhiên phải tìm ra, dễ bắt. Hoặc ở trong thành hết lương, lâu phải đòi ra. Ta dùng mưu giả làm khuất quân, điểm họp người ngựa, chừa ra một góc trống không, đêm thì giả cách đốt lửa cho giặc trông thấy. Nó tất do chỗ không mà đâm ra. Ở nơi yếu hại ta nên đặt nhiều quân kỳ quân phục, cung cứng nỗ mạnh đón chặn ở đầu đuôi, không cho cứu nhau, rồi sai những tướng nhỏ lãnh quân bộ vào thành yên vỗ cư dân, giữ gìn kho tàng.

Thành thực² là trong thành đủ ăn đủ binh, cầu đánh không ra, chắc có quân cứu viện ở ngoài. Như thế thì không nên giữ lâu, hễ sẽ sinh biến, có thể có quân ở ngoài đến cứu. Nên dùng nhiều mưu lạ mà đánh cho nhanh.

1. Xem **Võ bị chế thắng chí, quyển 7, chương “Thổ trị điều kiện”**.

2. Thực là trái với hư.

*

* *

Phép phá thành, đồ đánh thành, đều có luật lệnh, cộng có 12 điều, nên nhận rõ mà theo:

1. Phép “Nga xa động tử”, cho chở đất mà lấp hào, làm núi đất ở phía trong động hào¹. Khiến người chia làm hai hàng tả hữu, một hàng chuyển đất vào hào để lấp, một hàng chuyển đồ đựng không ở động (hào) ra. Chỉ sai riêng những tráng sĩ đem đất vào thôi, không nên sai người đi lại khiêng gánh không tiện. Đắp được gò đất có thể đứng trông được; lại đóng cọc gỗ, rồi dùng túi vải đựng đất chôn chặt để lên thành; chứa nhiều củi đóm thành đồng cao rộng ở bên thành là hay. Còn khoảng đất ở động (hào) thì đặt nhiều thùng nước bùn và chổi gai để phòng dầu rái, hỏa tiễn và hỏa pháo của địch ném xuống.

2. Dùng xe đầu hổ và lừa gỗ nhọn đầu đặt ở dưới chân thành, dùng cuốc mở quạ đào hố cho thành tự sụp đổ

3. Dùng thang mây ba chân để lên thành, thì mộc lôi² trên thành ném xuống không thể làm hại được.

4. Dùng pháo lửa đánh vào lầu của thành và dùng xe húc để xông cửa, phá rào.

5. Dùng pháo lửa, tên lửa, chim lửa đốt kho tàng trong thành.

6. Đào lỗ ở thành, đem sai chiến sĩ vào thành, phá mở cửa để lọt vào, đốt kho tàng lương thực.

7. Đem quân lính của mình chia làm phen thứ, khiến ngày đêm nổi chiêm nổi trống và la hét mà đánh luôn làm cho địch không thể ngồi yên, như thế ba ngày đêm không được ngủ, người thì mỗi mệt suy yếu, ta cũng làm ra cách mệt thật mà phải tạm nghỉ ngơi, giữa lúc nửa đêm trăng tối, chợt sai những binh mạnh dạn nhanh nhẹn lên thành cướp cửa, phá cổng, dẫn quân vào thành.

8. Thường ở nơi yếu hại đặt quân kỳ quân phục để chặn quân ngoài đến cứu; như không có thì thôi, nếu quả có thì chia quân ra mà chống chọi.

9. Có thể trong đêm dùng cung cứng nỏ mạnh bắn tên vào thành, buộc giấy vào tên lấy ý khuyên làm gián điệp quay lại làm hại, hứa cho trọng thưởng. Nếu sĩ tốt thu được thì đem dụ dỗ lẫn nhau, khiến cho trong ngoài cùng ứng.

10. Biết rõ được tướng địch, dùng những kẻ mưu chủ tâm phúc, những kẻ phụ tá tả hữu nào, có người tài năng thì có thể viết chữ trên cái tên tỏ ý ước hội với nhau, bắn vào trong thành, cũng có thể làm phản gián được, khiến cho trên dưới tự đánh giết lẫn nhau.

1. Tức là chỗ rãnh hào trống rỗng.

2. Đùi gỗ.

*

* *

Sách *Võ kinh tổng yếu*¹:

Phép dùng binh, giữ toàn nước là hơn cả, phá nước là bực thứ; giữ toàn quân là hơn cả, phá quân là bực thứ. Đều là nói dùng mưu để dụ hàng địch. Phải là bắt đặc dĩ mới phải sửa xe cộ, sắm khí giới, ba tháng thì mới xong, đào đất và đắp núi đất lại ba tháng rồi mới xong, sợ hại người lắm. Cho nên nói đánh thành là hạ sách. Nhưng đánh cũng có phép. Phải biết sức mạnh yếu của địch,

lượng số nhiều ít của ta, hoặc đánh mà không vây, hoặc vây mà không đánh biết được phép ấy thì có thể thắng được.

Đại khái đánh là đánh vào nơi nó phải giữ và nơi nó phải cứu. Cho nên thành có khi nên gấp mà lấy, có khi nên hoãn mà thắng. Nếu địch với ta thế ngang nhau mà ngoài có quân viện mạnh, lo trước bụng sau lưng đều bị địch thì nên đánh gấp để gấp thu lợi. Nếu ta mạnh nó yếu, ngoài không có quân viện, sức đủ để chế được, thì nên ràng buộc mà giữ để đợi nó sinh tệ. Thế bảo là không đánh bằng quân mà làm khốn bằng kế, khiến nó tự nhổ thành, tự hủy thành. Nếu thành liền quân nhiều, địch muốn cầm quân ta mà quân viện lại đến thì trong ngoài ta sẽ bị địch, nếu nhổ đi thì chưa đủ làm nổi mà không nhổ thì đủ để bẻ gãy uy địch, nếu như thế mà người tướng không dẫn được bực tức lại cho quân sĩ leo lên thành, quân sĩ bị thương mà thành không nhổ được, thì đó là tai vạ của sự đánh vây. Thế gọi là không biết sức mạnh yếu của địch vây.

Binh pháp nói: “Quân gấp mười thì vây, gấp năm thì đánh”², quân ít thì không vây lâu, chia ra mà đánh, lìa mà họp lại. Thế gọi là lượng số nhiều ít của ta.

Lại thành có khi không nên đánh, có khi tất phải đánh. Cho nên đem quân đến thành, trước phải sai gián điệp thăm dò, tìm biết số lương trong thành, tính người chi phí, lương nhiều mà người ít thì đánh mà đừng vây, lương ít mà người nhiều thì vây mà đừng đánh. Thế gọi là hoặc đánh hoặc vây.

Phàm muốn đánh thành thì phải chuẩn bị đồ đánh, rồi sau mới làm, được chỗ đất sống rồi sau mới đến. Chạy tới chỗ nó phải cứu, tức là đánh vào nơi chủ yếu của quân. Dứt chỗ nó cậy nhờ, tức là cắt đường chở lương mà giữ lối về, khiến ngoại giao của nó không đến cứu được vây.

Quân vây phải ở cách thành ngoài 300 bước, thì cung tên không tới, gian nguy không thông. Địch ra chọc thủng vây vì thế đã chùn, muốn đánh một mặt thì bốn mặt làm rối lên, khiến địch không biết đâu mà phòng bị. Đó là binh mưu vây.

Không đào mồ mả, không giết già trẻ, đàn bà con gái, không đốt nhà cửa, không làm như giếng bếp, không hủy thần từ phật tự, là sợ làm cho địch giận vây.

Phá thành, tiếng trống chưa dứt thì không cho tù tởn đi, khi cho tù tởn đi, nên hẹn cho thời giờ, đến hẹn thì đánh ba hồi trống, quân lính đều phải về dinh.

Nếu bắt được phụ nữ thì ngoài ba ngày không được lưu ở trong dinh. Đó là binh lễ vậy.

Lấy được thành bảo của địch, không phải là nơi yếu hại có thể cậy được thì không chia quân trấn giữ. Được cõi gần với địch thì cố giữ để làm nơi cất chứa lương củi rơm cỏ. Đó là để khỏi sự vận chuyển khó nhọc vậy.

1. Xem **Võ bị tổng yếu, Tiền tập, quyển 10, chương “Công thành pháp”**.

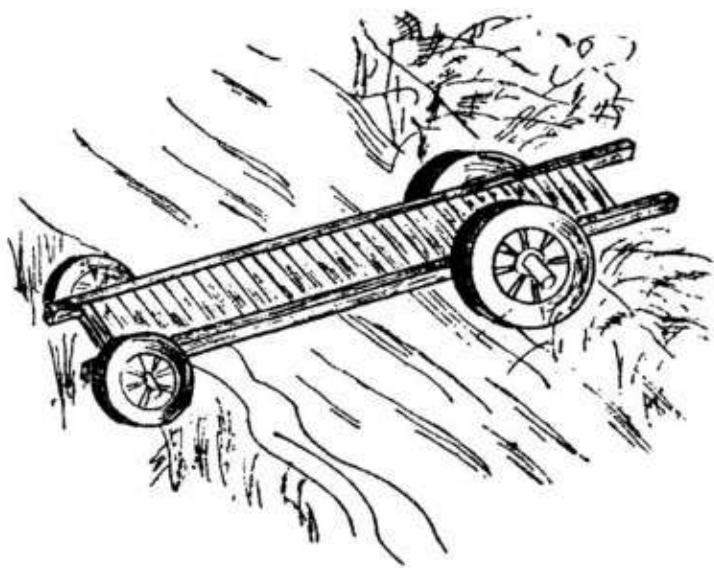
2. **Tôn tử, thiên III**

*

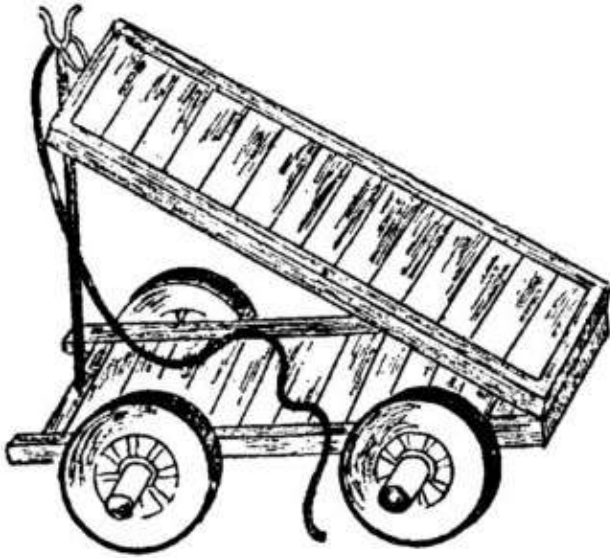
* *

ĐỒ ĐÁNH THÀNH.

Cầu hào. Dài ngắn lấy hào làm chuẩn, dưới đặt hai bánh xe lớn, đầu xâu hai bánh xe nhỏ, đẩy vào hào, bánh xe lọt xuống thì cầu bằng, có thể sang được. Nếu hào rộng thì dùng cầu gấp; phép làm cầu gấp thì dùng hai cái cầu hào tiếp nhau, ở giữa đặt một cái trục chuyển, phép dùng cũng như thế..



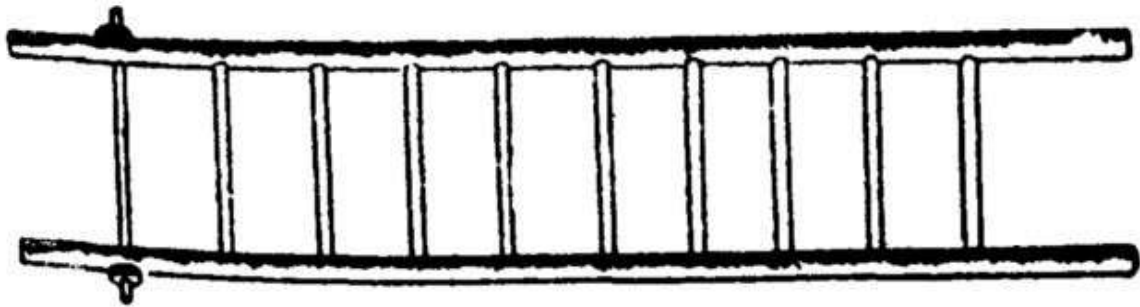
Hình 31. Cầu hào



Hình 32. Cầu hào gấp

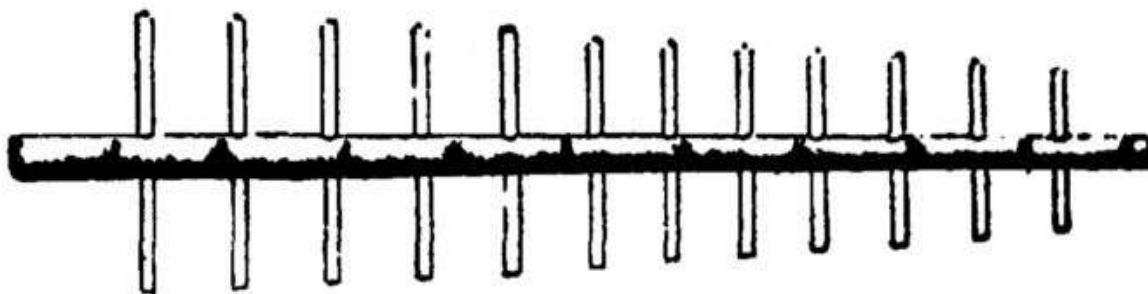
Thang mây xe. Dùng gỗ lớn làm giường, dưới đặt sáu bánh xe, trên dựng hai cái thang, đều dài hơn 2 trượng. giữa đặt trục chuyển. Bốn mặt xe dùng da trâu sống để che, ở trong dùng người đẩy lên. Tới thành thì lật thang bay lên trên thang mây để dòm trong thành.

Thang bay. Dài 2, 3 trượng, đầu xỏ hai bánh xe. Muốn dựng vào thành thì để hai bánh xe bám vào thành mà đẩy lên.



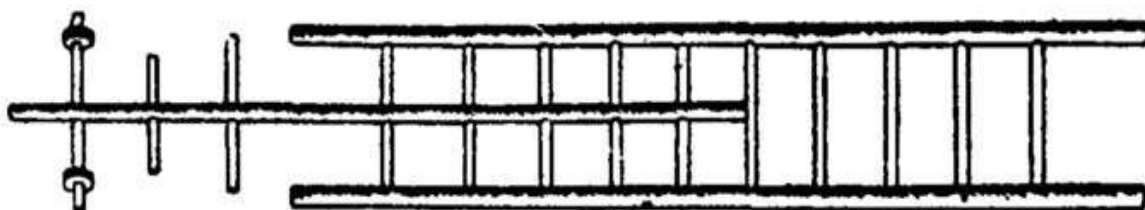
Hình 33. Thang bay

Thang bay tre. Làm bằng một cây tre to, hai bên lắp bực chân mà trèo.



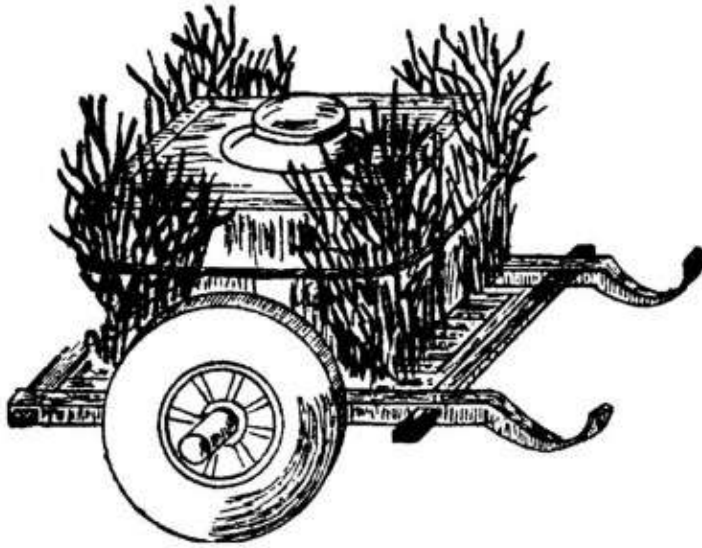
Hình 34. Thang bay tre

Thang bay bóp đầu. Phép làm thang bay bóp đầu, làm hai tầng, tầng dưới như thang bay, tầng trên dùng một cây tre, giữa thang có cái trục chuyển để lật đầu thang lên, đầu cây tre xỏ hai bánh xe, dùng để bám vào thành cho dễ đẩy lên.



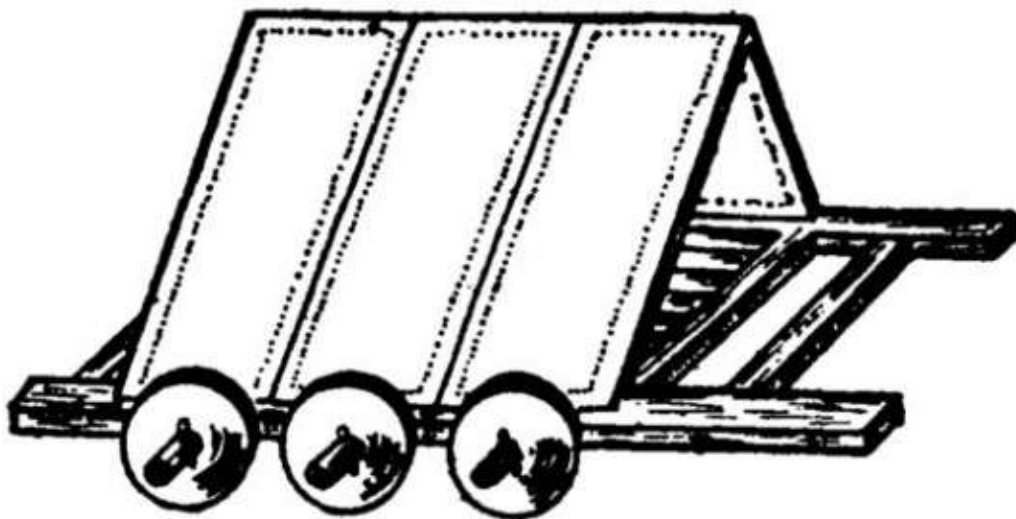
Hình 35. Thang bay bóp đầu

Xe lửa. Lấy cái xe hai bánh, ở giữa làm cái lò, trên đặt vạc đựng đầy dầu, dùng than và củi đun sôi lên; bốn mặt lại chứa củi. Đến dưới lầu của thành thì phóng lửa cho cháy lên rồi đi, chắc địch phải dội nước vào, dầu được nước thì dầu cháy càng cao, lâu cũng có thể đốt được.



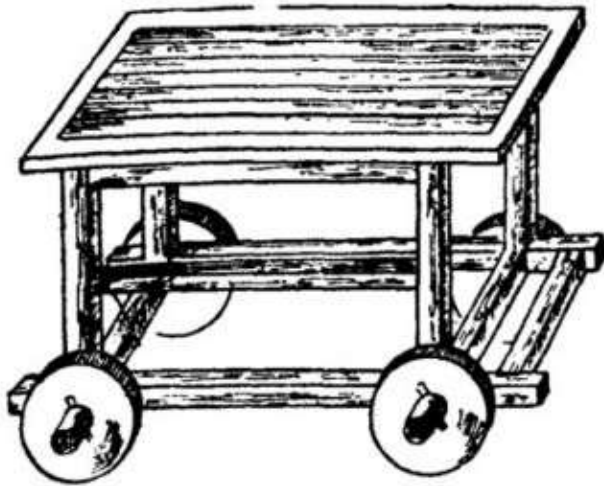
[/i]Hình 36[/i]. Xe lửa

Lửa gỗ đầu nhọn. Hình lửa gỗ đầu nhọn như xe phần ôn, chỉ thêm hai bánh, trên đặt gỗ ngang lớn làm xương sống, dài 1 trượng 5 thước, trên nhọn dưới vuông, cao 8 thước, lấy da trâu bọc, trong xe 10 người đun đến sát dưới thành. Dùng làm địa đạo¹.



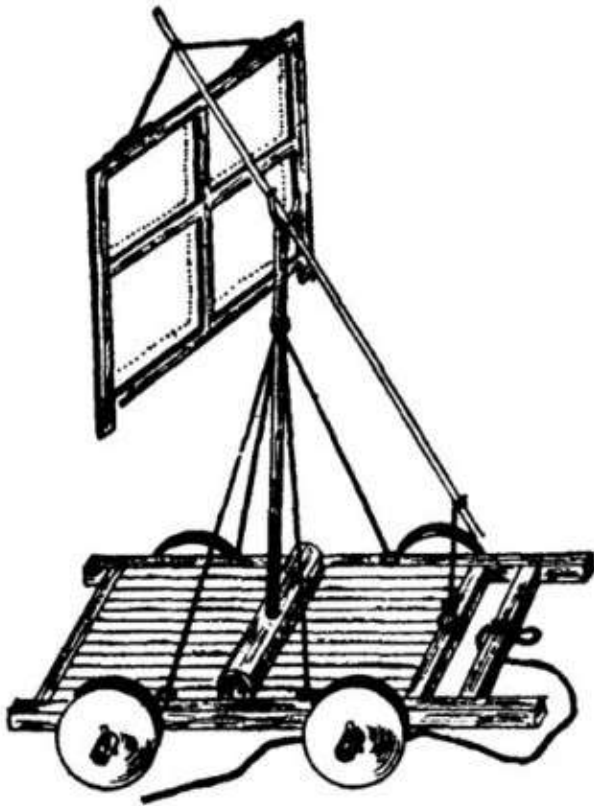
Hình 37. Lửa gỗ

Xe trâu gỗ. Dùng gỗ bền ván chắc làm nhà nửa mái, bọc da trâu sống, dưới đặt bốn bánh xe, tự trong đun đi, để che cho người đánh thành, cũng một loại với lửa gỗ.



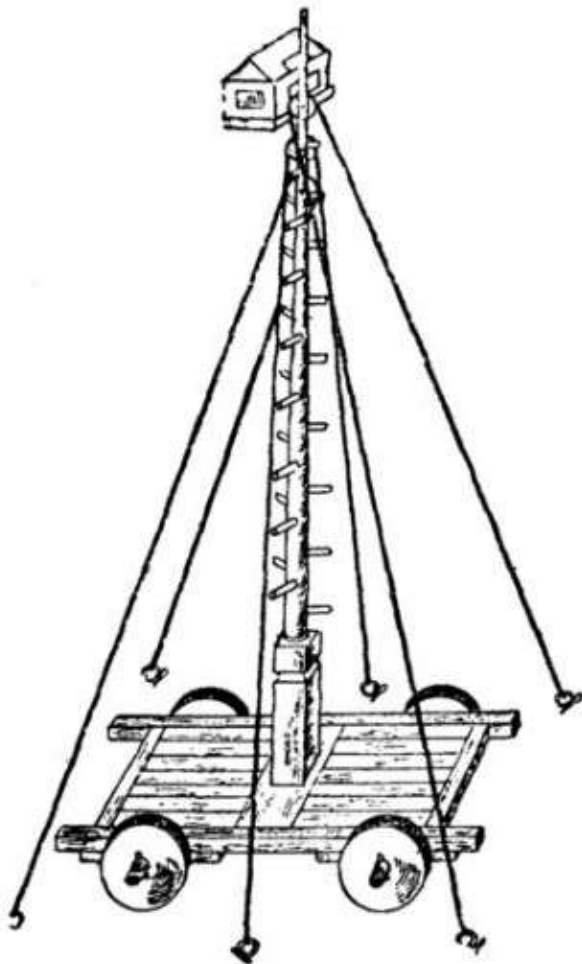
Hình 38. Xe trâu gỗ

Màn gỗ. Dùng ván mà làm như cái bình phong, dùng da trâu mà che, trên đặt cái cần trục chở bằng bốn bánh xe, muốn cao thấp thì lấy dây mà kéo. Phàm đánh thành muốn leo lên thì lấy màn gỗ che trước mặt cho khỏi tên đạn.



Hình 39. Màn gỗ

Xe vọng lâu. Phàm xe vọng lâu cũng như vọng lâu ở trong thành, để dòm xuống xem công việc trong thành, khi đánh thành muốn dời chuyển cho tiện nên làm xe để chở. Phép làm, dựng gỗ làm tòa xe và càn xe, dài 1 trượng 5 thước, dưới đặt bốn bánh, bánh cao 3 thước 5 tấc, trên dựng cột trông dài 45 thước, đường kính trên 8 tấc, đường kính dưới 1 thước 2 tấc, trên đặt vọng lâu, dưới đặt trục chuyển, hai bên đặt gỗ chạng, buộc ba lớp dây gai, lớp trên hai sợi đều dài 70 thước, lớp giữa hai sợi đều dài 50 thước, lớp dưới hai sợi đều dài 40 thước, đeo 10 cái cọc sắt có vòng. Phàm dựng cột thì cũng như cách dựng cột buồm ở trên thuyền, đóng cọc và chằng sáu mặt cho kỹ. Còn thì đại khái đều như phép vọng lâu trong thành.



Hình 40. Xe vọng lâu

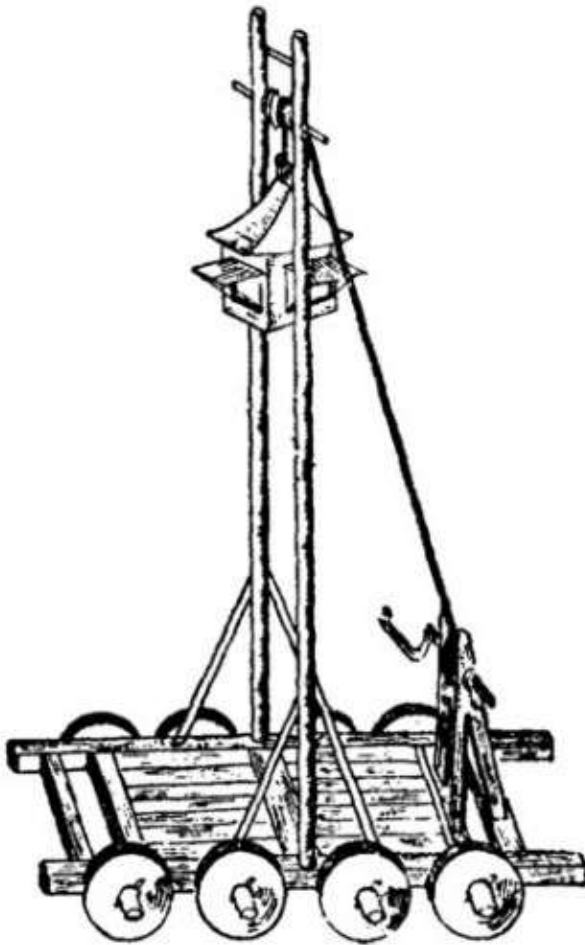
1. Có tác dụng như địa đạo, tức đường ngầm dưới đất.

Hòa câu (móc lửa). Lấy cái đao hai móc làm lưỡi.



Hình 41. Móc lửa

Sào xa (xe tổ). Dùng tám bánh xe, ở giữa dựng một cái cột cao, đầu đặt ròng rọc, lấy dây kéo cái chuồng lên đầu cột; cái chuồng thì vuông bốn thước, cao 5 thước, bọc da trâu sống để đỡ tên đạn, cao thấp lấy thành làm mức, khiến người nấp trong chuồng ấy dòm công việc trong thành. Xa trông như tổ chim, nên gọi là sào xa.



Hình 42. Sào xa

Pháo (súng) bắn xa. Cách chế pháo bắn xa, nên dùng sắt Phúc-kiến, rồi đến sắt rèn. Lửa than gỗ tốt nhất, thứ đến lửa than mỏ. Khi sắt ở trong lò thì dùng rơm băm nhỏ, pha lẫn với đất vàng, bỏ dần vào lửa, khiến cho

cắt sắt chảy ra, rèn đến 5, 6 lửa. Dùng đất vàng hòa làm nước, cho rơm vào ngâm một hai đêm, rồi đem sắt thả vào trong nước ấy chừng nửa ngày thì lấy ra, lại rèn nữa, đến ngoài mười lửa. Sắt sống 5, 7 cân, rèn còn 1 cân thì mới chín. Khi vào lò thì dùng đất vàng bọc kín lại, một là để phòng tro bụi, hai là để lấy nghĩa thổ sinh kim, không đến nỗi khô tinh khí của sắt đi. Như làm pháo bắn xa, thì đem sắt chia làm tám khối giống như hòn ngói, dài 1 thước 4 tấc, rộng 1 thước 1 tấc, giữa dày mép mỏng, đem 4 hòn mà đánh thành một cây giống hình cây tre, tám hòn đánh thành hai cây, xong rồi, dùng máy cái đánh sắt nối hai cây sắt ấy lại làm một. Lại dùng sắt như trước 30 cân chia làm hai khối, cũng đánh hình như ngói, ráp thêm vào chỗ để làm cơ trong lòng cho đầy thêm. Hơi có tro bụi thì ngày sau có thể tổn hại. Phải cho sạch bụi và đừng có lỗ nhỏ có thể lọt được những hạt cát dùng để dũa mài. Pháo làm xong, cho lên giá, dùng dây mực để lấy chuẩn, không sai phân nào. Dùng dũa thép dũa cho sáng. Các súng đại ước đều theo thế mà làm. Lại bảo rằng miệng súng loe thì lửa tan mà sức chậm, miệng súng bóp thì lửa thu mà sức nhanh, cũng ví như người ta mở miệng hà hơi thì không có sức, chúm miệng phun hơi thì có sức. Thuốc đạn ra ống khó thì đi xa, ra ống dễ thì đi gần, cũng như bắn tên, tay sau buông tên, kéo căng thì có lực, kéo nới thì ít lực. Tiếng súng nhỏ thì vang mà lạnh tai, tiếng rộng thì tan mà không lạnh tai, cũng như nghe nhạc, tiếng quản vào tai thì sâu, tiếng trống vào tai thì nông.

*

* *

CÁC THỨ HÓA DƯỢC¹

Hỏa dược thần. Khi cướp dinh phá trại, xung phong đánh địch thì dùng:

Thạch Hoàng, Thử hoàng, Lô hoa, Tùng hương, Hùng hoàng, Hắc phê (thạch tín), Ngải noạt, Đậu mạt

Ngân hạnh diệp, Ba sương, Lưu hoàng, Nhược khô (tro nứa), Liễu khô (tro liễu), Can phần (cứt khô), Tiêu hỏa.

Hỏa dược độc. Khi phá trận mà dùng, giặc ngủi thấy hơi, tối tăm choáng váng, cháy cả da thịt.

Xuyên ô, Nam tinh, Bán hạ, Xà mai, Kim đĩnh phê, Ba sương, Ngân tú, Can phần (cứt khô), Ngải noạt, Kim trấp, Sam khô, Ban miêu, Khương trấp, Hà mô du

Cách ô, Lang độc, Lạn cốt thảo, Nha tạo, Thiết cước phê, Can tất (sơn khô), Tùng hương, Hùng hoàng, Lưu hỏa, Liễu khô, Đoạn trường thảo, Yên cao, Hoa khô, Ngân hạnh.

Hỏa dược bay. Xung trận phá trại, đốt lương, thiêu hủy quân mã bộ của giặc, đều dùng được cả.

Lô hoa (trộn dầu trầu rồi phơi khô), Tùng hương, Ngân hạnh diệp, Tạo dác mật, Nhược khô, Lưu hỏa, Ban miêu

Huyền hoàng, Can phần, Tiêu hỏa, Hoa khô, Liễu khô, Thạch hoàng.

Hỏa dược pháp. Rất là lợi hại, khiến giặc một vật không nhìn thấy được, một bước không thể đi được, bắt sống quân giặc thì dùng thuốc này.

Lương khương, Quân khương, Xuyên tân, Hắc liễu, Du tạo, Thạch tín, Nhân tinh, Thạch hoàng, Tiêu hỏa, Nhược khô, Liễu khô

Can khương, Hồ khương, Hồ tân, Xích liễu, Đại tạo, Khoáng khô, Tùng hương, Hùng hoàng, Lục hỏa, Hoa khô.

Hỏa dược khói. Thuốc này đựng phải giặc, da thịt cháy ngay, thấy máu trào lên nghẹn họng.

Thiết tử, Nao sa, Nhân trung trấp, Hồ dược, Lưu hỏa, Liễu khô

Từ phong, Ngân tú, Đồng du, Tiêu hỏa, Nhược khô, Ban miêu.

Hồ dược ngược gió. Gió ngược càng mạnh, khói lửa che trời.

Lang phần, Giang đồn cốt, Tiêu hỏa, Nhược khô, Sam khô

Ngải noạt, Giang đồn du, Lưu hỏa, Hoa khô, Ban miêu.

1. Xem Võ bị chế thắng chí, quyển 16. Mỗi bài thuốc có kèm theo một bài ca, chúng tôi không dịch bài

*

* *

Sách *Võ bị chế thắng chí*:

Thời gió. Phép hỏa công, lấy gió làm thế. Gió mạnh thì lửa hừng, lửa mạnh thì gió sinh, gió lửa cùng xoay nhau thì mới thắng được. Cho nên người làm tướng phải biết thời của gió, dùng độ số của mặt trăng đi để

làm chuẩn. Mặt trăng đi ở phần sao Cơ (13 độ trời), sao Chân (15 độ), sao Trương (17 độ), sao Dực (19 độ), thì không quá 3 ngày hẳn sẽ có gió lớn mấy ngày liền. Ngửa xem các vì sao thấy sáng nhấp nháy không định thì không quá 3 ngày hẳn sẽ có gió lớn trọn ngày. Mây đen đêm che ở miệng sao Đẩu thì gió mưa cùng nổi. Mây từ phương bắc nổi lên thì gió to. Mây đen qua Ngân hà thì gió to mấy ngày. Trăng quầng sắc xanh mấy vòng thì có gió không mưa. Mặt trời lặn mây đen trải ra thì có gió ở xa tới. Gió từ mười dặm đến bay bụi động lá; gió từ trăm dặm đến thổi cát bay ngói; gió từ nghìn dặm đến sức có thể lăn đá; gió từ muôn dặm đến sức có thể nhổ cây. Biết được thời của gió mà khéo dùng thì muôn lần đánh muôn lần thắng.

Địa lợi. Phép hỏa công, trên thì thuận thiên thời, dưới thì ứng địa lợi. Đồng bằng sông rộng, đánh xa thì thắng (dùng viễn khí¹ mà đánh). Rừng rậm đường hẹp, đánh sát thì thắng (dùng pháp khí² thuận gió mà đánh). Dựa cao đánh thấp thì thế thuận, dùng đồ nặng với lửa mạnh mà úp xuống. Dưới đánh trên thì thế nghịch, dùng đồ sắc với lửa hừng mà phun lên. Hai bên đều là hỏa khí cả, thành linh mà gặp, không kịp thành trận, thì thế dễ loạn, dùng viễn khí mà đánh trước thì thắng. Hai bên đều đóng dinh trại, muốn cướp xe lương, trước phải xem đường phục binh, thấy thế dễ làm, dùng hiệu khiến nổi đánh bốn mặt thì thắng. Ở trong thành đánh ra ngoài thì nên đánh chỗ bền chắc; ở ngoài thành đánh vào trong thì nên đánh chỗ mềm yếu. Đánh thủy thì phải ở trước đầu gió, đồ dùng thì như loại khói mù. Mũi và buồm thì phải tẩm thuốc thế nào cho lửa không bén. Đó là chước ứng chiến vậy. Nếu không phân biệt địa lợi mà dùng cho thuận, thì hẳn là bỏ khí cụ mà chạy, chỉ giúp thêm cho giặc mà thôi.

Điều răn của binh. Phàm gặp những làng tằm vua chúa đời trước, đền miếu thánh hiền, đô ấp đông dân, làng ngõ xúm xít, nếu dùng hỏa công thì đều là thiên ý sùng đạo và không có lòng thương dân. Đó là điều răn thứ nhất.

Trước vương rừng rậm, tiến không chỗ giữ, lương dựa đầm nước, lui không lối chạy, lại sát dinh trại, trận quân chưa bày, phàm gặp nơi đó mà dùng lửa để đánh thì sợ cháy lan cả đến mình. Đó là điều răn thứ hai. Thời gió chưa định, địa lợi chưa có, gió mạnh tắt lửa, vạ không gì to bằng thế.

Phép đánh hỏa công trước hết phải giữ nơi đất hiểm, sau chờ tin gió. Đó là điều răn thứ ba.

Quân địch muốn quy hàng mà chưa nhân được lúc hở, nếu ta nhân gió phóng lửa thì ngọc đá đều cháy. Đó là điều răn thứ tư.

Trong quân địch có những tay tướng giỏi, ta muốn dùng lấy tất phải đặt kế mà bắt sống. Đó là điều răn thứ năm.

Quân địch đã hàng lại còn ngờ là phản mà vội chôn đi để cho thất chí, như Bạch Khởi chôn quân nước Triệu, bất nhân quá đỗi. Đó là điều răn thứ sáu.

Quân địch bị thua, cướp bóc dân ta để trưng thanh thế nên nghĩ chước lạ mà cứu vớt mệnh dân; không cứu vớt dân mà lại dùng hỏa công thì gọi là bất trí. Đó là điều răn thứ bảy.

Măng mồng vừa lớn, cá sấu mới dậy, đốt sạch sành sanh, giết hại sinh vật rất nhiều, làm tổn nhân đức, đó là điều răn thứ tám.

Tuân theo tám điều răn đó, làm sao cho mây bay quạ hợp, quỷ thần khó lường được cơ, chớp giật sấm vang, tạo hóa không thấy được diệu.

1. Khí giới đánh xa.

2. Khí giới dùng kỹ thuật riêng.

*

* *

CÁC LOẠI HỎA KHÍ

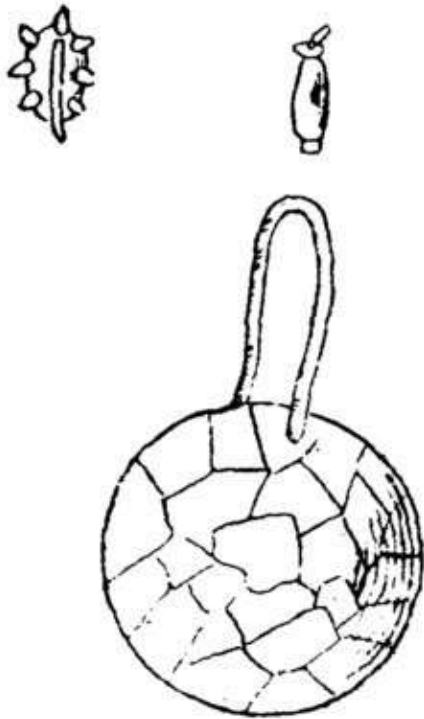
Pháo thần vạn hỏa phi sa. Dùng rượu đốt sao chế các vị thuốc, chứa trong công sành, ngâm để thuốc nổ vào, rồi quăng ở dưới thành, lửa bốc cháy công nổ, khói bay mù mịt làm mờ cả mắt giặc, kẻ đem súng đạn nổ tên đánh theo. Nên dùng các vị thuốc sau đây, pháo giấy thì lấy nhựa thông rưới vào, chế tạo rất dễ.



Hình 43. Pháo thần phi sa

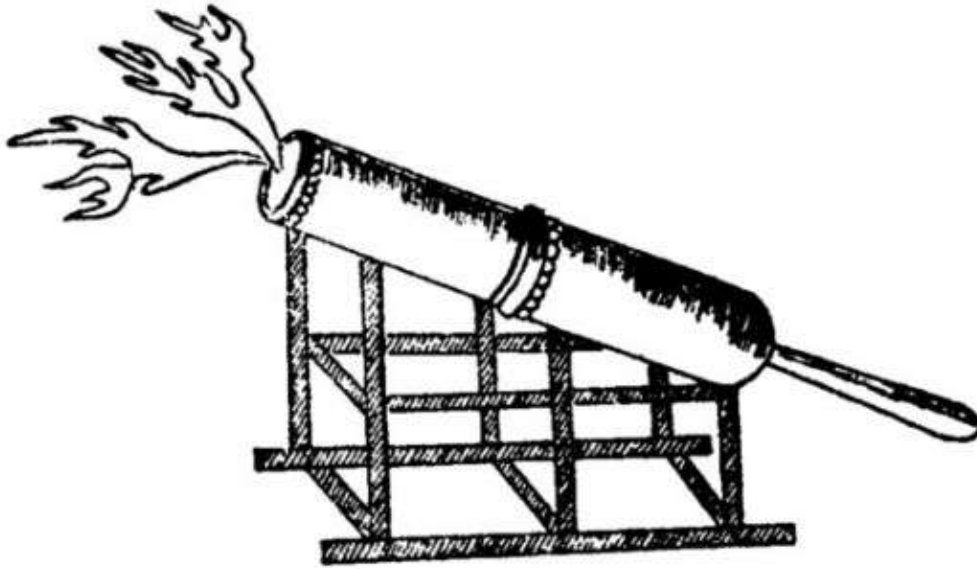
Thiên tửu (rượu mạnh), Phê hoàng, Nao sa, Lương khương, Đại tạo, Phụ mạt, Bán hạ, Ô đầu, Khoáng sa (tức mạt than đá lấy ở nước), Tạo dác, Can khương, Liễu tiết (phơi khô giã nhỏ), Tiêu phẩn, Ba đậu xác, Trịnh trực (quả ngón vàng).

Pháo bày ong. Đan cột tre thành một cái giỏ tròn, dùng giấy dày phất hồ 40, 50 lần, phơi khô, trên lại phết giấy dầu 15 lần; mở một lỗ ngòi pháo, lấy 3 cân thuốc súng, già nửa cân tạt lê sắt, nửa cân phi yến độc hỏa, phơi pháo giấy vài chục ống nạp vào trong. Sức nổ rất lớn, chẳng những có thể đánh người, mà lửa phi yến bay khắp bốn phía dính vào mình người hay gặp mũi buồm càng có thể bén cháy, tưới nước không tắt. Ném vào giặc thì cái gì cũng tan nát.



Hình 44. Pháo bày ong

Pháo sấm vang. Pháo thì dùng sắt sống mà đúc, trong để thuốc thần yên, dùng pháo cái bắn vào trận giặc, lửa phát pháo nổ, một tiếng như sấm, lửa chuyền vào pháo, pháo vỡ tung bay ra như viên đạn chì, người ngựa đều bị thương, nhân cơ đó mà đánh thì tất phá được giặc. Hoặc muốn bắt sống, hoặc muốn đánh chết, tùy cơ mà dùng. Một thứ dùng hỏa thần sa, một thứ dùng liệt hỏa từ phong, một thứ dùng phi hỏa thần yên, một thứ dùng thần hỏa thần phong, một thứ dùng pháp hỏa thần yên, một thứ dùng pháp hỏa thần sa¹.



Hình 45. Pháo sấm vang

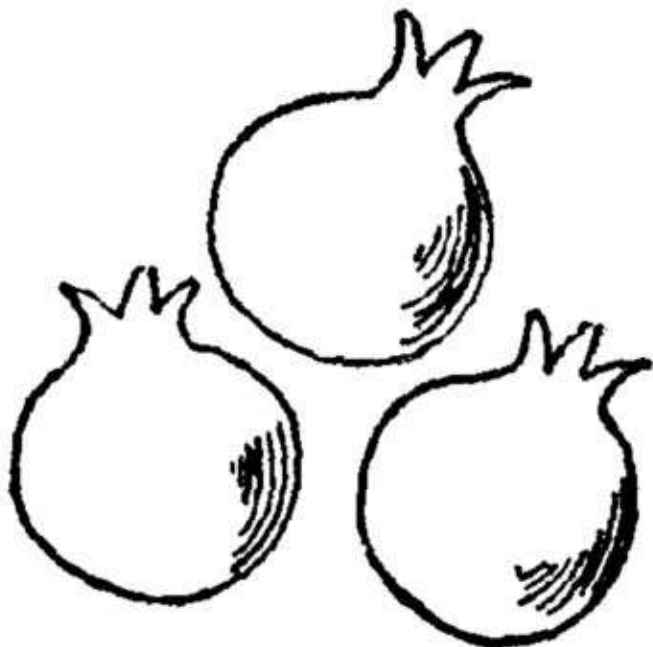
Pháo gỗ. Dùng gỗ bền mà chế, không kỳ lớn nhỏ, xoi rộng ruột, ngoài niên bốn dây đai sắt. dưới mở một lỗ để đặt ngòi; nhồi thuốc súng cho đầy, miệng cho vào một ít đất vàng, sau cho vào những viên sắt đá và ngòi thuốc, xô liền với máy súng, lửa nổ pháo vỡ bay tung lên. Tiện cho việc giữ thành. Việc khẩn cấp chế tạo cũng dễ.



Hình 46. Pháo gỗ

Pháo quả lựu. Pháo đúc bằng sắt sống, tạo hình giống quả lựu, có lỗ để đổ các thứ thuốc súng thuốc khói vào. Đổ thuốc chỉ độ 6 phần 10, bỏ vào một cái chén rượu, trong chén bỏ mồi nổ, dùng nắp sắt đậy miệng. Pháo bôi phấn trắng, trên vẽ cỏ hoa năm sắc, nhẹ nhẹ thả trên đất bên đường, giặc thấy cho là đồ chơi, giơ tay nhặt lấy, đụng phải thì máy mở ra, pháo

nổ tan nát, khói bụi mù trời, thân sa dùi vào các lỗ trên mình giặc, xuyên vào hầu, khiến cắn răng lại, mù hai mắt, máu chảy tủy trôi, lửa độc đốt râu sém thịt, đó là lợi khí giết giặc rất nhạy.



Hình 47. Pháo quả lựu

Súng tre đánh giặc ban đêm. Dùng tre dày bền thì tốt, ngoài dùng dây da trâu sống buộc chặt rất chặt, phơi khô..., dùng 24 viên đạn lửa, cho thuốc súng đầy vào ống tre, dùng gỗ bịt miệng lại. Nếu giặc đã vào cối thì nhân đêm sai nhiều quân giỏi bí mật đến dinh giặc, hoặc canh một hoặc canh hai, mà chia đốt, ngọn lửa cháy rực, quân giặc ngỡ sợ rối loạn, liệu thể lừa quân hỗn chiến.

1. Đều là tên các thứ thuốc nổ khác nhau.

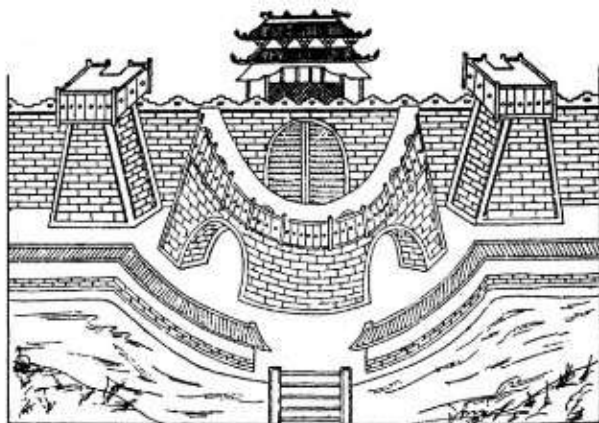
II – Giữ Thành

Thành là để bảo vệ dân. Phép giữ thành chính từ mưu đánh thành mà sinh ra. Khi địch ngựa đánh thì đắp lũy cao mà giữ; khi địch đánh thẳng thì đắp lũy dày mà giữ; lo địch đến sát tường mà phá thì đào hào mà giữ; lo địch ở xa thành mà bắn thì làm nữ tường mà giữ. Cho nên muốn giữ giỏi thì phải biết rõ sự

đánh giỏi. Duy người biết lo mới hay chống được sự lo. Đời xưa Công Thâu và Mặc Địch hằng cùng chống nhau mà cùng làm thầy cho nhau.

Cách giữ thành giỏi.

Một là hiểm yếu. Bắc phương nhận hàng, Lương-châu¹ hòa với rợ Nhung mà mở đất nghìn dặm, chẳng mượn chiến công. Chủng đống Khoan-châu, chữa lại thành bỏ, Giới đời đến Hợp-thành, lại dời sang Điều-sơn, thế gọi là giữ hiểm. Ngụy được Hải-châu, thành gối núi cô, Đình-chi giữ đất Dương, dòm núi Bình-sơn, đều là nhờ trọng thành bao bọc ở trong, hoặc đào ngòi rãnh để ngăn ngựa, hoặc chứa ao hồ để hãm địch, hoặc cách ba biển mà bảo vệ thành Sính, hoặc trồng cây du để chặn quân kỵ, thế gọi là đặt hiểm. Hoặc được đất chắc, đều có thể làm gốc bền vững được; bùn nổi cát xộp thì phải đào vét cho hết, y như cách đào giếng, một tầng cát một tầng bùn, cuối cùng hẳn có đất vàng. Đến như nền móng rộng dày, thì tính ở trên mà chở đất bồi vào cho bền chắc mà không lở.



Hình 48. Kiểu thành

Hai là bền dày. Kim Thế tôn lấy đất ở Hồ-lao để đắp Biện-thành², đến khi Mông-cổ đánh Biện-thành, súng bắn vào chỉ lõm mà thôi, thế mới gọi là bền. Chu Tự trấn đất Tương-dương³, mẹ Tự là Hàn thị bảo rằng góc tây-bắc hẳn bị địch đánh trước, bèn ở góc ấy đắp xiên hơn 20 trượng, khi giặc đánh góc tây-bắc vỡ, bèn bền giữ thành mới; thế mới gọi là dày.

1. Tức là đất Hán-trung thuộc đất tỉnh Thiểm-tây ngày nay.

2. Biện thành: tức là Biện-kinh của nhà Tống, đất huyện Khai-phong tỉnh Hà-nam.

3. Quận, đất của tỉnh Hồ-bắc ngày nay.

Ba là hình chế. Tống Nghệ tổ đắp Kinh thành, bày tôi vẽ đồ để tiến, dùng bút ngụy bôi ra hình như khúc giun, sai theo đúng thức ấy mà xây đắp; đến sau Thái Kinh đổi dinh, mở làm thành vuông, người Kim đến đánh, đặt súng bốn góc, một súng nổ ra thì theo tiếng mà vỡ đổ cả, bấy giờ mới biết Nghệ tổ có kiến thức xa vậy. Thời Đường Túc tôn, Võ-uy cửu tính Thương Hồ¹ làm phản. Bấy giờ trong thành lớn Võ-uy có bảy thành nhỏ thì Hồ giữ mất năm. Phán quan là Thôi Xưng đem quân ở hai thành để kháng cự, trong tuần nhật thì yên. Đó lại là cái lợi của trùng thành vậy.

Hào là để giữ thành. Hào tốt hay xấu, thành giữ được hay không là quan hệ ở đó. Cho nên đắp thành tất phải đào hào. Hào có ba điều cần:

Một là cần sâu. Sâu thì không dễ lấp, ước lấy 3 trượng làm mức. Như có nông thì cả dân cư trong ngoài, phàm có đắp nhà đốt gạch, cho lấy đất ở hào mà làm; nhà nước có làm cũng như thế. Dân có tội nhẹ thì phạt chuyển và xe đất để bồi vào chân thành phía trong hào. Phương ngôn nói: Hào sâu một trượng thành cao 10 trượng; hào sâu đến suốt, thành cao đặng trời. Đó là càng sâu thì càng giúp cho cao vậy.

Hai là cần rộng: Rộng thì không thể dễ vượt, ước lấy 10 trượng làm mức, đáy rộng một nửa. Lấy súng đạn trên thành bắn được tới phía ngoài là vừa; xa quá thì súng bắn không thể tới địch được. Quanh bờ nên trồng nhiều cây rễ xoắn và cỏ rậm để giữ, đó là cách khéo giữ lở vậy.

Ba là nên có hố ngầm. Có hố ngầm thì không dễ sang trộm. Phép làm là ở dưới đáy hào cứ chừng 10 bước là đào giếng, sâu rộng mỗi bề đều 1 trượng và lấy đến suốt làm mức, lại ngoài thì đem nước sông vào, trong thì tiết nước lút ra, để cho sâu thêm. Lại ngầm đánh dấu nơi cạn để tiện sai quân sang đánh. Thế gọi là trùng uyên².

Có ba cái ấy là đủ việc hào.

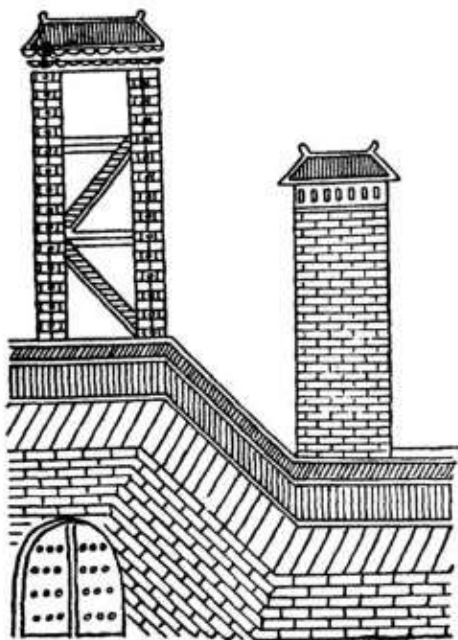
1. Võ-uy là tên huyện ở đất tỉnh Cam-túc ngày nay, đời Đường bị người Hồi-ngột chiếm - Cửu tính là chín bộ lạc Hồi-ngột ở Võ-uy.

2. Hai lớp vực sâu.

Nếu là thành ở núi thì địa thế không thể đào hào được. Cách thành 2 trượng, đào lỗ cao thấp, hoặc xen kẽ với khối đá, để chống thang bắc trèo lên. Lại hoặc

tháng đông thì dùng túi cát bày như hàng liểu, đem nước tưới vào, mỗi đêm thì rét đóng lại thành băng, trơn không lên được, công ít mà dễ giữ. Thế gọi là trùng hiểm¹.

Nếu có khe sông quanh thành, thuyền bè có thể đi thông được, thì trồng cọc ở giữa nước không bằng cắm ngầm chông sắt ở bên bờ, lợi khí không nên để cho người biết, vì là vật hữu hình thì giặc dễ phòng, vật vô hình thì giặc dễ mắc.



Hình 49. Đài địch

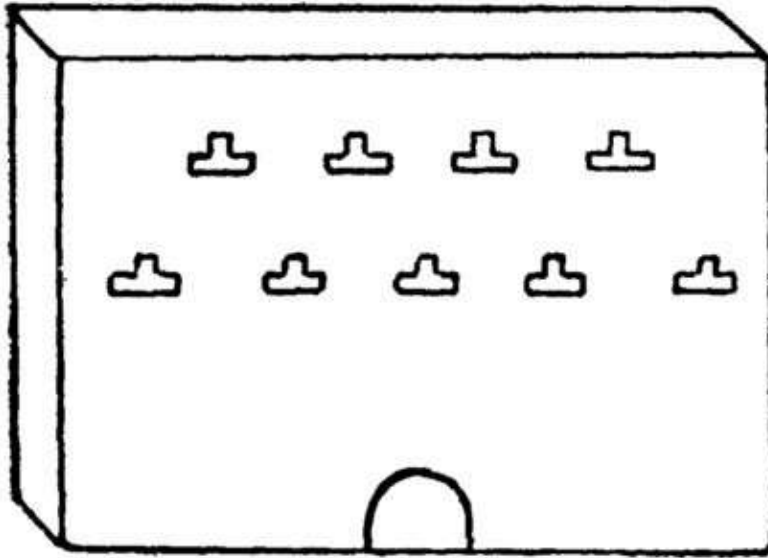
Ở trên và ngoài thành thì đài địch nên có, đóa (ụ canh) nên có, tường dê ngựa nên có, cửa ngầm nên có. Đài địch là nơi chủ để giết địch, không thể giết địch thì thà không có đài. Quy chế làm đài quý ở dài lên, mà không quý ở rộng ngang, dùng đá lớn xây dày mặt trước để che chống địch; bỏ trống hai bên tả hữu mà để rỗng bên trong, dùng thang để lên xuống các tầng, đều có lỗ để bắn hỏa khí, để tiện trông dòm; lỗ thì trong hẹp ngoài rộng, để tiện nhắm sang tả sang hữu. Các đài cách nhau không nên quá gần, gần sợ khi đối phóng thần khí thì lại tự đánh vào thành; nhưng cũng không nên quá xa, xa thì tên đạn vô hiệu lực, không thể tới địch (nếu địch leo thành ở giữa hai đài thì hai đài quá xa nhau bắn chéo lại không đến nơi). Phàm địch đánh thành, chỉ lo đánh lên trên, không lo đánh ra bên; những loại xe phần ôn lửa gỗ thì đều phòng ở trên mà

không lo phòng ở dưới, thế thì lấy gì mà ứng phó? Làm đài rộng thì khi tả hữu giáp đánh, giữa khoảng hai đài có thể bắn súng bắn nỏ đến được.

Đóa (ụ canh) là để che mình; nếu không che được mình thì không có đóa. Đóa không nên quá cao, cao thì không ném được đá; miệng đóa không nên quá hẹp, hẹp thì trở ngại cho việc ném bắn giặc. Ngày nay làm đóa cao ngang tới lông mày, miệng vừa lọt cánh tay, đều không thể dùng được. Nếu muốn dùng được, thì ở trong đóa nên xây một cái nền cao và rộng độ chừng 3 thước, vừa có thể giữ vững đóa, vừa có thể đánh địch, vừa có thể cho quân nghỉ, lại đều nên chừa lỗ treo, giặc ở xa thì do miệng đóa mà trông, dùng súng hay nỏ mà bắn, giặc ở gần thì do lỗ treo mà trông, tùy cơ mà chống, ta có thể chống giặc, giặc không thể hại được ta, như thế thì dễ chống. Phàm gạch xây lỗ treo thì trước phải làm khuôn cong mà nung, xong rồi thì xếp vào mà xây.

1. Hai lớp hiểm.

Còn như tường dê ngựa thì làm ở ngoài thành và ở bên bờ hào, không kỳ rộng hẹp, hẹp thì chừng một trượng, rộng thì không vượt ra bờ hào. Làm tường ấy thì gạch hay đất tùy tiện, mỗi trĩ¹ làm một lỗ bắn súng lớn, quá năm bước thì làm một lỗ bắn súng vừa cách đất 3 thước, trên mỗi lỗ châu mai ấy đều làm một cái kê (cao 3 tấc rộng 3 tấc) để tiện trông dòm. Lại trên 3 thước thì làm một lỗ châu mai nhỏ (rộng 1 tấc). Sóng tường thì dùng đá nhọn gạch sắc để chống giữ. Giặc ở bên kia hào thì dùng súng lớn mà đánh, giặc lên tường thì lấy búa lớn côn lửa mà ném xuống. Hoặc nhất thời thu vén không kịp, hay đêm tối khó làm, không dám mở cửa, thì những người lánh nạn và các loại trâu bò, đều cho tạm lánh vào trong tường. Thành với tường nương tựa nhau, tường lấy thành làm bản mệnh, hoãn cấp giúp nhau, tiến lui có thuật. Đối với cái thành không hào thì càng thấy công dụng của tường ấy. Lưu Ý sở dĩ thẳng được ở Thuận-xương là vì thế. Chống giữ đã chắc mới có thể xuất kỳ dụng trá².



Hình 50. Tường dê ngựa

Lấy đánh thay giữ, lấy chống giải vây thì không gì cần bằng cửa ngằm. Lèn trông nơi nào ra vào thuận tiện đục làm cửa, ngoài chừa hơn 1 thước, đến lúc cần mới mở, trong thì bày cột phay gỗ lim để chống. Hoặc giặc mới đến, dinh trận chưa chính, hoặc đêm tối nhân giặc không biết, hoặc giặc đánh thành mới nghỉ, hoặc giặc vây lâu đã trễ nải, ta ngằm cho quân tinh kỵ ngậm tăm đánh úp, thẳng chẳng đuổi xa, giặc mệt thì tự nghỉ. Nhưng ở trên thành chứa nhiều gạch đá, phòng khi giặc phạm tới thì kịp đánh không bỏ mất cơ. Đó là cửa ngằm, cũng gọi là cửa đột. Kín ở dưới chín tầng đất là ngằm, động ở trên chín tầng trời là đột. Cửa là phòng bọn gian tế lén ra; cửa đột là phòng kẻ địch đánh úp vào, phải cẩn thận vậy.

Trong thành thì đường thành phải có, hào trong phải có, hạng chiến³ phải có, bảo giáp phải có, chứa trữ phải có. Phàm trong thành, nên để nhiều đường bậc đá, nửa dặm làm một chỗ, để phòng khi hoãn cấp, mỗi một chỗ có một cái rào, nghiêm giữ đóng mở, một là để phòng giặc lên, hai là để phòng quân lười. Phàm ở trong thành, đều nên đào hào trong sâu rộng, mẫu mực cung tương đương với hào ngoài, bờ ngoài của hào cũng xây tường. Khi giặc đã vào thành rồi cũng còn có cái ngăn giữ ở trong, nếu thay đổi nhau mà giáp đánh thì giặc hăn bại. Xưa thành Thư-dương bị vây, giặc ở ngoài thành đắp trùng hào mộc sách⁴ để giữ. Trương Tuần ở trong cũng làm hào để chống là như thế đó. Trong thành có hào thì mới có thể nói đến hạng chiến (đánh ngỗ) được.

-
1. Thành dài 3 trượng, cao 1 trượng là một trĩ.
 2. Ra quân kỳ, dùng thuật đối.
 3. Hạng chiến là đánh nhau trong đường ngõ.
 4. Hai lần hào với rào gỗ.

Phép đánh ngõ, Hứa Quì¹ đã làm ở Lạc-lãng, khiến dân đắp tường cao hơn nóc nhà, làm cửa tò vò ở dưới, một người ở trong cửa tò vò, còn dư mọi người đều phục ở trong ngõ. Mở toang cửa thành, giặc quả ủa đến, súng không bắn vào đầu, mác không đâm vào đầu. Cờ phát lên thì quân phục dậy, bắt chém vô số. Vì là chống được ngoài thành là kế hay nhất, nhưng một số giặc đã vào thành mà đóng cửa lại thì như ở trong vạc sôi, cũng không thể không phòng vậy. Túng sử không thể phòng bị hết trong ngõ thì những đường trọng yếu gần thành, tất không thể không nghiêm giữ để hãm địch.

Còn như phép giữ đất có thể thông hành trong ngày thường cùng lúc lâm sự thì chỉ có phép bảo giáp và phép chứa trữ. Về phép bảo giáp thì lấy phép mà biên dân làm hộ ngũ, phạm việc xét định, tra chắn², hỏi trộm, đều nhờ đó mà làm, mà trong việc giữ thành thì càng khẩn cấp, để cho nghiêm hiệu lệnh, cho đều công việc, để xét gian tế, để cẩn thận việc củi lửa và việc trộm cướp. Phép bảo giáp mà làm được thì chứa trữ cũng dễ. Chứa lương không gì tiện bằng sai dân tự chứa, vì là nộp vào kho thì dù ít dân cũng có vẻ khó chịu, mà chứa ở nhà thì đầy cót ai cũng vui theo. Nếu khiến mỗi nhà đều có chứa trữ thì lo gì giặc đến mà không có lương ăn. Nhưng chứa trữ không phải thóc mà thoi. Đãi thành bị vây, công khanh lấy ăn làm lo, trai gái sang hèn đều ra đội gạo, nếu mà không phòng rơm củi, thì đến sau phải dỡ sảnh Thượng thư để làm củi, dỡ nhà tranh để cho ngựa ăn. Lại nếu không trữ cá mắm thì lâu ngày người ta sinh ra mình phù khó thở, chết đến 8, 9 phần 10. Thế thì củi cũng phải phòng, rơm cỏ cũng phải phòng, muối mắm cũng phải phòng. Hung-nô vây Sở-lạc, làm tuyệt mất đường lấy nước ở ngoài thành, Bắc Ngụy vây Hồ-lao, đào hầm dưới đất để rút mất mạch giếng trong thành, thế thì nước cũng phải phòng bị. Ngoài ra, lại có thầy thuốc, thợ kỹ nghệ mọi người cần dùng đều phải phòng bị và những vật binh khí, hỏa khí, đá gỗ, than dầu, những vật cần dùng cũng phải phòng bị.

Điều cốt yếu về hiệu lệnh, trước hết là thống nhất quyền bính. Quan giữ đất là chủ, ở giữa mà điều độ, dư chia bốn mặt bốn góc, đều đặt chánh phó, lấy những tá nhị và thân sĩ sung làm, việc nhỏ cho được xử đoán. Như cờ xí hiệu lệnh mà có gì không tiện thì phải bắm chủ thủ, không được tự tiện thay đổi. Chính trị ra tự nhiều mối thì bại; pháp lệnh không thi hành được thì bại. Thứ đến việc giữ yên hương dân, thay đổi thổ mộc. Vu Khiêm³ tâu: Ngoài quách không được tỏ là hèn yếu, dân ở ngoài quách đều dờ vào trong, không để cho thất sở. Phàm dân lánh loạn vào thành, có thân thuộc thì ở với thân thuộc, không có thân thuộc thì quan phải xếp đặt, trai gái không ở lẫn nhau, đều theo hàng ngũ. Dân làng nhiều người, nên phòng bọn gian tế. Phép đề phòng gian tế là dựng rào để ngoài hào để hỏi xét, chia cửa ra vào để phân biệt, lấy người bà con quen biết bảo lãnh để xét, rồi sau chia vào các khu vực đóng quân; họp lại thì khó chu đáo, chia ra thì dễ giữ, mà đoạn lạc không thể không rõ.

1. Hứa Quỳnh: Người thời Minh Thành-hóa. Có mưu lược, làm tri huyện Lạc-lãng, bình giặc cỏ có công (Lạc-lãng tại tỉnh Sơn-đông ngày nay).

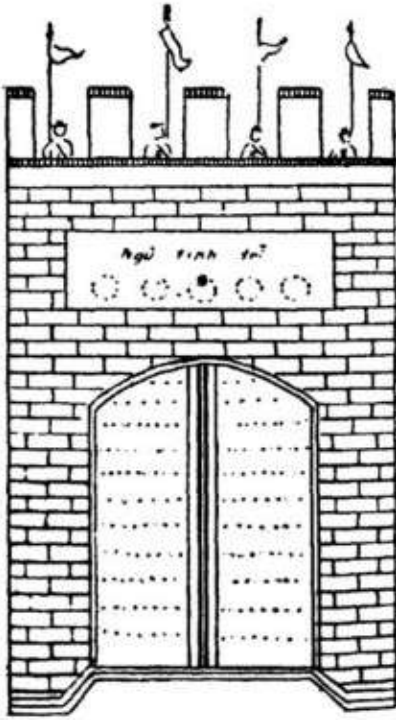
2. Tra chẩn: Tra xét nhân số và chẩn cứu người nghèo.

3. Vu Khiêm: Binh bộ thượng thư đời Cảnh đế nhà Minh, Lã Viễn người Mông-cổ xâm lược Trung-quốc, bức đến kinh đô. Vu Khiêm chống cự đuổi được.

Có mấy điều cấm ước cần phải bày tỏ: Cấm nói ngoa, cấm phươg sĩ¹, sợ vì phiến hoặc quân chúng mà tiết lộ sự tình. Cấm hàng trà, cấm quân trợ, cấm đi đêm, sợ là chỗ chứa kẻ gian mà rủ trộm cướp. Cấm thối kèn thối còi, dựng cần dựng nêu, sợ là hưởng ứng theo giặc mà làm loạn tai mắt. Cấm động càn, cấm kêu la, sợ là giặc làm cho ta sợ, mà thừa dịp. Cấm lìa bỏ khu vực đóng quân, phàm cửa, rào, đài, nữ tường, kho, ngục, trung dinh, du dinh, cơ dinh, chiến dinh, những chỗ phải dừng, đi quá một bước thì chém, để cho thống nhất dân chúng. Cấm tự tiện vào khu vực đóng quân, sợ gián điệp của giặc thác nghề buôn bán để dò xem tình hình. Cấm mở riêng cửa ngõ. Cấm trả lời riêng cho giặc. Cấm gửi riêng thư cho giặc. Ai phạm cấm thì chém, quân pháp càng nên nghiêm ngặt. Giữ đã bền chắc rồi, mới có thể chống giặc. Phương lược chống giặc là: khao thưởng để cổ võ quân sĩ; chúng cam khổ để củng cố quần chúng; cẩn thận xét canh để phòng có động; hậu đãi trình gián để biết tình hình địch;

kén tử sĩ làm thân binh để đàn áp; đặt du binh thay phiên nhau để sách ứng; đóng binh ngoại ở nơi quan yếu để dựa nhau. Phàm thấy giặc đến, thì mọi người đều phải giữ nữ tường, có báo động thì luân phiên nhau mà giữ, không báo động thì luân phiên nhau mà tuần; chuyên cơm cho nhau và thay đổi nhau để ngủ, đều phải ở luôn chỗ mình. Phàm ia đáì thì chứa lấy, đem đun nóng mà tưới vào địch. Đá thì theo từng loại mà chứa, hòn lớn để xô hòn nhỏ để ném. Tro thì vãi cho giặc mù mắt. Chòi lâu lấy bùn mà trát để phòng sự đốt cháy. Để sẵn giấy mực mà phòng khi hoãn cấp dùng đến. Luôn luôn đi tuần để xét sự sơ hở. Phạt cho tin, thưởng cho đúng, cốt để gây hùng khí cho quân.

Phàm dùng thuật giữ thành, tâm phải một, khí phải mạnh, sức phải nhàn, chân phải định, tiếng phải tĩnh. Trí cùng biết mà cùng chết, thì tâm là một. Biết đánh khó mà giữ dễ, thì khí mạnh. Giữ một dặm không bằng giữ một trượng, giữ một trượng không bằng giữ một thước; càng xa thì chỉ tổ nhọc, càng gần thì đặc lực; ở ngoài mười bước không uống tên đạn, thế thì sức nhàn. Giặc đánh đông nam thì ta phòng tây bắc, du binh ứng bốn mặt, thủ binh đừng thay đổi, đều chết ở chỗ mình, không lìa 5 thước. Thà ta khiến người đến, đừng để người khiến ta đến, thế thì chân định. Tiếng loạn thì không nghe được hiệu lệnh, tiếng ồn thì không nghiêm được tâm chí, tiếng rối thì quân giặc đặc kế. Tay chỉ miệng nói, không làm huyên não, đêm thì mờ canh, ngày thì cờ xí, như thế thì tiếng mới tĩnh vậy.



Hình 51. Cửa thành

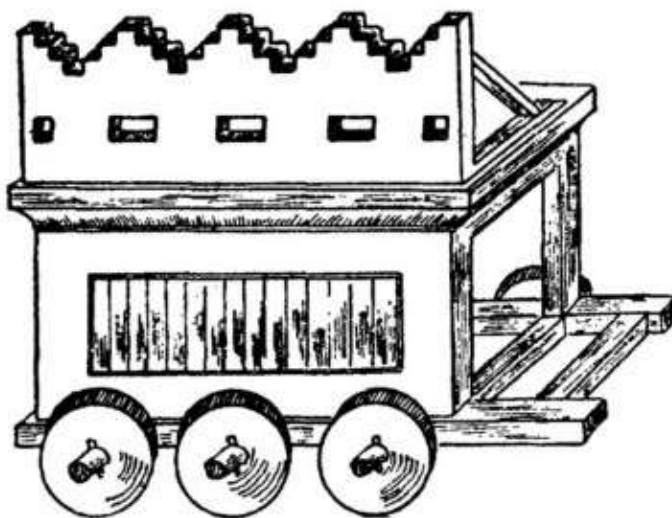
1. Phương sĩ: Những người làm các nghề thuật số, thầy bói, thầy tướng v.v...

Phàm giặc đóng ở thành, là lấy nhàn mà đợi sự nhọc của ta, lấy no mà đợi sự đói của ta, lấy bền chắc mà đợi mũi nhọn của ta, lấy nhờn nhờn mà đợi sự phòng của ta; nói phao giải vây để yên ý ta; nói phao tăng binh để đoạt khí ta; khi động khi tĩnh để làm mệt chí ta; hoãn tiến tán xung¹ để làm hao sức ta; đắp lũy thêm rào để làm nản trí² ta. Ta chỉ nhất định tỏ là không sợ, rút vây ta không mừng, đánh gấp ta không run; tỏ nhất ta không tiến; rút quân ta không theo; ước hòa ta không tin; giả gây hấn ta không lấy làm lợi; chột lui quân ta cũng không trễ nải; giữ lâu ta cũng không ngã lòng; có đợi thì ta không ra. Hễ chạy thì chết; có viện thì sống.

Phòng địch không gì trọng bằng cửa, đóng cọc ở ngoài để phòng địch đốt; đào hố ở trong để hãm quân giặc thừa cơ xông vào; treo ván ở trên để dụ địch vào cho ta bắt. Phàm cách làm cửa nên phòng hỏa công; làm lỗ để chĩa súng và giáo ra thì kẻ tới đánh không dám xông vào trước; làm ao ở trên để chứa nước thì lửa không thể đốt được; bằng lửa đã cháy rồi thì đem chum nước mà ném xuống, hoặc dùng túi đựng trấu cát thấm ướt mà đè, hoặc làm thêm thành bán

nguyệt đào ao to để cách ra. Đó đều là cách phòng nguy cấp, chứ không phải là chỉ dùng đá xây đất đắp để tự lấp mình mà chống giặc đâu.

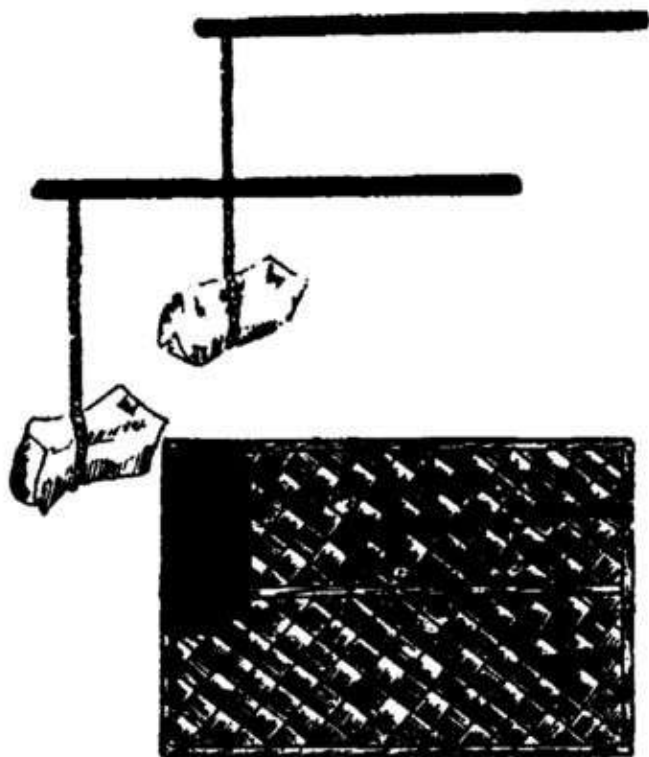
Phòng địch lại không gì hay bằng nữ tường. Phép dùng nữ tường, dùng chần chiên chần bông xấp nước mà treo lên, để chần tên và chống lửa, hoặc trên treo gỗ nhọn hay dùng rèm che ngoài, phòng khi giặc lên đánh úp và trèo thang. Phên treo và da trâu để chống giặc bên ngoài vào, và tạc thủng giữa để thò mũi tên ở trong bắn ra, tùy theo hướng đánh mà căng màn vải thì tên đạn và xe xông cũng không thể phá hỏng được. Nếu phá hỏng nữ tường, thì lấy gỗ vằn đến để thay nữ tường; nếu lại phá hỏng đến thành, thì kíp làm rào phên mà chống đỡ, lấy giáo và nỏ cứng mà giữ, không thì thêm lửa đốt và kíp đắp thành bán nguyệt để che, ở trong thì đào hào sâu để giữ, thế thì giặc không thể hại ta được.



Hình 52. Nữ tường gỗ

Cửa và nữ tường đã bền chắc rồi, thì phải chuyên phòng gian, phàm kẻ gian sinh ra có khi là người bị vây ở trong hay ở ngoài. Ta nên trước yên ở trong rồi sau mới đến ngoài. Khi giặc đã đắc chí thì bọn gian hản theo giặc vào, thừa cơ mà cướp bóc, làm lo sợ cho cùng dân. Vậy ta nên mở kho cấp lương cho dân, trao giáo cho dân, thì những dân cùng cũng giúp được việc vậy. Quân giũ Bắc-môn, vì thích làm quan mà bị nguy, cửa lũy Quy-châu, vì đám cưới mà mở, thành Nhữ-châu thì vì người ứng mộ đắp đất mà bị vỡ. Đó là kẻ gian nội ứng vậy. Chọn người thân tín để dùng; thêm then khóa ở ngoài để giữ cho vững, thế thì nội ứng bị chệt. Vây giữ đã lâu thì lòng người không nghĩ được bền, một kẻ trèo dây xuống, mọi người sinh ngờ sợ, hoặc hiềm khích với ta, hoặc thông với

địch để bày mưu kế. Đó là kẻ gian lìa phản vậy. Đặt lệnh nghiêm về việc thất hỏa, chuẩn bị sẵn sàng những đồ cứu hỏa, giữ kho thuốc súng, giữ nhà chứa cỏ, đó là cách ngăn ngừa sự biến vậy.



Hình 61. Phên treo

1. Hoãn sự tiến cho chậm lại; tản sự xung đột cho nhẹ đi.
2. Để khiến trí trở biếng đi mà mất cảnh giác.

Ngục là chỗ sinh biến cố; kho là nơi nhử cướp đến; cửa hông đường tắt là mối đưa giặc vào. Cần phải trừ bọn ác nghiệt đi. Quân gian tự ngoài đến không những do gián điệp đầu. Có kẻ ngụy mạo, có kẻ úp ngằm, có kẻ trá dụ. Như Loạn ngồi xe đàn bà mà vào Khúc-ốc; người Man mặc áo quân vua mà hãm thành Kiện-vi; Huy bắt chước cờ Thục mà đánh được Cảnh Sùng; giặc xưng là trung sứ mà vào U-châu. Thế gọi là ngụy mạo. Nhân đêm tuyết mà vào nước Thái, nhân sương mù mà phá Giáp trại, đó là nhân tối tăm mà đánh úp. Đầu năm phá Tú-dung, chiều mồng một tết cướp Côn-lôn, đó là nhân ngày tết mà đánh úp. Thang dựa ngoài thành mà Hoa-châu bị nguy, mười sáu quân kỵ vào mà Long-đức bị phá, đó là nhân lúc không phòng mà đánh úp. Thế gọi là đánh úp ngằm. Giả cách lui mà tiến thực; đã đi mà trở lại; tiếng trước mà chụp sau;

cầu hòa để chuẩn bị; giả hàng để đặt gián điệp. Thế gọi là trá dụ. Lệnh nghiêm thì ngăn được nguy mạo; phòng mật thì giữ được đánh úp; vì trọng thì chống được trá dụ.

Tuy nhiên, giặc đánh ngoài không những chỉ có âm mưu mà thôi. Lại còn hiểm thuật nữa. Đánh theo hiểm thuật có 12 điều:

1. Thổ sơn, 2. Đăng đạo, 3. Điền hào, 4. Vân thê, 5. Mộc lư, 6. Địa đạo, 7. Chàng mộc, 8. Câu can, 9. Nghĩ phụ, 10. Pháo thạch, 11. Hỏa công, 12. Thủy công¹.

Phép chống cự thì như sau đây: Núi ngoài địch đã đắp rồi, thì ở trong cũng đắp núi mà ứng lại, đắp lên càng cao, để chế ngọn núi ở ngoài tức là chế rõ; hoặc là làm đường dưới đất cho đi ngầm tới, khiến núi đất kia sụt mà không đứng được, tức là chế ngầm ở dưới. Đó là phép chống thổ sơn.

Địch chõng túi đất và chứa củi để làm bực mà lên, thì ta lên đem cỏ khô pha lẫn nhựa thông, nhân gió đốt vào thì đông chất của họ hẵn đổ. Đó là phép chống đăng đạo.

Địch đánh lấp hào, thì ta dùng đất bọc cỏ ném xuống như mưa, hay đun cầu xe, trong chứa củi đất, vừa tiến vừa đổ, vượt sang không ai cản được, nếu có sẵn thì lấy thuốc súng làm chủ, ném ra như sao, tung ra như bão, địch thua mà rút lui. Đó là phép chống điền hào.

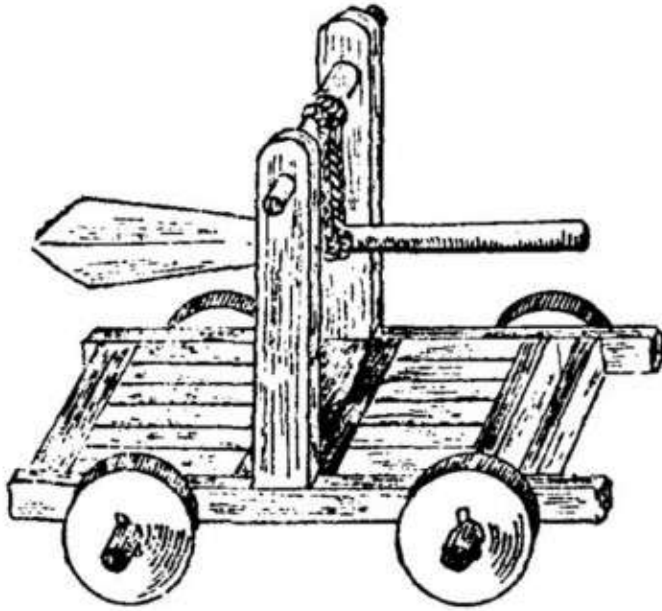
1. Thổ sơn: Núi đất đắp ở ngoài thành để leo lên mà nhìn vào trong thành và nhân đó mà trèo lên thành - Đăng đạo: Bực đắp để trèo lên thành - Điền hào: Lấp hào để đi qua cho dễ - Vân thê: Dùng thang mây mà trèo thành - Mộc lư: Dùng lửa gỗ mà lấp hào và đào thành - Chàng mộc: Gỗ để húc - Câu can: Cắn móc - Nghĩ phụ: Leo thành như kiến leo - Pháo thạch: Súng đạn - Hỏa công: Đánh bằng lửa - Thủy công: Đánh bằng nước.

Thang mây tung trời, thì ta căng chắn ước ở trên. Địch chờ nhiều lính giỏi trong xe phần ôn, chờ theo đất củi để lấp hào thì làm thế nào? Rằng liệu xem thế có thể đốt thì dùng tên lửa là hơn. Hoặc địch dùng lối đục tường thì ta dùng ba thứ khí cụ, một là câu (móc), hai là chùy (dùi), ba là liệu (đuốc). Nếu không chống được thì phải đào ao thông với đường ngầm và chứa cỏ khô, ngầm hãm mà đừng đốt, hễ nặng thì sẽ sụt xuống, đánh trống bắn theo, lửa cháy rực trời, xác giặc thành đồng. Đó là phép chống vân thê.

Thang cao đã hỏng, địch hẳn dùng mộc lư(lửa gỗ) che bằng da trâu sống, 10 người lính một xe, đến thẳng chân thành, vừa cuốc vừa bừa, thành đổ xuống hào, tên đạn không làm gì được, thì làm thế nào? Rằng phải bó lau tẩm dầu, xòe như đuôi én, ném ra mà đốt có thể cháy hết ngay; nếu da ướt không cháy thì dùng sắt vụn đốt ở lò mà tung ra, như muôn hột châu dùi thủng vật dày bền, phút chốc tan nát, pha lẫn dầu mỡ thì lửa bốc càng cháy to. Đó là phép chống mộc lư.

Đánh ở trên đã cùng, địch lại đánh ở dưới, bèn mưu dùng đường ngầm, đào đất để làm hại, mỗ xoi trong đất làm cho tường đổ vách nghiêng, thì làm thế nào? Rằng dùng núi để chống núi, thì dùng hầm để chống hầm; quanh thành đào nhiều lỗ, đặt cong mà nghe, nếu nghe tiếng oang oang thì đào hầm để đón, tung tro tung khói khiến nó như chuột bị hun, nó biết có phòng thì bỏ không làm nữa. Đó là phép chống địa đạo.

Đánh thành đã không xong, địch toan mưu đánh nữ tường, vừa húc vừa móc, vừa leo lên vừa bắn súng, bốn việc ấy đều thi hành cả, chủ nhân thành thốt thì làm thế nào? Rằng nếu địch đem gỗ húc mà đến, thì nên dùng cần móc mà cắt cho dây đứt gỗ rơi thì kế ấy không thì hành được. Nếu địch dùng cần móc mà đến, thì lấy dao xô mà chống, lưỡi dao cong quay ra ngoài, chuỗi dài thòng xuống chìa lưỡi ra mà chống, lưỡi dao phải nên sắc. Còn như chống địch leo lên thì có nhiều cách: dùng dây móc kéo ở trên cho ván đình xán xuống, lăn đá ném cây như mưa xuống; gấp thì dùng búa nặng bổ vào kẻ leo gần, xa thì dùng chông gai mà cản. Còn chống súng đạn, thì lấy mềm mà chống cứng, căng màn chằng lưới, gàu vải túi lương, che bằng da trâu, vá chỗ tường vỡ. Đó là phép chống bốn lối đánh trên.



Hình 53. Gỗ húc ở trên xe húc

Dám hỏi cách chống hỏa công thì làm thế nào? Rằng khi giặc đem lửa mà đến, hoặc dùng xe cao để vạc trên lò đốt cho dầu sôi, chứa củi thối thêm, nếu dội nước thì càng cháy to, có thể sợ đốt lâu, thì ta nên ném cát ướt và nước bùn; hoặc địch dùng bó cành thông tẩm dầu mà đốt lâu, thì ta dùng câu liêm sắt để cắt bỏ đuốc; nếu lửa đã cháy tới nơi thì dùng nước mà tưới, hoặc thùng hoặc túi, dội cho đến tắt, nếu chậm thì nguy, ăn năn không kịp. Đó là phép chống hỏa công.

Dám hỏi: Giặc đánh thủy công thì làm thế nào? Rằng đánh thủy công, vì thành ta thấp, ta phải lấy ván chắn lấp, không chịu phải làm tôm cá; kíp mộ những người lội giỏi, đem thuồng, đi thuyền ban đêm, ngậm tăm mà phá đập túi cát, trại giặc vỡ loạn, đánh luôn mà đừng la ồn. Đó là phép chống thủy công.

Người hỏi nhận là phải.

*

* *

Người giữ giỏi thì giữ đồng quanh thành; người giữ không giỏi thì giữ thành quách. Quân kỳ quân chính bổ sung cho nhau, như vòng tròn không mối. Chỗ nào có thể đánh bất ngờ thì sai quân trông nom; chỗ nào có thể cho du binh tới, cắt chặn đường lương, chỗ nào có thể phục quân, có thể đánh giặc sang nửa chừng, ngoài quân bộ kỵ đóng đồn thì chia giữ những nơi yếu hại để cùng ứng

với thành; địch bị hiệp cả trước và sau thì phải cướp lương cướp củi, khốn lâu phải thua.

Đất là để nuôi dân, thành là để giữ đất. Chăm làm ruộng thì dân không đói, chăm giữ thành thì đất không nguy, chăm đánh thì thành không bị vây. Trung quân và tả hữu tiền hậu các quân đều có phần đất, bốn bên làm tường, không cho đi thông qua lại. Tướng có phần đất, súy có phần đất, bá có phần đất, đều phải đào hào đắp thành mà phải nêu rõ hiệu lệnh của trại, khiến không có đủ trăm người thì không được đi qua; không có đủ một trăm người mà vào, thì bá phải giết đi, bá không giết thì bị đồng tội. Trong quân đường ngang đường dọc, cứ một trăm hai mươi bước thì lập một cái trụ, tính số người và đất mà đặt trụ trông nhau, cấm giao thông riêng, không có tiết phù của tướng lại thì không được đi thông. Những người kiểm củi lấy cỏ chẵn trâu đều phải đi thành hàng ngũ, không thành hàng ngũ thì không được đi qua. Lại thuộc không có tiết quân sĩ không có ngũ mà đi ngang cửa là giết, đi quá phần đất là giết. Cho nên trong không có người can phạm lệnh cấm và ngoài không bắt được kẻ gian.

Phép giữ đất, lấy tráng nam ở trong thành làm một quân, tráng nữ làm một quân, người già yếu làm một quân. Ba quân không cho được gặp nhau. Vì tráng nam mà gặp tráng nữ thì phí sức mà sinh ra lòng gian, chí phân tán mà sức không chuyên, cường tráng mà gặp già yếu thì người già làm cho người trẻ buồn, người yếu làm cho người mạnh thương, buồn thương ở lòng thì khiến người đồng sinh lo, người tráng không đánh. Cho nên người khéo giữ thì địch không biết đánh vào đâu. Người thủ bị không thể không cẩn thận. Người khéo giữ thì như cái vòng, khiến địch không có chỗ nào hở mà lên vào được. Phàm người ta giữ thân thể mà huyết mạch qua lại lưu thông cả tứ chi thì được yên khỏe. Nếu có một mạch không chạy, một khí không thông, thì chưa có ai là không bị bệnh. Thế nên người dùng binh giỏi, tuy quân đóng bốn mặt, nhưng khi cấp nạn thì đầu đuôi vẫn ứng được với nhau không cùng. Thế mới là diệu.

Đất ở một phương, ở trong một cõi, ở khoảng một thành, chia quân mà giữ. Đất trọng yếu thì phải đóng nhiều quân; không thì phải lường tính số người nhiều ít, quân lính mạnh yếu; quân bộ quân kỵ, trừ nơi trung dinh của đại tướng ra, ngoài đều chia đất đóng riêng. Thế thì những nơi phòng ngừa không bỏ trống. Địch đến đánh úp, bốn mặt đều biết cả, lúc gặp thì phải đem quân trung dinh tới đánh, chứ các dinh khác thì không thể giảm bớt, vì sợ địch đánh

ở một nơi mà đem quân đánh úp nơi có giãm bốt. Chỗ đất dừng đóng thì phải đi quanh xem xét bốn mặt; nên kén những người tâm phúc mạnh dạn cho đem quân bộ kỵ để chống bốn mặt xung yếu, số người tùy theo nhiều ít, khiến tuy không có giao ứng mà có công dụng của chỗ xung yếu vậy.

Thành càng lớn thì giữ càng dễ¹. Chia ra từng đoạn, làm nhiều ngăn cách thì dễ giữ. Nếu đã giữ, thì trước phải tính đặt những nơi hiểm mà phục binh, khiến giặc muốn lên thành dù lên được thì hễ lên là chết, giặc muốn vào thành dù vào được thì hễ vào là chết. Quân giặc dùng pháo đánh thành, người chống giữ cũng phải dùng pháo. Ở trong cửa thành thì hăn khó yên, pháo lớn cũng khó dùng được số nhiều; tuy có pháo đài, mà chỗ ở đài cũng không rộng lắm; lại pháo vừa muốn bắn thì quân địch ở ngoài thấy trước hăn dùng nhiều pháo mà đánh; lại trên thành pháo phải ở chỗ cao, tự nhiên vởi giặc, ở ngoài giặc cứ chiếu thẳng vào đấy mà bắn. Lấy thế mà xem, thì người chống giữ không thể dùng pháo là rõ vậy. Ví như dựng pháo ở dưới chân trong thành, mà trước mỗi một cỗ pháo thì chôn gỗ để che cho giặc ở ngoài không trông thấy chỗ đặt pháo, dầu có tay bắn giỏi cũng không bắn vào được. Có người nói rằng pháo ở trong thành thì pháo thủ không thể thấy được ở ngoài thành, lấy gì làm chuẩn đích? Mỗi cỗ pháo nên dùng riêng một người đứng ở lỗ thành, chuyên xem pháo ở trong, nếu thấy pháo nhắm vừa đúng với vật ngoài thì bảo bắn, nếu hơi xiên thì bảo phải thử quay pháo đi; nếu xiên nhiều thì bảo kéo pháo chuyển đi, rồi nhắm lại mà bắn cho trúng, cho ít trật. Lại trong thành có thể đặt nhiều pháo. Chống giữ bằng pháo thì chỉ có như thế thôi.

Có kẻ hỏi: Lấy gì mà chống ở ngoài thành? Dưới chân thành tự có tường mặt ngựa², hai bên đều trông thấy chân ngoài của thành. Ở đầu tường ném xuống những thứ giết giặc. Quân giặc mới đến dưới thành, xem khí thế của giặc khó chống được, thì nên khiến ở dưới chân trong thành, đào một lần hào cho sâu, cách ngoài hào vài trượng đắp một lần thành nữa, đối với cửa thành cũ lại không làm cửa, mà lại ở dưới thành mới đắp đi theo hào trong chừng 2, 3 dặm rồi mới mở cửa để cho người vào thành lớn thì không đi thẳng được, phải theo bờ hào trong đi quanh dưới chân thành mới 2, 3 dặm mới vào cửa được, như thế thì giặc dù giỏi lấp hào chẳng qua chỉ lấp được hào ngoài, hăn không lấp được hào trong. Nếu giặc do cửa mà vào thành thì phải đi quanh bờ hào trong dưới chân thành mới, quân ta ở trên thành mới trông xuống giặc, vật gì

mà chẳng dùng được, chính đó là đất chết của giặc, hãn giặc không dám vào. Đã do cửa chính vào thành mà lại còn không dám vào, thì còn vâng mệnh đánh thành sao được. Chỉ phòng bị như thế thì nếu quân giặc rất nhiều, đánh hàng trăm cách, ta ở trong thành cũng có thể cười nói mà đuổi nó đi.

Cách giữ thành chẳng những mở các cửa to, mà ở khoảng giữa hai cửa lại mở 2, 3 cửa nữa, cả quanh thành có vài mươi cửa, mỗi cửa đều cho chở thổ mộc tự trong thành ra ngoài, lấp hào làm đường cho quân ta ra vào không trở ngại. Ta ở trên thành, trông thấy quân giặc đi tuần, thừa chỗ tiện lợi cho quân ra đánh giết, hoặc đem cho quân ra, khiến giặc ở ngoài phải phòng bị, ngày đêm không lúc nào được nghỉ, thế thì giặc không thể nào đánh lâu được. Và lại ta ở trong thành mở cổng thành ra lấp hào không phải là coi thường giặc, mà vì tự ta phải đặt hiểm cho đủ để nếu giặc vào thành thì phải chết.

1. Có lẽ là càng khó thì phải. Sách **Võ bị chế thắng chí**, chương “Thành chí” nói: Thành không nên lớn, lớn thì khó giữ.

2. Có lẽ là tường dê ngựa.

Đài địch không thể làm theo lối cũ. Nên ở trên tường mặt ngựa¹ đắp tường cao dày, dưới để lỗ hình chữ *phãm* (𠄎) rộng 1 thước để trông dòm và đâm thương. Gần dưới chân tường lấy gỗ nhỏ làm cái giá lợp ngói cho người chống giữ tránh nắng lạnh mưa gió. Nóc nhà ở trong tường phải thấp, thì ở ngoài dù bắn nhiều cũng không đụng.

Lại trên hào làm cầu, trong cầu lại có cầu treo, tạm thời ngăn địch cũng được. Lúc xuất quân thì không thể không trở ngại, nên làm cầu máy thì quân ta ra vào đều tiện. Cửa thành nên làm quanh co khúc chiết, phía sau vào thành phải cách hơn 100 bước, không những súng đạn giặc không bắn tới, mà nếu giặc do chỗ cửa thành cũ mà vào, hễ đi một bước vào trong thì giặc phải sa bẫy, vì là trong trăm bước, trên dưới hai vách thành đều có thể đặt những đồ mà người đánh giặc cần để giết giặc. Trước cửa cũ thì đắp ngang một cái tường hộ môn cao hơn 1 trượng, hai đầu che quá cửa 2, 3 thước, để khi mở cửa đóng cửa cho người ngựa ra vào thì người ngoài hào đều không trông thấy, thế thì ai còn dám rình ngó! Dưới chân thành ngoài, cách thành 2 trượng thì đến hào, trên bờ hào đắp tường dê ngựa cao dày, cao 1 trượng dày 6 thước, dưới chân trong tường cũng đắp cái tước đài cao 2, 3 trượng, rộng 4 thước, tước đài và

tường dê ngựa cũng đều chứa lỗ hình chữ *phãm*($\frac{\square}{\square}$) để dòm ngó và đâm thương, cũng như đầu nữ tường ở trên thành lớn. Trên tước đài, thì chôn gỗ, để phòng giặc lấp hào và phá thành dê ngựa. Nếu giặc đến dưới chân thành, thì giặc hai mặt bị đánh, trên tước đài và dưới thành lớn cùng bắn ra. Thế là giặc chỉ đánh một mặt mà quân ta ba mặt chống lại. Trong tường dê ngựa thì quân ta nhờ tường ấy ngăn đỡ súng đạn ngoài hào, thế là tường dê ngựa cùng với thành lớn, hai thành đều dùng, khiến giặc có phá được tường dê ngựa cũng không dám vào. Cho nên tường dê ngựa so với thành lớn, dù rất thấp mỏng, nhưng cái công chống giữ bền chắc thì cũng chẳng kém gì thành lớn. Lại lính đóng trong tường dê ngựa đó chính là mở thành đặt trại để lưu quân phục, chẳng biết quân giặc có thể dùng cách gì mà giải! Như thế đã có tường dê ngựa thì có thể không phải dùng chàng nạng gạch nai nữa. Lại nên đặt nhiều cửa ngầm ở mình thành lớn để cho quân mình ra vào ở tường dê ngựa. Tường dê ngựa chỉ cách chân thành lớn 2 trượng, không nên xa quá sợ ở trên thành lớn ném gạch đá xuống khó qua, rơi vào trong tường mà hại người mình, và cũng không nên gần quá, sợ chật hẹp khó quay thương. Lại ở trong chân thành lớn đào hào trong sâu rộng, trên mặt hào đo để đất độ 5, 7 thước làm đường đi lại, ở ngoài thì đắp thành bài, để sẵn nhiều gỗ mà dùng khi giặc cướp thành. Thiết bị như thế thì dầu giặc đánh giỏi cũng không đủ sợ.



Hình 59. Chàng nạng

1. Chỗ khác gọi là tường dê ngựa.

*

* *

Sách Võ kinh tổng yếu¹ nói về phép giữ thành; Nếu giặc cướp sắp đến cách ngoài thành 500 bước, đều phải dẫn hết cây phá hết cầu, dỡ nhà, lấp giếng, có suối thì đều bỏ thuốc độc xuống, đá gỗ gạch ngói, rơm cỏ lương thực, súc vật và đồ đạc của cư dân, đều dời hết vào trong thành, nếu dời không kịp thì đốt đi...

Phàm kho tàng chứa đẽ, lâu sà, cánh cửa, khung cửa, và những nơi lửa có thể cháy tới, hết thầy dùng chần trùn lên và lấy bùn mà trát; dưới sà lâu thì tùy nơi chứa những gỗ đá, mác búa và các đồ đoản binh khác, ngoài thì dựng xe nô, giá súng, ở trên lâu sà và nữ tường thì che rèm dày và phen tre. Trong thành thì dựng vọng lâu. Biên số dân tráng nam làm một quân đẽ sung làm binh, tráng nữ làm một quân, đẽ làm việc tạp, già yếu làm một quân đẽ giúp vào việc ăn uống, chần nuôi, kiếm củi; ba quân không được qua lại thăm hỏi nhau. Những người trí khôn sức mạnh, mưu cơ tài giỏi, nghề khéo nói hay, như loại làm giả gà kê chó cắn, không người nào là không kính nể đẽ phòng sau dùng. Mỗi tướng trên thành đều lập một người diễn chương đẽ tìm gọi trăm thức vật dùng. Trước hết phải làm vài mươi cái cờ nhỏ, có tìm gọi vật gì thì viết to tên vật ấy dán lên cờ giơ lên bảo cho người dưới thành biết. Lại kiểm xét trước những vật cần dùng, đều chia làm từng bộ phận, sai lại viên phụ trách cẩn thận nhìn xem, thấy cất cờ lên thì phải ứng ngay mà đưa lên thành. Dưới thành cứ trăm bước là cấp ba hay năm mươi người tạp dịch giữ việc khiêng vác các vật tìm gọi ấy, đều giao cho một viên quan đốc lãnh. Đường sá đêm đi thì phải đốt đèn đuốc đẽ ngừa kẻ gian ra vào và quân sĩ qua lại riêng với nhau. Lường tính ở trên thành 1 bước thì đặt một giáp sĩ, 10 bước thì thêm 5 người phòng lúc bất thần rút đối; 5 bước có một ngũ trưởng, 10 bước có một thập trưởng, 100 bước có một người tướng. Sai riêng ngu hậu lãnh chiến, làm thẻ thư hùng cho cầm đẽ đi tuần trong thành, đến đâu phải đưa cho người thủ đội khám hỏi rồi mới được đi qua. Nếu thế giặc ở ngoài mạnh, mà lòng quân ở trong chia hai, thì hoặc chuyển tả đội đẽ làm hữu đội, đổi tiền quân đặt làm hậu quân, hoặc một ngày mấy lần đổi, hoặc mấy ngày không thay đổi; lại cất lên cho người cầm thẻ nguy đi tuần đẽ thử xem tướng sĩ có biết hay không....

Phàm ở trong thành, những vật cung cấp hàng ngày, cho đến nước nô, đều phải có hạn lượng. Khiến dân mỗi nhà làm một cái giếng chứa nước mưa ở trên cao đẽ phòng cháy và trước xuống lệnh rằng ai đẽ thất hỏa thì chém, chính đó là cách phòng ngừa kẻ gian. Hoặc khi trong thành có cháy, thì chỉ sai quân lại phòng hỏa lãnh dân đình đến cứu; lại cấp báo cho chủ tướng, chủ tướng sai người thân tín tả hữu kíp đến.

Phàm ở trong thành có thất hỏa và có việc báo động phi thường thì chủ tướng sai đánh năm hồi trống, quan và quân trên dưới nghe trống không được

lià bỏ chức chưởng, dân không được chạy ra đường ngõ.

Phàm giặc đến ngoài thành thì cấm trong thành không ai được dựng vật gì cao như loại cây sào cây nêu và không được thổi đồ nhạc khí, sợ làm nội ứng cho giặc.

Phàm ở trong thành có sứ giả đến thì đưa đến chủ tướng, các tướng nhỏ và quan dân không được tiếp kiến; như được thư bay ở trong thành thì không được đọc phải cầm đưa cho người có trách nhiệm ở bản dinh, để nguyên phong đưa trình chủ tướng.

Phàm có người hiểu biết thuật số tinh khí thì hết thầy thu về quan nha, không cho nói trộm cùng người khác và cấm bàn nói những chuyện quái dị, làm mê hoặc quân chúng.

Phàm hiệu lệnh đã ra, chủ tướng và phó tướng trở xuống không ai được tự ý chỉ huy khác đi, hết thầy phải y theo điều kiện ước thúc.

Thanh dã.

Phàm trăm họ ở bốn cửa vào thành lánh nạn, hết thầy những cửa riêng ở ngoài cửa, trừ những số đã dỡ đem vào trong thành rồi, còn cây dài, ván lớn, chiếu mỏng, gỗ sắt, rơm củi ở bếp, đừng để lại một cái gì, một là chỉ để cho giặc đốt phá uống, hai là giặc có thể mượn lấy để làm đồ đánh thành, ta phải muôn phần cẩn thận. Ngoài thành có cây to thì đẵn đi, gần thành càng nên đề phòng. Ngoài thành trong 3 trượng có nhà cửa, thấy giặc đến thì dỡ đi, không kịp thì đốt đi. Hễ vách bằng gỗ thì một lần đốt là cháy hết, tức thì có thể đốt được; hễ là tường gạch đá, giặc ở xa thì không phục vụ giặc, những giặc ở gần thì dỡ phá không kịp; nếu như giặc lấy số độ trăm người cho phục ở ngoài nóc nhà mà bắn đánh người giữ thành, hay là giặc cho quân vào trong mà phá thông tường vách, bắc thang bắc gỗ ở dưới thành, có thể leo lên thành được, hay là giặc vào trong nhà mà vận đất đắp, làm bậc mà lên thành, những cái đó ta đều không thể làm sao được. Nếu có nhà ở gần thành trong 1 trượng, thân thành lại thấp hơn nóc nhà, thế là thành không giữ được. Hàng hóa tre gỗ ở ngoài quách, nếu không dời đi, thì đều làm đồ đánh thành cho giặc cả, nên báo cho các lái buôn, hàng đã đem lên bờ rồi thì y số chở ngay vào thành để bán, còn hàng ở dưới nước thì đều phải dời đi ra ngoài 50, 60 dặm, tạm ẩn vào các kênh nhỏ, chờ khi giặc lui rồi sẽ buôn bán. Nếu trái lệnh thì sung vào nhà nước để dùng. Còn nhà giàu ở các hương trấn ngoài thành chứa gạo ở nhà, và những

nhà đong chứa để chờ giá, thì hễ lý bảo sở tại nghe được tin báo động, phải nghiêm bắt vận tải vào thành, cho nhân dân đong chứa, chỉ cho đem vào thành bán, không được mang một hột ra ngoài. Những kho công vận chở đã hết, thì quan phụ trách bắt lương trưởng đong gạo vào kho. Như có kẻ nào không chịu chở, để gạo ở làng cho giặc lấy, thì gạo ấy tịch thu ngay để làm lương nuôi lính giữ thành. Lại tra xét các nhà giàu có ai đem trâu rượu tiền của mở cửa đón giặc, thì đó đều là thông đồng với giặc, chiếu theo pháp luật chém bêu đầu.

1. Xem thêm sách **Võ bị chế thắng chí, chương “Ước thúc”**.

*

* *

Sách Võ bị chế thống chí:

Phái dân phu.

Những người buôn rau, bán nước, làm thuê và côn đồ nghèo, sớm lại chiều đi thì miễn biên.

Từ 60 tuổi trở lên, không có con, vợ chồng già, lại không nhà ở, không người sai khiến thì miễn biên.

Vợ goá từ 15 tuổi trở xuống, con dại, lại không có nhà ở và người sai khiến thì miễn biên.

Những người mắt lòa, tàn tật, yếu đuối, lại không có nhà ở và người sai khiến thì miễn biên. Người nào ngẫu nhiên ốm thì không cho miễn.

Mỗi ụ phải dùng 2 người hay 3 người, luân phiên nhau mà ăn cơm và khuân chuyển các vật liệu; nếu chỉ có một người thì làm sao đứng một ngày một đêm mà không mỏi mệt, giặc nhân lúc mỏi mệt mà đánh thì lấy sức đâu mà chống? Tổng kê các ụ ở thành có bao nhiêu quân, trong thành hoặc quân hoặc dân và nhân đinh bao nhiêu, mỗi ụ hoặc 2 tên hoặc 3 tên, viết tên họ vào tường ụ, một ngày một đêm luân ban thay đổi, tại mỗi 100 ụ hoặc 50 ụ, xét người giàu có hữu dụng chọn lấy một người làm giáp trưởng, một người làm phó, áo xanh thắt buộc gọn gàng, đeo một cái đao, tay cầm một lá cờ hiệu, còn các dân phu thì đều mặc sẵn một áo hiệu hoặc đỏ hoặc vàng, cầm một ngọn đao thương, lại một cái búa sắt hay một chùy sắt cũng được, như thiếu một cái cũng không trách. Như số binh đinh thặng nhiều thì phái thêm vào nơi xung yếu

Định thời giờ.

Phàm những khi chưa có báo động, mỗi buổi sáng sớm thối kèn và đánh trống một hồi, người giữ thành xuống thành, mỗi buổi chiều thối kèn đánh trống một hồi, người giữ thành lên thành. Khi có tin tức thì trên lầu đánh ba tiếng trống, các nhà nhất tề ra cửa, lại nổ ba tiếng pháo, các nhà nhất tề lên thành, lại nổ ba tiếng pháo, các nhà đều tới ụ và phần đất đứng cho đầy đủ. Lần thứ hai nổ pháo phải đợi cháy hết một cái hương; lần thứ ba nổ pháo xong, lại để cháy một cái hương, rồi đánh chuông 360 tiếng. Quan thống suất đều chiếu phần đất của mình mà tra xét có người nào không đến thì lấy quân pháp xử trí.

Chia đóa ngũ.

Năm ụ làm một ngũ, đặt một bài gỗ, ở trên viết cả tên họ các người. Mỗi đêm mỗi người giữ một trống canh, trông nhìn ra ngoài, thay nhau lần lượt. Thường có 4 người nằm nghỉ, tinh lực không mệt, hoãn cấp có sẵn. Mỗi canh đặt một lá cờ nhỏ, trên cờ dán những tên họ của người tuần đêm, ví như Triệu Giáp canh một, Tiền Ất canh hai. Người canh tuần cầm cờ ở tay, chỉ nhắm trông năm cửa ụ xem dưới thành có người gian tế hay không. Một khi có giặc đến thì gọi những người đồng ngũ thức dậy, cầm bình tro, cục đá, khí giới để đánh. Cứ năm ụ thì làm một rạp, chọn một người tuổi trẻ can đảm làm trưởng ụ.

Chia phần đất.

Xung quanh thành đại thế bốn cửa thì có bốn quan, bốn góc lại chia bốn quan để thống lãnh các đài; mỗi đài lại chia cho một người đầu mục, quản lãnh một số quân mạnh yếu bao nhiêu. Xếp đặt thế nào, đều chia phần đất để cho mọi việc đều có chuyên trách.

Đài địch.

Cửa ụ trên đài địch, mỗi ụ dùng 3 người lính, kén chọn những người sức mạnh, nghiêng mình trông ra ngoài, lưng hướng vào trong, xa gần đây đó đều nghiêng nhìn hết. Các đài đều biên chữ hiệu vào để chia phần đất, phân biệt hiệu cờ và hiệu chiêng trống cùng đồ kêu, ban ngày xem tên cờ, ban đêm nghe tiếng hiệu, rồi đem chữ tên cờ và tên đồ kêu viết to lên tường ụ, khiến mọi người quen nhận. Đều lấy đài địch làm chuẩn...

Nếu ban ngày quân địch phạm vào dưới thành ụ thứ nhất hiệu chữ Thiên, thì người cai quản đài địch ấy phải phát cờ hồng. Ban đêm mà giặc phạm vào dưới thành ụ hiệu chữ Thiên, thì người cai quản đài địch ấy đánh trống. Các binh

giữ thành nhất tề giới nghiêm chờ đánh. Các lầu thành tả hữu đều phải cho binh tới đó để ứng viện. Đài địch ở hai bên cùng hướng về đây để cùng đánh. Còn quan và quân các đài ụ khác, không phải phần đất thì không được loạn động. Các cửa tuy không có báo động, quân giữ cũng phải giới nghiêm, không cho tự tiện lìa bỏ phần đất mà ứng viện, sợ giặc giương đông kích tây, nhân chỗ sơ hở mà lên. Như thế phòng giữ mới nghiêm, mà ứng phó không rối. Nếu có một người binh nào sai lầm thì lấy quân pháp trị nặng.

Đặt tuần tra.

Quân ở các ụ kẻ siêng người lười không như nhau, phải thường xem xét. Nhưng nếu khiến mọi người điểm tên, năm canh ồn ào, thì người giữ ụ không có thể nằm ngủ được, tinh thần mỗi mệt, không phải là kế hay. Nên lấy cửa thành làm hạn, như từ cửa đông đến cửa nam chẳng hạn, mỗi cửa đặt 10 người lính tuần la, đặt một lá cờ đỏ nhỏ, giữa viết chữ *tuần la*, mỗi canh 2 người lính luân ban thay đổi nhau đi tuần mà coi, đều chỉ cần cầm cờ qua lại, giữ miệng không cho hò hét, không đánh mõ lắc chuông. Nếu có lính canh ụ nào ngủ say không trông nhìn, và đèn lửa ở ụ nào bị tắt, thì thu lấy cờ canh, sáng hôm sau đến chỗ quan tổng tuần bẫm xét, nhưng lúc đó vẫn đánh thức người lính canh dậy thắp đèn, không được thét đánh. Trái phép thì bẫm xét.

Đặt quan đi tuần.

Đặt việc tuần la còn sợ sơ hở. Mỗi cửa lại chọn 2 viên quan võ, cho mỗi người một con ngựa và làm bài canh tên canh. Như đi tuần từ cửa đông đến cửa nam là lúc canh hai, quan cửa đông phải đem một cái tên canh giao cho quan ở trên lầu thành cửa nam kiểm thu, quan cửa nam lại giao cái bài canh hai cho quan cửa đông làm chứng. Cứ luân phiên lần lượt như thế cho hết vòng. Sáng hôm sau đưa cả cho quan tổng tuần tra xét. Nếu các quan đem bài và tên trao riêng cho nhau mà không thân đi canh, xét được thì lấy quân pháp trị nặng. Quan tuần trước xét số 10 người lính tuần tra, nếu ở các ụ canh có ai ngủ say không trông nhìn để tắt đèn, bị mất cờ canh cờ tuần, thì sáng sớm hôm sau đưa đến chỗ quan tổng tuần xét trị. Cũng chỉ cho đi tuần xem xét, không được hò hét đánh mõ, làm rối cho những người canh ụ.

Đặt du binh.

Các cửa lại đặt riêng du binh 50 người, chia làm 2 đội, đội có báo động thì hiệp sức sách ứng, cùng nhau chống giặc. Những trước phải có ước hẹn. Phàm

gặp quân giặc ban đêm đến đánh cửa, thì cho phóng 3 mũi tên lửa và bắn gấp 3 phát súng, khẩn cấp mười phần thì đánh 3 hồi thanh la, các du binh được phái ở cửa ấy phải đều ra chống giặc. Tổng quản phái riêng quân chi binh ứng viện. Một cửa có động thì các cửa đóng chặt giữ vững, không được khinh động, để phòng giặc giương đông kích tây; càng cấm lính canh ụ, sợ rỗi bỏ chỗ của mình. Đến như lúc mưa to gió dữ, nửa đêm sáng sớm, người dễ trễ nải, giặc hay nhân sơ hở, càng nên đốc thúc.

Phân biệt trai gái.

Khi dùng đàn bà, không nên cho cùng với trai trẻ lẫn lộn, sợ sinh ra sự gian tà.

Cấm yêu ngy.

Dám nói sự quái dị và truyền lời xằng bậy, đều hay làm hỏng việc, quân pháp phải nên trừng trị.

Xét gian tế.

Trong thành rất đáng lo là có kẻ gian tế lén phục. Nên ở các đầu ngõ nghiêm đặt rào gỗ, luân phiên các bảo giáp để phòng thủ, khi tối khi sáng, tùy lúc mở đóng, không kỳ sĩ phu cử giám, sinh viên, lại dịch, cứ theo nhà lần lượt canh giữ, không cho bỏ qua. Mười nhà làm chung một tờ bảo kết, cùng bảo đảm kiểm xét lẫn nhau. Nếu có kẻ gian tế mà không chịu phát giác, việc lộ ra thì bị tội chung. Mỗi rào gỗ phải đặt binh phu, hoặc 10 người, hoặc 20 người, đều tham gia việc canh giữ, lập một người làm trưởng ngõ để thống lãnh việc tuần tra mà phòng gian tế. Khi giặc sắp đến đánh thành thì trước họp bọn bảo trưởng, cấp cho cái thẻ liên tọa, khiến các bảo tự đi hiểu dụ, các giáp tự đi củ sát, như có nhà nào dung chứa bọn gian tế thì cả giáp bị tội chung, theo quân pháp mà trị nặng.

Nghiêm trộm cắp.

Tráng đình lên thành, trong nhà không còn người coi giữ, kẻ tiểu nhân hay thừa cơ trộm cắp. Nếu bắt được thực tang thì không phân biệt trộm hay cướp, ngay khi ấy đánh cho chết để cảnh cáo mọi người. Những kẻ ăn uống không đủ, thì phải bẫm rõ để quan chẩn cấp theo đó mà giúp đỡ.

Phòng lửa cháy.

Đánh thành, địch thường phục nhiều gian tế ở trong thành khiến phóng lửa để cho người giữ thành chạy cứu rồi thừa lúc sơ hở mà lên thành. Vậy phải đặt

một chi binh, hoặc 50 tên, hoặc 100 tên, chọn đóng ở nơi chính giữa, để thường xem các nhà mà chuyên coi việc cứu lửa. Các phường trưởng, bảo trưởng, tiểu giáp đều chia phần đất, sắm đủ ống nước, gầu vẩy, câu liêm, chổi gai, thang tre, búa, cưa. Mỗi khi một phường bị cháy thì bảo giáp ở bản phường cùng lính chữa cháy phải cứu, không được rộn kêu. Binh phu giữ thành đều phải giữ ụ, dù đến nhà mình bị cháy cũng không được bỏ chỗ. Nếu bảo giáp bản phường cứu chữa không xong để đến cháy lan, và người không phải là cư dân bản phường thừa cơ cướp nhà bị cháy, tra ra thì lấy quân pháp trị nặng. Những dân trong thành ở gần thành không nên chất đống rơm rạ củi cỏ, sợ ngoài thành bắn tên lửa vào, nên phải dụ cấm, ít thì thu cất, nhiều thì dời để nơi trống cho tiện.

Phái người canh.

Gặp đêm, người ở năm ụ canh đều đứng ở ụ trông ra ngoài, nghe trông Trung quân nổ súng hay hạ đèn. Trong năm ụ luân phiên cắt một người canh giữ, chuyên đứng trông ra ngoài, còn dư đều yên ngủ. Hết canh một, thổi 3 tiếng kèn dài để chuyển canh, lại một người khác dậy canh, người đã canh rồi đi ngủ, không cho cởi áo. Sang canh khác cũng như thế. Nếu ban đêm chợt nghe tiếng súng ở Trung quân và thấy bật 2 đèn, thì đó là có quân giặc đến đánh thành, không kể có được chia canh hay không, hết thấy đều phải ra cửa ụ đứng nhìn ra ngoài. Một chỗ có giặc thì thúc trống khua thanh la, các phô toàn thành cũng đều thúc trống khua thanh la. Nếu một phô thanh la và trống im thì các phô khác cũng thôi. Như giặc đã lùi thì Trung quân hạ đèn bắn súng, các người canh đi ngủ. Ụ nào đến phiên canh thì chiếu theo cũ mà cầm canh. Bọn gian tế trong thành làm nội ứng hẳn chờ lúc đêm khuya mà hành động, lấy trống canh định thời giờ. Nếu khi giặc đến thành thì trống canh ở lầu canh chỉ đánh canh một canh hai rồi thôi, chờ đến sáng rõ thì đánh trống canh năm để tan canh, làm như thế là để cho bọn gian tế làm thời giờ, đó cũng là một phép hay vậy.

Rõ hiệu lệnh.

Phạm ở trong một rạp¹, một người không đến, hay đêm về nhà riêng, thì tội lây người trưởng ụ, đều đánh 20 gậy, người chính phạm thì cắt tai, đồng ụ đồng rạp cũng tội lây. Gặp khi giặc đánh vào thành mà không đến thì người chính phạm bị giết rao cho mọi người biết, trưởng ụ thì cắt tai, đồng ụ đồng rạp thì

trói đánh. Như cờ, rạp, khí giới, tên đạn, súng lửa, thanh la và trống các loại mà có một vật không được chu đáo thì kẻ chính phạm bị trói đánh, đồng ụ đồng rạp phải tội lây. Từ 5 ụ trở lên, thì bản quản kỳ phải trói đánh. Ở vệ² thành từ một phô trở lên, ở sở³ thành từ 2 phô trở lên, thì quan chưởng ấn và quan phân quản bị trói đánh. Khi giặc đánh thành, để thiếu thốn và phóng hỏa khí không đúng phép thì người chính phạm bị giết rao cho mọi người biết, những người bị tội lây như trên kia đều cắt tai. Kẻ nào quay đầu lại thì cắt tai. Kẻ nào thiện tiện hành động thì cắt tai. Thấy giặc mà nói to làm ồn, hay bị thương mà kêu to sợ chạy, thì chiếu theo luật lâm trận co rút mà giết rao cho mọi người biết. Đêm hoảng sợ thì xét bởi vì đâu, cả rạp cả ụ và bản quản kỳ bị tội lây. Trung quân ở nơi cao mà tiếp ứng ở ngoài và hiệu lệnh các ụ canh bị nhầm chậm thì quan chưởng ấn bị trị nặng, người trông điểm canh giữ hiệu lệnh thì giết rao cho mọi người biết. Trong các phô, gặp khi giữ thành mà để đến tắt lửa cùng thanh la và trống đánh không rõ ràng, đều bắt tội quan cai quản. Phạm người phục ở đường đã đốt hiệu lửa mà Trung quân tiếp ứng chậm trễ, hay súng nổ không kêu đến nỗi người ở rạp nghe không rõ, cùng là lồng đèn không sáng, đến nỗi giặc xông đến dưới thành, đánh thành lên trĩ, thì người giữ hiệu trống và người đứng trông đều giết rao cho mọi người biết, quyết không tha sống. Quan chưởng ấn thì trói đánh 100 roi và cắt tai.

Việc nhu bị.

Mao tử nói: Nhu bị trước phải sắm sẵn những vật cần dùng, chỉnh đốn những đồ cần dùng...

Sách Võ bị tổng yếu nói: Phạm phép giữ thành có 5 điều bị thua:

Một là quân lớn mạnh thì ít, quân nhỏ yếu thì nhiều;

Hai là thành lớn mà người ít;

Ba là lương ít mà người nhiều;

Bốn là súc vật và của cải chứa ở ngoài;

Năm là bọn cường hào không tuân lệnh.

Thêm nữa là ở ngoài thì cao mà trong thành thì thấp; mạch đất cao mà hào rãnh nông; khí cụ giữ thành chưa đủ, nước củi không có; dầu có thành cao cũng nên bỏ mà đừng giữ.

Cũng có 5 điều trọn vẹn:

Một là thành trì sửa sang tốt;

Hai là khí giới đủ;
Ba là người ít mà thóc nhiều;
Bốn là trên dưới thân yêu nhau;
Năm là việc thưởng phạt nghiêm trọng.

Thêm nữa lại được ở dưới núi lớn, ở kề sông rộng, cao không gần như hạn mà nước dùng đủ, thấp không gần với nước mà ngòi rãnh ít, nhân được của trời, dùng được lợi đất, đất chắc nước chảy, hiểm trở khá cậy. Gồm được các hình thế ấy thì việc giữ có dư sức. Cho nên *Binh pháp*⁴ nói “Thành có khi không đánh” và nói “người giữ giỏi giấu ở dưới chín lần đất” đều là thế đấy.

1. Cứ năm ụ thì làm một rạp.

2, 3. Vệ và sở là chỗ đóng quân để giữ các địa phương trọng yếu, vệ lớn hơn sở.

4. **Tôn tử.**

Sách *Hổ kiếm kinh* nói: Trong khi giữ thành thì thức ăn, ngũ cốc, lương khô, cá muối, vải lụa, thuốc men, thợ thuyền trăm nghề rèn đúc, rơm rạ, lau sậy, than tro, cứt đá, cát sắt, củi lửa, nhựa thông, cỏ khô, dầu mỡ, vỏ gai, chần chiên, gai góc, phen rèm, chõ vạc, cong chum, dùi đục, dao cưa, đùi dài, thang dài, thang ngắn, câu liêm, móc sắt, những vật người ta thường dùng, hết thầy phải đủ, phải sai sửa sang chỗ hư hỏng, để sẵn trên thành. Ở khoảng vào đội phải đặt ở chỗ lề xoay 2 súng nhỏ, ở chỗ lề đá một súng lớn, và thang mây, gỗ húc v.v... Ở khoảng ấy trước phải theo mình thành dùng gỗ nhô lên làm nữ tường chông, cao hơn nữ tường đất 5 tấc trở lên, lấy ván mà dùng, tùy việc hoãn cấp mà mở đóng. Nếu địch dùng tên đạn, thì mép đá dưới lầu tường cho nó nhô ra ngoài mà treo lủng lẳng tấm da trâu sống, hoặc chần chiên hay túi lông để che. Những nhà trong thành đều sai đặt nước phòng hỏa, hện trước rằng để cháy thì chém. Những nơi phát hỏa phần nhiều là sợ có quân gian đốt, phải khiến chủ tướng gần đó bắt bộ quan lĩnh già trẻ đàn bà con gái đến cứu. Lửa cháy thì sở bộ kíp trình với đại tướng thân lĩnh người thân tín tả hữu đến cứu. Trong thành bấy giờ có sự sợ hãi và có nhiều người lộn xộn, những người ở trên thành không được tự lìa chức việc mà chạy rổi ở đường phố. Ai trái thì xử chém.

Nếu giặc đẩy xe lại đánh, thì trước đem súng tay bắn, súng tay đã trúng thì bị thương hẳn nhiều; kẻ đến bị thương thì sức không đều nữa.

*

* *

Cửa treo. Treo ván gỗ làm cửa, dùng sắt mà đóng như ván sà.

Ván treo. Quanh thành ở trên đài địch đều treo ván cả; khi bị địch đánh, thì lật ván lên để bắn tên đạn.

Cửa đột. Đục ở mình thành, đối thẳng với dinh địch, ở trong đào ít nhiều đường ngầm tới cách mặt ngoài thành 5, 6 tấc thì dừng đào nữa, nửa đêm giặc mới đến, dinh trại chưa định, cho quân tinh kỵ do cửa đột ấy nhảy ra đánh lúc không ngờ.

Trát cánh cửa. Lấy bùn đất trát cánh cửa, dày độ ba thước, để chống chất lửa.

Đục cửa. Phòng định bức tới cửa, trước đục cánh cửa vài mươi lỗ để chia nỏ bắn ra và chia giáo dài mà đâm, dù địch có bức tới cũng không gần được cửa.

Trát sà cửa. Lấy bùn trát sà gỗ trên cửa, ước dày 5 tấc để chống lửa.

Phên dày. Ở trên nữ tường, nhô đầu rui ra cách tường 3 thước, lấy cành liễu cành gai mà đan phên dài độ 2 trượng, rộng 5 thước, treo ra đầu rui để đỡ tên đạn.

Màn vải. Dùng vải dày làm màn, dùng sào treo ra ở ngoài nữ tường thì đỡ cho tên đạn không bắn vào tường được.

Đùi liễn. Như kẹp đập lúa, để quay mà đánh người leo lên thành ngoài nữ tường.

Cần trượng. Như cây thương, đầu làm hai chia, dùng để chống thang bay và người leo lên thành.

Cần móc. Như cây thương, lưỡi có móc câu, có thể móc người. Trên thành có sà gỗ, có thể chứa được một đội quân, làm móc sắt cán dài đặt đáy để dùng. Nếu giặc trèo nữ tường nhảy lên, đợi thò mình lên thì các móc đều đưa ra ngoặc kéo vào trong thành, rồi lấy dao, dùi, búa xúm lại mà đánh.

Tật lê sắt. Nếu giặc dùng mộc lư (lừa gỗ) đánh thành, thì ta dùng tật lê sắt để ném. Phép làm tật lê sắt, lấy sắt chín đường kính rộng 1 thước 2 tấc,

bốn thanh ngang dọc như hình chông gai, rồi đem nước sắt dội vào giữa, nặng 50 cân, trên đặt mũi sắt và dây xích sắt để ném thẳng xuống rồi dùng ròng rọc kéo lên. Trên mộc lư có da trâu trát bùn, ném tạt lê sắt rồi phóng đuốc tưới dầu mà đốt.

Củ ấu sắt. Hình như tạt lê sắt nhỏ, có cái vòng luồn. Nếu giặc dùng xe húc đánh thành, thì ta dùng vòng sắt to và ốc thừa tử¹ mà làm, dùng dây mà vắn, khi gặp đầu húc, ta dùng cái vòng luồn vào đầu húc, giữa chỗ khuyết, sai tướng sĩ kéo thì cái xe húc bị lật đổ, cung nỏ cùng bắn, giặc tự nhiên phải thua chạy.

Đánh thuốc mù. Dùng vôi và cám, theo chiều gió ở trên thành mà tung xuống, làm cho mù mắt, rồi đem nước sôi dội xuống.

Lề xoay. Ở đầu cầu đặt lề xoay, đặt ván có lề xoay thì người ngựa không sang được, đều lăn nhào xuống nước.

Nữ tường lề xoay. Phàm quân đánh thành, để chống đỡ tên đạn phải đội mũ hến thì trông xiên không tiện, mặc áo giáp dày nặng thì tiến lùi lại khó, tiến đã không lên được thành, lui thì bị vướng ở sau, quân giặc lấy làm xôn xao, ta làm nữ tường lề xoay nhô ra ngoài thành, cho ròng rọc thả dây sắt xuống, đầu dây sắt buộc chân chi² ném xuống giữa chỗ quân giặc đương xôn xao.

Bắn nỏ tên lớn. Dùng gỗ dâu vàng làm cung dài 1 trượng 2 thước, đường kính 7 tấc, hai đầu cánh cung 3 tấc, chống vào xe vắn mà giương cung, tên lớn bắn một phát, tiếng như sấm vang.

Chứa gỗ. Chứa một đồng gỗ, đường kính 1 thước, đầu nhỏ 6, 7 tấc, dài 5 thước, chờ giặc lên thành thì ném đồng gỗ ấy xuống.

Chứa đá. Chứa sẵn các thứ đá lớn nhỏ theo mình để ném quân giặc.

1. Ốc thừa tử, không rõ là cái gì.

2. Tức là phi câu, móc sắt để ném.

Cong nghe. Đốt sâu hơn thành, bốn góc đào giếng, giếng đào sâu 2 trượng, sai người úp cái cong mới ở trên giếng, ngồi ở bên ngoài, giặc đến thì nghe, trong có lỗ, các địa đạo ở trong thành đều nghe trong cong mà phân biệt xa gần.

Thiên tình. Ở tám phương trong thành đào giếng sâu 2 trượng, lấy cong mới dùng da mỏng bưng miệng như trống, khiến người thính tai gõ lên miệng cong mà nghe thì giặc ở cách thành 500 thước cũng đều biết hết.

Liệu tính lương thực. Việc giữ thành toàn nhờ vào cư dân, mà cư dân thì toàn nhờ vào binh mà ăn. Vậy nên trước phải liệu dân liệu quân mà liệu thức ăn. Dân ở trong thành và dân ở ngoài lánh nạn mỗi người mỗi ngày tính gạo ăn hết nửa cân, than hoặc củi 5 cân, tính từng miệng ăn, phải chứa sẵn 3 tháng. Nếu không tự trù bị thì ai đoái đến mình. Ninh-hạ bị vây mà chết đói hết nhiều, nên hỏi xem. Những người hàng ngày chỉ kiếm lấy từng thương từng lẻ, bị thành đóng cửa thì hết lương. Ta đã nhờ họ mà giữ thành thì ta phải thay họ mà liệu miếng ăn, không thế thì họ phải đói, sao giữ được giặc! Cho nên một phủ không có 1 vạn cân cỏ, 2 vạn cân lương, 20 vạn cân than, 150 cái giếng, châu huyện lớn không có 5 nghìn cỏ, 1 vạn rưỡi lương, 10 vạn than, 70 cái giếng, châu huyện nhỏ không có 2 nghìn cỏ, 1 vạn lương, 5 vạn than; 50 cái giếng, thì đều là cấu thả, chờ mệnh ở trời, may mới khỏi địch. Phàm những người giữ thành có gạo thì tự cấp, không gạo thì quan cấp, mỗi lần cấp một thạch làm một suất, 10 người có một người đầu bếp, cùng ăn một chỗ. Nếu để các nhà đưa cơm thì rồi không thể nói được, và truyền đạt khó tới, no đói bất thường, đó là lối thua vậy. Dân ngoài lánh nạn thì có họ mạc nhờ họ mạc, không có họ mạc thì nhàn ước phải xếp đặt, như ở trong chùa miếu thì tăng đạo phải báo tên, kén chọn mà khiến giữ thành, cho phòng nằm một nơi. Còn dư các nơi chùa chiền công quán đều phải cho dân làng ở đậu, chật hẹp khó dung, nhưng đã có thức ăn và thóc, ngoài ra không hại. Đại khái con trai mạnh mẽ đã cho giữ thành, người già yếu cùng ở mấy nơi, đàn bà cùng ở mấy nơi, ở ngoài cửa dán tên để tiện sự ghi nhận. Ở trên thành thì 10 người làm một pho, pho thì trên che chắn chiếu để chống gió mưa, 10 người một bếp, 5 người 1 lần cắt phiên nhau ăn, đàn ông già và đàn bà thì làm thức ăn, đàn bà khỏe thì gánh nước, trẻ con thì sai khiến đi lại. Đốt lửa thì dùng củi, không dùng rơm cỏ, để phòng cháy. Dùng dao đá lửa để phòng khi lửa tắt.

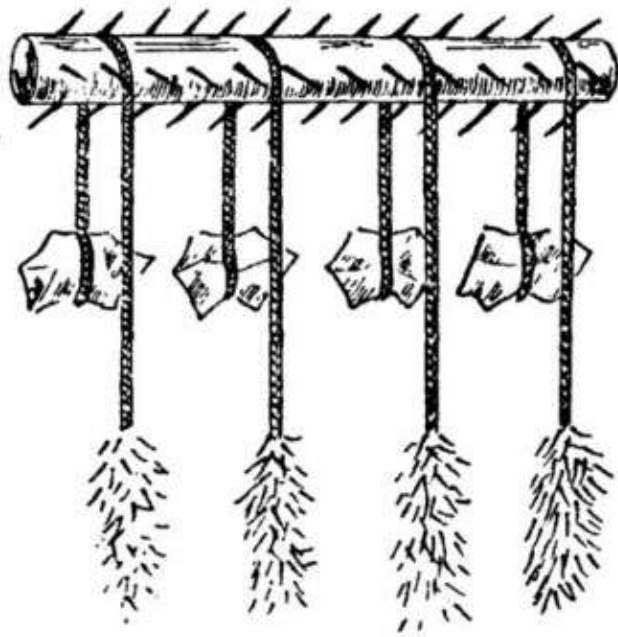
Phòng việc sửa đắp. Trên thành mỗi mặt phải phòng bị một vạn gạch, đất vàng 10 xe, vôi 10 cân, nước 100 lọ. Mỗi 10 ụ thì dùng 2 tấm sắt, 2 con

dao nhọn, 6 cái cánh cửa, gậy dài 15 thước 4 chiếc, để phòng khi giặc đánh phá vào tường thành mà kịp thời sửa chữa.

Đặt hiểm trong hào. Có sông ở gần hào thì nên đóng hơn trăm cái cọc gỗ, theo hình chữ nhân (人) ở trong sông, cao hơn mặt nước độ 1 thước, phòng có lâu thuyền đến phá thành.

Đặt sà hờ. Nên gác ở ngoài ụ canh một cái sà hờ, mỗi cái ước rộng 3, 4 thước, dài 6, 7, 8 thước, quanh thành đặt tiếp liền nhau. Phép gác thì hoặc dùng gỗ nhỏ hay dùng tre, mỗi cây dài bằng chiều rộng của sà, chừng 3, 4 thước, một nửa chĩa ra ngoài ụ, một nửa phóng vào trong ụ; ngoài thì làm sà hờ, trên sà thì lấy đá gạch mà đè, trời lạnh thì để thêm vài bao vải ở trên; trong thì dùng dây mà treo đá lủng lẳng. Nếu giặc bắc thang lên sà, thì sà mỏng mảnh không để thang được, gạch đá liền rơi xuống thành, những đá treo ở ngoài thì rơi xuống thành, những đá treo ở trong thì rơi xuống trong tường, người giữ ụ canh do đó mà tự biết. Nếu giặc đặt thang ở dưới sà mà treo lên sà, thì khi leo lên đương đầu vào sà làm cho đá rơi loạn xuống.

Đặt cây nại hà. Ở khoảng tường ụ, dựng cây nại hà. Phép dựng cây nại hà phải dùng ba cây gỗ làm giá, hai cây đứng, trên gác một cây gọi là cây nại hà, nặng nhẹ phải xứng với cây gỗ đứng, trên cây này thì đóng chốt xen tráo trở lẫn nhau, rồi gài ngược những gai hổ sọ¹, dùng 3 thước dây cỏ to bằng ngón tay, một đầu buộc bó gai, một đầu buộc hòn đá nặng 2, 3 cân, lấy đá và dây cuốn vào gai và gỗ thòng đầu xuống bên ngoài tường. Khi giặc lại đánh úp, đã không thể vịn bám mà leo lên, lại không thể bay qua mà vào. Hễ động chạm đến thì đá rơi xuống và cây gai cũng rớt, giặc tự bị thương, binh phu canh ụ do đó mà biết, tức thì ném gạch đá xuống làm cho giặc bị thương nhiều. Vì giặc không thể làm thế nào được, cho nên gọi là cây nại hà.



Hình 62. Cây nạy hà

Nghiêm cửa thành. Các cửa nếu dùng đá xây kín hay dùng đất lấp đi thì có thể phòng sự bất trắc. Nhưng quân ta còn phải ra đánh, sợ cản trở lối ra vào, cho nên chỉ đục năm lỗ ở cánh cửa vừa ngang ngực, dùng năm cung nỏ mà giữ thì giặc không dám tới gần.

Đặt cửa xuyên. Trong thành, đầu cửa đường mã đạo ở hai bên phải xây tường bền chắc, thẳng tiếp với các nhà phố, dưới tường để cửa cho tiện nhân dân ra vào. Cách cửa thành 1 trượng, đào 1 đường hố, rộng 5 thước, sâu 1 trượng, dài thông tới hai bên đường phố, dùng mũi thương sắt nhọn dài 1 thước đóng lên trên ván, để đầy đáy hố; bên hố thì đóng cọc nhỏ lấy dây gai ràng qua ràng lại, trên trái chiếu, trên chiếu đổ đất, cốt cho bằng mặt đất để không ai nhận biết được. Đợi khi đánh thành cửa mở, tự nhiên có kẻ tranh tiến vào, nếu rơi xuống hầm thì trên thành lấy đá ném loạn xuống, hẳn có người chết, như thế thì họ không dám tiến nữa. Nhân dân nếu cần đi lại thì ở hai đầu đường hầm đặt ba tấm ván liền nhau, làm lan can để vịn, sợ xảy chân một cái thì rơi xuống, không thể sống được.

Chuẩn bị tạp vật. Những vật dùng về hỏa khí như diêm tiêu, lưu hoàng, chì, sắt, quan hệ không nhỏ, không thể bỏ cho giặc dùng được. Những khách bán và phường đúc phần nhiều ở ngoài thành. Nên trước tra xét tên họ nhà hàng và phường đúc, hễ có báo động thì cho giáp bảo địa phương ấy áp đòi diêm tiêu, lưu hoàng, tiền kẽm và các đồ sắt khuôn chuyển vào

thành, và chuyên sai quan đến xét hỏi, kẻ nào trái lệnh thì xử theo tội giao thông với giặc, của cải thì sung vào nhà nước. Giáp bảo không báo thì cũng xét hỏi cả. Như có dùng vào việc công thì chiếu theo thời giá đem bạc mà mua. Những bình vôi, thuốc độc và các vật dùng để sửa xây, đều do các lò vôi và các lò gốm lãnh giá đúng hạn đưa đến. Vôi thì phong ghi lại để ở các tự viên dọc thành để phòng cấp dụng. Còn bình vôi thì sai chủ lò gốm lãnh giá, làm những cái bình vôi nhỏ nhẹ, nung đối, không nên quá kỹ, dự bị để dùng. Trên thành muốn đốt giặc phải nhờ rơm cỏ và củi khô. Trước kỳ cho giá khiến hộ củi hộ lương lãnh bán cho hàng nghìn vạn bó, đánh đóng, chứa vào những kho xưởng bỏ rồi để chờ lúc cần dùng. Dầu đuốc là những vật cần cho việc giữ thành, không thể thiếu được, nên xét các hàng dầu, các phố bán dầu ở ngoài thành, giao cho các giáp bảo trong ngày có báo động áp dân y kỳ vận chuyển các hạng dầu rái, dầu lạc, dầu trầu, dầu vừng, sáp trắng vào thành cho mở hàng bán, như có dùng vào việc công thì chiếu theo thời giá đem bạc mà mua. Lại đốc quan tra xét hễ không y kỳ chở vào thì cả tổng giáp phải phạt mang gông, mà dầu thì thu vào nhà nước. Thợ rèn, thợ tên, thợ cung, thợ nỏ, thợ tre gỗ, thợ thuốc súng, thợ đá đất, đều phải sẵn nhiều trong thành để phòng khi cần dùng. Dưới cửa thành để sẵn ang nước, một là để dùng lúc khát, hai là để dùng chữa cháy. Trên thành cứ năm ụ canh thì đặt một ang nước to, chứa nước đủ dùng. Mỗi một hiệu đầu để sẵn một cái bàn, bút nghiên một bộ, giấy nhỏ rộng một tấc độ 100 tờ, phòng lúc hoãn cấp cần để viết chữ truyền báo các nơi; chổi gai hai bó, câu liêm hai bộ để phòng chữa cháy. Để nhiều đèn lồng soi thành, phòng ban đêm có giặc đào thành, hay nhắm chỗ đen tối thả dây leo vào trong thành phóng lửa làm rối trong quân.

Chuẩn bị tuyên truyền. Mỗi một ụ canh để sẵn một cái mõ gỗ hay tre; mỗi phô để sẵn một trống lớn một trống nhỏ, 2 thanh la; mỗi phô dùng một con ngựa khỏe để đi truyền tin khẩn cấp, mỗi đài địch để sẵn lưu tinh² gặp khi cần cấp thì đốt để cho du binh của bản diện tiếp ứng, mỗi phô lại để sẵn một chậu lửa rấm, giữ không cho tắt.

Chuẩn bị đèn lửa. Mỗi ụ canh để một cái đèn, 3 ụ canh treo một cái đèn. Đèn phát giấy bóng mới cho sáng, trên đèn đập chụp bằng giấy bóng để phòng mưa, trên chụp đèn một miếng ngói nhỏ để phòng gió; được chụp

bằng cốt tre thì càng tốt. Mỗi đèn dùng một cái cần buộc dây gióng xuống dưới thành cách đất 7 thước, để nếu giặc đến dưới thành thì ta chiếu thấy, mà ta cầm cần ở cửa ụ canh thì giặc không thấy ta. Khi kéo đèn thì có người canh, không để nhờ việc. Nhưng dây treo đèn nên làm nhỏ, chỉ vừa mang được một cái đèn, giặc không thể bám dây ấy mà leo lên thành được. Mười ụ canh dùng một cái hỏa cầu thì tốn dầu đuốc không mấy.

1. Thứ gai lớn và sắc.

2. Tức là pháo thăng thiên làm hiệu.

*

* *

Sách Võ kinh tổng yếu:

Phàm phép giữ thành, khi giặc đến sát thành thì cứ im lặng mà đợi, không ra đánh ngay. Liệt giặc đến vừa tầm tên đạn, thì dùng thuật mà phá, nếu gặp được chủ tướng của giặc đến, thì tính lúc tiện lợi, dùng nỏ tốt xúm bắn và ném đá xuống cho chết, thế thì giặc sợ hãi thế tất phải lui. Nếu được người giặc xin hàng hay xin hòa thì cũng đừng nên trễ nải, mà nên càng chống giữ cẩn thận phòng nó lừa ta. Nếu giặc đánh đã lâu không nhổ được thành mà bỏ đi, thì đó là quân đã mỏi mệt, nên theo mà đánh thì tất phá được. Đó là nhờ có tướng giỏi, thấy lợi thì làm, không câu nệ theo lối thường mà kiểm xét vậy.

Phàm giặc đánh mọi cách không lợi thì tất dẫn nước để dội vào thành. Ta phải lấp kín các cửa, xét thành có chỗ nào hỏng thì đắp lại. Trong thành đã bị vây chặt thì phải xem nước ở ngoài cao thấp thế nào, rồi đắp riêng một cái tường rộng, lấy đất ở ngoài tường cho sâu tới một trượng. Binh lính thì vẫn giữ thành như cũ. Xem khắp địa thế có nơi nào có thể tiêu nước thì cách vài mươi bước đào một cái giếng, các giếng thông nhau ở trong cho nước chảy tiêu đi. Nếu nước đã vào thành thì ở chỗ ngoài tường mới đắp, làm 20 chiếc thuyền, mỗi thuyền kén 30 người dũng sĩ, giữ lấy cha mẹ vợ con làm con tin, rồi trao cho cung nỏ gươm ngắn và thuốc cuốc, khiến đêm tối từ cửa ngậm tằm mà ra đào đê kè của giặc, phá dinh trại của giặc. Những dũng sĩ kén đây phải dự lập thủy chiến. Liệt sức không đủ thì cho thêm thuyền để đi. Hoặc giặc đã biết thì trên thành khua trống reo hò để trợ thế.

Phàm giặc có quân dũng hãn, hãn khiến đến xung đột cửa thành của ta, ta nên giả làm không biết, mở cửa để chờ, trên đường đặt hố sập ngựa và cầu máy, ở chỗ tường lớp ngõ cong thì cho phục binh đánh úp. Nếu ước lượng giặc độ 1, 2 trăm người thì hạ ván tháp của các lớp cửa, khiến giặc quân trước đã thua, quân sau bị đứt.

Phàm trong thành khí giới đã đủ, chống giữ đã được, nên ra quân kỳ, dùng thuật trá, lấy đánh thay giữ, để mà giải vây. Trước hết phải làm cửa ngầm, hoặc nhân giặc mới đến, trận chưa chinh, hoặc đêm hôm nhân giặc không biết, hoặc giặc đánh thành mới nghỉ, hoặc giặc vây lâu đã mỏi, lén cho quân tinh kỵ ngấm tẩm ra đánh, đánh giặc thua rồi thì không nên đuổi theo; hoặc quân ta chưa ra mà giặc đã đến, xông cửa mà vào, thì ta ở trên thành quay mặt vào trong mà vắn đá to cho rớt xuống đê để chặn không cho nó vào.

*

* *

Sách *Hành quân tu trí*:

Dùng ống pháo lửa, thương dài, đuôi gỗ, pháo tay để đánh người dưới thành.



Hình 58. Đuôi gỗ

Dùng nỏ bàn, phóng tên lửa và pháo lửa mà đốt cỏ củi lấp hào.

Dùng pháo lửa để bắn thổ sơn và nga xa động tử¹.

Thành trại nếu ở vào nơi đồng bằng, hay ở gần có suối tự cao nguyên chảy xuống và có sông ngòi, thì nên phòng giặc dùng cách xẻ úng cho nước ngập thành ta. Tỉnh Hà-đông ngày nay, tức thành Thái-nguyên ngày xưa, quân nhà Tống đã xẻ sông Phần-thủy mà dội xuống quân Lưu Duy-nguyên là thế.

Quanh thành đặt nhiều cửa đột, ngầm cho quân mạnh và ngựa đánh vào chỗ không ngờ của giặc. Nếu giặc ở trên núi cao ngoài thành, dựng vọng lâu để xem hư thực ở trong thành ta, nếu quân ngựa ở trong thành có ít, thì cho cùng với trâu ngựa của cư dân, hết thảy đều mặc giáp mà phô bày ở nơi phố chợ, lại khiến cư dân lên thành, trai trẻ đứng trước, già yếu đứng sau, cần nối tiếp nhau.

1. Thổ sơn: Núi đất đắp ở ngoài thành để leo lên mà nhìn vào trong thành và nhân đó mà trèo lên thành.

Phép “Nga xa động tử”, cho chở đất mà lấp hào, làm núi đất ở phía trong động hào (Tức là chỗ rãnh hào trống rỗng). Khiến người chia làm hai hàng tá hữu, một hàng chuyên đất vào hào để lấp, một hàng chuyên đồ đựng không ở động (hào) ra. Chỉ sai riêng những tráng sĩ đem đất vào thôi, không nên sai người đi lại khiêng gánh không tiện. Đắp được gò đất có thể đứng trông được; lại đóng cọc gỗ, rồi dùng túi vải đựng đất chôn chặt để lên thành; chứa nhiều củi dóm thành đống cao rộng ở bên thành là hay. Còn khoáng đất ở động (hào) thì đặt nhiều thùng nước bùn và chổi gai để phòng đầu rái, hóa tiền và hóa pháo của địch ném xuống.

Trọng nhân chinh. Giữ thành cần phải định khí. Phàm ở ngoài 50 bước, nghe thấy giặc hét nói đập phá hay dùng quân tiên phong đi tuần trước, nói phao là đến đánh, thì dừng động. Khi cách thành 10 bước thì đài địch mới bắn tên đạn và dùng thương. Giặc đội cỏ vào đánh thành thì lăn đá to xuống; giặc chở xe đến đào thành thì ném củi vào hai bên xe và dùng lên lửa để đốt. Giặc đến dưới thành, thế tất phải ngửa mặt lên, thì ta phun phân, phun lửa, vãi tro. Giặc ba người cầm cần móc mà đánh ta, thì ta dùng cái xẻng bán nguyệt mà cắt dây da, tất 1 người ngã lăn ra, hai người ngã nghiêng ra; một người cầm cần móc thì lấy xẻng bán nguyệt mà đẩy chéch đi, đẩy khỏe thì ngã, nhưng phải dùng búa lớn mà đánh nát đầu móc. Nếu giặc bắc thang mây 4, 5 người xâu cá mà leo lên, thì ta dùng cái xẻng bán nguyệt, 4, 5 người dựa cột hết sức mà đẩy, nếu là thành đất thì đẩy ra ngoài là thang phải đổ, nếu là thành gạch thì đẩy xiên là thang phải nghiêng; lại dùng thương ba mũi cực lực mà đâm vào mặt giặc, lòng giặc, bụng giặc, cốt đâm trúng một chỗ nào. Giặc bám tay vào cửa ụ thì dùng búa rìu mà chặt đứt mười ngón tay. Nếu dao của giặc liếc quanh cửa ụ thì dùng gậy lớn đánh vào dao, hoặc lấy vũ tu thương mà bắt giặc, lôi lên mà giết. Đầu giặc khi vào cửa, thấy cái mũ thì dùng búa mà đánh vỡ óc, thấy cổ thì dùng dao búa mà chém lấy đầu; đã nhảy vào trong ụ rồi thì chân tay không làm gì được nữa, dân phu cả giáp cứ loạn xạ đánh chém, cốt sao cho chết. Giết chết 3, 5 tên giặc thì treo đầu lên thành, quăng xác xuống dưới, giặc tự vỡ mặt, không dám tới gần. Nếu không định khí trước, khi giặc mới ở ngoài trăm bước đã hoang mang, loạn phóng tên đạn, khí giới đã hết, khí lực đã thiếu, gan ruột đã loạn, đến khi giặc tới gần thành thì lấy gì mà chống! Đó là điều rất phải răn trong việc giữ thành.

Cẩn thận tên đạn. Khi quan quân đi tuần thành, đến bên thành bắn tên hay súng, trên thành không được ồn ào. Đợi giặc đến gần thành, mới sai

những tay bắn giỏi bắn quen nhân tiện mà bắn, cốt sao cho trúng giết được 1, 2 tên giặc, thì bọn khác tất phải rút lui. Chúng không biết quân ta hay dở hư thực thế nào. Không nên bắn loạn mà hết tên thuốc. Nếu bốn mặt thang mây vây đánh, thì nên gom sức đều chống, không nên câu nệ.

Ném gạch đá. Trên thành xếp nhiều gạch đá. Rất kiêng khi giặc còn ở ngoài 10 thước phóng càn tên đạn và hỏa khí, đã không trúng giặc lại tốn thực dụng. Đại khái khí cụ giữ thành đều dùng ở trong 10 thước, phải thấy rõ ràng thì mới đích đáng: Người ta thường nói: giữ một dặm không bằng giữ một trượng, giữ một trượng không bằng giữ một thước. Càng xa càng uống công, càng gần càng đắc lực. Vì là cái mục đích giữ thành là chỉ sợ giặc lên thành, mà phép chống giặc là chỉ ngăn giặc lên thành, đánh xa lại không trúng, lại phí sức, lại tốn đồ dùng thì làm gì?

Nấu cứt người. Nấu phân người đến sôi, đựng vào lọ nhỏ mỏng, dùng lá tre đút nút khiến sao đến khi ném thì lọ vỡ cứt tung, chạm vào thịt người thì bồng đau đến chết.

Quý ngủ ngày. Quân chiến đấu không ngủ thì sợ quân giặc nhân đêm khuya lúc mệt lén vào, nên ban ngày phải chia ban luân phiên mà ngủ.

Đổi trống đêm. Đêm thì thúc trống hai ba lần như là sắp xuất quân, làm cho địch đêm không được ngủ, mà quân ta thực thì yên nghỉ trên thành; phải báo trước cho mọi người trên thành biết cho khỏi rối loạn. Trọn ngày ịa đá đều ném ra dưới chân thành ngoài. Trong thành người ít việc gấp, những phụ nữ còn trẻ nên mặc áo mũ đàn ông lên thành phòng ngự. Sớm chiều hò hét, đàn ông đàn bà con trẻ cũng nên đều tiếng, tỏ là ta có nhiều người, để trượng thanh thế. Nhưng trai gái một nhà phải họp với nhau một chỗ. Ai dám đùa cợt nhảm nhí thì chém đầu rao cho mọi người biết.

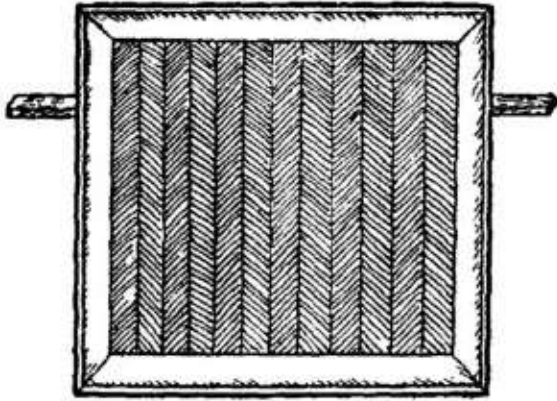
*

* *

KHÍ CỤ GIỮ THÀNH¹.

Hố sập ngựa². Dài 5 thước, rộng 3 thước, sâu 4 thước, trong hố trồng hai thứ thương gạc nai và chông tre, đều vót nhọn, đốt lửa cho thêm bền. Hố thì bày theo hình chữ *bốc* (卜), trên đập bằng cỏ, hoặc trên trồng cỏ, cốt sao cho địch không biết. Phàm trên đường địch đến và trong ngoài cửa thành đều đặt hố này.

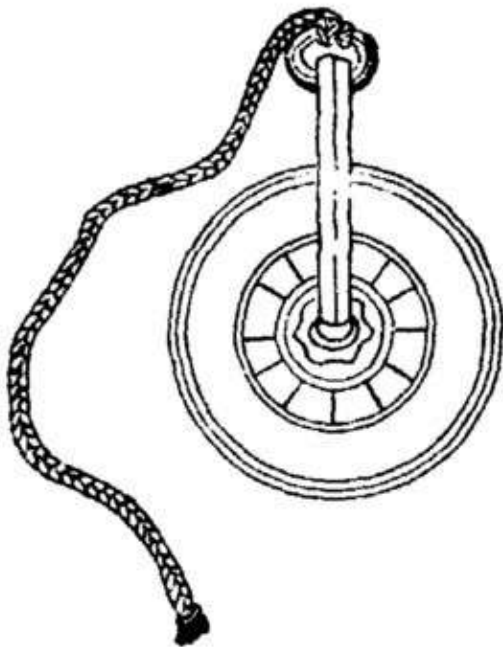
Phên dày. Lấy cành cây kinh hay cây liễu mà đan, dài 5 thước, rộng 4 thước, bọc bằng da trâu sống, ở sau lưng thì đặt cái sào ngang dài 6, 7 thước.



Hình 54. Phên dày.

Dùng ở trên sàn chiến thì lấy mộc mã mà dựa, ở ngoài nữ tường thì lấy que chân chó mà treo.

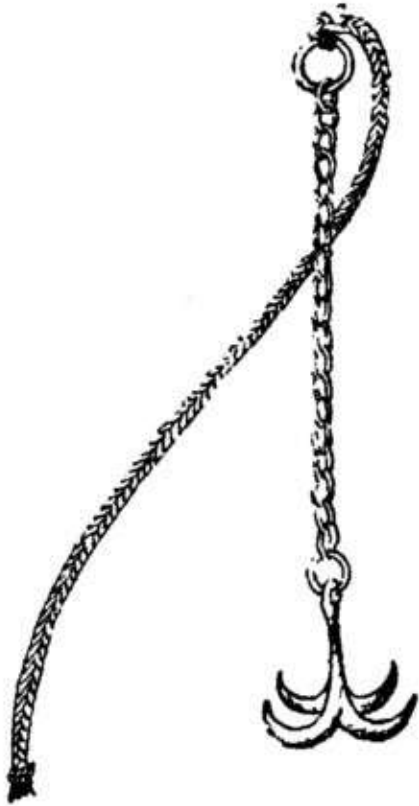
Xa cước lô (Đùi bánh xe). Dùng cây gỗ đường kính 5 tấc, hai đầu đặt hai bánh xe, đường kính 2 thước, lấy dây xích sắt và xa trục mà phóng xuống rồi lại kéo lên, dùng để đánh quân địch leo thành.



Hình 55. Đùi bánh xe

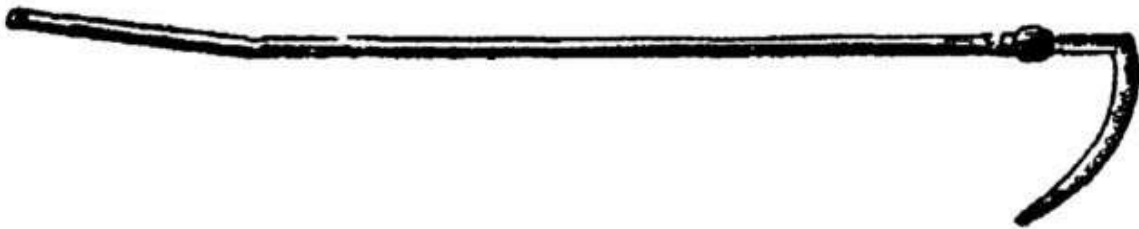
Phi câu (Móc bay). Có tên là chân chi bằng sắt, móc câu dài và sắc chìa ra bốn phía, buộc dây xích sắt và tiếp bằng dây gai. Phàm quân địch mặc

áo giáp nặng, đều có nón nhọn, sợ tên đạn không dám ngửa nhìn lên, chờ chúng đến họp đông thì ném móc vào giữa đám đông rồi kéo gấp lên, mỗi móc có thể móc được 2 người.

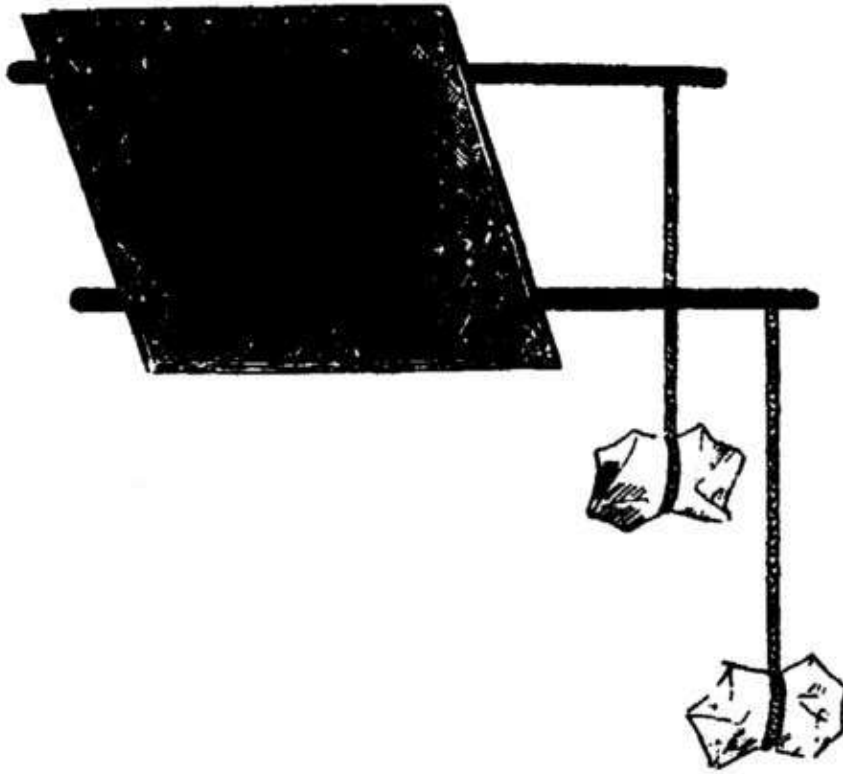


Hình 56. Móc bay

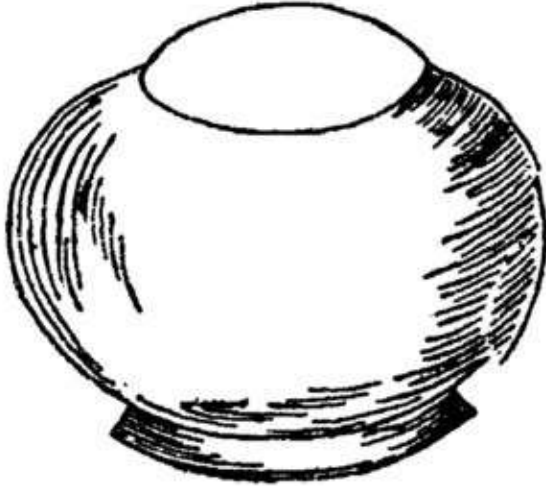
1. Mục này trích ở sách **Vũ bị chế thẳng chí, quyển 11.**
2. Ở quyển I chương “Bình cụ” đã có nói về “hổ sập ngựa” rồi.



Hình 57. Móc sắt dài



Hình 60. Phên gác



Hình 63. Chum nghe

III – Xông Vây

Quân địch vây thành chặn đứt đường sau ta, trong cuộc đánh dữ dội, thư thả thì quân tất bại loạn, đánh nhanh thì có thể hoành hành xông ra. Nếu đã ra

ngoài vòng vây thì quân tả chạy mau bên tả, quân hữu chạy mau bên hữu, không giành đường với địch.

Lại biết được những nơi trống hở mà gắng sức để ra. Lại ngậm tăm đi đêm mà ra, dững sĩ ở trước, nhược sĩ ở giữa, quân phục ở sau. Ra rồi đi thông thả, cẩn thận, không sợ hãi. Quân địch nếu tiến thì quân phục đánh như từ trong đất ra, như từ trên trời xuống, còn ai chống lại được!

Phàm ra, trước phải đốt xe cộ, đốt lương thực của ta, bảo rõ cho lại sĩ của ta rằng đấu mạnh thì sống, không đấu mạnh thì chết. Chỗ gò đồng hiểm trở thì địch không dám theo, kẻ ra trước lấy lửa làm dấu, kẻ ra sau đến chỗ lửa thì dừng.

Nhân thiên thời mà phá được địch. Lưu Ý nhà Tống đóng quân ở phủ Thuận-xương¹, quân Kim đã vây 4 ngày. Quân Kim càng ngày càng đông, bèn dời dinh sang Lý-thôn. Ý sai Diêm Sung mộ 500 người tráng sĩ đánh đêm vào dinh. Chiều hôm ấy trời muốn mưa, chớp sáng bốn mặt, hễ thấy ai tóc dóc² thì giết. Quân Kim đuổi 15 dặm. Ý lại mộ 100 người cho đi, có người xin ngậm tăm, Ý nói: “Không nên dùng tăm”. Sai bẻ tre làm còi, như còi trẻ con ở ngoài chợ làm trò chơi, mỗi người cầm một cái để làm hiệu, thẳng tới dinh quân Kim. Hễ thấy chớp lòe sáng thì đều đánh hăng, chớp thôi thì náu im không động. Quân giặc cả loạn. Trăm người hễ nghe tiếng còi thì họp lại, quân Kim lại càng không thể lường được. Đánh như thế suốt đêm, quân Kim chết rất nhiều.

Hoặc có kế giả làm thần mà giải vây, như Cảnh Cung nhà Hán giữ thành Kim-bồ³, dùng thuốc độc bắn tên, gọi là tên thần của quân Hán. Hung-nô sợ mà giải vây.

Hoặc dùng hỏa công mà giải vây, như Hoàng-phủ Tung đánh giặc Hoàng-cân⁴.

1. Thuận-xương: Tên đất, thuộc tỉnh An-huy, Trung-quốc.

2. Người Kim dóc tóc.

3. Thuộc đất Tân-cương ngày nay.

4. Nông dân khởi nghĩa ở cuối đời Hậu Hán.

Hoặc dùng cách kêu khống mà giải vây. Như Lưu Côn nhà Tấn bị giặc vây, bèn nhân đêm trăng lên lầu kêu khống, thổi khúc kèn Hồ, tiếng ai oán véo von.

Giặc nghe lấy làm buồn, bỏ vây chạy.

Hoặc có người trá hàng mà giải vây. Như Lý Quang-bật nhà Đường bị giặc vây, khiến người nói dối hẹn với giặc ra hàng, bèn ngầm đào đường hầm mà dinh địch bị hãm.

Hoặc có người giả chạy mà giải vây. Như Trương Tuần nhà Đường bị Lệnh-hồ Triều vây, Tuần nói dối Triều là muốn đem quân chạy, xin lui một xá. Triều cho. Bèn bỏ thành không ra bốn phía cách 30 dặm, dỡ nhà dẫn cây rồi trở về phòng bị. Lại dụ Triều trả cho 30 con ngựa để cấp cho quân kiêu ky, xông ra bắt được 40 tên tướng giặc.

Hoặc liều giữ mà giải vây. Như Lưu Ý nhà Tống dùng thắng quân đánh vỡ Ngột-truật nước Kim.

Hoặc dùng phản gián mà giải vây. Như Trần Bình nhà Hán khiến người vẽ tượng mỹ nhân gửi biểu Yên Chi để giải vây thành Bạch-đăng¹.

Phàm quân ta vây đã chắc thế rồi, giặc chưa tính kịp, ta tức thì tìm con đường mà quân viện của giặc tất phải đi để giữ chặn; lại khiến quân phục đợi đó; lại trương cao cờ trống làm cho người ở trong vòng vây phải sợ. Thấy quân nó rối loạn thì phải thừa lúc sơ hở mà đánh.

Phép đánh giặc, trước phải đánh quân viện, khiến không có quân ngoài đến cứu. Liệu số thóc ở trong thành, tính số người tiêu phí, lương nhiều người ít thì đánh mà đừng vây, lương ít người nhiều thì vây mà đừng đánh; sức chưa khuất, thóc chưa hết, thành còn bền, mà quân viện đến thì phải đánh ngay.

1. Thành ở núi Bạch-đăng, tại phía đông huyện Đại-đồng tỉnh Sơn-tây, Hán Cao tổ bị Hung-nô vây, ở đấy 7 tháng - Yên Chi là tù trưởng Hung-nô.

IV - Ứng Cứu

Đánh nên có thứ tự, cứu không nên có thứ tự. Có tội nên đánh thì dấy quân mà đánh. Có ước hôn nhân, có nghĩa lân bang, thì nên thương hoạn nạn mà dấy quân để cứu. Cùng một quân, nhưng đánh thì lấy có thứ tự làm hơn, - thứ tự là có ý chinh đốn quân ngũ và cẩn thận việc đánh, không làm nóng nảy - mà cứu thì lấy gấp làm hơn. Thứ tự là có lòng hoãn quân sợ giặc, giả tiếng đi cứu thôi.

Như năm Kỷ Dậu quân phương Bắc được cái nghĩa đến cứu¹, mà bị thất thủ là do thất cơ chứ không phải vì tội chậm.

Kết viện. Binh pháp nói: “Có quân tất thắng thì hẳn có thành tất thủ; không có quân tất cứu thì không có thành tất thủ”. Thế không thể phòng bị được thì nên rộng kết thanh viện, ngồi chịu khốn ở cô thành thì thật là không nên.

Việc giữ trước hết phải kết viện để tiếp ứng. Phàm quân viện tới thành, đừng nên khinh tín, sợ có khi giặc giả hiệu áo của ta để đánh lừa ta. Nên chọn người tâm phúc tinh tế leo mà xuống, nhận xét cho đúng thực thì mới mời. Đừng khiến họ giữ hiểm dựng trại ở ngoài thành. Hẹn ước nhau cử sự, tất phải đây đó hợp kỳ, trong ngoài giáp đánh, mới có thể giải vây được. Nếu như hai bên bảo nhau chỉ lấy tiếng tăm mà ứng họa, thì việc phải hỏng. Nên răn, nên răn!

Cứu sự nguy cấp của người, phải hết lòng thành.

Phàm quân đi ứng cứu, không cứu ở nơi tất phải cứu, mà phải cứu ở nơi không tất phải cứu, thì vây sẽ giải được.

1. Chỉ việc quân Thanh sang cứu nhà Lê, nhân chiếm cứ nước ta, sau bị Nguyễn Huệ đánh đuổi.

V - Lui Đánh

Đại tướng hành quân, mọi điều thận trọng, vốn đã chu đáo cẩn mật, nhưng đối lũy đánh địch, cầm quân chống tướng, việc có nhiều điều bất trắc. Người nào có quan hệ đến sự tiến chỉ của một quân thì nên nêu lên để làm đầu cho quân sĩ, người nào có quan hệ đến sự tồn vong của cả trận, thì nên xem là cần thiết cho ba quân. Đi mà không biết dậy ở chỗ nào, dừng mà không biết nấp ở nơi nào, cứ theo bóng người khác mà làm mà điều quân thì không biết, vào giữ chốn đao gươm la liệt mà chỉ lo đặt mình vào nơi vững chắc, người như thế thì đại tướng phải lánh vậy. Được thua là sự thường của nhà binh, người giỏi dùng binh có thể nhân bại mà làm thành. Nay ta đối giềng lũy trước, xuất kỳ bất ý, đó là chước kỳ vậy. Quân ta mới thua, sĩ khí tan rã, tướng giặc thắng mà sinh kiêu, có lòng khinh ta, nên đóng lũy mà chờ. Quân giặc kiêu, ta có thể đánh một trận mà thắng được.

Điện là một việc khó của nhà binh. Điện nghĩa là đi sau. Phép binh lấy điện làm công, vì là quân thua mà chạy, giặc nhân chạy mà đuổi theo, có thể lui lại sau mà chống bọn đuổi theo, không phải người đồng thì không làm được, cho nên nhà binh lấy điện là khó có người vậy.

Nên lui thì lui, đừng lui vì nhút nhát. Đem quân tới trận, khi tiến khi lui, lường theo thế mà thôi. *Kinh Dịch quẻ Sự hào lục tứ nói rằng “Quân đừng ở phía tả, không lỗi”, tức là nói quân lui. Vì là biết khó mà lui, lường thế không thể thắng được, bèn thu vén quân mà rút lui, hơn là tiến mà đổ mất vậy. Có thể tiến mà lại lui, đó mới là lỗi.*

Người cầm quân giỏi có khi không tiến, lui mà tiến vậy.

Không nên tiến mà tiến, đó là con đường thua vậy.

Binh pháp nói: “Quân đổ thì tướng bị giết”. Lại nói: “Đổ thì tướng bị giết, đó là đạo thường trong việc hành quân”. Vì là tướng lui mà quân được sống, thì sao lại xông vào mũi nhọn của địch mà chết? Thế cho nên cứ tiến liều thì không tới đâu mà không đổ mất. Đừng đổ tội cho thua thì rồi mới đi tới thành công được, tôi xin thưa như thế.

VI - Thẳng Và Đặt Phục

Phàm theo chạy mà nghỉ, gặp quân địch đổ ở đường thì bắt ngay.

Giặc đánh đã mệt, có thể đuổi được có năm trường hợp, không thể đuổi được có sáu trường hợp. Thấy khí của giặc đã kém, có thể đuổi, đó là một. Quân bộ kỵ tán loạn, nhiều người chạy xiêu ngã không thành bộ ngũ, đó là hai. Chạy tới làng xóm, chạy vào thành quách, đó là ba. Xe chở lương và đồ binh giáp tan tác mà không thu được, đó là bốn. Chủ tướng đã chết, đó là năm. Khe ngòi cũ mà nước bỗng cạn hết, đó là một trường hợp không nên đuổi. Đã quá tầm nhìn thấu, đó là hai. Thua trận trốn chạy mà hàng ngũ không rối loạn lắm, cờ xí không lộn xộn lắm, đó là ba. Quan và quân chạy rảo không xiêu ngã lắm, quân bộ quân kỵ không lẫn lộn, đó là bốn. Giặc chạy mất đường, tả hữu là núi hang, ở trước cung như thế, đó là năm. Đường cùng lương hết mà quan và quân chưa tan hẳn, đó là sáu. Thế cho nên gặp trường hợp nên đuổi thì đuổi gấp, không nên đuổi thì đóng chặt cửa thành mà xem, hẳn có biến đổi lợi hại. Chờ họ cất quân, hễ lợi thì ta tiến mà hại thì ta lui. *Binh pháp nói “Chim bay*

lên là có quân phục, cây cối động là có quân đến”, như thế cũng chưa chắc là có quân phục quân đến, sợ là họ làm nghi binh vậy. Có thể là quân giặc đã chạy trốn mà sai những người già yếu rung động cây cối và làm sợ chim muông. Lại nói “Không ước mà xin hòa là có mưu, nửa tiến nửa lùi là dụ”, đó cũng có thể là đại binh đã lẩn trốn, sợ người sau theo đến mà làm cho ta ngờ vậy.

Một khi đã thắng phải giới nghiêm quân ta. Đã được toàn thắng, đuổi giặc chẳng qua là dư uy thôi. Nếu trong khi đuổi riết, giặc phút dừng lại không động, ví như không phải có quân tiếp ứng thì tức là đằng trước có hiểm trở, không thể trốn gấp được. Quân ta nếu nhân lúc đó mà đánh, thì quân ta là quân mỗi một, mà quân giặc là quân có sinh lực, ta lấy lòng thắng trận mà kiêu, giặc lấy lòng cứu chết rửa hờn, nếu ta thắng nữa thì chẳng qua là cuộc đuổi giặc chạy thêm, bằng thua thì công lao trước bỏ hết cả. Như thế há chẳng phạm vào điều kỵ đuổi giặc cùng đường, trước chết sau sống ư? Chỉ nên cứ đuổi theo sau, khiến cho giặc giày đạp lẫn nhau, thu lấy xe lương và quân hàng. Như giặc dừng lại không động, thì ta thu quân ngay, hoặc là tức thì hạ dinh, ngày thì dựng nhiều cờ xí, đêm thì đánh trống đốt lửa, bắn súng cho nhiều, hiệu lệnh nghiêm minh, người ngựa rầm rộ, chiêm trống đêm canh, hai bên giăng dày quân phục, bốn mặt ngậm đặt các tay bắn giỏi. Giới nghiêm hiệu lệnh so với khi chưa thắng địch lại càng nghiêm khẩn hơn, một là để phòng trộm cướp, hai là để răn lòng khinh nhờn. Lại viết hịch chiêu phủ bắn vào dinh giặc, hoặc sai những kẻ sĩ có tài biện luận lấy lợi hại mà hiểu dụ, tỏ lòng thành tín. Giặc lấy sự sống thừa rữ đầu mất khí, thấy uy thế đường đường chính chính của ta thì sợ lòng hoa mắt, thịnh suy thấy rõ, một đêm nghĩ ngợi, chí đã nản rồi, kịp nghe hịch chiêu phủ, không dám không hàng. Thế gọi là được vạn toàn mà tất thành công vậy.

VII - Phép Nhận Hàng

Nhận hàng cũng như chịu địch, phải biết sắp đặt cho nghiêm. Từ khi dùng binh nửa năm nay, chưa có kẻ nào ra hàng, nay không hỏi thực hay dối, cứ nên hậu thưởng để khuyến khích tương lai. Nhưng không nên đặt họ ở chỗ yếu địa.

Những người quy phụ thì nên nhân làng quê của họ mà cho cày ruộng, nhân đó mà lập người trưởng, nhỏ lớn đều biên làm quân, khiến được tự canh tự thủ. Kẻ có tài năng thì chia cho đất đai, cho làm chức việc, để khiến họ đừng trốn chạy, để cho bớt thế đi.

*

* *

Nhận hàng cần phải phòng bị cẩn thận: Sách *Bảo giám* nói: “Nhận hàng nghiêm hơn chịu địch, phải biết phòng bị cho nghiêm, vì rằng chịu địch cũng đã nghiêm rồi, mà nhận hàng càng phải nghiêm nữa”. Chịu địch thì ai ai cũng có lòng muốn giết, đều phải nghiêm răn, còn nhận hàng mà không nghiêm, họ có lòng ngờ sợ mà ta lại kiêu nhòn, nếu có sự bất trắc biến cố xảy ra trong lúc thăng thốt, thì không sao chống được. Cần phải trước hết xét thế mạnh hay yếu, tình thật hay dối, thực có thể tin thì mới cho đầu hàng, định cho kỳ hạn, nghiêm chỉnh dinh ngũ, ngoài trương hai đại đội bày ở trước hai bên tả hữu đại dinh để chờ. Lại nên có thị vệ đứng kín, khiến không có thể thấy được ở sau lều tướng. Trăm quan thì ai giữ việc nấy, như không trông không thấy việc gì. Không cho họ xem và nói với nhau mà mất vị thứ. Đợi khi người chưởng hiệu ở hai cánh đánh 3 hồi chiêng trống, đặt súng đại bác lên bệ, uy nghi chỉnh túc, mới truyền hiệu lệnh. Hàng binh đứng một chỗ, chỉ truyền cho bọn đầu mục cởi bỏ các vật, trước vào yết kiến. Võ về xong, trình dâng sổ sách sổ mục quan và quân hàng, ngựa, khí giới, lương thảo. Cấp cho một cái bài miễn tử, sai đầu mục cầm đi tuyên báo cho các hàng binh, rồi thì bỏ hết các vật, giao cho nhân viên chấp sự ta thu giữ, rồi mới sai điệu cả đến ngoài cửa viên, cho khúm núm nghe lời phủ dụ. Bọn đầu mục thì hoặc được thưởng cấp áo mũ, hoặc cấp bài thẻ; các hàng binh thì đều thưởng gạo thịch để tỏ ân tín. Sai nhân viên có tài năng hỏi các hàng binh. Ai xin về thì đứng riêng ra một bên, cho chờ điền cấp văn bài, giao cho quan địa phương phát về quê để an táp. Những văn bài đều nên dự bị, chỉ điền tên họ quê quán cho chóng việc là hơn. Ai xin làm binh thì đứng riêng một bên, chia phái vào trong các đội quân ta, cho tướng hiệu của ta quản lãnh lẫn lộn. Càng nên cho dinh đội cách nhau, để không thể tụ họp một nơi; cẩn mật đề phòng, không cho thời thường tụ nhau chuyện trò. Bọn đầu mục thì chiếu theo phẩm cấp được cho, mỗi ngày theo ban tướng hiệu ta mà đãi trà, không có dị đồng. Hoặc chọn trong đó có người tài

kỹ trung thành thì lấy 1, 2 người dùng trước để giữ lòng mọi người. Binh đình gặp khuyết thì cũng bỏ trước 1, 2 người để tỏ là có dùng. Nghiêm dụ quân ta không nên khinh khi lãng nhục, không nên đối với hàng binh khoe khoang được thua, không nên gọi càn bằng tên hàng tốt, sợ người ta buồn rầu mà sinh thù oán. Đến như quân địch lớn chưa diệt xong mà trước có kẻ về hàng, nếu không phải là người biết thời vụ thì tức có người hiềm nghi. Vậy phải nên rộng cách đối đãi, khuyên cho đổi mới, hậu thưởng trọng dụng, không triệt quân của họ, không bỏ quyền của họ, để rộng sự chiêu tập. Tóm lại là phải tùy theo kinh quyền làm sao cho được thích nghi.

Ví như có một người địch làm hàng tốt, hoặc làm ra dáng người nông phu, đến trước cửa quân nói kín ý mình xin làm hướng đạo, nếu không liệu xem tình hư thực thế nào, thì có khi bị dụ vào vòng vây, trúng phải kế địch. Nên giữ lại ở trong quân, lấy sự thực đối mà bảo cho biết rằng nếu thực thì có trọng thưởng, nếu dối thì xử trọng tội, rồi sau mới đem quân tiến đi, như thế thì tình ý của nó phải lộ ra vậy.

*

* *

Tóm lại 13 điều cầu hòa nhận hàng như sau:

1. Tiếp ứng quân địch đầu hàng, quân ta phải lên ở chỗ cao bày trận, luôn luôn ước thúc, không nên có chút trễ nải. Phải dự phòng sự lừa dối. Như quân họ bày trận, dùng dăng chưa định, nếu có người tù trưởng cầu hòa mà tham tá không theo, dẫu đó chưa được tình thực, nhưng cũng nhận cho rồi sẽ gặp làm mưu chước để tính liệu cũng được.

2. Có một người định cầu hòa, cũng họp đặt bàn sở màn trướng, và trước sai dũng tướng đi tìm xét qua, sợ sau có quân phục mưu đánh ta chằng.

3. Khi nhận hàng mà nhận hội thề ước định với địch, chỗ gặp nhau không nên gần cõi của địch, và không nên ở chốn núi rừng nguy hiểm, sợ nó đặt mưu mà đánh úp ta.

4. Hội thề nên ở chốn đồng bằng nội rộng, hay gần dinh trại ta cũng không hại, nhưng không cho đem nhiều người ngựa đến gần dinh ta. Nếu họ không có khí dụng gì thì không hại.

5. Trong ngày hội thề, trước sai du binh đem quân sinh lực lùng khắp những nơi hiểm trở bốn phía, như nơi nào có phục binh thì kịp báo cho chủ tướng, tức

thì chuẩn bị ứng địch.

6. Hai quân gặp nhau, chưa từng đánh trận mà địch khiến người cầu hòa, ấy có thể là địch có ý ngờ binh thế của ta, ngầm sai quân tinh nhuệ xông đánh ta trong lúc không ngờ, vậy nên kỹ càng xem xét thực đối. Nếu họ cần cầu hòa, ta phải phòng bị gặp, như có đại quân của địch xông đánh thì ta cũng không thất cơ.

7. Khi đã từng chiến đấu, đôi bên chưa chia thắng phụ mà địch khiến người đến cầu hòa, tất nhiên là có mưu riêng, kíp nên đề phòng. *Tôn tử nói: “Không ước mà xin hòa là có mưu vậy”.*

8. Khi họ hẹn xin quân ta dời đóng nơi xa, thì người nghị hòa ấy là muốn được quân ta lui để họ đem người ngựa đặt phục mà đánh, cần phải đề phòng. *Tôn tử nói. “Nửa tiến nửa lui là dụ ta vậy”.*

9. Khi thám thấy nước họ thực có việc nên xin nghị hòa để về nước, sợ ta đánh úp nên xin hòa để lui quân, thì lời có khác, nên bắt buộc ngả giáo bỏ giáp, đặt lời minh thệ mà chờ mệnh vua ta, rồi ngấm ngầm đến chỗ yếu hại trên đường về của giặc đặt nhiều quân kỳ quân phục, sợ họ nhân đêm trốn về.

10. Khi quân họ đánh thua, thế muốn cầu hòa, thì đợi lập định lời ước thệ, thề vĩnh viễn không xâm lấn nhau, rồi khiến họ nộp khí giới và các ngựa tốt, và coi chừng người tù trưởng để chờ mệnh vua.

11. Khi giặc cướp hoặc vì bất đắc dĩ bắt buộc, hoặc vì nhất thời ô hợp, nay biết ăn năn, nếu có thể khiến hàng thì nên mở lòng thành thực, hết sức vỗ về, ngõ hầu giữ toàn được là hơn.

12. Khi quân giặc lại hàng, quả là không có ý khác, nên khiến ước hẹn đổi lỗi làm lành, và nên xử trí thích nghi, đừng nên đem lòng ngờ vực, khiến bị chìm đắm.

13: Thu được quân giặc đầu hàng, sai người coi giữ, giải giao cho các nơi thu quân, riêng chờ lệnh vua, đừng cho họp ở một nơi mà sinh ra biến.

Những việc cầu hòa thụ hàng ở trên chỉ phòng sự dối trá không thực mà bị hãm hại; nếu là thực tình thì sự xử trí ở ta, họa phúc biết trước. Kẻ làm tướng phải nên xét kỹ.

HỒ TRƯỞNG KHU CƠ

TỰA

Có người hỏi tôi rằng: Phàm binh pháp như các sách *Võ kinh*, *Võ bị*, *Quả ấn* *đăng đàn*, *Kỷ hiệu*, *Hồng vũ*, còn chưa đủ sao? Sách *Hồ tướng khu cơ* còn chép làm gì? Tôi đáp rằng: *Xã tắc* còn hay mất, quốc quân vui hay lo, quan hệ ở một ông tướng. Cho nên làm tướng mà học binh pháp, quý tinh mà không quý nhiều, có dũng lại phải có trí, mới có thể nắm cơ ở ngoài cửa khốn, giữ tính mệnh của ba quân. Nếu nghề võ không tinh, mà người tướng không giỏi, thì chỉ trong chốc trở bàn tay sơn hà đã thay đổi, há chẳng nên cẩn thận hay sao? Và chẳng ý chỉ các sách binh pháp kể trên không phải là không tốt. Nhưng rườm rà nhiều mối, tinh thô khác nhau, cho nên người học như ngồi giếng xem trời, đi thuyền giữa biển, mờ mịt không biết gốc rễ, mệnh mang không hiểu manh mối, là bởi thế đấy.

Đến Quốc triều ta có *Lộc-khê*¹ là người đặc xuất, chí khí cao cả. Xem khi giúp Thánh tổ² ta nổi tiếng nghĩa dũng đến nghìn thu, dựng nền thái bình trong một trận, thì trong lòng thực có mấy vạn giáp binh; đến lúc cỡi ẩn từ quan, điền viên vui thú thì trong lúc đi đứng thực đứng sánh với *Y Doãn*, *Lã Vọng*, *Tử-phòng*, *Gia-cát*; đến lúc tuổi già lại lo tâm thuật không truyền cho ai, thần cơ mai một đi mất, thì may có *Triệu Điền* được thân dạy bảo; lại có hai tiên sinh ta là *Bảo Thức* và *Cao Toàn* suy diễn những điều *Lộc-khê* chưa suy diễn, phát minh những điều *Triệu Điền* chưa phát minh, để đem ra dạy bảo, tưởng đây là báu của trời đất, sao có thể bỏ mất đi được! Tôi là học trò, may được gần gũi, chính như dây sắn bám vào cây thông, dây bìm leo nhờ cây cù, được hai tiên sinh rủ yêu mà truyền thụ cho. Tôi trộm nghĩ sinh sau mà được thấy người trước, có thể đến cửa mà vào nhà, thân được truyền thụ, thực là có duyên may với hai tiên sinh vậy. Lại còn duyên trời dun dúi, gặp được bạn tốt như *Phúc Định* (tự *Thủ-chân*), đặc biệt thông minh, thiên tư anh vĩ, chí cả lẩn mây, lòng mang kinh tế, cho nên tôi không tiếc châu ngọc mà nhả hết ra. Ngờ đâu bạn tôi lại là người có chí bí truyền, không tiếc công phu, rửa nghiên nhúng bút biên thành sách này, chia làm ba quyển, gọi là sách *Hồ tướng khu cơ*, thực là mở

huyền cơ của trời đất, tụ tú khí của kiền khôn, cho nên tôi khôn xiết mừng rỡ, cũng có chút bổ ích vậy.

CHIÊU-DƯƠNG CAO KHUÊ *cẩn chí*

TỰA

Phàm người xa không phục thì ta sửa văn đức cho họ đến. Nhưng Xi-vưu xưa hoành hành bạo ngược mà Hoàng đế lại dùng giáo mác để đánh là tại làm sao? Bởi vì thời thế bất đồng, nhân tâm mỗi khác. Người xưa nói rằng: Đánh giặc để dẹp thì đánh cũng phải, giết giặc để yên thì giết cũng phải. Nhưng phép chiến tranh cũng lắm, mà cách sát phạt cũng nhiều. Có trí thì dùng trí, không có trí thì dùng sức. Phàm mặc giáp cầm giáo, cưỡi ngựa cầm roi, khó nhọc vào sinh ra tử, liều mình thịt nát xương tan, đấy chỉ là một tráng sĩ thôi, sao có thể địch được muôn người? Thế gọi là không có trí thì dùng sức đấy. Nay ta thà rằng đấu trí chứ không đấu sức. Bởi thế, trên nhờ di chỉ của tiên hiền, lại nhờ thần cơ của bạn tốt, tìm khắp sách lạ của thiên hạ xem hết điều lạ của xưa nay, rửa nghiên nhúng bút, bái đề tên sách là *Hồ tướng khu cơ, huyền diệu không so sánh được. Phàm các phép hỏa công, thủy chiến, trận rắn, trận chim, mưu mô tướng lược, then máy binh gia, cái gì cũng đủ. Nếu người trí giả được sách này thì có thể lập được công danh ở trên nghìn vạn người, dựng nền thái bình trong một trận đánh. Sách này rất nên trân trọng, chớ đem dạy cho người bậy, vận dụng một lòng mà kính theo mười điều răn:*

1. Chớ càn dỡ giết người và đem lòng riêng oán người.
2. Chớ làm thâm độc, tàn hại lương dân.
3. Chớ lòng phạm thượng và phản bội thầy.
4. Thường phạt rất công, không làm quanh co.
5. Chớ mê sắc đẹp, chớ tham của cải.
6. Nghiêm rắn sĩ tốt, cấm chỉ lấn cướp.
7. Đâu cũng yên dân, cốt làm nhân nghĩa.
8. Thương yêu cô quả, thăm viếng tang tóc.
9. Mình trước sĩ tốt, cam khổ cùng nhau.
10. Phụng sự sách này, chớ nên trễ nải.

Mười điều răn trên này, nếu thiếu một điều sẽ bị các vị tổ sư khiển trách, còn mong thành công được sao?

Thơ rằng:

Anh hùng tự cổ trước kỳ kinh,

Vị nhược tư thư tối hữu tình.

Nhất trật bao tàng thiên địa bảo;

Thiên hàng bài liệt diếu xà hình.

Hỏa công thiêu tận thiên phong nhẫn;

Thủy chiến ba đôi vạn giáp binh.

Nhất bả thử chương vi tướng dụng,

Bất lao hãn mã điện thăng bình.

(Từ trước anh hùng làm sách lạ, Chưa kịp sách này rất hữu tình. Một quyển bao gồm báu trời đất; Nghìn hàng bày sắp trận răn chim. Hỏa công đốt trụi nghìn gươm giáo; Thủy chiến chìm vùi vạn giáp binh. Nếu đem sách này dùng việc tướng, Chẳng phải nhọc ngựa dựng thăng bình).

HẬU HỌC: THỦ-CHÂN LÊ PHÚC ĐỊNH cẩn đề

Tiên giác Vệ úy nội tán Lộc-khê tiên sinh di chỉ.

Hàn lâm Văn chức viện Triệu Điền tiên sinh kế thuật.

Xử sĩ Bảo Thúc Nguyễn Huy Chủ tiên sinh tặng san.

Xử sĩ Từ-chân Cao Toàn tiên sinh đính ngoa.

Thiện thuật Cao Khuê tự Chiêu-dương tân soạn.

Hậu học Lê Phúc Định tự Thủ-chân kết tập.

Hậu học Vọng-doanh Cát-đăng Kiêm- trai Ngô Tử Thông tham soạn điểm duyệt.

QUYÊN I

TẬP THIÊN

Tổng luận về cơ yếu binh pháp.

Mảng nghe: Gươm báu ẩn vàng, nguyên soái lên đàn ban hiệu lệnh; quạt lông khăn lụa, quân sư cười nói vận thần cơ. Tỷ như Phạm Lãi dâng Tây Thi¹, Tôn Tẫn bớt bếp nấu², Đàn Đạo-tế đong cát giả làm lương³, Trương Tử-phòng thổi sáo cho địch nản⁴, Hàn Tín cho quân nhổ cờ Triệu cắm cờ Hán⁵, cùng là giả thư đầu hàng dùng kế cho giặc kiêu, đều xuất tự trong lòng của trí tướng, tự kế hoạch của mưu thần mà thôi. Cho nên nói rằng thừa cơ làm việc đấy thôi. Nhưng đều chưa có thể dùng làm phép thường. Phép thường là phương pháp. Phương pháp là gì? Như Hiên-viên đánh Xi-vưu làm xe chỉ nam mà bắt được giặc, cùng là đời sau trâu lửa của Điền Đan, hải nhạc⁶ của Vũ-mục. Hàn Tín dùng chum gỗ⁷ cho quân sang sông, Khổng-minh làm trâu ngựa gỗ để vận lương, Lưu Bá-ôn⁸ chế súng đồng pháo lửa, những người ấy thực là có tài xoay trời chuyển đất, có chí yêu nước giúp đời, trong lúc thi thố so với việc bày binh bố trận hơn gấp mười lần. Đời sau dẫu có danh tướng cũng không thể hơn được.

Đến quốc triều ta, Chính quân vệ úy nội tán Lộc-khê tiên sinh, đem tài lạ giúp vua, phát huy tinh túy của tướng môn, lập ra các phép hỏa cầu, yên cầu và phép thương lửa dưới đất, tên lửa chứa thuốc độc, dẫu người đời xưa sống lại cũng chẳng hơn đâu. Người sau học được yếu chỉ thì chỉ có Triệu Điền, Bảo Thúc, Cao Toàn mấy người mà thôi. Sau khi các vị ấy đã quy thần thì có ai nổi được truyền thống ấy nữa đâu! Than ôi! đất đã chôn bí pháp, nhưng may trời chưa chôn lương mưu, để cho bạn ta như Cao công là người tuổi trẻ lỗi lạc, học thuật thâm nhuần, để lòng giấu cất ngọc quý của tướng lược, khắc xương ghi chép phép diệu của binh gia, rửa bút rất tinh, mài nghiên rất sạch, biên thành

sách *Hổ trướng khu cơ*, chia làm ba quyển, đầu đuôi cộng 37 điều. Thực là quốc sĩ vô song, quỷ thần mạc trác, không những chỉ là phép hỏa công thủy chiến, lại đến cả phép giữ trại phòng gian, vận dụng cơ quan, không cái gì là không chép đủ. Được người khác mà dạy cho thì kinh dinh bốn phương, công ghi sử sách, trăm đời cũng không mất vậy. Công dụng của tiền nhân bổ ích có phải là ít đâu.

1. Phạm Lãi khuyên Việt Câu-tiền dâng Tây Thi cho Ngô Phù sai.
2. Xem chú *Tôn Tẫn ở Binh thư yếu lược*, quyển III.
3. Xem điển ở **Binh thư yếu lược**, quyển III.
4. Trương Lương thối sáo ở Cai-hạ làm cho quân Sở nghe mà nản lòng.
5. Xem chú *Xích xí ở Binh thư yếu lược*, quyển III.
6. Núi dưới biển, không rõ phép thế nào.
7. Xem chú *Mộc anh ở Binh thư yếu lược*, quyển III.
8. Quân sư của Minh Thái tổ.

*

* *

THIÊN HÒA CÔNG

Cao Chiêu-dương nói: Phàm lửa vốn tự thái cực, được khí dương tinh, nhờ vào gỗ mà sinh, cho nên phàm các vật ở trong trời đất cái gì đụng vào là phải cháy tan, mà làm ngôi thứ nhất trong ngũ hành, lại là phép công hiệu nhất trong binh pháp. Nhưng gỗ (cây) động thì sinh gió, gió thổi thì lửa sinh, đó là lẽ tự nhiên của trời đất, cho nên người xưa nhân có gió mà dùng hỏa công cũng là lẽ thường, Còn như không có gió mà dùng lửa, dùng lửa không cần phải có gió, thì đời xưa chưa từng có. Duy có sủng phật-lang-cơ của Tây-dương cũng tài như các phép hỏa cầu, yên cầu, hỏa lôi, hỏa tiễn của Lộc-khê tiên sinh. Thực đủ phát minh những cái đời trước chưa phát mà lập nên thần cơ mới mẻ. Xem mấy điều ấy thì biết rằng cái tài của Lộc-khê tiên sinh có thể làm trái cơ trời đất, trái tính ngũ hành, thực là cơ quỷ thần không ai làm được. Học giả nên kính cẩn đấy.

Lê Thủ-chân nói: Đời xưa dùng hỏa công là nhân mùa hạ nóng nực, gió nồm thổi mạnh, liệu theo địa thế đặt hiểm mà đốt. Như Chu Du bày quân ở sông Xích-bích rồi sai Hoàng Cái đem thư trá hàng mượn thuyền lương mà đốt quân Tào Tháo. Khổng-minh đi đánh Mạnh Hoạch ở miền Nam, Ngụy Diên phục binh ở hang tối mà đốt quân áo giáp mây. Cho nên *Binh pháp* nói “*Đường hẹp dùng hỏa công*” là thế đó. Các kỳ kế như thế cũng cùng một lối mà thôi. Ngày nay dùng hỏa công thì lại khác. Bắt đầu tự Lưu Bá-ôn đời Minh hồi giúp Thái tổ chế ra phép diêu súng đồng hỏa lôi, bắn một phát thì đạn lửa bay ra, đến đâu thì vạn vật đều tan nát hết, thực là toàn mỹ. Song người sinh sau lại càng đáng sợ. Các nước Tây-dương có nhiều kỳ tài, chế nhiều phép giỏi, như các loại súng phật-lang-cơ, địa lôi, đạn sắt lại càng huyền diệu, bắn ra một phát, thảm độc rất nhiều. Rồi tiền nhân ta được phép ấy, chỗ thiếu thì bổ vào, chỗ sót thì thêm vào, mà chế ra các phép hỏa cầu, yên cầu, hỏa đồng, hỏa tiễn, lại được thích dụng. Cứ ý kiến của tôi thì tài ấy có kém gì dây sắt đạn lửa đâu.

*

* *

PHÉP ĐIỀU LỬA ĐỐT GIẶC.

Phàm có gió thì nên dùng hỏa công, đó là phép thường. Nếu trại giặc rất xa mà canh giữ nghiêm ngặt, thì dầu có gió lớn, lửa cũng không do đâu mà dùng được. Nên làm phép điều giấy để đốt thì giặc dù có cánh bay được trong phút chốc cũng hóa ra tro hết.

Phép làm: Trước hết lấy nan tre làm cốt kết thành hình con diều, hai cánh ngang ra, đem cốt diều¹ ấy ngâm nước hơn một tháng, phơi khô, lấy giấy mỏng tẩm dầu trám dán vào cốt tre làm lòng diều. Lại lấy 1 cân lưu hoàng, 1 lượng diêm tiêu nấu cho tan ra đem vải mỏng mà tẩm rồi phơi khô, bôi vào ngoài cốt tre ấy làm da diều. Lại lấy một cân cỏ bắc đèn cũng tẩm nước ấy để làm đuôi diều. Xong rồi, lại lấy 1 sợi dây gai dài độ 100 bước, hoặc hai ba trăm bước, buộc vào lưng diều làm lèo và dây thả diều. Lại lấy một sợi dây giấy làm ngòi thuốc dài bằng dây gai buộc vào sau đuôi diều, còn thừa thì quấn vào dây diều. Nhân có gió thì thả diều lên, xem chừng hễ diều đến gần dinh trại giặc thì lấy lửa đốt vào đầu dây ngòi thuốc, lửa bén theo lên diều và cháy đứt dây, diều rơi xuống. Nếu dây diều chưa đứt thì lấy dao mà cắt khiến diều rơi xuống đốt cháy trại giặc.

*

* *

PHÉP LÀM HỎA CẦU (QUẢ NỔ²).

Phép hỏa cầu là phép thần của Tây-dương. Trong lúc đem quân đi đánh giặc, hai bên bày thành thế trận, ta đem súng phi thiên mà bắn, quả nổ tung ra, rơi đến đâu thì quả nổ nổ ra, mảnh sắt tung toé bốn mặt, dầu gươm giáo choáng trời, cờ xí lấp đất cũng chỉ một lát là tan nát hết.

Phép làm: Trước hết sai thợ sắt đúc một bình gang tròn ước 1 thước gọi là quả mẹ, lại đúc ba quả con mỗi quả tròn 2 tấc. Đều đúc gang mỏng. Trên miệng có nắp có đường tròn ốc để khi đập nắp lại không bật ra được. Rồi sau nạp thuốc súng vào miệng bình. Hãy xin nói một quả. Trong lòng đựng đầy thuốc súng, xong rồi lấy nắp đập kín miệng lại. Trước dùi một lỗ nhỏ để luôn dầy ngòi vào. Dùng vỏ gai ngâm nước muối phơi khô kết thành dây và quấn ở ngoài quả nổ, hình như răn quấn, như thế là để cho lửa không cháy vung ra. Lại lấy vỏ gai khô buộc xen vào, khiến cho lửa không tắt được. Lại lấy dây ngòi thuốc súng quấn vào toàn thân quả nổ, cuối cùng luôn đầu ngòi vào lỗ nhỏ, như thế là cốt cho nổ chậm. Lại lấy nước muối tẩm vào vỏ gai, phơi khô, quấn vào chung quanh quả nổ rất kín. Làm như thế xong rồi lại lấy dây thau nhỏ buộc chằng ở ngoài, để cho lúc bắn đi không tuột da quả nổ. Lấy mấy quả con ấy nạp vào trong bụng quả mẹ. Quả mẹ cũng làm như cách nói trên. Còn đầu dây ngòi thì nên để hở ra ngoài. Cứ thế đem quả nổ nạp vào đại bác phi thiên mà bắn thì quả nào cũng nổ.

Lời bổ chú của Kiêm-trai: Phàm mùa đông mà bắn quả nổ, nên dùng mỡ rái cá bôi ngoài vỏ gang quả mẹ quả con thì càng tốt

Bài thuốc nạp quả nổ:

Diêm tiêu 1 lượng, Lưu hoàng 1 đồng 2 phân

Thạch tín 8 phân, Than gỗ dâu 1 đồng 2 phân 2 ly.

Hồ tiêu 8 phân,

Bạch chu sa 8 phân, Nao sa 8 phân.

Bài làm ngòi:

Bạch diêm 2 lượng 2 phân, Lưu hoàng 8 đồng cân.

Than gỗ dâu 1 lượng 6 đồng cân.

Giấy trắng tẩm bạch diêm đủ dùng.

(Thuốc làm ngòi điều lửa ở trên cũng thế).

1. Không nói rõ bề lớn nhỏ của cốt điều.

2. Tức là trái phá.

*

* *

PHÉP CHẾ YÊN CẦU (QUẢ MÙ).

Phàm khi hai bên giao chiến, trận thế tương đương, ta đứng đầu gió mà thả khói phân lang thuốc độc thì địch hẳn tránh được, dù có bài thuốc thâm độc cũng không làm hại được. Cho nên tiên công có bí pháp chế ra quả mù nạp vào súng phi thiên mà bắn đến gần dinh giặc, lửa nổ khói độc phát ra, giặc dù có phép độn thổ tàng hình, chỉ trong khoảnh khắc đều chết cứng cả.

Phép làm: dùng một cái bình sắt chứa thuốc độc vào, trên bình có một lỗ thông thiên 1 tắc 6 phân. Lại dùng một cái ống sắt không có đáy to 1 tắc 5 phân 3 ly, dài 3 tắc 5 phân, trong ống đựng thuốc súng, đầu ống lấy mẫu tre hay mẫu gỗ bịt lại, xong rồi đặt ống ấy vào chỗ lỗ thông thiên. Lại lấy dây ngòi thuốc xuyên ngay vào trong ống. Ngoài bình sắt bao bằng dây gai ngâm nước muối. Làm như thế xong rồi nạp bình sắt ấy vào đại bác phi thiên mà bắn. Ta đứng đầu gió mà bắn thì lửa theo ngòi thuốc mà vào trong ống, phá tung cái nút gỗ ở đầu ống ra, tự nhiên khói độc phát ra, theo gió mà đến quân giặc chết cả.

Bài thuốc độc:

Diêm tiêu 10 lượng, Lưu hoàng 2 lượng,
Than gỗ dâu 3 lượng, Phân chó sói 2 lượng rưỡi,
Cứt khô 3 lượng, Lá thiên ngải 3 lượng,
Thuốc lào 3 lượng, Phiên tiêu 3 lượng,
Ban miêu 3 lượng, Tiên thiên tử 2 lượng,
Thạch tín 2 lượng, Thiên hoa phấn 5 đồng cân rưỡi.

Bài thuốc súng:

Diêm tiêu 5 đồng cân, Lưu hoàng 3 đồng cân,
Than gỗ xoan 3 đồng 5 phân.

*

* *

PHÉP CHẾ HỎA ĐỒNG.

Kiên-traí nói: Lúc dùng hỏa đồng thì đem hỏa đồng buộc vào miệng súng mà bắn.

Phép làm: Lấy một cái ống tre một đầu để mắt, dài 6 tấc, dày 3 phân, trước tra thuốc vào dưới đáy, giọt 300 chày, lại tra thuốc phun, giọt 300 chày, xong rồi lấy lưới đồng nạp vào, lại lấy thuốc hỏa phấn nạp vào chỗ khe các lưới đồng. Rồi lấy dây tấu mã, tức là dây ngòi lửa, xuyên vào. Lại lấy giấy bồi ở ngoài ống, lại lấy dây mây chằng rất kỹ, rồi dùng dây gai mà quấn để dùng.

Bài thuốc nạp:

Diêm tiêu 10 lạng 1 đồng 5 phân,
Lưu hoàng 2 lạng, Than gỗ dâu 2 lạng.

Bài thuốc hỏa phấn:

Diêm tiêu 1 lạng, Lưu hoàng 1 cân 4 phân,
Than đen 1 cân 7 phân, Nhựa thông 3 phân,
Thiết hoa 5 phân, Bách thảo sương (nhỏ nôi) 3 phân,
Phê sương 3 phân, Chương não 3 phân,
Ngân châu 3 phân, Khói thông 1 lạng 3 phân.

Bài thuốc phun:

Diêm tiêu 1 lạng, Lưu hoàng 6 cân,
Than gỗ thông 5 cân, Bách thảo sương 3 cân,
Thiết phấn 3 cân 5 đồng, Ngân phấn 3 cân 5 đồng.

*

* *

PHÉP LÀM HỎA TIẾN (TÊN LỬA)

Kiên-traí nói: Vì lửa dữ dội như hổ, nên gọi là hỏa hổ.

Phàm trí tướng dụng binh, việc gì cũng dự bị. Nếu không dự bị thì lâm cơ trong khoảng chốc lát lấy gì mà ứng dụng. Ví dụ như lúc cướp trại giặc, vượt vòng vây, đánh giáp mặt ở đường hẹp, cùng trận ngựa liên hoàn, trận voi chặn đường, nên dùng tên lửa mà đánh thì cái gì cũng tan.

Phép làm: Lấy cái ống dài 6 tấc 3 phân, nhồi thuốc súng làm 3 nấc, nấc thứ nhất dày một tấc, giọt 300 chày, nấc thứ hai dày 3 tấc, giọt 300 chày, nấc thứ ba nạp tên sắt, đuôi tên có đeo sao dài 1 tấc, lại nạp thuốc 1 tấc, giọt 300 chày. Xong rồi đằng sau ống sắt dùng ống tre già 5 tấc tiếp vào, lại cho ngòi thuốc

xuyên vào đầu ống. Lúc dùng lấy lửa đốt đầu ngòi thì thuốc lửa cùng tên sắt tự nhiên bắn tung ra.

Bài thuốc nạp:

Diêm tiêu 10 lạng, Than đen 2 lạng,

Lưu hoàng 1 lạng 2 đồng 5 phân.

*

* *

PHÉP CHÔN HỎA THƯƠNG DƯỚI ĐẤT.

Phạm trí tướng dùng binh, hoặc dụ giặc vào chỗ sông hồ, bày mưu mà đánh, giả cách thua chạy, đặt súng ở dưới đất để đánh bại giặc.

Phép này, dùng tre núi hoặc 100 cái, hoặc 200 cái, mỗi cái dài hơn 5 thước, miệng to 2 tấc, ba đốt trên đục thủng lỗ to, đoạn dưới để mắt, nhồi thuốc phun đầy 2 thước rưỡi, còn nửa thước ở trên lại nhồi thuốc súng. Như thế xong, bèn dùng ống nhỏ, ống ấy vừa bằng ruột ống tre, dài 3 tấc, cắm vào đầu thương làm miệng. Trên miệng lấy giấy Vĩnh-thọ cắt ra thành mảnh nhỏ rồi lấy hồ dán miệng ấy rất kín. Bên đầu thương lại đục một lỗ nhỏ để làm chỗ dẫn lửa. Ống thương nên lấy dây mây mà quấn, lại lấy dây sắt mà bọc. Lại lấy gỗ nhỏ 2 cây, mỗi cây dài 1 thước rưỡi, đục làm giá chữ thập (十), cốt để khi chôn xuống đất thì ống thương không bật đổ. Các việc xong cả, bèn khai rãnh chữ bát (八), đem những ống hỏa thương ấy đặt xuống rãnh, cách nhau hơn 3 thước, miệng thương để lòi ra 1 tấc, còn thì chôn sâu dưới đất. Bấy giờ đến chỗ giáp rãnh chữ bát đào một hố sâu 4, 5 thước, đặt đá lửa và dao sắt, làm máy như cách đặt địa lôi. Bèn đặt ngòi dẫn lửa tự máy đá liền đến chỗ lỗ ngòi của các hỏa thương. Xong đầu vào đầy rồi, lại lấy cát phủ lên cho bằng, đừng để hở cho người biết. Rồi ta đến dinh giặc khiêu chiến, ta giả cách thua chạy, cứ nhắm chỗ ấy mà chạy. Giặc không ngờ, chạy xéo vào máy đá thì dao và đá cọ xát nhau mà nảy lửa, lửa cháy vào ngòi thông đến các ống hỏa thương hai bên thì các hỏa khí nổ bung lên. Giặc dầu đông trăm vạn cũng đến chết cháy trong đám lửa hùng ấy.

Bài thuốc phun:

Diêm tiêu 2 lạng, Lưu hoàng 6 cân,

Than thông 5 cân, Nhọ nôi 5 cân,

Thiết phấn 3 cân 5 đồng, Yên phấn 3 cân 5 phân,

Long nã 3 phân.

Bài thuốc súng:

Diêm tiêu 1 lạng, Lưu hoàng 3 phân 5 ly,

Than xoan 3 phân 5 ly.

*

* *

PHÉP HỎA TIỄN CHỨA THUỐC ĐỘC.

Phàm ít không địch được nhiều, yếu không địch được mạnh, đó là lẽ thường. Nhưng *Binh pháp* có nói: “Người đánh giỏi trước làm thế địch không thể thắng được để chờ thế của địch mình có thể thắng”¹. Cho nên cầm quân 3.000 người chống giặc năm đường, phòng ở nơi đồng rộng đường dài, giặc đem cả nước sang đánh thì lấy gì mà chống được? Nên dùng phép hỏa tiễn chứa thuốc độc:

Trước hết sai quân đào hai rãnh ở hai bên đường, sâu 4 thước 5 tấc, dài 200 bước hoặc 100 bước hay 50 bước, giữa đường lại đào một rãnh ngang để thông hai rãnh tả hữu. Lại khiến thợ sắt đúc cái bầu sắt đường kính đáy 2 thước, đường kính miệng 2 tấc 3 phân, hoặc 100 cái, hoặc 1.000 cái, hình như quả bầu. Lại làm ống sắt dài 4 thước 3 tấc, mỗi bầu một ống. Lấy thuốc độc nạp vào trong bầu, xong rồi lại đem ống sắt cắm vào trong bầu từ miệng đến đáy. Lại lấy thuốc súng nạp vào đầy ống sắt. Lại lấy viên bánh thuốc độc nạp lên trên thuốc súng. Lại lấy thuốc súng nhét lên trên bánh thuốc độc. Lại lấy mũi tên sắt 10 cái hoặc 100 cái hình như ngọn mác, dùng dây gai buộc làm một bó nạp lên trên thuốc súng. Lại lấy thuốc súng nhét lên trên bó mũi tên. Lại lấy viên bánh thuốc độc nhét lên trên thuốc súng. Lại nạp mũi tên lên trên thuốc súng. Lại lấy thuốc súng nhét lên trên mũi tên. Như thế 3, 4 lần, đến khi đầy ống thì thôi. Bấy giờ mới đem bầu sắt ấy để vào trong rãnh, miệng bầu hơi nghiêng trở lên, các ống đều cách nhau chừng một bước. Hai rãnh bên tả hữu đều đặt như thế. Rồi sau đặt máy lửa ở rãnh ngang, trên có ngòi thuốc chạy vào miệng cái ống ấy để làm thế nổ liên liếp. Lại lấy nan tre làm phen che lên trên các rãnh, phủ cát cỏ lên. Làm xong rồi, mới đi dụ giặc ra đánh nhau, giả cách thua mà chạy. Giặc thừa thế đuổi theo, đến chỗ rãnh ngang xéo phải máy lửa thì ngòi lửa cháy đến các ống mũi tên thuốc độc, thuốc súng cùng lửa đều nổ tung, dù trăm vạn quân cũng chỉ một chốc đều bị nát.

Bài thuốc bầu:

Diêm tiêu 10 lạng,

Than dâu 5 lạng,

Thạch tín 1 lạng,

Lưu hoàng 10 lạng,

Phân chó sói 2 lạng,

Hồ tiêu 2 lạng,

Dương trạch trực, tục gọi là quả ngón vàng, 1 lạng,

Lá ngải 2 lạng,

Thiên tiên tử, tức là cà độc dược 1 lạng,

Thuốc lào 2 lạng,

Thiên hoa phấn 3 đồng cân,

Ban miêu, tức là bọ đổ đỏ đầu 1 lạng.

Các vị trên tán nhỏ ra lấy nước mủ xương rồng ngâm rồi phơi khô mà dùng.

Bài thuốc sủng:

Diêm tiêu 6 lạng,

Than dâu 1 lạng,

Lưu hoàng 5 đồng cân.

Bài bánh thuốc độc:

Diêm tiêu 7 lạng 2 đồng cân, Lưu hoàng 5 đồng 8 phân, Than dâu 1 lạng, Nhựa thông 1 lạng, Băng phiến 5 đồng cân, Vôi 1 lạng, Nhọ nôi 5 đồng cân 3 ly.

Các vị trên tán nhỏ ra, trước đem nhựa thông nấu tan ra, rồi cho các vị thuốc vào, đo miệng ống mà nặn thành bánh, như bánh hương hoàn.

1. Tôn tử, thiên IV.

*

* *

PHÉP LÀM SÚNG GỖ.

Phạm sủng đồng sủng gang, người đời dễ biết, còn phép làm sủng gỗ, chưa ai biết cả. Người làm tướng không nên không xét mà dùng.

Sai thợ mộc lấy gỗ rất bền làm thành hình sủng, thành rất dày, lòng rất rộng. Phần sau ống sủng ước độ 1 thước thì trong lòng để nguyên. Bền xẻ dọc ra làm

hai mảnh. Lại lấy các thứ vôi, phân voi, mật, đất thó hòa lẫn với nhau đem bôi vào lòng súng, cốt cho trơn, xong rồi ghép hai mảnh lại thành một khẩu súng. Lại lấy vôi, nhựa trám, nhựa thông, mật, hòa lẫn nhau gắn vào chỗ hai mảnh ghép nhau, rồi lấy dây sắt cuộn đánh đai thân súng lại cho chắc chắn. Lại xoi một lỗ cho ngòi thuốc vào. Nhồi đạn và thuốc súng vào để bắn, không khác gì súng đồng súng gang.

*

* *

PHÉP ĐỐT ĐUỐC TRƯỚC GIÓ.

Phàm đánh trận ban đêm phải có đèn đuốc. Nếu gặp lúc gió lớn mưa to thì làm thế nào mà đốt đuốc được? Cho nên tiên công làm phép đốt đuốc rất thần diệu. Phàm đánh trận ban đêm dẫu gặp gió bão mưa trút cũng vẫn sáng trưng, không lo tắt nữa.

Bài làm thuốc thần:

Sơn khô 2 lạng, sao qua,

Lưu hoàng 2 lạng,

Lịch thanh, tức nhựa trám 2 lạng,

Sáp ong 2 lạng,

Diêm tiêu 2 lạng,

Bột đậu đen 2 lạng.

Các vị trên tán nhỏ ra, trước đem nhựa trám nấu chảy ra cho các vị thuốc vào, lấy vải nặn thành thoi dài để vào trong ống tre, đốt ở trước gió không tắt.

*

* *

Kiên-traì nói: Cách làm đèn phi thiên ngày nay cũng vẫn nên cùng dùng với đuốc này.

PHÉP LÀM ĐÈN PHI THIÊN.

Lấy giấy trắng làm lòng đèn hình như cái gàu múc nước, cao 2 thước, trên nhọn mà kín, dưới tròn mà rỗng, bề ngang hơn 1 thước, dưới đáy có vòng tròn bằng tre; lấy dây sắt buộc như chữ thập, lấy một mớ bắc đèn tẩm dầu buộc vào chỗ dây sắt chữ thập mà đốt thì lửa đèn sinh ra gió đèn bay lên trời, theo chiều gió mà đi, sáng khắp cả bốn bề. Làm nhiều đèn ấy đốt thả lên càng tốt. Khôn khéo biết là đường nào!

*

* *

Các bí pháp hỏa công trên này cộng 9 điều, thực là trí diệu của cổ nhân, người học nên để lòng học thuộc.

THIÊN THỦY CHIẾN

Cao Chiêu-dương bàn rằng: Nước là có từ thuở hồng môn¹, do khí của trời sinh ra, cho nên bảo rằng sức nó khỏe mà đi thuận chiều, người nhờ nó để sống mà nó cũng giỏi giết người, có thể chở vật mà cũng có thể lật chìm vật, từ trên cao mà chảy xuống, mạnh không cái gì bằng. Cho nên người xưa dùng nước vào việc binh, công dụng không thể kể hết. Như Hoàng đế làm thuyền, Hàn Tín theo đó mà làm chum gỗ, Chu Du theo đó mà lập thủy trận; bao cát túi cát của Gia-cát, long thẳng hải nhạc² của Vũ-mục, tàu chiến bọc sắt của Vân-long, voi voi, cọc gỗ của Hồng-vũ. Nay Lộc-khê làm các phép thủy võng thủy lôi, Triệu Điền làm thủy long thủy nô, đều theo phép đời xưa mà biến hóa thôi. Xem như thế thì thủy chiến rất nhiều phương pháp, cốt mình khéo dùng. Cho nên *Binh pháp* nói rằng “Vận dụng khéo ở một lòng, ngồi trong màn trướng mà quyết thắng ở nghìn dặm”, há chẳng đúng sao. Còn như thư sinh non mặt, tướng hèn tối dạ, khư khư câu nệ không biết biến thông, chỉ biết nước làm tắt được lửa, gió động sinh ra sóng, mà không biết cái lẽ lửa chế được nước, không gió cũng sóng, có khác gì ngồi đáy giếng xem trời, lấy hến đong nước biển, cũng như Triệu Quát³ chỉ biết đọc sách của cha mà không biết thông biến, những người như thế thực là đáng thương. Cho nên tôi lược cử mấy điều biên chép thành tập này, để các bậc quân tử sau này ai học binh thư sẽ theo thời thông biến, chớ như người đánh dấu mạn thuyền tìm gươm, thế thì binh pháp của Lộc-khê may ra khỏi sai lầm.

Lê Thủ-chân nói: Tính nước mềm mà không yếu, khỏe mà không cứng, có lúc thì trắng soi trong vắt, có lúc thì nổi sóng âm âm, chặn lại thì lên núi, chảy xuôi thì về biển. *Mạnh tử* nói: “*Như nước chảy xuống chỗ thấp, không ai ngăn được*”. Đây là tính của nước. *Ngụy Võ hầu* nói: “*Núi sông vững bền, tốt lắm, đây là của báu của nước Ngụy*”. *Ngô hầu* nói: “*Ta có sông Trường-giang rất hiểm*”. *Tuy* nói như thế cũng là khá đấy, nhưng chưa bằng nhân chỗ hiểm mà

đặt hiểm, đã tinh lại cầu cho tinh thêm, trong dầu nhân thế mà phóng lửa, trên gấm theo khổ mà thêm hoa, lại càng tốt hơn. Cho nên đóng cọc lòng sông, gài mỏ góc biển, lại vững chắc hơn, đặt thủy lôi đáy nước, đặt tên ngầm trong sông, lại càng hiểm lạ, há chẳng tốt sao? Lại xem như lúc Hán Quang-vũ thua trận chạy đến sông Ô-đà, may mà băng đóng nên qua sông được, nếu băng không đóng thì làm thế nào? Cho nên đặt làm cầu phao trăm cấp. Thục Tiên chúa khi phi ngựa qua suối Đàn-khê, nếu ngựa không nhảy sang thì làm thế nào? Cho nên làm ra phép chum đan để lội sông. Những bí pháp như các điều ấy, nếu không phải là người trí khôn cướp cơ tạo hóa thì làm thế nào được! Cho nên các phép của tiên công, so với cổ nhân tới sông đánh thủy, gập nước bắc cầu cũng chẳng kém đâu. Học giả nên kính cẩn mà học.

1. Thuở mới sinh ra trời đất.

2. Dây thừng rồng và núi trong biển.

3. Triệu Quát: Tướng nước Triệu thời Chiến quốc, dùng binh chỉ theo sách học, không biết thông biển, đánh nhau với Bạch Khởi tướng Tần, bị Bạch Khởi chôn sống bốn mươi vạn quân.

*

* *

PHÉP LẤY NƯỚC NGỌT TRONG BIỂN.

Phàm trí tướng dùng binh, trong lúc thủy chiến thống suất hàng nghìn chiến hạm, muôn đội hùng binh, vượt biển mà đánh giặc, nhờ ra trong quân thiếu nước ngọt thì làm thế nào? Cho nên có phép lấy nước ngọt trong biển:

Trước hết sai thợ mộc đóng một cái thùng to, cao độ 5 thước, bề to sao cho xứng, chu vi kiên cố, nước không rỉ được. Đục 5, 6 lỗ nhỏ ở đáy thùng, lấy vải trắng lụa mới trải ở đáy thùng phía trên lỗ. Xong rồi mới ra bãi cát ven biển đào một hố to, thấy nước trong chảy ra, uống thấy ngọt thì lấy cát chỗ ấy chừa vào trong thùng, chừa trên miệng thùng nửa thước. Lại làm một cái chậu gỗ cao ước 1 thước to bằng miệng cái thùng kia, đem chậu ấy để dưới thùng, rồi để cả vào trong thuyền. Đến khi qua biển, sai quân múc nước biển dội vào trong thùng gỗ lên trên cát; nên cho nước biển chảy dần dần xuống, chớ cho chảy mạnh, làm như cách lọc nước; như thế thì nước biển thấm xuống đáy

thùng mà gạn vào chậu, tự mất vị mặn mà thành vị ngọt, không khác gì nước giếng, dùng để giải khát cho ba quân, lo gì trong biển không có nước uống!

*

* *

PHÉP PHÁ XÍCH SẮT.

Khi chiến thuyền ta vào giang phận của giặc, bỗng gặp giặc dùng dây sắt chắn sông thì làm thế nào? Người làm tướng ngày thường nên sai thợ sắt đúc một cái thiết đề, miệng ngang rộng 2 thước, cán gỗ dài 3 thước, để ở trong chiến hạm. Khi gặp có xích sắt chắn sông thì lấy ba vị là diêm tiêu, lưu hoàng, nao sa cùng với than gỗ phóng vào trong thiết đề, thổi lửa nấu cho đỏ rực lên, đem đến chỗ xích sắt mà đốt, chốc lát xích sắt đỏ ra thì lấy búa lớn mà chặt, xích sắt phải gãy, thuyền ta thẳng tới như đi trên đất bằng, không ai ngăn được. Đây là nghĩa hỏa khắc kim, trí tướng nên biết trước điều ấy.

*

* *

PHÉP ĐẶT TÊN NGẦM DƯỚI NƯỚC.

Dùng cần tre cứng 100 cái hay 50 cái, mỗi cần dùng một ống tre dài 1 thước 5 tấc, trên có lỗ thông, dưới để mắt, dưới mắt để giống thừa, đục một lỗ chên chếch cắm đầu cần vào. Xong rồi, do lỗ thông ở đầu mỗi ống đều nạp tên thuốc độc cho đầy ống. Bao nhiêu cần tre đều làm như thế. Khi gần đánh nhau xét trước cửa sông chỗ nào là đường thuyền giặc đi qua thì đem cần cắm xuống nước hai bên cửa sông. Mỗi đầu cần buộc một sợi dây gai, đuôi dây các cần buộc túm lại làm một nắm dây to, đầu nắm dây to ấy buộc ngang vào một cái gỗ dài 4, 5 tấc như hình chân gà, rồi đem nắm dây to ấy kéo ghì vào sau bờ sông, như thế thì các cần tre đều cong lên như hình cung mà các tên thì hướng trở lên. Hai bên đều thế. Lại đo chính giữa cần tre ở phía ngoài cắm một cái cột ngầm ngầm dưới nước, đầu cột ấy làm cho bằng, kéo đầu nắm dây to chân gà để lên trên đầu cột ấy, lấy hòn đá lớn mà chặn, liệu chừng cho các cần tre đều cong thì tốt. Hai bên tả hữu đều thế. Lại lấy một sợi gai buộc một hòn đá lớn ở bên tả, buộc liền với một hòn ở bên hữu mà chắn ngang lòng sông, chính giữa dây gai chắn ngang ấy lại buộc một cái neo đá với những ống phao nhỏ, liệu chừng cho lênh bênh theo sóng, nửa chìm nửa nổi thì tốt. Nếu thuyền giặc chợt đến, theo dòng nước tiến thẳng vào sông, thì mái chèo động vào dây chắn

ngang sông, máy đá hai bên rơi xuống thì dây chân gà tuột ra, các cần tre đều bật lên mà tên ở các ống đều bắn theo nhau về một hướng.

*

* *

PHÉP ĐÓNG CỌC LÒNG SÔNG.

Kiên-traí xét: Đời chúa Nguyễn dùng cách này của Lộc-kê bắt được quân của tướng Trịnh là Gia quận công.

Cơ giữ nước tất lấy sông lớn làm hiểm. Song có sông lớn mà không chuẩn bị thì giữ thế nào? Cho nên đóng cọc lòng sông để ngăn bắt thuyền giặc, công hiệu gấp mười xích sắt chắn sông.

Nên sai ba quân chuẩn bị cột gỗ độ 200 cái¹ cũng được, đem đến cửa sông cắm xuống nước, xa gần so le, dài ngắn không đều, hình như răng chó cài nhau, để ngằm dưới mặt nước không cho lộ thấy. Thuyền giặc tiến đến thì tất bị cọc gỗ ngăn trở, dù thuyền nhẹ buồm gió tốt, ra sức mà chèo, cũng không đi được một bước.

*

* *

PHÉP DÙNG CHUM TRE CHO QUÂN SANG SÔNG².

Khi trí tướng đem quân đi ngằm đánh úp quân giặc, nếu gặp sông hồ ngăn trở, lại không có thuyền ghe thì làm thế nào? Vẫn phải làm những cái chum bụng to miệng nhỏ, lấy nan tre vót mỏng đan thành hình chum và lại lấy vải gai tẩm dầu cùng giấy dầu và sơn bồi ngoài chum, đút nút miệng chum lại, rồi dùng ống tre khô buộc kèm vào hai bên chum, lâm thời thì thả xuống sông, hai nách cặp mà bơi, ba quân có thể qua sông được, còn sợ gì nữa.

*

* *

CÁCH LẤY NƯỚC LÊN NÚI.

Phàm nước chảy xuống chỗ thấp là lẽ thường, nhưng đập cho nó bắn lên thì có thể qua đầu, lấp để tức nó thì có thể lên núi. Cho nên người trí có thể làm trái cơ của tạo hóa, làm ngược tính của ngũ hành, đều có phép diệu. Ví như quân đóng ở gò cao, nước ở ngòi sâu, hay là rút quân đóng đồn ở ruộng cao, mà nước thì ở dưới thấp, thế thì dùng ống tre mà hút nước, nước tự tung lên.

Cách làm: Lấy tre làm ống dài 30 thước, hoặc 50 thước, đục bỏ các mắt đi, lại làm ống ngắn bằng nửa ống dài. Chỗ đầu hai ống giáp nhau thì chừa chéo đi. Lại đục cho hai ống ngắn cắm vào đầu ống hợp vào như hình chữ bát (八). Lại lấy vải tẩm nhựa trám bồi vào mười lần cho kín. Sau làm một cái thùng to, vuông hay tròn cũng được, giữa đáy thùng đục một lỗ, đem ống dài cắm vào lỗ ấy cho vào trong thùng độ 2 thước, lại lấy vải tẩm nhựa trám bồi cho kín để đợi dùng. Khi dùng thì lấy nút bịt kín miệng ống ngắn lại, sai người khỏe đem cái thùng ấy úp xuống đáy nước, lấy đá chặn lên không cho nghiêng lệch, rồi mới tháo bỏ cái nút ở đầu ống ra, nước tự nhiên vọt lên. (Lại có một bản chép rằng dùng nan tre đan thành một cái bình hình như quả bầu to, bồi bằng giấy dầu, dưới đáy chừa một lỗ lớn, đem ống tre dài luồn vào đáy chừng 2 thước, lấy vải nhựa trám mà bồi cho kín để đợi dùng.)

1. Trần Quốc Tuấn đánh quân Nguyên chôn hàng vạn cọc ở lòng sông Bạch-đăng.

2. So với mộc anh (chum gỗ) của Hàn Tín ở **Binh thư yếu lược**.

*

* *

PHÉP LÀM CẦU PHAO TRĂM CẤP.

Quân sấm¹ nói: Gặp núi mở đường, gặp sông bắc cầu. Nếu qua sông không có cầu thì làm sao qua được. Cho nên dùng phép bắc cầu phao là diệu lắm.

Cách làm: Dùng ống tre đóng một cái khung hình vuông chữ tinh (井) dài 8 thước, ngang 5 thước, trong khung ấy cũng dùng ống tre xếp thẳng liền nhau, lại dùng then tre nhỏ xuyên ngang cho đầy khung, lấy dây mây buộc cho chắc chắn. Ở dưới khung, bên tả treo ba cái bong bóng to, bên hữu cũng treo ba cái bong bóng to. Hai bên đầu khung trừ ống tre chừng hơn 5 tấc, đục ngang một lỗ, tả hữu đối nhau, đấy là cấp thứ nhất. Cấp thứ hai thứ ba đến thứ một trăm cũng làm như thế. Lại đặt ống dư của cấp thứ hai giáp với ống dư của cấp thứ nhất, ống dư kia ở ngoài ống dư này, ống dư này ở trong ống dư kia, lấy đinh sắt tròn to bằng ngón tay đóng suốt hai ống với nhau, chỗ đầu dư đục lỗ ngang làm chốt, lỗ tả xuyên sang hữu, lỗ hữu xuyên sang tả. Từ cấp thứ nhất đến cấp một trăm đều làm như thế. Lúc để ở quân dinh thì cấp thứ nhất để xuôi, cấp thứ hai lật ngược, cấp thứ ba lật xuôi cấp thứ tư lật ngược, một cấp xuôi một cấp

ngược, cứ thế mà đi. Đến lúc dùng thì theo thứ tự ấy mà bỏ xuống nước, trăm vạn quân cũng sang sông được cả.

*

* *

PHÉP LÀM VOI VÔI NỒI SÓNG.

Phàm binh cơ có giấu có phục. Cho nên người trí tướng trong khi thủy chiến, làm phép voi vôi nổi sóng phá giặc dễ như trở bàn tay. Xét vôi dầu không chế được nước, mà nước lại khắc vôi, cổ nhân làm trận voi vôi là bởi cơ ấy. Trận voi như trận nhạn, hình chữ nhất (一). Voi thì đan bằng trúc, vôi ngẩng trở lên. Lại lấy vải tằm nhựa trám cùng giấy dầu sơn khô bôi vào thân voi 7, 8 lần, rất kỹ. Rồi lấy 1.000 cân vôi tán làm bột, nạp vào bụng voi, vôi và cổ làm nút nút lại. Chân voi thì buộc đá to vào. Xong rồi buộc hai voi làm một, hoặc 30 voi, hoặc 50 voi để đợi khi dùng. Phàm thấy giặc đem thủy binh đến xâm lược ta, ta lập tức đem voi vôi đặt ở trên bè, trên thuyền, dựng cờ như giặc, trong cờ có viết lời phản gián. Xong rồi ta đánh nhau với giặc. Giặc thấy cờ có lời phản gián, tranh đến cướp lấy. Ta sai ngay quân đun những voi vôi ấy xuống nước, tháo bỏ cái nút ở vôi voi ra, nước vào bụng voi, vôi và nước khắc nhau hóa làm sóng dữ, hơi độc xông lên, giặc hoảng hốt rối loạn, quân ta thừa thế đánh ngay, tất là phá tan được giặc.

1. Lời ca sấm về việc binh.

*

* *

PHÉP ĐẶT THỦY LÔI DƯỚI NƯỚC.

Phàm trí tướng dùng binh, phép phục địa lôi đã có, còn thuật phục thủy lôi dưới nước thì chưa thấy có. Cho nên đặt ra phép này, hoặc dụ giặc vào chỗ biển hồ sông ngòi hiểm trở mà đánh, há chẳng thành công hay sao?

Phép làm: Trước hết sai thợ mộc làm hai cái hòm gỗ, mỗi cái cao 5 thước, dài 6 thước, ngang 1 thước 5 tấc, chia làm năm tầng, rồi hợp lại làm một cang tốt. Tầng trên dùng dùi thau nhỏ và mảnh tre rỗng làm máy phát động, trên máy ấy treo dao sắt như hình lá vải, dưới máy để đá lửa cùng thuốc súng, ngòi và các thứ để đốt. Tầng thứ hai để 12 súng gang, mỗi khẩu dài 5 tấc, hình như ống tre; đều bằng gang mỏng. Lại làm nút sắt 5 phân vạn tròn ốc. Khi lòng súng đã

nhồi thuốc xong rồi, lấy nút sắt lấp kín cho kín miệng súng lại. Lại xuyên lỗ nhỏ để đặt ngòi. Làm thế xong rồi, bèn đặt ngang ở tầng thứ hai. Rồi lại nhồi thuốc súng vào khoảng các súng để tiện cho ngòi thuốc thẩu vào. Đến tầng thứ ba cũng thế. Còn tầng thứ tư lại dùng hai cái bầu gang, trong chứa thuốc súng như cách làm hỏa cầu, ngoài bầu lấy rơm cùng nhựa trám bao lại, rồi lấy dây sắt mà buộc cho chặt. Đến tầng thứ năm thì chứa các thứ giấy bồi và bông để phòng hơi nước. Lại dùng dây thau, lấy đầu nấu cho rất mềm rồi đem buộc vào chính giữa máy. Lại xuyên lỗ nhỏ ở các tầng để luồn dây thau xuống dưới đáy hòm. Khi dùng hòm thì từ máy đá trở xuống xuyên liền cả bốn tầng để ngòi thuốc đi qua suốt cả. Làm như thế xong, dùng một cái ống nhỏ dài 2 tấc ngang 3 phân tiếp vào bên ngoài đáy hòm, khiến dây thau nhỏ qua ống ấy thò xuống, buộc một hòn sắt. Chỗ dưới ống ấy lấy vải sơn bọc lại cho kín. Lại lấy mỡ cá heo cùng mỡ rái cá bôi vào. Lại lấy đinh sắt to đóng móc cho các tầng giáp nhau. Lại dùng dây sắt vuông bốn sợi bao cả trên dưới hòm ấy; lại dùng dày mây mà quấn. Ngoài dây sắt và bì hòm đều sơn đen và bao bằng vải trắng cùng giấy Vĩnh-thọ phết nhựa trám, khiến nước không thấm vào được. Rồi sau lại dùng dây tạm làm đai hòm, buộc hòn sắt vào hòm cho khởi động dẩy làm rơi máy đá. Đáy hòm lại buộc hai sợi dây gai to, đầu hai sợi lại hợp làm một để dợi dùng. Lại đeo bong bóng to ở bốn góc đáy hòm, liệu khi đặt trong nước thì nửa chìm nửa nổi là tốt. Làm như thế xong rồi, bèn đến cửa biển, cắm hai cột gỗ rần làm chỗ cho hòm tựa, cách mặt nước một thước rưỡi, không cho hở ra. Bèn đem hòm ấy đặt xuống nước tựa vào hai cột. Lại cắm bốn cái cột gỗ ngắn để làm giá, rồi đem hòm để trên bốn cột ấy. Trước hòm cắm hai cây cứng, đầu có bánh xe như kiểu ròng rọc.

Ngoài cây ấy lại cắm một cái cột to ước thấp hơn cột có bánh xe 2 thước, đầu cột làm bằng, đặt một hòn đá to nặng độ nghìn trăm cân. Bèn lấy hai đầu dây hợp làm một ở đáy hòm đặt trên bánh xe và buộc vào hòn đá lớn làm máy. Hai bên bờ sông đều làm như thế. Rồi sau lấy dây gai nhỏ buộc bên tả bên hữu để chằng ngang qua sông và buộc vào máy đá. Làm như thế xong rồi mới cắt cái dây tạm làm đai hòm, từ từ thả những hòn sắt ra mà buông xuống đáy nước thì tự nhiên yên ổn, không sợ chạy chệch đi chỗ khác. Nếu thuyền giặc chọt đến, mái chèo động vào dây nhỏ chằng ngang sông, dây động thì hòn đá lớn lăn xuống, đá rơi xuống đáy nước thì các hòm thủy lôi nổi lên mặt nước, mà

hòn sắt và dây thau chìm xuống, máy đá lửa ở trong hòm phát động thì ngòi thuốc cháy xuống các tầng, thế lửa bùng lên, sắt đá tung ra mà giặc bị cháy hết. Chính là”Muôn khoảnh thần long ngâm đày nước, mấy đoàn quân giặc chết trong sông”

Lại dặn rằng: Hòm thủy lôi này các tầng dưới dùi lỗ nhỏ đặt dây thau, buộc hòn sắt, cùng là việc móc các tầng bằng đinh lớn và các việc khác làm xong rồi, mới làm máy đá ở tầng trên, nhất thiết không được lay động, sợ máy đá rơi sớm thì tổn thương quân lính. Người trí tướng nên để ý làm cho cẩn thận, và đừng để tiết lậu phép diệu ấy.

Bài thuốc nạp súng nhỏ trong thủy lôi:

Diêm tiêu 10 lượng, Lưu hoàng 1 lượng 5 phân, Than dậu 5 đồng cân.

Bài thuốc nạp vào hai bầu trong thủy lôi:

Diêm tiêu 10 lượng, Lưu hoàng 5 đồng cân, Than đen 5 đồng cân, Đồng thanh 2 đồng 3 phân, Thạch châu sa 8 phân, Thạch tín 6 phân, Nao sa 8 phân.

Bài thuốc ngòi:

Diêm tiêu 6 lượng, Lưu hoàng 5 phân, Than dậu 1 đồng cân.

*

* *

Các kỳ phương thủy chiến trên này cộng 9 điều, thực là quỷ thần không lường được. Người học binh pháp nên hết lòng mà học kỹ lấy.

Kiểm-trai xét: Năm Quang-hưng đời Lê Thế tôn, tiên công tôi là Nghĩa-lộc hầu, con Bảng quận công, theo đại vương Nguyễn Hoàng đi đánh giặc Mạc ở Hải-dương, đại vương sai ông đem ba chiến thuyền lớn đi tiền phong. Họ Mạc đem vài nghìn hải phi đi vài trăm chiếc thuyền nhỏ xông lại khiêu chiến. Bọn ông là Đào Duy Từ¹ bảo ông đem ngay tre nửa rơm rạ đóng làm bè to, thả ngang giữa sông, rồi thuyền ta đem súng lớn bắn theo. Thuyền giặc tới bị bè chắn trước ngăn trở, không xông lại được, bị súng của ta bắn chìm, thua chạy. Ông vì có công thắng trận ấy được phong hầu. Bèn tiến Duy Từ cho đại vương. Duy Từ giúp đại vương làm lên bá nghiệp ở cõi Nam,² làm khai quốc công thần, phong Lộc-kê hầu. Mới làm sách này để dạy Chiêu-vũ, Chiêu-vũ cũng thành công thần. Việc này dầu chỉ là việc chế biến một thời, nhưng không đánh mà người phải khuất phục, chính là việc của Lộc-kê³. Nhân phụ chép vào thiên thủy chiến này, cũng đủ thấy là Lộc-kê biết dùng binh.

-
1. Sách chép là Đào Sĩ Từ người Hải-dương.
 2. Bỏ hai mục:”Phép đeo bùa gỗ vông ra trận” và”Bùa hổ oai hộ mệnh” có tính chất mê tín.
 3. Điều này có khác tiểu sử của Đào Duy Từ chép trong *Liệt truyện tiền biên*.

THIÊN BỘ CHIẾN

Cao Chiêu-dương nói: Điều cốt yếu về bộ chiến có 10 điều:

Một là từ chỗ cao trông xuống có thể đánh được.

Hai là là trại đóng dinh, phải chiếm địa lợi trước.

Ba là ở đồng bằng nội rộng thì chiếm lấy đầu gió.

Bốn là ở cửa thung lũng rừng sâu thì ra kỳ đặt phục.

Năm là ở bãi cát sông chằm, thì quay lưng về nước mà nhử giặc.

Sáu là ở gò cao bằng sáng thì cướp trước đường lấy nước.

Bảy là hai bên bày trận tương đương thì cần nghiêm chỉnh trước.

Tám là giặc ở núi cao thì ngăn chặn đường nước.

Chín là giữ trước giữa bụng để chia thế giặc.

Mười là giặc tự xa đến thì cắt đứt đường lương.

Mười điều cốt yếu ấy, người trí giả liệu tính. Nếu giặc ở núi cao thì ta lấp nguồn suối; nếu giặc ở đồng rộng thì ta nắm bến đò, đã chệt cổ họng, lại đánh ở đầu khiến thế giặc chia đôi, đầu đuôi không cứu nhau được. Bấy giờ lấy mưu mà bắt, dễ như chẻ tre. Cho nên *Binh pháp* nói “trước làm thế địch không thể thắng được để chờ thế của địch mình có thể thắng”, lời ấy thực đúng. Dẫu vậy, phương pháp cũng nhiều, nếu không có phương pháp làm sao đánh được giặc! Cho nên người xưa đắp lũy xây thành, sửa quách đào hào, để giữ bên trong, chiến xa, nhung xa, hỏa xa để giữ bên ngoài, phương pháp cũng kỹ càng chu đáo rồi. Nhưng chính lệnh thắt nút dây¹ không thể giải quyết được việc rối ren đời Tần; nghệ thuật múa giáo mộc² không thể giải vây được trận Bình-thành³. Là vì thời thế thay đổi, xưa nay khác nhau. Cho nên chư công⁴ đem hết sức thần, tạo nên các phép xe kiếm, lũy sắt, xe súng bắn liền, ống tên ngấm kín,

thực là phát thần cơ của trời đất, tiết cốt tủy của hiền nhân, khiến cho người đời mắt thấy cơ mưu tinh diệu mà tự nhiên vui mừng múa tay múa chân lên.

Lê Thủ-chân nói: Đời xưa dùng binh cũng nhiều phương pháp, nhưng thế chẳng qua là hùng binh dũng tướng mà thôi, toàn là nhờ cờ xí che kín một trời, gươm giáo như sương lẫm liệt: nếu đến đồng bằng nội rộng thì bày thành thế trận, gặp chỗ núi sâu hang cùng thì đặt phục đặt kỳ, đấy là lẽ thường, chưa nghe có thần cơ bí pháp gì. Đến khi nghe mấy phép lạ như phép bắn một phát mười tên nỏ của Ngọa-long⁵, phép súng đồng hỏa lôi của Lưu Bá-ôn, ta đã phải than rằng: Dẫu trận rắn dài cuốn đất cũng chẳng đối địch nổi dây sắt đạn lửa. Đến như muôn đội hùm beo phục ở khoảng hang núi thì chưa bằng một người có thể bắn được vài mươi tên thuốc độc. Trãi đến triều ta, anh hùng lữ lượt, thi thố kỳ tài như các phép mộc pháo thần lôi làm gãy chân tối mắt của Lộc-khê tiên sinh, các phép phục địa, phục tiễn, súng máy bắn liền của Bảo Thúc tiên sinh, các phép xe gươm súng máy của Cao Toàn tiên sinh, càng là huyền diệu, xem các phép ấy, kém gì cổ nhân! Cho nên tiên sinh ta nói:”Bảo thư nhược ngộ chinh tru nhật, bất quý hồ đa chỉ quý tinh” (sách báu này dùng khi đánh giặc, chẳng cần binh lẫm cốt dùng tinh), lời nói ấy thực đáng tin vậy.

*

* *

PHÉP THẦN CƠ ĐẮP LŨY TẠM.

Phàm người đánh giỏi động ở trên chín tầng trời, người giữ giỏi giấu ở dưới chín tầng đất. Nếu đến chỗ đồng rộng đường xa, vội vàng chưa có thành lũy, thì giữ làm sao được? Chẳng gì bằng hãy làm lũy tạm mà thôi.

Cách làm: Bốn bề đều dùng gỗ to làm cột, cắm ở bên ngoài, mỗi cột cao hơn 10 thước, cách nhau 1 thước, lại đặt cây ngang ở khoảng giữa cho chắc, rồi dùng cây chuối đặt bên ngoài, lớp lớp nối nhau, san sát liền nhau, cao hơn 10 thước, dày hơn 1 thước rưỡi, như hình cái lũy. Lại lấy dây mây buộc lại cho chắc. Đó là lũy trong. Lại lấy sọt tre dựng đất xếp liền nhau cao bằng cây chuối để làm lũy giữa. Lại lấy gỗ dài nhọn 10 cây xâu liền các cây chuối sát nhau như ngón tay, mỗi một cây chuối cao 11 thước 5 tấc, trừ 1 thước 5 tấc không kể, còn 10 thước thì mỗi thước xâu cây gỗ dài ấy làm như hình bức tường. Lại sai quân lính khai rãnh ở ngoài các sọt đất sâu 1 thước 5 tấc, rộng 1 thước, rồi đem những cây chuối ấy trồng xuống, như hình cái thành để làm lũy ngoài. Lại lấy

đao gươm chông danh cắm lên trên cây chuối. Lại dùng súng gỗ, hỏa cầu, đặt liền ở trên lũy trong bằng sọt đất. Rồi mới sai quân lính cắt lượt tuần giữ để phòng hỏa chiến hỏa công. Lũy tạm làm như thế, dầu giặc dùng súng lớn dây sắt đến đánh cũng không phá được.

-
1. **Thắt nút dây:** Khi chưa có văn tự, thắt nút dây để ghi nhớ công việc.
 2. **Múa giáo mộc:** Vua Thuấn đánh họ Hữu-miêu, múa giáo mộc ở thềm mà Hữu-miêu phục.
 3. **Bình-thành:** Hung-nô vây Hán Cao tổ ở Bình-thành 7 ngày, Cao tổ dùng mưu kế mới giải vây được. Bình-thành tức là Bạch-đăng thành (ở núi Bạch-đăng) thuộc địa phận huyện Đại-đồng tỉnh Sơn-tây.
 4. **Chư công:** Chỉ các ông Lộc-khê, Triệu Điền...

*

* *

PHÉP XE SÚNG BẮN LIỀN.

Tôi hỏi thầy rằng: “Phàm có thể lấy ít thắng nhiều, lấy yếu địch mạnh, lấy nhỏ chế lớn, mới gọi là đánh giỏi. Nếu đương chỗ đường dài nội rộng, chiến kỳ đã gần, mà giặc đem quân trăm vạn chập núi đầy nội kéo đến, ta thì quân ít thế yếu, vội vàng chưa có phòng bị và đặt phục dùng kỳ thì làm thế nào?” Thầy nói: “Phàm quần giặc tự xa xông pha gió sương mà đến, thế hẳn nhọc mệt. Ta đem ngay phép xe súng mà chế thì dễ như trở bàn tay, có sợ gì đâu”. - Tôi nói: “Xin được nghe đại lược phép ấy”. Thầy nói: “Xe ấy có sáu bánh, từ trước đến sau cộng 7 thước, ngang 10 thước, ở giữa lát ván, trước xe dựng vững 20 cái cột ngăn, mỗi cột cao 1 thước 5 tấc, làm hình chữ thập. Lại chia ngang một xe làm hai ngăn, mỗi ngăn mười cột, sau mỗi cột đặt một cái ghế cao 1 thước 3 tấc. Xong rồi sai thợ đúc 2 hòm sắt, hình như cái quạt, mỗi hòm dày 3 phân, dài 4 thước, rộng 1 thước, chia làm hai phần nắp và đáy; trên nắp chính giữa đục một lỗ tròn to hơn 1 tấc, liệu sao tầng nắp trên đậy vào tầng đáy dưới mà giáp nhau chính giữa thì tốt. Một trước hòm ở giữa chỗ nắp đáy giáp nhau đục 10 lỗ vuông, mỗi lỗ 1 tấc 3 phân, liệu nửa lỗ ở phần nắp cùng nửa lỗ ở phần đáy hợp lại thành một lỗ thì khéo. Lại đúc cho mỗi hòm 10 cái súng sắt vuông, mỗi súng dài 4 thước, to 1 tấc 2 phân, hình vuông lòng tròn. Trước mặt hòm, mỗi lỗ xỏ một súng thẳng đến mặt sau của hòm. Liệu đặt các súng ấy cho lỗ

phát hỏa liền nhau một hàng mới được. Lại lấy sắt như đinh nhét vào chỗ giữa súng nọ súng kia giáp nhau, khiến những miếng sắt cùng các súng bằng nhau thì tốt. Rồi sau đem hai hòm sắt ấy đặt lên trên hai ghế, mỗi súng gác miệng vào trên cột chữ thập. Nạp thuốc đạn, mỗi súng một liều thuốc 2 viên đạn sắt, nạp xong lại nhét thuốc súng vào chỗ lỗ phát hỏa của các súng. Đem hòm đập kín lại, đẩy xe tiến thẳng đến trước mặt quân giặc, lấy dây lửa đốt ở lỗ trên nắp cháy thông vào trong lỗ, lỗ hỏa của súng cháy suốt vào trong lòng súng thì tự nhiên súng nổ tung đạn ra.

Xem cách làm xem này một xe 20 súng bắn, ở chỗ đồng rộng bất quá 10 xe thì dầu giặc có trăm vạn quân, bắn một phát cũng chết hết.

Kiên-trai xét: Hai phép trên này thực có hiệu nghiệm. Trước tiên công tôi là Kết quận công ở đầu đời Quang-thiệu Lê Chiêu tôn theo quân vua đi đánh ngự chúa là Trần Thăng ở Lạng-sơn. Tương truyền rằng lúc ấy giặc mộ quân thổ phỉ dưng cảm vài trăm kéo đến để liều chết đánh mà quân của ông đều là con em thành thị không đầy 500 người. Ông bèn sai tỳ tướng sờ trên ngực quân lính xem người nào đánh trống ngực thì cho quỳ xuống đất một vai vác súng sắt, một người thiện xạ đứng kèm ở bên một vai vác giáo dài, du binh thì cầm dao ngắn đứng giáp đấy, bày thành mặt trận tròn để đợi. Lúc quân giặc đến thì bị giáo dài ngăn trở, không xông vào được, quân thiện xạ đều bắn súng ra, quân giặc chết hết. Đây tuy là việc ngày xưa, mà cùng với hai phép trên này ngam ngám giống nhau, nên biên vào đây để ghi hiệu nghiệm và khen tài ứng biến.

*

* *

PHÉP XE GƯƠM PHÁ GIẶC.

Phàm trí tướng hành binh, cốt vận dụng một lòng, không để tiết lộ, cho nên tiến thì như gió, dừng thì như núi, ai động đến là bị vỡ, phạm đến là bị cháy, đi đến đâu cũng vô địch. Như giặc ở trong thành cây cao hiểm, hay là ở chỗ đường dài cây sức mạnh tiến lên mà ta không phá được, thì ta dùng xe gươm để đánh.

Cách làm: Xe có bốn bánh, trước sau to đều 8 thước, ngang 6 thước, khoảng giữa lát ván, hai bên dựng hai cột cao 6 thước 5 tấc, đầu cột làm hình chữ thập. Lại lấy gỗ tròn làm ống, đường kính 1 thước, gác ngang lên đầu hai cột, lấy

đanh sắt đóng vào cho chặt. Lại lấy cây gỗ rỗng dài 7 thước cắm vào trong ống và lấy 1 sợi dây da thắt chặt vào cái gỗ rỗng ở trong ống như hình cái dây khoan. Lại dùng hai lỗ ở bên cái ống luồn hai đầu dây ra cho thò xuống dưới, lấy hai cái gỗ buộc ngang như hình chữ đinh. Lại lấy hai bánh xe dày 4 tấc, mặt to 1 thước, lắp ngang vào hai đầu cái gỗ rỗng, dùng đanh sắt đóng lại cho chặt. Chung quanh bánh xe đều cắm dao gươm, mỗi gươm dài 1 thước 5 tấc, dùng dây sắt buộc lại thật chặt. Lại đo từ chỗ máy trong xuyên ngang ra ngoài độ 3 thước, lấy da trâu che lại, ở ngoài da trâu lại dựng một ống cao 3 thước rưỡi, lại dùng một cái gỗ rỗng cắm thẳng vào trong ống, lại lấy dây da thắt lại như trên. Lại dùng một lỗ ở bên ống, đem đầu dây thừa luồn ra, lại cho xuyên qua da trâu vào đến ống ngang trong máy, đầu dây thông xuống cũng làm hình chữ thập. Ở trên cái gỗ rỗng của ống ngoài, lại đặt bằng 1 bánh xe mặt to 1 thước, lấy đanh sắt đóng vào, bốn bên cũng cắm dao gươm như ở trước. Liệu mũi gươm bánh xe ngang cách da trâu 8 tấc thì khéo. Sau xe lại có một cây gỗ thò ra để tiện đẩy xe lên. Trên xe che bằng da trâu như mái nhà để đỡ tên đạn. Khi dùng thì trước sai một người ngồi ở máy trong, ngoài cái ống máy ngang, trong cái da trâu, cầm cái đầu dây của ống máy thẳng mà kéo cho xoay. Lại sai một người ở đằng sau xe, trên ván lát lấy hai tay kéo hai đầu dây cho chuyển động, một tiến một lùi, một thuận một nghịch, như cách xay lúa. Như thế thì những dao gươm hai bên và mặt trước múa rối lên, giặc không dám đến gần. Ta tiến đến dưới thành, hoặc dùng hỏa công mà đốt, hoặc dùng thang mây trèo lên, đều được như ý, lo gì thành giặc không phá nổi, hung đảng không trừ hết. Đây là phép diệu xe gươm.

*

* *

PHÉP GÀI TÊN DƯỚI ĐẤT.

Phàm đánh nhau với giặc ở chỗ đồng bằng nội rộng, cổ nhân bày thành thế trận, đó là lẽ thường, chưa phải là diệu. Nay có một cách gọi là gài tên dưới đất, rất là thần kỳ. Phép lạ ấy làm sao? Lấy tre cứng làm cần, không cứ nhiều ít. Xin lấy một cần mà nói. Trên dùng một ống tre, trên thì thông miệng, dưới thì để mắt, dưới mắt khoét một lỗ chếch để cài đầu cần tre vào, xong rồi, trong ống nạp tên thuốc độc cho đầy, mỗi cần tre đều làm như thế, hoặc 50 cái hay 80 cái cũng được. Bấy giờ mới đào một cái ao như hình cái quạt, sâu nông

rộng hẹp thì liệu cho vừa, đem các cần tre cắm hàng chữ nhất ở trong ao; ở đáy ao lại dùng một cây gỗ dài nhỏ làm máy, đề lên đầu các cần tre, uốn các cần tre đều cong như hình cung khiến các ống tên đều chiếu chéo lên trời. Ở trên máy ấy trồng một cột gỗ, đầu cột có bánh xe. Xong rồi lấy dây gai buộc vào giữa cây ngang máy, dẫn dây vào bánh xe đầu cột như phép ròng rọc và kéo ra đằng sau. Cách hơn 30 bước, lại đào một cái lỗ tròn, đặt tấm ván làm máy như phép thiên la áp trại¹, đem các đầu dây ấy buộc vào giữa cái máy ván, rồi lắp bằng trên mặt đặt đi. Rồi đem quân khiêu chiến, giả cách thua chạy, quân giặc đuổi theo thì xéo vào chỗ ván máy, ván sập thì dây gai kéo, dây gai kéo thì máy trong ao đều rút mà các cần tre đều bật lên, tên thuộc độc ở trong các ống đều bắn tung lên, quân giặc đều chết. Cho nên *Bảo thư* nói rằng “Chinh phu hóa thành mo nang (bị gió thổi rơi)” là thế đấy.

*

* *

PHÉP ỐNG TÊN GIẤU HÌNH.

Một hôm tôi hỏi bạn rằng: Trước Ngọa-long² có phép bắn một phát mười tên, đấy là liên nổ. Nay lấy trí khôn của chúng ta mà bàn thì một phát nổ có thể bắn được mười tên không?

Bạn tôi trả lời rằng: Trí khôn của cổ nhân ta đâu dám bì. Nhưng thánh nhân có nói: Người ngu nghĩ nghìn điều hãn cũng có một điều được. Nay tôi ngồi yên mà nghĩ được một phép diệu gọi là ống tên giấu hình. Phép ấy một nổ cũng có thể bắn một phát vài chục tên.

Tôi xin được biết đại lược phép ấy.

Bạn nói: Phép này nên dùng tre núi làm một cái ống dài 5 thước 5 tấc, trên đầu ống làm miệng, dưới ống để mắt, dưới mắt lại để thừa độ hơn 2 tấc. Lại đo tự chỗ mắt để trở xuống cách 1 tấc dùi ngang một lỗ. Lại đo tự lỗ ấy trở xuống 1 tấc, nửa trên để vậy, nửa dưới cắt hai bên đi, chỗ cắt thì đóng hai cái đinh thau như hình chữ nhị (二). Xong rồi, bèn làm một cái nổ to thật khỏe, trước lấy dây nổ buộc vào đầu cánh bên tả của nổ, dây dư thì luồn qua lỗ ngang dưới ống tên, rồi đem dây buộc sang cánh bên hữu của nổ. Xong rồi, làm một cái giá gỗ như hình chữ tinh (井), giữa giá dựng một cái cột cao 1 thước 1 tấc, có bốn bánh xe để tiện xoay chuyển mà bắn. Lúc dùng thì đem nổ ấy để lên đầu cột ở giữa cái giá, lấy dây mây buộc cho chắc, rồi sau cho người kéo dây nổ

giương lên, mà đem hai đánh thau ở đằng sau ống tên cắm vào máy nổ, xong rồi nạp tên thuốc độc vào ống ấy cho đầy ống, để mũi tên thò ra ngoài miệng ống 1 tấc làm cữ. Lại ở dưới máy nổ buộc một sợi dây gai giữ lấy để dùng. Lúc dùng thì sai người kéo cái dây gai, dây gai động thì máy nổ bật lên mà dây nổ ống tên đều phát, các tên trong ống đều nhân sức bắn của ống tên mà bắn tung ra bốn mặt, quân giặc chổng sao cho nổi!

1. Thiên la áp trại: Xem ở sau.

2. Gia-cát Lượng.

*

* *

PHÉP NẤU CƠM Ở ĐẦU NGỰA.

Phàm then mấy việc binh quý hồ nhanh chóng, cho nên cổ nhân nói: Canh ba năm cơm, canh năm quân trắng. Nếu gặp việc cần phải đi tự canh đầu, chưa kịp nấu cơm thì làm thế nào? Cho nên đặt ra phép nấu cơm ở đầu ngựa.

Cách làm: Trước sai lính kỵ mã hoặc 200 hoặc 300 người, làm sẵn 200, 300 đoạn ống tre tươi lớn. Hãy nói một đoạn: dài từ 3 đốt, đốt thứ nhất làm có miệng, để hoàn toàn, đốt dưới đẽo nhỏ cho tiện cầm; lấy gạo nước do đốt trên đổ vào ống tre, lấy gỗ nút miệng lại. Dùng một bó đuốc. Các ống khác cũng làm như thế. Bấy giờ mới truyền lệnh cho 300 người lên ngựa, binh khí treo ở yên ngựa, mỗi người một tay cầm ống gạo một tay cầm bó đuốc đốt vào ống gạo. Ống ấy cháy thì cơm chín. 300 kỵ binh đều no, hăng hái thêm lên, gặp giặc thì đánh, ai kháng cự được!

Kiểm-trai xét: Đây là phép nấu cơm của Liễu quân sư truyền lại. Nhưng trước tiên công tôi là Bảng quận công theo Lê Trang tôn ở sông Mã, đi ngầm đường núi, không có nước sôi, ông sai quân lính lấy ống tre non cho gạo vào lấy lửa đốt, tự nhiên nước trong ống tre sôi lên mà thành cơm¹. Khát thì bẻ cành trám mà uống.

*

* *

PHÉP THUỐC TIÊN CHỊU ĐÓI².

Bài thuốc *Tổ sư ứng cơ đơn*:

Đào nhân 4 lạng,

Cam thảo 1 cân,
Đỗ trọng 4 lạng,
Bạc hà 4 lạng,
Hạnh nhân 1 cân (nấu chín bỏ vỏ và đầu nhọn),
Tiểu hồi 4 lạng sao chín,
Phục linh 4 lạng,
Cát cánh 3 lạng.

Các vị trên này tán nhỏ trộn cho đều, mỗi lần dùng một nhúm ngậm ở trong miệng, gập các lá cây cỏ như lá thông lá bách lấy nhá ngậm cho hóa ra nước mà nuốt với thuốc này thì nhan sắc như cũ, khí lực không kém, thực là thuốc tiên.

Bài thuốc *Thần tiên sung phúc đơn*:

Hạt vừng đen 1 cân,
Đậu đen 1 cân,
Long cốt 5 đồng cân,
Ô đầu 1 đồng cân,
Táo hồng 1 cân,
Xích thạch chi 5 đồng cân,
Phòng phong 5 đồng cân.

Các vị trên này tán nhỏ ra, luyện mật làm hoàn to bằng viên đạn, lấy chu sa làm áo, mỗi lần dùng một viên, uống nước lã tổng xuống, được một ngày không đói, thực là bài thuốc lạ.

Lại một bài nữa:

Táo hồng 1 cân,
Vừng đen 1 cân,
Nhân sâm 1 cân.

Đều tán nhỏ, luyện mật, viên to bằng viên đạn.

Kiên-trai nói: Hai bài thuốc trên này khí vị bình hòa, đều là ôn bổ, châm chước dồn làm một bài thuốc càng tốt.

-
1. Đây là phép nấu cơm lam của người miền núi.
 2. Đoạn đầu mục lấy nói việc Đỗ Phục-uy gập tiên được truyền hai bài thuốc tiên, chúng tôi bỏ không dịch.

*

* *

PHÉP THANG HAI TẦNG.

Phàm dùng binh lên núi qua sông, vượt nơi nguy hiểm, đều cần chuẩn bị đầy đủ. Như giặc ở trong trại thành cao vài trượng thì dùng cách gì để trèo vào thành?

Cách làm: Làm hai tầng thang, tầng thứ nhất dài 30 thước ngang 4 thước, tầng thứ hai cũng dài 30 thước, ngang 3 thước 5 tấc. Trước đặt thang tầng thứ hai vào trong thang tầng thứ nhất, đầu thang dùng gỗ rỗng làm then ngang nối hai thang làm một, ở dưới thang tầng thứ hai đóng móc sắt. Khi muốn lên thành đem hai thang giáp làm một bắc lên thành, trèo lên thang tầng thứ nhất, lên đến đầu thang thì đem thang tầng thứ hai vắt lên trên thành, đem móc sắt ở đầu thang móc vào đầu thành, quân lính bám vào mà lên. Thế là lên được thành¹.

*

* *

PHÉP SÚNG BẮN ĐỔ NÚI.

Phàm người đánh giỏi có thể lấy ít mà địch nhiều, lấy yếu mà địch mạnh. Ví như ở chỗ đồng bằng nội rộng, quân giặc trăm vạn như sông cuộn biển sôi mà đến, thì nên dùng súng máy ma bắn, giặc tất tan gãy.

Cách làm: Trước hết làm ba khẩu súng to, mỗi khẩu trước lấy gỗ nhỏ bó làm một bó to 2 thước dài 6 thước để làm cái cốt súng. Lại lấy gỗ rỗng to 2 thước dài 5 thước 5 tấc, trên bằng dưới nhọn, đặt vào sau cái cốt để làm đáy súng. Lại lấy rơm trấu, phân voi trộn vào đất gan trâu, luyện thành bùn để bọc ngoài cốt súng và đáy súng dày 3 tấc. Lại lấy da trâu bao kín ngoài đất, lấy dây gai buộc lại cho chặt. Lại lấy đất luyện nhỏ trước đắp vào bên ngoài da trâu, dày 2 tấc. Lại lấy thanh tre đặt thẳng ở ngoài lần đất, ghép liền cho kín, ngoài lấy dây sắt mà buộc. Xong rồi, mới lấy cái cốt ra. Lại lấy dùi sắt dùi lỗ, cho ống sắt nhỏ vào để làm lỗ ngòi. Ba khẩu súng đều làm như thế. Xong rồi, sai thợ làm đạn dây sắt, mỗi viên đạn đường kính 1 thước 5 tấc 5 phân, cưa làm hai mảnh, mỗi mảnh đục bỏ ruột sắt đi bằng cái chén, chính giữa dùi một lỗ, lấy dây sắt mà buộc, tả chằng sang hữu, hữu chằng sang tả, rồi đem dây sắt vắn lại thành một khối để vào trong lòng hai mảnh, sao cho hai mảnh hợp lại thành một hòn đạn

thì tốt. Bấy giờ mới lấy thuốc súng nạp vào dưới đáy súng, lại lấy đạn dây sắt nạp vào trên thuốc súng. Ba khẩu súng đều làm như thế.

Lại như khẩu súng giữa, nên lấy ống gang tròn nạp vào ở trên đạn dây sắt. Phép làm ống gang có bốn hạng. Cái ống mẹ lớn dài 2 thước, to 1 thước 8 tấc, dày 1 phân; ống mẹ nhỏ dài 1 thước 8 phân, to 1 thước 7 tấc, dày 1 phân; ống con lớn dài 1 thước 5 tấc, to 1 thước 6 tấc, dày 1 phân; ống con nhỏ dài 1 thước 4 tấc, to 1 thước 5 tấc, dày 1 phân. Bốn ống, đều có nắp tròn ốc, ở dưới có đáy bằng. Trước đem ống con nhỏ nhồi thuốc súng vào, xoáy nắp tròn ốc, nạp vào trong ống con lớn; lại nhồi thuốc súng vào trong ống con lớn ngoài ống con nhỏ, cũng xoáy nắp tròn ốc lại; lại nạp ống con lớn vào trong ống mẹ nhỏ, cũng nạp thuốc súng và xoáy nắp như trước; lại đem ống mẹ nhỏ nạp vào trong ống mẹ lớn, cũng nạp thuốc súng và xoáy nắp lại. Xong tắt cả rồi lại lấy dùi sắt dùi một lỗ tự ngoài ống mẹ lớn thẳng suốt vào các ống con, để làm lỗ ngòi, lại lấy dây ngòi thuốc luôn vào, cái đầu thừa của ngòi thuốc quấn vào quanh mình ống mẹ lớn. Lại lấy dây gai buộc 3, 4 lần. Lại lấy bẹ chuối tươi buộc vào ngoài da gai, rồi đem đuôi ngòi thuốc xuyên ra ngoài để chờ đồ dẫn hỏa chuyền vào, rồi nạp vào trong lòng súng ở trên đạn dây sắt. Lại lấy vải giấy bọc một bao đạn nhỏ để lên trên các ống sắt. Đây là cách làm khẩu súng giữa. Còn hai khẩu súng bên tả bên hữu thì nên dùng tên sắt dài 2 thước, lấy dây da nhỏ buộc thành một bó để vào trên đạn dây sắt. Xong rồi thì ngoài ba khẩu súng ấy dựng hai cột ở hai bên tả hữu, mỗi cột cao quá thân khẩu súng 1 thước, đầu mỗi cột dùi ngang một lỗ rộng 2 tấc, tả hữu đối nhau. Lại lấy hai mảnh gỗ giáp lại làm một to độ 1 tấc hơn, cài vào lỗ hai đầu cột ở trên ba khẩu súng, ở giữa hai mảnh gỗ giáp nhau lại ghép ba miếng gỗ nhỏ, ngay vào ba lỗ phát hỏa của ba khẩu súng thì tốt. Mỗi đầu mảnh gỗ lại buộc một sợi dây to, rồi sau lấy ba sợi dây gai buộc vào miếng gỗ nhỏ, đuôi dây hợp lại làm một. Khi muốn bắn thì rút dây ấy xuống, tự nhiên cả ba khẩu súng đều nổ. Giặc đầu có phép tàng hình độn thổ cũng trở thành người dưới suối vàng mà thôi.

*

* *

11 điều² bộ chiến trên này thực là phép diệu xuất quỷ nhập thần, có cơ quý thần bất trắc. Vận dụng máy thiêng, phát minh những điều Bảo thư chưa phát,

bí tàng trời đất, truyền lại những thuật lạ của Linh quỹ còn truyền. Người học nên hết lòng vào đấy.

1. Như phép thang mây của **Binh thư yếu lược, quyển IV, chương “Đánh thành”**.
2. Đã bỏ đi 2 điều, chỉ còn 9 điều.

THIÊN GIỮ TRẠI

Cao Chiêu-dương nói: Phàm điều cốt yếu trong phép lập trại, trước hết phải tìm địa lợi. Cho nên người trí tướng dựa núi chia nước, bốn mặt thông nhau, trước có bình dương¹, sau có gò cao, để tiện trông nhìn, núi bên tả quanh ôm để tiện phục binh, nước bên hữu thông dòng để tiện vận lương. Nếu không được địa hình như thế, mà ở chỗ đồng rộng thì chiếu theo bát quái mà đặt tám cửa, theo ngũ hành mà lập năm trại, trong mỗi trại đều có phương pháp. Cho nên người xưa chế các thuật thang mây, gỗ gác nai, bàn chông, nữ tường, cầu treo, răng sói², thực đã kỹ càng. Nhưng ngoài phép vẫn có kẻ gian trong, thuật vẫn có họa ngầm, cũng chưa được hoàn thiện. Cho nên các ông Lộc-khê, Triệu Điền triều ta lại đặt ra các phép thần nổ, bính đình, song đặng, trại túc, những phép ấy thực là tài giỏi, người xưa chưa có. Đến nay bọn chúng tôi trộm lấy sóng thừa ở biển cả, cục đá ở núi Thái-sơn, lòng nghĩ rằng không gặp gốc rễ thì sao biết được búa rìu là sắc, cho nên trở hết tài tầm thường mà chế ra các phép máy đá giữ lũy, lưới trời yểm trại³, cùng là các phép nổ cứng phòng gian, dây tiên trói giặc, có khác gì cá nhỏ khoe tài với cá kình, chim oanh khoe tài với chim bàng. Tuy nhiên gặp việc nên làm không phải nhường thầy, người ngu há chẳng có một điều nghĩ được, cho nên đem hết bình sinh mà chế ra các phép này, còn phần hay dở xin đợi các bậc quân tử xét.

Lê Thủ-chân nói: Kết trại đặt dinh tất phải xem địa lợi, hoặc dựa núi dựa hang, hoặc giữ hiểm nhân ghềnh, hoặc theo bát quái mà lập tám cửa, hoặc xem ngũ hành mà lập năm trại, đấy là do người trí tướng liệu định. Cổ thi có câu:

Trường xà bàn khúc chuyển sơn bài;
Điệp điệp vân đồn thứ đệ khai.
Đãn khán quân dinh tàng tạo hóa;

Thử vi thiên hạ đại kỳ tài.

(Rắn dài cuộn khúc chuyển non bày; San sát vân đồn thứ tự khai. Chỉ xét quân dinh tàng tạo hóa. Ấy là thiên hạ đại kỳ tài).

Tuy nhiên như vậy, lúc ở yên phải nghĩ đến lúc nguy. Giặc biến trá nhiều cách, không thể lường được, hoặc gian nhân thích khách ngầm đến, hoặc nhân đêm mà cướp trại đánh dinh. Cho nên trí tướng đời xưa ngồi trong trường xem hướng gió thổi mà tính trước đặt phục xuất kỳ, đấy là phương lược của cổ nhân. Đến Lộc-khê tiên sinh thì không xem hướng gió, không đặt phục binh. Phàm nơi đóng trại đều rào chông chà, treo bàn chông, rắc gai góc, gài tạt lê, ngầm để trúc lôi⁴, cẩn thận như thế, giặc dẫu có cánh cũng chẳng bay đến được. Song bọn chúng tôi tưởng nắm được di chí của cổ nhân, theo được thần cơ của tiên giác, còn sợ chưa được tinh mật, cho nên đặt ra các phép nỏ thần giữ trại, và phép đặt chữ đỉnh ở thủy trại, chưa bằng tiền nhân, nhưng công dụng cũng có bổ ích một chút.

-
1. Nơi bằng phẳng sáng sủa.
 2. Về các vật này xin xem **Binh thư yếu lược**.
 3. Chữ hán là “thiên la yểm trại”.
 4. Trúc lôi: Địa lôi bằng tre.

*

* *

PHÉP MÁY ĐÁ GIỮ TRẠI.

Phàm phép giữ rất khó, cho nên cổ nhân dùng đủ các thứ răng sói, bàn chông, hỏa tiễn, hỏa công để phòng bị. Nhưng các phép ấy dẫu hay mà công dụng cũng khó, cho nên Lộc-khê tiên sinh chế ra phép máy đá giấu lửa để giữ thành lũy, giặc có quân trăm vạn, bậc thang cao mà trèo lên cũng đều thịt nát xương tan, còn lo gì nó đục thành nữa.

Cách làm: Bốn mặt lũy, trên đầu lũy bên ngoài tận cùng dựng liền hai cột nhỏ dài 5 tấc, cách nhau hơn 30 thước, lại dùng gỗ rắn dài hơn 30 thước, rộng 1 thước, bốn góc đều có vòng sắt. Trước đem vòng sắt của hai góc ván ấy treo lên cột gần trên lũy, còn hai góc mé ngoài thì bỏ xuống. Lại dựng một cái cột ở trong lũy, cao hơn lũy 3 thước, đầu cột đặt bánh xe làm thân ròng rọc. Lại lấy dây máy buộc vòng sắt hai góc bên ngoài của tấm ván, dây góc bên tả chằng

sang góc bên hữu, dây góc bên hữu chằng sang góc bên tả. Xong rồi, lại dùng một dây buộc vào giữa dây hai góc dặt vào trong lũy để lên trên cái ròng rọc ở đầu cột cao, đầu dây buộc chặt vào dưới chân cột. Rồi đem đá to đặt chồng chất trên tấm ván. Bốn mặt lũy đều làm như thế. Nếu quân giặc bắc thang mây trèo thành mà lên, hay là nó đào lũy phá thành, thì ta lập tức cắt đứt cái dây ở chân cột, tấm ván nghiêng ra mà đá đổ xuống cả.

Lại sai quân đào một hốc vuông vức 4 thước ở bên trong chỗ gần lũy, xong rồi, lại lấy da lợn rừng sống phơi khô làm gổi cho lính nằm ở trong hốc ấy để nghe xem giặc có đào hang dưới đất hay không. Phép này thực là thần diệu.

*

* *

PHÉP NỔ THẦN GIỮ TRẠI.

Đại tướng trước hết phải bảo trọng thân mình. Nếu không như thế, thắng hoặc kẻ gian lên vào được mà làm hại thì Nhà nước cậy vào đâu, xã tắc dựa vào đâu? Cho nên làm tướng ngày thì nghiêm lệnh như Chu Á-phu¹, đêm thì phòng gian như Trịnh tử², mà còn lâm sự lo sợ ngay ngáy nơm nớp, há dám ngủ kỹ cậy mạnh mà coi thường tính mệnh đâu! Cho nên Lộc-khê tiên sinh chế ra phép đặt máy nổ giữ trại. Giả sử Kinh Kha³ sống lại, Nhiếp Chính⁴ phục sinh, cũng chỉ làm người dưới tuổi vàng mà thôi, còn cậy gì về dao găm mũi nhọn nữa!

Cách làm: Dùng một cái nổ lớn, xoi rãnh đặt ba tên, dưới nổ ở chính giữa lại làm một lỗ tròn to hơn 1 tấc. Lại dựng một cột gỗ ở cửa trại, gần chỗ hổ môn⁵, đầu cột dùng một cốt sắt tròn đóng vào 5 phân, cao hơn đầu cột 2 tấc. Rồi đem lỗ tròn dưới nổ lồng vào cột sắt ấy, để tiện xoay chuyển. Đầu nổ làm một cái vòng thau. Lại lấy hai sợi dây tơ nhỏ, một sợi giăng buộc vòng thau vào cái bọ cửa bên tả, một sợi giăng buộc vào bọ cửa bên hữu, tạm thắt lại như cách thắt giải áo. Lại dìu đằng sau nổ một lỗ chếch, lấy gỗ nhỏ cắm vào, nửa ở dưới nổ nửa ở trên nổ, để làm máy nổ. Lại lấy một miếng gỗ đỡ ở đầu dưới máy nổ ấy tạm cài vào bên cột máy. Rồi sau giương dây nổ đặt vào trên máy, bên trên đặt ba tên để đợi dùng. Nếu kẻ gian vô ý xông vào, động phải dây tơ, nổ tự xoay chuyển, rơi cái gỗ đỡ, dây nổ bật lên, tên nổ bắn ra.

1. Chu Á-phu: Tướng đời Hán Văn Đế, rất nghiêm quân lệnh, vua đến cũng không cho vào và nói rằng trong quân chỉ biết lệnh của tướng.
2. Trịnh tử: Trịnh Tử Sản, trước khi đem quân đi đánh giặc đặt người canh cửa giữ các quan, giữ các phủ khố cẩn thận rồi mới đem quân đi.
3. Kinh Kha: Dũng sĩ nước Yên cầm dao găm vào điện vua Tần, xuýt nữa đâm được Tần vương (Tần Thủy hoàng).
4. Nhiếp Chính: Dũng sĩ người ấp Chi cầm gươm đâm chết tướng nước Hàn là Hiệp lũy, báo thù cho Nghiêm Trọng tử.
5. Hồ môn: Chỗ cửa đêm đi lại vẽ hình con hổ để tỏ uy mãnh.

*

* *

PHÉP DÂY TIÊN TRÓI GIẶC.

Phàm đêm trong dinh phải có cách phòng gian; cách nào nên làm trước? Nên dùng dây tiên trói giặc.

Cách làm: Trước dựng hai cái cột lớn ở hai bên cửa tướng, hai bên cột treo hai cái đèn đỏ, bắc đèn tấm các thứ diêm tiêu lưu hoàng. Lại lấy dây mây chằng ngang hai cột, cột bên tả buộc sang bên hữu, cột bên hữu buộc sang bên tả. Lại lấy hai miếng gỗ răn cài vào trên dây mây, liệu cách cột mỗi bên 3 thước, hai bên đều thế. Lại sai hai người khỏe vắn hai miếng gỗ vài mươi lần rất chặt. Treo chuông đồng ở đầu hai miếng gỗ ấy. Lại lấy hai sợi dây gai buộc hai miếng gỗ ấy kéo ra ngoài cửa, làm phép máy động như phép bính đình. Xong rồi, lại lấy một thanh gỗ răn cắm ngang vào đầu hai miếng gỗ. Lại lấy một sợi dây da trâu buộc vào giữa thanh gỗ ngang ấy treo xuống làm một cái vòng to, liệu chừng cái máy phát động vừa đúng vào giữa vòng ấy thì khéo. Lại đào lỗ ở trong vòng ấy làm máy phát hỏa, trong máy có ngòi thuốc ngầm thông đến đèn đỏ hai bên, để đợi dùng. Nếu có kẻ gian vô ý bước vào vòng ấy, động vào máy thì hai miếng gỗ chuyển ngược, chuông đồng kêu vang lên, đèn đỏ bật sáng lên, kẻ gian sẽ bị trói ngay.

Kiên-trai xét: Phép này làm như phép bính đình. Nhưng phép bính đình thất truyền, không thể hiểu được. Cứ ý tôi nghĩ: nên đem hai dây gai buộc hai miếng gỗ kéo ra ngoài cửa hợp làm một dây, đầu dây thò xuống buộc vào miếng gỗ ngang nhỏ dài 2 tấc như chữ đình (丁), lại đào lỗ dưới đất, lấy ván dùi hồng đặt trên miệng lỗ, lấy gỗ nhỏ buộc đầu dây đặt xuống dưới lỗ hồng

của ván. Lại lấy gạch đá chặn bên tấm ván ấy, lấy đất cát rải bằng trên mặt. Dây da trâu thì dùng vòng sắt tròn đường kính 5 phân buộc vào đầu dây, lại một đầu luồn vào vòng sắt rồi mới đem buộc vào gỗ ngang trên máy. Cái đầu dây buộc vòng sắt còn thừa rủ xuống, nên dẫn chạy vòng quanh làm vòng tròn to, chạy bên ngoài quanh cái lỗ đặt máy.

*

* *

PHÉP NỎ KHỎE PHÒNG GIAN.

Phàm trí tướng lập dinh đóng trại tất phải chuẩn bị trước để phòng kẻ gian tế. Như trong cửa dinh nên làm một cái nỏ khỏe, sai thợ xoi ba lòng bắn được ba tên. Rồi sau dựng giá gỗ cao 3 thước, đặt nỏ lên trên, buộc lại cho chặt. Đằng sau lại dựng một cái cột cao 2 thước 5 tấc, đầu cột làm bánh xe như ròng rọc. Lại ở trước cái giá gỗ cách hơn 10 bước đào một lỗ sâu 1 thước hơn, trên nhỏ dưới to, mặt lỗ ấy làm máy đặt một tấm ván tròn ở trên, rải đất cát cho bằng, không để lộ ra. Làm như thế xong rồi, bèn giương dây nỏ lên máy, đặt ba tên nỏ thân, mũi tên tấm thuốc độc. Lại lấy một sợi dây gai nhỏ buộc ở máy nỏ, đem dây ấy gác lên bánh xe, rồi kéo ra trước nỏ, buộc vào tấm ván tròn. Nếu trong đêm tối thích khách của giặc lén đến, chân xéo lằm vào tấm ván tròn ở trên miệng lỗ, ván ấy rớt vào trong lỗ thì sợi dây động, tên đều bắn ra, trúng là chết.

Bài thuốc độc tẩm tên.

Nhựa cây thẩu cốt (tục gọi là nhựa cây cộng), ban miêu, tử thạch (đá nam châm), điền cơ (tục gọi là khoai dại).

Các vị trên giã riêng ra trộn cả vào trong ống tre, rồi đem tên nỏ bỏ vào ống tre ngâm 3 tháng 10 ngày.

*

* *

PHÉP LUỚI TRỜI YẾM TRẠI.

Trước tôi từng hỏi thầy rằng: *Binh pháp có nói “Người đánh giỏi trước giả làm yếu, sau tỏ là mạnh, khiến người đến mà không để người khiến mình đến” là nghĩa thế nào? Thầy nói: “Lấy nhàn mà đợi nhọc, gọi là ứng binh, thừa thắng mà đánh, gọi là kiêu binh. Ứng binh thì được, kiêu binh thì thua. Cho nên ta trước giả làm yếu là muốn làm cho giặc kiêu, sau tỏ sức mạnh là để*

hoàn toàn nắm sự thắng về ta”. Tôi nói: “Kế ấy làm thế nào?” Thầy nói: “Lấy lợi mà nhử họ, gọi là dụ giặc, lấy kế mà đánh úp, gọi là đặt kỳ. Lấy quân giặc tham lợi mà địch với mưu đặt kỳ, khác gì đàn dê đánh nhau với hổ dữ, không được là rõ ràng lắm, còn phải nói gì. Ví như quân giặc mới đến, khiêu chiến ta, ta nên yên quân không động, đợi khi nhuệ khí của giặc hơi suy, rồi ta ra quân giao chiến, giả cách thua mà chạy, bỏ cả trại sách. Quân giặc tất đuổi theo tranh cướp lấy trại, khi giặc hãn kiêu, ta lại ra quân khiêu chiến, làm cho nó tức, đợi đến lúc đánh đương say, ta lại từ từ mà lui, giặc tất cho ta là nhát, rồi chạy suốt vào trại thiên la. Ta đánh phá giặc dễ như lấy đồ trong túi.

Tôi lại hỏi: “Pháp thiên la thế nào?”

Thầy nói: “Phép làm, trước lấy dây gai đan làm lưới to, bốn mặt đều có mảnh tre làm nẹp, bốn góc đều có vòng sắt, mỗi vòng đường kính 2 tấc. Lại do bốn bên lưới ấy, chia trên đất làm bốn góc, mỗi góc đóng hai cái cọc, mỗi cọc cao 2 thước, cách nhau 1 thước, đầu cọc đục suốt một lỗ tròn to 2 tấc 5 phân, 2 lỗ ở hai cọc đối nhau; bốn góc đều thế. Lại dùng gỗ dài để làm bốn cái cột neo, mỗi cái dài 8 thước, cái neo một đầu dùng cốt sắt to 1 tấc 9 phân đóng thẳng vào, một đầu dùi ngang một lỗ to 2 tấc. Lại có một thanh gỗ rắn dài 1 thước 6 tấc, to 1 tấc 9 phân. Bốn góc đều làm đủ như thế. Đến khi dùng, trước hết đem cái neo ấy để ở quãng giữa hai cái cọc, lấy thanh gỗ rắn cắm vào như hình chày xay. Lại lấy cán gỗ đầu neo cắm vào vòng sắt bốn mặt lưới, giương lưới lên cao. Lại dùng bốn cái cây nống, nống bốn cái neo lên. Xong rồi lại lấy bốn sợi dây buộc vào chân cái cây nống kéo ra. Xong rồi, lại lấy một mảnh ván vuông 2 thước, bốn góc ván ấy dùi hai lỗ, lại sai người đào ở chính giữa một cái hố vuông sâu 2 thước, trên nhỏ dưới to, đem mảnh ván vuông ấy đặt lên trên hố, rồi kéo dây ấy buộc vào lỗ ở bốn góc ván vuông ấy. Trên lưới treo các thứ đao, thương, tên, đá, ngoài lưới làm sẵn nhà sát đó như kiểu nhà trại. Như giặc đến đấy, quân giặc tham lợi, không ngờ tranh nhau cướp trại, xéo vào ván vuông sập xuống, dây giật cây nống bốn mặt đổ xuống, mà lưới sập chụp hết.

*

* *

PHÉP CHỮ ĐÌNH GIỮ THỦY TRẠI.

Phàm khi thủy chiến, dùng chiến thuyền kết làm thủy trại, ban đêm ngủ phải có cách phòng gian, nếu không phòng gian thì không phải là trí tướng. Muốn

phòng gian phải làm phép đặt chuông.

Cách làm: Ở giữa sông dựng hai cái cột cao 4 thước, cách nhau 10 thước, đầu cột gác một cái gỗ ngang làm chữ đinh (丁), hai cột đều thế. Hai bên cái gỗ ngang của mỗi cột treo hai cái thanh la đồng. Đó là phép cột chữ đinh ngang sông. Lại đi từ hai cột ấy ra ngoài 10 thước, bên tả bên hữu cũng dựng hai cột chữ đinh, cũng treo thanh la như trước (Cộng thanh la ngang sông và hai bên tả hữu là 8 cái). Trước mỗi thanh la dựng một cần tre cao vừa đến chính giữa thanh la, ở dưới mỗi cần tre trong đáy nước đều đóng cọc ngắn, đầu cọc làm bằng. Rồi buộc dây gai vào mỗi đầu cần tre, đầu dây lại buộc vào cái gỗ ngang. Lại đem cần tre kéo xuống uốn thành hình cung, đặt trên đầu cọc bằng, lấy đá đè lên; tám cọc đều thế. Mỗi hòn đá lại buộc bằng dây gai, đầu các dây gai ấy hợp làm một, lại dùng một sợi dây gai dài 100 bước hay 50 bước buộc vào hòn đá, kéo ra bên ngoài mà chằng ngang sông. Nếu có thuyền giặc ban đêm lên vào thủy trại, mái chèo động vào dây chằng ngang sông thì các hòn đá ở đầu cọc đều rơi xuống mà cần tre đều đập vào thanh la kêu vang lên thì ta biết ngay. Đó là phép đặt chữ đinh giữ thủy trại.

*

* *

PHÉP LÀM CỜ XEM HƯỚNG GIÓ.

Gió là hiệu lệnh của trời, cho nên biết xem gió thì điều hay biết trước và điều không hay cũng biết trước. Như sắp hàng binh mà không biết xem hướng gió thì biết đâu lành dữ mà làm theo hay tránh đi. Muốn xem hướng gió thì trước làm cờ xem gió.

Cách làm: Ngoài cửa trại, dựng một cái cột cao vài mươi thước, trên đầu cột đặt một cái bánh xe cùng một con diều bằng gỗ, có cái cờ nhỏ như hình đầu cột buồm. Lại lấy 10 cân lông đuôi gà kết làm một sợi dây dài bằng cái cột, buộc vào sau đuôi diều gỗ, đầu dây thò xuống; lại lấy lông ngan kết làm một búp như hình hoa cúc; lại lấy một sợi dây gai nhỏ bằng sợi dây lông ấy buộc vào đầu mỏ diều gỗ; đầu dây thò xuống buộc một hòn sắt, để xem hướng gió. Nếu có gió thì con diều gỗ chuyển động theo mà dây lông bay lên. Muốn biết hướng gió thì dùng một sợi dây tơ nhỏ buộc vào dưới búp lông hoa cúc của dây lông, buộc qua sang gập cái dây có hòn sắt ở mỏ diều. Rồi dùng địa bàn có

kim chỉ nam đặt ở dưới cái dây ngang ấy thì biết hướng gió bốn phương tám mặt.

*

* *

Lời tổng bình về tập Thiên

Kiên-trai xét: Khoảng đời Lê Chiêu-thống, Nam triều có Loan-khê xử sĩ theo quân đến, đem sách nay đến yết kiến tiên công tôi là tiến sĩ chiêu thảo tổng quản cấm binh binh mã tướng quân nói rằng: “Sách này có thể dùng để cần vương đánh giặc”. Tôi thấy chỗ bàn Tập Thiên có huấn từ, tôi xin tiên công tôi hiệu đính. Nay xin thuật lời bàn rằng: Trời là ông cha của chúng sinh, là gốc rễ của vạn vật, tôn trọng tuyệt đối, to lớn không còn cái gì ở ngoài. Dầu to như cá côn nháy 3 nghìn dặm, chim bằng bay 9 vạn dặm, cao như núi Thái-sơn, sâu như sông Hoàng-hà, cũng chỉ là một vật nhỏ trong bầu trời. Tôi đọc sách binh pháp không phải không nhiều, nhưng chật án đầy hòm đều là hình trạng mây gió, dài dòng đầy sách đều là hình thể rắn chim. Duy có sách *Hổ trưởng khu cơ* rất là tinh diệu, rất là giản dị. Nếu người ta học được thì trong lúc thắng thốt vẫn bàn nói như thường, dầu có thần binh năm lộ cũng chẳng bằng xem cá, võ đài¹, vận dụng một lòng mà có thể bẻ mũi nhọn, đánh tan trận, không suy nghĩ mà làm được, không miễn cưỡng mà đúng phép, hình như tạo hóa tự nhiên. Cho nên tôi cách *Lộc-khê* hơn một trăm năm, mà xem diệu pháp lưu truyền, thần cơ tạo hóa, còn khiến phải thè lưỡi lạnh dạ, huống là người được thân gần học tập! Nay bốn thiên trong tập này² cộng 36 điều, thực là then máy của *hổ trưởng*, khóa chốt của tướng môn, thực xứng với tên *Hổ trưởng khu cơ* vậy. Cho nên tôi đối với thiên này thì bảo là nên tiêm tâm, tận tâm, dụng tâm, đối với các bài thơ thì bảo là nên xét kỹ, nghĩ kỹ, xem quý, dốc làm, cũng chẳng nên sao? Nay xin làm lời huấn từ, để tỏ cái ý ba lần ra lệnh, năm lần nhắc lại.

Huấn từ rằng:

Tờ giấy mỏng điểm bao nét ngọc, sách bìa vàng sáng tựa ngọc châu. Dem văn giáo để giữ thành thì nghĩa sâu của *Lân kinh*³, dùng võ công để dẹp loạn thì then máy của *Hổ trưởng*⁴. Cầm cờ tướng đảm đương ngoài cõi, tiếng thơm lây

lừng; ngồi trong màn quyết định mưa mô, chước thần không sót. Vén mây mù ở hang nguyệt, kính ngọc của tướng môn; quét khói bụi ở chân trời, rùa thiêng của binh tướng. Chứa cả kiến khôn vào sách báu, rất sâu rất tinh; phát tạo hóa trong lụa vàng, càng kỳ càng diệu. Xem tam tài mà đặt tên tập⁵, văn sáng như ngọc lành, lấy tứ tượng mà chia thiên⁶, chữ đẹp như châu quý. Định giang sơn của xã tắc, oanh liệt rồng bay; trong vũ trụ lập công danh, tít cao bằng liêng. Quét sạch khói lang ở cửa ải, không phải mỗi tay; đặt yên nhà nạn trong cõi trần, không cần nhãn trán. Rửa nhật nguyệt trên mây biếc, thần phục quỷ kinh; dựng núi sông làm nghiệp to, trời tươi sao sáng. Lừng nghĩa dũng đến nghìn thuở, nào ai địch cùng; định thái bình trong một thời, không gì sánh kịp. Sách thư xướng trước đỡ trời một tay; trúc bạch truyền đời lưu danh muôn thuở. Cứu nhân dân trong đồ thán, thua gì Tử Nha; trở kinh luân ở dưới trời, kém đâu Y Doãn. Thực là khóa chốt của cửa tướng, người học phải suy; thực là then máy của nhà binh, người bầy chớ bảo. Tiên giác bao cao cả; huấn từ nên kính theo.

1. Xem cá võ đài: Lỗ Ân công đi xem đánh cá ở Ấp Đường; Hán Văn đế nghe Phùng Đường nói truyện Liêm Pha Lý Mục thì võ đài mà nói rằng: Ta được Liêm Pha Lý Mục mà dùng thì sợ gì.

2. Tập Thiên.

3. Kinh **Xuân thu**.

4. Tức là **Hổ tướng khu cơ**.

5. Thiên tập, Địa tập, Nhân tập.

6. Tứ tượng: Theo lời sơ của **Kinh Dịch thì tứ tượng là kim mộc thủy hỏa**.

QUYÊN II

TẬP ĐỊA

YẾU CHỈ BÀN VỀ TRẬN.

Cao Chiêu-dương nói: Phép bày trận bắt đầu từ Hoàng đế đánh Xi-vưu, trên xem trời, dưới xem đất, theo số âm dương chẵn lẻ cùng việc quỷ thần tạo hóa mà làm ra phép chính kỳ biến hóa¹, làm ra cơ khởi phục hành chỉ², mà đặt ra các trận Thái cực, Thái tổ, Tiên thiên, Thái thủy, Hà đồ, khiến cho hàng trận của ba quân rõ ràng trật tự. Cho nên tiến thì nhanh như gió, đóng thì vững như núi. Chỗ nào đưng là đầu, biến binh chính làm binh kỳ. Ví như con rắn Thường-sơn, đánh đầu thì đuôi cứu, đánh đuôi thì đầu cứu, đánh giữa thì đầu đuôi cùng cứu, mà cái thế nắm cơ, yên như bàn thạch, quân hàng ức vạn, vững như Thái sơn, công của Hoàng đế sánh cùng trời đất vậy. Về sau có sách *Lục thao* của Thái công, sách *Tam lược* của Hoàng-thạch công, sách *Binh pháp* của Tôn tử, sách *Yếu chỉ* của Tử Phòng, phát thiên căn ở dĩ vãng, dò nguyệt quật ở tương lai, mà làm thành 72 phép, khiến cho đời sau biết phép nhiệm mầu, thì công các ông ấy cũng ngang với Hoàng đế vậy. Từ sau khi các ông ấy mất đi, người học binh thư đều mờ mịt không biết nguồn gốc. Đến đời Hậu Hán có bảy người hiền ở Long-trung³, ngẫm nghĩ dung hội, đem truyền bảo nhau chế ra các trận Bát môn kim tỏa, Chu thiên hồn nguyên, trận pháp ấy rõ như mặt trời mặt trăng, phát minh những điều tiền hiền chưa phát, người đời ấy xem như vén mây mù mà thấy trời xanh, cắt gai góc mà thấy đường cái, vậy công của bảy người hiền ấy cùng với công của các ông trước kia có thể ngang hàng mà không trái nhau, học giả nên kính cẩn mà đọc.

Kiên-trai xét: Bảy người hiền ở Long-trung là Thủy kính Tư-mã Huy, Bàng-đức công, Gia-cát Khổng-minh, Thôi Châu-bình, Thạch Quảng-tuyền, Từ-Thứ, Mạnh-công Uy.

Lê Thủ-chân nói: Trận là bày binh, chẳng qua là bộ khúc phân minh, quân cơ chỉnh túc mà thôi. Tuy nhiên, cái đạo làm tướng mà không biết trận pháp thì khác gì chân què mà chạy, ngoảnh mặt vào tường mà đứng, để đến nỗi tính mệnh ba quân xác tan ở sa trường, hồn vùi ở chiến địa, mà tiêu tụy ở khoảng lười gươm mũi giáo là tội bởi ai? Cho nên Hiên-viên xem trên xét dưới, thấy trời có các sao Vũ-khúc Phá-quân, đất có các tượng Ngũ nhạc Cửu châu, thì biết khoảng trời đất đã có trận thế tự nhiên rồi, hướng chi là người! Bởi thế mới đặt ra các trận pháp Thái cực, Thái tổ, Thái thủy và Hà đồ, Bát quái, Tiên thiên, khắp rồi trở lại; vòng quanh không mối, biến hóa màu nhiệm, đều có lẽ tự nhiên của trời đất. Cho nên bạn tôi cho rằng công Hoàng đế sánh cùng trời đất cũng chẳng phải sao! Bởi vì phép trận, không đầu không đuôi, không sau không trước, bốn phương tám mặt, hồn thiên không biết đầu mối, vạn ngựa nghìn binh, san sát chẳng biết cửa ngõ. Đến khi giặc đánh chỗ nào thì lấy chỗ ấy làm đầu, mà tách ra trước sau tả hữu để đến cứu. Cho nên *Binh pháp* nói rằng “*chỗ nào đụng là đầu*”, chẳng rất đúng sao!

-
1. Chính kỳ biến hóa: Biến hóa chính làm kỳ, kỳ làm chính.
 2. Khởi phục hành chi: Dậy nấp, đi dừng.
 3. Long-trung: Tên núi ở tỉnh Hồ-bắc, nơi Gia-cát Lượng ở ẩn.

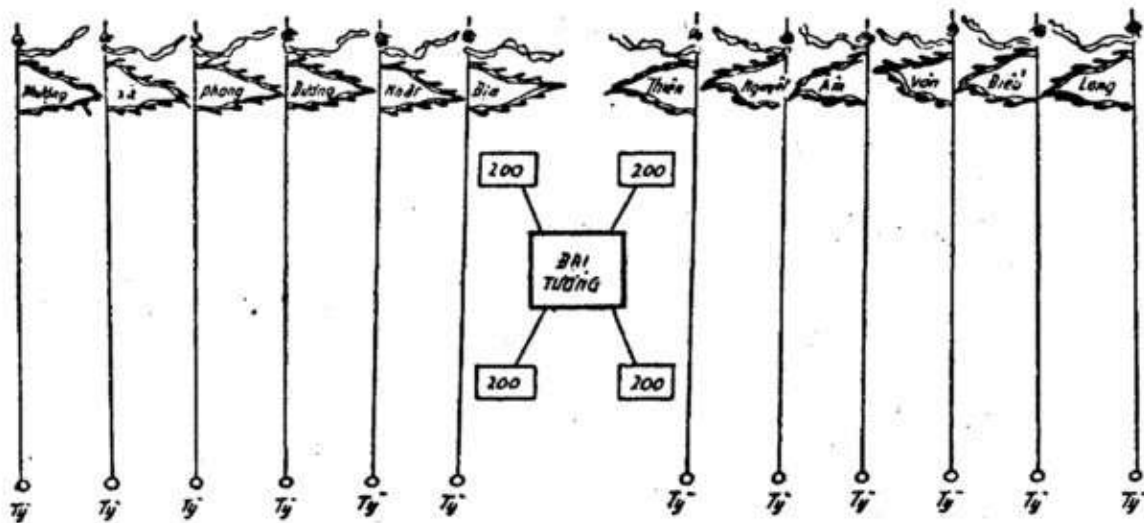
*

* *

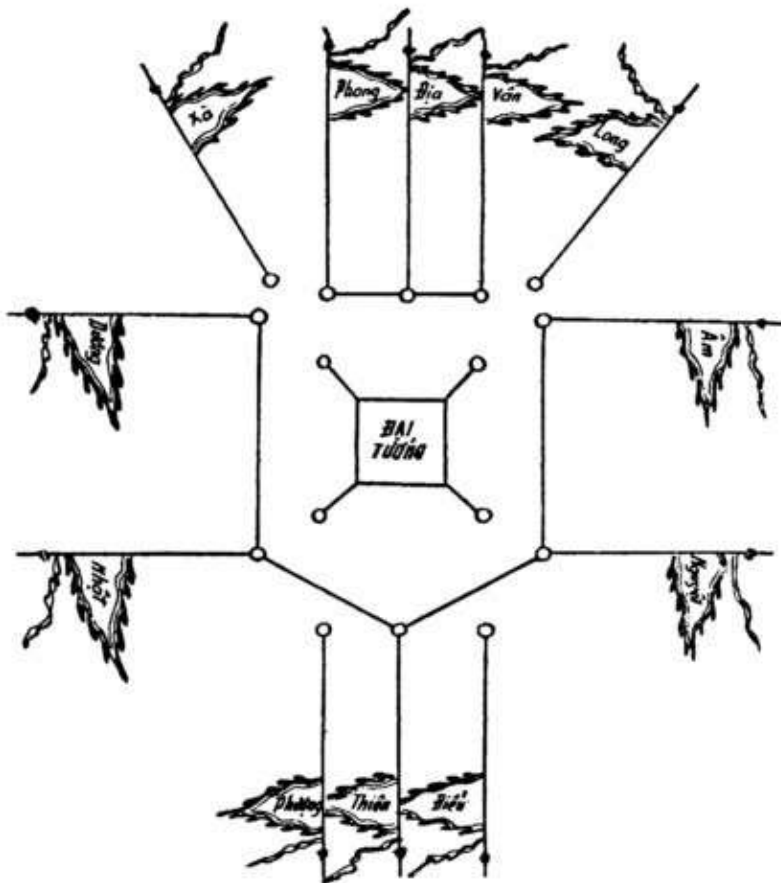
Trận thứ nhất: Thái cực bao hàm.

Trận thứ hai: Thái tổ tam tài.

Trận thứ ba: Biến làm trận Thái thủy hồn nguyên



Hình 1-2. Trận thứ nhất và trận thứ hai: Thái cực bao hàm và Thái tổ tam tài.



Hình 3. Trận thứ ba: Biến làm trận Thái thủy hồn nguyên.
BÀN VỀ BA TRẬN TRÊN.

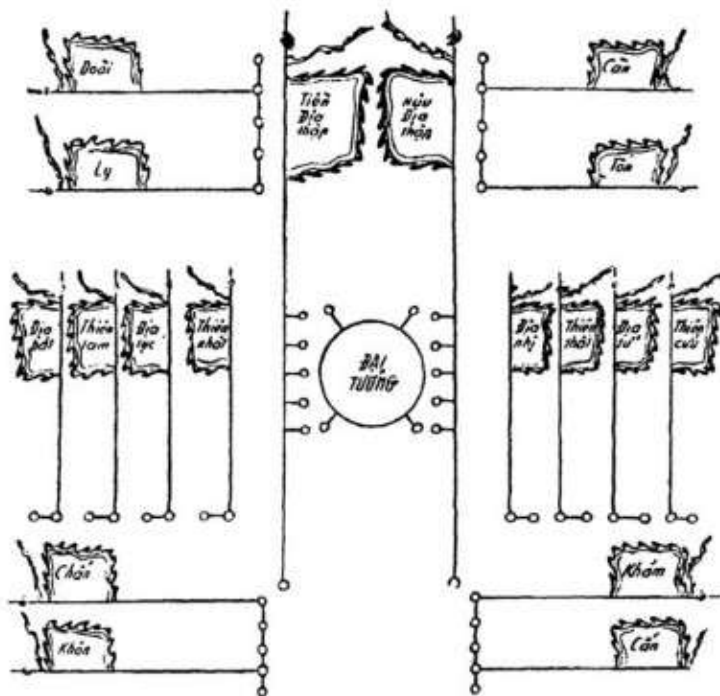
Ba trận trên là phép cổ do Hoảng đế chế, số quân có 5.800 người mà đại tướng ở giữa cầm quân cơ đã 1.000 người, còn 4.800 người chia làm 12 đội, mỗi đội có một tỳ tướng coi 400 người. Đây là số quân. Nếu muốn bày trận thì trước bày trận *Thái cực bao hàm*, đại tướng ở giữa đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống, trước bày trận ngũ hành, một hành làm một trận, mỗi đội 200 người. Xong rồi, lại đánh một tiếng chiêng, đội Địa bên tả cách đại tướng 30 bước mà đứng; đội Thiên bên hữu cách đại tướng 30 bước mà đứng. Xong rồi đại tướng lại đánh một tiếng chiêng, ngoài đội Địa bên tả là đội Nhật nối theo, ngoài đội Nhật là đội Dương nối theo, ngoài đội Dương là đội Phong nối theo, ngoài đội Phong là đội Xà nối theo, ngoài đội Xà là đội Phượng nối theo. Bên hữu, ngoài đội Thiên là đội Nguyệt nối theo, ngoài đội Nguyệt là đội Âm nối theo, ngoài đội Âm là đội Vân nối theo, ngoài đội Vân là đội Điều nối theo, ngoài đội Điều là đội Long nối theo. Thành hình chữ nhất (—). Nếu bên tả đội Phượng gặp giặc thì lấy đội Phượng làm chính, đội Xà làm kỳ, đội Phong tiếp chiến, đội Dương ứng cứu, đội Nhật làm chi bên tả, đội Địa làm cánh bên tả, để cùng giúp nhau. Bên hữu đội Long gặp giặc thì lấy đội Long làm chính, đội Điều làm kỳ, đội Vân tiếp chiến, đội Âm cứu ứng, đội Nguyệt làm chi bên hữu, đội Thiên làm cánh bên hữu. Như thế thành trận thứ nhất *Thái cực bao hàm*.

Nếu muốn biến làm trận *Thái tổ tam tài* thì đại tướng đánh một tiếng chiêng, thổi ba tiếng còi; đại tướng tiến lên bày trận ngũ hành mà đứng. Ở dưới thì hai đội Thiên Địa cách nhau 50 bước mà đứng. Bên tả, ngoài đội Địa thì đội Nhật đứng nối ngang theo để làm đáy trận. Bên hữu ngoài đội Thiên thì đội Nguyệt cũng đứng nối ngang để làm đáy trận. Xong rồi, đại tướng lại đánh một tiếng chiêng thì bên tả đội Dương đi chéo lên đứng vào bên ngoài đội Nhật, ngoài đội Dương, đội Phong cũng đi chéo lên đứng nối theo, ngoài đội Phong, đội Xà cũng đi chéo lên đứng nối theo, ngoài đội Xà đội Phượng cũng đi chéo lên đứng nối theo. Bên hữu đội Âm đi chéo lên đứng bên ngoài đội Nguyệt, ngoài đội Âm, đội Vân cũng đi chéo lên đứng nối theo, ngoài đội Vân, đội Điều cũng đi chéo lên đứng nối theo, ngoài đội Điều, đội Long cũng đi chéo lên đứng nối theo. Phép tiến lui, đánh dâm cũng giống trận trước. Đây là trận thứ hai biến làm *Thái tổ tam tài*.

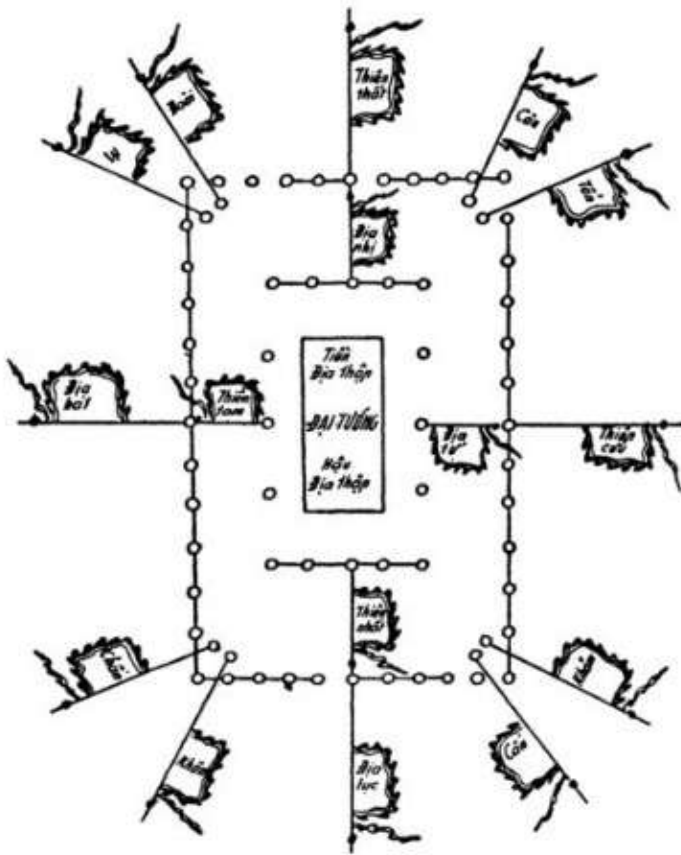
Nếu muốn biến làm trận *Thái thủy hồn nguyên* thì đại tướng đánh một tiếng chiêng, thổi ba tiếng còi; đại tướng cũng ở giữa mà bày trận ngũ hành. Xong rồi lại đánh một tiếng chiêng thì đội Địa ở bên tả đi nhanh thẳng lên mà đứng ở trước trận, đội Thiên ở bên hữu lui xuống đứng ở sau trận. Đội Nhật bên tả đi chéo lên đứng ở bên tả đội Thiên, đội Nguyệt bên hữu cũng đi chéo lên đứng ở bên hữu đội Thiên, để làm mặt sau trận. Xong rồi đại tướng lại đánh một tiếng chiêng thì đội Dương bên tả đi nhanh lên đứng ở bên ngoài đội Nhật, đội Âm bên hữu cũng đi nhanh lên đứng ở bên ngoài đội Nguyệt, để làm ruột trận. Xong rồi, đại tướng lại đánh một tiếng chiêng thì đội Phong bên tả đi chéo lên đứng ở bên tả đội Địa, đội Vân bên hữu cũng đi chéo lên đứng ở bên hữu đội Địa, để làm mặt trước trận. Xong rồi, đại tướng lại đánh một tiếng chiêng thì đội Xà bên tả đi ngang ra nổi vào bên trên đội Phong, đội Phượng cũng đi ngang ra nổi vào bên dưới đội Nhật, đội Điều bên hữu cũng đi ngang ra nổi vào bên dưới đội Nguyệt, đội Long cũng đi ngang ra nổi vào bên trên đội Vân, để làm du binh ứng tiếp. Như thế thì thành trận thứ ba *Thái thủy hồn nguyên*.

Trận Tiên thiên Hà đồ đất hẹp nhất biển.

Trận Tiên thiên Hà đồ đất rộng nhị biển.



Hình 4. Trận Tiên thiên Hà đồ đất hẹp nhất biển.



Hình 5. Trận Tiên thiên Hà đồ đất rộng nhị biến
BÀN VỀ HAI TRẬN TRÊN.

Tiên thiên Hà đồ là do con long mã mang đồ thư hiện ra trên sông. Phục Hy theo đấy mà vạch ra bát quái, Hoàng đế theo đấy mà chế ra trận pháp. Số quân có 7.600 người, đại tướng lĩnh 1.000 người, còn 6.600 người, trước lấy 5.000 người chia làm 9 đội làm số thiên địa. Trong 9 đội ấy quân nhiều ít không đều nhau là theo phép chẵn lẻ trước sau của trời đất. Lại lấy 1.600 người chia làm 8 đội bát quái, mỗi đội 200 người để phòng khi dùng đến. Phép này đại tướng đứng ở giữa, đánh năm tiếng chiêng một tiếng trống, trước bày quân làm trận ngũ hành. Xong rồi, lại đánh một tiếng chiêng một tiếng trống, cầm cờ Địa thập phát một cái thì đội Địa thập đăng trước đứng vào bên tả đại tướng, đội Địa thập đăng sau đứng vào bên hữu đại tướng. Lại thổi một hồi còi, cầm cờ Bát quái phát một cái thì các đội Bát quái đi thẳng lên chia làm hai dây, bên tả thì bốn đội Khôn Chấn Ly Đoàn đứng ở bên ngoài đội Địa thập tiên, bên hữu thì bốn đội Cấn Khâm Tổn Càn đứng ở bên ngoài đội Địa thập hậu. Xong rồi, lại đánh một tiếng chiêng một tiếng trống, cầm cờ Thiên nhất phát một cái thì

đội Thiên nhất tiến lên đứng vào bên tả các đội Khôn Chấn Ly Đoài, bên hữu thì đội Địa nhị cũng tiến lên đứng vào bên hữu các đội Cấn Khảm Tốn Càn. Xong rồi, lại đánh sáu tiếng chiêng bảy tiếng trống, cầm cờ Địa lục phát một cái thì đội Địa lục tiến lên đứng ngang bên tả đội Thiên nhất, bên hữu thì đội Thiên thất cũng tiến lên đứng ngang bên hữu đội Địa nhị. Xong rồi, lại đánh ba tiếng chiêng bốn tiếng trống, cầm cờ Thiên tam phát một cái thì đội Thiên tam tiến lên đứng ngang bên tả đội Địa lục, bên hữu đội Địa tứ cũng tiến lên đứng ngang bên hữu đội Thiên thất. Lại đánh tám tiếng chiêng, chín tiếng trống, cầm cờ Địa bát phát một cái thì đội Địa bát tiến lên đứng ngang bên tả đội Thiên tam, bên hữu thì đội Thiên cửu cũng tiến lên đứng ngang bên hữu đội Địa tứ. Như thế thì thành trận *Tiên thiên Hà đồ đất hẹp nhất biển*. Việc tiến lui đánh đâm chính kỳ ứng tiếp thì cũng giống như trận *Thái cực* trước, không cần nói nữa.

Nếu muốn biến làm trận *Tiên thiên Hà đồ bát quái hồ tàng đã bỏ*, thì đại tướng đứng giữa đánh năm tiếng chiêng một tiếng trống, cũng tiến lên trước bày trận ngũ hành. Xong rồi, lại đánh mười tiếng chiêng mười tiếng trống, cầm cờ Địa thập phát lên, thì bên tả đội Địa thập tiền tiến lên đứng chắn ngang trước mặt đại tướng, bên hữu đội Địa thập hậu lui xuống đứng chắn ngang sau lưng đại tướng. Xong rồi, lại thổi một hồi còi cầm cờ Bát quái phát lên, thì bên tả các đội Khôn Chấn Ly Đoài tiến lên đứng vào bên tả đại tướng, bên hữu các đội Cấn Khảm Tốn Càn tiến lên đứng vào bên hữu đại tướng. Xong rồi, lại đánh một tiếng chiêng hai tiếng trống, cầm cờ Thiên nhất phát lên, thì bên hữu đội Thiên nhất lui xuống đứng vào đằng sau đội Địa thập hậu, bên hữu đội Địa nhị cũng tiến lên đứng vào đứng trước đội Địa thập tiền. Xong rồi, lại đánh sáu tiếng chiêng bảy tiếng trống, cầm cờ Địa lục phát lên, thì bên tả đội Địa lục lui xuống đứng vào bên dưới đội Thiên nhất, bên hữu đội Thiên nhị cũng tiến lên đứng vào bên trên đội Địa tam. Xong rồi, lại đánh ba tiếng chiêng bốn tiếng trống, cầm cờ Thiên tam phát lên, thì bên tả đội Thiên tam tiến lên đứng vào bên ngoài các đội Khôn Chấn Ly Đoài, bên hữu đội Địa tứ cũng tiến lên đứng vào bên ngoài các đội Cấn Khảm Tốn Càn. Xong rồi, lại đánh tám tiếng chiêng chín tiếng trống, cầm cờ Địa bát phát lên, thì bên tả đội Địa bát tiến lên đứng vào bên ngoài đội Thiên tam, bên hữu đội Thiên cửu cũng tiến lên đứng vào bên ngoài đội Địa tứ. Như thế là phép âm dương xen

nhau, che giấu lẫn nhau. Xong rồi, đại tướng lại thổi ba hồi còi, cầm cờ Bát quái phất lên, thì bên tả hai đội Khôn Chấn rẽ ngang xuống đứng vào góc đông-bắc, hai đội Ly Đoài cùng rẽ ngang lên đứng vào góc đông-nam, bên hữu hai đội Cấn Khảm rẽ ngang xuống đứng vào góc tây-bắc, hai đội Tốn Càn cùng rẽ ngang lên đứng vào góc tây-nam. Như thế thì thành phép Tiên thiên Hà đồ Bát quái hỷ tàng đã bố.

1. 9 đội là: Thiên nhất, Địa nhị, Thiên tam, Địa tứ, Thiên thất, Địa lục, Thiên cửu, Địa bát và Địa thập. Còn Thiên ngũ là đại tướng, mà Địa thập lại chia hai làm Địa thập tiền, Địa thập hậu.

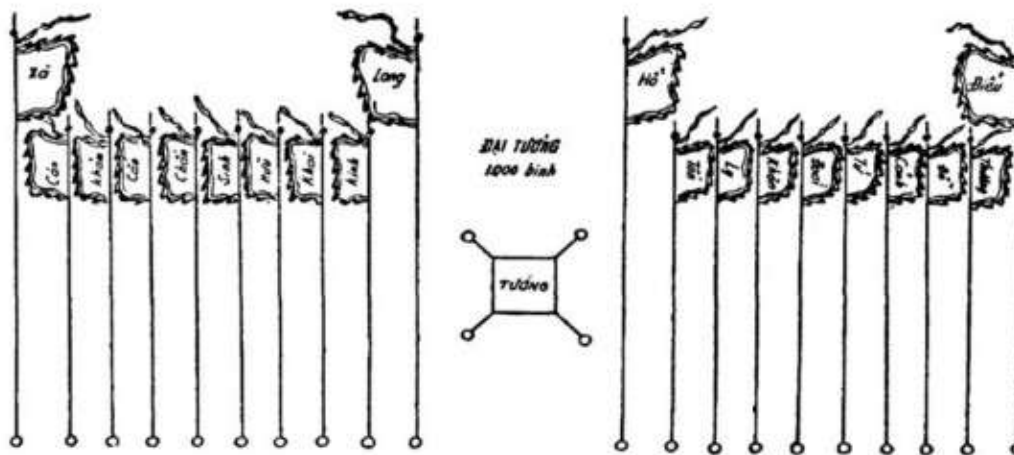
2. Hỷ tàng đã bố: Che giấu lẫn nhau để đánh giặc và bắt giặc.

Trận chính Bát môn kim tỏa

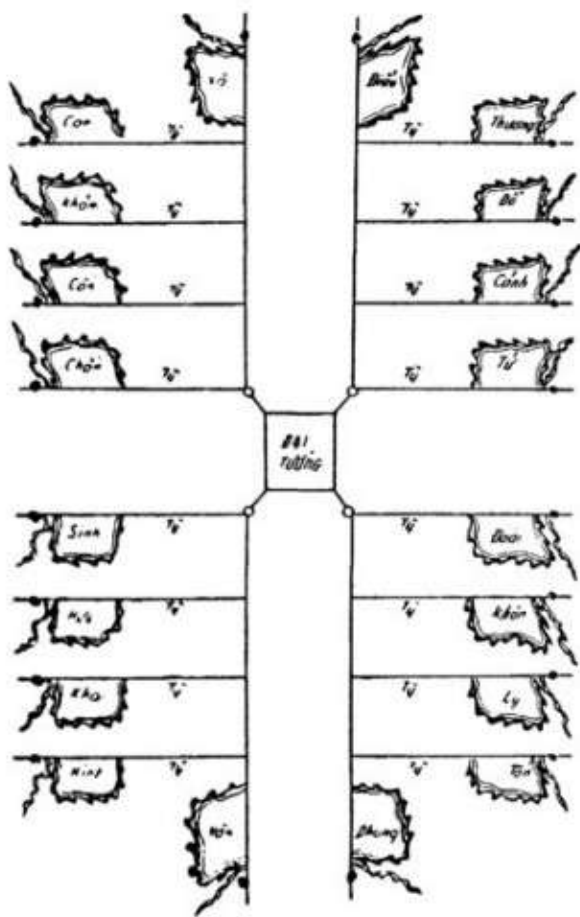
Trận Bát môn kim tỏa nhị biến

Trận Bát môn kim tỏa tam biến

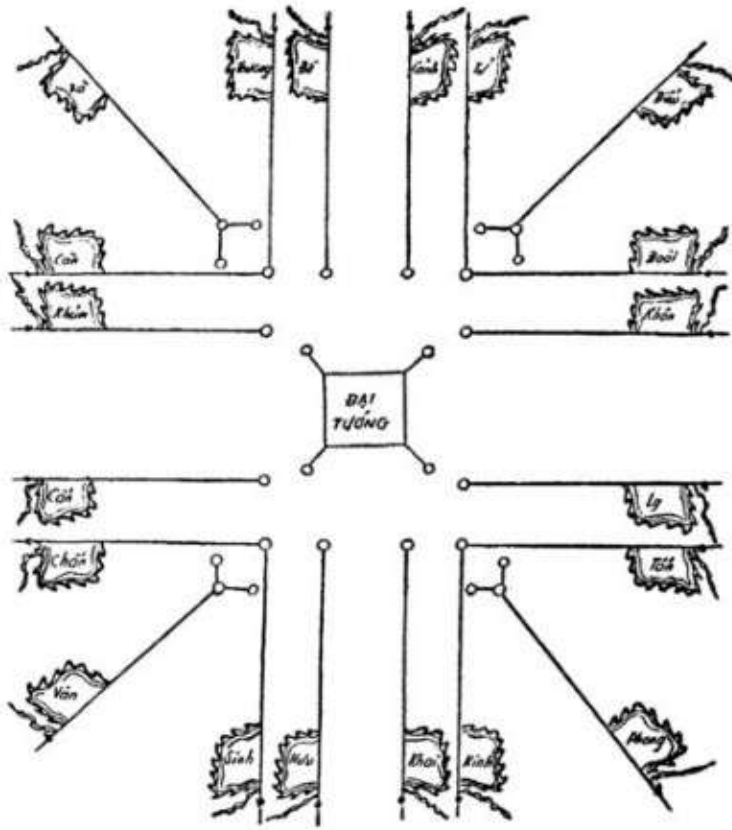
Trận Bát môn kim tỏa tứ biến



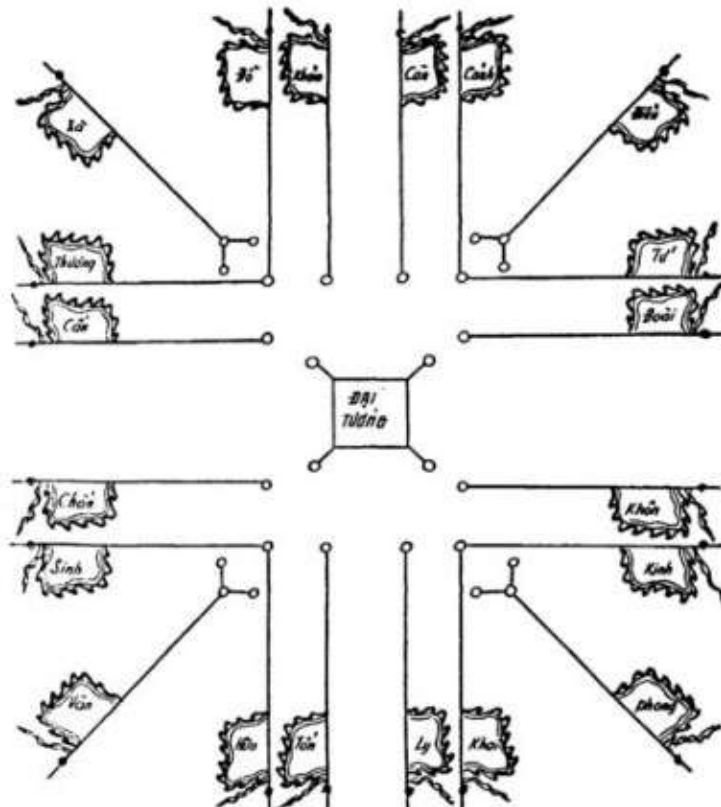
Hình 6. Trận chính Bát môn kim tỏa.



Hình 7. Trận Bát môn kim tỏa nhị biến.



Hình 8. Trận Bát môn kim tọa tam biến.



Hình 9. Trận Bát môn kim tảo tứ biến.

BÀN VỀ BỐN TRẬN TRÊN.

Trận Bát môn Kim tảo của Nam-dương tiên sinh đời Hậu Hán bắt chước số bát môn bát quái mà đặt ra là phép mà Khổng-minh vẫn thường dùng, hình như cái khóa, phép rất khít khao, cho nên Khổng-minh gọi là Kim tảo. Trận đầu số quân một nửa chỉ có 5.000 người mà đại tướng trước lĩnh 1.000 bày trận Ngũ hành để năm then máy, chỉ còn 4.000 người, chia làm 20 đội, mỗi đội đặt một tỳ tướng cai quản 200 người, có các hiệu Phong, Vân, Xà, Điều, Hưu, Sinh, Thương, Đỗ, Cảnh, Tử, Kinh, Khai, Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Phép trận, đại tướng đứng giữa đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống thì đội Vân tiến từ bên tả đứng ngang ở ngoài đại tướng, bên hữu thì đội Phong cũng tiến từ bên hữu đứng ngang ở ngoài đại tướng, thành Vân Phong đối nhau để làm nhãn trận (mắt trận). Đã có mắt thì bốn chi thể cùng trăm khúc xương đều theo đấy làm hiệu lệnh. Cho nên đại tướng lại đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống thì bên tả ngoài đội Vân là đội Kinh đứng nối theo, ngoài đội Kinh là đội Khai đứng nối theo, ngoài đội Khai là đội Hưu đứng nối theo, ngoài đội Hưu là đội Sinh đứng nối theo, ngoài đội Sinh là đội Chấn đứng nối theo, ngoài đội Chấn là đội Cấn đứng nối theo, ngoài đội Cấn là đội Khảm đứng nối theo, ngoài đội Khảm là đội Càn đứng nối theo, để làm vây cánh trận tả; bên hữu thì ngoài đội Phong là đội Tốn đứng nối theo, ngoài đội Tốn là đội Ly đứng nối theo, ngoài đội Ly là đội Khôn đứng nối theo, ngoài đội Khôn là đội Đoài đứng nối theo, ngoài đội Đoài là đội Tử đứng nối theo, ngoài đội Tử là đội Cảnh đứng nối theo, ngoài đội Cảnh là đội Đỗ đứng nối theo, ngoài đội Đỗ là đội Thương đứng nối theo, để làm vây cánh trận hữu. Đã có mắt cùng vây cánh thì sao không có tai? Cho nên đại tướng lại đánh một tiếng trống thì bên tả đội Xà tiến lên đứng ở bên ngoài đội Càn để làm tai bên tả, bên hữu thì đội Điều tiến lên đứng ở bên ngoài đội Thương để làm tai bên hữu. Như thế là thành trận Bát môn đệ nhất biến ngang dài. Đó là trận đệ nhất biến. Nếu giặc đánh vào đội Xà bên tả thì lấy đội Xà làm chính, đội Vân làm kỳ, các đội Càn, Khảm, Cấn, Chấn làm tả chi, các đội Sinh, Hưu, Khai, Kinh làm tả dực để cứu. Nếu giặc đánh vào đội Điều bên hữu thì lấy đội Điều làm chính, đội Phong làm kỳ, các đội Thương, Đỗ, Cảnh, Tử làm hữu chi, các đội Tốn, Ly, Khôn, Đoài làm hữu dực để cứu. Còn như đại tướng thì ở giữa nên bị

giặc đánh trước, thì đội Vân đội Phong làm chính, đội Xà đội Điều làm kỳ, các đội Kinh, Khai, Hưu, Tử, Càn, Khảm, Cấn, Chấn làm tả chi, các đội Tốn, Ly, Khôn, Đoài, Tử, Cảnh, Đổ, Thương làm hữu dực, để cùng cứu ứng nhau. Thế là biến chính làm kỳ, biến kỳ làm chính, lấy trước làm sau, lấy sau làm trước, làm phép biến trận màu nhiệm. Cho nên Binh pháp nói rằng “Trận như con rắn Thường-sơn, đánh đầu thì đuôi cứu, đánh đuôi thì đầu cứu, đánh giữa thì đầu đuôi cùng cứu”. Các phép biến sau đều theo đấy mà liệu tính.

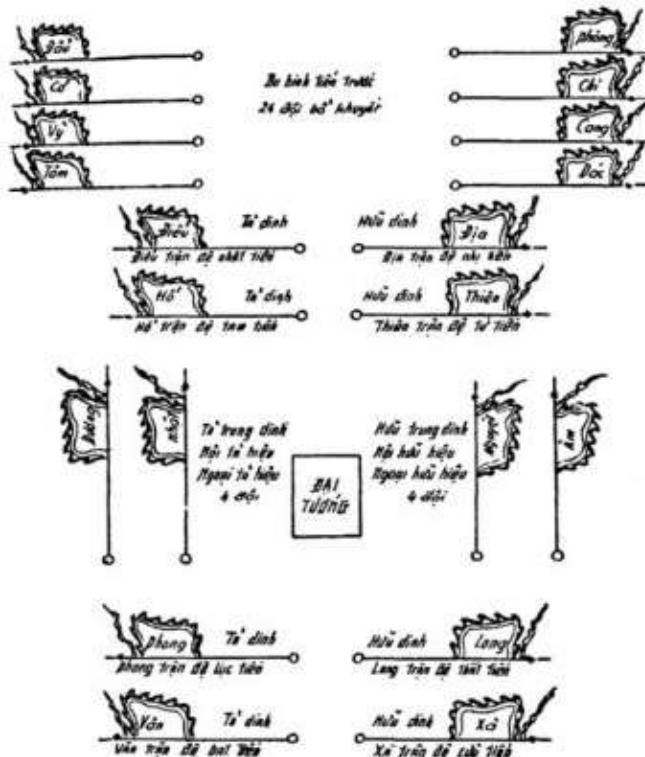
Đến như tái biến thì đại tướng ở giữa, đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống, tiến lên trên trận, bày trận ngũ hành để nắm then máy. Xong rồi, đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống thì bên tả đội Xà tiến trước lên đứng vào góc bên hữu trận, còn các đội khác cũng theo thứ tự như trận trên mà tiến nối lên, thì đội Vân lại ở vào góc bên tả dưới trận. Thế là Thái cực nhất động mà sinh dương. Đại tướng lại đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống, thì bên hữu đội Điều tiến lên trước đứng vào góc bên hữu trên trận, mà các đội khác cũng theo thứ tự mà tiến theo nối lên, thì đội Phong lại ở góc bên hữu dưới trận. Thế là Thái cực tái động mà sinh âm. Còn phép ứng tiếp đánh đâm cũng giống trận trước. Thế là trận *Bát môn kim tỏa nhất biến vi nhị*. Đây là *trận đệ nhị biến*.

Nếu muốn biến làm trận thứ ba thì đại tướng đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống, tiến lên bảy trận ngũ hành, mỗi hành số binh 200 trở xuống. Xong rồi, lại đánh ba tiếng chiêng thì bên tả bốn đội Sinh, Hưu, Khai, Kinh lui xuống đứng chắn ngang sau trận, mà bốn đội Càn, Khảm, Cấn, Chấn lui đứng về bên tả trận, bên hữu bốn đội Tử, Cảnh, Đổ, Thương tiến lên đứng ngang ở trước trận, bốn đội Đoài, Thiên, Ly, Tốn thì tiến đứng về bên hữu trận, còn bốn đội Phong, Vân, Xà, Điều thì vẫn đóng yên ở bốn góc trận như trước. Phép tiến lui đánh đâm cũng giống như trước. Thế là thành lưỡng nghi sinh tứ tượng. Đây là *trận đệ tam biến*.

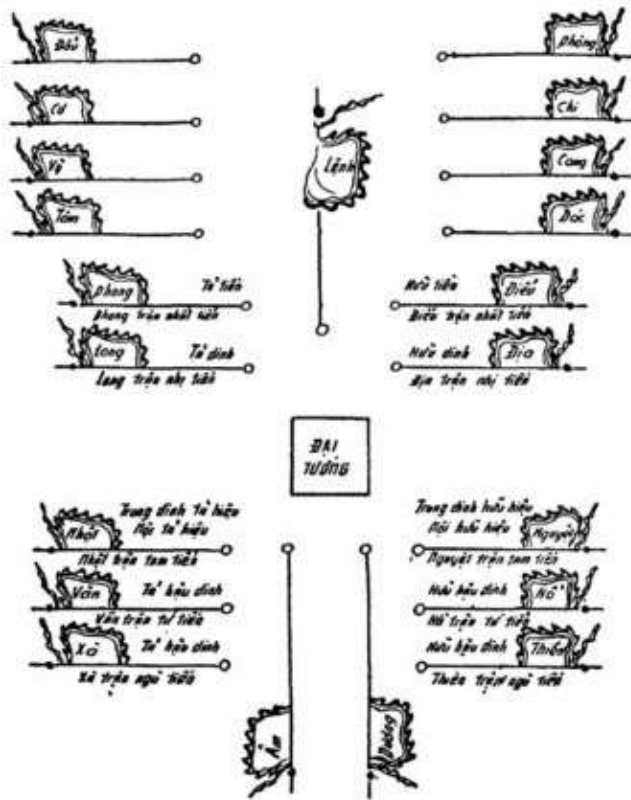
Nếu muốn biến nữa thì đại tướng đánh một tiếng trống, hai đội Hưu, Sinh ở sau trận bên tả đi chéo lên đứng ngang vào chính nam trước trận, hai đội Đổ, Thương đi chéo lên đứng vào góc trên đông-nam, hai đội Cấn, Chấn đứng thẳng vào chính đông bên tả trận, hai đội Kinh, Khai ở sau trên bên hữu đi chéo lên đứng vào góc dưới tây-bắc, hai đội Ly, Tốn lui xuống ngang vào chính bắc sau trận, mà hai đội Cảnh, Tử ở trước trận thì đi chéo lên đứng vào góc tây-nam, hai đội Khôn, Đoài đứng vào chính tây bên hữu trận. Xong rồi,

đại tướng lại đánh một tiếng chiêng thì đội Vân ở góc dưới bên tả đi lên đứng xen vào quãng giữa hai đội Sinh, Hữu, mà đội Xà thì đứng xen quang giữa hai đội Càn, Khảm, đội Phong ở góc dưới bên hữu đi lên đứng xen vào quãng giữa hai đội Kinh, Khai, mà đội Điều thì đứng xen vào quãng giữa hai đội Cảnh, Tử ở góc trên. Thế là thành trận *Bát môn Kim tỏa đệ tứ biến*.

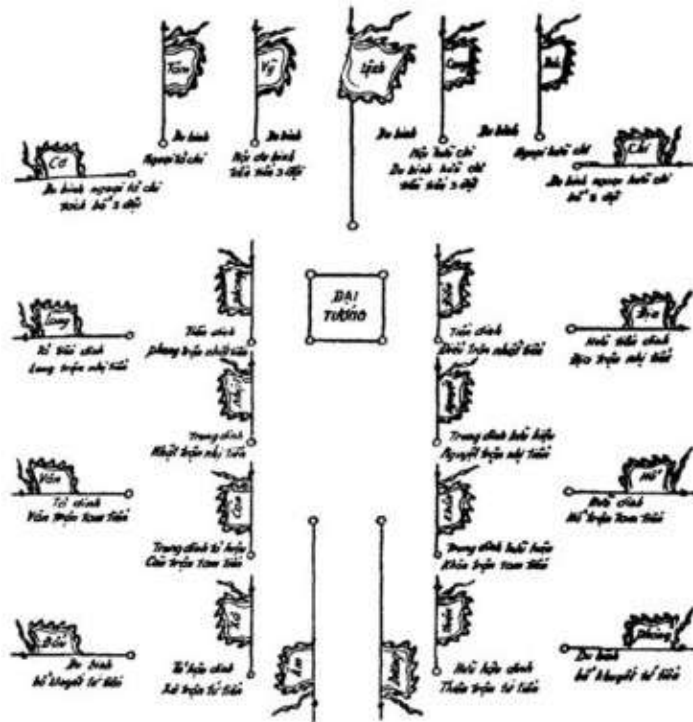
- Trận Tiểu chu thiên thứ nhất: Thái cực hồn thiên.
- Trận Tiểu chu thiên nhị biến: Lưỡng nghi phân khai.
- Trận Tiểu chu thiên tam biến: Tứ tượng đối xung.
- Trận Tiểu chu thiên tứ biến: Trận vuông.
- Trận Tiểu chu thiên ngũ biến: Trận tròn.
- Trận Tiểu chu thiên lục biến: Trận cong.
- Trận Tiểu chu thiên thất biến: Trận thẳng.
- Trận Tiểu chu thiên bát biến: Trận nhọn.
- Trận Tiểu chu thiên cửu biến: Trường xà đảo quyển.
- Trận Tiểu chu thiên thập biến: Trường xà liên châu.



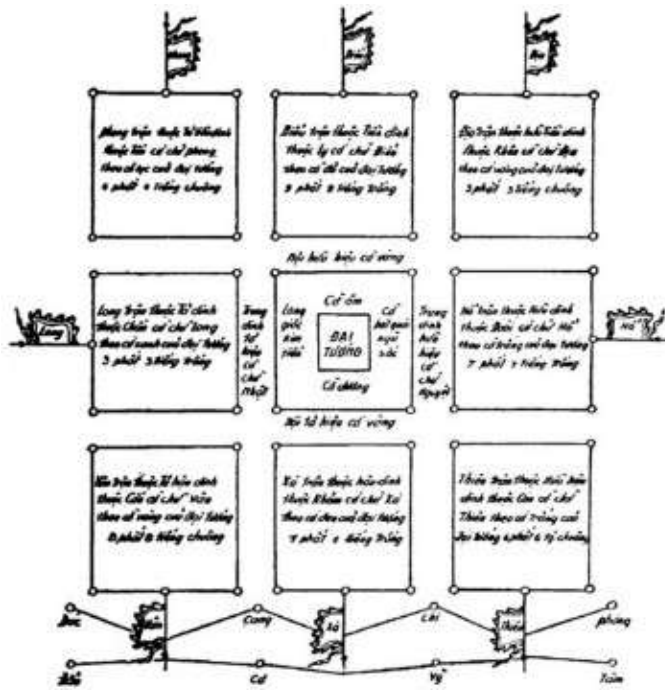
Hình 10. Trận Tiểu chu thiên thứ nhất: Thái cực hồn nguyên.



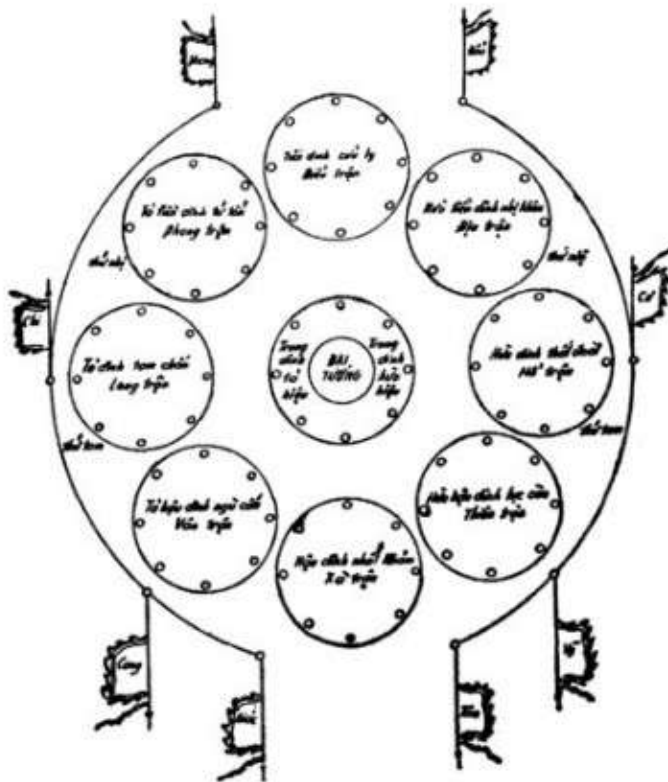
Hình 11. Trộn nhị biến: Lưỡng nghi phân khai.



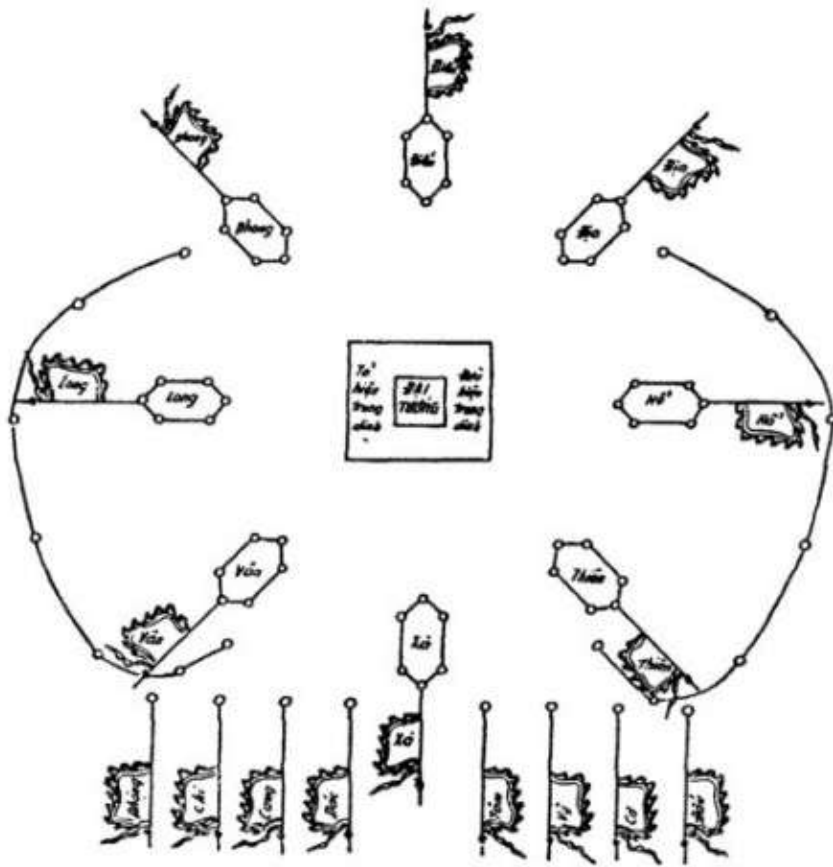
Hình 12. Trộn tam biến: Tứ tượng đối xứng.



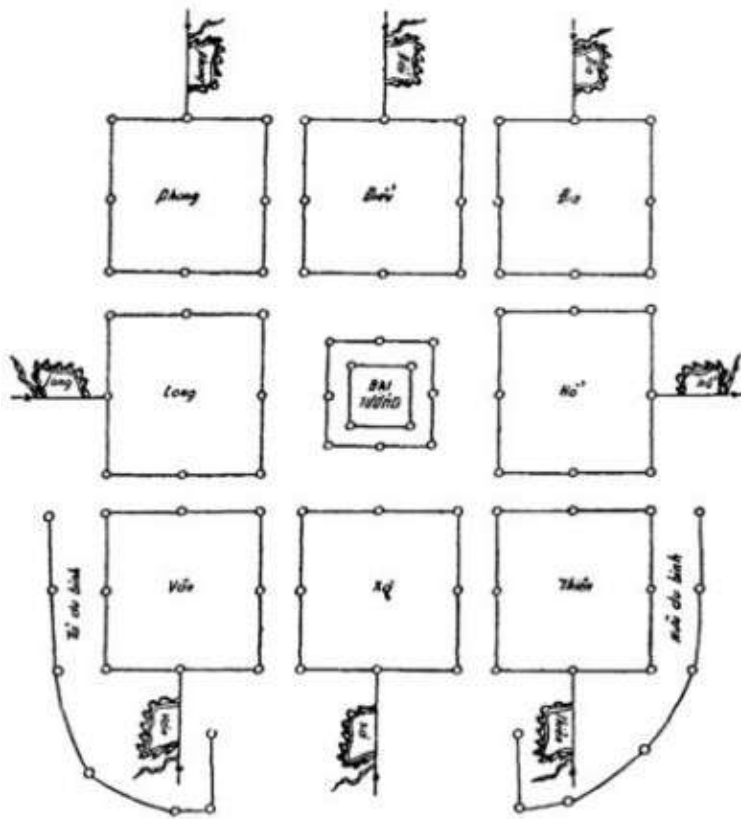
Hình 13. Tiêu chu thiên độ tứ biến: trận vuông.



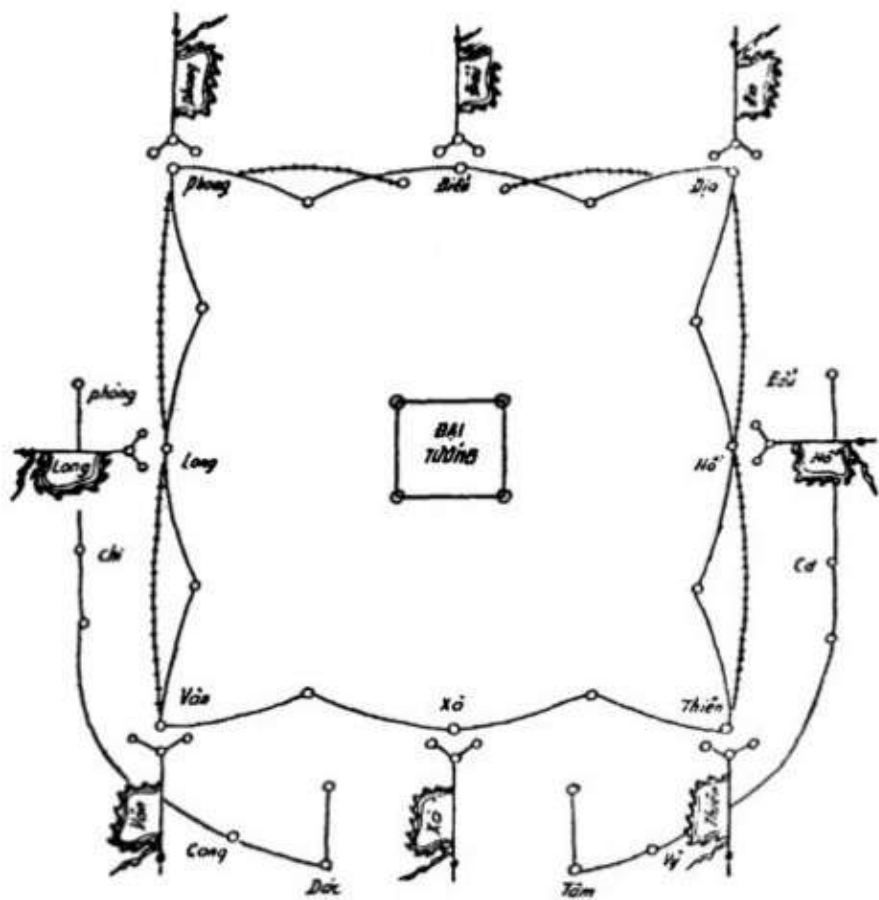
Hình 14. Tiêu chu thiên độ ngũ biến: trận tròn.



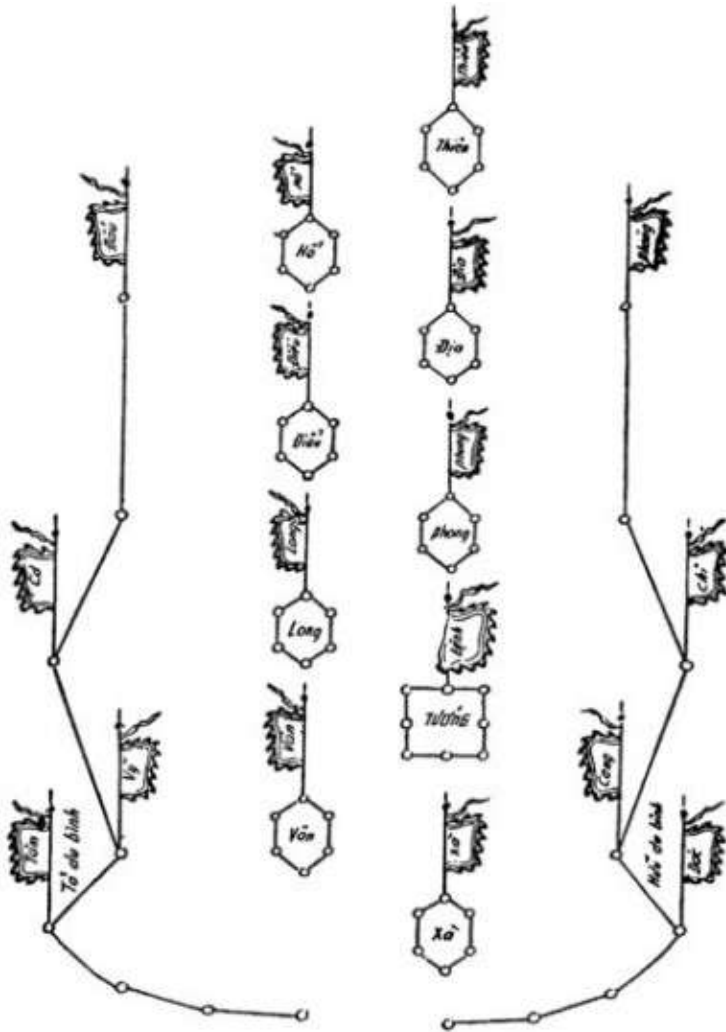
Hình 15. Tiểu chu thiên độ lục biến: trậi cong.



Hình 16. Tiêu chu tiêu độ thất biến: trận thăng.



Hình 17. Tiểu chu thiên đệ bát biến: trậi nhon.



Hình 19. Tiểu chu thiên đệ thập biến: Trường xà liên châu.

BÀN VỀ CÁC TRẬN TIỂU CHU THIÊN.

Trận Chu thiên là trận pháp của Tôn Võ tử. Bốn phương bốn góc cùng trung quân du binh, đều là số 8, ngoài có tám trận là Thiên, Địa, Phong, Vân, Long, Hồ, Xà, Điều, mỗi trận có 6 đội, thành số $6 \times 8 = 48$. Trong có tả hiệu, hữu hiệu và hai hiệu nội tả, nội hữu, mỗi hiệu 4 đội là số 16. Cộng 8 trận 4 hiệu là số 64 đội để tượng 64 quẻ. Lại du binh $3 \times 8 = 24$ đội để tượng 24 khí của trời đất. Mỗi đội 50 người. Cả 8 trận cùng hiệu và du binh ngoài cộng 4.400 người để tượng số Tiểu chu thiên.

Phép trận: Dinh Tiền 6 đội cộng 300 người, gọi là trận Phong, dinh Hữu Tiền 6 đội, cộng 300 người, gọi là trận Địa, dinh Tả 6 đội, cộng 300 người gọi là trận Long, dinh Hữu 6 đội, cộng 300 người, gọi là trận Vân, dinh Hữu Hậu 6 đội, cộng 300 người, gọi là trận Xà. (Kiêm-trai xét: Tiền Hậu Tả Hữu 8 dinh 8

trận). Dinh Trung hiệu Nội tả, hiệu Nội hữu 8 đội cộng 400 người, nguyên thuộc đại tướng. Dinh Trung hai hiệu tả hữu cũng 8 đội, cộng 400 người để hộ vệ đại tướng.

Lúc biến trận thì lấy bốn trận Thiên, Địa, Phong, Vân, đóng vào bốn góc làm binh chính, lấy bốn trận Long, Hồ, Điều, Xà bày ra bốn phương làm binh kỳ. Còn như du binh thì để phòng bố khuyết các trận. Như lúc hành binh, nếu gặp chỗ đất hẹp gò ghề thì cho du binh đi trước để dẫn đường. Khi đóng quân thì du binh ở sau, hoặc để chặn đường vận lương của giặc, hoặc để phá viện binh của giặc, hoặc để đánh úp phá quân, hoặc để cắt đứt phá thế, tùy cơ ứng biến, hình như gió cuốn mây bay, không thể lường được. Nếu bàn chín trận cùng du binh thì lấy chín trận làm chính du binh làm kỳ. Nếu bàn tám trận cùng trung quân thì tám trận làm chính trung quân làm kỳ, mà binh chính nhiều binh kỳ ít. Giả như hành binh ở chỗ đường hẹp thì trước kết trận *Chu thiên nhất biến*. Lấy trận Điều làm đệ nhất, trận Địa làm đệ nhị, trận Địa là chính mà trận Điều là kỳ, còn đệ tam là trận Hồ, đệ tứ là trận Thiên thì trận Thiên là chính mà trận Hồ là kỳ Đến như đệ ngũ thì bốn hiệu trung quân là chỗ cầm then máy để hiệu lệnh các quân. Còn đệ lục là trận Phong, đệ thất là trận Long, thì trận Phong là chính, trận Long là kỳ; đệ bát là trận Vân, đệ cửu là trận Xà, thì trận Vân là chính, trận Xà là kỳ. Thế là một kỳ đương một chính trong Binh pháp. Nếu trận Điều gặp giặc thì trận Điều làm chính, trận Địa làm kỳ; nếu trận Địa gặp giặc thì trận Địa làm chính, trận Điều làm kỳ. Cho nên Binh pháp nói “Chính lại làm Kỳ, Kỳ lại làm Chính; đánh đuôi đầu cứu, đánh đầu đuôi cứu; vòng quanh không có đầu mối”, là nghĩa thế đấy. Còn phép chính kỳ đánh đâm của các trận thì cũng theo đấy mà suy ra.

Chu Thiên đệ nhị biến thì chia quân làm hai dây mà tiến. Chi tả, đệ nhất là trận Phong, đệ nhị là trận Long, đệ tam là hiệu tả dinh Trung cùng hiệu Nội tả, đệ tứ là trận Vân, đệ ngũ là trận Xà. Chi hữu, đệ nhất là trận Điều, đệ nhị là trận Địa, đệ tam là hiệu Hữu dinh Trung cùng hiệu Nội hữu, đệ tứ là trận Hồ, đệ ngũ là trận Thiên. Nếu giặc đánh vào trận nào, thì các trận chính kỳ tả hữu cùng xúm lại mà cứu, cho nên Binh pháp nói rằng “Một chính một kỳ, cùng giúp đỡ nhau” là thế đấy. Ví như giặc đánh vào trận Phong ở chi tả thì trận Long cứu, hiệu Tả dinh Trung cũng theo sau giáp đánh, mà hai trận Vân Xà cũng cứu ứng nhau. Nếu giặc đánh trận Xà thì trận Vân cứu, hai trận Phong

Long cũng theo sau giáp đánh mà hiệu Tả dinh Trung cũng cứu ứng nhau. Còn chi hữu thì nhất thiết không được động, một là bình tĩnh để đợi giặc, hai là để nhân chỗ hở mà đánh. Nếu giặc đánh vào chi hữu thì binh cơ ứng địch cũng theo phép ấy.

Chu thiên đệ tam biến (tứ tượng) thì chia quân mỗi dây lại tách làm hai dây mà tiến. Cho nên chi tả nội thì đệ nhất là trận Phong, đệ nhị là hai đội hiệu Tả dinh Trung (trong 4 đội đã trích hai đội biến làm 2 đội hiệu Ngoại tả), 2 đội hiệu Nội tả (4 đội đã trích bỏ 2 đội cho đại tướng), đệ tam là 2 đội hiệu Ngoại tả, đệ tứ là trận Xà. Chi hữu nội thì đệ nhất là trận Điều, đệ nhị là 2 đội hiệu Hữu dinh Trung (trong 4 đội đã trích hai đội biến làm 2 đội hiệu Ngoại hữu), 2 đội hiệu Nội hữu (4 đội đã trích bỏ 2 đội cho đại tướng), đệ tam là 2 đội hiệu Ngoại hữu, đệ tứ là trận Thiên. Chi tả ngoại đệ nhất là du binh bổ khuyết, đệ nhị là trận Long, đệ tam là trận Vân, đệ tứ là du binh bổ khuyết. (Du binh trên đó có 12 đội thì tách làm 3 đội nội tả du binh, 3 đội ngoại tả du binh, 3 đội bổ khuyết du binh, còn 3 đội thì lui xuống bổ khuyết cho sau trận). Chi hữu ngoại đệ nhất là du binh bổ khuyết, đệ nhị là trận Địa, đệ tam là trận Hồ, đệ tứ là du binh bổ khuyết (du binh trên đó 12 đội thì tách làm 3 đội nội hữu du binh, 3 đội ngoại hữu du binh, 3 đội bổ khuyết du binh, còn 3 đội thì lui xuống bổ khuyết cho sau trận). Nếu gặp giặc thì đại tướng đánh một tiếng chiêng, bắn một tiếng súng hiệu, hết cả biến làm trận vuông, bốn phương bốn góc, bốn chính bốn kỳ. Hiệu Tả hiệu Hữu theo hiệu lệnh của cờ đại tướng mà biến. Ví như hai bên tiếp nhau, dùng trận vuông để đánh, thì đại tướng đánh chín tiếng trống, cầm cờ đỏ phát lên thì trận Điều ra đánh. Đại tướng lại cầm cờ lục cờ vàng phát lên, đánh hai tiếng chiêng thì trận Phong trận Địa ra đánh, lại đánh ba tiếng trống, cầm cờ xanh cờ trắng phát lên thì trận Long trận Hồ tiếp đánh. Đại tướng cầm cờ vàng cờ trắng phát lên, đánh sáu tiếng chiêng thì trận Vân trận Thiên ra đánh. Lại cầm cờ đen phát lên, đánh một tiếng trống, thì trận Xà tiếp ứng. Nếu trận Điều bất lợi thì hiệu Nội dinh Trung tiếp ứng. Nếu trận Phong bất lợi thì hiệu Nội hữu và hiệu Hữu tiếp ứng. Trận Long bất lợi thì hiệu Tả tiếp ứng. Trận Vân bất lợi thì hiệu Nội tả và hiệu Tả tiếp ứng. Trận Xà bất lợi thì hiệu Hữu và hiệu Nội hữu tiếp ứng. Còn du binh thì bày như hình bán nguyệt, một thuận một nghịch để xung đột thế giặc. Đây là thế trận vuông.

Nếu ở đồng bằng nội rộng thì kết trận tròn: *Đệ ngũ biến trận tròn*. Đại tướng phải dùng cờ vàng cùng cờ bát quái, cờ ngũ sắc, cùng các thứ chiêng trống và lệnh tiễn để làm hiệu lệnh. trận *Điêu* thì dùng cờ *Điêu*, trận *Phong* thì dùng cờ *Phong*, trận *Long* thì dùng cờ *Long*, các trận khác cũng như thế. Nếu là hiệu *Tả* thì dùng cờ *Nhật*, hiệu *Hữu* thì dùng cờ *Nguyệt*, hiệu *Nội tả* thì dùng cờ *Dương*, hiệu *Nội hữu* thì dùng cờ *Âm*, như hai đạo du binh thì dùng cờ *Giác*, *Cang*, *Tâm*, *Vĩ*, *Chi*, *Phòng*, *Cơ*, *Đấu*. Không nên lẫn lộn với cờ tướng. Như bốn trận *Long*, *Hổ*, *Điêu*, *Xà* thì dựng cờ lệnh *Chấn* *Đoài* *Khảm* *Ly* của đại tướng, bốn trận *Thiên*, *Địa*, *Phong*, *Vân* thì dùng cờ lệnh *Càn* *Khôn* *Tốn* *Cấn* của đại tướng. Nếu là du binh thì theo lệnh liền của đại tướng, không được trễ nải thất thố. Cho nên *Binh pháp* nói rằng hiệu lệnh “sáng như lửa đuốc, dữ như sấm sét” nghĩa là thế đấy. Khi xuất chiến thì đại tướng cầm bốn cờ *Khảm* *Ly* *Chấn* *Đoài* phát lên, đánh một tiếng trống, thì trận *Điêu* trận *Xà* ra đánh mà trận *Long* trận *Hổ* giáp đánh. Nếu bốn cờ *Càn*, *Khảm*, *Tốn*, *Cấn* phát lên, đánh một tiếng trống, thì trận *Thiên* trận *Địa* ra đánh, mà trận *Phong* trận *Vân* giáp đánh. Nếu trận *Điêu* gặp giặc thì trận *Địa* trận *Phong* giáp đánh ở tả hữu, trận *Long* gặp giặc thì trận *Phong* trận *Vân* giáp đánh ở tả hữu, trận *Hổ* gặp giặc thì trận *Thiên* trận *Địa* giáp đánh ở tả hữu, trận *Xà* gặp giặc thì trận *Thiên* trận *Vân* giáp đánh ở tả hữu. Ví như răn *Thường-sơn* đánh vào giữa thì đầu đuôi đều ứng. Thế là phép hai kỳ một chính.

Còn du binh thì bày trận hình sao *Đấu* để đặt quân phục mà đánh úp. Song trong du binh cũng có hiệu cờ ngũ hành, ví như lúc thăm đường, nếu đằng trước gặp núi rừng thì dựng cờ *Mộc* để báo, đằng trước có sông chẵn thì dựng cờ *Thủy* để báo, đằng trước có khói lửa thì dựng cờ *Hỏa* để báo, đằng trước có thành quách gò đá thì dựng cờ *Thổ* để báo, đằng trước có binh mã, thì dựng cờ *Kim* để báo. Đây là ý trên dưới giao tiếp, trong ngoài giao thông của *Binh pháp*.

Nếu gặp chỗ đất gặp ghềnh hiểm trở thì biến làm trận *cong*: *Tiểu Chu thiên* *đệ lục biến*, trận *cong*. Đại tướng đánh một tiếng chiêng, cầm cờ vàng phát lên thì trận *Phong* trận *Vân* ra đánh; đánh ba tiếng trống, cầm cờ vàng phát lên hai cái, thì trận *Thiên* trận *Địa* ra đánh; đánh ba tiếng chiêng, cầm cờ vàng phát lên ba cái, thì trận *Điêu* trận *Long* ra đánh; đánh bốn tiếng trống, cầm cờ

vàng phất lên bốn cái, thì trận Hồ trận Xà ra đánh. Đây là phép chính kỳ xen nhau trong Binh pháp.

Nếu gặp chỗ đường cái rộng lớn thì nên bày trận thẳng: Tiểu Chu thiên đệ thất biến, trận thẳng. Đại tướng đánh bốn tiếng trống, cầm cờ xanh phất lên bốn cái thì trận Điều ra đánh, mà các trận Phong Vân Long Hồ giáp đánh; đánh ba tiếng chiêng, cầm cờ xanh phất ba cái, thì trận Địa ra đánh, mà các trận Điều Phong Thiên Hồ giáp đánh; đánh hai tiếng trống, cầm cờ xanh phất hai cái, thì trận Hồ ra đánh, mà các trận Điều Địa Xà Thiên giáp đánh; đánh một tiếng trống, cầm cờ xanh phất một cái thì trận Thiên ra đánh, mà các trận Địa Hồ Vân Xà giáp đánh. Từ tả xoay sang hữu, sau đều như thế. Đây là phép bốn kỳ một chính trong Binh pháp.

Nếu như đường cong thì nên dùng trận nhọn: Đệ bát biến, trận nhọn. Đại tướng đánh một tiếng trống, cầm cờ đỏ phất năm cái, thì trận Long trận Điều ra đánh, mà các trận Phong Vân Địa giáp đánh; đánh ba tiếng chiêng, cầm cờ đỏ phất bốn cái thì trận Hồ trận Xà ra đánh; mà các trận Thiên Vân giáp đánh; đánh ba tiếng trống, cầm cờ đỏ phất ba cái, thì trận Phong trận Thiên ra đánh, mà các trận Điều Địa Hồ giáp đánh; đánh bốn tiếng chiêng, cầm cờ đỏ phất ba cái, thì trận Địa trận Vân ra đánh, mà các trận Hồ Thiên Xà giáp đánh; đánh bốn tiếng chiêng, cầm cờ đỏ phất một cái, thì trận Phong trận Địa ra đánh, mà các trận Hồ Điều Long giáp đánh. Đây là năm trận biến hóa.

Nếu như địa hình khuất khúc thì biến làm trận trường xà đảo quyển: Tiểu Chu thiên đệ cửu biến. Trường xà đảo quyển. Đại tướng ở giữa, đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống, thì bốn trận Xà Vân Long Phong đảo lên bên tả, bày chếch như thế rần vung, bốn trận Thiên Hồ Địa Điều, đảo lên bên hữu, bày chếch như hình rần vung, để hộ vệ đại tướng, du binh hai bên tả hữu cũng tùy thế mà bày ở ngoài. Nếu hai trận Điều Phong gặp giặc, thì đại tướng đánh bốn tiếng chiêng, ba tiếng trống, trận Long trận Địa ra đánh, mà các trận Vân Hồ giáp đánh, các trận Xà Thiên tiếp ứng. Đây là phép hai kỳ hai chính trong Binh pháp.

Nếu là núi cao hiểm dốc, khắp khảnh gập ghềnh, sợ giặc đánh bất ngờ mà đầu đuôi không ứng nhau được thì biến làm trận rắn dài thẳng tiến, hình như liên châu trường xà: Tiểu Chu thiên đệ thập biến, Trường xà liên châu. Phép này thì trận Thiên tiến thẳng thăm đường ở đỉnh núi, nếu không có địch thì cho

người về báo mà chiếm đóng đỉnh núi. Các trận thì theo thứ tự mà tiến. Nếu thấy có địch cũng cho người về báo, cứ từ từ mà tiến lên, không nên gián đoạn. Nếu trận Hồ bên tả không có giặc thì cũng cho người về báo mà chiếm đóng núi bên tả, trận Địa bên hữu không có giặc cũng cho người về báo mà chiếm đóng núi bên hữu. Các trận khác cũng cứ thế mà suy. Nếu giặc đánh vào trận Thiên thì hai trận Hồ Địa ở tả hữu giáp đánh. Nếu giặc đánh vào trận Hồ ở núi bên tả thì trận Địa ở núi bên hữu giáp đánh. Nếu giặc lùi thì trận Thiên tiếp mà đánh, còn các trận khác cũng từ từ tiến lên chiếm đóng. Nếu giặc đánh vào trận Xà đằng sau lưng thì các trận lấy trước làm sau, lấy sau làm trước, lấy lùi làm tiến, lấy tiến làm lùi, hết rồi lại bắt đầu, thế như chuỗi hạt châu, không nên gián đoạn. Cho nên Binh pháp nói rằng “Chỗ nào dụng là đầu” nghĩa là thế đó.

*

* *

TỔNG LUẬN VỀ TOÀN CHỈ CHU THIÊN.

Xét mười trận Chu thiên, mỗi trận 64 đội, mỗi đội 50 người mà biến hóa vô cùng. Như trận đệ nhất là trận chính Thái cực hồn thiên, trận đệ nhị là trận biến Lưỡng nghi phân khai, trận đệ tam là trận biến Tứ tượng đối xung, trận đệ tứ là biến trận vuông, trận đệ ngũ là biến trận tròn, trận đệ lục là biến trận cong, trận đệ thất là biến trận thẳng, trận đệ bát là biến trận nhọn, trận đệ cửu là biến Trường xà đảo quyền, trận đệ thập là biến Trường xà liên châu, cộng là mười trận. Trong mười trận ấy đều có phép ngũ hành, như trận tròn thuộc kim, trận vuông thuộc thổ, trận cong thuộc thủy, trận thẳng thuộc mộc, trận nhọn thuộc hỏa, mỗi trận 64 đội, mỗi đội cũng biến thành năm trận là vuông, tròn, cong, thẳng; nhọn, cộng là 320 trận, cùng với 10 trận ở trên là 330 trận, cùng du binh 24 đội tức là biến thành 354 trận. Vì số Chu thiên là 365 độ, cho nên gọi là trận Chu thiên.

Xin đem một đội mà nói, để biết. Trong số 50 người, biến chia làm 9 trận, trận Điều 5 người, trận Phong 5 người, trận Vân 5 người, trận Long 5 người, trận Xà 5 người, trận thiên 5 người, trận Hồ 5 người, trận Địa 5 người, cộng 40 người. Hiệu Tả 2 người, hiệu Nội tả 2 người, hiệu Hữu 2 người, hiệu Nội hữu 2 người. Cũng là một đội mà biến. Còn các đội khác cũng theo đây mà suy.

Còn du binh 24 đội, thì biến thành 24 trận chữ nhất, cùng với trận Hai cánh uyên ương và 5 trận vuông, tròn, cong, thẳng, nhọn, trận Thất đầu, trận Ngũ hành, trận Khúc đầu, trận Đảo quyền, trận Liên châu, cộng 35 trận. Trong mỗi trận có đủ sáu thế, một là long phi, hai là hổ cứ, ba là điều tường, bốn là xà bàn, năm là phong dương, sáu là vân thù¹. Ví như trận Phong gặp giặc mà trận Địa trận Vân giáp đánh, thế như hai cánh chim, cho nên gọi là thế điều tường. Thế này rất dễ đánh úp giặc. Nếu trận Long trận Hồ chia làm hai chi mà tiến thì gọi là thế phong dương, thế này dễ xuyên vào trận giặc. Nếu trận Xà ở sau trận mà đột xuất đánh một mình, các trận tùy thế mà chuyển, thì gọi là thế long phi, thế này dễ diệt giặc. Nếu trận Vân trận Thiên chia làm hai đạo mà chuyển tiến để quanh đánh bên tả bên hữu, thì gọi là thế xà bàn, thế này dễ vòng quanh giặc. Nếu trận Điều ra đánh, giả cách thua chạy, khiến du binh phục để đánh úp thì gọi là thế hổ cứ, thế này dễ cướp giặc. Nếu trận Điều ra đánh, trung quân phục để đợi dụ giặc vào giữa lòng rồi bốn mặt xúm quanh mà đánh, thế gọi là thế vân thù, thế này dễ vây giặc. Phàm sáu thế ấy rất dễ dùng để đánh.

Còn như đặt phục ra kỳ thì dùng thế âm dương đáp đối. Thế này lấy nhàn mà đợi nhọc. Như đại tướng cầm cờ vàng phát mãi, chiêm trống đánh liền, thì bốn trận Long Hồ Xà Điều ra đánh, phút chốc lại thấy ngả cờ im trống, tất là quân lui. Lại một chốc cờ trống rầm trời, thì bốn trận Thiên Địa Phong Vân ra đánh, ít lâu cũng lui. Còn hiệu Tả thì tiếp ứng các trận Thiên Địa Phong Vân, hiệu Hữu thì tiếp ứng các trận Long Hồ Điều Xà, một tiến một lui, hết rồi lại bắt đầu, một động một tĩnh, luân chuyển vô cùng. Đây là thế âm dương đáp đối.

1. Rồng bay; Cọp ngồi; Chim liệng; Rắn cuộn; Gió nổi; Mây rủ.

*

* *

YẾU LUẬN VỀ GIÁO TRƯỜNG DIỄN TRẬN.

Phép tập trận ở giáo trường, trước hết phải theo hiệu lệnh của tướng. Nếu tướng lệnh không nghiêm, ba quân không chỉnh, thì làm sao tập trận mà biến hóa được. Cho nên xong ba hồi chiêm trống của đại tướng rồi thì đại tướng cùng bốn hiệu và các tỳ tướng cùng tiến, chia làm tám vị mà tiến. Còn du binh thì chia làm hai đạo tiếp sau mà tiến. Chia binh như thế xong rồi, hễ hiệu cờ

bát quái của đại tướng phát lên một cái và đánh một tiếng trống thì bốn trận Long Hồ Điều Xà cùng cất cờ hiệu, và bốn trận Thiên Địa Phong Vân cùng cất cờ hiệu bày làm trận vuông. Xong rồi, du binh biến làm hình bán nguyệt, mỗi người cách nhau một bước. Còn trong 8 trận thì mỗi trận cách nhau 100 bước, chia làm 8 cửa. Đây là *Binh pháp* nói “*trong trận có khách trận, trong đội có khách đội*”. Thấy đại tướng cầm cờ vàng phát hai cái và nghe đánh hai hồi chiêng trống xong, thì các trận biến làm trận tròn. Nếu cờ vàng phát ba cái và chiêng trống đánh ba hồi thì các trận biến làm trận cong. Nếu cờ vàng phát bốn cái và chiêng trống đánh bốn hồi thì các trận biến làm trận thẳng. Nếu cờ vàng phát năm cái và chiêng trống đánh năm hồi, thì các trận biến làm trận nhọn. Biến hiệu của các trận khác cũng y theo trận vuông trước. Thế là hiệu lệnh của đại tướng là ở bốn kỳ, hiệu lệnh của bốn kỳ là ở bốn chính mà biến năm trận. Xong rồi, chợt thấy đại tướng cầm cờ ngũ sắc phát một cái và nghe đánh một tiếng trống, thì các trận đều dậy; nếu cờ ngũ sắc phát hai cái, trống đánh hai tiếng thì các trận đều tiến; nếu cờ ngũ sắc phát ba cái, trống đánh ba tiếng thì các trận đều tiến gấp; nếu cờ ngũ sắc phát bốn cái, trống đánh bốn tiếng thì các trận đều lên trước. Ví như lúc giao chiến đang say chợt cờ bát quái phát một cái và thổi một tiếng còi thì các trận tiến về phía đông, cờ phát hai cái và thổi hai tiếng thì các trận tiến về phía nam, cờ phát ba cái và thổi ba tiếng thì các trận tiến về phía tây, cờ phát bốn cái và thổi bốn tiếng thì các trận tiến về phía bắc, cờ phát năm cái và thổi năm tiếng thì các trận đều về. Nếu nghe đánh lẻ một tiếng chiêng thì các trận bãi chiến, đánh hai tiếng chiêng thì các trận đều đứng, đánh ba tiếng chiêng thì các trận đều quay lưng lại, đánh bốn tiếng chiêng thì các trận đều lui, đánh năm tiếng chiêng thì các trận đều về nguyên vị mà đứng, không được làm rối loạn. Ví như trận vuông thấy đại tướng cầm cờ vàng phát một cái, nghe đánh một tiếng trống, thì trận Địa giơ cờ hiệu lên mà trận Điều ra đánh; cờ vàng phát hai cái, trống đánh hai tiếng thì trận Hồ giơ cờ hiệu lên trước mà trận Địa ra đánh; cờ phát ba cái trống đánh ba tiếng thì trận Long giơ cờ hiệu lên trước mà trận Phong ra đánh. Các trận khác đều theo như thế.

Lại như trận tròn, thấy đại tướng cầm cờ vàng phát 2 cái, nghe đánh chiêng 2 tiếng thì trận Điều trận Địa ra đánh, cờ phát 3 cái, trống đánh 3 tiếng thì trận

Phong trận Long ra đánh. Hiệu lệnh các trận khác cũng theo bốn trận này mà suy.

Lại như trận cong, thấy đại tướng cầm cờ vàng phát 3 cái, nghe đánh chiêng 3 tiếng thì trận Vân trận Địa đều giơ cờ hiệu, mà trận Điều trận Xà ra đánh; cờ phát 4 cái, chiêng đánh 4 tiếng thì trận Phong trận Thiên đều giơ cờ hiệu, mà trận Long trận Hồ ra đánh. Các trận khác cũng theo bốn trận này mà suy.

Lại như trận thẳng, thấy đại tướng cầm cờ vàng phát 4 cái nghe đánh trống 4 tiếng thì trận Long trận Xà đều giơ cờ hiệu, mà trận Phong trận Vân ra đánh; cờ phát 5 cái, trống đánh 5 tiếng thì trận Điều trận Hồ đều giơ cờ hiệu, mà trận Thiên trận Địa ra đánh. Các trận khác cũng theo hiệu lệnh ấy mà đánh.

Lại như trận nhọn, thấy đại tướng cầm cờ vàng phát 5 cái, nghe đánh chiêng 5 tiếng thì trận Điều ra đánh; cờ phát 6 cái, trống đánh 6 tiếng... Các trận khác cũng theo hiệu lệnh ấy mà đánh.

Còn như hiệu Tả thì trống cờ Dương mà ứng, hiệu Hữu thì trống cờ Âm mà ứng. Đến như du binh thì xem lệnh tiễn của đại tướng. Nếu lệnh tiễn phóng một cái thì 4 đạo Dác, Cang, Chi, Phong ra tiếp ứng; lệnh tiễn phóng 2 cái thì 4 đạo Tâm, Vĩ, Cơ, Đẩu ra tiếp ứng; lệnh tiễn phóng 3 cái thì các đạo du binh đều tiếp ứng.

Đánh ngày thì dùng hiệu cờ, đánh đêm thì dùng hiệu đèn. Quân các trận ra dinh, cờ sắc gì, quần áo gì, phải cho ba quân tai nghe mắt thấy, ngày thường thuộc sẵn để đến khi ra trận thì như thân sai cánh tay, cánh tay sai ngón tay, mạch lạc quán thông, ai dám không theo. Cho nên Gia-cát nói rằng phép đồ trận phải hiệu lệnh nghiêm minh, bộ khúc chỉnh tề, cùng hàng ngũ bộ số, trước sau tả hữu, tiến lui đánh đâm, cái gì cũng thuộc kỹ. Người dũng không thể tiến một mình, người nhát không thể lui một mình, cùng lòng cùng sức, cùng phù trì nhau. Cho nên 5 người làm một ngũ, 50 người làm một đội, nếu một người xông lên đánh giặc mà bốn người không cứu, một ngũ gặp nguy mà chín ngũ đứng nhìn, thì theo quân pháp mà trừng trị. Dẫu người bách tính lạ nhau cùng quân ô hợp cũng thân nhau như anh em cha con, có ai dám trái lệnh phạm pháp đâu.

Còn như người chấp nhất, học phép Thái ất kỳ môn, đem ba quân bày các trận mà phương không biết, chế độ không xét, chỉ câu nệ vượng tướng cô hư¹, thiên quan thời nhật², mà về đạo làm tướng thì mờ mịt không hiểu gì, thế thì có

khác gì sa xuống vực sâu, ngã vào hang tối, tất là bại binh tổn tướng, có dùng làm gì. Còn ai nghe lời ta đây thì hẳn là trăm đánh trăm thắng.

Lại xét về chân trận, cũng có phương lược chắc chắn. Ví như trận vuông, thì trước sai trận Xà trận Điều ra đánh, rồi sai trận Long trận Hồ giúp nhau, thì 4 trận Thiên, Địa, Phong, Vân cũng kết làm 8 trận mà đứng. Nếu là trận tròn thì trước sai trận Thiên trận Địa ra đánh, rồi sai trận Phong trận Vân giáp đánh, thì 4 trận Long Hồ Xà Điều cũng kết làm 8 trận mà đứng. Mỗi một trận 6 đội nên chia đôi ra lấy 3 đội làm một trận, thì các nửa trong 4 trận cũng thành 8 trận. Các trận khác cũng theo đấy mà suy.

-
1. **Vượng tướng cô hư:** Chữ của đạo gia nói hành nào thì vượng về chi nào.
 2. **Thiên quan thời nhật:** Giờ ngày do Thiên quan xem.

*

* *

YẾU PHÁP PHÁ TRẬN.

Phàm phép phá trận, đời xưa vẫn có. Nhưng phải có phương lược, nếu không có phương lược thì phá sao nổi. Ví như bên địch bày trận vuông, trước sai trận Điều ra đánh, rồi sai trận Phong trận Địa tiếp đánh, thì ta bày trận tròn, trước sai hai trận Xà Điều đón đánh, rồi sai bốn trận Long Hồ Thiên Địa tiếp đánh. Như thế thì họ có một mà ta có hai, lo gì chẳng phá được trận. Các trận khác cũng theo đấy mà suy.

*

* *

Tổng bình về tập Địa

Kiên-trai xét: Loan-khê xử sĩ dẫn lời bàn của Tùng-cúc chủ nhân nói rằng: Sách *Quãng nghĩa* nói thế đặt không dày thì chở muôn vật nặng không mang nổi, cho nên *Kinh Dịch* nói *Khôn* (đất) dày chở vật, đức lớn không có bờ nào, là nghĩa thế đấy. Xem như đất đặt núi sông để ngăn *Di Dịch*, định phong cương để dựng muôn nước, công đức biết là đường nào. Lại có núi cao chót vót, sóng dữ sục sôi, xem như cửa *Kiểm-các*¹, cửa *Hào-hàm*, dầu có đường ruột dê đường chân chim mà quân giáo đồng ngựa sắt, cũng khó bay nhảy vào

được. Lại xem dòng sông Trường-giang, sóng biển Bột-hải, dẫu có sức buồm nhẹ chèo mau mà cái nạn đắm thuyền đuối người vẫn chưa khỏi sợ. Đấy đều là đất đặt núi sông để giữ vững vậy. Tôi đọc sách Hồ trưởng khu cơ đến Tập Địa thì vỗ sách mà than rằng: Xem thành hiện xưa đặt ra trận pháp, như các trận Tiên thiên Hà đồ, Bát môn kim tỏa, cùng các trận Chu thiên tựa hồ đương chỗ đồng bằng nội rộng mà đột ngột nổi lên ngũ hồ ngũ nhạc, chín châu bốn biển, dẫu có nghìn môn vạn hộ, bốn mặt tám phương, nhưng trong ấy hiểm trở kín đáo thế không lọt được cái kim, ví dù quân giặc trăm vạn, đồng tướng nghìn viên cũng không làm gì nổi. Thế mới biết Gia-cát tiên sinh học trận pháp có thể bảo là đức ngang với trời, công ngang với đất vậy. Chỉ thấy chín sao rõ ràng, tám cửa ám hợp, chiếm cơ quan của trời đất, cướp tạo hóa của phong vân, trước sau bày thế Điều Xà, tả hữu chia hình Long Hồ; bính đình đội trước, như muôn tia lửa nóng đốt non; nhâm quý theo sau, như nghìn đợt sóng cuộn ngập đất; thế tả xoay vần thanh khí; hình hữu soi suốt bạch quan; khôn thổ chỉ chiếm trung ương; hoàng đạo toàn theo mậu kỷ². Kế trong tám cửa, đủ phần hai mươi tám sao; các trận bốn phương, ẩn cả sáu mươi tư quẻ. Quanh quanh quần quần, rối ren đội ngũ biến trường xà; chỉnh chỉnh tề tề, im lặng uy nghi như phục hổ; trận Mai hoa một xung một đột; trận Tam tài hoặc trước hoặc sau. Chẳng phải khoe bát trận thành công; chẳng phải nói lục thao thủ thắng. Học thì học diệu kế của Khổng-minh; dùng thì dùng thần cơ của Lã Vọng. Nếu không phải tiên núi Bạch-hạc truyền phép diệu, thì làm sao rồng bay lên trời giúp công to?

1. Cửa ải ở tỉnh Tứ-xuyên ngày nay.

2. Mậu kỷ là thổ, thuộc trung ương.

QUYÊN III

TẬP NHÂN

YẾU CHỈ VỀ TƯỚNG

Phàm đạo làm tướng, có tám điều cốt yếu: Một là dốc nhân, hai là minh nghĩa, ba là cần tín, bốn là trí tuệ, năm là minh triết, sáu là tài năng, bảy là cương dũng, tám là uy nghiêm. Trong tám điều ấy, lấy chí thành làm chủ. Cho nên Kinh Dịch nói rằng: “Chí thành là đạo trời, giữ thành là đạo người, chưa thấy có thành mà lại không cảm động được lòng người”. Cho nên làm tướng có tám điều cốt yếu ấy, nếu đem lòng chí thành để giữ gìn, thì trên có thể giúp đỡ xã tắc chia phần lo việc với vua; dưới có thể giữ mệnh ba quân, cứu nhân dân trong cảnh khổ.

Nhân làm đầu mọi nét tốt, là đức của lòng người, đạo trời lấy làm đầu, đạo người lấy làm gốc. Cho nên, thể thì yên lặng như núi, dụng thì mạnh mẽ khó đương. Nếu làm tướng mà không dốc lòng nhân thì lấy gì để cố kết nhân tâm cho giặc phục? Cho nên người xưa nói “Không sợ thế giặc đương cường, chỉ sợ lòng dân đã hờ”, là nghĩa thế đấy.

Nghĩa là lẽ phải có việc để kiềm chế lòng người. Không có nghĩa thì việc làm mất lẽ phải, người người tạm bợ. Cho nên làm tướng tất trước phải biết nghĩa. Nghĩa đã rõ thì có thể hết trung báo ơn nước, xử sự đúng lẽ mà duy trì được lòng người. Ngày xưa Nhạc Nghị làm tướng nước Yên mà người nước Tề phục là có nghĩa, cũng bởi thế đấy. Nếu làm tướng không biết nghĩa chính đại mà cầu lợi lật vật, thì người thất phu thất phụ vác cày bừa mà đuổi đi, còn đánh giặc làm sao được.

Tín là cửa báu của nhà nước, là gốc rễ của muôn việc, dầu giống vật ngu si cũng biết cảm động. Cho nên cổ nhân cảm động lợn cá¹, bắn xuyên hồ đá², há chẳng bởi lòng thành tín sao? Tấn Văn công không tham lợi đánh ấp Nguyên³,

Tề Hoàn công không trái hẹn với Tào Mạt⁴, rồi làm nên bá nghiệp được. Trọng Do nửa lời xử án⁵, Nhạc Nghị một lữ phá Tề⁶, đều bởi có tín đấy thôi. Cho nên thánh nhân nói rằng “Bỏ việc ăn, bỏ việc quân, duy tín không thể bỏ được”, thì biết tín là của báu không thể khinh. Lúc bình thời còn như thế nữa là lúc loạn! Cho nên làm tướng mà cần tín thì chính lệnh đưa ra, vững như vàng đá, tin như bốn mùa, không ai dám có lòng gì khác. Nếu làm tướng mà bất tín, thì trên dưới hai lòng, quân cơ mất nhịp, dầu đứa trẻ năm thước cũng chẳng vui lòng, nữa là nước giặc sao!

1. Lợn cá: Kinh Dịch, quẻ “Trung phu” nói “Lợn cá cũng tin” là lòng thành tín cảm động đến cùng, vì lợn cá là giống vật ngu mà còn cảm động được.

2. Bản hồ đá: **Hán thư chép Lý Quảng đi săn thấy hòn đá ở trong cỏ, nghĩ là con hổ, giương cung lên bắn, bắn trúng, đến sau thấy chỉ là hòn đá mà tên vào đá ngật vè, lại bắn lần nữa thì tên không cắm đá nữa.**

3. Ấp Nguyên: Tấn Văn công đem quân đi đánh Nguyên, hẹn cho quân đem lương ăn 3 ngày, 3 ngày không hạ được, cho quân về. Ấp Nguyên phục là thành tín mà hàng.

4. Tào Mạt: Tề Hoàn công hội với Lỗ hầu. Tào Mạt là tướng Lỗ, cầm gươm hiệp Hoàn công. Hoàn công hẹn trả lại đất cho nước Lỗ, sau Hoàn công toan không trả, Quán Trọng can rằng: Muốn thành nghiệp bá, phải giữ lời hứa. Hoàn công bèn trả đất cho nước Lỗ.

5. Xử án: Trọng Do, tức Tử Lộ là người dũng tin, cho nên nói nửa lời cũng đủ kết xong việc án.

6. Nhạc Nghị làm tướng nước Yên, đi đánh nước Tề, vì có tín nghĩa nên năm nước láng giềng giúp quân cho, mới đánh nổi nước Tề.

Trí là cái gì cũng biết. Nếu có trí tuệ thì việc thiên hạ, dầu việc rất nhỏ trông qua cũng biết nữa là việc binh. Cho nên làm tướng có trí tuệ thì vận dụng đúng mực, kinh quyền hợp nhịp, mà cơ biến trong phút chốc xử trí dễ như trở tay, dầu quỷ thần cũng không thể lường, huống chi là người! Nếu làm tướng mà không trí tuệ thì nhắc một góc, ba góc vẫn không nổi được, trong lúc xử sự chỉ như người đánh dấu mạn thuyền để tìm gươm. Lúc lâm cơ thì khác nào sừng dê húc giậu, dầu có quân trăm vạn mạnh như Mạnh Bôn, Ô Hoạch¹ cũng ngồi mà chờ chết, huống chi là trong lúc thắng thốt! Cho nên *Kinh Dịch* nói “Đệ tử

dư thi², đột như, kỳ lai như, phần như³, tử như, khí như⁴, khắp huyết liên như⁵”, những lời ấy có sai đâu.

Minh là tự lòng mình sáng thiêng không mờ tối, cho nên đối với việc thiên hạ dầu nhỏ như mằm mống hào lý đều hiểu rõ hết. Phàm những lời gièm pha thãm thía, những lời vu cáo quanh co mà không nhận thức như kẻ không trông thấy cả xe củi, thì đều không phải là thể bản nhiên. Cho nên làm tướng phải minh triết, để phòng việc nhỏ, thì trong khoảng cơ biến còn rõ ràng ở trước mắt, huống là tình hình bên địch. *Kinh Dịch* nói “*Quân tử biết mềm biết rắn, biết nhỏ biết lớn, biết cơ là thần rồi; giao thiệp với người trên không nịnh, giao thiệp với người dưới không nhờn mà minh triết giữ mình*”, là nghĩa thế đấy.

Tài năng là phẩm quý của người mà rất khó được. Phàm người có tài, mở trời xoay đất, giúp nước yên dân, thì thiên tử không bắt làm tôi được, chư hầu không đem làm bạn được. Nếu người làm vua mà không thành kính tận lễ ba lần đến đón thì không được gặp. Còn những tài nhỏ tầm thường, sần sần hèn mọn, vẫn không đủ giúp nước, võ không đủ yên dân, mà dùng làm việc quân thì là đem quân trăm vạn mà xô xuống ngòi rãnh thôi, trông cậy gì được.

Cương thì không bị dụ vì lợi, mà dũng cũng nhờ vào đấy, thấy điều nghĩa là làm ngay, lâm sự thì thận trọng, như Thang Võ một lần nổi giận mà thiên hạ được yên, thế mới là đại dũng. Còn những người mặc áo giáp cầm giáo sắc, đánh tan trận giặc, bẻ gãy mũi nhọn, và múa gươm quắc mắt, đó chỉ là dũng huyết khí, không phải là đại dũng quân tử. Cho nên làm tướng mà không cương dũng thì bị dụ vì lợi, thấy lợi là làm, mà ba quân không cử động chân tay được.

Nghiêm là việc cốt yếu của binh gia, bởi vì quyền hành cõi ngoài về tay đại tướng. Người xưa nói “Tướng ở ngoài, mệnh vua cũng có điều không theo”, là nghĩa thế đấy. Làm tướng mà không uy nghiêm thì quân sĩ dọc ngang, ba quân trể nải, dầu chỗ đất bé nhỏ như nốt ruồi viên đạn cũng không đánh lấy được, huống là đối với giặc mạnh! Cho nên làm tướng trước phải hiệu lệnh nghiêm minh, ba quân chỉnh túc, giữ thì bắt chước Chu Á-phu đóng quân Tế-liêu, lệnh thì bắt chước Tôn Võ tử luyện tập nữ binh. Như thế thì sĩ tốt khi đánh giặc dầu chết cũng không dám lui, ba quân ra trận, nếu lâm nguy càng hăng hái, dầu giặc khỏe như gốc quách thớ dai còn không đủ sợ, huống là đám giặc cỏ như

đàn ông lữ kiến. Cho nên nói rằng làm tướng phải lấy uy nghiêm làm việc cốt yếu.

-
1. Mạnh Bôn, Ô Hoạch: Hai người dũng sĩ đời Tần Vũ vương.
 2. Đệ tử dư thi: Con em chết xác chở đây xe. (**Kinh Dịch, Quẻ Sư hào lục ngũ**).
 3. Đột như, kỳ lai như, phần như: Nếu cương táo bất trung thì thế cương đột đến, bức bách người trên như lửa đốt. (**Kinh Dịch, Quẻ Ly hào cửu tứ**).
 4. Tử như, khí như: Đốt như thế tất có họa hại cho nên tất chết; nghịch đức như thế mọi người đều bỏ (**Kinh Dịch, Quẻ Ly hào cửu tứ**).
 5. **Khấp huyết liên như**: Nơi cực hiểm mà không quân ứng viện, đến cùng chỉ khóc đổ máu mắt ra mà thôi. (**Kinh Dịch, Quẻ Truân hào thượng lục**).

*

* *

PHÉP CHỌN TUỞNG LUYỆN BINH.

Phàm tướng là đồ quan trọng của nhà nước. Đồ cứng thì gãy, quyền trọng thì nguy; binh là hung khí, bất đắc dĩ mới dùng đến. Cho nên binh quý tinh mà không quý nhiều, tướng cần mưu mà không cần dũng. Binh cơ không chuyên dùng một người nào, tướng quyền không chuyên giao một người nào. Bởi vì chuyên dùng một người thì thua, chuyên giao một người thì mất. Cốt ở hòa nhân tâm mà thôi. Phàm chọn người, có người ném bút nghiên mà đi lập công danh, thì tùy tài mà bổ dùng; có người mất nhà mà thề chết, thì trao chức mà chuyên dùng; có người đội tội mà lập công, thì tha tội lỗi mà dùng lấy; có người bày lời mà dâng lên, thì xem người mà dùng lời; có người bị nhục với kẻ vênh vang mà tự sỉ, thì xét tài mà yên ủi lòng; có người gan dạ mà ra trận, thì cho đi trước để thỏa lòng. Cho nên *Binh pháp* nói “*Cội gốc có một, là ở sai khiến người, sai người mà được chỗ cốt yếu thì là trọng khí của miếu đường*”, có phải lời nói không đâu. Phàm phép dùng thì tùy theo tài, hỏi để nói xem trả lời có rõ ràng không, hỏi gạn cùng để xem có biến hóa không, bảo cho việc khó khăn để xem khí thế, cho uống rượu say để xem thái độ. Như thế thì hiền ngu hay dở không thể giấu được¹. Đến khi dùng, tài lớn thì dùng làm việc lớn, tài nhỏ thì dùng làm việc nhỏ, người hiền ngu hay dở đều không bỏ ai. Ví như dùng gỗ, gỗ tốt như kỷ tử, dầu cao vài thước, người thợ giỏi cũng không bỏ.

Cho nên Binh pháp nói “Về việc quân, năm tài không bỏ sót thứ gì” lời nói đáng tin thay. Như người điếc thì chuyên việc nhìn, có thể giữ vọng lâu; người mù thì chuyên việc nghe, có thể khiến cầm canh; người ngay không tham thì cho giữ kho; người tham không sợ chết thì cho đi tiên phong; người trung không mang hai lòng thì cho làm gián điệp. Năm tài đều dùng không bỏ sót, thì tướng sĩ hòa nhau, đánh một trận mà thành công. Binh pháp nói “Sĩ tốt theo mệnh, bởi vì kính lễ hiền nhân thì sĩ dễ đến”. Bởi vì tính mệnh ba quân ở trong tay một tướng, tướng dùng người, như nuôi vợ con, người dưng thì cho ăn lộc hậu, người trí thì đem thân ủy cho, người tài thì phong tước cho, người hiền thì lấy lễ mà khuyến. Ví như người rét thì cho áo mặc, người đói thì cho cơm ăn, người ốm thì cho thuốc uống, người chết thì thương xót mà tống táng. Như thế thì lòng sĩ tốt thà chết chứ không lui để sống.

Binh pháp lại nói “Tướng chịu trách nhiệm lúc nguy”. Bởi vì có lúc an thì có lúc nguy; ăn lộc vua thì siêng việc vua; nếu lúc an mà không lo thì như chim yến làm tổ trên màn, như con cá bơi lội trong chậu, an thế nào được. Lúc lâm nạn thì có tai mắt chân tay. Người không tai mắt lấy gì mà nghe trông, không chân tay lấy gì mà động tác. Cho nên người trí thì làm tai mắt lòng dạ, người dưng thì làm chân tay nanh vuốt. Chớ vì người mình yêu mà tác uy; chớ vì mình có quyền mà lấn át; chớ vì thế mà oan riêng; chớ đem thưởng cho người thân. Như thế thì trên dưới cùng lòng mà ba quân liêu chết. Cho nên Thần kinh nói rằng “Tướng như thuyền, quân như nước, nước chở được thuyền mà cũng đắm được thuyền”. Nếu thưởng không đáng công, phạt không đúng tội, thì ba quân đều oán. Cho nên, người có công dẫu thù cũng thưởng, người có tội dẫu thân cũng phạt; thưởng không để quá một tuần, phạt chẳng nề người thân, là nghĩa thế đấy. Cho nên Binh pháp nói “Điều cốt yếu để cho quân hòa là ở thưởng phạt công, thủ xả mình mà thôi”. Lại nói “Tướng cần có nhiều người phụ”. Bởi vì nhiều người phụ thì tướng mạnh, ít người phụ thì tướng yếu. Ví có tướng dữ như hổ lang, lại được quân như báo khuyến, tướng biết tình quân, quân biết ý tướng, dẫu quân nhiều đến trăm vạn, chỉ bảo cũng như chỉ bảo một người.

Như hành binh phải có lễ, sai người phải theo thời. Kế ra lễ là tiết văn của thiên lý, là nghi tắc của nhân sự, như người đi trước đợi người đi sau, người đi sau trông người đi trước, người bên tả đợi người bên hữu, người bên hữu đợi

người bên tả; ngồi chia trên dưới, uống rượu chớ ồn ào, thấy của không tranh cướp, thấy sắc không cuống cuồng, đều là lễ cả. Thời là âm dương nóng rét, xuân hạ thu đông, sớm tối no đói. Theo thời mà sai khiến, cũng như thân mình. Quý tiện dầu khác, lòng người giống nhau. Tướng rõ điều ấy thì lòng người hẳn hòa. Được lòng hòa thì Tần Việt kết làm anh em, mất lòng hòa thì anh em cũng thành cừ thù. *Binh pháp* nói rằng “*Yêu sĩ tốt như yêu gái đẹp, thần cơ không lường được; thấy sĩ tốt mà không thương thì quân trong lắm giặc; tướng có nghĩa thì binh có công*”, là ý thế đấy.

Làm tướng chớ cùng ba món, mang bốn giống. Ba món là: Nói cùng lời thì lòng người oán, hiếu sắc đến cùng thì trong thành loạn, dùng của đến cùng thì thiên hạ tan. Bốn giống là giống tham thì quân không phục, giống độc thì quân không hòa, giống kiêu thì quân tất thua, giống hung thì quyền hẳn mất. Tướng không biết như thế, sao làm cho quân hòa được? *Binh pháp* nói “*Ở dưới mỗi thơm hẳn có cá to; ở dưới thường trọng hẳn có người anh dũng*”. Nếu thường phạt không minh, dùng người không quyết, tiểu nhân làm quan ở triều đình, quân tử ẩn nấu ở nhà quê, thì tướng chẳng đáng tướng, tất đem nước cho giặc. Không biết dùng người hiền thì bị nước địch khinh. Cho nên mong người hiền như khát mong nước uống, thấy người hiền sợ tiếp đãi không kịp thì mới phải. *Binh pháp* nói rằng “*Áo giáp không bền, khác gì không mặc áo; bắn không trúng, khác gì không có tên bắn; có người hiền mà không biết dùng, khác gì không có người hiền; trong nước không hòa, khác gì không có vua*” là nghĩa thế đấy. Lại nói “*Người trên theo lời gièm thì kẻ dưới lừa lòng*”. Trên dưới lừa nhau thì thất hòa; thất hòa thì kẻ có tội cũng không sợ, người được thưởng cũng không phục, bởi vì thưởng phạt dầu khinh, tội tình rất nặng. Cầu người giỏi không bằng cầu gái đẹp là đem mình cho giặc; làm tội không đáng tội là đem quân cho giặc; thưởng phạt bất minh thì quân bất hòa. Cho nên dùng binh lấy hòa làm quý, lấy lễ làm đầu. Quân đóng thì theo lễ, quân đi thì dung uy. Cơ mưu tự khi đóng trại, ứng biến ở lúc lâm thời, thưởng phạt không nhằm, cơ biến rất đúng, thì tự nhiên quân thẳng trận.

Lại tướng nên bỏ tám điều tệ, chớ bỏ ba điều hòa. Tám tệ là: kiêu mà khinh người trí, lười mà không tập, dững mà vô mưu, tham mà ăn bẩn, rượu hồng tính tình, sắc hồng việc nước, độc mà bất nhân, chuyên mà tự đoán. Trong tám điều ấy mà mắc một điều là đem thân cho giặc. Ba điều hòa là: hòa với quân

lính, hòa với liêu hữu, hòa với mấy nước láng giềng. Trong ba điều hòa ấy nếu bỏ mất một là đem nước cho giặc. *Binh pháp* nói: “*Tướng không có nanh vuốt; như người đói ăn thuốc độc; quân không có nghiêm lệnh, như người mù đi đêm*”. Cho nên tướng phải dùng người, quân phải giữ phép mới phải. *Binh pháp* lại nói: “*Dùng người không có phép, thì quân sĩ xông xao*”. Bởi vì không có phép thì nhọc mà vô công. Cho nên dùng người có sáu cách: Một là người kiêu thì cho đánh trước, đến đâu là tung hoành, đằng trước không thấy có giặc; đằng sau không thấy có vua, trên không nệ trời, dưới không nệ đất, tiến thì như đất rách núi lở uy bay muôn dặm, nước địch tất phải sợ hãi. Hai là người tham thì sai tranh lương cướp cỏ, không kể sống chết, lòng chỉ tham lợi, lợi cho binh lương. Ba là người dũng thì nên dùng làm chân tay đui vẽ, để phòng lúc nguy nan thì họ liều chết. Bốn là người trung tín thì sai làm gián điệp, sự cơ rõ ràng, đặt phục xuất kỳ, nghe lệnh tất theo, nghe trống tất đi, việc không sai trái. Năm là người già yếu thì sai giữ kho, ngày đêm giữ cẩn thận, kẻ gian không dám xâm phạm. Sáu là người cường tráng thì nên sai theo quân mà vận lương, gánh gạo, gánh nước, hái củi. Sáu hạng người ấy đều nên chuẩn bị cả. Cho nên *Binh pháp* lại nói “*Chuyên hiệu lệnh, thông tin báo, chia trước sau, rõ đặt phục, truyền ra vào, vâng tiến lui, hiểu thiên thời, xét địa lợi, biện nhân hòa*” là ý thế đấy. Làm tướng trước lập thân mình mà sau cho quân tập; định kế sách mà chọn nhân tài, luyện tập binh lính mà cổ lệ sĩ tốt; trí năng hơn mọi người, dũng mãnh nhất tam quân, năm tài đủ cả, ba đức nắm toàn. Năm tài là nhân, trí, dũng, trung, tín. Ba đức là khoan, từ, thiện. Phàm lượng rộng như sông biển, để lòng không mà nhận lời can, thì gọi là khoan. Nhân thương người dưới, ơn đến ba quân thì gọi là từ. Tài kiêm tam lược, trí đủ năm xe, thì gọi là thiện (giỏi). Phàm người đánh giỏi vận cơ mưu ở trong màn trướng, thành công không riêng, có nhiều người giúp; quyết được thua ở lúc hành trận, động chẳng một mình, tiến phải có quân. Còn như bày trận để nắm quân lính, cắm cờ để chia đội ngũ, nổi chiêng trống để nghiêm hiệu lệnh, giăng súng đạn để vững đồn dinh, chứa chất nhiều để đủ lương cỏ, sắc gươm giáo để tránh tên đạn, ngậm tăm theo lệnh, đánh keng giữ dinh, công thành hiến đầu giặc, can qua luôn sẵn sàng, mệnh trời cho, lòng người hòa, nước láng giềng giúp, nước thù địch hàng, thế mới có thể lập công ở đương thời, để tiếng cho hậu thế.

1. So với chương “chọn tướng” của **Binh thư yếu lược, quyển I**

*

* *

YẾU LUẬN VỀ QUÂN CƠ.

Quân cơ có sáu điều cốt yếu: Một là uy nghiêm, hai là hiệu lệnh, ba là chỉnh túc, bốn là tinh nhuệ, năm là tử tế, sáu là thanh liêm. Uy nghiêm là việc cuối cùng của tướng pháp, mà là việc bắt đầu của quân cơ. Vua không nhân không lấy gì mà sai tướng; tướng không uy không lấy gì mà sai quân. Tướng chỉ đông thì không dám hướng về tây, chỉ nam thì không dám hướng về bắc; giục tiến không dám lui, thúc lên trước giặc thì không dám ở lại sau; nếu không theo thì có quân pháp. Cho nên *Binh pháp* nói rằng “*Hiệu lệnh nghiêm như sấm lớn*”. Cho nên *nghiêm là việc trước nhất của quân cơ*.

Hiệu lệnh là then chốt của quân cơ, quân không có lệnh như hổ không có đầu, đến lúc cơ biến, chân tay không động tác được. Cho nên nói rằng đánh trận ban ngày thì lấy cờ xí làm hiệu lệnh, đánh trận ban đêm lấy chiêng trống làm cơ quan. Ví như cờ phất một cái thì tiến, cờ phất hai cái thì lui, trống ba tiếng thì tiến, chiêng một tiếng thì lui, trong khoảng phương lược, cái gì cũng là mắt thấy tai nghe, cho nên đến lúc lâm trận, không nói mà tin, không giận mà sợ.

Chỉnh túc là việc gốc của quân cơ. Nếu bộ khúc rối loạn, hàng trận lộn xộn, thì giặc coi như trẻ con, đánh dễ như bẻ cành khô, còn chống giặc làm sao được.

Tinh nhuệ tất có dũng cảm, dũng cảm tất có lòng liều chết; có lòng liều chết thì vui đánh giặc mà lâm sự không sợ, xông vào giặc không lạnh lòng, dầu quân giặc trăm vạn cũng coi bé như nốt ruồi viên đạn mà thôi.

Tử tế là việc thường của binh gia, không có gì lạ. Nhưng dùng binh mà không tử tế (nhiệm nhặt) thì cấu thả sơ hở, quân cơ rối loạn. Thái sơn ở trước mắt mà không trông thấy, sấm sét dậy bên tai mà không nghe thấy, làm sao có thể cử động cho đúng được.

Thanh liêm thì không ham lợi. Lợi là mối đầu của hại, là triệu bại vong, cho nên *Binh pháp* nói “*Ngày đi trăm dặm để xô về lợi thì què thượng tướng, ngày đi năm chục dặm để xô về lợi thì quân đến có một nửa*” có phải sai đâu. Quân mà thanh liêm thì dầu giặc ngày ngày đem cho vàng ngọc bừa bãi cũng không

thèm, đứng thẳng mà nhìn vào, nữa là manh tâm cướp bóc! Đây là việc binh cơ kiêm việc nhân nghĩa. Cho nên quân cơ lấy điều này làm điều cuối cùng.

*

* *

PHÉP DẠY QUÂN ĐÁNH GIẶC.

Phàm ngày thường ước thúc, tất có quân cơ; đánh giặc xâm lăng, cũng có kế sách. Nếu không có kế sách thì trong lúc vội vàng làm sao có thể ứng biến được. Cốt yếu có 15 phép: Một là qua chỗ hiểm phòng nguy; hai là xét nắp phục; ba là phòng nước độc; bốn là qua cầu phải cẩn thận; năm là dùng lửa chống lửa; sáu là lấy nhàn đợi nhọc; bảy là lấy nhọc chế nhàn; tám là nhọc nhàn đáp đối; chín là hư trương thanh thế; mười là tránh chỗ thực đánh chỗ hư; mười một là lấy hư làm thực; mười hai là lấy thực làm hư; mười ba là phòng gian xét biến; mười bốn là chọn đất lập dinh; mười lăm là cẩn thận thiên thời.

Điều thứ nhất. Ví như lấn vào cõi giặc, gặp chỗ đồng bằng nội rộng thì nên kết trận. Nếu gặp núi sông hiểm trở, thì sai ngay quân kiêu kỵ du binh đi trước. Nếu thấy gò cao rậm rạp, núi hang gập ghềnh, thì tiền quân từ từ tiến chậm để đợi hậu quân, không được cách tuyệt gián đoạn. Đây là yếu lược qua hiểm phòng nguy.

Điều thứ hai. Nếu như đường cái dễ tiến; cũng sai du binh lên chỗ núi gò cao, tả hữu tiền hậu xem xét kỹ càng, nếu thấy chỗ nào chim chóc bay lên, vượn chồn chạy loạn, hoặc cây cỏ không gió mà động và bụi đất mù trời, dưới chỗ ấy hẳn có phục binh, thì du binh quay về báo cho chủ tướng, dừng xe kết trận mà đóng lại, để đợi xem thế giặc làm sao. Đây là yếu lược xét nắp phục.

Điều thứ ba. Như mới vào cho đất lạ, nước suối cũng nên cẩn thận. Nếu mình chưa quen thủy thổ, không nên uống nước là một; sợ quân giặc ở trên dòng bỏ thuốc độc vào nước là hai; nước lạ mình chưa rõ tính không nên uống là ba; mùa hè nóng nực, khi độc nghi ngút, nước tự trên cao chảy uống, hoặc sắc đen mà nhiều hoa, hoặc sắc đỏ mà nhiều chất phèn, hoặc đục mà mùi chua mặn, cũng không nên uống là bốn; hoặc mùa đông mưa lũ, dưới núi nhiều khe và mạch nước phun ra, lá cây cỏ ngâm nát thành độc, cũng không nên uống là năm; hoặc đất ấy sông núi có nhiều rắn độc cỏ độc, cũng không nên uống là sáu. Nếu bất đắc dĩ phải uống, thì sai quân chọn chỗ đất vàng, đào xuống 3 thước, lấy một hòn đất và hừng hoàng, chu sa, mỗi thứ 1 lượng, bạch phàn 1

đồng cân, cam thảo 3 đồng cân, muối một ít, đều tán nhỏ ra bỏ vào nước quấy đều, mỗi người uống lót dạ một chén, rồi thì sau tha hồ uống nước cũng không trúng độc. Đây là yếu lược phòng nước độc.

Điều thứ tư. Vào sâu cõi giặc, gần đến đường xung yếu, chợt thấy đất mới, trên đất cỏ khô như cháy, thì ở dưới chỗ ấy ngờ có trá nguy gì, phải dò xét kỹ lưỡng, rồi mới nên đi. Nếu đi qua cầu cống của giặc, thì trước lấy đồ nặng mà chất lên thử rồi mới nên đi, không cần thận như thế thì sợ xảy ra tai nạn sụp đổ. Đây là yếu lược qua cầu.

Điều thứ năm. Hỏa công không cần phải đợi mặt trăng phạm vào các sao Cơ Tất Dực Chấn cũng được; nếu giặc ở dưới gió ta ở đầu gió cũng có thể dùng được. Nếu ta ở dưới gió, giặc ở đầu gió phóng lửa xuống, thì ta cũng phóng lửa ngay, lửa của giặc đến nơi, lửa của ta đã tắt, ta nên nhắm chỗ đất đen (chỗ đã đốt cháy) mà tránh, giặc dùng hỏa công cũng không làm gì được. Đây là điều cốt yếu lấy lửa chống lửa.

Điều thứ sáu. Xuất chiến phải xét địa hình, cho nên người đánh giỏi tất trước chiếm địa lợi, bày thành thế trận để đợi ra quân. *Binh pháp* nói “*Người giỏi đánh khiến người đến mà không bị người khiến đến*”, là nghĩa thế đấy. Nếu quân giặc mới đến, cờ trống chưa nghiêm, binh mã chưa chỉnh, thì chia quân mà đánh gấp. Cho nên *Binh pháp* nói “*Đánh như nước sông vỡ, đánh như sấm động vang*”, cũng là nghĩa ấy. Nếu như đằng trước có gò cao rừng núi, thì quân ta chiếm ngay lấy để làm địa lợi, nếu có giao chiến thì lấy đấy làm chỗ phục binh, nếu có cấp bách thì lấy đấy làm quân tiếp viện, để tiện yên ủi người ngựa của ta. Đây là yếu lược lấy nhàn đợi nhọc.

Điều thứ bảy. Nếu quân giặc trước chiếm được địa lợi, hoặc núi rừng gò đồng, hoặc đồng bằng nội rộng, mà quân ta mới đến, vội vàng chưa yên, chớ giao chiến ngay. Tức chia quân làm dương binh, nghi binh, là kế thay đổi nhau ra đánh, để chống quân giặc, đợi đến khi ngày gần tối, giặc mỗi một đói khát, quân muốn đánh mà tướng do dự, tướng muốn đánh mà quân dùng dằng, bấy giờ ta mới gấp sai du binh tiến thẳng lên chỗ kín bên núi mà phao tin là đánh trại giặc hoặc đi cướp lương giặc, thế thì tình giặc càng ngờ vực, lòng quân bối rối, thế trận rời rạc. Bấy giờ ta đem súng và tên lửa, nỏ khỏe, cung cứng mà đánh, đánh tả đánh hữu, đánh trước đánh sau, khiến cho quân giặc đầu đuôi không cứu được nhau. Đây là yếu lược lấy nhọc chế nhàn.

Điều thứ tám. Hai bên bày trận đánh nhau, quân giặc khỏe mạnh, một tiến một lui, làm kế thay đổi nhau ra vào để quấy quân ta, mà quân ta thì mỗi nhọc đói khát, không thể đánh được, thế thì ta chia quân ngay làm ba đội: Đội thứ nhất làm dương binh, một thuận một nghịch, vừa đánh vừa giữ, để chống quân giặc. Đội thứ hai làm nghi binh, nghiêm chỉnh cờ xí, chiêm trống đánh luôn, để hộ vệ quân trước. Đội thứ ba thì đặt nồi nấu cơm, bếp mỗi ngày một thêm và chứa lương cỏ để dùng gấp, ngày đêm cắt lượm. Thế là quân giặc cắt lượm nhau ta cũng cắt lượm nhau. Như thế thì dầu giặc đánh đêm đánh ngày quân ta cũng không mỏi mệt. Đây là yếu lược nhọc nhàn đáp đối.

Điều thứ chín. Trại giặc liên lạc dài rộng, mà binh ngựa có ít, thế là giặc hư trương thanh thế. Ta nên xuất kỳ bất ý mà đánh úp, hoặc đợi đến đêm mà cướp trại giặc; gấp sai quân giữ đường xung yếu để phòng nó đến chụp mình. Đây là yếu lược hư trương thanh thế.

Điều thứ mười. Hai trận tương đương, thế như nắm sừng nhau, thì ta dòm giặc mà đánh trước là được. Cho nên người giỏi đánh đánh vào lúc không ngờ, đánh vào chỗ không phòng, hoặc cắt lương của địch, hoặc chặn viện của nó, hoặc để nó đương sang sông mà đánh, hoặc đợi nó mệt mỏi tán loạn mà đánh, hoặc chặn nguồn lấy nước, hoặc chặn cả bốn ngã đường, đều do một lòng liệu định mà thôi. Cho nên Tôn tử nói “Người giỏi đánh động ở trên chín tầng trời, tránh chỗ thực đánh chỗ hư”, là nghĩa thế đấy.

Điều mười một. Quân ta mới thắng, thế giặc hơi suy, mà có tin gió thổi động cờ xí, thì đêm ấy nên phòng giặc cướp trại. Nên gấp sai du binh đi trước phục chặn đường giặc về, rồi sai tinh binh mai phục ở chỗ kín hai bên đường. Còn ở trong trại thì giả làm thế yếu, hoặc cờ xí rối loạn, hàng ngũ bừa bãi, giặc ắt cho là ta kiêu mà không phòng bị, cứ xông vào không ngờ gì. Bấy giờ ta phát hiệu lệnh một tiếng, quân phục đều nổi dậy, quân giặc tất bị trói hết. Đây là yếu lược lấy hư làm thực.

Điều thứ mười hai. Quân giặc đóng trại lâu ngày, chột một hôm bếp nấu thêm nhiều, tất là giặc sắp bỏ trại mà trốn, cho nên giả thêm bếp nấu để đánh lừa ta. Ta lập tức sai du binh mai phục chỗ đường hiểm yếu, đợi giặc qua mà đánh, thế nào cũng được. Đây là yếu lược lấy thực làm hư.

Điều mười ba. Quân gian biến trá nhiều mối, cần phải xem xét, phàm tế tác gian dối, làm cho lòng quân sinh biến, tất là trong có cơ mưu. Hoặc dùng văn

tự chế nhạo, hoặc lấy cây cỏ làm điềm tin, hoặc dùng ngôn ngữ mà thí dụ, hoặc dùng tiếng chim muông, các cơ mưu ấy là đáng sợ. Nên dùng một vài người tâm phúc, cho lén vào trong quân giặc giả làm bè đảng mà thám thính hư thực, thì biết cơ biến. Đây là yếu lược phòng gian xét biến.

Điều mười bốn. Chọn đất đóng dinh, cần phải cẩn thận, cho nên người trí tướng đóng đồn đóng dinh tất chọn địa lợi. Như trước có thủy đạo, vận tải lưu thông, bên tả có núi cao, bên hữu có đồng bằng, thì có thể đóng quân được. Nếu là chỗ sông hồ ngòi khe, bốn mặt quanh co, thì không nên đóng trại, sợ quân giặc cắt đứt đường đi thì tiến lui không thông. Cho nên người trí tướng hành binh, không hướng vào gò cao, không đón dòng nước, đằng trước có nước không tiến, đằng sau có khe không lui, hoặc bãi sông bên tả liền sang gò bên hữu, hoặc một bên gò núi một bên sông hồ, đất ấy đều nên kiêng kỵ. Đây là yếu lược chọn đất đóng dinh.

Điều mười lăm. Nếu lập trại, về mùa xuân hạ không nên đóng gần chỗ cây cỏ rậm rạp, sợ giặc tiến đánh hỏa công. Về mùa thu đông không nên đóng gần chỗ núi cao khe suối, sợ giặc thừa thế nắm nước mà chụp quân ta. Việc hành binh cũng nên cẩn thận. Đây là yếu lược cẩn thận thiên thời.

*

* *

PHÉP GIỮ THÀNH CHỐNG GIẶC¹.

Phàm binh là hung khí. Thánh nhân nói “Lâm sự thì lo nghĩ, hay mưu mới thành công”. Phàm lúc ngày thường, hiệu lệnh nghiêm minh, quân cơ tập thuộc, thì đến lúc lâm sự, không đến hoang mang luống cuống, mà lúc giữ thành không đến nổi hồng việc. Cho nên người trí tướng lập dinh đóng trại, trước hết phải nghiêm hiệu lệnh. Như trại nào có giặc đánh vào thì trại ấy trước nổi hiệu trống để các trại khác cũng nổi hiệu trống, làm thanh thế mà ứng xa; trại nào không có giặc thì chính bị binh mã để ứng cứu. Điều ấy đã thành lệ rồi. Trong lúc vội vàng, cơ nhanh như trở bàn tay, nếu không chuẩn bị thì một chốc một lát, dinh trại đã không phải của mình rồi. Cho nên dinh nào có giặc đến trước thì dùng ngay hỏa phong, hỏa pháo, hỏa tiễn mà chống. Nếu quân giặc đến sát dưới thành thì dùng móc sắt móc bay mà ném, cái gì cũng phải chuẩn bị trước. Nếu giặc đem rơm cỏ lấp hào thì ta đem tên lửa quả lửa mà bắn để đốt những rơm cỏ và khí giới bằng gỗ của giặc. Giặc bắc thang mây leo lên thành,

thì ta đem gỗ đá ném xuống, bắn xuống, đốt lò nấu chảy sắt mà rót xuống, hoặc lấy vôi bột giã nòng mà vung xuống. hoặc ống cát, thuốc độc mà vãi xuống. Nếu quân giặc như kiến leo thành, thì dùng dùi sắt răng sói mà đánh. Nếu giặc tay bám vào tường mà leo, thì dùng cái dùi liền mà đánh, hoặc lấy búa mà chặt tay giặc. Nếu giặc dùng xe húc mà phá thành thì ta dùng vòng sắt, vòng gỗ, dầu rái mà chống. Nếu giặc dùng thang bầu vào thành mà lên, thì ta dùng chày nặng mà chống. Nếu giặc dùng lừa gỗ mà đục thành thì ta dùng xa trục, dùi sắt, đuốc đuôi én mà phá. Nếu giặc bắn súng đạn thì ta căng màn vải mà chế. Nếu giặc dùng địa đạo mà đến đánh, thì ta dùng phép nghe dưới đất, đào giếng mà đón, dùng hỏa cầu, pháo tích lịch và bình khí tạt mà hại. Nếu giặc lên lầu cao mà xuống thành thì ta dùng hỏa thương hỏa tiễn mà đốt, hay là dùng ống thuốc độc mà tưới. Nếu giặc dùng hỏa công mà đốt thành thì ta dùng túi nước, ống đất mà ném xuống, và dùng chổi gai giấp bùn mà chế. Nếu giặc đốt cửa thành thì ta dùng cát ướt mà giập. Nếu giặc phá nữ tường đất thì ta dùng nữ tường gỗ mà chống. Nếu giặc đánh phá cửa thành thì ta dùng xe súng xe gươm mà chống. Các phương trên này, cái gì cũng rõ ràng đầy đủ, đây là phép của cổ nhân, một bên đánh một bên giữ. Nhưng thừa thế khác nhau, xưa nay khác lối cho nên người trí tướng lâm cơ ứng biến, mưu nhiệm là ở trong lòng, cũng không nên khư khư câu nệ. *Tôn tử nói “người giỏi giữ giấu ở dưới chín lần đất”, lời ấy thực là diệu vậy.*

1. Lược trích phần cuối cùng của chương “Thủ thành” sách **Võ kinh tổng yếu, Tiền tập, quyển 12.**

*

* *

YẾU LUẬN VỀ ĐỊA THỂ¹.

Phàm người làm tướng, trên thông thiên văn, dưới hiểu địa lý. Thiên văn là biết vận độ của nhật nguyệt tinh thần², biết then máy âm dương rét nóng để rõ manh mối họa phúc, điềm triệu lành dữ. Địa lý là biết sự biến di của chim muông cây cỏ, biết thế hiểm dễ của núi sông hang khe, để đặt phục ra kỳ, lập dinh đóng trại. Không như học giả đời sau học thiên văn chỉ câu chấp ngày giờ tốt xấu mà không biết biến thông, học địa lý chỉ câu nệ long hổ xà tước mà không biết hình thế.

Trước có người bạn hỏi tôi rằng: Địa lý là gì? Tôi đáp rằng: Địa thì có mười kiểu, bốn kiểu xấu, sáu kiểu tốt. Bốn kiểu xấu là thế nào? Một là đất thiên kháo, hai là đất tử phách, ba là đất tử trụ, bốn là đất tử ngục. Trong bốn đất ấy đều có trí tướng ở vào đấy cũng không làm thế nào được.

Bạn nói: Xin nghe hình thế những kiểu đất ấy.

Tôi đáp: Phàm bốn bề đồng bằng, giữa có thung lũng thì gọi là thiên kháo; nên kiêng cửa thung lũng mà đừng đóng dinh, sợ giặc đánh bốn mặt mà không có lối tiến lui. Còn chỗ bốn phương là nội rộng, trong có một núi một thung lũng thì gọi là song thiên kháo, đất ấy thì kiêng đầu núi, chớ đóng dinh, sợ giặc tự đằng sau qua núi mà ta mất chỗ hiểm, tiến lui đều khó, sẽ bị giặc bắt. Chỗ nào tha ma mộ địa thì gọi là đất tử phách, sĩ tốt ban đêm hay hoảng hốt, rồi sinh bệnh tật, đó là âm cảm sinh ra. Chỗ nào bốn bên bằng phẳng, giữa có gò cao hình như cái chậu úp thì gọi là đất tử trụ, chớ đóng dinh, một là sợ bốn phương sương gió, hai là sợ bốn mặt bị giặc. Chỗ nào bốn bề đều có gò núi, ở giữa bằng phẳng hình như cái chậu ngửa, thì gọi là đất tử ngục, chớ đóng dinh, sợ giặc dựa cao mà đánh xuống.

Sáu kiểu đất tốt là gì? Một là thông địa, hai là quai địa, ba là chi địa, bốn là ái địa, năm là hiểm địa, sáu là viễn địa. Chỗ nào bốn phương đều có đường sá đi lại được thì gọi là thông địa. Đất này có thể dựa vào mà đóng trại, sau có đường lương, mà tiện đường viện binh. Các ngã đường tắt thì cần phải quan phòng, đừng cho giặc ngầm đến. Chỗ nào quân dễ đi mà khó lại thì gọi là quai địa. Đất này thì sai người thám thính quân giặc, nhân lúc giặc không phòng bị mà ta đánh úp thì có thể phản khách làm chủ, giặc tiến lui đều khó mà sẽ bị bắt. Chỗ nào hai bên xuất chiến đều bị bất lợi thì gọi là chi địa. Nếu có giặc trước đến khiêu chiến là giặc như ta, ta không nên đánh, ta nên lấy nhàn mà đợi nhọc, đợi quân giặc đến gần trại ta, ta đem quân sinh lực ra đánh, thì tất là thắng. Đóng quân cửa thung lũng mà hai bên đều có núi cao thì gọi là ái địa. Gặp chỗ này lập tức chia quân kết trận mà giữ cửa thung lũng để đợi quân giặc xung đột. Nếu giặc trước chiếm đất ấy, thì ta nên kết trận ở ngoài cửa thung lũng, hai bên tả hữu đều đặt quân phục, đợi giặc ra cửa thì ta đón mà đánh, hẳn là phải thắng. Còn như ở chỗ cao mà đánh xuống thấp, giữ chỗ dễ đánh chỗ nguy, thì gọi là hiểm địa. Gặp đất này thì nên chiếm trước làm lợi. Nếu giặc chiếm được trước thì ta lui đi, đợi cơ giặc, không nên giao chiến. Nếu hai quân

cách nhau rất xa, thì gọi là viễn địa. Nếu quân giặc khiêu chiến thì tất có quân phục, ta nên cẩn thận.

Hình thế mười kiểu đất ấy là đại lược của binh gia, còn như những điều nhỏ nhặt thì không thể nói hết. Ví như chỗ gần núi cao cũng không nên đóng, là sợ trong núi có quân phục; nếu là bên cây rừng rậm rạp cũng không nên đóng, là sợ bốn phương có quân phục. Còn như đường trước núi non khuất khúc thì không nên khinh tiến; đường sau núi non chắn ngang, thì không nên tiến gấp, đặt phục mà giữ, phòng quân giặc chặn sau lưng ta. Và như trước mặt hai bên đều có núi ngăn trở, nếu quân ta đóng ở đất ấy thì gấp sai du binh dò thăm đường khe bốn phía, cùng các đường tắt, đặt phục mà giữ, để phòng giặc ngầm đến đánh ta, như thế mới là thượng sách. Cho nên đạo làm tướng tất lấy địa lý làm đầu.

Bạn ta nói: Mâu nhiệm thay! Ta phải viết lấy. Vậy có thơ rằng:

Thắng vân trí tướng thiện hành binh.

Thập pháp chi trung vật tự khinh.

Khoáng dã bình nguyên nghi kết trận;

Y sơn bàng thủy khả an dinh.

Dương su tu tảo phòng hung địa;

Chấn lữ vưu đương chiếm địa hình.

Viễn cận hiểm di tâm tận quát;

Phong trần nhất tảo trừ phương danh.

(Nay xem trí tướng khéo hành binh; Mười phép trên này chớ tự khinh. Nội rộng đồng bằng nên kết trận; Dựa non bên nước khá bày dinh. Đóng quân trước hết phòng hung địa; Cắm trại càng nên chiếm địa hình. Hiểm dễ xa gần lòng thấu suốt; Phong trần quét sạch để phương danh).

1. So sánh với các chương “Cửu địa” và “Lục hình” của sách **Võ kinh tổng yếu, Tiên tập, quyển 9.**

2. Nhật nguyệt tinh thần: Mặt trời mặt trăng và các vì sao.

BINH THƯ' YẾU LƯỢC

Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn

- THIÊN-TƯỢNG
- GIẢN-MÔ
- TUYỂN TƯỚNG
- MỆNH TƯỚNG
- TƯỚNG-ĐẠO
- GIẢN-LUYỆN
- QUÂN-LỄ
- THƯỜNG PHẠT
- MẠC-HẠ
- BINH-CỤ
- HIỆU-LỆNH

Lời nói đầu.

Việc binh là việc sống chết của nhân-dân, là việc còn mất của quốc-gia nên bất cứ triều-đình nào, chánh-phủ nào, cũng đều phải lưu tâm đến binh-học. Bởi lẽ ấy, các võ-quan thời xưa đều phải thi võ-thuật và chịu khảo-hạch về binh-thư.

Nhưng các binh-thư lại có rất nhiều thứ. Phần Nghệ-văn-Chí trong Hán- thư có chép rằng : Nhiệm-hoành chia các binh-thư ra làm 4 loại :

- 1.Binh *Quyền Mưu*,
- 2.Binh *Hình-thế*.
- 3.Binh *Âm Dương*
- 4.Binh *Kỹ-xảo*.

Nếu điếm qua các binh-thư trứ danh của Trung-quốc trong các đời thì về đời Tam-hoàng có các sách:

Huỳnh Đế Binh Pháp

Ốc-Kỳ-Kinh của Phong-Hậu

Trong đời Chu được soạn các sách:

Thái-Công Binh-pháp của Lã-Vọng
Lục-Thao của Triều-đình Chu
Chu-Công Tư-Mã-Pháp
Tư-Mã Binh-pháp của Điền-Nhương-Tư (nước Tề)
Tôn-Tử Binh-pháp của triều-đình Ngô
Ngô-Tử Binh-pháp của triều-đình Ngụy
Uất-Liễu-Tử Binh-pháp của Uất-liễu (học trò của Quỷ Cốc Tử)

Trong đời Hán có:

Tổ-thư của Huỳnh-thạch-công

Tâm-thư của Khổng-minh

Vào đời Đường có:

Thái-Bạch Âm-Kinh của Lý Thuyên

Lý-Vệ-Công Vấn-Đối của triều-đình Đường,...

Nếu chỉ xét riêng các binh-thư còn thấy được ngày nay cũng có tới 53 nhà:

-13 nhà về *Quyền Mưu*

-11 nhà về *Hình Thế*

-16 nhà về *Âm-duơng*

-13 nhà về *Kỹ Xảo*

Xem trên thì đủ hiểu rằng binh-học sâu rộng như rừng, như biển, làm sao các võ-quan có thể đọc hết các binh-thư được.

Bởi thế, các đời sau có soạn những bộ binh thư tổng-hợp thường được gọi là Võ Kinh.

Trong đời Tống có các bộ:

Võ Kinh Tổng-Yếu (40 quyển) của nhóm Tăng-Công-Lượng

Hồ Kiểm-Kinh (20 quyển) của Hứa Động

Bị-Luận (1 quyển) của Hà-Khứ-Phi

Mỹ-Cần-Thập-Luận (1 quyển) của Tân-Khí-Tật

Võ-Kinh Thất-Thư gồm có 7 sách tuyển-định là:

1.Thái-Công Binh-pháp

2.Lục-Thao

3.Tư-Mã pháp

4.Tôn-Tử

5.Ngô-Tử

6.Uất-Liêu-Tử

7.Lý-Vệ-Công Vãn-Đối

Trong đời Minh có các bộ :

Võ-Kinh Khai-Tông (14 quyển) của Huỳnh-Hiến-Thần

Võ-Kinh Tá-Nghị (7 quyển) ;

Võ Biên (12 quyển) của Đường-Thuận-Chí

Võ-Bị Chí (240 quyển) của Mao-Nguyên-Nghi

Võ-Bị Tâm-Lược (7 quyển) của Thi-Vĩnh-Đồ, vân vân.

Các binh thư soạn ra thực là nhiều, không kể xiết! Nhưng từ đời Minh trở về sau binh-học của Trung quốc có vẻ suy-đồi nên các binh-thư soạn ra về sau ít được người đời nhắc nhở.

Trong dĩ-vãng, nước Việt-nam đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh. Các triều đại lớn như Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn đều được xây-dựng và giữ-gìn bằng chiến-công nên không thể xao-lãng nghề võ. Vì chịu ảnh hưởng của văn-minh Trung-quốc, các võ tướng Việt Nam ắt phải đọc những binh thư của Trung-quốc điều ấy cũng hợp lẽ, vì các binh-thư ấy rất có giá-trị, không phải riêng đối với Á-Đông, mà còn đối với thế giới nữa. Thử hỏi các binh-gia Âu-tây ngày nay, ai mà không biết uy-danh của SUN TZE tức là Tôn-Tử?

Ngoài ra, các triều-đình Việt Nam cũng có san-định võ-kinh riêng để cho các tướng sĩ học tập. Nếu chỉ kể những bộ nổi tiếng nhất thì đời Trần có bộ Vạn-Kiếp Tông Bí-Truyền và bộ Binh-Thư Yếu-Lược của Hưng-Đạo Vương Trần-Quốc-Tuấn, đời Nguyễn có bộ Hồ-Trưởng Xu-cơ của Lộc-Khê Hầu Đào-Duy-Từ.

Vạn-Kiếp Tông Bí-Truyền là một binh-thư rất quý, thuộc loại âm-dương học, không thể phổ-thông ra ngoài dân chúng, vậy ta không thể bàn-luận điều gì. Nhân-Huệ-Vương Trần-khánh-Dư đề tựa sách ấy, viết như sau:

“Phàm dùng binh giỏi thì không cần bày trận, bày trận giỏi thì không cần đánh, đánh giỏi thì không thua, khéo thua thì không mất.

“...Ngài Quốc công của chúng ta (tức là Vương Hưng-Đạo) xem họa đồ của các nhà mà soạn thành một bộ sách, tuy chỉ chọn lấy các chỗ tinh-vi nhưng sao lục đầy-đủ các chỗ cốt-yếu, loại bỏ các chỗ vụn vặt, rút lấy các chỗ thực-dụng, đều lấy năm hành tương ứng chín cung thay nhau, phối-hợp cứng mềm, xoay-chuyển tuần-hoàn, lạ-lùng bất ngờ, về thần-sát thất-diêu {trời, trăng và 5

sao kim, mộc, thủy, hỏa, thổ), hưng-thần ác-tướng, tam cát ngũ-hung đều chỉ bày rõ ràng...”

“Sách ấy dùng đã ba đời trăm đánh trăm thắng, cho nên đương thời có thể làm rúng-động quân Hung-nô (Mông-cổ) ở phía bắc, làm cho nước Lâm-Áp ở phía tây phải khiếp uy, nên sách này được biên-chép làm của gia-truyền không được phép tiết lộ ra ngoài.

“Có lời di-chức (của Vương Hưng-Đạo) dặn rằng : Về sau con cháu, bồi-thần học được bí thuật này phải thi hành cho sáng suốt không được bày trận ám-muội hồ đồ.

“Lại có di-văn (của Vương) dạy rằng : nếu không tuân lời dạy..thì sẽ chiêu vờ tai-ương hoạn-nạn cho tới con cháu, đó là bởi tiết lộ thiên-cơ vậy”

Xem lời dặn của Vương, ta đủ hiểu rằng Vạn-Kiếp Tông Bí-Truyền là sách thuộc loại âm-dương-học chỉ dành riêng cho các bậc quân-su để cha truyền con nối mà giữ nước. Thêm nữa, danh-từ Vạn-Kiếp Tông tỏ rõ ý-chí của Vương muốn lập một tông-phái võ học tại Vạn-kiếp và Vạn-Kiếp Tông Bí-Truyền chính là binh-phả biệt-truyền của môn-phái.

Trái với bộ sách bí truyền nói trên, bộ Binh-thư Yếu-Lược là một võ-kinh thông thường có thể phổ-biến trong giới tướng-sĩ. Trong bài hịch răn dạy các tỳ-tướng, Vương há chẳng nói “Các người nếu chuyên tập sách này, nghe lời dạy bảo của ta, ắt đó là duyên thầy-trò kiếp xưa; còn nếu khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo của ta, ắt đó là mối cừu-thù kiếp trước!” hay sao?

Tại sao các bộ Võ-kinh của triều Tống rất được thông-dụng mà Vương lại còn soạn ra bộ Binh-Thư Yếu-Lược?

Hoặc Vương thấy các võ-kinh của Trung-quốc không được đầy đủ nên Vương muốn thêm vào những kinh-nghiệm của mình chẳng?

Hoặc Vương muốn người Việt phải có óc tự-lập, tự chủ nên Vương tự soạn ra một bộ binh-thư riêng biệt cho giới võ tướng Việt-nam chẳng?

Dẫu sao, bộ Binh-Thư Yế-Lược đánh dấu một giai-đoạn mới cho nền binh-học Việt-nam bắt đầu muốn giữ một bản-sắc độc lập

Một điều đáng để ý là bốn Binh-thư Yếu-lược còn lại ngày nay có chứa nhiều sự-kIỆN lịch-sử liên-quan đến hai triều Lê, Nguyễn: điều ấy chứng tỏ rằng triều Nguyễn cũng dùng sách ấy và đã thêm vào nhiều đoạn mới. Vậy ta có thể kết-luận rằng :

• Binh-thư Yếu-Lược

là bộ võ-kinh đầu tiên của Việt Nam
được thông-dụng trong
các triều Trần, Lê, Nguyễn.

Về sau, xu-hướng tự-lập, tự-cường của nền binh-học Việt Nam càng được nhận thấy rõ ràng trong cuốn Hồ-Trưởng Xu-Cơ mà Lộc-Khê Hầu Đào-Duy-Từ" đã tự soạn ra cho triều Nguyễn khác hẳn các binh-thư xưa, sách này được chia ra 3 phần theo thuyết tam-tài : Thiên-tập, Địa-tập và Nhân-tập.

Sau đây xin trích dẫn một đoạn trong bài tựa của Hầu Tước Lộc-Khê ở đầu cuốn Hồ Trưởng Xu-cơ:

“Người xưa có nói rằng :

- Nếu dùng chiến tranh để ngăn ngừa chiến tranh đầu phải đánh nhau, việc ấy cũng nên làm.

- Nếu giết người để yên người, đầu phải giết người, việc ấy cũng nên làm.

“Nhưng trong việc chinh-chiến có rất nhiều phép tắc, sát phạt có nhiều phương-sách chứng giống nhau. Có trí thì dùng trí, không trí thì dùng sức.

“Việc đánh phá các chỗ vững bền, cầm bắt tinh-binh của địch, cỡi ngựa múa roi, bỏ công-lao ra sống vào chết, nuôi chí thịt nát xương tan, đó chẳng qua là làm kẻ võ dũng, đâu có thể địch lại muôn người? Đó gọi là không dùng trí thì dùng sức vậy!

“Nay tôi thà đấu trí hơn là đấu sức, do đó ngẩng mặt tuân theo diệu ý của thánh hiền đời trước, cúi xuống nhờ cậy vào tài năng khéo-léo của các bạn lành, kiếm hết các kinh sách lạ-lùng trong thiên-hạ, tìm xem các phép-tắc khác thường xưa nay, rửa nghiên thấm bút, cúi chép một sách đặt nhan đề là Hồ-Trưởng Xu-Cơ Trong sách ấy, bất cứ là hoả-công, thủy-chiến, trận rắn, trận chim, chiến lược, mưu-kế, các việc cơ-mật của binh-gia không chỗ nào mà không hoàn bị. Nếu tướng sù có cơ trí học được sách ấy thì có thể lập được công danh đứng trên muôn người đem lại thái bình trong mới hồi trống ! Vậy nên trân-trọng giữ-gìn sách ấy mà chớ truyền thụ cho người ngoài vận-dụng.”

Lý-do chính đã thúc giục Hầu-tước Lộc-Khê soạn ra bộ Hồ-Trưởng Xu-Cơ là các binh-thư của Trung-quốc quá rườm-rà và khó hiểu. Ta hãy xem một đoạn trích-dẫn từ bài tựa của ông Cao-Khuê Chiêu-Dương trong bốn chép tay vào đời Đồng-Khánh.

“Nếu có ai hỏi tôi rằng : Phạm việc còn mất của xã-tắc, việc mừng lo của nước của Vua đều tùy-thuộc vào một người tướng-súy. Cho nên làm tướng mà học binh-pháp thì cốt phải tinh-thông chớ chẳng cần học nhiều, cần phải mạnh-dạn mà phải gom kiêm mưu-trí nhờ đó mà khi ra khỏi cửa thành, tướng-súy có thể nắm vững then chốt phép cầm binh, là nơi treo giữ số-mệnh của ba quân. Nếu nghề võ chẳng được tinh-thông mà tướng-súy lại thiếu mưu-trí thì trong khoảnh-khắc lật ngược bàn tay, giang-son phải chịu đối dòi, như thế chẳng đáng cần-thận hay sao?

“Và lại các sách đã soạn ra không phải là không hay nhưng lời-lẽ quá rườm rà, rắc rối, nhiều chỗ tinh thô chẳng giống nhau, khiến cho độc-giả như ngồi đáy giếng nhìn lên trời cao, thả một con thuyền lênh-đênh trên biển cả, mờ-mịt không biết nguồn cội ra sao, mênh-mông chẳng dò ra manh-mối, đành phải chịu như thế vậy !

“Cho đến triều ta, có ngài Lộc-khê có chí-khí ngang-nhiên khác thường cứ xem ngài phò-tá Vua Thánh-tổ nhà ta. Để danh tiếng nghĩa-đũng lại ngàn năm mang lại thái-bình trong một ngày như thế trong thâm tâm của ngài thực có chứa muôn ngàn giáp-binh vậy. Đến khi ngài trả ấn về hưu, vui cạnh núi vườn, cứ xem cái xu-hương ấy cũng đã biết rằng ngài đứng ngang hàng với các bậc Y Doãn, Lữ-Vọng, Tử phòng, Khổng-minh vậy.

“Đến khi năm trời sắp hết lại sợ tâm-thuật của ngài không được truyền lại. tài-trí thần-diệu phải bị chôn vùi nhưng may-mắn có ông Triệu-Điền lanh-lợi hơn người được ngài đích-thân truyền dạy, rồi tới hai vị Bửu-Thúc, Cao-Lượng khám-phá các điều sở-học của ngài Lộc-Khê và của ông Triệu-Điền mà người đời chưa từng biết, đem ra truyền dạy cho nhau, thực là của báu của trời đất, há dễ ai mà thâm lượm hết được.

“Lại gặp bạn tôi là Hà-Hồ cũng ham-thích môn học bí truyền, nên chẳng tiếc công-lao, rửa nghiên thấm bút, chép ra một pho chia thành ba cuộn gọi là Hồ-Trưởng Xu-Cơ, trong đó tỏ bày tất cả then máy huyền-bí của trời-đất, gom hết tinh-hoa của vũ-trụ, nên tôi không thể nén lòng phấn-khởi, vui~mừng mà cũng viết thêm ít lời như trên đây”.

Ta xem trên thì đủ hiểu rằng, sau Binh-Thư Yếu-Lược, bộ Hồ-Trưởng Xu-Cơ là Võ Kinh mới nhất của Việt-nam vậy.

Như thế đã từ lâu, tổ-tiên của chúng ta muốn sáng-tạo một nền binh-học độc-lập. Óc tự-lập, tự-cường ấy không phải là không chinh-đáng. Đọc lịch-sử, ta thấy rằng ngoài việc bình Chiêm, sáp-nhập Chân-lạp, đánh Xiêm, Lào để mở rộng bờ cõi, nước Việt-Nam nhỏ bé đã lập nhiều chiến-công hiển-hách để giữ-gìn non sông:

Đời Ngô phá Hán

Đời Lý đánh Tống

Đời Trần bình Nguyên

Đời Lê đuổi Minh

Đời Tây-sơn phá Thanh

Và trong khoảng 20 năm gần đây quân Việt mặc dầu ở phe-phái nào cũng đều chứng tỏ khả năng chiến-đấu khác thường khiến cho hoàn-cầu phải mỗi ngày chú ý đến chiến-cuộc ở Việt Nam.

Nếu những chiến-công kể trên chỉ là những thắng-lợi lẻ tẻ và tạm thời, do sự may-mắn đem lại thì ta không nên vội tự khen. Thực ra, những chiến thắng ấy chỉ là những đoá hoa tô-điểm cho những chiến-cuộc có thể kéo dài hàng chục năm trời.

Chính những chiến cuộc lâu dài này mới chứng tỏ sức chiến-đấu dẻo dai và sức sống mãnh liệt của người dân Việt.

Không cần phân-biệt kết-cuộc thành hay bại, ta hãy xét các sự kiện sau đây:

- Hai Bà Trưng-Trắc, Trưng-Nhị đánh quân Hán, hạ được 65 thành-trị, tự lập làm Vua, đánh nhau với danh-tướng Mã-Viễn gần 3 năm mới chịu tử-tiết.

- Bà Triệu-Thị-Chinh cầm đầu 1.000 thủ-hạ đánh nhau với quân Hán trong 3 năm mới chịu tử-tiết.

- Lý-Nam-Đế rồi tiếp theo là Triệu Việt Vương đánh nhau với quân nhà Lương trong 50 năm mới chịu thua.

- Dương-Diên-Nghệ rồi tiếp theo là Ngô-Quyền phải đánh nhau với quân Nam-Hán trong 7 năm mới giành độc-lập

- Lý-Thường-Kiệt đánh nhau với quân Tống gần 2 năm.

- Trần-Hưng-Đạo phải đánh nhau trong 5 năm với hai đạo quân Mông-cổ mới đuổi chúng về nước.

- Lê-Thái-Tổ phải đánh nhau gần 10 năm với quân Minh mới khôi phục giag-sơn.

- Nội-chiến Lê-Mạc 60 năm
- Nội-chiến Trịnh-Nguyễn : 45 năm
- Tây-sơn đuổi Nguyễn, Trịnh : 17 năm
- Nguyễn đuổi Tây-Sơn : 24 năm
- Chiến-cuộc Việt-Pháp-Mỹ : gần 20 năm.

Xem thế, ta thấy rằng hình như Trời bắt-buộc nước Việt phải trải qua nhiều cuộc chiến-tranh lâu-dài để khiến cho dân Việt có *một truyền thống chiến-tranh trong huyết-quản*. Do đó, dân Việt có *một định mệnh khác thường* : *Người Việt phải là một nông dân và là một chiến sĩ*.

Sau bao cuộc chiến tranh tàn-phá, dân Việt lại sinh-sôi nảy-nở, bành-trướng thêm, lại càng làm cho thế-giới biết rõ mình hơn và sắp bước vào giai-đoạn xây-dựng một nền văn-minh lành-mạnh truyền-bá khắp thế giới.

Với một định-mệnh khác thường như thế, dân Việt phải rút sức mạnh tự mình, do đó phải có một nền võ-học tự-cường và một nền văn học tự chủ.

Ngày nay trong lúc nhân-dân đang tranh-đấu để giang-sơn được độc-lập và thống-nhất, việc binh-học tỏ ra cần-thiết hơn bao giờ hết. Vậy đã đến lúc nên nghĩ tới việc san-định một võ-kinh hợp-thời cho quân-lực Việt-nam, thu tóm mọi kiến-thức xưa nay. Để dọn đường cho các nhà binh-học tương-lai, tôi nghĩ rằng việc tham-khảo các binh-thư thời trước chưa hẳn là hoàn-toàn lỗi-thời và vô-ích.

Tôi vốn là người tân học nhưng đứng trước sách cũ của tổ tiên, chẳng dám chê-bai và khinh thường bởi nghĩ rằng : Dầu hay dầu dở, đây là di-thư của tổ tiên. Nhờ đó tổ-tiên của chúng ta đã dựng nước và giữ nước, và nhờ đó mới có chúng ta ngày nay.

Chúng ta nên trân trọng giữ nó như của báu quốc truyền vậy.

---oOo---

Đối với tôi việc phiên dịch sách Binh Thư Yếu Lược này của Vương Hưng-đạo chẳng những làm sống lại một thời dĩ-vãng xa-xăm, bấy giờ nhân-dân Việt-nam bị lôi-cuốn vào một cuộc tử chiến với quân Mông-cổ, mà còn nhắc lại cho chúng ta nhớ lại một đường lối tu-tập đã bị bỏ quên từ lâu: đó là Thánh đạo.

Bởi thế ở đầu sách tôi có viết bài tiểu sử và đức độ của Vương đề cụ-thể-hóa nền thánh-đạo của nho-học Á-đông . Về bài này, tôi không có may-mắn tham-

khảo được nhiều sách mà chỉ đọc qua-loa vài đoạn trong ba bộ sách là bộ Đại-Việt Sử-Ký của Ngô-Sĩ-Liên, bộ Khâm Định Việt-Sử Thông Giám Cương Mục và bộ Lịch-Triều Hiến-Chương Loại-Chí (phần Nhân-Vật Chí) của Phan-Huy-Chú Nhưng về truyện của Vương, hai bộ sau không chép chi-tiết nào khác bộ trước, thành-thử rất cuộc tôi chỉ sử-dụng bộ thứ nhất mà thôi. Tôi thành-thực nhận rằng đó là một khuyết-điểm lớn và xin để dành việc thâm cứu cho các sử gia.

Để làm bài tựa cho bộ sách này, tôi có chép nguyên-văn bài hịch của Vương và đưa ra một bản dịch tuy không hay bằng các bản dịch văn-hoa đã biết nhưng sát nghĩa hơn để quý vị độc giả xem đối-chiếu với Hán-văn. Bộ sách dịch này sẽ không hoàn thành được nếu không có sự trợ-lực của cựu Thiếu-tướng Mã Nguyên-Lương ở Long Hoa đã kiểm-điểm giùm bốn Hán-văn, và Dật-Sĩ Nguyễn-Phước-Hải ở Long-Khánh nhuận-đính giùm bản dịch. Vậy tôi xin ghi nơi đây lời cảm-tạ đối với hai tiên-sinh, vừa là thầy hay vừa là bạn quý.

Tôi vốn là người tân-học không thuộc sử kinh, lại không thông binh lược, nên việc phiên-dịch không thể tránh khỏi có nhiều sai-lầm. Vậy tôi xin nhận lỗi trước và thành-thực mong quý vị độc giả bố-thí lời chỉ-giáo.

*Ấp Tây Nhi, Xã Phú Nhuận,
Quận Tân Bình, Tỉnh Gia Định,
Mười Sáu Tháng Giêng Kỷ Dậu.
LÊ XUÂN MAI
kính đề*

TƯỢNG TRỜI

1. PHÉP BÍ-MẬT XEM SẮC TRỜI VÀ SẮC MÂY TRONG TIẾT NGUYÊN ĐÁN

Tiết Nguyên-đán, đúng tháng giêng, ngày mồng một, giờ tý lên lầu bí mật xem bốn phương.

Nếu thấy khi mây màu vàng thì năm ấy thóc lúa trúng mùa lớn.

Nếu thấy khí mây màu trắng thì có việc binh-biến xảy ra, nếu chỉ có một vầng mây hiện ra một mình ở hướng nào thì ở hướng ấy có nạn đao-binh.

Nếu thìn bốn phương không thấy mây mà chỉ thấy hai màu đỏ trắng liền nhau, thì màu đỏ tượng trưng cho máu, màu trắng tượng-trưng cho chất kim (gươm, đao) hai màu ấy hiện ra ở hướng nào thì ở hướng ấy sẽ dấy loạn.

Màu xanh là điềm có nạn gió bão, màu đen là điềm có nạn mưa lụt ; nước nào có điềm ấy thì phải phòng-bị

2. PHÉP XEM KHÍ HẬU BỐN MÙA :

NGÀY LẬP-XUÂN : Vào giờ dần, giờ Mão, nếu ở hướng đông có mây trắng hiện ra như là trời thòng binh-khí xuống, xứ nào có điềm ấy thì sẽ sinh loạn lớn.

Nếu mây có hình-dạng như thanh kiếm treo ngược, đầu trên bằng, đầu dưới nhọn, thì xứ ấy sẽ chết hết, đó là điềm xấu. Mây ấy ở cao thì nạn còn chậm, mây ấy ở thấp thì nạn chết mau đến. Trong mọi trường-hợp đều phải lấy trăm phép toán thêm vào để biết chính-xác hơn.

NGÀY LẬP-HẠ : Vào giờ tý, giờ ngọ, nếu thấy ở hướng nam có mây đỏ như là binh trời bày việc chiến-tranh, hoặc giống như chia dáo, có hình dạng như khăn tay màu hồng thì ở hướng ấy có việc đao-binh xảy ra trong năm ấy, không đợi tới năm sau.

NGÀY LẬP THU : Vào giờ thân, giờ Dậu, nếu thấy ở hướng tây có mây trắng mọc thẳng ngay lên, nếu ở tiết lập-thu thì trong năm ấy về hướng tây có binh dấy loạn.

Nếu vào giờ ngọ mà có mây trắng chắn ngang giữa trời như là tiến binh lập trận thì sẽ có binh dấy loạn.

NGÀY LẬP ĐÔNG : Vào giờ tý, giờ Sửu, nếu ở hướng bắc có mây trắng hình dạng như chim thì ở dưới hướng ấy trong năm tới, vào tháng tư sẽ có việc đao-binh.

Nếu mây trắng có hình-dạng giống như Hồ-binh bày trận tiến binh thì năm tới vào tháng bảy xứ ấy sẽ nổi loạn. Hễ nghe có loạn thì phải chuẩn-bị gấp rút việc binh-mã

3. PHÉP XEM MÂY BAY ĐỂ ĐOÁN THỜI TRỜI.

Mây là khí núi nhân vì gặp đá mà bốc lên, nên gọi là mây. Sách *Cấm-thư nói rằng* : Ngày Nguyên-đán vào giờ tốt bậc chủ-tướng nên đi lên lầu xem-xét.

Bốn phương trong sáng mà chỉ có một đám mây xanh hiện ra giữa. trời thì thiên-hạ sẽ đói kém mất mùa.

Nếu là mây trắng, sẽ có quốc-tang.

Nếu là mây đỏ sẽ có đổ máu, thiên-hạ đều dậy binh, các giồng mọi rợ ở hướng đông và ở hướng bắc sẽ xâm-phạm biên-giới.

Nếu là mây đen, sẽ có mưa lụt.

Nếu là mây vàng đó là điềm lành.

Nếu ở bốn phương trời có gió bụi màu đỏ bay đầy núi sông thì sẽ có mưa.

4. PHÉP NGHE SẤM SÉT ĐỂ ĐOÁN THỜI TRỜI.

Sấm là trống của trời, nổ ra thì làm cho người ta sợ-hãi tới muôn dặm.

Nếu tiếng sấm phát ra hòa nhã khác thường thì trong năm ấy ở hướng có tiếng sấm sẽ được an-ôn.

Nếu sấm dội kinh-khủng thì bên chủ nên chuẩn-bị việc binh vì sẽ có giặc gây loạn lớn.

Nếu sấm động ở hướng chấn (đông), sẽ thấy cây-cối tốt-tươi, năm lành, nhiều sương.

Nếu sấm động ở hướng ly (nam), sẽ có đại-hạn (nắng lâu không mưa).

Nếu sấm động ở hướng khôn (tây-nam), sẽ có tai-nạn lớn.

Nếu sấm động ở hướng đoài (tây), sấm sẽ trở nên quý-báu, nạn đao binh sẽ xảy ra.

Nếu sấm động ở hướng càn (tây-bắc), đó là điềm xấu.

Nếu sấm động ở hướng cần (đông-bắc), sẽ có nhiều bệnh và nạn đao-binh.

Nếu sấm động ở hướng khảm (bắc), năm ấy sẽ mưa nhiều.

Tại nơi đang hành-binh, nếu quân đang sợ-hãi thì lúc nghe sấm sẽ thua lớn; nếu nghe sấm trước rồi mới sợ hãi sau, quân sẽ bị chấn-động và kiếm chỗ ẩn-núp.

5. PHÉP NGHE SẤM NGÀY NGUYÊN ĐÁN:

Tiếng sấm hòa-nhã thì thiên hạ an-ôn và được mùa.

Nếu ánh chớp chói mắt, sấm nổ điếc tai thì thiên-hạ sẽ rối-loạn, nên lo gấp việc binh-bị, thấy điều ấy chẳng khá khinh-thường.

Sấm-sét là do âm-dương biến-chuyển và cảm-ứng nhau mà sinh ra.

Tướng đang hành binh, nếu sấm nổ đằng sau lưng thì binh sẽ gặp nhiều điều tốt lợi ; nếu sấm nổ ở trước mặt thì binh sẽ gặp điều xấu lắm.

Nếu sấm nổ trước rồi mới thấy sét đánh thì tiểu nhân thịnh mà quân-tử suy ; nếu thấy sét đánh trước rồi mới nghe sấm thì quân tử thịnh mà tiểu-nhơn suy.

Sấm thuộc âm, sét thuộc dương.

Tháng giữa xuân (tháng hai) sấm bèn phát, tháng giữa thu (tháng tám) sấm bèn ầm, nếu nghịch thời sẽ có việc đao binh nổi lên.

6. PHÉP XEM HƯỚNG GIÓ THỐI LÊN TRỜI HAY XUỐNG ĐẤT

Gió từ hướng khảm (bắc) – thổi lại gọi là hắc-tuyền-phong (gió suối đen) : năm ấy không có nạn đao-binh, nhân dân bị bệnh-tật và giữa năm chết về bệnh ôn dịch.

Gió từ hướng căn (đông-bắc) thổi lại gọi là huỳnh-tuyền-phong (gió suối vàng) : năm ấy không có việc binh, cọp beo xuống đồng nội làm tổn hại nhân dân.

Gió từ hướng chấn (đông) thổi lại gọi là vọng-nữ-phong (gió gái trong chông) : năm ấy không có việc binh, sinh-mạng của nhân dân bị nguy-khốn.

Gió từ hướng đoài (tây) thổi lại gọi là kim-liên-phong (gió sen vàng) : năm ấy không có việc binh, gái phạm vào tâm tư của trai, dân chúng bị chết về bệnh ngặt.

Gió từ hướng ly (nam) thổi lại gọi là hỏa-huyết-phong (gió máu lửa) : năm ấy nắng lâu không mưa, có nạn đao-binh.

Gió từ hướng khôn (tây-nam) thổi lại gọi là thai-bệnh-phong (gió bệnh thai nghén) : năm ấy không có việc binh, đàn-bà nhiều người chết vì sinh-đẻ.

Gió từ hướng càn (tây bắc) thổi lại gọi là tang-phục-phong (gió tang-phục) : năm ấy người người chết gập, có dân nổi loạn.

Nếu hành-quân tới trận, gặp năm tuổi của tướng-súy, gió từ hướng sao Thái-tử thổi lại gọi là đại sát phong (gió giết nhiều) thì tai-họa đang đến gập.

7. PHÉP BÍ MẬT DẠY CÁCH XEM GIÓ TÁM HƯỚNG

* Thứ nhất: **Gió dữ sắc đỏ** : Nếu trong nước có hiền thần bị tù-tội, thì người ấy thành-linh thấy sắc đỏ hiện lên khắp mặt.

Bông dựng trời đất biến ra hồng

Hiền-sĩ bất ngờ vương ngực gông

Kỳ-hạn không ngoài trăm ngày tới

Nước chia hai xứ quyết tranh hùng

* Thứ hai: **Gió bắc sắc vàng** : nhìn không thấy người, ắt có trung-thần bị tội chết : gió từ hướng bắc thành-linh thổi tới làm cát bụi sắc vàng tung bay là đó vậy :

Bỗng dưng trời đất biến ra vàng,
Tất có trung thần phải chết oan,
Hạn tới không ngoài ba tuần nhật,
Bốn phương yêu quái khởi làm càn.

* Thứ ba: **Gió sắc đen** : Hoặc ban đêm hoặc ban ngày, trời quang tạnh mà mặt trời, mặt trăng và các sao vẫn không sáng, gió ấy bỗng thổi đến làm cho trời đất u ám ; trong vòng 300 ngày (10 tháng) sẽ có mọi-rợ miền nam và miền đông xâm-lấn biên giới.

Gió đen bỗng thổi giữa trời quang
Trời đất sao trăng phải tối-tăm
Trăm ngày chưa tới là kỳ-hạn
Man ai ắt khởi cuộc xâm lăng !

* Thứ tư: **Gió giết giặc** : (sát tặc phong) : Hoặc tại bản-dinh hoặc ở giữa trận, gió làm cho nhành reo, cây gãy, chốc chốc lại thổi, phùng kè ngày đêm, mỗi ngày đi được ba mươi dặm.

Giữa trận tùy thời ta hay theo
Nhành rung cây gãy, gió kêu gào
Ba quân gấp tiến theo chiều gió,
Gặp thời giao-chiến, lập công nhiều !

* Thứ năm: **Gió dữ thừa lệnh quỷ-thần** (thần lệnh ác-phong) : Bỗng thấy gió ấy uyển~chuyển thổi tới luôn cả ngày đêm.

Giữa ngày bỗng nổi gió thần-phong,
Nhổ trại, cầm thương tất gặp hung,
Trước đường không quá mười dặm đất,
Phải phòng bên địch phục binh-hùng !

* Thứ sáu: **Gió làm bại binh** : (Bại binh-phong) : Hoặc mau hoặc chậm, thổi ngược tới trước mặt ta, chốc chốc lại thổi, trận này kbó định :

Dàn binh bỗng thay gió bại binh,
Rát mặt bụi mù gió lớn kinh.
Ba quân truyền lệnh lui binh-mã
Giao-chiến thời này ắt hại mình !

* Thứ bảy: **Gió nóng ác hại** (ác-noãn-phong) : Gió nóng như lửa xuyên qua người, đang yên-ôn bỗng nổi lên, về mùa đông cũng cháy mồ-hôi,

trong bụng hơi nóng trong vòng trăm ngày thiên-hạ sẽ đổ máu.

Bỗng trận cuồng-phong thổi nướng người

Nóng ran sĩ tốt đẫm mồ hôi

Trăm ngày chưa tới, phòng đánh lớn

Máu đổ xương rơi ắt loạn rồi !

* Thứ tám: **Gió mưa ác hại (Thủy-ác-phong) : Gió phá-hoại tới ruột xương người đang yên-lặng bỗng gió thổi tới vùn vụt, lạnh buốt như sương tuyết, sĩ-tốt không mở mắt ra được Binh-mã phải giải-tán, chắc chắn sẽ thua.**

Lạnh thấu ruột xương, ầy thủy-phong,

Thuyền, cầu thủy trận cũng toi công,

Ba quân truyện lệnh không nhìn rõ

Binh phục bên đường. phải khá phòng .

8. PHÉP XEM GIÓ LÀNH :

Khi có gió lành (báo điềm lành) thì ngày trong sáng, hơi gió hòa-nhã ; theo phần ngày nào, phần tháng nào, phần giờ nào, hoặc theo phương sinh-khí nào mà tới thì lòng người vui đẹp, nước được điều tốt lành.

Về ngày, âm dương là điều bí-yếu: các ngày *giáp, bính, mậu, canh, nhâm* thuộc về hướng phần dương ; các ngày *ất, binh, kỷ tân, quý* thuộc về hướng phần âm. Hướng quý là hướng dương.

9. PHÉP XEM GIÓ DỮ :

Khi có gió báo nạn dữ thổi tới, thì ngày đó nặng nề u-ám, khí trời tối-tăm, bẽ-tắt, tiếng gió gào thét như là giận-dữ, cát bay lá rụng, gió theo phương dữ mà thổi đến. Nên gấp lo việc binh-bị để giữ kỹ, thế nào cũng có giặc tới.

10. PHÉP BÍ MẬT XEM CHÍN THỨC MÂY:

* Thứ nhất: **Trời có sắc xanh biển : Trời mờ-mit, hỗn-độn, xanh thẫm, thấy mặt người cũng có màu xanh ắt là giặc tây nhưng xâm-phạm biên-giới, nước trung-ương chẳng được yên-ổn :**

Thứ nhút, trời xanh thẫm lạ-lùng

Đế Vương lên điện hỏi Chu-Công,

Hiện ra điềm ầy chùnggh nửa tháng,

Biên-cương ắt phạm giặc Tây-Nhung.

* Thứ nhì: **Trời có sắc hồng** : **Điềm này chủ về việc đại-tướng, hiền-thần bị tù hãm, đang yên-ổn mà bỗng dựng sinh ra như vậy** Khi sắc hồng ấy hiện ra thì **trung-thần bi chết oan.**

*Tự-nhiên trời đất biến ra hồng,
Hiền-sĩ không ngờ vướng ngục công,
Vĩ bằng chẳng có cuồng-phong khởi
Trăm ngày hai nước cũng giao-phong*

* Thứ ba: **Trời có sắc vàng** : **Trung-thần, mưu-sĩ bị chết oan. Nếu dùng chín người để xem-xét sắc trời ấy thì mọi người đều nhận ngay là màu vàng.**

*Đang yên, trời đất biến ra vàng,
Ắt có trung-thần phải chết oan,
Máu lan đầy đất trong mười tháng,
Yên, Tần, yêu-quái khởi làm càn.*

* Thứ tư : **Trời có sắc đen** : **Điềm này chủ về việc trong vòng ba trăm ngày sắp tới sẽ có kẻ . âm-mưu làm loạn. Bấy giờ sắc trời u-ám.**

*Đang yên, trời đất biến đen sì
Ắt có kẻ nao mưu loạn chi
Một tháng mà thôi, cơn loạn lạc
Tự -nhiên dập tắt chớ hồ nghi .*

* Thứ năm : **Trời làm sợ hãi vô cố (sợ hụt)** : **Trời phát ra tiếng nổ như sấm, bay ra vang dội tới ngàn dặm. Tự-nhiên trời đang quang-đãng mà sinh ra như vậy.**

*Cây có điều hòa lặng-lẽ bao
Tiếng vang như sấm tự trời cao
Kinh-hoảng không quá ba tuần nhật
Bốn phương cùng khởi việc binh-đao.*

* Thứ sáu : **Trời mở cửa** : **Nghe tiếng động lan ra giống như tiếng trời mở cửa. Bậc đế-vương dâng đàn bá tướng, trong một trăm ngày lệnh chúa hưng vượng, bèn trước hết dấy binh dẹp loạn. Nếu trong một tuần nhật, cửa trời mở về phương Ngọc-nữ thì có tiếng nổ như sấm nhưng không phải sấm.**

Một tuần vang dội tiếng nghiêm thanh,

*Ngọc-nữ phương trời cửa mở nhanh
Tiếng vọng xuống trần nghe ngõ sấm.
Trăm ngày chưa tới ắt ra binh,
Bỗng dựng phá giặc ngoài biên-cảnh,
Hưng lệnh trời ban xuống nước mình, .
Để khiến ba quân tùy tướng lệnh,
Vua bèn bái tướng mới xuất-chinh.*

* Thứ bảy : **Trời thòng binh khí : Khí mây thòng xuống ở chân trời, như là dao cưa. Nên gấp tiến binh, đánh thì thắng lớn.**

*Mây trời hình:dạng giống cửa dao,
Thòng xuống chân trời, giặc bại mau
Hướng ấy tướng binh cùng quyết chiến,
Bốn phương tám số tất hàng đầu.*

* Thứ tám : **Khí trời không điều hòa : Bốn mùa đều trái thời-tiết :**

*Hè làm tiết đông, bắc-phiên phản,
Đông làm tiết hè, ắt chinh nam,
Thu làm tiết xuân, giặc đông dậy,
Xuân làm tiết rhu, giặc tây tràn.*

* Thứ chín : **Trời sinh biến ở hướng càn : Chủ về việc hiền-thần khó trách luận để nhà Vua nghe theo. Mặt trời và mặt trăng khi sắp lặn còn cao một trượng thì có sắc đỏ.**

*Nhật nguyệt máu hờm, biến sắc đây
Âm dương có biến, chủ không hay
Tư-thiên rõ việc, bàn sai quấy,
Ngoài cuộc nói vào xét chẳng sai.*

11. PHÉP XEM HAI MẶT TRỜI MỌC KÈ NHAU.

Hai mặt trời cùng mọc thì thiên-hạ sẽ động binh, kẻ vô-đạo bị tiêu diệt, hai quân đánh nhau có sức mạnh ngang nhau.

Hai mặt trời cùng mọc thì sẽ có đánh lớn, thành-trì bị phá-hoại, đồng nội chia ra nhiều phần mà đánh nhau.

Hai mặt trời mọc kè nhau ở nước nào thì nước ấy gặp loạn lớn, nạn dữ .

Chất tinh trắng của mặt trời rơi xuống đất xứ nào thì ở xứ ấy bên chủ (quốc-vương, chánh-phủ) phải thất-bại.

Dưới mặt trời có ánh-sáng giống như chân chim thì xứ bên phe chủ bị tai-ương, việc binh thất-bại, quân-đội tiêu-diệt.

Trong mặt trời có vết đen thì vua tôi chống đối nhau, trăm họ gặp việc xấu.

12. PHÉP XEM CÁC LOẠI NHẬT-THỰC:

Dùng phép Hà-Đồ mà xem mặt trời.

Các trường hợp nhật thực đều do ở ngày hồi (cuối tháng) và ngày sóc (đầu tháng) mà sinh ra nhật thực ; âm dương xâm lấn nhau, đi lạc đường tới ôm nhau, đó gọi là nhật-thực.

Nếu ở nơi có nhật-thực, có quan đại-thần âm-mưu làm hại nhà Vua, ắt là mặt trăng đi ngược án trước mặt trời : thiên-hạ sẽ dấy loạn.

Mặt trời mới mọc hai sào rồi bỗng dưng không sáng nữa đó gọi là mặt trời bệnh. Mặt trời sắp lặn ở phương tây, còn cao hai sào, bỗng dưng không sáng nữa, đó gọi là mặt trời chết. Trong địa phận nước ấy, bậc vương hầu gặp nạn lớn, các gian-thần đều nổi lên khuấy rối.

Nếu mặt trời đỏ như máu thì thiên-hạ sẽ có loạn lớn.

Mặt trời mới mọc mà bị ăn thì sẽ thua binh, mất thành.

Từ giờ ngọ trở về sau mà mặt trời bị ăn thì binh-gia nghỉ việc giao chiến.

Vào tháng tám mùa thu mà có nhật thực thì. có việc đao-binh xảy ra và phe khách được thắng.

Vào tháng mười hai mà có nhật-thực, điều ấy chủ về việc có binh dấy loạn.

Khi nhật-thực mà mặt trời bị ăn hết thì rợ man (phía nam) và rợ di (phía đông) nổi loạn, nên gấp lo việc binh-bị

Nguyệt thực xảy ra vào những ngày giáp, ất, bính, đinh, mậu, kỷ thì sẽ có việc đao-binh.

Nguyệt-thực xảy ra vào những ngày canh, tân, nhâm, quý thì không nên tính tới việc binh.

13. BÀI THƠ MẶT TRĂNG LẠC ĐƯỜNG :

Trăng lạc giữa trời, chúa chẳng hay

Hậu-cung say đắm may nàng phi,

Ba tuần chưa tới binh liền dấy

Âm dương sai lạc khiến vong nguy.

14. PHÉP BÍ-MẶT XEM TRĂNG :

Mặt trăng mới mọc mà đi về hướng bắc đó gọi là “*cung giương*” thì có kẻ âm-mưu vào thành khuấy rối.

Nếu mặt trăng mới mọc mà có đám mây đen chắn ngang như chữ nhất thì trong ngày ấy có mưa.

Mặt trăng mới mọc mà có đám mây đen ở giữa có dạng như cầm thú thì:

- nếu vào ngày *giáp ất* sẽ có hại về hướng đông;
- nếu vào ngày *bính đinh* sẽ có hại về hướng nam;
- nếu vào ngày *mậu kỷ* sẽ có hại về nước trung-ương;
- nếu vào ngày *canh tân* sẽ có hại về hướng tây;
- nếu vào ngày *nhâm quý* sẽ có hại về hướng bắc.

Trong mặt trăng có sao lợt vào sẽ thua quân, chết tướng.

Có mây trắng như rắn rít xuyên qua mặt trăng thì sẽ có tướng chết, quân thua.

15. PHÉP BÍ-MẬT XEM TRĂNG TRÒN KHUYẾT :

Mặt trăng giống như tròn nhưng chẳng phải tròn, giống như khuyết nhưng chẳng phải khuyết, lặn mà chẳng lặn, ắt có gian-thần mưu phản.

Mặt trăng giống như tròn mà chẳng phải tròn, bờ trên và bờ dưới đều bị khuyết, mọc tại Phù-tang, lặn tại Phù-tang, đó là điềm loạn-thần làm cho nước nhà bại-vong.

16. PHÉP XEM CÁC LOẠI NGUYỆT-THỰC :

Binh chưa đánh mà đã gặp nguyệt-thực thì đến khi đánh, binh ấy sẽ được thắng lớn.

Binh đang ở trong mà đã gặp nguyệt thực, điều ấy chủ về việc có tai ương.

Mặt trăng đang tròn đầy mà bị ăn, điều ấy chủ về việc binh sẽ bị chết ở đồng nội.

Mặt trăng bị ăn một bên thì tướng sụy và bề tôi không còn giữ đạo.

Mặt trăng bị ăn ở phía dưới thì công việc của tướng-quân mất phép-tắc, lẽ-lối.

Nguyệt-thực mà có màu xanh thì ngũ-cốc trở nên quý-báu, hiếm-hoi, thiên~hạ đối kém.

Nguyệt-thực mà có màu đỏ thì lúc khởi đầu lợi cho phe khách.

Nguyệt-thực mà có màu vàng thì có việc lập chư-hầu thành vương-quốc.

Mặt trăng bị ăn hết thì sẽ có quân thua tướng chết.

Hai mặt trăng cùng mọc thì thiên-hạ có loạn lớn.

Mùa xuân bị ăn về phía đông, mùa hè bị ăn về phía nam, mùa thu bị ăn về phía tây, mùa đông bị ăn về phía bắc thì xứ gặp nguyệt-thực sẽ có điều lo buồn về việc binh.

Mặt trăng đang bị ăn mà mọc lên thì chỗ đóng quân bị tổn hại, lại thêm nữa có sự mất mát đồ-đạc, tướng chết, binh tan.

17. PHÉP XEM MẶT TRỜI VÀ MẶT TRĂNG ĂN NHAU :

Nguyệt-thực xảy ra vào ngày dần, ngày mao, thì lúa rẻ, nhân dân chịu thiệt-hại, nên khởi binh trước, lợi chủ mà hại khách.

Nguyệt-thực xảy ra vào ngày ngọ, ngày mùi, điều ấy chủ về việc có trâu ngựa chết, binh dấy loạn tại phía tây đánh về phía đông.

Nguyệt-thực xảy ra vào ngày thân, ngày dậu, trong năm này có khí độc gây ra nhiều bệnh.

Nguyệt-thực xảy ra trong ngày hợi, điều ấy chủ về việc thiếu-thốn ngũ-cốc.

Nguyệt-thực xảy ra vào ngày tỵ, ngày sửu, điều ấy chủ về việc đói-kém, loạn-lạc.

18. PHÉP BÍ MẶT XEM ÂM DƯƠNG XÂM PHẠM NHAU :

Đường mặt trăng mọc lên và đi theo là:

- thanh-đạo về mùa xuân;*
- bạch-đạo về mùa thu;*
- xích-đạo về mùa hạ;*
- hắc-đạo về mùa đông ;*
- huỳnh-đạo trong bốn tháng 3, 6, 9, 12.*

Nếu đẽ-vương trái đạo thì mặt trời và mặt trăng chạy trái đường, lẫn âm, ôm dương, nên gọi là âm dương lẫn nhau, thiên-hạ sẽ có loạn lớn.

Nếu mặt trăng và mặt trời cùng đi ngang nhau, thì có quan đại-thần âm-mưu nổi loạn.

Nếu hai mặt trăng chọi nhau, điều ấy chủ về việc có hai vua tranh thiên hạ.

Nếu mặt trời và mặt trăng chọi nhau điều ấy chủ về việc trong nước có đổ máu, thiên-hạ có loạn lớn.

19. PHÉP BÍ-MẶT XEM ÂM DƯƠNG BỐN MÙA :

Mặt trời có sắc trắng thì trong vòng chín ngày có rợ tây hung xâm-phạm biên-giới.

Mặt trăng có sắc trắng thì hiền-thần bi lao tù. Mặt trời có sắc đỏ thì có âm-mưu dấy loạn trong. nước.

Mặt trăng có sắc đỏ thì loạn âm.

Đây là cách xem nhật nguyệt, âm-dương chệch loạn :

Mặt trời hè không theo nam-đạo, mặt trời đông không theo bắc-đạo thì trong vòng trăm ngày rợ man. (phía nam), rợ di (phía đông) sẽ xâm-phạm biên-giới.

Mặt trăng đi về hướng bắc gọi là mặt trăng trường cung, thì có kẻ âm-mưu vào thành dấy loạn, bên ngoài giặc phiên. sẽ dấy binh xâm-đoạt nước trung-ương.

20. PHÉP BÍ-MẶT XEM SAO THÁI-BẠCH, THẦN-TINH :

Sao mai gọi là Thần-tinh, sao hôm gọi là Thái-Bạch đều là một sao.

Sao Thái-Bạch bi vàng sáng mặt trăng che khuất, điều ấy chủ về việc tướng sớ phải chết.

Sao Thái Bạch được mặt trăng chỡ ở trên, thì trong năm ngày sẽ có dấy binh.

Tháng tám ngày mồng ba, sao Thái.Bạch đi sai đường về phía bắc thì sẽ có binh đánh nhau.

Sao Thái-Bạch đi về phía bắc thì nước nhỏ rối loạn.

Sao Thái-Bạch đi về phía nam thì nước lớn rối loạn.

Sao Thái Bạch ở trong mặt trăng cũng được gọi là *nguyệt-thực*.

Sao Thái Bạch là điềm xấu của nhà Vua.

Sao Thái-Bạch mọc bên trái mặt trăng thì nước âm rối loạn, mọc bên phải mặt trăng thì nước dương rối loạn.

Sao Thái-Bạch dính liền với mặt trăng thì trong ba năm có việc đao-binh, mất đất.

Sao Thái-Bạch chạy vào mặt trăng thì tướng – quân phải chết.

Sao Thái-Bạch bảy ngày không mọc thì sẽ có nạn đao-binh dữ-dội..

Nếu sao Thái-Bạch lên giữa trời mà sáng ra thì ba quân tan-vỡ, loạn-lạc.

Nếu trên có một đế-tinh và dưới có một cá-tinh thẳng hàng với nhau thì các quan phản Vua.

Nếu sao Thái-Bạch xuất hiện không đúng lúc thì Vua Tôi cùng khởi binh.

Sao Thái-Bạch mờ tối thì chủ-tướng gặp việc xấu.

Sách Cấm-Thư chép rằng : Thái-Bạch Thần-Tinh cùng một ngày mọc lên ở hướng đông, ắt có dấy binh ở hướng đông ; nếu cùng mọc lên ở hướng tây, ắt có binh dấy lên ở hướng tây.

Nếu cùng mọc ở hướng đông mà không gần nhau, từ hai mươi tới ba mươi ngày không lặn vào hướng đông-nam thì có điều binh nhưng không đánh ; đến mùa xuân, mùa hạ sẽ có dấy binh.

Thần-Tinh và Thái-bạch mọc ở hướng đông, gần nhau trong khoảng ba bốn thước thì từ hai mươi tới ba mươi ngày có binh đánh lớn.

Thần-Tinh đi theo Thái-Bạch ở hướng đông thì có dấy binh ở khắp nơi, từ đó đến sáu mươi ngày sẽ có dấy binh ồ-ạt.

Thái-Bạch từ Thần-Tinh đi ra thì lợi chủ.

Nếu mọc ở hướng đông thì lợi cho việc đánh hướng tây, binh ở phía đông được thắng lớn ; nếu mọc ở hướng tây thì lợi cho việc đánh hướng đông, binh ở phía tây được thắng lớn.

Thái-Bạch và Thần-Tinh cùng mọc ở hướng đông; Thái-Bạch mọc trước, Thần-Tinh theo sau rồi vượt qua Thái-Bạch mà đi trước thì xứ ở dưới có binh làm phản, không tới một năm sẽ thấy ứng-nghiệm.

Thần-tinh mọc ra như tờ giấy mà Thái-Bạch chưa mọc thì tướng-quân phải chết; thấy mọc ở nơi nào thì ở nơi ấy có quân tan, tướng chết.

Thái-Bạch mọc ở hướng đông, Thần-Tinh ở phía trước mà không mọc thì trong vòng năm mươi ngày có âm-binh dấy loạn trong nước.

Thái-Bạch có vàng sáng thì trong thiên-hạ có ân-xá cho kẻ phạm tội.

Thần-Tinh có vàng sáng thì sẽ có dấy binh và mưa lụt.

Vàng sáng của Thái Bạch và Thần-Tinh mà có ánh sáng màu vàng che khuất. thì sẽ có quân tan, tướng chết.

22. PHÉP BÍ MẶT XEM SAO LÀNH :

Sao Cảnh Tinh là sao đức-tinh. Sao ấy lớn có hình-đạng như nửa mặt trăng hiện ra vào ngày ba mươi, mồng một. Nước nào thấy được sao ấy thì gặp nhiều điều tốt lành.

Sao Chu Tinh có sắc vàng, ánh sáng rực rỡ, nước nào thấy được thì gặp điều tốt lành, ai thấy được thì người ấy gặp điều tốt lành.

Sao Hàm-Dự sáng như sao Tuệ, nước nào thấy được thì gặp điều vui mừng, rợ man phía nam vào cống-hiến.

23. PHÉP BÍ MẬT XEM SAO BẮC-ĐẤU :

Bắc-đẩu có sao nhỏ thì thiên-hạ không yên, mọi việc chiến tranh cùng dấy lên.

Bắc đẩu có khí đỏ xâm- nhập, điều ấy chủ về việc quân phải thua lớn, nếu cử binh g~p thì có hại.

Nếu có mây trắng xâm-nhập, điều ấy chỉ về việc đổ máu nhiều.

Nếu có mây như xà-mâu ăn vào, điều ấy chủ về việc có loạn lớn, nên ra ngoài.

Nếu có mây hình-dạng giống như con heo, điều ấy chủ về việc binh sợ-sệt vô cố.

Nếu có khí vàng tản-mác ở đông, tây thì không nên dấy binh động chúng.

Nếu có vết đỏ, đầu lợt, đuôi đậm, điều thấy chủ về việc quân được thắng lớn.

Nếu có màu đỏ lạt thì đại thần làm loạn.

Nếu có mây ở phía đông và tây thì phe chủ cử đại-binh, phe khách nên lui về mà giữ.

Nếu có mây đỏ xây thành bốn phía, điều ấy chủ về việc dấy binh lớn.

Nếu hiện ra ban ngày thì xã-tắc không yên, bậc vương*giả gặp tai-biến.

Nếu đang xoay trận mà đêm sau xem lại, thấy sao Bắc-đẩu có mây xuyên vào thì ba mươi ngày sau lại bị một lần lửa.

Nếu đêm mông một đầu năm có sắc hồng bọc quanh sao Bắc-đẩu, thì hai mươi ngày sau sẽ có tướng chết quân bại.

24.- PHÉP BÍ MẬT XEM SAO KHÁCH :

Các sách Thiên-văn đều nói : Chẳng phải thường được thấy mà tình-cờ mới thấy được sao ấy trên trời, thì đó là sứ-giả của Thiên- Tinh Đại-đế : sao ấy là then chốt của bí thuật xem điềm tốt xấu.

Hoặc mọc ở hướng tây, hoặc nằm ở hướng đông. Nếu thấy sao ấy trong nhiều ngày thì có việc to tát xảy ra mà lại có họa lớn; nếu chỉ thấy sao ấy trong ít ngày thì có việc xảy ra nhưng không quan-trọng lắm mà tai-họa chỉ nhỏ nhẹ mà thôi.

Hoặc hình-dạng biến ra sừng nhọn ắt là có âm-mưu gây loạn; nếu sắc của nó mờ lạt, ắt là có binh nổi loạn.

Nếu có sao (nhỏ) mà thấy nó có sắc trắng thì sẽ có việc binh-đao xảy ra trong địa-phận của nó ; nếu sao ấy có ánh-sáng như gai nhọn thì xứ ở đỉnh bị quân tan, tướng chết, bị giặc lấn đất, đoạt ấp, thiên-hạ loạn lớn.

Hễ hằng ngày thấy sao ấy trên trời, không đúng vào giờ khắc nào cả, thì sao ấy gọi là sao khách.

25. PHÉP BÍ MẬT XEM SAO CHỖI :

Ngày xưa kinh của họ Sở nói rằng : Sao Tuệ gọi là sao chổi, hoặc dài vài thước, hoặc dài một trăm thước, sao ấy hiện ra ắt có dấy binh.

Khi nhà Vua sắp gặp tai-họa mà sao chổi hiện ra, nếu sao ấy chỉ về hướng nào thì đánh thẳng về hướng ấy, chỉ vào ta thì ta gặp điềm xấu, chỉ vào người thì người chịu thất-bại, đều phải phân-biệt địa-phận mà đoán.

Sao chổi dài ba trượng thì việc xấu kéo dài một năm, dài bốn trượng trở lên thì việc xấu kéo dài ba năm, dài một trăm năm mươi trượng trở lên thì việc xấu kéo dài bảy năm.

Sao chổi hiện ra ắt là nước địch chịu việc binh-biến. Sao chổi lớn thì tai-họa lớn, sao chổi nhỏ thì tai-họa nhỏ , đuôi sao chổi mà cong giống như lá cờ thì nhà Vua đẹp giặc bình-định bốn phương.

26. – PHÉP XEM CHUNG NĂM SAO :

1) Sao Tuế Tinh có ý nghĩa là hướng đông, là mùa xuân, là hành mộc, là đức nhân trong năm đức thường của con người (nhân, nghĩa, lễ trí, tín), là vẻ mặt trong năm việc (mạo, ngôn, thị, thính, tư). Đức nhân mà thiếu sót, vẻ mặt mà hư hỏng, thời tiết mùa xuân mà bị trái ngược, khí mộc mà bị tổn thương, ắt sẽ thấy sự trừng phạt.

Sao Tuế-Tinh là chủ đầu tiên của phước may.

Về mùa xuân, được gọi là Nhiếp-Đề;

Về mùa hạ, được gọi là Trùng-Hoa;

Về mùa thu, được gọi là Ứng-Tinh;

Về mùa đông, được gọi là Kỳ-Tinh.

Sao Tuế-Tinh tượng trưng cho bậc có đức, muốn được thắm nhuần sự sáng suốt của người ấy. Bậc Vua của loài người mà có đức ắt là Tuế-Tinh tới lui cùng thời với nhà Vua, nước ấy được phước may, không thể đánh nước ấy được. Bậc chúa loài người mà không có đức, ham thích việc chiến tranh, thì Tuế tinh cũng theo đó mà mờ tối, đổi màu làm cho tước vị bị tù hãm thất

thường; nếu nhân đó tai ương xảy ra thì nước nhà sẽ gặp việc xấu ... (*), điều ấy chủ về trong năm ấy, ngũ cốc và người sinh ra nhiều, nhà Vua sẽ trông nom đạo làm người ở khắp các nước chư hầu trong thiên hạ.

Tuế Tinh ở vào nước nào, thì nước ấy được đức dày, ngũ cốc tươi tốt, bậc chúa loài người sống lâu và gặp điều tốt lành.

Nếu phước may xung khắc với Tuế Tinh thì có tai họa.

Tuế Tinh ở yên ở các trung độ thì tốt lành; nếu mờ tỏ không chừng thì nước ấy có việc lo buồn, không thể bày việc và dùng binh.

2) Sao Oanh-Cảm-Tinh có ý nghĩa là hướng nam, là mùa hạ, là hành hỏa, là đức lễ (trong ngũ thường), là sự thấy. Lễ nghi và sự thấy mà thiếu sót, thời tiết mùa hạ mà bị trái ngược, khí hỏa mà bị thương tổn, ắt là sẽ thấy sự trừng phạt.

Sao ấy khiến cho công việc sai phép tắc, đi ra thì mất lửa, đi vào thì binh tàn, tan rã ở đất khách, nước nhà phải rối loạn. Sao ấy gây ra giặc giã, bệnh tật, chết chóc, đói kém, sao ấy ở đâu thì ở đó phải chịu tai ương. Nếu vành bọc quanh sao dao động, đổi màu và làm trở lại như thế, khi thì ở trước ở sau, khi thì bên trái bên phải, nước ấy càng chịu tai ương nhiều hơn.

(*) Không nhận ra chữ nên không dịch được.

3) Sao Trấn Tinh có ý nghĩa là trung-ương, là bốn tháng 3, 6, 9, 12, là hành thổ, là đức tín. Bốn đức nhân, nghĩa, lễ, trí đều lấy đức tín làm chủ. Về mặt, lời nói, sự thấy, sự nghe đều lấy tư duy làm chủ. Bốn vị sao kia (Tuế-Tinh, Oanh-Cảm-Tinh, Thái-Bạch, Thần-Tinh) đều mất đức tín nên báo điềm nước sẽ biến động, ắt bậc vương hầu không bình yên.

Sao Trấn-Tinh mà lu mờ, ắt là việc binh bất lợi.

Sao ấy ở nước nào thì ở nước ấy được điều tốt lành.

Sao ấy nằm vào được chỗ tốt thì đàn bà con gái được phước may, không thể đánh nước ấy được. Sao ấy không nằm được chỗ tốt thì đàn bà, con gái có điều lo buồn.

Sao ấy ở yên không dời chỗ thì nước ấy có việc lo buồn.

4) Sao Thái Bạch có ý nghĩa là hướng tây, là mùa thu, là hành kim, là đức nghĩa, là lời nói. Trong năm việc (mạo, ngôn, thị, thính, tư), lời nói mà bị sai lầm, thời tiết mùa thu mà bị trái ngược, khí kim mà bị tổn thương, ắt là sẽ thấy sự trừng phạt.

Nhìn cách sao Thái-Bạch lui tới để xem về việc binh; sao ở cao hay thấp, đi chậm hay mau, yên tĩnh hay rối loạn, mọc hay lặn đều tượng trưng cho phép dùng binh.

Nếu nói về điềm xấu, khi sao ấy mọc ở hướng tây mà đi sai lạc thì rợ di (phía đông) và rợ địch (phía bắc) sẽ bị thất bại; nếu mọc ở hướng đông mà đi sai lạc thì nước trung ương sẽ bị thất bại; nếu chạy dọc trên trời (theo phương nam-bắc), đó gọi là rối loạn kỷ cương thì bậc vua chúa loài người phải chịu lưu vong; nếu ban ngày thấy sao ấy tranh sáng với mặt trời thì nước nhỏ mạnh, nước lớn yếu.

5) Sao Thần-Tinh có ý nghĩa là hướng bắc, là mùa đông, là hành thủy, là đức trí, là sự nghe. Đức trí và sự nghe mà thiếu sót, thời tiết mùa đông mà bị trái ngược, khí thủy mà bị tổn thương, ắt là sẽ thấy sự trừng phạt.

Sao Thần-Tinh chủ về sự giết chóc, là khí sát phạt, là sao tượng trưng cho sự chiến đấu, quân đội ắt là bị hãm ở đồng nội.

Sao Thần-Tinh tượng trưng cho sự phòng bị của tướng sớ; tướng tay không chẳng có quân lữ, đó là hình phạt dành cho tướng sớ.

27.- PHÉP BÍ MẬT XEM SAO BĂNG :

Sao băng là sứ giả của Trời, từ trên rơi xuống gọi là *lưu-tinh*, từ dưới chạy lên gọi là *phi-tinh*, sao lớn gọi là *bôn-tinh*, tất cả cũng đều là *lưu tinh* cả.

Sao lớn thì có sứ mạng lớn, sao nhỏ thì có sứ mạng nhỏ. Nếu có nghe tiếng kêu, đó là tượng trưng cho sự giận dữ. Nếu chạy mau thì kỳ hạn đến gấp rút, nếu đi chậm thì kỳ hạn còn lâu.

Nếu sao lớn mà không sáng, đó là việc của dân chúng; sao nhỏ mà sáng đó là việc của người tôn quý. Nếu sao khi ẩn khi hiện đó là công việc có thành có bại. Nếu sao trước lớn mà sau nhỏ thì có điều lo sợ; nếu sao trước nhỏ sau lớn thì có việc vui mừng.

Nếu sao chạy ngung ngãng như con rắn thì có kẻ âm mưu làm việc gian tà. Nếu sao chạy băng qua mau, băng qua mà không kịp tới (rớt), đường băng dài thì việc lâu dài và quan trọng; đường băng ngắn thì việc mau chóng và không quan trọng. Sao băng rơi xuống nơi nào thì dưới nơi ấy có việc binh đao. Sao băng di chuyển mà bị ngăn trở thì có mưu sự xảy ra.

Về sao băng, hãy xét ngày giờ, xem sao ở địa phận nào để mà luận :

- Màu xanh tượng trưng việc lo buồn, đói kém.

- Màu đỏ tượng trưng việc đao binh, khô hạn.
- Màu vàng tượng trưng việc vui mừng, việc sửa sang đất nước.
- Màu trắng tượng trưng việc đao binh, hình phạt.
- Màu đen tượng trưng bệnh tật, bệnh dịch, chết chóc, hỏa tai.

Khi sao băng có ánh sáng giống như tấm vải, nếu là màu xanh thì có sứ các nước tới viếng, nếu là màu đỏ thì có việc đao binh, nếu là màu đen thì có việc chết chóc.

Nếu sao băng rất lớn, ánh sáng chiếu xuống đất, màu xanh và màu đỏ tủa ra bốn bên thì ngũ cốc mất mùa.

Sao băng phạm vào mặt trăng hay triền mặt trăng mà ánh sáng đỏ hướng về phía mặt trăng thì thiên hạ không yên ổn.

Khi gặp lưu tinh và bôn tinh, nếu dấy binh sẽ thắng trận.

28.- PHÉP BÍ MẬT XEM SAO YÊU QUÁI :

1) Sao Thiên-Ngô : Cũng có tên là Giác-Tinh, vốn thuộc về sao Tuệ-tinh (sao chổi) nhọn dài bốn thước. Nếu mọc ở hướng đông-bắc, thì chủ về việc tranh đoạt. Nếu sao tuệ (chổi) mọc ở hướng đông thì có tên là Thiên-Cách thì nước ấy không thể cử sự, nếu dùng binh thì phải mất thành. Sao Thiên-Ngô dài hơn bốn thước thì chủ về việc yêu quái nổi lên khuấy phá.

2) Sao Xi-Vưu-Kỳ (giống cờ giặc Xi-Vưu đời vua Huỳnh Đế). Giống loại sao Tuệ (chổi) nhưng có đuôi cong như hình lá cờ. Hoặc hiện ra một mình giống như một đám mây đỏ, sắc của nó trên đỏ dưới trắng, sao ấy hiện ra ở hướng nào thì ở hướng ấy có binh dấy loạn. Sao Xi-Vưu-Kỳ mọc ra, chủ về việc đánh dẹp bốn phương. Lại có nói sao Xi-Vưu-Kỳ thuộc loại sao Oanh-Cảm, nhờ có khí đỏ bồi đắp mà trở nên to lớn, sắc của nó chiếu ánh sáng xuống đất, tên của nó là cờ Xi-Vưu, chủ về việc binh dấy loạn, rợ man (nam) và rợ di (đông) xâm phạm biên giới.

3) Sao Nguyệt-Hoàng : Hình nó lớn và có sắc đỏ, ở cách mặt đất chừng ba trượng giống như bó đuốc, chủ về việc bên trong có giặc giã, tai nạn, nơi nào thấy sao ấy thì có dấy binh, trong và ngoài đều gặp nạn đao binh.

4) Sao Chiếu-Minh : Hình lớn mà không có sừng nhọn, khi thì lên cao khi thì xuống thấp, nước nào thấy sao ấy hiện ra thì chịu nạn đao binh. Sao Chiếu-Minh có hình dài 3 thước, lại có thêm 3 sao ở trên, đó là loại sao Oanh-Cảm.

5) Sao Tư-Nguy : Có hình dạng như sao Thái-Bạch, có 2 mũi nhọn như hai cái đuôi, mọc ở hướng tây, cách xa mặt đất sáu thước và có sắc trắng, đó gọi là sao *Tư-Nguy*. Sao mọc ở hướng nào thì ở nơi ấy việc hành binh của phe chủ không được thuận lợi.

6) Sao Thiên-Sàm : Mọc ở hướng tây, giống như một cây kiếm dài bốn, năm trượng, có tên là *Thiên-Sàm*. Sao ấy mọc ở nơi nào thì ở nơi ấy có dấy binh, nước nào thấy sao ấy thì có loạn lớn.

7) Sao Ngũ-Tàn : Mọc ra ở hướng đông, cách mặt đất chừng ba đến bảy thước, giống như mũi thương chĩa ra nên gọi là *tàn*, như có mũi nhọn dài ló ra. *Ngũ-Tàn* có nghĩa là chia ra năm phần. Nơi nào có sao ấy thì phải chịu nạn hủy hoại, bại vong. Lại có nói sao ấy giống như lửa có màu đỏ hoặc màu xanh. Sao *Ngũ-Tàn* xuất hiện ở nơi nào thì ở nơi ấy có nạn binh đao, nhà tan nước mất.

8) Sao Trường-Canh : Giống như tấm vải dính vào da trời, nơi nào thấy sao ấy thì có dấy binh gây loạn.

9) Sao Thiên-Tặc : Mọc ra ở hướng nam, so ấy lên cách mặt đất sáu thước và có màu đỏ, dao động mà chiếu sáng, đó gọi là sao *Thiên-Tặc*. Nó mọc ở hướng nào thì dưới hướng ấy có dấy binh gây loạn, đất ấy phải bại vong.

10) Sao Cuồng-Thỉ : Giống như sao băng có hình mũi tên, màu xanh đen, đi như con rắn, trông như có sừng, dài chừng vài thước. Thấy nó ắt là có binh mưu phản nhân cơn loạn mà gây loạn. Lại có nói rằng khi gặp sao *Cuồng-Thỉ* thì quân sĩ sinh ra nhát sợ, binh Tàn phải thua, Hạng Vũ chấp chánh. Nơi nào thấy sao *Cuồng-Thỉ* xẹt xuống hướng tây thì đó làm điềm diệt vong.

11) Sao Thiên-Cầu : Hình dạng của nó giống như chó chạy, có sắc đen vàng và có tiếng kêu, phía trên giống như con chó. Sao ấy rơi vào xứ nào thì xứ ấy trông như có ánh lửa rực rỡ xông lên trời, trên nhọn, dưới tròn mà nghiêng về một bên, giống như sao *Điền-Tinh* mà có lông, một bên có sao chổi ngắn, phía dưới có sao *Cầu-Tinh* mọc ra có ánh sáng màu đỏ, trắng, tức đó là sao *Thiên-Cầu*. Lại có nói rằng sao băng có ánh sáng, thấy rơi xuống mà phát ra tiếng kêu, có churen (*) màu trắng, ở giữa màu vàng giống như hình con chó, chủ về việc có dấy binh, giặc tới phá quân giết

tướng, đổ máu ngàn dặm. Nó có một tên thứ nhất là Lưu-Tinh, một tên thứ hai là Doanh-Đầu-Tinh, đó cũng là sao Thiên-Cầu.

(*) Nguyễn văn.

29.- PHÉP BÍ MẬT LUẬN VỀ TÁM SAO YÊU QUÁI :

Sách Binh-Pháp nói rằng : Thần nhân ban cho sách lạ về sao yêu quái, thế gian thường chẳng được thấy. Nếu lại sao ấy hiện ra thì không thể không xem xét; nước nào có sao ấy hiện ra thì quan Tư Thiên Giám phải quan sát kỹ. Theo phép này nếu sao đeo theo mây mà xuất hiện thì rất khó mà đo lường.

- Thứ nhất : **Mao-Đầu-Tinh : Hình của nó dài như măng tre.**

*Giữa ngày so hiện giống đầu lông,
Nước chủ đang yên bỗng bận lòng
Sao hiện không đầy ba tuần nhật,
Nước sinh tai biến phải long đong!*

- Thứ hai : **Đới-Tinh : Sao ấy dài thẳng một đường, trên dài ba phân, dưới dài một phân.**

*Treo kiếm bên trời, ấy tướng quân,
Đới ra nhất định dấy đao binh,
Ban ngày sao hiện, binh nên tiến,
Thấy ở nơi nào, ấy giặc sanh!*

- Thứ ba : **Thương-Ngân-Tinh : Khí của nó hợp thành một đường đâm xuyên qua mình nó và chui qua thẳng.**

*Sao cặp một đường ngó giống thương,
Xuyên hẳn qua sao thật lạ thường,
Hiện ra không quá ba tuần nhật,
Binh dấy đồng thời khắp bốn phương.*

- Thứ tư : **Trương-Cung-Tinh : Nó dài một đường như hình cung giương.**

*Hình sao trông giống chiếc cung giương
Chủ tướng tới lui phải hiểu thông
Sao hiện trước nhà binh dấy động,
Hưng binh đánh trước mới thành công!*

- Thứ năm : **Thần-Xoa-Tinh : Trên có ba đường, dưới có một đường.**

Thấy được Thần-Xoa thật ít khi,

Gặp thời sao hiện, chủ thiên di,
Hiện ra không quá trăm ngày chẵn,
Máu chảy tràn trề, nước loạn ly!

- Thứ sáu : **Trường-Canh-Tinh** : Có hình như sợi tơ thòng xuống, có khí trắng.

Một làn khí trắng giống đường thương,
Sao hiện nơi nào, đầy nhiễu như sương,
Giữa ngày sao hiện như mây lùa,
Nước phải kinh hoàng chịu họa ương.

- Thứ bảy : **Phao-Giáng-Tinh** : Có đám mây giống như đầu người.

Hình mây trông chẳng khác đầu lâu,
Sao hiện nơi nào chúa phải sầu,
Hiện ra chẳng đợi qua hai tháng,
Ma quỷ hại người, đổ máu nhiều.

- Thứ tám : **Đảm-Kỳ-Tinh** : Giống như mây, dài như lá cờ trương ra.

Sao yêu xuất hiện trái cờ ra,
Biên ải man di quấy nhiễu ta,
Hiện ra chẳng quá ba tuần nhật,
Thây chết đầy đồng, người thối tha.

30.- PHÉP XEM SAO YÊU QUÁI HIỆN RA BAN NGÀY :

Sao hiện ra ban ngày, hình giống như cây cối, chủ về việc có đao binh và đổ máu.

Nếu ban ngày có hai sao hiện ra thì thiên hạ sẽ đổi đời.

Nếu ba sao hiện ra thì rợ di (phía đông) và rợ địch (phía bắc) xâm phạm biên giới.

Bốn sao hiện ra thì vua tôi âm mưu dấy loạn.

Năm sao hiện ra thì nước ngoài xâm đoạt nước trung ương.

Một sao hiện ra vào tháng tám ban ngày thì nên phòng ngừa kẻ gian tà mưu sự. Nếu sao xẹt một bên thì chủ về việc có đánh lớn, đổ máu. Nếu sao quay đuôi lại, xẹt xuống một bên thì chủ về việc mất nước.

31. – PHÉP XEM TƯỢNG TRỜI KHI HÀNH QUÂN :

A. Một là khi gặp trời đất tối tăm, sương mù mờ mịt, gió tung cát bụi, cờ xí không thấy rõ, chiêm trống nghe không được, thì không thể xuất

binh. Nếu có giặc thừa lúc tối tăm ấy kéo kỵ binh kiêu dũng, đời quân đến đánh ta thì ta ắt phải dẫn dò đôi ba phen, ước thúc ba quân, giữ kỹ dinh trận, không cho loạn động, chỉ dùng các vật ngăn chặn, bia, phen để đón đỡ tên và đá bắn tới, dùng cung mạnh nỏ cứng ngòi nấp mà bắn giặc. Ta chờ đến khi giặc giải đãi thì thừa dịp bên địch tối tăm hỗn loạn, ta xua sĩ tốt mạnh dạn lên đi ra mặt sau quân địch để chặn ngang đường rút lui cùng các chỗ hiểm yếu, bấy giờ ta đánh thì có thể bắt được chúng.

B. Một là khi gặp trời đất mưa gió tối tăm,, sương mù mờ mịt tất cả bốn phía, thì không thể tiến binh, cũng không thể đời trại, vậy nên giữ kỹ dinh trại, để phòng ngừa sĩ tốt biến loạn hoặc giặc ở ngoài tới đánh.

C. Một là khi gặp gió to, mưa lớn, lạnh nhiều, nắng gắt, không thể ra binh đánh dẹp, vậy nên vỗ về giúp đỡ quân sĩ, giữ vững dinh trại, tất nhiên giặc cũng không thể ra binh. Nếu binh ta đi đường mà thành linh gặp giặc thì nên lập gấp dinh trận để chờ khi trời tối và chờ lúc thế giặc suy giảm. Bấy giờ ta gắng thìm phương sách hay, xét thời trời, thăm dò chỗ sơ hở của địch.

D. Một là gặp khi tuyết đổ mờ mịt, trong vòng trăm bước không thấy người ngựa, trong trường hợp ấy thường thường giặc đặt kỳ binh nấp ở nơi hiểm ải để chờ đánh ta vào lúc vô ý. Nếu ta ra quân đối ứng với giặc thì chúng sẽ giả vờ thua chạy mong rằng ta đuổi theo để dẫn dụ ta vào chỗ chúng đang phục binh. Theo cách tự nhiên, ta trước hết nên chọn năm bảy tỳ tướng, vài mươi đội tinh kỵ, chờ khi giặc tới bốn phía tả hữu trước sau, cho quân đến dẫn dụ ta, hoặc dùng quân tinh kỵ bày trận thế xông vào đánh ta, tức thời từ đằng sau quân ta, ta khiến hai viên tướng đi ra, góp kế di chuyển và ứng biến với nhau, đem người ngựa đi vòng quanh, tìm đường về của ngựa giặc, rồi dò xem có phục binh hay không tại các nơi hiểm ải trên đường về ấy. Nếu ta có tức thời chia binh ra hai ba nhóm, thay phiên nhau mà đánh thì giặc phải thua chạy.

Nếu giặc đến đánh ta trước, bên ta đầu đuôi chẳng thấy nhau, như thế quân ta phải rời khỏi chỗ mà giặc đặt phục binh, rồi đem nhuệ binh quay ngược lại đánh ngang vào hông giặc. Bấy giờ đám giặc đến đánh ta không biết rằng bên kia phục binh đã thua chạy, ta bèn sai một toán tinh kỵ, vừa đánh vừa lui, thay phiên nhau bọc đánh địch, chờ giặc đi vào chỗ ta phục binh, ta liền đem đầu

đuôi giấp lại thì có thể cầm bắt toàn thể quân địch. Đó là chỉ giảng sơ lược về trường hợp toàn quân đang giao thông, phải biết tùy lúc gấp hay hoãn mà ứng đối.

Đ. Gặp cơn tuyết lớn bay mịt mù như vậy, nếu ta có cung cứng, ngựa hay, người mạnh thì việc xảy ra tầm thường không quan-trọng.

Khi đi săn bắn chơi, còn phải xem trời mây hướng hồ là hai toán quân tranh nhau thắng bại, muốn thu lợi lớn về phía mình.

E. Sau cơn tuyết lớn, khi biết là bộ binh của ta khó tiến, quân giặc bèn lập mưu lạ đem nhiều tinh kỵ tới bốn phía chung quanh dinh lũy của ta, khiêu chiến để dẫn dụ quân ta, hoặc dùng tinh kỵ chạy qua chạy lại xung phong vào quân ta. Nếu ta đem binh ra, tức thì giặc phân binh tứ tán, đầu đuôi hiệp lại để tới đánh ta, một là đánh dinh trại của ta, một là chặn đường lương thảo của ta, ngăn cho hai đầu đuôi của ta không cứu ứng nhau được. Nếu đúng như thế, quân ta ngăn rào cho kỹ mà đừng đi ra, chờ giặc đem binh mạnh tới đánh, ta bèn dùng cung nỏ cứng, loại nỏ sàng tử, cái thì bắn ở trên, cái thì bắn ở dưới. Khi thế giặc đã yếu, không còn chí chiến đấu nữa, ta có thể đem toàn quân ra bắt giặc.

G. Một là ngày mới ra quân, nếu có mưa nhỏ gọi là mưa nhuận binh, ắt sẽ có thắng lớn. Nếu có mưa lớn gọi là mưa mộc thi (thây gỗ) thì phải chọn ngày khác để tiến binh. Việc tuy gấp rút cũng không thể tiến binh được bởi vì thời trời chưa thuận, chỉ tổn hại nhân mạng và khí cụ mà sĩ tốt lại không đẹp lòng.

H. Một là gặp cơn gió lớn thổi tung cát bụi thì không thể tiến binh đánh dẹp. Nếu binh đang đi đường thì nên tìm ngay tại đó có chỗ nào tiện lợi để lập dinh trại, chỉnh đốn binh mã. Nếu phía trước bỗng gặp phục binh đánh cắt đứt quân ta, hoặc có đánh lớn, đó là điềm cho biết ý trời không thuận cho sự ra binh. Nếu đóng dinh trại ở đồng ruộng thì nên dặn dò quân sĩ hai ba lần hãy giữ vững dinh trại để phòng ngừa giặc theo chiều gió đến la ó mà đánh dinh trại của ta. Nếu ta lập trận đã xong mà có gió ấy thì cũng không đánh mà nên giữ vững.

I. Một là gặp mặt trời và mặt trăng hơi bị ăn, thì không nên tiến binh đánh dẹp, mà chỉ ra lệnh cho ba quân giữ gìn chắc chắn để phòng ngừa giặc đến đánh.

K. Một là quân đang đi đường, gặp nhiều ngọn gió lớn xáp nhau, đập vào nhau, khi thì thổi khi thì nghỉ, bấy giờ phải sợ giữa đường có phục binh đánh, vậy nên đề phòng.

L. Một là gió đập vào mặt người thì không nên tấn binh. Nếu khi phát binh đi trên đường thì gặp gió thuận thổi, khi đi được nửa đường hoặc trở về thì gặp gió nghịch thổi, bấy giờ nên lập dinh trại ngay tại đó. Nếu cứ tiến binh, ắt sẽ gặp phục binh. Nếu gặp giặc phải đánh, mà có gió nghịch không phân lớn nhỏ thì không nên giao chiến mà nên giữ vững. Vì đạo trời chưa thuận nên phải thế.

M. Một là khi mới phát binh, gió mưa chẳng có, đi được nửa đường, bỗng có đánh lớn, và có mưa to gió lớn, thì nên chọn gấp chỗ lập dinh trại để giữ vững mà chờ nên tiến binh. Nếu cứ đi tới ắt có huyết chiến.

N. Một là quân đang đi trên đường hay đang đóng dinh trại ở đồng nội, mà gặp mưa to gió lớn, tuyết rơi sương mù, tối tăm mờ mịt thì không nên tiến binh dẹp giặc. Nên võ về sĩ tốt để giữ vững là hơn hết.

O. Một là quân đang đóng dinh trại tại đồng nội, chỉ có điềm trời là sắc mây, móng trời, sao băng sa xuống, đất cát thay đổi, chim bay, thú chạy, có giống vật lạ chạy vào dinh trận cản quân lính, thì nên bói để tìm hiểu.

32.- PHÉP XEM SƯƠNG RƠI ĐỂ ĐOÁN THỜI TRỜI :

Hễ về tháng ba mùa hạ, dương-khí tới mà bỗng nhiên sương rơi xuống lộp độp làm cho đầu cành cây ẩm ướt, ắt sẽ có binh dấy lên từ phương bắc, đến lấy nước, phá thành. Chủ nên phòng bị vực binh. Ngày xưa, hiền thần Trâu Diễn nước Yên bị giam trong ngục, trời bèn giáng sương vào tháng ba thì không tới một tuần, có binh dấy ở phương bắc.

33.- PHÉP XEM MƯA TUYẾT:

Tuyết là tinh túy của mưa móc không phải do trời mà khởi, không phải do đất mà sanh, mà chính do việc binh của nước mà ứng.

Mùa đông sinh tuyết thì thuận, mùa hè sinh tuyết thì nghịch. Vào tiết hạ chí mà tuyết bay ngàn dặm thì có dấy binh ở biên giới phía bắc. Chủ nên phòng bị.

34.- PHÉP XEM MÓC RƠI ĐỂ ĐOÁN THỜI TRỜI:

Móc là do âm khí kết lại mà thành, nó đông lại như mỡ, trông đẹp đẽ như kẹo. Nếu được như vậy, thì thuận lòng trời, binh sẽ gặp điều tốt lành.

Nếu lạnh như xương, tê da, ắt sẽ nghịch lòng trời, hành quân sẽ đại bại.

Móc cũng có tên là “rượu của trời”. Ngày xưa, người ta tin rằng Vua Hán Võ Đế được thần tiên dùng tay hứng cho mà uống, chắc phải có lợi gì.

35.- PHÉP XEM MƯA GIÓ NGÀY MỒNG MỘT:

Ngày mồng một tháng giêng mưa to, gió lớn, thổi cát bụi bay lên, làm tróc nóc nhà, chủ về việc tơ lụa hiếm hoi, nghề tầm thất bại, lúa mất mùa.

Ngày mồng một tháng hai có mưa thì tơ xấu, mất mùa lúa. Ngày ba mươi mà mưa thì dân gặp nhiều tật bệnh, chết chóc nhiều và gặp việc dữ.

Ngày mồng một tháng ba có mưa gió thì có nhiều bệnh, có sâu lúa sinh ra, hai thứ lúa mì lớn nhỏ đều không chín, nhân dân chịu sầu khổ.

Ngày mồng một tháng tư có mưa gió thì lúa mì xấu, gạo trở nên đắt đỏ. Ngày ba mươi có mưa lớn thì có bồ cào (sâu keo) gieo nạn dữ.

Ngày mồng một tháng năm có mưa gió thì trâu bò trở nên đắt đỏ. Trong năm ấy nhân dân sẽ đói kém, trở nên sầu oán và sẽ có dấy binh.

Ngày mồng một tháng sáu có mưa gió thì lúa gạo trở nên hiếm hơi đắt đỏ.

Ngày mồng một tháng bảy có mưa gió thì lúa gạo trở nên đắt đỏ, nhân dân không yên ổn, thiên hạ loạn lớn.

Ngày mồng một tháng tám có mưa gió thì đất âm có nhiều vãi và lúa mì, khan hiếm gạo và dầu mè.

Ngày mồng một tháng chín có gió mưa thì hạt mè khan hiếm cho đến xuân hạ năm sau.

Ngày mồng một tháng mười có gió mưa là chủ về việc có khô hạn, hạt mè khan hiếm.

Ngày mồng một tháng mười một có gió mưa thì việc binh gặp nhiều tai nạn.

Ngày mồng một tháng chạp có gió mưa thì mùa xuân bị khô hạn, mùa hè bị lụt lội, gạo lúa trở nên đắt đỏ.

MỘ BINH

36.- TUYỂN MỘ:

Đặt ra ba bậc đề tuyển mộ tráng sĩ. Từ quan lại trở xuống, đều phải cử người mà mình biết rõ.

Những kẻ giặc cướp thi đẽ vào bậc trên, những kẻ đả thương hoặc trộm cắp cho vào bậc thứ hai, những kẻ không lo việc nhà thì cho vào bậc dưới.

Khiến nhóm họp các tướng và để 300 cỗ xe ngựa cho họ dùng, rồi tuyển mộ quân cảm tử để hầu hạ họ: nếu không phá được địch, cũng không đến nỗi mất nhuệ khí.

37.- BINH MẠNH:

Trong phép chiến thắng có 5 việc cốt yếu:

- 1) Sẵn sẵn bào giáp, binh khí.
- 2) Lo kiếm người, ngựa. xe cho đủ.
- 3) Chứa trữ nhiều.
- 4) Huấn luyện sĩ tốt.
- 5) Chọn tướng giỏi.

Năm việc trên đã chuẩn bị xong rồi mới có quân đội mạnh mẽ được.

38.- CHỌN BINH ĐỂ TẬP LUYỆN:

Binh cần tinh nhuệ chứ không cần nhiều.

Nên chọn những kẻ khoẻ mạnh mà dùng chứ chọn những kẻ ốm yếu để khoe số đông.

Những hạng có thể thâm nạp để huấn luyện là những kẻ:

- 1) Có nhiều anh em.
- 2) Không cha mẹ.
- 3) Tuy đơn độc nhưng có con nối dõi,
- 4) Nhà tuy nghèo nhưng có tài sức mạnh khoẻ.

CHỌN TƯỚNG

39.- XÉT TƯỚNG:

Muốn biết người nên xét tám chứng cứ sau này:

- 1) Thứ nhất là hỏi họ, buộc họ phải trả lời để dò xem *kiến thức tường tận của họ*.
- 2) Thứ hai là lấy lời gạn hỏi họ để xem *tài ứng biến của họ*.
- 3) Thứ ba là dùng gián điệp dò xét họ để xem *lòng thành thực của họ*.
- 4) Thứ tư là buộc họ giảng giải rõ ràng để xem *đức độ của họ*.
- 5) Thứ năm là dùng tiền của mà sai khiến họ để xem *tính liêm khiết của họ*.

- 6) Thứ sáu là dùng sắc đẹp mà thử họ để xem lòng *trình chính của họ*.
- 7) Thứ bảy là đem việc khó mà bảo họ để xem lòng *dũng cảm của họ*.
- 8) Thứ tám là cho họ uống rượu say để xem *thái độ của họ*.

40.- DÙNG TƯỚNG:

Hỏi : Nếu có một viên tướng *mạnh dạn*, một viên tướng *cơ trí phải dùng họ như thế nào mới được?*

Đáp : *Tướng mạnh dạn thì có tài đánh phá chỗ kiên cố của địch, vây hãm trận địch, có tướng mạnh thì có thể gây nên thế mạnh. Về việc lo liệu đối phó với quân địch, sắp đặt kế hay, tùy cơ ứng biến, nếu không có tướng cơ trí thì không thể làm được.*

Nếu tướng chỉ cậy dũng cảm mà thôi thì phải thua mưu trí vậy. Cho nên ngày xưa, xây đàn, lên đài, *đẩy trục xe (*)*, *ắt phải tìm mời tướng sù có cơ trí để làm chỗ trông cậy cho người tướng mạnh dạn. Do đó người làm chủ tướng không cần phải biết phép thuật, đánh gươm cưỡi ngựa, bắn cung, mà cần phải hiểu biết thông suốt các việc xưa nay.*

Vậy phải giao trách nhiệm chỉ huy cho ai? Muốn biết một viên tướng là tài giỏi hay ngu tối, *ta phải thử thách họ để coi họ động lòng hay không.*

(*) *Đó là phép dâng đàn bái tướng của vua chúa đời xưa: Võ Vương phong tướng cho Khương Tử Nha, Hán Cao Tổ phong tướng cho Hàn Tín...vân vân...*

41.- CÁCH ĐỐI PHÓ VỚI TƯỚNG NGU TỐI CỦA ĐỊCH QUÂN :

Thử thách mà động lòng đó là hạng *tướng ngu tối*. *Tướng ngu tối thấy lợi thì động lòng, khinh thường quân địch nên động lòng. Về phương pháp đối phó, ta nên dùng hai cách phỉnh gạt sau này để bắt tướng ấy :*

- Đối với tướng tham lợi, ta dùng *mồi nhử để bắt họ*.
- Đối với tướng coi thường đối phương, ta *giả vờ khiếp nhược để câu nhử thì có thể bắt được họ*.

42.- CÁCH ĐỐI PHÓ VỚI TƯỚNG GIỎI CỦA ĐỊCH QUÂN :

Thử thách mà không động lòng, đó là hạng *tướng tài giỏi*. *Tướng tài giỏi, có mưu trí đầy đủ nên không động lòng, có pháp thuật đầy đủ nên không động lòng. Về phương pháp đối phó, ta nên dùng hai cách giúp thêm sau này để chống chọi.*

- Khi hai bên dùng trí đấu nhau, mưu-trí của ta không hơn được mưu trí của địch, thì ta dùng *pháp thuật giúp thêm vào, để che ngăn chỗ sơ hở khi địch nhân lúc ta thua trí mà đánh vào.*

- Khi hai bên dụng phép thuật để đánh nhau, mà phép thuật của ta không hơn được phép thuật của địch, thì ta dùng mưu trí giúp thêm vào, để ngăn ngừa sự biến loạn, khi địch thừa dịp ta sơ hở về phép thuật mà đánh vào.

43.- CHIẾN LƯỢC:

Đây là mưu đánh. Khi giao binh, nếu muốn biết tình trạng hư thực của địch, ta hãy làm cho người lộ hình tích mà giữ cho ta vô hình. Ta làm cho người bộc lộ tình trạng hư thực, đánh vào chỗ sơ hở của họ mà thành ra đánh được chỗ vững bền của họ.

Nếu ta đánh vào chỗ vững mạnh của địch, ắt là ta sai lầm, nếu ta đánh mạnh vào chỗ sơ hở của địch thì ta được vững mạnh, sai lầm ở trên là bởi lẽ đó. Sâu kín đến nỗi trở nên vô hình, *giấu kỳ ở trong chính, giấu chính ở trong kỳ, lấy kỳ làm chính, lấy chính làm kỳ.*

Phép đánh là dùng *chính để hợp, dùng kỳ để thắng, phép chiến thắng không ra ngoài kỳ chính, cách biến hóa của kỳ chính không bao giờ hết được. Kỳ và chính sinh ra nhau như vòng tròn không có đầu múi. Xét hư thực, hiểu rõ đâu là vững chắc đâu là sơ hở, khéo dùng phép kỳ chính, đó là ba vật báu của binh pháp.*

Biết mình biết người, trăm đánh trăm thắng. Nuôi khí lực của dân, định tâm chí của quân, đó gọi là biết mình. Xét tình hình quân địch, đó gọi là biết người. Việc ấy có ba điều trọng yếu, phát xuất từ ba căn bản, tại sao thế?

Theo phép cầm binh thì “*dụng*” bên ngoài khoan nghiêm không chừng, nhưng “*thế*” bên trong phải nghiêm, cho nên binh gia và pháp gia phụ giúp cho nhau; hình trạng bên ngoài thì động tĩnh vô thường nhưng phải lấy tĩnh làm chủ, cho nên binh gia và âm phù gia (pháp sư) phải nhờ cậy nhau. Việc hình pháp không cần phải kiêm thêm việc binh, nhưng trái lại việc binh chưa bao giờ khỏi kiêm thêm việc hình pháp; pháp thuật không cần dùng binh mã, nhưng binh gia chưa bao giờ khỏi dùng pháp thuật. Cho nên mới nói rằng: *ba điều trọng yếu do ba căn bản. Dùng sở trường của các nhà rồi suy tính lợi hại, như thế mưu lược sẽ được hoàn bị.*

44.- CÁCH DÙNG TƯỚNG:

Hỏi : Phép dùng tướng như thế nào ?

Đáp : Tại một việc *cơ quyền mà thôi*. Tướng nói có thể dùng dân thì phải dùng, tướng nói không thể dùng dân thì không dùng. Tướng nói có thể dùng binh thì phải dùng, tướng nói không thể dùng binh thì chớ dùng. Tướng nói có thể đuổi đánh quân địch thì phải đuổi đánh, tướng nói không thể đuổi đánh thì chớ đuổi đánh. Như thế quân pháp không rối loạn, cơ quyền không bị cản trở.

Nhưng muốn biết dùng tướng, trước hết phải biết chọn tướng. Muốn biết chọn tướng, trước hết phải biết xét tướng. Ba việc hiểu biết ấy đem lại quyền năng thần diệu cho tướng sù, cho nên không thể không xem xét cẩn thận. Phép khiển tướng, dùng binh như thế đầy đủ rồi sao?

Tuy nhiên theo Tôn Ngô thì phải lo đánh thành, còn theo lời Mạnh Tử, Tuân Tử thì chưa được. Vì sao nói thế? Đáp rằng : Kế hoạch căn bản đã mất nên mới dùng Tôn Ngô, đó chỉ là búa rìu dùng để đẽ gọt nước nhà. Bên ngoài dữ ác, bên trong đẽ gọt thì cơ mất nước chỉ còn kiễng chân mà mong chờ.

45.- CHIẾN LƯỢC :

Việc cốt yếu trong khi đánh giặc là trước hết xem xét tài năng của tướng địch, tùy theo hình thế mà dùng cơ quyền, ắt là không mệt nhọc mà được thành công.

Tướng địch ngu ngốc mà lại tin người thì ta có thể hứa hẹn để dẫn dụ.

Tướng địch tham lam mà không cầu danh thì ta có thể dùng tiền mà hối lộ.

Nếu tướng địch nhẹ dạ vô mưu, thì ta có thể làm cho phải vất vả, khổn đốn.

Bên địch trên giàu mà kiêu căng, dưới nghèo mà oán hận thì ta dùng mẹo ly gián.

Bên địch tới lui ngờ vực, dân chúng không biết trông cậy vào đâu, thì ta làm cho chúng rúng động rồi đuổi đánh chúng.

Bên địch sĩ tốt khinh tướng sù mà có bụng muốn trở về, thì ta ngăn chặn lối đi dễ, mở thông lối đi khó rồi đón đánh thì cầm bắt được.

Bên địch đường tới dễ đường lui khó thì ta vờ chúng đến mà đánh, bên địch đường tới khó đường lui dễ, thì ta đến gần chúng mà đánh.

Địch đóng quân ở chỗ ẩm thấp, nước không có chỗ chảy thông, trời mưa dầm lâu ngày thì ta có thể khơi nước chảy vào để chúng bị chết đuối.

Địch đóng quân ở chốn đồng hoang, lau cỏ um tùm, khi có gió mạnh ta dùng lửa để đốt chúng chết cháy.

Địch đóng quân lâu ngày ở một chỗ, tướng sĩ biếng nhác, quân ấy không phòng bị, ta có thể ẩn nấp mà đánh úp.

46.- CÁC HẠNG TƯỚNG SÚY :

Tướng súy có nhiều hạng :

- Có tướng nho nhã
- Có tướng mạnh dạn
- Có tướng khôn lanh
- Có tướng tài giỏi.

Tướng nho nhã thì có mưu trí

Tướng mạnh dạn thì đánh mạnh

Tướng khôn lanh thì biết ứng biến

Tướng tài giỏi thì có nhiều khả năng.

Nếu tướng gồm kiêm được hết thì không việc gì mà không thần diệu, nếu tướng biết phòng bị thì không có việc nào bất lợi.

47.- HÒA MỤC :

Hòa mục là giếng mối chính của sự trị an. Trong nước hòa mục thì việc binh tốt đẹp. Lính đồn thú ngoài biên cảnh hòa mục thì không có việc kinh sợ. Nếu bất đắc dĩ mới đặt giới cấm thì sự hòa mục càng được quý trọng. Vua tôi hòa mục sau mới chuyên dùng. Tướng văn tướng võ hòa mục sau mới thành công. Tướng sĩ hoà mục sau mới nhắc nhở công lao của nhau mà tưởng thưởng, khi gặp nguy nan mới cứu viện nhau. Vậy sự hòa mục là đường lối tốt đẹp bất đi bất dịch của phép trị quốc hành binh.

48.- TRỌNG THƯỜNG TƯỚNG SÚY :

Tướng súy đánh trống, phất cờ, khi gặp nạn thì quyết tử chiến, xông pha gươm đao, chống chọi nổi với địch thì được thưởng công, nêu danh, thua địch thì binh chết nước mất. Như thế vấn đề còn, mất, yên, nguy chỉ tùy thuộc vào một mây tơ hào, do đó không thể không trọng thưởng tướng súy.

49.- TÀI ĐỨC CỦA TƯỚNG SÚY :

Tài đức của tướng súy kẻ ít người nhiều chẳng giống nhau.

- Che giấu điều gian tà, chứa trữ tai họa, chẳng biết dân chúng hờn oán, đó là tướng coi 10 người.

- Siêng năng cần mẫn, nói năng kín đáo rõ ràng, đó là tướng coi 100 người.

- Ngay thẳng mà biết lo âu, mạnh dạn mà biết chiến đấu, đó là *tướng coi 1000 người*.

- Ngoài mặt mạnh mẽ, trong lòng hăng hái, hiểu rõ điều lao khổ của người, thương xót cảnh đói rét của người, đó là *tướng coi muôn người*.

- Gần hiền, cử tài, được một ngày thì cẩn thận một ngày, thành tín, rộng lượng, sửa trị việc rối loạn mà vẫn thanh nhàn, đó là *tướng coi 100 ngàn người*.

- Nhân ái đối với người dưới, dùng tín nghĩa để hàng phục nước láng giềng, trên hiểu thiên văn, dưới thông địa lý, giữa rõ nhân sự, coi người trong bốn biển như trong một nhà, đó là *tướng-sứ của tất cả thiên-hạ, không ai có thể đối địch lại được*.

49.- THỜI TIẾT :

Việc điều binh khiển tướng là việc lo sợ của binh gia vậy nên cần chờ mặt trời, mặt trăng (ngày, tháng thuận lợi) để được thành công.

50.- PHÉP LẬP ĐÀN :

Lập đàn 3 tầng cao 3 trượng để tượng trưng *tam tài, rộng 24 trượng để tượng trưng 24 khí*.

Giữa đàn có 25 người đứng, mặc áo vàng, tay cầm cờ vàng, đuôi báo, trấn giữ ở giữa cung mậu, kỷ, thổ để tượng trưng việc chỉ huy trận hình.

Phía đông đàn có 25 người, mặc áo xanh, tay cầm cờ xanh, trấn giữ hướng đông, giáp, ất, mộc để tượng trưng thanh long (rồng xanh).

Phía tây đàn có 25 người, mặc áo trắng, tay cầm cờ trắng, trấn giữ hướng tây, canh, tân, kim để tượng trưng bạch hổ (cọp trắng).

Phía nam đàn có 25 người, mặc áo đỏ, tay cầm cờ đỏ, trấn giữ hướng nam, bính, đinh, hỏa để tượng trưng chu tước (phượng đỏ).

Phía bắc đàn có 25 người, mặc áo đen, tay cầm cờ đen, trấn giữ hướng bắc, nhâm, quý, thủy để tượng trưng huyền vũ (rùa đen).

Chung quanh đàn có 365 người cầm cờ đủ màu để tượng trưng vòng trời 365 độ Như thế là đầy đủ.

Đại tướng theo phương sinh khí, lên đàn bái tướng tế trời đất, đóng giữ sáu hung(?), sắp đặt mà dùng.

Bên trái và bên phải có các quan văn võ đứng hầu, nếu có ai làm huyền não hoặc đứng sai hàng lối thì sẽ có quân pháp trừng phạt.

51- TRAO MỆNH CHO TƯỚNG SÚY:

Việc yên nguy của xã tắc đều tùy thuộc vào một người chủ tướng nên mới khiến quan Thái Sử giữ trai giới ba ngày, đến Thái Miếu bói ở mu rùa để chọn ngày tốt trao rìu búa.

Vua đi vào cửa miếu, quay mặt về hướng tây mà đứng, tướng quay mặt về hướng bắc mà đứng.

Vua tự cầm đầu rìu đưa cán cho tướng mà nói rằng: *Từ đây cho tới trời, tướng quân hãy lo chế ngự.*

Rồi cầm cán búa đưa lưỡi búa cho tướng mà nói rằng: *Từ đây cho tới vực thẳm, tướng quân hãy lo chế ngự.*

Tướng nhận búa rìu lạy tạ mà trả lời Vua : *Hạ thần nghe rằng việc nước không thể theo ngoài, trị quân không thể theo trong. Hai lòng không thể thờ vua, chí khí chia lìa không thể ứng phó với địch quân. Thần đã chịu mệnh, cầm rìu búa, không dám sống mà trở về. Mong Vua ban cho thần một lời nói trao mệnh, nếu Vua không chịu thần không dám làm tướng.*

Làm như thế thì trên không có trời. dưới không có đất, ở trước mặt không có địch, ở sau lưng không có Vua.

52.- DỪNG TƯỚNG :

Đời sau dùng người không được như thế. Nghị bàn một người mà phân thi hành về một người khác. Như thế người nghị bàn không biết sự khó khăn của người thi hành mà chỉ nói lý thuyết cao siêu. Người thi hành muốn tuân thụ ý của người nghị bàn nhưng không hợp với thời cơ. Thậm chí có khi một người thi hành mà có tới mấy chục người nghị bàn. Ở giữa kẻ hiền và người gian lẫn lộn, kẻ thương và người ghét đều theo ý riêng của mình mà nói. Kẻ thương tuy ít mưu nhưng cũng phụ hội mong cho thành. Kẻ ghét tuy mưu hay những tìm nhiều cảnh để khuấy rối. Không biết liệu lường địch yếu hay mạnh như thế nào mà cứ cho rằng đánh ít thì thắng ít, đánh nhiều thì thắng lớn. Không hỏi thời thế khó dễ như thế nào mà thấy quân nghỉ ngơi thì buộc tội trì hoãn, thấy quân giữ vững thì buộc tội biếng nhác. Kẻ thi hành liếc trái, nhìn phải, muốn đánh hay giữ, tới hay lui, đều không tự chủ được.

Đến khi có mườì cỗ xe nguyên nhung chưa kịp đi mà quan trên đã ban lệnh rồi rít, mệnh lệnh trong quân đã định mà bọn áo gấm ngồi cao đã tới làm rộn, việc đem sĩ tốt ra mà đánh hay đem tướng ra mà đánh đều do bọn nghị bàn đề

xướng tất cả. Các đời Đường, Tống, Minh đều thất bại vì nạn nói trên, đời Tống vất nặng mà đời Minh lại càng nặng hơn nữa.

Kẻ luận việc đời Tống nói rằng : Nếu chỉ bàn suông mà thành công, thì ai bàn ít mà rõ việc, đó là kẻ sáng suốt trong thiên hạ. Không chết vì tay giặc cướp mà chết vì tay người nhà, không chết ở nơi biên cương mà chết vì kẻ can gián ngồi cao, điều tệ hại ấy sinh ra do những người chỉ lo làm mà không chịu luận bàn. Trái lại đối với những kẻ chỉ bàn suông mà không làm thì họ cứ bàn luận phân vân như tơ vò không thể gỡ rối. Xét lại việc xưa nay, *Hán Tuyên Đế sử dụng Triệu Sung Quốc, là biết phép dùng tướng vậy.*

ĐẠO LÀM TƯỚNG

53.- CẢN MẬT :

Biến động là nguồn gốc của kỳ chính, gặp việc chẳng hé môi, dùng binh chẳng nói năng. Cho nên khi có việc, không gì hơn được trước, khi động không gì hơn kín lặng, khi dùng không gì hơn bất ngờ, khi lập mưu không gì bằng đừng cho ai biết.

54.- HU THỰC :

Kẻ thắng trước thì trước hết tỏ ra mình yếu hơn địch cho nên sĩ số chỉ bằng nửa mà sức đánh gấp bội địch.

Cho nên chưa thấy thắng mà đã đánh, dầu đông quân cũng sẽ thất bại. Kẻ đánh giỏi ở yên thì không lộn xộn, thấy thắng được thì dấy binh đánh, thấy không thắng được thì dừng lại.

Ngày xưa kẻ giỏi dùng binh trong lòng muốn như thế nhưng tỏ ra ngoài rằng mình không muốn như thế, khiến cho địch ngờ rằng mình không muốn như thế, để thi hành ý muốn của mình đúng như thế, đó là phép vi diệu, để phá quân, bắt tướng, hàng thành, phục ập. Bây giờ nếu ý muốn chẳng phải thế, thì làm ra vẻ muốn như thế, khiến cho địch ngờ rằng mình muốn như thế, để mà thi hành ý muốn riêng của mình, đó là phép vi diệu để phá quân, bắt tướng, hàng thành, phục ập. Cho nên việc bày ra ngoài là ảnh. Cho nên làm ra cho người thấy, nhưng không có ý ấy, thì trong ảnh lại có ảnh hiện ra. Hai gương cùng treo soi nhau, đã sâu kín lại càng sâu kín.

Địch sắp đặt mưu kế mà ta phá hoại được, địch toan đoạt lợi ta mà ta ngăn chặn được, ắt là cơ trí của địch phải thất bại. Chúng giả vờ khêu chọc ta để đánh úp ta, ta phá được. Chúng giả phô trương, ta phá được. Chúng giả đánh, ta phá lực lượng của chúng. Chúng dẫn dụ lừa dối ta, ta phá hỏng mưu mô của chúng. Hoặc ta dùng cách giả trá để phá chúng, hoặc ta dùng cách tín thực để phá chúng. *Hư thì không thực, giả trá thì không tạo công. Thực thì không hư, thành việc thì được kết quả. Vận hành ở đất không có, lay chuyển ở mỗi đầu đứng yên. Sâu kín tối tăm. Địch muốn làm nhưng chẳng lo toan được. Địch muốn mưu đồ nhưng chẳng có tâm trí để làm việc ấy, đó là sự thần diệu của cách biến hóa hư không vậy.*

55.- XỬ THẾ :

Bỏ mình để báo ơn Chúa mà không khiến được sĩ tốt đồng lòng cùng chết, như thế chẳng phải là tướng giỏi thành công. Cùng sĩ tốt ăn uống mà về sau quên lúc đói khát trên ngựa. Cùng sĩ tốt hưởng bổng lộc mà về sau quên việc xông pha nguy hiểm. Cùng sĩ tốt thức ngủ nhưng về sau quên việc đánh dẹp gian lao. Lo điều lo của sĩ tốt, cùng chịu điều khổ của sĩ tốt, những về sau quên vết thương tên bắn. Việc đã xong thì tình phải tròn. Cho nên chiến đấu là điều trọng yếu, chịu thương tích chết chóc là phận sự, xông pha gươm đao, tranh đi trước người là nhiệm vụ, nhưng nếu không biết đường lối thì đó là việc nguy hiểm. Kẻ quên mình ở hoàn cảnh nguy hiểm mà lại vui vẻ được, kẻ ấy sẽ ăn vật độc như ăn kẹo.

56.- CHIẾN LƯỢC :

Đem binh uy hiếp chỗ mà thiên hạ không biết, chế ngự chỗ mà thiên hạ không dám cự, đánh vào chỗ mà thiên hạ không thể giữ, trấn giữ chỗ mà thiên hạ không dám đánh, chạy vào chỗ mà thiên hạ không thể chống cự, rời bỏ chỗ mà thiên hạ sẽ không đến. Ta trấn nhiếp chỗ nào thì thị uy ở chỗ ấy khiến cho địch chưa dùng binh mà đã sợ ta. Đến khi dùng binh mà địch không chống nổi ta thì bởi chúng đã một lần sợ ta rồi nên ngàn năm chúng cũng sẽ sợ tài của ta.

57.- THẾ CHỦ ĐỘNG :

Tới lui đánh giữ đều do nơi ta, đó là có cơ đánh thắng. Do ta thì ta chế ngự được địch, do địch thì bị địch chế ngự. Ta muốn chế ngự địch mà dầu địch không muốn cũng không cưỡng lại được, đó là do ta sắp đặt khiến cho phải được như thế.

58.- TÁNH TỰ NHIÊN :

Tự tánh thì chẳng có gì mà chẳng chứa đựng. Quen làm một việc lâu ngày ắt là đem dùng được tự nhiên. Cho nên kẻ giỏi dùng binh thì chẳng thấy gì ngoài việc binh, chẳng luận đàm gì ngoài mưu lược, chẳng trị chỗ nào mà không biến hóa xen trộn. Đó là khi thấy việc biến xảy tới thì chẳng cần chờ an bài bèn tính toán so đo để trong mọi việc kinh dinh chẳng có điều gì mà không hoà hợp, ổn thỏa. Trời tự nhiên mà vận hành, đất tự nhiên mà ngưng tụ. Việc binh thi hành tự nhiên cho nên chẳng bao giờ mà không thắng.

59.- THÁNH ĐẠO :

Dùng mưu trí để hàng phục thiên hạ mà thiên hạ chịu khuất phục mưu trí của mình thì mưu trí ấy cũng chưa phải là tối thắng. Dáng hình pháp để chế ngự thiên hạ, mà thiên-hạ chịu theo hình pháp thì hình pháp ấy cũng chẳng có gì hay. Dưới mưu trí hay hình pháp đều chẳng phải là điều hay nhất trong những điều hay. Ngày xưa Thánh Võ giữ thế mà chẳng vây thành, chẳng đánh lũy chẳng bày trận, đó là nhờ nương nấu ở chỗ hư không và dựa vào chỗ ít oi.

Un đúc trong thế không tranh mà được vậy. Sâu xa trong sạch, tang tình tang... (*)

(*) Nguyên văn trong bản scan, có lẽ do thiếu sót trong việc in ấn ...

60.- TIẾT CHẾ :

Ngày xưa, Vua Đường Thái Tôn hỏi Lý Tịnh rằng:

- Hiện nay, về tướng súy chỉ có Lý Tích, Đạo Tông và Tiết Vạn Triệt. Nhưng trừ Đạo Tông là chỗ thân thuộc để riêng ra ngoài, thì ai có thể kham được việc lớn?

Lý Tịnh đáp:

- Bộ hạ thường nói Lý Tích và Đạo Tông dùng binh không thắng lớn mà cũng không thua to. Còn Vạn Triệt nếu không thắng lớn thì phải thua to. Nhân nghe thánh ngôn của Bộ Hạ, thần cạn nghĩ rằng: Không cần thắng lớn mà cũng không thua to đó là binh có tiết chế. Nếu chỉ một là thắng lớn, hoặc một là thua lớn, thì đó chỉ là may mắn mà được thành công. Cho nên Tôn Võ nói rằng: Tướng đánh giỏi luôn luôn đứng vào thế không thua nhưng không bỏ lỡ cơ hội đánh bại quân địch. Đó là nhờ sự tiết chế ở nơi ta vậy.

61.- CÁC ĐIỀU CHỦ YẾU TRONG BINH PHÁP:

Vua Đường Thái Tôn hỏi Lý Tịnh rằng:

- Trong binh pháp, những điều thâm yếu nhất là gì?

Lý Tịnh đáp:

- Thần thường chia ra ba bậc để cho học giả nghiên cứu dần dần.

Thứ nhất là *đạo*

Thứ hai là *trời đất*

Thứ ba là *tướng pháp*

Lý thuyết về đạo rất là tinh vi. Điều mà dịch học gọi là *thông minh, duệ trí, thần võ nhưng không cần phải giết người, chính là cái ấy.*

Lý thuyết của trời là *âm dương*, lý thuyết của đất là *khó dễ*. Kẻ dùng binh có thể lấy âm, đoạt dương, lấy khó đánh dễ. *Mạnh Tử* gọi *thiên thời, địa lợi*, chính là cái ấy.

Lý thuyết của tướng pháp là dùng người, dùng vật cho có hiệu quả. Sách *Tam Lược* nói được kẻ sĩ là tốt, *Quản Trọng* nói đồ sắc bén, bền bỉ, chính là cái ấy.

62.- SÁCH LƯỢC:

Vua *Đường Thái Tôn* nói: *Tuy nhiên, ta cho rằng không đánh mà khuất phục được binh của người, đó là thượng sách. Trăm đánh trăm thắng là trung sách. Đào hào sâu, đắp lũy cao để tự phòng thủ là hạ sách. Lấy ba bậc ấy cũng có thể so sánh với ba bậc trong sách của Tôn Võ.*

Lý Tịnh đáp: *Xem văn và xét việc cũng thấy có chỗ sai biệt. Trương Lương, Phạm Lãi, Tôn Võ bỗng nhiên đi biệt tích, không biết là đi đâu, nếu không phải là hạng người biết đạo, thì sao có thể làm được như thế? Như Nhạc Nghị, Quản Trọng, Gia Cát Lượng đánh thì thắng, giữ thì vững, nếu không biết xét thiên thời, địa lợi thì sao có thể làm được như thế? Sau nữa Vương Mãnh giữ nhà Tần, Tạ An giữ nhà Tần, nếu không biết dùng tướng sủng, chọn nhân tài để giữ gìn hoàn bị, sao có thể làm được như thế? Cho nên người học tập về binh pháp, trước hết đi từ bậc dưới, để tiến lên bậc giữa, rồi từ bậc giữa tiến lên bậc trên, ắt là dần dần có thể đi tới chỗ sâu xa. Nếu không làm như thế thì chỉ là nói suông, dầu có chép và đọc tụng cũng vô ích, không thể dùng được vậy.*

Vua *Thái Tôn* nói: *Các đạo gia rất kỵ việc ba đời làm tướng, nên không dám truyền bừa bãi mà cũng không dám truyền, Khanh nên cẩn thận về chỗ ấy.*

Lý Tịnh lay tạ mà lui về, truyền hết sách binh pháp cho *Lý Tích*.

63.- ĐỨC TÍNH:

Binh ở chốn chiến trường, đứng vào nơi chết chóc, quyết chết thì được sống, cầu sống thì phải chết. Người tướng giỏi giống như đứng trên thuyền thủng đáy, nằm dưới nhà đang cháy, hoàn cảnh ấy khiến cho kẻ có cơ trí cũng không kịp mưu tính được gì, kẻ đồng cảm cũng không kịp nổi giận, như thế mới có thể chống cự với quân địch. Cho nên trong các điều hại của sự dụng binh, sự *do dự là lớn nhất, tai nạn của ba qua sinh ra do sự hồ nghi.*

Cho nên năm điều hay giỏi của tướng súp là:

Thứ nhất: *sửa trị*

Thứ hai: *phòng bị*

Thứ ba: *quả cảm*

Thứ tư: *kỷ luật (giới cấm)*

Thứ năm: *giản ước.*

Biết trị yên thì có thể trị nhiều người giống như trị ít người.

Biết phòng bị thì đi ra cửa giống như đi gặp địch.

Có tính quả cảm thì khi gặp địch, chẳng còn cầu sống.

Biết khếp vào kỷ luật thì khi gặp nguy nan, cũng giống như lúc bắt đầu đánh.

Có tính giản ước thì ban pháp lệnh rõ ràng mà không phiền phức.

Khi chịu mệnh rồi, người tướng không kịp từ giã gia đình, phá địch xong rồi mới nói chuyện trở về, đó là lễ nghi của tướng súp.

Cho nên ngày ra binh, chỉ mong chết vinh mà không cầu sống nhục.

64.- THAM MƯU:

Việc binh có bốn quân cơ:

Thứ nhất: *khí cơ*

Thứ nhì: *địa cơ*

Thứ ba: *sự cơ*

Thứ tư: *lực cơ*

Quân đầu có ba cánh, đông tới trăm vạn, mọi việc sắp bày to hay nhỏ đều do ở một người: đó là *khí cơ.*

Đường sá chật hẹp, hiểm trở, núi cao bít nghẽn, một người trấn giữ có thể ngăn chặn một ngàn người không qua được, đó là *địa cơ.*

Khéo sắp đặt việc gián điệp khiến kinh binh lui tới phân tán khắp nơi, khiến cho vua tôi oán nhau, trên dưới đổ lỗi cho nhau, đó gọi là *sự cơ*.

Biết rõ bốn điều ấy, có thể làm tướng sù được.

(*)

65.- NGHIÊM CHÍNH:

Chiêng trống phải làm cho tai khiếp uy

Cờ xí phải làm cho mắt khiếp uy

Cấm lệnh, hình phạt phải làm cho tâm khiếp uy

Âm thanh làm cho tai khiếp uy thì không thể không trong trẻo.

Màu sắc làm cho mắt khiếp uy thì không thể không sáng.

Hình pháp làm cho lòng khiếp uy thì không thể không nghiêm.

Ba điều ấy mà không hẳn hoi đúng đắn thì dầu được nước cũng sẽ bị địch đánh bại.

Cho nên mới nói rằng: Tướng vẫy tay về phía nào, thì không thể không đi theo phía ấy, tướng chỉ tay vào nơi nào thì không thể không tới nơi ấy mà chết.

66.- UY QUYỀN VÀ TÀI ĐỨC:

Kẻ làm tướng, trời không chế ngự được, đất không chế ngự được, người không chế ngự được, không thể chọc giận, không thể dùng của cải mua chuộc. Lòng nóng giận, tai điếc mắt mù, lấy ba cái ấy để dẫn dắt người, điều ấy thực là khó.

67.- XỬ THẾ:

Các điều gian lao của quân đội, tướng sù phải ném trái trước đã. Trời nắng không che lọng, trời lạnh không mặc áo cầu dày, gặp chỗ đường khó thì xuống đi chùn; giếng nước trong quân đào xong, tướng mới được uống nước; cơm của lính nấu chín rồi, tướng mới được ăn; lũy trong quân xây xong rồi tướng mới được nghỉ; khi cực nhọc hoặc khi nhàn hạ, tướng phải cùng sống với quân lính: như thế tuy dùng binh lâu ngày mà quân đội vẫn mạnh mẽ, hăng hái.

Ghi chú của Natphung:

* Không thấy nói đến phần *lực cơ*.

68.- KHINH VÀ SỢ:

Dân không thể có hai ý. Sợ ta thì khinh địch, sợ địch thì khinh ta. Thấy bị khinh thì bại, giữ được uy thì thắng. Nếu một tướng sù hiểu rõ nguyên tắc ấy thì các loại sĩ sợ tướng ấy lắm.

Lại sĩ sợ tướng, thì sĩ tốt sợ lại sĩ và quân địch sẽ sợ sĩ tốt của ta.

Cho nên muốn biết phép thắng bại thì trước hết phải biết cân nhắc hai việc khinh sợ.

69.- UY NGHIÊM VÀ ÂN HUỆ:

Nếu lòng người chẳng vui thuận thì ta không thể sai khiến họ, nếu lòng người chẳng uy nghiêm thì ta không thể thành công. Dưới thương yêu thì thuận, trên uy nghiêm thì ngay thẳng. Thương yêu thì không ngay thẳng, uy nghiêm thì không xúc phạm. Cho nên bậc tướng giỏi chỉ lo hai việc *thương yêu mà lập uy mà thôi*.

Uy nghiêm nhờ không đối,

Ân huệ bởi kịp thời

Cơ trí nhờ ứng biến

Đánh được nhờ trị khí

Công hãm nhờ ý bày

Giữ kỹ nhờ sắp ngoài

Không lầm nhờ tính số

Không nguy nhờ dự bị

Cẩn thận do sợ nhỏ

Trí dũng nhờ coi lớn

Trừ hại do dám giết

Được người nhờ người dưới

Khinh lờn bởi dùng ngờ

Ác nghiệt tại hay giết

Thiên lệch bởi lo riêng

Chẳng lành vì nghe ác

Quá độ vì lấy hết của dân

Không sáng vì nghe can gián

Không đủ vì dấy bừa

Cạn hẹp vì xa hiền

Mang họa bởi tham lợi

Mang hại vì gần người thấp

Mất vì không có chỗ giữ

Nguy khốn bởi không hiệu lệnh

70.- NHÂN NGHĨA:

Khi dùng binh, không được đánh thành không lỗi, không được giết người vô tội.

Giết cha mẹ, anh em của người, bắt con cái của người làm tội tứ hầu thiếp, đó là cướp bóc. Cho nên việc binh chỉ là trừ bạo dẹp loạn, ngăn chặn điều bất nghĩa. Tại nơi dùng binh, nhà nông không bỏ ruộng, kẻ mua bán không rời chợ, kẻ sĩ đại phu không rời nơi quan phủ. Sở dĩ các điều ấy được thực hiện, đó là nhờ việc điều binh chỉ do tay một người. Nhờ đó dùng binh không đổ máu mà lại được thiên hạ thương yêu.

71.- GIẾT VÀ THƯỜNG:

Giết là để làm sáng tỏ võ đức. Giết một người mà làm ba quân chấn động, giết một người để muôn người làm điều lành thì nên giết.

Khi giết nên giết người lớn, khi thường nên thường người nhỏ, nếu đáng giết đầu là người cao quý cũng giết, đó là phép tra xét người trên của hình pháp. Thường cho đến kẻ chăn trâu cắt cỏ, đó là cách thường kẻ hạ lưu. Có thể tra xét người trên, tưởng thường kẻ dưới, đó là võ đức của tướng sù, cho nên bậc chúa loài người thường trọng tướng.

72.- UY QUYỀN:

Kẻ làm tướng, trên chẳng bị ngăn bởi trời, dưới chẳng bị ngăn bởi đất, giữa chẳng bị ngăn bởi người. Cho nên việc binh là việc dữ, kẻ nào tranh giành thì hại đức. Tướng là hạng quen giết người cho nên bất đắc dĩ mới dùng tướng.

Trên chẳng có trời, dưới chẳng có đất, sau lưng chẳng có vua, trước mặt chẳng có địch. Binh của một người như cọp như sói, âm thầm, rung chuyển, thiên hạ đều phải sợ sệt.

73.- BIẾN HÓA:

Binh thẳng giống như nước. Nước là vật rất mềm yếu, nhưng ở trên chỗ gò núi hóa thành băng đá chẳng khác khi chuyên nhất thì sắc bén như gươm Mạc Tà, cứng nhọn như sừng tê. Hình tượng của ba quân nếu biết biến hóa theo phép kỳ chính thì thiên hạ không thể chống cự lại.

74.- NHÂN HÒA:

Cho nên mới nói rằng: Dùng kẻ hiền thì không cần chọn ngày giờ mà chỉ cần lợi ích. Pháp luật sáng suốt, hiệu lệnh dẫn đo thì không cần bói toán, công

việc cũng sẽ tốt lành. Biết quý trọng công lao thì không cần cầu đảo cũng được phước may.

Lại có nói: Thời trời chẳng bằng đất lợi, đất lợi chẳng bằng người hòa. Các thánh xưa chỉ biết thận trọng nhân sự mà thôi.

75.- TỔ QUỐC TRÊN HẾT:

Ngày chịu mệnh tướng liền quên nhà, kéo quân đóng trại thì quên người thân, cầm dùi đánh trống thì quên mình.

76.- PHÒNG NGỪA:

Khi Ngô Khởi ra trận, hai bên tả hữu dưng kiếm. Khởi nói rằng: Tướng chỉ trông coi cờ trống, gặp nguy nan thì quyết đánh, lo điều khiến ba quân, đó là việc của tướng. Chỉ cầm một thanh kiếm, đâu phải là việc của tướng.

Cho nên kẻ biết đạo ắt trước hết phải lo liệu, chẳng chịu thất bại về sự không biết ngăn ngừa. Điều xấu là ở chỗ kẻ có công nhẹ dạ tiến lên cầu đánh. Quân địch lo liệu ngăn ngừa ta, ta tới thì bị địch chế ngự. Cho nên binh pháp nói rằng: Cầu có mà theo, thấy có thì giúp vào nên chủ nhân chẳng dám chống cự, nếu xúc phạm thì bị đánh tan.

77.- MƯU TRÍ:

Lời nói bừa bãi, không cẩn thận thì sự phạm thượng không thể ngăn ngừa. Nước lụt, sấm sét có thể làm cho ba quân loạn lạc. Bấy giờ phải dùng mưu trí để trị yên, dẹp loạn. Thảo luận tại miếu đường để tìm kế hay. Luận việc trao mệnh để thêm long trọng. Luận cách khắc phục gian nan để thêm sắc bén. Như thế có thể đánh thắng nước địch và hàng phục họ.

78.- CHÂM NGÔN:

Việc binh có năm điều cần nhớ:

- Làm tướng thì quên nhà
- Xông pha nguy hiểm thì quên người thân
- Đánh địch thì quên mình
- Quyết chết thì được sống
- Thắng gấp là hạ sách

*

* *

Trăm người mang đủ khí giới có thể hãm trận;

Ngàn người mang đủ khí giới có thể bắt địch giết tướng;

Muôn người mang đủ khí giới có thể hoành hành giữa thiên hạ.

*

* *

Chuyên nhất ắt thắng;

Ly tán ắt bại;

Trận dày kín thì vững chắc;

Tiên phong thưa thì thông suốt;

Lính sợ địch hơn sợ tướng mình thì bại.

Sở dĩ biết thắng bại là nhờ so sánh tướng nhà với quân địch. Tướng nhà và quân địch cũng giống như cân và quả cân vậy.

Yên tĩnh thì trị.

Dĩ gấp thì loạn.

79.- SÁU ĐỨC:

Người xưa đuổi giặc không quá trăm bước, treo cờ xí không quá hai xá (*), đó là bày tỏ đức lễ. Không dồn kẻ yếu vào thế cùng và thương xót người kẻ bị thương tích và bệnh tật, đó là bày tỏ đức nhân. Thành thực tỏ bày ra, đó là làm sáng tỏ đức tín. Giành nhau điều nghĩa mà chẳng giành nhau điều lợi, đó là bày tỏ đức nghĩa. Lại có thể cởi áo ra, đó là bày tỏ lòng dũng cảm. Biết đầu biết đuôi, đó là bày tỏ trí tuệ. Đem sáu đức ra mà khuyên dạy cho hợp thời để làm gương mẫu cho dân chúng, đó là phép chánh trị của người xưa.

(*) Xá: ba mươi dặm.

80.- TRIỀU ĐÌNH VÀ QUÂN NGŨ:

Thời xưa những kẻ dung túng trong triều đình không được vào quân ngũ, những kẻ dung túng trong quân ngũ không được vào triều đình. Những kẻ dung túng trong quân ngũ được vào triều đình thì đức hạnh của nhân dân bị hư hoại. Nếu những kẻ dung túng trong triều đình được vào quân ngũ thì quân ngũ sẽ yếu ớt.

Cho nên trong nước, ngôn ngữ văn nhã và ôn hòa, tại triều mọi người đều cung kính khiêm tốn, lo sửa mình để đối xử với mọi người. Mọi người không được triệu thì không tới, không được hỏi thì không nói, khó tới dễ lui.

Trong quân lữ kháng chiến vững vàng, trong hàng ngũ thi đua hăng hái. Mặc quân phục, mang giáp trụ thì không lạng, ngồi trên binh xa thì không làm lễ, canh giữ ở trên thành thì không bỏ chạy, gặp cảnh nguy nan thì không tỏ ra yếu hèn.

Cho nên nghi lễ và quân pháp là bề ngoài và bề trong, văn và võ là tay mặt và tay trái

81.- LÒNG NGƯỜI, SỨC MẠNH, TẬP LUYỆN, CHIẾN ĐẤU:

Lòng của tướng và lòng của quân sĩ là lòng của ta. Lính, xe, trâu, ngựa khỏe khoắn no đủ đó là sức mạnh. Việc răng dạy cốt là dự phòng, việc chiến đấu cốt là tiết độ. Tướng quân là thân mình, sĩ tốt là tay chươn, hàng ngũ là các ngón.

82.- THỜI TRỜI, TÀI SẢN, TÀI NĂNG:

Muốn chiến đấu phải được thời trời, phải có tài sản, phải thực khéo giỏi.

Ngày giờ chẳng sai chệch, bói được quẻ tốt và hành động kín nhem, đó là được thời trời.

Dân chúng có đủ, nhờ có đủ mà làm điều tốt lành, đó là có tài sản.

Người được luyện tập, trận bày sắc bén, sắp đặt các việc hết mức để dự bị, đó là khéo giỏi.

83.- GÁI TƯ VÀ THỎ:

Lúc đầu binh giống như *gái tư*, nhưng về sau khi địch mở cửa thì chạy lẹ như *thỏ*, địch không kịp chống cự.

84.- TINH THẦN:

Người người đều ngay thẳng, lời lời đều nóng bỏng như lửa.

85.- PHƯƠNG CHÂM DỪNG BINH:

Chiến xa lấy sự dày kín làm kiên cố, lính bộ lấy sự ngồi giữ làm vững chắc; giáp trụ lấy sự nặng nề làm bền bỉ; binh lấy sự nhẹ nhàng làm ưu thắng.

Gửi thư từ để kết thân giao hay tuyệt giao, đó gọi là lo tính đến cùng cực (dứt lo nghĩ); chọn binh tốt hay xấu, đó gọi là làm người thêm mạnh; bỏ hay dùng, cho ăn hay bắt nhin, đó gọi là dò ý người: đó là phép chánh trị của thời xưa.

86.- NĂM ĐIỀU KIỆN:

Phép dùng binh buộc năm điều kiện: *nhân ái, tín thực, trí mưu, đồng cảm, uy nghiêm*, thiếu một điều cũng không thể được.

87.- BA THẾ:

Việc hành binh có ba thế lớn: một là *trời*, hai là *đất*, ba là *người*.

Thế trời là trời trăng trong sáng, năm sao đúng độ, sao chổi không sinh, thời tiết điều hòa.

Thế đất thuận lợi là thành cao, bờ dốc, nước rộng ngàn dặm, cửa đá, động hẹp, đường đi khúc khuỷu như ruột dê.

Thế người là chúa thánh, tướng hiền, ba quân giữ lễ, sĩ tốt tuân mệnh, lương thực và giáp trụ đầy đủ, chắc chắn.

Tướng giỏi thì nhân thời trời, dùng thế đất, dựa vào lợi người, cho nên hướng vào nơi nào địch cũng không đánh lại được, đó là nhờ hoàn toàn vậy.

88.- NĂM TÀI VÀ MƯƠI LỖI:

Tướng có năm tài và mười lỗi.

- Năm tài ấy là *dũng, trí, nhân, tín, trung*.

Dũng thì không để cho ai xúc phạm mình.

Trí thì không rối loạn.

Nhân thì thương dân.

Tín thì không lừa dối.

Trung thì không hai lòng.

- Mười lỗi là:

Dũng cảm mà khinh chết.

Làm gấp rút mà lòng nôn nóng.

Tham lam mà mong lợi.

Nhân ái mà bất nhẫn.

Có mưu trí nhưng lòng khiếp sợ.

Tín thực nhưng hay tin người.

Có tánh liêm khiết nhưng chẳng thương người.

Có mưu trí nhưng lòng trở biếng.

Có tánh cương nghị nhưng cậy mình.

Có tánh nhu nhược mà thích dùng người.

Dũng cảm mà khinh chết thì có trở nên hung dữ.

Làm gấp mà lòng nôn nóng thì có thể bị làm chậm trễ.

Tham lam mà mong lợi thì có thể hối lộ (đút lót).

Nhân ái mà bất nhẫn thì có thể khuấy nhọc.

Có mưu trí nhưng lòng khiếp sợ thì có thể dồn vào chỗ cùng quẫn.

Tín thực mà hay tin người thì có thể bị lừa dối.

Liêm khiết mà không thương người thì có thể bị khinh lờn.

Có mưu trí nhưng lòng trở biếng thì có thể bị đánh úp.

Cương nghị nhưng cậy mình thì có thể thờ người.

Nhu nhược mà thích dùng người thì có thể bị lấn hiếp.

89.- DÙNG NGƯỜI:

Phải biết sử dụng những kẻ có mưu trí, những kẻ dũng cảm, những kẻ tham lam, những kẻ ngu ngốc.

Những kẻ mưu trí thì thích lập công.

Những kẻ dũng cảm thích thực hành chí hướng của mình.

Những kẻ tham lam thích chạy theo lợi lộc.

Những kẻ ngu ngốc không nhìn thấy cái chết.

Tùy theo tánh tình của mỗi người mà dùng họ, đó là phép dùng người vi diệu của quân lữ.

90.- TÁM ĐIỀU TỆ HẠI:

Trong nghề làm tướng có tám điều tệ hại:

Thứ nhất: Tham lam cầu mong không biết chán

Thứ hai: Ghen ghét kẻ hiền tài

Thứ ba: Tin kẻ dèm pha, ưa kẻ nịnh hót

Thứ tư: Liệu lượng về người mà chẳng liệu lượng về mình

Thứ năm: Do dự mà không quyết định được

Thứ sáu: Mê say rượu ngon, sắc đẹp

Thứ bảy: Thích việc đối trá nhưng lòng hãï sợ

Thứ tám: Nói năng bừa bãi mà chẳng giữ lễ nghi.

91.- PHẨM CÁCH CỦA TƯỚNG SÚY:

Người tướng có nhiệm vụ nguy hiểm, bởi vì nhiệm vụ quan trọng ắt phải nguy hiểm. Cho nên người tướng giỏi không ỷ mạnh, không cậy thế, được thương yêu mà không mừng, bị lãng nhục mà không sợ hãï, thấy lợi mà không ham, thấy rượu ngon sắc đẹp mà không mê say, một lòng liêu thân vì nước mà thôi.

92.- ĐIỀU MONG ƯỚC:

Bốn điều mong ước là:

- Đánh thì mong dùng được kế lạ.
- Mưu đồ thì mong được kín nhem.
- Quân lính thì mong được yên tĩnh.
- Lòng người thì mong được chuyên nhất.

93.- TƯỚNG GIỎI:

Đức tánh của người tướng giỏi là: cứng rắn mà không bị bẻ gãy, mềm mỏng mà không bị vầy vò. Cho nên có thể dùng yếu để chống mạnh, dùng mềm để chống cứng. Mềm mãi, yếu mãi thì sẽ bị tước đoạt. Cứng mãi mạnh mãi thì sẽ bị thất bại. Không cứng, không mềm, đó là lẽ thường của đạo.

94.- HAI TÁNH XẤU: KIÊU CĂNG VÀ BIẾNG NHÁC:

Người tướng không thể kiêu căng. Kiêu căng thì thất lễ. Thất lễ bị người rời bỏ. Bị người rời bỏ thì quân lính sẽ phản loạn.

Người tướng không thể biếng nhác, nếu biếng nhác thì việc tướng thường không được thi hành chu đáo, sĩ tốt sẽ không hết lòng vâng mệnh, quân đội sẽ không lập công, nước nhà sẽ bị hư hoại, giặc cướp sẽ đầy rẫy.

Khổng Tử nói: Nếu có người tài giỏi như ông Chu Công, nhưng kiêu căng và biếng lãn thì kẻ ấy không dùng được, không cần xét tới các đức tánh khác.

95.- NĂM ĐỨC TÍNH:

- Cao quý, trong sạch để khuyên đời
- Hiếu kính để nêu danh
- Tín nghĩa để giao du với bạn bè
- Nhân ái để dung người
- Hết sức để lập công.

Đó là năm đức tính của người tướng.

96.- TÁM VIỆC XẤU:

- Có mưu trí mà không phân biệt được phải trái.
- Biết lễ nghi mà không dùng được bạc hiền lương.
- Làm chính trị mà không chinh đốn được hình pháp.
- Giàu mà không cứu giúp được kẻ nghèo.
- Có trí thức mà chẳng có thể chuẩn bị khi việc chưa thành hình.
- Lo toan mà không phòng bị được việc nhỏ kín.
- Khi thành đạt mà không thể tiến cử kẻ mà mình biết khả năng.
- Thua mà không thể tự mình ngăn mình đừng hủy báng.

Đó là tám việc xấu.

97.- KHINH NGƯỜI:

Kinh thư nói rằng: Khinh lờn người quân tử thì không thể được lòng hết mọi người, khinh lờn kẻ tiểu nhân thì không thể dùng hết người.

98.- PHÉP DÙNG BINH:

Điều cốt yếu trong việc dùng binh là: cầm nắm lòng dạ của mọi anh hùng, thi hành nghiêm chỉnh việc thưởng phạt, bao gồm nghề văn nghiệp võ, kiêm cả hai thuật cứng mềm, xem hết các thuyết lễ nghĩa, trước dùng đức rồi sau mới dùng võ lực, yên tĩnh như cá lặn, di chuyển mau lẹ như con rái cá, phá tan chỗ kín liền của giặc, bẻ gãy chỗ mạnh của giặc, dùng cờ xí rục rỡ, ban hiệu lệnh bằng chiên trống, lui như núi dời, tiến như gió mưa, dấy binh như xuống dốc, đánh mạnh như cọp dữ, bức bách nhưng dung nạp địch, lấy lợi để dụ địch, dùng lễ để giữ địch, tự hạ mình để địch sinh kiêu căng, kết thân để ly gián địch, làm cho ta thêm mạnh, mà trái lại làm cho địch suy yếu.

99.- CHÁNH TRỊ CỦA TƯỚNG SÚY:

Ai bị nguy khốn thì làm cho họ yên ổn, ai sợ sệt thì làm cho họ vui lòng, ai phản nghịch thì đem họ trở về, ai bị oan ức thì giải cứu họ, ai cường thẳng thì đè nén họ, ai yếu đuối thì nâng đỡ họ, ai nhiều mưu kế thì gần gũi họ, ai dèm

pha thì lật tẩy họ, ai được của cải thì cho họ, không ý sức mạnh mà khinh địch, không cậy giàu có để tỏ vẻ kiêu ngạo đối với người, không cậy được yêu mến để thị uy, tính toán trước rồi sau mới dấy binh, biết chắc thắng rồi sau mới đánh, được ngọc lụa không được dùng làm của riêng, được con trai, con gái không được tự sai dùng. Như thế, khi sửa trị và ban bố mệnh lệnh mọi người đều tình nguyện chiến đấu, dùng binh không đổ máu nhiều mà địch tự thất bại vậy.

100.- TAY CHÂN CỦA TƯỚNG SÚY:

Bậc tướng súi ắt phải có kẻ tay chân làm *tim bụng*, có kẻ tay chân làm *tai mắt*, có kẻ tay chân làm *móng răng*. Nếu không có người làm *tim bụng* thì cũng giống như người đi đêm không đuốc, không có người làm *tai mắt* cũng giống như ở chỗ tối tăm không biết cách vận động, không có người làm *móng răng* cũng giống như người đói ăn vật độc không thể nào khỏi chết. Cho nên người tướng giỏi phải có những kẻ nghe rộng, nhiều mưu trí làm *tim bụng*, phải có những kẻ trầm lặng, dò xét kỹ càng, cẩn thận, kín đáo làm *tai mắt*, phải có những kẻ gan dạ, mạnh dạn làm *móng răng*.

101.- TRÍ VÀ NGU:

Dùng ngu để chống trí là nghịch, dùng trí để chống ngu là thuận, dùng trí để chống trí là có cơ mưu.

102.- BA CƠ HỘI:

Có ba đường lối:

- Thứ nhất là *công việc*;
- Thứ hai là *thế lực*;
- Thứ ba là *tình cảm*.

Cơ hội của *công việc* đã xảy tới mà không ứng biến được, là không có trí thức.

Cơ hội của *thế lực* đã chuyển tới mà không mưu đồ được là không có tài năng.

Cơ hội của *tình cảm* đã phát sinh mà không thi hành được là không mạnh dạn.

Người tướng giỏi ắt nhân cơ hội mà xếp đặt để thắng trận.

103.- LỀ LỐI:

Khi ra quân, phải có lễ lối. Mất lễ lối thì phải gặp việc bất lợi. Lễ lối có 15 thứ là:

Thứ nhất: Biết lo liệu, nghĩa là rành rẽ về việc gián điệp

Thứ hai: Biết nói, nghĩa là giữ gìn lời nói

Thứ ba: Mạnh dạn, nghĩa là đánh với số đông mà không nhiều loạn

Thứ tư: Liêm khiết, nghĩa là thấy lợi mà vẫn nghĩ đến điều nghĩa

Thứ năm: Công bằng, nghĩa là thưởng phạt đều nhau

Thứ sáu: Nhẫn nại, nghĩa là giỏi chịu điều xấu

Thứ bảy: Khoan hồng, nghĩa là dung nạp người

Thứ tám: Tín thực, nghĩa là nhận lời một cách khó khăn

Thứ chín: Cung kính, nghĩa là giữ lễ đối với các bậc hiền tài

Thứ mười: Sáng suốt, nghĩa là không dung nạp các điều sai lầm

Thứ mười một: Cẩn thận, nghĩa là không làm điều trái lẽ

Thứ mười hai: Nhân ái, nghĩa là giỏi nuôi dưỡng sĩ tốt

Thứ mười ba: Trung nghĩa, nghĩa là liều thân vì nước

Thứ mười bốn: Giữ phận, nghĩa là biết dừng, biết đủ

Thứ mười lăm: Có mưu trí, nghĩa là tự lo cho mình rồi sau lo cho người

104.- TƯỚNG LÀ GỐC:

Vả lại nước lấy binh làm gốc, binh lấy tướng là gốc, sĩ tốt lấy tướng làm chủ. Bởi thế muốn có binh mạnh để đánh thắng hoặc giữ vững thì trước hết phải biết dùng tướng, tìm được người phò tá rồi sau mới có thể thị uy giữa thiên hạ, làm cho mọi rợ bốn phương phải tới hàng phục, đó là gốc lớn của kẻ được nước.

105.- PHÒNG THỦ VÀ TẤN CÔNG:

Tướng chỉ biết dùng phép chính mà không dùng phép kỳ, đó là tướng phòng thủ.

Tướng chỉ biết dùng phép kỳ mà không dùng phép chính, đó là tướng chuyên về chiến đấu (tấn công).

Tướng chuyên về kỳ hay chuyên về chính đều có thể giúp nước được cả.

106.- QUAN SÁT:

Khi dấy binh, lập dinh, đánh trận, hãy xem cờ xí lay động thế nào, lắng nghe tiếng chiêng trống, tính toán ngày giờ để xem điềm tốt xấu, tùy theo cách

chuyển vận của năm hành, tùy theo sự ra vào của thần vị, để tùy cơ ứng biến mà dùng binh.

107.- THIÊN TƯỚNG:

Nếu có bậc thiên tướng thì quân địch không biết quân ta từ đâu mà tới, thực giống như thần linh dùng binh. Quân ta không biết tướng ấy làm gì. Tướng ấy động hay tĩnh đều có tiết độ phương hướng, nắm sự thắng bại trong tay, thấy trước lòng dạ của trời đất quỷ thần nên có thể làm cho binh sĩ yên lòng.

108.- TƯỚNG CẦM NẮM HẾT THẤY:

Trong biên giới, việc của trăm họ đều giao cho tướng.

Ngoài biên giới, việc của nước ngoài cũng giao cho tướng.

109.- KHÔNG CẦN DÙNG BINH:

Ngạn ngữ nói rằng:

Tướng văn, tướng võ hiểu rành việc nước thì không cần dùng binh.

110.- ĐẠI TƯỚNG:

Biết mềm, biết cứng; tài hoa mà mạnh dạn; dũng cảm mà mưu cao; tròn nên có thể vận chuyển; quay về mà ngay thẳng; thông hiểu khắp muôn loài mà lòng muốn giúp thiên hạ; người thông thạo các điều trên có thể gọi là bậc đại tướng.

111.- NƯỚC MẠNH HAY YẾU TUỖ THUỘC VÀO TƯỚNG SÚY:

Cho nên nói rằng: tướng súy là người giúp nước, giúp chu đáo thì nước mạnh, giúp sơ hở thì nước yếu. Dùng tướng ắt phải xem đáng mạo, xét thần khí để biết lòng dạ như thế nào.

Đặt làm vua cũng do nơi tướng, chọn người hiền tài để trao quyền bính, cất nhắc mà chẳng nghi ngờ, tướng súy ắt bên trong phải ứng biến cho ngay thẳng, bên ngoài phải xử sự phải thuận mệnh. Ứng biến ngay thẳng thì quân kỷ nghiêm minh, xử sự thuận mệnh thì bề tôi giữ tròn trình tiết, dấy binh chống địch há chẳng là nạn chết chóc hay sao?

112.- TÀI NĂNG CỦA TƯỚNG SÚY:

Việc thành bại của quân lữ đều có thể trông thấy ở người tướng, há là hành vi của người tướng hay sao? Hành vi của người tướng là việc dùng. Trí ngang với muôn người mà nếu không dùng được muôn người thì cũng giống như kẻ ngu. Võ dũng hơn ba quân thì cũng giống như kẻ yếu đuối. Kẻ giỏi làm tướng thì đường đường chính chính nhưng cũng biết biến hóa, cứng cỏi nhưng biết thương người, nhân từ nhưng có thể chém giết, mạnh dạn nhưng hiểu biết

rành rẽ, có đầy đủ kế sách để chế ngự bọn lại sĩ, có thể lay chuyển mọi trở lực, lập được công lao to tát để trừ họa, dẹp loạn.

113.- CHỌN TƯỚNG:

Quốc gia dùng binh, ban bố luật pháp, quyền sinh sát đều ở trong tay đại tướng. Người tâm phúc của nước nắm giữ vận mệnh của ba quân, đâu có thể tuyển dụng bừa bãi được?

Nếu muốn trao mệnh cho tướng thì phải xem trước thử người tướng có được chân thành hay không. Muốn biết có được hay không, phải quan sát bốn điều:

Thứ nhất là *vẻ mặt*.

Thứ hai là *lời nói*.

Thứ ba là *cử động*.

Thứ tư là *việc làm*.

Sách *Vạn Cơ Chi* nói rằng: *Tuy có quân đội trăm vạn, cũng phải kiếm cho được bậc tướng sùynốt địch rồi đem tất cả lợi khí của quốc gia mà trao cho tướng ấy. Nếu không được người như thế, thì dùng tướng cũng vô ích.*

114.- TÁM LOẠI TƯỚNG SÚY:

Tướng sùyn có hai hạng lớn nhỏ, mỗi hạng có bốn thứ. Nếu không thuộc vào tám loại ấy, sao đáng gọi là tướng?

Bốn loại tướng bậc cao là:

- Thứ nhất: *Thiên tướng* (xem mục số 107).

- Thứ hai: *Địa tướng*.

- Thứ ba: *Nhân tướng*.

- Thứ tư: *Thần tướng*.

Bốn loại tướng bậc thấp là:

- Thứ nhất: *Uy tướng*.

- Thứ hai: *Cường tướng*.

- Thứ ba: *Mãnh tướng*.

- Thứ tư: *Lương tướng*.

115.- ĐỊA TƯỚNG:

Hạng *địa tướng* có các đặc điểm sau này: *Đến nơi nào thì quan sát địa lý kỹ càng, núi đầmx xa gần, rộng hẹp, khó dễ như thế nào, rừng rú thưa dày như thế nào, khe lạch sâu cạn như thế nào. Nếu xem tướng ấy chỉ huy, thì khi chiến thắng, trước và sau không trở ngại, trái và phải không ngưng trệ, lính bộ và*

lính kỵ đi lại tiện lợi, qua và kích dùng rất thích hợp, quân lính tới lui rất thuận tình, người và ngựa không bao giờ bị cùng khốn, công hay thủ đều được tiện lợi, hành quân thì kiếm được vùng nhiều cỏ nước, người và ngựa khỏi bị đói khát, dầu có rơi vào đất chết cũng sống sót, gặp đất nghịch thì dùng thuận, gặp đất thuận thì dùng nghịch, không cần chọn đất khó hay đất dễ đều có thể yên ổn để hành động về sau, hành động rồi thì quyết thắng đó là hạng địa tướng.

116.- NHÂN TƯỚNG:

Hạng nhân tướng có các đặc điểm sau này: Không tham tiền của, làm việc có tiết độ, chẳng mê tầu sắc, giữ mình theo lễ, đem lòng trung thờ bề trên, cùng chia sẻ vui buồn với sĩ tốt, đoạt của cải của địch mà không dành riêng, bắt được đàn bà con gái mà không giữ riêng, dùng mưu mà biết dung hòa, nghi ngờ mà quyết đoán, đồng cảm mà không xúc phạm ai, nhân ái mà không bỏ luật, trừng phạt tội nhỏ, tha thứ lỗi lớn, khi phạt tội không chừa kẻ thân thuộc, khi thưởng công không chừa kẻ thù địch, giúp đỡ người già nua, vỗ về trẻ thơ ấu, an ủi kẻ sợ sệt, làm vui lòng kẻ lo buồn, phán xét kẻ thừa kiện, tố cáo kẻ nhũn lạt, trừ dẹp bọn giặc cướp, ức chế kẻ cường hào, che chở kẻ yếu đuối, sai khiến kẻ đồng cảm, trừ giết kẻ ngang dọc, có kẻ đến hàng phục thì cho làm lại chức cũ, ai mất thì trả lại cho họ, đuổi bỏ kẻ vong bản, ban tước cho kẻ theo mình, kiềm chế kẻ hung bạo, gần gũi kẻ mưu trí, lìa xa kẻ dèm pha, được thành mà không cần đánh, được đất mà không cần giữ, gặp địch cạnh hẹp thì chờ xem cách chúng biến hóa, gặp địch đối trá thì theo mệnh mà hành động, gặp cảnh nghịch thì xem xét, gặp cảnh thuận thì tiến đánh, đó là hạng nhân tướng.

117.- THẦN TƯỚNG:

Hạng thần tướng có các đặc điểm sau này: Lấy trời để tỏ bày, lấy đất để biến hóa, lấy người để sử dụng, lấy ba tướng để kiêm các việc ấy, đó gọi là thần tướng.

118.- CƯỜNG TƯỚNG:

Hạng cường tướng có các đặc điểm sau này: Khi hành binh không cần xét thiên thời địa lợi, dùng người không cần biết là mạnh dạn hay nhát sợ, nghe có địch thì đi ngay ắt không ngờ lo, khi có ai trái lệnh, không cần biết là tội to

hay tội nhỏ, đều dùng hình pháp để xét xử, ai nghe tướng ấy đều sợ hãi, ai chống lại thì quyết phá, đó là hạng cường tướng.

119.- MÃNH TƯỚNG:

Hạng mãnh tướng có các đặc điểm sau này: Không cần biết quân đội nhiều hay ít, không cần biết địch mạnh hay yếu, ba quân đều tuân lệnh răm rắp, quân có thể biến hóa hàng muôn ngàn cách khác nhau theo ngón tay chỉ huy, ra quân bất ngờ, cử động thần diệu, một ngựa một kiếm có thể xung phong đi trước, khiến quân địch không kịp xoay trở, phải sợ mà tránh xa, đó là hạng mãnh tướng.

120.- LƯƠNG TƯỚNG:

Hạng lương tướng có các đặc điểm sau này: Bên ngoài thì uy nghiêm, bên trong thì dữ tợn, ở giữa thì mạnh mẽ, gồm kiêm tất cả ba tướng mạo ấy, đó là hạng lương tướng.

121.- CÁCH DÙNG CÁC LOẠI TƯỚNG:

Tướng là người mà nước nhà sai dùng.

Nước được thiên tướng, thì có thể chống cự với quân địch làm trái đạo trời.

Nước được địa tướng, thì có thể chống cự với quân địch làm trái đạo đất.

Nước được nhân tướng, thì có thể chống cự với quân địch làm trái đạo người.

Nước được thần tướng, thì có thể chống cự với mọi địch thù trong thiên hạ, mỗi lần dấy binh không hề tính toán sai lầm.

Uy tướng có thể giúp thiên tướng, cường tướng có thể giúp địa tướng, mãnh tướng có thể giúp nhân tướng, lương tướng có thể che chở cho bốn phương.

Tuy nói là mãnh tướng, cường tướng nhưng có thể hành động mau lẹ, được việc. Nên các hạng tướng sớ không thể dùng riêng một mặt. Như trên là thể của tướng.

122.- ĐỨC HẠNH CỦA TƯỚNG SÚY:

Hạnh của người tướng là không lưu luyến vợ con để tỏ rằng mình liều thân vì nước. Về mệnh của Vua, tướng không dám khinh lễ nghi để tỏ rằng mình tha thiết được trọng dụng. Khi tướng ở ngoài, có thể có lúc không tuân lệnh Vua, mà chỉ ráng làm lợi cho nước nhà, đối với mình thì trong sạch, đối với kẻ sĩ thì quý trọng.

Bởi thế cho nên nếu tướng súy không nghe lời khuyên can thì các anh hùng sẽ lần tránh, tướng không theo kế sách hay thì mưu sĩ sẽ bỏ đi, coi thiện ác như nhau thì kẻ hiền và người ngu ở lẫn lộn, thường phạt lộn xộn thì giềng mối sẽ tan rã, thường mừng thì thiếu uy nghiêm, thường giận thì lòng người xa lìa, nói nhiều thì việc cơ mật phải tiết lộ, ham thích nhiều việc thì tâm trí nghi ngờ, mê loạn; khoan dung thì làm cho quân sĩ cảm kích, hung bạo thì làm cho quân sĩ tức giận.

Tướng chuyên quyền thì kẻ dưới quy lỗi về tướng, tướng tự cho mình là tài giỏi thì kẻ dưới không có công trạng, tướng nghe lời dèm pha thì kẻ ngay thẳng sẽ xa lìa, tướng làm việc tư tà thì kẻ dưới trộm cắp, tướng lưu luyến chốn nội phòng thì sĩ tốt sinh ra dâm dăng.

123.- PHƯƠNG CHÂM CỦA TƯỚNG SÚY:

Khinh rẻ tiền của, sắc đẹp để giữ mình trong sạch;
Tránh xa các việc hiềm nghi để vượt lên;
Lặng lẽ lo xa để khỏi thất bại;
Tùy theo thời cơ mà biến hóa cho thuận tiện để lập công;
Rộng rãi với người, dốc lòng làm việc để qui tụ tình thương;
Nghe điều lành, đuổi bỏ kẻ dèm pha để tiến xa;
Trước đo lường, sau hành động để mà ứng biến;
Trước tin sau nói để hàng phục kẻ dưới;
Trừng phạt tội lỗi, tướng thưởng công lao để sửa người;
Xét xưa rõ nay để soi sáng cho người;
Coi rẻ sắc đẹp, quý trọng người để được người;
Lìa bỏ việc tư, liều thân vì việc công để giữ nước;
Thần sắc phải ngay thẳng, hình dung phải đoan trang;
Cử động nhanh như gió, ngừng nghỉ lặng lẽ như gò núi;
Đánh trận như sấm sét, sắp đặt khéo léo như quý thần;
Suy tư như ảnh chiếu, mệnh lệnh như sương tuyết;
Nếu được như thế, tướng súy có thể đảm đương việc lớn của quốc gia.

124.- LÒNG NHÂN ÁI CỦA TƯỚNG SÚY:

Trong quân có bệnh tật, tướng phải thân hành chữa trị. Trong quân có việc chết chóc, tướng phải khóc thương. Quân đóng giữ ở nơi xa thì cho phép vợ đến thăm viếng. Khi làm lễ khao quân thì phải chia đều cho quân lính và lại sĩ.

Khi muốn đẩy binh hoặc sắp đặt việc gì thì phải nhóm họp tất cả tướng tá để bàn luận, mưu kế phải sắp đặt xong rồi sau mới đánh. Cho nên tướng sớ đối với quân lính phải có ban huệ “đổ rượu” ban ân “hút máu”. Ngày xưa Huỳnh Thạch Công kể rằng: Có một lương tướng khi ai biểu bầu rượu lao thì ném xuống sông rồi khiến tướng sĩ đón giòng nước mà uống. Một bầu rượu lao không thể làm cho nước sông có mùi vị rượu thế mà ba quân cảm kích bởi ân huệ bèn đồng lòng quyết chết. Lại kể chuyện Ngô Khởi cầm binh, có một lính tốt bị mù mắt, Khởi thân hành điều trị và mút mù mắt, khiến cho ba quân cảm kích mà hết lòng đánh giặc.

Cho nên sĩ tốt được cái vui vật trâu nấu rượu, chiến đấu hăng say, thương yêu giúp đỡ chủ tướng như con em theo cha anh, như tay chân che chở cho đầu mắt, không ai có thể chống cự lại được.

Nếu bóc lột làm cho sĩ tốt phải đau khổ, bắt chúng làm việc nhọc nhằn, buông ra lời nói oán thù khó nghe, như thế là tướng sớ xem sĩ tốt như cỏ rác, thì sĩ tốt sẽ xem tướng sớ như cừu thù, đến tình trạng ấy chỉ mong cho hàng ngũ được đầy đủ cũng là việc rất khó, làm sao có thể trông mong quân sĩ sẽ liều chết xông đến đánh địch? Đó là nói sơ lược về phép tướng sớ an ủy vỗ về quân sĩ.

125.- KIÊU CĂNG VÀ NHỤT KHÍ:

Kẻ làm tướng không bao giờ thấy quân mình nhiều mà kiêu căng, không bao giờ thấy quân mình ít mà nhụt chí. Không có con vật nào mạnh như con hổ nhưng khi bắt heo chuồng mà bị dân cư đuổi thì cũng phải cong đuôi mà chạy chẳng dám quay lui, như thế đủ hiểu rằng có thể lấy việc nghĩa để sai khiến người.

Tướng kiêu căng thì phải thất bại. Kẻ làm tướng không thể cậy rằng mình trí dũng mà khinh người. Tống Nghĩa sở dĩ đánh được Hạng Lương, Bạch Khởi sở dĩ giết được Triệu Quát cũng vì lẽ ấy.

126.- KHÍCH ĐỘNG SĨ TỐT:

Việc khích động sĩ tốt có nhiều cách:

- Hoặc lấy sự quả cảm để khích động: như Lưu Kỳ đòi Tống giữ Thuận Xương; gặp khi người Kim xâm lấn phía nam, Kỳ bèn đục và đốt cháy thuyền bè, tỏ ý không chịu đi, để răn người nhà không được khuất phục trước quân địch.

- Hoặc lấy lòng trung nghĩa để khích động: như Trương Tuần bày ra bức tượng của vua Đường, lay khóc để trách sáu tướng, nhận đại nghĩa mà chém họ, nhờ đó khuyến khích chí khí của quân sĩ.

- Hoặc lấy lòng chí thành để khích động: như Trương Tuần thề quyết chết làm cho tướng sĩ phải thương tâm mà giặc bị tan vỡ. Vua Đường Đức Tông nhận lỗi về mình mà trăm quan liêu mình quyết chết.

- Hoặc nêu điều lợi hại để khích động: như Dương Khán giữ Thành Đô, tuyển mộ hiền sĩ, tích trữ lương thực, trợ cấp cho nhân dân, dân Thục luyện tập dao gậy để giúp quan quân làm cho rợ Man phải thua lớn. Lý Mục đời Tống trấn giữ Dục Châu, được vật gì chia đều hết cho sĩ tốt.

- Hoặc lấy tiền của, vải lụa để khích động: Huỳnh Thạch Công nói rằng: Được tiền của mà đem phân phát cho mọi người thì quân sĩ sẽ liêu mình quyết chết. Lý Mục đời Tống cũng làm giống như thế.

127.- MƯỜI HAI CÁCH CHẮC THẮNG:

Bậc vua của loài người biết phép chắc thắng, cho nên có thể gồm kiêm việc rộng lớn để thống nhất chế độ, và thị uy giữa thiên hạ theo mười hai cách sau này:

Thứ nhất là liên hình (hình pháp liên đới) nghĩa là những kẻ giữ gìn đội ngũ sẽ cùng chịu một tội như nhau.

Thứ hai là địa cấm (đất cấm đi lại) nghĩa là ngăn cấm việc đi đường để lòng bắt kẻ gian từ bên ngoài đột nhập vào.

Thứ ba là toàn quân (bảo toàn quân đội) có nghĩa là các thủ lĩnh nương tựa vào nhau, ba và năm giống nhau để liên kết với nhau.

Thứ tư là khai tái (mở cửa) nghĩa là chia đất làm giới hạn, mọi người phải giữ vững, liêu chết để làm tròn chức vụ.

Thứ năm là phân hạn (chia giới hạn) nghĩa là trái và phải ngăn nhau, trước và sau chờ nhau, quân đóng vòng quanh giữ chắc, để đón hoặc để ngăn.

Thứ sáu là hiệu biệt (số hiệu phân biệt) nghĩa là quân hàng trước sắp đặt để tiến tới, khác với quân hàng sau, không được tranh nhau đi trước hoặc leo trèo mất thứ tự.

Thứ bảy là ngũ chương (năm chương) nghĩa là sáng tỏ hàng lối, đầu đuôi không loạn.

Thứ tám là *toàn khúc* (cong queo hết thảy) nghĩa là khúc chiết theo nhau, đều chia, thành nhiều bộ phận.

Thứ chín là *kim cổ* (chiêng trống) nghĩa là cất nhắc kẻ có công, trọng dụng kẻ có đức.

Thứ mười là *trận xa* (xe trận) nghĩa là cầm mâu liên tiếp nhau, che mắt người lại.

Thứ mười một là *tử sĩ* (quân sĩ liều chết) là những kẻ tài trí trong ba quân, cỡi chiến xa, tung hoành trước sau, dùng mẹo lạ để chế ngự quân địch.

Thứ mười hai là *lực tốt* (lính mạnh) nghĩa là coi sóc mọi chỗ không lay chuyển.

Dạy quân sĩ cho thành thực mười hai phép trên, ai trái lệnh không được tha thứ. Được như thế thì: có thể làm binh yếu trở nên mạnh, làm chúa thấp hèn trở nên tôn quý, làm mệnh lệnh yếu ớt trở nên mạnh mẽ, làm dân chúng xa lìa trở nên thân yêu, làm cho khối đông nhân dân trở nên yên trị, có thể giữ gìn đất đai rộng lớn, chiến xa không bao giờ bị nguy khốn, chỉ cần dùng áo giáp bằng tơ mà không cần rèn giáp sắt, thế mà cũng làm cho thiên hạ phải phục uy của mình vậy.

128.- CHUYÊN, PHÁP, THÀNH, ĐẠO:

Quân đội áp dụng pháp luật cho mình, gọi là *chuyên*; buộc người dưới phải sợ pháp luật thì gọi là *pháp*. Dùng binh không vì việc nhỏ, chiến đấu không vì lợi nhỏ, gọi là *thành*; hành động kín đáo, lặng lẽ gọi là *đạo*.

129.- CHÍ KHÍ:

Tướng là *chí*, ba quân là *khí*. Khí thì dễ động mà khó chế ngự.

Nếu tướng trấn giữ chế ngự được khí thì những kẻ sợ hãi sẽ yên định, sự phản trắc sẽ được dẹp yên, quân địch dầu đông tới trăm vạn cũng sẽ bị đánh đuổi.

Chí ngay thẳng mà mưu thông nhưt, khí phát ra mà lòng dững cảm tăng gấp bội, thì chắc thắng.

130.- LỜI KHUYÊN:

Thấy hư thì tiến, thấy thực thì dừng. Chẳng thấy ba quân đông đảo mà khinh địch. Chẳng thấy việc nhận mệnh làm trọng mà quyết chết, chẳng thấy mình tôn quý mà khinh rẻ người, chẳng vì thiên kiến của riêng mình mà hành động trái ngược với quần chúng, chẳng nghe lời biện thuyết mà cho là đúng

hắn, quân sĩ chưa ngồi thì mình chớ nên ngồi, quân sĩ chưa ăn thì mình chớ nên ăn, khi nắng rét đều phải như nhau, được như thế thì quân sĩ sẽ liều mình quyết chết.

131.- GIỮ BÍ MẬT:

Việc của một người chớ để tiết lộ cho hai người biết. Ngày mai phải đi nơi nào, ngày nay chớ tiết lộ ra. Phải kéo quân một cách kín đáo, lặng lẽ, và cẩn thận đừng cho gián điệp hay biết gì. Điều bí mật trong công việc chớ để tiết lộ ra ở lời nói. Điều bí mật trong lời nói chớ để tiết lộ ra ở dáng mặt. Điều bí mật trong dáng mặt chớ để tiết lộ ra ở tinh thần. Điều bí mật trong tinh thần, chớ để tiết lộ ra ở mộng寐. Có hành động nhưng giấu kín manh mối, có sử dụng nhưng phải kín miệng. Nhưng điều nói được cũng không hại vì nói cho biết để tỏ ra thành tín. Có điều vốn chẳng bí mật, mà làm ra vẻ bí mật.

132.- VIỆC CỦA TƯỚNG SÚY:

Việc của tướng quân là yên tĩnh để được sâu kín, ngay thẳng để sửa trị, bịt tai bịt mắt của sĩ tốt để chúng không biết gì, thay đổi mưu để chúng không hiểu, thay chỗ ở đổi đường đi để không ai tính toán được điều gì.

Thời kỳ dấy binh cũng giống như trèo cao mà vớt thang đi. Đem quân đi sâu vào đất chư hầu cũng giống như bắn tên, giống như xua đàn dê, xua đi thì đi, xua lại thì lại mà chẳng biết phải đi đâu. Nhóm họp ba quân đông đảo, ném chúng vào nơi nguy hiểm, đó là việc của tướng quân.

Luận về việc làm thì việc xưa khác việc nay. Việc nhiều thì phép tắc cũng nhiều, thời thay đổi thì lý cũng thay đổi. Cho nên giỏi đọc binh pháp ngàn xưa, thấy có chỗ không thích hợp thì chớ chấp nhận, thấy lời nói bậy thì biết sai lầm, như thế cũng chưa đủ để biết quyết đoán, để phân biệt điều nào đúng, điều nào sai.

Vật gì nổi phòng thì đi lên, nên đoạt lấy để mà thoát. Ngăn cấm mà lại thi hành, răn đe mà lại làm ra, xét thừa mà đặt dầy, do một bên mà được toàn thể, khi làm ra thì thấy kỳ diệu, bộ máy biến hóa tuần hoàn. Người ta câu nệ vì phép tắc mà ta thì bày ra phép tắc. Ai đặt phép hay thì thần linh làm sáng phép ấy.

133.- HỌC HỎI:

Xét tính mệnh để rõ nguồn gốc việc binh. Tìm tòi sử xưa để thấy dấu vết của việc binh. Biết hết tượng số để thấu triệt tượng trưng của việc binh. Biết thời

vụ để thông suốt qui tắc của việc binh. Khảo sát khí cụ để biết rõ các vật dụng trong nghề binh. Khi tình có thể lập mưu mà không để tiết lộ ra ngoài. Khi ra ngoài ắt tìm tòi điều mong muốn của người để sửa trị thiên hạ.

134.- LỄ TƯỚNG:

Tướng mùa đông không mặc áo cầu, mùa hè không phẩy quạt, gặp mưa không che lọng, đó gọi là *lễ tướng*, *chẳng tự mình theo lễ thì không thể biết sự nóng rét của sĩ tốt. Ra khỏi nơi quan ải, gặp đường bùn lầy, tướng phải xuống bước đi bộ, đó gọi là lực tướng, nếu chẳng ráng sức thì chẳng biết sự lao khổ của sĩ tốt.*

Khi đóng quân, chờ quân đã sắp đặt xong, tướng mới vào quán nghỉ, chờ thức ăn quân sĩ nấu chín xong, tướng mới ăn, quân không đốt lửa thì tướng cũng không đốt lửa, đó gọi là *ngăn điều muốn*. *Nếu tướng không ngăn điều thềm muốn thì không biết sự no đói của sĩ tốt.*

135.- CHIA LOẠI ĐỂ LUYỆN TẬP:

Hỏi: Phép luyện tập sĩ tốt phải như thế nào?

Đáp: Trong quân nếu có những kẻ mạnh dạn, liều chết, không sợ bị thương tích thì gom họ lại thành một toán gọi là quân xông pha gươm đao (quân cảm tử).

- Nếu có những kẻ trèo cao, vượt xa, nhanh chân, chạy giỏi, thì gom họ lại thành một toán gọi là *quan binh*.

- Nếu có hạng vương thần thất thế muốn được lập công trở lại thì gom họ thành một toán gọi là *quân tử đấu (liều chết)*.

- Nếu hạng con em của tướng chết trận muốn báo thù cho tướng ấy thì gom lại thành một toán gọi là *quân tử phẫn (phẫn uất mà liều chết)*.

- Nếu có những kẻ nghèo khó tức giận muốn được thỏa chí thì gom họ lại thành một toán gọi là *quân tất tử (quyết chết)*.

136.- QUI CỬ:

Vua Đường Thái Tôn nói: *Gia Cát Lượng nói là binh có quy củ mà tướng bất tài cũng sẽ không thể thất bại, binh không có quy củ mà tướng tài giỏi cũng không thể thắng được. Trâm nghi ngờ rằng bàn luận ấy chưa được chí lý.*

Lý Tịnh đáp rằng: Võ Hầu nói như thế hơi quá đáng. Thần xét Tôn Tử có nói rằng: Răn dạy và tập luyện không sáng suốt, lại và tốt thay đổi không thường, bày trận ngang dọc, đó gọi là rối loạn. Từ xưa các trường hợp nhờ

quân ta rối loạn mà địch được thắng lợi không thể đếm xuể. Răn dạy không sáng suốt có nghĩa là giáo huấn và kiểm soát không đúng theo phép xưa. Lại và tốt không thường có nghĩa là tướng tá và quan lại giữ chức được lâu. Quân ta loạn đem lại thắng lợi cho địch có nghĩa là quân ta tự tan vỡ, chớ không phải địch đánh thắng ta. Bởi thế cho nên Võ Hầu nói là sĩ tốt có qui củ thì đầu tướng sús là người tầm thường, binh ấy cũng không thất bại. Nếu sĩ tốt tự rối loạn, đầu là tướng tài cũng phải chịu nguy hại, như thế không còn nghi ngờ gì nữa.

Vua Thái Tôn nói: Về phép giáo dục thì phải tín thực, không thể sao nhãng.

Tịnh nói: Dạy mà đúng đạo thì quân sĩ vui lòng làm theo. Dạy mà không đúng phép thì tuy sáng thúc dục, chiêu quở trách cũng không ích gì cho công việc. Hạ thần thường xuyên xét qui chế đời cổ, soạn được nhiều đồ hình nhờ đó tổ chức được đạo binh có qui chế.

Vua Thái Tôn nói: Khanh hãy vì ta mà kể lại các trận pháp, nhất là các đồ hình.

137.- TRẬN LỤC HOA:

Vua Thái Tôn nói: Trẫm cùng Lý Tích bàn luận về binh pháp phần nhiều cũng giống với ý kiến của khanh, chỉ có khác là Lý Tích không cứu xét đến xuất xứ. Hỏi khanh chế trận pháp lục Hoa từ thuật nào mà ra?

Tịnh nói: Tôi vốn học theo phép Bát Trận của Gia Cát Lượng, trận lớn bọc trận nhỏ, các góc các cạnh đều liền nhau, khúc chiết đối diện nhau. Đời xưa bày ra như thế, hạ thần theo đó mà vẽ đồ hình, cho nên bên ngoài vẽ hình vuông, bên trong vẽ vòng tròn, do đó mà có tên trận là Lục Hoa.

Vua Thái Tôn hỏi: Trong tròn, ngoài vuông, vì sao gọi như thế?

Tịnh đáp: Vuông sinh ở bộ, tròn sinh ở kỳ, dùng vuông làm qui củ cho bộ, dùng tròn để nối vòng quanh, Như thế bộ số định ở đất, hàng nối ứng với trời. Khi bộ được định, vòng nối được tề chỉnh thì sự biến báo không loạn. Bát trận mà làm sáu là phép cũ của Võ Hầu.

Vua Thái Tôn nói: Vẽ hình vuông để thấy bộ, điểm vòng tròn để thấy binh. Vẽ bộ thì dạy phép dùng chân, vẽ binh thì dạy phép dùng tay. Khi tay chân đều được tiện lợi, như thế là quá nửa rồi chăng?

Tịnh nói: Ngô Khởi nói rằng: Xa mà không lia, lui mà không tan, đó là bộ pháp. Dạy quân sĩ cũng giống như bày cờ trên bàn, nếu không vẽ đường cho cờ đi, thì làm sao đánh cờ được? Tôn Tử nói rằng: Đo đất đai để biết rộng hẹp, dài ngắn, đo rồi thì phải ước lượng để biết nhiều ít, ước lượng rồi thì phải tính số, tính số rồi thì phải cân nhắc để biết nặng nhẹ, cân nhắc rồi thì sự thắng bại có thể quyết đoán được. Binh thắng giống như lấy quả dật (20 lạng) so với quả thù (1/24 lạng). Binh bại giống như lấy quả thù so với quả dật, tất cả đều do sự đo lường vuông tròn cả.

Vua Thái Tôn nói: Sâu sắc thay lời nói của Tôn Tử. Không đo lường thế đất xa hay gần, hình dạng rộng hay hẹp thì làm sao đặt ra tiết độ được?

Tịnh nói: Tướng quân tầm thường có thể biết tiết độ được. Kẻ đánh giỏi có thể đánh rất nguy hiểm, thời nhịp hành động của họ thật chớp nhoáng, thế đánh giống như giương nỏ, thời nhịp giống như phóng tên.

Hạ thần theo thuật ấy, phàm khi lập đội đều để cách nhau mười bước, trú đội cách sư đội hai mươi bước, mỗi khoảng cách một đội, lập một chiến đội, phía trước tiến lên lấy năm bước làm tiết, nghe một tiếng giốc thì các đội đều tản ra, đứng không cách nhau quá mười bước. Đến tiếng giốc thứ tư thì những quân cầm thương đều quì xuống. Bấy giờ đánh ba tiếng trống, hô lên ba tiếng, để chế ngự sự biến hóa của quân địch từ ba mươi đến năm mươi bước. Đến khi gặp việc thì xếp hàng trước là chính, hàng sau là kỳ, để xem địch ra sao. Đến khi đánh trống lần nữa thì sắp kỳ ở hàng trước, sắp chính ở hàng sau, chờ địch đến để xem chỗ sơ hở, yếu ớt của địch. Trận Lục Hoa đại để là như thế.

138.- CỜ XÍ:

Vua Thái Tôn hỏi: Về phương sắc lấy năm cờ làm chính chẳng? Dùng cờ phan vẫy xông vào đánh làm kỳ chẳng? Lấy phân hợp làm biến, lấy số đội cho thích nghi chẳng?

Tịnh nói: Hạ thần dùng theo phép xưa, phàm ba đội hợp lại thì cờ dựa vào nhau mà không tréo nhau, năm đội hợp thì hai cờ tréo nhau, mười đội hợp thì năm cờ tréo nhau. Thổi tiếng giốc, mở năm lá cờ tréo nhau thì một lại tản ra làm mười, mở hai lá cờ tréo nhau thì một lại tản ra làm năm, mở thứ cờ dựa nhau mà không tréo nhau thì một lại tản ra làm ba. Binh tản thì lấy hợp làm kỳ, binh hợp thì lấy tản làm kỳ. Dặn dò đôi ba phen rằng ba tản năm hợp rồi

rở về chính. Như thế bốn sư, tám đuôi có thể tập hợp được, phép sử dụng đội ngũ mới thích nghi được.

Vua Thái Tôn khen hay.

139.- PHÉP HOẠCH ĐỊA:

Vua Thái Tôn hỏi: Sách Thái Công nói rằng: Đất vuông hoặc 600 bước, hoặc 60 bước, đều tiêu biểu cho 12 giờ, thuật ấy như sao?

Tịnh đáp: Vạch đất vuông 2200 bước, là hình khai phương. Mỗi bộ chiếm đất vuông vức 20 bước, bề ngang 5 bước đặt một người, bề dọc 4 bước đặt một người. Tất cả 2500 người chia ra 5 phương, là không địa và bốn xứ. Cái gọi là khoảng trận là chỗ chứa trận vậy. Võ Vương đánh Trụ, dùng quân hồ bôn là 3.000 người, mỗi trận 6.000 người, cộng lại là 3 vạn quân, đó là phép hoạch địa (chia đất) của Thái Công.

*

* *

Vua Thái Tôn hỏi: Trận Lục Hoa của khanh chiếm bao nhiêu đất?

Tịnh đáp: Đất Đại Duyệt vuông vức 1300 bước, nghĩa là Lục Trận chiếm 400 bước chia ra hai khu đông tây. Không địa 1200 bước là chỗ dạy đánh. Hạ thần thường dạy 3 vạn quân sĩ, mỗi trận 5.000 người, lấy một trận để dạy phép cất dinh trại, lấy năm trận để xếp đặt hình thế vuông, tròn, cong, thẳng, nhọn. Mỗi trận có năm lần biến, tổng cộng là 25 lần biến trở lên.

Vua Thái Tôn hỏi: Trận Ngũ Hành như thế nào?

Tịnh đáp: Vốn theo 5 phương, sắc mà đặt ra tên ấy, còn 5 trận vuông, tròn, cong, thẳng, nhọn là do địa hình mà ra. Nếu không tập sẵn 5 thứ trận ấy, làm sao có thể gặp địch được? Thuật cầm binh là thuật dã đối, nên tạm gọi là ngũ hành. Bề ngoài thì lấy nghĩa ở thuật số là tương sinh, tương khắc, mà thực ra bề trong hình thế của binh là giống như nước, tùy theo hình dạng của đất đai mà tìm đường chảy, ý nghĩa là như thế.

*

* *

140.- CÁCH TẬP LUYỆN:

Người ta thường chết ở chỗ mà mình bất lực, thường thất bại ở chỗ bất tiện cho mình. Cho nên trong phép dùng binh, sự tập luyện phải đứng đầu.

- Một người học đánh, dạy lại vạn người biết đánh.

- Vạn người học đánh, dạy lại thành ba quân biết đánh.
Lấy ta ở gần chờ đánh địch từ xa tới.
Lấy ta nhàn chờ đánh địch mệt.
Lấy ta no chờ đánh địch đói.
Binh ta đang bày viên trận, ta buộc chúng đổi thành phương trận.
Binh ta đang ngồi, ta buộc chúng đứng dạy đi.
Binh ta đang đi, ta buộc chúng đứng lại.
Binh ta đang đi qua trái, ta buộc chúng đi qua phải.
Binh ta đang quay ra trước, ta buộc chúng quay ra sau.
Binh ta đang phân tán, ta buộc chúng tụ hợp lại.
Binh ta đang kết hợp, ta buộc chúng giải tán.

Mỗi việc biến dịch ấy đều phải tập luyện cho quen thuộc rồi mới sử dụng binh ấy được, đó là phận sự của tướng sù.

141.- KIỂM SOÁT VIỆC TẬP LUYỆN:

Binh sĩ thường ngày chìm đắm trong cảnh tiện nghi, an lạc, không được tập quen sự cần lao. Nay muốn sửa lại sự đời trụ, luyện gân cốt, làm cho mạnh khỏe thì không gì bằng thi hành phép tắc then chốt sau này.

Từ nay trở về sau phải kiểm soát xem các quan đốc phủ, đề trấn có theo lệ cử hành việc tập luyện cho đều hay không? Mỗi năm vào khoảng thu đông, phải cử hành hai ba lần để tập cho lính quen việc lao khổ và khuyến khích sĩ khí, phép ấy rất hay.

142.- THƯỜNG PHẠT TRONG KHI TẬP LUYỆN:

Về giáo lệnh trong việc binh, việc chia dinh lập trận, nếu có ai không nhận được lệnh mà cứ tùy ý tới lui, thì buộc họ vào tội trái lệnh. Ai cần đi trước, hoặc đi sau, hoặc đi bên phải, hoặc đi bên trái, thì nên dạy họ phải đi như thế nào. Việc răn dạy được chu đáo, thì người thủ lãnh được thưởng. Không răn dạy cũng đồng một tội như là trái lời dạy vậy.

Khi lâm trận, một ngũ (toán 5 người) phải hành động như một người. Nếu có một người không chịu liều chết tiến đánh quân địch thì người răn dạy cũng có tội như kẻ phạm pháp. Mỗi thập (toán 10 người) phải tự giữ gìn, nếu mất một người mà chín người không liều chết tiến đánh quân địch thì người răn dạy

cũng có tội như kẻ phạm pháp. Từ thập trở lên cho tới tỳ tướng nếu có ai trái phép thì người răn dạy cũng có tội như kẻ phạm pháp.

Người ngũ trường (cầm đầu ngũ) dạy bốn người kia, lấy ván làm trống, lấy ngói làm chiêng, lấy trúc làm cờ. Nghe đánh trống thì tới, thấy hạ cờ thì chạy, nghe đánh chiêng thì lui. Thấy vẫy cờ thì quay qua trái, vẫy cờ thì quay qua phải. Nghe chiêng trống cùng đánh thì ngồi. Ngũ trường luyện tập xong thì hợp với tốt trưởng, tốt trưởng luyện tập xong thì hợp với bá trưởng, bá trưởng luyện tập xong thì hợp với binh úy, binh úy luyện tập xong thì hợp với đại tướng, đại tướng luyện tập xong thì bày trận ở đồng giữa, đặt bảng lớn, cứ 300 bước một bảng. Bày xong thì đi gấp rút cách bảng 100 bước, phóng gấp 100 bước. Tập đánh cho đúng tiết độ rồi bày ra thưởng phạt.

143.- CHIA THỨ HẠNG SANG HÈN:

Ngày xưa muốn răn dạy dân chúng, người ta phải chia thứ hạng sang hèn, để cho những kẻ học kinh sử chẳng tranh giành nhau, những kẻ đức nghĩa chẳng lấn lướt nhau, những kẻ tài nghệ chẳng che giấu nhau, những kẻ mạnh dạn chẳng xúx phạm nhau, nhờ đó mà ý chí đồng nhất, tâm ý hòa hợp.

144.- TRIỀU ĐÌNH VÀ QUÂN NGŨ:

Ngày xưa, khách của triều đình không được vào quân ngũ, khách trong quân ngũ không được vào triều đình cho nên tài đức chẳng lấn nhau.

145.- KHUA ĐỘNG:

Về các cách khoa động, thì có phát cờ xí, đập xe, đập ngựa, khoa binh khí, vỗ đầu, dậm chân: bảy cách khoa động đều phải thực hành một lần.

146.- KHUYẾT ĐIỂM:

Nếu đông cũng như ít, hơn cũng như thua, binh khí chẳng sắc bén, giáp trụ chẳng bền bỉ, xe không vững chắc, ngựa không chạy hay, đông mà chẳng tự mình có nhiều, như thế là chưa được đạo.

147.- TÁM TRẬN, CHÍN QUÂN:

Khí thế mạnh mẽ đều do tám trận *Thiên, Địa, Phong, Vân, Long, Hồ, Điều, Xà* mà ra. *Lại lập ra chín quân, để phân biệt rõ, và xây đắp khí thế của trận hình.*

Một là *thân quân* gồm những gia đình mạnh mẽ để hộ vệ đại tướng.

Một là *phần quân* gồm những người muốn báo thù, nguyện đi trước.

Một là thủy quân có thể xông pha sóng nước, lật thuyền trộm chèo.

Một là hỏa quân có thể phi ngựa xông pha lửa đạn, từ xa đến hãm trận địch.

Một là cung nỏ quân có thể ẩn nấp chỗ hang hùm, kéo dây cung cùng buông tên một lượt, chế ngự được quân địch ngoài trăm bước.

Một là xung quân có sức mạnh lay chuyển núi non, khí thế hiện ra ở cờ xí, dùng để hãm trận người, bắt bọn giặc mạnh.

Một là kỵ quân, kiêu dũng khác thường, phóng ngựa qua lại giữa hai trận, đuổi đánh quân địch ở chốn xa xôi.

Một là xa quân, tài sức khéo léo nhanh nhẹn, tới thì xông pha tên đá, lui lẩn át quân kỵ, khiến địch không thể đụng đến ta.

Một là du quân qua lại lanh lẹ để tuần phòng, cứu ứng ba quân, mọi cử động đều liên hệ đến ba quân, có những kẻ leo trèo nhanh nhẹn, đi như rắn, nấp như chuột, leo đèo, xuống vực, vượt thành, khoét vách...

Chín toán quân nói trên chạy đi chạy lại để che chở trung quân, còn dư thì chia ra tám góc. Ở các góc để chế ngự, hợp lại để cùng ra quân. Có thể co, có thể dãn, khiến cho trong một trận tất cả huyết mạch đều liên lạc với nhau, liên kết chằng chịt mà thông suốt hết thảy.

148.- HÒA HIẾU VÀ THÀNH TÍN:

Kết hợp ba quân thì được đông đảo vậy. Chỉ nhờ vào sự hòa hiếu để kết hợp mà thôi. Kẻ trí xét nó, kẻ dạn dùng nó, kẻ muốn thỏa mãn nó, kẻ bất khuất nuôi sống nó. Làm bộc lộ sự căm tức, làm sống lại hận thù. Thấy mặt nhọt của người như của mình, bắt tội người mà trừ giết thì như tỏ lòng bất nhẫn. Kẻ có công lao nhỏ nhất cũng phải ghi chép. Kẻ làm được việc thì ban cấp chẳng thường. Được tiền của thì chia đều. Đối với kẻ theo hầu giúp việc thì thương xót. Vỡ về dân chúng, tìm mời kẻ thành tín. Bắt địch chớ giết nhiều. Nếu thành tín như thế, há chỉ có ba quân tuân theo sự chỉ huy của ta thôi đâu? Tất cả thiên hạ sẽ trông ngóng ta như đón gió mát vậy.

149.- CẦM BINH:

Việc binh chẳng phải là việc hay. Cái tài làm lợi cho mình cũng là cái tài chuốc hại vào mình. Kẻ mạnh ắt phải giết, kẻ dạn ắt có lòng lang sói. Kẻ trí ắt phải giả trá, kẻ mưu đồ ắt phải nhẫn nhịn. Việc binh không thể bỏ sót những kẻ mạnh, dạn, trí, mưu mà không dùng, tức là không thể bỏ sót những kẻ lang sói, ham giết, giả trá, nhẫn nhịn. Cho nên kẻ cầm binh giỏi thì dùng được tài năng,

bỏ điều bất lợi, thâm thập điều bổ ích, trừ khử điều tổn hại, như thế thiên hạ không khi nào thiếu kẻ tài năng. Kẻ cự thù cũng có thể chiêu vờ, kẻ làm giặc cũng có thể vỗ về, kẻ trộm cướp cũng có thể cất nhắc. Kẻ quả cảm khinh thường pháp luật, kẻ theo hùa với quân địch, và kẻ xa lạ đều có thể dùng được cả.

150.- RÈN LUYỆN:

Ý khởi mà sức yếu, đó là khí suy. Sức dư mà lòng sợ trở ngại, đó là thiếu gan mật. Lúc khí đã suy, gan mật đã mất, thì trí dũng cũng hết mà không thể dùng. Cho nên cần phải lập thế để luyện khí, coi nhẹ thắng lợi để luyện mật, bày tỏ lòng mình để luyện tình, tập tành để luyện trận.

151.- KHÍCH LỆ:

Khi khích lệ quân sĩ, chẳng nên nhờ cậy vào pháp luật. Danh vọng được thêm thì kẻ cương dũng phấn khởi. Đem lợi lộc mà dẫn dụ thì kẻ nhản nại, quả quyết sẽ phấn khởi. Dùng thế lực mà bức bách, lấy nguy nạn mà vây hãm, dùng xảo thuật mà lừa dối thì kẻ nhu nhược cũng phấn khởi. Nếu tướng biết thi ân, thị uy thì lòng quân hòa hiệp, việc mưu đồ sẽ thành tựu, ắt là sĩ tốt trong ba quân sẽ giống như rồng cọp rình mồi, khi gặp địch thì khắc chế ngay mà lại có thể lập thế giúp oai nêu cao tiết khí, nếu có thua chạy cũng không mất nhuệ khí, tuy gặp nguy nan vẫn không sờn lòng, như thế bất kỳ ai, ở lúc nào cũng được phần chấn.

152.- PHÁP LỆNH:

Ràng buộc ngựa thì lấy giàm mà đóng vào đầu, muốn ràng buộc binh sĩ thì dùng pháp lệnh. Cho nên muốn hơn thiên hạ thì không thể bỏ pháp luật. Nhưng phải thi ân trọng hậu rồi mới có thể thi hành pháp luật. Hình phạt phải thi hành rồi sau mới lập uy được. Như thế kẻ giỏi dùng binh lấy tiêu chuẩn được, thua để định công tội, biết rõ ai đánh, ai chạy để cứu giúp kẻ tổn thương. Giết một người mà mọi người khiếp uy, phạt kẻ hèn nhất, chém kẻ thất bại, mà quân sĩ càng thêm phấn khởi. Đứng nghĩ lặng lẽ như núi non, chuyển động mau lẹ như băng đổ, khiến cho quân sĩ không dám khinh lờn phép tắc, cho nên chỉ thắng lợi mà không thất bại.

153.- DÙNG TÀI:

Than tiếc rằng trời khó sinh nhân tài mà có kẻ sĩ trí mưu đến nhờ vả lại không được trọng dụng, có tướng chịu đi đánh địch mà ta lại ngăn cản.

154.- LO NGHĨ ĐẾN QUÂN SĨ:

Kẻ làm tướng phải hỏi thăm việc hư hại, chẳng bao giờ sai khiến mà không thông cảm, đó là cách lo nghĩ bậc nhất đến quân sĩ. Khi quân sĩ phải mang giáp trụ trải nắng dầm sương, đói khát thiếu thốn, thân thể bị thương tích mà chẳng dám than khổ, gặp cơn hiểm nạn mà chẳng dám kêu mệt, cho nên kẻ giỏi dùng binh chẳng để quân sĩ của mình bị địch vây hãm, ai theo thì dùng, ai bỏ thì giết, đó là cách lo nghĩ bậc hai đến quân sĩ.

155.- NHUỆ KHÍ:

Nuôi uy thì quý ở sẵn có, ứng biến thì quý ở mưu cao. Hai quân đang đánh nhau, nghe hô một tiếng thì phấn khởi, đó chỉ nhờ nhuệ khí mà thôi. Quân địch đông đảo đánh tới dữ dội, còn ta ít quân mà tới ngăn chặn chúng được, đó cũng là nhờ *nhuệ khí*. Giữa đám quân địch, quân ta ra vào, lui tới, xông xáo dọc ngang được, đó cũng là nhờ *nhuệ khí*. Tướng kiêu dũng, mạnh mẽ, dữ tợn, đó là tướng có *nhuệ khí*. Như gió, như mưa, làm rung chuyển núi rừng, đó là có *nhuệ khí*. Tướng đánh tới dữ dội, quân nhảy tới xông xáo, đó là tướng, quân đều có *nhuệ khí*. Dùng *nhuệ khí* không đúng chỗ thì vấp ngã, không có *nhuệ khí* thì suy. Có cơ trí mà có thể chu toàn, phát ra mà thu lại được thì *nhuệ khí* không bao giờ hết.

156.- PHÉP CHIẾN ĐẤU:

Phép chiến đấu là so sánh đạo nghĩa, lập tốt ngũ, định hàng cột, chinh đồn đường ngang lối dọc, xét danh thực. Khi đứng mà đi tới thì cúi xuống, khi ngồi mà đi tới thì quỳ gối. Sợ thì sắp cho dày, thấy nguy hiểm thì ngồi xuống. Ở xa mà nhìn thì không sợ, ở gần đứng nhìn thì không tan rã. Dưới ngôi vua, quân hai bên trái phải bỏ giáp ngồi xuống, thông thả thề nguyện.

157.- HỔ BÔN:

Trong một toán quân, ắt có hạng *hổ bôn* (*dõng sĩ*) có sức gánh nổi vác, khỏe chân chạy hơn ngựa nhưng, đều đủ sức giết cờ giết tướng. Nếu được như thế, nên chọn riêng họ ra để mà thương yêu quý mến họ, đó gọi là *quân lệnh*. Chia họ ra năm thứ binh, có tài năng, có sức mạnh, có sức khỏe, nhanh nhẹn, nuôi chí nuốt địch. Ban thêm phẩm tước cho họ, để họ quyết thắng, chăm nom cha mẹ vợ con của họ, thường để khuyến khích họ, phạt để họ sợ uy, đó là phép bày trận vững chắc, có thể giữ gìn lâu dài. Biết xét liệu việc ấy thì có thể dấy binh gấp bội.

158.- CONG THẮNG:

Võ Hầu nói rằng: *Biết trước được cái kế cong thẳng thì sẽ thắng, đó là phép tranh giành.*

159.- HIỆU LỆNH:

Sách Quân Chính nói rằng: Nói mà không nghe nhau nên mới bày ra chiêng trống. Nhìn nhau mà không thấy nên mới bày ra cờ xí. Mọi người đã chuyên nhất nên kẻ mạnh dạn không được tiến tới một mình, kẻ khiếp sợ không dám đi lui một mình, đó là phép sử dụng số đông vậy.

160.- ĐIỀU TRÔNG MONG:

Năm điều trông mong:

- Mong sĩ tốt được tráng kiện
- Mong cung tên bắn trúng
- Mong tập luyện dao, dáo được tinh thực
- Mong bộ ngũ bày trận được hợp độ
- Mong dùng chiêng trống cờ xí cho đúng tiết

Không được làm điều gì bậy bạ vô ích. Cho nên nếu không trông mong ở công việc thì có thể trông mong thắng trận được sao?

161.- PHÂN CÔNG:

Theo phép giao chiến thì kẻ ngắn cầm mâu kích, kẻ dài cầm cung nỏ, kẻ mạnh cầm cờ xí, kẻ dạn cầm chiêng trống, người yếu làm việc vặt vãnh và nuôi ăn, người trí làm chủ mưu, hàng xóm nương nhau, các đội thập đội ngũ che chở nhau.

162.- CHIÊNG TRỐNG:

Nghe một tiếng trống thì sắp binh chỉnh tề, nghe hai tiếng trống thì tập trận, nghe ba tiếng trống thì đi ăn, nghe bốn tiếng trống thì làm việc nghiêm chỉnh, nghe năm tiếng trống thì vào hàng, nghe trống và chiêng cùng đánh một lần rồi mới đưa cờ lên.

QUÂN LỄ VÀ THƯỞNG PHẠT

163.- LỄ NGHI:

Muốn trị quân thì dùng lễ và giữ đầu cán trong tay mình. Theo phép trị quân thì nhỏ hay lớn đều phải giữ lễ nghi, lòng biết đủ phải thực hành ra. Trị quân mà không nhờ vào lễ nghi thì kẻ trợ tá sẽ xúc phạm tướng suý, tướng suý sẽ xúc phạm thiên tử, do đó sinh ra các việc họa hoạn. Quyền bính tối cao không thể không ở trong tay mình. Nếu quyền bính bị rơi vào tay kẻ dưới thì trên dưới có thể lực bằng nhau, trên chẳng sai khiến được dưới, dưới chẳng trình bãm người trên, đó là bởi quyền bính tối cao không ở trong tay mình. Đời Hậu Đường quân sĩ giết Tiết Độ Sứ rồi giành luôn chức vụ của người bị giết.

(Gần đây nhà Trịnh suy yếu không kiểm chế được người dưới, quân sĩ sinh kiêu căng đem đến cảnh loạn vong, trường hợp này cũng giống như trường hợp trước)*.

* Đoạn này do người đời sau thêm vào, nhắc tới loạn "kiêu binh" thời Trịnh Khải.

164.- SĨ KHÍ:

Trao kiếm dấy binh, giết trâu bò để đãi quân sĩ, an ủi và khích lệ sĩ tốt thì sĩ khí sẽ tăng gấp bội. Nên trọng thưởng công lao giữ gìn biên giới.

165.- GHI CHÉP CÔNG LAO NHỎ NHẤT:

Nghe giặc xâm phạm biên giới, bọn gian bèn âm mưu làm loạn. Bậc nhân thần phụng mệnh ra quân để chinh đốn vương quốc, bảo tồn vương nghiệp, lập công trạng lớn lao. Binh pháp nói rằng: công lao nhỏ nhất mà không được ghi chép thì chẳng nên thưởng công lao ngoài biên giới.

166.- MIỄN LỄ NGHI CHO QUÂN SĨ:

Trong quân thì ráng sức mà tiến lên, trong hàng ngũ thì thi đua lấy thành quả. Mang giáp trụ thì không lạy, ngồi binh xa thì không làm lễ. Nên việc thì chẳng để sai chệch, gặp cảnh nguy nan chẳng sờn lòng. Cho nên lễ nghi và phép tắc là bề ngoài và bề trong, văn và võ là tay phải tay trái.

167.- TIẾP ĐÓN BỀ TRÊN:

Nếu bề trên đi kiệu mà đến, thì đạo tôi con là phải giết trâu bò, rót rượu mà đãi đằng trăm quan, há dám vin cơ có giặc mà thiếu lễ với bậc vua, cha hay sao?

168.- TRỄ NÃI, ĐÀO NGŨ:

Lính đến trại của đại tướng trễ sau tướng và lại sĩ một ngày thì cha mẹ vợ con cũng mang tội như nhau. Lính trốn về nhà một ngày mà cha mẹ vợ con chẳng bắt nộp hay không báo cáo thì mang tội như nhau.

169.- BỎ RƠI ĐỒNG NGŨ:

Ham đánh mà quên cả tướng súy và lại sĩ hay là tướng súy và lại sĩ bỏ rơi quân lính mà chạy trốn một mình thì phải chém hết.

Lại sĩ trước bỏ lính mình mà chạy, lại sĩ sau chém được lại sĩ trước và giữ lính lại thì được trọng thưởng.

170.- LIÊN ĐỐI TRÁCH NHIỆM:

Ba quân đang đánh lớn, nếu đại tướng chết mà có trên 500 quân theo lại sĩ không chịu liều chết đánh lại quân địch thì phải chém hết, các quân lính theo hầu gần đại tướng ở giữa trận cũng phải chết chém. Ngoài ra các sĩ tốt có công trạng phải bị giáng xuống một cấp, sĩ tốt không có công trạng thì phải đi lính thú ba năm.

Trong một ngũ có người thất lạc hay chết mà không lấy được thây, thì mọi người trong ngũ đều mất hết công trạng, nếu tìm được thây thì xá tội hết thảy.

171.- BA THẮNG LỢI:

Nay dùng pháp luật để trừng trị sự bỏ trốn, ngăn ngừa sự giảm quân số, đó là thắng lợi thứ nhất về việc binh.

Thập và ngũ nối liền nhau. Khi chiến đấu, lính và lại sĩ cứu nhau, đó là thắng lợi thứ hai của việc binh.

Tướng giữ uy võ, lính giữ tiết độ, hiệu lệnh tính thực, đánh hoặc giữ đều thành công, đó là thắng lợi thứ ba của việc binh.

172.- LỆNH NGĂN CẤM QUÂN SĨ:

Nghe rằng người xưa trị quân, khi trời mưa, trong quân có người lấy của dân một cái nón để che đầu thì người ấy phải bị chém đầu để rao cho mọi người biết. Huống là chặt phá cây cối, dẫm nát ruộng nương của dân, phá hủy nhà cửa của dân, gian dân, trộm cắp, chặt đầu của binh sĩ chết (?), giết con trai của giặc, làm nhục vợ của giặc, thậm chí giết thường dân bừa bãi rồi chặt đầu bào là đầu giặc, như thế lý trời chẳng dung, phép vua chẳng tha. Ai mang tội ấy thì sẽ bị xét xử theo quân pháp.

173.- THƯỞNG NGƯỜI NHỎ, PHẠT NGƯỜI LỚN:

Tướng lấy việc giết người lớn làm uy, thưởng người nhỏ làm sáng suốt. Bởi vì giết người đang ở địa vị quý trọng, đó là hình pháp cực nghiêm vậy. Thưởng cho kẻ chăn trâu, giữ ngựa, đó là sự tưởng thưởng thông suốt tới người dưới. Do đó mà tướng súy xây dựng được uy tín cho mình.

174.- DỪNG NGƯỜI:

Lính chưa thân thiết với mình mà đã phạt chúng thì chúng không phục, nếu chúng không phục thì khó dùng. Khi lính đã thân thiết với mình mà sự trừng phạt không thi hành thì cũng không dùng được. Cho nên lấy văn mà sai khiến chúng, lấy võ mà sửa trị chúng, đó là phép dùng người. Mệnh lệnh mà mình đã tự thi hành rồi đem ra dạy dân thì dân sẽ phục, mệnh lệnh mà mình tự thi hành rồi đem ban bố cho dân thì sẽ được hợp ý.

MẠC HẠ

175.- CHỌN LỰA NHÂN VIÊN CHO MẠC PHỦ (BỘ TƯ LỆNH):

Chọn hai người cho việc thiên văn: Xem sao, xem lịch, xét phong thổ, khí hậu, chọn ngày giờ, quan sát các việc thiên tai quái dị.

Chọn hai người coi việc địa lợi: xét hình thế đất đai lợi hại, xa gần, khó dễ.

Chọn hai người coi việc binh pháp: giảng luận binh pháp, luyện tập việc binh.

Chọn hai người coi việc thư toán (kế toán): ghi chép lương hướng, quân số, khí giới.

Chọn hai y sĩ: để điều trị quan nhân.

Chọn ba du sĩ (điệp viên hay thám tử): để làm việc gián điệp, tuần thám.

Chọn bốn người coi việc thư từ (công văn): để soạn thảo các từ, trát, chương, sớ, viết các bài tấu, biểu.

176.- DỪNG PHÉP KỶ (TRÁI VỚI PHÉP CHÍNHH):

Cầm quân mười vạn, biết bao nhiêu là sĩ tốt phải chết vì xông pha nguy hiểm, cho nên không thể dùng phép kỷ.

Đem quân đi đường ngàn dặm, gặp biết bao nhiêu là gián điệp tài nghệ thần diệu nên cũng không thể dùng phép kỷ.

Ta xem các nhà chuyên dùng phép kỷ, hễ mưu kế lập sẵn rồi thì thành công, còn nếu gặp đánh bất ngờ thì phải thất bại, thực có trường hợp như thế.

Há chẳng phải quân cảm tử chẳng giúp tướng sù, gián điệp chẳng được tướng thưởng công khai! Ân huệ đã cảm động được lòng người, nghĩa khí đã kết thành, thế mà thường phải lo sợ không rằng được, huống hồ là tướng sù chẳng từng trải gian lao, huống hồ là lương hướng không sẵn sàng, bấy giờ gặp

lúc cần kíp, nháy mắt còn chưa kịp, đâu có dùng phép kỳ, đâu có thể mình tự dùng được hay sao?

177.- DÙNG NHÂN TÀI:

Bậc vương giả có nhiều người làm tay chân, tai mắt, bậc đại tướng có lắm kẻ làm vây cánh giúp rập. Cho nên quân đội dùng nhân tài giống như triều đình.

Có hạng trí sĩ (kẻ sĩ có mưu trí) coi việc tham mưu, việc tán hoạch, việc mưu lược, dùng ngay dưới trướng để quyết định việc quân cơ.

Có hạng dũng sĩ (kẻ sĩ mạnh dạn) như là kiêu tướng, kiện tướng, mãnh tướng ... chuyên lo việc quyết chiến, xung đột, dẫn quân đảm đương các việc nguy hiểm trước mọi người.

Có hạng thân sĩ (kẻ sĩ thân cận) như là tư tướng, ốc tướng, nha tướng, cốt để hầu gần ở hai bên mình, tuyên bố mệnh lệnh, nắm giữ cơ quyền.

Có hạng thức sĩ (kẻ sĩ biết rộng) hiểu trận nghi, biết biến hóa xem cảnh trí, thăm dò mây, nước, gió, mưa, xét đất đai, thấy rõ địch tình, biết được điều sâu kín, nhỏ nhặt, quyết định việc quân tới, lui, ngừng nghỉ.

Có hạng văn sĩ (kẻ sĩ văn học) thông suốt việc xưa nay, hiểu rõ địch lý, giữ gìn nghi tiết, soạn thảo các tờ hịch sớ, từ, chương ...

Có hạng thuật sĩ (kẻ sĩ biết pháp thuật) thông thạo các việc thần linh, âm dương, ngày giờ tốt xấu, bói toán, pháp thuật, để làm lợi cho mình, tổn hại cho địch.

Có hạng số sĩ (kẻ sĩ coi về toán số), coi sổ sách kế toán, quân số, việc bố dụng, thăng thưởng, quân nhu ...

Có hạng kỹ sĩ (kẻ sĩ khéo léo) như kiếm khách, cảm tử, giỏi việc trộm cướp, giỏi việc du thuyết, gián điệp, ra vào thành lũy của địch một cách dễ dàng...

Có hạng nghệ sĩ (kẻ sĩ có nghề riêng) lo về tiền của, khí cụ, đào hào rãnh, tu bổ vật hư hỏng, sáng chế các máy móc lạ lùng...

Ngoài ra, mỗi người đều có biệt tài, thí dụ như cưỡi ngựa, nhảy múa, chèo mành, ca hát, nấu nướng, giả dạng, chạy nhanh ...

178.- TRÍ VÀ LỰC:

Trời sinh ra người, nếu khí tụ tại trung hư thì sinh ra trí tuệ, nếu khí tan ra bốn tay chân thì mộc mạc. Mộc mạc thì có nhiều sức. Kẻ trí thì yếu ớt. Những

kẻ trí dũng kiêm toàn ở trên đời không có nhiều. Cho nên ai hơn được một trăm người thì đứng đầu một trăm người, ai hơn được một ngàn người thì đứng đầu một ngàn người. Hơn một ngàn người thì thành một quân. Ai có tài ứng biến với thời cơ, có thể đương đầu với một cuộc tấn công thì đủ sức làm trưởng quân (cầm đầu một quân). Quân có lúc bị cô đơn, sai khiến tướng quân ắt mong dùng lấy một mình, cho nên nếu giỏi dùng nhân tài thì kẻ trợ tá cũng có thể làm đại tướng.

BINH CỤ

179.- CÔNG DỤNG CỦA MỖI ĐỒ VẬT:

Móc, dùi dùi để làm đất
Búa, rìu, dao, cưa dùi để làm cây gỗ
Thợ rèn dùi để làm đồ kim chất
Trâu ngựa dùi để chuyển vận
Gà chó dùi để dò xét
Thợ may dùi để may áo trận
Thuốc men dùi để chữa bệnh
Chông gai để phòng lót đường bẫy giặc
Giày da để phòng chạy gấp
Lương khô để phòng thiếu thức ăn

180.- PHÉP DỤ BẮT NGỰA GIẶC:

Ngày xưa đời Hậu Đường, *Sử Tư Minh* làm phản. Hãn có ngàn ngựa hay, mỗi ngày đem ra sông Hà Chử mà tắm rửa, làm tuần hoàn như thế để tỏ rằng mình có nhiều ngựa.

Lý Quang Bất khiến tìm trong năm quân trăm ngựa đực, đánh vào đầu chúng ở trong thành, chờ khi ngựa giặc đến sông Hà Chử, thì cho ngựa của mình đi ra hết. Đàn ngựa hí mãi không thôi. Ngựa giặc nghe tiếng hí bèn bơi qua sông đi hết vào trong thành.

182.- HÓA TIẾN:

Hỏa tiễn có thể rất mạnh, quân địch sợ nó hơn là cung nỏ. Nếu chế hay, mỗi chiếc có thể bắn xa sáu bảy trăm bước. Phải nện thuốc súng chừng ba vạn cái mới dùng được, đầu trên dùi chắt mỗi lửa chừng hai phần mười.

Gặp trường hợp hỏa tiễn quá mạnh mà buồm chiếu quá mỏng, hỏa tiễn bắn vào thì xuyên lút qua mà đi luôn thành thử không cháy được. Nếu sợ đi xuyên qua luôn, thì cách miệng chừng hai ba tấc, ta gấn một chữ thập bằng tre để chặn nó lại. Chỗ tre và sắt tiếp nhau, người ta dùng giấy vắn và sơn một lớp sơn cho kín. Dưới lớp sơn có thể dùng linh hoa để ngăn âm thấp. Ở phương nam người ta dùng tới ba trăm chiếc cho vào một ống, gọi là *oa phong hay hỏa lung*. Dùng chín chiếc thì gọi là *cửu lung đồng*. Thứ nhỏ gọi là *dũng tiễn*.

Có thể ngồi trên ngựa mà phóng hỏa tiễn.

183.- HẦM CHÔNG GAI DÙNG ĐỂ BÃY NGỰA GIẶC:

Đào hố vuông sâu chừng bốn thước, rồi đặt chông gai ở dưới, mặt trên gác cây, phù cỏ và đất cho bằng phẳng như là đất hoang. Nếu giặc xông tới đánh dinh trại thì sẽ sụp vào hố chông ấy. Người và ngựa của giặc bị thương sẽ bị phục binh của ta bắt giữ.

HIỆU LỆNH

184.- QUÂN LỆNH:

Một khi *hiệu lệnh* được phát ra, ba quân đều chấn động sợ sệt.

Nghe trống thì tiến, nghe chiêng thì dừng.

Nghe súng bắn thì đứng dậy, nghe chuông đánh thì ăn.

Nghe đánh phễu thì ráng sức, thấy vẫy cờ thì chạy mau.

Gặp mưa không núp, gặp nóng không cởi giáp.

Mệt không buông vũ khí.

Thấy nguy nan không trở lui.

Gặp tiền của không lấy.

Hãm thành không giết bừa bãi.

Có công trạng không khoe khoang.

Dong ruổi thì lặng lẽ.

Bị đánh cũng không rúng động. Bị chấn áp cũng không sợ hãi.

Bị đánh úp không bỏ chạy, bị đánh cắt ngang mà không phân tán.

Đó gọi là binh *nghiêm chỉnh*.

185.- VIỆC QUẤY:

Thánh hiền không thấy sai quấy thì miễn lỗi, binh pháp không thấy sai quấy thì ghi công. Cho nên kẻ giỏi dùng binh thì thi hành đối trá trái ngược, dấy nghịch lấy bậy.

Trời luân hành theo thời, quỷ thần mượn thời mà hành động, mộng寐 cũng theo thời mà hiện ra, các vật lạ cũng theo thời mà sinh ra, câu ca dao, lời sấm cũng theo thời mà nói, mọi việc sắp đặt cũng theo thời mà chia riêng, tiếng lời cũng theo thời mà phát biểu.

Khuyến khích lòng quân, ngăn trở khí thế của địch, khiến người không thể liệu lường. Luân chuyển trừ bỏ điều quấy rồi lại dùng điều quấy. Và lại điều hư quấy, ngay thẳng nhờ cậy vào nó thì không đủ, dẫu đối mượn dùng nó thì thường có dư.

186.- DÙNG PHỤ NỮ:

Thường nghe bậc đại tướng ngày xưa cũng từng nhờ cậy vào sự mềm yếu của phụ nữ. Khi dùng *văn* thì khiến cho giặc vui chơi sướng khoái, khi dùng *võ* thì cỡi xe chiến đấu, cứu nạn giải nguy, tùy cơ ứng biến, đều có lợi cả.

187.- DÙNG VĂN ĐỂ DẠY ĐỀU ƯỚC CẤM LỆNH:

Nghề võ chuyên luận về tánh dũng, nhưng cáo, hịch ... thì cần văn. Có khi một lời nói mà có thể cứu nước, làm cho quân giặc phải đầu hàng. Sĩ tốt thì ít biết văn chương, chữ nghĩa. Bởi thế cho nên, khi nhàn hạ nên buộc sĩ tốt tập hò, tập hát, truyền tai nhau các điều ước, cấm lệnh, các bài chiếu giảng giải các điều nghĩa dũng và cái đạo của quân tử, của nho sĩ, tức là chẳng làm tổn hại người bề trên. Đó là binh pháp vậy.

188.- BAN BỐ ĐIỀU LỆNH:

Con người lấy *tâm* mà *định* lời, *định* lời để ra lệnh. Bởi thế nên phần khích tánh hào hùng, mưu lược, nói lời cứng cỏi, mạnh mẽ, giữ lòng sắt đá, chịu trải phong sương, sau đó mới ban bố hiệu lệnh, lập quân pháp nghiêm minh.

Trước ba ngày, treo lệnh tại quân môn, khiến viên quan quân chính cầm ban tuyên bố giữa sáu quân. Nếu có ai trái lệnh thì khiến quan quân chính tập họp quân nhân, rồi theo lệnh mà hành hình để cho sáu quân đều biết rõ.

189.- TRỪNG PHẠT KẸ PHẠM QUÂN LỆNH (QUÂN PHÁP):

Khi bậc đại tướng quân đã nhận mệnh, cầm hết quyền chinh chiến trong tay, làm lễ khao quân xong rồi mới ban bố mệnh lệnh. Ai trái lệnh sẽ bị giết.

Nghe trống mà không tiến, nghe chiêng mà không dừng, thấy cờ lên mà không đứng dậy, thấy hạ cờ mà không nằm nấp, đó là quân *bội nghịch*, *phải chém chúng*.

Nghe gọi tên mà không đáp, được vờì mà không tới, hoặc tới mà trễ nãi, cử động sai quy luật, đó là quân *ngạo mạn*, *phải chém chúng*.

Ban đêm thì kháo chuyện gian dối, thường biếng nhác không hăng hái, trù tính sai lầm, hiệu lệnh không rõ ràng, đó là quân *lười biếng*, *phải chém chúng*.

Thường nói lời oán vọng, không được thưởng thì giận hờn, được chủ tướng dùng thì tỏ ra cứng đầu khó trị, đó là quân *ngang dọc*, *phải chém chúng*.

Tự xưng tên họ phẩm chức mà cười nói, như là trên mình chẳng có ai, bị ngăn cấm vẫn không chừa, đó là quân *kiêu căng*, *phải chém chúng*.

Giữ khí giới mà để cung nỏ đứt dây, tên thì thiếu mũi hay thiếu lông đuôi, kiếm kích thì đuôi lứt, cờ xí rách nát, đó là quân *lừa dối*, *phải chém chúng*.

Nói lời dối trá bày đặt việc quý thần, mượn chuyện mộng寐, phỉnh gạt lại sĩ, đó là quân *yêu nghiệt*, *phải chém chúng*.

Đến nơi nào thì phá phách nhân dân, hãm hiếp phụ nữ, đó là quân *gian tà*, *phải chém chúng*.

Miệng lưỡi sắc bén, hay bàn phải trái, gieo oán giữa các lại sĩ, khiến họ chẳng hòa hiệp, đó là quân *dèm pha*, *phải chém chúng*.

Trộm tiền của người để làm của mình, đoạt thủ cấp của người khác để dành công lao về phần mình, đó là quân *trộm cắp*, *phải chém chúng*.

Khi tướng quân tụ họp để bàn mưu, mà đến gần trưởng để nhìn trộm, nghe trộm sự tình, đó là quân *dọ thám*, *phải chúng*.

Khi nghe được mưu kế và hiệu lệnh của quân mình, mà bần tiếng ra ngoài để địch quân nghe được, đó là quân *bội phản*, *phải chém chúng*.

Khi được sử dụng, mà câm miệng chẳng đáp, gục đầu ủ rũ làm ra vẻ khó nhọc, đó là quân *hèn yếu*, *phải chém chúng*.

Chẳng giữ hàng ngũ, tranh giành trước sau, nói năng ồn ào, chẳng theo cấm lệnh, đó là quân *lộn xộn*, *phải chém chúng*.

Giả vờ bị thương hoặc mang bệnh để tránh việc khó nhọc, giả vờ cứu giúp kẻ thương vong để lẫn xa, đó là quân *dối trá*, *phải chém chúng*.

Khi giữ tiền của, đến lúc ban thưởng lại tây vị những người thân thuộc khiến cho lại và tốt hờn oán nhau, đó là quân *thối nát*, *phải chém chúng*.

Thấy giặc mà không xét, xét giặc mà không biết rõ, giặc động mà nói không, giặc không động mà nói có, giặc nhiều mà nói ít, giặc ít mà nói nhiều, đó là quân *lầm lạc, phải chém chúng*.

Tại chốn đồn trại, chẳng phải lúc khao quân mà bày ra uống rượu, đó là quân *phóng dăng, phải chém chúng*.

Khi pháp lệnh trên đã lập xong, trong lại sĩ có ai phạm phép thì cứ theo phép mà xử chém.

190.- DÙNG BINH TRÊN TÁN ĐỊA (ĐỊA PHẬN CỦA MÌNH):

Quân địch vào sâu trong nước ta, mà thành quách chưa hoàn bị, cỏ lương thiếu thốn, cố thủ thì không lợi. Bên ta nên hẹn nhau quyết chiến, còn nếu sợ sệt mà thối lui thì ắt chết. Ai bắt được gì, lấy được gì thì ban thưởng. Ai làm tướng quay lui cũng đem chém, gặp địch mà thân không định, số mục thay đổi cũng chém; có sắc mặt lo buồn, nghiêng ngả nhìn nhau mà nháy mắt bỏ bê chiêng trống chẳng ứng đối, đều phải chém hết. Được một thủ cấp cũng trọng thưởng, như thế mới có thể dùng binh trên tán địa được.

191.- THƯỞNG PHẠT THEO LỄ NGHI:

Nếu bậc đại tướng cũng dùng lễ nghi để thi hành việc thưởng phạt thì sĩ tốt không hờn oán mà mọi người sẽ lo sợ.

Một là các điều quân lệnh phải thật nghiêm khắc khi ra quân lần đầu để cho tai mắt quân sĩ phải thấm nhuần, khiến chúng phải tránh né không dám phạm vào.

192.- XỬ CHÉM:

Một là giả vờ có bệnh, có ý muốn trốn. Đi nửa đường rồi bỏ trốn, thì phải chém.

Một là cướp tiền của của nhân dân và hiếp dâm phụ nữ, thì phải chém.

Một là đào bới mồ mả để lấy tiền của thì phải chém.

Một là tự ý vào các đền, miếu để lấy các đồ vật thì phải chém.

Một là ngầm giao thiệp riêng với quân địch, làm tiết lộ quân cơ thì phải chém.

Một là bỏ đội ngũ, tự ý vào nhà dân mà ngủ nghỉ thì phải chém.

Một là trong đêm vô cớ la ó khiến quân sĩ lo sợ, thì phải chém.

Một là trong đêm đốt lửa không cẩn thận làm cháy dinh trại, thì phải chém.

Một là canh giữ, tuần phòng sơ xuất để quân địch thừa cơ lên vào thì phải chém.

Một là tự ý giết tướng và lính đến đầu hàng, thì phải chém.

Một là làm cho cha con, chồng vợ của tướng lính đến đầu hàng phải xa nhau thì phải chém.

Một là hiếp bức nhau, đánh nhau đến nỗi chết người, thì phải chém, quản viên cũng bị phạt.

193.- ĐÁNH ĐÒN:

Một là cướp tiền của, chộc phá phụ nữ, thì phải đánh nhiều bằng gậy.

Một là chửi bới nhau, trái với quân lễ thì phạt đánh bằng gậy.

Một là trên dưới tranh giành nhau làm mất thứ tự, thì phải đánh nhiều bằng gậy.

Một là nhận riêng rượu và thức nhắm đến nỗi ăn nhắm thuốc độc của quân địch thì quản viên chịu trọng tội.

Một là giao thiệp riêng với thầy phù thủy, thầy bói, đồng cốt, bày đặt ra việc họa phúc, gieo nghi ngờ trong quân ngũ, thì phải đánh bằng gậy.

Một là say rượu, nói bậy, chẳng giữ vị thứ, chờ tỉnh rượu xong sẽ đánh bằng gậy và giảng luận cho nghe.

Một là phá phách nhà cửa của nhân dân, bẻ hái hoa quả thì phải đánh bằng gậy.

194.- KHẨU HIỆU:

Một là phát hiệu lệnh: Buổi chiều trong quân ngũ hãy xét chung các nhân viên. Tề hầu, Tham tán tới biên lãnh khẩu hiệu. Mỗi canh đổi một khẩu hiệu. Một khẩu hiệu có hai chữ. Hỏi chữ này phải đáp chữ kia. Thí dụ: Hỏi *võ* thì *đáp cường*, hỏi *dũng* thì *đáp an*.

195.- ÁM HIỆU:

Quân đi mà không thông đồng với nhau, ắt những nhóm bị phân chia không thể kết hợp với nhau, những nhóm ở xa không thể cứu ứng, đây đó đâu có thể hiểu nhau được, đó là đường lối thất bại. Nhưng thông đồng với nhau mà không kín đáo thì ngược lại bị địch mưu toan phá hoại. Cho nên nếu không dùng chiêng, cồng, không dùng ngựa chạy mang lệnh tiễn, không đốt lửa, phun khói, thì lấy gì mà thông báo những việc kinh động cấp bách?

Hai quân gặp nhau thì nên dùng ám hiệu để liên lạc với nhau, đi xa ngàn dặm thì liên lạc bằng thư trắng (không đọc được) viết bằng chữ không ra chữ, dùng lời văn không hiểu được, không viết trên giấy. Kẻ mang thư cũng không hiểu gì, dầu có tìm tòi cũng không ra gốc tích. Thần diệu thay! Thần diệu thay! Hoặc bị địch ngăn cách, hoặc bị mất liên lạc, hoặc ở quá xa không kịp gặp nhau, ắt phải dùng cơ mưu để thông tin theo cách trên.

196.- HIỆU LỆNH LÀ GỐC:

(Ngày xưa) Võ Vương hỏi rằng: Nếu binh của ta bị phân ra ở nhiều nơi, muốn chúng tụ hội đúng kỳ hạn, phải làm thế nào?

Thái Công đáp: Theo phép dùng binh thì ba quân đông đảo phải biết cách biến hóa phân hợp. Bậc đại tướng trước hết phải định chỗ đánh và ngày đánh rồi mới truyền hịch cho tướng sĩ biết ngày hẹn đánh thành vây ấp, phải tụ hội nơi nào, ngày đánh phải nói rõ, giờ khắc phải đúng đắn. Đại tướng lập dinh, bày trận, xây dựng viên môn, dọn đường để chờ tướng sĩ tới, xem thử ai tới trước, ai tới sau. Ai tới trước hẹn thì thưởng, ai tới sau hẹn thì chém, như thế xa gần đều chạy lại, ba quân đều tới đủ để góp sức cùng đánh.

Vua hỏi: Thái Công giảng bày sách Cấm Thư, phép thắng bại ngũ âm như thế nào?

Thái Công đáp: Theo phép dùng binh, hiệu lệnh là tai mắt. Kẻ dùng binh mà không rõ hiệu lệnh cũng như người mù đi đêm. Hạ thần xem phép dùng binh trong kinh đều lấy hiệu lệnh làm gốc vậy.

Hết

諭諸裨將檄文

Dụ chư tỳ tướng hịch văn

余常聞之

Dư thường văn chi:

紀信以身代死而脫高帝

Kỷ Tín dĩ thân đại tử nhi thoát Cao Đế;

由于以背受戈而蔽招王

Do Vu dĩ bối thụ qua nhi tế Chiêu Vương.

菝讓吞炭而復主讎

Dự Nhượcng thốn thán nhi phục chủ thù;

申蒯断臂而赴國難

Thân Khoái đoạn tí nhi phó quốc nạn.

敬德一小生也身翼太宗而得免世充之

Kính Đức nhất tiểu sinh dã, thân dực Thái Tông nhi đắc miễn Thế Sung chi vi;

杲卿一遠臣也口罵祿山而不從逆賊之

Cảo Khanh nhất viễn thần dã, khẩu mạ Lộc Sơn nhi bất tòng nghịch tặc chi kế.

自古忠臣義士以身死國何代無之

Tự cổ trung thần nghĩa sĩ, dĩ thân tử quốc hà đại vô chi?

設使數子區區為兒女子之態

Thiết sử số tử khu khu vi nhi nữ tử chi thái,

徒死牖下烏能名垂竹白

Đồ tử dũ hạ, ô năng danh thùy trúc bạch,

與天地相為不朽哉

Dữ thiên địa tương vi bất hủ tai!

汝等

Nhữ đẳng

世為將種不曉文義

Thế vi tướng chủng, bất hiểu văn nghĩa,

其聞其說疑信相半

Kỳ văn kỳ thuyết, nghi tín tương bán.

古先之事姑置勿論

Cổ tiên chi sự cô trí vật luận.

今余以宋韃之事言之

Kim dư dĩ Tống, Thát chi sự ngôn chi:

王公堅何人也

Vương Công Kiên hà nhân dã?

其裨將阮文立又何人也

Kỳ tỳ tướng Nguyễn Văn Lập hựu hà nhân dã?

以釣魚鎖鎖斗大之城

Dĩ Đieu Ngư tảo tảo đấu đại chi thành,

當蒙哥堂堂百萬之鋒

Đương Mông Kha đường đường bách vạn chi phong,

使宋之生靈至今受賜

Sử Tống chi sinh linh chí kim thụ tứ!

骨待兀郎何人也

Cốt Đãi Ngột Lang hà nhân dã?

其裨將赤脩思又何人也

Kỳ tỳ tướng Xích Tu Tư hựu hà nhân dã?

冒瘴厲於萬里之途

Mạo chương lệ ư vạn lý chi đồ,

獮南詔於數旬之頃

Quê Nam Chiếu ư số tuần chi khoảnh,

使韃之君長至今留名

Sử Thát chi quân trưởng chí kim lưu danh!

況余與汝等

Huống dư dữ nhữ đẳng,

生於擾攘之秋

Sinh ư nhiễu nhiễu chi thu;

長於艱難之勢

Trưởng ư gian nan chi thế.

竊見偽使往來道途旁午

Thiết kiến ngụy sứ vãng lai, đạo đồ bàng ngọ.

掉鴟烏之寸舌而陵辱朝廷

Trạo hào ô chi thốn thiệt nhi lăng nhục triều đình;

委犬羊之尺軀而倨傲宰府

Ủy khuyến dương chi xích khu nhi cứ ngạo tể phụ.

托忽必列之令而索玉帛以事無已之誅❖❖

Thác Hốt Tất Liệt chi lệnh nhi sách ngọc bạch, dĩ sự vô dĩ chi tru cầu;

假雲南王之號而拏金銀以竭有限之俸❖



Giả Vân Nam Vương chi hiệu nhi khu kim ngân, dĩ kiệt hữu hạn chi thảng khổ.

譬猶以肉投餒虎寧能免遺後患也哉

Thí do dĩ nhục đầu nễ hổ, ninh năng miễn di hậu hoạn dã tai?

余常

Dư thường

臨餐忘食

Lâm xan vong thực,

中夜撫枕

Trung dạ phủ chẩm,

涕泗交瘳

Thế tứ giao di,

心腹如搗

Tâm phúc như đảo.

常以未能食肉寢皮絮肝飲血為恨也

Thường dĩ vị năng thực nhục tẩm bì, như can âm huyết vi hận dã.

雖

Tuy

余之百身高於草野

Dư chi bách thân, cao ư thảo dã;

余之千屍裹於馬革

Dư chi thiên thi, khóa ư mã cách,

亦願為之

Diệc nguyện vi chi.

汝等

Nhữ đẳng

久居門下

Cửu cư môn hạ,

掌握兵權

Chưởng ác binh quyền.

無衣者則衣之以衣

Vô y giả tắc ý chi dĩ y;

無食者則食之以食

Vô thực giả tắc tự chi dĩ thực.

官卑者則遷其爵

Quan ti giả tặc thiên kỳ tước;

祿薄者則給其俸

Lộc bạc giả tặc cấp kỳ bổng.

水行給舟

Thủy hành cấp chu;

陸行給馬

Lục hành cấp mã.

委之以兵則生死同其所為

Ủy chi dĩ binh, tặc sinh tử đồng kỳ sở vi;

進之在寢則笑語同其所樂

Tiến chi tại tẩm, tặc tiếu ngữ đồng kỳ sở lạc.

其是

Kỳ thị

公堅之為偏裨

Công Kiên chi vi thiên tì,

兀郎之為副貳

Ngột Lang chi vi phó nhị,

亦未下爾

Diệc vị hạ nhĩ.

汝等

Nhữ đẳng

坐視主辱曾不為憂

Tọa thị chủ nhục, tăng bất vi ưu;

身當國恥曾不為愧

Thân đương quốc sĩ, tăng bất vi quý.

為邦國之將侍立夷宿而無忿心

Vi bang quốc chi tướng, thị lập di tú nhi vô phẫn tâm;

聽太常之樂宴饗偽使而無怒色

Thính thái thường chi nhạc, yến hưởng ngụy sứ nhi vô nộ sắc.

或鬥雞以為樂

Hoặc đấu kê dĩ vi lạc;

或賭博以為娛

Hoặc đồ bác dĩ vi ngu.

或事田園以養其家

Hoặc sự điền viên dĩ dưỡng kỳ gia;

或戀妻子以私於己

Hoặc luyến thê tử dĩ tư ư kỷ.

修生產之業而忘軍國之務

Tu sinh sản chi nghiệp, nhi vong quân quốc chi vụ;

恣田獵之遊而怠攻守之習

Tứ điền liệp chi du, nhi đãi công thủ chi tập.

或甘美酒

Hoặc cam mỹ tửu;

或嗜淫聲

Hoặc thị dâm thanh.

脫有蒙韃之寇來

Thoát hữu Mông Thát chi khấu lai,

雄雞之距不足以穿虜甲

Hùng kê chi cự, bất túc dĩ xuyên lỗ giáp;

賭博之術不足以施軍謀

Đồ bác chi thuật, bất túc dĩ thi quân mưu.

田園之富不足以贖千金之軀

Điền viên chi phú, bất túc dĩ thực thiên kim chi khu;

妻孥之累不足以充軍國之用

Thê noa chi lụy, bất túc dĩ sung quân quốc chi dụng.

生產之多不足以購虜首

Sinh sản chi đa, bất túc dĩ cầu lỗ thủ;

獵犬之力不足以驅賊眾

Liệp khuyển chi lực, bất túc dĩ khu tặc chúng.

美酒不足以沈虜軍

Mỹ tửu bất túc dĩ trảm lỗ quân;

淫聲不足以聾虜耳

Dâm thanh bất túc dĩ lung lỗ nhĩ.

當此之時

Đương thử chi thời,

我家臣主就縛

Ngã gia thần chủ tựu phọc,

甚可痛哉

Thậm khả thống tai!

不唯余之采邑被削

Bất duy dư chi thái ấp bị tước,

而汝等之俸祿亦為他人之所有

Nhi nhữ đẳng chi bổng lộc diệc vi tha nhân chi sở hữu;

不唯余之家小被驅

Bất duy dư chi gia tiếu bị khu,

而汝等之妻孥亦為他人之所虜

Nhi nhữ đẳng chi thê noa diệc vi tha nhân chi sở lữ;

不唯余之祖宗社稷為他人之所踐侵

Bất duy dư chi tổ tông xã tắc, vi tha nhân chi sở tiển xâm,

而汝等之父母墳墓亦為他人之所發掘

Nhi nhữ đẳng chi phụ mẫu phần mộ, diệc vi tha nhân chi sở phát quật;

不唯余之今生受辱雖百世之下臭名難

惡謚長存

Bất duy dư chi kim sinh thụ nhục, tuy bách thế chi hạ, xú danh nan tây, ác thụ trường tồn,

而汝等之家清亦不免名為敗將矣

Nhi nhữ đẳng chi gia thanh, diệc bất miễn danh vi bại tướng hĩ!

當此之時

Đương thử chi thời,

汝等雖欲肆其娛樂

Nhữ đẳng tuy dục tứ kỳ ngu lạc,

得乎

Đắc hồ?

今余明告汝等

Kim dư minh cáo nhữ đẳng,

當以措火積薪為危

Đương dĩ thổ hỏa tích tân vi nguy;

當以懲羹吹虀為戒

Đương dĩ trừng canh xuy tê vi giới.

訓練士卒

Huấn luyện sĩ tốt;

習爾弓矢

Tập nhĩ cung thi.

使

Sử

人人逢蒙

Nhân nhân Bàng Mông;

家家后羿

Gia gia Hậu Nghệ.

購必烈之頭於闕下

Cưu Tất Liệt chi đầu ư khuyết hạ;

朽雲南之肉於梟街

Hủ Vân Nam chi nhục ư cáo nhai.

不唯余之采邑永為青氈

Bất duy dư chi thái ấp vĩnh vi thanh chiêm,

而汝等之俸祿亦終身之受賜

Nhi nhữ đẳng chi bổng lộc diệc chung thân chi thụ tứ;

不唯余之家小安床褥

Bất duy dư chi gia tiểu đắc an sàng nhục,

而汝等之妻孥亦百年之佳老

Nhi nhữ đẳng chi thê noa diệc bách niên chi giai lão;

不唯余之宗廟萬世享祀

Bất duy dư chi tông miếu vạn thế hưởng tự,

而汝等之祖父亦春秋之血食

Nhi nhữ đẳng chi tổ phụ diệc xuân thu chi huyết thực;

不唯余之今生得志

Bất duy dư chi kim sinh đắc chí,

而汝等百世之下芳名不朽

Nhi nhữ đẳng bách thế chi hạ, phương danh bất hủ;

不唯余之美謚永垂

Bất duy dư chi mỹ thụy vĩnh thù,

而汝等之姓名亦遺芳於青史矣

Nhi nhữ đẳng chi tính danh diệc di phương ư thanh sử hĩ.

當此之時

Đương thử chi thời,

汝等雖欲不為娛樂

Nhữ đẳng tuy dục bất vi ngu lạc,

今余

Đắc hồ!

今余歷選諸家兵法為一書名曰兵書要



Kim dư lịch tuyển chư gia binh pháp vi nhất thư, danh viết Binh thư yếu lược.

汝等

Nhữ đẳng

或能專習是書受余教誨是夙世之臣主

Hoặc năng chuyên tập thị thư, thụ dư giáo hối, thị túc thế chi thần chủ dã;

或暴棄是書違余教誨是夙世之仇讎也

Hoặc bạo khí thị thư, vi dư giáo hối, thị túc thế chi cừ thù dã.

何則

Hà tắc?

蒙韃乃不共戴天之讎

Mông Thát nãi bất cộng đái thiên chi thù,

汝等記恬然不以雪恥為念不以除凶為

Nhữ đẳng ký điềm nhiên, bất dĩ tuyết sỉ vi niệm, bất dĩ trừ hung vi tâm,

而又不教士卒是倒戈迎降空拳受敵

Nhi hựu bất giáo sĩ tốt, thị đảo qua nghênh hàng, không quyền thụ địch;

使平虜之後萬世遺羞

Sử bình lỗ chi hậu, vạn thế di tu,

上有何面目立於天地覆載之間耶

Thượng hữu hà diện mục lập ư thiên địa phú tải chi gian da?

故欲汝等明知余心

Cố dục nhữ đẳng minh tri dư tâm,

因筆以檄云

Nhân bút dĩ hịch vân.

HỊCH TƯỞNG SĨ

(Bản dịch Khuyết danh)

Ta thường nghe: Kỷ Tín đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế; Do Vu chìa lưng chịu giáo, che chở cho Chiêu Vương; Dự Nhượng nuốt than, báo thù cho chủ; Thân Khoái chặt tay để cứu nạn cho nước. Kính Đức một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thái Sung; Cảo Khanh một bầy tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ, bỏ mình vì nước, đời nào chẳng có ? Ví thử mấy người đó cứ khư khư theo thói nết thường tình thì cũng đến chết hoai ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách cùng trời đất muôn đời bất hủ được ?

Các người vốn dòng võ tướng, không hiểu văn nghĩa, nghe những chuyện ấy nửa tin nửa ngờ. Thôi việc đời trước hẵng tạm không bàn. Nay ta lấy chuyện Tống, Nguyên mà nói: Vương Công Kiên là người thế nào ? Nguyễn Văn Lập, tỳ tướng của ông lại là người thế nào ? Vậy mà đem thành Điều Ngự nhỏ tày cái đầu đường đầu với quân Mông Kha đường đường trăm vạn, khiến cho sinh linh nhà Tống đến nay còn đội ơn sâu ! Cốt Đãi Ngột Lang là người thế nào ? Xích Tu Tư tỳ tướng của ông lại là người thế nào ? Vậy mà xông vào chốn lam chướng xa xôi muôn dặm đánh quy quân Nam Chiếu trong khoảng vài tuần, khiến cho quân trưởng người Thát đến nay còn lưu tiếng tốt !

Huống chi, ta cùng các người sinh ra phải thời loạn lạc, lớn lên gặp buổi gian nan. Lén nhìn sứ ngụy đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn tắc lưỡi cú diều mà lảng nhục triều đình; đem tấm thân dê chó mà khinh rẻ tổ phụ. Ý mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa để phụng sự lòng tham khôn cùng; khoác hiệu Vân Nam Vương mà hạch bạc vàng, để vét kiệt của kho có hạn. Thật khác nào đem thịt ném cho hổ đói, tránh sao khỏi tai họa về sau.

Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ giận chưa thể xả thịt, lột da, ăn gan, uống máu quân thù; dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn thân ta bọc trong da ngựa, cũng nguyện xin làm.

Các người ở lâu dưới trướng, nắm giữ binh quyền, không có mặc thì ta cho áo; không có ăn thì ta cho cơm. Quan thấp thì ta thăng tước; lộc ít thì ta cấp

lương. Đi thủy thì ta cho thuyền; đi bộ thì ta cho ngựa. Lâm trận mạc thì cùng nhau sống chết; được nhàn hạ thì cùng nhau vui cười. So với Công Kiên dài kể tỳ tướng, Ngột Lang dài người phụ tá, nào có kém gì?

Nay các người ngồi nhìn chủ nhục mà không biết lo; thân chịu quốc sỉ mà không biết thẹn. Làm tướng triều đình đứng hầu quân man mà không biết tức; nghe nhạc thái thường dài yến sứ ngự mà không biết cảm. Có kẻ lấy việc chọi gà làm vui; có kẻ lấy việc cờ bạc làm thích. Có kẻ chăm lo vườn ruộng để cung phụng gia đình; có kẻ quyến luyến vợ con để thỏa lòng vị kỷ. Có kẻ tính đường sản nghiệp mà quên việc nước; có kẻ ham trò săn bắn mà trễ việc quân. Có kẻ thích rượu ngon; có kẻ mê giọng nhảm. Nếu bất chợt có giặc Mông Thát tràn sang thì cựa gà trống không đủ đâm thủng áo giáp của giặc; mẹo cờ bạc không đủ thi hành mưu lược nhà binh. Vườn ruộng nhiều không chuộc nổi tấm thân ngàn vàng; vợ con bận không ích gì cho việc quân quốc. Tiền của dầu lắm không mua được đầu giặc; chó săn tuy hay không đuổi được quân thù. Chén rượu ngọt ngon không làm giặc say chết; giọng hát réo rắt không làm giặc điếc tai. Lúc bấy giờ chúa tôi nhà ta đều bị bắt, đau xót biết chừng nào ! Chẳng những thái ấp của ta không còn mà bổng lộc các người cũng thuộc về tay kẻ khác; chẳng những gia quyến của ta bị đuổi mà vợ con các người cũng bị kẻ khác bắt đi; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị kẻ khác giày xéo mà phần mộ cha ông các người cũng bị kẻ khác bới đào; chẳng những thân ta kiếp này chịu nhục đến trăm năm sau tiếng như khôn rửa, tên xấu còn lưu, mà gia thanh các người cũng không khỏi mang danh là tướng bại trận. Lúc bấy giờ, dầu các người muốn vui chơi thỏa thích, phỏng có được chăng ?

Nay ta bảo thật các người: nên lấy việc "đặt mồi lửa dưới đồng củi nổ" làm nguy; nên lấy điều "kiêng canh nóng mà thổi rau nguội" làm sợ. Phải huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên, khiến cho ai nấy đều giỏi như Bàn Mông, mọi người đều tài như Hậu Nghệ, có thể bêu đầu Hốt Tất Liệt dưới cửa khuyết, làm rửa thẹn Vân Nam Vương ở Cảo Nhại Như thế chẳng những thái ấp của ta mãi mãi vững bền mà bổng lộc các người cũng suốt đời tận hưởng; chẳng những gia thuộc ta được ấm êm giường nệm, mà vợ con các người cũng trăm tuổi sum vầy; chẳng những tông miếu ta được hương khói nghìn thu mà tổ tiên các người cũng được bốn mùa thờ cúng; chẳng những thân ta kiếp này thỏa chí, mà đến các người, trăm đời sau còn để tiếng thơm; chẳng những thụ hiệu

ta không hề mai một, mà tên họ các người cũng sử sách lưu truyền. Lúc bấy giờ, dẫu các người không muốn vui chơi, phỏng có được không ?

Nay ta chọn lọc binh pháp các nhà hợp thành một tuyển, gọi là Binh Thư Yếu Lược. Nếu các người biết chuyên tập sách này, theo lời ta dạy bảo, thì trọn đời là thần tử; nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời ta dạy bảo thì trọn đời là nghịch thù.

Vì sao vậy ? Giặc Mông Thát với ta là kẻ thù không đội trời chung, mà các người cứ diềm nhiên không muốn rửa nhục, không lo trừ hung, lại không dạy quân sĩ, chẳng khác nào quay mũi giáo mà xin đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc. Nếu vậy, rồi đây, sau khi dẹp yên nghịch tặc, để thẹn muôn đời, há còn mặt mũi nào đứng trong cõi trời che đất chở này nữa ?

Cho nên ta viết bài hịch này để các người hiểu rõ bụng ta.

Chú thích

Kỷ Tín: tướng của Hán Cao Tổ Lưu Bang. Khi Lưu Bang bị Hạng Vũ vây ở Huỳnh Dương, Kỷ Tín giả làm Hán Cao Tổ ra hàng, bị Hạng Vũ thiêu chết. Hán Cao Tổ nhờ thế mới thoát được.

Do Vu: tướng của Sở Chiêu Vương thời Xuân Thu. Theo Tả Truyện, Sở Chiêu Vương bị nước Ngô đánh phải lánh sang phương Đông, một đêm bị cướp vây đánh. Do Vu đã chia lưng ra đỡ giáo cho vua mình.

Dự Nhượng: gia thần của Trí Bá thời Chiến Quốc. Trí Bá bị Triệu Tương Tử giết, Dự Nhượng bèn nuốt than cho khác giọng đi, giả làm hành khất, mưu giết Tương Tử để báo thù cho chủ.

Thân Khoái: quan giữ ao cá của Tề Trang Công thời Xuân Thu. Trang Công bị Thôi Trữ giết, Thân Khoái bèn chết theo chủ.

Kính Đức: tức Uất Trì Cung đời Đường. Khi Đường Thái Tông (bấy giờ còn là Tần Vương Lý Thế Dân) bị Vương Thế Sung vây, ông đã lấy mình che chở, hộ vệ cho Thái Tông chạy thoát.

Cảo Khanh: họ Nhan, một bề tôi trung của nhà Đường. Khi An Lộc Sơn nổi loạn, đánh đuổi Đường Huyền Tông và Dương Quý Phi, ông đã cả gan chưỡi mắng An Lộc Sơn và bị cắt lưỡi.

Vương Công Kiên: tướng tài nhà Tống, giữ Hợp Châu, lãnh đạo quân dân Tống cầm cự với quân Mông Cổ do Mông Kha chỉ huy ở núi Điều Ngự suốt

bốn tháng trời. Mông Kha cuối cùng bị loạn tên chết, quân Mông Cổ đành phải rút lui.

Điếu Ngư: tên ngọn núi hiểm trở ở Tứ Xuyên, ba mặt nhìn xuống sông. Đồi Tống, Dư Giới đắp thành ở đó.

Mông Kha: tức Mongke, anh của Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt, làm Đại Hãn Mông Cổ từ năm 1251. Mông Kha trực tiếp chỉ huy cuộc viễn chinh sang Trung Quốc và các nước phía Đông. Ông bị tử trận năm 1259 dưới chân thành Điếu Ngư trong cuộc vây hãm đội quân Tống do Vương Công Kiên chỉ huy.

Cốt Đãi Ngột Lang: tức Uriyangqadai, tướng giỏi của Mông Cổ, con của viên tướng nổi tiếng Subutai. Cốt Đãi Ngột Lang nhận lệnh của Mông Kha, cùng Hốt Tất Liệt đánh chiếm nước Nam Chiếu. Cốt Đãi Ngột Lang cũng là viên tướng chỉ huy đạo quân Mông Cổ xâm lược Đại Việt lần thứ nhất (1258).

Xích Tu Tư: chép Xích theo Hoàng Việt Văn Tuyển. Đại Việt Sử Ký Toàn Thư chép Câm. Hai chữ gần giống nhau, không biết quyển nào chép nhầm. Hiện nay, chưa có tài liệu nào nói gì về viên tướng này, và việc khôi phục lại tên Mông Cổ từ Hán tự cũng không phải là chuyện đơn giản.

Nam Chiếu: nước nhỏ nằm ở khoảng giữa tỉnh Tứ Xuyên và Vân Nam ngày nay; thủ đô là Đại Lý, thuộc Vân Nam.

Hốt Tất Liệt: tức Qubilai, em ruột và là tướng của Mông Kha. Sau khi Mông Kha tử trận ở Điếu Ngư, Hốt Tất Liệt tự xưng làm Đại Hãn ở Khai Bình, khiến xảy ra cuộc nội chiến tranh giành ngôi báu với em ruột là Ariq-Buka. Năm 1264, Ariq-Buka đầu hàng, Hốt Tất Liệt bèn dời đô về Yên Kinh (tức Bắc Kinh ngày nay), xưng Nguyên Thế Tổ, lập nên nhà Nguyên.

Vân Nam Vương: tức Hugaci hay Thoát Hoan, con ruột Hốt Tất Liệt, được phong làm Vân Nam Vương năm 1267 với nhiệm vụ khống chế các dân tộc thiểu số vùng này cũng như mở rộng biên cương nhà Nguyên về phía Nam. Thoát Hoan là người chỉ huy quân Nguyên xâm lược Đại Việt lần thứ hai năm 1285 và lần thứ ba năm 1287-1288.

Nghìn thân ta bọc trong da ngựa: điển tích lấy từ câu nói của viên tướng khét tiếng Mã Viện đời Hán chép trong Hậu Hán Thư - Đại trượng phu dương tử ư cương trường, dĩ mã cách khóa thi nhĩ. (Bậc đại trượng phu nên chết ở giữa chiến trường, lấy da ngựa mà bọc thân.)

Thái thường: tên loại nhạc triều đình dùng trong những buổi tế lễ quan trọng ở tông miếu. Bấy giờ là thời kỳ ngoại giao căng thẳng giữa ta và quân Nguyên, trong những buổi yến tiệc tiếp sứ Nguyên, triều đình nhà Trần nhiều khi phải buộc dùng đến nhạc thái thường để mua vui cho sứ giả. Trần Quốc Tuấn xem đó là một điều nhục nhã.

Thái ấp: phần đất vua Trần phong cho các vương hầu.

Đặt mỗi lửa dưới đồng củi nỏ: từ câu văn trong Hán Thư - phù bão hỏa, thố chi tích tân chi hạ nhi tẩm kỳ thượng, hỏa vị cập nhiên nhân vị chi an. (Ôm mỗi lửa, đặt dưới đồng củi rồi nằm lên trên, lửa chưa kịp cháy vẫn cho là yên.)

Kiềng canh nóng mà thối rau ngọai: xuất xứ từ một câu văn trong Sở Từ - trừng ư canh nhi xuy tê hề. (Người bị bỏng vì canh nóng, trong lòng đã e sợ sẵn, dù gặp rau ngọai đi nữa, cũng vẫn thối như thường.)

Bàng Mông: danh tướng đời nhà Hạ, có tài bắn cung trăm phát trăm trúng.

Hậu Nghệ: một nhân vật bắn cung giỏi nữa trong thần thoại Trung Quốc.

Cảo Nhai: nơi trú ngụ của các vua chư hầu khi vào châu vua Hán ở Trường An.

Mãi mãi vững bền: nguyên văn chữ Hán là vĩnh vi thanh chiên. Sách Thế Thuyết chép chuyện Vương Tử Kính đêm nằm ngủ thấy bọn trộm vào nhà "sạch sành sanh vét" mọi vật. Ông từ tốn bảo chúng rằng: cái nệm xanh (thanh chiên) này là đồ cũ của nhà ta, các người làm ơn để lại. Tác giả dùng điển tích này để chỉ những của cải được lưu truyền từ đời này sang đời khác.

Binh Thư Yếu Lược: tức Binh Gia Diệu Lý Yếu Lược, nay đã thất truyền. Tác phẩm với đầu đề tương tự được lưu truyền hiện nay không phải là văn bản thực thụ, trong đó có vài đoạn chép các trận đánh thời Lê Nguyễn sau này.

Đẹp yên nghịch tặc: nguyên văn chữ Hán là bình lỗ chi hậu. Các dịch giả Dương Quảng Hàm, Trần Trọng Kim đoán Bình Lỗ là tên đất ở đâu đó vùng Phù Lỗ thuộc tỉnh Vĩnh Phú ngày nay. Ở đây, chúng tôi theo Ngô Tất Tố và Phan Kế Bính dịch thoát là bình định nghịch tặc nói chung.

Hết "Bản dịch Khuyết danh"



Table of Contents

OPENING

LỜI NGƯỜI SOẠN SÁCH

I. SƠ LƯỢC VỀ 12 BỘ BINH THỦ:

1. Về binh pháp Trung Hoa :

2. Về binh pháp Việt Nam :

II. BINH PHÁP VÀ GIÁ TRỊ TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY :

III. VÀI LỜI CUỐI

THÁI CÔNG BINH PHÁP: LỤC THAO

QUYỂN I

QUYỂN II

QUYỂN III

QUYỂN IV

QUYỂN V

QUYỂN VI

THÁI CÔNG BINH PHÁP: TAM LƯỢC

THƯỢNG LƯỢC

TRUNG LƯỢC

HẠ LƯỢC

TỰ MÃ BINH PHÁP

QUYỂN THƯỢNG

QUYỂN TRUNG

QUYỂN HẠ

TÔN TỬ BINH PHÁP

Thiên 01: Kế sách

Thiên 02 Tác chiến

Thiên 03 Mưu công

Thiên 04 Hình

Thiên 05 Thế

Thiên 06 Hư thực

Thiên 07 Quân tranh

Thiên 08 Cửu biến

Thiên 09 Hành quân

Thiên 10 Địa hình

Thiên 11 Cửu địa

Thiên 12 Hỏa công

Thiên 13 Dùng gián điệp

Các loại địa hình chiến đấu

Phương pháp 4 làm chủ

Tam thập lục kế

Tôn Vũ đã cầm quân bao nhiêu lần?

NGÔ TỬ BINH PHÁP

QUYỂN THƯỢNG

QUYỂN HẠ

UẤT LIỄU TỬ BINH PHÁP

Thiên thứ nhất THIÊN QUAN

Thiên thứ hai BINH ĐÀM

Thiên thứ ba CHẾ ĐÀM

Thiên thứ tư CHIẾN UY

Thiên thứ năm CÔNG QUYỀN

Thiên thứ sáu THỦ QUYỀN

Thiên thứ bảy THẬP NHỊ LĂNG

Thiên thứ tám VÕ NGHỆ

Thiên thứ chín TƯỚNG LÍ

Thiên thứ mười NGUYÊN QUAN

Thiên thứ mười một TRỊ BẢN

Thiên thứ mười hai CHIẾN QUYỀN

Thiên thứ mười ba TRỌNG HÌNH LỆNH

Thiên thứ mười bốn NGŨ CHẾ LỆNH

Thiên thứ mười lăm PHÂN TÁI LỆNH

Thiên thứ mười sáu THỨC NGŨ LỆNH

Thiên thứ mười bảy KINH TỐT LỆNH

Thiên thứ mười tám LẶC TỐT LỆNH

Thiên thứ mười chín TƯỚNG LỆNH

Thiên thứ hai mươi BINH GIÁO THƯỢNG

Thiên thứ hai mươi BINH GIÁO HẠ

Thiên thứ hai mươi hai BINH LỆNH THƯỢNG

Thiên thứ hai mươi ba BINH LỆNH HẠ

TỔ THƯ BINH PHÁP

Chương thứ nhất NGUYÊN THỦY

Chương thứ hai CẦU CHÍ HƯỚNG CỦA NGƯỜI

Chương thứ ba CHÍNH ĐẠO

Chương thứ tư DÙNG SỨC LÀM NỀN GỐC, LẤY ĐẠO LÀM CAO QUÝ

Chương thứ năm HÀNH ĐỘNG THEO CHÍNH NGHĨA

Chương thứ sáu AN LỄ

KHÔNG MINH BINH PHÁP

TIỆN NGHI THẬP LỤC SÁCH

TƯỚNG UỶN NGŨ THẬP THIÊN - QUYỀN BÍNH CỦA TƯỚNG SÚY

CHỌN LỰA NHÂN TÀI

ĐƯỜNG THÁI TÔNG – LÝ VỆ CÔNG VẤN ĐỐI LÝ TỈNH

QUYỂN THƯỢNG

QUYỂN TRUNG

QUYỂN HẠ

BINH THƯ YẾU LƯỢC

QUYỂN 1

QUYỂN 2

QUYỂN 3

QUYỂN 4

HỒ TRƯỞNG KHU CƠ

TỰA

QUYỂN 1

QUYỂN 2

QUYỂN 3

BINH THƯ YẾU LƯỢC

TƯỢNG TRỜI

MỘ BINH
ĐẠO LÀM TƯỚNG
QUÂN LỄ VÀ THƯỜNG PHẠT
MẠC HẠ
BINH CỤ
HIỆU LỆNH
HỊCH TƯỚNG SĨ